**Tuần 1**

Ngày soạn:

**Tiết 1-2 Văn bản : PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

**I. Mục tiêu bài học**.

1.Kiến thức

- Một số biểu hiện trong phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và sinh hoạt.

- Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc.

- Đặc điểm của kiểu bài nghị luận qua một đoạn văn cụ thể

2. Kĩ năng:

- Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc dân tộc.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa lối sống.

3. Thái độ:

- Giáo dục: ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức.

4. Năng lực: Năng lực tự học;Năng lực giao tiếp; Năng lực tư duy; Năng lực hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

- GV : GA, tài liệu

-Tranh ảnh về nơi ở của Bác trong khuôn viên Phủ Chủ tịch

-Chân dung Bác Hồ .

-Truyện "Chuyện kể về Bác Hồ"

**\* Học sinh:**

- HS : Bài soạn, vở, dụng cụ học tập, tranh ảnh ngày khai trường.

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp.

2. Kiểm tra bài cũ.

Kiểm tra sự chuẩn bị của HS (SGK…)

3. Bài mới:

**HĐ1: Khởi động**

**\* Mục tiêu :** Giới thiệu vấn đề tạo tình huống, tâm thế gây hứng thú cho HS.

- Kiến thức: Giúp HS hiểu được việc làm to lớn của Bác với dân tộc VN

- Kỹ năng: Nghe, hiểu, động não, suy nghĩ.

- Thái độ: HS kính yêu Bác và Phải học tập làm sao xứng đáng với công lao của Bác cho dân tộc VN

- Năng lực: Năng lực tư duy; Năng lực hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề.

\* Các bước thực hiện hoạt động

B1: HS Xem một đoạn clip về cuộc đời hoạt động của Bác đi tìm đường cứu nước?

? Những hình ảnh trong clip trên gợi cho em liên tưởng đến ai? Đó là một cuộc sống ntn?

B2: HS suy nghĩ, trao đổi

B3: HS trình bày

B4: GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1 :  Giới thiệu VB**  Hình thức tổ chức: HĐ cá nhân.  \* Mục tiêu:HS nhận biết về tác giả, tác phẩm, thể loại, xuất xứ, bố cục của văn bản;  \* Các bước thực hiện hoạt động  B1: GV giao nhiệm vụ  ? Nêu hiểu biết của mình về tác giả  ? Đọc văn bản PCHCM?  ? Giải thích các từ: Phong cách ? Siêu phàm? Hiền triết ? Danh nho  ? Văn bản thuộc kiểu văn bản nào?  ? Phương thức biểu đạt chính của văn bản.  ? Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu ý chính của mỗi phần.  ? Em thấy tác giả có vai trò gì trong văn bản này?  B2: HS suy nghĩ, trao đổi  B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá  B4: GV chốt kiến thức  **HĐ tìm hiểu văn bản**  Hình thức tổ chức: HĐ cá nhân, trao đổi theo cặp đôi  \* Mục tiêu: HS hiểu được con đường hình thành phong cách văn hóa HCM.  \* Các bước thực hiện hoạt động:  - B1: GV giao nhiệm vụ.  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức  ? Theo dõi đoạn văn và tìm trong đó những câu văn tác giả sử dụng khái quát phong cách văn hóa HCM.  GV:Phong cách đó không phải là trời cho, không phải tự nhiên mà có được .Nó có được là do sự học tập và rèn luyện không ngừng trong suốt cuộc đời hoạt động CM đầy gian truân của Người Vốn tri thức văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức sâu rộng: ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Bác Hồ. Cách viết so sánh bao quát để khẳng định giá trị của nhận định.  ? Làm thế nào Người có được vốn văn hóa ấy? Người đã học tập và rèn luyện ntn?  Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp bậc nhất để tìm hiểu &giao lưu văn hoá với các dân tộc trên thế giới .  G:Nhưng đi nhiều, tiếp xúc nhiều, biết nhiều ngoại ngữ đó mới chỉ là ĐK cần song chưa đủ để mở mang hiểu biết, thu lượm tri thức  ?Vậy HCM đã tận dụng những ĐK của mình ntn để có được vốn văn hoá ấy?  ? Em hiểu " những ảnh hưởng quốc tế"và" cái gốc văn hoá dân tộc "ở Bác ntn?  -Bác tiếp thu những giá trị văn hoá của nhân loại -Bác giữ vững các giá trị văn hoá nước nhà  ? Cách tiếp xúc văn hóa như thế đã cho thấy vẻ đẹp nào trong phong cách Hồ Chí Minh?  ?Em hiểu ntn về" sự nhào nặn " của hai nguồn văn hoá quốc tế và dân tộc ở Bác ? Đó là sự đan xen, kết hợp, bổ sung, sáng tạo hài hoà hai nguồn văn hoá nhân loại và dân tộc ,truyền thống và hiện đại phương Đông và phương Tây trong tri thức văn hoá HCM.Văn hoá của Bác mang đậm bản sắc dân tộc .  ? Tác giả đã bình luận gì về những biểu hiện văn hóa đó của Bác?  Nhưng điều kỳ lạ là … hiện đại.  ? Theo em điều kỳ lạ nhất trong phong cách Hồ Chí Minh là gì?  GV:Trong thực tế ,các yếu tố dân tộc và nhân loại truyền thống và hiện đại thường có xu hướng loại trừ nhau .Yếu tố này trội lên sẽ lấn át yếu tố kia .Sự kết hợp hài hoà của các yếu tố mang nhiều nét đối lập ấy trong một phong cách quả là kì diệu, chỉ có thể thực hiện được bởi một yếu tố vượt lên trên tất cả : đó là bản lĩnh, ý chí của một chiến sĩ cộng sản, là tình cảm CM được nung nấu bởi lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến và tinh thần sẵn sàng quên mình vì sự nghiệp chung .  ? Để làm rõ đặc điểm phong cách văn hóa Hồ Chí Minh, tác giả đã sử dụng những phương pháp thuyết minh nào?  ? Các phương pháp thuyết minh này đem lại hiệu quả gì cho phần đầu bài viết?  ? Ngoài sử dụng các phương pháp thuyết minh, tác giả còn sử dụng các phương thức biểu đạt nào?  Như vậy, ở đoạn văn này, t/g đã nêu lên tầm sâu rộng trong vốn tri thức văn hoá của HCM và quá trình tiếp thu văn hoá nhân loại của Người bằng cách gợi mở, dẫn dắt vấn đề rất tự nhiên và hiệu quả. Đó chính là công của tác giả Lê Anh Trà  **Tiết 2**  **? KTBC:** Vẻ đẹp trong phong cách văn hóa được thể hiện như thế nào? Em học tập được gì qua tấm gương của Bác ở phần này.  + Tiếp xúc với văn hoá nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới  + Nói và viết nhiều thứ tiếng ngoại quốc.  + Tìm hiểu học hỏi văn hoá nghệ thuật…uyên thâm.  + Tiếp thu cái hay, cái đẹp, phê phán cái tiêu cực.  => Vốn văn hoá sâu sắc vừa truyền thống vừa hiện đại.  Học sinh có thể học tập được tinh thần học tập: Tích cực, say sưa để trau dồi vốn tri thức văn hóa, hiểu biết của mình……  **GV :**Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh không chỉ được thể hiện ở vốn văn hóa của Người mà còn được thể hiện rõ nhất trong phong cách sinh hoạt của Bác. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu tiếp.  **? HS tìm hiểu về vẻ đẹp trong phong cách sống và làm việc của Bác.**  Hình thức tổ chức: HĐ cá nhân, trao đổi theo cặp đôi  \* Mục tiêu: HS hiểu được vẻ đẹp trong phong cách sống và làm việc củaBác.  \* Các bước thực hiện hoạt động:  - B1: GV giao nhiệm vụ.  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức  ? Tác giả đã thuyết minh phong cách sinh hoạt của Bác Hồ trên những khía cạnh nào? Mỗi khía cạnh đó có những biểu hiện cụ thể nào?  ?Tất cả những biểu hiện đó được tác giả Lê Anh Trà kể bằng giọng văn ntn? Thông qua những P 2 thuyết minh nào?Tác dụng?  ? Từ đó, vẻ đẹp nào trong cách sống của Bác được làm sáng tỏ ?  ?Em có thuộc những bài thơ, câu chuyện nào để thuyết minh cho cách sống bình dị ,trong sáng của Người?  ? Cách sống đó gợi tình cảm nào trong chúng ta về Bác?  ? Phong cách của Bác có gì giống và khác các hiền triết xưa ?  - Giống danh nho xưa :Sống thanh cao đó là quan niệm thẩm mĩ .  - Khác : Xưa sống khổ hạnh để lánh mình , quên đi sự đời ; với Bác là đồng cam cộng khổ để di dưỡng tinh thần , lối sống hiện đại.  - Phương pháp liệt kê : Vừa liệt kê ,vừa bình luận , so sánh đối chiéu , nhận xét .  Giúp người đọc thấy được sự giản dị ,trong sáng . Cảm phục thương mến về sự vĩ đại của Người  **? HS tìm hiểuÝ nghĩa phong cách Hồ Chí Minh**  Hình thức tổ chức: HĐ cá nhân, trao đổi theo cặp đôi  \* Mục tiêu: HS hiểu được vẻ đẹp trong phong cách sống và làm việc củaBác.  \* Các bước thực hiện hoạt động:  - B1: GV giao nhiệm vụ.  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức  ? Em hiểu thế nào là cách sống không tự thần thánh hoá ,khác đời, hơn đời?  ? Và tác giả khẳng định rằng lối sống của Bác có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác.Theo em ,vì sao có thể khẳng định được như vậy ?  ? Từ đó, em nhận thức ntn về ý nghĩa cái đẹp trong phong cách của Hồ Chí Minh?  **? Tổng kết.**  Hình thức tổ chức: HĐ cá nhân.  \* Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm NT và giá trị ND văn bản.  \* Các bước thực hiện hoạt động:  - B1: GV giao nhiệm vụ.  ? Nêu đặc điểm NT của bài  ? Em khái quát giá trị ND của văn bản  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức.  ? HS đọc ghi nhớ  **\* Luyện tập:**  Hình thức tổ chức: HĐ cá nhân  \* Mục tiêu: HS cảm nhận được vẻ đẹp trong PCHCM  ? Em cảm nhận ntn về vẻ đẹp trong PCHCM | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  **2. Văn bản:**  \* Đọc:  \* Chú thích:  - Trích từ bài viết: Phong cách Hồ Chí Minh cái vĩ đại gắn với cái giản dị. trong “Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam” của Lê Anh Trà.  \* Kiểu loại văn bản:Văn bản nhật dụng.  \* Phương thức biểu đạt: thuyết minh + lập luận  \* Bố cục:3 phần.  - Phần 1: Từ đầu đến … hiện đại,, -  Con đường hình thành phong cách văn hoá Hồ Chí Minh.  - Phần 2:Tiếp..."hạ tắm ao" - Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.  -Phần 3:Còn lại: Bình luận và khẳng định phong cách văn hoá Hồ Chí Minh  **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  1.Con đường hình thành phong cách văn hóa HCM.  -"ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới ,văn hoá thế giới sâu sắc như Bác Hồ ".  -"Một phong cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị , rất Việt nam, rất phương Đông ,nhưng đồng thời rất mới , rất hiện đại "  =>Cách so sánh bao quát để khẳng định vốn tri thức văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức sâu rộng  - Trên con đường hoạt động cách mạng, Bác đi nhiều, tiếp xúc với văn hoá nhiều nước, nhiều dân tộc, nhiều vùng khác nhau trên thế giới :Châu Phi, châu á, châu Mĩ....Anh ,Pháp ...  - Nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ :nói và viết thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài: Pháp, Anh, Hoa, Nga...(Người đã từng làm thơ bằng chữ Hán ,viết văn bằng tiếng Pháp...)  -Học hỏi trong công việc, trong lao động, học hỏi nghiêm túc.(đến đâu Người cũng cũng học hỏi ,tìm hiểu văn hoá ,nghệ thuật đến mức khá uyên thâm)  - Tiếp thu có định hướng,chọn lọc ,vừa tiếp thu tinh hoa vừa phê phán cái tiêu cực...  -Trên nền tảng văn hoá dân tộc mà tiếp thu những ảnh hưởng quốc tế (tất cả những ảnh hưởng quốc tế đã được nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được )  - Có nhu cầu cao về văn hóa.  - Có năng lực văn hóa.  - Ham học hỏi, nghiêm túc trong tiếp cận văn hóa.  - Có quan điểm rõ ràng về văn hóa,biết kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá .  =>Đó là kiểu mẫu của tư tưởng tiếp nhận văn hoá ở HCM  \* Những phương pháp thuyết minh  So sánh  -Liệt kê  =>Đảm bảo tính khách quan cho nội dung được trình bày - Khơi gợi ở người đọc cảm xúc tự hào , tin tưởng.  - Kết hợp, đan xen giữa những lời kể là lời bình luận “Có thể nói … Hồ Chí Minh. Quả như … trong cổ tích.  => Đó là nhờ thiên tài, nhờ Bác đã dày công học tập và rèn luyện không ngừng trong suốt bao nhiêu năm, suốt đời hoạt động cách mạng đầy gian truân.  **2. Vẻ đẹp trong phong cách sống và làm việc của Bác.**  - Nơi ở và nơi làm việc: ngôi nhà sàn nhỏ bằng gỗ, chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ.đồ đạc mộc mạc, đơn sơ.  -Trang phục :hết sức giản dị-quần áo bà ba nâu,chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp  -Tư trang: ít ỏi- chiếc va va li con với bộ quần áo, vài vật kỷ niệm …”.  -ăn uống: đạm bạc. - Cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.(Nhữngmón ăn bình dị, quen thuộc gần gũi với mọi người dân Việt Nam, những món ăn giản dị thân thương, đậm hương sắc quê nhà  -> Cuộc sống bỡnh dị trong sỏng  => Ngôn ngữ giản dị, , cách nói dân dã với những từ chỉ số lượng ít ỏi,từ ngữ câu văn gợi hình xen kẽ lời nhận xét,so sánh ý nhị cùng với phép liệt kê các biểu hiện cụ thể, xác thực trong đời sống của Bác,tác giả đã dẫn dắt người đọc vào thăm nơi ăn ,chốn ở của HCM như vào một bảo tàng vừa bình dị ,vừa thiêng liêng  =>Phong cách sống bình dị, trong sángvà vô cùng cao đẹp ,lối sống rất dân tộc,rất Việt Nam trong phong cách HCM  - " Bác Hồ đó chiếc áo nâu giản dị  Màu quê hương bền bỉ, đậm đà"  - Nhớ ông cụ mắt sáng ngời  áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường  - Bác để tình thương cho chúng con  Một đời thanh bạch chẳng vàng son  Mong manh áo vải hồn muôn trượng  Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.  - Còn đôi dép cũ mòn quai gót  Bác vẫn thường đi giữa thế gian  -So sánh, liên tưởng:  - Cách sống của lãnh tụ Hồ Chí Minh với lãnh tụ của các nước khác:"Tôi dám chắc... như vậy"  - Cách sống của Bác với các vị hiền triết xưa:"Ta nghĩ đến Nguyễn Trãi...tắm ao"  => Làm sáng tỏ cách sống bình dị, trong sáng của Bác, thể hiện niềm cảm phục, tự hào của người viết.  **3. Ý nghĩa phong cách Hồ Chí Minh.**  - Không xem mình nằm ngoài nhân loại như các thánh nhân siêu phàm  - Không tự đề cao mình bởi sự khác mọi người ,hơn mọi người  - Đạm bạc chứ không phải khắc khổ," đạm" đi với "thanh" .Sự bình dị gắn với thanh cao ,trong sạch .Tâm hồn không phải chịu đựng những toan tính , vụ lợi => Tâm hồn được thanh cao, hạnh phúc.  - Sống thanh bạch, giản dị, thể xác không phải gánh chịu ham muốn, bệnh tật => thể xác được thanh cao, hạnh phúc. Cách sống giản dị,đạm bạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vô cùng thanh cao, sang trọng.  - Là vẻ đẹp vốn có, tự nhiên, gần gũi, không xa lạ với mọi người, mọi người đều có thể học tập.  - Đâythực sự là một cách sống có văn hóa, đã trở thành một quan niệm thẩm mỹ: Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên.  Vốn văn hoá sâu sắc,kết hợp dân tộc với hiện đại , cách sống bình dị trong sáng, đó là những nội dung trong phong cách Hồ Chí Minh.Phong cách ấy vừa mang vẻ đẹp của trí tuệ,vừa mang vẻ đẹp của đạo đức.  **III.Tổng kết:**  \* NT:  - Kết hợp giữa kể chuyện và phân tích, bình luận.  - Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu.  - So sánh với các bậc danh nho xưa, đối lập giữa các phẩm chất, khái niệm:Vĩ nhân mà giản dị gần gũi,am hiểu mọi nền văn hoá nhân loại mà hết sức dân tộc, hết sức VNam.  - Dẫn chứng thơ cổ, dùng từ Hán Việt.  \* Nội dung: (Ghi nhớ – SGK). |
|  |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

Hình thức tổ chức HĐ cá nhân, trao đổi theo cặp đôi

\* Mục tiêu: HS học tập được những phẩm chất gì qua văn bản PCHCM

\* Các bước thực hiện hoạt động:

- B1: GV giao nhiệm vụ.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.

- B4: GV chốt kiến thức.

? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản ?

**Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng**

Hình thức tổ chức: HĐ cá nhân, trao đổi theo cặp đôi

\* Mục tiêu : HS bộc lộ cảm xúc suy nghĩ của mình về Bác HCM

\* Các bước thực hiện hoạt động:

- B1: GV giao nhiệm vụ.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.

- B4: GV chốt kiến thức.

? Sáng tác hoặc sưu tầm những sáng tác thơ, bản nhạc về HCM ?

**\* Dặn dò :**

- Học bài, làm bài 1, 2 SGK

- Soạn bài « Mẹ tôi ».

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 3: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

Ngày soạn:

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức: Giúp HS.

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa các phương châm về lượng và phương châm về chất.

- Củng cố kiến thức đã học về hội thoại ở lớp 8.

- Biết cách vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.

2. Kĩ năng:

- Rèn luyện kĩ năng sử dụng các phương châm hội thoại để đạt hiệu quả trong giao tiếp.

- Rèn kĩ năng sống cho học sinh đặc biệt là kĩ năng giao tiếp.

- Rèn tư duy lô gích cho hs.

3. Thái độ:

- Có thái độ sử dụng các phương châm hội thoại hiệu quả, văn minh.

4. Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị:**

**1**. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài.

- Giáo cụ : Bảng phụ, giá đỡ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc bài, trả lời các câu hỏi.

- Ôn tập lại kiến thức hội thoại ở lớp 8.

**III. Tiến trình lên lớp :**

1. Ổn định tổ chức :
2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới:

**Hoạt động 1 : Khởi động**

**\* Hình thức tổ chức**: cá nhân

**\* Mục tiêu:**Giới thiệu vấn đề tạo tình huống, tâm thế gây hứng thú cho HS

- Kiến thức:Củng cố kiến thức đã học về hội thoại ở lớp 8.

- Kỹ năng: Nghe, hiểu, động não, suy nghĩ.

- Thái độ: Giúp HS yêu thích bộ môn Văn học

- Năng lực: Năng lực tư duy; Năng lực hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề.

\* Các bước thực hiện hoạt động

**\* Các bước thực hiện**

- **Bước1**: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

? Kiến thức hội thoại ở lớp 8 đã học là gì.

+ Vai xã hội trong hội thoại.

+ Lượt lời trong hội thoại.

**Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Bước 3**: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét**.**

**Bước 4:** Giáo viên chốt ý

GV chỉ rõ nội dung kiến thức, đánh giá kết quả

Trong giao tiếp có những quy định không nói ra thành lời nhưng khi tham gia giao tiếp cần phải tuân thủ. Những quy định đó được thể hiện ntn chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **Phương châm về lượng**  Hình thức tổ chức: HĐ nhóm  \* Mục tiêu: Hiểu được nội dung, ý nghĩa các phương châm về lượng  - Biết cách vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.  **\* Các bước thực hiện**  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  **Nhóm 1:**  - HS quan sát ví dụ trên bảng phụ.  ? Câu trả lời của Ba có làm cho An thoả mãn không? Vì sao.  ? Muốn cho người nghe hiểu thì người nói phải nói điều gì.  ?Em rút ra bài học gì khi giao tiếp.  ? Thế nào là phương châm về lượng  **Nhóm 2:**  - HS đọc , kể ví dụ 2.  ? Vì sao truỵên lại gây cười.  ? Lẽ ra cả 2 anh cần nói ntn.  ? Qua đây, trong giao tiếp, người hỏi và người trả lời cần chú ý gì.  **Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  **Bước 3**: Gọi học sinh trình bày kết quả- Học sinh khác nhận xét.  **Bước 4:** Giáo viên chốt ý.  **Hoạt động : Tìm hiểu phương châm về chất.**  \* Hình thức tổ chức: thảo luận chung  \* Mục tiêu: Hiểu được nội dung, ý nghĩa các phương châm về chất**.**  Biết cách vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.  \* Các bước thực hiện hoạt động  **Bước1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  - HS đọc văn bản trên bảng phụ.  ? Truyện cười phê phán thói xấu gì.  ? Em rút ra bài học gì trong giao tiếp.  **Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  **Bước 3**: Gọi học sinh trình bày kết quả- Học sinh khác nhận xét.  **Bước 4:** Giáo viên chốt ý.  ? Thế nào là phương châm về chất.  HS: trả lời.  GV: Kết luận.  **Hoạt động 3: Luyện tập**  **Hình thức tổ chức**: thảo luận nhóm  **\* Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về phương châm hội thoại để làm bài tập.  Biết cách vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.  **\* Các bước thực hiện**  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  ? Trong giao tiếp cần đảm bảo những yêu cầu gì.  Nhóm 1: Làm bài tập 1  Nhóm 2: Làm bài tập 2  Nhóm 3: Làm bài tập 4  **Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ  được giao.  **Bước 3**: Gọi học sinh trình bày kết quả- Học sinh khác nhận xét.  **Bước 4:** Giáo viên chốt ý | **I. Phương châm về lượng:**  **1. Tìm hiểu ví dụ.\*** Ví dụ 1 mục I  a. Đoạn đối thoại.  - Câu trả lời thứ 2 của Ba không đáp ứng nội dung An cần biết  - Cần trả lời : Ở bể bơi A, B...  -> Khi giao tiếp không nên nói thiếu nội dung.  b. Truyện cười  «  Lợn cưới, áo mới »  - Các nhân vật khoe của mà đều nói thừa  - Chỉ cần:  + Bác có thấy con lợn nào... ?  + Tôi chẳng thấy con lợn nào.  -> Không nón núi nhiều hơn những gì cần nói.  **2. Kết luận :**  - Khi giao tiếp cần nói cho có nội dung  - Nội dung lời nói phải đáp ứng yêu cầu giao tiếp không thiếu, không thừa.  **II. Phương châm về chất:**  **1. Ví dụ. Truyện cười « Quả bí khổng lồ**»**|**  - Phê phán tính nói khoác của anh chàng khoe quả bí.  - Không nên nói những điều không có bằng chứng xác thực hoặc không tin là đúng.  **2. Kết luận :**  Khi giao tiếp đừng nói những điều mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.  **III. Luyện tập :**  **Bài 1** :  a. Thừa : nuôi ở nhà  b. Thừa : có 2 cánh  -> Vi phạm phương châm về lượng  **Bài 2** :  a. Nói có sách, mách có chứng  b. Nói dối  c. Nói mũ  d. Nói nhăng  e. Nói trạng  -> Vi phạm phương châm về chất  **Bài 4 :**  a. Tuân thủ phương châm về chất lời nói có tính xác thực.  b. Tuân thủ phương châm về lượng lời nói có nội dung. |

**\* Hoạt động 4,5 :Vận dụng – mở rộng**

**\*Hình thức tổ chức**: cá nhân

**\* Mục tiêu:**Rèn kĩ năng sống cho học sinh đặc biệt là kĩ năng giao tiếp.

Biết cách vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.

**\* Các bước thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

**Các câu sau không tuân thủ phương châm hội thoại nào?**  
a. Cô giáo nhìn em bằng đôi mắt.  
b. Tôi nhìn thấy một con lợn to bằng con trâu  
c. Bạn ấy đá bóng chỉ bằng chân.

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày kết quả- Học sinh khác nhận xét.

Bước 4: Giáo viên chốt ý

**\*Hướng dẫn**:

+ Học thuộc phần ghi nhớ, làm bài tập 3.

+ Chuẩn bị bài: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

**\*Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 4 :** **CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (Tiếp)**

Ngày soạn: 12- 08- 2020

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Học sinh:

- Nắm được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự;

- Biết vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng sử dụng các phương châm hội thoại để đạt hiệu quả trong giao tiếp.

- Rèn kĩ năng sống cho học sinh đặc biệt là kĩ năng giao tiếp.

- Rèn tư duy lô gích cho hs.

**3. Thái độ:** Có thái độ sử dụng các phương châm hội thoại hiệu quả, văn minh.

**4. Định hướng năng lực :**

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài.

- Giáo cụ : Bảng phụ, giá đỡ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc bài, trả lời các câu hỏi.

**III. Tiến trình lên lớp :**

**1. Ổn định tổ chức :**

**2. Kiểm tra:**

- Thế nào là phương châm về lượng ? Phương châm về chất ?

- Làm BT 4, 5.

Chuẩn bị : Bảng phụ

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Hoạt động 1: khởi động**  **Mục tiêu:** GV tạo sự chú ý và hứng khởi cho HS bằng cách đưa ra ví dụ để HS phát hiện và dẫn vào bài mới về các phương châm hội thoại trong bài học.  **Bước 1:**  GV giao nhiệm vụ  Hãy nêu cách hiểu của em về các câu sau:   * Cô ấy nói chuyện nửa úp nửa mở. * Lời nói chẳng mất tiền mua   Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau  **Bước 2, 3:** HS suy nghĩ, trả lời, nhận xét  **Bước 4:** GV nhận xét và chốt ý  **\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **Mục tiêu:** HS hiểu được phương châm quan hệ để từ đó vận dụng vào trong giao tiếp hàng ngày để đạt hiệu quả cao.  HS đọc ví dụ SGK  **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ  ? Thành ngữ" Ông nói gà, bà nói vịt"dùng để chỉ tình huống hội thoại như thế nào?  ? Thử tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu xuất hiện những tình huống hội thoại như vậy.  ? Qua đó có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp.  **Bước 2,3**: HS suy nghĩ, trình bày, hận xét  **Bước 4:**  GV nhận xét, chốt ý  (Học sinh đọc ghi nhớ.)  **- Mục tiêu:** HS hiểu được phương châm cách thức, từ đó vận dụng vào giao tiếp hàng ngày cũng như việc viết văn đạt hiệu quả cao.  **Bước 1:** HS đọc ví dụ SGK  GV giao nhiệm vụ  ? Hai thành ngữ trên dùng để chỉ những cách nói như thế nào?  ? Những cách nói đó ảnh hưởng như thế nào đến giao tiếp? Hậu quả của những cách nói đó ?  ? Qua đó, emcó thể rút ra bài học gì trong giao tiếp?  **Bước 2,3:** HS suy nghĩ, trình bày, nhận xét  **Bước 4:** GV chốt ý  VD2: Tôi đồng ý với những nhận địnhvề truyện ngắn của ông ấy.  ? Có thể hiểu câu "*Tôi đồng ý ... ông ấy*" theo mấy cách (2 cách).  C1: Nếu *"ông ấy*" bổ nghĩa cho "*nhận định*" thì hiểu là: Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.  C2: Nếu *"ông ấy*" bổ nghĩa cho "*truyện ngắn*" thì hiểu là: Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy (do ông ấy sáng tác).  ? Để người nghe không hiểu lầm phải nói như thế nào?  ? Trong giao tiếp cần phải tuân thủ điều gì.  ? Khi giao tiếp cần chú ý điều gì để đáp ứng phương châm cách thức.  (Học sinh đọc ghi nhớ - SGK.)  **- Mục tiêu:** HS hiểu được phương châm lịch sự và có sự khéo léo, tế nhị và có văn hóa trong giao tiếp.  - Học sinh đọc truyện"Người ăn xin"  **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ  ? Vì sao người ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy mình đã nhận được từ người kia một cái gì đó?  Cả hai tuy đều không có của cải, tiền bạc gì nhưng đều nhận được tình cảm mà người kia dành cho mình, đặc biệt là tình cảm của cậu bé đối với ông lão ăn xin. Đối với một người ở hoàn cảnh bần cùng, cậu không hề tỏ ra khinh miệt, xa lánh mà vẫn có thái độ và lời nói hết sức chân thành, thể hiện sự tôn trọng và quan tâm đến người khác.  ? Có thể rút ra bài học gì từ truyện này?  ? Khi giao tiếp cần chú ý điều gì ?  **Bước 2,3:** HS suy nghĩ, trình bày, nhận xét  **Bước 4:** GV chốt ý  ( Học sinh đọc ghi nhớ.) | **I. Phương châm về quan hệ**  **1. Ví dụ:**  - Thành ngữ: Ông nói gà, bà nói vịt.  **2. Nhận xét:**  - Đó là tình huống hội thoại mà mỗi người nói về một đề tài khác nhau.  - Hậu quả: Người nói và người nghe không hiểu nhau.  => Khi giao tiếp phải nói đúng đề tài đang hội thoại.  **3. Kết luận:**  \* Ghi nhớ: SGK.  **II. Phương châm về cách thức**  **1. Ví dụ:**  Thành ngữ:  + Dây cà ra dây muống.  + Lúng búng như ngậm hột thị.  **2. Nhận xét:**  - TN 1: nói năng dài dòng, rườm rà.  - TN 2: nói năng ấp úng, không rành mạch, không thoát ý.  =>Người nghe không hiểu hoặc hiểu sai lạc ý của người nói .Người nghe bị ức chế ,không có thiện cảm với người nói  =>Trong giao tiếp, nói năng phải ngắn gọn, rõ ràng, rành mạch tạo được m.q.hệ tốt với người đối thoại  - Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.  - Tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn mà ông ấy sáng tác.  \* Không vì một lý do nào đó đặc biệt thì không nên nói những câu mơ hồ mà người nghe có thể hiểu theo nhiều cách.  **3. Kết luận:**  \* Ghi nhớ: SGK.  **III. Phương châm về lich sự.**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét:**  - Cả 2 đều cảm nhận được sự chân thành và tôn trọng nhau.  - Bài học: Khi giao tiếp cần tôn trọng người đối thoại, không phân biệt sang - hèn, giàu - nghèo.  **3. Kết luận:**  \* Ghi nhớ: SGK. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**Mục tiêu:** Từ việc tìm hiểu lý thuyết HS áp dụng vào làm bài tập để củng cố và hiểu sâu hơn về các phương châm hội thoại trong bài.

**Phương pháp chung:**

- HS đọc bài tập

* Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS
* Bước 2,3: HS suy nghĩ, thảo luận và trình bày, nhẫn xét
* Bước 4: GV nhận xét, chốt ý

**Bài tập 1** (h/sinh lên bảng làm.)

Qua những câu ca dao, tục ngữ đó cha ông khuyên dạy chúng ta:

- Suy nghĩ, lựa chọn ngôn ngữ khi giao tiếp.

- Có thái độ tôn trọng, lịch sự với người đối thoại.

\* Một số câu ca dao, tục ngữ có ND tương tự:

- Chó ba quanh mới nằm, người ba năm mới nói.

- Chim khôn kêu tiếng rảnh rang

Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.

- Vàng thì thử lửa, thử than

Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.

- Chẳng được miếng thịt, miếng xôi

Cũng được lời nói cho nguôi tấm lòng

**Bài tập 2 :**

Phép tu từ từ vựng có liên quan trực tiếp với phương châm lịch sự là phép nói giảm, nói tránh.

VD: Bạn hát cũng không đến nỗi nào.

**Bài tập 3 :** (Học sinh đứng tại chỗ làm.)

a- Nói mát d- Nói leo

b- Nói hớt e- Nói ra đầu ra đũa

c- Nói móc

Các từ ngữ trên chỉ những cách nói liên quan đến phương châm lịch sự (a); (b); (c); (d) và phương châm cách thức (e).

**Bài tập 4** (h/sinh thảo luận nhóm - đại diện trình bày.)

a- Khi người nói chuẩn bị hỏi về một vấn đề không đúng vào đề tài mà hai người đang trao đổi, tránh để người nghe hiểu là mình không tuân thủ phương châm quan hệ, người nói dùng cách diễn đạt trên.

b- Trong giao tiếp, đôi khi vì một lý do nào đó, người nói phải nói một điều mà người đó nghĩ là sẽ làm tổn thương thể diện của người đối thoại. Để giảm nhẹ ảnh hưởng, tức là xuất phát từ việc chú ý tuân thủ phương châm lịch sự, người nói dùng những cách diễn đạt trên.

c- Những cách nói này báo hiệu cho người đối thoại biết là người đó đã không tuân thủ phương châm lịch sự và phải chấm dứt sự không tuân thủ đó.

**Bài tập 5** (Hướng dẫn về nhà)

- Nói băm nói bổ: nói bốp chát, xỉa xói, thô bạo (phương châm lịch sự).

- Nói như đấm vào tai: nói mạnh, trái ý người khác, khó tiếp thu (phương châm lịch sự).

- Điều nặng tiếng nhẹ: nói trách móc, chì chiết (phương châm lịch sự).

- Nửa úp nửa mở: nói mập mờ, ỡm ờ, không nói ra hết ý (phương châm cách thức).

- Mồm loa mép dải: lắm lời, đanh đá, nói át người khác (phương châm lịch sự).

- Đánh trống lảng: lảng ra, né tránh không muốn tham dự một việc nào đó, không muốn đề cập đến một vấn đề nào đó mà người đối thoại đang trao đổi (phương châm quan hệ).

- Nói như dùi đục chấm mắm cáy: nói không khéo, thô tục, thiếu tế nhị (phương châm lịch sự).

**\* Hoạt động 4,5: Vận dụng, mở rộng, phát triển ý (Về nhà)**

**Mục tiêu:** Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

? Hãy sưu tầm những câu ca dao, thành ngữ và những câu chuyện có nội dung liên quan đến các phương châm hội thoại đã học.

**\* Hướng dẫn về nhà :**

- Học và nắm được bài.

- Chuẩn bị bài : Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

\* **Rút kinh nghiệm:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5: SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN**

**BẢN THUYẾT MINH**

Ngày soạn: 12- 08- 2020

Dạy tuần :

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh :

- Ôn tập, củng cố hệ thống hoá các kiến thức về văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh.

- Nắm được một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh và vai trò của các biện pháp đó : làm cho văn bản thuyết minh thêm sinh động hấp dẫn.

- Vận dụng vào việc tạo lập các văn bản thuyết minh trong đó có sử dụng một số biện pháp.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng nhận diện các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.

- Rèn luyện kĩ năng vận dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

- Rèn tư duy lô gíc cho học sinh khi viết bài văn thuyết minh.

**3. Thái độ**: - Giáo dục ý thức sử dụng các biện pháp NT trong làm văn thuyết minh và các văn bản khác.

**4. Định hướng năng lực :**

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị :**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài.

- Bảng phụ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Ôn tập lại các kiến thức về văn thuyết minh.

- Đọc bài và trả lời các câu hỏi.

**III. Tiến trình dạy học :**

**1. Ổn định tổ chức :**

**2. Kiểm tra:** Phần chuẩn bị của học sinh

**3. Bài mới:**

Chúng ta đã học văn bản thuyết minh, song để bài văn thuyết minh thêm sinh động hấp dẫn chúng ta có thể sử dụng một số biện pháp nghệ thuật. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh thông qua giờ học.

**Hoạt động 1 : Khởi động**

**\* Hình thức tổ chức**: cá nhân

**\* Mục tiêu:** Ôn tập, củng cố hệ thống hoá các kiến thức về văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh.

**\* Các bước thực hiện**

- **B1**: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV cho hs gợi lại, ôn lại kiến thức đã học lớp 8.

? Hãy kể tên các văn bản thuyết minh đã học.

- HS liệt kê.

? Cho biết thế nào là văn bản thuyết minh.

? Văn bản thuyết minh được viết ra nhằm mục đích gì.

? Trong chương trình lớp 8 các em đã được các phương pháp, biện pháp thuyết minh nào.

- HS liệt kê.

**B 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

**B 3**: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét**.**

**B 4:** Giáo viên chốt ý

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **Hoạt động: Tìm hiểu việc sử dụng 1 số BPNT trong VBTM**  **\* Hình thức tổ chức**: cá nhân  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh và vai trò của các biện pháp đó : làm cho văn bản thuyết minh thêm sinh động hấp dẫn.  Rèn kĩ năng nhận diện các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.  **\* Các bước thực hiện**  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  - HS đọc văn bản .  ? Văn bản trên thuyết minh về đối tượng nào.  ? Thuyết minh những đặc điểm nào của đối tượng.  ? Văn bản có cung cấp được tri thức khách quan về đối tượng không.  ? Để bài thuyết minh thêm sinh động tác giả bài viết còn sử dụng các biện pháp, phương pháp thuyết minh nào.  - HS trao đổi thảo luận.  - Đại diện nhóm trình bầy và nhận xét lẫn nhau.  ? Muốn cho bài văn thuyết minh được sinh động người ta có thể làm gì.  ? Các biện pháp nghệ thuật đó cần được sử dụng như thế nào.  **Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  **Bước 3**: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét**.**  **Bước 4:** Giáo viên chốt ý.  ? HS đọc Ghi nhớ SGK.  **Hoạt động 3: Luyện tập**  **\* Hình thức tổ chức**: thảo luận nhóm  **\* Mục tiêu:**  - Vận dụng vào việc tạo lập các văn bản thuyết minh trong đó có sử dụng một số biện pháp.  - Rèn kĩ năng nhận diện các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.  - Rèn luyện kĩ năng vận dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.  - Rèn tư duy lô gíc cho học sinh khi viết bài văn thuyết minh  **\* Các bước thực hiện**  - **Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  **Nhóm 1- 2**:  ? Đọc văn bản: Ngọc Hoàng xử tội ruồi xanh.  ? Xác định yêu cầu của bài tập.  ? Văn bản trên có phải là văn bản thuyết minh không ? vì sao.  ? Hãy tìm các phương pháp thuyết minh mà tác giả sử dụng .  ? Hãy phân tích cụ thể các phương pháp thuyết minh trên.  ? Văn bản này có nét gì đặc biệt.  ? Các BPNT có tác dụng gì.  **Nhóm 1- 2**: Bài tập 2  ? HS đọc và xác định yêu cầu.  ? Nội dung của đoạn văn.  ? Các BPNT  ? Hãy tìm các phương pháp thuyết minh mà tác giả sử dụng.  **Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  **Bước 3**: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét**.**  **Bước 4:** Giáo viên chốt ý. | **I. Tìm hiểu việc sử dụng 1 số BPNT trong vb thuyết minh :**  **1. Ôn tập văn bản thuyết minh:**  - Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp những kiến thức khách quan về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân của các hiện tượng, sự vật trong đời sống xã hội bằng phương thức: giới thiệu, trình bầy, giải thích.  - Mục đích : Cung cấp những hiểu biết khách quan về những sự vật, hiện tượng được chọn làm đối tượng thuyết minh.  - Các phương pháp thuyết minh đã học: định nghĩa, ví dụ, liệt kê, số liệu, phân loại, so sánh.  **2. Văn bản thuyết minh có sử dụng 1 số BPNT.**  **a. Tìm hiểu vb “ Hạ Long - Đá và nước”:**  - Đối tượng: Vịnh Hạ Long  - Đặc điểm: Vẻ đẹp kì thú, hấp dẫn do sự kết hợp tài tình của đá và nước.  - Cung cấp tri thức khách quan về đối tượng: Rất nhiều đá  -> Đặc điểm này có nhiều bài giới thiệu về Vịnh Hạ Long bằng những số liệu chính xác  - Cách thuyết minh: Tưởng tượng và liên tưởng  + Tưởng tượng những cuộc dạo chơi (8 lần dùng “ có thể”)  + Khơi gợi những cảm giác có thể có (đột nhiên)  + Dùng phép nhân hoá khi tả các hòn đá.  - Câu văn “ Chính nước làm cho đá sống động...”  **b. Kết luận:**  - Muốn cho bài văn thuyết minh được sinh động, hấp dẫn, người ta vận dụng thêm một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc các hình thức vè, diễn ca.  - Các biện pháp nghệ thuật đó cần được sử dụng thích hợp góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh và gây hứng thú cho người đọc.  **II. Luyện tập :**  **1. Bài 1: “ Ngọc Hoàng xử tội ruồi xanh”**  a, VB có tính chất thuyết minh:  - Biểu hiện: Giải thích loài ruồi có hệ thống: họ, giống, loài, tập tính sinh sống, sinh đẻ, đặc điểm cơ thể...  - Văn bản thuyết minh vì đã cung cấp cho người đọc những kiến thức khách quan về loài ruồi.  - Các phương pháp thuyết minh :  + Định nghĩa.  + Phân loại.  + Số liệu.  + So sánh.  + Kể chuyện.  + Miêu tả.  + ẩn dụ, nhân hóa.  b, Nét đặc biệt: Giống như truyện ngắn, 1 truyện vui có tính chất TM hay là 1 VBTM có sử dụng một số biện pháp NT  c, BPNT: Gây hứng thú cho người đọc, người nghe.  **2. Bài tập 2/13:**  - ND: Giới thiệu tập tính của loài chim cú  - Biện pháp:  Lấy ngộ nhận lúc nhỏ làm đầu mối để giới thiệu đặc điểm của loài chim cú  - Phương pháp:  + Định nghĩa: Chim cú là loài chim ăn thịt.  + Giải thích: Sở dĩ chim cú thường đến bãi tha ma là vì ở đó có lũ chuột đồng đào hang. |

**\* Hoạt động 4,5 :Vận dụng – mở rộng**

**\*Hình thức tổ chức**: cá nhân

**\* Mục tiêu:**

- Rèn luyện kĩ năng vận dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

**\* Các bước thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

**Đề bài : Thuyết minh một trong các đồ vật sau: cái bút**

Bước 2, 3 HS thực hiện nhiệm vụ học tập ( giáo viên giao về nhà làm)

Bước 4: Giáo viên nhận xét và chốt ý.

**4.Hướng dẫn**:

+ Học thuộc phần ghi nhớ, làm lại các bài tập

+ Chuẩn bị bài: Luyện tập sử dụng một số BPNT trong VBTM.

GV phân công các tổ lập dàn ý:

- Tổ1: Quạt.

- Tổ 2: Bút.

- Tổ 3: Kéo.

- Tổ 4: Nón.

**\* Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**TUẦN 2**

Ngày soạn:

Dạy ngày :

**Tiết 6 – 7  Văn bản : ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH**

(***Gác - xi - a Mác – két)***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Học sinh:

- Hiểu được nội dung vấn đề đặt ra trong văn bản: Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất; nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là ngăn chặn nguy cơ đó, là đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

- Thấy được nghệ thuật nghị luận của tác giả: chứng cứ cụ thể xác thực, cách so sánh rõ ràng, giàu sức thuyết phục, lập luận chặt chẽ.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng đọc, tìm hiểu và phân tích luận điểm, luận cứ trong văn nghị luận chính trị xã hội.

- Rèn kĩ năng viết văn nghị luận xã hội.

**3. Thái độ:** Giáo dục tình cảm yêu mến hòa bình, có thái độ phê phán chiến tranh và bom nguyên tử hạt nhân, đồng thời có những việc làm thiết thực để bảo về hòa bình thế giới.

**4. Định hướng năng lực :**

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

- GV: + Sưu tầm những hình ảnh và tin tức có liên quan đến vấn đề của bài học

+ Bảng phụ.

- HS: Soạn bài.

**III. Tiến trình lên lớp:**

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:(Hình thức trắc nghiệm).

**1. Vốn tri thức văn hóa của Bác Hồ có được từ đâu ?**

A. Ghé lại nhiều hải cảng, thăm nhiều nước trên thế giới, trên những con tàu vượt trùng dương.

B. Nhờ Bác biết nhiều tiếng nước ngoài.

C. Nhờ đến đâu Bác cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến mức khá uyên thâm.

D. Chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn hóa, tiếp thu cái hay, phê phán cái giở của chúng.

**2. Phong cách Hồ Chí Minh là gì ?**

A. Nhân cách rất Việt Nam.

B. Lối sống rất Việt Nam.

C. Gốc văn hóa dân tộc vô cùng vững chắc.

D. Rất phương Đông đồng thời rất mới, rất hiện đại.

**3. Vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh là gì ?**

A. Truyền thống văn hóa dân tộc.

B. Tinh hoa văn hóa nhân loại.

C. Vĩ đại và giản dị.

D. Kết hợp hài hòa những vẻ đẹp đó.

**4. Học tập và rèn luyện theo phong cách của Bác Hồ, mỗi chúng ta cần làm gì ?**

A. Hiểu sâu sắc vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh.

B. Làm tốt 5 điều Bác Hồ dạy.

C. Sống thật trong sạch, giản dị và có ích.

D. Làm nhiều việc tốt, giúp đỡ mọi người.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**\* Hình thức tổ chức:** thảo luận cặp đôi

**\* Mục tiêu:**  Tạo sự hứng khởi cho học sinh đồng thời giúp cho các em nhớ lại kiến thức lịch sử về sự kiện Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố của Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

**\* Các bước hoạt động:**

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận:

? Em hãy cho biết trong chiến tranh thế giới thứ hai Mĩ đã ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố nào của Nhạt Bản ? Hậu quả của việc ném bom ấy đối với hai thành phố này là gì ?

**Bước 2:** HS suy nghĩ, thảo luận, trả lời và nhận xét.

**-** Đáp án:Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai tp Hi-rô-xi-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật Bản đã làm cho hai triệu người chết và phá hủy toàn bộ những thành tựu đã đạt được của hai thành phố này.

**Bước 4**: GV chốt ý

Những ngày đầu tháng 8/1945 chỉ với 2 quả bom nguyên tử đầu tiên ném xuống 2 thành phố Hi-rô-xi-ma và Na-ga-xa-ki, đế quốc Mỹ đã làm 2 triệu người Nhật Bản thiệt mạng và còn để lại di họa đến bây giờ. Thế kỷ XX, thế giới phát minh ra nguyên tử hạt nhân, đồng thời cũng phát minh ra những vũ khí hủy diệt, giết người hàng loạt khủng khiếp. Từ đó đến nay và cả trong tương lai nguy cơ một cuộc chiến tranh hạt nhân tiêu diệt cả thế giới luôn luôn tiềm ẩn và đe dọa nhân loại. Đấu tranh vì một thế giới hòa bình luôn là một trong những nhiệm vụ vẻ vang nhưng cũng khó khăn nhất của nhân dân các nước. Hôm nay chúng ta nghe tiếng nói của một nhà văn nổi tiếng Nam Mĩ (Cô-lôm-bi-a) giải thưởng Nô ben văn học, tác giả của những tiểu thuyết hiện thực huyền ảo lừng danh: Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức**  **Hoạt động tìm hiểu tác giả, tác phẩm.**  **- Hình thức:** tổ chức hoạt động cá nhân  **- Mục tiêu:** Học sinh nắm được một số nét cơ bản về tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời tác phẩm.  **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ cho học sinh  ? Dựa vào phần chú thích em hãy giới thiệu vài nét chính về tác giả, tác phẩm ?  **Bước 2:** HS suy nghĩ, trả lời và nhận xét.  **Bước 4**: GV chốt ý  **Hoạt động đọc hiểu văn bản.**  \* Hình thức : Cá nhân, thảo luận nhóm.  \* Mục tiêu : Rèn kĩ năng đọc, tiếp cận văn bản, phát hiện kiểu văn bản và chia bố cục của văn bản.  **-** G/v hướng dẫn học sinh: Văn bản đề cập đến nhiều lĩnh vực quân sự, chính trị, KH địa chất, với nhiều thuật ngữ, tên gọi các loại vũ khí … nên khi đọc cần chú ý đọc chính xác, rõ ràng với giọng dứt khoát, đanh thép. Chú ý các từ phiên âm,các từ viết tắt, các con số, các thuật ngữ làm rõ từng luận cứ của tác giả.  - G/v đọc : Từ đầu đến "sống tốt đẹp hơn" và gọi hai học sinh đọc tiếp.  - G/v cho học sinh giải nghĩa các từ: Dịch hạch, FAO, kỉ địa chất, thanh gươm Đa-mô-clét  + Chú ý thêm các từ: hạt nhân, nguyên tử.  **- Bước 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm để học sinh thảo luận thời gian thảo luận 5 phút, sau đó đại diện từng nhóm lên trả lời.  **Nhóm 1**: Văn bản này thuộc kiểu văn bản nào ?  **Nhóm 2:** Cho biết văn bản có thể chia làm mấy phần?  **Nhóm 3:** Luận điểm chủ chốt mà tác giả nêu và tìm cách giải quyết trong VB này là gì?  **Nhóm 4** : Để triển khai luận điểm tác giả đã đưa ra các luận cứ nào ? Nêu nhận xét về cách trình bày luận cứ của tác giả ?  **- Bước 2:** HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp, trả lời và nhận xét.  **- Bước 4**: GV chốt ý  Hoạt động tìm hiểu văn bản  \* Hình thức : cá nhân, thảo luận nhóm  \* Mục tiêu : Học sinh hiểu được những nguy cơ của chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên Trái đất. Cuộc chạy đua vũ trang vô cùng tốn kém đã làm mất đi khả năng sống tốt đẹp của con người, nó phản lại sự tiến hóa của con người. Vì thế con người phải đoàn kết đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân vì một thế giới hòa bình.  HS chú ý đoạn 1  ? Mở đầu bài viết tác giả đã giới thiệu vấn đề bằng cách nào ?  ? Nhận xét về cách mở đầu của tác giả?  GV: Và trong câu trả lời của mình t/g đã chỉ rõ nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe doạ loài người và toàn bộ sự sống trên trái đất .  ? Điều đó được tác giả chỉ ra cụ thể bằng cách lập luận ntn? Thông qua những lí lẽ và dẫn chứng nào?  ? Những lí lẽ này có ý nghĩa gì?  ? Chứng cớ nào làm em ngạc nhiên nhất?  ? Những chứng cớ t/g đưa ra có ý nghĩa ntn với người đọc ,người nghe ?  ? Theo em, cách đưa lí lẽ và chứng cớ trong đoạn văn bản này có gì đặc biệt?  ? Cùng với lí lẽ và chứng cớ, để lập luận, t/g còn sử dụng NT so sánh nhằm gây ấn tượng mạnh. Hãy chỉ rõ ?(cái chết và sự huỷ hoại có thể xảy ra bất cứ lúc nào )  ? Em hiểu ntn về" Thanh gươm Đa-mô-clét "và "dịch hạch"?  ? Như vậy, em có nhận xét gì về lí lẽ , chứng cớ cũng như cách lập luận của tác giả ? ý nghĩa của nó trong đoạn mở đầu này?  (? Những điều đó khiến đoạn văn mở đầu có sức tác động như thế nào đến người đọc, người nghe?)  ? Qua các phương tiện thông tin đại chúng (đài, báo), em có thêm chứng cớ nào về nguy cơ chiến tranh hạt nhân vẫn đe dọa cuộc sống trái đất.  - Thử bom nguyên tử, lò phản ứng hạt nhân, tên lửa đạn đạo trên thế giới, …  **Tiết 2.**  \* **Kiểm tra bài cũ:** Trình bày hiểu biết của em về tác giả và xuất xứ VB "Đấu tranh cho một thế giới hoà bình"?Nêu luận điểm và hệ thống luận cứ của VB?  \* **Bài mới:**  GV : Để làm rõ luận cứ này tác giả đã đưa ra những dẫn chứng thuộc các lĩnh vực : xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục.  **Bước 1 :**  GV tổ chức chia lớp thành 4 nhóm cho HS thảo luận trong thời gian 5 phút đại diện từng nhóm lên trình bày (mỗi nhóm một bảng phụ)  ? Dựa vào các chứng cứ trong đoạn văn em hãy lập bảng so sánh các lĩnh vực đời sống với chi phí chuẩn bị chiến tranh hạt nhân.  **Nhóm 1 :** Lĩnh vực y tế  **Nhóm 2 :** Lĩnh vực giáo dục  **Nhóm 3 :** Vấn đề thực phẩm  **Nhóm 4 :** Theo dõi bảng so sánh, em hãy nhận xét và rút ra kết luận về cách đưa dẫn chứng và so sánh của t/g  ? Cách lập luận này tác dụng gì ?  **Bước 2, 3:** HS suy nghĩ thảo luận và tình bày, nhận xét  **Bước 4:**  GV chốt ý  ? Đoạn văn này gợi cho em cảm nghĩ gì về chiến tranh hạt nhân.  ? Em có biết nhân loại đã tìm cách nào để hạn chế chạy đua chiến tranh hạt nhân?  - Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân.  - Hạn chế số lượng đầu đạn hạt nhân …  ? Tìm hiểu chiến tranh hạt nhân là hành động cực kì phi lí  (Học sinh đọc đoạn :"Một nhà tiểu thuyết...điểm xuất phát của nó" )  ? Phần văn bản này có 3 đoạn văn, mỗi đoạn đều nói đến 2 chữ trái đất. Em đọc được cảm nghĩ của tác giả khi liên tục nhắc lại danh từ trái đất trong phần này.  ? Theo tác giả, trái đất chỉ là một cái làng nhỏ trong vũ trụ, nhưng lại là nơi độc nhất có phép màu của sự sống trong hệ mặt trời.  Em hiểu như thế nào về ý nghĩ ấy?  **GV:** Trong vũ trụ, trái đất chỉ là một hành tinh nhỏ, nhưng là hành tinh duy nhất có sự sống.  - Khoa học vũ trụ chưa khám phá được sự sống ở nơi nào khác, ngoài trái đất.  - Đó là sự thiêng liêng, kì diệu của trái đất nhỏ bé của chúng ta.  ? Quá trình sống trên trái đất đã được tác giả hình dung như thế nào?  ? Những con số chỉ thời gian đó cho em hiểu gì về sự sống trên trái đất?  ? Từ đó em hiểu gì về lời bình luận của tác giả: "Trong thời đại … xuất phát của nó  ? Từ đó ta có nhận thức như thế nào về tính chất phản tiến hóa, phản tự nhiên của chiến tranh hạt nhân.  **GV:** Nếu nổ ra, nó sẽ đẩy lùi sự tiến hóa trở về điểm xuất phát ban đầu, tiêu hủy mọi thành quả của quá trình tiến hóa của sự sống trong tự nhiên.  4.Tìm hiểu thông điệp của tác giả  Học sinh đọc đoạn cuối.  Mục tiêu: Hs thấy được nhiệm vụ và trách nhiệm của con người ngăn chặn chiến tranh hạt nhân  ? Em hiểu thế nào về “bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hòa bình, công bằng”.  ? Có ý kiến cho rằng : Sau khi đã chỉ ra một cách hết sức rõ ràng về hiểm hoạ hạt nhân đang đe doạ loài người và sự sống trên trái đất, t/g không dẫn dắt người đọc đến sự lo âu mang tính bi quan mà hướng tới một thái độ tích cực. ý kiến của em ntn?  ? ý tưởng của tác giả về việc “mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân” bao gồm những thông điệp gì?Thông điệp ấy có ý nghĩa ntn?  GV: Đây chính là luận cứ kết bài và cũng là chủ đích của thông điệp mà t/g muốn gửi tới mọi người  ? Em hiểu gì về tác giả từ ý tưởng đó của ông?( Là người quan tâm sâu sắc đến vấn đề vũ khí hạt nhân với niềm lo lắng và công phẫn cao độ. Vô cùng yêu chuộng cuộc sống trên trái đất hòa bình.)  ? Nên hiểu ý tưởng này của nhà văn muốn nhấn mạnh điều gì?  ? Tìm hiểu phần Tổng kết  ? Những thông điệp nào được gửi tới chúng ta từ văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”.  (Học sinh đọc ghi nhớ).  ? Em học tập được gì về cách viết văn nghị luận từ văn bản? | **I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  **1. Tác giả:** (Sinh 1928)  - Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két, nhà văn Cô-lôm-bi-a.  - Được nhận giải thưởng Nô ben về văn học năm 1982.  **2. Tác phẩm:**  Trích từ tham luận tại hội nghị nguyên thủ quốc gia 6 nước( ấn Độ, Mê hi cô, Thụy Điển, ác-hen-ti-na, Hy lạp, Tan-da-ni-a) bàn về việc chống chiến tranh hạt nhân , bảo vệ hòa bình thế giới .  **II. Đọc, hiểu văn bản:**  **1. Đọc:**  **2. Thể loại :** VB nhật dụng - nghị luận chính trị xã hội.  **3. Bố cục :**  - Bố cục: 3 phần.  -Từ đầu … “…sống tốt đẹp hơn ":Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe doạ trái đất  -Tiếp …“xuất phát của nó.”: Chứng lí cho sự nguy hiểm và phi lí của chiến tranh hạt nhân  - Còn lại: Nhiệm vụ của chúng ta và đề nghị khiêm tốn của tác giả  **4. Tìm luận điểm và luận cứ:**  \* Luận điểm: Chiến tranh hạt nhân là một hiểm hoạ khủng khiếp đang đe doạ toàn thể loài người và mọi sự sống trên trái đất.Vì vậy, đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy cho một TG hoà bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại  \* Các luận cứ:  - Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ có khả năng huỷ diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời  - Cuộc chạy đua vũ trang đã làm mất đi khả năng cải thiện đời sống cho hàng tỉ người, đặc biệt là vũ khí hạt nhân là vô cùng tốn kém và hết sức phi lí  - Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lí trí của loài người mà còn ngược với lí trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hoá  - Vì vậy tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chến tranh hạt nhân, đấu tranh cho một thế giới hoà bình .  =>Các luận cứ mạch lạc, chặt chẽ, sâu sắc. Đó là bộ xương vững chắc của VB, tạo nên tính thuyết phục cơ bản của lập luận.  **III. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Hiểm hoạ chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên trái đất:**  - Mở đầu bằng một câu hỏi đầy ấn tượng,thu hút sự chú ý của mọi người, rồi tự trả lời câu hỏi ấy  **\* Lí lẽ:**  - Chiến tranh hạt nhân là sự tàn phá hủy diệt  - Phát minh hạt nhân quyết định sự sống còn của thế giới.  =>Sắc bén  **\* Chứng cớ:**  - Ngày 08/08/1986 hơn 50.000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí khắp hành tinh.  - Tất cả mọi người, mỗi người đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ.  - Tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến mất mọi dấu vết của sự sống trên trái đất.  ->Xác thực, khoa học  => Nâng cao nhận thức cho mọi người về nguy cơ chiến tranh hạt nhân và sự huỷ diệt khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân .  -So sánh :Chiến tranh hạt nhân với điển tích Hi Lạp : Thanh gươm Đa-mô-clét và dịch hạch =>có sức ám ảnh mạnh mẽ  -Lặp từ và lặp cấu trúc ngữ pháp => có tác dụng nhấn mạnh .  =>Lí lẽ kết hợp với chứng cớ cùng với NT so sánh đã tác động vào nhận thức của người đọc về sức mạnh ghê gớm của vũ khí hạt nhân, khơi gợi sự đồng tình với tác giả, làm cho tất cả những người đang sống và yêu quý sự sống không thể thờ ơ  Lí lẽ và chứng cớ đều dựa trên sự tính toán khoa học.  Lí lẽ và chứng cớ kết hợp với sự bộc lộ trực tiếp thái độ của tác giả.  - Cách vào đề trực tiếp và bằng những chứng cứ rất xác thực đã thu hút người đọc và gây ấn tượng mạnh mẽ về tính chất hệ trọng của vấn đề đang được nói tới.  **2. Sự tốn kém và phi lí trong cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân :**  \* Y tế :  \* Giáo dục  \* Thực phẩm :  - Cách đưa dẫn chứng toàn diện, cụ thể, đáng tin cậy trên nhiều lĩnh vực(y tế,lương thực, giáo dục) bằng những con số biết nói  - Dùng so sánh đối lập: Một bên chi phí nhằm tạo ra sức mạnh hủy diệt tương đương với một bên dùng chi phí đó để cứu hàng trăm triệu trẻ em nghèo khổ, hàng tỷ người được phòng bệnh, hàng trăm triệu người thiếu dinh dưỡng.  - Nghệ thuật lập luận của tác giả ở đoạn này thật đơn giản mà có sức thuyết phục cao- Người đọc ngạc nhiên, bất ngờ trước những sự thật hiển nhiên mà rất phi lí.  -> Làm nổi bật sự tốn kém ghê gớm của cuộc chạy đua chiến tranh hạt nhân, nêu bật sự vô nhân đạo đó, đồng thời gợi cảm xúc mỉa mai, châm biếm ở người đọc.  => Cuộc chạy đua chiến tranh hạt nhân là cực kỳ vô lí vì tốn kém nhất, đắt đỏ nhất, vô nhân đạo nhất. Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện cuộc sống của con người, nhất là ở các nước nghèo.  - Cần loại bỏ chiến tranh hạt nhân vì cuộc sống hòa bình hạnh phúc trên thế giới này.  **3. Chiến tranh hạt nhân là hành động cực kì phi lí:**  - Trái đất là thứ thiêng liêng cao quý hơn cả, đáng được chúng ta yêu quý trân trọng. Không được xâm phạm, hủy hoại trái đất.  -380 triệu năm con bướm mới bay được  - 180 triệu năm bông hồng mới nở  -Trải qua bốn kỉ địa chất con người mới hát được …  - Phải lâu dài lắm mới có được sự sống trên trái đất này. Mọi vẻ đẹp trên thế giới này không phải một sớm một chiều mà có được.  - Đưa ra những chứng cứ từ khoa học địa chất và cổ sinh học về nguồn gốc và sự tiến hóa trên trái đất.  - Kết hợp lối biện luận tương phản với các hình ảnh sinh động.  - Chiến tranh hạt nhân là hành động cực kì phi lí, ngu ngốc, man rợ, đáng xấu hổ, là đi ngược lại lí trí.  **4. Nhiệm vụ đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân :(Thông điệp của tác giả)**  - Đó là tiếng nói của công luận thế giới chống chiến tranh.  - Là tiếng nói yêu chuộng hòa bình trên trái đất của nhân dân thế giới.  =>Kêu gọi mọi người đoàn kết, xiết chặt đội ngũ đấu tranh vì một TG hoà bình, phản đối, ngăn chặn chạy đua vũ trang, tàng tích vũ khí hạt nhân  - Thông điệp về một cuộc sống đã từng tồn tại trên trái đất.  - Thông điệp về những kẻ đã xóa bỏ cuộc sống trên trái đất bằng vũ khí hạt nhân.  =>Thức tỉnh lương tri con người ,cảnh tỉnh,lên án những kẻ hiếu chiến  - Nhân loại cần giữ gìn kí ức của mình, lịch sử sẽ lên án những thế lực hiếu chiến đẩy nhân loại vào thảm họa hạt nhân.  **IV.Tổng kết:**  \* Ghi nhớ: SGK  - Luận điểm đúng đắn, hệ thống luận chứng rành mạch, đầy sức thuyết phục, cách so sánh bằng nhiều dẫn chứng toàn diện và tập trung, lời văn đầy nhiệt tình. |

**Hoạt động3,4,5:Luyện tập,vận dụng,mở rộng.**

Mục tiêu:Từ tìm hiểu bài học HS hiểu được sự nguy hiểm và hậu quả khôn lường của việc chạy đua vũ trang và có thái độ phê phán đẩy lùi việc chạy đua vũ trang giữa các nước trong bối cảnh hiện nay.

\* Các bước thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

? Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi học VB.

? Em hãy trình bày những hiểu biết của em về vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân vũ khí hạt nhân trong thực tế hiện nay ? Em có thái độ như thế nào về vấn đề này ?

? Em hãy sưu tầm những bài hát nói về tình yêu hòa bình, tình hữu nghị ?

Bước 2,3 : HS suy nghĩ, trình bày, nhận xét.

Đáp án :

- Chạy đua vũ khí hạt nhân giữa Triều Tiên – Mĩ, căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên ......

- Những bài hát : Em như chim bồ câu trắng, Trái Đất này là của chúng mình...

Bước 4 : GV chốt – nhận xét

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài phần luyện tập

Soạn bài: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

**\*Rút kinh nghiệm.**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 8 SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

Ngày soạn: 22- 08- 2020

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức:

- Tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh: Làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi, dễ cảm nhận hoặc làm nổi bật, gây ấn tượng.

- Vai trò của miêu tả trong văn bản thuyết minh: Phụ trợ cho việc giới thiệu nhằm gợi lên hình ảnh cụ thể của đối tượng cần thuyết minh

2. Kỹ năng:

- Sử dụng có hiệu quả các yêu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

3. Thái độ:

- Biết sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

Học sinh có ý thức tích cực quan sát các sự vật hiện tượng để miêu tả.

**4. Định hướng năng lực:**

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học.

- Năng lực thẩm mĩ

**II. Chuẩn bị:**

**- GV:** Nghiên cứu bài dạy

- **HS:** Soạn bài

**III. Tiến trình lờn lớp**

1.Ổn định tổ chức:

- Ổn định trật tự

- Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ:

? Sử dụng các yếu tố nghệ thuật trong văn bản thuyết minh như thế nào ?

3. Bài mới:

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

Mục tiêu: Để tạo sự hứng thú và sự tìm tòi hiểu biết của học sinh về hình ảnh cây chuối Việt Nam

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ

? Em hãy đọc một bài thơ hay một câu ca dao nói về cây chuối?

Bước 2,3: HS suy nghĩ – trình bày

**Cây chuối nhà em**Sau vườn nhà em   
Có cây chuối già  
Chỉ mới ra hoa  
Nhưng mầm đã mọc   
Chuối ơi, chuối hỡi!  
Sao quá lạ kì?  
Chuối khẽ thầm thì:  
“Nay tôi đã già  
Con tôi đã mọc,  
Đó là mầm xanh   
Duy trì nòi giống”  
*(Đoàn Lê Bích Phượng)*

Bước 4:GV nhận xét và dẫn vào bài mới

\* **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| \*Mục tiêu: Qua văn bản “Cây chuối...” học sinh thấy được vai trò và tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh. Từ đó biết vận dụng yếu tố miêu tả trong khi viết văn thuyết minh và có kỹ năng đọc,quan sát,vận dụng để thực hành.  \* Các bước thực hiện:hoạt động cá nhân  Bước 1:  GV cho học sinh đọc văn bản  “Cây chuối...” và giao nhiệm vụ:  ? Nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?  ? Tìm những câu trong bài thuyết minh về đặc điểm tiêu biểu của cây chuối.  - Hầu như ở nông thôn ... chú lũ.  - Người phụ nữ nào ... hoa quả.  - Quả chuối ... hấp dẫn..  - Mỗi cây chuối ... chuối chín.  ? Chỉ ra những câu văn có yếu tố miêu tả về cây chuối và cho biết tác dụng của yếu tố miêu tả?  -Cây chuối thân mềm... núi rừng.  - Chuối xanh có vị chát,để sống ...món gỏi  ? Theo yêu cầu của văn bản thuyết minh, bài này có thể bổ sung những gì?  ? Em hãy cho biết thêm công dụng của thân cây chuối, lá chuối, nõn chuối, bắp chuối.  - Thân cây chuối có thể thái ghém làm rau sống, dùng làm "phao".  - Hoa chuối làm món ăn.  - Quả chuối ...  - Lá chuối làm lá gói bánh.  Bước 2,3:HS suy nghĩ – trình bày – nhận xét  Dự kiến trả lời:  - Những câu văn thuyết minh về đặc điểm tiêu biểu của cây chuối:  + Hầu như ở nông thôn ... chú lũ.  + Người phụ nữ nào ... hoa quả.  + Quả chuối ... hấp dẫn..  + Mỗi cây chuối ... chuối chín.  - Những câu văn có yếu tố miêu tả về cây chuối:  + Cây chuối thân mềm... núi rừng.  + Chuối xanh có vị chát,để sống ...món gỏi  Bước 4:GV nhận xét,chốt ý  ? Để bài thuyết minh sinh động ngoài việc sử dụng các yếu tố NT có thể hợp yếu tố nào ? Tác dụng ? | **I.Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh:**  **1.Tìm hiểu văn bản:**  "Cây chuối trong đời sống Việt Nam."  \* Nhan đề của văn bản nhấn mạnh:  - Vai trò của cây chuối đối với đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam từ xưa tới nay.  - Thái độ của con người trong việc nuôi trồng, chăm sóc  và sử dụng có hiệu quả các giá trị của cây chuối.  - Cây chuối thân mềm, toả ra vòm lá xanh, mát rượi, ...  - Chuối ưa nước, phát triển nhanh.  - Chuối là thức ăn thông dụng từ thân đến lá, từ hoa đến quả  =>Tác dụng : Làm nổi bật được đặc điểm của cây chuối và gây ấn tượng.  - Bổ sung thêm một số công dụng của cây chuối,lá chuối ,hoa chuối...  =>Có thể TM:  \*Phân loại chuối: tây, hột, tiêu, ngự, rừng...  \*Cấu tạo:  - Thân chuối :gồm nhiều lớp bẹ  - Tàu chuối gồm các cuống lá và lá  - Nõn chuối :xanh non  - Hoa chuối: màu hồng tía, có nhiều lớp bẹ ,.  - Gốc có củ và rễ.  =>Có thể miêu tả:  - Thân tròn, mát rượi,mọng nước...  - Tàu lá xanh rờn...  - Củ chuối có thể gọt vỏ để thấy một màu trắng  mỡ màng như màu củ đậu đã bóc vỏ  \*Công dụng:  - Thân chuối có thể thái ghém làm rau sống, ăn rất mát, có tác dụng giải nhiệt  - Hoa chuối tây có thể thái thành sợi nhỏ để ăn sống, xào, luộc, nộm...  - Quả chuối tiêu xanh bẻ đôi lấy nhựa làm thuốc chữa hắc lào .Quả chuối hột xanh thái lát mỏng,phơi khô,sao vàng hạ thổ tán thành bột là vị thuốc quý trong đông y.  -Nõn chuối tây có thể ăn sống rất mát  -Lá chuối tươi có thể dùng để gói bánh chưng bánh nếp  -Lá chuối khô có thể dùng để lót ổ trong mùa đông, gói hàng, gói bánh gai.  -Củ chuối gọt vỏ, thái thành sợi nhỏ luộc bỏ nước chát sau đó có thể xào với thịt ếch, nấu với cá chạch là những món ăn đặc sản  **2. Kết luận:**  \* Ghi nhớ: SGK. |

**\*Hoạt động 3: Luyện tập**

\*Mục tiêu: Hs thấy được tác dụng của yếu tố miêu tả và biết bổ sung các yếu tố miêu tả vào việc giải quyết các bài tập 1,2,3

- Các bước thực hiện:

Bước 1: GV chia lớp làm ba nhóm để học sinh thảo luận: (trong thời gian 3 phút)

Nhóm 1: Bổ sung yếu tố miêu tả về : thân cây chuối và lá chuối tươi

Nhóm 2: Bổ sung yếu tố miêu tả về: lá chuối khô, nõn chuối

Nhóm 3: Bổ sung yếu tố miêu tả về : bắp chuối, quả chuối

Bước 2,3:HS thảo luận và đại diện nhóm trình bày – các nhóm khác nhận xét

Dự kiến đáp án:

Bài tập 1:

- Thân cây chuối có hình dáng thẳng, tròn như một cái cột trụ, gồm nhiều lớp bẹ, mọng nước gợi ra cảm giác mát mẻ, dễ chịu.

- Lá chuối tươi xanh rờn cong cong dưới ánh trăng, thỉnh thoảng lại vẫy lên phần phật như mời gọi ai đó trong đêm khuya thanh vắng.

- Lá chuối khô lót ổ nằm vừa mềm mại, vừa thoang thoảng mùi thơm dân dã cứ ám ảnh tâm trí những kẻ tha hương.

- Quả chuối chín vàng vừa bắt mắt, vừa dậy lên một mùi thơm ngọt ngào quyến rũ.

- Bắp chuối màu tím hồng đung đưa trong gió chiều nom giống như một cái búp lửa của thiên nhiên kì diệu.

- Nõn chuối màu xanh non cuốn tròn như một bức thư còn phong kín đang đợi gió mở ra.

Bước 4:GV nhận xét và chốt ý

Bài tập 2**:**

- Mục tiêu: HS chỉ ra được các yếu tố trong đoạn văn.

- Các bước thực hiện:

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Hãy chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn văn (bài tập 2 sgk/26)

Bước 2, 3:HS suy nghĩ – trình bày – nhận xét

Đáp án:

- Tách là loại chén uống nước của Tây, nó có tai.

- Chén của ta không có tai

- Khi mời... mà uống rất nóng.

Bước 4:GV nhận xét.

Bài tập 3(về nhà)

**\* Hoạt động 4,5 : Vận dụng, mở rộng**

Bài tập về nhà :Hãy viết một đoạn văn ngắn thuyết minh một trò chơi dân gian trong

đó có sử dụng yếu miêu tả.

**\* Dặn dò:** Học bài và hoàn thiện các bài tập

Soạn bài : Luyện tập sử dụng một số BPNT và yếu tố miêu tả trong văn bản TM

**\* Rút kinh nghiệm :**

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**Tiết 9: LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN THUYẾT MIMH**

Ngày soạn: 22- 08- 2020

**I. Mục tiêu bài học**

1. Kiên thức: Củng cố cho học sinh kiến thức về sử dụng yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh và thấy được vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

2. Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, bài văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả.

3.Thái độ: Hs có thái độ tích cực học hỏi, lĩnh hội kiến thức.

4.Định hướng năng lực

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học.

- Năng lực thẩm mĩ

**II. Chuẩn bị:**

**- GV:** Sưu tầm một số hình ảnh và tài liệu viết về con trâu ở làng quê Việt Nam

- **HS:** Chuẩn bị đề bài: Con trâu ở làng quê Việt Nam.

**III. Tiến trình lên lớp:**

1.Ổn định tổ chức:

- Ổn định trật tự:

-Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ:

- Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh có tác dụng gì ?

- Làm BT 4 - Sách BT

3. Bài mới:

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**-** Mục tiêu: HS tích cực, chủ động và tìm hiểu về mối quan hệ gắn bó thân thiết và vai trò của con trâu trong đời sống người Việt.

- Các bước thực hiện:

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: ? Em hãy đọc một số câu ca dao có hình ảnh con trâu

Bước 2,3: HS suy nghĩ – trình bày – nhận xét

Bước 4: GV chốt và vào bài mới.

\* **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| \*Mục tiêu: Trước một đề bài HS biết cách tìm hiểu đề, tìm ý , lập dàn ý và viết một số đoạn văn trên cơ sở dàn ý.  - Các bước thực hiện:  Bước 1: GV nêu nhiệm vụ:  ? Đề yêu cầu trình bày vấn đề gì?  ? Với vấn đề trên, cần trình bày những ý gì?  ? Phần mở bài như thế nào?  ? Phần thân bài cần phát triển những ý nào?  ? Phần kết bài có nội dung như thế nào?  Bước 2,3: HS suy nghĩ – trả lời – nhận xét  Bước 4: GV nhận xét  **\* Giáo viên** : Xây dựng đoạn mở bài vừa có nội dung thuyết minh vừa có yếu tố miêu tả con trâu ở làng quê Việt Nam.  ? Nội dung cần thuyết minh trong mở bài là gì?  ? Yếu tố miêu tả cần sử dụng là gì?  **\*G/v**: Thuyết minh trâu cày, bừa ruộng, kéo xe, chở lúa.  (Học sinh viết, giáo viên gọi trình bày, sửa chữa, bổ sung.)  **\* G/v**: cảnh chăn trâu, con trâu ung dung gặm cỏ là một hình ảnh đẹp của cuộc sống thanh bình ở làng quê Việt Nam. Hình ảnh những con trâu cần cù gặm cỏ.  (Học sinh viết, giáo viên gọi trình bày, sửa chữa, bổ sung.)  ? Cần miêu tả hình ảnh gì?  ? Kết thúc cần nêu ý gì?  (Học sinh viết, giáo viên gọi trình bày, sửa chữa, bổ sung.) | **Đề bài : Con trâu ở làng quê Việt Nam**  **1. Tìm hiểu đề:**  - Giới thiệu (thuyết minh) về con trâu ở làng quê Việt Nam.  - Vai trò và vị trí của con trâu trong đời sống của người nông dân Việt Nam.  **2. Tìm ý:**  - Con trâu là sức kéo chủ yếu.  - Con trâu là tài sản lớn nhất.  - Con trâu trong lễ hội, đình đám truyền thống.  - Con trâu đối với tuổi thơ.  - Con trâu đối với việc cung cấp thực phẩm và chế biến đồ mỹ nghệ.  **3. Lập dàn ý:**  ***a, Mở bài:***  Giới thiệu chung về con trâu trên đồng ruộng Việt Nam.  ***b, Thân bài:***  - Con trâu trong nghề làm ruộng: Là sức kéo để cày, bừa, kéo xe, trục lúa, ...  - Con trâu trong lễ hội, đình đám: lễ hội đâm trâu ở Tây Nguyên, lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn  - Con trâu: nguồn cung cấp thịt, da để thuộc, sừng trâu dùng làm đồ mỹ nghệ.  - Con trâu là tài sản lớn nhất của người nông dân Việt Nam.  - Con trâu đối với tuổi thơ.  ***c, Kết bài:***  Con trâu trong tình cảm của người nông dân Việt Nam  **4. Viết bài**  **a. Viết đoạn mở bài:**  - VD: "Con trâu là đầu cơ nghiệp".  Bao đời nay, hình ảnh con trâu lầm lũi kéo cày trên đồng ruộng là hình ảnh rất quen thuộc, gần gũi đối với người nông dân Việt Nam.Vì thế,con trâu đã trở thành người bạn tâm tình của người nông dân:  Trâu ơi ta bảo trâu này  Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta  Cấy cày vốn nghiệp nông gia  Ta đây, trâu đấy ai mà quản công .....  **b. Viết đoạn thân bài:**  - Giới thiệu con trâu trong việc làm ruộng  - Con trâu với tuổi thơ ở nông thôn.  VD : Chiều chiều, khi một ngày lao động đã tạm ngừng, con trâu được tháo cày và đủng đỉnh bước trên đường làng, miệng luôn" nhai trầu "bỏm bẻm .Khi ấy, cái dáng đi khoan thai chậm rãi của con trâu khiến cho người ta có cảm giác không khí của làng quê Việt nam sao mà thanh bình và thân quen quá đỗi!  -Con trâu không chỉ kéo cày, kéo xe, trục lúa...mà còn là một trong những vật tế thần trong lễ hội đâm trâu ở tây Nguyên; là "nhân vật"chính trong lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn.  Không có ai sinh ra và lớn lên ở các làng quê Việt Nam mà lại không có tuổi thơ gắn bó với con trâu .Thuở nhỏ đưa cơm cho cha đi cày, mải mê ngắm nhìn con trâu được thả lỏng đang say sưa gặm cỏ một cách ngon lành. Lớn lên một chút, nghễu nghện cười trên lưng trâu trong những buổi chiều đi chăn trâu trở về.Cưỡi trâu ra đồng, cưỡi trâu lội xuống sông, cưỡi trâu thả diều ...Thú vị biết bao ! Con trâu hiền lành ,ngoan ngoãn đã để lại trong kí ức tuổi thơ của mỗi con người bao nhiêu kỉ niệm ngọt ngào!  **c. Viết đoạn kết bài:** |

**\* Hoạt động 4,5: Vận dụng, mở rộng**

Mục tiêu: giúp Hs có năng lực tạo lập văn bản thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả.

Bài tập về nhà: Hãy viết bài văn hoàn chỉnh cho đề bài trên

**\* Dặn dò:** Học bài và viết hoàn thiện đề văn trên.

Soạn bài: Xưng hô trong Hội thoại

**\*Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 10 XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI**

Ngày soạn: 22/08/2020

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Học sinh:

- Giúp HS :

- Hiểu được sự phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống các từ ngữ xưng hô trong TV.

- Hiểu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô với tình huống giao tiếp.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng sử dụng từ ngữ xưng hô để đạt hiệu quả trong giao tiếp.

- Rèn kĩ năng sống cho học sinh đặc biệt là kĩ năng giao tiếp.

- Rèn tư duy lô gích cho hs.

**3. Thái độ:** Có thái độ sử dụng từ ngữ xưng hô hiệu quả, văn minh.

**4. Định hướng năng lực :**

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài.

- Giáo cụ : Bảng phụ, giá đỡ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc bài, trả lời các câu hỏi.

**III. Tiến trình lên lớp :**

**1. Ổn định tổ chức :**

**2. Kiểm tra:**

- Hãy nêu quan hệ giữa p/c hội thoại với tình huống giao tiếp?

- Trong các tình huống giao tiếp, chúng ta thường gặp những vai XH nào?

+ Vai quan hệ thân tộc: ông - bà, cô - dì, chú - bác…

+ Vai quan hệ bạn bè: Mày - tao, cậu - tớ…

+ Vai quan hệ tuổi tác: Bác - cháu…

+ Vai quan hệ theo chức vụ XH: Ngài - tôi…

+ Vai quan hệ giới tính: ông - bà, anh - chị.

**3. Bài mới:**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**-** Mục tiêu: HS tích cực, chủ động và tìm hiểu về cách sử dụng từ ngữ xưng hô trong giao tiếp.

- Các bước thực hiện:

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ:

?**Hãy nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong tiếng Việt và cho biết cách dùng những từ ngữ đó?**

- Đại từ :  +Tôi, tao, tớ, mày, mi... (số ít)

                 +Chúng tôi, chúng tao, chúng mày, bọn.. (số nhiều)

- Danh từ: + Ông, bà, chú, bác, cô, anh, chị, em... ( quan hệ gia đình )

                + Thủ trưởng, Bác sĩ, gia sư, ( chức vụ, nghề nghiệp)

                + Bạn... ( quan hệ XH)

- DT riêng:  Trang, Hùng, Hoa…        xưng hô bằng tên  riêng

Bước 2,3: HS suy nghĩ – trình bày – nhận xét

Bước 4: GV chốt và vào bài mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**  **Mục tiêu:** HS hiểu được Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô, vận dụng vào trong giao tiếp hàng ngày để đạt hiệu quả cao.  Hình thức hoạt động: Cá nhân  **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ  ? Trong TV, chúng ta thường gặp những từ ngữ xưng hô nào?  ? Em hãy chia các từ ngữ xưng hô này thành các ngôi?  ? Cùng là ngôi thứ nhất, nhưng trong các tình huống giao tiếp khác nhau những từ ngữ này có thay thế cho nhau được không?  ? Hãy so sánh sử dụng những từ ngữ xưng hô trong tiếng Anh mà các em đã học.  ? Trong giao tiếp đã bao giờ em gặp tình huống không biết xưng hô ntn chưa?  Bước 2,3: HS suy nghĩ – trình bày – nhận xét  Bước 4: GV chốt và vào bài mới.  Gv: Như vậy TV có 1 hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm.  ? H/s đọc tiếp 2 đoạn trích SGK  ? Hai đoạn trích a, b trích trong VB nào? Của ai?  ? Đoạn trích a và b xuất hiện trong những hoàn cảnh giả thiết nào?  ? Hãy xác định từ ngữ xưng hô trong 2 đoạn trích trên.  ? Phân tích sự thay đổi trong cách xưng hô của DM và DC giải thích vì sao?  ? ở lớp 8, em đã học 1 đoạn trích, trong đoạn đối thoại ngắn nhân vật đã thay đổi cách xưng hô 3 lần để nâng dần vị thế của mình lên so với người đối thoại. Đó là nhân vật nào? Trong đoạn trích nào? Của ai? Nhân vật đó xuất hiện trong tình huống giao tiếp nào? Cách xưng hô của nhân vật đó ntn?  ? Vậy để xưng hô cho thích hợp trong các tình huống giả thiết, người nói cần căn cứ vào đâu?  Bước 2,3: HS suy nghĩ – trình bày – nhận xét  Bước 4: GV chốt và vào bài mới. | **I. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô:**  1.VD.  - Tôi, tao , tớ, mình, chúng tôi, chúng tao, mày, mi, nó, hắn, anh, em…  - Ngôi thứ nhất: Tôi, tao… chúng tôi.  - Ngôi thứ 2: mày, mi, chúng mày.  - Ngôi thứ 3: nó, hắn, họ, chúng nó.  - Suồng sã: Mày - tao  - Thân mật: anh, chị - em,cậu- tớ.  - Trang trọng: quý ông, quý bà,quý vị  - Tiếng Anh:  + Ngôi thứ nhất: I (đơn) We (phức)  + Ngôi thứ 2: you (cả đơn và phức)  + Ngôi thứ 3: she (phụ nữ)  VD:  - Xưng hô với bố mẹ mình là thầy cô giáo ở trường, trước mặt các bạn.  - Xưng hô với em họ, cháu họ nhiều tuổi.  Vậy trong tình huống giao tiếp với mỗi mối quan hệ cần lựa chọn cách xưng hô cho phù hợp.  \* Ghi nhớ:  - H/s đọc ghi nhớ trang 39.  2.Ngữ liệu ( SGK).  \* NX  - Đoạn trích a: Dế choắt nhờ Dế mèn đào ngách, thoát, hộ nhưng DM kiêu căng  - Đoạn trích b: DM hối hận vì tội ngông của mình còn DC đang hấp hối.  a, Em - anh (DC với DM)  Ta - chú mày (DM với DC)  b, Tôi - anh (DM với DC và DC với DM.  Đoạn a: Là cách xưng hô bình đẳng DM không còn ngạo mạn, hách dịch vì đã nhận ra "tội ác" của mình, còn DC thì hết mặc cảm hèn kém mà nói với DM theo tư cách 1 người bạn.  - Cách xưng hô: - Cháu - ông  - Tôi - ông  - Bà - mày  3. Ghi nhớ: SGK |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**Mục tiêu:** Từ việc tìm hiểu lý thuyết HS áp dụng vào làm bài tập để củng cố và hiểu sâu hơn về việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong giao tiếp.

Phương pháp chung: HS đọc bài, làm bài, trình bày bài của mình.

Hình thức hoạt động: Cá nhân, nhóm

? HS đọc bài tập

Bài tập 1 :

- Nhầm chúng ta với chúng em ( chúng tôi ).

- Chúng ta gồm cả người nói và người nghe.

- Chúng em, chúng tôi : không bao gồm người nghe.

Bài tập 2 :

Khi một người xưng là " chúng tôi ", chứ không phải xưng là " tôi " là để thể hiện tính khách quan va sự khiêm tốn.

Bài tập 3 :

- Cách xưng hô của Thánh Gióng với mẹ là bình thường.

- Cách xưng hô của Thánh Gióng với xứ giả : Ta - Ông chứng tỏ Thánh Gióng là một đứa trẻ khác thường, mang màu sắc của truyền thuyết.

Bài tập 4 : Học sinh thảo luận nhóm, trình bày.

- Vị tướng là người tôn sư trọng đạo nên vẫn xưng hô với thầy giáo cũ là gọi thầy xưng con.

- Người thầy giáo cũ tôn trọng cương vị hiện tại của trò nên gọi vị tướng là ngài.

- Qua cách xưng hô của hai người, ta thấy cả hai người đối nhân xử thế rất thấu tình đạt lí.

Bài tập 5 :

- Trước năm 1945 nước ta là một nước phong kiến : Vua xưng " Trẫm " bọn thần dân là " quan lớn ", gọi nhân dân là " khố rách áo ôm ", vua gọi quan là " khanh ", nhân dân là " lệ dân, con dân, bách tính ".....-> Thể hiện thái độ phân biệt ngôi thứ rõ rệt, thái độ miệt thị.

- Cách xưng hô của Bác Hồ gần gũi, thân mật, thể hiện sự thay đổi về chất trong mối quan hệ giữa lãnh tụ cách mạng và quần chúng cách mạng.

Bài 6 :

- Cai lệ là kẻ có quyền nên xưng hô trịch thượng, hống hách.

- Chị Dậu là người thấp cổ bé họng nên phải xưng hô một cách nhún nhường. Sự thay đổi cách xưng hô của chị Dậu phản ánh những sự thay đổi trong hành vi ứng xử của nhân vật. Nó thể hiện sự phản kháng quyết liệt của một con người bị dồn đến bước đường cùng.

**\* Hoạt động 4,5: Vận dụng, mở rộng.**

**Mục tiêu:** Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

B1: GV giao nhiệm vụ:

Cho tình huống

? Trường em có một đoàn khách đến thăm. Em đã được gặp một vị khách trong đoàn. Vị khách đó muốn tìm hiểu về trường của em, em sx xưng hô và tỏ thái độ như thế nào để thể hiện mình là HS trường THCS Ninh Thành văn minh, thanh lịch.

? Chú ruột của em đồng thời cũng là thầy giáo của em. Vậy khi ở trên lớp, em muốn hỏi chú về cách làm một bài toán khó, em sẽ nói như thế nào? Còn khi ở nhà em sẽ hỏi như thế nào?

?HS viết một doạn văn hội thoại trao đổi với bạn về phương pháp học môn toán.

**\* Dặn dò:** Học bài và làm các bài tập trên.

Soạn bài: Tuyên bố thế giới về sự sống còn quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em

**\*Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

BGH ký duyệt

**TUẦN 3**

Ngày soạn: 28- 08- 2020

Dạy tuần :

**Tiết 11-12** : **Văn bản**: **TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN,**

**QUYỀN ĐƯỢC SÔNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

***( Trích hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em )***

**I.Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức: Tiếp tục giúp học sinh

- Thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay và tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ chăm sóc trẻ em, sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này.

- Hiểu nghệ thuật nghị luận chính trị xã hội trong văn bản nhật dụng.

- Vận dụng kiến thức về quyền trẻ em để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong đời sống hằng ngày.

2. Kĩ năng:

- Rèn luyện kĩ năng đọc, tìm hiểu và phân tích văn bản nhật dụng nghị luận - chính trị- xã hội .

3. Thái độ:

- Giáo dục lòng nhân ái, tình cảm biết ơn, niền tin về cuộc sống tốt đẹp

4. Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm

**II.Chuẩn bị.**

Gv: - Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài.

Hs: - Học bài cũ : Nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản : Đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

- Đọc bài mới, trả lời các câu hỏi.

**III.Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức:

-Ổn định trật tự

-Kiểm tra sĩ số:

2.Kiểm tra bài cũ(2’)

? Phân tích luận điểm 1, 2 của VB   ‘‘Đấu tranh cho một thế giới hoà bình’’

3.Dạy bài mới

**Hoạt động 1: Khởi động**(5’)

\*Mục tiêu:tạo tâm thế hào hứng phấn khởi vào tiết học

Bước 1:Cho học sinh nghe bài hát: Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai…

?Trẻ em hiện nay có vai trò như thế nào đối với đất nước?

Bước 2,3: HS suy nghĩ – trả lời – nhận xét

Bước 4: GV nhận xét

câu hát giúp mỗi chúng ta ý thức rõ hơn về vai trò của trẻ em với đất nước, với nhân loại. Song, hiện nay vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em bên cạnh những mặt thuận lợi còn đang gặp những khó khăn, thách thức cản trở không nhỏ ảnh hưởng sấu đến tương lai phát triển của các em. Văn bản “Tuyên bố …” sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề này.

**Hoạt động 2:Hình thành kiến thức**(33’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung** |
| **\* Mục tiêu:**  - Nắm được một số nét cơ bản về tác phẩm.  - Thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay và tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ chăm sóc trẻ em, sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này.  **\* Các bước thực hiện**  - **Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  **- Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  **- Bước 3**: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét**.**  **- Bước 4:** Giáo viên chốt ý.  **? Giới thiệu văn bản: 5’**  ? Nêu xuất xứ của văn bản.  ? Hoàn cảnh ra đời của văn bản.  - Giáo viên giới thiệu bối cảnh thế giới mấy chục năm cuối TK XX: Thuận lợi, khó khăn.  **? Đọc,hiểu cấu trúc văn bản : (8’)**  GV : Đọc P1 và hướng dẫn HS đọc: to rõ ràng, dứt khoát, khúc triết.  HS đọc phần còn lại.  GV : Nhận xét, uốn nắn  ? Xác định kiểu văn bản ? Vì sao.  GV: Nếu lược bỏ các con số và đề mục thì bản tuyên bố hoàn toàn được viết theo phương thức lập luận; triển khai lời tuyên bố bằng hệ thống lí lẽ, kết hợp với dẫn chứng. Bài viết được trình bày dưới dạng những con số, đề mục để dễ hiểu, dễ truyền bá.  ? Cho biết văn bản trên có thể chia làm mấy phần? Hãy xác định giới hạn và nội dung của từng phần.  ? Hs đọc lại mục 1,2 của văn bản  ? Mở đầu bản tuyên bố đã thể hiện cách nhìn như thế nào về đặc điểm của trẻ.  ? Cộng đồng thế giới đã nhận thức như thế nào về trẻ em.  ? Mở đầu bản tuyên bố cũng nêu lên quyền sống của trẻ em như thế nào.  ? Với cách trình bày của tác giả thì theo em trẻ em có quyền gì.  ? Nhận xét gì về cách nhìn của cộng đồng quốc tế về trẻ em và quyền sống của chúng.  GV : Nhấn mạnh vị trí, vai trò của trẻ em - thế hệ tương lai, chủ nhân của đất nước trong mỗi quốc gia. | **I. Giới thiệu văn bản:**  ***1. Xuất xứ:***  - Trích trong “ Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em” NXB chính trị quốc gia – Uỷ ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em VN, Hà Nội 1997.  ***2. Hoàn cảnh ra đời của bản tuyên ngôn:***  - Thuận lợi: KHKT phát triển, kinh tế tăng trưởng, quan hệ hợp tác quốc tế mở rộng có ĐK tốt để chăm sóc trẻ em.  - Khó khăn: Phân hoá mức sống giàu nghèo, chiến tranh và bạo lực nhiều nơi, trẻ em tàn tật, thất học, lang thang tăng.  **II. Đọc – hiểu cấu trúc văn bản :**  *- Kiểu văn bản* : Nhật dụng  *- Phương thức biểu đạt*: Nghị luận + TM  *- Bố cục văn bản:* 4 phần  + Phần 1 (Mục 1,2): Nhận thức của cộng đồng quốc tế về quyền trẻ em.  + Phần 2 : Sự thách thức, thực trạng bất hạnh trong cuộc sống của trẻ em.  + Phần 3: Cơ hội, những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế chăm sóc, bảo về trẻ em.  + Phần 4 : Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể.  **III. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Nhận thức của cộng đồng quốc tế của trẻ em và quyền sống của chúng:**  - Trẻ em : trong trắng, hiểu biết, ham hoạt động, đầy ước vọng, dễ bị tổn thương và sống phụ thuộc.  -> Yếu đuối, không tự bảo vệ trước những bất hạnh.  - Quyền sống :  + Phải được sống trong vui tươi thanh bình, được chơi, học và phát triển.  + Tương lai được sống trong sự hoà hợp, tương trợ.  -> Trẻ em phải được bình đẳng, được giúp đỡ về mọi mặt.  -> Cách nhìn đầy thương yêu, trách nhiệm.  => Quyền trẻ em là vấn đề quan trọng, cấp bách, cộng đồng quốc tế đã có sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề này |

**Hoạt động 3 – 4- 5: Luyện tập - vận dụng – mở rộng**(5’)

**\* Mục tiêu:**

- Vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tế học tập của bản thân và vận dụng luyện tập làm một số bài tập vận dụng và nâng cao

- Vận dụng kiến thức về quyền trẻ em để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ trong đời sống hằng ngày.

**\* Các bước thực hiện**

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

? Cộng đồng quốc tế đã nhận thức như thế nào về trẻ em và quyền sống của chúng.

- Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.

- Bước 4: Giáo viên chốt ý,

\* Củng cố:

GV sơ kết lại nội dung tiết học và gợi mở cho tiết 2.

Giáo viên cho học sinh đọc lại văn bản.

**\* Hướng dẫn:**

+ Đọc kĩ lại văn bản, nắm xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác.

+ Chuẩn bị tiếp phần: thách thức, cơ hội và giải pháp của bài “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và pháttriển của trẻ em”

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 12 :**

**VĂN BẢN: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC SÔNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

***( Trích hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em )***

***Ngày soạn: 28/08/2020***

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức: Tiếp tục giúp học sinh

- Thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay và tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ chăm sóc trẻ em, sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này.

- Hiểu nghệ thuật nghị luận chính trị xã hội trong văn bản nhật dụng.

- Vận dụng kiến thức về quyền trẻ em để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong đời sống hằng ngày.

2. Kĩ năng:

- Rèn luyện kĩ năng đọc, tìm hiểu và phân tích văn bản nhật dụng nghị luận - chính trị- xã hội .

3. Thái độ:

- Giáo dục lòng nhân ái, tình cảm biết ơn, niền tin về cuộc sống tốt đẹp

4. Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm

**II. Thiết bị, tài liệu dạy - học :**

1. Chuẩn bị của thày :

- Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài.

2. Chuẩn bị của trò:

- Học bài cũ : Nắm được xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của văn bản : Tuyên bố thế giới về sự ……. của trẻ em. Hiểu được nội dung của phần 1

- Chuẩn bị tiếp phần còn lại của văn bản..

**III. Tiến trình dạy - học :**

1.Ổn định tổ chức :

2. Kiểm tra bài cũ:

**Hoạt động 1 : Khởi động( Kiểm tra bài cũ)** (5’)

\* Mục tiêu:

- Giúp học sinh : Nắm được xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của văn bản : Tuyên bố thế giới về sự ……. của trẻ em. Hiểu được nội dung của phần 1

\* Các bước thực hiện

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

? Trình bày xuất xứ, hoàn cảnh ra đời và các phần của bản tuyên bố.

? Cộng đồng quốc tế đã nhận thức như thế nào về quyền trẻ em.

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.

Bước 4: Giáo viên chốt ý, dẫn vào bài mới

Trẻ em hôm nay thế giới ngày mai. Trẻ em có quyền được sống trong vui tương, thanh bình và được vui chơi, học hành, phát triển. Thế nhưng trong thực tế ở nhiều nơi trên thế giới, trẻ em phải chịu bất hạnh. Những bất hạnh đó là gì và giải pháp để thực hiện ra sao? Bài hôm nay chúng ta tìm hiểu tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2: Hình thành kiến thức**(34’)  \* Mục tiêu:  - Thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay và tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ chăm sóc trẻ em, sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này.  **2. Thực trạng bất hạnh trong cuộc sống của trẻ em trên thế giới:**  \* Các bước thực hiện  - B 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  ? HS đọc lại phần 2  ? Phần văn bản này nói lên vấn đề gì? Em hiểu như thế nào về đề mục “ Sự thử thách”  ? Phần văn bản nêu lên những nỗi bất hạnh gì mà trẻ em phải chịu đựng  GV : Liên hệ nạn buôn bán trẻ em, động đất, sóng thần, bão lụt...  ? Theo em những bất hạnh nào là lớn nhất.  ? Những bất hạnh đó có thể giải thoát bằng cách nào.  HS thảo luận nhóm  ? Tại sao đó là thách thức mà những nhà lãnh đạo phải đáp ứng.  ? Em hiểu điều này như thế nào.  ? Từ đó em hiểu tổ chức liên hiệp quốc đã có thái độ như thế nào với quyền trẻ em.  - B 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ  - B3: Gọi học sinh trình bày, nhận xét, đánh giá  - B 4: Giáo viên chốt ý.  **? HS đọc phần “ Cơ hội”**  B1: Gv giao nhiệm vụ  ? Bản tuyên bố đưa ra những cơ hội nào có thể thực hiện được cam kết về trẻ em.  GV : HS cho biết Đảng và nhà nước ta đã và đang có sự quan tâm như thế nào đối với trẻ em ?  ? Những cơ hội ấy ở Việt Nam như thế nào. Cảm nghĩ của em về những cơ hội này.  HS thảo luận nhóm  - B 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ  - B3: Gọi học sinh trình bày, nhận xét, đánh giá  - B 4: Giáo viên chốt KT  ? HS tìm hiểu về các giải pháp cụ thể của cộng đồng quốc tế về quyền trẻ em.  B1: GV giao nhiệm vụ  ? HS đọc phần “ Nhiệm vụ”  ? VB đã nêu những nhiệm vụ cụ thể nào.  ? Trong đó nhiệm vụ nào là quan trọng nhất? Vì sao.  HS thảo luận nhóm  ? Bản tuyên bố đã nêu những biện pháp cụ thể nào.  ? Trong đó, trẻ em VN được hưởng những quyền lợi gì từ những nỗ lực của Đảng và Nhà nước.  - Hs thảo luận  - VD: Luật giáo dục tiểu học…  - B 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ  - B3: Gọi học sinh trình bày, nhận xét, đánh giá  - B 4: Giáo viên chốt KT  ? HS tổng kết noi dung bài học  B1: GV giao nhiệm vụ  ? Qua bản tuyên bố, em nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề chăm sóc, bảo về, giáo dục trẻ em.  ? Để xứng đáng với sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, của Đảng và nhà nước em tự nhận thấy phải làm gì.  - B 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ  - B3: Gọi học sinh trình bày, nhận xét, đánh giá  - B 4: Giáo viên chốt KT  ? HS đọc ghi nhớ trang 35  - Học sinh tự bộc lộ | **2. Thực trạng bất hạnh trong cuộc sống của trẻ em trên thế giới:**  **\* Những bất hạnh của trẻ em**  - Là nạn nhân của chiến tranh, phân biệt chủng tộc, sự chiếm đóng, thôn tính của nước ngoài.  - Là nạn nhân của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, vô gia cư.  - Là nạn nhân của dịch bệnh, mù chữ, suy dinh dưỡng chết chóc.  **\* Đó là thách thức mà những nhà lãnh đạo chính trị phải đáp ứng.**  -> Liên hiệp quốc tế nhận thức rõ thực trạng bất hạnh trong cuộc sống của trẻ em, quyết tâm giúp các em vượt qua những nỗi bất hạnh này.  **3. Khả năng của cộng đồng quốc tế có thể thực hiện được:**  **\* Cơ hội của cộng đồng quốc tế:**  - Các nước phải có đủ phương tiện và kiến thức  - Công ước về quyền của trẻ em tạo ra cơ hội để trẻ em được quan tâm.  - Bầu không khí chính trị được cải thiện : hợp tác, đoàn kết quốc tế .  **\* Đối với Việt Nam:**  - Có đủ phương tiện và kiến thức (y tế giáo dục, thông tin, kinh tế…)  - Trẻ em được tôn trong và chăm sóc.  - Chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng, hợp tác quốc tế được mở rộng.  -> Tin tưởng, phấn khởi về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế , của nước ta.  **4. Các giải pháp cụ thể của cộng đồng quốc tế về quyền trẻ em:**  **\* Nêu nhiệm vụ cụ thể:**  - Tăng cường sức khoẻ và chế độ dinh dưỡng cụ thể.  - Quan tâm đến trẻ em tàn tật và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.  - Đảm bảo quyền bình đẳng giữa em trai và em gái.  - Đảm bảo cho trẻ được giáo dục hết tiểu học.  - Đảm bảo an toàn cho bà mẹ mang thai và sinh đẻ.  - Tạo cơ hội cho trẻ lang thang biết được nguồn gốc, lai lịch của chúng.  **\* Biện pháp cụ thể:**  - Tăng trưởng kinh tế  - Các nước có sự phối hợp hành động vì trẻ.  **III. Tổng kết:**  - Bảo vệ, chăm lo cho sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng nhất, có ý nghĩa toàn cầu. Bản tuyên bố chứng tỏ sự quan tâm đặc biệt của cộng đồng quốc đối với trẻ em. |

**\*Hoạt động 3 : Luyện tập**(3’)

Mục tiêu:Hs thấy được tình trạng trẻ em trên thế giới và trong nước và những việc cần làm của cá nhân và xã hội để góp phần cải thiện tình trạng của trẻ em hiện nay.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.

? Từ góc độ cá nhân, em hiểu gì về thực trạng của trẻ em hiện nay

? Em có thể làm gì để góp phần cải thiện tình trạng của trẻ em hiện nay.

- HS trình bày ý kiến của cá nhân và bổ sung ý kiến của bạn.

Bước 4: Giáo viên chốt ý,liên hệ.

**\*Hoạt động 4,5:Vận dụng tìm tòi mở rộng( ( ở nhà)** (3’)

Mục tiêu:giúp hs thấy đượctầm quan trọng của vấn đề bảo vệ và chăm sóc trẻ em

Vận dụng kiến thức về quyền trẻ em để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong đời sống hằng ngày.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

? Hãy nêu những chủ trương, việc làm của đảng và nhà nước, chính quyền địa phương thể hiện sự quan tâm đến trẻ em.

? Em nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ và chăm sóc trẻ em?

? Nêu những cảm nhận của cá nhân sau khi đọc văn bản?

Thể hiện bằng các hình thức: minh họa bằng tranh ảnh về thực trạng trẻ em hiện nay. Hoặc phát biểu ý kiến của em về sự quan tâm, chăm sóc của chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội nơi em ở hiện nay đối với trẻ em .

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Chuẩn bị bài tiếp theo: “Người con gái Nam Xương". Tập tóm tắt truyện.(Về nhà)

- Đọc và chuẩn bị bài: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

**\*Rút kinh nghiệm:**

……………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………

**Tiết:13 CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

***Ngày soạn: 28/08/2020***

**I. Mục tiêu bài học:**

1.Kiến thức

- Nắm được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong khi viết văn bản.

- Tích hợp với Văn qua văn bản *"Chuyện người con gái Nam Xương"*, với tập làm văn ở bài *"Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự".*

2.Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng trích dẫn khi viết văn bản cho học sinh.

3.Thái độ. Giáo dục ý thức sử dụng lời bình, lời nhận xét của một số nhà văn khi xây dựng văn bản.

4. Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm

**II.Chuẩn bị**

\*Giáo viên: Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài,

- Bảng phụ.

\*Học sinh: Chuẩn bị bài mới: Đọc kĩ nội dung SGK và trả lời các câu hỏi.

**III. Tiến trình bài học**:

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Hoạt động 1 : Khởi động**( 5’)**

\* Mục tiêu: Giúp học sinh nhớ lại KT về từ ngữ xưng hô trong hội thoại? lấy VD

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.

? Hệ thống từ ngữ xưng hô và cách sử dụng ? cho ví dụ minh họa?

? Tìm VD về việc lựa chọn từ ngữ xưng hô khiêm nhường tôn trọng người đối thoại trong giao tiếp?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.

Bước 4: Giáo viên chốt ý, dẫn vào bài mới

Trong hội thoại người ta có thể dẫn lại lời nói hay ý nghĩ của một ngườihay của nhân vật mà lời nói là ý nghĩ được nói ra,ý nghĩ là lời nói bên trong chưa đượcnói ra. Có khi lời nói bên trong đúng, nghiêm túc nhưng nếu biến nó thành lời bên ngoài thì không thích hợp ví dụ như truyện cười Sgk. Khi tạo tập văn bản viết, ta thường dẫn lời nói hay ý nghĩ của một người, một nhân vật. Song cách dẫn đó của ta đã đúng hay chưa? Có những cách dẫn nào; để tìm hiểu về vấn đề này, mời các em sẽ tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức( 20’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐ: Tìm hiểu: Cách dẫn trực tiếp  \* Mục tiêu: HS hiểu được Cách dẫn trực tiếp trong giao tiếp? Nhận diện được cách dẫn TT trong văn bản.HS lấy ví dụ  - Hình thức : HĐ cá nhân  B1 : GV giao nhiệm vụ  ? Học sinh đọc ví dụ a, b trên bảng phụ.  ? Phần in đậm ở ví dụ a là lời nói hay ý nghĩ của một nhân vật?  ? Nó được ngăn cách với một bộ phận đứng trước bằng những dấu gì ?  ? Phần in đậm ở ví dụ b là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật?  ( Giáo viên nói để học sinh hiểu khái niệm lời nói và ý nghĩ bằng một tình huống cụ thể )  ? Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng những dấu gì ?  ? Có thể đảo vị trí của phần in đậm lên phía trước được không ? Khi đảo hai bộ phận sẽ được ngăn cách bằng dấu gì ?  ? Em hiểu thế nào là cách dẫn trực tiếp.  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.  Bước 4: Giáo viên chốt ý  HS tìm hiểu cách dẫn gián tiếp  Học sinh đọc ví dụ a, b ở mục II.  \* Mục tiêu: HS hiểu được Cách dẫn gián tiếp trong giao tiếp? Nhận diện được cách dẫn TT trong văn bản. HS lấy ví dụ  - Hình thức : HĐ cá nhân  HS lấy ví dụ  - Hình thức : HĐ cá nhân  B1 : GV giao nhiệm vụ  ? Phần in đậm ở ví dụ a là lời nói hay ý nghĩ ?  ? Phần in đậm ở ví dụ b là lời nói hay là ý nghĩ ?  ? Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu gì ?  ? Có thể thay từ "rằng" bằng từ gì ?  ? Em hiểu thế nào là cách dẫn gián tiếp.  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.  Bước 4: Giáo viên chốt ý  HS tìm hiểu chuyển lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp sang lời dẫn gián tiếp.  \* Mục tiêu: HS hiểu được Cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp? HS lấy ví dụ.  - Hình thức : HĐ cá nhân  B1 : GV giao nhiệm vụ  Giáo viên chiếu ví dụ lên máy chiếu :  a. Hôm qua, nó quả quyết với tôi rằng : " Ngày mai tôi sẽ đến nhà anh chơi ".  b. Hôm qua nó quả quyết với tôi rằnghôm nay nó đến nhà tôi chơi.  ? Hãy xác định lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp trong các ví dụ trên.  ? Em có nhận xét gì về 2 cách diễn đạt trên ?  ? Từ đó em rút ra kết luận gì khi chuyển lời dẫn gián tiếp sang lời dẫn trực tiếp ?  Học sinh phát biểu, giáo viên kết luận  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.  Bước 4: Giáo viên chốt ý | **I. Cách dẫn trực tiếp**  \* Ví dụ a :  - Cháu nói : " Đấy, bác.........là gì!"  -> Đây là lời nói vì trước đó có từ " nói " trong phần lời của người dẫn.  -> Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu 2 chấm và dấu ngoặc kép.  \* Ví dụ b :  - Hoạ sĩ nghĩ thầm : " Khách ..... chẳng hạn ".-> Đây là ý nghĩ vì trước đó có từ " nghĩ ".  - Dấu hiệu tách hai phần câu cũng là dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.  -> Có thể đảo được. Khi đảo cần thêm dấu gạch ngang để ngăn cách hai phần.  => Cách dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.  **II. Cách dẫn gián tiếp :**  \* Ví dụ :  a, Phần in đậm ở ví dụ a là lời nói.  b, Phần in đậm ở ví dụ b là ý nghĩ.  - Nó được ngăn cách với bộ phận trước bởi từ " rằng " ở ví dụ B. Chuẩn bị của thầy trò:  - Có thể thay từ " rằng " bằng từ " là ".  => Dẫn gián tiếp là nhắc lại lời hay ý của người hoặc nhân vật theo kiểu thuật lại, không giữ nguyên văn.  \* Ghi nhớ : SGK.  **III. Chuyển lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp sang lời dẫn gián tiếp.**  \* Ví dụ :  a. Đây là lời dẫn trực tiếp.  b. Đây là lời dẫn gián tiếp.  - Xét về nội dung 2 cách diễn đạt trên giống nhau, nhưng khác về cấu trúc ngữ pháp, từ ngữ có sự thay đổi.( ở ví dụ b)  \* Kết luận : Khi chuyển lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp, cần chú ý các bước sau :  - Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép .  - Chuyển chủ ngữ ở lời dẫn trực tiếp sang ngôi thích hợp ( đại từ ngôi thứ 3  - Thay đổi các từ định vị thời gian cho thích hợp. |

**Hoạt động 3 : Luyện tập**(23’)

\*Mục tiêu:Hs củng cố, khắc sâu kiến thức, dựa vào cách dẫn TT và cách dẫn GT để vào làm bài tập.

Hình thức: HĐ cá nhân, HĐ nhóm

\* Các bước thực hiện

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Bài tập 1 : Yêu cầu học sinh nhận diện cách dẫn và lời dẫn.

- Cách dẫn trong các câu ở a, b đều là dẫn trực tiếp.

- Câu a : Lời dẫn bắt đầu từ " A! lão già....". Đó là ý nghĩ mà nhân vật gán cho con chó.

- Câu b : Lời dẫn bắt đầu từ " Cái vườn là ...". Đó là ý nghĩ của nhân vật ( lão tự bảo rằng )

Bài tập2 : Yêu cầu học sinh thực hành tạo câu có chứa lời dẫn theo mẫu gợi ý đẫ cho. ( Học sinh làm theo 3 nhóm)(7’)

Hs cử nhóm trưởng. HS làm việc cá nhân. HS tổng hợp kết quả cho nhóm trưởng

Câu a : - Dẫn trực tiếp :

Trong " Báo cáo chính trị.... của Đảng ", Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ : " Chúng ta phải....."

- Dẫn gián tiếp :

Trong " Báo cáo chíng trị .....của Đảng " Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta phải ....

Câu b : - Dẫn trực tiếp Trong cuốn sách " Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa....thời đại", đồng chí Phạm Văn Đồng viết " Giản dị trong đời sống .....làm được ".

- Dẫn gián tiếp :

Trong cuốn sách " Chủ tich Hồ Chí Minh ....thời đại " đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định rằng Hồ Chủ Tịch là một con người giản dị....làm được.

Câu c : - Dẫn trực tiếp :

Trong cuốn sách " Tiếng Việt..... dân tộc " ông Đặng Thai Mai khẳng định :

" Người Việt nam ngày nay....... của mình"

- Dẫn gián tiếp :

Trong cuốn sách " Tiếng Việt ......dân tộc " ông Đặng Thai Mai khẳng điịnh rằng người Việt Nam.....của mình.

Bài tập 3 : Giáo viên hướng dẫn cho học sinh :

- Yêu cầu : Chuyển lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp trong một tình huống cho sẵn với số lượng người tham gia có thể gây nhầm lẫn.

- Cần chú ý :

+ Phân biệt rõ lời thoại là của ai, đang nói với ai, trong đó có phần nào mà người nghe cần chuyển đến người thứ ba, người thứ ba đó là ai.

+ Thêm vào trong câu những từ ngữ thích hợp để mạch ý của câu rõ :

Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng và dặn Phan nói hộ với chàng Trương rằng nếu chàng còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, thì xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, Vũ Nương sẽ trở về.

- Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.

- Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 4,5:Vận dụng, mở rộng.( ở nhà)( 2’)**

-Mục tiêu:Vận dụng những kiến thức của bài họclàm một số bài tập vận dụng và nâng cao

-Vận dụng các tình huống giao tiếp đã học trong cuộc sống hàng ngày.

- Hình thức : HĐ cá nhân

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

? Phân biệt lời dẫn trực tiếp với lời dẫn gián tiếp

? Tìm những lời dẫn gián tiếp trong truyện người con gái NX của Nguyễn Dữ

**\* Dặn dò**: Học bài và hoàn thiện bài tập còn lại

- Ôn tập kỹ văn thuyết minh để giờ sau viết bài

**\*Rút kinh nghiệm:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 14- 15 VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

***Ngày soạn: 28/08/2020***

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức: Giúp học sinh

- Hiểu được phương pháp làm bài văn thuyết minh có kết hợp với các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.

- Biết sử dụng các biện pháp nghệ thuật, các yếu tố miêu tả trong bài viết.

- Vận dụng kiến thức đã học để viết bài văn thuyết minh hoàn chỉnh đạt hiệu quả.

2. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng làm bài văn thuyết minh có kết hợp với các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tình cảm đối với quê hương, đất nước, trân trọng những giá trị tinh thần của dân tộc.

- Có ý thức tự lực khi làm bài.

4. Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm

**II.Chuẩn bị**

Gv:Ra đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.

Hs:Học bài, chuẩn bị vở viết văn.

**III. Tiến trình bài học:**

1.Ổn định tổ chức :

2. Kiểm tra:

Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

3. Bài mới:

GV đọc - chép đề bài lên bảng. HS chép đề vào giấy kiểm tra.

1. Đề bài: Giới thiệu về cây lúa Việt Nam.

2. Dàn bài

a. Mở bài : Giới thiệu chung về cây lúa Việt Nam.(Diễn đạt bằng một đoạn văn mượt mà diễn cảm, không mắc lỗi chính tả).

b. Thân bài : Đảm bảo các ý sau :

-Ý 1: Quá trình hình thành, nguồn gốc cây lúa: gắn liền với con người VN, lúa là cây lương thực chủ yếu không thể thiếu được đối với chúng ta.

-Ý 2: Quá trình phát triển cây lúa: cây mạ -cây lúa non –lúa con gái- trỗ đòng-lúa chín...( Có yếu tố miêu tả)

-Ý 3: đặc điểm của cây lúa:

+ Thân: mềm, mọc thẳng, từng khóm,rễ chùm.Là cây có một lá mầm.

+ Lá: phiến dài, mỏng, lá mọc bao quanh thân.Tuỳ từng thời kì sinh trưởng mà lá lúa có màu khác nhau.Lúc còn non, màu lá xanh mỡn,phất phơ dưới ánh nắng ban mai trông như thảm cỏ bạt ngàn thật thích mắt.

+ Trỗ đòng: mỗi khóm lúa hàng chục bắp đòng thẳng tắp vươn lên rất đỗi hùng dũng...

+ Hạt thóc: tròn mẩy,có màu vàng xuộm.

-Ý 4: Tác dụng cây lúa trong đời sống VN: Rơm, rạ. Gạo

-Ý 5: sức sống mãnh liệt của cây lúa trong sống của người Việt.

Hình ảnh cây lúa đã ăn sâu vào tiềm thức của con người Việt Nam.

c. Kết bài: khẳng định giá trị của cây lúa trong đời sống chúng ta.

3. Hướng dẫn chấm-thang điểm.

+ **Hình thức:** Yêu cầu viết đúng thể loại. Bố cục mạch lạc, rõ ràng.

+ **Nội dung:**

- Điểm 9: Đảm bảo đủ các nội dung trên, văn viết lưu loát, bố cục rõ ràng, sai một vài lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 7- 8: Đảm bảo đủ các nội dung trên, bố cục rõ ràng, sai 3- 4 lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 5 - 6: Đảm bảo 2/3 nội dung trên, bố cục tương đối rõ ràng, sai 5- 6 lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 3 - 4: Đảm bảo 1/2 nội dung trên, bố cục chưa rõ ràng, sai nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 1- 2:Bài viết lan man, không rõ ý, sai nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.

\* GV nêu yêu cầu, học sinh làm bài :

4. Củng cố bài :

GV thu bài để chấm. GV nhận xét giờ làm bài của HS .

**\* Dặn dò:** học bài, viết lại bài văn vào vở soạn

Soạn bài:"Chuyện người con gái Nam Xương’’

**\*Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 4**

**Tiết 16-17-18 Văn bản : CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

***Ngày soạn: 07- 09- 2020* ( Nguyễn Dữ)**

Ngày dạy :

**I.Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức

- Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong tác phẩm truyện truyền kì.

- Hiện thực về số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đệp truyện thống của họ.

2. Kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức đó học để đọc - hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyền kì.

- Cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự của nguồn gốc dân gian.

3. Thái độ:

- Thấy rõ được số phân oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến từ đó liên hệ với xã hội đương thời biết bênh vực kẻ yếu và phụ nữ.

4. Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm

**II. Chuẩn bị.**

1.Gv:Giáo án,Tác phẩm “Truyền kì mạn lục”

- Phiếu học tập

2. Hs:SGK, Vở ghi, Vở soạn

**III. Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức:(1 phút|)

-Ổn định trật tự

-Kiểm tra sĩ số:

2. Kiểm tra bài cũ: (3 phút)

3.Dạy bài mới

**Hoạt động 1:Khởi động.**

-Mục tiêu: tạo tình huống có vấn đề gây hứng thú học tập.

-Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

? Em hãy kể tên một số truyện cổ dân gian viết về số phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

- Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.

Bước 4: Giáo viên chốt ý

GV đọc câu ca dao:

***“Thân em như hạt mưa sa”***

***Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày***

Viết về người phụ nữ là một đề tài phổ biến của văn học trung đại, có nhiều tác giả quan tâm và viết thành công. Một trong các tác giả đó là nhà văn Nguyễn Dữ với tập: Truyền kì mạn lục – Một tập truyện được đánh giá là : Thiên cổ kì bút. Đây là tập truyện có nhiều giá trị cả về nội dung lẫn nghệ thuật. Nổi bật trong tập truyện đó là câu chuyện: Chuyện người con gái Nam Xương.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung** |
| HĐ 1: Tìm hiểu chung về tác giả  -Mục tiêu: Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm truyền kì mạn lục  Hình thúc hoạt động nhóm  -Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.  N1: Trình bày hiểu biết của em về tác giả ?  N2: Em hiểu thế nào là "*Truyền kì mạn lục*" ?  ? Trình bày hiểu biết của em về tác phẩm "*Truyền kì mạn lục*" của Nguyễn Dữ ?  ? Truyện "Người con gái Nam Xương" có vị trí như thế nào trong tác phẩm.  N3: Truyện có những sự việc chính nào ?  ? Em hãy tóm tắt câu chuyện.  N4: VB có thể chia làm mấy đoạn? Nêu giới hạn & ND của từng đoạn?Trong truyện có những nhân vật nào. Ai là nhân vật chính.  ?Nêu nội dung chính của "Người con gái Nam Xương" ?  - Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.  N1 : Nguyễn Dữ sống ở thế kỷ XVI:giai đoạn CĐPK đang ở đỉnh cao thịnh vượng bắt đầu suy yếu.Các tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh -Mạc gây loạn lạc liên miên.Thân sinh ông đỗ tiến sĩ . Bản thân ông là học trò xuất sắc của Nguyễn Bỉnh Khiêm chịu ảnh hưởng của Nguyễn Bỉnh Khiêm, chịu ảnh hưởng của thày. Ông làm quan một năm -> ở ẩn -> gần gũi với thôn quê và người lao động. Tác phẩm của ông luôn quan tâm đến xã hội và con người, phản ánh số phận con người, chủ yếu là người phụ nữ. Nhờ đó mà Nguyễn Dữ mở đầu cho CN nhân văn trong XH trung đại. Thông qua số phận nhân vật, Nguyễn Dữ đi tìm giải đáp xã hội: Con người phải sống ra sao để có hạnh phúc ? Làm thế nào để nắm bắt hạnh phúc ? Hạnh phúc tồn tại ở thế giới nào ? Cõi tiên, cõi trần, thế giới bên kia ? Nguyễn Dữ đưa ra nhiều giả thiết nhưng tất cả đều bế tắc. Đó là thông điệp cuối cùng ông để lại cho người đời qua hình tượng NT của "*Truyền kì mạn lục*". Ông là người đầu tiên dùng thuật ngữ" đặt tên cho tác phẩm của mình. Ông được coi là cha đẻ của loại hình truyền kì Việt Nam.  N2: \*Truyền kì:Thể loại truyện ngắn viết về những điều kì lạ .  -Mạn :tản mạn  -Lục :ghi chép  =>Truyện ghi chép những điều kì lạ trong dân gian  -> "*Truyền kì mạn lục*" từng được đánh giá là "*thiên cổ kì bút*"(áng văn hay của nghìn đời) gồm 20 truyện nội dung phong phú, đậm tinh thần nhân văn - nhân đạo. Hầu hết các nhân vật đều là người Việt và sự việc đều diễn ra ở nước ta.  - Truyện thứ 16/20 truyện, có nguồn gốc từ truyện dân gian "*Vợ chàng Trương*", Nguyễn Dữ đã sáng tác thành truyện truyền kì chữ Hán do Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch.  - Truyện một mặt ngợi ca và cảm thương số phận một người đàn bà trinh tiết mà bất hạnh, mặt khác chê trách người đàn ông ghen tuông, cố chấp đã đẩy vợ đến chỗ đường cùng, tự mình tước đi hạnh phúc của chính mình.  N3 : Sự việc chính:  - Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.  - Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.  - Cuộc gặp gỡ giữa Phan Lang và Vũ Nương trong động Linh Phi. Vũ Nương được giải oan.  Ở huyện Nam Xương có nàng Vũ Thị Thiết xinh đẹp, thùy mị, nết na lấy chàng Trương ít học, tính đa nghi. Trương Sinh phải đi lính, Vũ Nương một tay quán xuyến việc nhà, chăm sóc mẹ chồng, nuôi dạy con thơ, một lòng chung thuỷ chờ chồng. Gần hai năm sau, Trương Sinh trở về thì mẹ đã qua đời, con vừa học nói. Chàng bế con đi thăm mộ mẹ. Chỉ vì nghe lời con nhỏ chàng đã nghi oan cho vợ mình thất tiết về nhà la um lên và một mực đánh đuổi vợ đi. Thanh minh không được Vũ Nương đã ra bến sông Hoàng Giang tự vẫn. Sau đó chàng Trương hiểu ra được nỗi oan của vợ nhưng đã quá muộn. Phan Lang- người cùng làng chết đuối được Linh Phi cứu sống đưa về thuỷ cung - tình cờ gặp Vũ Nương cũng được Linh Phi cứu. Khi Phan Lang trở về, Vũ Nương đã gửi chiếc hoa vàng, nhắn chồng giải oan cho mình. Nhưng khi chàng Trương lập đàn tràng ở bờ sông thì nàng chỉ ngồi trên kiệu hoa ẩn hiện giữa dòng, nói vọng vào lời từ biệt rồi biến mất.  N4- Đoạn 1: Từ đầu "... cha mẹ đẻ mình": Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương ...  - Đoạn 2: Tiếp "... qua rồi": Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.  - Đoạn 3: Còn lại: Vũ Nương được giải oan.  - Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.  **HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản**  -Mục tiêu: Hs thấy được vẻ đẹp tâm hồn cảu người phụ nữ trong xh cũ và số phận oan nghiệt của họ.  Hình thức hoạt động cá nhân  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.  - Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.  Học sinh đọc thầm: từ đầu đến "... quan san".  ? Đoạn văn có nội dung như thế nào ?  ? Ngay từ đầu tác phẩm, Vũ Nương được giới thiệu là con người như thế nào ?  ? "Tư dung" nghĩa là gì -> Vẻ người, sắc mặt.  ? Qua cách giới thiệu em thấy Vũ Nương là người ntn -> Là cô gái hoàn hảo của làng quê, mang cái đẹp của bông hoa đồng nội.  ? Theo em đức tính gì là nổi bật ở nàng  -> Đức hạnh  GV: Chính vì vậy Trương Sinh đã dám bỏ ra cả trăm lạng vàng cưới nàng về làm vợ.  ? Trương Sinh được giới thiệu là người ntn.  ? Trong những ngày đầu làm vợ chàng Trương, đức hạnh của nàng được thể hiện như thế nào?  ? Em có nhận xét gì về cuộc sống của gia đình Vũ Nương -> Cuộc sống khá hạnh phúc.  ? Có được cuộc sống hạnh phúc đó là do đâu.  -> Do sự cố gắng và khéo léo của Vũ Nương.  ? Qua đây em có nhận xét gì về cách giới thiệu nhân vật của tác giả.  -> Cách giới thiệu nhân vật ngắn gọn, hợp logic. Cuộc sống gia đình Vũ Nương đã hé mở sự mâu thuẫn giữa tính cách hai người. Nhược điểm hay ghen, đa nghi của Trương Sinh đã ủ sẵn mầm mống của những bi kịch có thể xảy đến khi có biến cố. Và điều đó đã đến: triều đình gọi lính, Trương Sinh ít học, phải đi ngay đợt đầu.  Học sinh đọc đoạn tiễn chồng đi lính.  ? Thái độ, cách cư xử của Vũ Nương khi chồng đi lính như thế nào ?  - Việc làm: Rót chén rượu đầy.  - Lời nói: Chàng đi chuyến này chẳng dám mong đeo ấn phong hầu. Chỉ xin ngày về mang theo 2 chữ "bình yên".  ? Em hiểu *"đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm*" là gì -> Được làm quan to, được ban ấn và may áo bằng gấm quý.  ? Vũ Nương là người như thế nào qua lời dặn dò đó.  Gv: Câu văn, nhịp nhàng, uyển chuyển, lối biền ngẫu, hình ảnh ước lệ …Lời lẽ của VN với chồng từ tốn và hết sức chân thành.  ? Qua lời dặn dò của Vũ Nương, em thấy Vũ Nương mong mỏi điều gì .  -> Không màng cao sang, chỉ mong giặc tan, chồng sớm trở về sống hạnh phúc với gia đình.  ? Theo em cái nàng cần, cái nàng coi trọng là gì -> Là tình cảm vợ chồng.  ? Em có nhận xét gì về ước nguyện của nàng.  -> Nguyện ước của một người phụ nữ bình thường, một nguyện ước dễ hiểu.  ? Qua đó chứng tỏ Vũ Nương là người vợ ntn.  Học sinh theo dõi đoạn tiếp ...cha mẹ đẻ".  ? Thời gian chồng vắng nhà, Vũ Nương đã sống như thế nào -> Vũ nương là người vợ thủy chung, yêu chồng tha thiết, luôn nhớ đến chồng.  ? Tìm những chi tiết thể hiện Vũ Nương luôn nhớ đến chồng ?  "Ngày qua tháng lại ... ngăn được".  Gv: Chi tiết trên là những hình ảnh ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để diễn tả sự trôi chảy của thời gian.  ? Với con, nàng là người mẹ như thế nào?  -> Làm lụng nuôi con, ân cần, trìu mến với con. Chăm sóc, nuôi nấng, chu đáo, dạy con khôn lớn.  ? Nàng đối xử với mẹ chồng ntn?  -> Chăm sóc mẹ chồng ân cần, dịu dàng, chân thành như với mẹ đẻ.  Học sinh đọc lời trăng trối của người mẹ chồng.  ? Lời trăng trối của bà mẹ chồng giúp ta hiểu rõ thêm điều gì về Vũ Nương?  -> Lời trăng trối của bà mẹ chồng đã ghi nhận nhân cách và đánh giá cao công lao của nàng đối với gia đình nhà chồng. Đó là cách đánh giá thật xác đáng và khách quan. Rõ ràng đó là người phụ nữ hiền thục, lo toan tình nghĩa vẹn cả đôi bề. Bà đã nhìn thấy, đã hiểu được công là và đức độ của con dâu mình. Chỉ tiếc rằng mong ước của bà không những không được thực hiện mà tai họa ấp đến con dâu cũng tại từ chính đứa con trai đa nghi và độc đoán của bà.  ? Với con, nàng là người mẹ như thế nào?  -> Làm lụng nuôi con, ân cần, trìu mến với con. Chăm sóc, nuôi nấng, chu đáo, dạy con khôn lớn.  ? Qua phần tìm hiểu, em thấy Vũ Nương là người phụ nữ như thế nào ?  Gv: Đó là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, hiền thục lại đảm đang tháo vát, thờ kính mẹ chồng rất mực hiếu thảo, một dạ thuỷ chung với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình. Nàng là đại diện cho người phụ nữ trong xã hội xưa, và ngày nay người phụ nữ vẫn luôn giữ được những phẩm chất tốt đẹp đó.  - Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.  Hình thức hoạt động cá nhân.  **Kiểm tra 15’**  ? Qua phần một của“*Chuyên người con gái Nam xương”,* hãy làm sáng tỏ: Nhân vật Vũ Nương là người con gái đẹp người, đẹp nết.  Về Nội dung: Phân tích rõ được mối quan hệ giữa Vũ Nương đối với chồng và mẹ chồng:  - Tính thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp -> Đẹp người, đẹp nết.  + Với chồng:  - Ngày mới chung sống biết giữ gìn khuôn phép.  - Ngày tiễn chồng: Tình cảm đằm thắm, dịu dàng, mong ước bình dị..  - Ngày xa chồng: Thương nhớ khôn nguôi, thuỷ chung chờ đợi.  + Với mẹ chồng:  - Khi ốm: chăm sóc, thuốc thang chạy chữa, lấy lời ngọt ngào khuyên lơn, lễ bái thần phật.  - Khi mẹ chết: Ma chay, tế lễ chu toàn như đối với cha mẹ đẻ.  -> Nàng là người vợ thuỷ chung, yêu thương chồng, người con dâu hiếu thảo.  Về hình thức : yêu cầu diễn đạt mạch lạc, lưu loát, đủ dẫn chứng, trình bày đẹp.  **GV:** Qua nội dung tiết 1 của truyên: Chuyện người con gái NX, các em đã thấy được VN là một người phụ nữ có những phẩm chất đẹp đẽ, đáng trân trọng. Vậy người phụ nữ nết na, đức hạnh ấy cuộc đời có được hạnh phúc không ? Số phận nàng sẽ ra sao khi chồng nàng trở về? Nội dung tiết học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.  HS đọc tiếp "*Qua năm sau.......đã trót qua rồi"*.  ? Ngày Trương Sinh trở về không khí gia đình ntn -> Mẹ mất, con vừa học nói. Buồn, ngậm ngùi.  ? Trong không khí không vui đó lại thêm câu nói của đứa trẻ thơ ngây. Đứa trẻ nói gì?  - HS đọc lời của bé Đản.  ? Em có nhận xét gì về lời nói của bé Đản.  -> Gieo vào đầu óc người cha mối nghi ngờ.  ? Câu nói của đứa con dễ làm cho người nghe hiểu lầm nhưng có phải đó là tất cả nguyên nhân của nỗi oan khuất của Vũ Nương hay còn do nguyên nhân nào nữa ?  - Tính đa nghi của Trương Sinh (nguồn gốc của nỗi oan khuất).  ? Chi tiết nào làm cho mối nghi ngờ ngày càng sâu không gỡ ra được.  - "*Trước đây có người đàn ông..."*  Gv: Trẻ con bao giờ cũng ngây thơ, chỉ biết nói thật. Tục ngữ có câu: *Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ*. Với câu nói của bé Đản, điều đó quá đủ để cho người không ghen tuông cũng phải nghi ngờ  ? Khi nghe con nói, với bản tính hay ghen Trương Sinh có thái độ gì với vợ.  + La um cho hả giận.  + Bỏ ngoài tai mọi lời phân trần của vợ và của hàng xóm, mắng nhiếc và đánh đuổi vợ, ..  ? Em hiểu *"đinh ninh"* là gì.  -> Sự khẳng định chắc chắn...  ? Em có suy nghĩ gì về cách cư xử của Trương Sinh ?  ? Em có nhận xét gì về cách xây dựng truyện  GV:Cách xây dựng truyện đầy kịch tính, các chi tiết nối tiếp, đẩy nhân vật vào mâu thuẫn đỉnh điểm.  ? Thuỷ chung là vậy song bị chồng ruồng rẫy Vũ Nương đã cởi bỏ oan trái của mình ntn.  -> HS đọc 3 lời thoại của Vũ Nương.  ? Qua lời thoại thứ nhất em hiểu Vũ Nương muốn nói điều gì.  ? Lời thoại thứ 2 Vũ Nương nói đến điều gì.  ? Khi giãi bày không được nàng đã quyết định ntn. Tai sao nàng phải chọn cái chết.  -> Thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân đã đến độ không thể hàn gắn được, Vũ Nương đành mượn dòng sông quê hương để giãi bày tấm lòng trong trắng của mình.  ? Đọc lời thoại thứ 3 ( lời thề của Vũ Nương) em hiểu gì về lời thề đó.  -> Lời than như một lời nguyền, xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất của nàng. Điều đó càng khẳng định nàng là người thuỷ chung trong trắng.  Gv: Bi kịch tâm hồn: Cuộc đời người phụ nữ khi mất đi 2 điều ý nghĩa thiêng liêng là chồng con và danh tiết  - Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.  ? Qua các tình huống trên đây, em có nhận xét gì về tính cách của Vũ Nương?  ? Như vậy nguyên nhân nỗi oan của Vũ Nương là do đâu?  -> Và do chiến tranh phong kiến nên vợ chồng cách xa.  Nàng Vũ Nương bị nghi oan là không  chung thuỷ với chồng. Hãy tìm  những nguyên nhân dẫn tới việc này?  ? Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương có điều gì cần lưu ý? Vì sao em biết?  ? Cuộc hôn này có gìkhó khăn cho nhân vật Vũ Nương?  ? Theo em tính cách của Trương Sinh có phải là nguyên nhân dẫn tới nỗi oan của vợ chàng? Tính cách đó ntn?  ? Còn nguyên nhân nào dẫn tới nỗi oan của Vũ Nương?  ? Nhận xét gì về nguyên nhân này?  ? Bên cạnh các nguyên nhân trên theo  em còn nguyên nhân nào nữa?  ? Em có nhận xét về tình cảm của Vũ Nương qua câu nói sau của nàng: “-Có lẽ không thể gửi…có ngày”, ”-Thiếp cảm ơn đức Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp  chẳng thể trở về nhân gian được nữa.”  ? Suy nghĩ về số phận của người phụ nữ trong xã hội xưa?  ? Mâu thuẫn câu chuyện lên tới đỉnh điểm: VN chết mà chưa được minh oan. Vậy câu chuyện được gỡ nút ở chi tiết nào?  -> Con nói cái bóng của cha trên tường ....  ? Em có nhận xét gì *"cái bóng*" trong truyện.  - Cái bóng - gây ra nỗi oan cho Vũ Nương.  - Cái bóng- giải oan cho nàng -> gắn liền với sự chung thuỷ.  ? Hình dung tâm trạng của T.Sinh khi đã hiểu ra sự thật ?  -> Ân hận đau khổ vì tất cả chỉ là một trò đùa, Chàng hối hận nhưng việc đã rồi.  Gv: Qua đây, chúng ta nên cẩn thận trong cư xử, đừng để việc xảy ra rồi hối cũng đã muộn.  ? Câu chuyện kết thúc ở đây được chưa?Vì sao?  Gv: Cái chết đã đẩy bi kịch đến đỉnh điểm, làm cho người đọc càng xót thương người phụ nữ đức hạnh càng oán giận XHPK.  GV : Là nhà văn nhân đạo, tác giả không muốn Vũ Nương phải chết thảm thương nên đã tưởng tượng ra sự hồi sinh của nàng dưới thuỷ cung.  ? Tóm tắt những sự việc chính ở phần này?  - Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.  - Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi …  gặp Vũ Nương … được đưa về dương thế.  - Hình ảnh Vũ Nương hiện ra sau khi Trương  Sinh lập đàn tràng giải nỗi oan cho nàng ở bến  Hoàng Giang.  ? Cảnh Vũ Nương sống dưới thuỷ cung được miêu tả ntn.. Tại sao yếu tố hoang đường lại được miêu tả kĩ như vậy.  -> Gây ấn tượng đó là sự thật làm rõ cái khác thường của thế giới thần tiên.  ? Qua cuộc nói chuyện với Phan Lang em thấy ở chốn làn mây cung nước Vũ Nương có ý định trở về không. Tìm chi tiết nói lên điều đó -> Nàng vẫn muốn trở về.  ? Lời nói của Vũ Nương mong muốn (đòi hỏi) điều gì. -> đòi minh oan  Gv: Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp của tính cách Vũ Nương: Con người ấy dù chết, bản chất tốt đẹp vẫn không chết, vẫn nặng tình với quê hương, chồng con, mộ phần cha mẹ, vẫn khao khát được trả lại danh dự.  ? Vũ Nương đòi minh oan ntn?  - Lập đàn giải oan ở bến sông... -> công khai.  ? Vũ Nương trở về trong trạng thái ntn.  -> Kiệu hoa, võng lọng, rực rỡ, uy nghi.  ? Chi tiết đó chứng tỏ điều gì.  -> Nơi thuỷ cung nàng được đối xử đúng với phẩm giá .  ? Lời nói cuối cùng của Vũ Nương có ý nghĩa gì.  -> Vũ Nương hiện về lộng lẫy, sang trọng nhưng vẫn xa cách vì chỉ trong thoáng chốc với lời từ biệt *"đa tạ tình chàng..."* có ý nghĩa thức tỉnh người đọc. Tất cả mọi sự tốt đẹp trên kia chỉ là ảo ảnh, bóng nàng *"loang loáng"* trên sông, là giấc mơ mà thôi.  ? Theo em vì sao Vũ Nương không thể trở về được nữa.  ->Vì mọi sự đều đã lỡ: Người đã chết, hạnh phúc gia đình tan vỡ không có cách gì hàn gắn được nữa.  ? Những chi tiết kì lạ này có ý nghĩa gì? Dụng ý của tác giả?  ? Nhưng tại sao t/g không để Vũ Nương trở về với chồng con như kết thúc truyện cổ tích?  Gv: Phù hợp với tâm trạng và tính cách của nàng, cách kết thúc vừa có hậu vừa không công thức, li kì hấp dẫn, bất ngờ gieo vào lòng người đọc nhiều thương cảm mà không làm mất đi tính bi kịch của thiên truyện  ? Qua đoạn trích phần này em hiểu thêm điều gì về Vũ Nương -> Là người chung thuỷ, nặng tình với quê hương.  Gv: Tuy nỗi oan được giải, danh dự được trả lại nhưng cuộc đời Vũ Nương vẫn là cuộc đời chịu nhiều mất mát.  ? Theo em, khi xây dựng nhân vật Vũ Nương tác giả có đưa yếu tố kì ảo không? Tác dụng?  -> Phan Lang chết được Linh Phi cứu sống. Vũ Nương được sống dưới thủy cung, gặp Phan Lang trong bữa tiệc, gửi chiếc hoa vàng về cho T. Sinh đề nghị chàng lập đàn giải oan; Vũ Nương hiện về trên chiếc kiệu hoa giữa dòng sông nói lời từ biệt rồi biến mất.  -> Tố cáo xã hội phong kiến, cảm thông số phận oan khuất của người phụ nữ đương thời. Đồng thời thể hiện khát vọng của nhân dân: người bị oan phải được giải oan.  ? Qua cách kết thúc ấy em thấy thái độ của tác giả như thế nào?  GV: Tác giả cảm thông, trân trọng với nhân vật. ước mơ sự thật phải được sáng tỏ, người hiền phải được đền đáp, mặt khác sự thật vẫn là sự thật: đoàn tụ là ảo ảnh, chia li là vĩnh viễn, người chết không thể sống lại được -> hiện thực đắng cay được khắc sâu. Phê phán hiện thực xã hội phong kiến.  Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.  HĐ: Hướng dẫn tổng kết.  Hình thức hoạt độn nhóm.  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.  N1: Những đặc sắc về nghệ thuật của  văn bản?  N2: Nêu nội dung chính của văn bản?  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  - Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.  - Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức. | **I.Đọc hiểu chung**  1.Tác giả  Nguyễn Dữ sống ở thế kỉ XVI, người huyện Trường Tân, tỉnh Hải Dương. Tuy học rộng, tài cao nhưng Nguyễn Dữ tránh vòng danh lợi, chỉ làm quan một năm rồi về sống ẩn dật ở quê nhà. Sáng tác của Nguyễn Dữ thể hiện cái nhìn tích cực của ông đối với văn học dân gian.  2. Tác phẩm:  - Truyền kì mạn lục: Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền  -Nguồn gốc của các truyện trong tác phẩm: Từ các truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam.  -Nhân vật mà Nguyễn Dữ chọn để kể là những người phụ nữ, trí thức.  -Hình thức nghệ thuật: viết bằng chữ Hán, sáng tạo lại câu chuyện dân gian.  ->Vũ Khâm Lân “Truyền kỳ mạn lục là thiên cổ kỳ bút”  -Xuất xứ văn bản: Là một trong hai mươi truyện (truyên thứ 16) của tác phẩm Truyền kì mạn lục được tác giả sáng tạo từ truyện dân gian Vợ chàng Trương.  3. Tóm tắt  4.Bố cục. 3 đoạn.  Đ1: Từ đầu đến mẹ đẻ mình:VN lây chồng & c/s của nàng khi TS đi lính.  Đ2. Tiếp đến đã qua rồi: Nỗi oan khuất của VN.  Đ3. Còn lại. Cuộc gặp gỡ giữa P.Lang & VN. VN đc giải oan.  **II. Đọc hiểu chung**  **1.Những phẩm chất tốt đẹp củaVũ Nương:**  a.Khi ở nhà: Tính thùy mị, nết na,  tư dung tốt đẹp.  -> Đẹp người, đẹp nết vừa có nhan sắc vừa có đức hạnh.  b.Khi mới về nhà chồng:  - Trương Sinh: Tính đa nghi, không có học, phòng ngừa quá sức.  - Nàng "*giữ gìn khuôn phép*" không làm gì để xảy ra cảnh vợ chồng "*thất hòa*".  -> Lời kể ngắn nhưng tỏ thái độ trân  trọng củatác giả.  c. Khi chồng đi lính  - Tình cảm đằm thắm thiết tha, không trông mong vinh hiển mà chỉ cầu cho chồng được bình an trở về: Không mong vinh hiển, áo gấm phong hầu.  Mong chồng được bình an trở về.  - Cảm thông trước những nỗi vất vả, gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng.  - Nói lên nỗi khắc khoải nhớ nhung của mình, ứa hai hàng lệ.  ->Những lời nói ân tình, đằm thắm,yêu thương  -> Là người vợ yêu thương chồng thiết tha, mong muốn cuộc sống bình yên (khát vọng bình dị, mộc mạc)  \* Chồng đi vắng:  +Với chồng:  - Nỗi buồn nhớ chồng dài theo năm  tháng “mỗikhi thấy bướm lượn đầy  vườn,…... ngăn được”.  ->Nàng là người vợ thủy chung yêu chồng tha thiết.  + Với con: Một mình chăm con nhỏ  ->người mẹ hiền ân cần, trìu mến, là người mẹ nhân hậu  +Với mẹ chồng:  - Khi ốm: chăm sóc, thuốc thang chạy chữa, lấy lời ngọt ngào khuyên lơn, lễ bái thần phật.  -Khi mẹ chết: Ma chay, tế lễ chu toàn như đối với cha mẹ đẻ.  ->Nàng là người con dâu hiếu thảo.  => Vũ Nương: Một người phụ nữ hiền thục,đẹp người, đẹp nết: đảm đang, tình nghĩa, hiếu thảo, chung thủy và trong trắng.  **2. Nỗi oan của Vũ Nương**  - Bắt đầu từ câu nói của đứa con "*Thế ra ông cũng là cha tôi ư .*..  => Chi tiết NT thành công, chi tiết buộc chặt nỗi oan của Vũ Nương.(thát nút câu chuyện)  - Trương Sinh: Nghe con nói: Đinh ninh là vợ thất tiết, đánh đuổi vợ đi.  -> Đa nghi làm cho mù quáng, uy quyền của người đàn ông trong gia đình và ít học.  - Vũ Nương khóc, một mực giãi bày.  + Lời thoại 1: Phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình. Vũ Nương nói đến thân phận mình, khẳng định lòng thủy chung => hết lòng tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.  + Lời thoại 2: Nỗi đau đớn, thất vọng khi bị đối xử bất công, tất cả những điều ý nghĩa đã không còn - Vũ Nương mất tất cả.  + Lời thoại 3: Thất vọng tột cùng, lời than như một lời nguyền.  ->Tìm đến cái chết, bảo toàn danh dự.  =>Vũ Nương: Một người phụ nữ xinh đẹp, nết  na, hiền thục, lại đảm đang, tháo vát,  thờ kínhmẹ chồng, rất mực hiếu thảo,  một dạ thuỷ chung  với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc  gia đình,song lại phải chết một cách  oan uổng, đau đớn.  \* Nguyên nhân nỗi oan:  - Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và  Vũ Nương  có phần không bình đẳng:  + Trương Sinh xin với mẹ đem trăm  lạng vàng  cưới về.  + Lời của Vũ Nương: “Thiếp vốn con kẻ khó,  được nương tựa nhà giàu”.  -> Tạo cho Trương Sinh một cái thế:  Có tiền +Có quyền (Cái thế của người chồng trong giađình, người đàn ông dưới chế độ  phong kiến).  -Tính cách của Trương Sinh: “Đa nghi, đối với  vợ phòng ngừa quá sức” .Tâm trạng  khi trở vềcó phần nặng nề không vui  “Cha về, bà đã mất…”  -Lời nói của đứa con ngây thơ: “Ô hay! Thế ra  ông cũng là cha tôi ư! …không như  cha tôi. trước kia..”.“Trước đâythường có một ngườiđàn ông … Đản cả”  -> Thông tin rất đáng tin, ngày một  gay cấn:Như đổ thêm dầu vào lửa,  tính đa nghi đã đến độ cao trào, chàng “đinh ninh là vợ hư”.  => Đây là tình huống bất ngờ.  - Cách cư xử hồ đồ, độc đoán của Trương Sinh:  + Không đủ bình tĩnh để phán đoán,  nghe lời con trẻ và không đủ bình tĩnh  để phân tích đúng, sai.  + Bỏ ngoài tai những lời phân trần của vợ.  + Không tin cả những nhân chứng bênh vực cho  nàng (Họ hàng, làng xóm).  + Nhất quyết không nói duyên cớ để  vợ có cơhội minh oan.  - Do hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ:  + Xã hội trọng nam, khinh nữ.  + Đất nước có chiến tranh.  Nghệ thuật tạo tình huống, xung đột, sắp xếp  lại một số tình tiết, thêm bớt hoặc tô  đậm nhữngtình tiết có ý nghĩa, có tính chất quyết định đếnquá trình của truyện cho hợp lý, tăng cường tính  bi kịch và cũng làm cho truyện trở nên hấp dẫn,  sinh động hơn.  => Bi kịch của Vũ Nương là một lời  tố cáo xãhội phong kiến. Xem trọng  quyền uy của kẻ giàu và của người đàn ông trong gia đình, đồng  thời bày tỏ niềm cảm thương của tác  giả đối vớisố phận oan nghiệt của  người phụ nữ.  ->Bao dung, vị tha, nặng tình với gia đình.  \* Nỗi oan được giải.  - Con nói bóng cha ở trên vách.  - Cái bóng: Là khát khao mong chờ của người vợ. Là sự ngộ nhận của đứa con. Gây hiểu lầm, tạo nỗi oan -> giải oan.  **3.Câu chuyện về Vũ Nương sau khi chết**  -Vũ Nương không chết ->xuống thủy cung  Gặp Phan Lang ->Phan Lang trở về nói chuyện  - T.Sinh lập đàn giải oan ->Vũ Nương trở về từ biệt rồi trở lại thủy cung  + ý nghĩa:  - Khát khao về một cuộc sống công bằng, hạnh phúc cho người tốt  - Ước mơ về sự bất tử của cái thiện, cái đẹp.  => Người phụ nữ xinh đẹp, đức hạnh mà vô cùng bất hạnh, nạn nhân thê thảm của chế độ phong kiến phụ quyền.  **III.Tổng kết.**  1. Nội dung:  - Tác phẩm là bản án đanh thép tố cáo bản chất vô nhân đạo của xã hội phong kiến .  - Ngợi ca phẩm chất, tâm hồn cao đẹp của người phụ nữ.  - Thái độ cảm thông chân thành của nhà văn.  -> Giá trị nhân đạo của tác phẩm.  2. Nghệ thuật:  - Dẫn dắt tình tiết truyện khéo léo, bất ngờ.  - Miêu tả tâm lí nhân vật phù hợp.  - Kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình.  - Sử dụng thành công yếu tố kì ảo hoang đường. |

**Hoạt động 3- 4:Luyện tập,vận dụng**

-Mục tiêu:củng cố khắc sâu kiến thức về vẻ đẹp của người phụ nữ vừa có nhan sắc vừa có đức hạnh.Vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

***Hãy chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau:***

1.Truyền kì mạn lục được viết bằng

A.Chữ Hán B.Chữ Nôm C.Chữ quốc ngữ

2. Em hiểu thế nào về tên tác phẩm “Truyền kì mạn lục ,, của Nguyễn Dữ?

A.Những câu chuyện hoang đường

B.Ghi chép lại những câu chuyện kì lạ

C.Ghi chép lại những câu chuyện kì lạ được lưu truyền

D.Ghi chép tản mạn những câu chuyện kì lạ được lưu truyền (trong dân gian)

3.Câu văn sau đây nói lên mong ước gì của Vũ Nương khi tiễn chồng ra trận : ***“Chàng đi chuyến này thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi,,***

A.Vũ Nương không màng công danh phú quý

B.Vũ Nương chỉ cầu mong ngày chồng trở về bình yên

C.Cả A và B

***4.Vai trò những lời đối thoại trong truyện có tác dụng gì ?***

Được sắp xếp rất đúng chỗ, làm cho câu chuyện trở nên sinh động, góp phần không nhỏ vào việc khắc họa diễn biến tâm lý và tính cách nhân vật.

***5. Qua phần một của“Chuyên người con gái Nam xương”, hãy làm sáng tỏ: Nhân vật Vũ Nương là người con gái đẹp người, đẹp nết ?***

-Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

-Bước 3: Gọi học sinh trình bày- Học sinh khác nhận xét.

-Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.

**Hoạt động 5: Mở rộng( ở nhà)**

Mục tiêu:tìm hiểu sâu hơn thể loại truyện truyền kì và các câu truyện trong tập truyền kì mạn lục.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

? Sưu tầm và tìm đọc các câu truyện trong tập truyền kì mạn lục.

? Ý nghĩa của câu chuyện,đặc điểm của một số kiểu nhân vật.

GV gợi ý hS làm bài tập.

**\* Dặn dò:** học bài và làm bài tập vào vở

Soạn bài: Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 19 Tự học có hướng dẫn: LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

***Ngày soạn: 07- 09- 2020***

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học**

1.Kiến thức:

-Các yếu tố của thể loại tự sự (nhân vật, sự việc, cốt truyện,…)

-Yêu cầu cần đạt của một văn bản tóm tắt tác phẩm tự sự.

2.Kĩ năng:

Tóm tắt một văn bản tự sự theo các mục đích khác nhau.

3.Thái độ:

Yêu thích kể chuyện

4.Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm

**II.Chuẩn bị:**

-GV: Sách GK, giáo án

-HS: học bài, đọc trước bài, soạn bài trả lời các câu hỏi SGK.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

Ổn định trật tự

Kiểm tra sĩ số:

2.Bài mới

**Hoạt động 1:Khởi động**(5’)

Mục tiêu:Tạo t/h từ kiến thức TLV lớp 8

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

? Thế nào là tóm tắt một văn bản tự sự .

? Cách tóm tắt văn bản tự sự .

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Yêu cầu :

- Tóm tắt văn bản tự sự là kể lại một cốt truyện để người đọc hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm ấy.

- Khi tóm tắt cần chú ý :

+ Phải căn cứ vào những yếu tố quan trọng nhất của tác phẩm : sự việc và nhân vật chính ( hoặc cốt truyện và nhân vật chính )

+ Có thể xen kẽ có mật độ những yếu tố bổ trợ : các chi tiết, nhân vật phụ miêu tả, biểu cảm, đối thoại, độc thoại nội tâm.

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.

Ở lớp 8 các em đã học tóm tắt VB tự sự. Vậy thế nào là tóm tắt VB tự sự : dùng lời văn của mình để trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính ( bao gồm sự việc tiêu biểu và n/v quan trọng ) của VB để nắm vững hơn việc là tóm tắt VB tự sự cô trò chúng ta cùng tìm hiểu tiếp trong tiết học này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung** |
| **HĐ 2: Sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự:** (15’)  -Mục tiêu:tìm hiểu tình huống cần tóm tắt vb.  Hình thức hoạt đông cá nhân.  Cho học sinh các tình huống trong SGK, trao đổi để rút ra nhận xét về sự cần thiết phải tóm tắt văn bản tự sự .  ? Qua các tình huống trên, em thấy việc tóm tắt văn bản tự sự có vai trò như thế nào trong cuộc sống.  ? Từ đó hãy nêu ra các tình huống khác mà phải vận dụng kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự.  \*Tìm hiểu tình huống: Tóm tắt:  - Chiếc lá cuối cùng  - Chuyện người con gái Nam Xương  - Tóm tắt VB Lão Hạc.  =>Giúp người đọc, nghe nắm được ND chính của câu chuyện hay của VB, sự việc...  =>Các tình huống khác.  - Con kể cho mẹ nghe về 1 việc làm tốt  - Chú bộ đội kể lại 1 trận đánh  - Kể lại 1 vụ tai nạn …  **Hoạt động 2.2:** Thực hành( Luyện tập, vận dụng) (23’)  Mục tiêu: rèn kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự.  \*Bước 1: Xác định sự việc chính:  ? Các sự việc chính đã nêu đầy đủ chưa.  ? Cần bổ sung sự việc nào?  Bước 2: Tóm tắt văn bản bằng lời văn của mình.  GV chia nhóm cho các em thảo luận và sắp xếp các sự việc theo trình tự hợp lí và viết thành văn bản tóm tắt.  \*Bước 3: rút gọn văn bản.  + Bổ sung sự việc 7: Một đêm, Trương Sinh cùng con trai ngồi bên ngọn đèn, đứa con chỉ đúng chiếc bóng trên tường và nói đó là người cha hay đến... Trương sinh mới hiểu vợ mình bị oan nhưng sự việc đã rồi  + Sự việc 8.  ? Vậy tóm tắt văn bản tự sự có ý nghĩa như thế nào và cần phải đáp ứng yêu cầu gì? ghi nhớ (SGK) | **I. Sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự** .  - Trong thực tế, không phải lúc nào chúng ta cũng có thời gian và điều kiện để trực tiếp đọc nguyên văn tác phẩm văn học hoặc xem phim vì vậy tóm tắt văn bản tự sự là một nhu cầu thiết yếu do cuộc sống đặt ra.  => Tóm tắt văn bản giúp người đọc và người nghe dễ nắm được nội dung chính của một chuyện.Văn bản tóm tắt thường ngắn gọn dễ nhớ.  - Các tình huống khác:  Con kể cho mẹ nghe về 1 việc làm tốt; Chú bộ đội kể lại 1 trận đánh…  **II. Thực hành tóm tắt một văn bản tự sự:**  1. Ví dụ: SGK  2. Nhận xét:  a. VD 1:  - Các sự việc chính chưa đầy đủ  - Thiếu sự việc : hai cha con ngồi với nhau, TS hiểu ra nỗi oan của vợ  -> Đó là sự việc quan trọng vì nó chứng tỏ TS hiểu ra nỗi oan từ lúc đó chứ không phải đến khi Phan Lang trở về  b. VD 2:  - Sự việc 7 chưa hợp lý  - Cần sửa lại : TS nghe Phan Lang kể bèn lập đàn giải oan.  3. Ghi nhớ - Tóm tắt một văn bản tự sự:  - Mục đích tóm tắt : giúp người đọc nắm được nội dung chính của VB  - Yêu cầu : ngắn gọn nhưng đầy đủ n/v sự việc chính. Không nêu cảm xúc. |

HĐ Luyện tập, vận dụng

Hình thức hoạt động nhóm

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

BT 1. Tóm tắt Vb Lão Hạc.

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.

Lão Hạc có 1 đứa con trai, 1 mảnh vườn và 1 con chó.

* Con trai LH không lấy đc vợ bỏ đi đồn điền cao su.
* Lão làm thuê dành dụm tiền gửi ông giáo cả mảnh vườn cho con.
* Sau trận ốm lão không kiếm đc việc làm nên phải bán chó, lão kiếm đc gì ăn nấy.
* Lão xi Binh Tư ít bả chó .
* Lão đột ngột chết không ai hiểu vì sao
* Chỉ có ông giáo hiểu và buồn.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

BT 2:Hs làm bài tập 2:

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.

Xưa có chàng Trương Sinh, vừa cưới vợ ít lâu đã phải đi lính để lại mẹ già và người vợ trẻ đẹp người đẹp nết tên gọi Vũ Nương đang bụng mang dạ chửa. Mẹ chàng Trương vì thương nhớ con nên ốm nặng rồi qua đời, Vũ Nương lo ma chay chu tất. Giặc tan, Trương Sinh trở về, nghe lời con dại, TS nghi vợ mình không chung thuỷ. Vũ Nương không tự mình oan cho mình nên trẫm mình xuống sông Hoàng Giang. Sau khi vợ mất, một đêm, TS cùng con ngồi bên ngọn đèn dầu, đứa bé chỉ chiếc bóng của cha và cho TS biết đó là cha nó thường đến với mẹ con nó đêm đêm khiến cho TS ân hận vô cùng. Phan Lang là người cùng làng với VN, do cứu thần Rùa nên khi chạy nạn chết đuối đã được Linh Phi đền ơn. Phan Lang gặp lại VN trong động của Linh Phi. Hai người nhận ra nhau. Phan Lang trở về trần gian, VN gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn cho TS. TS nghe kể, thương nhớ vợ, bèn lập đàn giải oan bên sông. VN trở về ngồi trên kiệu hoa lúc ẩn lúc hiện.

Bài tập 3

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

GV yêu cầu HS làm bài tập 3: Rút gọn văn bản tóm tắt “ Chuyện người con gái Nam Xương”.

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.

Xưa có chàng TS, vừa cưới vợ ít lâu đã phải đi lính. Khi trở về nghe lời con dại, nghi là vợ hư . Vũ Nương bị oan nên gieo mình xuống sông Hoàng Giang. Mọt hôm, cùng con ngồi bên đèn, thấy con chỉ chiếc bóng gọi cha, TS mới biết vợ bị oan. Phan Lang gặp VN dưới thuỷ cung khi trở về đem kỉ vật của VN trao lại cho TS cùng lời nhắn. TS lập dàn giải oan cho vợ. Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa thấp thoáng hiện lên giữa dòng sông.

**HĐ 5: Mở rộng**( ở nhà)(2’)

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để tóm tắt một văn bản

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

?Đọc lại văn bản “ Lão Hạc” và tóm tắt ngắn gọn.GV gợi ý hS làm bài tập.

**\* Dặn dò:** học bài và làm bài tập vào vở

Soạn bài: Sự phát triển của từ vựng

**\* Rút kinh nghiệm:**

.....................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 20 SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG**

***Ngày soạn: 07- 09- 2020***

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp HS nắm được:

- Từ vựng của một ngôn ngữ không ngừng phát triển.

- Sự phát triển của một từ vựng diễn ra trước hết theo cách phát triển nghĩa của từ thành nhiều nghĩa trên cơ sở nghĩa gốc. Hai phương thức chủ yếu phát triển nghĩa là ẩn dụ và hoán dụ.

- Vận dụng kiến thức để làm bài tập.

**2. Kỹ năng:**  Rèn kỹ năng sử dụng từ ngữ cho học sinh đạt hiệu quả giao tiếp.

**3. Thái độ:** Giáo dục ý thức không ngừng học tập và trau dồi ngôn ngữ tiếng Việt.

**4. Định hướng năng lực**:Năng lực hợp tác, năng lực tư học, năng lực học nhóm, năng lực giao tiếp

**II. Chuẩn bị:**

1. Giáo viên: Nghiên cứu, soạn giáo án điện tử hoặc viết bảng phụ.

2. Học sinh**:** Học bài cũ, làm bài tập, đọc trước bài mới .

**III. Tiến trình bài học:**

1.Ổn định tổ chức:

Ổn định trật tự

Kiểm tra sĩ số:

2.Bài mới

**Hoạt động 1:Khởi động**(3’)

Mục tiêu: HS phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- Hình thức học tập cá nhân

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

? Phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp? VD.

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Yêu cầu :

- Dẫn trực tiếp tức là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.

- Dẫn gián tiếp tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.

Cùng với sự phát triển của xã hội, nghĩa của từ vựng không ngừng biến đổi và phát triển. Vậy có những cách nào phát triển nghĩa của từ vựng? Đò là những cách nào? Tiết học hôm nay sẽ giúp các em hiểu rõ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** (15’)  **-** Mục tiêu:HS hiểu được sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ. Nghĩa của từ ngữ có thể thay đổi theo thời gian, có những nghĩa cũ bị mất đi và có những nghĩa mới được hình thành.  **Bước 1:** Gv chiếu và cho hs hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1vd  Sile 1 :  Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế  ( Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác – Ngữ văn 8, tập 1)  ? Đọc VD1 trang 55, mục I.1  ? Từ kinh tế trong câu thơ có ý nghĩa gì.  ? Ngày nay chúng ta có hiểu từ “kinh tế” theo nghĩa ấy không? Vậy hiểu ntn.  ? Nhận xét gì về nghĩa của từ trong sự phát triển của XH.  *Sile2*:Đọc kĩ các câu thơ sau chú ý những từ in đậm.  a. - Gần xa nô nức yến anh,  Chị em sắm sửa bộ hành chơi **xuân**.  Dập dìu tài tử giai nhân,  Ngựa xe như nước áo quần như nêm.  - Ngày **xuân** em hãy còn dài,  Xót tình máu mủ thay lời nước non.  b. - Được lời như cởi tấm lòng,  Giở kim thoa với khăn hồng trao **tay**.  - Cũng nhà hành viện xưa nay,  Cũng phường bán thịt cũng **tay** buôn người.  (Trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du)  ? Tra từ điển TV cho biết nghĩa của từ “Xuân” trong 2 VD.  ? Nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.  ? Nghĩa của từ “tay” trong 2 VD.  ? Nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.  ? Các nghĩa của từ “xuân” 2, “tay” 2? đựơc hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào.  ? Nhận xét gì về sự phát triển của từ vựng.  **Bước 2,3:** Học sinh suy nghĩ – trình bày – nhận xét.  **Bước 4:** Giáo viên chốt ý.  GV chiếu Sile4 phần ghi nhớ- HS đọc . | **I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ:**  ***1. Xét ví dụ:***  \* Ví dụ 1: “ Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế”  - Kinh tế (PBC): kinh bang tế thế (trị nước, cứu đời)  - Kinh tế (ngày nay): toàn bộ hoạt động của con người trong LĐSX, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra.  -> Nghĩa của từ không phải bất biến. Nó có thể thay đổi theo thời gian, có những nghĩa cũ bị mất đi và có những nghĩa mới được hình thành.  \* Ví dụ 2  a.  -Xuân 1: Mùa chuyển từ đông -> hạ, thời tiết ấm lên, coi là mở đầu 1 năm (nghĩa gốc)  - Xuân 2: thuộc về tuổi trẻ ( nghĩa chuyển)  b.  - Tay 1: bộ phận cơ thể con người ( nghĩa gốc)  - Tay 2: Người chuyên hoạt động, giỏi về 1 môn, 1 nghề (nghĩa chuyển)  \* P/thức chuyển nghĩa:  - Xuân 2: Chuyển nghĩa theo p.thức ẩn dụ.  - Tay 2: Chuyển nghĩa theo p.thức hoán dụ  ***2. Kết luận:*** *(Ghi nhớ sgk)*  - Cùng sự phátt triển của XH, từ vựng của 1 ngôn ngữ cũng không ngừng phát triển.  - Có 2 p.thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ : ẩn dụ và hoán dụ. |

**Hoạt động 3, 4, 5: Luyện tập- Vận dụng- Mở rộng** (25’)

**II. Luyện tập:**

Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức đã học, đồng thời tìm tòi mở rộng kiến thức bài học.

HĐ nhóm: GV cử nhóm trưởng, cá nhân làm bài trình bày K/q cho nhóm trưởng. Nhóm trưởng tổng hợp k/q báo cáo.

**Bước 1:** GV cho HS đọc các bài tập 1,2,3 và và nêu yêu cầu của bài tập

- Nhóm 1: Làm bài tập 1

- Nhóm 2: Làm bài tập 2

- Nhóm 3: Làm bài tập 3

- Nhóm 4: Làm bài tập 4

**Bước 2,3:** Học sinh – suy nghĩ - trình bày- nhận xét.

**Bước 4:** Giáo viên chốt ý.

Bài 1:

Chân a: nghĩa gốc;

chân b: nghĩa chuyển, p.thức hoán dụ; chân c: chuyển ẩn dụ.

Bài 2:

Trà A tisô, trà Hà thủ ô, trà Linh chi... nghĩa chuyển ẩn dụ

-> sản phẩm từ thực vật làm ra được chế biến thành dạng khô, pha nước uống, giống như “trà” từ cây “chè”.

Bài 3

Đồng hồ điện, đồng hồ xăng -> đồng hồ: nghĩa chuyển, ẩn dụ

-> chỉ những khí cụ dùng để đo có bề ngoài giống đồng hồ.

**Bài 4:** Tìm ví dụ để chứng minh các từ đã dẫn là từ nhiều nghĩa:

- Bài tập 4: GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trong thời gian 5 phút. Sau 5 phút đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét.

a.Hội chứng có nghĩa gốc là: tập hợp nhiều triệu chứng cùng xuất hiện của bệnh. VD: Hội chứng viêm đường hô hấp cấp.

-Nghĩa chuyển: tập hợp nhiều hiện tượng, sự kiện biểu hiện một tình trạng, một vấn đề xã hội, cùng xuất hiện ở nhiều nơi. VD: Lạm phát, thất nghiệp là hội chứng của tình trạng suy thoái kinh tế.

b.Ngân hàng có nghĩa gốc là: tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và quản lí các nghiệp vụ tiền tệ, tín dụng. VD: NHNN&PTNT Việt Nam

-Nghĩa chuyển: kho lưu trữ những thành phần, bộ phận cơ thể để sử dụng khi cần như ngân hàng máu…hay tập hợp các dữ liệu liên quan tới một lĩnh vực, một tổ chức để tiện tra cứu, sử dụng như ngân hàng dữ liệu, ngân hàng đề thi. Trong những trường hợp này, nét nghĩa “tiền bạc” trong nghĩa gốc bị mất đi, chỉ còn nét nghĩa “tập hợp, lưu trữ, bảo quản”.

c.Sốt có nghĩa gốc là tăng nhiệt độ cơ thể lên quá mức bình thường do bị bệnh. VD: Anh ấy bị sốt đến 40 độ.

-Nghĩa chuyển:Ở trạng thái tăng đột ngột về nhu cầu, khiến hàng trở nên khan hiếm, tăng giá nhanh. VD: cơn sốt đốt, cơn sốt gạo…

d.Vua có nghĩa gốc là người đứng đầu nhà nước quân chủ. VD: Vua Lí Thái Tổ.

-Nghĩa chuyển: người được coi là nhất trong một lĩnh vực nhất định thường là sản xuất kinh doanh, thể thao, nghệ thuật. VD: vua bóng đá, vua dầu hoả, vua nhạc rốc. Thường dùng với phái nam, phái nữ dùng từ nữ hoàng. VD: nữ hoàng nhạc nhẹ, nữ hoàng sắc đẹp.

**BT5:** Từ mặt trời trong câu thứ hai được sử dụng theo phép tu từ ẩn dụ. Tác giả gọi Bác Hồ là mặt trời dựa trên mối quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng được hình thành theo cảm nhận của nhà thơ. Đây không phải là hiện tượng phát triển nghĩa của từ, bởi sự chuyển nghĩa này chỉ có tính chất lâm thời, không làm cho từ này có thêm nghĩa mới, không thể đưa vào từ điển để giải thích.

**HĐ 5: Mở rộng**( ở nhà) (2’)

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về từ vựng để lấy thêm ví dụ? Xác định hiện tượng chuyển nghĩa trong một số câu thơ.

? Tìm VD có từ nghĩa gốc và nghĩa chuyển.

**\* Bài tập:** ? Tìm một số câu thơ trong *"Truyện Kiều"* có hiện tượng chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ hoặc hoán dụ.

**\* Dặn dò:** học bài và làm bài tập vào vở

Soạn bài: Sự phát triển của từ vựng

**\* Rút kinh nghiệm:**

.....................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tuần 5 - 6**

**Tiết 21: Hướng dẫn đọc thêm: CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH**

***(Trích “ Vũ trung tuỳ bút - Phạm Đình Hổ)***

Ngày soạn: 20/9/2020

Ngàydạy:

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức: Giúp học sinh.

- Học sinh hiểu được cuộc sống xa hoa, lối ăn chơi vô độ của bọn vua chúa quan lại dưới thời Lê Trịnh và thái độ phê phán của tác giả.

- Bước đầu nắm được nét chính của thể loại tuỳ bút.

- Vận dụng vào việc phân tích văn bản tự sự thể tuỳ bút.

2. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng đọc, phân tích thể loại tuỳ bút qua tác phẩm cụ thể.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh có thái độ đúng đắn, phê phán bất bình đối với thói ăn chơi, xa hoa vộ độ của bọn quan lại thời Lê – Trịnh. Từ đó phần nào thông cảm hiểu được nỗi khổ của người dân dưới chế độ đó.

4. Định hướng năng lực: Năng lực hợp tác, năng lực tư học, năng lực học nhóm, năng lực giao tiếp

**II. Chuẩn bị bài học:**

**1. GV:** Đọc tài liệu: tác phẩm Vũ trung tùy bút

- Nghiên cứu soạn bài, bảng phụ.

**2. HS:**  Học bài cũ: Tóm tắt và phân tích được văn bản: Chuyện người con gái Nam Xương.

- Soạn bài mới: Đọc kĩ văn bản và trả lời các câu hỏi.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ. **(2’)**

? Tóm tắt ngắn gọn truyện ''Chuyện người con gái Nam Xương". Nêu những nét phẩm chất chính của nhân vật Vũ Nương.

**Hoạt động 1: Khởi động (3’)**

Mục tiêu:tạo tình huống qua việc quan sát tranh thấy được sự khủng hoảng trầm trọng của XHPK tk 16-17 dẫn vào bài học.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s

Quan sát các bức tranh trên màn chiếu và cho biết:

? Các bức tranh đó thuộc kiểu tranh gì:?Đề cập tới đối tượng nào trong xh?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.

Cùng phản ánh về những năm tháng cuối cùng của triều đại Lê - Trịnh, cùng phê phán sự xa hoa, hưởng lạc của vua chúa, sự tham nhũng, lộng hành, thối nát của đám quan lại thưa cơ đục nước béo cò, nếu *Hoàng Lê nhất thống chí* chọn thể loại tiểu thuyết lịch sử, Lê Hữu Trác chọn thể kí sự *Thượng kinh kí sự* thì Pham Đình Hổ chọn thể tuỳ bút với cốt truyện đơn giản, kết cấu, bố cục tự do tuỳ theo cảm xúc mà ghi chép những điều mắt thấy tai nghe. *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* là một trong 88 mẩu truyện nhỏ, thoải mái, chân thực chi tiết xen những lời bình ngắn gọn. Hôm nay chúng ta cùng đọc thêm để tìm hiểu giá trị của văn bản này.

**HĐ hình thành kiến thức(36’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cầu cần đạt** |
| HĐ:Hướng dẫn tìm hiểu khái quát về tác giả và tác phẩm.12p  -Mục tiêu: giúp hs nắm được những nét cơ bản về tác giả,tác phẩm.  Hình thức hoạt động nhóm:  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s  N1: ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả.  N2: ? Em hiểu gì về tác phẩm ''Vũ trung tuỳ bút''? Xuất xứ của văn bản?  N3: ? Tác giả tập trung vào những sự việc nào? mỗi nội dung tương ứng với đoạn nào trong văn bản?  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  Bước 3: Gọi học sinh trình bày  N1:Ông sinh trưởng trong một gia đình khoa bảng, cha từng đỗ cử nhân, làm quan dưới triều nhà Lê. Từ nhỏ ông đã từng ôm ấp mộng văn chương. Cuối đời Lê Chiêu Thống, ông vào học trường Quốc Tử Giám, thi đỗ sinh đồ, nhưng gặp lúc thời thế không yên nên phải lánh về quê dạy học. Năm 1821 được bổ dụng làm quan. Được một thời gian ông xin nghỉ việc. Năm 1826 ông lại được vua Minh Mạng mời làm Tế Tửu Quốc Tử Giám rồi Thị giảng học sĩ.  N2:Là tác phẩm văn xuôi ghi lại một cách sinh động, hấp dẫn hiện thực đen tối của lịch sử nước ta thời đó, cung cấp những kiến thức về văn hoá truyền thống, về phong tục, xã hội lịch sử.Với lối ghi chép rất thoải mái, tự nhiên, những chi tiết hiện thực chân thực được miêu tả tỉ mỉ mà không nhàm chán, xen kẽ những lời bình ngắn gọn mà đầy cảm xúc, đôi lúc rất kín đáo của tác giả càng làm tăng sức hấp dẫn.  -> là 1 trong 88 mẩu chuyện nhỏ mà tác giả tuỳ theo ngọn bút viết trong mưa một cách tự nhiên  N3:  + Phần 1: Cuộc sống xa hoa, hưởng lạc của Thịnh Vương Trịnh Sâm.  + Phần 2:  Sự tham lam nhũng nhiễu của quan lại trong phủ chúa.  Phản ánh thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận cùng với những thủ đoạn nhũng nhiễu của bọn quan lại.  Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức  HĐ:tìm hiểu chi tiết văn bản.  \*Mục tiêu: Hs có những hiểu biết về cs hưởng thụ của chua Trịnh và những thủ đoạn của bọn hoạn quan.  \*Hình thức hđ nhóm  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s  N1:? Em hãy cho biết tác giả đã miêu tả thú chơi đèn đuốc của Trịnh Sâm như thế nào? Em nghĩ gì về cách hưởng thụ đó?  N2:?Em hãy cho biết tác giả đã miêu tả thú chơi cây cảnh của Trịnh Sâm như thế nào? Em suy nghĩ gì về mục đích và cách thức thực hiện thú chơi cây cảnh của chúa?  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao.  Bước 3: Gọi học sinh trình bày  N1- Cho xây dựng nhiều cung điện, đình đài liên miên, đi chơi liên miên -> hao tài tốn của, huy động nhiều sức dân.  - Những cuộc dạo chơi ở Tây Hồ diễn ra thường xuyên, huy độn rất nhiều người hầu hạ, bày đặt những trò giải trí lố lăng và tốn kém.  N2- Việc tìm thu vật " phụng thủ "- thực chất là cướp đoạt của quý trong thiên hạ ( Chim quý, thú lạ, cây cổ thụ, những hòn đá hình dáng kì lạ, chậu hoa cây cảnh ) về tô điểm cho nơi ở của chúa. Tác giả miêu tả kĩ việc công phu đưa một cây đa cổ thụ....phải một cơ binh hàng trăm người mới tin nổi.  -> Tác giả miêu tả các sự việc một cách cụ thể, chân thực, khách quan, không lời bình, có lời kể có miêu tả tỉ mỉ vài sự kiện để khắc hoạ ấn tượng.  => Làm nổi bật bức tranh phồn hoa mà giả dối, tưởng chỉ ghi chép, không một lời bình mà sự việc nó cứ tự phơi bày những nét rởm hợm, nực cười đáng chê trách.  Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức.  ? Thông qua chi tiết trên, em hiểu gì cách sống của vua chúa thời p/k suy tàn?  HS đọc đoạn *''Mỗi khi đêm thanh....... triệu bất tường.*  ? Em hiểu *''triệu bất tường''* là gì, ''kẻ thức giả'' là gì.  - *''Kẻ thức giả''*: người có học vấn, có kiến thức.  -*''Triệu bất tường''*: dấu hiệu không lành, điềm gở.  ? Âm thanh của tiếng chim kêu vượn hót ran khắp....... vỡ tổ tan đàn'' gợi cảm giác gì.  -> Gợi cảm giác ghê rợn trước một cái gì đang tan tác, đau thương chứ không phải trước cảnh đẹp yên bình, phồn thịnh.  ? Em hiểu gì qua câu nói của tác giả *''kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường''*.  -> Nó như một lời dự báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đình chỉ biết chăm lo đến chuyện ăn chơi hưởng lạc trên mồ hôi, nước mắt và xương máu của dân lành.  -> Âm thanh đó chính là lời ca thán căm thù của nhân dân đối với ngai vàng mục nát của vua Lê- Chúa Trịnh. Và quả thực điều tai hoạ cũng đã xảy ra không lâu sau khi Thịnh Vương mất: loạn kiêu binh, Nguyễn Huệ ra Bắc Hà lần thứ nhất (1788), Lê Chiêu Thống rước 29 vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta và bị đánh tan tành.  \*Hình thức hoạt động cá nhân.  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao  Bước 3: Gọi học sinh trình bày  Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức  ? Bọn hoạn quan đã nhũng nhiễu dân bằng những thủ đoạn nào?  ? Hậu quả của những thủ đoạn này là gì?  Giáo viên bình.  ?Trước hậu hoạ đó, người dân đã phải đối phó như thế nào? Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì? - Phá cây cảnh…-> thủ tiêu một nét đẹp , một thú chơi tao nhã …  ?Theo em tại sao bọn quan lại trong phủ chúa lại lộng hành như vậy? - Vì chúa Trịnh làm ngơ trước hành động trắng trợn của quan lại trong phủ của mình.  ?Qua đó, em hiểu thêm gì về chế độ phong kiến đương thời? -> Chủ nào tớ ấy? Sự tham lam vô độ, sự thối nát của tập đoàn chúa Trịnh…  ? Kết thúc bài tuỳ bút tác giả ghi lại sự việc gì?  **H: Dụng ý** của tác giả khi kể lại sự việc đó?  - Việc gia đình tác giả đã phải chặt cây lê, cây lựu …  - Gia đình quan lại ngay sát phủ chúa còn bị hoành hành-> khẳng định sự thật được ghi trong bài viết.  ?Qua giọng điệu, cách dùng từ ngữ, tác giả đã thể hiện thái độ gì?  ? Đoạn trích giúp ta hiểu được những gì về cuộc sống của vua Lê chúa Trịnh thời trước?  ? Những nét đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn trích? | **I.Đọc hiểu chung**  1.Tác giả  - Phạm Đình Hổ ((1768 - 1839) còn gọi là Chiêu Hộ  - Quê xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang Hải Dương, từng là sinh đồ Quốc tử giám.  - Thời vua Minh Mạng có ra làm quan rồi lại mấy lần từ quan.  - Ông để lại nhiều công trình biên soạn thuộc nhiều lĩnh vực văn hoá văn học bằng chữ Hán.  2. Tác phẩm:  - ''Vũ trung tuỳ bút'' Là tác phẩm đặc sắc viết khoảng đầu đời Nguyễn (TKXIX), *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* là 1 trong 88 mẩu chuyện nhỏ viết theo thể tuỳ bút.  - Ghi chép về cuộc sống và sinh hoạt ở phủ chúa thời Thịnh Vương Trịnh Sâm (1742 - 1782), một vị chúa nổi tiếng thông minh, kiêu căng, xa xỉ.  \* Nội dung:  - Phản ánh thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận cùng với những thủ đoạn nhũng nhiễu của bọn quan lại.  3. Bố cục: 2 phần:  - Từ đầu -> bất thường: Thú ăn chơi của chúa Trịnh.  - Còn lại: Sự tham lam nhũng nhiễu của quan lại trong phủ chúa.  **II.Đọc hiểu chi tiết.**  **1.Cuộc sống hưởng thụ của Trịnh Sâm**:  \*Thú chơi đèn đuốc:  - Cho xây dựng nhiều cung điện, đình đài ở các nơi để thoả ý ''thích chơi đèn đuốc'', ngắm cảnh đẹp….  - Những cuộc dạo chơi diễn ra thường xuyên,  - Bày đặt nhiều trò giải trí lố lăng….  -> Tốn kém, huy động rất đông người phục dịch, thiếu văn hoá.  \*Thú chơi cây cảnh.  - Ra sức thu lấy chim quý, thú lạ, cây cổ thụ... ở ngoài kinh thành về tô điểm cho nơi ở của chúa.  - Trong phủ bày vẽ nhiều hình núi non bộ trông như bến bể đầu non.  → Đó không phải là sự hưởng thụ cái đẹp chính đáng. Đó là dùng quyền lực để chiếm đoạt.  =>Chỉ lo ăn chơi xa xỉ, hưởng lạc trên mồ hôi xương máu của dân lành, không lo việc nước, ăn chơi bằng quyền lực và hết sức tham lam.  **2. Thủ đoạn nhũng nhiễu dân của bọn hoạn quan cung giám.**  \* Thủ đoạn:mượn gió bẻ măng,vu khống.  - Ban ngày đi dò la xem nhà ai có chậu hoa cây cảnh, chim hót khiếu hay biên hai chữ " phụng thủ" vào những vật ấy.  - Đêm đến : Cho quan lính lấy rồi vu cho chủ nhà giấu vật cung phụng để doạ lấy tiền.  - Vật to quá : bắt phá tường để đem ra...  -> Đây là hành động vừa ăn cướp vừa la làng,dọa dẫm,cướp, tống tiền -> thật vô lý, bất công.  \* Hậu quả : Nhiều nhà giàu bị vu oan, phải bỏ tiền ra kêu oan hoặc phải tự tay huỷ bỏ của quý của mình.  - Chính mẹ tác giả cũng phải chặt bỏ một cây lê và hai cây lựu quý rất đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai hoạ.  => Sự tham lam vô độ, sự thối nát của tập đoàn chúa Trịnh…  **3.Thái độ của tác giả:**  - Tè c¸o, khinh bØ bän quan l¹i vµ chóa TrÞnh trong phñ chóa (ph­¬ng ph¸p kÝn ®¸o)  - T¸c gi¶ xem ®ã lµ: TriÖu bÊt t­êng.  Qua giọng điệu, qua một số từ ngữ lột tả bản chất của bọn quan lại. từ ngữ, tác giả đã lột tả bản chất của bọn quan lại.  => Sự cảm thông, thương xót trước cảnh khốn cùng của người dân  **III. Tổng kết:**  1. Nội dung:  - Phản ánh thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận cùng với những thủ đoạn nhũng nhiễu của bọn quan lại.  2. Nghệ thuật:  - Lối văn ghi chép sự việc cụ thể, chân thực, sinh động.  \* Ghi nhớ: (SGK) |

**Hoạt động 3- 4:Luyện tập,vận dụng(3’)**

- Mục tiêu: HS củng cố, khắc sâu kiến thức nội dung bài học

- HĐ cá nhân:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s.

? Theo em, thể văn tuỳ bút ở VB này có gì khác so với thể VB ở các truyện đã học ở bài trước “Chuyện người..... Nam Xương”

? Qua văn bản em có nhận xét gì về tình hình đất nước ta cuối thế kỷ 18

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.

- B4: GV chốt kiến thức

**Tuỳ Bút.**

- Cốt truyện đơn giản, mờ nhạt hoặc không có cốt truyện.

- Kết cấu tự do, lỏng lẻo, có khi tản mạn, tuỳ theo cảm xúc người viết.

- Giàu tính cảm xúc, chủ quan ( chất trữ tình)

- Chi tiết, sự việc chân thực có khi từ những điều mắt thấy tai nghe trong thực tiễn cuộc sống.*.*

**Truyện**

- Thuộc loại tự sự, văn xuôi, có chi tiết, sự việc, cảm xúc nhân vật.

- Cốt truyện nhất thiết phải có, có khi lắt léo, phức tạp.

- Kết cấu chặt chẽ, sắp đặt đầy dụng ý nghệ thuật của người viết.

- Tính cảm xúc chủ quan được thể hiện kín đáo qua nhân vật, sự việc.

- Chi tiết sự việc phần nhiều được hư cấu, sáng tạo.

- Hoàn thành phần luyện tập soạn bài tiếp theo.

**Hoạt động 5: Mở rộng.** (1’)( ở nhà)

\* Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức, đồng thời vận dụng kiến thức để làm bài tập.

- HĐ cá nhân

\* Các bước thực hiện hoạt động:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Viết đoạn vẳn trình bày những điều em nhận thức được về tình trạng đất nước ta thời vua Lê, chúa trịnh.

Gv gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Hoàng lê nhất thống chí

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 22- 23 Văn bản : HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ( Hồi 14)**

***Ngày soạn: 20/9/2020*** ***(Trích - Ngô Gia Văn Phái)***

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được vẻ đẹp của người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến công hiển hách đại phá quân Thanh.

- Sự thất bại thải hại của quân xâm lược Tôn Sĩ Nghị cùng bọn vua quan bán nước.

- Hiểu sơ bộ về tiểu thuyết lịch sử.

2. Kĩ năng:

- Rèn luyện kĩ năng đọc, tìm hiểu, phân tích nhân vật trong tiểu thuyết chương hồi.

3. Thái độ:

- Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

- Giáo dục thái độ sống “uống nước nhớ nguồn” biết ơn các anh hùng liệt sĩ.

4. Định hướng năng lực: Năng lực hợp tác, năng lực tư học, năng lực học nhóm, năng lực giao tiếp

**II.Chuẩn bị**

*-* GV*:-* Tác phẩm: Hoàng Lê nhất thống chí, soạn bài.

- Lược đồ chiến dịch Tây Sơn đại phá quân Thanh

- HS: - Đọc kĩ văn bản, chuẩn bị kĩ hình tượng anh hùng Nguyễn Huệ.

**III.Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức.1p

Ổn định trật tự

Kiểm tra sĩ số.

2.Kiểm tra bài cũ.**(2’)**

? Nêu những chi tiết thể hiện sự ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và bọn cận thần. Những đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích.

3.Dạy bài mới.

**Hoạt động 1:Khởi động.(3’)**

Mục tiêu: Tạo tình huống có vấn đề gây hứng thú cho tiết học.

? Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s

Quan sát các bức ảnh trên máy chiếu và choa biết Ông là ai?Tên tuổi ông gắn với chiến công hiển hách nào của lịch sử dt chống ngoại xâm?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức, dẫn vào bài mới

Các em ạ người anh hùng dân tộc ấy đã được nhóm tg Ngô gia văn phái tái hiện lại một cách chân thực và sinh động một giai đoạn lịch sử nước nhà trong cuốn tiểu thuyết *Hoàng lê nhất thống chí*. Trong văn học VN trung đại, *Hoàng Lê nhất thống chí* là tác phẩm văn xuôi chữ Hán có qui mô lớn nhất và đạt những thành công xuất sắc về nghệ thuật tiểu thuyết. Hồi thứ 14 kể chuyện vua Quang Trung đại phá quân thanh một cách thật chân thực và hào hùng. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu văn bản đó.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐ:Tìm hiểu khái quát về tg và tp.**(15’)**  Mục tiêu:Hs nhận biết những nét cơ bản về tg,tp.  Hình thức hoạt động nhóm.  ? Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s  N1: Nêu những hiểu biết của em về tác giả qua đọc chú thích.  N2: Cho biết thể loại của tác phẩm?Nêu hiểu biết của em về tiểu thuyết này?Xuất xứ của văn bản?  N3: Văn bản có bố cục gồm mấy phần? Mỗi phần ghi lại sự việc gì? Tương ứng với các đoạn văn bản nào?  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao  Bước 3: Gọi học sinh trình bày  N1:TP do một số người cùng dòng họ Ngô Thì viết và viết trong nhiều thời điểm khác nhau. Có 2 tác giả chính là Ngô Thì Chí và em ruột Ngô Thì Nhậm làm quan dưới chiều Lê Chiêu Thống. Và Ngô Thì Du(1772- 1840) anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí, học giỏi nhưng không dự khoa thi nào. Khi vua Gia Lonh xuống chiếu cù hiền tài ông được bổ làm đốc học Hải Dương, ít lâu sau lui về quê làm ruộng.. Ông là tác giả bảy hồi tiếp theo của TP.  Còn lại 3 hồi cuối có thể do một người khác viết vào khoảng đầu triều Nguyễn.  N2: Viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi.Đoạn trích là Hồi 14 kể về Quang Trung đại phá quân Thanh mùa xuân 1789.  Sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh trả lại Bắc Hà cho vua Lê. ''Chí'' là lối văn ghi chép sự vật, sự việc.  Ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê đồng thời tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội Phong kiến Việt Nam vào khoảng 30 năm đầu thế kỉ  Tác phẩm là bức tranh hiện thực rộng lớn về xã hội pk Việt Nam khoảng 30 năm cuối thế kỉ XVIII khi Gia Long Nguyễn ánh đánh bại quân Tây Sơn thống nhất đất nư­ớc 1802.  N3: - Đoạn 1: *Từ đầu -> "nhằm vào tháng chạp năm Mậu Thân(1788):* Được tin báo quân Thanh đã chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc.  - Đoạn 2: *Tiếp -> Kéo vào thành:* Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.  - Đoạn 3: *Tiếp -> hết:* Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm bại của vua tôi Lê Chiêu Thống.  Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức  HĐ:Tìm hiểu chi tiết**(20’)**  Mục tiêu:Hs cảm nhận được vẻ đẹp của người anh hùng Nguyễn Huệ: hành động mạnh mẽ, quyết đoán, xông xáo, nhanh gọn, quả quyết ,trí tuệ sáng suốt, nhạy bén,tài dụng binh như thần,Ýchí quyết thắng, tinh thần dũng cảm trong chiến trận.  Hình thức hoạt động cá nhân.  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao  Bước 3: Gọi học sinh trình bày  Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức  Trong khoảng thời gian không dài từ 20-11🡪 30-11-1788, khi nhận đư­ợc tin cấp báo của đô đốc Nguyễn Văn Tuyết. Nguyễn Huệ đã có thái độ và quyết định nh­ư thế nào?  HS: Phát hiện.  ? Ông đã lam đ­ược những việc gì? HS: Trả lời.  ? Qua đây em thấy Nguyễn Huệ có những phẩm chất nào đáng quý.  HS: Nhận xét.  GV: Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén trong việc phân tích thời cuộc và thế tương quan giữa ta và địch.  - HS đọc ''Quân Thanh.......nói trước".  ? Quang Trung đã có lời dụ với các tướng sĩ như­ thế nào? Điều đó có ý nghĩa gì?  HS: Phân tích.  Gv: Lời hịch ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thuyết phục lòng tướng sĩ, đông thời kích động tâm can quân lính, làm cho họ thêm phấn khích, thêm tự hào và quyết tâm chiến đấu dưới ngọn cờ của vua Quang Trung đánh đuổi quân xâm lược.  ? Khi Sở và Lân ra đón và mang gươm ra chịu tội ông đã đối sử với họ ntn mặc dù họ đã không hoàn thành nhiệm vụ.  -> Vừa mắng vừa khen.  +Mắng: “các ngươi....vạn lần”  +Khen: “song ta nghĩ....có tài”  Gv : Vẫn tiếp tục trọng dụng.  ? Điều đó càng chứng tỏ ở con ngư­ời naỳ phẩm chất gì đáng trân trọng ?  -> Sáng suốt và nhạy bén trong việc dùng người. Ông rất hiểu sở trường, sở đoản của các tướng sĩ, khen chê đúng người, đúng việc. Có ý chí quyết thắng, có tầm nhìn xa trông rộng.  Hs đọc đoạn “lần này ta ra...sợ gì chúng”  ? Qua lời nói, Nguyễn Huệ còn chứng tỏ mình là người ntn  Gv: ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa của Quang Trung thật là sâu rộng, ông đã nhìn thấy từ rất sớm, ngay từ khi mới khởi binh đã biết trước sẽ thắng, qua mười ngày đuổi được giặc, hẹn ngày vào Thăng Long ăn mừng chiến thắng, lại tính cả hậu chiến, một mặt giao hoà với nhà Thanh, mặt khác tích cực nuôi dưỡng lực lượng xây dựng đất nước giàu mạnh để bảo vệ hoà bình lâu dài.  GV khái quát h/ảnh NH qua h/ động dụ dỗ quân giặc.  **HĐLT: (5’)**  ? Tóm tắt lại nội dung đoạn trích ?  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức  **Tiết 2:**  **KTBC**:? Tóm tắt lại nội dung đoạn trích: Hoàng lê nhất thống chí( Hồi 14)? **(3’)**  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức, dẫn vào bài.  Tìm hiểu về h/ảnh NH trong chiến đấu. (15’)  ? Trong chiến đấu Nguyễn Huệ đã chỉ huy ntn ? thể hiện qua chi tiết nào ?  GV : HS lần l­ượt liệt kê.  Gv: Cuộc hành binh thần tốc từ Nam ra Bắc làm cho người đời sau phải kinh ngạc vì một đạo quân đông lại đi nhanh và an toàn đảm bảo bí mật đến nơi tập kích đã đợi mà phương tiện hành quân chủ yếu bằng đôi chân, ngựa voi, xe kéo....và chỉ 4 ngày(từ 25=>29) vượt qua 350 cây số đường núi đèo, vừa tuyển binh, duyệt binh. Chỉ 1 ngày sau đã vượt 150 km đến Tam Điệp. Dự định vào Thăng Long 7/1 nhưng trong thực tế đã vượt trước 2 ngày. Chiều 5/1 đoàn quân áo đỏ đã tiến vào kinh thành Thăng Long.  ? Qua tóm tắt diến biến cuộc hành quân thần tốc của Quang Trung em có nhận xét gì về tài năng của ông trong việc dùng binh.  ? Trong chiến trận ông hiện ra là người ntn.  Hs tìm  Gv: Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không chỉ trên danh nghĩa mà là một tổng chỉ huy thực sự, định ra kế hoạch tiến đánh cả chiến dịch và từng trận. Hình ảnh Quang Trung trên bành voi, chiến bào đỏ, sạm đen vì khói súng, dẫn đầu đoàn quân tiến vào Thăng Long quả thật lậm liệt và oai hùng hiếm có trong lịch sử  ? Từ đó em rút ra nhận xét chung gì về tình hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ.  Gv: Ông là một tổng chỉ huy chiến dịch thực sự: hoạch định phương lựơc tiến đánh, tổ chức quân sĩ, tự mình thống lĩnh một mũi tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha ra trận, bày mưu tính kế...  ? Để khắc hoạ được hình tượng nhân vật Quang Trung một cách nổi bật tác giả chủ yếu sử dụng cách viết ntn.  -> Sử dụng lối văn trần thuật kết hợp với miêu tả.  GV: Trong văn tự sự yếu tố miêu tả đóng vai trò rất quan trọng -> tìm hiểu kĩ ở bài sau.  ? Theo em nguồn cảm hứng nào đã chi phối tác giả khi tạo dựng hình ảnh người anh hùng dân tộc này.  - Quan điểm phản ánh hiện thực của các tác giả là tôn trọng sự thật lịch sử và ý thức dân tộc ở những người trí thức. Mặc dù các tác giả là những cựu thần, chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê nhưng họ đã không thể bỏ qua sự thực là ông vua nhà Lê hèn yếu đã cõng rắn cắn gà nhà và chiến công lừng lẫy của vua Quang Trung là niềm tự hào lớn lao của cả dân tộc. Bởi thế họ vẫn có thể viết thực và hay như vậy về người anh hùng Nguyễn Huệ.  **HĐ: hs thấy được sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và sự nhục nhã đê hèn của bọn bán nước. (15’)**  Hình thức hđ nhóm.  Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s  N1?Khi kéo sang nước ta, bọn tướng lĩnh nhà Thanhcó thái độ ntn?  ?Nhưng trước sức tấn công mãnh liệt của quân Tây Sơn, thì kết quả của chúng như thế nào?  N2?Khi nghe tin đồn Ngọc Hồi thất thủ, vua tôi Lê Chiêu Thống có hđ như thế nào?  - Cướp thuyền của người đánh cá để chạy.  - Đuổi theo quân Thanh để mong được che chở.  ? Hành động đó gợi cho em suy nghĩ gì về hành động và thái độ của nhà Lê Chiêu Thống  ?Hình ảnh vua Lê như thế nào?  (Khi giặc Thanh sang xâm lược, khi quân Thanh tháo chạy)  Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao  Bước 3: Gọi học sinh trình bày  N1- Mấy ngày tết chỉ chăm chú vào yến tiệc, vui chơi, không đề phòng cảnh giác.  - Tướng: sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…chuồn trước qua cầu phao.  - Quân: Tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống chết rất nhiều, sông Nhị Hà tắc nghẽn.  N2:Chạy bán sống bán chết, khi chạy sang TQ vua tôi nhà Lê Chiêu Thống phải cạo trọc đầu, tết tóc, ăn mặc giống người Mãn Thanh và cuối cùng phải gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người  Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức  HĐ tổng kết**(5’)**  ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích.  ? Nêu những thành công chính về nội dung của đoạn trích.  - Ngợi ca ng­ợi anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, đồng thời lên án, phên phán sự thốt nát của triều đình nhà Lê. | **I.Đọc hiểu chung**  1. Tác giả:  - Ngô Gia Văn Phái - Dòng họ: Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du... dòng họ nổi tiếng về văn học lúc bấy giờ-ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai (Hà Nội)sống ở thế kỉ XVIII- XIX.  2. Tác phẩm:  -Thể loại: tiểu thuyết chương hồiviết bằng chữ Hán  -Là cuốn tiểu thuyết lịch sử có quy mô lớn, phản ánh những biến động nước nhà từ cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu thế kỉ XIX, gồm 17 hồi.  -Xuất xứ văn bản: Đoạn trích nằm ở hồi thứ mười bốn.  3.Bố cục  -Từ đầu-> ra Bắc: Quang Trung chuẩn bị tiến quân ra Bắc.  - Tiếp -> vào thành: Quang Trung đại phá quân Thanh.  - Còn lại: Số phận của bọn bán nước và cướp nước.  **II.Đọc hiểu chi tiết.**  **1.Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ**  \* Nhận được tin cấp báo:  - Giận lắm, định thân chinh cầm quân đi đánh.  - Tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế, đốc quân ra Bắc.  - Tuyển binh, duyệt binh lớn ở Nghệ An.  - Định kế hoạch hành quân đánh giặc.  -> Con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán. Đó là người chỉ huy quân sự cực kì sắc sảo nhạy bén,tự tin.  \*Lời dụ của Quang Trung  - Khẳng định chủ quyền dân tộc " đất nào sao ấy"  - Nêu bật giã tâm của giặc và nhắc lại truyền thống chống giặc của ta.  - Kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực, ra kỉ luật nghiêm, thống nhất ý chí.  - Nêu bật chính nghĩa của ta – phi nghĩa của địch.  -> Lời dụ giống như 1 lời hịch ngắn gọn mà hào hùng, kích thích lòng yêu nước, truyền thống quật cường của dân tộc thu phục quân lính khiến họ 1 lòng đồng tâm hiệp lực, không dám ăn ở hai lòng.  -> Sáng suốt trong việc dùng người và nhận định tình hình, có tầm nhìn xa, trông rộng.  \* Trong chiến đấu :  - Tài dụng binh như thần:  - Hành quân rất thần tốc mà đội quân vẫn chỉnh tề.  - Đi đến đâu tuyển quân đến đó.  - Đích thân chỉ huy, vạch kế hoạch cho chiến dịch và từng trận đánh  → Quang Trung là vị vua yêu nước, sáng suốt có tài cầm quân.  \*Có nhiều mưu kế đánh giặc:  - Bắt gọn quân do thám.  - Đánh nghi binh.  - Dùng đội quân cảm tử khiêng ván  - Lùa voi dày đạp.  -> Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách quả cảm, mạnh mẽ, tài dụng binh như thần, là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại.  **2.Hình ảnh bọn cướp nước và bán nước**.  a. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh.  - Mấy ngày tết chỉ chăm chú vào yến tiệc, vui chơi, không đề phòng cảnh giác.  - Tướng: sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…chuồn trước qua cầu phao.  - Quân: Tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống chết rất nhiều, sông Nhị Hà tắc nghẽn.  =>Bất tài, không biết người biết mình, kiêu căng chủ quan, thua trận nhục nhã.  b. Số phận thảm hại của bọn vua tôi phản nước, hại dân.  - Vội vã rời bỏ cung điện đem mẹ chạy theo Tôn Sĩ Nghị, cướp cả thuyền của dân để qua sông.  - Bị Nghị bỏ rơi  - Thu nhặt tàn quân kéo về.  -> Bản chất đê hèn, chạy trốn 1 cách mù quáng nhục nhã, rước voi về giày mả tổ  → Kể chuyện xen kẽ miêu tả 1 cách sinh động.  **III.Tổng kết:**  1.Nghệ thuật:  - Kể chuyện xen kẽ miêu tả cụ thể, sinh động.  - Ngòi bút miêu tả khách quan, chân thực.  2. Nội dung:  - Tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh.  - Sự thất bại thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. |

**Hoạt động 3,4,5: Luyện tập, vận dụng và mở rộng(5’)**

Mục tiêu: Củng cố khắc sâu và mở rộng kiến thức về Người anh hùng dân tộc: Nguyễn Huệ.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập cho h/s

? Tóm tắt lại nội dung đoạn trích ?

? Nhận xét khái quát hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ.

a. Là người hành động mạnh mẽ và quyết đoán:

b. Là con người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén:

c. Có ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng

d. Có tài dùng binh như thần:

đ. Hình ảnh QT lẫm liệt trong chiến trận

? Dựa theo TP viết một đoạn văn miêu tả lại cuộc tấn công thần tốc từ 30 tết đến mồng 5 tháng giêng năm kỉ dậu 1789

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao

Bước 3: Gọi học sinh trình bày

Bước 4: Giáo viên chốt kiến thức

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Sự phát triển của từ vựng( Tiếp)

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 24 SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG**

( Tiết 2)

***Ngày soạn: 20/9/2020***

***Ngày dạy:***

**I. Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức :

- Cung cấp kiến thức về cách mở rộng vốn từ và chính xác hoá vốn từ.

- Học sinh hiểu được tạo từ ngữ mới và mượn tiếng nước ngoài cũng là cách để mở rộng vốn từ.

- Học sinh biết vận dụng đúng từ ngữ mới, và từ mượn trong giao tiếp.

2. Kĩ năng :

- Rèn kĩ năng mở rộng vốn từ và giải thích ý nghĩa của từ ngữ mới.

- Gia quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

- Giao tiếp: trao đổi về sự phát triển của từ vựng tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của từ vựng tiếng Việt.

3. Thái độ : Tự hào, yêu quí tiếng Việt. Có ý thức trau dồi và mở rộng vốn từ.

4. Định hướng năng lực;

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác nhóm

- Năng lực tự học

**II. Chuẩn bị.**

- GV : Soạn bài, bảng phụ.

- HS : Chuẩn bị bài theo câu hỏi ở SGK, tìm hiểu thêm trong thực tế.

**III. Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức:

Ổn định trật tự

2.Kiểm tra bài cũ:

**Hoạt động 1: Khởi động.(5’)**

Mục tiêu:Tạo tình huống về sự phát triển của từ vựng TV có các cách khác nhau.

- Hình thức: hoạt động cá nhân

Bước 1: GV: Yêu cầu học sinh quan sát bảng phụ và thực hiện yêu cầu sau:

? Nhận định sau đây đúng hay sai?

- Từ vựng của một ngôn ngữ không bao giờ thay đổi

- Một trong những cách phát triển của từ vựng là phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc

? Hoàn thành sơ đồ tư duy phát triển nghĩa của từ ngữ

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV chốt lại và dẫn chuyển vào bài.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới(18’)**

Trong tiết học trước, các em đã được biết một trong cách phát triển từ vựng là dựa trên cơ sở nghĩa gốc của từ. Tiết học này, các em sẽ được biết thêm một cách phát triển từ vựng nữa là làm tăng vốn từ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐ: Phát triển từ vựng bằng cách tạo từ ngữ mới:  Mục tiêu:HS thấy được sự pt từ vựng TV bằng cách làm tăng số lượng vốn từ.  Bước 1: GV chia lớp thành 2 nhóm,  Yêu cầu: quan sát ví dụ và trả lời câu hỏi  Nhóm 1: Mẫu X+Y- gói câu hỏi 1  1. Hãy cho biết trong thời gian gần đây có những từ ngữ nào mới được cấu tạo trên cơ sở các từ sau: Điện thoại, kinh tế, di động, trí thức, đặc khu kinh tế, sở hữu trí tuệ?  2. Giải thích nghĩa của những từ ngữ mới cấu tạo đó?  3. Đặt câu với mỗi từ mới cấu tạo đó?  Nhóm 2: Mẫu X+ tặc – gói câu hỏi 2  1.Tìm những từ ngữ mới cáu tạo theo mô hình đó?  2. Giải nghĩa các từ ngữ theo cấu tạo đó.  3 Đặt câu với mỗi từ đó?  Bước 2: học sinh nhận phiếu học tập, thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ xung, nhận xét  Bước 4: GV chốt ý  - Nhóm 1:  Mẫu: x+y (x và y là các từ ghép)  + Các từ ngữ được tạo theo mẫu mới:  - Điện thoại di động, kinh tế tri thức, đặc khu kinh tế, sở hữu trí tuệ...  + Giải thích nghĩa các từ đó:  - Điện thoại di động: Điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo người, được sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao.  - Kinh tế trí thức: Nền kinh tế dựa chủ yếu vào việc sản xuất, lưu thông, phân phối các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao.  - Đặc khu kinh tế: khu vực dành riêng để thu hút vốn và công nghệ nước ngoài với những chính sách ưu đãi.  - Sở hữu trí tuệ: Quyền sở hữu với những sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại được pháp luật bảo hộ như quyền tác gia, quyền đối với sáng chế...  + Vận dụng các từ ngữ đó đặt câu;  VD: Chiếc điện thoại di động này có nhiều chức năng.  - Nhóm 2:  + Tìm các từ theo mấu:  - Hải tặc, lâm tặc, không tặc, nghích tặc…  + Giải nghĩa các từ đó:  - Hải tặc: Những kẻ chuyên cướp trên tàu biển.  - Lâm tặc: Những kẻ khai thác bất hợp pháp tài nguyên rừng.  - Không tặc: Những kẻ chuyên cướp trên máy bay.  - Nghịch tặc: Kẻ phản bội làm giặc.  + Đặt câu: Bọn lâm tặc ngày càng hoành hành.  GV.Hệ thống hóa kiến thứcvà củng cố kiến thức  - Hình thức: Học sinh hoạt động cá nhân, theo nhóm.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, trò chơi, chia nhóm.  - GV yêu cầu học sinh quan sát SGK phần ghi nhớ, kết hợp với kiến thức vừa tìm hiểu ở ví dụ và trả lời câu hỏi:  ? Có mấy hình thức tạo từ ngữ mới?  ? Tạo từ ngữ mới trong tiếng việt như vậy nhằm mục đích gì?  Để củng cố kiến thức gv cho học sinh chơi trò chơi: ai nhanh hơn.  Bước 1: gv phổ biến cách chơi: lớp tiếp tục chia thành 2 nhóm. Mỗi nhóm sẽ lên bảng tìm thêm các từ ngữ được tạo theo 2 mẫu mới theo hình thức tiếp sức. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn, nhanh hơn sẽ thắng.  Bước 2: các nhóm thảo luận, trao đổi.  Bước 3; Các nhóm cử đại diện lên bảng viết ra các từ tìm được, nhóm nào tìm được nhiều từ hơn và nhanh hơn sẽ nhận được tràng pháo tay.  Bước 4: GV nhận xét hoạt động của các nhóm.  HĐ: Mở rộng vốn từ bằng cách mượn từ ngữ nước ngoài  -Hình thức: học sinh hoạt động theo nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, chia nhóm.  Bước 1: Giao nv học tập cho hs.  - Thời gian thảo luận 5 phút.  - yêu cầu học sinh quan sát ngữ liêu SGK  N1? Tìm các từ hán Việt trong các ngữ liệu?  ? Giải nghĩa các từ HV vừa tìm được?  N2? Cho biết những từ nào để những khái niệm nêu ra ở mục 2.a, 2.b.  ?Những từ này có nguồn gốc từ đâu?  Bước 2: học sinh và thảo luận theo nhóm.  Bước 3: học sinh tứng nhóm trình bày kết quả và nhận xét bổ sung cho nhau.  Bước 4: GV chốt lại:  N1:Các từ Hán việt là:  a. Thanh minh, lễ, tiết, tảo mộ, hội đạp thanh.  b. Bạc mệnh, duyên, phận, thần, linh, chứng giám.  + Giải nghĩa: Các từ trên  N2: Các từ:  a. AIDS, đọc là "ết"  b. Ma - két - tinh.  - > Từ mượn của tiếng nước ngoài.  Bước 4: GV nhận xét hoạt động của các nhóm.  ? Vậy muốn phát triển từ vựng, ngoài cách tạo từ ngữ mới, ta còn có cách nào?  ? Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là loại từ nào?  - Để củng cố kiến thức gv cho học sinh tìm thêm một số từ mượn của nước ngoài: châu âu, hán việt.  **\*Hoạt động 3: Luyện tập(20’)**  Mục tiêu :vận dụng lý thuyết vào làm bài tập thục hành.  - Hình thức: hoạt động nhóm  - kĩ thuật: Đặt câu hỏi, chia nhóm  Bước 1: GV chia lớp thành 3 nhóm  - thời gian thảo luận: 5p  - Phương tiện: Bảng phụ  + nhóm 1: Bài tập 1 SGK  + nhóm 2; bài tập 2 SGK  + nhóm 3: bài tập 3 SGK  Bước 2,3 học sinh các nhóm thảo luận sau đó từng nhóm trình bày kết quả, các nhóm nhận xét.  Bước 4: GV Nhận xét kết quả từng nhóm và bổ sung  Bài tập 1 (T74)  a. x+tập: học tập, kiến tập, sưu tập, luyện tập…  b. x+tập: học tập, kiến tập, sưu tập, luyện tập…  Bài tập 2 (T 74)  - Cầu truyền hình: hình thức truyền hình tại chỗ cuộc giao lưu, đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống (camera) giữa các địa điểm cách xa nhau.  - Cơm bụi: cơm giá rẻ, thường bán trong hàng quán nhỏ.  - Công viên nước: Công viên trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước như: trượt nước, bơi thuyền, tắm biển nhân tạo  - Đường cao tốc: đường xây dựng theo tiêu chuẩn chất lượng cao dành cho các loại xe cơ giới chạy với tốc độ cao (khoảng 100km/h)  Bài tập 3 (T74)  *a. Từ mượn của tiếng Hán.*  - Măng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ.  *b. Từ mượn của các ngôn ngữ châu Âu:*  - Xà phòng, ô tô, ra đi ô, cà phê, ca nô. | **I. Phát triển từ vựng bằng cách tạo từ ngữ mới:**  1. Ví dụ:  \* Mẫu: x + y (x và y là các từ ghép)  \* Mẫu x + tặc:  =>Làm cho vốn từ ngữ tăng lên.  2.Bài học :  Tạo từ ngữ mới để làm cho vốn từ ngữ tăng lên cũng là một cách để phát triển từ vựng tiếng việt.  **II. Mở rộng vốn từ bằng cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.**  1.Từ Hán Việt  a. Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân.  b. Bạc mệnh, duyên phận, thần linh, chứng giám, đoan trang  2.Mượn từ tiếng Anh:  AIDS, Ma-két-ting  2. Kết luận:  Mượn TN của tiếng nước ngoài cũng là một cách để làm phong phú thêm TV. BP mượn quan trọng nhất là mượn tiếng Hán  **III.Luyện tập**  1.BT1:  -X+trường  -X+hoá  2.BT2: Tìm từ mới: thương hiệu…  3.BT3: Tìm từ gốc Hán, Ấn-Âu |

**Hoạt động 5: Mở rộng.** (2’)( ở nhà)

\* Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức, đồng thời vận dụng kiến thức để làm bài tập.

- HĐ cá nhân

\* Các bước thực hiện hoạt động:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Viết một đoạn văn sử dụng từ HV

? Sáng tác,sưu tầm một số câu thơ có sử dụng từ Hán việt.

Gv gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Truyện Kiều của Nguyễn Du

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 25-26-27 CHỦ ĐỀ**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU**

**1.Mục tiêu chủ đề:**

***1.1. Kiến thức:***

***-*** Hiểu tác giả Nguyễn Du: cuộc đời và sự nghiệp văn học.

- Hiểu được giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều.

- Hiểu được giá trị của các đoạn trích: *Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích.*

- Hiểu, cảm nhận được những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện và trong từng trích đoạn: tả cảnh ngụ tình, ước lệ tượng trưng…..

- Biết đọc- hiểu truyện trung đại theo đặc trưng thể loại

- Nắm được các nội dung chính của truyện.

- Thấy được vai trò, tác dụng của yếu tố miêu tả hành động, sự việc, cảnh vật và con người trong văn bản tự sự . Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện.

***1.2. Kĩ năng:***

- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu.

- Biết bình giảng các câu thơ hay.

***1.3. Thái độ:***

- Tích cực học tập chủ đề.

***2. Định hướng năng lực cần hướng tới.***

- Năng lực tự học

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực quản lí bản thân

- Năng lực giao tiếp

- Năng lực hợp tác

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ tiếng viết

- Năng lực thưởng thức văn học

**3. Bảng mô tả các mức độ đánh giá theo định hướng năng lực.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | **Các mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| Tác giả | - Nhớ được thông tin về tác giả.  - Nhận biết được hoàn cảnh thời đại mà tác giả sống. | - Hiểu và phân biệt được sự sáng tạo của Nguyễn Du.  - Hiểu ý nghĩa sâu sắc của truyện đối với đời sống con người, tên gọi tác phẩm |  | - Vận dụng hiểu biết về truyện Kiều để phân tích lí giải giá trị nội dung, nghệ thuật của các đoạn trích |
| Giá trị nội dung | - Nhận diện được nội dung của truyện | - Hiểu được hàm ý sâu xa của truyện ngụ ngôn, ý nghĩa truyện cười.  - Hiểu những hiện tượng đáng phê phán trong xã hội; thái độ với những thói hư, tật xấu đó. | - Phân tích, trình bày suy nghĩ cảm nhận được nội dung ý nghĩa của các đoạn trích đã học.  - Sưu tầm các bài truyện cùng chủ đề. | - Trình bày được những suy nghĩ ,kiến giải riêng về giá trị nội dung của văn bản, từ đó tạo lập được một văn bản cảm nhận, suy nghĩ về truyện.  - Kiến tạo những giá trị sống của bản thân góp phần giải quyết một vấn đề trong đời sống thực tiễn. |
| Giá trị nghệ thuật | - Nhận diện được các hình thức nghệ thuật trong trích đoạn.  - Nhận diện thể loại truyện. | - Hiểu được những nét đặc sắc và tác dụng của các hình thức nghệ thuật, cách thức diễn đạt trong những trích đoạn đã học. | - Vận dụng thông hiểu để tạo lập đoạn văn phân tích, cảm nhận những nét đặc sắc về nghệ thuật trong truyện | - So sánh cách diễn đạt của các câu chuyện cùng một chủ đề.  - Chuyển thể văn bản truyện  (vẽ tranh, kịch) |
| Chị em Thúy Kiều | - Nhận biết trình tự miêu tả nhân vật. | - Hiểu dụng ý nghệ thuật trong cách miêu tả |  | Tạo lập văn bản phân tích vẻ đẹp của Kiều. |
| Kiều ở lầu Ngưng Bích | - Nhận biết bút pháp nghệ thuật tiêu biểu của đoạn trích. | - Lí giải được nội dung trích đoạn, nghệ thuật tiêu biểu , điển tích văn học. |  | Tạo lập văn bản phân tích tâm trạng nhân vật trong đoạn trích. |
| Miêu tả , miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự. | - Nhận biết yêú tố  miêu tả, miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự. | Hiểu được vai trò ý nghĩa của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự | Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự. | Tạo lập văn bản tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự. |

**4. Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá chuyên đề:**

**Mức độ nhận biết**

**Câu 1: Truyện Kiều còn có tên gọi nào?**

A. Đoạn trường tân thanh.

B.Thúy Kiều.

C.Kim Vân Kiều truyện

D.Không có tên nào khác

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức độ tối đa**: Phương án A

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

**Câu 2: Truyện Kiều được viết bằng thể thơ nào?**

1. Thể tự do.
2. Thể lục bát.
3. Song thất lục bát.
4. Đường luật.

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức độ tối đa:** Phương án B

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

**Câu 3 : Đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” thuộc phần nào cảu truyện?**

**A.**Gia biến và lưu lạc.

**B.** Đoàn viên.

**C.** Gặp gỡ và đính ước.

**D.** Không nằm trong phần nào.

*Hướng dẫn chấm:*

***+* Mức tối đa: C**

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

**Câu 4**: Trong đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều”, sau đoạn tả vẻ đẹp chung, nhà thơ miêu tả ai trước?

1. Tả Kiều trước, Vân sau.
2. Tả Vân trước, Kiều sau.
3. Cùng tả hai chị em.

*Hướng dẫn chấm*

**+ Mức tối đa:** Phương án C

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

**Câu 5: Trích đoạn “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật nào?**

1. Tả cảnh ngụ tình.

B.Ước lệ tượng trưng.

C. Đòn bẩy.

D.Khoa trương.

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức tối đa: :** Phương án A

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

**Câu hỏi, bài tập: Mức độ thông hiểu**

**Câu 1: Vì sao khi tả Kiều, Nguyễn Du tập trung tả đôi mắt?**

A.Vì Kiều chỉ đẹp ở đôi mắt.

B.Vì đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, nơi tập trung sự tinh anh của trí tuệ.

C.Vì Kiều không đẹp bằng Vân.

D.Vì Nguyễn Du muốn tập trung làm nổi bật tài năng của Kiều.

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức tối đa: :** Phương án B

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

**Câu 2: Vì sao Thúy Kiều lại nhớ Kim Trọng trước cha mẹ nàng?**

**A.** Vì nàng đặt chữ tình lên trên chữ hiếu.

B. Vì nàng nghĩ cha mẹ đã có hai em chăm sóc.

C.Vì với Kim Trọng nàng là người có lỗi còn cha mẹ phần nào nàng đã đền đáp ơn sinh thành nuôi dưỡng.

D.Vì nàng còn trẻ,

**+ Mức tối đa:** C

**+ Không đạt:**  Trả lời chưa đầy đủ ý trên, trả lời sai; hoặc không trả lời.

**Câu 3: Vì sao Nguyễn Du lại sử dụng điệp ngữ *Buồn trông* ở đoạn cuối của *Kiều ở lầu Ngưng Bích?***

A.Tạo nhịp điệp cho đoạn thơ.

B.Nhấn mạnh tâm trạng của Kiều.

C.Thể hiện vị trí, tư thế của Kiều trước lầu Ngưng Bích.

D.Vừa tạo nhịp điệu cho đoạn thơ vừa thể hiện nỗi cô đơn, lo sợ của Kiều.

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức tối đa: :** Phương án D

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời.

**Câu 4: Cụm từ *Quạt nồng ấp lạnh* trong câu *Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ* có nghĩa là gì?**

1. Lấy từ tích xưa, cha mẹ già con cái thường nằm ủ ấm chỗ cho cha mẹ.

B. Không ai quan tâm tới cha mẹ.

C.Thúy Kiều lo cho cha mẹ.

D.Thúy Kiều thương cho chính mình

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức tối đa: :** Phương án A

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời.

**Câu 5: Em hiểu tên gọi *Đoạn trường tân thanh* có nghĩa là?**

1. Chỉ cuộc đời của Thúy Kiều.
2. Chỉ sự thương cảm của nhà thơ.
3. Nghĩa là tiếng kêu mời làm đau đến đứt ruột gan.
4. Không có nghĩa gì.

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức tối đa: :** Phương án C

**+ Không đạt:** Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời.

**Câu hỏi, bài tập: Vận dụng mức độ thấp**

**Câu 1: Viết đoạn văn kể về chị em Thúy Kiều qua đoạn trích Chị em Thúy Kiều. Trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả :**

*Hướng dẫn chấm:*

**- Mức độ tối đa:**

HS viết đoạn văn kể về chị em Thúy Kiều qua đoạn trích Chị em Thúy Kiều. Trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả.

**- Mức độ chưa tối đa:**

Trả lời chưa đầy đủ các nội dung trên.

**- Mức độ không đạt.**

Trả lời sai hoặc không trả lời.

**Câu 2: Phân tích giá trị việc sử dụng điệp ngữ, từ láy trong 8 câu thơ cuối của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*** *( Truyện Kiều, Nguyền Du.*

*Hướng dẫn chấm:*

**-Mức độ tối đa:**

Trong tám câu thơ cuối bài [***Kiều ở lầu Ngưng Bích***](https://doctailieu.com/kieu-o-lau-ngung-bich-c4673), tác giả sử dụng bốn lần điệp ngữ "buồn trông" ở những hoàn cảnh khác nhau nhằm biểu đạt cảm xúc, tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều.

Các điệp ngữ còn kết hợp với các từ láy: thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm tạo nên nhịp điệu ào ạt của cơn sóng lòng, khi trầm buồn, khi dữ dội, xô nỗi buồn đến tuyệt vọng.

=> Phép điệp tu từ lặp lại một yếu tố diễn đạt (vần, nhịp, từ, cụm từ, câu) nhằm nhấn mạnh, biểu đạt cảm xúc và ý nghĩa, có khả năng gợi hình tượng nghệ thuật và tạo nhịp điệu cho câu thơ, tác động mạnh mẽ tới cảm xúc người đọc.

**- Mức độ chưa tối đa:**

Trả lời chưa đầy đủ những nội dung trên.

**- Mức độ chưa đạt:**

Trả lời không đúng hoặc không trả lời.

**Câu 3:** Nhận xét cách miêu tả của Nguyễn Du trong việc miêu tả Thúy Kiều và Thúy Vân

*Hướng dẫn chấm:*

**- Mức độ tối đa:**

**-** Nguyễn Du đều sử dụng bút pháp miêu tả ước lệ tượng trưng để miêu tả nhân vật kết hợp với nghệ thuật đòn bẩy trong khi miêu tả.

+ Tả Vân, Nguyễn Du chủ tập trung tả nhan sắc ngoại hình nhân vật theo lối liệt kê ( khuân mặt, nụ cười, giọng nói, tóc, nước da....). Qua đó để dự báo về một cuộc đời bình yên, hạnh phúc.

+ Tả Kiều nhà thơ tập trung chỉ tả đôi mắt, đặc biệt là giới thiệu tài năng của nàng ( hội họa, làm thơ, chơi đàn, sáng tác nhạc...). Qua đó để dự báo về một cuộc đời sẽ gặp nhiều gian truân, vất vả.

**- Mức độ chưa tối đa**:

Trả lời chưa đầy đủ các nội dung trên.

**- Mức độ không đạt**:

Trả lời sai hoặc không trả lời.

**Câu hỏi, bài tập: Mức độ vận dụng cao.**

**Câu 1: Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong trích đoạn: *Kiều ở lầu Ngưng Bích***

**+ Mức độ tối đa:**

**a. MB:** Giới thiệu và dẫn dắt vấn đề.

**b. TB:** Phân tích để làm sáng tỏ các luận điểm:

Tâm trạng cô đơn, lẻ loi, trống trải của Thúy Kiều trước cảnh lầu Ngưng Bích:

( Phân tích dẫn chứng trong sáu câu thơ đầu đoạn trích)

Nỗi nhớ người yêu và người thân của Thúy Kiều

( Phân tích 8 câu thơ tiếp theo)

Nỗi lo sợ, kinh hoàng trước cuộc đời đầy song gió

( Phân tích 8 câu thơ cuối)

**c. Kết bài:** Khẳng định, đánh giá vấn đề.

- HS biết cách làm bài nghị luận về một vấn đề văn học

+ **Mức độ chưa tối đa:** làm được một trong ba yêu cầu trên. Hoặc phân tích còn sơ sài, diễn đạt vụng.

**+ Không đạt:** Làm sai hoặc không làm bài

**Câu 2: Phân tích vẻ đẹp của Thúy Kiều trong trích đoạn: *Chị em Thúy Kiều***

*Hướng dẫn chấm:*

**+ Mức độ tối đa:**

**a. Mở bài:** Giới thiệu và dẫn dắt vấn đề.

**b. Thân bài:** Phân tích để làm sáng tỏ các luận điểm:

- Vẻ đẹp về nhan sắc: Kiều đẹp một cách hoàn hảo, nổi trội khiến thiên nhiên, tạo hóa cũng phải ghen tị. ( Phân tích dẫn chứng)

- Vẻ đẹp tài năng: Kiều là người con gái đa tài: sáng tác thơ, tài chơi đàn, tài hội họa và cả sáng tác nhạc nhưng là bản nhạc buồn. ( Phân tích dẫn chứng)

- Vẻ đẹp về gia phong, lối sống, nề nếp: Lối sống đứng đắn, nghiêm túc mặc dù đang trong độ tuổi trẻ trung, yêu đương.( Phân tích dẫn chứng)

**c. Kết bài:** Khẳng định, đánh giá vấn đề. Có thể so sánh, mở rộng với vẻ đẹp nhân vật Thúy Vân.

Bài viết đủ luận điểm, phân tích hay, khai thác tín hiệu nghệ thuật. Thuộc dẫn chứng.

+ **Mức độ chưa tối đa:** trả lời chưa đầy đủ các nội dung. Phân tích chưa đủ ý, diễn dạt còn vụng.

**+ Không đạt:** Không viết bài hoặc lạc đề.

**5. Tổ chức thực hiện chủ đề:**

**5.1. Phương pháp dạy học: Phân tích, vấn đáp, nhóm....**

**5.2. Hình thức dạy học:** Trên lớp.

**5.3. Chuẩn bị của thầy và trò:**

**GV**: Tài liệu liên quan tới chuyên đề

**HS:**

**5.4. Tiến trình thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hệ thống câu hỏi**  - HS đọc phần giới thiệu t/ giả Nguyễn Du?  - Đoạn trích cho em biết về những vấn đề gì trong cuộc đời của t/g?  ( HV: nhấn mạnh những điểm quan trọng)  ( XHPKVN khủng hoảng sâu sắc, phong trào nông dân liên tục, Tây Sơn 1 phen thay đổi sơ hà- thất bại- Nguyễn )  ( cha, anh đỗ tiến sỹ làm chức tể tướng.  “ Bao giớ Ngàn Hống..Sông Lam...quan”  ( Phiêu bạt 10 năm đất Bắc, đói rét,bệnh,ở ẩn quê nghèo khổ- làm quan bất đắc dĩ)  (“ chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”  Mộng L.Đường “ Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đến đứt ruột…Nếu không phải có con mắt thông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy” )  - Sự nghiệp VH của ND có những điểm gì đáng chú ý?  ( GV giới thiệu thêm 1 số sáng tác lớn của ND)  - Thuyết trình cho HS hiểu về nguồn gốc t/p- khẳng định sự sáng tạo của ND  ( GV kể thêm sự sáng tạo ND: thêm, bớt)  Tự sự – kể chuyện bằng thơ; Nghệ thuật XD nhân vật miêu tả TN…  - HS đọc phần tóm tắt?  - 3em lên tóm tắt 3 phần?  - 1 em tóm tắt toàn bộ  ( GV có thể đan xen những câu Kiều phù hợp)  - Theo em truyện Kiều có những giá trị lớn?  - Qua phần tóm tắt t/p em hình dung XH được p/a trong truyện Kiều là XH ntn?  - Những nhân vật: MGS, HTH, BBà, BHạnh, Sở Khanh….là những kẻ ntn?  - Cảm nhận của em về c/s, thân phận của TK cũng như của người phụ nữ trong XH cũ?  - Theo em giá trị nhân đạo của 1 t/p thường được thể hiện qua những nội dung nào?  Việc khắc hoạ nhân vật MSG, Hồ Tôn Hiến trong cách miêu tả nhà thơ biểu hiện thái độ ntn?  ( GV: Đưa 1 số VD miêu tả về Hồ Tôn Hiến, MGS)  - ND xây dựng trong t/p 1nhân vật anh hùng là ai? Mục đích?  - Cảnh TK báo ân, báo oán thể hiện tư tưởng gì của t/p?  ( Gv thuyết trình 2 thanh tựu lớn về nghệ thuật)  GV minh hoạ cách sử dụng ng2, tả cảnh TN..  ( Đặc trưng thể loại truyện thơ )  Đọc ghi nhớ? | **I-Cuộc đời và sự nghiệp:**  **1-Tác giả Nguyễn Du**: ( 1765-1820)  +, Sinh trưởng trong 1 thời đại có nhiều biến động dữ dội → tác động tới tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du →hướng ngòi bút vào hiện thực  +, Gia đình Nguyễn Du là gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn học; Nhỏ sống vinh hoa phú quý → 9 tuổi mồ côi cha, 12 tuổi mồ côi mẹ → Tácđộng lớn đến sáng tác  +, Bản thân: Học giỏi nhưng nhiều lận đận bôn ba nhiều nơi, tiếp xúc nhiêù vùng văn hoá khác, nhiều cảnh đời số phận khác→ẩnh hưởng đến sáng tác.  +, Là người có trái tim giàu yêu thương  images (3)  **2,Những sáng tác văn học**.  - Chữ Hán: 243bài với 3tập thơ  “Thanh Hiên Thi tập”  “ Nam trung tạp ngâm”  “ Băc hành tạp lục”  - Chữ nôm:  - “ Truyện Kiều” ( Đoạn trường tân thanh)  “ Văn chiêu hồn”  **II- Truyện Kiều**  **1, Nguồn gốc tác phẩm**  **images (1)**  -Từ 1 tác phẩm văn học Trung Quốc” Kim Vân Kiều truyện” Nguyễn Du đã sáng tạo nên kiệt tác văn học Việt Nam  **2, Tóm tắt** tác phẩm: 3 phần  - Gặp gỡ và đính ước  - Gia biến và lưu lạc  - Đoàn tụ.  **3, Giá trị nội dung và nghệ thuật.**  **a,Giá trị nội dung**  **a1.Giá trị hiện thực**  \* Phản ánh xã hội đương thời qua những bộ mặt tà bạo của tầng lớp thống trị: Những thế lực bạo tàn.  - Trước hết là viên quan xử kiện Vương Ông, chẳng cần điều tra hắn chỉ cần tiền “ Có ba trăm lạng việc này mới xuôi ” đã đẩy gia đình Kiều vào cảnh tan nát.  - Tên quan xử vụ kiện Thúc Ông và Thúc Sinh cũng đã đẩy Kiều vào cuộc sống lầu xanh nếu Kiều không có tài thơ phú.  - Đặc biệt là Hồ Tôn Hiến chẳng đủ tài trí để đọ với Từ Hải hắn đàng dở dã tấm cháo chở giết xong Từ Hải rồi dở trò với Thuý Kiều  Gia cấp phong kiến kẻ tự sưng là cha mẹ dân xuất hiện trong truyện Kiều là một lũ lưu manh hoành hành làm hại người lương thiện.  - Một loạt các loại người lừa đảo lưu manh như: Tú Bà, Sở Khanh, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, ...  - Đồng tiền có một sức mạnh ghê ghớm và ma quái khiến bọn lưu manh, quan lại chà đạp lên dân lành: “Một ngày lạ thói sai nha; làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền ”.  \* P/a số phận những con người bị áp bức đau khổ đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ.  - Thân thế cuộc đời Kiều: là một kết quả tất yếu do những thế lực hắc ám thống trị. Kiều tan vỡ mối tình đầu sống cuộc đời ô nhục cũng là vì thế  - Chế độ đa thê sản phẩm của gia cấp phong kiến cũng không thể bảo vệ hạnh phúc cho nàng.  - Và khi Từ Hải chết cũng là lúc mọi hy vọng của cuộc đời nàng tắt ngấm. Cuối cùng được cứu sống, được đoàn tụ, được gặp lại người yêu nhưng cũng chỉ là một cuộc sống không hương không sắc.  **a2. Truyện Kiều là tiếng nói nhân đạo biểu hiện những khát vọng giải phóng và ca ngợi những giá trị phẩm chất đẹp đẽ của con người bị áp bức đặc biệt là phụ nữ:**  - Nhiều lần Nguyễn Du đã ca ngợi những nhan sắc của Kiều nhưng ông còn tìm thấy cả vẻ đẹp tinh thần ẩn dấu trong con người ấy đó là: trí tuệ sự thông minh, sắc sảo.  - Phẩm chất của Kiều tiêu biểu ở thái độ chống lễ giáo phong kiến dám vươn lên để tìm hạnh phúc, mạnh dạn nhận lời chủ động đến với người yêu  - Tiếng nói nhân đạo còn được biểu hiện ở thái độ trống đối của Từ Hái với trật tự phong kiến phản ánh ước mơ tự do và công lí của con người.  - Từ Hải đến với Kiều vừa là một ân nhân xong cũng đủ sức mạnh để giúp Kiều báo ân báo oán  - Cảm thương sâu sắc trước những khổ đau của con người.  - Lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo  - Trân trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất → ước mơ khát vọng chân chính.  **b Giá trị nghệ thuật:(** ngôn ngữ và thể loại )  **b1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật.**  **b1.1 Miêu tả ngoại hình nhân vật.**  - Những yếu tố ước lệ, công thức của bút pháp phong kiến biểu hiện trong tả ngoại hình của nhân vật chính diện. Như một Thuý Kiều có “ làn thu thuỷ nét xuân sơn” , Thuý Vân “ Hoa cười ngọc thốt” …  - Những nhân vật phản diện cũng được tác giả chú ý: Một Mã Giám Sinh “ mày râu nhắn nhụi” , Sở Khanh, Tú Bà …  **b1.2. Miêu tả nội tâm nhân vật.**  - Lấy bản chất nhân vật làm yếu tố trung tâm xây dựng nhân vật. Nguyễn Du phác hoạ những nét tâm lý tính cách rất xinh động.  - Tả cảnh cũng là một phương tiện nghệ thuật đắc lực với nhiều nét ước lệ công thức như: Phong hoa tuyết nguyệt rồ ý tứ lời lẽ của cổ thi. Cảnh thiên nhiên đều là một bức tranh diễm lệ nhưng luôn có cáI thần. Thiên nhiên gắn với tình người.  **b2. Ngôn ngữ của truyện Kiều.**  - Mang tính chính xác cao có từ Hán Việt, từ thuần Việt được dùng đúng chỗ đúng người.  - Vận dụng ngôn ngữ thơ ca và học tập ngôn ngữ văn học Trung Quốc.  - Vận dụng khá nhiều khẩu ngữ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao … Kiến bò miệng chén ; Chưa thăm ván đã bán thuyền  **b3. Thể thơ lục bát.**  - Nguyễn Du sử dụng thơ lục bát có tính chất dân tộc hết sức sinh động đa dạng, hấp dẫn.  - Nhịp thơ uyển chuyển dịu dàng phục vụ phang cách trữ tình của tác phẩm  **\*Ghi nhớ:** SGK- 80  **Luyện tập**  Tóm tắt ngắn gọn truyện Kiều. |

**Củng cố- dặn dò**

- Củng cố: chốt lại những nội dung chính.

- Dặn dò : Học bài. Nắm chắc nội dung, nghệ thuật truyện Kiều.

Vì sao nói Nguyễn Du có công sáng tạo lớn trong truyện Kiều?

Soạn : “ Chị em Thuý Kiều”

**III. MỘT SỐ TRÍCH ĐOẠN TIÊU BIỂU CỦA TRUYỆN KIỀU:**

1. CHỊ EM THÚY KIỀU.

(TRÍCH "TRUYỆN KIỀU" CỦA NGUYỄN DU)



|  |  |
| --- | --- |
| **Hệ thống câu hỏi**  Gv đọc mẫu, nêu yêu cầu đọc: Miêu tả 2nhân vật bằng thái độ ngợi ca( giọng trân trọng )  - Gọi HS đọc ? Vị trí đoạn trích?  - Kiểm tra việc tìm hiểu chú thích ở 1 số chú thích:1,2,5,9,14?  - Đoạn trích chia làm mấy phần ?  Trình tự miêu tả ?  - Nêu đại ý của đọan trích?  - Đọc đoạn 1? Vẻ đẹp 2 chị em TK được giới thiệu bằng hình ảnh nào? T/g sd nghệ thuật gì khi miêu tả, giới thiệu nhân vật?  - Nhận xét câu thơ cuối đoạn ?( câu thơ ngắn gọn có t/d gì?)  - Nhận xét về cách giới thiệu 2 chị em của t/g?  - Đọc đoạn 2 : 4 câu tiếp?  - Những hình ảnh nghệ thuật nào mang tính ước lệ khi gợi tả vẻ đẹp của Thuý Vân?  - Từ “ trang trọng” gợi vẻ đẹp ntn?  - Những đường nét nào của TV được t/g nhắc tới?  - BP nghệ thuật nào được sử dụng khi miêu tả TV?  - Nhận xét về những hình ảnh AD ? Diễn xuôi ý 2 câu thơ. Vì sao tả TV trước.  - Cảm nhận về vẻ đẹp của TV qua những yếu tố nghệ thuật đó? Chân dung Thuý Vân gợi tính cách, số phận ntn?  ( Mây thua, tuyết nhường).  - Đọc đoạn 3?  - Câu thơ đầu tiên thể hiện ý gì?  - Khi gợi tả vẻ đẹp TK t/g cũng sd những nghệ thuật mang tính ước lệ, có những điểm nào giống và khác khi miêu tả TV? ( Tại sao: Mắt?)  ( thể hiện phần tinh anh của tâm hồn,trí tuệ)  - Hình ảnh AD “ làn thu thuỷ” gợi vẻ đẹp gì?  - “ Nét xuân sơn” gợi tả vẻ đẹp?  - T/g tả bao nhiêu câu thơ cho sắc của nàng? Còn tả vẻ đẹp gì của TK? Những tài của Kiều? Mục đích miêu tả tài của TK? Tài nào được tả sâu, kỹ?  Chân dung của Kiều dự cảm số phận ntn? Dựa vào câu thơ nào?  ( “ ghen, hờn; Bạc mệnh” )  Em nhận xét gì về vẻ đẹp của TK?  Cảm hứng nhân đạo trong đoạn trích ?  ( Cảm hứng nhân đạo của t/p TK: đề cao giá trị con người; nhân phẩm, tài năng, khát vọng, ý thức về thân phận cá nhân …  NT ước lệ cổ điển mang đặc điểm gì?  Thái độ t/g khi miêu tả 2 nhân vật?  -Đọc ghi nhớ  \* **Hoạt động 3**:  Đọc BT 1?  Cho hs thảo luận  Gv hướng dẫn trả lời câu 2 | **I. Tiếp xúc văn bản:**  ***1, Đọc.***  ***2, Tìm hiểu chú thích*** .  - Vị trí đoạn trích : phần đầu t/p  ( giới thiệu gia cảnh nhà Vương viên ngoại)  ***3, Bố cục***  4 câu đầu:Giới thiệu khái quát 2 chị em  4câu tiếp: Tả vẻ đẹp Thuý Vân  12 câu tiếp: Tả vẻ đẹp của Thuý Kiều  4 câu cuối: Nhận xét về cuộc sống 2 chị em  ***4, Đại ý***: Giới thiệu vẻ đẹp của 2 chị em Thuý Kiều  **II- Phân tích văn bản:**  ***1, Giới thiệu vẻ đẹp 2 chị em:***  “ Tố Nga” cô gái đẹp  “ Mai tuyết”: Ước lệ **→** vẻ đẹp thanh cao, duyên dáng, trong trắng.  “ Mười phân…” khái quát vẻ đẹp chung và vẻ đẹp riêng “ mỗi người một vẻ”  → Cách giới thiệu ngắn gọn nhưng nổi bật đặc điểm của 2 chị em  ***2,Vẻ đẹp của Thuý Vân:***  - “ trang trọng” gợi cao sang, quí phái.  - Các đường nét: khuôn mặt, mái tóc, làn da,nụ cười, giọng nói → so sánh ( hình ảnh ẩn dụ) với cao đẹp nhất của tự nhiên: Trăng, mây, hoa,tuyết, ngọc.  - Vẻ đẹp trung thực, phúc hậu, quý phái  - Vẻ đẹp hài hoà êm đềm với xung quanh**→** cuộc đời bình lặng, suôn sẻ.  ***3,Vẻ đẹp Thuý Kiều***  - Khái quát đặc điểm nhân vật: sắc sảo. mặn mà.  ( So sánh về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn)  - Thu thuỷ.. xuân sơn” : ước lệ( giống)  + Không miêu tả tỉ mỉ → tập trung đôi mắt  + Hình ảnh làn nước mùa thu dợn sóng → gợi lên sống động vẻ đẹp đôi mắt sáng trong, long lanh, linh hoạt  + Hình ảnh “ nét xuân sơn” ( nét núi mùa xuân) gợi đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung  +“ Một hai…thành” điển cố(thành ngữ)→giai nhân  → vẻ đẹp sắc sảo, trẻ trung, sống động.  - Tài: Đa tài → đạt đến mức lí tưởng  +, Cầm, kỳ, thi, hoạ → đều giỏi → ca ngợi cái tâm đặc biệt của Thuý Kiều.  +, Đặc biệt tài đàn: là sở trường, năng khiếu  ( Nghề riêng): Vượt lên trên mọi người ( ăn đứt)  +, Cung “ Bạc mệnh” Kiều sáng tác → ghi lại tiếng lòng 1 trái tim đa sầu đa cảm.  → Dự báo số phận éo le, đau khổ.  KL: Kiều đẹp toàn diện cả nhan sắc, tài năng, tâm hồn  ***4,Cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du***  - Trân trọng,đề cao vẻ đẹp của con người  ( Nghệ thuật lí tưởng hóa phù hợp với cảm hứng ngưỡng mộ, ngợi ca con người)  \* Tổng kết : Nghệ thuật: lấy vẻ đẹp thiên nhiên gợi tả vẻ đẹp con người  - Nguyễn Du Trân trọng ngợi ca vẻ đẹp con người ; gửi gắm quan niệm “ Tài – mệnh”  **\*ghi nhớ :** SGK - 83  **Luyện tập:**  Cảm hứng nhân văn  + Tả vẻ đẹp TVân  + Tả vẻ đẹp TKiều  →Trân trọng đề ca gợi con người |

**Củng cố-dặn dò:**

-Đọc thêm; đọc ghi nhớ

-Nắm chắc NT ước lệ cổ điển

-Học thuộc lòng, học bài

-Soạn: “ Cảnh ngày xuân

**2. KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH.**

(TRÍCH "TRUYỆN KIỀU" CỦA NGUYỄN DU)



|  |  |
| --- | --- |
|  | **I-Tiếp xúc văn bản:** |
| GV giới thiệu đoạn trích. Đọc mẫu  Hướng dẫn đọc, gọi HS đọc tiếp?  Kiểm tra việc hiểu 1 số chú thích?  Đoạn trích nằm ở phần nào? | **1.Đọc**  **2.Tìm hiểu chú thích**  **3.Xuất xứ:** Sau đoạn Mã Giám Sinhlừa Kiều, bị nhốt ở lầu xanh |
| Đại ý của đoạn trích? | **4.Đại ý:** Đoạn trích miêu tả tâm trạng Thuý Kiều trong cảnh bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích |
| Bố cục đoạn trích? ND từng phần?  - Đọc 6 câu đầu? Khoá xuân? (sự giả dối; thực chất giam lỏng)  Khung cảnh TN được nhìn qua con mắt của ai? được gọi ra bằng những hình ảnh nào?  Những H/a gợi cảnh TN? con người như thế nào? (H/a “non xa, trăng gần, cát vàng, bụi hồng” có thể là cảnh thực, có thể là H/a ước lệ gợi sự mênh mông rợn gợp không gian -> diễn tả tâm trạng cô đơn của TK). | **5.Bố cục:** 3 phần  **II.Phân tích văn bản:**  **1.Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của Kiều:**  - Cảnh: Bát ngát, cát vàng, bụi bay, dãy núi mờ xa  -> không gian rộng lớn, hoang vắng, cảnh vật trơ trọi -> lầu Ngưng Bích chơ vơ -> con người càng lẻ loi. |
| - H/a “Mây sớm đèn khuya” gợi tính chất gì của TG? H/a đó góp phần diễn tả tâm trạng của Kiều như thế nào?  TL 6 câu đầu diễn tả hoàn cảnh Kiều ở lầu?  - Đọc 8 câu tiếp?  - Lời đoạn thơ của ai? NT độc thoại có ý nghĩa gì?  - Kiều nhớ tới ai? NHớ ai trước, ai sau? có hợp lý không? Vì sao? (phù hợp tâm lý, tinh tế: H/a trăng -> nhớ người yêu)  - Kiều nhớ Kim Trọng như thế nào?  - Em hiểu “tấm son.. phai” như thế nào? | - TG: “Mây sớm đèn khuyan” -> sụ tuần hoàn khép kín -> Kiều bị giam hãm, cô đơn (ngày đêm thui thủi quê người 1 thân)  => Nàng Kiều rơi vào cảnh cô đơn, cô độc hoàn toàn  **2.Nỗi lòng thương nhớ người thân, người yêu:**  ***a.Kiều nhớ Kim Trọng:***  - Nhớ buổi thề nguyền đính ước  - Tưởng tượng Kim Trọng đang nhớ về mình vô vọng  - “Tấm son... phai”  -> Tấm lòng son của Kiều bị vùi dập hoen ố biết bao giờ gột rửa được  => Nhớ Kim Trọng với nỗi đau đớn xót xa, khẳng định lòng chung thuỷ son sắt |
| Nỗi nhớ cha mẹ có gì khác với cách thể hiện nỗi nhỡ người yêu? (Tưởng – xót)  - Những thành ngữ? Điển cố?  Trong cảnh ngộ ở lầu NB, Kiều là người đáng thương nhất nhưng nàng quên cảnh ngộ bản thân để nhớ thương, xót xa đến cha mẹ, người yêu -> Kiều là người ? | ***b. Nhớ cha mẹ:***  - Thương và xót cha mẹ  + Sớm chiều tựa cửa trông con  + Tuổi già sức yếu không người chăm sóc  - Thành ngữ, điển cố: “Quạt nồng ấp lạnh”, “Sân lai, gốc tử”  -> Tâm trạng nhớ thương, tấm lòng hiếu thảo của Kiều  **TL:** Kiều là người tình thuỷ chung, người con hiếu thảo -> có lòng vị tha |
| - Đọc đoạn cuối? Cảnh là thực hay hư?  - Mỗi cảnh vật đều có nét riêng nhưng lại có nét chung để diễn tả tâm trạng Kiều. Em hãy phân tích và chứng minh điều đó?  (Tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này)  (Sắc cỏ “dầu dầu” ấy nàng đã 1 lần nhìn thấy ngày nào trên mộ Đạm Tiên: “Sè sè... dầu dầu...” (Nhìn xa -> gần vừa buồn trông vừa lằng nghe...)  Tiếng sóng vỗ khác sóng kêu?  (Những chặng đường đầy cạm bẫy, nhiều máu và nước mắt có “ma đưa lối, quỷ dẫn đường” với Kiều đang ở phía trước đoạn thơ Kiều ở lầu NB như chứa đầy lệ: lệ của người con gái lưu lạc, đau khổ vì cô đơn lẻ loi, buồn thương chua xót vì mối tình đầu tan vỡ, xót xa nhớ thương cha mẹ, lo sợ cho thân phận số phận mình; lệ của nhà thơ, 1 trái tim nhân đạo bao la đồng cảm, xót thương cho người thiếu nữ tài sắc hiếu thảo mà bạc mệnh)  - NX cách dùng điệp ngữ, từ láy, Câu hỏi tu từ trong đoạn cuối? Cách dùng nghệ thuật đó có tác dụng như thế nào trong việc diễn tả tâm trạng nhân vật?  - Em cảm nhận như thế nào về nghệ thuật đoạn trích?  - Thái độ, tình cảm của Nguyễn Du với nhân vật như thế nào?  - Đọc ghi nhớ | **3.Tâm trạng buồn lo, tuyệt vọng:**  - Tả cảnh ngụ tình: Buồn lo  - Mỗi cặp câu -> một nỗi nhớ, nỗi buồn  + “Thuyền... thấp thoáng... xa xa” -> thân phận bơ vơ nơi đất khách  + “Cánh hoa trôi... biết là về đau” -> số phận chìm nổi long đong vô định  + Khắc “Chân mây mặt đất” -> xanh xanh, dầu dầu, tê tái, héo úa, mịt mờ -> nỗi đau tê tái  + Tiếng gió, tiếng sóng kêu quanh “ghế ngồi” -> âm thanh dữ dội -> biểu tượng tai hoạ khủng khiếp sắp giáng xuống -> Kiều lo âu sợ hãi  ***\*Nghệ thuật:***  - Láy:  + Cảnh xa - gần; màu sắc: đậm – nhạt; âm thanh: tĩnh - động  -> Nỗi lo âu kinh sợ Kiều ngày 1 tăng  - Điệp: “Buồn trông” -> điệp khúc của tâm trạng  - Câu hỏi tu từ không trả lời -> sự bế tắc, tuyệt vọng  **TL:** Tâm trạng Kiều buồn cô đơn, xót xa, lo âu, sợ hãi -> bế tắc, tuyệt vọng  **4.Tổng kết – Ghi nhớ:**  - Nghệ thuật: Miêu tả nội tâm nhân vật: Diễn biến tâm trạng qua (ngôn ngữ độc thoại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình)  - Nội dung: Thương cảm cảnh ngộ Thuý Kiều; ngợi ca vẻ đẹp thuỷ chung, nhân hậu của Thuý Kiều  ***\* Ghi nhớ:*** SGK – 96 |
| **\*Hoạt động 3 – Luyện tập:** | |
| Em hiểu thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình? | **.Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình?**  Miêu tả cảnh qua cái nhìn của nhân vật -> diễn tả tâm trạng nhân vật  *VD:* 1 số đoạn trong Thuý Kiều  + Người lên ngựa... Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san  + Dưới cầu nước chảy trong veo...  + 8 câu cuối đoạn trích |

**III. MIÊU TẢ, MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| \* HS đọc phần trích (SGK)  ***? Đoạn trích kể về trận đánh nào ? Của ai?***  ***? Trong trận đánh đó, nhân vật vua Quang Trung làm gì, xuất hiện như thế nào ?***  **-** Truyền lệnh chỉ huy trận đánh.  **-** Quang Trung “cưỡi voi đi đốc thúc” chỉ huy trực tiếp nghĩa quân Tây Sơn. Nhà vua ra lệnh ghép ván có phủ rơm dấp nước để chống đạn và súng phun lửa. Những người khỏe khiêng ván đi trước , hai chục người cầm binh khí theo sau để đánh giáp lá cà.  - QT xuất hiện vào mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi -> xuất hiện bất ngờ “tướng từ trên trời xuống, quân từ dưới đất lên”.  ***? Sự việc diễn ra ntn?*** (SGK T91).  \* **HS thảo luận nhóm (phiếu 1) : cặp đôi(4p)**  ***? Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích? Các chi tiết miêu tả ấy thể hiện những đối tượng nào ?***  - Cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín ;  - lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ nhất  - khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì, không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam.  - Đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.  - Quân Thanh bỏ chạy tán loạn, giầy xéo lên nhau mà chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối.  *\*GV cho HS đọc phần (c) trong SGK.*  ***Kể lại nội dung đoạn trên, có bạn nêu ra các sự việc sau đây : sgk/ 91***  ***? Hãy nối các sv đó thành đv?***  \* **HS thảo luận nhóm (phiếu 2) – theo bàn (3p)**  ***? Nếu chỉ kể sự việc diễn ra như thế thì nhân vật vua Quang Trung có nổi bật không ? Trận đánh có sinh động không ? Tại sao ?***  **\*** GV gọi đại diện 1 số nhóm trình bày( nhóm khác nghe- nx, bổ sung).  **\* GV**: chốt, pt  - Nếu chỉ kể sự việc diễn ra như thế thì nhân vật vua Quang Trung không nổi bật. Trận đánh cũng không sinh động. Bởi vì không có chi tiết cụ thể, làm rõ các đối tượng trận đánh, diễn biến của trận đánh. Rõ ràng, yếu tố miêu tả có vai trò quan trọng trong văn bản tự sự. Nếu không có nó, văn bản chỉ gồm các sự việc trần trụi, khô khan ghép lại với nhau.  ***? So sánh các sự việc chính mà bạn đó đã nêu với đoạn trích để có thể rút ra nhận xét : Yếu tố miêu tả có vai trò như thế nào đối với văn bản tự sự ?***  - Trong văn bản tự sự, sự miêu tả cụ thể, chi tiết về cảnh vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm sinh động.  **\* Lưu ý:** y/tố m/tả trong vb tự sự chỉ là yếu tố phụ( bổ trợ). Vì vậy m/tả không đc lấn át lời kể làm chìm cốt truyện.  \*GV cho HS đọc đoạn trích “ ***Kiều ở lầu Ngưng Bích”.***  \* GV: Chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập.  **\* HS: Tạo nhóm, thảo luận (3 p)**  ***- N1 : Em hãy tìm những câu thơ tả cảnh ?***  ***? Những dấu hiệu của cảnh vật ?***  - Miêu tả cảnh vật mà nàng Kiều đã quan sát được : núi, trăng, cát vàng, bụi hồng (4 câu thơ đầu) => Miêu tả nội tâm trực tiếp.  ***- N2 : Tìm những câu thơ tả tâm trạng Thuý Kiều qua cảnh ?***  ***? Dấu hiệu nào cho em biết điều đó?***  ***- N3 : Tìm những câu thơ tả tâm trạng Thuý Kiều? Tại sao em biết ?***  - Miêu tả suy nghĩ của Kiều : nghĩ thầm về thân phận cô đơn, bơ vơ nơi đất khách nghĩ về Kim Trọng … cha mẹ chốn quê nhà ai chăm sóc phụng dưỡng lúc tuổi già ?  ***- N4 : Tìm những câu thơ tả cảnh vật qua tâm trạng Thuý Kiều?***  ***? Đọc những câu thơ tả cảnh qua tâm trạng ?***  ***? Trong những câu thơ đó thì đâu là tả cảnh và đâu là tả nội tâm?***  ***? Dấu hiệu nào giúp em nhận thấy điều đó ?***  ( SGV T123)  ***? Những câu thơ tả cảnh có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm nhân vật ?***  - Thông qua cảnh vật bộc lộ nội tâm nhân vật.  -> M/tả gián tiếp.  ***? Qua vd ta thấy có mấy cách m/tả?***  => Có 2 cách.  ? Hãy phân biệt ?  \* HS đọc đv (SGK) T117.  ? Nd của đv ?  ***? Đoạn văn được viết theo phương thức biểu đạt nào ?***  - Miêu tả  ***? Đối tượng được miêu tả trong đoạn văn là ai***  - Lão Hạc  ***? Nhân vật lão Hạc được miêu tả như thế nào?***  ***? Từ nét mặt, cử chỉ của LH giúp em hiểu gì về tâm trạng của lão ?***  -> Đau đớn, xót xa, ân hận.  ***? Đây là đv m/tả ngoại hình hay nội tâm nv ?***  ***? T/g m/tả bg cách nào ? Vì sao em biết ?***  ***->*** Tả gián tiếp. Vì tả nét mặt, cử chỉ...->nỗi đau đớn, xót xa của nv.  - Sự phân biệt miêu tả ngoại hỡnh và nội tâm chỉ là tương đối.  - Nhân vật là yếu tố quan trọng của văn bản tự sự. Để dựng nhân vật tác giả thường miêu tả ngoại hình và nội tâm.  **\* HS thảo luận nhóm (cặp đôi) -3p-**  ***? Phân biệt tả ngoại hình với tả nội tâm?***  **-** Tả bên ngoài: chân dung, hình dáng, ngôn ngữ, h/đ hay màu sắc (cảnh vật) qua quan sát trực tiếp.  - Miêu tả nội tâm nhằm khắc hoạ “chân dung tinh thần” của nhân vật, tái hiện lại những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh vi trong suy nghĩ tình cảm,diễn biến tâm trạng, tư tưởng của nhân vật ( những yếu tè nµy nhiều khi không tái hiện được bằng miêu tả ngoại hình).  GV giúp HS rút ra cách miêu tả nội tâm trực tiếp, gián tiếp.  ***? Nhận xét cách miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả.***  - Miêu tả nội tâm nhằm khắc hoạ “chân dung tinh thần” của nhân vật, tái hiện lại những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh vi trong tình cảm, tư tưởng của nhân vật. Vì thế miêu tả nội tâm có vai trò và tác dụng rất to lớn trong việc khắc họa đặc điểm, tính cách nhân vật.  ***? Vậy thế nào là miêu tả nội tâm trong VB tự sự. Người ta miêu tả nội tâm bằng cách nào ?***  ***? Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào đối với việc khắc hoạ nhân vật trong VB tự sự ?***  ***? Từ đó em rút ra kết luận gì về cách miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ?*** | **I. Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự:**  **1. Ví dụ : sgk/ 91**  Kể lại diễn biến trận đánh đồn Ngọc Hồi của vua Quang Trung.  ***- Những đối tượng miêu tả :***  + Quân Tây Sơn  + Vua Quang Trung  + Quân xâm lược Thanh  **2. Ghi nhớ : sgk/ 92**  **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự :**  **1. Ví dụ :**  **a. Tìm hiểu đoạn trích « Kiều ở lầu Ngưng Bích »**  **\* Nhận xét :**  + Câu thơ tả cảnh: 4 câu thơ đầu  => Miêu tả nội tâm trực tiếp.    + Câu thơ miêu tả tâm trạng qua cảnh: “Bẽ bàng.... tấm lòng „  + Câu thơ miêu tả tâm trạng:  *Tưởng người dưới nguyệt chén đồng...*  *....Có khi gốc tử đã vừa người ôm*  + Câu thơ miêu tả cảnh vật qua tâm trạng:“Buồn trông... ghế ngồi „  =>Miêu tả gián tiếp.  **b. Tìm hiểu đoạn văn của Nam Cao:**  \* Nhận xét:  - Miêu tả nét mặt : co rúm, vết nhăn xô, nước mắt chảy, đõ̀u ngoẹo, miệng mếu.  -> Khắc họa nội tâm của lão Hạc : đau đớn, xót xa, ân hận... khi phải bán con chó.  **3. Ghi nhớ:** **SGK/ 117** |

**Hoạt động luyện tập**

**1. Bài tập 1**

\* GV giao bt, hg dẫn h/s làm.

\* HS làm bt theo nhóm ( bài tập 1); làm độc lập các bài khác.

*?* *Em hãy tìm những yếu tố tả người và tả cảnh trong 2 đoạn trích : Chị em Thuý Kiều và Cảnh ngày xuân ?*

\* Những yếu tố tả người trong đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* :

- Tả chung vẻ đẹp của hai chị em Kiều :

*Mai cốt cách tuyết tinh thần*

*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*

- Tả chân dung Thúy vân :

*………..*

*Khuôn trăng đầy đặ ......nhường màu da.*

- Tả chân dung Thúy Kiều :

*Làn thu thủy nét xuân sơn .....nghiêng thành*

- Tả tài của Kiều:

Thi họa, ca ngâm, ngũ âm, hồ cầm…

=> Các y/tố m/tả trên đã giúp ng đọc thấy đc rõ tái sắc của chị em TK và phân biệt đc vẻ đẹp riêng của từng người.

**Hoạt động vận dụng5’**

*?Viết một đoạn văn tự sự có nội dung miêu tả nhân vật?*

**Hoạt động tìm tòi mở rộng** 1phút.

*? Về nhà liệt kê tên một số bài thơ thuộc văn học trung đại, có sử dụng thành công nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Chọn một bài để nêu rõ mối quan hệ giữa tình và cảnh.*

**4. Củng cố**: ? Thế nào là m/tả nội tâm?

**5. Dặn dò:** - Về học nắm đc nội dung bài; hoàn thiện bài tập.

**-** Đọc, soạn: (Sách văn học địa phương)**.**

***--------------------------------------------------------------------------------------------***

**Tiết 30 THUẬT NGỮ**

**I.Mục tiêu bài học.**

1.Kiến thức :

- Giúp h/s nắm khái niệm thuật ngữ và một số điểm cơ bản của nó.

- Hiểu và phân biệt được thuật ngữ và các từngữ thông dụng khác.

- Vận dụng tốt thuật ngữ trong giao tiếp.

2. Kĩ năng : Biết sử dụng chính xác các thuật ngữ trong giao tiếp và tạo lập văn bản,

3. Thái độ : Nghiêm túc khi sử dụng thuật ngữ.

4. Định hướng năng lực;

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác nhóm

- Năng lực tự học

**II.Chuẩn bị bài học:**

1.GV: Soạn bài, bảng phụ, phiếu học tập

2.HS: chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình bài học**

1. Ổn đinh tổ chức : 1p

2.Kiểm tra bài cũ:**(2’)**

? Nêu các cách phát triển của từ vựng?

**Hoạt động 1:Khởi động(3’)**

Mục tiêu:Tạo tình huống dẫn vào bài mới

HĐ cá nhân

Bước 1:Giao nv cho hs:

? Hãy tìm một số từ ngữ dùng để chỉ khái niệm trong một số văn bản hoặc một số môn học?

? Nhận xét các từ ngữ ấy có được sử dụng nhiều trong đời sống hiện nay không? Vì sao?

Bước 2: Học sinh suy nghĩ

Bước 3: HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chốt lại

- Các từ ngữ được dùng trong các văn bản hoặc một số môn học: Quang hợp, đơn chất, tính từ, danh từ...

- Ngày nay các từ ngữ chỉ khái niệm đó được dùng rât nhiều vì: Khoa học công nghệ ngày càng phát triển.Trong thời đại KHCNTT ta thấy xuất hiện nhiều từ ngữ biểu thị một khái niệm, một sự vật mới của KHCN – gọi đó là thuật ngữ. Vậy thuật ngữ là gì? chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

**Hoạt động 2:Hình thành kiến thức(18’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ:Tìm hiểu khái niệm thuật ngữ**  Mục tiêu:hs hiểu được thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ  Hình thức: Cá nhân  Bước1: Giao nhiệm vụ  ? Đọc hai cách giải thích a, b trong SGK và trả lời câu hỏi.  ? Cách giải thích ở (a) được hình thành trên cơ sở nào.  ? Đó là cách giải thích ntn.  ? Cách giải thích ở (b) được hình thành trên c.sở nào? Cần có điều kiện gì mới hiểu được.  ? Đó là cách g.thích ntn.  ? Em đã học các định nghĩa này ở các bộ môn nào  ? Các từ ngữ in đậm trên chủ yếu được dùng trong các loại văn bản nào.  Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  Bước 4. Gv chuẩn kiến thức  ? Thuật ngữ là gì.  ? HS đọc ghi nhớ trong SGK.  **HĐ:Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ**  Mục tiêu:Hs thấy được đặc điểm cơ bản của thuật ngữ là tính chính xác  Hình thức: Cá nhân  Bước1: Giao nhiệm vụ  ? Các thuật ngữ: thạch nhũ, bazơ, ẩn dụ, phân số thập phân còn có nghĩa khác không.  ? Trong 2 trường hợp đã nêu, trường hợp nào từ “muối” có sắc thái biểu cảm  GV lưu ý HS: ở trường hợp a, không có sắc thái biểu cảm-> nghĩa là thuật ngữ không có tính biểu cảm.  ? Đặc điểm của thuật ngữ.  Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  Bước 4. Gv chuẩn kiến thức  ? HS đọc to ghi nhớ.  **Hoạt động 3: Luyện tập(20’)**  - Muc tiêu: HS củng cố, khắc sâu kiến thức bài học  - Hình thức: Hoạt động nhóm  - Kĩ thuật DH: Chia nhóm  Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm  - Phương tiện: Phiếu học tập  Yêu cầu: Mỗi nhóm thực hiện một bài tập trong SGK  + Nhóm 1: Bài tập 1  + Nhóm 2: Bài tập 2  + Nhóm 3: bài tập 3  + Nhóm 4: bài tập 4.  Bước 2: H/S thảo luận theo nhóm, thực hiện yêu cầu được giao  Bước 3; các nhóm trình bày kết quả, nhận xét, bổ xung nhau  Bước 4: GV nhận xét kết quả từng nhóm, sau đó chốt lại.  **Bài tập 1:**  - Lực là tác dụng…->Vật lí.  - Xâm thực là làm huỷ hoại…-> Địa lí.  - Hiện tượng hoá học…-> Hoá học.  - Trường từ vựng…-> Ngữ văn.  - Di chỉ…-> Lịch sử.  - Thụ phấn…-> Sinh học.  - Lưu lượng… -> Địa lí.  - Trọng lực…-> Vật lí.  - Khí áp…-> Vật lí.  - Đơn chất…-> Hoá học.  - Thị tộc phụ hệ…-> Lịch sử.  - Đường trung trực…-> Toán học.  **Bài tập 2:**  - Điểm tựa (thuật ngữ Vật lí): điểm cố định của một đòn bẩy, thông qua đó, lực tác động được truyền tới lực cản.  - Điểm tựa (trong khổ thơ của Tố Hữu): nơi gửi gắm niềm tin và hi vọng của nhân loại tiến bộ (thời chúng ta đang chống Mĩ rất gian khổ và ác liệt). Không phải thuật ngữ  **Bài tập 3:**  a, Từ “hỗn hợp” được dùng như một thuật ngữ.  b, Từ “hỗn hợp” được dùng như một từ thông thường.  c, Đặt câu có dùng từ hỗn hợp với nghĩa thông thường:  - Phái đoàn quân sự hỗn hợp bốn bên.  - Lực lượng hỗn hợp của Liên hợp quốc.  - Thức ăn gia súc hỗn hợp.  **Bài 4:**  - ĐN thuật ngữ “cá” theo sinh học : ĐV có xương sống ở dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang (voi, heo ở biển không phải là cá mà là thú theo ĐN sinh học)  - Theo cách hiểu thông thường của người Việt thì cá không nhất thiết phải thở bằng mang (cho nên gọi là cá voi, cá heo) | **I.Thuật ngữ là gì ?**  1.Ví dụ :  1.1. So sánh 2 cách giải thích về nước và muối:  a. Chỉ dừng lại ở những đặc tính bên ngoài của s.vật (dạng, màu sắc, mùi vị, có ở đâu...) -> Cách giải thích này hình thành trên cơ sở kinh nghiệm, mang tính chất cảm tính  => Đây là cách giải thích thông thường, dễ hiểu  b. Thể hiện được đặc tính bên trong của s.vật (được cấu tạo từ những yếu tố nào ? quan hệ giữa các yếu tố đó ntn )  -> Cách g.thích này phải qua nghiên cứu bằng lí thuyết và các phương pháp khoa học. Nếu không có kiến thức chuyên môn về hoá học thì không thể hiểu được.  => Cách g.thích nghĩa của thuật ngữ.  1.2. Đọc các định nghĩa:  - Thạch nhũ…-> môn địa lí.  - Ba- dơ -> môn Hoá học.  - ẩn dụ…-> môn Ngữ văn.  - Phân số thập phân…-> môn toán học.  => Những từ ngữ in đậm là thuật ngữ. Các thuật ngữ trên chủ yếu được dùng trong các văn bản khoa học.  2. Kết luận:  Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.  **II. Đặc điểm của thuật ngữ**  1. Tìm hiểu ví dụ:  - Các thuật ngữ thạch nhũ, bazơ, ẩn dụ, phân số thập phân: chỉ có một nghĩa như SGK đã giải thích, ngoài ra không còn nghĩa nào khác. (thuật ngữ- khái niệm)  - “Muối” ở trong trường hợp b có sắc thái biểu cảm, nó là một ẩn dụ chỉ các khái niệm về một thời hàn vi, gian khổ mà những người cùng cảnh ngộ đã gắn bó với nhau, cưu mang giúp đỡ lẫn nhau…  2. Kết luận:  Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của thuật ngữ là tính chính xác:  + Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.  + Thuật ngữ không có tính biểu cảm.  **III. Luyện tập.**  **1. Bài tập1:**  - Lực( vật lí), xâm thực ( địa lí), hiện tượng hoá học ( hoá học ), trường từ vựng ( tiếng Việt), di chỉ ( sử).....  **2. Bài tập 2:**  - Điểm tựa ( vật lí) – là điểm cố định của một đòn bẩythông qua đó lực tác dụng được truyền tới lực cản.  - ở vị trí đoạn trích nó không được dùng như một thuật ngữ. Nó chỉ là chỗ dựa chính.  **3. Bài tập 3:**  - Trường hợp a được dùng như thuật ngữ.  - Trường hợp b dùng như từ thông thường.  - Đặt câu với từ hỗn hợp nghĩa thông thường: Thức ăn gia súc hỗn hợp.  **4. Bài tập 4:**  - Định nghĩa cá của sinh học: Cá là động vật có xương sống, ở dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang.  - Khi chúng ta nói: Ca heo, cá voi, cá sấu… nghĩa là ta gọi tên chúng bằng trực giác, vì thấy môI trường sống của chúng ở dưới nước |

**Hoạt động 4: Vận dụng(2’)**

Mục tiêu:Củng cố khắc sâu kiến thức.

HĐ cá nhân:

? Nhắc lại thuật ngữ là gì?Đặc điểm của thuật ngữ ? Cho VD về thuật ngữ

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.

- B4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: Mở rộng.**(2’) ởnhà

\* Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức, đồng thời vận dụng kiến thức mới đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

? Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng thuật ngữ

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Chuẩn bị tiết sau trả bài số 1: Xem lại đề bài văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh.

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tuần 7**

**Tiết 31 TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

Ngày soạn: 28/9/2020

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức:

- Củng cố những kiến thức và kĩ năng đã học về cách tạo lập VB (kiểu bài Thuyết minh có yếu tố tự sự, miêu tả).

- Đánh giá được chất lượng bài làm của HS

- HS có được những nhận xét chung về bài làm của mình.Nhờ đó có được những kinh nghiệm và quyết tâm để làm bài văn sau tốt hơn.

2. Kĩ năng :

Rèn luyện kỹ năng tự sửa lỗi.

3. Thái độ :

Giáo dục ý thức phê và tự phê cho học sinh.

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh.

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc ,viết

- Năng lực thực hành.

- Năng lực học nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo.

**II.Chuẩn bị :**

- Giáo viên: ChÊm bµi, lùa chän bµi vµ c¸c lçi tiªu biÓu.

- Học sinh: Xem l¹i yªu cÇu cña ®Ò.

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp.

* Ổn định trật tự
* Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ.

**HĐ1: Khởi động**(3’)

\* Mục tiêu: HS củng cố về kiến thức về cách làm bài văn thuyết minh có yếu tố tự sự miêu tả. HS có kỹ năngg viết bài.

\* Hình thức thực hiện: HĐ cá nhân

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho hs

?Vai trò của yếu tố tự sự,miêu tả trong bài văn t/m?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức, chuyển vào bài mới

**HĐ 2: Hình thành kiến thức:** (40’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Mục tiêu:** HS ôn tập văn TM? Nhắc lại các phương pháp t/m?  - Vận dụng các bước làm bài văn TM vào bài viết số 1 đã làm  \* HĐ cá nhân  Bước1:  ? Hướng dẫn tìm hiểu yêu cầu của đề  - Hình thức: Hoạt động nhóm  - Kĩ năng DH: Đặt câu hỏi, chia nhóm  Bước 1: GV chép đề bài lên bảng  **Đề bài:** Giới thiệu về cây lúa trong đời sống con người Việt Nam.  - chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm một bàn.  - Yêu cầu: HS quan sát đề bài trên bảng  Và thực hiện các câu hỏi:  ? Đề bài yêu cầu gì về nội dung?  ? Về thể loại cần đảm bảo những yêu cầu nào?  ? Hình thức cần đạt yêu cầu gì?  Bước 2: HS quan sát đề bài , thảo luận từng câu hỏi  Bước 3: các nhóm lần lượt trả lời từng yêu cầu, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét các nhóm. Chốt lại   1. **2.2Hướng dẫn xây dựng dàn ý:**   - Hình thức: hoạt động nhóm  Bước 1: Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm một bàn   * Yêu cầu: Xây dựng dàn ý cho từng phần   Bước 2: học sinh thực hiện yêu cầu  Bước 3: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV chốt lại  Để củng cố kĩ năng làm bài của HS, gv yêu cầu học sinh phải lưu ý khi làm bài phải biết vận dụng yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật.  **II. Nhận xét ưu, nhược điểm**  - Hình thức: Hoạt động cá nhân  - Kĩ thuật: giảng giải  Bước 1: Gv: Nhận xét các ưu, nhược điểm của HS  Bước 2: HS: Nghe, nhận xét của GV  Bước 3: HS: Biết nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của bài viết của bản thân  Bước 4; GV yêu cầu HS rút kinh nghiệm từ bài viết cho bài viết sau. Sau đó đánh giá kết quả của bài viết   * Điểm giỏi: * Điểm khá: * Điểm TB: * Điểm yếu:   **Hoạt động 3: Luyện tập**  Rèn kỹ năng nghe đọc cảm thụ văn bản t/m.  Hướng dẫn đọc- bình   * Hình thức: Hoạt động cá nhân   GV; Chọn một số bài viết tốt và một số bài viết yếu. Gọi học sinh đọc  HS: nghe bạn đọc  HS: Bình , nhận xét các bài đó  GV: Chốt lại. | **I.Đề**: Giới thiệu về cây lúa trong đời sống con người Việt Nam.  **1.Tìm hiểu đề**  + Nội dung:  - Cung cấp đầy đủ thông tin về cây lúa cụ thể: Nguồn gốc, sự phân bố, dặc điểm sinh trưởng, phân loại, giá trị  + Hình thức:  - Diễn đạt mạch lac, lưu loát, trình bày sạch đẹp.  - Bố cục rõ ràng   * + Thể loại:   - Làm đúng thể loại thuyết minh.  - Biết sử dụng biện pháp nghệ thuật, yếu tố miêu tả phù hợp.  **2.Dàn ý**  **a. Mở bài:** Giới thiệu khái quát vai trò của cây lúa đối với đời sống của con người VN  **b. Thân bài**:  - Nguồn gốc lịch sử: cây lúa được gieo trồng ở VN từ rất lâu. Theo truyền thuyết có từ thời vua Hùng thứ 16  - Nguồn gốc giống loài: thực vật, thân cỏ, rễ chùm  - Nơi phân bố: Nhiều nơi, song chủ yếu ở đồng bằng  - Chủng loại: nhiều loại khác nhau  - Quá trình gieo trồng, chăm sóc và sinh trưởng: Qua nhiều giai đoạn: làm đất, gieo cấy, chăm sóc. Thời kì bén rễ, thời kì lúa con gái, làm đòng, trổ bông, uốn câu, chín...  - Công dụng, giá trị của cây lúa.  **c. Kết bài:**  khẳng định vai trò của cây lúa, tình cảm đối với cây lúa.  **II. Nhận xét:**  **Ưu điểm:**  - Phần lớn các em có ý thức làm bài tốt, nộp bài đúng hạn. Các em đáp ứng yêu cầu đề, giải quyết vấn đề tốt, ND tương đối hoàn chỉnh, lời văn trong sáng, giàu tính biểu cảm, tình huống đưa ra hợp lí, dẫn dắt khéo léo nên bài viết thu hút sự chú ý của người đọc.  - Một số HS trình bày rõ ràng, chữ viết đẹp, cẩn thận: Quỳnh Anh, Thu Trang, Duyên...  **Tồn tại:**  - Còn em ý thức nộp bài châm, 1 số bài làm sơ sài, tả về hình dáng, tính tình chưa hoàn chỉnh.  - Một số em dùng từ, đặt câu chưa chính xác, cau văn rườm rà, câu đối thoại cộc lốc, bài làm sơ lược, nghèo ý, cẩu thả, gach xoá nhằng nhịt, sai nhiều lỗi chính tả: Công, Đức Anh, Tùng, Hà.....  **Kết quả:**  GV công bố điểm, tỉ tệ cho cả lớp biết.  - Dưới Tb:28  - Trên TB:5  **III. Sửa lỗi:**  - Sửa lỗi chính tả.  - Sửa lỗi dùng từ, đặt câu.  **IV. Đọc bài khá:** Bài Quỳnh Anh  **V. Trả bài gọi điểm** |

**Hoạt động 4- 5: Vận dụng, mở rộng (về nhà)** (2’)

\* Mục tiêu: HS củng cố, khắc sâu kiến thức văn thuyết minh, vận dụng vào làm bài tập

\* HĐ cá nhân:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Thuyết minh về con Trâu ở làng quê Việt Nam

? Ôn lại kiểu bài miêu tả; tự sự

GV gợi ý cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Kiều ở lầu Ngưng Bích

**\* Rút kinh nghiệm:**

………………......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 32-33 KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

Ngày soạn: 28/9/2020 ( Nguyễn Du)

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học :**

1. Về kiến thức:

- Học sinh biết đây là đoạn thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc, cảnh chỉ là nền để thể hiện tâm trạng nhân vật.

- Hiểu được tâm trạng cô đơn buồn tủi, nỗi niềm thương nhớ của Kiều, cảm nhận được tấm lòng chung thuỷ hiếu thảo của nàng.

-Vân dụng để phân tích nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật, hiểu được tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du, khinh bỉ và căm phẫn sâu sắc bọn buôn người đau đớn xót xa trước thực trạng con người bị hạ thấp chà đạp.

**2. Về kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng cảm nhận nghệ thuật đặc sắc tả cảnh ngụ tình trong đoạn trích.

- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích.

3. Về thái độ:Khinh bỉ và căm phẫn sâu sắc bọn buôn người đau đớn xót xa trước thực trạng con người bị hạ thấp chà đạp.

- Cảm nhận được sự cảm thông của tác giả qua đoạn trích.

- Biết cảm thông với nỗi đau, nỗi bất hạnh của con người.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

- Năng lực tự nghiên cứu, hợp tác

**II. Chuẩn bị**

GV: Đọc bài ng/c soạn giáo án. Phiếu học tập

HS: Học bài trả lời câu hỏi phần tìm hiểu

**III.Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

2.Kiểm tra bài cũ

? Đọc những câu thơ tả cảnh đặc sắc của Nguyễn Du trong đoạn trích Cảnh ngày xuân?Cảm nhận bức tranh t/n đó?

**Hoạt động 1:Khởi động**(5’)

Mục tiêu:Tạo tình huống có vấn đề cần giải quyết trong bài học.

Hình thức : Hoạt động nhóm

- Kĩ thuật DH : Đặt câu hỏi

Bước 1 : GV chia lớp hoạt động nhóm theo bàn, thời gian :

- Yêu cầu học sinh phát hiện, suy nghĩ và trả lời câu hỏi :

? Hãy cho biết vì sao Kiều lại phải ra lầu Ngưng Bích ? Lầu này ở đâu ? vị trí ấy có tác dụng gì ?

Bước 2 : Học sinh thảo luận theo bàn

Bước 3 : Đại diện các nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4 : GV nhận xét, dẫn chuyển vào bài :

Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt làm nhục, bị Tú Bà mắng nhiếc, đánh đập, Kiều, rút dao tự tử. Tú Bà sợ mất vốn lớn mua nàng nên mụ giả vờ chăm sóc thuốc thang. Để thực hiện mưu đồ mới, mụ đưa Kiều ra lầu Ngưng Bích bên bờ biển Lâm tri. Mụ hứa sẽ gả cho người tử tế nhưng thực chất là giam lỏng nàng. Vị trí chơ vơ vắng vẻ này là nơi mụ dễ dàng thực hiện độc kế. Vậy ở lầu Ngưng Bích Kiều sống trong cảnh ngộ như thế nào? Tâm trạng của nàng được ngòi bút thiên tài Nguyễn Du khắc họa ra sao? Đoạn trích “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” sẽ giúp các em hiểu rõ điều đó qua nội dung tiết học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**(30’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **2.1. Hướng dẫn tìm hiểu chung về văn bản :**  \* Mục tiêu:HS có những hiều biết về vị trí đ/trích,bố cục, cách đọc vb.  Hình thức : hoạt động nhóm  Bước 1: GV chia nhóm theo bàn, mỗi bàn một nhóm  - GV hướng dẫn đọc văn bản, sau đó đọc mẫu  - Gọi học sinh đọc văn bản  Sau đó gv yêu cầu học sinh thảo luận các nội dung sau :  ? Cho biết vị trí của đoạn trích?  ? Đoạn trích có thể phân chia bố cục ntn? Nêu nội dung khái quát từng phần?  Bước 2: Học sinh nghe GV hướng dẫn đọc và trao đổi, thảo luận các câu hỏi  Bước 3: Học sinh đọc văn bản, trả lời các câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, bổ sng, chuẩn kiến thức  -Về vị trí; Phần 2  - Bố cục: 3 phần  + nhận xét:  HĐ: Hướng dẫn tìm hiểu đoạn trích:  - Hình thức: Hoạt động cá nhân, nhóm  - Mục tiêu: HS hiểu được tâm trạng của TK trong 6 câu thơ đầu? NT đặc sắc?  Bước 1: GV nêu câu hỏi nhận xét về đoạn trích:  ? Qua tìm hiểu bố cục đoạn trích, ta có thể xem đây là đoạn thơ tả cảnh? Tả tình? Hay vừa tả cảnh vừa tả tình?  Bước 2: Học sinh thảo luận câu hỏi  Bước 3: Học sinh nhận xét về đoạn trích, các nhóm khác bổ sung  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, chốt lại.  -Yêu cầu học sinh quan sát sáu câu thơ đầu sau đó thảo luận các câu hỏi :  ? Em hiểu như thế nào về hai chữ khóa xuân trong hai câu thơ mở đầu ?  ? Thực chất hai chữ khóa xuân ấy đối với Kiều là gì ?  ? Cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích hiện ra trước mắt Kiều như thế nào? Vì sao tác giả; Non xa, trăng gần? Có điều gì vô lí? Thử giải thích?  ? Em hiểu ngữ ở chung ntn?  ? Em có nhận xét gì về cấu trúc các hình ảnh trên ?  ? Qua những hình ảnh ấy, em có cảm nhận như thế nào về khung cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng bích?  ? Khung cảnh thiên nhiên ấy được Kiều cảm nhận trong những thời khắc nào?  ? Em hiểu gì về cụm từ: mây sớm, đèn khuya?  ? Đặt trong không gian, thời gian ấy, em hiểu gì về hoàn cảnh của Kiều?  ? Trong hoàn cảnh ấy tâm trạng của nàng thế nào?  ? Vì sao ngắm cảnh, nàng lại có tâm trạng ấy?  ? Câu thơ nào thể hiện rõ nhất tâm trạng của n/v?  ?Bẽ bàng có nghĩa là gì?  (Chán ngán buồn tủi thẹn thùng ưu tư nặng nề, Kiều buồn với mây sớm lúc ta giấc khóc với đèn khuya khi đêm về.)  ? Hai câu thơ còn sử dụng bpnt gì?  Bước 2: Học sinh thảo luận câu hỏi  Bước 3: Học sinh nhận xét về đoạn trích, các nhóm khác bổ sung  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, chốt lại.  GV: Sau khi trải qua liên tiếp nhiều tai biến : Gia đình bị vu oan, Kiều phải bán mình chuộc cha, rơi vào tay MGS, Tú Bà. Giờ đây, lầu Ngưng Bích là khoảng khắc yên thân tạm thời đối với nàng. Mụ Tú Bà với lời hứa sẽ kén cho nàng một tấm chồng xứng đáng, nhưng thực chất nàng đang bị mụ giam lỏng.  Quá khứ hãi hùng vừa qua, tương lai mờ mịt đầy cạm bẫy, thân gái dặm trường bơ vơ nơi đất khách quê người, không người chia sẻ. Nàng chỉ còn biết trang trải lòng mình cùng cảnh vật thiên nhiên.  - Cảnh thiên nhiên lầu Ngưng Bich hiện ra cả về chiều rộng và chiều cao:  - Non xa – trăng gần  - Bốn bề bát ngát  - Cát vàng – bui hồng  Non xa-trăng gần vì: ban đêm trăng sáng nên có cảm giác gần. Núi gần nhưng mờ hơn nên có cảm giác xa hơn trăng.  - Mỗi câu thơ là một cặp đối xứng: Vẻ non xa với tấm trăng gần, cát vàng cồn nọ .. bụi hồng dặm kia tầng tầng lớp lớp  -> Không gian mênh mông, hoang vắng  - Cảnh ở lầu Ngưng Bích dầu khoáng đạt, nên thơ song không làm cho Kiều nguôi ngoai bớt nỗi ưu sầu. Chính cái vắng lặng của thiên nhiên, cái mênh mông của vũ trụ càng khắc sâu thêm trong lòng nàng những nỗi cô đơn, buồn tủi. Lúc mây sớm cũng như lúc đèn khuya, nàng chỉ có một mình. Bởi vậy mà: nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng. Một nửa nỗi lòng gửi vào trong cảnh vật, một nửa nàng giữ lại trong lòng hay đau đáu hướng về quê hương.  HS: Tả cảnh ngụ tình.  - Sáu câu thơ mở đầu, bức tranh thiên nhiên lầu Ngưng Bích được chấm phá bằng ngòi bút tài hoa: Tả cảnh ngụ tình. Bức tranh ấy được nhìn qua tâm trạng của nàng Kiều. | **I. Giới thiệu chung:**  **1. Vị trí đoạn trích**  - Thuộc phần 2 của tác phẩm: Gia biến và lưu lạc. Gồm 22 câu thơ. Từ câu 1033 đến câu 1055.  **2. Đọc:** Giọng trầm buồn  **3. Bố cục**  - 6 câu đầu: Khung cảnh của bi kịch nội tâm  - 8 câu tiếp: Tâm trạng nhớ thương của Kièu  - 8 câu cuối: Ngoại cảnh được nhìn qua tâm trang của Kiều  -> Đoạn thơ vừa tả cảnh,vừa tả tình, đúng ra là tả cảnh ngụ tình. Nét đặc sắc của đoạn thơ là cảnh vật thiên nhiên được nhìn được tả qua con mắt, tâm trạng của nhân vật trữ tình.  **II. Tìm hiểu chi tiết:**  **1.Sáu câu thơ đầu:**  - Khóa xuân:NT ẩn dụ-mỉa mai cảnh ngộ trớ trêu của Kiều.  - Kiều đang bị giam lỏng  + Khung cảnh thiên nhiên:  - Non xa - trăng gần  - Bốn bề bát ngát  - Cát vàng - bui hồng  -> Không gian mênh mông, rợn ngợp, hoang vắng, mở ra cả chiều rộng và chiều cao.  -> Thời gian : ở nhiều thời khắc, thời điểm khác nhau. Dó là thời gian tuần hoàn khép kín.  -> Con người : cô đơn, buồn tủi  \*NT:Tả cảnh ngụ tình  Bẽ bàng.......tấm lòng  ->Từ láy, điệp từ so sánh:gợi tâm trạng bị giam hãm tù túng trong vòng luản quẩn của thời gian k gian.Nỗi cô đơn buồn tủi chán chường đã choáng ngợp trong lòng K.  -> Sáu câu thơ mở đầu, bức tranh thiên nhiên lầu Ngưng Bích được chấm phá bằng ngòi bút tài hoa : Tả cảnh ngụ tình. Bức tranh ấy được nhìn qua tâm trạng của nàng Kiều. |

**Hoạt động 3: Luyện tập:** (6’)

Mục tiêu:khắc sâu kiến thức vừa tìm hiểu ở tiết học này.

- Hình thức: Hoạt động nhóm

Bước 1: GV chia nhóm theo bàn, mỗi bàn một nhóm

- Phương tiện: Học sinh trả lời trực tiếp

- Yêu cầu: Sáu câu thơ đầu, em hiểu gì về cảnh ngộ của Kiều?

- Sáu câu thơ đầu, em thấy nhà thơ đã sử dụng bút phát nghệ thuật đặc sắc nào?

Bước 2: Học sinh thảo luận nhóm

Bước 3: Học sinh các nhóm trả lời, nhận xét bổ sung cho nhau

Bước 4: GV nhận xét, chốt lại

- Sáu câu đầu cho ta hiểu cảnh ngộ bi kích của kiều ở lầu Ngưng Bich: bị giam lỏng, cô đơn, buồn tủi.

- Nghệ thuật sáu câu đầu: tả cảnh ngụ tình

**Hoạt động 4: vận dụng** (3’)

Mục tiêu: Rèn kĩ năng viết đoạn văn NL

- Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về sáu câu thơ đầu

**Hoạt động 5: Mở rộng( Ở nhà)** (1’)

\* Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức, đồng thời vận dụng kiến thức mới đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

\* HĐ cá nhân:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Tìm đọc những câu thơ tả cảnh ngụ tình trong TK.

? Vẽ bức tranh cảnh trước lầu Ngưng Bích trong sáu câu đầu

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài : Cảnh ngày xuân( Tiếp theo)

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 33 KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

Ngày soạn: 28/9/2020 ( Nguyễn Du)

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài dạy:**

**1. Về kiến thức:**

- Học sinh biết đây là đoạn thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc, cảnh chỉ là nền để thể hiện tâm trạng nhân vật.

- Hiểu được tâm trạng cô đơn buồn tủi, nỗi niềm thương nhớ của Kiều, cảm nhận được tấm lòng chung thuỷ hiếu thảo của nàng.

-Vân dụng để phân tích nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật, hiểu được tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du, khinh bỉ và căm phẫn sâu sắc bọn buôn người, đau đớn xót xa trước thực trạng con người bị hạ thấp chà đạp.

**2. Về kỹ năng:** Rèn kỹ năng cảm nhận nghệ thuật đặc sắc tả cảnh ngụ tình trong đoạn trích.Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích.

**3. Về thái độ:**

- Khinh bỉ và căm phẫn sâu sắc bọn buôn người đau đớn xót xa trước thực trạng con người bị hạ thấp chà đạp.

- Giáo dục lòng biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ. Tấm lòng đồng cảm với nỗi buồn đau của con người.

**4. Định hướng năng lực:**

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

- Năng lực tự nghiên cứu, hợp tác

**II. Chuẩn bị**

GV: Đọc bài ng/c soạn giáo án.

HS: Học bài trả lời câu hỏi phần tìm hiểu

**III.Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

**Hoạt động 1:Khởi động**(5’)

Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức bài trước và tạo tâm thế đón nhận bài mới

Bước 1: GV nêu vấn đề: Sáu câu thơ đầu của đoạn trích cho ta hiểu được cảnh ngộ bi kịch của Kiều: Bị giam lỏng, cô đơn, chán ngán, buồn tủi. Nếu đặt mình trong hoàn cảnh của Kiều thì em sẽ làm gì để thoát khỏi tâm trạng đó?

Bước 2: Học sinh thảo luận vấn đề

Bước 3: Học sinh trình bày ý kiến, có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau

Bước 4: GV nhận xét các ý kiến sau đó dẫn chuyển:

GV: Kiều chỉ biết đối diện với chính mình, nàng dường như không còn sống chung với chung quanh nữa mà chìm dần vào những không gian khác, thời gian khác đó là nhớ đến những người thân yêu. Vậy nỗi nhớ người thân liệu có làm cho nàng vơi đi nỗi buồn tủi hay không? Tiết học hôm nay các em sẽ được tìm hiểu.

**HĐ hình thành kiến thức:** (32’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **2.2.Hướng dẫn tìm hiểu tám câu thơ tiếp:**  \* Mục tiêu: HS cảm nhận được vẻ đẹp phẩm chất của TK với g/ đình và với Kim Trọng  - Hình thức: Hoạt động nhóm  Bước 1: Gv chia lớp thành 2 nhóm. Mỗi nhóm là một dãy lớp học, các nhóm hoạt động theo bàn  - Thời gian: 10p  - Phương tiện: Phiếu học tập  - Yêu cầu: học sinh quan sát vào tám câu thơ tiếp theo. GV nêu vấn đề: Đoạn thơ diễn tả tình cảm của Kiều đối với KT và cha mẹ Sau đó gv yêu cầu học sinh thảo luận các câu hỏi:  **+ Nhóm 1**: Gói câu hỏi 1  ? Những từ ngữ, hình ảnh nào cho biết Kiều nhớ về Kim Trọng ?  ? Tưởng là nỗi nhớ ntn ?  ? Kiều hồi tưởng điều gì về KT?  ? Hồi tưởng về kỉ niêm, nàng còn hình dung về KT. Câu thơ nào cho em biết Kiều hình dung về KT?  ? Qua sự hình dung đó, em hiểu gì về tâm trạng của nàng?  Nhớ người yêu, Kiều đã đối diện với lòng mình và càng thấm thía hơn tình cảnh bơ vơ, nơi góc bể, chân trời của mình  ? Nàng tự nhủ lòng mình như thế nào?  ? Tấm son ẩn dụ điều gì? Từ đó em hiểu tình cảm của nàng dành cho KT ntn?  **+ Nhóm 2:** Gói câu hỏi 2  ? Nỗi nhớ cha mẹ của Kiều được diễn tả qua những từ ngữ nào?  ? Cum từ: Tựa cửa hôm mai cho biết nàng xót xa hình dung như thế nào về cha mẹ?  ? Em hiểu gì về thành ngữ : Quạt nồng ấp lạnh ?  ? Từ đó, em hiểu Kiều day dứt điều gì khi nghĩ đến cha mẹ ?  ? Diễn tả tình cảm của kiều đối với cha mẹ, nhà thơ còn sử dụng những điển tích, điển cố trong các câu thơ tiếp.  - Theo em đó là những điển tích, điển cố nào? Em hiểu gì về những điển cố đó?  Bước 2: Học sinh nhận phiếu học tập, thảo luận.  Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, chuẩn kiến thức:  +Nhóm 1 : Những từ ngữ nhớ về KT : Tưởng, dưới nguyệt chén đồng, rày trông mai chờ.  - Tưởng: ( Nhớ trong hồi tưởng, tưởng tượng)  - Hồi tưởng: Nhớ về kỉ niệm nơi vườn đào  - Hình dung KT: - Tin sương........  -> day dứt, có lỗi với KT  GV: Vì mình mà để cho chàng Kim phải chờ đợi, ngóng trông, Kiều cho đó là của mình nên nàng thấy day dứt như một kẻ lỗi hen, bạc tình.  - Tấm son: ẩn dụ: tấm lòng son sắt, thủy chung - > Không phai nhạt  GV : Bình : Nuối tiếc mối tình đầu trong trắng thơ ngây, Kiều càng ý thức được rằng chẳng ao giờ có thể phai nhạt được tình cảm với chàng Kim. Suôt mười lăm năm lưu lạc, hình ảnh KT luôn in đâm trong trái tim nàng.  + Nhóm 2: HS: Xót người, tựa cửa hôm mai, quạt nồng ấp lạnh....  - Hình dung cha mẹ sớm hôm trông đợi tin con.  GV: Xót xa cha mẹ, Kiều còn thương và lo lắng cho cha mẹ vì nỗi không thể quạt nồng ấp lạnh  - > Day dứt chưa làm tròn chữ hiếu  GV: Bình: Dù bán mình chuộc cha là hành động báo hiếu cao nhất của Kiều. Thế nhưng ở lầu Ngưng Bích, nàng vẫn luôn day dứt vì một nỗi không thể quạt nồng, ấp lạnh phụng dưỡng song thân đang ngày càng tuổi cao, sức yếu.  - Giải thích: Sân Lai, gốc tử.  GV: Bình: Thời gian trôi đi, đã trải qua bao mùa mưa nắng, nàng hình dung cảnh vật quê nhà tất cả đã đổi thay. Song đổi thay lớn nhất là: Có khi gốc tử...Nghĩa là cha mẹ ngày càng già yếu. Lần nào cũng vậy, khi nhớ về cha mẹ Kiều cũng luôn ân hận phụ công sinh thành, nuôi dưỡng của mẹ cha.  **GV nêu vấn đề để củng cố kiến thức:**  Bước 1: GV nêu câu hỏi nhận xét về tám câu thơ:  ? Tám câu thơ, nhà thơ đã sử dụng hình thức ngôn ngữ nào để diễn tả tình cảm của kiều?  ? Hình thái ngôn ngữ đó được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật nào?  ? Trong đoạn thơ, theo em nhà thơ diễn tả nỗi nhớ của Kiều : Nhớ KT trước nhớ cha mẹ có hợp lí không ? Vì sao ?  ? Đoạn thơ em hiểu gì về tấm lòng của nàng Kiều đối với KT và cha mẹ?  Bước 2: học sinh trao đổi, thảo luận  Bước 3: học sinh trình bày ý kiến của nhóm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  Bước 4: GV nhận xét hoạt động các nhóm, Sau đó chuẩn kiến thức:  - Hình thái ngôn ngữ độc thoại nội tâm  - Sử dụng các thi liệu, điển cố Trung Quốc: Dưới nguyệt, chén đồng, quạt nồng, ấp lạnh, sân lai, gốc tử.  - Sử dụng nhiều từ ngữ mang phong cách tục ngữ Việt Nam: Rày trông mai chờ, cách mấy nắng mưa.  - Diễn tả nỗi nhớ KT trước là hoàn toàn hợp lí và lo gic  - Vẻ đẹp tâm hồn, tình cảm: thủy chung, hiếu thảo, vị tha  **2.3: Tìm hiểu tám câu thơ cuối**  \* Mục tiêu: Tâm trạng buồn khi xa g/đình và nỗi lo lắng, sợ hãi trước những loại người xấu xa trong XH.  - Hình thức: Hoạt động cá nhân  Bước 1: Gv giao nhiệm vụ  ? Trong đoạn thơ, em thấy có từ nào được lặp lại ?  ? Từ:“ Buồn trông“ được lặp lại có ý nghĩa ntn?  ? Hãy phân tích mối quan hệ giữa cảnh với tâm trạng của Kiều trong từng bức tranh.  Bước 2: HS nhận phiếu học tập, trao đổi, thảo luận nhóm  Bước 3: đại diện từng nhóm trình bày nội dung thảo luận, các nhóm khác bổ sung  Bước 4: GV: Nhận xét, đánh giá kết quả từng nhóm, chuẩn kiến thức  - Từ : Buồn trông: Là lòng buồn sẵn trước khi ngắm cảnh. Bốn lần từ buồn trông được lặp lại, mỗi lần mở đầu cho một cảnh. Tám câu thơ lục bát chia làm bốn cặp câu, mỗi cặp câu là một bức tranh phong cảnh biểu đạt nội tâm Kiều.  +Cảnh: trông về cửa bể chiều hôm dưới ánh sáng nhạt nhòa của hoàng hôn, kiều nhận ra ngoài khơi xa thấp thoáng một con thuyền, một cánh buồm.  - tình: Con thuyền ấy, cánh buồm ấy gợi ra một hành trình lưu lạc, nỗi cô đơn, nỗi nhớ nhà  + Nhóm 2: - cảnh: một ngọn nước mới sa, hoa trôi man mác…  - tình: Nhìn cánh hoa trôi lòng chạnh buồn nghĩ đến thân phận của mình cũng như cánh hoa tàn trôi trên sóng dữ  + Cảnh; Một nôi cỏ rầu rầu, chân mây….  - Tình: liên tưởng đến cuộc sống vô nghĩa tẻ nhạt  + Cảnh; Gió cuốn…ầm ầm tiếng sóng  - tình: linh cảm những bất trắc tai ương sắp dáng xuống đầu  - Gv khái quát lại nội dung và nghệ thuật của tám câu cuối qua câu hỏi:  ? Qua tám câu thơ cuối, em thấy nhà thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?  -Gv nhận xét, chốt lại  Nhà thơ đã thành công trong việc tả cảnh để bộc lộ tình qua việc sử dụng các hình ảnh ước lệ, các từ láy, đặc biệt sử dụng tài hoa điệp từ buồn trông các hình thức nghệ thuật đó đều góp phần bộc lộ nỗi buồn ngổn ngang, đa dạng, nhều vẻ của nàng Kiều  **III. Hướng dẫn tổng kết:** (5’)  - Mục tiêu: HS khắc sâu giá trị ND và NT của văn bản  - HĐ cá nhân  Bước 1: GV chia lới thành các nhóm nhỏ, theo bàn, mỗi bàn một nhóm  ? khái quát được thành công về nghệ thuật và nội dung của đoạn trích bằng bản đồ tư duy  ? Đoạn thơ có những thành công nào về thuật?  ? Đoạn thơ, giúp em hiểu được nỗi đau, nỗi bất hạnh nào của Kiều trên bước đường lưu lạc?  Ngoài cảm nhận được nỗi đau, nỗi bất hạnh của Kiều, em còn cảm nhận được nét đẹp nào về tâm hồn, phẩm chất của kiều?  Bước 2: Học sinh thảo luận, vẽ bản đồ tư duy khái quát tiết học  Bước 3: Các nhóm đại diện lên bảng trình bày bản đề tư duy, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  Bước 4; Nhận xét, chuẩn lại kiến bằng bản đồ tư duy | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Sau câu thơ đầu**  **2. Tám câu thơ tiếp:**  **+ Nhớ Kim Trọng:**  Tưởng người dưới nguyệt chén đồng  Tin sương luống những rày công mai chờ  Bên trời góc bể bơ vơ  Tấm son gột rửa bao giờ cho phai  - Tưởng nhớ về lời ước hẹn trăm năm lời thề nguyền hôm nào như vẫn còn đây mà nay mỗi người mỗi ngả.  -> Nàng xót xa, nuối tiếc  -> Hình dung chàng Kim vẫn đang đau đáu, chờ đợi ngóng trông tin nàng.  ->Tình cảm sâu sắc đối với KT  + **Nhớ cha mẹ:**  - Hình dung cha mẹ vẫn sớm chiều tựa cửa trông đợi tin mình  - Thương và lo lắng cho cha mẹ ai người chăm sóc  -> Day dứt chữ hiếu chưa tròn  -> Sử dụng các thi liệu điển cố Trung Quốc: quạt nồng ấp lạnh, sân lai, gốc tử.  Sử dụng nhiều từ ngữ mang phong cách tục ngữ Việt Nam: Rày trông mai chờ, cách mấy nắng mưa  -> Người con gái thủy chung, hiếu thảo, vị tha  **3. Tám câu thơ cuối:**  + Buồn:  - Thân phân tha hương, nỗi cô đơn, nhớ quê nhà.  - Thân phận lênh đênh, chìm nổi  - Cuộc sống vô nghĩa, tẻ nhạt  - Lo âu, sợ hãi trước những tai họa rình rập  -> Nỗi buồn ngổn ngang, đa dạng, nhiều vẻ  **III. Tổng kết :**  **1. Nghệ thuật:**  - Miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua hai hình thái ngôn ngữ: tả cảnh ngụ tình và ngôn ngữ độc thoại nội tâm.  Tả cảnh ngụ tình: Qua các hình ảnh ước lệ, hệ thống các từ láy, điệp từ và sử dụng các biện pháp tu từ.  Ngôn ngữ độc thoại nội tâm: Các điển cố, thi liệu Trung Hoa, các từ ngữ mang phong cách thành ngữ, tục ngữ.  2. **Nội dung:**  - Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn buồn tủi, nhớ thương của kiều.  - Tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo, vị tha của Kiều. |

**Hoạt động 3: Luyện tập:** (5’)

- Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu kiến thức bài học thông qua hệ thống câu hỏi

- Hình thức: học sinh hoạt động cá nhân

B 1: GV giao nhiệm vụ

? Học xong đoạn trích, em hiểu được điều đáng quí nào từ tấm lòng nhà thơ?

?Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

- Tấm lòng đồng cảm, xót thương sâu sác của nhà thơ đối với nỗi đau, nỗi bất hạnh của nhân vật.

- Tả cảnh ngụ tình là :

**Hoạt động 4: Vận dụng:** (2’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? viết đoạn văn trình bày cảm nhận về tám câu thơ cuối

**Hoạt động 5: Mở rộng ( Về nhà)** (1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Về nhà tập vẽ bức tranh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Miêu tả trong văn bản tự sự

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

**Tiết 34 MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

Ngày soạn: 28/9/2020

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài dạy:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp h/s thấy được vai trò của yếu tố miêu tả hành động, sự việc, cảnh vật và con người trong văn bản tự sự.

- Hiểu được trong văn bản tự sự yếu tố miêu tả là rất cần thiết, giúp cho bài viết thêm sinh động.

- Vận dụng yếu tố miêu tả trong các bài văn tự sự.

**2. Kĩ năng** : Rèn luyện kĩ năng vận dụng các phương thức biểu đạt trong 1 văn bản.

**3. Thái độ :** Thái độ chân thực, nghiêm túc trong việc tạo lập văn bản.

**4. Định hướng năng lực:**

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

- Năng lực tự nghiên cứu, hợp tác

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

GV : Đọc kĩ bài- soạn bài – tài liệu tham khảo.

HS : Đọc và chuẩn bị bài, SGK.

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp : KT sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ.

**Hoạt động 1: Khởi động** ( 5’)

Mục tiêu:Tạo tình huống có vấn đề dẫn dắt vào bài học.

- Hình thức: Hoạt động nhóm

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm nhỏ theo bàn, mỗi bàn một nhóm

- Yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi:

? Lớp 7, 8 các em đã được học về văn bản tự sự. Vậy trong văn bản tự sự, những yếu tố nào là quan trọng nhất?

? Ngoài các yếu tố quan trọng ra, còn các yếu tố nào? Các yếu tố ấy có vai trò như thế nào trong văn bản tự sự?

Bước 2: Học sinh thảo luận theo bàn

Bước 3: học sinh đại diện các nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức và dẫn vào bài:

- Yếu tố quan trọng trong văn tự sự: Sự việc và nhân vật chính

- Ngoài ra còn các yếu tố: miêu tả, biểu cảm. Vậy yếu tố miêu tả có vai trò như thế nào trong văn bản tự sự, hôm nay các em sẽ được tìm hiểu .

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:** (18’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ:Tìm hiểu vai trò của miêu tả trong văn tự sự**  Mục tiêu:Hs thấy được t/d to lớn của yếu tố miêu tả trong văn tự sự.  Hình thức: Cá nhân  Bước1: Giao nhiệm vụ.  Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  Bước 4. Gv chuẩn kiến thức  ? Đọc I trang 91  ? Đoạn trích kể lại trận đánh nào.  ? Trong trận, nhân vật QT đã làm gì? xuất hiện ntn.  ? Các SV chính bạn ấy đã nêu chưa.  ? Hãy nối ghép thành các SV ấy thành 1 đoạn văn.  ? Nếu chỉ kể các SV chính thì câu chuyện sẽ thế nào? Tại sao.  ? Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích.  ? Các chi tiết miêu tả ấy nhằm thể hiện những những đối tượng nào ?.  ? So sánh đoạn văn vừa nối với đoạn văn của tg Ngô Gia Văn Phái, rút ra nhận xét gì.  ? Nhờ đâu mà đoạn văn của Ngô Gia Văn Phái hay hơn, sinh động hơn.  ? Từ đó em rút ra nhận xét gì về vai trò của yếu tố miêu tả.  ? Đọc “ ghi nhớ/SGK/ 92  **Hoạt động 3: Luyện tập**(18’)  Mục tiêu:Củng cố và khắc sâu vai trò của yếu tố miêu tả trong văn tự sự  - Hình thức: Hoạt động nhóm  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi, chia nhóm  Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm, các nhóm thảo luận theo bàn  - Yêu cầu: làm bài tập SGK  + Nhóm 1: ý a: Tìm yếu tố tả người trong đoạn trích: Chị em TK  + Nhóm 2: ý b: tìm yếu tố tả cảnh trong đoạn: cảnh ngày xuân  Bước 2; các nhóm thảo luận  Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, đánh giá bằng điểm, sau đó chuẩn kiến thức | **I. Vai trò của miêu tả trong văn tự sự**  1. Ví dụ( SGK)  **-** Nội dung : Quang Trung đánh đồn Ngọc Hồi.  - Sự việc theo trình tự:  + Quang Trung cho ghép ván lại, cứ 10 ng­ời khiêng một bức tiến lên phía tr­ước, 20 binh sĩ theo sau.  + Quan Thanh bắn ra, không trúng ngừoi nào; phun khói lửa thì gió lại đổi chiều, thành ra tự làm hại mình.  + Quân của Quang Trung khiêng ván nhất tề xông lên đánh.  + Quân Thanh chống đỡ không nổi. Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử chết, quân Thanh đại bại.  => Đoạn văn không sinh động chỉ vì đơn giản kể lại các sự việc chứ không làm cho người đọc thấy ­được sự việc đó diễn ra nh­ư thế nào.  \* Các chi tiết miêu tả:“Cứ ghép liền 3 tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín” “Mờ sáng ngày mồng 5...tự làm hại mình...”  + Nhằm thể hiện:  - Sự chỉ huy tài trí của Quang Trung.  - Tinh thần chiến đấu dũng cảm của Tây Sơn.  - Sự chống cự yếu ớt của quân Thanh.  c. So sánh đoạn văn của bạn HS với đoạn văn của tg Ngô Gia Văn Phái.  - Đã nêu đầy đủ các SV chính.  - Nối thành 1 đoạn văn ( HS viết)  - Câu chuyện sẽ không sinh động nếu chỉ kể các SV chính vì nó khô khan.  - Đoạn văn của tg Ngô Gia Văn Phái sinh động, hấp dẫn hơn, nó giúp ta hình dung được trận đánh được trận đánh diễn ra như thế nào?  => Nhờ có các yếu tố miêu tả các chi tiết mà trận đánh được tái hiện 1 cách cụ thể, sinh động  2. Kết luận:  Trong khi kể, ngư­ời kể cần miêu tả chi tiết hành động, cảnh vật, con người và sự việc đã diễn ra như­ thế nào thì chuyện mới trở nên sinh động.  **II. Luyện tập:**  Bài tập 1: Đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” sử dụng nhiều yếu tố miêu tả- tả người, với bút pháp ước lệ tượng trưng nhằm tái hiện lại chân dung “Mỗi người... vẹn mười” của TK và TV.  - Với TV: tả nhan sắc. Bút pháp ước lệ có phần cụ thể hơn về khuôn mặt: Lông mày, miệng, tiếng nói, tóc, làn da -> Cách tả ấy làm nổi bật vẻ đẹp trung thực, phúc hậu, quý phái…  - Với TK: tả nhan sắc, tập trung tả vẻ đẹp của đôi mắt -> Đôi mắt thể hiện sự tinh anh của tâm hồn và trí tuệ.  + Tả tài năng: Kiều đa tài, tài năng bẩm sinh.  => Cách tả đó ta thấy được vẻ đẹp sắc sảo mặn mà, toàn diện nổi trội hơn hẳn TVân.  \* Đoạn trích “ Cảnh ngày xuân” : sử dụng những yếu tố tả cảnh  - Khung cảnh thiên nhiên: Cỏ non xanh tận chân trời ……..  - Khung cảnh lễ hội: Gần xa nô nức yến anh – Dập dìu tài tử giai nhận…….  - Khung cảnh chị em Kiều du xuân trở về: Tà tà bóng ngả về tây …….  Bài tập 2: Viết đoạn văn kể về việc chi em TK đi chơi trong buổi chiều ngày thanh minh. |

**Hoạt động 4: Vận dụng** (3’)

Mục tiêu:Rèn kĩ năng làm bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Hình thức: Hoạt động cá nhân

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

? Dựa theo đoạn trích: cảnh ngày xuân, hãy viết một đoạn văn kể về việc chị em TK đi chơi xuân. Có vận dụng yếu tố miêu tả cảnh ngày xuân

Bước 2: Học sinh vận dụng viết đoạn văn theo yêu cầu

Bước 3: Học sinh trình bày đoạn văn viết, các học sinh khác nhận xét

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung.

**Hoạt động 5: Mở rộng( Về nhà)** (1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Dựa theo đoạn trích: cảnh ngày xuân, hãy viết một đoạn văn kể về việc chị em TK đi chơi xuân. Có vận dụng yếu tố miêu tả cảnh ngày xuân

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Trau dồi vốn từ

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 35 TRAU DỒI VỐN TỪ**

Ngày soạn: 28/9/2020

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài dạy: Giúp học sinh nắm được:**

1. Kiến thức :

- Biết được tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ.

- Hiểu được muốn trau dồi vốn từ, trước hết phải rèn luyện để biết được đầy đủ và chính xác nghĩa và cách dùng từ. Ngoài ra muốn trau dồi vốn từ còn phải biết cách làm tăng vốn từ.

- Vận dụng vốn từ trong giao tiếp và tạo lập văn bản.

2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng dùng từ trong tạo lập văn bản và kĩ năng giao tiếp

3.Thái độ : Yêu quí tiếng việt, biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

- Năng lực tự nghiên cứu, hợp tác

**B. Chuẩn bị:**

1.GV : Nghiên cứu, soạn giáo án- Tài liệu tham khảo.

2. H/S:Học bài cũ, làm bài tập, đọc trước bài mới.

**III.Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

**Hoạt động 1:Khởi động**(5’)

Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức bài trước và tạo tâm thế đón nhận bài mới

Bước 1: GV nêu câu hỏi:

? Trong các bài viết tập làm văn của học sinh, em thấy HS thường măc những lỗi nào? Vì sao học sinh lại hay mắc lỗi đó?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức, dẫn vào bài

- Học sinh thường mắc các lỗi về diễn đạt, lỗi dùng từ. Nguyên nhân học sinh ít vốn từ và nhiều trường hợp không hiểu nghĩa của từ nên dẫn đến dùng sai từ

- Muốn có vốn từ phong phú để đáp ứng nhu cầu giao tiếp trong khi viết và nói, học sinh cần phải biết trau dồi vốn từ.

**HĐ hình thành kiến thức**(17’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **2.1: Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ**  - Mục tiêu: HS nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ trong nói , trong tạo lập văn bản.  - Hình thức: Hoạt động cas nhân  1. ý kiến của Phạm văn Đồng  Bước 1:  ? HS đọc ý kiến và trả lời câu hỏi  ?Theo cố thủ tướng Phạm Văn Đồng, tiếng Việt có khả năng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của chúng ta hay không? Tại sao?  ? Muốn phát huy tốt khả năng của tiếng Việt, chúng ta phải làm gì?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức.  2. Hướng dẫn xác định lỗi diễn đạt:  Bưóc 1; GV yêu cầu  ? HS xác định lỗi diễn đạt trong các câu ở mục 2 SGK?  ? Giải thích vì sao có những lỗi này? Vì tiếng ta nghèo, hay vì người viết không biêt dùng tiếng ta?  ? Để biết dùng tiếng ta cần làm gì?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức.  - Gọi học sinh đọc ghi nhớ SGK  **2. 2:Hướng dẫn tìm hiểu mục II**  - Mục tiêu: Giúp HS làm tăng vốn từ của mình để đạt hiệu quả cao trong giao tiếp  - Hình thức: hoạt động cá nhân  ? Tìm hiểu ý kiến của nhà văn Tô Hoài  Bước 1: GV chia nhóm hoạt động theo bàn  ? Học sinh quan sát ý kiến của nhà văn Tô Hoài SGK và trả lời câu hỏi:  ? Nhà văn Tô Hoài nói về vấn đề gì có liên quan đến việc trau dồi vốn từ?  ? Qua ý kiến của Tô Hoài, em rút ra bài học gì?  ? So sánh hình thức trau dồi vốn từ ở phần I với hình thức trau dồi vốn từ của Nguyễn Du?  ? Từ tìm hiểu các ý kiến của Phạm Văn Đồng, Tô Hoài hãy cho biết mục đích của việc rèn luyện vốn từ là gì? Có mấy hình thức trau dồi vốn từ?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức.  ? Yêu cầu học sinh đọc Ghi nhớ.  **Hoạt động 3: Luyện tập**(20’)  \*Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của bài, vận dụng làm bài tập  HT: Hoạt động nhom.  \* Các bước thực hiện:  B1: GV giao nhiệm vụ  Bước 1: Yêu cầu học sinh xác định yêu cầu của bài tập  N 1: Bài tập 1  N2: Bài tập 2  N3: Bài tập 3  Bước 2: Học sinh thảo luận theo bàn  Bước 3: Các nhóm trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, chuẩn kiến thức  GV: Lưu ý cách nói “ Đường phố ơi hãy im lặng” | **I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ:**  **1. Ý kiến của Phạm Văn Đồng:**  - TV có khả năng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của chúng ta, vì tiếng Việt rất giàu đẹp và luông phát triển.  - Muốn phát huy tôt khả năng của tiếng Việt, mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi ngôn ngữ của mình mà trước hết là trau dồi vốn từ, biết vận dụng nhuần nhuyễn( Vì đó là cách duy nhất để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.. nó thể hiện lòng tự hào và giữ gìn bản sắc dân tộc).  **2. Xác đinh lỗi diễn đạt.**  a, Dùng thừa từ đẹp. Đã dùng thắng cảnh thì không dùng đẹp nữa vì thắng cảnh có nghĩa là cảnh đẹp.  b, Dùng sai từ **dự đoán**, vì **dự đoán** là đoán trước tình hình, sự việc nào đó có thể xảy trong tương lai.🡪 có thể dùng: phỏng đoán, ước đoán, ước tính…  c, Dùng sai từ **đẩy mạnh** vì **đẩy mạnh** có nghĩa là thúc đẩy cho phát triển nhanh lên. Nói về quy mô có thể là **mở rộng** hay **thu hẹp** chứ không thể nhanh hay chậm được.  - Sở dĩ có những lỗi này vì người viết không biết chính xác nghĩa và cách dùng từ mà mình sử dụng. Rõ ràng là không phải do tiếng ta ngheo mà do người viết đã không biết dùng tiếng ta.  ->Như vậy, muón biết dùng tiếng ta thì trước hết phải nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ.  3**.** Ghi nhớ (SGK)  **II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ:**  **1. Ý kiến của nhà văn Tô Hoài:**  - Phân tích quá trình trau dồi vốn từ của Nguyễn Du bằng cách học lời ăn tiếng nói của nhân dân.  - Bài học: Phải rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, để làm tăng vốn từ  - Phần trên: rèn luyên dể biết đầy đủ, chính xác nghĩa và cách dùng của từ ( đã biết nhưng có thể chưa rõ)  - Còn việc trau dồi vốn từ mà Tô Hoài đề cập đến được thực hiện theo hình thức học hỏi để biết thêm những từ mình chưa biết.  **2.Ghi nhớ.**  **III. Luyện tập: 12p**  Bài tập 1:  - Hậu quả: kết quả xấu.  - Đoạt: chiếm được phần thắng  - Tinh tú: sao trên trời( nói khái quát)  Bài tập 2:  a, Tuyệt:  - dứt, không còn gì.  + Tuyệt chủng:bị mất hẳn giống nòi.  + Tuyệt giao: cắt đứt giao tiếp.  + Tuyệt tự; không có ngời nối dõi.  + Tuyệt thực: nhin đói không ăn để phản đối- một hình thức đáu tranh.  - cực kì, nhất:  + tuyệt đỉnh: điểm cao nhất, mức cao nhất.  + Tuyệt mật: cần được giữ bí mật tuyệt đối.  + Tuyệt tác: tác phẩm văn học nghệ thuật hay, đẹpc đến mức coi như không còn có thể có cái cái hơn.  + Tuyệt trần: nhất trên đời, không có gì sánh bằng.  b, Đồng:  - Cùng nhau, giống nhau.  đồng âm: có âm giống nhau.  + đông bào: cùng một giống nòi, một dân tộc, một Tổ quốc- hàm ý quan hệ thân thiết, ruột thịt.  + Đồng bộ: phối hợp với nhâu một cách nhịp nhàng.  + Đồng chí: người cùng chí hướng chính trị.  + Đồng dạng: có cùng một dạng như nhau.  + Đồng khởi: cùng vùng dậy, dùng bạo lực để phá ách kìm kẹp.  + Đồng môn: cùng học một trường, một thầy, một môn phái.  + Đồng niên: cùng một tuổi.  + Đồng sự: cùng làm việc ở một cơ quan nói với người ngang hàng với nhau.  - Trẻ em:  + Đồng ấu: trẻ em khoảng 6,7 tuổi.  + Đồng dao: lời hát dân gian của trẻ em.  + Đồng thoại: truyện viết cho trẻ em.  - chất ( đồng)  + Trống đồng: nhạc khí gõ thời cổ, hình cái trông, đúc bằng đồng, trên mặt có chạm những hoạ tiết trang trí.  **Bài tập 3:**  a, Dùng sai từ **im lặng**. Từ này để nói về con người, về cảnh tượng con người. Thay bằng **yên tĩnh, vắng lặng.**  b, Dùng sai từ **thành lập** - lập nên, xây dựng một tổ chức như nhà nước, đảng, hội, công ty  Quan hệ ngoại giao không phải là một tổ chức.  c. Dùng sai từ **cảm xúc**. Từ này thường được dùng như một danh từ, có nghĩa là sự rung dộng trong lòng do tiếp xúc với việc gì. Người Việt Nam không nói: **X khiến Y rất cảm xúc**; mà nói: **X khiến Y rất cảm động**( xúc động, cảm phục) |

**Hoạt động 4: Vận dụng**(2’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Đặt câu với một số từ ghép, từ láy được nói đến trong bài tập 8

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức.

**Hoạt động 5: Mở rộng( ở nhà)** (1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Tìm trong văn chương 1 số từ ngữ được các nhà văn, nhà thơ vận dụng từ lời ăn tiếng nói của nhân dân

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Ôn tập văn tự sự để giờ sau viết bài

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

**Tuần 8**

**Tiết 36-37 VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

Ngày soạn: 5/10/2020

Ngày dạy:

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về văn tự sự

- Viết được bài văn tự sự theo yêu cầu có hiệu quả.  
2. Kĩ năng:

- Biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả cảnh vật, con người , hành động .

- Hs vận dụng các biện pháp nghệ thuật để viết một bài văn cụ thể.

- Đánh khả năng tự lập trong làm bài tại lớp.

b. Kĩ năng sống:

- Kỹ năng tư duy sáng tạo.

- Kỹ năng giải quyết vấn đề.

- Kỹ năng quản lý thời gian.

- Kỹ năng ứng phó với căng thẳng.

3. Thái độ:  
- Có ý thức vận dụng phần lí thuyết đã được học vào tạo lập văn bản.

- Trân trọng hạt lúa, hạt gạo và công sức của người lao động.

4. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực sáng tạo: học sinh biết viết các đoạn văn, bài văn thể hiện sự hiểu biết của mình về đối tượng thuyết minh.

- Năng lực tự quản bản thân: tự xác định hành vi, thái độ, khả năng trong các giờ kiểm tra.

**II. Chuẩn bị của GV và HS**.

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, ra đề, đáp án, biểu điểm.

**2. Học sinh:** Học bài, ôn tập, chuẩn bị giấy làm bài.

**- KTDH tích cực**: Hoàn tất một nhiệm vụ; viết tích cực; kỹ thuật động não,..

**+** Phương pháp: Thực hành.

**III. Tiến trình lên lớp.**

**1. æn ®Þnh líp.(1’)** KiÓm tra sÜ sè

**2. KiÓm tra:Bài viết số 2 - Văn tự sự**

**ĐỀ BÀI**: 20 năm sau em về thăm trường cũ, hãy viết thư cho một người bạn cùng lớp kể về buổi thăm trường đầy xúc động đó.

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM**

| **Yêu cầu** | **Điểm** |
| --- | --- |
| **1. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Bài viết bố cục rõ ràng 3 phần mở bài, thân bài, kết bài. Dạng viết thư  - Làm đúng kiểu bài văn tự sự (tưởng tượng) Sau 20 năm về thăm trường cũ  - Kiến thức tự sự (nhân vật, sự việc) + hình thức bức thư  - Lời văn rõ ràng giản dị, trong sáng, biểu cảm  - Kết hợp yếu tố miêu tả (tả người, tả cảnh)  - Ngôi kể thứ nhất | **1,0 điểm** |
| **2. Yêu cầu về kiến thức**: Có thể trình bày nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | **8,0 điểm** |
| **a. Mở bài:** Đầu thư:  - Thời gian, địa điểm viết thư.  - Lời chào gửi đầu thư.  - Lí do viết thư. | 1,0 điểm |
| **b. Thân bài:**  - Hỏi thăm tình hình trong những năm qua ( học tập, cuộc sống, công tác của bạn và một số bạn khác trong lớp ).  - Giới thiệu về hoàn cảnh hiện tại của bản thân ( công việc, gia đình…)  **- Kể lại tình huống về thăm trường:**  + Lí do về thăm trường cũ ( đi ngang qua, có chủ định về thăm…)  + Thời gian ( mùa hè); đi một mình hay đi với ai?  + Tâm trạng trước khi về thăm ( nếu là chủ định ): bồi hồi,xúc động, hồi hộp…  **- Quang cảnh ngôi trường khi đếm thăm:**  + Ấn tượng đầu tiên khi nhìn thấy trường.  + Cảnh vật, thiên nhiên, sự thay đổi của cảnh vật ( hàng cây, cổng trường…)  + Quang cảnh ngôi trường khi đến thăm: miêu tả đôi nét về ngôi trường ( các dãy nhà, các phòng học, phòng chức năng, cơ sở vật chất của trường…)  + Cảnh vật gợi nhớ đến những hình ảnh xưa của bạn bè, thầy cô ( những kỉ niệm buồn, vui của tuổi học trò…)  ( Chú ý: Lồng cảm nghĩ và nhận xét về sự thay đổi của ngôi trường)  **- Kể lại những cuộc gặp gỡ**: đã gặp ai ( thầy cô, bạn bè…)? Nói chuyện gì? (tâm sự, ôn lại những kỉ niệm trong quá khứ…)? Cảm nghĩ sau buổi trò chuyện?  **- Kết thúc buổi thăm trường**: cảm xúc về buổi thăm trường;những suy tưởng; tình cảm; những động lực thúc đẩy bản thân trong tương lai… | 1,0 điểm  1,0 điểm  3,0 điểm  1,0 điểm  1,0 điểm |
| **c. Kết bài:** - Lời chào, lời chúc và lời hứa hẹn.  - Ký tên. | **1,0điểm** |

**\* Thang điểm:**

- Điểm 9, 10: Bài làm đúng kiểu bài tự sự kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm nhằm làm câu chuyện thêm hấp dẫn nhưng không nhầm lẫn về phương thức biểu đạt. Bố cục rõ ràng, mạch lạc. Lời văn biểu đạt chính xác, gọn gàng. Chữ viết đẹp, trình bày sạch, rõ ràng, hợp lí, cân đối, không mắc lỗi chính tả.

- Điểm 7, 8: Đạt các y/c trên. Còn mắc vào lỗi diễn đạt & chính tả. Có thể còn thiếu ý trong phần thân bài (nhưng không đáng kể).

- Điểm 5, 6: Bài làm ở mức độ trung bình. Còn mắc một vài lỗi: Chính tả, dùng từ, đặt câu. Chưa kết hợp được yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài văn tự sự.

- Điểm 3, 4: Bài làm ở mức yếu. Còn thiếu nhiều ý, mắc nhiều lỗi.

- Điểm 1, 2: Bài quá sơ sài

- Điểm 0: Lạc đề.

**\* Củng cố**

+ Về nhà: xem lại kiến thức, hoàn thành lại bài viết, tham khảo thêm một số bài văn mẫu để rút ra những ưu, khuyết điểm của mình.

**\* Hướng dẫn về nhà.:**

- Chuẩn bị bài mới: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

+ Tìm hiểu về tác giả và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên

+ Xác định vị trí của đoạn trích.

+ Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

**\* Rút kinh nghiệm.**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 38 LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

(Trích “Lục Vân Tiên” - Nguyễn Đình Chiểu)

Ngày soạn: 5/10/2020

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức: Giúp học sinh.

- Biết được những nét chủ yếu về cuộc đời sự nghiệp và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu. Kể được tóm tắt cốt truyện Lục Vân Tiên.

- Hiểu được khát vọng vì nghĩa giúp dân, cứu người của tác giả và phẩm chất của 2 nhân vật chính là LVT và KNN.

- Vận dụng vào việc tìm hiểu truyện thơ Nôm với thể thơ lục bát truyền thống.

2. Kỹ năng:

- Rèn kĩ năng nhận diện và hiểu được các từ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.

- Rèn kỹ năng đọc, phân tích cách kể và xây dựng nhân vật.

- Kỹ năng sống sẵn sàng giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn với thái độ vô tư.

- Rèn khả năng tư duy lô gíc, tư duy phân tích.

3. Thái độ:

- Giáo dục thái độ giúp người, cứu người trong hoàn cảnh khó khăn.

4. Định hướng năng lực :

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm.

**II. Chuẩn bị bài học:**

**1. Giáo viên:** Nghiên cứu SGV, SHS, bài soạn. ảnh chân dung tác giả Nguyễn Đình Chiểu.

**2. Học sinh:-** Học bài cũ: Học thuộc lòng và phân tích đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều.

- Chuẩn bị bài: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga theo hướng dẫn SHS.

**III. Tiến trình bài học :**

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

**Hoạt động 1: Khởi động(5p)**

- Mục tiêu: HS ôn kiểm tra hiểu biết của mình và tạo tâm thế đón nhận bài mới

- HĐ cá nhân

Bước1: Giáo viên phổ biến cách thức trò chơi:

Đội 1: Dãy 1

Đội 2: Dãy 2:

Tên trò chơi : Ai nhanh ai đúng?

- Giáo viên đưa ra các thông tin (kèm hình ảnh về quê hương Gia Định và bìa Truyện LVTtrên màn hình) yêu cầu hs gấp sgk, theo dõi trên máy chiếu.

- Quê hương : Gia Định

- Tác giả của tập truyện thơ Nôm.

GV nêu câu hỏi:

Ông là ai? Trình bày những hiểu biết về tác giả đó?

Bước 2,3: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ: Sau 30 giây học sinh phải trả lời. Đội nào xung phong trả lời nhanh và đúng sẽ chiến thắng. Phần thưởng là tràng pháo tay chúc mừng.

Bước 4: Hs trình bày xong, thiếu hoặc chưa sâu giáo viên bổ sung và dẫn dắt vào bài.

Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ yêu nước vĩ đại của nhân dân Miền Nam TK XIX. Cuộc đời và sự nghiệp văn thơ của ông có đặc điểm gì, hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu qua tác phẩm tiêu biểu:Lục Vân Tiên với đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2: Hình thành kiến thức (35’)**  - Mục tiêu:  + HS nắm được một số nét chủ yếu về cuộc đời sự nghiệp và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu. Kể được tóm tắt cốt truyện Lục Vân Tiên.  + Hiểu được khát vọng vì nghĩa giúp dân, cứu người của tác giả và phẩm chất của 2 nhân vật chính là LVT và KNN.  - HĐ nhóm(chia 3 nhóm)  **Bước1: GV giao nhiệm vụ**  Bước1:  ? Đọc mục I. SGK.  Nhóm 1:? Nêu những nét chính về tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu.  Nhóm 2: ? Nghị lực sống và cống hiến của tác giả.  GV: Mặc dù cuộc đời gặp nhiều bất hạnh nhưng ở vai trò nào Ông cũng là một tấm gương sáng. Có 1 hình ảnh còn lưu truyền: Khi Ông mất cả cánh đồng Ba Tri rợp khăn tang trắng của các thế hệ học trò suốt 40 năm trời.  Nhóm 3: ? Lòng yêu nước của tác giả thể hiện ntn. ? Đóng góp của ông trong sáng tác văn thơ ntn.  ? Kể tên một số tp của NĐC.  Bước 2. Thời gian thảo luận 3 phút  Bước 3. Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luân bằng phiếu học tập.  - Các nhóm nhận xét.  Bước 4.  - Giáo viên chốt ý, tóm tắt các ý chính.  **2.2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tác phẩm**  - Mục tiêu: Hs nắm được h/cảnh sáng tác. Thể loại. Tóm tắt truyện  - Hình thức : Hoạt động nhóm, Gvchia lớp làm 4 nhóm  - Thời gian 10 phút  B1: Giao nhiệm cho học sinh  Nhóm1:  ? Trình bày thời gian sáng tác, mục đích, thể loại của truyện  Nhóm 2:  ? Kể tóm tắt cốt truyện.  GV: Tóm tắt phần 1  LVT 16 tuổi quê ở Đông Thành là học trò khôi ngô, tuấn tú, tài kiêm văn võ. Nghe triều đình mở khoa thi, VT xin phép thầy xuống núi dự thi.  Nhóm 3:  ? Đạo lí mà truyện đề cập đến là gì.  - Xem trọng tình nghĩa con người.  - Đề cao tư tưởng nghĩa hiệp.  - Thể hiện khát vọng công bằng  2.3 Đọc hiểu văn bản.  - Mục tiêu: HS nắm được vị trí của Nguyễn Đình Chiểu..  + Hiểu được khát vọng vì nghĩa giúp dân, cứu người của tác giả và phẩm chất của 2 nhân vật chính là LVT và KNN.  - Hình thức: Cá nhân  Bước 1: Giao nhiệm vụ:  Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  Bước 4 : Gv chuẩn kiến thức.  ? Hãy cho biết vị trí đoạn trích.  ? Nội dung của đoạn trích.  ? Nhân vật chính là ai.  ? Bố cục của văn bản.  ? NT xây dựng nhân vật trong đoạn trích.  GV: Vì là truyện để kể nên chỉ chú trọng đến hành động, không chú trọng tả nội tâm. Do đó tính cách nvật cũng được biểu lộ qua cử chỉ, lời nói, không có nội tâm. | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: (10’)**  \* Tiểu sử:  - NĐC (1822 - 1888) tục gọi là Đồ Chiểu  - Sinh ở Gia Định TPHCM, quê cha ở Phong Điền – Thừa Thiên Huế.  - Năm 1943 đỗ tú tài (21 tuổi).  - 1949 bị mù về Gia Định dạy học, chữa bệnh cho dân, kháng chiến chống Pháp sáng tác thơ văn khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.  \* Nghị lực sống và cống hiến cho đời.  - Bước vào đời thật hăm hở, đầy khát vọng.  - Cuộc đời gặp nhiều bất hạnh: bị loà, công danh dang dở, tình duyên trắc trở, gặp cảnh loạn li.  - Ông vượt lên sống hữu ích: Là thày thuốc, thày giáo là nhà thơ để lại nhiều tác phẩm giá trị.  \* Lòng yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm.  - Dù nghèo, bệnh tật ông vẫn giữ vững lập trường kháng chiến, làm quân sư cho các lãnh tụ nghĩa quân.  - Viết thơ văn kháng chiến..  - Khi lục tỉnh rơi vào tay giặc vẫn giữ khí tiết ngẩng cao đầu, sống thanh cao trong sạch.  \* Sự nghiệp sáng tác: Để lại nhiều tác phẩm bất hủ.  + Ngư tiều y thuật vấn đáp, Lục Vân Tiên, Chạy giặc, văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc,…  **2. Tác phẩm Lục Vân Tiên: (10’)**  - Sáng tác đầu những năm 50 thế kỉ 19 gồm 2082 câu thơ lục bát.  - Truyền dạy đạo lí.  - Thể loại; Truyện thơ Nôm, trở thành hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian “kể thơ, nói thơ, hát Vân Tiên”  - Tóm tắt: 4 phần  a. LVT đánh cướp cứu KNN:  Trên đường đi thi, chàng đánh tan bọn cướp cứu KNN, KNN cảm ơn ân đức nguyện gắn bó suốt đời với VT và tự tay vẽ bức hình VT giữ bên mình.  b. LVT gặp nạn và được thần dân cứu giúp:  VT nghe tin mẹ mất, bỏ thi về chịu tang mẹ. Dọc đường bị đau mắt mù cả 2 mắt, bị bọn xấu hãm hại nhưng được Ngư Ông và Hớn Minh cứu giúp.  c. KNN gặp nạn vẫn một lòng thuỷ chung với LVT:  KNN bị bắt đi cống giặc Ô qua, nàng ôm bức hình LVT nhảy xuống sông tự vẫn, được phật bà Quan Âm đưa vào nhà họ Bùi, Bùi Kiệm đòi lấy làm vợ, KNN bỏ trốn vào rừng nương nhờ 1 bà lão dệt vải.  d. LVT gặp lại KNN sống hạnh phúc trọn đời:  LVT được cho thuốc mắt sáng trở lại, chàng thi đỗ trạng nguyên được cử đi dẹp giặc Ô qua. Đánh tan giặc VT lạc vào rừng gặp lại KNN, 2 người sum vầy hạnh phúc.  **3. Đọc - hiểu đoạn trích: 15’**  1.Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần đầu của truyện.  2. Nội dung: LVT trên đường về thăm mẹ đánh tan bọn cướp cứu KNN, KNN cảm tạ tự nguyện gắn bó suốt đời với VT.  3. Nhân vật chính: LVT  4. Bố cục: 2 phần  + Từ đầu-> thân vong  + Phần còn lại.  + NT khắc hoạ nhân vật: Miêu tả hành động, cử chỉ lời nói … |

**\* Hoạt động luyện tập**

- Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về t/phẩm''Lục Vân tiên cứu Kiều Nguyệt Nga''

- HĐ cá nhân:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Đọc diễn cảm đoạn thơ ''Lục Vân tiên cứu Kiều Nguyệt Nga''?

? Truyện Lục Vân Tiên được kết cấu theo kiểu thông thường của các loại truyện truyền thống xưa như thế nào.?

? Cảm nhận của em về nhân vật Lục Vân Tiên?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng**(2’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Kể những tấm gương người tốt, việc tốt trong gia đình và bạn bèBước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức.

**Hoạt động 5: Mở rộng( ở nhà)** (1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Tìm đọc tác phẩm **Truyện Lục Vân Tiên** của Nguyễn Đình Chiểu và những bài viết liên quan đến tác phẩm.

GV gợi ý cách làm bài cho HS

\* Học bài

\* Chuẩn bị bài : Soạn bài tiếp theo hệ thống câu hỏi SGK :

+ Hình ảnh nhân vật Lục Vân Tiên sau khi đánh cướp

+ Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga

\* Rút kinh nghiệm :

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 39 LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

Ngày soạn: 5/10/2020 (Trích « Lục Vân Tiên » - Nguyễn Đình Chiểu)

Ngày dạy :

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Qua tiết dạy tiếp tục giúp học sinh :

- Biết được nội dung của đoạn trích : nhân vật, sự kiện, cốt truyện và nghệ thuật của đoạn trích.

- Hiểu được khát vọng vì nghĩa giúp dân, cứu người của tác giả và phẩm chất của 2 nhân vật chính là LVT và KNN.

- Vận dụng vào việc tìm hiểu truyện thơ Nôm với thể thơ lục bát truyền thống.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng đọc, phân tích cách kể và xây dựng nhân vật.

- Rèn kĩ năng sống yêu thương và sẵn sàng giúp đỡ, cưu mang những người có hoàn cảnh khó khăn.

- Rèn khả năng tư duy lô gích, tư duy phân tích.

**3. Thái độ:**  Giáo dục thái độ giúp người, cứu người trong hoàn cảnh khó khăn.

**4. Định hướng năng lực :**

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm.

**II. Chuẩn bị bài học:**

**1. Giáo viên:**

- Nghiên cứu SGV, SHS, soạn bài.

- Máy chiếu

**2. Học sinh:**

- Học bài cũ: Nắm được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu. Tóm tắt truyện Lục Vân Tiên.

- Chuẩn bị đoạn trích: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga theo hướng dẫn SHS.

**III. Tiến trình bài học:**

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

**Hoạt động 1: Khởi động(5p)**

- Mục tiêu:HS trình bày được cốt truyện “Lục Vân Tiên” bằng sơ đồ tư duy. Từ đó giúp cho các em nắm vững được các chi tiết của truyện.

- HĐ cá nhân:

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Hãy trình bày cốt truyện “Lục Vân Tiên” bằng sơ đồ tư duy

Bước 2,3: HS trình bày, nhận xét

Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới:

Ở tiết học trước các em đã tìm hiểu những nét khái quát về đoạn trích LVT cứu KNN. Để các em hiểu rõ hơn những nét đẹp của người anh hùng nghĩa hiệp của LVT và tình cảm của KNN. Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2: Hình thành kiến thức 30’)**  - Mục tiêu: HS thấy được vẻ đẹp của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.  Hình thức: Cá nhân  Bước 1: Giao nhiệm vụ:  Bước 2,3: H/sinh trình bày – Nhận xét.  Bước 4 : Gv nhận xét, chốt ý  ? Theo dõi phần một của văn bản, thuật lại sự việc đánh cướp của LVT.  ? Khi nhìn thấy bọn cướp LVT đã có lời nói như thế nào.  ? Lời nói này có ý nghĩa gì.  ? Cùng lời nói đó, LVT đã có hành động nào.  ? Nhận xét gì về hành động ấy.  ? Hành động nào diễn tả rõ nhất khí phách ở LVT.  ? Theo dõi chú thích (7) cho biết : Triệu Tử là ai ? Đương Dương là trận nào.  GV:Triệu Vân, tướng trẻ của Lưu Bị thời Tam Quốc, dũng cảm một mình phá vòng vây Tào để bảo vệ A Đẩu, con Lưu Bị. Vân Tiên cũng một mình dũng cảm phá tan vòng vây của bọn cướp để bảo vệ người lương thiện.  ? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở đây ? Vì sao tác giả lại so sánh như vậy  ? Cho biết, điểm nào trong tính cách của LVT được bộc lộ qua những lời nói và hành động nào của chàng  ? Kết quả cuộc đấu chống lại bọn cướp.  ? Suy nghĩ của em về kết quả ấy.  GV : Theo dõi phần 2 của đoạn trích.  ? Hãy tóm tắt cuộc trò chuyện giữa LVT và KNN.  - Sau khi đánh tan bọn cướp, LVT nghe tiếng khóc trong xe liền hỏi. KNN dãi bầy sự việc xin được đền ơn, VT gạt đi vì theo chàng : Làm ơn không mong trả ơn.  ? Sau khi đánh tan bọn cướp cứu KNN, VT có hành động nào.  ? Qua hành động đó, em thấy VT là người ntn ? Cái cười của chàng có ý nghĩa gì.  ? Tìm lời nói của VT đối với KNN.  ? Câu nói :  khoan.......traithể hiện điều gì.  ? Khi NN tỏ ý đền ơn chàng mời chàng về nhà chàng đã nói ntn.  ? Em hiểu câu nói đó ntn? Qua đó ta thấy VT là người ntn.  GV: Dường như đối với VT làm việc nghĩa là bổn phận, 1 lẽ tự nhiên, con người trọng nghĩa, khinh tài ấy không coi là công trạng. Đó là cách cư xử mang tư tưởng nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.  ? Dựa vào chú thích SGK cho biết nghĩa của hai câu:  Nhớ câu kiến ngãi bất vi  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng  ? Nhận xét gì về quan điểm mà LVT đưa ra.  GV: Quan niệm của VT cũng là quan niệm của ND:  Anh hùng tiếng đã gọi rằng  Giữa đường thấy sự bất bình mà tha.  Tất cả đều xuất phát từ câu nói của Mạnh Tử: Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã - Thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng.  ? Qua lời nói hành động của nhân vật, em thấy phẩm chất nổi bật nhất của LVT là gì.  **? Tìm hiểu nhân vật KNN**  ? Với KNN tác giả đã sử dụng chi tiết nào để khắc hoạ.  ? Những lời nói nào thể hiện tính cách của nàng. ? Đó là những nét tính cách nào.  ? Được VT cứu giúp nàng đã cảm tạ ntn. Hãy tìm những lời nói của nàng.  ? Nhận xét gì về cách xưng hô nói năng của nàng.  GV: Vừa đáp đầy đủ những điều thăm hỏi ân cần của VT vừa thể hiện chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình.  “ Trước xe quân tử….sẽ thưa”  ? Em thấy KNN là cô gái ntn.  ? Mặc dù đã đền ơn xong nàng vẫn băn khoăn điều gì.  ? Em thấy NN có những nét đẹp nào.  Sile 11 : Khái quát lại vẻ đẹp của KNN  GV : LVT và KNN đúng là một đôi trai tài gái sắc rất xứng đôi. Bởi thế sau này dù gặp bao cảnh éo le, nàng vẫn một mực trung thuỷ với LVT và họ đã được đền bù xứng đáng  **? Tổng kết :**  ? Hãy cho biết nghệ thuật xây dựng NV của NĐC trong đoạn trích ?  ? Về ngôn ngữ có nét đặc sắc nào.  ? ND của đoạn trích.  ? Đoạn trích thể hiện khát vọng nào của nhân dân . | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1.Nhân vật Lục Vân Tiên :**  + Lời nói :  - Kêu rằng : Bớ đảng hung đồ  Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân  -> Vạch rõ tội ác của bọn cướp, sẵn sàng tuyên chiến với chúng.  + Hành động :  - Bẻ cây làm gậy ......xông vô  -> Tay không, 1 mình, vũ khí là những hàng cây bên đường.  - Tả đột hữu xông  Khác nào Triệu Tử .......Đương Dương  -> Hình ảnh Vân Tiên trong trận đánh được miêu tả thật đẹp, sánh ngang với hình ảnh của dũng tướng Triệu Tử Long.  -> So sánh, điển cố -> Mưu trí quả cảm, sức mạnh vô địch, kiên quyết làm việc nghĩa bảo vệ lẽ phải. Con người vì nghĩa vong thân.  -> Là một thư sinh nhưng có khí phách của người anh hùng, coi trọng lẽ phải, căm ghét bất công, không sợ gian nguy dũng cảm cứu người lương thiện.  - Lâu la...............vỡ tan  Phong Lai....... thác dày thân vong.  -> Bọn cướp đã bị trừng trị đích đáng, làm người đọc thoả mãn.  + Hành động :  - Hỏi  ai than khóc ở trong xe này  - Vân Tiên nghe nói liền cười.  -> Quan tâm đến người bị nạn, vui vẻ, cởi mở, thân thiện nhằm xoá đi khoảng cách giữa chàng và người bị hại.  + Lời nói :  - khoan khoan.........phận trai.....  -> Thể hiện phép lịch sự, phép tắc của nho giáo xưa ( nam nữ thụ thụ bất thân).  - Làm ơn há dễ mong người trả ơn.  -> Giúp người khác nhưng không mong họ trả ơn.  -> Vô tư trong sáng trong việc cứu người và tấm lòng hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài.  - Nhớ câu kiến nghĩa bất vi  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng  -> Thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng.  -> Coi trọng khí phách của người anh hùng  => Một người anh hùng nghĩa hiệp, 1 hình ảnh đẹp, lí tưởng mà NĐC muốn gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình về trang anh hùng vì dân dẹp loạn.  **2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga :**  Được miêu tả qua lời nói :  - Thưa rằng : tôi KNN  ............  - Làm con đâu dám cãi cha,  Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành  -> Nghe lời cha mẹ, có hiếu.  - Trước xe quân tử tạm ngồi  Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa  Chút tôi liễu điễu đào tơ  .........................đền ân cho chàng  -> Xưng hô khiêm nhường : quân tử, tiện thiếp, nói năng văn vẻ dịu dàng, mực thước trình bày vấn đề rõ ràng, khúc chiết.  -> 1 cô gái khuê các, thuỳ mị, nết na, có học thức, trọng ân nghĩa.  - Gẫm câu báo đức thù công  Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.  -> Nàng áy náy, băn khoăn tìm cánh trả ơn, dù hiểu rằng có đền đáp đến mấy vẫn là chưa đủ.  => 1 cô gái trong trắng, chân thật, hiếu thảo, nết na, trọng nghĩa, rất mực đằm thắm.  **III. Tổng kết :**  **1. NT**:  - Khắc hoạ nhân vật qua hành động, cử chỉ, lời nói – là 1 truyện kể mang nhiều tính dân gian, gần với truyện cổ dân gian  - Ngôn ngữ mộc mạc bình dị, gần với lời nói thông thường mang màu sắc địa phương Nam bộ, ngôn ngữ đa dạng phù hợp với diễn biến tình tiết.  **2. ND:**  Chân dung hai nhân vật chính của TP đó là những con người trọng nghĩa khinh tài. Thể hiện mong ước của nhân dân mong con người tài đức dám ra tay cứu nạn, cứu đời. |

**Hoạt động 3: Luyện tập (5’)**

**- Mục tiêu :** Từ việc tìm hiểu đoạn trích, hs cảm nhận được vẻ đẹp của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

+ Rèn kĩ năng tư duy tích cực cho HS

- HĐ cá nhân

Bước 1 : GV nêu nhiệm vụ

? Suy nghĩ của em về nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

Bước 2,3 : HS suy nghĩ, trình bày, nhận xét

Bước 4 : GV nhận xét, chốt kiến thức

**Hoạt động 4-5 : Vận dụng, mở rộng.( ở nhà) (1’)**

**- Mục tiêu :** Qua việc học hai tác phẩm Truyện Kiều và Lục Vân Tiên, Hs cảm nhận được cái hay và sự tài tình trong việc sử dụng từ ngữ của Nguyễn Du và Nguyễn Đình Chiểu. Từ đó các em học cách sử dụng từ ngữ trong khi nói và viết.

Bước 1 : GV nêu nhiệm vụ :

? So sánh ngôn ngữ của Nguyễn Đình Chiểu trong Lục Vân Tiên và ngôn ngữ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều.

? Kể những tấm gương người tốt, việc tốt .

GV gợi ý cách làm bài cho HS

\* Học bài

\* Chuẩn bị bài : Miêu tả nội tâm trong văn Tự sự (Đọc vd và trả lời các câu hỏi)

\* Rút kinh nghiệm :

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tuần 8: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO**

Ngày soạn: 5/10/20…. **PHỤ NỮ XƯA VÀ NAY**

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu**

1. Kiến thức:

- HS hiểu được về cuộc sống, về những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt; so sánh để thấy được nét đặc trưng của người phụ nữ ngày nay và phụ nữ thời xưa.

2. Kĩ năng: HS có kĩ năng tổ chức được buổi triển lãm có kết hợp với thuyết trình theo chủ đề: Nét đẹp của phụ nữ xưa và nay.

- HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.

- HS biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

**II. Chuẩn bị**

1. GV: - Thời gian thực hiện: - Thời gian : Sau bài 9, GV giao nhiệm vụ cho HS .

- Thiết bị : SGK, sách TNST, đồ dùng, máy chiếu, máy tính, thiết kế giáo án…

- Hình thức hoạt động : Làm việc theo nhóm từ 6-8 hs.

2.HS: SGK, sách TNST, đồ dùng,chuẩn bị bài…

**III . Tiến trình lên lớp**

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm** | **1. HS nhận nhiệm vụ**  - Mỗi nhóm từ 6-8 học sinh , HS tự bầu nhóm trưởng.  - Nhiệm vụ cụ thể theo từng nhóm :  + N1: Tìm hiểu vẻ đẹp và thân phận ngườiphụ nữ trong xã hội phong kiến.  + N2: Đánh giá vị thế, vai trò của phụ nữ trong xã hội ngày nay.  + N3: Suy nghĩ về chuẩn mực của phụ nữ hiện đại.  + N4: Đánh giá những điều tốt đẹp và chưa tốt đẹp của xã hội ngày nay đối với phụ nữ. |
| **Định hướng học sinh tìm kiếm thông tin**  - Gîi ý häc sinh t×m kiÕm th«ng tin, ®Æt ra mét sè c©u hái pháng vÊn. | 2. **Tìm kiếm thông tin**  - HS tìm kiếm thu thập thông tin theo chủ đề của nhóm mình :  **+** Thông tin từ sách giáo khoa Ngữ văn 9 tập 1 và SGK Ngữ văn 7  +Thông tin từ các nguồn khác: Trên Internet,báo chí, truyền hình những hình ảnh, video.  + Phỏng vấn một số nhân vật nữ thành công trong sự nghiệp ( người tốt việc tốt), HS nữ có nhiều thành tích tiêu biểu. |
| **Hướng dẫn các nhóm xử lí thông tin**  + Kiểm tra nôI dung tìm kiếm và phỏng vấn của các nhóm.  + Hướng dẫn các nhóm xử lí thông tin .  **+** Định hướng cấu trúc bài thuyết trình cho từng nhóm.  **Hỗ trợ học sinh xây dựng ý tưởng cho buổi triển lãm.**  - Họp các nhóm để thống nhất ý tưởng chung cho buổi triển lãm. phân công nhiệm vụ cho mỗi nhóm.  - Điều chỉnh, góp ý cho các nhóm.  - Yêu cầu nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.  - Yêu cầu nhóm trưởng tập hợp sản phẩm của các thành viên trong nhóm. | **3. Xö lÝ th«ng tin**  - Nhóm trưởng yêu cầu các thành viên trong nhóm trình bày kết quả tìm kiếm được theo sự phân công.  - Cả nhóm thống nhất lựa chọn thông tin để xây dựng cấu trúc của bài viết.  **4. Xây dựng ý tưởng cho buổi triển lãm.**  - Cả nhom trao đổi thảo luận thống nhất ý tưởng.  - Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên.  - Các thành viên thực hiện nhiệm vụ được phân công.  - Tập hợp lại sản phẩm của tất cả các thành vien, sắp xếp , bố trí theo không gian triển lãm. |

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**Chủ đề: Phụ nữ xưa và nay**

( Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:………Ngày đọc……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Cụm từ khóa** | **Nội dung đọc liên quan đến cụm từ khóa** |
| Người phụ nữ trong tác phẩm văn học trung đại |  |
| Phụ nữ thời phong kiến |  |
| Phụ nữ trong xã hội hiện đại |  |
| Chuẩn mực người phụ nữ thời hiện đại |  |
| Cách cư xử của người phụ nữ hiện đại |  |
| Chân dung người phụ nữ thành đạt |  |
| Bình đẳng giới |  |

\* Rút kinh nghiệm :

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 40 MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

Ngày soạn: 5/10/20

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức: Qua tiết dạy giúp HS:

- Biết được vai trò của việc miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình khi kể chuyện.

- Hiểu được trong văn tự sự có yếu tố miêu tả nội tâm thì bài viết sẽ hay, gây xúc động.

- Vận dụng vào làm văn tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm.

2. Kĩ năng:

- Rèn luyện năng lực kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm khi viết bài văn tự sự.

- Rèn luyện tư duy phân tích, đánh giá, tổng hợp.

3. Thái độ: Học sinh có ý thức, thái độ học tập đúng đắn, nghiêm túc.

4. Định hướng năng lực**:**

- Năng lực giao tiếp : Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực thảo luận nhóm.

**II. Chuẩn bị bài học :**

1. GV:

- Nghiên cứu SGV, SHS, tài liệu tham khảo.

- Bảng phụ.

2. HS:

- Học bài cũ : Miêu tả trong văn bản tự sự.

- Tìm hiểu bài theo hướng dẫn SHS : Đọc kĩ nội dung và trả lời các câu hỏi.

**III. Tiến trình bài học :**

1.Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

**Hoạt động 1: Khởi động**(5p)

Hình thức: Cá nhân

Bước 1: Giao nhiệm vụ.

? GV cung cấp một số hình ảnh qua máy chiếu ( bức tranh vẽ minh họa nàng Kiều và cảnh thiên nhiên) và yêu cầu HS miêu tả ngoại hình nàng Kiều, miêu tả cảnh thiên nhiên -> dẫn dắt vào bài

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức – kĩ năng mới. (25’)**  - Mục tiêu:  + HS thấy được vai trò của việc miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình khi kể chuyện.  + Hiểu được trong văn tự sự có yếu tố miêu tả nội tâm thì bài viết sẽ hay, gây xúc động. Từ đó HS vận dụng vào làm văn tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm.  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình  - HĐ ca nhân:  HS tìm hiểu VD 1  B1: GV giao nhiệm vụ  ? Tìm những câu thơ miêu tả cảnh vật và tả tâm trạng của nàng Kiều?  ? Những câu thơ tả cảnh trong bài có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm của nhân vật ?  ? Tâm trạng của Kiều được thể hiện ntn qua các câu thơ trên?  ? Làm thế nào để ta nhận biết được tâm trạng này của Kiều ?  Bước 2,3 : HS suy nghĩ, trình bày, nhận xét  Bước 4 : GV nhận xét, chốt kiến thức  ? Qua tìm hiểu vd, em hiểu thế nào là miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ?  ? Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào với việc khắc họa nhân vật trong văn bản tự sự ?  **? HS tìm hiểuVD 2:**  HĐ cá nhân:  B1: GV giao nhiệm vụ  ? Tìm chi tiết miêu tả ?  ? Em hãy cho biết chi tiết đó tả gì.?  ? Qua đó có thể hiện nội tâm không. Nếu có đó là tâm trạng gì. ?  Bước 2,3 : HS suy nghĩ, trình bày, nhận xét  Bước 4 : GV nhận xét, chốt kiến thức  - HS trình bày -> NX, bổ sung  ? Qua 2 ví dụ, em thấy có những cách nào để miêu tả nội tâm nhân vật?  **Hoạt động 3: Luyện tập**  - Mục tiêu : HS củng cố, khắc sâu kiến thức bài học về Miêu tả nội tâm trong văn Tự sự  + Rèn kĩ năng tư duy tích cực cho HS  - HĐ cá nhân:  - Bước 1: Giao nhiệm vụ.  ? Gv yêu cầu HS khái quát kiến thức bài học qua lược đồ tư duy  - Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  - Bước 4 : Gv chuẩn kiến thức.  ? Đọc bài 1 (SGK)  - GV hướng dẫn  - Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  - Bước 4: GV nhận xét  Bài tập 2: Hình thức cá nhân  - Bước 1: Giao nhiệm vụ.  ? Đọc bài 2 (SGK)  - GV hướng dẫn  (SGK) GV hướng dẫn  + Kể chuyện xảy ra với bạn  + Tâm trạng của em về chuyện xảy ra đó, suy nghĩ của em ntn  VD: Nhất định phải nói chuyện với bạn, xin lỗi bạn thì mới yên tâm được.  - Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  - Bước 4 : Gv chuẩn kiến thức.  ? Viết đoạn văn miêu tả tâm trạng của em khi làm việc có lỗi với bạn?  - HS viết và trình bày  - Bước 2,3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.  - Bước 4 : Gv chuẩn kiến thức. | **I. Tìm hiểu yếu tố nội tâm trong văn bản tự sự**  **1.Xét ví dụ/ sgk**  **a. VD1** : Đoạn trích ''Kiều ở lầu Ngưng Bích''  - Các câu tả cảnh : + Bốn câu đầu...  + Tám câu cuối...  - Các câu tả tâm trạng : + 8 câu giữa...  - Những câu thơ tả cảnh đề thể hiện rõ tâm trạng của Kiều.  -> Tâm trạng cô đơn, buồn tủi, nỗi nhớ thương người yêu và cha mẹ của Thúy Kiều.  - >Những nét tâm trạng này không quan sát được từ bên ngoài mà người viết phải miêu tả nội tâm nhân vật bằng cách tái hiện ý nghĩ, cảm xúc tâm trạng nhân vật  **=>** Miêu tả nội tâm nhằm tái hiện lại những cảm xúc, tâm trạng của nhân vật  -> Có tác dụng lớn trong việc khắc họa đặc điểm, tính cách nhân vật làm cho nhân vật sinh động.  **\* Ghi nhớ**  **b. Ví dụ 2** :  Đoạn văn trong ''Lão Hạc'' của Nam Cao.  - Chi tiết : mặt co rúm, những vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu nghẹo về một bên miệng móm mém, mếu...  -> Miêu tả nét mặt của Lão Hạc  => Nội tâm đau đớn, buồn bã, xót xa của Lão Hạc khi bán chó.  - Miêu tả cảnh, nét mặt, cử chỉ... để thể hiện nội tâm  -> Miêu tả nội tâm gián tiếp  - Diễn tả trực tiếp ý nghĩ ,cảm xúc của nhân vật  -> Miêu tả nội tâm trực tiếp  **\*ghi nhớ**  **2. Ghi nhớ** ( SGK/117 )  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/117 )  - Chú ý miêu tả trực tiếp suy nghĩ khi Kiều nghĩ về duyện mình và cảnh nhà  - Miêu tả gián tiếp qua cử chỉ nét mặt ''Thềm hoa...'', ''Nét buồn...''  - Kể ngôi thứ 3 .  **Bài tập 2** ( SGK/117 )  + Kể ngôi thứ nhất xưng tôi  + Chú ý dẫn lời dẫn ý nhân vật khác  + Tái hiện tâm trạng Kiều lúc gặp Hoạn Thư  **Bài tập 3** ( SGK/117 ) |

**Hoạt động 4: Vận dụng, mở rộng ( ở nhà)**(2’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Viết đoạn văn miêu tả tâm trạng của mẹ khi biết em làm được một việc tốt .

? Tìm đọc thêm những tác phẩm văn học có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật

GV gợi ý cách làm bài cho HS

\* Học thuộc ghi nhớ. Hoàn chỉnh các bài tập

- Soạn bài :Chương trình địa phương phần văn

+Tìm hiểu văn học Ninh Bình từ 1975 đến nay

+Tìm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu

\* Rút kinh nghiệm :

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tuần 9**

**Tiết 41 NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG: CHỢ CÁT**

Ngày soạn: 10/10/20… **(Bình Nguyên)**

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt.**

1. Kiến thức :

- Giúp học sinh hình dung được phiên chợ quê của địa phương Ninh bình nói riêng và đồng bằng Bằc bộ nói chung.

- Hiểu được tình người sâu sắc của vùng quê nghèo, vất vả, lam lũ.

- Nắm được nét đặc săc về nghệ thuật của bài thơ.

2. Kĩ năng : Rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm, bước đầu biết cảm nhận bài thơ chợ cát

3. Thái độ : Giáo dục tư tưởng nhân văn, tinh thần tự hào về văn hoá địa phương.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

- Năng lực tự nghiên cứu, hợp tác

**II. Chuẩn bị:**

1.Thày: Nghiên cứu soạn bài, ảnh tác giả.

2. Trò: Đọc bài thơ và chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp.

* Ổn định trật tự
* Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ.

**HĐ1: Khởi động**(3’)

**Mục tiêu:** Giúp hs nhớ lại 1 số tp đã đc học và nghe về VH NT của NB.

Kĩ năng: thu thập thông tin, trình bày, hợp tác.

Thái độ: Tích cực trong hoạt động học..

HĐ cá nhân

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập cho hs.

? Em hãy kể tên 1 tác phẩm NT nói về NB hoặc tp của người NB sáng tác.

B2: HS tự chủ tìm hiểu giải quyết vấn đề

B3: GV điều khiển hs trao đổi, nhận xét, đánh giá.

B4: GV nhận xét, đánh giá chốt vấn đề.

Dự kiến sp: Bài hát : NB quê mẹ.

Thơ: Bà tôi của Kao Sơn (văn 8)

GV: VHNB tự hào là 1 trong những nền văn học địa phương ra đời sớm nhất. Cho đến nay VHNB đã có bề dày truyền thống 1000 năm tuổi. Quê hương Ninh Bình, một mảnh đất có truyền thống về văn hoá, nhiều nhà văn, nhà thơ được biết đến tên tuổi với những sáng tác đặc sắc đã góp phần tạo nên nét đẹp văn hoá của quê hương. Một trong số các nhà thơ được biết đến đó là: Nhà thơ Bình Nguyên với bài thơ: Chợ Cát.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**(30’)  \* Mục tiêu:  + HS nắm được một số nét chủ yếu về cuộc đời sự nghiệp của t/giả Bình nguyên  +Hiểu được tác phẩm, đặc điểm, thể loại  -Hình thức: hoạt động cá nhân, HĐ nhóm.  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  Bước 1: GV yêu cầu học sinh trình bày những hiểu biết của mình về tác giả Bình Nguyên?  Bước 2: Học sinh theo dõi SGK mục chú thích  Bước 3: Học sinh trình bày hiểu biết về tác giả, học sinh khác bổ sung  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại ý chính  - GV hướng dẫn học sinh tđọc văn bản: Đọc chậm, thiết tha, tình cảm  Sau đó GV đọc mẫu  **? Xác định thể thơ, giọng điệu, nội dung**  - Hình thức: hoạt động nhóm  Bước 1: GV nêu câu hỏi, yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm. Mỗi nhóm một bàn  ? Bài thơ được viết dưới hình thức thể thơ nào?  ? Em có nhận xét ntn về giọng điệu và cách ngắt nhịp của bài thơ?  ? Bài thơ viết về điều gì?  Bước 2: Học sinh thảo luận theo nhóm  Bước 3: học sinh các nhóm trình kết quả, nhóm khác bổ sung  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại  **GV hướng dẫn tìm hiểu văn bản:**  \* Mục tiêu: + Hiểu được tình người sâu sắc của vùng quê nghèo, vất vả, lam lũ.  + Nắm được nét đặc săc về nghệ thuật của bài thơ.  - Hình thức: hoạt động nhóm( theo cặp đôi)  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  Bước 1: GV nêu yêu cầu thảo luận qua các câu hỏi:  ? Có nhiều ý kiến cho rằng: Thơ Bình Nguyên nhiều tình nhân ái, nhiều nỗi niềm thân phận..Theo em, những ý kiến đó có đúng với bài thơ Chợ cát không?  ? Chợ Cát được giới thiệu qua những chi tiết, hình ảnh nào? Từ đó giúp em hiểu gì về sự tồn tại của chợ cát?  ? Hình ảnh những người dân quê được nói đến qua những từ ngữ, hình ảnh nào?  ? Qua những hình ảnh đó, giúp em cảm nhận gì về cuộc sống và thân phận của những người dân quê nơi đây?  ? Những mặt hàng của phiên chợ được nói đến là gì?  ? Tình cảm, cách ứng xử của con người trong phiên chợ đối với như thế nào?  ? Hình ảnh những người dân quê bán hàng được miêu tả như thế nào?  ? Tác giả sử dụng nghệ thuật gì trong câu thơ: Răng đen ngồi cạnh bên người tóc mun? Việc sử dụng biện pháp nghệ thuật đó đem lại hiệu quả gì?  Bước 2: H/S: Trao đổi, thảo luận.  Bước 3: học sinh trình bày, các nhóm khác bổ sung  Bước 4: GV đánh giá, nhận xét, bổ sung cho các nhóm. Chốt lại kiến thức  **Hướng dẫn tìm hiểu hai câu cuối**  - Hình thức: hoạt động nhóm  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  Bước 1: GV yêu cầu học sinh đọc thầm 2 câu thơ cuối, sau đó thảo luận nội dung:  Hãy nêu cảm nhận của em về hai câu thơ đó?  Bước 2: Học sinh thảo luận  Bước 3: H/S: Trình bày kết quả, bổ sung cho nhau  Bước 4: GV:Nhận xét, đánh giá hoạt động của học sinh, bổ xung, chốt lại  **GV hướng dẫn tổng kết**  \* Mục tiêu: - Nắm được nét đặc săc về nghệ thuật và giá trị của bài thơ.  - Hình thức: hoạt động ca nhân  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  Bước 1: GV học sinh khái quát về nghệ thuật và nội dung bài thơ qua câu hỏi  ? Bài thơ có những đặc sắc gì về nghệ thuật  ? Viết về phiên chợ cát, nhà thơ muốn thể hiện điều gì?  Bước 2: học sinh thảo luận theo bàn  Bước 3: các nhóm trình bày kết quả, bổ sung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  Tên thật là Nguyễn Đăng Hào, sinh năm 1959 tại Ninh Phúc - Ninh Bình.  Hiện là chủ tich hội văn học nghệ thuật Ninh Bình, hội viên hội nhà văn Việt nam.  - Đoạt nhiều giải thưởng của trung ương và địa phương.  - Những tác phẩm chính : Hoa thảo mộc Trăng đợi, đi về nơi không chữ.  **2. Tác phẩm**  **-** Đọc  **-** Thể thơ lục bát  - Giọng điệu: như lời giái báy, lời kể, lời tâm sự của tác giả  - Ngắt nhịp: cả bài thơ có một dấu chấm ở dọng thơ cuối cùng, tạo nên kiểu câu thơ vắt dòng  - Nội dung: Bài thơ viết về một phiên chợ thuộc huyện Khánh Trung, huyện Yên Khánh- Ninh Bình.  **II. Tìm hiểu chi tiết:**  **1 Tình nhân ái, nỗi niềm về thân phận con người :**  - Chợ cát bao đời tồn tại, gắn bó với cuộc sống nhọc nhằn lam lũ của người dân Khánh Trung bởi “sương gió nắng mưa”.  - Chợ cát vẫn là những nét riêng biệt, độc đáo với: bao nhiêu cái phận mỏng tang, và bấy nhiêu cái vội cái vàng trao nhau trong phiên chợ.  -> Thân phận của kẻ mua, người bán là những mảnh đời vất vả, lam lũ, nhọc nhằn, nghèo khó  - Chợ cát với những sản vật quê mùa, với tác giả đó mới chính là thứ vàng mười quí giá vì đó là mồ hôi, công sức lao động được đánh đổi bằng nỗi vất vả, nhọc nhằn.  - Kẻ trước, người sau ngọt lời  -> Con người nơi đây từ già đến trẻ đều thuần hậu, chất phác họ trân trọng những tình cảm ngọt lành, chân chất, trân trọng sức lao động của mình và của người.  - Răng đen ngồi cạnh bên người tóc mun  -> Hình ảnh hoán dụ: gọi lên hình ảnh những người dân quê mang vẻ đẹp, thuần hậu mặn mà.  **2. Cảm nhận về hai câu thơ cuối :**  - Sử dụng phép so sánh -> Cuộc sống là sự chắt chiu, là sự nâng niu trân trọngnhững giá trị vật chất vô cùng nhỏ bé.  - Hai chữ run run tả cử chỉ khi cầm đồng xu còn lấm láp vị bùn đất, in nguyên nỗi vất vả, cực nhọc của người làm ra sản vật để đổi lấy đồng tiền.  Đằng sau cái run run ấy là sự xúc động đến nghẹn lời của tác giả khi nghĩ đến sự vất vả của những người dân lao động nơi đây.  **III.Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ lục bát, dùng từ sáng tạo, so sánh đặc sắc.  - Cấu trúc có một dấu chấm câu ở dòng cuối cùng. Lời thơ như lời kể, lời giãi bày tâm sự của tác giả  **2. Nội dung:**  - Bài thơ viết về một phiên chợ quê, gợi ra nỗi vất vả nhọc nhằn của những người dân quê Ninh Bình. Từ đó thể hiện tình người sâu sắc của một vùng quê nghèo. |

**Hoạt động 3-4: Luyện tập, vận dụng.** (6’)

- Mục tiêu:+ Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về t/phẩm''Chợ Cát”

+ Rèn kĩ năng tư duy tích cực cho HS

- HĐ cá nhân:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Đọc diễn cảm bài thơ.

? Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về bài thơ

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, các học sinh khác nhận xét, bổ sung

Bước 4; GV nhận xét, đánh giá, cho điểm, sửa chữa

**Hoạt động 5: Mở rộng**(1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

- GV giao cho học sinh về nhà sưu tầm những sáng tác thơ văn của các tác giả địa phương Ninh bình, viết về ninh bình

- Đọc thuộc bài thơ..

- S­u tÇm tiÕp nh÷ng t¸c phÈm v¨n häc NB cña c¸c t¸c gi¶ ng­êi NB.

GV gợi ý cách làm bài cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: NVĐP: Từ ngữ ở địa phương Ninh Bình.

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

**Tiết 42NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG**

**TỪ NGỮ Ở ĐỊA PHƯƠNG NINH BÌNH**

Ngày soạn: 10/10/20...

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức: Hiểu và nhận diện được từ ngữ địa phương Ninh Bình qua các văn bản, từ đó thấy được sự phong phú của lớp từ này trong tiếng địa phương Ninh Bình.

2. Kỹ năng :

- Biết phân biệt từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân.

- Có ý thức sử dụng từ ngữ địa phương, phát hiện và sửa lỗi dùng từ địa phương

không hợp lí trong văn bản.

3. Thái độ:

- Biết cách sử dụng hợp lí từ địa phương, góp phần giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt, làm cho tiếng địa phương phát triển đúng định hướng của ngôn ngữ văn hoá.

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực học nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực sử dụng CNTT: Mạng Internet khai thác tư liệu, hình ảnh…

**II. ChuÈn bÞ**

Giáo viên:Thiết kế bài dạy, b¶ng phô

Học sinh:Soạn bài theo câu hỏi SGK và theo yêu cầu của GV

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp.

* Ổn định trật tự
* Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ.

**HĐ1: Khởi động**(5’)

\* Mục tiêu:Tạo tình huống có vấn đề để dẫn dắt vào bài học.

- Hình thức: Hoạt động nhóm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập cho hs.

? Theo dõi đoạn đối thoại sau( Trên MC)

Lan: cậu đi học phề mấy giờ?

Mai: Tớ phề lúc 5 giờ.

Lan : Cậu đi cùng ai vậy ?

Mai : Tớ đi cùng Lam.

? Đoạn đối thoại trên có sử dụng từ địa phương ở đâu ? tìm từ ngữ đó ?

B2: HS tự chủ tìm hiểu giải quyết vấn đề

B3: GV điều khiển hs trao đổi, nhận xét, đánh giá.

B4: GV nhận xét, đánh giá chốt vấn đề.

Đáp án :

- từ Phề, Lam ( thực tế bạn ấy tên Nam)

-> tiếng địa phương Khánh Thiện, Yên Khánh .

HS trình bày xong, thiếu hoặc chưa sâu, chưa rõ ràng. GV dẫn dắt vào bài: Trên đây là cách nói, cách viết sai theo tiếng địa phương. Còn bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về những từ ngữ ở địa phương Ninh Bình

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**(28’)  \* Mục tiêu: HS sưu tầm từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động, nghề nghiệp… ở nơi mình đang sinh sống hoặc ở địa phương khác.  - Hình thức: thảo luận nhóm  B1:  Chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV chia lớp thành 4 nhóm học tập hướng dẫn các nhóm nghiên cứu câu hỏi để tìm câu trả lời. ( 15’)  ? Tìm các từ ngữ chỉ sự vật hiện tượng có ở Ninh Bình mà không có ở địa phương khác?  B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát HS các nhóm hoạt động, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.  B3: Đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  HS các nhóm nhận xét, đánh giá.  B4: Đánh giá kết quả hoạt động  GV: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm  GV hướng dẫn HS tìm các từ địa phương Ninh Bình có nghĩa tương đương với các từ toàn dân:  - Thời gian : 15 phút ( vừa thảo luận vừa trình bày, giải thích.)  - Hình thức: thảo luận nhóm  - GV chia lớp thành 4 nhóm học tập hướng dẫn các nhóm nghiên cứu câu hỏi để tìm câu trả lời.  B1:  Chuyển giao nhiệm vụ học tập  ? Tìm các từ địa phương Ninh Bình có nghĩa tương đương với các từ toàn dân:  B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát HS các nhóm hoạt động, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.  B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - GV gọi HS đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  HS các nhóm nhận xét, đánh giá.  B4: Đánh giá kết quả hoạt động  GV chiếu đáp án, GV nhận xét, đánh giá  GV chốt kiến thức toàn bài: Từ ngữ địa phương Ninh Bình có những đặc điểm riêng so với từ ngữ toàn dân, nó tạo ra lớp từ đồng nghĩa với từ toàn dân, bổ sung và làm phong phú thêm cho từ toàn dân. Về mặt ngữ âm, từ địa phương có sự biến đổi đáng kể so với từ toàn dân ( âm đầu, vần, thanh điệu…) | **I. Sưu tầm từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động, nghề nghiệp… ở nơi mình đang sinh sống hoặc ở địa phương khác.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | stt | Nhóm từ ngữ | Từ ngữ toàn dân | Từ ngữ Ninh Bình | | 1 | Từ ngữ chỉ danh thắng | Bến đò Độc Bộ | Đò Lục Bộ | | 2 | Từ ngữ chỉ dụng cụ sinh hoạt và lao động | - Cái muôi  - cào lúa  - cái quang | - Cái môi  - bàn tang  - cái gióng. | | 3 | Từ ngữ chỉ nghề nghiệp |  |  | | 4 | Từ ngữ để thưa, gửi, hỏi, đáp | Nhiều | ứa |   **II. Tìm các từ địa phương Ninh Bình có nghĩa tương đương với các từ toàn dân:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | stt | Từ ngữ toàn dân | Từ ngữ Ninh Bình | | 1 | Quả trứng gà (cây) | Quả hồng trứng gà | | 2 | Nấu cơm | Thổi cơm | | 3 | Hái ( quả) | Bất | | 4 | Xe cải tiến | Xe cải tiến | | 5 | Quả roi | Quả bồng bồng | | 6 | Quả bưởi | Quả bòng | | 7 | Mẹ | Mợ, bu | | 8 | Cái cào | Cái cào | | 9 | Cá quả | Cá chuối | |

**Hoạt động 3: Luyện tập** ( 10 phút)

\*Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của bài, vận dụng làm bài tập

HT: Hoạt động cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Tìm trong từ ngữ Ninh Bình các từ giống về nghĩa nhưng khác về âm.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức.

**Hoạt động 4-5: Vận dụng, mở rộng**(2’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Làm bài tập sau: Tìm trong từ ngữ Ninh Bình các từ cùng âm với từ toàn dân nhưng khác nghĩa.

? Em hãy tìm một số câu thơ, câu văn, lời hát về Ninh Bình có sử dụng từ ngữ địa phương.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Tổng kết về từ vựng

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

**Tiết 43-44 TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

Ngày soạn: 10/10/2018 **( Từ đơn ... trường từ vựng)**

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức: HS nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 – 8 ( Từ đơn, từ phức, thành ngữ, nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ, Từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát nghĩa của từ, trường từ vựng )

2. Kĩ năng: HS biết cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc - hiểu văn bản và tạo lập văn bản.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập và yêu quý Tiếng Việt.

4. Định hướng năng lực, phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

-HS tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị:**

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu .

- Dự kiến phương án tích hợp: Tích hợp với TV lớp 6 -8

2. Trò: Đọc và trả lời các câu hỏi SGK

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp.

* Ổn định trật tự
* Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ.

**HĐ1: Khởi động**(5’)

\* Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức bài trước và tạo tâm thế đón nhận bài mới

- Hình thức: Hoạt động nhóm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập cho hs.

**? GV tổ chức cho HS trò chơi tiếp sức giữa các đội : tìm từ và các thành ngữ cho các chủ đề cho trước.**

Bước 2,3: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ: Sau 30 giây học sinh phải trả lời. Đội nào xung phong trả lời nhanh và đúng nhiều câu đội đó sẽ chiến thắng. Phần thưởng là tràng pháo tay chúc mừng.

Bước 4: Hs trình bày xong, thiếu hoặc chưa sâu giáo viên bổ sung và dẫn dắt vào bài.

**HĐ hình thành kiến thức**(30’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nôi dung cần đạt** |
| \* Mục tiêu: Giúp HS nắm được khái niệm, đặc điểm, cấu tạo của từ loại? HS lấy ví dụ  \* HĐ cá nhân:  - B1: GV giao nhiệm vụ  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức  ? Nhắc lại khái niệm từ đơn và từ phức  ? Có mấy loại từ phức? Cho ví dụ mỗi loại.  ?Trong các từ sau từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy?  ? Từ láy nào có nghĩa giảm nhẹ. Từ láy nào có sự tăng nghĩa so với nghĩa của yếu tố gốc?  GV: Hướng dẫn HS làm bài tập 2,3 sgk/ 122, 123  ? Nhắc lại khái niệm thành ngữ  ? Giải thích nghĩa các thành ngữ, tục ngữ trong sgk ?  ? Tìm thành ngữ có yếu tố chỉ động vật. Sau đó giải thích và đặt câu với mỗi thành ngữ đó?  ? Tìm thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật. Sau đó giải thích và đặt câu với các thành ngữ đó?  ? Thế nào là nghĩa của từ?  ? Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau?  GV : Hướng dẫn HS làm các bài tập 2, 3 sgk  ? Thế nào là từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ?  **- Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đô**i  ? Từ ''hoa'' trong ''thềm hoa'', ''lệ hoa'' được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?  ? Có thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa không. Vì sao?  ? Hướng dẫn học sinh làm bài tập 2 sách giáo khoa  - B2: HS thực hiện nhiệm vụ.  - B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.  - B4: GV chốt kiến thức  **Tiết 2:**  KTBC: Đọc 5 thành ngữ? Đặt câu với mỗi thành ngữ trên.  HS nhận xét  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  ? Thế nào là từ đồng âm? Cho VD.  ? Giải thích nghĩa của từ: Lá, đường.  ? Thế nào là từ đồng nghĩa? Cho ví dụ  ? HS làm bài tập trên MC  ? Từ trái nghĩa là gì? Cho VD  ? Thế nào là cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ? Cho ví dụ.  ? HS làm bài tập trên MC  ? Thế nào là trường từ vựng? Cho VD | **I. Từ đơn và từ phức**  1. Khái niệm  Từ tiếng Việt :Từ đơn ( từ có 1 tiếng. từ phức ( Gồm 2 hoặc nhiều tiếng.  - Từ phức: Từ láy ( Gồm những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng. - Từ ghép ( Gồm những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  2. Các loại từ phức   |  |  | | --- | --- | | Từ ghép | Từ láy | | Ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọt bèo, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn | Nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh |   3. Từ láy  - Từ láy giảm nghĩa : trăng trắng, đèm đẹp, nho nhỏ, lành lạnh, xôm xốp  - Từ láy tăng nghĩa : Sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô  **II. Thành ngữ**  1. Khái niệm thành ngữ  a: hoàn cảnh, môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách, đạo đức con người .  -b: Làm việc không đến nơi đến chốn, thiếu trách nhiệm.  - c: Cách giữ gìn thức ăn với chó, mèo .  - d: Tham lam.  - e: Sự thương cảm giả dối .  3.Tìm thành ngữ.  Có yếu tố chỉ động vật Có yếu tố chỉ thực vật  - Như chó với mèo - Bãi bể nương dâu - Đầu voi đuôi chuột -Bèo dạt mây trôi.  - Như hổ về rừng - Cắn rơm cắn cỏ  - Miệng hùm gan sứa- Cây cao bóng cả  - Vuốt râu hùm - Cây nhà lá vườn  **III. Nghĩa của từ**  **1.Khái niệm .**  - Là nội dung ( sự vật tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị.  **2. Cách hiểu đúng : Cách** a  - Cách b chưa hợp lí  - Cách c có sự nhầm lẫn giữa nghĩa gốc (a) và nghĩa chuyển.  - Cách d sai vì mẹ và bà có cùng chung nét nghĩa là người phụ nữ.  **IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.**  **1.Khái niệm .**  Từ có thể có 1 nghĩa hay nhiều nghĩa  + Từ 1 nghĩa: xe đạp, máy nổ...  + Từ nhiều nghĩa: Chân, mũi, xuân...  - Hiện tượng chuyển nghĩa của từ: là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa.  Trong từ nhiều nghĩa có :  + Nghĩa gốc-> là nghĩa xuất hiện từ đầu làm cơ sở hình thành các nghĩa khác.  + Nghĩa chuyển: là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.  \*Từ “hoa “ trong “thềm hoa “.”lệ hoa “được dùng theo nghĩa chuyển .  \*Đây không thể coi là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa vì chỉ là nghĩa chuyển lâm thời, chưa làm thay đổi nghĩa của từ, chưa thể đưa vào từ điển .  **V. Từ đồng âm**  **1.Khái niệm** :  **2.** a) Từ lá: Hiện tượng từ nhiều nghĩa  - Lá phổi : Nghĩa chuyển của từ : lá trong : lá xa cành  b)Từ : đường : Đồng âm vì 2 từ này có vỏ âm thanh giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau.  - Đường 1: Danh từ : con đường .  - Đường 2: Danh từ : Chất giọng.  **VI. Từ đồng nghĩa** .  **1.Khái niệm**.  2. Chọn cách hiểu đúng :  a- Không đúng vì đồng nghĩa là hiện tượng chung của tất cả các ngôn ngữ trên thế giới.  b- Không đúng vì đồng nghĩa có thể là quan hệ giữa hai, ba hoặc nhiều hơn ba từ.  c- Đúng vì các từ đồng nghĩa với nhau có thể không thay thế được cho nhau trong nhiều trường hợp sử dụng.  VD: Nhóm từ: chết, từ trần, hi sinh, quy tiên, khuất núi, băng hà, viên tịch, bỏ mạng…không thể thay thế cho nhau được trong nhiều trường hợp sử dụng như: Viên tịch > dùng cho những nhà sư khi qua đời. Băng hà > vua.  **3**. Từ “xuân”có thể thay thế cho từ “tuổi”.  - 1 năm chỉ có 1 mùa xuân ( mùa xuân là 1 trong 4 mùa trong năm) một năm lại ứng với 1 tuổi. Như vậy lấy 1 mùa để chỉ 4 mùa là phép hoán dụ ( lấy bộ phận chỉ toàn thể).  Bốn mùa= 1 tuổi là phép so sánh ngang bằng.  - Dùng từ Xuân có 2 tác dụng  + Tránh lặp từ: tuổi tác  + Có hàm ý chỉ sự tươi đẹp, trẻ trung khiến cho lời văn hóm hỉnh, toát lên tinh thần lạc quan, yêu đời.  -> Tác dụng : + Tránh lặp từ .  + Thể hiện tinh thần lạc quan của tác giả .  **VII. Từ trái nghĩa** .  1. Khái niệm .  **2**.Cặp từ có quan hệ trái nghĩa:  a- Xấu - đẹp , xa - gần, rộng - hẹp  b - Trái nghĩa ngữ dụng ( chỉ trái nghĩa trong văn cảnh cụ thể thông qua cách hiểu bằng vốn sống và kinh nghiệm của người bản ngữ)  VD: - Ông nói gà, bà nói vịt ( gà - vịt)  - Đầu voi đuôi chuột ( voi - chuột ) -> Sự tương phản giữa những lời hô hào rùm beng ban đầu với sự kết thúc tẻ nhạt  - Cắn nhau như chó với mèo (chó- mèo) => Mâu thuẫn đối kháng 1 mất 1 còn giữa 2 thế lực chỉ có thể giải quyết bằng cách tiêu diệt nhau.  **3**.\* Sống -chết, chẵn - lẻ, chiến tranh - hoà bình (thường không kết hợp với các phó từ chỉ mức độ: già - trẻ)  **VIII. Các cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ** .  Từ ( Xét về dặc điểm cấu tạo )  Từ đơn  Từ phức  Từ ghép Từ láy  Đ.lập C.phụ H. toàn K.h.toàn  L.âm L.vần  - VD : Từ ghép đẳng lập và từ ghép...  **IX. Trường từ vựng .**  1.Khái niệm:  **2**.Tác giả dùng 2 từ cùng trường từ vựng là “tắm” và “bể” -> cùng 1 trường từ vựng là nước nói chung.  + Nơi chứa nước: bể, ao, hồ, sông...  + Công dụng của nươc: tắm, rửa, tưới, uống...  + Hình thức của nước: Mềm, mát  Tác dụng: ->Góp phần tăng giá trị biểu cảm của câu nói, làm cho câu nói có sức tố cáo mạnh mẽ hơn. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** ( 10 phút)

\*Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của bài, vận dụng làm bài tập

HT: Hoạt động cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Đặt 2 câu có sử dụng từ đồng âm, 2 câu sử dụng từ nhiều nghĩa.

? Viết 1 đoạn văn ngắn có sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ từ vựng (ít nhất có 2 biện pháp). Hãy chỉ ra trong đoạn văn em vừa viết biện pháp tu từ đã sử dụng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức.

**Hoạt động 4-5: Vận dụng, mở rộng**(2’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Viết đoạn văn với chủ đề bảo vệ môi trường. Trong đoạn văn em có sử dụng từ láy và một thành ngữ ( Gạch chân )

? Sưu tầm các bài tập có liên quan đến nội dung ôn tập.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Ôn tập văn tự sự( Kể chuyện tưởng tượng)

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

**Tiết 45 TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

Ngày soạn: 10/10/20........

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt.**

1.Kiến thức : Học sinh nắm vững hơn cách làm bài văn tự sự kết hợp với miêu tả.

- Học sinh nhận biết được ưu điểm, nhược điểm từ bài viết của mình ?

- Vận dụng để bài sau viết tốt hơn

2.Kĩ năng : Rèn kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý cũng như làm bài văn hoàn chỉnh.

3.Thái độ: Giáo dục HS ý thức học tập bộ môn.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

**II. Chuẩn bị**

1. GV: - Chấm bài, nhận xét ưu – nhược điểm của học sinh

- Chọn một số bài khá, một số bài yếu của học sinh làm tư liệu.

2. HS: Xem lại yêu cầu của bài văn thuyết minh

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp : Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ.

**HĐ1: Khởi động**(4’)

\* Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức bài trước và tạo tâm thế đón nhận bài mới

- Hình thức: Hoạt động cá nhân

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi

Bước 1: giáo viên cho học sinh nhắc lại

Yêu cầu của bài văn tự sự

Bước 2,3: HS nhớ lại kiến thức và trả lời

Bước 4: GV chốt kiến thức và chuyển sang bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2: Hình thành kiến thức**(30’)  \* Mục tiêu: HS ôn lại các bước làm bài văn tự sự. Xác định yêu cầu nội dung của từng bước và vận dụng vào đề bài đã cho.  - Rèn kỹ năng trình bày  \* HĐ cá nhân  2.1. Tìm hiểu đề  Bước 1: GV chép đề bài lên bảng  **Đề bài:** tưởng tượng hai mươi năm sau, vào một ngày hè, em về thăm trường cũ. Hãy viết thư cho người bạn học hồi ấy kể về buổi thăm trường đầy xúc động  - Thời gian: 8p  - Phương tiện: phiếu học tập  - Yêu cầu: HS quan sát đề bài trên bảng  Và thực hiện các câu hỏi:  ? Đề bài yêu cầu gì về nội dung?  ? Về thể loại cần đảm bảo những yêu cầu nào?  ? Hình thức cần đạt yêu cầu gì?  Bước 2: HS quan sát đề bài , thảo luận từng câu hỏi  Bước 3: các nhóm lần lượt trả lời từng yêu cầu, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét các nhóm. Chốt lại  2.2.**Hướng dẫn xây dựng dàn ý:**  - Hình thức: hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: chia nhóm  Bước 1: Gv chia lớp thành cá nhóm nhỏ, mỗi nhóm một bàn  -Thời gian: 8p  -Phương tiện: Phiếu học tập  -Yêu cầu: Xây dựng dàn ý cho từng phần  Bước 2: học sinh thực hiện yêu cầu  Bước 3: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV chốt lại  - Để củng cố kĩ năng làm bài của HS, gv yêu cầu học sinh phải lưu ý khi làm bài phải biết vận dụng yếu tố miêu tả  **GV nhận xét ưu, nhược điểm**  - Hình thức: Hoạt động cá nhân  - Kĩ thuật: giảng giải  Bước 1: Gv: Nhận xét các ưu, nhược điểm của HS  Bước 2: HS: Nghe, nhận xét của GV  Bước 3: HS: Biết nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của bài viết của bản thân  Bước 4; GV yêu cầu HS rút kinh nghiệm từ bài viết cho bài viết sau. Sau đó đánh giá kết quả của bài viết | **I.Yêu cầu của đề :**  **1. Yêu cầu của đề**  **+ Nội dung**:  - Kể truyện sáng tạo, đòi hỏi tưởng tượng mình về thăm trường sau hai mươi năm khi đã trưởng thành  - Cảm xúc; bồi hồi, xúc động, xao xuyến  **+ Thể loại:**  - Tự sự, dưới hình thức một bức thư  - Biết sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm phù hợp.  **+ Hình thức:**  - Diễn đạt mạch lac, lưu loát, trình bày sạch đẹp.  - Bố cục rõ ràng  - Đảm bảo hình thức một bức thư  **2. Xây dựng dàn ý**  **a. Mở bài:**  - Nêu lí do thăm trường hợp lí sau hai mươi năm  **b. Thân bài:**  + Giới thiệu khái quát:  - Cơ hội: Định cư ở xa. Nhân dịp nào đó về thăm trường  - kể về cuộc sống của bản thân  - Tuy ở xa, vẫn nhớ về quê hương, nhớ trường, nhớ bạn, nhớ thầy cô, nhớ kỉ niệm hồn nhiên thời học sinh  + Tả quang cảnh trường lớp  - Thay đổi nhiều: khang trang, hiện đại  - vẫn còn lưu lại những kỉ niệm thời học sinh: trên sân trường, hàng cây, ghế đa, lớp học  + Những kỉ niệm sâu sắc:  - Tình bạn bè  - tình thầy trò  + Về thăm trường: Gặp ai? Không gặp ai? Tình cảm, cảm xúc ra sao?  + Chuẩn bị ra về: những suy nghĩ, mong muốn, hứa hẹn  **c.kết bài:**  - cảm xúc của bản thân sau buổi thăm trường  - khẳng định tình cảm với ngôi trường, thầy cô, bạn bè  **II.Nhận xét:**  **1. Ưu điểm**  - Nắm được yêu cầu của đề  - Biết tưởng tượng về sự đổi thay của trường  - Một số bài biết gợi những kỉ niệm, thể hiện được sự xúc động, bồi hồi.  - Viết đúng hình thức bức thư  - Bố cục rõ ràng.  - Trình bày, chữ viết có tiến bộ.  - Một số bài biết sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm phù hợp  **2. Nhược điểm**  - Một số bài chưa kể được sự đổi thay của trường  - Chưa gợi được những kỉ niệm đáng nhớ  - Nhiều bài thuyết minh còn sơ sài: Minh, Linh, Phong,..  - Mắc lỗi diễn đạt nhiều : Phương, Đức, Dũng, Minh Anh,…  **III. Đọc bài khá, bài yếu**  **IV. Trả bài, sửa lỗi sai** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**(5’)

\* Mục tiêu: HS đọc bài và tự mình phát hiện lỗi sai trong bài

- Hình thức: Hoạt động cá nhân

? Chọn một số bài viết tốt và một số bài viết yếu. Gọi học sinh đọc

HS: nghe bạn đọc

HS: nhận xét các bài đó

GV: Chốt lại.

**Hoạt động 4: vận dụng**: Hướng dẫn sửa lỗi sai(5’)

- Hình thức: hoạt động cá nhân, nhóm

- Kĩ thuật: nêu yêu cầu

Bước 1: GV: Trả bài cho học sinh, yêu cầu học sinh tự trao đổi bài và sửa các lỗi chính tả, diễn đạt

Bước 2, 3: HS nhận bài, đổi bài cho nhau để sửa lỗi

Bước 4: Rút kinh nghiệm cho học sinh tránh các lỗi mắc phải.

**Hoạt động 5: Mở rộng( Về nhà)** (1’)

? Về nhà tập sáng tác thơ về mái trường, hoặc tình bạn

GV gợi ý cách làm

**\* Dặn dò:** Học bài và viết lại bài văn vào vở soạn

Soạn bài: Đồng chí

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

**Tuần 10**

**Tiết 46 ĐỒNG CHÍ**

Ngày soạn: 18/10/20........ ( Chính Hữu)

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu cần đạt**

1.Kiến thức:

- Học sinh cảm nhận được lí tướng cao đẹp và tình cảm gắn bó keo sơn làm nên sức mạnh tinh thần của người lính cách mạng được thể hiện trong bài thơ.

-Hs hiểu được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ : chi tiết chân thực, hình ảnh gợi cảm và giàu ý nghĩa biểu tượng.

-Tích hợp ngang:

+Với phân môn Tiếng Việt:Giải thích nghĩa của từ Hán Việt,Thành ngữ.câu thơ có 2 vế đối nhau.

+Với Tập làm văn:PTBĐ-Biểu cảm.

-Tích hợp liên môn:

Tích hợp với môn an ninh, quốc phòng giúp học sinh hiểu được một thời kì đầy khó khăn, thiếu thốn của quân đội ta trong những năm đầu chống Pháp.

Môn Lịch sử: Giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp(1946-1954)

Môn Âm nhạc:Bài hát đồng chí,Đoàn vệ quốc quân, Hát mãi khúc quân hành.

Môn Mĩ thuật:Khai thác tranh sách giáo khoa

Môn Địa lý:vùng miền quê hương người lính.

2.Kỹ năng:

Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại

Cảm nhận hình ảnh thơ đậm chất hiện thực mà không kém phần bay bổng.

3. Thái độ:Yêu quý , tự hào, trân trọng người lính.

Biết ơn những anh hùng đã hi sinh thân mình vì độc lập tự do cho Tổ Quốc

4. Năng lực:

Năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề,Thẩm mĩ, sử dụng công nghệ thông tin.

**II.Chuẩn bị**

Gv:Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa,sách giáo viên,chuẩn bị kiến thức kĩ năng.

Tài liệu liên quan đến bài học:những mẩu chuyện kể , những dòng nhật kí đầy xúc động về người lình những năm tháng chiến tranh.

Soạn giáo án

Giao nhiệm vụ cho các nhóm.

Hs:Đọc văn bản đồng chí

Trả lời câu hỏi 1,2 phần đọc hiểu văn bản.

Hoàn thành bài tập nhóm đã giao về nhà.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:sự chuẩn bị của học sinh

3.Dạy bài mới.

**Hoạt động 1:Khởi động**. (5’)

Mục tiêu:Gợi sự chú ý,tạo tâm thế hứng thú chủ động học tập cho học sinh.dẫn dắt vào bài mới

Bước 1:cho hs nghe và xem video:Bài hát Đoàn vệ quốc quân.

Tổ chức hoạt động cá nhân. Hs trả lời gói câu hỏi:

?Bài hát ngợi ca ai?

?Trong thời kì lịch sử nào của dân tộc?

?Tình cảm, cảm xúc của em sau khi nghe bài hát này?

Gv dẫn vào bài mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.** (34’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Hoạt động2.1: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.**  Mục tiêu: Học sinh có những hiểu biết khái quát về tác giả, tác phẩm.  \*Hình thức tổ chức hoạt động nhóm,Thảo luận cặp đôi, cá nhân.  Phương pháp thuyết trình, vấn đáp.  Rèn năng lực trình bày,giao tiếp.  -Tìm hiểu tác giả tổ chức hoạt động nhóm .chia các nhóm thực hiện ở nhà.  Chia lớp thành 3 nhóm giao nhiệm vụ ở nhà chuẩn bị trên Powpoit  Hs trình bày kết quả trên máy chiếu, đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  Các nhóm nhận xét, bổ sung  Giáo viên chốt kiến thức.  **- Trình chiếu chân dung NThơ - trên máy**  *- Là nhà thơ quân đội, từng gắn bó với hai cuộc kháng chiến chống pháp và chống mỹ..*  *- Cho nên Đề tài trong thơ ông : Chủ yếu viết về người lính và chiến tranh.*  *- Thơ ông không nhiều nhưng lại để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi cảm xúc thơ dồn nén, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc.*  *- ông đã được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000.*  \*Hình thức tổ chức hoạt động cá nhân tìm hiểu:hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, đọc văn bản  Phương pháp vấn đáp.  Kĩ thuật đặt câu hỏi  Cho học sinh tìm hiểu gói câu hỏi sau:  ? Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  - GV:  - Theo lời nhà thơ Chính Hữu kể lại năm 1947 ông trực tiếp tham gia chiến dịch Việt Bắc thu đông.Đơn vị của ông có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến, bám sát địch không cho chúng tiến sâu vào căn cứ của ta. Đó là chiến dịch vô cùng gian khổ.Vì truy kích địch nên nhiều khi phải nhin đói ăn quả rừng... và ông đã bị ốm sốt rét. Đơn vị cử một đồng chí ở lại chăm sóc ông. Từ sự chăm sóc của người đồng chí đó ông đã làm bài thơ này.  - Vì vậy,Tác giả nói" Bài thơ là lời tâm sự tác giả viết ra để tặng đồng đội, người bạn nông dân của mình".  - Lúc đầu bài thơ được đăng trên báo của đại đội sau đó đăng trên báo "Sự thật". Bài thơ đã được Minh Quốc phổ nhạc.  ?Xác định thể thơ?  - Thể thơ tự do.  - **GV**: Thơ tự do, các câu thơ với số tiếng khác nhau. chủ yếu là vần chân, nhịp thơ không cố định, theo dòng mạch cảm xúc  ? Với thể thơ tự do như vậy khi đọc cần chú ý điều gì?  - Đọc giọng chậm rãi, tình cảm. Có những dòng thơ thể hiện sự lắng sâu, ngẫm nghĩ như câu thơ "Đồng chí" cần câu thơ cuối đọc với giọng ngân nga.  GV: Đọc- gọi HS đọc bài.  \* Hình thức tổ chức hoạt động thảo luận cặp đôi. Tìm hiểu nhan đề, PTBĐ, nhân vật trữ tình, bố cục.  Thời gian thảo luận:2 phút.  Giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận theo gói câu hỏi  ? Bài thơ có nhan đề là Đồng chí vậy em hiểu đồng chí có nghĩa là gì?  ? Theo em bài thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào?  ?Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?  ? Bài thơ có thể chia thành mấy phần ? đặt tên nội dung của từng phần.  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  Giáo viên gọi bất kì học sinh nào trả lời.Nhận xét bổ sung  Giáo viên đánh giá chốt kiến thức.  - Đồng là từ ghép HV gồm có hai yếu tố Đồng và chí: Đồng là cùng, Chí là chí hướng, lý tưởng. Như vậy đồng chí ở đây là những người có cùng chí hướng lý tưởng cùng ở trong một đoàn thể hay tổ chức cách mạng thì gọi nhau là đồng chí. Đây là tình cảm mới mẻ, thiêng liêng phổ biến sau cách mạng tháng 8- 1945.  - Phương thức: Biểu cảm+ tự sự +miêu tả.  - Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm vì bài thơ chủ yếu diễn tả cảm xúc về tình đồng chí đồng đội.  - Bố cục: 3 phần  + P1: 7 câu thơ đầu (Những cơ sở hình thành tình đồng chí)  + P2: 10 câu tiếp (Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí)  + P3: 3 câu còn lại( Bức tranh đẹp về tình đồng chí)  **\* Hoạt động 2.1:Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **Mục tiêu:**Mục tiêu: Giúp học sinh thấy được tình đồng chí hình thành trên cơ sở chung giao cấp, chung lý tưởng, chia sẻ những khó khăn thiếu thốn của cuộc đời người lính.  -Hình thức tổ chức hoạt động cá nhân  - Phương pháp vấn đáp.  -Kĩ thuật đặt câu hỏi  -Rèn kĩ năng:tự nhận thức,cảm nhận hình ảnh thơ đậm chất hiện thực mà không kém phần bay bổng.  ? Mời một bạn đọc cho cô 7 câu thơ đầu.  ? Mở đầu bài thơ tác giả đã giới thiệu với chúng ta biết điều gì?  - Quê hương anh...  - Làng tôi nghèo.....  ? Em có nhận xét gì về cấu trúc, giọng điệu và cách sử dụng từ ngữ trong 2 câu thơ trên.  - Cấu trúc sóng đôi, đối xứng.  - giọng điệu như một lời trò chuyện thủ thỉ tâm tình.  - Từ ngữ: sử dụng cách nói của thành ngữ.  ? Thành ngữ " Nước mặn đồng chua đặt đối xứng với đất cày lên sỏi đá gợi cho em hình dung đây là những miền như thế nào?  - Nước mặn đồng chua: vùng đất ven biển bị nhiễm mặn  - Đất cày lên sỏi đá: miền trung du đất bạc màu, khô cằn G: Bình.  Anh với tôi người miền biển, người miền núi, nhưng đều xuất thân từ những vùng quê nghèo, cùng giống nhau cuộc sống gieo neo cơ cực, cảnh đời lam lũ. Họ đều là những người nông dân ra đi từ mọi miền quê tập hợp lại thành đội quân cách mạng  ? Như vậy, ngay từ khi mới gặp nhau, những người lính đó có điểm chung nào? Điểm chung ấy cú ý nghĩa gỡ?  - Cùng cảnh ngộ lam lũ nghèo khó → dễ đồng cảm với nhau, dễ sẻ chia dễ xích lại gần gần nhau hơn.  ? Vậy cơ sở đầu tiên của của tình đồng chí là được bắt nguồn từ đâu.  - Chung hoàn cảnh xuất thân.  ? Từ những miền quê khác nhau nên quan hệ của họ lúc đầu như thế nào? Câu thơ nào đã diễn tả điều đó?  - Xa lạ.  ? Từ đôi là ngôn ngữ tự nhiên của đời thường nó thường được sử dụng để diễn tả sự gắn bó ntn? - Gắn bó chặt chẽ, thắm thiết, keo sơn.( "Đôi đũa" " đôi chim")  ? Qua việc sử dụng từ ngữ đó tác giả đã diễn tả được điều gì về mối quan hệ của những người lính.  - Keo sơn, gắn gó, thân tình của những người lính  ? Vì sao từ những người xa lạ ở khắp mọi miền của tổ quốc họ lại trở nên gắn bó thân quen với nhau như vậy?  - Vì theo tiếng gọi thiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc họ cùng tụ hội về đây dưới một mái nhà chung để chiến đấu.  ? Câu thơ nào cho biết điều đó?  - Súng bên súng, đầu sát bên đầu.  GV: Nói đến súng là nói đến nhiệm vụ , nói đến chiến đấu. Nói đến đầu là nói đến tâm tư tình cảm, lí tưởng  ? Vậy em có nhận xét gì về kết cấu cũng như nghệ thuật của câu thơ  - Kết cấu sóng đôi, hoán dụ, điệp từ  ? Từ ngữ nào được điệp lại ( Súng, đầu)  ? Vậy kết cấu sóng đôi kết hợp với hoán dụ cộng với điệp từ cho ta thấy giữa những người lính đã có những điểm gì chung?  - Cùng chung nhiệm vụ chung chí hướng  GV: Khoảng cách không gian, từ những phương trời xa lạ đã bị xoá nhoà danh giới. Khi các anh cùng tham gia kháng chiến cùng mang trên mình những trọng trách lớn lao,cao cả, là đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược mang lại sự bình yên cho đất nước. Chonên tình yêu tổ quốc, Khát vọng đấu tranh,lí tưởng cách mạng đã kéo họ xích lại gần nhau.  ? Khi ở bên nhau họ đã cùng chia sẻ với nhau điều gì?  - Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.  ? Đêm rét chung chăn là hình ảnh thơ ntn  ? Từ hình ảnh thực ấy giúp em cảm nhận được điều gì về cuộc sống của người lính trong buổi đầu của cuộc kháng chiến chống pháp?  - Sự thiếu thốn, gian khổ .  *GV:* Đó là những khó khăn, thiếu thốn của sinh hoạt người lính trong buổi đầu của cuộc kháng chiến chống pháp;  - mà ca dao đã từng ghi lại:  Ba thằng một cái chăn bông  Nằm thẳng thì thiếu, nằm công thì vừa.  - Và nhà thơ Tố hữu thì cảm nhận:  Thương nhau chia củ sắn lùi  Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng.  Tất cả những điều đó lại làm cho mỗi chúng ta bùi ngùi nhớ lại những lời thơ của nhà thơ minh Huệ:  Bác thương đoàn dân công  Đêm nay ngủ ngoài rừng  Rải lá cây làm chiếu  manh áo phủ làm chăn.  Chính từ trong những thiếu thốn gian khổ ấy đã làm cho tình cảm đồng chí đồng đội được nảy nở, bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ, giúp cho các anh hiểu bạn như hiểu chính mình và trở thành những đôi tri kỉ.  - Từ đôi một lần nữa được lặp lại trong bài thơ đã khẳng định rất rõ sự keo sơn gắn bó của người lính.  ? Vậy qua đó giúp em hiểu thêm gì về tình đồng chí, đồng đội của họ  - Cùng hiểu nhau, cùng chia sẻ những khó khăn thiếu thốn  ? Vậy Tình đồng chí còn được hình thành trên cơ sở nào?  - Tình bạn tri kỉ.  GV: Từ những người nông dân ở miền quê nghèo, hoàn toàn xa lạ với nhau, nhưng theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc họ đã cùng tụ hội về đây dưới một mái nhà chung, họ không chỉ chung nhau về cảnh ngộ xuất thân, mà còn chung nhau nhiệm vụ, chung nhau lý tưởng, cùng chung nhau những khó khăn thiếu thốn của cuộc sống sinh hoạt người lính, Tất cả sự gắn kết đó đã làm cho họ hiểu nhau, cảm thông với nhau.  ? Không chỉ trở thành những người bạn tri kỉ của của nhau mà nó còn được phát triển cao hơn thành tình cảm gì?  - Đồng chí.  \*Hình thức tổ chức hoạt động nhóm : chia lớp thành 3 nhóm cùng thực hiện một nội dung hai câu hỏi:  ?Hình thức câu thơ có gì đặc biệt?  ?Sự đặc biệt đó có ý nghĩa gì?  -Thời gian thảo luận:3 phút.  -Giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận theo gói câu hỏi:  ? Về hình thức dòng thơ thứ bảy có gì đặc biệt?  ? Việc tạo thành một câu thơ riêng đó có ý nghĩa ntn?  -Học sinh trao đổi , nhóm trưởng tổng hợp ,thư kí ghi kết quả .  -Học sinh trình bày sản phẩm .  -Nhận xét bổ sung kết quả của các nhóm  -Giáo viên đánh giá chốt kiến thức:  =>Chỉ có hai chữ làm thành một dòng thơ và kết thức bằng dấu chấm than.  - Thể hiện sự phát hiện về tình cảm mới mẻ - Tình đồng chí.  - Khép lại những điểm chung ở trên.  - Mở ra những gì chứa đựng ở phần sau.  **GV:**  - Cả bài thơ đang trải dài bỗng ngắt nhịp đột ngột. Bằng hai từ Đồng chí ! nó là cao trào của mọi cảm xúc. Thật sâu lắng, nó như dấu nhấn của bản đàn, làm bừng sáng cả bài thơ. như một sự phát hiện một lời khẳng định về sự thiêng liêng của tình đồng chí đồng đội, một tình cảm của những người cùng chung mục đích, chí hướng, lý tưởng. Đây là một tình cảm mới mẻ vào những năm đầu của thế kỷ 20 và phát triển từ sau cách mạng tháng 8- 1945.  - Từ Đồng chí giống như một cái bản lề, một nhịp cầu nối khép lại những cơ sở tạo nên tình cảm này ở trong câu thơ trước và mở ra biểu hiện cụ thể và cảm động về tình cảm đồng chí ở những vần thơ tiếp theo. | **I- Đọc hiểu chung**  1. Tác giả:  - Trần Đình Đắc.  - Sinh 1926.  - Quê: Hà Tĩnh.  - Là nhà thơ quân đội  - Tập thơ chính là *đầu súng trăng treo.*  2. Tác phẩm:  a)Hoàn cảnh sáng tác.  - Sáng tác: 1948.  -In trong tập “Đầu súng trăng treo”.  b)Thể thơ  Tự do  c)Nhan đề văn bản.  d)Phương thức biểu đạt  Biểu cảm kết hợp tự sự miêu tả.  e)Bố cục.  **II. Đọc hiểu chi tiết**  ***1) Những cơ sở hình thành tình đồng chí.***  → Cấu trúc sóng đôi, đối xứng, sử dụng thành ngữ.  → Miền quê nghèo.  ⇒ Chung hoàn cảnh xuất thân → Chung giai cấp.  - "Anh với tôi đôi người xa lạ  Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau  - Súng bên súng, đầu sát bên đầu.  → Kết cấu sóng đôi, hoán dụ, điệp từ.  ⇒ Chung nhiệm vụ, chung lí tưởng.  - Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.  →Hình ảnh thực, gợi cảm.  ⇒ Hiểu nhau, cùng chia sẻ những khó khăn thiếu thốn  ⇔ Đồng chí.  Thể hiện sự phát hiện về tình cảm mới mẻ - Tình đồng chí. |

**Hoạt động 3,4: Luyện tập ,vận dụng.** (5’)

Mục tiêu :Rèn cho các em kĩ năng làm bài trong các kì thi có phần đọc hiểu văn bản:thi cuối kì, thi tuyển sinh vào lớp 10.

Cho đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí!

Câu 1: Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ Đồng chí

Câu 2: Câu thơ thứ sáu trong đoạn thơ trên có từ tri kỉ? Em hiểu như thế nào là tri kỉ.

Câu 3: Dòng thơ thứ 7 trong đoạn thơ xét về cấu tạo thuộc kiều câu gì? Nêu nét độc đáo của câu thơ đó.

**Hoạt động 5.Tìm tòi mở rộng**(1’)

-Tìm đọc những bài thơ viết về người lính cùng thời

-Chuẩn bị bài: Soạn các câu hỏi,4,5,6 trang 130 sgk

-Sưu tầm những câu ca dao, câu thơ, mẩu chuyện viết về hình ảnh người lính.

**\*Rút kinh nghiệm.**

……………………………………………………………………………………..

**Tiết 47 ĐỒNG CHÍ**

Ngày soạn: 18/10/20...... ( Chính Hữu)

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1.Kiến thức:

-Một số hiểu biết về hiện thực những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

-Lí tưởng cao đẹp và tình cảm keo sơn gắn bó làm nên sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ trong bài thơ.

-Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ: ngôn ngữ thơ bình dị, biểu cảm, hình ảnh tự nhiên, chân thực.

2.Kĩ năng:

-Đọc diễn cảm một bài thơ hiện đại.

-Bao quát toàn bộ tác phẩm, thấy được mạch cảm xúc trong bài thơ.

-Tìm hiểu một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu, từ đó thấy được giá trị nghệ thuật của chúng trong bài thơ.

3.Thái độ:

Yêu mến tự hào về truyền thống yêu nước của các anh bộ đội.

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh

- Năng lực tự học, năng lực hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp

- Năng lục thẩm mĩ...

**II.Chuẩn bị.**

Giáo viên:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu

+ Văn - Văn : Các tác phẩm trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

+ Văn - TV : Một số biện pháp tu từ

Học sinh:

- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức

2.Kiểm tra bài cũ: sự chuẩn bị của học sinh

3.Dạy bài mới.

**\*Hoạt động 1: Khởi động.** (3’)

Mục tiêu: HS củng cố kiến thức bài cũ và để có kiến thức học tiếp bài mới.

? Qua văn bản: Đồng Chí. Em cho biết tình đồng chí được hình thành trên cơ sở nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.** (38’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên và Học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2.1:Tìm hiểu những biểu hiện của tình đồng chí.**  \*Mục tiêu: Học sinh thấy được biểu hiện của tình đồng chí :Chia sẻ tâm tư nỗi niềm sâu kín của người lính và sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người chiến sĩ và sức mạnh của tình đồng chí.  -hình thức tổ chức:hoạt động cá nhân.  -Phương pháp vấn đáp.  -Kĩ thuật đặt câu hỏi.  Đọc 10 câu khổ 2.  ? Những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí được thể hiện ở mấy khía cạnh: 2  - Chia sẻ tâm tư nỗi niềm sâu kín.  - chia sẻ những khó khăn về vật chất.  GV: Trong mối tình đồng chí thắm thiết, mặn nồng, những người lính mở lòng tâm sự với nhau về tâm tư, nỗi niềm sâu kín của mình.  ? Vậy những câu thơ nào đã diễn tả điều đó.  ? Đối với người nông dân thì ruộng nương và gian nhà là những tài sản ntn.  - Là những tài sản quý giá, vốn rất gắn bó máu thịt với người nông dân VN.  ? Các anh đã ra đi với một thái độ ntn? Từ ngữ nào đã diễn tả điều đó.  - Niềm tin tưởng. " Gửi" - Niềm tin vào ngày mai chiến thắng các anh sẽ trở về nhận lại.  - Quyết tâm - Mặc kệ:  ? Mặc kệ có phải là bỏ lại tất cả, phó mặc tất cả, không cần quan tâm không.  - Với ngôn ngữ giản dị cuả người lính có thể hiểu " Mặc kệ" ở đây là cứ để đó, cứ chờ đó, khi nào cách mạng thành công sẽ làm lại sau.  GV: Thái độ ra đi của các anh đã mang dáng dấp của một kẻ trượng phu. Làm cho ta liên tưởng đến những vần thơ của NĐThi viết về những người trí thức thành thị sẵn sàng xếp bút nghiên lên đường, sẵn sàng hy sinh cho dân tộc:.  :" Người ra đi đầu không ngoảnh lại  Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.  ? Các anh ra trận nhưng hình ảnh quê hương luôn trong lòng các anh . hình ảnh thơ nào đã diễn tả điều đó?  - "Giếng nước... lính"  GV: Giếng nước gốc đa là những hình ảnh thân thương gần gũi của mỗi làng quê ViệtNam. Bởi không có làng quê đất việt nào lại không có hình ảnh cây đã, giếng nước, sân đình.  ?Xác định biện pháp tu từ được sử dụng ở câu thơ này?  ?Việc sử dụng biện pháp tu từ này có ý nghĩa gì?  ? Nhớ về quê hương hình dung ra hình ảnh quê hương trông đợi cho thấy ở đây còn thể hiện tình cảm gì của người lính đôí với quê hương. - Nhơ quê hương.  GV; Đó là nỗi nhớ hai chiều. Chính nỗi nhớ ấy, tình cảm ấy lại là nguồn sức mạnh giúp cho người lính có thể " vượt qua trăm núi ngàn ngàn khe" Tiêu diệt kẻ thù.  GV: Là những người đồng chí, đồng đội của nhau họ không chỉ chia sẻ với nhau những nỗi niềm tâm sự sâu kín mà họ còn chia sẻ với nhau điều gì.  ? Đọc những dòng thơ thể hiện sự sẻ chiađó?  Hình thức hoạt động nhóm: chia thành 4 nhóm.  Thời gian thảo luận 3 phút.  Nội dung thảo luận trả lời gói câu hỏi:  ? Tìm những từ ngữ,hình ảnh,chi tiêt thể hiện sự chia sẻ những gian lao của cuộc đời người lính?  ?Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn thơ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  Học sinh trao đổi thảo luận  Nhóm trưởng trình bày sản phẩm của nhóm.  Nhận xét giữa các nhóm. G bổ sung chốt kiến thức.  Gv:Với bút pháp tả thực, mộc mạc, giản dị đoạn thơ như dựng lại cả thời kỳ lịch sử đầy gian khổ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp để hiểu rõ hơn cô mời các em xem video :  Thước phim cho ta thấy những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp quân và dân ta trải qua bao gian khó, đó là thời kì nước nhà mới dành được độc lập đã phải đương đầu với giặc ngoại xâm, một thời mà người lính Việt Nam cùng cả dân tộc trải qua cái đói mòn đói mỏi, cho nên Vũ khí, quân trang, quân bị, thuốc men đều thiếu thốn. Viết về những Khó khăn của những người lính đã được rất nhiều những nhà thơ nói đến- Với Tố Hữu thì:"Cuộc đời gió bụi pha sương máu - Đói rét bao lần xé thịt da" còn với quang Dũng " Tây tiến đoàn binh không mọc tóc" Nhưng đến Chính Hữu thì ông lại có cái nhìn riêng khi nói về gian khổ của người lính: " áo anh...mảnh vá"  ? Biểu hiện kết kinh cao độ của sự chia sẻ những gian lao thiếu thốn của người lính được thể hiện rõ nhất ở câu thơ nào.  - Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.  ? Câu thơ đã gợi cho em hình dung gì về hình ảnh người lính.  - Những người lính, nắm tay nhau để biểu lộ tình yêu thương, Truyền cho nhau niềm tin, sức mạnh, ý chí quyết tâm, hứa hẹn chiến thắng.  GV:Tình thương của người lính thật giản dị, cao đẹp Chỉ một cái nắm tay thôi bao điều không nói được thành lời đã được nói.Đôi bàn tay giao cảm ấy đã nắm chặt truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh , quyết tâm vượt qua gian khó trong cuộc đời người lính.  Khi chia tay ta chỉ nắm tay mình  Điều chưa nói lòng bàn tay đã nói.  Có đặt bài thơ trong hoàn cảnh ra đời của nó " Đó là khi tác giả bị ốm sốt rét ác tính, không có thuốc men, những bàn tay ân cần chăm sóc của người vợ người mẹ đã thay bằng bàn tay vụng về của người đồng chí***.*** ta mới hiểu hết ý nghĩa của hình ảnh này. Và sau này các em sẽ gặp lại hình ảnh đó trong bài thơ về tiểu đội xe không kính của PTD.  GV: Vậy vẻ đẹp của tình đồng chí còn được thể hiện qua hình ảnh nào nữa cô mời các em quan sát bức tranh.  ? Bức tranh minh hoạ về điều gì?  - Bức tranh minh hoạ về hình ảnh người lính đáng cầm súng đứng cạnh nhau. Trên bầu trời có ánh trăng.  ? Hình ảnh này được diễn tả cụ thể qua những dòng thơ nào.  ? Ba câu thơ gợi ra cảnh tượng như thế nào?  - Hai người lính phục kích chờ giặc trong cảnh rừng hoang sương muối.  ?Cảnh rừng hoang sương muối giúp em hình dung người lính chiến đấu trong hoàn cảnh như thế nào?  Thiên nhiên vô cùng giá rét, mang lại những cái lạnh tê tái, thấu xương thịt.  Vô cùng khắc nghiệt  ? trước những hiện thực khắc nghiệt ấy thì hành ảnh người lính hiện lên trong tư thế ntn?  Chờ - chủ động, bình tĩnh, lạc quan.  ? Em có nhận xét gì về hinh ành ảnh đó? Chân thực, gợi tả tư thế của người cầm súng.  ? Vì sao họ lại có được tư thế sẵn sàng chủ động như vậy.  - đã có người lính sát cánh bên họ, sưởi ấm lòng họ xua đi cái giá lạnh, nguy hiểm của rừng hoang, sương muối.  ? Điều đó giúp em hiểu thêm điều gì về nét đẹp của tình đồng chí.  - Luôn sát cánh bên nhau, sẵn sàng chiến đấu.  ? Đứng phục kích, chờ giặc, trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhưng người lính đã nhận ra một vẻ đẹp nào  ? Đây là hình ảnh tả thực hay chỉ là ý nghĩa biểu tượng.  ? Dựa vào hình ảnh Hãy chỉ ra và phân tích ý nghĩa tả thực  - Đó là hình ảnh hai người lính trong tư thế phục kích địch, mũi súng hướng lên trên. Đêm càng khuya, sương càng xuống nhiều, trăng cũng xuống thấp dần, và ở vị trí nào đó trăng như đang treo trên đầu mũi súng  ? Ngoài ý nghĩa tả thực câu thơ còn mang một ý nghĩa biểu tượng nào khác?  ? Súng tượng trưng cho điều gì?  ? Trăng tượng trưng cho điều gì?  ? đó là hai hình ảnh ntn  - Đối lập, gần và xa, thực tại và mơ mộng.  ? Việc Phát hiện ra vẻ đẹp từ hình ảnh thực ấycho ta thấy thêm một nét đẹp nào của người lính  - Có tâm hồn lãng mạn  GV: hai hình ảnh tưởng như đối lập nhau nhưng nó lại gắn kết với nhau trên đầu của mũi súng kia là hình ảnh của vầng trăng của hoà bình. Như vậy Người lính cầm súng để Bảo vệ cho hoà bình.  tác giả đã dùng câu thơ này làm nhan đề cho cả tập thơ chống Pháp và chống Mĩ của mình tập thơ" Đầu súng trăng  treo"  ? Qua quá trình phân tích em thấy cả 3 đoạn thơ vềkết cấu đều có điểm gì chung  - Sức mạnh tư tưởng được dần dần dồn ta vào những dòng thơ cuối đoạn, gây ấn tượng sâu đậm ( 7, 17, 20)  - Đây là kết cấu mới lạ trong thơ của Chính Hữu: Hàm súc cô đọng.  ? Hãy nêu những thành công về nghệ thuật của bài thơ?  GV: Bổ sung chốt trên máy chiếu.  - Nghệ thuật:  + Khai thác cảm xúc từ hiện thực, phát hiện chất thơ từ những cái bình dị của cuộc đời người chiến sĩ.  + Hình ảnh thơ gợi cảm, ngôn ngữ giản dị giàu ý nghĩa biểu tượng.  + Câu thơ sóng đôi, biện pháp nhân hoá, hoán dụ.  ? Trình bày giá trị nội dung của bài thơ đồng chí?  ? Qua bài thơ này em có cảm nhận gì về hình ảnh anh anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp?  Có cùng nguồn gốc xuất thân  Cùng trải qua những gia lao thiếu thốn của cuộc đời người lính  Tình đồng chí đồng đội keo sơ n thắm thiết.  Gv: Cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi vẻ vang, trang sử vàng đã sang qua bao giai đoạn mới thế nhưng mỗi lần đọc bài thơ" Đồng chí" ta như thấy rõ hình ảnh của anh bộ đội cụ Hồ hiện lên sáng rực và cao đẹp, thật thân thương trong những lời thơ của Chính Hữu. | ***2. Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.***  \* Cùng chia sẻ những tâm tư, nỗi niềm.  " Ruộng nương anh gửi.  Gian nhà không mặc kệ...  Giếng nước gốc đa... "  - Biện pháp nhân hoá, hoán dụ.  → Nỗi nhớ hai chiều  \*Cùng chia sẻ gian lao và sức mạnh của tình đồng chí.  - Anh với tôi biết...  Sốt run người  áo rách  quần vá  Chân không giầy.  → Hình ảnh chân thực, gợi cảm  - Cấu trúc sóng đôi đối xứng.  ⇒ Cùng chia sẻ gian lao thiếu thốn.  ⇒ Sức mạnh của tình đồng chí.  **3. Bức tranh đẹp về tình đồng chí*.***  - Đêm nay rừng hoang sương muối  Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  -> Hoàn cảnh chiến đấu: khắc nghiệt  ->Người lính:  Tư thế: chủ động, bình tĩnh  Tình đồng chí gắn bó keo sơn thắm thiết.  - Đầu súng trăng treo  ⇒ Vừa có ý nghĩa hiện thực, vừa có ý nghĩa biểu tượng.  =>Biểu tượng cuộc đời người chiến sĩ. |

**Hoạt động 3,4. Luyện tập, Vận dụng.** (3’)

\*Mục tiêu: Củng cố khắc sâu kiến thức ghi nhớ nội dung bài học, có kĩ năng lập sơ đồ tư duy.

Các bước lập bản đồ tư duy:

Xác định từ khóa.

Hình thành các nhánh

Vẽ sơ đồ

Biểu diễn nội dung

**Hoạt động 5:Mở rộng.** (1’)

Mục tiêu: Vân dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống đời thường.

-Tìm hiểu những người lính tham gia kháng chiến chống Pháp ở địa phương em và viết bài giới thiệu về họ -> chia sẻ với bạn bè. (trả sản phẩm ở tiết TNST-người lính trong mắt em)

-Trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Bài thơ về tiểu đội xe không kính

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG**

**TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO PHỤ NỮ XƯA VÀ NAY**

**I. Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức:

- HS hiểu được về cuộc sống, về những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt; so sánh để thấy được nét đặc trưng của người phụ nữ ngày nay và phụ nữ thời xưa.

2. Kĩ năng: HS có kĩ năng tổ chức được buổi triển lãm có kết hợp với thuyết trình theo chủ đề: Nét đẹp của phụ nữ xưa và nay.

- HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.

- Biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

**II. Chuẩn bị.**

1. GV: - Thời gian thực hiện: - Thời gian : Sau bài 9, GV giao nhiệm vụ cho HS .

- Thiết bị : SGK, sách TNST, đồ dùng, máy chiếu,máy tính,thiết kế giáo án…

- Hình thức hoạt động : Làm việc theo nhóm từ 6-8 hs

2.HS: SGK, sách TNST, đồ dùng,chuẩn bị bài…

**III. Tiến trình bài học**

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Nội dung bài học :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| \* PP : Gợi mở, vấn đáp, thảo luận nhóm.  \* KT : Báo cáo, chia nhóm.  - Sau 1 tuần chuẩn bị HS trình bày sản phẩm và báo cáo bằng hình thức bốc thăm.  L­ưu ý : Khi trình bày có lời giới thiệu, lời cảm ơn.   * Các nhóm lần l­ượt báo cáo sản phẩm của mình. * GV nhận xét chung về sản phẩm và bài thuyết trình cho sản phẩm các nhóm.   - Kết quả cụ thể dựa vào phiếu đánh giáhoạt động cá nhân tự đánh giá/ đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm và phiếu các thành viên tự đánh giá hoạt động của nhóm.  - GV photo phiếu đánh giá.  - Lớp phó học tập lên điều khiển hoạt động tự đánh giá vào các gợi ý ghi trong phiếu.  GV điều chỉnh những sai sót nếu có và chốt kiến thức ; nhận xét, tuyên d­ương những cá nhân và nhóm làm tốt.  Hs tr­ình bày sản phẩm của nhóm mình về góc học tập của nhóm. | **IV. Báo cáo sản phẩm**  **1. Hình thức báo cáo và thuyết trình cho sản phẩm:**  - Trực tiếp trên sản phẩm.  - Trình chiếu trên PowerPoint.  **2. Tiêu chí đánh giá:**  - Về sản phẩm : Thể hiện đ­ược điểm  t­ương đồng và khác biệt giữa phụ nữ x­a và nay.  - Về hoạt động : tích cực, chủ động, sáng tạo, đoàn kết, tôn trọng, hợp tác, t­ương trợ lẫn nhau. |

**V. Đánh giá hoạt động**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tên**  **thành**  **viên** | **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **Có những đóng góp quan trọng cho nhóm** | **Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm** | **Có những đóng góp nhỏ cho nhóm** | **Không có đóng góp quan trọng cho nhóm** | **Gây cản trở**  **hoạt động**  **của nhóm** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

P**HIẾU CÁC THÀNH VIÊN TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tiêu chí | **4**  **Có những đóng góp quan trọng cho nhóm** | **3**  **Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm** | **2**  **Có những đóng góp nhỏ cho nhóm** | **0**  **Gây cản trở hoạt động của nhóm** |
| **Tinh thần làm việc nhóm** | - Các thành viên làm việc với nhau rất tốt.  - Mọi thành viên đều làm việc tích cực.  - Tinh thần học tập hiệu quả, nghiêm túc. | - Các thành viên làm việc với nhau tốt.  - Mọi thành viên đều có tinh thần hợp tác.  - Mọi thành viên đều tham gia làm việc. | - Phần lớn thời gian làm việc với nhau tốt.  - Nhiều lúc các thành viên không tập trung.  - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. | - Không có sự hợp tác của các thành viên trong nhóm.  - Các thành viên thiếu tôn trọng nhau.  - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. |
| **Hiệu quả làm việc nhóm** | - Cả nhóm nhanh chóng tìm đ­ược giải pháp cho công việc chung.  - Các thành viên đều đ­a ra đ­ược nhiều ph­ương án làm việc độc đáo, hiệu quả. | - Có lúc tìm ra đ­ợc giải pháp hiệu quả, có lúc gặp bế tắc.  - Các thành viên đều đ­a ra đ­ược nhiều  ph­ương án làm việc khác nhau. | - Có cố gắng tìm các giải pháp hiệu quả nh­ưng ch­ưa được.  - Các thành viên đều đ­ưa ra đ­ược nhiều ph­ương án làm việc  nh­ưng chưa hiệu quả. | - Nhóm không có ý thức tìm các giải pháp làm việc hiệu quả.  - Các thành viên không có ý thức đ­ưa ra các phương án làm việc. |
| **Trao đổi, thảo luận trong nhóm** | - Các thành viên luôn đặt câu hỏi cho nhau.  - Các thành viên luôn chú ý lắng nghe và thảo luận cởi mở, dân chủ, hiệu quả  - Các thành viên luôn biết cách đ­a ra những ý kiến và phân biệt lẫn nhau hiệu quả. | - Các thành viên đặt nhiều câu hỏi cho nhau.  - Các thành viên thảo luận với nhau có hiệu quả.  - Có các ý kiến phân biệt và lắng nghe. | - Các thành viên có cố gắng trao đổi ý kiến với nhau.  - Ít các ý kiến phân biệt với nhau.  - Thảo luận đôi khi không có hiệu quả. | - Các thành viên trong nhóm làm việc theo kiểu cá nhân không trao đổi với nhau.  - Không có sự lắng nghe và phân biệt các ý kiến với nhau trong quá trình làm việc. |

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Bài thơ về tiểu đội xe không kính.

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 48 BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

Ngày soạn: 18/10/20… ( Phạm Tiến Duật)

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức:

- Nêu được những hiểu biết bước đầu về tác giả

- Cảm nhận được nét độc đáo trong hình tượng những chiếc xe không kính,từ đó hiểu được hiện thực cuộc kháng chiến chống Mĩ

- Thấy được những nét riêng trong ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ.Đặc điểm thơ giàu chất hiện thực và lãng mạn.

2. Kĩ năng: Có kĩ năng đọc, phân tích, cảm thụ bài thơ.

3. Thái độ: Giáo dục lòng tự hào và yêu quý anh bộ đội cụ Hồ

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ: Cảm thụ được chất thơ của Phạm Tiến Duật, vẻ đẹp của những người lính lái xe TS trong những năm tháng chiến tranh ác liệt.

- Năng lực tự học, tự nghiên cứu

- Năng lực hợp tác: nhóm

- Năng lực tạo lập văn bản

**II. Chuẩn bị:**

- Thầy: Chân dung Phạm Tiến Duật, soạn bài, bài hát, hình ảnh về người lính chống Mĩ

- Trò: Học bài cũ, đọc trước văn bản, chuẩn bị bài

**III. Tiến trình bài học**

1. Ổn định lớp **:** Ổn định trật tự. Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ :

**Hoạt động 1: Khởi động(5’)**

\* Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức lịc sử và mở rộng hiểu biết của mình đồng thời tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài mới.

- Hình thức: Hoạt động nhóm

- Kĩ thuật DH: trò chơi, đặt câu hỏi

Bước 1: GV chia lớp thành hai đội chơi. Mỗi đội chơi sáu bàn cùng dãy. Sau đó cho học sinh nghe một số bài hát trên băng, đĩa : năm anh em trên một chuyến xe tăng, Trường sơn đông trường sơn tây,….

- Yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi, đội chơi nào trả lời đúng và nhanh hơn sẽ chiến thắng

? Hình ảnh trung tâm trong cac bài hát là ai?

? Em có cảm nhận gì về hình ảnh trung tâm trong lời bài hát?

Bước 2: Học sinh các nhóm thảo luận

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày ý kiến, nhóm khác bổ xung

Bước 4: GV nhận xét hoạt động các nhóm, công bố nhóm thắng cuộc, sau đó dẫn chuển vào bài mới

**HĐ 2: Hình thành kiến thức**(34’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **? HĐ 2.1: HS tìm hiểu chung( về tác giả, tác phẩm)** (8’)  \* Mục tiêu: HS nắm sơ lược về tác giả PTD, tác phẩm, thể thơ và PTBĐ của bài.  - Hình thức: hoạt động nhóm, cặp đôi, cá nhân  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  Bước 1: GV giao nhiệm vụ  ? Cô đã giao bài tập về nhà cho các em. Cô chia lớp thành các nhóm theo bàn. yêu cầu học sinh các nhóm quan sát chú thích SGK kết hợp với hiểu biết bản thân, tích hợp với môn lịch sử để trả lời các câu hỏi:  Nhóm 1: Trình bày những nét chính về tác giả Phạm tiến Duật ( đề tài, phong cách, giọng điệu)  Nhóm 2: Tìm hiểu về bài: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” được sáng tác năm nào? em hiểu gì về hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  Bước 2,3: Đại diện các nhóm trình bày kết quà, nhóm khác nhận xét, bổ xung  Bước 4: GV nhận xét hoạt động các nhóm, chốt lại kiến thức về tác giả:  - Sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm, tình nguyện vào nam chiến đấu. Hoạt động trong binh đoàn vận tải Trường Sơn  - Thơ ông mang hơi thở trực tiếp của cuộc chiến tranh chống Mĩ  - Thường viết về những cô gái TNXP , những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường TS trong những năm chống Mĩ.  - Giọng thơ trẻ trung, sôi nổi, tếu táo, mang đậm phong cách lính.  GV: tích hợp với môn lịch sử giới thiệu hoàn cảnh ra đời của bài thơ: sáng tác năm 1969- giữa lúc cuộc chiến tranh chống Mĩ đang diến ra ác liệt  - giới thiệu về chùm thơ đặc sắc của ông viết về người lái xe Trường Sơn, về người thanh niên xung phong hồi chiến tranh chống Mĩ.  Bước 1: GV hướng dẫn đọc: giọng vui tươi, khoẻ khoắn. Sau đó GV đọc mẫu một lượt  Bước 2: Học sinh nghe GV hướng dẫn  Bước 3: Học sinh nối tiếp nhau đọc, nhận xét nhau  Bước 4: GV nhận xét học sinh đọc, uốn nắn.  **HĐ cá nhân**  Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho học sinh  ? Xác định thể thơ, đọc chú thích để giaỉ thích từ khó  ? Hình tượng nổi bật trong bài thơ?  Bước 2: Học sinh hoạt động cá nhân, xác định thể thơ, quan sát đọc thầm chú thích  Bước 3: Học sinh trả lời, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại:  - Thể thơ: tự do (câu dài, 4 câu một khổ, nhịp điệu linh hoạt, ít vần)  - Bài thơ là cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về những chiếc xe không kính và những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn thời đánh Mĩ.  **? HĐ 2. 1Tìm hiểu chi tiết**(23’)  \* Mục tiêu: HS nắm được ý nghĩa nhan đề bài thơ. Ý nghĩa hình ảnh của những chiếc xe không kính.  \* Hình thức : Hoạt động nhóm, HĐ cá nhân.  B1: GV giao nhiệm vụ  - **GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS** : ?Hình ảnh trên gợi nhắc đến lời thơ nào?  - **GV yêu cầu HS thảo luận 3 nhóm.**  + N1: Xác định biện pháp nghệ thuật ( Giọng thơ,hình ảnh thơ, BPTT, cách dùng từ, đặc điểm câu thơ)  + N2: Nguyên nhân dẫn đến những chiếc xe không kính?  + N 3: Em hiểu gì về hiện thực của cuộc chiến tranh chống Mĩ ?  Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ học tập  Bước 3: HS trình bầy kết quả thảo luận nhóm.  Bước 4: Giáo viên nhận xét, kết luận  - **GV : giảng** – chiếu hình ảnh minh họa  -Xưa nay, hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thường mạng ý nghĩa biểu tượng.“mĩ lệ hoỏ”, “lóng mạn hoỏ” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực VD: "Đoàn thuyền đánh cá "hay **Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên**  Ở đõy PTD đưa vào thơ 1 hỡnh ảnh mới lạ, chân thực đến trần trụi,  - Hỡnh ảnh “bom giật, bom rung” vừa giỳp ta hỡnh dung được một vựng đất từng được mệnh danh là “tỳi bom” của dịch vừa giỳp ta thấy được sự khốc liệt của chiến tranh và đú chớnh là nguyờn nhõn để những chiếc xe vận tải khụng cú kớnh.  **GV chiếu hình ảnh** :  ? Không chỉ không có kính, những chiếc xe ấy còn được miêu tả ra sao?  ? Biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ?  ?Cảm nhận về hình ảnh chiếc xe và cuộc kháng chiến chống Mĩ.  - HS thảo luận -> trình bày, bổ sung.  - **GV tích hợp môi trường** :cuộc Chiến tranh này,đế quốc Mĩ đó sử dụng số bom đạn nộm xuống dọc hai bờn dóy Trường Sơn,( dự chưa thống kờ được hết,) cũng đó là những con số khủng khiếp. Tớnh trung bỡnh mỗi năm, 1km trờn đường Trường Sơn phải chịu đựng gần 5.000 quả bom và loạt đạn rốc-kột các loại,Số lượng lớn chất đioxin,chất độc húa học với nồng độ cao được rải đi rải lại khụng những khiến các loài động thực vật chết mà cũn gõy ụ nhiễm mụi trường nghiờm trọng và cũn làm đảo lộn hệ sinh thỏi tự nhiờn. Cú thể núi cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam là một cuộc chiến tranh hủy diệt mụi trường, hệ sinh thỏi và con người  ? Như vậy, hình ảnh những chiếc xe không kính có vai trò gì trong tác phẩm ?  **GV:** Đồng thời hình ảnh những chiếc xe không kính cũn làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn -> tỡm hiểu t2**.**  ? Nhận ra và xây dựng hình ảnh những chiếc xe không kính thành hình tượng thơ độc đáo ,từ đó giúp em hiểu gì về tg ?  - Những chiếc xe như vậy vốn khụng hiếm trong chiến tranh, nhưng phải cú một hồn thơ nhạy cảm với nột ngang tàng, tinh nghịch thớch cỏi lạ như Phạm Tiến Duật mới nhận ra đụơc và đưa nú vào thơ thành hỡnh tượng thơ độc đỏo của thời chiến tranh chống Mĩ | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Phạm Tiến Duật sinh năm 1946 quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ  - Sau khi tốt nghiệp đại học sư phậm, tình nguyện vào nam chiến đấu. Hoạt động trong binh đoàn vận tải Trường Sơn  - Thơ ông mang hơi thở trực tiếp của cuộc chiến tranh chống Mĩ  - Thường viết về những cô gái TNXP, những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường TS trong những năm chống Mĩ.  - Giọng thơ trẻ trung, sôi nổi, tếu táo, mang đậm phong cách lính  **2. Tác phẩm**  \* Hoàn cảnh: Sáng tác năm 1969 giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.  - Bài thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo văn nghệ năm 1969 và đưa vào tập thơ " Vầng trăng quầng lửa"  **\* Đọc, chú thích**  **\* Thể thơ.**  - Thể thơ: tự do (câu dài, 4 câu một khổ, nhịp điệu linh hoạt, ít vần)  \* Hình tượng:  +Những chiếc xe không kính  +Những người lính lái xe  **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hình ảnh những chiếc xe không kính**  Không có kính không phải vì xe không kính  Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi  -NT: + Câu thơ dài gần với văn xuôi  +Giọng điệu bình thản, hóm hỉnh  +Điệp từ ''không ''bom  + ĐT mạnh giật , rung  +hình ảnh thơ chân thực, mới lạ, độc đáo.  - Nguyên nhân : Những chiếc xe không kính do bom giật – bom rung.  => Hiện thực chiến tranh rất ác liệt, tàn khốc, có sức tàn phá lớn khiến cho những chiếc xe ''không có kính''.  Không có **kính**, rồi xe không có **đốn,**  Không có **mui** xe, thùng xe có xước,  -NT :  + Điệp ngữ ''không có''  + Liệt kê  -> Nhấn mạnh sự hư hại nặng nề, biến dạng của những chiếc xe  -> Cuộc chiến tranh chống Mĩ ngày trở nên ác liệt.  =>**Hình ảnh những chiếc xe không kính làm nổi bật nhất sự khốc liệt của hiện thực chiến tranh** |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (5’)

\*Mục tiêu: HS rèn kỹ nảng đọc diễn cảm bài thơ. Hiểu được ý nghĩa nhan đề bài thơ

HT: Hoạt động cá nhân.

\* Các bước thực hiện:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Đọc diễn cảm lại bài thơ.

? Nhan đề bài thơ có gì độc đáo?

? Cảm nhận chung về những chiếc xe trong bài thơ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**\* Nhan đề bài thơ:** thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó: làm nổi bật hình ảnh những chiếc xe không kính. Hình ảnh này thể hiện sự gắn bó và am hiểu hiện thực chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn. Hơn thế nữa tác giả muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, vượt lên thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh.

**Hoạt động 4- 5: Vận dụng, tìm tòi** (1’) ( về nhà).

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về sự ác liệt của cuộc chiến tranh chống Mĩ

? Tìm đọc những bài viết về tác phẩm **Bài ...kính** của Phạm Tiến Duật và các bài thơ viết về chủ đề trên

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** - Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính

- Chuẩn bị phần còn lại:

+ Phân tích hình ảnh những người lính lái xe

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 49 BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

Ngày soạn: 18/10/20… ( Phạm Tiến Duật)

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**: Cảm nhận được nét độc đáo trong hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi trong bài thơ

Thấy được những nét riêng trong ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ..Đặc điểm thơ giàu chất hiện thực và lãng mạn

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng đọc, phân tích, cảm thụ bài thơ.

**3. Thái độ**: Giáo dục lòng yêu mến, cảm phục anh bộ đội.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sử dụng CNTT, năng lực thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ.

- Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

**II. Chuẩn bị:**

- Thầy: Chân dung Phạm Tiến Duật, soạn bài, bài hát, hình ảnh về người lính chống Mĩ

- Trò: Học bài cũ, đọc trước văn bản, chuẩn bị bài

**III. Tiến trình bài học**

1. Ổn định lớp **:** Ổn định trật tự. Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ :

? Cảm nhận về hình ảnh những chiếc xe không kính trong tác phẩm ?

**Hoạt động 1: Khởi động**(5’)

\* Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức lịc sử và mở rộng hiểu biết của mình đồng thời tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài mới.

B1: Gv cho HS nghe bài hát “ Bác đang cùng chúng cháu hành quân”

? Cảm nhận về hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức:** (35’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2 : Phân tích ( tiếp theo)**  \* Mục tiêu: HS hiểu được vẻ đẹp của những **người chiến sĩ lái xe**  \* Hình thức : Hoạt động nhóm, HĐ cá nhân.  \* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  B1: GV giao nhiệm vụ  HĐ cá nhân  ? ở ngay khổ 1, hình ảnh người lính được gợi tả qua lời thơ nào ?.  ? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ?  ? Người lính lái xe hiện lên trong tư thế ntn ?  ? Em hiểu ntn về hình ảnh nhìn thẳng trong lời thơ này?  GV nhấn mạnh ''nhìn thẳng''  ? Với tư thế đó, người lính lái xe đã cảm nhận được những gì trên đường ra trận?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giáBước Bước 4: GV chốt kiến thức  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**  B1: GV giao nhiệm vụ  ? ở những lời thơ này, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Đó là những cảm nhận như thế nào của những người lính?  ? Qua các lời thơ đó, em hiểu gì về những người lính lái xe?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giáBước Bước 4: GV chốt kiến thức  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**  ? Trên đường ra trận người lính lái xe phải trải qua khó khăn gì?  ? Xác định biện pháp nghệ thuật trong các câu thơ trên?  ? Qua các chi tiết trên em có cảm nhận gì về điều kiện tự nhiên nơi đây?  ? Trong hoàn cảnh ấy, điều kiện ấy, hình ảnh người lính lái xe hiện lên ra sao?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giáBước Bước 4: GV chốt kiến thức  **HĐ cá nhân**  **B1:GV giao nhiệm vụ**  ? Tìm những lời thơ gợi tả về tình đồng chí đồng đội của người lính lái xe?  ? Đoạn thơ trên có gì đặc sắc về nghệ thuật?  ? Đoạn thơ trên gợi tả điều gì?  ? Hình ảnh này khiến em nhớ đến lới thơ nào cũng viết về đề tài người lính  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giáBước Bước 4: GV chốt kiến thức  **GV giảng và liên hệ với bài thơ**  **Đồng chí.**  **HĐ cá nhân**  **B1:GV giao nhiệm vụ**  ? Tình cảm của những người lính lái xe được khắc họa trong câu thơ nào?  ? Em hãy nhận xét giọng thơ, hình ảnh thơ?  ? Khổ thơ miêu tả điều gì?  HS trình bày, nx  - GV : giảng( Đường ra trận mùa này đẹp lắm – TS đông nhớ TS tây)  ''Rất đẹp hình ảnh lúc nắng chiều. Bóng dài trên đỉnh núi treo leo...''  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**  **B1:GV giao nhiệm vụ**  ? Tìm biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ cuối ?  ? Em hiểu như thế nào về hình ảnh ''trái tim''?  ? Hai câu thơ thể hiện nội dung gì?  ? Cả khổ thơ cuối, tg sử dụng nghệ thuật gì?  ? Sự đối lập đó càng giúp em hiểu rõ điều gì?   * GV giảng   ? Cảm nhận chung của em về hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giáBước Bước 4: GV chốt kiến thức  ? Em có suy nghĩ gì về nhan đề bài thơ?  - Thêm từ **bài thơ về** :  +giải thích cho người đọc hiểu rõ một chủ đề rất mới lạ;  +Tăng tính trữ tình.  +Dụng ý của tác giả :- khai thác chất thơ từ hiện thực chiến tranh  - chất thơ của tuổi trẻ VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ  **-Tiểu đội xe không kính**: không phải con số cụ thể mà chỉ rất nhiều , rất nhiều những chiếc xe không kính, không mui làm nhiệm vụ chuyên chở nhu yếu phẩm, đạn dược để phục vụ cho tiền tuyến Miền Nam.  ? Qua bài thơ, em hiểu gì về tình cảm của tác giả ?  **- GVgiảng và liên hệ, giáo dục đạo đức**  **Hoạt động 3: Tổng kết**  **\*** Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức về ND và NT của bài  B 1: GV giao nhiệm vụ  Hình thức : HĐ cá nhân  ? Khái quát lại những đặc sắc về nghệ thụât của bài thơ?  ? Bài thơ giúp em cảm nhận gì về những người chiến sĩ lái xe TS trong thời kì chống Mĩ?  ? Từ hình ảnh những người lính lái xe trong bài thơ, em hiểu gì về thế hệ trẻ VN trong những năm tháng chiến tranh ác liệt?  Bước 2: Học sinh thảo luận theo cặp đôi  Bước 3: Học sinh sình bày, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại  - Đặc sắc nghệ thuật: hình ảnh độc đáo, mới lạ, ngôn ngữ gần văn xuôi, giàu chất thơ, giọng điệu ngang tàng, dí dỏm  - Hình ảnh người chiến sĩ lái xe TS: Hiên ngang, tinh thần lạc quan, lòng dũng cảm bất chấp mọi khó khăn, gian khổ, hiểm nguy với ý chí, khát vọng giải phóng MN thống nhất TQ | **I. Tìm hiểu chung**  **II. Phân tích**  **1. Hình ảnh những chiếc xe**  **2 Hình ảnh người chiến sĩ lái xe**  **\* Tư thế, phong thái**  Ung dung buồng lái ta ngồi  Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng  NT + Từ láy gợi hình  + Điệp từ, đảo ngữ  + Giọng thơ ngang tàng  -> Tư thế hiên ngang, tự tin  Làm chủ hoàn cảnh, “ nhìn thẳng” vào khó khăn+ tới đích miền Nam.  Nhìn thấy gió vào...  Nhìn thấy con đường...  Thấy sao trời...  Như sa như ùa...  + NT : ĐT mạnh . Nhịp thơ dồn dập, giọng thơ khỏe khoắn  + Điệp từ, nghệ thuật tả thực xen lãng mạn  -> Cảm nhận mới mẻ, độc đáo : Tốc độ xe chạy khẩn trương, con người và thiên nhiên như hòa hợp  => Kiên cường, phong thái ung dung  Không có kính…mau thôi  + NT: So sánh, ĐT mạnh, tả thực  Lặp cấu trúc, ngôn ngữ gần với đời sống hàng ngày,giọng thơ hóm hỉnh, ngang tàng,từ láy.  -> Thiên nhiên khắc nghiệt, gian khổ  => Tinh thần lạc quan, yêu đời, coi thường mọi gian khổ.  **\* Tình đồng chí, đồng đội**  Những chiếc...  Bắt tay qua cửa kính ...  +NT: Giọng thơ trẻ trung, hóm hỉnh  - Tiểu đội xe không kính trú quân nơi núi rừng TS  - Các anh bắt tay nhau qua cửa xe không kính  -> Động viên, quyết tâm lập công  Bếp Hoàng Cầm ta dựng...  Chung bát đũa ... gia đình đấy  Võng mắc chông chênh…  Lại đi, lại đi trời xanh thêm  + NT : Từ láy, điệp từ , ẩn dụ  - Chung bữa cơm, trò chuyện tâm tình  -> Anh em trong một gia đình  -> ý chí quyết tâm, lạc quan, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dt  => Tình cảm đồng chí gắn bó, keo sơn  Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước  Chỉ cần trong xe có một trái tim  NT + Hoán dụ (trái tim - người lính lái xe)  -> ý chí kiên cường , quyết tâm sắt đá vì sự nghiệp GPMN thống nhất đất nước - Nhiệm vụ cao cả, thiêng liêng.  +NT: đối lập (khó khăn><tinh thần người chiến sĩ)  => Tình yêu nước tha thiết, cháy bỏng  <=>Những người lính lái xe trẻ trung, dũng cảm, lạc quan, tình đồng chí gắn bó, yêu nước  - Tác giả yêu mến, ca ngợi ,khâm phục, tự hào về những người lính lái xe Trường Sơn trong chiến tranh chống Mĩ gian khổ.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:** Ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khoẻ khoắn.  **2. Nội dung**: Khắc hoạ hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp những khó khăn gian khổ và ý chí giải phóng miền Nam.  **\* Ghi nhớ** (SGK/133) |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (4’)

\*Mục tiêu: HS rèn kỹ nảng đọc diễn cảm bài thơ. Hiểu được ý nghĩa nhan đề bài thơ

HT: Hoạt động cá nhân.

\* Các bước thực hiện:

B1: GV giao nhiệm vụ

? Đọc diễn cảm lại bài thơ.

? Cảm nhận về những người chiến sĩ lái xe trong bài thơ?

? Hình ảnh người chiến sĩ lái xe gợi trong em suy nghĩ gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 4- 5: Vận dụng, tìm tòi** (1’) ( về nhà).

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Tìm gặp những cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Mĩ ở địa phương em và tìm hiểu thêm về cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc và chia sẻ với bạn bè về những thông tin em đã tìm hiểu được.

? Tìm đọc những tác phẩm viết về người lính trong cuộc kháng chiếm chống Mĩ

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** - Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính

- Hoàn thiện các bài tập

- Ôn kỹ phần Văn học trung đại để giờ sau kiểm tra

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

....................................................................................................................................

**TIẾT 50**

**KIỂM TRA TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiên thức:

- Giúp hs nắm lại những kiến thức cơ bản về truyện trung đại Việt Nam: những thể loại chủ yếu, những giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu.

- Qua bài kiểm tra đánh giá được trình độ của mình về các mặt kiến thức và năng lực diễn đạt.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng phân tích, khái quát

3. Thái độ: Giáo dục tinh thần tự giác làm bài

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

- Năng lực tự học, tự nghiên cứu

**II. Chuẩn bị:**

GV: Đề bài - đáp án và biểu điểm

HS: Ôn lại kiến thức về văn học trung đại

**III. Tiến trình bài học:**

1. Ổn định lớp **:** Ổn định trật tự. Kiểm tra sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới:

**MA TRẬN ĐỀ**

**KHUNG MA TRẬN - ĐỀ KIỂM TRA TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **câp độ tư duy** | | | | | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng** | | | |
| **TN** | | **TL** | | **TN** | | **TL** | | **Thấp** | | **Cao** | |
| **1.Các truyện trung đại** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Nhận biết được thể loại** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** | 1  1  10% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1**  1  10% |  |
| **2.Chuyện người con gái NX** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | **Hiểu giá trị về nội dung** |  |  |  | **Phân tích được ý nghĩa của chi tiết** |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Ti lệ** |  |  |  |  | 1  0,5  5% |  |  |  | **1**  **3**  **30%** |  |  |  | **2**  **3,5**  **35%** |  |
| **3. Truyện Kiều** |  |  |  |  | **Hiểu giá trị về nội dung** |  |  |  |  |  | **Cảm nhận được về nhân vật** |  |  |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** |  |  |  |  | 1  0,5  5% |  |  |  |  |  | **1**  **5**  **50%** |  | **2**  **5,5**  **55%** |  |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Ti lệ** | **1** |  |  |  | **2** |  |  |  | **1** |  | **1** |  | **5** |  |
| 1  10% |  |  |  | 1  10% |  |  |  | **3**  **30%** |  | 5  50% |  | 10  100% |  |

**ĐỀ BÀI:**

**Phần I: Trắc nghiệm**: (2,0 điểm)

**Câu 1:Nối cột A với cột B sao cho đúng tên tác phẩm và thể loại**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Tác phẩm** | **B. Thể loại** |
| A. Hoàng Lê nhất thống chí | 1. Truyện truyền kì |
| B. Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh | 2. Truyện nôm lục bát |
| C. Truyện Kiều | 3. Tiểu thuyết ch­ương hồi |
| D. Chuyện ngư­ời con gái Nam Xư­ơng | 4. Tuỳ bút |

**Câu 2**: **Ý nào nói đúng nhất giá trị nghệ thuật của phần kết : Chuyện ng­ười con gái Nam Xư­ơng?**

A. Tạo kết thúc có hậu

B. Hoàn chỉnh vẻ đẹp nhân cách Vũ Nư­ơng

C. Thể hiện tính bi kịch của truyện

D. Cả A, B, C

**Câu 3: Dòng nào nói đầy đủ nhất về giá trị nội dung của Truyện Kiều:**

A.Truyện Kiều có giá trị hiện thực

B.Truyện Kiều có giá trị hiện thực và nhân đạo

C.Truyện Kiều có giá trị nhân đạo

D.Truyện Kiều có giá trị lịch sử

**Phần II: Tự luận (**8,0 Điểm)

**Câu 1**: Phân tích ý nghia chi tiết cái bóng trong “ Chuyện người con giá Nam Xương” của Nguyễn Dữ

**Câu 2:** Qua đoạn trích: “Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du, em cảm nhận gì về nhân vật Thúy Kiều.

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**Phần I: Trắc nghiệm.**

Câu 1: + Mức tối đa (1đ) Nối đúng mỗi ý cho: 0,25đ

+ Mức chưa tối đa: Cho (0,75đ) nối đúng 3 ý; cho (0,5đ) Nối đúng 2 ý; Cho (0,25đ) Nối đúng 1 ý

+ Không cho điểm: Nối sai hoàn toàn

Câu 2: + Mức tối đa:( 0,5đ) Khoanh ý D

+ Không cho điểm: Khoanh ý khác hoặc không làm

Câu 3: + Mức tối đa:( 0,5đ) Khoanh ý B

+ Không cho điểm: Khoanh ý khác hoặc không làm

**Phần II: Tự luận:** (8,0 điểm)

**Câu 1:(3,0đ)**

\* Mức tối đa: (3,0đ) + Về nội dung đạt các yêu cầu sau:

+ Thể hiện tài kể chuyện của tác giả: thắt gỡ nút truyện bất ngờ, kịch tính

+ Góp phần thể hiện tính cách từng nhân vật ( Vũ Nương, TS, bé Đản....)

+ ẩn dụ cho số phận mong manh, nhỏ bé của người PN trong XH cũ -> mang gí trị tố cáo hiện thực

+ Thông điệp nhà văn gửi đến người đọc

**+** Hình thức: Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, trình bày sạch đẹp, chữ viết đúng chính tả

\* Mức chưa tối đa:

- Cho ( 2,0đ) Đảm bảo 2/3 yêu cầu trên, còn vài lỗi nhỏ

- Cho (1,0 – 1,5đ): Đảm bảo 1/2 yêu cầu trên, châm trước một số lỗi diễn đạt

\* Không cho điểm: Không đạt được yêu cầu nào hoặc bỏ không làm

**Câu 2: (5,0đ)** về nội dung cần đạt các yêu cầu sau:

\* Vẻ đẹp Thúy Kiều:

- Là người con hiếu thảo, vị tha, hi sinh tình yêu bán mình chuộc cha

- Luôn day dứt về đạo làm con chưa làm tròn chữ hiếu.

- Thủy chung trong tình yêu, dù đã trao duyên cho em vẫn không nguôi nhớ KT với mối tình đầu trong sáng.

**\*** Nỗi đau, nỗi bất hạnh của Thúy Kiều:

- Bi kịch điển hình của ngư­ời phụ nữ :

- Bị đẩy vào hoàn cảnh bi kịch: Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, một nơi mênh mông, hoang vắng. Ngày cũng như đêm chỉ thui thủi có một mình không người chia sẻ

- Nhớ thương da diết cha mẹ, người yêu.

- Nỗi buồn, lo sợ : +Buồn về thân phận tha hương, nhớ quê nhà

+ Buồn về thân phận lênh đênh, chìm nổi

+ Buồn về cuộc sống vô nghĩa, tẻ nhạt

+ Lo sợ khi linh cảm những tai ương, sóng gió sắp ập đến với mình

**+** Hình thức: Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, Sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí, trình bày sạch đẹp, chữ viết đúng chính tả.

\* Mức chưa tối đa:

- Cho ( 3,0-3,5đ) Đảm bảo 2/3 yêu cầu trên, còn vài lỗi nhỏ

- Cho (2,0- 2,5đ): Đảm bảo 1/2 yêu cầu trên, châm trước một số lỗi diễn đạt

- Cho ( 1,0-2,0đ) : Đảm bảo được 1/3 yêu cầu, một số lỗi sai chính tả, diễn đạt

\* Không cho điểm: Không đạt được yêu cầu nào hoặc bỏ không làm

**\* Củng cố:** Gv thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

**\* Hướng dẫn về nhà:-**  Xem lại các tác phẩm văn học trung đại đã học

- Soạn bài: Tổng kết từ vựng( tiếp theo)

**\* Rút kinh nghiệm**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tuần 11**

**Tiết 51 TỔNG KẾT TỪ VỰNG**

**Sự phát triển của từ vựng… Trau dồi vốn từ**

Ngày soạn: 25/10/20....

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học**:

1. Kiến thức:

- Tiếp tục hệ thống hoá những kiến thức về từ vựng đã học (sự phát triển của từ vựng, từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngũ và biệt ngữ XH, các hình thức trau dồi vốn từ.

- Biết vận dụng kiến thức đã học khi giao tiếp , đọc - hiểu và tạo lập văn bản.

- Hệ thống hoá các kiến thức về từ vựng đã học

2. Kỹ năng:

a. Kĩ năng bài học.

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng từ ngữ trong viết văn bản và trong giao tiếp.

b. Kĩ năng sống.

- Giao tiếp : Trao đổi về sự phát triển của từ vựng tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng tiếng Việt .

- Ra quyết định: Lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp .

3. Thái độ:

- Có ý thức sử dụng trong văn bản cũng như trong giao tiếp.

- Nghiêm túc xây dựng bài học , có ý thức vận dụng vào thực hành

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh.

- Năng lực tư duy.

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực học nhóm.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị của GV và HS**.

1. GV: Soạn giáo án, thiết bị dạy học, bảng phụ.

- PPDH tích cực: Thảo luận nhóm, cá nhân, thảo luận cặp đôi, pp đàm thoại, pp chơi trò chơi.

- KTDH tích cực: Thực hành: Luyện tập sử dụng từ theo những tình huống giao tiếp cụ thể phù hợp

- Hỏi và trả lời: Lần lượt hỏi và trả lời về nghĩa và cách sử dụng phương ngữ trong giao tiếp

2. HS: Đọc bài trước, hoạt động nhóm.

**III. Tiến trình lên lớp.**

1. Ổn định lớp **:**

2. Kiểm tra bài cũ : Lồng ghép trong giờ học

**Hoạt động 1: Khởi động**(5’)

\* Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức và mở rộng hiểu biết của mình đồng thời tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài mới.

**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai Nhanh hơn**

- Ba đội thi tìm từ mượn.

- Ba đội thi tìm từ nhiều nghĩa.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.

**HĐ2: Hình thành kiến thức :** (34’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **2.1: Sự phát triển của từ vựng… Trau dồi vốn từ + Từ tượng thanh, từ tượng hình...**  Mục tiêu : Học sinh hiểu và nắm vững Sự phát triển của từ vựng… Trau dồi vốn từ + Từ tượng thanh, từ tượng hình  Hình thức: Vấn đáp, trình bày, nêu ví dụ, phân tích, thảo luận.  Các bước tiến hành:  Bước 1 : GV giao nhiệm vụ  Bước 2,3 : HS thảo luận trả lời câu hỏi.  ? Nhắc lại khái niệm Sự phát triển của từ vựng  ? Em hãy cho biết các cách phát triển cuả từ vựng  - Yêu cầu học sinh điền vào chỗ trống | **I. Sự phát triển của từ vựng.**  **1. Khái niệm** |

**Các cách phát triển của từ vựng**

**Phát triển số lượng từ ngữ**

**Phát triển nghĩa của từ**

**Chuyển nghĩa**

**Thêm nghĩa**

**Vay mượn**

**Tạo từ mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Yêu cầu học sinh lấy ví dụ về các cách phát triển từ vựng?  ? Có thể có ngôn ngữ mà từ vựng chỉ phát triển theo cách phát triển số lượng từ ngữ hay không? Vì sao?  - Nhận xét – Kết luận  - Yêu cầu học sinh nhắc lại khái niệm.  - Yêu cầu học sinh chọn nhận định đúng  - Nhận xét – Kết luận  **2.2 Từ mượn**  ? từ mượn săm, lốp, ga, xăng, phanh …có gì khác với các từ mượ a – xít, rađiô, vi-da, mìn…?  ? HS làm bài tập  **2.3 Từ Hán – Việt**  ? Thế nào là từ Hán Việt?  ? Em hãy chọn quan niệm đúng trong các quan niệm ở bài tập 2  - Nhận xét – Kết luận  **2.4 Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội:**  ? Cho học sinh thảo luận về vai trò của thuật ngữ?  - Nhận xét – Kết luận  - Yêu cầu học sinh liệt kê 1 số từ ngữ là biệt ngữ XH  **Trau dồi vốn từ:**  ? Yêu cầu học sinh giải thích nghĩa của các từ trong bài tập 2 (SGK – 136)  - Sửa lỗi dùng từ trong các câu a, b, c. | **II. Từ mượn**  1. Khái niệm từ mượn  **-** Ngoài từ thuần Việt do nhân dân sáng tạo , chúng ta còn vay mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để biểu thị svht mà Tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.  - Bộ phận từ mượn nhiều nhất là mượn của tiếng Hán  Bên cạnh còn mượn của một số ngôn ngữ khác: Pháp, Anh, Nga...  -> Các từ mượn đã được Việt Hoá thì viết như từ thuần Việt. Đối với những từ mượn chưa được Việt hoá hoàn toàn nhất là những từ gồm 2 tiếng; ta nên dùng gạch nối để nối các tiếng với nhau.  - Từ Hán Việt : sứ giả, tráng sĩ, giang sơn, thế giới, nhân loại, quốc gia , độc lập, tự do, hạnh phúc , phụ nữ...  - Ngôn ngữ khác : Ma-két-tinh, In-tơ-nét, Bôn-sê-vích...  2. Chọn đáp án đúng  c. Tiếng Việt mượn nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác là để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt.  3. So sánh điểm khác  - Săm, lốp, ga, xăng, phanh... được Việt hóa hoàn toàn  -A-xít, vi-ta-min: từ mượn nhưng chưa được việt hóa hoàn toàn  **III. Từ Hán Việt**  **1.Khái niệm**  - Là những từ mượn của tiếng Hán nhưng được phát âm và dùng theo cách dùngcủa tiếng Việt.  2. Chọn đáp án đúng  b. Từ Hán Việt là bộ phận quan trọng của lớp từ mượn gốc Hán  **IV. Thuật ngữ và Biệt ngữ xã hội**  1. Khái niệm  - Là những từ ngữ biểu thị khái niệm KH công nghệ thường dùng trong văn bản KHCN.  - Khác với từ ngữ toàn dõn,biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong 1 tầng lớp XH nhất định.  VD: - Tầng lớp quý tộc thời phong kiến: ( Hoàng thượng, bệ hạ, thần, khanh...)  - Tầng lớp TTS trước cách mạng T8 ( cậu , mợ, quan lớn...)  - Tầng lớp HS,SV ( học gạo, học tủ, học lệch, tủ lệch, ngỗng, gậy...  2. KHCN phát triển, trình độ của con người ngày càng cao, nhu cầu giao tiếp và nhận thức của con người về các vấn đề KHCN cũng tăng vì vậy vai trò của thuật ngữ càng trở nên quan trọng hơn.  **V. Trau dồi vốn từ**  1. Hình thức trau dồi vốn từ  2. Học sinh giải thích  - Bách khoa toàn thư : Từ điển bách khoa ghi đầy đủ tri thức của ngành  - Bảo về mậu dịch : ( chính sách) bảo về sản xuất trong nước chống lại sự cạnh tranh (có thể không lành mạnh) của hàng hóa nước ngoài trên thị trường nước mình.  - Dự thảo : Văn bản mới ở dạng dự kiến, phác thảo, cần đưa ra một hội nghị của những người có thẩm quyền để thông qua.  3. Sửa lỗi  a. Thay ''béo bổ''  b. Đạm bạc -> tệ bạc  c. Tấp nập -> tới tấp |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn HS luyện tập**(5’)

Mục tiêu: Học sinh rèn kĩ năng làm bài tập để biết vận dụng kiến thức để củng cố chắc kiến thức trau dồi vốn từ…

Hình thức: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, thảo luận nhóm

Các bước thực hiện :

Bước 1 : GV Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu bài tập.

Bước 2 : HS thảo luận giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi.

**Bµi tËp**

- Phép ẩn dụ tu từ: từ “hoa; cánh” dùng để chỉ Thuý Kiều và cuộc đời của Kiều, từ “lá; cây” dùng để chỉ gđ của Kiều và cuộc sống của họ. ý nói Kiều bán mình để cứu gđ.

b. Phép so sánh tu từ: So sánh tiếng đàn của Kiều với “tiếng hạc; tiếng suối; tiếng gió thoảng; tiếng trời đổ mưa”

c. Phép nói quá: Thuý Kiều có sắc đẹp đén mức “hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.” Thuý Kiều không chỉ đẹp mà còn có tài: “1 hai nghiêng nước nghiêng thành; sắc đành đòi 1 tài đành hoạ 2.”

d. Phép nói quá: Gác Quan Âm, nơi Kiều bị Hoạn Thư bắt ra chép kinh, rất gần với phòng đọc sách của Thúc Sinh. Tuy cùng ở trong khu vườn nhà Hoạn Thư, gần nhau “trong gang tấc” nhưng giờ đây 2 người cách trở “gấp 10 quan san”.

e. Phép chơi chữ: tài và tai.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 4- 5: Vận dụng, mở rộng, tìm tòi** (1’) ( về nhà).

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Ghi chép lại những biệt ngữ xã hội thường được học sinh sử dụng, tiếp tục tìm và sửa những lỗi sai trong các bài kiểm tra.

? Sưu tầm những bài tập liên quan đến những kiến thức đã học, làm bài để củng cố kiến thức

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:** - Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Đoàn thuyền đánh cá

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

....................................................................................................................................

**Tiết 52- 53 ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

Ngày soạn: 25/10/20…. ( Huy Cận)

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt.**

1. Kiến thức:-Nêu được những hiểu biết về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm

- Hiểu được những cảm xúc của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngư dân trên biển.

- Hiểu được nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh đẹp, tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn trong bài thơ.

2. Kĩ năng: Có kĩ năng đọc hiểu, phân tích tác phẩm thơ hiện đại.

- Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động được đề cập đến trong tác phẩm.

3. Thái độ: HS yêu mến thiên nhiên, yêu lao động và có ý thức bảo vệ môi trường biển.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ: Cảm thụ được vẻ đẹp của thiên nhiên, biển cả, vẻ đẹp của con người lao động

- Năng lực tự học, tự nghiên cứu

- Năng lực hợp tác cặp đôi, nhóm

- Năng lực tạo lập văn bản

**II. Chuẩn bị :**

1. Thày : Nghiên cứu, soạn bài, tranh ảnh về Huy Cận .

2. Trò : Đọc soạn bài.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: Cảm nhận của em về người chiến sĩ lái xe trong Bài thơ...kính

3.Dạy bài mới.

**Hoạt động 1:Khởi động**. (5’)

Mục tiêu:Gợi sự chú ý,tạo tâm thế hứng thú chủ động học tập cho học sinh.dẫn dắt vào bài mới

- Hình thức: Hoạt động nhóm

- Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi, chia nhóm

Bước 1: GV cho học sinh quan sát một số hình ảnh về vùng biển Hòn Gai QN

- Hình ảnh 1: cảnh hoàng hôn trên biển

- Hình ảnh 2: cảnh một đoàn thuyền ra khơi

- Những hình ảnh trên gợi cho em liên tưởng đến vùng biển nào?

- Vùng biển ấy gợi cho em nhớ đến bài thơ nào? Của ai?

Bước 2: Học sinh thảo luận theo bàn

Bước 3: Học sinh trình bày hiểu biết, bổ xung cho nhau

Bước 4: GV nhận xét, chốt lại và dẫn chuyển vào bài: Bài thơ: Đoàn thuyền đánh cá l cà một bài thơ đặc sắc trong chùm thơ của Huy Cận viết về vùng biển Quảng Ninh - Hạ Long, ca ngợi cuộc sống lao động tập thể tràn tràn ngập niềm vui lãng mạn, hào hứng của những ngư dân ven biển. Không khí lao động hăng say của con người lao động và niềm vui lao độn động của họ được nhà thơ thể hiện như thế nào,tiết học hôm nay các em sẽ hiểu rõ.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức:** (35’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\* Hoạt động 2.1: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.**  Mục tiêu: Học sinh có những hiểu biết khái quát về tác giả, tác phẩm.  \*Hình thức tổ chức hoạt động nhóm,Thảo luận cặp đôi, cá nhân.  Bước 1**:** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ theo bàn, thảo luận với nội dung câu hỏi sau:  ? Em có biết gì về nhà thơ Huy cận  ? Bài thơ đoàn thuyền đánh cá được ra đời trong hoàn cảnh nào? được trích từ tập thơ nào của tác giả?  ? Nội dung bài thơ viết về điều gì?  Bước 2: học sinh thảo luận theo nhóm  Bước 3: Lần l­ượt các nhóm trình bầy, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, Bổ sung, chốt lại các ý chính về tác giả, tác phẩm  GV Hướng dẫn đọc bài thơ: Giọng vui tươi, khỏe khoắn, hứng khởi. GV đọc mẫu. HS đọc bài thơ  Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho học sinh trao đổi theo cặp đôi:  - Giải thích các từ khó ở phần chú thích  - Bài thơ thuộc thể thơ gì?  - Phương thức biểu đạt của bài thơ là gì?  - Bài thơ có thể chia làm mấy phần? nội dung từng phần?  Bước 2: Học sinh trao đổi theo cặp đôi  Bước 3: Học sinh trình bày kết quả trao đổi, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại  Thể thơ : 7 chữ  Phương thức: Miêu tả, biểu cảm  Bố cục :  Theo trình tự một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá .  - 2 khổ đầu : Cảnh ra khơi  - 4 khổ tiếp : Cảnh đánh cá trong đêm trăng trên biển.  - Khổ cuối :Trở về.  **Hoạt động 2.1:Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  \* Mục tiêu: HS cảm nhận được cảnh đoàn thuyền ra khơi giữa khung cảnh thiên kì vĩ, trong tâm trạng phấn khởi của người ngư dân  - Ca ngợi sự lao động bền bỉ, lạc quan của con người.  \* HĐ cá nhân, thảo luận nhóm( theo bàn )  B1: GV giao nhiệm vụ  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức  GV yêu cầu HS theo dõi khổ 1  ? Khung cảnh thiên nhiên khi đoàn thuyền ra khơi đánh cá được miêu tả qua hình ảnh thơ nào ?  ? ở lời thơ đầu, tg sử dụng BPNT nào?  ? Với những bpnt đó, em hình dung ntn về cảnh biển qua lời thơ trên?  - HS thảo luận, trình bày, bổ sung.  GV: giảng  - Điểm nhìn của nhà thơ là điểm nhìn tưởng tượng phải ở rất xa bờ mới thấy được vùng biển phía Tây nơi mặt trời đang lặn xuống giống như một hòn lửa khổng lồ. Cảnh này chỉ thấy ở mùa hè.  \*Với sự liên tưởng so sánh thú vị, Huy Cận đó miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật kì vĩ, tráng lệ như thần thoại. Vũ trụ như một ngụi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ với những lượn súng hiền hoà gối đầu nhau chạy ngang trờn biển như những chiếc then cài cửa. Phác hoạ được một bức tranh phong cảnh kì diệu như thế hẳn nhà thơ phải có cặp mắt thần và trái tim nhậy cảm. -Khi thiên nhiên bước vào trạng thỏi nghỉ ngơi thỡ con người bắt đầu làm việc.  ? Giữa khung cảnh ấy, đoàn thuyền được gợi ra bằng câu thơ nào?  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi.**  ? Em hiểu gì về nghĩa của cụm từ “Đoàn thuyền đánh cá” và từ “lại”trong câu thơ?  ? BPNT nào được tác giả sử dụng ở lời thơ ‘Câu hát...khơi’ ?  ? Tác dụng của BPNT trong lời thơ trên  ? Tại sao người ngư dân lại có tâm trạng như vậy trước công việc đánh cá đầy vất vả ?  - HS thảo luận, trình bày, bổ sung.  GV: giảng + Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết định dứt khoát. Đoàn ngư dân ào xuống đẩy thuyền ra khơi và cất cao tiếng hát khởi hành. Từ “lại” vừa biểu thị sự lặp lại tuần tự, thường nhật, liên tục mỗi ngày của cụng việc lao động vừa biểu thị ý so sánh ngược chiều với câu trên: đất trời vào đêm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động không ngớt vất vả.  + Hỡnh ảnh “câu hát căng buồm” - cỏnh buồm căng giú ra khơi- là ẩn dụ cho tiếng hỏt của những chàng trai biển vang xa hoà cùng mây trời sông nước . Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giầu cho Tổ quốc.Chỉ một câu hát mà nói được bao điều về thân phận của con người qua 2 chế độ .Tiếng hát thể hiện sự hào hứng phấn khởi say mê khi họ được làm chủ biển cả và làm chủ cuộc đời.  ? Câu hát của người ngư dân về biển được giới thiệu cụ thể qua những lời thơ nào?  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân  ? BPNT nào được tác giả sử dụng ở ba câu thơ trên ?  ? Với những BPNT trên, theo em tiếng hát của những người ngư dân có ý nghĩa như thế nào?  - HS trình bày  **-GV tích hợp với môi trường**  - HS hoạt động cá nhân với cả lớp.  ? Cùng với tình yêu biển , niềm hi vọng của người ngư dân được gợi tả qua lời thơ nào ?  ? Câu thơ có kết thúc ntn , cách kết thúc đó có tác dụng gì ?  ? Từ “ ta “ thuộc từ loại gì , thể hiện điều gì ?  ? Câu thơ giúp em hiểu gì về hi vọng của người ngư dân ?  GV: giảng  ? Đến đây em cảm nhận như thế nào về cảnh đoàn thuyền ra khơi?  - HS nêu ý kiến  ? Qua đó tác giả muốn ca ngợi điều gì?  **GV:** Niềm vui, niềm yêu đời, yêu lao động, yêu cuộc sống tự do - đó là tiếng hát của những người làm chủ quê hương giàu đẹp. ( Làm chủ thiên nhiên) | **I. Tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả ( SGK)**  - Cù Huy Cận (1919-2005).  - Quê : Hà Tĩnh.  - Ông nổi tiếng trong phong trào thơ mới.  - Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca Việt Nam hiện đại  **2. Tác phẩm**  \* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  - Bài thơ được viết năm 1958 , khi tác giả có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh  - Bài thơ được in trong tập thơ **Trời mỗi ngày lại sáng**  \* Đọc  \* Chú thích ( SGK)  \*Thể thơ : 7 chữ  \* Phương thức biểu đạt : Biểu cảm + miêu tả  \* Bố cục : 3 phần  + 2 khổ đầu : Cảnh đoàn thuyền ra khơi  + 4 khổ thơ tiếp : Cảnh đánh cá trên biển  + khổ cuối : Cảnh đoàn thuyền trở về  -> Bố cục theo hành trình của một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá.  **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Cảnh đoàn thuyền ra khơi.**  Mặt trời xuống biển như hòn lửa  Sóng đã cài then đêm sập cửa  + So sánh : Mặt trời như quả cầu lửa đang dần lặn xuống biển . + Hình ảnh thơ : khỏe khắn, kì vĩ, độc đáo.  +Liên tưởng, nhân hóa, Động từ mạnh  ->Thiên nhiên vũ trụ bước vào trạng thái nghỉ ngơi.  -> Bức tranh biển vào đêm kì vĩ , tráng lệ.  Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  Câu hát căng buồm cùng gió khơi  - Đoàn thuyền: Không phải vài ba con thuyền nhỏ mà là cả đoàn thuyền hùng dũng->khí thế tập thể  - ''Lại'' (phó từ tiếp diễn) : công việc đánh cá diễn ra thường xuyên, đầy vất vả.  + Hình ảnh đẹp, tráng lệ, ẩn dụ  -> Con người và thiên nhiên hòa hợp  ->Tâm trạng háo hức, sự phấn chấn của người lao động  => Niềm tin tưởng, lạc quan của người dân miền Bắc đối với công cuộc CNXH  Hát rằng **cá bạc biển đông lặng**  **Cá … thoi**  **Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng**  + ẩn dụ , so sánh , nhân hóa  -> Lời ngợi ca biển giàu đẹp, tình yêu của người ngư dân đối với biển  Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi !  + Câu thơ kết thúc bằng dấu chấm than  -> lời mời gọi đàn cá đến dệt lưới  + Đại từ “ ta” -> Sức mạnh tập thể,tâm trạng phấn khởi của người ngư dân khi được làm chủ biển cả  => Hi vọng đánh bắt được nhiều cá để làm giàu cho quê hương đất nước  => Cảnh đoàn thuyền ra khơi giữa khung cảnh thiên kì vĩ, trong tâm trạng phấn khởi của người ngư dân  - Ca ngợi sự lao động bền bỉ, lạc quan của con người.  -> yêu biển , yêu cuộc sống lao động của người ngư dân |

**Hoạt động 3: Luyện tập(4’)**

Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức bài học thông qua hệ thống bài tập

- Hình thức: học sinh hoạt động cá nhân

Bước 1: GV nêu yêu cầu

? Đọc diễn cảm bài thơ?

? Cảnh đoàn thuyền ra khơi được miêu tả như thế nào?

Bước 2: học sinh suy nghĩ làm bài

Bước 3: Học sinh trình bày kết quả, nhận xét nhau

Bước 4: GV nhận xét, bổ xung

**Hoạt động 4: Vận dụng, mở rộng ( về nhà) (1’)**

- Mục tiêu:Học sinh rèn kĩ năng làm bài tập để biết vận dụng kiến thức để củng cố chắc kiến thức của bài.

- HĐ cá nhân.

Gv: nêu yêu cầu:

? Em hãy đưa ra một số giải pháp để tránh ô nhiễm môi trường biển ở nước ta.

? Tìm đọc các bài viết về **Đoàn thuyền đánh cá** của Huy Cận.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học thuộc văn bài thơ. Nắm được những nét cơ bản trong khổ 1,2

- Soạn tiếp phần còn lại :+ Cảnh đoàn thuyền trên biển

+ Cảnh đoàn thuyền trở về

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 53 ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

Ngày soạn: 25/10/20…. ( Huy Cận)

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt.**

1. Kiến thức: - Hiểu được những cảm xúc của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngư dân trên biển.

- Hiểu được nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh đẹp, tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn trong bài thơ.

2. Kĩ năng: Có kĩ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm thơ hiện đại.

- Hiểu được sự thống nhất về cảm hứng thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về lao động của tác giả

3. Thái độ: Yêu mến thiên nhiên, yêu lao động.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ: Cảm thụ được vẻ đẹp của thiên nhiên, biển cả, vẻ đẹp của con người lao động

- Năng lực tự học, tự nghiên cứu

- Năng lực hợp tác cặp đôi, nhóm

- Năng lực tạo lập văn bản.

**II. Chuẩn bị :**

1. Thày : Nghiên cứu, soạn bài, tranh ảnh về Huy Cận .

2. Trò : Đọc soạn bài.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: Đoàn thuyền ra khơi được miêu tả như thế nào?

3.Dạy bài mới.

**Hoạt động 1:Khởi động**. (5’)

Mục tiêu: Gợi sự chú ý, tạo tâm thế hứng thú chủ động học tập cho học sinh.dẫn dắt vào bài mới

- Hình thức: Hoạt động nhóm( theo bàn)

Bước 1: **GV cung cấp một đoạn video về hình ảnh người ngư dân vùng biển**

**? Cảm nhận về hình ảnh người ngư dân trong video trên.**

Bước 2: Học sinh thảo luận theo bàn

Bước 3: Học sinh trình bày hiểu biết, bổ xung cho nhau

Bước 4: GV nhận xét, chốt lại và dẫn chuyển vào bài:

**HĐ 2: Hình thành kiến thức.** (34’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 2.1: Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển.**  \* Mục tiêu: HS cảm nhận được vẻ đẹp của đoàn thuyền khi ra khơi và vẻ đẹp của biển như thế nào.  - Hình ảnh đoàn thuyền khi ra khơi trở về.  HĐ cá nhân  Bước 1**:** Gv gọi học sinh đọc 4 khổ thơ tiếp theo. Sau đó nêu yêu cầu:  ? Tìm câu thơ miêu tả hình ảnh đoàn thuyền trên biển ?  ? Bpnt ở lời thơ trên?  ? Qua đó không gian được vẽ lên như thế nào?  ? Em thấy mối quan hệ giữa thiên nhiên, vũ trụ và con người như thế nào?  ? Cảm nhận về hình ảnh con thuyền và người ngư dân trong lời thơ?  - HS thảo luận , trả lời, bổ sung.  -GV:giảng-bình  ? Từ đây hình ảnh đoàn thuyền đánh cá được hiện lên qua lời thơ nào?  ? Cách sử dụng từ của tg có gì đặc biệt ,td?  ? Em hiểu gì về hình ảnh người lao động qua lời thơ trên?  - GV ;bình  **- GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn**  ? Trong câu hát của những người dân, họ đã nhắc đến những loài cá nào?  ? BPNT gì được sử dụng ?  ? Cảnh biển về đêm được hiện lên như thế nào?  - HS thảo luận và trình bày  **- HS hoạt động cá nhân**  ? Trong khung cảnh thiên nhiên ấy, hình ảnh người lao động được khắc họa qua lời thơ nào?  ? Tìm biện pháp nghệ thuật trong 2 câu thơ?  ? Nêu cảm nhận của em về hình ảnh thơ trên.?  ? Tiếng hát giúp em hiểu gì về tâm trạng của người ngư dân ?  ? Cảm nhận của người ngư dân về biển được gợi tả qua lời thơ nào ?  ? Tác giả sử dụng BPNT nào trong những lời thơ trên ?  ? Em hiểu được điều gì về biển qua nghệ thuật so sánh đó ?  -GV: giảng –bình  - GV tích hợp GD bảo vệ môi trường  ? Công việc đó kết thúc vào thời điểm nào?  ? Em hãy chỉ ra những BPNT được tác giả sử dụng trong những lời thơ trên?  - HS nêu ý kiến  ? Hai câu thơ giúp em hiểu gì về không khí lao động của người ngư dân ?  ? Qua đó em hình dung ntn về cảnh đoàn thuyền kết thúc công việc ?  ? Em hiểu gì về tâm trạng của người ngư dân qua bốn câu thơ trên ?  ? Em hiểu gì về nt xây dựng hình ảnh người lao động?  ? Cảm nhận chung về hình ảnh người lao động?  Bước 2: Học sinh các nhóm thảo luận  Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày kết quả, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, đánh giá các nhóm, chốt lại KT  - Thuyền có lái và có buồm, ng­ười lái con thuyền và thuyền lái gió đẩy thuyền  - Nếu nh­ư ở đoạn đầu, thiên nhiên chìm vào trạng thái nghỉ ngơi thì đến đoạn này, con người đã đánh thức thiên nhiên để thiên nhiên cùng lao động với con ng­ười. Thiên nhiên hoà nhập với không khí lao động của con ng­ười .Con thuyền không chỉ là của ta mà còn của cả thiên nhiên. TN cùng con ng­ười chỉ huy điều khiển đoàn thuyền. Trí t­ưởng t­ượng bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng đ­ược hình ảnh tuyệt đẹp.  => NT ẩn dụ: Hành động đánh cá của ngươì­ dân như­ chuẩn bị cho một trận đánh lớn với vũ khí là lư­ới.  - Đàn cá *: Cá nhụ, cá chim, cá đé...hồng*  -> NT liệt kê: Rất nhiều cá quý chen nhau đông đúc . D­ưới ánh trăng, màu sắc cá càng lấp lánh rực rỡ, cử động càng linh hoạt sinh động, làm trăng đẹp hơn, biển sáng hơn  => Biển đẹp lông lẫy như một bức tramh sơn mài  - Tiếng hát gọi cá của ngư­ời ngư­ dân thể hiện niềm vui say s­ưa hào hứng với công việc và thành quả lao động .  - Vầng trăng in xuống mặt nư­ớc, sóng xô bóng trăng d­ưới nư­ớc như­ gõ vào mạn thuyền thành hình ảnh nhịp trăng cao gõ thuyền xua cá vào l­ưới  -> Cái mới của sự sáng tạo nghệ thuật 1à hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ trí t­ưởng t­ượng đẹp của nhà thơ tạo nên cảnh lao động vừa đẹp, vừa vui, vừa nên thơ bởi sự hoà nhập con ng­ười và thiên nhiên cùng lao động.  - Biển cho ta cá như­ nguồn sữa mẹ nuôi lớn đời ta. Biển luôn ư­u đãi con ngư­ời  -> Sự biết ơn của tác giả với biển.  -> Hình ảnh đàn cá trong l­ưới rực rỡ sắc màu, t­ươi rói lấp lánh d­ưới ánh bình minh, vừa thể hiện sự giàu đẹp của biển quê hương vừa thể hiện hiệu quả tốt đẹp của buổi lao động.  -> Biển VN giàu đẹp, con ng­ười VN cần cù nhiệt tình lao động với tình cảm trí tuệ, tình yêu biển, yêu nghề.  **3. Cảnh đoàn thuyền trở về**  - Yêu cầu HS theo dõi khổ 7  Hoạt động cá nhân:  ? Tâm trạng của người ngư dân lúc trở về được miêu tả qua câu thơ nào?  ? So với câu thơ thứ 4 ở k1 , câu thơ này có gì đặc biệt ?  ? Câu hát lúc trở về thể hiện tâm trạng như thế nào của người ngư dân ?  ? Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về được gợi tả qua lời thơ nào ?  **-** GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi  ? Tìm biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ?  ? Cảm nhận về không khí, nhịp sống của người dân nơi đây ?  - HS thảo luận và trình bày  ? Hình ảnh những khoang thuyền đầy cá được gợi tả qua lời thơ nào ?  ? BPNT nào được sử dụng trong lời thơ này ?  ? Tác dụng của BPNT trong lời thơ trên  ? Từ ''hát'' được lặp lại nhiều lần trong bài có ý nghĩa gì?  ? Cảm nhận chung về bài thơ ?  - GV liên hệ với hoàn cảnh sáng tác...  ? Tình cảm của tg được thể hiện ntn qua bài thơ?  Hoạt động: Tổng kết  \* PP Hoạt động nhóm  \* Kĩ thuật: Lược đồ tư duy  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác.  **-** GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS khái quát về NT và nội dung của bài thơ bằng lược đồ tư duy  - HS làm việc và trình bày | **I.Tìm hiểu chung**  **II. Tìm hiểu chi tiết**   1. **Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển**   Thuyền ta lái gió với buồm trăng  Lướt giữa mây cao với biển bằng  +NT: Giọng thơ khỏe khoắn, mạnh mẽ hình ảnh kì vĩ, động từ mạnh, phóng đại ,liên tưởng táo bạo(gió trời là người lái, trăng trời là cánh buồm)  - Không gian mênh mông rộng lớn, khoáng đạt, giàu chất thơ ( vẻ đẹp lãng mạn )  - Thiên nhiên trở thành người bạn thân thiết của con người, cùng con người lao động.  ->Con thuyền đẹp, kì vĩ,đủ kích thước để hòa nhập với vũ trụ -> nâng cao vị thế người lao động  Ra đậu...vây giăng  +Động từ mạnh-> như đoàn quân thám hiểm, như người chiến sĩ  -> khẩn trương lao động, chủ động chinh phục tự nhiên trong niềm say sưa hào hứng, bằng ý chí, nghị lực ,sức mạnh  Cá nhụ…Hạ Long  +NT : liệt kê -> Sự giàu có, trù phú của biển, hình ảnh đẹp , nhân hóa  -> Thiên hiên gần gũi, sống động  -> Biển đẹp lung linh, huyền ảo (vừa thực vừa thơ) màu sắc tươi sáng, rực rỡ  Ta hát bài ca gọi cá vào  Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao  + Nhân hóa, bút pháp lãng mạn,liên tưởng đẹp (tiếng hát gọi cá vào lưới, nhịp trăng cao gõ thuyền xua cá vào lưới)  ->Con người hòa nhịp cùng thiên nhiên trong công việc tạo thành bài ca lđ nhịp nhàng.  ->Người ngư dân phấn chấn, lạc quan  Biển cho…buổi nào  + So sánh biển với tấm lòng người mẹ.  -> Biển thủy chung, ân tình , nuôi lớn người ngư dân không chỉ về thể xác mà cả về tâm hồn  Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng  Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng  Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông  Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng  +NT: Hình ảnh đẹp, hình ảnh có tính tạo hình cao, động từ mạnh, từ ngữ gợi tả (bạc, vàng, hồng), ẩn dụ “ chùm cá nặng”  - Khẩn trương gấp gáp chạy đua cùng thiên nhiên  ->Đoàn thuyền kết thúc công việc trong khung cảnh thiên nhiên rực rỡ, với niềm vui, hồ hởi - kết thúc thắng lợi.  -> Công việc nặng nhọc, vất vả nhưng tràn đầy niềm vui, hăng hái.  ->Hình ảnh người lđ được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn  =>Con người lao động hăng say, làm chủ thiên nhiên  **3.Cảnh đoàn thuyền trở về:**  Câu hát căng buồm với gió khơi  + Lặp lại câu thơ k1 , khác cách dùng từ “ cùng” và “ với”  -> Niềm vui của người ngư dân trước một đêm đánh cá bội thu  Đoàn thuyền... nhô màu mới  NT+ Nhân hóa ,bút pháp lãng mạn  + Giọng thơ khỏe khoắn,  +Động từ  ->Nhịp sống hối hả khẩn trương của vùng biển Quảng Ninh trong công cuộc xây dựng CNXH, “màu mới” – một cuộc sống đang bắt đầu  Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi  + Hoán dụ  ->Những con cá mang đến ấm no , hạnh phúc cho người dân nơI đây  -> Niềm sung sướng hân hoan của người lao động khi được làm chủ cuộc đời  <=> Bài thơ như một khúc hát hào hứng, mê say làm tăng vẻ đẹp của công việc và người lao động -> Đó là cuộc sống yên vui, thanh bình  - Tác giả : ca ngợi, tự hào... về cuộc sống mới, yêu lao động, yêu thiên nhiên  III. Tổng kết  1. Nghệ thuật:  - Xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng  - Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng  - So sánh, nhân hoá....  2. Nội dung:  Ca ngợi thiên nhiên, con người lao động; thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động  Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. |

**Hoạt động 3: luyện tập**(2’)

Mục tiêu: Củng cố và khắc sâu kiến thức vừa học.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho học sinh

? Vì sao bài thơ được gọi là khúc tráng ca?

Bước 2: Học sinh trao đổi

Bước 3: học sinh lí giải, nhận xét, bổ xung cho nhau

Bước 4: GV nhận xét, chốt lại: Âm điệu khỏe khoắn, bay bổng, tràn đầy cảm hứng lãng mạn, màu sắc lung linh kì ảo. xuyên suốt bài thơ là tiếng hát ca ngợi con người lao động, ca ngợi biển cả giàu đẹp

**Hoạt động 4: vận dụng**(3’)

Mục tiêu: Rèn kĩ năng viết đoạn văn nghị luận văn học

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho học sinh

? Viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh người lao động ở địa phương em trong công cuộc xây dựng đất nước.

Bước 2: Học sinh trao đổi

Bước 3: học sinh lí giải, nhận xét, bổ xung cho nhau

Bước 4: GV nhận xét, chốt lại

**Hoạt động 5: tìm tòi và mở rộng**(1’) ( Về nhà)

Mục tiêu:có những hiểu biết vềcác bài thơ viết về người lao động, viết về biển nước ta

- Tìm đọc các bài thơ viết về người lao động, viết về biển nước ta

- Về tập vẽ tranh cảnh biển.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Nghị luận trong văn bản tự sự.

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 54 NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

Ngày soạn: 25/10/20......

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức: Hiểu thế nào là nghị luận trong văn bản tự sự.

- Hiểu được mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự và tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

2. Kĩ năng: Biết cách sử dụng yếu tố nghị luận khi làm văn tự sự.

- Phân tích được các yếu tố nghị luận trong một văn bản tự sự cụ thể

3. Thái độ: Có ý thức học tập tự giác.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.

- Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ.

**II. Chuẩn bị**

1. GV: Soạn bài, tham khảo tài liệu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Lão Hạc, Thúy Kiều báo ân báo oán

+ Văn - TLV : Văn tự sự, nghị luận

2. Hs: Học và xem trước các câu hỏi SGK

**III. Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2.Kiểm tra bài cũ: KT sự chuẩn bị của hs

3.Dạy bài mới.

**\* Hoạt động1: khởi động**(5’)

GV cung cấp hai đoạn văn tự sự cùng nội dung ( Một đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả, một đoạn văn tự sự vừa có yếu tố miêu tả vừa có yêu tố nghị luận).

? So sánh hai đoạn văn trên?

Gv: dẫn dắt vào bài mới.

**Hoạt động 2: hình thành kiến thức.** (37’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2.1: Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự**  Mục tiêu:Hs thấy được vai trò của yếu tố NL trong vb tự sự (làm cho câu chuyện thêm phần triết lý)  \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não .  \*Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.   * GV cho HS đọc các VD – SGK * GV yêu cầu HS thảo luận nhóm(3 nhóm) * Thời gian 5p   ? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?  ? Ngoài ra còn sử dụng PTBĐ nào?  ? Đoạn này có nội dung gì?  ? Suy nghĩ của ông giáo diễn ra như thế nào?  - HS thảo luận, trình bày, bổ sung.  Gv chốt kiến thức  Hoạt động cá nhân.  Phương pháp vấn đáp.  Kĩ thuật đặt câu hỏi  ? Trong quá trình lập luận, tác giả đã dùng những từ ngữ, kiểu câu nào?  ? Nhận xét cách lập luận trong đoạn văn trên?  ? Cách lập luận đó có phù hợp với tính cách của ông giáo không. Đó là tính cách gì?  - GV cho HS liên hệ việc đánh giá nhận xét một con người.  Hoạt động cá nhân.  Phương pháp vấn đáp.  Kĩ thuật đặt câu hỏi  Hướng dẫn hs tìm hiểu nội dung theo gói câu hỏi sau:-Hs trả lời  ? PTBĐ chính của đoạn thơ. Ngoài ra còn sử dụng yếu tố nào?  ? Nội dung là gì?  ? Trong phiên tòa đó, ai là quan tòa, ai là bị cáo?  Gv chốt  **- GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu HS thảo luận**  ?Thúy Kiều đã luận tội Hoạn Thư như thế nào? Em có nhận xét gì lập luận này?  ? Hoạn Thư biện minh cho mình bằng những lí lẽ nào?  ? Sau khi Hoạn Thư tự bào chữa, Kiều xử án như thế nào?  ? Nhận xét cách lập luận của Hoạn Thư? Cách lập luận của Hoạn Thư cho thấy Hoạn Thư là người như thế nào?  - HS trình bày và NX  Gv chốt kiến thức.  - GV sử dụng kĩ tuật động não  ? Yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự được sử dụng trong trường hợp nào?  ? Trong văn nghị luận, người ta thường dùng những loại từ và câu nào?  - HS trình bày các ý kiến  ? Như vậy em thấy yếu tố nghị luận có vai trò gì trong văn bản tự sự?  ? Qua phân tích 2 ví dụ trên, em hiểu thế nào là yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự và tác dụng của nó.  GV: gọi HS đọc ghi nhớ  **Hoạt động3 : luyện tập**  Mục tiêu: Củng cố kiến thức vai trò của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.  \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi.  \*Năng lực : HS có năng lực tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo 3 nhóm  ? Lời văn trong đoạn trích ''Lão Hạc'' ở mục I(1) là lời của ai  ? Người ấy đang thuyết phục ai. Thuyết phục điều gì.   * HS trình bày   GV hướng dẫn HS làm bài tập dựa vào kết quả thảo luận ( VD b)  Bước 1 :Giao nhiệm vụ cho từng nhóm  Bước 2: Học sinh thảo luận  Bước 3: Đại diện nhóm trình bày kết quả bài tập, nhận xét nhau  Bước 4: GV nhận xét, chốt KT | **I. Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự**  1. Tìm hiểu ví dụ  a. Ví dụ 1(SGK/137)  \* PTBĐ chính : Tự sự  ( Ngoài ra còn có yếu tố nghị luận )  \* Nội dung : Suy nghĩ nội tâm của ông giáo về tính cách của người vợ, tự thuyết phục mình.  \* Trình tự :  -ý kiến : Nếu không tìm hiểu -> không thể hiểu được những người xung quanh  - Nhận xét : Vợ tôi không ác nhưng do thị khổ quá  Lập luận :  + Một người đau khổ chỉ nghĩ đến chân đau  + Khi khổ quá không nghĩ đến ai  + Bản tính tốt bị che lấp bởi : lo, buồn đau   * Kết luận : Tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận.   . Các từ lập luận ( đâu, vậy, nhưng...)  . Dùng kiểu câu ghép, câu khẳng định, phủ định, câu ghép có cặp từ hô ứng  -> Lập luận chặt chẽ, rõ ràng đạt được mục đích là thuyết phục được mình.  => Lập luận phù hợp tính cách nhân vật ông giáo ( có học thức, hiểu biết, giàu lòng thương người, luôn nghĩ suy, trăn trở, dằn vặt về cách sống, cách nhìn người, nhìn đời...)  **b. Ví dụ 2** (SGK/137+138)  \* PTBĐ : Tự sự  ( Kết hợp yếu tố nghị luận )  \* Nội dung : Cuộc xử án của Thúy Kiều với Hoạn Thư ( Kể về cuộc đối thoại giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư nhưng dưới hình thức nghị luận - phiên tòa )  \* Trình tự :  - Kiều luận tội Hoạn Thư :  + Đàn bà dễ có mấy tay... mấy mặt... mấy gan  + Càng cay nghiệt... càng oan trái nhiều  -> Lập luận chưa rõ ràng, chưa chỉ ra tội của Hoạn Thư.  - Hoạn Thư tự bào chữa :  + Là đàn bà ghen tuông là chuyện thường.  + Đối xử tốt với Kiều (khi ở gác viết kinh, khi trốn)  + Cảnh chồng chung khó lường  + Nhận mọi tội - xin Kiều khoan dung  -> Kết án : Hoạn Thư được tha  - Lập luận rõ ràng, khúc chiết (đánh vào tâm lí của Kiều cũng là một người đàn bà) -> Hoạn Thư : sắc sảo, khôn ngoan, bản lĩnh  + Nội dung : Sử dụng trong các cuộc đối thoại, độc thoại. Người nói nêu các ý kiến, nhận xét.  + Hình thức :  . Từ nghị luận ( tại sao, đúng vậy...)  . Câu kđ, phủ định, cặp từ hô ứng  . Cách lập luận phù hợp từng nhân vật  -> Câu chuyện thêm phần triết lí  2. Ghi nhớ (SGK/138)  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1** ( SGK/139 )  - Là lời ông giáo Thứ  - Thuyết phục chính mình rằng :''vợ mình không ác nhưng do thị khổ quá nên chỉ buồn chứ không nỡ giận''  -> Từ đó thuyết phục mọi người về việc hiểu người, hiểu đời...  **Bài tập 2** ( SGK/139)  Tóm tắt lí lẽ của Hoạn Thư để chứng minh lời khen của nàng Kiều  - Tôi là đàn bà nên ghen tuông là chuyện thường tình  - Ngoài ra tôi đối xử tốt với cô (khi ở gác viết kinh, không đuổi theo khi cô bỏ trốn ra khỏi nhà)  - Tôi và cô trong cảnh chồng chung, chắc ai nhường cho ai.  - Hoạn Thư gây đau khổ cho Thuý Kiều → chỉ trông nhờ vào sự khoan dung độ lượng của Thuý Kiều |

**Hoạt động4: vận dụng**(3’)

Mục tiêu: Rèn kĩ năng viết văn tự sự có yếu tố nghị luận.

? Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yêu tố nghị luận để thuyết phục bạn cần trung thực trong thi cử

**Hoạt động5: tìm tòi và mở rộng**(1’)

Mục tiêu: có hiểu biết và nhận diện PTBĐ tự sự có yếu tố nghị luận.

- Tìm đọc các bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Tổng kết về từ vựng( tiếp theo)

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 51 TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG ( Tiếp )**

**( Từ tượng hình, tượng thanh, một số phép tu từ từ vựng)**

Ngày soạn: 25/10/20....

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức: Nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 -> 9 : Từ tượng hình, từ tượng thanh, một số phép tu từ từ vựng.

- Hiểu được tác dụng của việc sử dụng các từ tượng hình,tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

2. Kĩ năng: Có kĩ năng nhận diện và phân tích tác dụng của các từ tượng hình, tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

3. Thái độ: Có ý thức tự học, hệ thống hóa kiến thức.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ

**II. Chuẩn bị**

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu , phiếu học tập

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Tích hợp với phần TV đã học từ lớp 6 -> 9

2. Trò: - Ôn lại phần lí thuyết

**III.Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ.

**Hoạt động 1: Khởi động**(5’)

\* Mục tiêu: HS ôn lại kiến thức và mở rộng hiểu biết của mình đồng thời tạo tâm thế cho HS tiếp thu bài mới.

**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai Nhanh hơn**

**GV cho HS chơi trò chơi tiếp sức trong 5 phút đội nào tìm được nhiều từ tượng hình và từ tượng thanh nhất thì đội đó thắng.**

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.

**HĐ2: Hình thành kiến thức :** (33’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| * 1. **Từ tượng thanh và từ tượng hình**   - Mục tiêu : Học sinh hiểu và nắm vững Từ tượng hình, từ tượng thanh, một số phép tu từ từ vựng.  - Hình thức: Vấn đáp, trình bày, nêu ví dụ, phân tích, thảo luận.  **Các bước tiến hành:**  \* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP luyện tập thực hành  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não,  Thảo luận nhóm  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.  ? Thế nào là từ tượng thanh?  ? Thế nào là từ tượng hình?  ? Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh ?   * HS nêu ý kiến   - **GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**  ? Xác định từ tượng hình và giá trị sử dụng của chúng trong đoạn trích sau ?   * HS trình bày   **? Một số phép tu từ từ vựng**  ? Nêu khái niệm các BPTT và lấy vd minh họa  - HS trình bày (3 HS - đại diện 3 nhóm trình bày 3 BPTT)  - **GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thảo luận**  ? Phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ ?  - Nhóm 1 : Câu a  - Nhóm 2 : Câu b  - Nhóm 3 : Câu c  - Nhóm 4 : Câu d  Bước 2: H/S thảo luận theo nhóm, thực hiện yêu cầu được giao  Bước 3; các nhóm trình bày kết quả, nhận xét, bổ xung nhau  Bước 4: GV nhận xét kết quả từng nhóm, sau đó chốt lại  **HS làm bài tập 2**  - **GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm** ( Nhóm 1+2: a,b, nhóm 3+4: c,d)  - Xác định biện pháp nghệ thuật và tác dụng?  Bước 2: H/S thảo luận theo nhóm, thực hiện yêu cầu được giao  Bước 3; các nhóm trình bày kết quả, nhận xét, bổ xung nhau  Bước 4: GV nhận xét kết quả từng nhóm, sau đó chốt lại  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở câu e | **I. Từ tượng thanh và từ tượng hình**  1. Khái niệm  **-Từ tượng thanh**: là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người.  **-Từ tượng hình**: là những từ gợi tả h/ả, dáng vẻ, trạng thái của sự vật  2. *Bài tập*  *Bài 1 :*  - Tắc kè, tu hú, chèo bẻo, cuốc,bò....  Bài 2 :  - Các từ tượng hình : lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ...  - Tác dụng : Miêu tả đám mây một cách cụ thể, sinh động.  **II. Một số phép tu từ từ vựng**  1. Khái niệm  **2. Bài tập**  ***Bài 1:***  a. ẩn dụ:  + ''Hoa, cánh'' -> chỉ Thúy Kiều và cuộc đời của nàng  + ''cây, lá'' -> chỉ gia đình Kiều  -> Cả ''hoa, cánh, cây, lá'' đều đẹp nhưng rất mong manh trước bão tố của cuộc đời.  b. So sánh  - Tiếng đàn được so sánh với các âm thanh của tự nhiên -> Nhấn mạnh tiếng đàn với nhiều cung bậc khác nhau đều có hồn  c. Nói quá, nhân hóa :  - Cái đẹp của thiên nhiên ''hoa, liễu'' tác giả đã hoàn mĩ nhưng vẫn thua cái đẹp của Kiều  - Người tài năng như Kiều cũng chỉ có một vài người trong thiên hạ.  -> Nhấn mạnh vẻ đẹp về nhan sắc, tài năng của Kiều.  d. Nói quá  -Tuy gần nhau ‘trong gang tấc’ mà giờ đây hai người đã cách trở ‘gấp mười quan san’  **Bài 2**:  a. - Điệp từ' ''còn''  - Dùng từ nhiều nghĩa ''say sưa''  -> Tình cảm của chàng trai đối với cô gái  b. Nói quá  -> Nhấn mạnh sự trưởng thành và khí thế của nghĩa quan Lam sơn  c. So sánh  - So sánh tiếng suối với tiếng hát xa -> Thiên nhiên gần gũi con người.  - Như vẽ -> Không gian thanh bình, thơ mộng.  => Thể hiện tinh thần lạc quan CM của một tâm hồn thi sĩ  d. - Điệp từ  - Nhân hóa  -> Trăng và người có mối quan hệ thân thiết, đồng cảm...  e. ẩn dụ : Mặt trời 2  -> Con là mặt trời, là hi vọng của mẹ |

**Hoạt động 4: Vận dụng(5’)**

Mục tiêu: Củng cố khắc sâu kiến thức đã học. Rèn kỹ năng viết đoạn văn.

\* Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức, đồng thời vận dụng kiến thức mới đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

HĐ cá nhân:

**?** Viết đoạn văn về chủ đề quê hương . Trong đoạn văn có sử dụng từ láy tượng hình và tượng thanh, một số BPTT.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- B3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá.

- B4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: Mở rộng.**(1’) ởnhà

\* Mục tiêu: Củng cố khắc sâu kiến thức đã học. Rèn kỹ năng viết đoạn văn.

\* HĐ cá nhân:

? Tìm đọc các tài liệu ( sách, mạng) có thêm kiến thức về các BPTT

? Ôn lại các khái niệm. Hoàn thành các bài tập

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài : Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

**\* Rút kinh nghiệm:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tuần 12 TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

Ngày soạn: 27/10/20….

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức:

- Qua tiết trả bài h/s tự nhận xét, đánh giá được ưu nhược điểm trong bài làm của mình về nội dung kiến thức, kĩ năng làm bài. Từ đó xác định được phương hướng học tập phần văn bản mới, củng cốphần văn bản trung đại

- Vận dụng kiến thức các văn bản để làm bài cụ thể

2.Kĩ năng: Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra 1 tiết, kĩ năng khái quát kiến thức

3. Thái độ: Giáo dục tinh thần tự giác làm bài

4. Định hướng năng lực

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mí

- Năng lực hợp tác nhóm

- Năng lực tự học

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Chấm bài, nhận xét ưu nhược điểm

- HS: Xem lại yêu cầu của đề bài

**III. Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới. (40’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt đông 1: Khởi động**  - Hình thức: Hoạt động nhóm  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  Bước 1: GV nêu vấn đề thảo luận  ? Trong phần văn học trung đại lớp 9, các em đã học các phẩm nào? Của những tác giả nào?  ? Nội dung cơ bản của các tác phẩm văn học trung đại đó đề cập vấn đề gì?  Bước 2: Học sinh thảo luận  Bước 3: Đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm nhận xét nhau  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, chốt lại:  - Các tác phẩm văn học trung đại: Chuyện người con gái NX – nguyễn Dữ, Hoàng lê nhất thống chí – Ngô gia văn phái, Chuyện cú trong phủ chúa Trịnh – Phạm Đình Hổ, Truyện Kiều – Nguyễn Du  - Nội dung: Phản ánh hiện thực đen tối của XHPK, số phận con người, đặc biệt là người phụ nữ.  - Trong tiết học tuần trước các em đã vận dụng kiến thức về văn bản để làm bài kiểm tra về văn học trung đại. Tiết học này cô sẽ trả bài để các em thấy được kết quả của bài làm, từ đó thấy được ưu, nhược điểm của mình trong bài làm.  **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng:**  - Hình thức; Hoạt động theo cặp đôi  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  I. Tìm hiểu yêu cầu của đề  Mục tiêu:Hs xác định yêu cầu của đề bài đặt ra.  Bước 1: GV treo bảng phụ có chép đề bài, giao nhiệm vụ: Phần trắc nghiệm câu 1, câu 2 cần đạt yêu cầu gì?  - Phần tự luận: câu 1: cần đạt yêu cầu gì về nội dung và hình thức?  - Câu 2: Cảm nhận về nhân vật Kiều cần đảm bảo các đặc điểm nào của nhân vật?  Bước 2: Học sinh thảo luận theo cặp đôi  Bước 3: Học sinh trình bày, nhận xét nhau  Bước 4: GV nhận xét, bổ xung và chốt lại KT  II. Trả bài, nhận xét, đánh giá:  Mục tiêu:Hs nhận ra ưu điểm và tồn tại trong bài làm của mình.  Bước 1: GV trả bài cho học sinh, sau đó nhận xét chung bài làm của học sinh.  Bước 2: Học sinh lắng nghe  Bước 3: Học sinh đọc lại bài làm của mình, tự nhận ra lỗi sai dựa trên lời phê của cô giáo.  Bước 4: Quan sát, hướng dẫn học sinh phát hiện lỗi sai  **Hoạt động 3: Luyện tập**  Mục tiêu:Hs nhận ra lỗi và sử lỗi bài làm đã mắc phải.  - Hình thức: Hoạt động cặp đôi  - Kĩ thuật DH: Đặt câu hỏi  Bước 1: GV yêu cầu học sinh sửa lỗi sai  Bước 2, 3: Học sinh sửa lỗi sai, có thể đổi bài cho nhau cùng sửa  Bước 4: GV Quan sát, uốn nắn cho học sinh | **I. Yêu cầu của đề bài:**  1. Trắc nghiệm:  - Câu 1: Xác định đúng thể loại của từng văn bản để nối  - Câu 2: Khoanh chính xác vào ý đúng nhất.  2. Tự luận:  - Câu 1: Phân tích được ý nghĩa của chi tiết cái bóng:  + Về nội dung đạt các yêu cầu sau: Chi tiết cái bóng:  + Thể hiện tài kể chuyện của tác giả: thắt gỡ nút truyện bất ngờ, kịch tính  + Góp phần thể hiện tính cách từng nhân vật ( Vũ Nương, TS, bé Đản....)  + ẩn dụ cho số phận mong manh, nhỏ bé của người PN trong XH cũ -> mang gí trị tố cáo hiện thực  + Thông điệp nhà văn gửi đến người đọc  + Hình thức: Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, trình bày sạch đẹp, chữ viết đúng chính tả  Câu 2: Trình bày khái quát, đầy đủ các đặc điểm của nhân vật Thúy Kiều  - Vẻ đẹp :  + Thúy Kiều:  - Là người con hiếu thảo, vị tha, hi sinh tình yêu bán mình chuộc cha  - Luôn day dứt về đạo làm con chưa làm tròn chữ hiếu.  - Thủy chung trong tình yêu, dù đã trao duyên cho em vẫn không nguôi nhớ KT với mối tình đầu trong sáng.  \* Nỗi đau, nỗi bất hạnh:  + Thúy Kiều: - bi kịch điển hình của ngư­ời phụ nữ :  - Bị đẩy vào hoàn cảnh bi kịch: Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, một nơi mênh mông, hoang vắng. Ngày cũng như đêm chỉ thui thủi có một mình không người chia sẻ  - Nhớ thương da diết cha mẹ, người yêu.  - Nỗi buồn, lo sợ :  +Buồn về thân phận tha hương, nhớ quê nhà  + Buồn về thân phận lênh đênh, chìm nổi  + Buồn về cuộc sống vô nghĩa, tẻ nhạt  + Lo sợ khi linh cảm những tai ương, sóng gió sắp ập đến với mình  + Hình thức: Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, Sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí, trình bày sạch đẹp, chữ viết đúng chính tả.  **II. Nhận xét**  \* Ưu điểm:  - Phần trắc nghiệm làm tương đối tốt thể hiện việc nắm tên tác giả - tác phẩm, nội dung nghệ thuật đặc sắc và thể loại của tác phẩm đã có tiến bộ. Kĩ năng làm bài trắc nghiệm: đạt yêu cầu  - Phần tự luận đa số nắm được yêu cầu của đề  - Phân tích được những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật  - Bài viết tốt: Thúy, M.Anh,,....  \* Nhược điểm:  - Đọc đề, hiểu đề còn chưa chính xác: câu trắc nghiệm số 1,  - Chưa biết khái quát kiến thức về đặc điểm của nhân vật Thúy Kiều  - Đưa dẫn chứng chưa chính xác  - Kĩ năng làm bài tự luận còn yếu: phần lớn kể lể, liệt kê dẫn chứng, ít biết sử dụng lí lẽ, để lập luận  - Diễn đạt yếu, vụng về.  - Trình bày bài còn thiếu thẩm mĩ: chữ xấu, bẩn, gạch xoá lung tung |

**Hoạt động 4: Vận dụng**(4’)

Mục tiêu:tham khảo một số bài làm tốt của hs để rút kinh nghiệm bài là của mình.

Bước 1: GV lựa chọn một số bài làm tốt, cho học sinh đọc và yêu cầu học sinh đưa ra nhận xét.

Bước 2: Học sinh đọc, thảo luận theo cặp về bài được đọc

Bước 3: Học sinh trình bày ý kiến nhận xét các bài vừa đọc

Bước 4: GV nhận xét các ý kiến của học sinh và chốt lại. Sau đó cho học sinh tiếp tục sửa chữa và hoàn thiện bài của mình.

**Hoạt động 5:** Mở rộng, bổ sung, phát triển ý sáng tạo. (1’)

Mục tiêu: Củng cố kiến thức rút kinh nghiệm bài làm của mình.

GV giao về nhà: Tiếp tục sửa lỗi

**\* Dặn dò :**

- Học bài, làm lại bài tập vào vở soạn

- Soạn bài : Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ.

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 57 KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ**

**( Hướng dẫn đọc thêm ) Nguyễn Khoa Điềm**

Ngày soạn: 27/10/20…..

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Về kiến thức**:

- Hướng dẫn học sinh cảm nhận được tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ dân tộc Tà Ôi, từ đó hiểu được tình yêu quê hương đất nước và khát vọng độc lập tự do của nhân dân ta trong thời kì lịch sử này . Giọng điệu thơ thiết tha ngọt ngào, kết cấu bố cục độc đáo...làm nên giá trị của bài thơ.

**2.Về kỹ năng**: Rèn luyện kĩ năng : đọc khúc hát ru, cảm nhận và phân tích thơ trữ tình.

f**3.Về thái độ** : Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình.Tự hào với truyền thống yêu nước của thế hệ đi trước

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tự học.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp

**II. Chuẩn bị của GV và HS:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**: Nghiªn cøu, so¹n bµi, b¶ng phô.

**- Phương pháp dạy học:**

+ Chia nhóm

+ Đặt câu hỏi

+ Khăn trải bàn

+ Phòng tranh

+ Công đoạn

+ Mảnh ghép

**- Kĩ thuật dạy học:**

+ Kĩ thuật trình bày một phút

+ KT hỏi chuyên gia

+ Đọc hợp tác

+ Bản đồ tư duy

**2. Chuẩn bị của học sinh**:

- HS:Soạn bài,tìm hiểu thêm một số bài thơ của NKĐ.

III: Tiến trình bài học

**Hoạt động 1: Khởi động. (5’)**

**- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho giờ học, HS nhớ lại kiến thức cũ có liên quan đến bài học.

**Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ **(**Tích hợp KT âm nhạc, phương pháp vấn đáp)

GV cho HS nghe giai điệu bài hát. Cho biết tên bài hát. Bài hát viết về hình ảnh ai? Dân tộc nào?

**Bước 2,3:**  HS lắng nghe một đoạn giai điệu của các bài hát, suy ngẫm và trả lời câu hỏi.

- Bài hát “ Lời ru trên nương” -Trần Hoàn

- Hình ảnh bà mẹ

- Dân tộc tà ôi

**Bước 4.** GV gợi dẫn vào bài.

Dân dân tộc nào cũng có nhứng khúc hát ru, khúc ca êm ái dịu dàng đưa em bé đi vào giấc ngủ, đồng thời cũng gửi gắm biết bao tình yêu thương mơ ước của người mẹ.Trong những năm kháng chiến chống Mĩ ác liệt trên cả hai miền Nam, Bắc, Nguyễn Khoa Điềm cũng sáng tạo một khúc hát ru mới : Khút hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** (32’)  Tìm hiểu mục : Đọc tìm hiểu khái quát văn bản  **Mục tiêu :** Giúp học sinh hiểu được vài nét về tác giả,tác phẩm.  **Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ  Em hãy trình bày những hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  **Bước 2**: Làm việc cá nhân có thể trao đổi theo bàn, đọc thầm các thông tin trong phần chú thích, kết hợp với sự chuẩn bị ở nhà để trả lời các câu hỏi.  **Bước 3**: HS trình bày kết quả thảo luận  **Bước 4**: GV chốt ý ghi bảng, giới thiệu về nhà thơ nhấn mạnh, bổ sung giới thiệu ảnh chân dung, các tác phẩm tiêu biểu, phong cách thơ  - Là Uỷ viên bộ chính trị, trưởng ban tư tưởng văn hoá trung ương.  **Chuyển: “Khúc hát ru...” là một trong những tác phẩm thành công khi viết về chủ đề người mẹ trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Chúng ta cùng tìm hiểu khái quát về tác phẩm.**  Tìm hiểu mục : **Đọc - hiểu văn bản.**  **Mục tiêu :**  - Giúp học sinh hiểu được nội dung chính của văn bản, phương thức biểu đạt, thể thơ, bố cục.  - Rèn kÜ n¨ng**:** §äc diÔn c¶m mét bµi th¬ hiÖn ®¹i.  **Bước 1**: GV giao nhiệm vụ cho HS  - GV yêu cầu học sinh đọc bài thơ  - Hs khác nhận xét- Gv sửa chữa  ?Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt, nhân vật trữ tình ? Xác định bố cục bài thơ? Bài thơ được xây dựng bằng cấu trúc rất đặc biệt. Theo em đó là cấu trúc gì? Cách cấu trúc bài thơ có tác dụng nghệ thuật như thế nào?  **Bước 2**: HS thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến  **Bước 3**: Các nhóm trả lời lần lượt các thông tin, nhóm bạn góp ý, bổ sung.  **Bước 4**: Giáo viên tổng kết và chốt ý   * Thể thơ tự do, mang âm hưởng của lời ru * Phương thức biểu đạt: tự sự + Miêu tả + trữ tình   - chia làm 3 khúc ru: mỗi khúc có hai khổ.  Cấu trúc lặp. +> Lặp cấu trúc. Bài thơ gồm ba khúc ru. Mỗi khúc ru được tạo bởi hai lời ru: - Lời ru em (tác giả nhập vai) - Lời ru con trực tiếp của mẹ. +> Lặp lời và lặp câu. Mở đầu lời ru em của tác giả và lời ru con trực tiếp của đ lặp lại trong từng khúc ru. +> Lặp nhịp Phần lớn các câu thơ đều ngắt nhịp 4/4. Tác dụng: Tạo kết cấu, bố cục cân đối gần với âm nhạc, phù hợp với hát ru.  Gv giới thiệu về dân tộc tà ôi.  Còn gọi là Pa co (Nghĩa là người ở miền núi cao). là một trong những dân tộc có lịch sử lâu đời trên dãy Trường Sơn.  **Chuyển: Để hiểu hơn về bài thơ, chúng ta sẽ chuyển sang tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **Mục tiêu:**  Giúp học sinh cảm nhận được tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ dân tộc Tà Ôi, từ đó hiểu được tình yêu quê hương đất nước và khát vọng độc lập tự do của nhân dân ta trong thời kì lịch sử này . Giọng điệu thơ thiết tha ngọt ngào, kết cấu bố cục độc đáo...làm nên giá trị của bài thơ.  **Bước 1**: Chia 3 nhóm, **sử dụng kĩ thuật công đoạn** GV nêu nhiệm vụ cần giải quyết  **Nhóm 1**. Hình ảnh bà mẹ Tà-ôi được khắc hoạ với những công việc cụ thể như thế nào qua khúc hát ru. Hãy phân tích hình ảnh đó  **Nhóm 2-3**  ? Em hãy cho biết tình thương của mẹ dành cho con được biểu hiện trong lời ru như thế nào? Em có nhận xét gì về tình cảm ấy?  ?. Em hiểu thế nào về hai câu thơ:  “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi  Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng”  ? Mẹ đã mơ những gì? Em có suy nghĩ gì về những ước mơ ấy của mẹ ?  ? Vì sao tác giả lại viết:  “Con mơ cho mẹ” chứ không phải là “mẹ mơ cho con” hoặc “mẹ mơ con sẽ…” ?  ? Có người cho rằng: “Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh lưng mẹ, hình ảnh đó được nhắc đi nhắc lại nhiều lần có sức khái quát cao toát lên chủ đề bài thơ”. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  **Bước 2:** Học sinh các nhóm thảo luận, xây dựng dàn ý bài nói. Chuyển phiếu thảo luận, các nhóm bổ sung  **Bước 3**: HS trình bày, phản biện.  **Bước 4:** GV chốt kiến thức, bình nâng cao  Nhóm 1  + Nghèo-chịu khó không quản ngại khó nhọc gian nguy . Làm mọi việc vì con, vì đất nước.  - Mẹ địu con tỉa bắp trên núi  Mẹ địu con chuyển lán, đạp rừng, giành trận cuối.  🡪 Từ công việc của người hậu phương trở thành người mẹ chiến sĩ trên trận tuyến đánh Mĩ ngay trên quê hương buôn làng  Nhóm 2  **- “**Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội”  “Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói”  “Mẹ thương a-kay, mẹ thương đất nước”  Điệp khúc của tình thương →Quan hệ gắn giữa gia đình đất nước  - “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi  Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng**”**  Từ mặt trời thực nhà thơ liên tưởng con là “mặt trời của mẹ”.  Hình ảnh mặt trời trên lưng mẹ là hình ảnh tượng trưng đem đến cho mẹ niềm tin, hy vọng để mẹ vượt qua khó khăn.  Ca ngợi lòng mẹ yêu con  **-…“Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần**  **Mai sau con lớn vung chày lún sân**  **Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều**  **Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi…**  **Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ**  **Mai sau con lớn làm người Tự do…”**  + Con khôn lớn có sức vóc phi thường tham gia vào mọi việc.   * + Đ­ược thấy Bác Hồ, làm người tự do * → Khát vọng lớn dần hòa cùng kháng chiến – yêu quê hương đất n­ước.   - Nhấn mạnh sự thống nhất gắn bó máu thịt giữa hai mẹ con.  Mẹ luôn mong ước, tintưởng và tự hào về con mình  **-** Khẳng định ý chí, sự kiên nhẫn, sự chịu đựng gian khổ của mẹ.  “Lưng mẹ” nuôi dưỡng những đứa con anh hùng.  ? Qua phân tích em nhận thấy bà mẹ Tà Ôi hiện lên như thế nào?  HS : Trả lời ..  Người mẹ Việt Nam đói khổ nhưng anh hùng, một lòng một dạ với cách mạng, giầu tình yêu thương con, gắn với tình yêu buôn làng, bộ đội và sự nghiệp chung của đất nước  **Hoạt động 3: Luyện tập:** (3’)  **Mục tiêu:**  Củng cố kiến thức và kĩ năng vừa học, gắn với thực tiễn, rèn luyện tư duy và kĩ năng cụ thể.  **Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ  Hoạt động cả lớp  ? Nêu nội dung và nghệ thuật bài thơ  **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3**: HS trình bày  **Bước 4:** GV chốt kiến thức | **I. Đọc tìm hiểu khái quát văn bản**  **1. Tác giả**  - Quê ở Thừa Thiên Huế, trưởng thành  trong kháng chiến chống Mĩ  **2. Tác phẩm**  - Sáng tác 1971 . tại chiến khu miền tây Thừa Thiên Huế  **II. Đọc - hiểu văn bản.**  1-Đọc  2-Thể thơ: tự do, mang âm hưởng của lời ru  3- Phương thức biểu đạt: tự sự + Miêu tả + trữ tình  4- Bố cục: Chia làm 3 khúc ru: mỗi khúc có hai khổ.  **III. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hình ảnh ng­ười mẹ**  \* Công việc cụ thể:  - mẹ địu con giã gạo nuôi bộ độ, tỉa bắp trên núi Ka-lưi, tham gia kháng chiến  **->**tham gia lao động sản xuất và chiến đấu  **2. Tình yêu- Khát vọng của mẹ (13’)**  - Thương con:+ bộ đội  +làng  + đất n­ước  **->**.Tình yêu thương con hoà với tình yêu thương bộ đội, dân làng, yêu cách mạng, kháng chiến  - Mơ ước:  + Con lớn khôn, khoẻ mạnh để làm tiếp việc mẹ đang làm  + Con có sức mạnh thần kỳ, cuộc sống ấm no cho mọi người  + Đất nước thống nhất, con mẹ là người Tự do.  -> Nhịp thơ phù hợp với âm điệu, lời ru, hoàn cảnh **công việc**  🡪 Người mẹ Việt Nam đói khổ nhưng anh hùng, một lòng một dạ với cách mạng, giầu tình yêu thương con, gắn với tình yêu buôn làng, bộ đội và sự nghiệp chung của đất nước  **III. Tổng kết:**  1. Nghệ thuật:  - ẩn dụ phóng đại, liên tưởng độc đáo, diễn đạt bằng những hình ảnh thơ có ý nghĩa biểu tượng  2 . Nội dung:  - Ngợi ca tình cảm tha thiết và cao đẹp của bà mẹ Tà ôi dành cho con, cho quê hương, đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. |

**Hoạt động 4:** Vận dụng (4’)

**Mục tiêu:** Giúp HS hiểu sâu hơn và thuần thục hơn kiến thức và kĩ năng vừa học để giải quyết vấn đề trong học tập và cuộc sống.

**Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ

Hình thức tổ chức:Th¶o luËn, lµm viÖc nhãm,

? Tại sao chỉ có một em cu-Tai mà tác giả lại viết là những em bé lớn trên lưng mẹ? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa gì?

Là cách khái quát trong bài thơ:

* Một em bé để nói rất nhiều em bé.
* Nhiều bà mẹ nhưng chỉ nói về một bà mẹ.

Nhan đề bài thơ là một ý thơ:

* Ca ngợi mẹ.
* Mẹ là hình ảnh tượng trưng.

? Học xong bài thơ, em có tình cảm như thế nào với người mẹ Tà-ôi - người mẹ Việt Nam?

* Yêu mẹ. cảm phục, tự hào, kính trọng, biết ơn

? Viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh người mẹ Việt Nam trong thời kì chống Mĩ (sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận)

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3**: HS trình bày

**Bước 4:** GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: tìm tòi và mở rộng**(1’) ( Về nhà)

**Mục tiêu:**

**-**Khuyến khích HS mở rộng, phát triển ý tưởng sáng tạo trên cơ sở kiến thức và kĩ năng vừa học.

-Tạo điều kiện cho HS phát huy khả năng liên tưởng và trí tưởng tượng và khả năng dễ dàng giải quyết tình huống nảy sinh trong cuộc sống.

**Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ

Hình thức: Làmở nhà.

Vẽ một bức chân dung về người mẹ theo sự tưởng tượng của em.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò:**

- Học bài và làm bài tập

- Soạn bài: Bếp lửa

**\* Rút kinh nghiệm:**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 58- 59 BẾP LỬA**

Ngày soạn: 27/10/20…. - Bằng Việt-

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức:- Nêu được những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời tp

- Cảm nhận được những tình cảm, cảm xúc chân thành của nhân vật trữ tình - người cháu và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh trong bài thơ.

-Thấy được nghệ thuật diễn tả cảm xúc thông qua hồi tưởng kết hợp miêu tả, tự sự, bình luận của tác giả trong bài thơ.

2. Kĩ năng: Nhận diện , phân tích được các yếu tố miêu tả, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài.

- Liên hệ để thấy được nỗi nhớ về bà trong hoàn cảnh tác giả đang ở xa tổ quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những tình cảm với quê hương, đất nước.

3. Thái độ: HS có lòng kính yêu bà, người thân, trân trọng tình cảm gia đình.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

**II. Chuẩn bị**

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ :

+ Văn - Văn : Tiếng gà trưa

+ Văn - TV : Điệp ngữ, ẩn dụ...

2.Trò: Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

**III. Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Bài mới:

**Ho¹t ®éng cña gi¸o viªn vµ häc sinh**

**Hoạt động 1: Khởi động. (5’)**

**- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho giờ học, HS nhớ lại kiến thức cũ có liên quan đến bài học.

**Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ

**C¸ch 1. ( Víi m¸y chiÕu)**

G: cho häc sinh xem ®o¹n clip ng¾n vÒ h×nh ¶nh ng­êi bµ bªn bÕp löa cïng ch¸u nÊu ¨n

**?** §o¹n clip gîi lªn trong lßng em nh÷ng c¶m xóc, Ên t­îng nµo?

? NÕu sau nµy ®i xa, em sÏ nhí h×nh ¶nh nµo nhÊt? V× sao?

**C¸ch 2. (kh«ng cã m¸y chiÕu)**

? Em h·y ®äc mét bµi th¬ hoÆc h¸t bµi h¸t cã h×nh ¶nh cña «ng – bµ.

? Lêi bµi th¬, bµi h¸t gîi cho em c¶m xóc g×?

**B­íc 2**: HS thùc hiÖn nhiÖm vô

- lµm viÖc c¸ nh©n

**B­íc 3**: HS tr×nh bµy kÕt qu¶,

**B­íc 4**: GV nhËn xÐt vµ gîi dÉn bµi míi.

GV: Víi nh÷ng ng­êi xa quª hu¬ng, t×nh c¶m gia ®×nh th­êng b¾t nguån tõ nh÷ng h×nh ¶nh quen thuéc, g¾n bã, nh÷ng kØ niÖm s©u s¾c vÒ ng­êi th©n. Trong bµi tiÕng gµ tr­a cña Xu©n Quúnh, anh lÝnh trÎ trªn ®­êng hµnh qu©n, nghe tiÕng gµ g¸y tr­a l¹i chît nhí tíi h×nh ¶nh ng­êi bµ víi nh÷ng t×nh c¶m th©n th­¬ng. cßn B»ng ViÖt ®ang du häc t¹i Liªn X« víi ®êi sèng hiÖn ®¹i l¹i chît th­¬ng ng­êi bµ cïng h×nh ¶nh bÕp löa Êp iu t×nh bµ ch¸u tuæi th¬ xa. C¶m xóc Êy ®­îc nhµ th¬ ghi l¹i c¶m ®éng qua bµi BÕp Löa

**Ho¹t ®éng2: H×nh thµnh kiÕn thøc míi.** (40’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Đoc, tìm hiểu chung**  Mục tiêu:Hs có những hiểu biết khái quát về tg,tp  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi  \* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.  B1: GV giao nhiệm vụ:  **B­íc 1:**  GV: Giao nhiÖm vô cho 4 nhãm:  - Nhãm 1+ 2:Nªu ng¾n gän nÐt tiªu biÓu vÒ t¸c gi¶ vµ hoµn c¶nh st bµi th¬? Hoµn c¶nh Êy cã t¸c dông g× trong viÖc béc lé c¶m xóc cña nhµ th¬?  - Nhãm 2+4: Tìm thể thơ bè côc cña bµi th¬? C¶m høng chñ ®¹o cña c¶ bµi th¬ lµ g×?  **B­íc 2**. Häc sinh thùc hiÖn nhiÖm vô theo nhãm vµo phiÕu häc tËp trong 5 phót.  **B­íc 3**. Häc sinh tr×nh bµy kq trªn b¶ng vµ nhËn xÐt.  **B­íc 4**. G kÕt luËn vµ gîi dÉn häc sinh ghi nhËn kiÕn thøc.  \* Bè côc cña bµi th¬  ***- Ba dßng ®Çu***: H×nh ¶nh bÕp löa kh¬i nguån cho dßng håi t­ëng c¶m xóc vÒ bµ  ***-Bèn khæ tiÕp theo***: Håi t­ëng nh÷ng kØ niÖm tuæi th¬ sèng bªn bµ, vµ h×nh ¶nh bµ g¾n víi h×nh ¶nh bÕp löa  ***-Khæ th¬ thø 6***:Suy ngÉm vÒ bµ vµ cuéc ®êi bµ  ***- Khæ cuèi***: Ng­êi ch¸u ®· truëng thµnh ®i xa nh­ng kh«ng ngu«i nhí vÒ bµ  - C¶m høng chñ ®¹o cña bµi th¬ lµ t×nh c¶m bµ ch¸u, lµ nçi nhí, lßng kÝnh yªu v« h¹n cña nh©n vËt tr÷ t×nh- ng­êi ch¸u víi bµ m×nh còng lµ víi gia ®×nh, quª h­¬ng ®Êt n­íc.  G h­íng dÉn ®äc:Giäng t×nh c¶m, chËm r·i, xóc ®éng båi håi  - H­íng dÉn hiÓu chó thÝch: ®inh ninh, Êp iu  Gv: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản  **Mục tiêu:**  Gióp häc sinh c¶m nhËn ®­îc t×nh c¶m, c¶m xóc ch©n thµnh vµ s©u l¾ng cña nh©n vËt tr÷ t×nh - ng­êi ch¸u vµ h×nh ¶nh ng­êi bµ giµu t×nh th­¬ng vµ ®øc hi sinh víi con ch¸u trong gia ®×nh.  ThÊy ®­îc nghÖ thuËt miªu t¶ c¶m xóc qua håi t­ëng, kÕt hîp khÐo lÐo víi miªu t¶, tù sù, b×nh luËn  **- B­íc 1: ChuyÓn giao nhiÖm vô**  **?** §äc l¹i ba c©u th¬ ®Çu vµ cho biÕtH×nh ¶nh **bÕp löa chên vên s­¬ng sím, bÕp löa Êp iu nång ®­îm** gîi l¹i cho em h×nh ¶nh nh­ thÕ nµo vµ c¶m xóc g×? Tõ ng÷ nµo tËp trung diÔn t¶ ®iÒu Êy  ? Tõ h×nh ¶nh Êy gîi cho t¸c gi¶ c¶m xóc nh­ thÕ nµo vÒ ng­êi bµ?  **B­íc 2:** Häc sinh thùc hiÖn c©u hái b»ng tr¶ lêi c¸ nh©n.  **B­íc 3:** Häc sinh tr¶ lêi tr­íc líp - c¶ líp nhËn xÐt bæ sung.  H:- Chên vên lµ tõ l¸y gîi h×nh, h×nh dung lµn s­¬ng sím ®ang bay nhÌ nhÑ quanh bÕp löa, võa gîi c¸i mê nh¹t cña h×nh ¶nh kÝ øc theo thêi gian  - Êp iu gîi h×nh ¶nh bµn tay kiªn nhÉn, khÐo lÐo, tÊm lßng ch¨m chót cña ng­êi nhãm löa( võa rÊt ®óng víi c«ng viÖc nhãm löa cô thÓ)  - Nh­ vËy h×nh ¶nh ®Çu tiªn hiÖn lªn trong trÝ nhí cu¶ t¸c gi¶ khi ®ang ë xa quª lµ h×nh ¶nh bÕp löa- mét h×nh ¶nh gÇn gòi quen thuéc ë lµng quª ViÖt Nam tõ thêi th¬ Êu.  H: C¶m xóc **Th­¬ng bµ** biÕt mÊy n¾ng m­a. C¸ch nãi Èn dô gîi phÇn nµo cuéc ®êi vÊt v¶ lo toan cña bµ.  **Bước 4:** Giáo viên nhận xét và chốt ý  C¶m xóc ®ang d©ng lªn víi kÝ øc håi t­ëng xa x¨m, bµ vµ bÕp löa song ®«i g¾n v¬i sù trau chuèt yªu th­¬ng , kÝ øc Êy dÇn hiÖn lªn râ nÐt h¬n  **2. KØ niÖm tuæi th¬ vÒ bµ cïng h×nh ¶nh bÕp löa.**  **\* N¨m bèn tuæi:**  **- B­íc 1**: Giao nhiÖm vô. G chiÕu c©u hái:  -? Nh÷ng h×nh ¶nh nµo cña qu¸ khø hiÖn lªn ®Çu tiªn trong nçi nhí cña ng­êi ch¸u?  -? NhËn xÐt g× vÒ lêi th¬ trong ®o¹n th¬ nµy? Qua ®ã gîi lªn nh÷ng n¨m th¸ng víi cuéc sèng nh­ thÕ nµo?  - ? Håi t­ëng s©u ®Ëm nhÊt, m·i ¸m ¶nh trong t©m trÝ ng­êi ch¸u lµ h×nh ¶nh nµo? v× sao?  **B­íc 2**: Häc sinh thùc hiÖn nhiÖm vô  H×nh thøc lµm viÖc c¸ nh©n  **B­íc 3**: Tr¶ lêi c©u hái vµ nhËn xÐt, gi¸o viªn chiÕu trªn b¶ng phô vµ kÕt luËn- häc sinh ghi nhËn kiÕn thøc.  H: Bèn tuæi- quen mïi khãi  N¨m Êy **®ãi mßn ®ãi mái**  Bè ®¸nh xe **kh« r¹c ngùa gÇy**  **Khãi hun nhÌm m¾t ch¸u**  H: Nh­ lêi kÓ, t©m sù vÒ tuæi th¬ cña m×nh.  H: Gîi cuéc sèng gian khæ, vÊt v¶, nh÷ng n¨m th¸ng nhäc nh»n cña n¹n ®ãi triÒn miªn  - §ã chÝnh lµ n¹n ®ãi khñng khiÕp n¨m 1945  H: S©u ®Ëm nhÊt lµ **mïi khãi bÕp- hunnhÌm m¾t**, v× nã g¾n liÒn víi b¶n th©n cïng bµ sím chiÒu nhãm löa  **Bước 4:** Giáo viên nhận xét và chốt ý  **G**. Gi¶ng- KØ niÖm hiÖn vÒ tõ thêi th¬ Êu rÊt xa x«i( 4 tuæi, giê ®· 22 tuæi) nh­ng nã thµnh nçi ¸m ¶nh suèt c¶ cuéc ®êi. H×nh ¶nh nh÷ng n¨m th¸ng chiÕn tranh chãng Ph¸p gian khæ,víi c¸i ®ãi mßn mái kÐo dµi,kiÖt søc; con ngùa gÇy r¹c cïng ng­êi bè ®¸nh xe còng kh« gÇy; ®Æc biÖt mïi khãi bÕp hun nhÌm m¾t, Chi tiÕt rÊt thùc, biÓu hiÖn thÊm thÝa cuéc sèng tuæi th¬. §äc c©u th¬, ng­êi ®äc còng c¶m nhËn cay cay n¬i sèng mòi, thoang tho¶ng mïi khen khÐt cña khãi bÕp löa ­ít v× s­¬ng l¹nh  Ngoµi h×nh ¶nh vÒn h÷ng n¨m khã kh¨n gian khæ, vÒ khãi bÕp löa, th× kÝ øc tuæi th¬ cña ng­êi ch¸u cßn hiÖn lªn ntn- tiÕp.  **Tiết 2:**(40’)  ? KTBC: Đọc thuộc lòng bài thơ: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ  Bước 2,3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức  **\* T¸m n¨m cïng bµ nhãm löa.**  **B­íc 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  **-ChiÕu** toµn bé ®o¹n th¬, giao nhiÖm vô cho tõng nhãm  Nhãm 1: Em c¶m nhËn g× vÒ ©m thanh tiÒng tu hó ? ¢m thanh Êy cã mèi liªn hÖ g× víi c¶m xóc ng­êi ch¸u.  Nhãm 2+3:  - H×nh ¶nh ng­êi bµ qua nçi nhí cña ng­êi ch¸u hiÖn lªn víi cö chØ, hµnh ®éng, viÖc lµm nµo?  - ?Khi nhí vÒ tuæi th¬ sèng bªn bµ,Giäng th¬ cã sù thay ®æi nh­ thÕ nµo? Trong suy nghÜ cña ch¸u, ®ã lµ ng­êi bµ nh­ thÕ nµo?  Nhãm 4.  -C¶m xóc cña ch¸u ®­îc béc lé qua lêi th¬ nµo?  - Giäng th¬ cã g× ®¸ng chó ý? ®ã lµ t×nh c¶m c¶m xóc nµo cña ch¸u víi bµ.  **B­íc 2**. Hs thùc hiÖn nhiÖm vô theo nhãm trong 7 phót vµo phiÕu häc tËp.  **B­íc 3**. Tõng nhãm B¸o c¸o kÕt qu¶. Treo b¶ng phô vµ tr×nh bµy trªn b¶ng.  Dự kiếnc©u tr¶ lêi  Nhãm 1:  **H**: Lµ ©m thanh quen thuéc trªn c¸nh ®ång quª vµo mçi ®é hÌ vÒ, tiÕng chim nh­ giôc gi·, kh¾c kho¶i ®iÒu g× da diÕt l¾m, khiÕn lßng ng­êi trçi dËy nh÷ng hoµi niÖm nhí th­¬ng- kÝ øc hiÖn vÒ mét râ h¬n  -ChÝnh ©m thanh tu hó Êy , ®­a ng­êi ch¸u vÒ víi kÝ øc tuæi th¬ 8 n¨m rßng sèng bªn bµ.  Nhãm 2-3:  - bµ kÓ chuyÖn nh÷ng ngµy ë HuÕ  - Cö chØ, hµnh ®éng, viÖc lµm cña bµ: b¶o ch¸u nghe, d¹y ch¸u lµm, ch¨m ch¸u häc  **-** Giäng t©m t×nh ë ®o¹n trªn( ®ang kÓ chuyÖn) nh­ t¸ch h¼n ra trß chuyÖn víi bµ “ bµ cßn nhí kh«ng bµ” vÒ c©u chuyÖn kÓ ch¸u nghe, vÒ cö chØ, viÖc lµm cña bµ  - H×nh ¶nh ng­êi bµ tËn tuþ, ®Çy t×nh yªu th­¬ng ®ïm bäc, che chë cho ch¸u; thay cha mÑ ®Ó ch¨m sãc, d¹y b¶o ch¸u .  Nhãm 4:  - C¶m xóc cña ch¸u: Th­¬ng bµ khã nhäc. Tó tu hó ¬i ! ch¼ng ®Õn ë cïng bµ .Kªu chi hoµi trªn nh÷ng c¸nh ®ång xa  - Mét lÇn n÷a nhµ th¬ l¹i nh­ t¸ch khái hiÖn t¹i ®Ó trß truyÖn víi con chim tu hó  - Cïng diÔn t¶ t×nh c¶m th­¬ng bµ, tr¸ch tu hó sao kh«ng ®Õn ë cïng bµ cho bµ bít c« ®¬n- ®ã lµ t×nh c¶m ch©n thµnh, c¶m ®éng.  **B­íc 4**. GVnhËn xÐt bæ sung vµ chốt ý.  G: Bëi 8 n¨m rßng- mét thêi gian kh«ng dµi, song ngµy th¸ng nh­ kÐo dµi bëi ngµy ngµy, th¸ng th¸ng, n¨m n¨m, tõng viÖc, tõng viÖc ch¨m chót ©n cÇn bÒn bØ cña bµ bªn ¸nh löa, gÇn víi tiÕng tu hó cø vÊn vÝt, hoµ quyÖn- t¹o nªn c¶m xóc xao xuyÕn.  - H×nh ¶nh ng­êi bµ tiÕp tôc hiÖn lªn trong nçi nhí ng­êi ch¸u ntn- tiÕp.  **\* N¨m giÆc ®èt lµng**  G: **ChiÕu** ®o¹n th¬ “ N¨m giÆc ®èt lµng.....cø b¶o nhµ vÉn ®­îc b×nh yªn”  **B­íc 1**. GV chiÕu c©u hái, giao nhiÖm vô  ? Ba c©u th¬ ®Çu tiªn tg gîi nhí l¹i c¶nh t­îng nµo?  ? H×nh ¶nh ng­êi bµ hiÖn lªn qua chi tiÕt nµo? §iÒu ®ã chøng tá bµ lµ ng­êi nh­ thÕ nµo?  ? C¶m nhËn ®c g× vÒ t×nh c¶m cña ch¸u?  **B­íc 2+3**; Häc sinh suy nghÜ tr¶ lêi c©u hái  -**H**: H×nh ¶nh tµn ph¸ khèc liÖt cña chiÕn tranh (giÆc ®èt lµng m¹c- nhµ cöa)  - H×nh ¶nh ng­êi bµ: V÷ng lßng dÆn ch¸u ®inh ninh. ViÕt th­ chí kÓ nµy- nä. Cø b¶o nhµ b×nh yªn  =>V× bµ muèn cha mÑ yªn t©m c«ng t¸c  Bµ nhËn vÒ m×nh nh÷ng khã kh¨n gian khæ, v­ît qua khã kh¨n, hoµn thµnh nhiÖm vô hËu ph­¬ng  **- Bước 4**: Gv chốt kiến thức  **3. Suy ngÉm vÒ bµ cïng h×nh ¶nh bÕp löa**  Råi sím råi chiÒu l¹i bÕp löa bµ nhen  Mét ngän löa lßng bµ lu«n ñ s½n  Mét ngän löa chøa niÒm tin dai d¼ng  **B­íc 1**: G giao nhiÖm vô  ? §o¹n th¬ sö dông biÖn ph¸p nghÖ thuËt nµo?  ? Tõ h×nh ¶nh bÕp löa, t¹i sao ®o¹n cuèi l¹i lµ h×nh ¶nh ngän löa? §iÒu ®ã cã t¸c dông g× trong viÖc diÔn t¶ c¶m xóc còng nh­ h×nh ¶nh ng­êi bµ?  **B­íc 2**: th¶o luËn cÆp ®«i  **B­íc 3**: Tr¶ lêi c©u hái  - §iÖp ng÷ “ mét ngän löa”  - H×nh ¶nh bÕp löa cô thÓ, t­¬ng ®èi kh¸ch quan ë ®o¹n trªn chuyÓn thµnh h×nh ¶nh ngän löa trõu t­îng, chñ quan h¬n vµ mang nhiÒu ý tø  - Ngän löa Êm ¸p, ngän löa cña t×nh yªu th­¬ng con ch¸u, ngän löa cña niÒm tin dai d¼ng vµ bÒn chÆt vµo t­¬ng lai. Bµ chÝnh lµ ng­êi nhãm lªn ngän löa cña t×nh yªu th­¬ng. truyÒn ngän löa cña niÒm tin vµ sù sèng  **B­íc 4**: Gi¸o viªn cïng häc sinh nhËn xÐt bæ sung, chèt kiÕn thøc.  G. Nh­ vËy, bÕp löa ®­îc bµ nhen lªn kh«ng chØ b»ng nhiªn liÖu bªn ngoµi, mµ cßn ®­îc nhen lªn tõ ngän löa trong lßng bµ- ngän löa cña søc sèng, lßng yªu th­¬ng, niÒm tin v× vËy h×nh ¶nh ngän löa mang ý nghÜa trõu t­îng vµ kh¸i qu¸t  **\* 3 c©u tiÕp.**  **B­íc 1**: Chuyển giao nhiệm vụ  ? Gi¶i thÝch tõ **lËn ®Ën** vµ côm tõ **biÕt mÊy n¾ng m­a?**  ? H×nh ¶nh **bµ vÉn gi÷ thãi quen dËy sím** kh¼ng ®Þnh thªm ®iÒu g× cña t¸c gi¶ vÒ bµ?  **B­íc 2+3:**Häc sinh suy nghÜ tr¶ lêi c¸ nh©n  - ChØ cuéc ®êi vÊt v¶ khã nhäc cña bµ  - Bµ vÉn tÇn t¶o, hi sinh ch¨m lo cho mäi ng­êi, thãi quen Êy kh«ng bao giê thay ®æi  **B­íc 4:** gi¸o viªn kÕt luËn.  **\* 5 c©u cuèi.**  **B­íc 1:** Giao nhiÖm vô cho nhãm  ? Hµnh ®éng nhãm löa cña bµ cã g× ®Æc biÖt? ? §iÖp tõ **nhãm** trong tõng c©u th¬ cã ý nghÜa gièng vµ kh¸c nhau nh­ thÕ nµo?  ? V× sao bÕp löa cña bµ lµ k× l¹- thiªng liªng  **B­íc** 2: 4 Nhãm cïng th¶o luËn.  **B­íc 3**: Tõng nhãm tr×nh bµy tõng c©u  G: HiÖu øng trªn m¸y  Nhãm- bÕp löa Êp iu nång ®­îm  - niÒm yªu th­¬ng khoai s¾n  - nåi x«i g¹o sÎ chung vui  - T©m t×nh tuæi nhá  **B­íc 4**: C¸c nhãm cïng nhËn xÐt, gi¸o viªn chèt kt  - §iÖp tõ **Nhãm**  - Cïng g¾n víi hµnh ®éng nhãm bÕp nhãm löa cña bµ  - Nh­ng kh¸c nhau vÒ ý nghÜa cô thÓ:  + Khi th× nhãm bÕp löa Êp iu, nång ®­îm ®Ó s­ëi Êm bµ ch¸u qua mïa ®«ng l¹nh gi¸  + Nhãm bÕp luéc khoai s¾n cho ch¸u ®ì ®ãi lßng, ®­îc h­ëng c¸i ngät bïi cña s¾n khoai  + Nhãm nåi x«i g¹o thÓ hiÖn t×nh lµng xãm g¾n bã vµ kh¬i dËy c¶ nh÷ng t×nh c¶m trong s¸ng, tèt ®Ñp ®Ó ch¸u lín kh«n, tr­ëng thµnh.  -> Suy ngÉm vÒ t×nh yªu th­¬ng v« h¹n cña bµ: ®ã lµ t×nh c¶m víi ng­êi ch¸u, më réng h¬n lµ t×nh c¶m xãm lµng, t×nh yªu víi ®Êt n­íc.  - «i k× l¹ vµ thiªng liªng bÕp löa”  + C¶m th¸n- béc lé c¶m xóc cña ch¸u vÒ bµ vµ bÕp löa  **+** V× bÕp löa thËt gi¶n dÞ, b×nh th­êng, rÊt gÇn gòi nh­ng thËt cao quý, k× diÖu v× nã lu«n g¾n víi bµ - ng­êi gi÷ löa, truyÒn löa lµm sèng dËy t×nh c¶m trong s¸ng cña ch¸u, nã lµ mét phÇn kh«ng thÓ thiÕu trong ®êi sång tinh thÇn cña ch¸u  G: B×nh kÕt ®o¹n:  Nh­ vËy, kØ niÖm tuæi th¬ ®· l¾ng dÇn, chuyÓn tõ nhí th­¬ng sang suy ngÉm vÒ cuéc ®êi bµ, vÒ ©n s©u nghÜa nÆng cña ®øa ch¸u nay ®· kh«n lín tr­ëng thµnh. H×nh ¶nh «m trïm c¶ ®o¹n th¬ lµ ®iÖp tõ nhãm mang 4 nghÜa kh¸c nhau, båi ®¾p cao dÇn, to¶ s¸ng dÇn mang nÐt k× l¹ vµ vÎ ®Ñp thiªng liªng cña bÕp löa, tõ vãc d¸ng ®Õn viÖc lµm nhÊt lµ t×nh nghÜa cña bµ. Nhãm bÕp löa lµ nhãm ngän löa, ¸nh s¸ng cã thËt. Nh­ng cao h¬n lµ nhãm lªn niÒm yªu th­¬ng ruét thÞt nång ®­îm. Bµ më réng tÊm lßng víi lµng xãm quª h­¬ng b»ng nåi x«i g¹o míi. Vµ thËt k× diÖu thay b»ng bÕp löa cña bµ ®· kh¬i dËy, thøc tØnh t©m hån th¬ d¹i cña ch¸u ®Ó ch¸u cã thÓ ®i xa, thÊy ngän khãi tr¨m tµu, niÒm vui tr¨m ng¶  - VËy trong hoµn c¶nh míi- t×nh c¶m ng­êi ch¸u ntn?- 4  **4. Khæ th¬ cuèi cïng**  **B­íc 1:**Chuyển giao nhiệm vụ  - NhËn xÐt g× vÒ ©m ®iÖu ®o¹n th¬ cuèi?  - Hoµn c¶nh hiÖn t¹i cña ng­êi ch¸u cã g× thay ®æi?  - trong hoµn c¶nh míi. t×nh c¶m cña ng­êi víi bµ cïng bÕp löa ntn?  **B­íc 2+3**: Häc sinh suy nghi c¸ nh©n vµ tr×nh bµy tr­íc líp  **B­íc 4**: Häc sinh cïng gi¸o viªn nhËn xÐt.  H; Giäng TrÇm l¾ng  H: Hoµn c¶nh:Giê ch¸u ®· kh«n lín,®i xa, lµm quen víi khung c¶nh réng lín, nh÷ng niÒm vui réng më .  H:T×nh c¶m: Kh«ng bao giê quªn nh¾c nhë- sím mai nµy bµ nhãm bÕp lªn ch­a.-> kh«ng bao giê quªn ®­îc ngän löa cña bµ víi mét thêi th¬ Êu nghÌo khæ mµ Êm ¸p nghÜa t×nh  ? Nhí vÒ bµ, vÒ bÕp löa- réng h¬n ®ã cßn lµ t×nh c¶m nµo kh¸c  G: Ng­êi ch¸u kh«ng quªn bÕp löa v× ®ã lµ céi nguån , lµ t×nh c¶m cña bµ. §ã lµ t×nh c¶m cña ch¸u víi bµ, víi gia ®×nh, quª h­¬ng. T×nh c¶m uèng n­íc nhí nguån, ¨n qu¶ nhí kÎ trång c©y  G. KhÐp l¹i bµi th¬ vÉn lµ h×nh ¶nh bÕp löa g¾n víi h×nh ¶nh ng­êi bµ, víi ©m ®iÖu trÇm l¾ng t¹o nªn c¶m xóc thiÕt tha. | I. Đọc hiểu chung  1. Tác giả  ***-*** *Nguyễn Việt Bằng(1941)*  *- Quê: Hà Nội*  - Lµ nhµ th¬ trÎ næi tiÕng tõ nh÷ng n¨m 60 víi giäng th¬ trÇm l¾ng nghÜ ngîi, m­ît mµ; th­êng khai th¸c nh÷ng kØ niÖm thiÕu thêi vµ gîi ­íc m¬ tuæi trÎ.  2. Tác phẩm  \* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  - Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang học ngành luật ở nước ngoài.  - Bài thơ được in trong tập Hương cây- Bếp lửa  \* Đọc và tìm hiểu chú thích  - Đọc  - Chú thích ( SGK)  \* Thể thơ : 8 chữ  \* PTBĐ : Biểu cảm + tự sự, miêu tả, nghị luận  \* Bố cục :  + Phần 1( Khổ 1) : Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc.  + Phần 2 ( 4 Khổ tiếp ): Những kỉ niệm tuổi thơ.  + Phần 3 ( Khổ 6 ) : Suy ngẫm về bà  + Phần 4 ( Khổ cuối ) : Nỗi nhớ về bà  **II. T×m hiÓu bµi th¬**  **1.H×nh ¶nh bÕp löa kh¬i nguån cho c¶m xóc**  - C¸ch sö dông ®iÖp ng÷, tõ ng÷ gîi t¶  - Tõ h×nh ¶nh bÕp löa quen thuéc gîi h×nh ¶nh gÇn gòi, bµn tay kkÐo lÐo cña ng­êi nhãm löa, gîi nçi nhí th­¬ng bµ cña ng­êi ch¸u.  **2. KÝ øc cña tuæi th¬ vÒ bµ cïng h×nh ¶nh bÕp löa**  **\* KØ niÖm n¨m lªn bèn tuæi:**  - Nhí vÒ nh÷ng n¨m th¸ng nhäc nh»n khã kh¨n, gian khæ  - Ên t­îng s©u ®Ëm nhÊt lµ h×nh ¶nh khãi bÕp löa.  **\*T¸m n¨m rßng cïng bµ nhãm löa**  **+** Giäng th¬ t¸ch thµnh lêi trß chuyÖn trùc tiÕp víi bµ.  + H×nh ¶nh ng­êi bµ tËn tuþ giµu t×nh yªu th­¬ng, thay ch mÑ chë che, ®ïm bäc cho ch¸u trong c¶nh nghÌo.  -> C¶m xóc biÕt ¬n bµ, th­¬ng bµ- th­¬ng cuéc ®êi khã nhäc cña bµ- mét t×nh c¶m ch©n th µnh, c¶m ®éng.  **\* N¨m giÆc ®èt lµng.**  + Bµ v÷ng lßng, v­ît qua khã kh¨n gian khæ; giµu lßng hi sinh cho ®Êt n­íc  => nçi nhí th­¬ng, lßng kÝnh yªu, niÒm tù hµo vµ biÕt ¬n cña ng­êi ch¸u  **3.Suy ngÉm vÒ bµ vµ h×nh ¶nh bÕp löa**  - 3 c©u ®Çu:  + §iÖp ng÷: kh¼ng ®Þnh bµ lµ ng­êi nhãm löa, gi÷ löa, truyÒn ngän löa cña niÒm tin vµ sù sèng.  - 3 c©u sau.  + C¶ cuéc ®êi bµ vÊt v¶, suèt mét ®êi tÇn t¶o, hi sinh ch¨m lo cho con ch¸u.  - 5 c©u cßn l¹i  + §iÖp tõ  + t×nh yªu cña bµ thËt réng më, kh«ng chØ víi ch¸u,víi xãm lµng, ®Êt n­íc.  + H×nh ¶nh bµ cïng bÕp löa lµ thiªng liªng, mét phÇn t©m hån ch¸u.  **4- Nçi nhí bµ vµ bÕp löa**  - ¢m ®iÖu trÇm l¾ng  - Kh«ng bao giê quªn bµ cïng bÕp löa- ®ã còng lµ t×nh c¶m gia ®×nh, t×nh quª h­¬ng ®Êt n­íc.  **III. Tæng kÕt.**  **1. NghÖ thuËt.**  **-** Sö dông h×nh ¶nh bÕp löa víi ý nghÜa thùc vµ biÓu t­îng s¸ng t¹o  - KÕt hîp biÓu c¶m, tù sù vµ b×nh luËn  - Giäng ®iÖu s©u l¾ng, thÓ th¬ t¸m ch÷ phï hîp víi c¶m xóc håi tu­ëng vµ suy ngÉm  **2. Néi dung.** Bµi th¬ gîi l¹i kØ niÖm xóc ®éng vÒ ng­êi bµ vµ t×nh bµ ch¸u, thÓ hiÖn lßng tr©n träng biÕt ¬n bµ, còng lµ víi gia ®×nh, quª h­¬ng ®Êt n­íc |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**(4’)

**Mục tiêu:**Củng cố kiến thức và kĩ năng vừa học, gắn với thực tiễn, rèn luyện tư duy và kĩ năng cụ thể.

**Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động cả lớp

**Nhãm 1-2.**

? NghÖ thuËt tiªu biÓu cña ba× th¬

(Giäng ®iÖu, thÓ th¬, h×nh ¶nh, biÖn ph¸p nghÖ thuËt)

? H×nh ¶nh bÕp löa trong bµi th¬ ®­îc nh¾c l¹i bao nhiªu lÇn?T¹i sao khi nh¾c ®Õn bÕp löa lµ nhí ®Õn bµ vµ ng­îc l¹i ?

**Nhãm 3- 4**.

? Toµn bµi th¬ lµ t×nh c¶m g×?

**B­íc 2+3**: häc sinh suy nghÜ vµ tr¶ lêi c©u hái.

**H**: Cã tíi 9 lÇn t¸c gi¶ nh¾c ®Õn h×nh ¶nh bÕp löa vµ hiÖn diÖn cïng lµ h×nh ¶nh ng­êi bµ tÇn t¶o, nhÉn n¹i, ®Çy t×nh yªu th­¬ng . Nh¾c ®Õn bÕp löa lµ nhí tíi ng­êi bµ vµ ng­îc l¹i v× bµ g¾n liÒn víi bÕp löa, g¾n víi kØ niÖm cña ch¸u

**B­íc 4**: Gi¸o viªn nhận xét,kết luận - ChiÕu b¶ng

**Hoạt động 4 - 5: Vận dụng, mở rộng**(2’)

**Mục tiêu:** Giúp HS hiểu sâu hơn và thuần thục hơn kiến thức và kĩ năng vừa học để giải quyết vấn đề trong học tập và cuộc sống.

**Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ

Hình thức tổ chức:Th¶o luËn, lµm viÖc nhãm,

? C¶m nhËn cña em vÒ t×nh c¶m bµ ch¸u trong bµi th¬?

? ViÕt mét ®o¹n v¨n ng¾n c¶m nhËn ®o¹n th¬ **Nhãm bÕp löa--- thiªng liªng- bÕp löa.**

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Học bài, làm bài tập còn lại

- Soạn bài : Ánh Trăng

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 60 ÁNH TRĂNG**

Ngày soạn: 27/ 10/20.... -Nguyễn Duy-

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức: - Nêu được vài nét về tg và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

-Học sinh hiểu được kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.

- Cảm nhận được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong bố cục, ngôn ngữ và hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng đọc – hiểu văn bản thơ được sáng tác sau năm 1975

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm thụ và phân tích thơ.

3. Thái độ: Có tình yêu thiên nhiên, trân trọng quá khứ. Giáo dục bảo vệ môt trường.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, cảm thụ, phân tích.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

**II. Chuẩn bị**

***Gv***:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ:

+ Văn - Văn : Một số văn bản có hình ảnh ánh trăng

+ Văn - TV : Điệp từ, nhân hóa, so sánh...

+ Văn - TLV :Văn miêu tả, tự sự, biểu cảm

***Hs:*** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

**III. Tiến trình bài học**

1. Ổn định lớp:

2.Kiểm tra bài cũ : cảm nhận về người bà trong bài thơ Bếp lửa.

3.Dạy bài mới

**\*Hoạt động1: khởi động** : (5’)

**- Mục tiêu:** *Tạo hứng thú cho giờ học, HS nhớ lại kiến thức cũ có liên quan đến bài học.*

**Bước 1:** *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu HS đọc những câu thơ viết về chủ đề trăng.

? Cảm nhận về hình ảnh ánh trăng trong những câu thơ trên***.***

***B­íc 2***: HS thùc hiÖn nhiÖm vô

- lµm viÖc c¸ nh©n

***B­íc 3***: HS tr×nh bµy kÕt qu¶,

***B­íc 4***: GV nhËn xÐt vµ gîi dÉn bµi míi.

**Hoạt động2: Hình thành kiến thức mới**(34’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Đọc, tìm hiểu chung**  Mục tiêu: Hs có những hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  \* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP hợp đồng  \*Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, sử dụng CNTT.  - GV yêu cầu HS thuyết trình về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ.  ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn?  GV hư­ớng dẫn cách đọc  Gọi HS đọc-> nhận xét  GV yêu cầu HS giải thích chú thích 1,2  ? Bài thơ thuộc thể thơ gì ?  ? Ph­ương thức biểu đạt ?  ? Bài thơ có thể chia làm mấy phần?  ? Nêu giới hạn và nội dung từng phần?  ? Em có nhận xét gì về bố cục trên?  **Bước 2**: Làm việc cá nhân có thể trao đổi theo bàn, đọc thầm các thông tin trong phần chú thích, kết hợp với sự chuẩn bị ở nhà để trả lời các câu hỏi.  **Bước 3**: HS trình bày kết quả thảo luận  **Bước 4**: GV chốt ý ghi bảng  **Hoạt động: Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **\***Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm,PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật  \*Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút, Động não.  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích,  ? Tìm lời thơ gợi tả hình ảnh vầng trăng trong quá khứ.?  - **GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi**  ? Biện pháp NT đư­ợc sử dụng trong đoạn thơ?  ? Qua đó em hình dung ntn về hình ảnh vầng trăng trong quá khứ ?  - HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung  ? Cuộc sống của người lính trong quá khứ đ­ược gợi lên qua câu thơ nào?  **- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân**  ? Nghệ thuật nào được sử dụng trong khổ thơ?  ? Với những năm tháng ấy, trăng biểu tượng cho điều gì ?  ? Cụm từ “ tình nghĩa” thể hiện tình cảm như thế nào giữa người và trăng?  ? Người lính đã tự nhủ với mình điều gì?  - HS thảo luận, trình bày, NX  - Gv giảng : Không quên những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính, không quên quê hương xứ sở , không quên quá khứ nghĩa tình ...  - **HS hoạt động cả lớp**  ? Cảm nhận chung về hình ảnh vầng trăng? Và ý nghĩa biểu t­ượng của vầng trăng?  GV giảng –bình , tích hợp bảo vệ môi trường.  ? Lời thơ nào diễn tả cuộc sống trong hiện tại của nhân vật trữ tình?  **- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 3 nhóm cùng một nội dung**  ? Biện pháp NT nào đ­ược sử dụng?  ? Em hiểu gì về cuộc sống của nhân vật trữ tình qua lời thơ trên?  ? Thái độ của người lính với vầng trăng.  - HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung.  ? Tình huống mà tg gặp lại vầng trăng được thể hiện qua lời thơ nào ?  ? Nhận xét cách dùng từ ngữ, giọng thơ?  ? Tình huống ấy đẩy người lính rơi vào một trạng thái ntn ?  ? Hành động ntn của nhân vật trữ tình ?  ? Trăng xuất hiện như thế nào?  ? Em có cảm nhận gì về hình ảnh vầng trăng?Việc xuất hiện hình ảnh vằng trăng có ý nghĩa gì? | **I. Tìm hiểu chung**  1. Tác giả ( SGK)  2. Tác phẩm  \* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  ( SGK)  \* Đọc và tìm hiểu chú thích  - Đọc  - Chú thích ( SGK)  \* Thể thơ: 5 chữ  \* PTBĐ: Biểu cảm+ tự sự +miêu tả  \* Bố cục: 3 phần  + P1: 2 khổ đầu : Vầng trăng trong quá khứ  + P2: 2 khổ tiếp : Vầng trăng hiện tại  + P3: 2 khổ cuối: Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả về ánh trăng, vầng trăng  -> Sắp xếp theo trình tự thời gian  **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Vầng trăng trong quá khứ**  “Hồi nhỏ … tri kỉ ”  NT :+Giọng thơ tâm tình  + Điệp từ “ với”,’ hồi”, liệt kê  ->Trăng là hình ảnh đẹp của thiên nhiên gắn bó với tuổi thơ tươi mát.  - Trăng trở thành đồng chí, đồng đội cùng người lính chia ngọt sẻ bùi.  - Trăng gắn liến với những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính.  Trần trụi...  hồn nhiên như­ cây cỏ  ngỡ không bao giờ quên  ................ tình nghĩa  NT: So sánh + tính từ “ trần trụi” ,  “ hồn nhiên”, ẩn dụ  => Vầng trăng biểu tượng cho vẻ đẹp hiền hậu của thiên nhiên, cốt cách người lính, cho ân nghĩa thủy chung giữa con người và thiên nhiên .  - Tình nghĩa: sự gắn bó sâu nặng giữa người và trăng  -> Tự nhủ lòng mình không quên vầng trăng  => Vầng trăng hiền hoà, biểu trư­ng cho quá khứ nghĩa tình, biểu t­ượng cho vẻ đẹp bình dị vĩnh hằng của cuộc sống  2. Vầng trăng trong hiện tại  Từ hồi ...cửa gương  vầng trăng đi qua ngõ  như­ ngư­ời d­ưng qua đ­ường  + NT: Nhân hoá, so sánh, liệt kê.  -Cuộc sống hoà bình, đầy đủ tiện nghi  - Người lính đã lãng quên vầng trăng  ->Quên quá khứ nghĩa tình, quên những năm tháng gian lao của đất nước.  Thình lình đèn điện tắt  ... vầng trăng tròn  NT:  + Từ láy,tính từ , ĐT mạnh  + Giọng thơ mạnh mẽ  - Mất điện đột ngột, phòng cao ốc tối om -> người lính thấy ngột ngạt, bức bối  -> Khẩn tr­ương, vội vàng tìm nguồn sáng . Người lính bất ngờ khi gặp lại vầng trăng  ->Vầng trăng xuất hiện trong tình huống đặc biệt mà cũng thật tình cờ, tự nhiên.  => Vầng trăng tròn, vẹn nguyên, không thay đổi gợi suy nghĩ cho nhà thơ,là bước ngoặt để từ đó tg bộc lộ cảm xúc. |

**Hoạt động 3: luyện tập.** (3’)

Mục tiêu:Củng cố khắc sâu kiến thức cho Hs

HĐ cá nhân

Các bước thực hiện :

B1: GV giao nhiệm vụ

- Hình ảnh vầng trăng trong quá khứ có ý nghĩa gì?

- Cảm xúc của nhân vật trữ tình khi gặp lại vầng trăng?

- Tác giả muốn nhắc nhở, gửi gắm đến ng­ười đọc bài học gì về thái độ sống ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 4: vận dụng** (2’)

Mục tiêu:Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

**-** Tìm gặp một số cựu chiến binh và viết về những suy nghĩ của họ đối với đất nước.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: tìm tòi và mở rộng**( 1’)

Mục tiêu:Có hiểu biết sâu sắc về người lính qua một số tp khác.

- Tìm đọc những tác phẩm viết về đề tài người lính sau chiến tranh

- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính của văn bản

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Đọc thuộc bài thơ: Ánh Trăng.

- Học bài phần còn lại của văn bản : Ánh Trăng.

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tuần 13**

**Tiết 61ÁNH TRĂNG**

Ngày soạn: 5/11/2018 (Nguyễn Duy)

Ngày dạy:

**I. Vấn đề cần giải quyết.**

- Tìm hiểu văn bản Ánh trăng

- Hiểu được ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng, từ đó thấm thía cảm xúc ân tình với quá khứ gian lao tình nghĩa của Nguyễn Duy và biết rút ra bài học về cách sống cho mình.

- Cảm nhận được sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong bố cục giữa tính cụ thể và tính khái quát trong hình ảnh thơ.

**II. Mục tiêu bài học.**

1.Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng. Từ đó thấm thía cảm xúc ân tình với quá khứ gian lao, tình nghĩa của Nguyễn Duy và biết rút ra bài học về cách sống cho mình.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng đọc – hiểu văn bản thơ được sáng tác sau năm 1975

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm thụ và phân tích thơ.

3. Thái độ: Có tình yêu thiên nhiên, trân trọng quá khứ. Giáo dục bảo vệ môt trường.

4. Định hướng năng lực

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, cảm thụ, phân tích.

**III.Chuẩn bị**

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ:

+ Văn - Văn : Một số văn bản có hình ảnh ánh trăng

+ Văn - TV : Điệp từ, nhân hóa, so sánh...

+ Văn - TLV :Văn miêu tả, tự sự, biểu cảm

2.Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

**IV. Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức.

2.Kiểm tra bài cũ:sự chuẩn bị của hs

3.Dạy bài mới

**\*Hoạt động 1: Khởi động**

Mục tiêu:Tạo tình huống có vấn đề gây hứng thú tiết học

Hình thức tổ chức hoạt động hái hoa dân chủ chia lớp thành 3 đội chơi.

Thời gian chơi 3 phút

Gv:Nêu luật chơi

Tiến hành trò chơi(Nội dung câu hỏi hình thức trắc nghiệm về kiến thức cơ bản ở tiết 60)

Dẫn dắt vào bài mới.

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| HĐ :Tìm hiểu những suy ngẫm của nhà thơ  Mục tiêu : Hs hiểu ý nghĩa biểu tượng của vầng trăng và tâm trạng của nhà thơ.  HS theo dõi khổ thơ thứ 4.  + Hoạt động nhóm:  Hình thức tổ chức thảo luận nhóm.  Thời gian thảo luận 5p  - B1: Gv nêu câu hỏi cho các nhóm thảo luận  Nhóm 1,3: Gặp lại vầng trăng con người như thế nào? Tại sao?  Nhóm 2,4: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong khổ thơ? Qua đó em hiểu người lính có tâm trạng như thế nào khi gặp lại vầng trăng?  - B2: HS làm việc cá nhân, tổng hợp kết quả theo nhóm. GV quan sát, trợ giúp HS.  - B3: GV tổ chức cho HS báo cáo và thảo luận kết quả thực hiện.  Gv gọi các nhóm đại diện báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ xung.  -B4: Gv kết luận, chốt kiến thức  GV: Mọi ký ức của một thời xa xăm, một thời gian khó, gắn bó thuở nào bỗng hiện về trước mặt:  Trăng! Đó là những kỷ niệm tuổi thơ êm đềm hạnh phúc. Là đồng là bể, là quê hương làng xóm và những người thân yêu ruột thịt.  Trăng! Đó còn là sông là rừng, là những người đồng chí anh em.  Trăng! Đó là những vui buồn - hạnh phúc, những đắng cay ngọt bùi một thuở. Thế mà lòng người đã quên mau để bây giờ chợt xót xa ân hận, để rưng rưng không nói thành lời.  HS theo dõi khổ thơ cuối của văn bản.  + Hoạt động nhóm:  - B1: Gv nêu câu hỏi cho các nhóm thảo luận  Nhóm 1,3: Đối diện với trăng người thấy rưng rưng xúc động…và trong dòng suy ngẫm của người, hình ảnh trăng và người hiện lên qua những chi tiết nào?  Nhóm 2,4: Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong khổ thơ. Từ đó em có nhận xét gì về hình ảnh con người và vầng trăng trong khổ thơ cuối?  - B2: HS làm việc cá nhân, tổng hợp kết quả theo nhóm. GV quan sát, trợ giúp HS.  - B3: GV tổ chức cho HS báo cáo và thảo luận kết quả thực hiện.  Gv gọi các nhóm đại diện báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ xung.  -B4: Gv kết luận, chốt kiến thức  + Hoạt động cá nhân  - B1: GV nêu yêu cầu  ? Theo em, câu chuyện Nguyễn Duy kể trong Ánh trăng có phải của riêng nhà thơ hay không?  ? Từ sự trải nghiệm của bản thân, tác giả muốn nhắn gửi điều gì đến bạn đọc?  - B2: HS suy nghĩ .  - B3 : HS trả lời.  - B4 : GV nhận xét và chốt kiến thức  Mượn chuyện ánh trăng để nói người, nói chuyện đời, chuyện nghĩa tình. ..nhắc nhở con người sống thủy chung, ân tình cùng quá khứ. Bài thơ như một lời cảnh tỉnh khiến người đọc phải suy ngẫm về lẽ sống ở đời để tự hoàn thiện mình. Đó chính là đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của nhân dân ta.  Hoạt động: Hướng dẫn HS Tổng kết.  Thời gian : 5 phút  Hình thức : thảo luận nhóm  - B1: GV chia nhóm và nêu yêu cầu  Nhóm 4, 5, 6  ? Bài thơ đã đạt được những thành công gì về nghệ thuật?  Nhóm 1, 2, 3  ? Từ thành công về nghệ thuật, bài thơ thể hiện nội dung gì?  - B2: HS làm việc cá nhân, tổng hợp kết quả theo nhóm. GV quan sát, trợ giúp HS.  - B3: GV tổ chức cho HS báo cáo và thảo luận kết quả thực hiện.  Gv gọi các nhóm đại diện báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ xung.  -B4: Gv kết luận, chốt kiến thức | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **3. Suy ngẫm của nhà thơ**  Ngửa mặt lên nhìn mặt  -> Sự đối diện giữa ng­ười và trăng  có cái gì r­ưng r­ưng  như­ là đồng là bể  nh­ư là sông là rừng  NT:  + Từ láy, so sánh, lặp cấu trúc  + Giọng thơ trầm lặng  -> Xúc động , nhớ kỉ niệm xư­a  \*Trăng cứ tròn vành vạnh  ... ánh trăng im phăng phắc... mình   |  |  | | --- | --- | | Trăng  tròn vành vạnh  - quá khứ đầy đặn, ân tình, thuỷ chung, vẹn nguyên  im phăng phắc  - bao dung độ lượng, nhắc nhở nghiêm khắc . | Người  vô tình,bạc bẽo, nông nổi  -Tự trách mình khi lãng quên quá khứ nghĩa tình  - Thức tỉnh, tự hoàn thiện. | |  |  |   → Đối lập, nhân hóa:  =>Bài thơ là lời nhắc nhở thấm thía về thái độ,tình cảm đối với những năm tháng gian lao,nghĩa tình, đối với thiên nhiên và đất nước, Nhắc nhở con người sống ân nghĩa, thủy chung.Bài thơ nằm trong mạch cảm xúc “uống nước nhớ nguồn”  **III. Tổng kết:**  1. Nghệ thuật  - Giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh thơ giàu tính biểu cảm.  2. Nội dung  - Bài thơ là lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước. Bài thơ cũng là lời nhắc nhở ở người đọc thái độ sống ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ |

**Hoạt động 3: Luyện tập**: ( 5’)

Mục tiêu: Giúp HS hiểu sâu hơn và thuần thục hơn kiến thức và kĩ năng vừa học để giải quyết vấn đề trong học tập và cuộc sống.

\* Hoạt động nhóm: Thitìm những câu thơ, hoặc câu tục ngữ, ca dao nói về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.

- Bước 1: GV nêu yêu cầu luyện tập

Chia lớp thành 2 đội chơi, thitìm những câu thơ, hoặc câu tục ngữ, ca dao nói về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.

- Bước 2: Các đội chơi chuẩn bị câu hỏi.

- Bước 3: Tổ chức thi tìm hiểu.

- Bước 4: Cho học sinh nhận xét. GV đánh giá hoạt động.

2, Hoạt động nhóm theo đối tượng học sinh.

- Bước 1: GV chia nhóm, nêu yêu cầu.

Nhóm 1:(HS Khá) Em có đồng tình với cách sống của nhân vật trữ tình trong bài thơ không? Vì sao?

Nhóm 2: :(HS Khá)

- Trong bài thơ “Việt Bắc” Tố Hữu đã mượn lời của người dân Việt Bắc nhắn cán bộ về xuôi:

Mình về thành thị xa xôi

Nhà cao, còn thấy núi đồi nữa chăng?

Phố đông, còn nhớ bản làng

Sáng đèn, còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

? Theo em lời nhắn gửi của nhà thơ Tố Hữu trong 4 câu thơ (bài “Việt Bắc”) và lời nhắn gửi của Nguyễn Duy trong bài “Ánh trăng” có gì giống nhau?

Nhóm 3: (HS TB)

? Qua bài thơ “Ánh trăng” em có thể rút ra bài học gì cho bản thân? Kể một số việc làm cuả bản thân em hoặc một số hoạt động của lớp, trường, địa phương em thể hiện đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”.

- B2: HS làm việc cá nhân, tổng hợp kết quả theo nhóm. GV quan sát, trợ giúp HS.

- B3: GV tổ chức cho HS báo cáo và thảo luận kết quả thực hiện.

Gv gọi các nhóm đại diện báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ xung.

- B4: Gv kết luận, chốt kiến thức.

**HĐ vận dụng, mở rộng.** ( 2’)

**\***Mục tiêu:Khuyến khích HS mở rộng, phát triển ý tưởng sáng tạo trên cơ sở kiến thức và kĩ năng vừa học.

- Tạo điều kiện cho HS phát huy khả năng liên tưởng và trí tưởng tượng và khả năng dễ dàng giải quyết tình huống nảy sinh trong cuộc sống.

B1: GV giao nhiệm vụ

Hình thức: Làmở nhà.

- Suy nghÜ cña em b»ng mét ®o¹n v¨n ng½n vÒ lèi sèng ©n nghÜa cñy chung

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Tổng kết về từ vựng( Luyện tập tổng hợp )

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

Ngày soạn: 5/11/2018

Ngày dạy:

**DẠY HỌC TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO**

**CHỦ ĐỀ: NGƯỜI LÍNH TRONG MẮT EM**

**I. Xác định mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**:

- HS hiểu được một số nét cơ bản về cuộc sống, tâm tư của người lính trong thời kháng chiến cũng như trong thời bình.

- Xây dựng được kịch bản và diễn tiểu phẩm theo chủ đề: Người lính sau chiến tranh

- Hoàn thành các sản phẩm theo chủ đề: Bài viết, vẽ, bài phỏng vấn…

- HS xây dựng được kịch bản và trình diễn được tiểu phẩm về chủ đề: Người lính sau chiến tranh.

- HS hoàn thành các sản phẩm theo chủ đề: bài viết, vẽ, bài phỏng vấn…

- HS tổ chức được buổi biểu diễn tiểu phẩm, kết hợp với trưng bày các sản phẩm theo chủ đề.

**2**. Rèn kĩ năng:

**-** So sánh nét đặc trưng của người lính xưa và nay

- Thuyết trình về nét đẹp của người người lính

- Viết, vẽ, sưu tầm, sáng tác thơ văn...liên quan đến chủ đề người lính

**3. Thái độ:** ý thức tự hào về nét đẹp truyền thống của người lính, tự rèn luyện mình về đạo đức, tác phong,....

**4. Năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở HS**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp TV, năng lực thẩm mỹ...

**5. Sản phẩm**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**Chủ đề: Người lính trong mắt em**

( Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:………………………………

Ngày đọc……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Cụm từ khóa** | **Nội dung đọc liên quan đến cụm từ khóa** |
| Người lính trong kháng chiến chống Pháp |  |
| Người lính trong kháng chiến chống Mĩ |  |
| Khó khăn của cuộc đời nguwoif lính |  |
| Người lính trong thời bình |  |
| Tình đồng chí, đồng đội |  |

**II. Nội dung**

**\*Lên danh sách các câu hỏi phỏng vấn:**

Nội dung phỏng vấn cần làm rõ những vấn đề sau:

Nội dung 1: Nhân vật đó là ai? ( Bác cựu chiến binh hay người lính trong doanh trại quân đội).

Nội dung 2: Nếu là cựu chiến binh: Bác tham gia đánh giặc trong khoảng thời gian nào? Kỉ niệm bác nhớ nhất trong chiến tranh là gì? Điều bác muốn nhắc nhở thế hệ trẻ hiện nay là gì?

Nội dung 3: Nếu là người lính đang trong quân đội: Anh đang công tác trong doanh trại nào? Nhật kí một ngày làm việc của anh có gì đặc biệt? Anh có suy nghĩ gì khi được trở thành người lính phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam?

**III. Chuẩn bị**

1. lực lượng tham gia

Trong nhà trường: GV dạy văn khối 9. Gv dạy môn lịch sử và HS khối 9

2. Chuẩn bị:

**\* Giáo viên**: Sách HĐTNST lớp 9, Tổ chức DHTNST trong dạy học Ngữ văn, soạn bài, tham khảo tài liệu.

**\* Học sinh:** Tài liệu liên quan, đồ dùng.

- SGK Ngữ văn 9, tập một

- Giấy, bút, máy ảnh, máy quay hoặc điện thoại có chức năng chụp ảnh…

- Máy tính kết nối Internet (nếu có).

- Phiếu bình chọn (để phát cho khán giả xem biểu diễn tiểu phẩm).

**Lưu ý**: Sau khi học xong bài 12 trong SGK, GV giao nhiệm vụ cho học sinh: xây dựng kịch bản và diễn tiểu phẩm theo chủ đề: Người lính sau chiến tranh.

3. Thời gian, thời lượng, địa điểm tổ chức

**\*** Thời gian: 2 tuần, sau Bài 12: Ánh trăng, SGK Ngữ văn 9, tập 1.

-Sau khi học xong Bài 12 trong SGK, GV giao nhiệm vụ cho HS: xây dựng kịch bản và diễn tiểu phẩm theo chủ đề: Người lính sau chiến tranh. Ngoài ra, yêu cầu các nhóm chuẩn bị những bài viết, bài phỏng vấn, bài vẽ, tác phẩm thơ,…tự sáng tác viết về đề tài người lính để phục vụ cho buổi triển lãm.

- Chuẩn bị trong 2 tuần:

+ Tuần 1: Nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin, lên ý tưởng, sáng tác kịch bản.

+ Tuần 2: Triển khai thực hiện ý tưởng (tập kịch, phỏng vấn, viết bài, vẽ tranh,…).

- Trong 2 tuần HS chuẩn bị, GV linh hoạt sử dụng thời gian trên lớp để hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra sự chuẩn bị của HS.

- Biểu diễn tiểu phẩm và trưng bày sản phẩm trong 2 tiết.

**\***  Địa điểm tổ chức:

**4. Hình thức hoạt động**

- GV chia lớp thành 4 nhóm (Từ 9 đến 10 em)

- Giao nhiệm vụ cho từng nhóm: tự bầu nhóm trưởng, thư ký, người thuyết trình cho mỗi sản phẩm, mỗi nhóm đảm nhiệm 1 nội dung:

- Giao nhiệm vụ cho từng nhóm:

+ Nhóm 1: Xây dựng tiểu phẩm về tình đồng chí, đồng đội dựa vào văn bản Đồng chí.

+ Nhóm 2: Xây dựng tiểu phẩm về những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn dụa vào văn bản Bài thơ về tiểu đội xe không kính.

+ Nhóm 3: Xây dựng tiểu phẩm có nội dung phản ảnh về đời sống, tâm tư của các bác cựu chiến binh.

+ Nhóm 4: Xây dựng tiểu phẩm về những người lính trong doanh trại quân đội hiện nay

- Với mối nhóm lớn, GV yêu cầu mỗi nhóm chia thành 2 nhóm nhỏ: Nhóm tiểu phẩm và nhóm trưng bầy sản phẩm (bài viết, bài phỏng vấn, bài vẽ, tác phẩm thơ, …tự sáng tác viết về đề tài người lính).

- Chọn 1 đến 2 học sinh làm người dẫn chương trình, 2 HS làm thư ký cho buổi biểu diễn, trưng bầy sản phẩm.

**IV. Tiến trình tổ chức dạy – học**

(Gồm 4 giai đoạn tương ứng với các hoạt động: Trải nghiệm, xử lý trải nghiệm; phản hồi, chuẩn kiến thức bằng cách rút ra bài học hoặc kinh nghiệm mới; vận dụng)

**Hoạt động 1: Tìm kiếm thông tin (Trải nghiệm)**

**Bước 1:** Gv nêu yêu cầu tìm kiếm thông tin

1.Thông tin trong SGK: Đọc kĩ và nắm được nội dung của các văn bản Đồng chí (Chính Hữu), Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật), Ánh trăng (Nguyễn Duy) trong SGK Ngữ văn 9, tập một: Yêu cầu HS:

+ Đọc kĩ lại các bài trong SGK.

+ So sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa người lính thời kỳ kháng chiến chống Pháp với người lính thời kỳ kháng chiến chống Mĩ và người lính sau chiến tranh.

2.Thông tin từ các nguồn khác:

- Nhóm trưởng phân công các thành viên tìm kiếm hình ảnh, bài viết từ Internet theo các cụm từ khóa như:

+ “người lính trong kháng chiến chống Pháp”, có thể là bài viết, hình ảnh, vi deo...

+ “người lính trong kháng chiến chống Mĩ”;

+ “người lính trong thời bình”; phỏng vấn hoặc tranh ảnh...

+ “khó khăn của cuộc đời người lính”;

+ “tình đồng chí, đồng đội”

-Sau đó các em điền vào phiếu thu thập thông tin, hoặc tìm kiếm, liên hệ và phỏng vấn với một bác cựu chiến binh ở địa phương, một số người lính trong doanh trại quân đội hiện nay….

- GV đưa ra 1 số gợi ý khi phỏng vấn:

(1) Cả 3 tác phẩm trên đều có chủ đề là gì?

(2) Qua 2 tác phẩm Đồng chí và Bài thơ về tiểu đội xe không kính em thấy người lính thời kháng chiến chống Pháp với người lính thời kháng chiến chống Mĩ có những điểm gì giống và khác nhau?

(3) Những người lính trở về sau chiến tranh có tâm trạng như thế nào?

- Yêu cầu HS trong mỗi nhóm tìm kiếm trên Internet những hình ảnh. Video hoặc bài viết liên quan đến chủ đề của nhóm mình bằng các cụm từ khóa trong sách Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các môn học lớp 9, lập folder lưu lai thông tin tìm kiếm được (nếu có máy tính) hoặc sử dụng Phiếu thu thập thông tin (xem trang 80).

- Với mỗi nhóm, GV hướng dẫn cụ thể:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về hình ảnh người lính thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về hình ảnh người lính thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt là những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Nhóm 3: Liên hệ, phỏng vấn các bác cựu chiến binh ở địa phương.

+ Nhóm 4:Liên hệ phỏng vấn các chú bộ đội trong doanh trại quân đội hiện nay.

Lưu ý: Với nhóm 3,4, GV hỗ trợ hoặc giúp các em liên lạc với các bác cựu chiến binh, với những chú bộ đội trong doanh trại quân đội, GV cũng cần hướng dẫn HS ở 2 nhóm này lập bảng câu hỏi cần phỏng vấn, hướng dẫn các em cách ghi chép lại nội dung phỏng vấn hoặc cách quay video (nếu cần thiết),…GV chú ý nhắc nhở HS có thái độ tôn trọng người được phỏng vấn và có quy tắc ứng xử văn minh khi đến đơn vị công tác, nhà ở,…của người được phỏng vấn.

Một số câu hỏi gợi ý dành cho nhóm 3,4:

+ Với bác cựu chiến binh:

(1) Bác đã tham gia cuộc kháng chiến nào và ở chiến trường nào?

(2) Kỉ niệm bác nhớ nhất trong chiến tranh là gì?

(3) Trong thời gian đó, bác thấy người lính gặp phải những khó khăn gì?

(4) Bác có nhắn gửi gì với thế hệ chúng cháu hôm nay?

+ Với người lính ở doanh trại quân đội:

(1) Anh tên gì? Anh ở doanh trại quân đội nào?

(2) Vì sao anh lại trở thành người lính trong hàng ngũ Quân đội Nhân dân Việt Nam?

(3) Anh chia sẻ một ngày làm việc và tập luyện của mình.

(4) Để đảm bảo giờ giấc và nội quy trong quân đội, anh gặp phải những khó khăn gì? Anh đã khắc phục những khó khăn đó như thế nào?

**Bước 2,3:** HS thực hiện nhiệm vụ**,** sau đó tự điền thông tin vào phiếu thu thập

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**Chủ đề: Người lính trong mắt em**

**(Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)**

Người đọc..........................................Ngày đọc.......................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **Cụm từ khóa** | **Nội dung đọc liên quan đến cụm từ khóa** |
| Người lính trong kháng chiến chống Pháp |  |
| Người lính trong kháng chiến chống Mĩ |  |
| Khó khăn của cuộc đời người lính |  |
| Người lính trong thời bình |  |
| Tình đồng chí, đồng đội |  |

**Bước 4:** GV liên hệ xem HS có khó khăn gì trong tìm kiếm thông tin, có thể giúp đỡ

**Hoạt động 2: Xử lý thông tin (Xử lý trải nghiệm)**

**Bước 1:**

- Từ các nội dung tìm được:

+ nhóm trưởng yêu cầu các thành viên trình bầy kết quả tìm kiếm, phỏng vấn được theo cụm từ khóa đã được phân công:

+ Những nét tiêu biểu của người lính qua các thời kỳ: thời kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống mỹ,…;

+ Tâm tư người lính sau chiến tranh (những cựu chiến binh);

+ Cuộc sống người lính trong giai đoạn hiện nay;

+ Những điều học được từ tấm gương người lính;

+ Tranh, thơ tự sáng tác theo chủ đề.

**Bước 2,3:** Thành viên các nhóm trình bày kết quả tìm kiếm

**Bước 4:**  Gv kiểm tra, nhận xét xem các nhóm có đi đúng hướng chưa, hướng dẫn các nhóm xử lý thông tin và định hướng, chốt cấu trúc bài viết cho các em:

+ Đa dạng, phong phú

+ Nội dung của thông tìm kiếm, tác phẩm,…làm nổi bật được đặc điểm của các người lính trong mỗi thời kỳ, sự khác nhau về hình ảnh người lính mỗi thời kỳ.

Hướng dẫn HS xử lý thông tin theo 5 mạch nội dung chính đã được nêu trong sách Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các môn học lớp 9.

**Hoạt động 3: Xây dựng ý tưởng, sáng tác kịch bản sân khấu (Xử lý trải nghiệm)**

- Thời gian tổ chức: Chiều thứ 5 tuần

- Xác định nội dung kịch bản.

- Xây dựng ý tưởng, bố cục cho kịch bản.

- Phân cảnh, hoàn thiện kịch bản.

- Dự kiến thời lượng cụ thể, những đạo cụ đi kèm cho từng phân cảnh.

- Xây dựng ý tưởng cho buổi trưng bày sản phẩm.

- Tổ chức cho HS thảo luận tự do, dân chủ để sáng tác kịch bản (giới hạn thời gian diễn tiểu phẩm: 5 phút/tiểu phẩm) và lên ý tưởng cho buổi trưng bày sản phẩm.

- Duyệt kịch bản, gợi ý, bổ sung, sửa chữa kịch bản trên cơ sở tôn trọng ý tưởng của HS.

Một số câu hỏi gợi ý cho HS:

(1) Kịch bản viết về đề tài gì?

(2) Kịch bản gồm mấy nhân vật? Ai là nhân vật chính/phụ? Ai là nhân vật chính diện/phản diện?

(3) Kịch bản gồm mấy phân cảnh? Nội dung chính của từng phân cảnh là gì? Diễn biến của từng phân cảnh?

(4) Những đạo cụ hỗ trợ choa các phân cảnh là gì? Thời lượng cụ thể của từng phân cảnh như thế nào?

(5) Thông điệp muốn nhắn gửi thông qua tiêu phẩm là gì?

- Góp ý cho ý tưởng buổi trưng bày sản phẩm của HS.

**Hoạt động 4: Chuẩn bị biểu diễn tiểu phẩm, trưng bày sản phẩm**

- Cả nhóm thống nhất lên ý tưởng cho buổi biểu diễn.

+ Hình thức tổ chức: Biểu diễn tiểu phẩm kết hợp với trưng bày sản phẩm về chủ đề.

+ Địa điểm tổ chức: Lựa chọn một trong các địa điểm sau: lớp học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà thể chất…

+ Cách thức tuyên truyền, quảng bá: phát thanh trên loa của trường trong các giờ ra chơi, dám áp phích quảng cáo trên hành lang, ngoài cửa lớp.

- Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên theo nội dung công việc.

+ Tiểu phẩm:

Chọn đạo diến, diễn viên

Mỗi diễn viên chọn một mã số bình chọn

Tập kịch (lên kế hoạch tập luyện cụ thể).

Chuẩn bị âm thanh, đạo cụ, trang phục phù hợp.

Sau mỗi buổi tập cần họp nhóm rút kinh nghiệm.

+ Sưu tầm ảnh, viết bài về hình ảnh người lính qua các thời kỳ:

Bài phỏng vấn người lính trong thời đại ngày nay.

Viết lời thuyết minh, giới thiệu, chú thích cho các hình ảnh, tranh vẽ…

- Các thành viêm trong nhóm thực hiện nhiệm vụ theo phân công.

**V. Tổng kết và hướng dẫn học sinh học tập**

**1. Tổng kết**

(GV bổ sung và chốt lại những nội dung/thông điệp chính)

**2. Hướng dẫn học sinh học tập**

(GV giao nhiệm vụ học tập về nhà/ Gợi ý HS đọc thêm, tìm tòi, mở rộng kiến thức có liên quan)

- Dặn dò : Chuẩn bị đủ 4 hoạt động buổi sau trình bày

**VI. Đánh giá kết quả**

**1. Quy trình đánh giá**

- Học sinh tự đánh giá

- Nhóm học sinh đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

**2. Nội dung đánh giá**

**\* Về sản phẩm**

**\* Về hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **DUYỆT KH CỦA PHT**  **PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN** | Ninh Bình, ngày tháng năm 2018  **T/M TỔ (NHÓM) CHUYÊN MÔN** |
| **(Ký, ghi rõ họ và tên)** | **(Ký, ghi rõ họ và tên)** |

**Tiết: 62 TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

Ngày soạn: 5/11/2018 **( Luyện tập tổng hợp )**

Ngày dạy:

**I. Vấn đề cần giải quyết.**

- HS biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học để phát triển những hiện t­ượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp

- Làm các bài tập trong sgk.

**II. Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức: HS biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học để phát triển những hiện t­ượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng phân tích giá trị nghệ thuật của từ ngữ

3. Thái độ: Có ý thức tự học, tự rèn luyện

4. Định hướng năng lực

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, phân tích, tổng hợp.

**III. Chuẩn bị**

1. GV: - Soạn giáo án có tích hợp với phần từ vựng đã học

2. Hs: - Ôn tập lại lý thuyết và làm các bài tập

**IV.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:9b

2.Kiểm tra bài cũ:sự chuẩn bị của hs

3.Dạy bài mới

\*Hoạt động1 : Khởi động ( 5’)

Mục tiêu:Tạo tâm thế thoải mái gây hứng thú và tạo tình huống vào bài học.

Hình thức tổ chức:hoạt động cá nhân

Tổ chức trò chơi đuổi hình bắt chữ(H/ả-tìm ra các từ:gật đầu, gật gù, chân sút,chân trong đội tuyển...)

Gv phổ biến luật chơi

Tiến hành trò chơi

Gv dẫn dắt vào bài mới.

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức và luyện tập**( 37’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| Mục tiêu: HS biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học để phát triển những hiện t­ượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp.  Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích VD  \* Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, Động não  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, phân tích, tổng hợp.  Bước 1:Giao nhiệm vụ cho hs  Bước 2,3: Hs suy nghĩ ,trình bày ý kiến.  ?Đọc và nêu yêu cầu của BT?  ?Hai câu khác nhau ở điểm nào?  ?So sánh sắc thái nghĩa của 2 từ "gật đầu" "gật gù"?  ?Vậy cách nói nào phù hợp với việc biểu hiện nội dung bài ca dao hơn?  Bước 4 :Gv chốt kiến thức.  "Gật gù" thích hợp hơn ( gật nhẹ nhiều lần tỏ ý đồng tình, tán thư­ởng, tâm đắc)  -Nhấn mạnh tình cảm vợ chồng  Bước 1:Giao nhiệm vụ cho hs  Bước 2,3: Hs suy nghĩ ,trình bày ý kiến.  ? Em hiểu gì về cụm từ “ một chân sút” trong cách nói của người chồng ?  ? Nhận xét cách hiểu nghĩa từ ngữ của ng­ười vợ trong truyện c­ười ?  Bước 4 :Gv chốt kiến thức.  + Chồng nói: "một chân sút"- cầu thủ ghi bàn giỏi  + Vợ: Hiểu là ng­ười có một chân  -> Vợ không hiểu đúng nghĩa từ ngữ  - Hình thức tổ chức HS th¶o luËn theo cÆp ®«i  Bước 1:Giao nhiệm vụ cho hs  ? Tõ nµo dïng theo nghÜa gèc. Tõ nµo dïng theo nghÜa chuyÓn?  ? NghÜa chuyÓn ®­îc dïng theo ph­¬ng thøc chuyển nghÜa nµo ?  Bước 2,3 HS th¶o luËn vµ tr×nh bµy-> NX  Bước 4 Gv chốt kiến thức  Nghĩa gốc:Miệng, chân, tay…  Nghĩa chuyển:Vai (áo): hoán dụ  Đầu (súng): ẩn dụ  Hình thức tổ chức hoạt động nhóm  HS th¶o luËn theo 3 nhãm.  Bước 1:Giao nhiệm vụ cho hs  ? VËn dông kiÕn thøc vÒ tr­êng tõ vùng ph©n tÝch c¸i hay trong c¸ch dïng tõ cña bµi th¬?  ? T¸c dông cña viÖc sö dông nh÷ng tõ ng÷ ®ã ?  Bước 2,3 HS th¶o luËn vµ tr×nh bµy-> NX  Bước 4 Gv chốt kiến thức  - Trư­ờng từ vựng màu sắc: đỏ, xanh, hồng  - Tr­ường từ vựng lửa: lửa, cháy, tro  Hai tr­ường từ vựng kết hợp với nhau-> hiệu quả cao: Màu áo đỏ của cô gái thắp lên trong mắt chàng trai ngọn lửa (t/yêu) khiến anh say đắm, ngất ngây( có thể cháy thành tro) lan ra không gian làm cây lá cũng biến sắc  => Gây ấn tư­ợng mạnh đối với ng­ười đọc ->Tình yêu mãnh liệt, cháy bỏng  Gv tổ chức trò chơi ai nhanh ai đúng?  Bước 1:Giao nhiệm vụ cho hs  ? T×m VD ®­­îc ®Æt tªn dùa vµo ®Æc ®iÓm riªng biÖt cña chóng?  Bước 2:Gv nêu luật chơi  Bước 3:Tiến hành trò chơi(hs thực hiện)  Bước 4:Đánh giá kết quả  Mái Giầm - Bọ Mắt - Ba Khía…  Bước 1:Giao nhiệm vụ cho hs  ? Đọc truyện cười?  ? Hãy chỉ ra những yếu tố gây cười trong câu chuyện?  ? Tại sao chi tiết đó lại khiến ta buồn cười? phê phán điều gì?  Bước 2,3: Hs suy nghĩ ,trình bày ý kiến.  Bước 4 :Gv chốt kiến thức.  Phê phán thói thích dùng từ n­ước ngoài không phù hợp với hoàn cảnh | Bài tập 1:  Gật đầu: dùng để chào hỏi, tỏ sự đồng tình.  Gật gù: gật nhiều lần biểu thị thái độ đồng tình tán thưởng.  =>"Gật gù" thích hợp hơn ( gật nhẹ nhiều lần tỏ ý đồng tình, tán thư­ởng, tâm đắc)  ->Nhấn mạnh tình cảm vợ chồng  Bài tập 2:  - Một chân sút: cách nói hoán dụ: 1 người có khả năng ghi bàn giỏi.  Bài tập 3: (SGK/158)  - Nghĩa gốc: Từ miệng, chân, tay  - Nghĩa chuyển: đầu, vai ( ph­ương thức hoán dụ)  Bài tập 4  - Trường màu sắc: đỏ, hồng, xanh, ánh…  - Trường lửa: lửa, cháy, tro…  - Những h/ả đó diễn tả 1 tình cảm mãnh liệt của chàng trai với cô gái…  Bài tập 5:(SGK/159)  - Dùng từ có sẵn, mang một nội dung mới dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện  t­ượng đ­ược gọi tên  VD:  - ớt chỉ thiên, Cá kiếm, ...  - Cà tím, Mực ống, ...  Bài tập 6:  - trong cơn đau quằn quại ông ta vẫn cố nói theo để thay từ bác sĩ bằng từ đốc tờ.  ->Phê phán thói sính dùng chữ nước ngoài của một số người. |

**Hoạt động4: Vận dụng**( 2’)

Mục tiêu: Rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ khi giao tiếp

? Em thấy trong giao tiếp hàng ngày cần chú ý gì khi sử dụng từ ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: Tìm tòi ,mở rộng**( 1’)

Mục tiêu:Củng cố và mở rộng kiến thức vể từ vựng TV.

- Tìm và làm những bài tập liên quan đến trường từ vựng, nghĩa gốc và nghĩa chuyển.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết: 63LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG**

**YẾU TỐ NGHỊ LUẬN**

Ngày soạn: 5/11/2018

Ngày dạy:

**I. Vấn đề cần giải quyết**

- Qua bài học học sinh biết cách vận dụng kiến thức về đoạn văn để viết một đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.

- Yếu tố nghị luận giúp đoạn văn thêm chặt chẽ, sinh động, hấp dẫn và có sức thuyết phục hơn.

- Làm các bài tập trong sgk.

**II.Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức: Học sinh biết vận dụng và đ­ưa các yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự một cách hợp lí.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng viết đoạn văn tự sự có dùng yếu tố nghị luận.

3. Thái độ: Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

**III.Chuẩn bị:**

1. Thầy: Soạn giáo án có tích hợp với tiết 49 "Nghị luận trong văn bản tự sự"

2. Trò: Chuẩn bị kĩ bài (phần lý thuyết và luyện tập )

**IV. Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức

2.Kiểm tra bài cũ:không

3.Dạy bài mới

Hoạt động 1: Khởi động ( 5’)

**Mục tiêu: Tạo tình huống có vấn đề cần giải quyết**

B1: Giáo viên chiếu một đoạn văn:

Một người nông dân đặt bẫy,bên trong có ngô dể bát những con sếu đã tới ăn hạt giống.Khi anh ta xem tới bẫy của mình thì thấy nhiều sếu bị mắc lại và trong số chúng có một con cò.Con cò van xin người nông dân hãy thả nó đi và nói rằng:

-Anh không được giết tôi.Tôi không phải là sếu mà là cò.Anh có thể dễ dàng nhận ra điều đó qua bộ lông cảu tôi và tôi là con chim trung thực vô hại nhất.

Nhưng người nông dân trả lời rằng:

-Ta không cần biết mi là chim gì.Ta tìm thấy mi lẫn giữa những con sếu đã phá hoại mùa màng của ta và cũng giống như chúng,mi phải chịu hậu quả.

1.Xác định PTBĐ chính cảu đoạn văn trên?

2.Em hãy chỉ ra yếu tố nghị luận trong đoạn văn trên? Nêu vai trò của yếu tố nghị luận trong đoạn văn và chỉ ra tác dụng của yếu tố đó?

- B2: Học sinh đọc đoạn văn và xác định. Sau 1 phút HS phải có kết quả trả lời.

- B3 : HS trình bày kết quả, có thể trả lời đúng hoặc không đúng, hoặc thiếu.

- B4: Giáo viên cho các bạn nhận xét.

GV nhận xét, chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài:

**Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức** ( 37’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung** |
| HĐ:Hướng dẫn HS tìm hiểu yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự.  Mục tiêu:hs thấy được vai trò của yếu tố NL trong vb tự sự làm cho câu chuyện thêm phần triết lý.  \* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành  \* Kĩ thuật : Động não  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.  HĐ cá nhân  Hs trả lời các câu hỏi sau:  - GV gọi học sinh đọc ví dụ SGK/160  ? PTBĐ chính của đoạn văn trên. Kể về việc gì?  ? Ngoài ra còn có yếu tố nào?  Hs: phương thức BĐ chính: tự sự  Yếu tố:NL  Gv:chốt kiến thức.  - Hình thức tổ chức: HS thảo luận theo cặp đôi  Thời gian 2p  Hs trả lời các câu hỏi sau  ? Vậy yếu tố nghị luận đ­ược thể hiện ở những câu văn nào?  ? Theo em yếu tố nghị luận đó có vai trò gì?  - Hs thảo luận và trình bày  + "Nh÷ng ®iÒu viÕt lªn c¸t ... trong lßng ng­­êi"  + "VËy mçi chóng ta ... ©n nghÜa lªn ®¸"  -> Lµm cho c©u chuyÖn thªm s©u s¾c, giµu tÝnh triÕt lÝ vµ cã ý nghÜa gi¸o dôc cao  Gv:chốt ghi bảng  + "Nh÷ng ®iÒu viÕt lªn c¸t ... trong lßng ng­­êi"  ->Vai trò: mang dáng dấp của một triết lý về "cái giới hạn và cái trường tồn" trong đời sống tinh thần của con người  + "Nh÷ng ®iÒu viÕt lªn c¸t ... trong lßng ng­­êi"  ->Nhắc nhở con người cách ứng xử có văn hoá trong cuộc sống vốn rất phức tạp.  Hoạt động thảo luận:3 nhóm /1 nội dung  ? Qua câu chuyện chúng ta rút ra bài học gì?  Hs thực hiện nv  Đại diện nhóm trình bày sp-các nhóm nx  Gv chốt kiến thức  §©y lµ bµi häc vÒ sù bao dung, lßng nh©n ¸i, biÕt tha thø vµ ghi nhí ©n nghÜa, ©n t×nh ...  Các yếu tố này khiến cho nội dung câu chuyện trở nên sâu sắc, sinh động có sức thuyết phục…  **Hoạt động 3 : Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận**  Mục tiêu:Rèn kĩ năng viết đoạn văn tự sự có yếu tố nghị luận.  \* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành  \* Kĩ thuật : Viết tích cực  \* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.  Hình thức tổ chức thảo luận nhóm : Tìm ý cho đề sau :  ? Viết đoạn văn kể buổi sinh hoạt lớp. Trong buổi sinh hoạt đó em phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là ngư­ời bạn tốt.  - HS thảo luận và trình bày phần tìm ý.  - Gv yêu cầu HS viết đoạn văn dựa vào các ý đã tìm  - GV yêu cầu HS trình bày đoạn văn  Gv hướng dẫn chuẩn kiến thức đề y/c:  Để đạt những yêu cầu đó em cần chú ý:  -Thời gian, địa điểm, người điều khiển, không khí của buổi sinh hoạt ntn?  -Nội dụng của buổi sinh hoạt là gì? Em đã phát biểu về vấn đề gì? Tại sao?  -Em đã dùng những lí lẽ dẫn chứng nào để thuyết phục?  ?Sau gợi ý h/s viết thành đoạn văn?  ?Gọi h/s trình bày?  HĐcá nhân  Hs thực hiện yêu cầu sau:  Tìm hiểu bài văn sgk  ? Kể về những việc làm hoặc lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của ngư­ời bà kính yêu đã làm cho em cảm động ?  GV gợi ý:  Hs viết bài theo gợi ý  - Ng­ười em kể là ai ?  - Ng­ười đó đã làm, nói, s.nghĩ gì  - Diễn ra khi nào ?  - ND cụ thể?  - Ấn t­­îng: gi¶n dÞ, s©u s¾c, c¶m ®éng ntn ?  - Em rót ra bµi häc g× ?  Gv: yªu cÇu HS viÕt ®o¹n v¨n vµ gäi Hs tr×nh bµy ®o¹n v¨n ®· viÕt | I. Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự  1. VD: SGK  2. NX:  - Đây là 1 câu chuyện kể: phương thức tự sự  - Yếu tố nghị luận:  + "Những điều viết lên cát ... trong lòng ng­ười"  + "Vậy mỗi chúng ta ... ân nghĩa lên đá"  -> Làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, giàu tính triết lí và có ý nghĩa giáo dục cao  => Đây là bài học về sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân nghĩa, ân tình ...  **II. Thực hành viết đoạn văn có sử dụng yếu tố nghị luận.**  **Bài tập 1:**  **Bài tập 2:**  Đề bài: Viết về những kỷ niệm sâu sắc đối với người bà kính yêu.  -Yêu cầu: Tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.  \* Phân tích yếu tố nghị luận trong đoạn văn  - Từ lời dạy "Con hư...bà" tác giả đã bàn về tấm gương và hiệu quả của nó trong giáo dục gia đình: "Bà như thế..."  - Từ cuộc đời và những lời răn dạy của bà, tác giả bàn về một "nguyên tắc" giáo dục "Người ta như cây...nó gẫy". Đây là yếu tố nghị luận khái quát hoá.  -> Các yếu tố nghị luận trong đoạn văn trên chính là những "suy ngẫm" của tác giả về các nguyên tắc giáo dục, về phẩm chất và đức hy sinh của người làm công tác giáo dục. |

**Hoạt động 4: Vận dụng, mở rộng.** ( 2’) ở nhà

**Mục tiêu:** Giúp HS hiểu sâu hơn và thuần thục hơn kiến thức và kĩ năng vừa học để giải quyết vấn đề trong học tập và cuộc sống.

**Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ

? Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận .

? Tìm đọc các bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Làng

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 64- 65 Văn bản: LÀNG**

Ngày soạn: 5/11/2018 **(** Kim Lân)

Ngày dạy:

**I. Vấn đề cần giải quyết.**

**-** Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vậy ông Hai trong truyện Làng.

- Tác giả đã thành công trong việc xây dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lý và ngôn ngữ nhân vật.

**II. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức: Học sinh nêu được những nét chính về tg và tp.

- Nắm được nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại.

- Cảm nhận được tình yêu làng quê thắm thiết thống nhất với lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của nhân vật ông Hai.

- Thấy được nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật, sử dụng ngôn ngữ và sự kết hợp các yếu tố miêu tả + biểu cảm trong văn tự sự.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng đọc, cảm thụ tác phẩm truyện hiện đại, phân tích nhân vật, tâm lí nhân vật trong tác phẩm tự sự.

3. Thái độ: Giáo dục lòng yêu làng

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng CNTT, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu nước, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

**III. Chuẩn bị**

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp ( liên hệ)

+ Văn - Văn : Lòng yêu nước - I li a Êren bua

+ Văn - TV : Phó từ...

+ Văn - TLV : Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

2. Trò : - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

**IV.Tiến trình bài học.**

**1.Ổn định tổ chức:**

**2.Kiểm tra bài cũ:**

**\*Hoạt động 1: Khởi động**( 5’)

**\***Mục tiêu:Tạo tâm thế hứng thú học tập cho Hs

Gv cung cấp video về bài hát **Làng tôi** của nhạc sĩ Văn Cao.

? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì ?

Mỗi chúng ta, ai cũng có một làng quê riêng, dù sinh ra hay không sinh và lớn lên ở đó thì tâm hồn chúng ta vẫn luôn luôn nhớ và hướng về nó. Ta nhớ về nó trong mỗi buổi chiều bảng lảng hoàng hôn, trong mỗi buổi sớm vọng vang tiếng gà gáy sáng, trong những ngày tết, ngày lễ… Cái làng bình dị mà thân thương ấy thường hiện về trong ta mỗi khi nghe câu hát:“Làng tôi xanh bóng tre, Từng tiếng chuông ban chiều, tiếng chuông nhà thờ rung. Đời đang vui, Đồng quê yêu dấu, bóng cau với con thuyền một dòng sông”…Đến với tp làng của Kl nhà văn gửi tới thông điệp gì chúng ta cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung** |
| HĐ:Hướng dẫn đọc, tìm hiểu chung  \*Mục tiêu: hs tìm hiểu những nét khái quát về tác giả, tác phẩm  Hình thức tổ chức hoạt động cá nhân  \* Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP thuyết trình,  \* Kĩ thuật : Hỏi và trả lời  \*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực sử dụng CNTT.  Bước 1; GV yêu cầu học sinh quan sát chú thích SGK, trả lời câu hỏi  ? Nêu vài nét về tác giả?  ? Truyện ngắn Làng sáng tác trong thời gian nào, trong hoàn cảnh nào?  ? Nội dung truyện ngắn phản ánh điều gì?  Bước 2, 3: Học sinh: Quan sát SGK, trả lời, học sinh khác bổ xung  Bước 4; GV nhận xét, chốt lại  - Trước CM, ông thường viết về những thú vui tao nhã của người dân Bắc Ninh quê ông: chọi gà, thả diều, chọi dế, chơi cây cảnh  - Sau CM, viết về những cảnh ngộ của người nông dân, tình cảm của nông dân đối với làng quê, đất nước  - Tác phẩm sáng tác năm 1948 - thời kì đầu cuộc k/c chống Pháp của dân tộc  - Nội dung: Phản ánh, ca ngợi tình yêu làng quê hòa quyện với lòng yêu nước và tinh thần K/C của người nông dân trong K/c chống Pháp  + Đọc, tóm tắt  Bước 1: Gv hướng dẫn đọc: h­ướng dẫn HS đọc văn bản: chú ý những từ ngữ địa ph­ương, những lời đối thoại của các nhân vật trong truyện.  Gv đọc mẫu một đoạn  Bước 2, 3; - Học sinh nối nhau đọc. Nhận xét nhau đọc  Bước 4: Gv Nhận xét học sinh đọc, uốn nắn cách đọ  GV : Có thể tóm tắt truyện " Làng " ntn?  H/S : Tóm tắt. Học sinh khác nhận xét.  GV : nhận xét, tóm tắt ngắn gọn  +Tìm hiểu bố cục:  Bước 1: GV nêu vấn đề nếu chia cốt truyện thành 3 sự việc chính sau:  - Cuộc sống của ông Hai ở nơi sơ tán.  - Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin xấu về làng.  - Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin cải chính về làng thì em sẽ tách đoạn văn bản “làng,, ntn?  Bước 2: Học sinh trao đổi theo cặp đôi  Bước 3: Đại diện các cặp đôi trình bày bố cục, các nhóm khác nhận xét, bổ xung  Bước 4: GV chốt lại  HĐ Hướng dẫn tìm hiểu chi tiết văn bản:  Mục tiêu:Hs thấy được tình huống truyện bất ngờ mà hợp lí  - Hs thấy được tình yêu làng quê thắm thiết, thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần k/c ở nhân vật ông Hai, qua đó thấy được một biểu hiện cụ thể, sinh động về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.  1. Tìm hiểu tình huống truyện  Bước 1: GV yêu cầu học sinh trao đổi theo cặp đôi các câu hỏi;  ? Nhân vật chính của văn bản là ai? Nhân vật chính có liên quan đến tên truyện không? Nếu có thì liên quan ntn?  ? Để khắc hoạ nổi bật chủ đề của truyện, tính cách của nhân vật Kim Lân đã đặt nhân vật chính vào một tình huống truyện ntn?  Bước 2: H/S: thảo luận theo cặp đôi  Bước 3: HS các cặp đôi trả lời, cặp đôi khác nhận xét, bổ xung  Bước 4: Gv chốt lại các ý:  - NV chính: ông Hai  - Nội dung chính của truyện ngắn " làng" là tình yêu làng quê của ng­ười nông dân có tên là ông Hai.  - tác giả đã giới thiệu ông Hai là một ngư­ời nông dân suốt cuộc đời sống ở quê h­ương, gắn bó máu thịt với từng con đ­ường, từng nếp nhà, thửa ruộng, từng ngọn cỏ, cành cây...Vì giặc ngoại xâm, ông Hai phải rời làng đi tản cư­, sống nhờ nơi đất khách. Do đó lòng ông đau đáu nhớ quê. Ông hai nghe tin làng chợ Dầu của ông theo giặc, phản lại kháng chiến, phản lại Cụ Hồ.  - Chi tiết này tạo nên một nút thắt cho câu chuyện, gây ra một mâu thuẫn giằng xé trong tâm trí ông Hai.Tạo ra điều kiện để nhân vật thể hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc.  HĐ:Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của ông  Hai khi nghe tin làng theo giặc  \*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, phân tích, Dùng lời có nghệ thuật  \* Kĩ thuật : Động não, Trình bày một phút  \*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, thẩm mĩ, cảm thụ, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.  Hình thức: hoạt động cá nhân và nhóm.  Hoạt động cá nhân:Tích hợp Lịch sử: Sau 1945  Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh:  ? Em hãy tóm tắt đoạn văn bản kể về nhân vật ông Hai từ khi nghe tin làng theo giặc  Bước 2, 3: Học sinh suy nghĩ, trả lời.  Bước 4: Gv nhận xét, chốt kiến thức.  Hoạt động nhóm  Chia lớp thành 4 nhóm,mỗi nhóm nội dung thảo luận khác nhau.  Thời gian thảo luận 7 p  Nhóm 1: ông Hai có phản ứng gì khi nghe tên làng chợ Dầu?  ? Khi nghe tin làng mình theo giăc. ông Hai có biểu hiện gì? Các chi tiết đó cho thấy tâm trạng của ông Hai lúc này như thế nào?  Nhóm 2: Về nhà ông hai những biểu hiện cử chỉ ra sao? ? Cảm nghĩ cực nhục của ông Hai được thể hiện trong đoạn văn nào? Vì sao ông Hai cảm thấy cực nhục?  - Nhà văn sử dụng câu văn ntn để miêu tả trạng thái tâm lí nhân vật? Qua đó em hiểu được tâm trạng nào của ông Hai?  Nhóm 3: Gia đình ông Hai bị đẩy vào tình cảnh bế tắc ra sao?  ? từ ý nghĩ của ông Hai: làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù. Em đọc được những xúc cảm nào đang diễn ra trong nội tâm ông? Nhân vật ông Hai đó bộc lộ tâm trạng như thế nào qua những độc thoại của mình?  Nhóm 4: Nội dung cuộc trò truyện giữa ông Hai với đứa con út? Vì sao ông Hai lại trò truyện với đứa con của mình? Từ đó em cảm nhận điều gì trong tấm lòng của ông với làng quê, với đất nước?  Bước 2; các nhóm thảo luận  Bước 3; Đại diện các nhóm trình bày kết quả, nhận xét bổ xung cho nhau(dựa vào đáp án của gv)  Bước 4: GV nhận xét các nhóm, bổ xung, chốt lại KT  Hoạt động cá nhân.  Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh:  ? Những dằn vặt, khổ tâm của ông Hai đó núi với ta về một con người như thế nào?  Bước 2: Học sinh suy nghĩ và trả lời.  Bước 3: Giáo viên nhận xét và chốt kiến thức.  Hướng dẫn tìm hiểu: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng được cải chính.  Hình thức : Hoạt động nhóm.  Chia lớp thành 4 nhóm,mỗi nhóm nội dung thảo luận khác nhau.  Thời gian thảo luận 5 p  Nhóm 1: Tóm tắt phần truyện ông Hai khi nghe tin làng được cải chính?  Nhóm 2: Khi biết tin làng mình không theo giặc dáng vẻ ông Hai có những biểu hiện khác thường nào? Dáng vẻ ấy phản ánh một nội tâm như thế nào?  Nhóm 3: Tại sao ông Hai lại khoe với mọi người rằng: Tây nó đốt nhà tôi rồi? Lúc này, cử chỉ của ông Hai có gì đặc biệt? Những cử chỉ đó phản ánh một nội tâm như thế nào?  Nhóm 4: Em hiểu gì về ông Hai từ những cử chỉ, lời nói, dáng vẻ đó?  Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh:  Bước 2: Học sinh suy nghĩ thảo luận  Bước 3: Học sinh trình bày  Bước 4: Gv nhận xét và chốt kiến thức  Hướng dẫn tổng kết.  Hình thức: Hoạt động cá nhân.  Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh;  ? Em học tập được những gì từ nghệ thuật kể chuyện của Kim Lân trên các phương diện: sử dụng ngôn từ, miêu tả nhân vật?  ? Nêu nội dung của truyện ngắn Làng?  Bước 2 : học sinh suy nghĩ.  Bước 3 : Học sinh trả lời.  Bước 4 : Gv nhận xét, chốt kiến thức. | **I. Đọc hiểu chung.**  **1.Tác giả:** Tên khai sinh Nguyễn Văn Tài (1920). Quê: Kinh Bắc (Bắc Ninh)  - Sở trường về truyện ngắn  - Am hiểu sâu sắc nông thôn và người nông dân.  **2. Tác phẩm**: Sáng tác 1948  + Đọc  +Tóm tắt truyện:  Ông Hai cùng vợ con dời làng chợ Dầu lên tản cư ở vùng tự do, chiến khu Việt Bắc. Nghe tin đồn làng mình theo Tây, ông vô cùng buồn bực, xấu hổ, thậm chí còn căm thù những người làng đi theo việt gian bán nước. Ông tự đấu tranh gay gắt với bản thân và vẫn một lòng tin vào cụ Hồ. Cuối cùng ông Hai cũng biết đó là tin đồn nhảm. Lúc đó, ông mới phấn khởi, tự tin trở lại, giải toả được trạng thái căng thẳng nghi hoặc lúc trước.  +Bố cục  P1: Từ đầu → không nhúc nhích; Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin cả làng theo Pháp.  P2: ... → đòi phần: Tâm trạng xấu hổ, đau khổ buồn bưc của ông trong ba bốn ngày sau đó.  P3: Đoạn còn lại: Tình cờ, ông Hai ... tin đồn nhảm, → vô cùng ... lại yêu, lại tự hào về cái làng mình hơn xưa.  **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **1. Tìm hiểu tình huống truyện:**  **- Tình huống: ông Hai tình cờ nghe được tin làng ông theo giặc, lập tề, phản lại kháng chiến, phản lại Cụ Hồ, oái oăm thay cái tin ấy do chính những người tản cư ở dưới xuôi lên nói lại.**  **2. Diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin xấu về làng.**  - Khi nghe nói đến làng chợ Dầu, ông " quay ngoắt lại, lắp bắp hỏi"  -> Ông phản ứng mạnh hi vọng đư­ợc nghe những tin tốt đẹp  -> Luôn quan tâm, h­ướng về làng, xúc động ngay khi chỉ nghe nhắc đến tên làng.  - Biết tin" cả làng Việt gian theo tây" thì ông có phản ứng mạnh mẽ.  + Cổ ông nghẹn ắng, da mặt tê rân rân... không thở đ­ược...  ->Sững sờ, bàng hoàng, đau khổ.  \*Về đến nhà nằm vật ra gi­ường, nư­ớc mắt trào ra  + Rít lên  + Ngờ ngợ - một loạt câu hỏi dồn dập diễn ra trong lòng ông  \*Chao ôi! Cực nhục chưa,…..cái giống Việt gian bán nước.  Và nếu làng ông theo Tây thật, ông sẽ là kẻ lạc loài với toàn dân thiên hạ, với giống nòi.  Người yêu nước nồng nàn như ông Hai là người căm ghét tận cùng những kẻ bán nước.  ->Các kiểu câu phong phú xen kẽ nhau: câu ngắn - dài - nghi vấn - cảm thán...  -> Làm nổi bật tâm trạng rối bời của ông Hai: đau xót, nhục nhã, tủi hổ, căm giận. tuyệt vọng, lo lắng...  \*Tình thế bế tắc: Bị hắt hủi, xa lánh.Mụ chủ nhà đánh tiếng đuổi đi. Tuyệt đư­ờng sinh sống" Đi đâu bây giờ? không ai chứa chấp... cũng không thể quay lại làm nô lệ cho tây, về làng là bỏ kháng chiến , bỏ cụ Hồ... Và ông đã dứt khoát:" Làng thì yêu thật... Phải thù"  -> Tình yêu n­ước đã rộng lớn hơn, bao trùm lên tình cảm làng quê.  => Nghệ thuật xây dựng mâu thuẫn nội tâm nhân vật, đặt nhân vật ông Hai trong sự bế tắc đòi hỏi phải đư­ợc giải quyết. Và ông Hai đã lựa chọn con đường đúng đắn: yêu n­ước - bỏ làng Việt gian.  \*Bố con ụng núi với nhau về hai việc: Nhà ta ở làng chợ Dầu và ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm. ông không biết giãi bày tâm sự cùng ai .ông mượn con để bày tỏ tấm lòng son của mình với làng quê, với đất nước.  Ông Hai là người son sắt thuỷ chung với làng quê, với đất nước., với kháng chiến.  \*Ông Hai là ngườiyêu quê, yêu nước đằm thắm, chân thật.  Ông là người trọng danh dự , yêu ghét rạch ròi.  **3. Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng được cải chính.**  \* Được tin từ ông chủ tịch làng chợ Dầu rằng làng mình không làm việt gian theo giặc, ông Hai liền ra khỏi nhà, khăn áo chỉnh tề, mua quà cho con, loan báo với hàng xóm quen biết tin vui này. Mọi người mừng cho ông.  \* Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui rạng rỡ hẳn lên. Mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ hấp háy.  ->Nhẹ nhõm, vui sướng.  \* Vì đó là bằng chứng của việc gia đình ông không những không theo giặc mà còn là gia đình kháng chiến.  - Lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ...mà nói chuyện về cái làng của ông.  -> Sung sướng, hả hê đến cực điểm.  \* Coi trọng danh dự, yêu làng yêu nước hơn tất cả.  **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật:  - Xây dựng tình huống truyện gay cấn, bất ngờ. Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, mang đậm tính khẩu ngữ.  - Miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật đặc sắc qua hành động, lời nói, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.  2. Nội dung:  - Truyện ngắn "Làng" đó thể hiện chân thực và sinh động, một tình cảm bền chặt và sâu sắc đó là tình yêu làng quê thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến qua tâm trạng của nhân vật ông Hai - Một người nông dân phải rời làng đi tản cư. |

**Hoạt động 3: Luyện tập.** ( 5’)

Mục tiêu: Hs thấy được vị trí và ý nghĩa của tp trong nền văn học hiện đại.

Hình thức: Hoạt động cặp đôi

Bước 1: GV nêu yêu cầu của bài tập

? Vì sao truyện ngắn Làng được coi là truyện ngắn thành công của văn học Việt Nam thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược .

Bước 2: Học sinh trao đổi theo cặp đôi

Bước 3: Học sinh các nhóm trình bày kêt quả, bổ sung cho nhau

Bước 4: Gv nhận xét, chốt lại

Vì trong truyện ngắn nhà văn đã thể hiện chân thực và sinh động, một tình cảm bền chặt và sâu sắc đó là tình yêu làng quê thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến qua tâm trạng của nhân vật ông Hai - Một người nông dân phải rời làng đi tản cư.

**Hoạt động 4: Vận dụng** ( 3’)

Mục tiêu:Rèn kĩ năng làm bài văn tự sự

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về những người nông dân ở địa phương trong công cuộc lao động xây dựng đất nước.

? Đóng vai ông Hai kể lại truyện ngắn Làng.

-HS theo cốt truyện kể theo ngôi thứ nhất

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: Mở rộng, bổ sung, phát triển ý tưởng sáng tạo.**

Mục tiêu: tích hợp môn Mĩ thuật.

- Em hãy tưởng tượng và vẽ tranh về làng chợ Dầu.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài :Đối thoại, độc thoại……….

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tuần 14- 15**

**Tiết 66 ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI**

**VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂMTRONG VĂN BẢN TỰ SỰ.**

Ngày soạn: 12/11/018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức:

- Hiểu thế nào là đối thoại. độc thoại và độc thoại nội tâm, đồng thời tác thấy được tác dụng của chung trong văn bản tự sự.

2. Kĩ năng:

- Rèn luyện kỉ năng nhận diện và tập kết hợp các yếu tố này trongkhi đọc củng như khi viết văn bản.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, sôi nổi xây dựng bài học, có ý thức vận dụng vào thực hành .

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh.

- Năng lực tư duy.

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực học nhóm.

- Năng lực tự học.

- Năng lực sử dụng CNTT khai thác hình ảnh, nội dung liên quan đến bài học.

**II. Chuẩn bị.**

1. Giáo viên.

- Tham khảo tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

2. Học sinh.

- Học bài, làm bài tập.

**III. Tiến trình lên lớp.**

1. Ổn định lớp.

- Kiểm tra sĩ số.

2. Kiểm tra bài cũ:

? Tại sao phải sử dụng yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự ?

3. Giới thiệu bài mới.

**Ho¹t ®éng 1. Khởi động(3’)**

- Mục tiêu: Tạo hứng khởi, dẫn dắt vào bài mới.

- Hình thức:Trình bày cá nhân, vấn đáp.

- Các bước thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đưa ra đoạn văn bản có ngôn ngữ đối thoại, độc thoại hướng dẫn học sinh tìm hiểu.

Bước 2,3: HS suy nghĩ độc lập trả lời câu hỏi.

Bước 4 : GV chốt kiến thức, chuyển bài mới

Gv : Để khắc hoạ n/vật, nhà văn thường chú ý m/tả ở những phương diện nào? Ngoại hình, nội tâm, hành động, ngôn ngữ, trang phục

Gv Ngữ văn 9: Tập trung xem xét nv ở phương diện ngôn ngữ. Ngôn ngữ là một phương tiện để nhà văn khắc hoạ tính cách, phẩm chất nv.

**HĐ hình thành kiến thức(38’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **2.1 Tìm hiểu §èi tho¹i, ®éc tho¹i vµ ®éc tho¹i néi t©m trong v¨n b¶n tù sù (20’)**  Mục tiêu : Học sinh nắm được đặc điểm các loại ngôn ngữ §èi tho¹i, ®éc tho¹i vµ ®éc tho¹i néi t©m trong v¨n b¶n tù sù  - Hình thức hoạt động: Vấn đáp, trình bày, nêu ví dụ, phân tích, thảo luận.  - Các bước tiến hành.  Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.  - §äc vd  ? Chó ý 3 c©u ®Çu ®o¹n trÝch, §©y lµ lêi cña ai nãi víi ai?  ? Tham gia vµo c©u chuyÖn cã Ýt nhÊt lµ mÊt ng?  ? DÊu hiÖu nµo cho thÊy ®ã?  ? Em hiÓu thÕ nµo lµ ®èi tho¹i?  ? C©u " Hµ, n¾ng gím, vÒ nµo" «ng Hai nãi víi ai?  ? VËy «ng Hai nãi víi chÝnh m×nh ®Ó lµm g×?  - §¸nh trèng l¶ng ®Ó t×m c¸ch ra khái ®¸m ®«ng mµ ko ai ®Ó ý tíi  ? Nh©n vËt cã cÊt thµnh tiÕng kh«ng ? PhÝa tr­íc lêi nãi nv cã dÊu hiÖu g× ?  ? §©y cã ph¶i lµ ®èi tho¹i kh«ng? V/sao?  - Kh«ng, v× ®èi tho¹i lµ cuéc trß chuyÖn, trao ®æi qua l¹i gi÷a hai hoÆc nhiÒu ng.  §ã lµ ®éc tho¹i.  ? Em hiÓu ®éc tho¹i lµ g× ?  - Câu nói của người đàn bà tản cư: "cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! ... mỗi đứa một nhát!" cũng không hướng tới người đối thoại nào, không có ai đáp lại lượt lời này. **Đây là lời độc thoại.**  ? Trong ®o¹n trÝch cßn cã c©u nµo kiÓu nµy kh«ng ? Em h·y chØ râ ?  - Cã:“¤ng l·o n¾m chÆt tay…nhôc nh· thÕ nµy”  ? Nh÷ng c©u" chóng nã...? " lµ c©u ai hái ai ?  ? VÒ dÊu hiÖu h×nh thøc nh÷ng c©u nµy kh¸c c©u ë phÇn a,b ë chç nµo ?  **\* GV: lêi nãi thÇm diÔn ra trong suy nghÜ, t×nh c¶m cña «ng Hai --> thÓ hiÖn t©m tr¹ng d»n vÆt, ®au ®ín khi nghe tin lµng theo giÆc.**  \*Gv: §ã lµ ®éc tho¹i néi t©m  ? Em hiÓu thÕ nµo lµ ®éc tho¹i néi t©m?  ? Theo em c¸c h×nh thøc trªn cã t¸c dông ntn trong viÖc thÓ hiÖn kh«ng khÝ cña c©u chuyÖn vµ th¸i ®é cña nh÷ng ng­êi t¶n c­ trong buæi tr­a «ng Hai gÆp hä?  ? Sd ®èi tho¹i,®éc tho¹i vµ ®éc tho¹i néi t©m trong v¨n t.sù nh»m m.®Ých g×?  - Gióp nhµ v¨n kh¾c ho¹ s©u s¾c t©m tr¹ng cña NV  - T¹o cho c©u chuyÖn cã kh«ng khÝ nh­ cuéc sèng thËt  \*GV: Toµn bé nd c¸c em võa t×m hiÓu còng lµ nd ghi nhí/sgk.  ? §äc ghi nhí?  Bước 4: Hs trình bày xong, GV bổ sung kiến thức.  **Hoạt động 3: Luyện tập (15’)**  2.1 Hướng dấn HS làm các bài tập SGK  Mục tiêu: Củng cố kiến thức.  Hình thức:hoạt động thảo luận nhóm  Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.  Gv chia hs thµnh 4 nhãm thi nhau t×m hiểu nội dung bài thập theo gói câu hỏi sau.  Bước 2,3 : HS thảo luận : phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi.  – Đối thoại giữa ai với ai? Trong tình huống nào?  – Về vấn đề gì?  – Thái độ của từng người tham gia đối thoại được bộc lộ ra sao?  – Hình thức đối thoại trong đoạn trích có gì bất thường?  – Cuộc đối thoại gợi ra không khí gia đình ông Hai như thế nào khi nghe tin làng mình theo giặc?  – Chú ý phân tích lượt lời của ông Hai, tác dụng của đối thoại trong việc thể hiện tâm trạng buồn chán, thất vọng, đau khổ của một người quá yêu làng mình.?  \* GV: nªu y/c  - HT: ®v: cã sö dông c¸c h×nh thøc ®èi tho¹i, ®éc tho¹i, ®éc tho¹i néi t©m  - ND: ®Ò tµi tù chän  - Thêi gian:7p  - GV, H ®äc vµ söa ch÷a mét sè bµi  Bước 4: GV đánh giá nhận xét. | **I. §èi tho¹i, ®éc tho¹i vµ ®éc tho¹i néi t©m trong v¨n b¶n tù sù:**  **1. VÝ dô. SGK**  **2. NhËn xÐt**  a. 3 c©u ®Çu ®o¹n trÝch lµ lêi cña 2 ng p/n÷ t¶n c­ ®ang nãi chuyÖn víi nhau  - DÊu hiÖu: Có 2 l­ît lêi qua l¹i. Nd nãi cña mçi ng ®Òu h­íng tíi ng tiÕp chuyÖn vµ h/thøc lµ 2 g¹ch ®Çu dßng  => §èi tho¹i  b. C©u "Hµ, n¾ng gím, vÒ nµo"  => «ng Hai nãi víi chÝnh m×nh: §¸nh trèng l¶ng ®Ó t×m c¸ch ra khái ®¸m ®«ng mµ ko ai ®Ó ý tíi  - Dấu hiệu: + CÊt thµnh tiÕng  + g¹ch ®Çu dßng  => §éc tho¹i  c. Nh÷ng c©u "chóng nã...? " --> «ng Hai tù hái m×nh  - Kh«ng cÊt thµnh tiÕng, kh«ng cã g¹ch ®Çu dßng -> lêi nãi thÇm diÔn ra trong suy nghÜ, t×nh c¶m cña «ng Hai --> thÓ hiÖn t©m tr¹ng d»n vÆt, ®au ®ín khi nghe tin lµng theo giÆc.  -> §éc tho¹i néi t©m  => Tdông: t¹o cho c©u chuyÖn cã kh«ng khÝ nh­ cuéc sèng thËt, thÓ hiÖn th¸i ®é c¨m giËn... t¹o t×nh huèng ®Ó ®i s©u vµo néi t©m nv.  - H×nh thøc ®éc tho¹i vµ ®éc tho¹i néi t©m ®· gióp nhµ v¨n kh¾c ho¹ s©u s¾c t©m tr¹ng cña nv.  **3. Ghi nhí**  **II. LuyÖn tËp:**  **1. Bµi tËp 1**  - Cuéc ®èi tho¹i nµy diÔn ra trong hoµn c¶nh kh«ng b×nh th­êng: Cã 3 lêi trao nh­ng chØ cã 2 l­ît lêi ®¸p.  + Lượt thoại đầu của bà Hai ông Hai không đáp  + Câu hỏi thứ 2 của bà được ông đáp bằng cách hỏi lại “ gì”?  + Lần thứ 3 ông cũng đáp lại bằng một câu cụt lủn “ biết rồi”  => Nh»m næi bËt t©m tr¹ng ch¸n ch­êng, buån b·, ®au khæ, thÊt väng cña «ng Hai khi nghe tin lµng m×nh theo giÆc.  **2. Bµi tËp 2** |

**Hoạt động 4: Vận dụng(3’)**

Mục tiêu: HS nắm vững kiến thức vận dụng tốt các hình thức ngôn ngữ trong tạo lập văn bản.

HĐ cá nhân

? Hãy so sánh điểm giống và khác nhau giữa độc thoại và độc thoại nội tâm

**– Giống:**Đều là lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc ai đó trong tưởng tượng.

**– Khác:**

**+ Độc thoại:**– Nói thành lời

                      – Câu nói có gạch đầu dòng.

**+ Độc thoại nội tâm:**

– Nói không thành lời. Tức là phát ngôn của nhân vật nói với chính bản thân, trực tiếp phản ánh quá trình tâm lý bên trong ( suy nghĩ).

                    – Không có gạch đầu dòng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: Mở rộng, bổ sung, phát triển ý tưởng sáng tạo**.( Ở nhà)

? P/biÖt ®èi tho¹i,®é tho¹i, ®éc tho¹i néi t©m ? T d cña nh÷ng h×nh thøc nµy trong v¨n b¶n t.sù?

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Luyện nói Tự sự ……….

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 67 LUYỆN NÓI**

**Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm**

Ngày soạn: 12/11/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh biết cách trình bày 1 vấn đề trước tập thể lớp với nội dung kể lại 1 sự việc theo ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ 3 trong khi kể có kết hợp với miêu tả nội tâm, nghị luận có đối thoại và độc thoại.

2. Kĩ năng:

- Rèn luyện kỉ năng nhận diện và tập kết hợp các yếu tố này trongkhi đọc củng như khi viết văn bản.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc thực hiện yêu cầu của tiết học

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh.

- Năng lực tư duy.

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực học nhóm.

- Năng lực tự học.

**II. Chuẩn bị.**

1. Giáo viên.

- Tham khảo tài liệu, soạn giáo án, bảng phụ.

2. Học sinh:

-Hs lập đề cương cho 3 đề bài trong sgk

**III. Tiến trình lên lớp.**

1. Ổn định lớp.

- Kiểm tra sĩ số.

2. Kiểm tra bài cũ.

- KiÓm tra viÖc chuÈn bÞ bµi ë nhµ cña häc sinh

3. Bài mới.

**Ho¹t ®éng 1. Khởi động(5’)**

\* Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức bài cũ đã học, dẫn dắt vào bài mới.

- Hình thức:Trình bày cá nhân, vấn đáp.

- Các bước thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

? Phân biệt ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm?

? HS trình bày bài tập 2/ 179 Đoạn văn có sử dụng đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm?

Bước 2,3: HS suy nghĩ độc lập trả lời câu hỏi.

Bước 4 : GV chốt kiến thức, chuyển bài mới.

**HĐ2: Hình thành kiến thức :**(35’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Mục tiêu : GV nêu Yªu cÇu cÇn chó ý khi nãi.  - Hình thức hoạt động: Vấn đáp, trình bày, nêu ví dụ, phân tích, thảo luận.  **- Các bước tiến hành**.  Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.  - GV nªu 1 sè y/cÇu cña tiÕt luyÖn nãi  + Kh«ng viÕt thµnh bµi v¨n chØ nªu c¸c ý chÝnh mµ m×nh ®Þnh nãi  Bước 2,3: HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ độc lập trả lời câu hỏi.  ? Më ®Çu nªn nãi ntn?  - Chµo, giíi thiÖu m×nh vµ néi dung cÇn nãi.  ? TiÕp theo em sÏ tr×nh bµy nh÷ng néi dung g× ?  - Tr×nh bµy c¸c néi dung theo yªu cÇu  ? KÕt thóc ntn?  - C¶m ¬n mäi ng­êi ®· chó ý l¾ng nghe  ? Yªu cÇu vÒ t­ thÕ, t¸c phong ?  - Nãi tù nhiªn, râ rµng, rµnh m¹ch, m¾t h­íng vµo nghe nghe.  + Yªu cÇu tõng ®Ò bµi cÇn ®¹t tíi  Bước 4: Hs trình bày xong, GV bổ sung kiến thức.  **Hoạt động 3: Luyện tập**  Mục tiêu : Củng cố kiến thức cho HS về kỹ năng luyện nói văn Tự sự k/hợp với nghị luận và miêu tả  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.  **GV chia lớp thành 4 nhóm**  **N1: Chuẩn bị đề 1**  **N2: Chuẩn bị đề 2**  **N3: Chuẩn bị đề 3**  **N4: Chuẩn bị đề 4**  Bước 2,3 Các thành viên trao đổi thảo luận, thống nhất đề cương, cử đại diện trình bày. Các nhóm khác lăng nghe và có câu hỏi phản biện.  1. Tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn.  2. Kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là một ngươi bạn rất tốt (xem lại phần Tập làm văn, tr. 161).  3. Dựa vào nội dung phần đầu tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương (từ đầu đến “Bây giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi! ”), hãy đóng vai Trương Sinh để kể lại câu chuyện và bày tỏ niềm ân hận.  **Bước 4**: **Giáo viên kết luận**  - Chủ động xin được trình bày trước lớp những nội dung đã chuẩn bị ở nhà hoặc sẳn sàng đáp ứng khi thầy, cô giáo yêu cầu.  - Nói rõ ràng, mạch lạc, có giọng điệu, tư thế ngay ngắn, mắt hướng vào người nghe.  - Chú ý rút kinh nghiệm về các lỗi (cả nội dung và hình thức) trong phần trình bày miệng của mình trên lớp. | **I. Yªu cÇu cÇn chó ý khi nãi**  **II. LuyÖn nãi**  **1.§Ò 1**:T©m tr¹ng cña em sau khi ®Ó x¶y ra mét chuyÖn cã lçi víi b¹n.  **a. Mở bài:** giới thiệu chung về sự việc và tâm trạng.  **b. Thân bài**: Kể lại sự việc và tâm trạng bản thân.  - Em đã gây ra chuyện gì có lỗi với bạn        + Chuyện xảy ra ở đâu? Khi nào?        + Nguyên nhân        + Diễn biến        + Hậu quả  - Tâm trạng của em lúc đó như thế nào?  - Sau đó em xử sự như thế nào?  **c. Kết bài**: bài học rút ra cho bản thân mình.  Lưu ý: sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại.  **2**. **§Ò 2**: KÓ l¹i buæi sinh ho¹t líp, ë ®ã em ®· pbyk ®Ó chøng minh Nam lµ mét người b¹n rÊt tèt.  a. **Më bµi**:  - Giíi thiÖu buæi sinh ho¹t líp (t/g, ®Þa ®iÓm, ai ®iÒu khiÓn, kh«ng khÝ buæi sh)  - Néi dung buæi s/h.  b. **Th©n bµi**: Buæi sinh ho¹t diÔn ra như­ thÕ nµo? (chñ yÕu lµ nãi vÒ Nam)  + ý kiÕn cña mäi ng­­êi vÒ Nam.  + Suy nghÜ, t©m tr¹ng cña em trước nh÷ng ý kiÕn ®ã.  + Em ®· ph¸t biÓu ®Ó chøng minh Nam lµ ng­­êi tèt: Em thuyÕt phôc mäi ng­êi tin vµ nghe theo lêi em nhê nh÷ng lý lÏ, dÉn chøng, c¸ch ph©n tÝch nh­ thÕ nµo? T©m tr¹ng em sau khi ph¸t biÓu xong?  + Th¸i ®é cña mäi ng­êi tr­íc lêi ph¸t biÓu cña em.  **c.KÕt bµi** :  - Suy nghÜ cña em vÒ Nam, vÒ mäi ng­êi.  **3. §Ò 3:**  §ãng vai Tr­¬ng sinh kÓ l¹i c©u chuyÖn theo ng«i thø nhÊt  **a. Mở bài**: Trương Sinh tự giới thiệu về mình và tình huống xảy ra câu chuyện.  **b. Thân bài**: Diễn biến sự việc:  - Trương Sinh đi lính  - Trương Sinh trở về.  - Nghe lời con trẻ nghi oan cho vợ => cái chết của vợ  - Sau khi hiểu ra nỗi oan của vợ: Tâm trạng đau đớn, dày vò, ân hận, day dứt.  **c. Kết bài:** Bài học rút ra từ câu chuyện: về cách cư xử trong mối quan hệ vợ chồng |

**Hoạt động 4: Vận dụng. (7’)**

- Mục tiêu: Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

- HĐ cá nhân

**? Viết hoàn chỉnh nội dung bài tập 3:**

Tôi vốn là con nhà hào phú, đến tuổi trưởng thành, tôi xin mẹ mang trăm lạng vàng hỏi Vũ Nương về làm vợ. Nàng là con nhà nghèo khó nhưng xinh đẹp thùy mị nết na nhất vùng.

Năm ấy có giặc Chiêm xâm lấn bờ cõi nên tôi bị xung vào đội quân của triều đình đi dẹp giặc trong khi vợ lại mang thai sắp đến kỳ sinh nở.

Tôi đi khoảng mươi ngày thì Vũ Nương sinh con đặt tên là Đản. Mẹ tôi già yếu, lại vì lo lắng thương nhớ tôi, sinh ra ốm đau. Vũ Nương thay tôi chăm sóc chu đáo nhưng bà vẫn không qua khỏi. Nàng lo ma chay chu đáo.

Năm sau giặc tan, trở về nhà không còn mẹ, lòng tôi đau xót vô cùng. Bế con ra thăm mộ mẹ thằng bé quấy khóc, tôi phải dỗ dành. Một tối, tôi nghe con nói có người đàn ông đêm nào cũng đến.

Cơn ghen bừng bừng, tôi tức tối mắng chửi mặc cho Vũ Nương hết lời thanh minh.

Vũ Nương gieo mình xuống bến Hoàng Giang tự tử. Dù giận nàng, tôi vẫn tìm cách cứu thây nàng nhưng tìm khắp nơi không thấy.

Đên ấy, Đản chỉ vào cái bóng trên vách và bảo đó là bố nó. Tôi mới đau xót thấu hiểu nỗi oan của vợ, điều này làm tôi ân hận vô cùng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: Mở rộng, bổ sung, phát triên ý tưởng sáng tạo.** ( Ở nhà)(1’)

**?** Y/c cña mét bµi luyÖn nãi?

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Lặng Lẽ Sa Pa

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết:68 - 69 LẶNG LẼ SA PA**

**(Nguyễn Thành Long)**

Ngày soạn: 12/11/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức:

-Học sinh thấy được vẻ đẹp của hình tượng con người lao động thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.

- HS hiểu được nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện.

2. Kĩ năng:

HS nắm bắt được diễn biễn truyện và tóm tắt được truyện.

- HS phân tích được nhân vặt trong tác phẩm tự sự.

- HS cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm.

3. Thái độ: HS có ý thức trân trọng những người lao động.

4. Định hướng năng lực:

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, thẩm mĩ, ngôn ngữ, cảm thụ.

**II.Chuẩn bị :**

1. Giáo viên:

- Nghiên cứu kỹ nội dung SGK, SGV và thiết kế bài dạy

- Các slide trình chiếu

2. Học sinh:

- Đọc kỹ bài, chuẩn bị theo yêu cầu của GV

**III. Tiến trình tiết học**

1. Ổn định lớp.

2. Bài mới

**\*Hoạt động1 : Khởi động ( 5’)**

Mục tiêu : Tạo t/huống, tâm thế gây hứng thú cho HS đón nhận bài mới.

\* Hình thức thực hiện: HĐ cá nhân

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho hs

**HS quan sát Đoạn thơ trên MC:**

1. Hình ảnh dưới đây gợi nhắc đến địa danh nào trên đất nước Việt Nam?

2. Hãy nêu những hiểu biết của em về vùng đất thơ mộng đó?

Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời

Bước 3: HS trình bày, phản biện

Bước 4: GV nhận xét, giới thiệu vào bài mới

**HĐ 2: Hình thành kiến thức:**

Mục tiêu: Hs

- Biết được những nét chính về tác giả, tác phẩm, tóm tắt được nội dung văn bản.

- Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật trong truyện, chủ yếu là nhân vật anh thanh niên trong công việc thầm lặng, trong cách sống và những suy nghĩ , tình cảm, trong quan hệ với mọi người.

- Phát hiện đúng và hiểu được chủ đề của truyện, từ đó hiểu được niềm hạnh phúc của con người trong lao động.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HĐ 2.1: Tìm hiểu chung về tg,tp.**  Mục tiêu :HS nắm bắt được những nét chính về tác giả, tác phẩm;  **-** Bước 1 : Chia nhóm, giao nhiệm vụ  1. Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả?  Ông th­ường có những chuyến đi thực tế ở nhiều nơi, vốn sống và LĐ của ông đ­ược dành vào việc viết truyện ngắn và bút kí. Ông là ng­ười biết chọn lọc từ cuộc sống những mẩu chuyện thực từ nơi này, nơi kia rồi liên kết chúng lại trong 1 chuỗi lời kể tự nhiên. Cốt truyện của ông có nhiều chỗ li kì, chứa đầy những gay cấn và chất thơ vừa nhẹ nhàng vừa trầm lắng thiết tha.  2. Hãy nêu hoàn cảnh ra đời truyện ngắn ?  - Viết trong chuyến đi thực tế ở Lào Cai vào mùa hè năm 1970  - Thời điểm 1970, đất nước tập trung xây dựng miền Bắc XHCN, rất nhiều người nhiệt tình hăng say cống hiến sức mình cho tổ quốc, góp phần làm giàu đẹp cho đất nước.  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng  Gv hướng dẫn chậm, cảm xúc lắng sâu  - Gv đọc mẫu. Hs đọc -> Nhận xét  - Hs tìm hiểu một số chú thích sgk  B1: Giao nhiệm vụ - Chia 3 nhóm  Nhóm 1 : Truyện gồm những nhân vật nào ? Ai là nhân vật chính ? Vì sao ?  - Bốn nhân vật ( Anh thanh niên, ông họa sĩ, cô gái, bác lái xe)  - Nhân vật chính : Anh thanh niên  Nhóm 2 : Truyện được kể theo ngôi thứ mấy ? Điểm nhìn để kể được đặt vào nhân vật nào ? Tác dụng ?  - Truyện được kể theo ngôi thứ ba nhưng lại đặt điểm nhìn vào ông họa sĩ.  - Tác dụng : Nhân vật chính hiện ra qua cái nhìn và ấn tượng của các nhân vật khác.  Nhóm 3 : Truyện có thể chia làm mấy phần ? Nêu nội dung chính của từng phần ?  - Chia làm ba phần :  + Phần 1 : Từ đầu -> “anh ta kìa” : Giới thiệu cuộc gặp gỡ.  + Phần 2: Tiếp -> “không có vật như thế”: Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên và bác hoạ sĩ, cô kĩ sư.  + Phần 3 : Còn lại : Cuộc chia tay cảm động giữa anh thanh niên với cô gái và ông họa sĩ.  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng  **2.2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản.**  - Mục tiêu :HS nắm được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;  Bước 1 : Chia nhóm, giao nhiệm vụ  - Chú ý phần đầu của văn bản : Từ đầu … luồn cả vào gầm xe.”  1. Qua đôi mắt của ông họa sĩ và cô kĩ sư khung cảnh Sa Pa được hiện lên như thế nào?  2.Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì khi miêu tả về Sa Pa  3.Qua đó em có cảm nhận gì về thiên nhiên Sa Pa?  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng chuyển dẫn sang mục 2 tìm hiểu về vẻ đẹp của anh thanh niên  **HĐ2.3:Tìm hiểu những phẩm chất của anh thanh niên.**  Bước 1: Giáo viên chia nhóm, giao nhiệm vụ  Thời gian thảo luận 7p  Nhóm 1+2  1.Tác giả giới thiệu anh thanh niên làm công việc gì?  2.Anh làm việc với thời gian biểu như thế nào?  - Báo về đúng giờ “ốp”  3. Qua đó em có nhận xét, đánh giá gì về hoàn cảnh sống và làm việc của anh ?  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng chuyển dẫn sang mục b tìm hiểu về vẻ đẹp của anh thanh niên  Gv: Hướng dẫn học sinh theo dõi vào văn bản :” Những lời giới thiệu ấy.....đáng vẽ hơn”  Bước 1: Giáo viên chia lớp làm 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm  Nhóm 1  1/Vẻ đẹp của anh thanh niên được thể hiện ở phương diện nào?  - Có 3 phương diện: trong công việc, trong sinh hoạt, trong quan hệ với mọi người  2/Trong lời kể của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư, anh cho biết nhiệm vụ hàng ngày của anh là gì? Khi thực hiện công việc thì anh gặp khó khăn gì?  3/Theo em, điều gì giúp anh thanh niên vượt qua được những khó khăn ấy?  - Lòng yêu nghề...  Nhóm 2  GV hướng dẫn HS đọc thầm đoạn văn: “Khi ta...buồn chết mất  1/Anh thanh niên có những suy nghĩ gì về công việc mình đang làm?  2/Qua phân tích các chi tiết ấy, em có nhận xét gì về suy nghĩ của anh?  - Suy nghĩ đúng đắn, giản dị, sâu sắc, coi công việc như người bạn.  3/Qua đó em cảm nhận được những phẩm chất đáng quý nào ở người thanh niên này?  - Yêu nghề  - Tận tụy với nghề, lặng thầm cống hiến  Nhóm 3  1/Khi cô gái và ông họa sĩ bước vào nhà anh thanh niên, điều gì khiến ông họa sĩ và cô gái bất ngờ?  2/Ngoài giờ làm việc anh còn tìm thấy nguồn vui nào khác?  - Trồng hoa, nuôi gà, đọc sách  3/ Điều đó giúp em hiểu thêm được nét đẹp gì ở anh trong cuộc sống sinh hoạt.  Nhóm 4  1/Tìm những chi tiết thể hiện lời nói, cử chỉ của anh thanh niên đối với mọi người?  2/ Những lời nói và cử chỉ đó toát lên đức tính đáng mến nào ở anh?  3/Khi ông họa sĩ vẽ bức chân dung anh, anh có thái độ như thế nào? Vì sao anh lại từ chối  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng  GV bình thêm : thanh niên có nghị lực phi thường, một người có ý thức với chính mình, với công việc. Và chỉ có như vậy, anh thanh niên ấy mới có thể vượt qua được những gian khổ tưởng chừng như không thể vượt qua ấy.  **GV : Ngoài nhân vật anh thanh niên trong truyện còn nhân vật nào khác**  Bước 1 : Chia nhóm, giao nhiệm vụ  1/ Tìm chi tiết miêu tả thái độ, cảm xúc của ông họa sĩ khi tới Sa Pa, khi nghe bác lái xe giới thiệu về anh thanh niên và khi gặp mặt.  - "Thích chứ, thích lắm. thế nào tôi cũng về ở hẳn đấy. tôi định thế  -Nín bặt Vì cảnh SP lung linh, thơ mộng, kì diệu đẹp đến ngạc nhiên  -Từ bất ngờ trước tầm vóc bé nhỏ , nét mặt rạng rỡ -> xúc động -> ngạc nhiên  - Vẽ chân dung anh thanh niên  - Yêu SP, yêu cái đẹp, từng trải nghề nghiệp, giàu kinh nghiệm sống  -" Người con trai ấy thật đáng yêu thật, nhưng làm ông nhọc quá  2/ Tại sao nhà họa sĩ lại thấy nhọc ?  - Vì vẻ đẹp con người đã khơi gợi nhiều cảm xúc, cảm hứng nghệ thuật  - Nhọc về tinh thần cần cho sáng tạo  3. Vì sao hoạ sĩ cho rằng vẽ bao giờ cũng là một công việc khó khăn, nặng nhọc, gian nan  - Vì vẽ là đi vào đời sống, khám phá cuộc sống. Người nghệ sĩ phải biết rung động trước những vẻ đẹp tiềm ẩn của con người, bằng cả tình yêu nghệ thuật, tình yêu con người mãnh liệt  - Bản thân ông là một minh chứng: để có thể tìm được một nguyên mẫu cho sáng tác ông đã hoãn cả bữa tiệc tiễn ông về hưu để thực hiện 1 chuyến đi dài.  4. Qua những suy tư đó em có cảm nhận gì về ông họa sĩ?  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng  GV: Như vậy, qua nhân vật hoạ sĩ tác giả đã gửi gắm cả những quan điểm, suy nghĩ trăn trở vể cuộc đời, về con người và nghệ thuật  GV: Vận dụng phương pháp trả lời nhanh  Bước 1: Giao nhiệm vụ  ? Tìm những chi tiết miêu tả thái độ, lời nói,...của cô kĩ sư trong cuộc trò chuyện với anh thanh niên   * Bất giác đỏ mặt * Đón nhận hoa tự nhiên * Cuộc gặp gỡ tình cờ làm cô xúc động đến bàng hoàng.   - háo hức đầy mơ mộng  - chủ động bắt tay anh một cách cẩn trọng, rõ ràng  2/Theo em cô gái đọc được anh thanh niên và những cuốn sách điều bổ ích gì?  - Hiểu được cuộc sống dũng cảm tuyệt đẹp của anh, thế giới anh đang kể, con đường cô đang đi tới  G; cô đã dứt bỏ, ko luyến tiếc mối tình đầu phù phiếm, nhạt nhẽo nơi phố phường để đến công tác ở vùng rừng núi-> Qua cuộc gặp gỡ với anh tn cô đã tìm được mục đích, lí tưởng sống  3/ Chia sẻ những cam nhận của em về cô kĩ sư?  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng  Giáo viên giao nhiệm vụ  1/ Nhân vật bác lái xe có vai trò như  thế nào trong truyện  - H: Giúp ta hiểu được sơ lược về nhân vật chính  - Qua lời kể của bác lái xe, ông hoạ sĩ , cô kĩ sư, trong truyện cũng như người đọc được kích thích về sự chú ý, chờ đón sự xuất hiện của anh thanh niên  2/ Qua truyện em thấy bác lái xe làngười như thế nào  - G: Bác luôn nở nụ cười, - Hồ hởi, vui tính, quan tâm đến mọi người-> yêu đời. Ta ko khỏi xúc động khi thấy bác dừng xe lại nửa giờ ở SP với mong muốn làm thoả mãn nguyện vọng được gặp gỡ mọi người của chàng trai mà bác luôn cảm phục và coi như con trai->Người lao động cần mẫn, tốt bụng, gắn bó tha thiết với công việc, yêu cuộc đơì  G: Ngoài ra trong tác phẩm còn có các nhân vật khác không xuất hiện trực tiếp, mà chỉ được giới thiệu gián tiếp, nhưng cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm  ? Đó là những ai  H:- Ông Kĩ sư vườn rau: hằng ngày ngồi trong vườn chăm chú quan sát cách lấy mật của ong, rồi tự tay thụ phấn cho hàng vạn cây su hào để hạt giống làm ra tốt hơn.  - Anh cán bộ nghiên cứu về sét: mười một năm ròng túc trực chờ sét để lập bản đồ sét tìm tài nguyên cho đất nước  G: Không xuất hiện, nhưng chính họ đã tạo thành cái thế giới những con người như anh thanh niên ở trạm khí tượng, những con người sống & miệt mài lao động khoa học, cô độc mà say mê quên mình vì công việc, lặng lẽ mà khẩn trương vì lợi ích của đất nước, của mọi người  Bước 1 : Chia nhóm, giao nhiệm vụ  …Có ý kiến cho rằng: “Một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn và góp vào thành công của Lặng lẽ Sa Pa là chất trữ tình”. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?  Đồng ý với ý kiến trên. Vì:  + Chất trữ tình toát lên từ những bức tranh phong cảnh thiên nhiên đẹp và thơ mộng: Sa Pa bắt đầu với những rặng đào, những đàn bò lang cổ có đeo chuông. Nắng bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh... Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, luồn cả vào gầm xe.  + Chất trữ tình còn thấm đượm trong cuộc sống một mình giữa thiên nhiên lặng lẽ của anh thanh niên.  + Chất trữ tình toát lên từ nội dung truyện: từ cuộc gặp gỡ tình cờ, từ những nét đẹp giản dị rất đáng mến của người thanh niên, từ những câu chuyện anh kể về cuộc sống của mình, từ những tình cảm, cảm xúc mới nảy nở của ông họa sĩ, cô kĩ sư đối với anh thanh niên  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng  **Hoạt động 2.4 : Tổng kết.**  \* Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm NT và giá trị ND văn bản.  \* HĐ cá nhân  Bước 1 : Chia nhóm, giao nhiệm vụ  1/ Khái quát những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài ?  2/ Qua câu chuyện, em cảm nhận như thế nào về vai trò của công việc trong cuộc sống hàng ngày ?  Bước 2: HS thảo luận, thống nhất câu trả lời  Bước 3: HS trình bày, phản biện  Bước 4: GV chốt kiến thức, ghi bảng | **I. Đọc hiểu chung.**  **1. Tác giả :**  - Nguyễn Thành Long( 1925-1991)  - Quê: Quảng Nam.  - Là cây bút truyện ngắn và kí .  **2. Tác phẩm .**  \* Sáng tác năm 1970 khi miền Bắc đang đi lên xây dựng CNXH .  **\* Đọc- kể**  Cốt truyện thật đơn giản, kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ông hoạ sĩ già, cô kĩ sư và bác lái xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn - Sa Pa Trong chuyến đi trước khi về hưu của hoạ sĩ.  **\* Ngôi kể:** ngôi thứ ba.  - Điểm nhìn trần thuật: nhân vật hoạ sĩ già  ( mặc dù không dùng ngôi thứ nhất - để hoạ sĩ xưng “tôi” kể chuyện; trừ một đoạn nhỏ, tác giả chuyển điểm nhìn sang nhân vật cô kĩ sư).  **\* Bố cục:**  - Chia làm ba phần :  + Phần 1 : Từ đầu -> “anh ta kìa” : Giới thiệu cuộc gặp gỡ.  + Phần 2: Tiếp -> “không có vật như thế”: Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên và bác hoạ sĩ, cô kĩ sư.  + Phần 3 : Còn lại : Cuộc chia tay cảm động giữa anh thanh niên với cô gái và ông họa sĩ.  **II. Tìm hiểu chi tiết .**  **1. Vẻ đẹp thiên nhiên Sa Pa**  “…những rặng đào, đàn bò lang ở các đồng cỏ trong thung lũng”  - Sa pa đẹp kỳ lai... mây luồn cả vào gầm xe  ->Lời văn giàu chất trữ tình, hình ảnh mềm mại, ngôn ngữ giàu chất thơ.  =>Một vùng đất vắng vẻnhưng thiên nhiên, cảnh vật tươi đẹp, mát mẻ, nên thơ.  **2. Nhân vật anh thanh niên**  a. Hoàn cảnh sống  - Làm công tác khí tượng  - Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo...thèm người  -> hoàn cảnh khó khăn gian khổ, khắc nghiệt đòi hỏi sự kiên nhẫn, cần cù, tinh thần trách nhiệm.  b. Vẻ đẹp nhân vật anh thanh niên  \*Trong công việc:  + Nhiệm vụ:  - Đo gió, mưa, nắng, đo chấn động mặt đất, tính mây.  - Dự báo thời tiết phục vụ sản xuất, chiến đấu  + Khó khăn:  - Nửa đêm mưa rét, có tuyết rơi.  - Cái im lặng đến dễ sợ, gió...quét, ném vứt lung tung  + Suy nghĩ:  - Ta với công việc là đôi  - Mình sinh ra...mình vì ai mà làm việc  - Cháu sống thật hạnh phúc  -> Yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao, lặng thầm cống hiến  \*Trong cuộc sống sinh hoạt:  - Nhà: sạch sẽ  - Trồng hoa, nuôi gà, đọc sách  -> Gọn gàng, khoa học, có cuộc sống phong phú, nhiều niềm vui  \*Trong quan hệ với mọi người:  - Gửi, biếu bác lái xe gói tam thất  - Mời bác và cô lên chơi  - Tặng hoa cho cô gái  - Biếu làn trứng...  -> Cởi mở, chân thành, hiếu khách, chu đáo  -Từ chối khi được vẽ  - Giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn  -> Khiêm tốn, thành thật  TL: Yêu lao động, yêu con người, có lí tưởng cao đẹp, có nhiều phẩm chất đáng quý  **3. Các nhân vật phụ khác**  **a. Nhân vật ông họa sĩ**  -Ngạc nhiên, cảm động,  - bối rối trước anh thanh niên  - Thiết tha trước cái đẹp,  -> Là người từng trải, có cái nhìn mới mẻ về con người, tin tưởng lớp trẻ  **b. Các nhân vật khác**  **\* Cô kĩ sư**  - e thẹn dễ thương, dịu dàng  - Tự nhiên, thân thiện,  - yêu cái đẹp  - Bàng hoàng, háo hức đầy mơ mộng  =>Cô gái dễ thương, sống có lí tưởng  **\* Nhân vật bác lái xe**  - Hồ hởi, vui tính, quan tâm đến mọi người, cần mẫn lao động -> yêu công việc, yêu đời  **\* Ông Kĩ sư vườn rau**  **\* Anh cán bộ nghiên cứu về sét**  **4. Chất trữ tình trong truyện**  - phong cảnh thiên nhiên thơ mộng  - Từ cuộc gặp gỡ tình cờ nhiều cảm xúc, dư vị  - Từ vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật  - Lời văn giàu chất trữ tình, ngôn ngữ giàu chất thơ  **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật  - Xây dựng cốt truyện đơn giản.  - Ngôn ngữ giàu chất thơ  - Nhân vật chính được khắc hoạ qua cái nhìn và cảm nghĩ của các nhân vật khác.  2. Nội dung  - Ca ngợi những con người thầm lặng cống hiến cho công cuộc xây dựng CNXH.  - Kêu gọi thế hệ trẻ phải biết cống hiến cho đất nước |

**Hoạt động 3, 4,5: Luện tập- Vận dụng.** (5’)

- Mục tiêu Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

-Hình thức cá nhân.

Bước 1: Giao nhiệm vụ.

? Theo em câu văn nào trong văn bản thể hiện rõ nhất chủ đề của tác phẩm.

Bước 2 : Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.

Bước 4 : Dự kiến sản phẩm.

Đó là câu: Trong cái im lặng của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.

**Hoạt động 4- 5: Vận dụng, mở rộng ( Về nhà).** (1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên.

? Qua truyện ngắn em hiểu gì về con người và thiên nhiên Sa Pa.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Học bài và làm bài tập còn lại

- Ôn kỹ văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận để giờ sau viết bài số 3

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 70-71 VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

Ngày soạn: 12/11/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1.Kiến thức:

- Giúp học sinh biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết một bài văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận.

- Vận dụng tốt các kiến thức về tiếng Việt và văn bản để làm bài

2. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng diễn đạt, trình bày.

3. Thái độ: Trung thức, tự giác làm bài

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

- Năng lực tự nghiên cứu, hợp tác

**II. Chuẩn bị:**

1. GV**:** Nghiên cứu, soạn giáo án, ra dề, biêu chấm.

2. HS **:** Tự ôn tập, chuẩn bị vở viết bài.

**III. Bài mới:**

GV nêu nội dung, yêu cầu giờ viết bài

**Hình thức đề kiểm tra**

**- Tự luận: 100%**

**a.Ma trận đề kiểm tra**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| **Văn tự sự** kết hợp với yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận | Thế nào là nghị luận trong văn tự sự | Hiểu được tác dụng của yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn tự sự |  | Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong " **Bài thơ vềtiểu đội xe không kính**" của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | Số câu:1  Số điểm 1  Tỉ lệ 10 % | Số câu:1  Số điểm: 2  Tỉ lệ 20 % |  | Số câu:1  Số điểm :7  Tỉ lệ 70% | Số câu:3  Số điểm:10  Tỉ lệ 100 % |
| **Tổng** | Số câu:1  Số điểm 1  Tỉ lệ 10 % | Số câu:1  Số điểm: 2  Tỉ lệ 20 % |  | Số câu:1  Số điểm :7  Tỉ lệ 70% | **Số câu:1**  **Số điểm:10**  **Tỉ lệ 100%** |

**GV đọc và ghi đề lên bảng:**

**Đề bài:** Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong " **Bài thơ vềtiểu đội xe không kính**" của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

**I. Yêu cầu của đề:**

**1. Kiểu bài:** kể chuyện tưởng tượng

**2. Nội dung**: câu chuyện với 1 người chiến sĩ lái xe trong bài thơ… của Phạm Tiến Duật

+ Hoàn cảnh cuộc gặp

+ Miêu tả người chiến sĩ

+ Nội dung cuộc trò chuyện

+ Chia tay

+ Cảm nghĩ của người kể chuyện

**3. Hình thức:**

- Bài nghị luận bố cục rõ ràng 3 phần: MB, TB, KB

- Làm đúng kiểu bài văn tự sự (tưởng tượng) kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm.

- Kiến thức trong văn bản tự sự: nhân vật + sự việc + ý nghĩa

- Lời văn rõ ràng, trong sáng, biểu cảm, triết lí

- Kết hợp yếu tố miêu tả (ngoại hình, nội tâm) + NL

- Ngôi kể thứ nhất

**4. Dàn bài chung**

A. MB: Giới thiệu hoàn cảnh cuộc gặp gỡ

B.TB: - Miêu tả ngoại hình người chiến sĩ, chiếc xe

- Diễn biến cuộc gặp gỡ, trò chuyện

- Nội dung câu chuyện nói về: chiến tranh, hi sinh, mơ ước hoà bình, lời nhắn nhủ

- Suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với anh chiến sĩ, về cuộc chiến tranh, về tương lai đất nước.

C. KB:

- Chia tay người chiến sĩ

- Bài học về lẽ sống, niềm tin, tình yêu quê hương đất nước, tình yêu lứa đôi.

**II. Biểu điểm :**

+ Điểm 9 – 10: như yêu cầu, châm chước một vài lỗi nhỏ.

+ Điểm 7 – 8: Đủ nội dung, văn viết chưa có cảm xúc sâu sắc.

+ Điểm 5 – 6: Đủ các ý chính, hợp lí; đảm bảo bố cục ba phần; chưa có cảm xúc; sai ít lỗi diễn đạt.

+ Điểm 3 – 4: Đủ các ý chính; bố cục chưa rõ ràng; sai nhiều lỗi diễn đạt.

+ Điểm 0 – 2: Những trường hợp còn lại.

**\* Củng cố:** Cuối giờ g/v thu bài, nhận xét ý thức làm bài của h/s.

**Hoạt động 4 - 5: Vận dụng , Mở rộng (Về nhà) ( 1 phút)**

- Mục tiêu: rèn kĩ năng làm bài văn tự sự kể lại chuyện theo ngôi kể mới.

? Kể lại truyện CLN qua lời kể của bé Thu.

\* Dặn dò : Học bài và soạn bài: Người k/chuyện trong văn bản Tự sự

**\* Rút kinh nghiệm.**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 72 Tự học có hướng dẫn**

**NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

Ngày soạn: 12/11/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học:**

**I. Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức: Học sinh nhận diện và hiểu được thế nào là người kể chuyện, vai trò và mối quan hệ giữa người kể chuyện với ngôi kể trong văn bản tự sự.

2. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng nhận diện và tập kết hợp các yếu tố này trong khi đọc và viết văn.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất:

- Năng lực tự học, tự quản lí, năng lực sử dụng ngôn ngữ...

- Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm..

**II. Chuẩn bị**

1: Giáo viên:Thiết kế bài dạy, b¶ng phô

2: Học sinh:Soạn bài theo câu hỏi SGK và theo yêu cầu của GV

**III. Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong giờ học

**Hoạt động 1: Khởi động**(5’)

- Mục tiêu: Ôn tập kiến thức cũ đưa Hs vào tình huống học tập

Thảo luận nhóm:

GV phát phiếu học tập, yêu cầu học sinh điền vào phiếu học tập của nhóm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngôi kể** | **Ưu điểm** | **Nhược điểm** |
| **Ngôi thứ nhất** | Trực tiếp kể  Lời kể thân mật, gần gũi  Có cảm xúc cá nhân | Kể hạn chế ( chỉ kể được những gì mình biết hoặc trả qua) |
| **Ngôi thứ ba** | Kể linh hoạt, tự do, khách quan.  Người kể có mặt ở mọi nơi, biết mọi chuyện ( kể cả những tâm tư thầm kín của nhân vật) | Ít thấy cảm xúc của người kể, |

Đại diện nhóm lên trình bày.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

GV chốt và dẫn dắt: Ở các lớp 6 ,7, 8 chúng ta đã đ­ược học về ngôi kể và chuyển đổi ngôi kể, trong chư­ơng trình Ngữ văn lớp 9, các em tiếp tục đ­ược học nâng cao hơn một bư­ớc về người kể chuyện và ngôi kể trong văn tự sự, cụ thể như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong giờ học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**(38’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HĐ: Tìm hiểu vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự**  Mục tiêu:Hs hiểu và nhận diện được thế nào là kể chuyện, vai trò và mối quan hệ giữa người kể chuyện với ngôi kể trong văn bản tự sự .  - Hình thức: Hoạt động cá nhân, nhóm.  Bước 1: GV gọi HS đọc ví dụ SGK sau đó yêu cầu học sinh trả lời:  ? Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn? Đoạn trích kể về ai? Kể về việc gì?  ? Vậy ai là người kể các nhân vật và sự việc trên? Có phải là một trong ba nhân vật trên kể lại không?  Bước 2: Hs trả lời các câu hỏi  Bước 3: Hs nhận xét, bổ sung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại  Hình thức: Hoạt động nhóm.(3 nhóm)  Thời gian thảo luận 3p  GV yêu cầu HS thảo luận  ? Dùa vµo dÊu hiÖu nµo ta biÕt ë ®©y c¸c nh©n vËt trªn kh«ng ph¶i lµ ng­êi kÓ chuyÖn?  ? NÕu lµ mét trong ba nh©n vËt ®ã th× ng«i th× ng«i kÓ vµ lêi v¨n ph¶i thay ®æi nh­ thÕ nµo?  ? VËy ë ®©y lµ ng«i kÓ thø nhÊt hay thø ba?  - HS th¶o luËn , tr¶ lêi, NX  Gv chốt kiến thức  - Hình thức: Hoạt động cá nhân  Hs trả lời gói câu hỏi sau:  ? MÆc dï kh«ng x­ng tªn nh­ng ng­êi kÓ chuyÖn cã biÕt ®­îc hµnh ®éng, t©m t­, t×nh c¶m cña nh©n vËt kh«ng?  ? C¨n cø vµo ®©u ta l¹i kh¼ng ®Þnh nh­ vËy?  ? Em hiÓu thÕ nµo lµ ng«i kÓ thø ba? KÓ theo ng«i nµy cã ®Æc ®iÓm g×?  ? Em h·y kÓ tªn mét sè v¨n b¶n ®· häc ®­îc kÓ theo ng«i thø ba?  Bước 2: Hs trả lời các câu hỏi  Bước 3: Hs nhận xét, bổ sung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại  - HS th¶o luËn theo cÆp ®«i  ? Theo em chi tiÕt nµo ®Ó dÉn d¾t vµo c©u chuyÖn? Chi tiÕt nµy cã vai trß g×?  Yªu cÇu HS ®äc nh÷ng c©u ''giäng c­êi nh­ng ®Çy tiÕc rÎ'', ''nh÷ng ng­êi ... nh­ vËy''  - Theo em nh÷ng c©u nµy lµ lêi nhËn xÐt cña ng­êi nµo? NhËn xÐt vÒ ai?  - HS tr¶ lêi.  - Tõ ®ã em thÊy ng­êi kÓ chuyÖn cã vai trß g× trong c©u chuyÖn kÓ?  - Qua ®©y, em cã nhËn xÐt g× vÒ ng­êi kÓ chuyÖn trong v¨n b¶n tù sù?  GV nhận xét, chốt lại  **\*Hoạt động 3: Luyện tập**  Mục tiêu:Củng cố kiến thức về ngôi kể trong vb tự sự.  - Hoạt động nhóm  Bước 1: GV giao nhiệm vụ: H/s đọc yêu cầu bài tập ?  ? So sánh với đoạn trích của Nguyễn Thành Long vừa phân tích ở trên để rút ra những nhận xét về sự giống nhau và khác nhau.  - Người kể chuyện ở đây là ai?  - Ngôi kể này có ưu điểm gì và có hạn chế gì so với ngôi kể ở đoạn trên?  Bước 2: Học sinh thảo luận theo nhóm  Bước 3: Đai diện các nhóm trình bày kết quả, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét, chốt lại  \* Chọn một đoạn văn kể chuyện theo ngôi kể thứ 3 chuyển thành ngôi kể thứ nhất  Chọn một trong ba nhân vật là người kể chuyện , sau đó chuyển đoạn văn trích ở mục I thành một đoạn văn khác , sao cho nhân vật , sự kiện , lời văn và cách kể phù hợp với ngôi thứ nhất . | **I. Vai trß cña ng­êi kÓ chuyÖn trong v¨n b¶n tù sù.**  **1. T×m hiÓu ®o¹n trÝch ( SGK/192)**  a. §o¹n trÝch kÓ vÒ phót chia tay gi÷a ng­êi häa sÜ giµ, c« kÜ s­, vµ anh thanh niªn...  b. Ng­êi kÓ chuyÖn kh«ng xuÊt hiÖn  ( kh«ng ph¶i lµ mét trong 3 nh©n vËt trªn)  - V× c¸c nh©n vËt : «ng häa sÜ, c« kÜ s­, anh thanh niªn ®Òu lµ ®èi t­îng miªu t¶ mét c¸ch kh¸ch quan  VD : Anh thanh niªn võa vµo, kªu lªn; c« kÜ s­ mÆt ®á öng; bçng «ng häa sÜ giµ quay l¹i...  - NÕu ng­êi kÓ lµ 1 trong 3 nh©n vËt th× ng«i kÓ ph¶i thay ®æi vµ lêi v¨n thay ®æi ( hoÆc x­ng ''t«i'', hoÆc x­ng tªn cña nh©n vËt kÓ )  -> Ng­êi kÓ chuyÖn giÊu m×nh ( Ng«i thø ba)  d. Ng­êi kÓ chuyÖn biÕt hÕt hµnh ®éng, t©m t­, t×nh c¶m cña nh©n vËt...  C¨n cø :  + Chñ thÓ kÓ chuyÖn  + §èi t­îng kÓ, t¶  + §iÓm nh×n trÇn thuËt vµ lêi v¨n  =>Như vậy người kể câu chuyện ở đây dường như thấy hết và biết tất mọi việc, mọi người mọi hành động, tâm tư tình cảm của nhân vật.  - VD: T¸c phÈm “Lµng”  c. Chi tiÕt giíi thiÖu nh©n vËt vµ t×nh huèng  - C¸c c©u ''giäng c­êi ... nh­ vËy'' lµ lêi nhËn xÐt cña ng­êi kÓ chuyÖn  - NhËn xÐt vÒ anh thanh niªn vµ suy nghÜ cña anh thanh niªn.  => người kể chuyện có vai trò dẫn dắt người đọc vào câu chuyện:giới thiệu nv,tình huống,tả người tả vật tả cảnh,đưa ra những nhận xét đánh giá về những điều được kể.  **2. Ghi nhí (SGK/193)**  **II. Luyện tập:**  Bài tập 1  a.  - Là nhân vật "tôi" (ngôi thứ nhất). Đó là chú bé kể lại cuộc gặp gỡ cảm động với người mẹ của mình sau những ngày xa cách.  - Ưu điểm: giúp người kể đi sâu vào tâm tư tình cảm, miêu tả được những diễn biến tâm lí tinh vi, phức tạp đang diễn ra tâm hồn nhân vật "tôi"  - Hạn chế: không miêu tả được những diễn biến nội tâm của nhân vật "người mẹ", tính khách quan không cao, lời văn trần thuật dễ nhàm chán, đơn điệu.  b.là một trong 3 nhân vật , kể theo ngôi thứ nhất |

**Hoạt động 4 -5: Vận dụng, mở rộng (Về nhà)** (2’)

Mục tiêu: Rèn kĩ năng kể chuyện theo ngôi kể mới

- HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Bằng lời của ông họa sĩ, viết đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện của ông với anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” và rút ra nhận xét về việc thay đổi người kể chuyện.

GV gợi ý cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Làm thơ lục bát

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết:73-74 CHIẾC LƯỢC NGÀ**

(Nguyễn Quang Sáng)

Ngày soạn: 12/11/2018

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức

- Cảm nhận được tình cha con sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le. Nắm được nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên của tác giả.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng sử dụng máy tính có kết nối internet để tra cứu, tìm hiểu các nội dung liên quan đến nội dung bài học.

- Rèn kỹ năng đọc diễn cảm, biết phát hiện những chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong một truyện ngắn.

- Rèn luyện kĩ năng cần thiết trong việc tìm hiểu, cảm thụ tác phẩm văn học.

- Kĩ năng tìm hiểu liên hệ thực tiễn .

3. Thái độ

- Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, hợp tác cao.

- Giáo dục các em về tình cảm gia đình, tình cảm cách mạng. Lòng biết ơn thế hệ cha anh đã anh dũng hi sinh vì độc lập tự do của tổ quốc.

- Có ý thức giữ gìn, góp phần pháttruyền thống tốt đẹp của dân tộc.

4. Năng lực chủ yếu cần hình thành

- Tự học: huy động kiến thức (văn học, văn hóa, thực tiễn đời sống,...)

- Cảm thụ thẩm mỹ văn học.

- Hợp tác, thảo luận và giải quyết vấn đề

- Lựa chọn các hình thức để tạo lập văn bản và thực hành báo cáo sản phẩm.

**II. Chuẩn bị**

- GV:Nghiên cứu tài liệu - soạn bài.

- H/S: Đọc kĩ các đoạn trích, suy nghĩ câu hỏi.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Bài mới

**\*Hoạt động1 : Khởi động** ( 5’)

Mục tiêu:Đưa Hs vào tình huống bài học

Hình thức: Hoạt động cá nhân

- Đọc một vài câu ca dao nói về công lao, tình cảm của người cha mà em biết?

- Qua những câu ca dao mà em vừa đọc em cảm nhận được gì về cha?

-Em cảm nhận được gì khi mình được sống bên cha mẹ

HS chuẩn bị nội dung theo cá nhân

HS trình bày theo nội dung câu hỏi GV nêu ra

Những câu ca dao nói về cha do các em đã chuẩn bị trước.

HS trình bày những cảm nhận của mình theo nội dung những câu ca dao mà các em tìm được.

HS trình bày những suy nghĩ của cá nhân khi được sống bên cha mẹ của mình.

GV nhận xét, chốt ý

GV nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn của GV

GV bổ sung thêm ngoài những câu ca dao các em vừa tìm được như:

1. Còn cha gót đỏ như son

Một mai cha chết gót con đen sì

2. Cha tôi tuy đã già rồi

Nhưng còn làm lụng để nuôi cả nhà

Sớm hôm vừa dấy tiếng gà

Cha tôi đã dậy để ra đi làm

3. Nghiêng bình mở hộp nút ra

Con ơi con bú cho cha yên lòng

GV chốt ý, dẫn dắt vào bài

\***Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

Mục tiêu: Hs thấy được:

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện ‘‘Chiếc lược ngà

-  Tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung** |
| **HĐ 2.1 Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  Mục tiêu:HS có những hiểu biết khái quát về tác giả và tác phẩm.  Hình thức tổ chức hoạt động nhóm,Thảo luận cặp đôi, cá nhân.  Phương pháp thuyết trình, vấn đáp.  Rèn năng lực trình bày,giao tiếp.  -Tìm hiểu tác giả tổ chức hoạt động nhóm chia các nhóm thực hiện ở nhà.  Chia lớp thành 3 nhóm giao nhiệm vụ ở nhà chuẩn bị trên Powpoit  Hs trình bày kết quả trên máy chiếu, đại diện nhóm trình bày sản phẩm.  Các nhóm nhận xét, bổ sung  Giáo viên chốt kiến thức.  Gv: giới thiệu thêm  - Ông là cây bút truyện ngắn nổi tiếng thời chống Mĩ  - Sáng tác nhiều thể loại: Truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch…  - Ông được nhận nhiều giải thưởng văn học  \*Hình thức tổ chức hoạt động cá nhân tìm hiểu:hoàn cảnh sáng tác,tóm tắt văn bản  Phương pháp vấn đáp.  Kĩ thuật đặt câu hỏi  Cho học sinh tìm hiểu gói câu hỏi sau:  ? Truyện ngắn "Chiếc lược ngà" được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  ? Thể loại của văn bản ?  ?Qua việc chuẩn bị ở nhà em hãy liệt kê một số sự việc chính?  Máy chiếu  - Ông Sáu từ chiến khu về thăm nhà, thăm con  - Bé Thu không chịu nhận ba  - Bé Thu nhận ra ba, lại phải chia tay ba  - Ở chiến khu ông Sáu làm lược ngà  - Ông Sáu hi sinh- trước đó gửi chiếc lược ngà cho con  H : Dựa vào các sự việc chính tóm tắt truyện  G: Uốn nắn  \* Hình thức tổ chức hoạt động thảo luận cặp đôi. Tìm hiểu nhan đề, PTBĐ, nhân vật chính,ngôi kể, tình huống truyện,bố cục.  Thời gian thảo luận:2 phút.  Giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận theo gói câu hỏi  ? Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào  ? Trong đoạn trích có những nhân vật nào? Nhân vật nào là nhân vật chính  ? Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của việc dùng ngôi kể đó?  ? Truyện có mấy tình huống. Đó là tình huống nào? Tác dụng ?Nhận xét về những tình huống trên?  ? Giải thích nhan đề câu chuyện?  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  Giáo viên gọi bất kì học sinh nào trả lời.Nhận xét bổ sung  Giáo viên đánh giá chốt kiến thức.  - Tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm, nghị luận  - Bé Thu, anh Sáu  - Ngôi kể thứ nhất  người kể xưng tôi có mặt và chứng kiến toàn bộ câu chuyện giữa cha con ông Sáu. Tác dụng vừa kể, vừa bày tỏ sự đồng cảm với các nhân vật, và thể hiện nội dung tư tưởng tác phẩm  + Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, Thu không nhận cha, khi nhận ra ông Sáu lại phải đi.  -> Thể hiện tình yêu cha mãnh liệt của bé Thu  + Ông Sáu làm cây lược ngà tặng con nhưng chưa kịp tặng đã hi sinh.  -> Tình yêu con sâu sắc của ông Sáu  -> Tình huống truyện bất ngờ nhưng hợp lí  -Nhan đề:CLN là cầu nối t/c hai cha con ông Sáu.Là kỉ vật của người cha vô cùng yêu con để lại cho con trước lúc hi sinh.  Bố cục 2 phần:  - F1: Từ đầu đến ….." từ từ tụt xuống": Anh Sáu về phép thăm nhà.  - F2. Còn lại: Anh Sáu ở chiến khu làm lược và hi sinh  ? Truyện ngắn "Chiếc lược ngà" được kể qua tình huống nào  **HĐ 2.2: Tìm hiểu chi tiết văn bản**  Mục tiêu:HS thấy được tình cha con sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le. Nắm được nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên của tác giả.  Hình thức tổ chức hoạt động cá nhân  - Phương pháp vấn đáp.  -Kĩ thuật đặt câu hỏi  Cho học sinh tìm hiểu gói câu hỏi sau:  ?Nhân vật bé Thu được miêu tả chủ yếu qua mối quan hệ nào?-> Cha- con  ? Dựa vào diễn biến tâm lí nhân vật có thể chia thành mấy giai đoạn  ->2 gđ: Trước và sau khi nhận ra anh Sáu là ba  Gv chiếu đoạn văn “ Xuồng vào bến...chới với”  ?Bé Thu được miêu tả qua những chi tiết nào?  ?Qua những chi tiết đó em thấy bé Thu là một đứa trẻ như thế nào?  - Khi ông Sáu ở chiến khu về thăm nhà lúc ấy bé mấy tuổi ?  ? Em có nhận xét gì về khoảng thời gian đó?  ? Ở nhà bé Thu chỉ nhận ra ba nhờ đâu?  - 8 năm xa cách  - Thời gian dài đằng đẵng, Ông Sáu cháy lên nỗi nhớ con, mong được nhìn thấy con  - Ảnh chụp với má ngày cưới  ? Khi ông Sáu gọi "Thu con" bé Thu có phản ứng như thế nào?  ? Hình ảnh đó diễn tả trạng thái tâm lí như thế nào?  ?Vì sao Thu lại có phản ứng như vậy?  - Phản xạ tâm lí, tự nhiên một người đàn ông lạ gọi mình là con  ? Bé Thu không nhận ba và còn có phản ứng gì tiếp theo?  ? Em có nhận xét gì về cử chỉ, hành động của bé Thu?Thể hiện tâm trạng như thế nào?  HS theo dõi đoạn văn: “ Nghe mẹ nó bảo...con kêu rồi mà người ta không nghe...cơm sôi rồi, nhão bây giờ”  ? Về nhà khi mẹ bảo Thu gọi ba vào ăn cơm thu nói gì?  ? Đó là cách nói như thế nào? Theo em đó có phải là biểu hiện của một đứa trẻ hư không?Tại sao?  ? Khi Thu gọi ông Sáu là “ người ta” thể hiện điều gì?  - Cách nói thiếu chủ ngữ, trống không, thường trong quan hệ ngang hàng-> tỏ thái độ không chấp nhận, cương quyết cự tuyệt.  - xa lạ không thân thiết  ?Diễn biến tâm lí của bé Thu còn bộc lộ qua tình huống nào? Em có nhận xét gì về cách lựa chọn tình huống của nhà văn?  - Thay mẹ nấu cơm, tác giả đã khéo léo đặt nhân vật bé Thu vào tình huống đối diện trực tiếp với ông Sáu  ? Liệt kê các chi tiết thể hiện cái nhìn của bé Thu?  ? Cái nhìn của bé thể hiện điều gì?  - Muốn được giúp đỡ  ? Khi không được giúp bé đã chọn giải pháp nào?  ?Việc một mình tự làm thể hiện thái độ gì của bé?  ? Khi anh Sáu gắp cái trứng cá cho Thu, em đã có phản ứng như thế nào?  Tại sao sau khi bị anh Sáu mắng bé Thu lại gắp trứng bỏ lại bát và sang nhà ngoại khóc?  - Nhận ra sai, khôn trước tuổi…  - Chỉ vì không chấp nhận anh Sáu là ba  - bé dành tình cảm cho người ba trong trí tưởng tượng  ? Qua đó em thấy bé Thu hiện lên là một đứa trẻ như thế nào  - Càng kiên quyết cự tuyệt bao nhiêu càng chứng tỏ yêu ba mãnh liệt của con bé bấy nhiêu.  Hình thức tổ chức theo nhóm 3p  Thảo luận nhóm theo nội dung các câu hỏi sau  ? Nhận xét về ngôn ngữ kể truyện và cách tạo tình huống phần đầu truyện của tác giả?  Theo em nguyên nhân sâu xa bé Thu không nhận ba là gì?  ? Được sống trong cuộc sống hoà bình em có mong muốn gì cho cha con bé Thu ?  ? Nhà văn Nguyễn Quang Sáng muốn nói gì với người đọc chúng ta?  ? Em hiểu thêm điều gì về nhà văn Nguyễn Quang Sáng  Học sinh trao đổi , nhóm trưởng tổng hợp ,thư kí ghi kết quả .  -Học sinh trình bày sản phẩm .  -Nhận xét bổ sung kết quả của các nhóm  -Giáo viên đánh giá chốt kiến thức:  **Hình thức tổ chức cá nhân.**  H theo dõi đoạn truyện kể về nhân vật bé Thu trong ngày ông Sáu ra đi “Con bé như bị bỏ rơi...nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”  ? Vẻ mặt của bé Thu được miêu tả như thế nào? Vẻ mặt ấy so với ngày hôm trước như thế nào?  -> Khác hẳn, không còn bướng bỉnh nhăn mày cau có-> mà sầm, buồn rầu  ?Vẻ mặt ấy cho ta hiểu gì về tâm trạng của bé Thu lúc đó?  HS theo dõi đoạn văn: “Chúng tôi... và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”  ? Bé Thu đã phản ứng như thế nào khi nghe ông Sáu nói:" Thôi ba đi nghe con"?  G: Lần này bé Thu lại thét lên nhưng không phải để gọi má mà để gọi ba-> tiếng kêu như xé - tiếng nói yêu thương mà bé đã ấp ủ tám năm ròng  ? Em cảm nhận gì về tiếng kêu của bé Thu  - Thiết tha như tiếng xé ruột gan, làm xúc động sâu sắc trái tim mỗi người-> tình cha con ruột thịt trào dâng  - Thật thương cảm cho tình cảnh của cha con ông Sáu trong cảnh chia tay  HS làm việc theo nhóm 3p  Nhóm 1& 3  ? Nhận xét về cách miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn ở đoạn văn trên?  ? Vì sao tác giả lại để bà ngoại giải thích lí do với anh Ba mà không phải ai khác? Vì sao bé Thu không giãi bày ẩn ức với má mình trước đó?  GV: - đoạn văn cảm động, cách tả ấn tượng và phù hợp với tâm lí trẻ con. Cách giải thích của tác giả cũng rất khéo léo và hợp lí: Nêu hiện tượng rồi mới để nhân vật bà ngoại giải thích lí do với nhân vật anh Ba  - Con bé không thể giãi bày ẩn ức với bất kì ai khác ngoài bà ngoại ( không thể nói với má vì nó đang giận cả má, không thể nói với bác Ba vì bác là khách; chỉ có thể tâm sự với bà ngoại trong đêm hai bà cháu ngủ cùng nhau)  Nhóm 2 & 4  Sau khi bà giải thích bé Thu có sự thay đổi gì trong suy nghĩ?  Nếu em là người có mặt và chứng kiến cảnh ấy em cảm thấy thế nào?  - Tất cả mọi nghi ngờ chỉ vì cái thẹo. Bây giờ nghi ngờ được giải toả. Nó đã trả lời được câu hỏi vì sao mặt ba nó thay đổi đến vậy. Và trong bé Thu nảy sinh tình cảm ân hận và hối tiếc: nghe bà kể, nó nằm im rồi lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Vì vậy, trong phút chia tay cuối cùng, tình yêu, nỗi nhớ, niềm ân hận và hối tiếc của bé Thu bị dồn nén bấy lâu nay bỗng bùng ra mạnh mẽ, hối hả và cuống quýt, mãnh liệt, ào ạt.  - Xúc động vô cùng, không cầm được nước mắt vì thương cảm. Riêng người kể chuyện thì như cảm thấy có ai đang nắm trái tim mình.  ?Qua phần tìm hiểu em có nhận xét gì về tính cách của bé Thu và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của tác giả?  GV: Qua biểu hiện tâm lí và thái độ, tình cảm, hành động của bé Thu, ta thấy đó là cô bé có tính cách sâu sắc, mạnh mẽ, dứt khoát, rạch ròi, quyết liệt. Ở bé Thu, có nét cá tính rất cứng cỏi đến ương ngạnh nhưng vẫn có sự hồn nhiên, bồng bột, trong trẻo.  Hoạt động nhóm  ? Được về thăm con sau bao năm xa cách anh Sáu có những hành động ,lời nói gì?  ? Em có nhận xét gì về tâm trạng của người cha?  HS thảo luận nhóm  GV hướng dẫn  Gọi đại diện nhóm trình bày  Cho các nhóm nhận xét lẫn nhau  GV nhận xét đánh giá  ? Khi bé Thu bỏ chạy và kêu thét lên: Má ! Má ! thì thái độ và hành động của ông Sáu được biểu hiện như thế nào ?  Thái độ hành động đó diễn tả tâm trạng gì của ông Sáu ?  Hoạt động nhóm  ?Trong ba ngày nghỉ phép ngắn ngủi đó ông Sáu đã thể hiện tình cảm với con bằng những hành động cử chỉ gì ?  ? Em thấy ông Sáu là người ntn ?  ? Lúc chia tay được con gọi là ba ông Sáu có hành động gì ?  ? Qua đó ta thấy được tâm trạng gì của ông Sáu ntn?  Hoạt động nhóm  ?Vậy ở chiến khu ông Sáu có tâm trạng như thế nào, ông đã làm gì để giữ lời hứa với con ?  ?Tìm những chi tiết miêu tả ông làm cây lược ngà ?  ? Suy ngĩ của em về tc của ông Sáu giành cho con ?Trước lúc hi sinh ông Sáu đã làm gì ?  **Hoạt động : Tổng kết**  Giao nv cho Hs  ? Những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm ?  Hs thảo luận , trình bày kq,nhận xét,bổ sung  Gv :chốt kiến thức. | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Nguyễn Quang Sáng (Bút danh Nguyễn Sáng) sinh năm 1932. Quê: Chợ Mới, An Giang  -Là nhà văn trưởng thành qua hai cuộc kháng chiến của dân tộc.  -Tác phẩm có nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết,kịch bản phim->viết về con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như thời bình.  -Lối viết trong sáng giản dị, mộc mạc nhưng sâu sắc đậm đà chất Nam Bộ.  **2. Tác phẩm**  \* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ  Sáng tác năm 1966, tại chiến trường Nam Bộ  \*Thể loại:truyện ngắn.  \*Tóm tắt văn bản.  \*PTBĐ: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  \* Lời kể ông Ba -> Ngôi thứ nhất  \*Tình huống truyện:  -Anh Sáu trở về nhà sau 8 năm xa cách Thu đứa con gái duy nhất của anh không nhận ra cha.Đến lúc nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì anh phải ra đi  -Anh Sáu trở lại chiến khu dồn tình yêu thương nỗi nhớ con vào việc làm cây lược ngà để tặng con nhưng anh đã hi sinh khi chưa kịp trao tận tay con cây lược.  **II. Đọc hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật bé Thu**  **a. Trước khi nhận anh sáu là ba**  - Tám tuổi, tóc cắt ngắn ngang vai, quần đen, áo bông đỏ…  -> Hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng  - giật mình, tròn mắt nhìn, ngơ ngác lạ lùng  - >bất ngờ, ngạc nhiên, ngỡ ngàng  - lạ quá, chớp mắt nhìn, vụt chạy, vội kêu thét lên  -> Nhanh, lo lắng, hốt hoảng, sợ hãi  - Nói trổng  - Người ta  - Nhìn:  + dáo dác  + xuống, lên  + nồi cơm  - Lấy vá múc nước  => Cứng cỏi, mạnh mẽ, thông minh,  - Bất thần hất trứng ra  Gắp trứng bỏ vào bát, nhảy xuống suồng sang nhà ngoại khóc  Tình yêu ba mãnh liệt  **b. Khi nhận ra anh Sáu là ba**  - Đôi mi dài cong không bao giờ chớp  - Đôi mắt to hơn nhìn ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn vẻ nghĩ ngợi sâu xa  => Trong sáng, thăng bằng, không còn lo lắng sợ hãi nữa  - thét lên: Ba…a…a…a..  -> tiếng nói của tình yêu thương ruột thịt  - nằm im rồi lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn.  - mạnh mẽ, dứt khoát, rạch ròi, quyết liệt. Ở bé Thu, có nét cá tính rất cứng cỏi đến ương ngạnh nhưng vẫn có sự hồn nhiên, bồng bột, trong trẻo.  **2. Tấm lòng người cha của ông Sáu**  **a. Những ngày ông về thăm nhà.**  **\*** Được về thăm con:  + Nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra.  + Dừng lại kêu to :   * Thu ! con.   + Dang hai tay về phía trước để đón chờ con.  + Giọng lặp bặp run run :  - Ba đây con !  - Ba đây con !  => Ông Sáu khao khát được gặp con  - Đứng sững lại, nhìn theo con đau đớn, mặt anh tối sầm lại, hai tay buông xuống như bị gãy.  => Tâm trạng dau đớn và thất vọng khi con ko nhận ra ông là cha  \* Trong ba ngày nghỉ phép  - Anh Sáu chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con.  - Thèm nghe một tiếng gọi ba,  - Gắp cái trứng cá to vào bát cho con  => Người cha khao khát tình cha con, yêu con hết mực  \* Ông Sáu lúc chia tay với con  - Bế con lên, không ghìm được xúc động.  - Anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt.  - Hôn lên mái tóc con  => Niềm hạnh phúc đến ngất ngây của người cha khi tình yêu thương được đền đáp  **b. Khi ở chiến khu**  + Làm chiếc lược ngà để tặng cho con gái  - Ông cưa từng chiếc răng lược.  - Cẩn trọng tỉ mỉ, cố công như người thợ bạc.  - Khắc lên đó dòng chữ : « Yêu nhớ tặng Thu con của ba ».  - Mài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt  => Tình yêu con sâu nặng của người cha , -> Cây lược là vật quý giá, nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách.  - Trước lức hi sinh trao lại cây lược ngà cho bác Ba (người bạn chiến đấu của mình)  -> Khao khát được ở mãi bên con  -> Cây lược trở thành biểu tượng thiêng liêng của tình phụ tử – thứ tình cảm mà không bom đạn nào của kẻ thù có thể tàn phá được .  -> Tình cha con thiêng liêng, bất diệt vượt qua cảnh ngộ éo le, mất mát trong chiến tranh.  **III. Tổng kết**  1. Nghệ thuật:  - Xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí.  - Xây dựng cốt truyện khá chặt chẽ, lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp.  - Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế và sâu sắc.  2. Nội dung:  - Truyện “Chiếc lược ngà” đã thể hiện một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng và cao đẹp của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**( 5’)

Mục tiêu : củng cố kiến thức nội dung bài học.

- HĐ cá nhân

- Các bước thực hiện:

Bước 1:Giao nhiệm vụ

- Tóm tắt lại truyện ?

- Chi tiết nào trong truyện làm cho em ấn tượng sâu sắc nhất ? vì sao ?

- Cảm nhận về tình cha con của bé Thu.

- Phân tích giá trị của chi tiết : vết thẹo và cây lược.

Bước 2,3: Học sinh thảo luận, trình bày

Bước 4: GV nhận xét đánh giá, tổng hợp

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến mãi đến khi con gái lên 8 tuổi ông mới có dịp về nhà thăm con. Bé Thu không nhận ra cha vì vết sẹo trên mặt làm cho ông không còn giống với người trong ảnh chụp mà em biết, cho nên em đối xử với ba như người xa lạ.

- Đến lúc Thu nhận ra ba, tình cảm cha con thức dậy thật mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi.

- Ở nơi căn cứ, người cha giành hết tình cảm thương nhớ, yêu quý con và việc làm chiếc lược ngà để tặng cho cô con gái bé bỏng.

- Trong một trận càn ông đã hy sinh trước lúc nhắm mắt ông còn kịp trao chiếc lược ngà cho bạn.

« Nhìn cảnh ấy…. trái tim mình ».

Ông Sáu phải chịu đựng quá nhiều sự hi sinh, mất mát : chiến tranh khiến cho ông mang một nỗi đau về thể xác và trong những ngày phép ngắn ngủi ở nhà, ông lại phải chịu thêm nỗi đau tinh thần do bé Thu nhất quyết không chịu nhận ông là cha, không gọi một tiếng « ba » mà ông hằng khao khát suốt 8 năm trời.

Trong buổi sáng trước giờ phút ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi « ba » và tiếng kêu như tiếng xé, rồi « nó vừa kêu vừa chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó », « Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa, « hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi cấu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run ». Như vậy, cho đến lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc quá ngắn ngủi. Trước cử chỉ của bé Thu, “anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Đó là giọt nước mắt sung sướng, hạnh phúc của một người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình.

Thì ra trong đêm về nhà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu được giải toả và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận, hối tiếc. Vì thế trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi nhớ mong với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.

**Hoạt động 4 -5: Vận dụng, mở rộng**( 2’) Về nhà

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Đóng vai nhân vật bé Thu kể lại diễn biến tâm trạng của nhân vật.

GV gợi ý cách làm cho HS

\* Dặn dò : Học bài và soạn bài: Ôn tập Tiếng Việt

**\* Rút kinh nghiệm.**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ:**

**NGƯỜI LÍNH TRONG MẮT EM**

Ngày soạn: 12/11/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

1. Kiến thức:

- HS hiểu được một số nét cơ bản về cuộc sống, tâm tư của người lính trong thời kháng chiến cũng như trong thời bình.

2. Kĩ năng: HS xây dựng được kịch bản và trình diễn được tiểu phẩm về chủ đề: Người lính sau chiến tranh.

- HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.

- HS tổ chức được buổi biểu diễn tiểu phẩm kết hợp với trưng bày các sản phẩm liên quan đến chủ đề.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.

- Biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

**II. Chuẩn bị :**

1. Giáo viên: Sách HĐTNST lớp 9, Tổ chức DHTNST trong dạy học Ngữ văn, soạn bài, tham khảo tài liệu.

2. Học sinh: Tài liệu liên quan, đồ dùng.

Lưu ý: Sau khi học xong bài 12 trong SGK, GV giao nhiệm vụ cho học sinh: xây dựng kịch bản và diễn tiểu phẩm theo chủ đề: Người lính sau chiến tranh.

* Chuẩn bị trong 2 tuần:

+ Tuần 1: Nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin, lên ý tưởng, sáng tác kịch bản.

+ Tuần 2: Triển khai thực hiện ý tưởng ( tập kịch, phỏng vấn, viết bài,vẽ GV linh hoạt sử dụng thời gian trên lớp để hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**III. Tiến trình bài học:**

1.Ổn định tổ chức:

2.Bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Sau 2 tuần chuẩn bị HS trình bày sản phẩm và báo cáo bằng hình thức bốc thăm.  Lưu ý : Khi trình bày có lời giới thiệu, lời cảm ơn.   * Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của mình. * GV nhận xét chung về sản phẩm và bài thuyết trình cho sản phẩm các nhóm.   - HS chuẩn bị biểu diễn tiểu phẩm, trưng bày sản phẩm.  Kết quả cụ thể dựa vào phiếu đánh giá hoạt động cá nhân tự đánh giá/ đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm và phiếu các thành viên tự đánh giá hoạt động của nhóm.  - GV photo phiếu đánh giá.  - Lớp phó học tập lên điều khiển hoạt động tự đánh giá vào các gợi ý ghi trong phiếu.  GV điều chỉnh những sai sót nếu có và chốt kiến thức ; nhận xét, tuyên dương những cá nhân và nhóm làm tốt.  Hs trưng bày sản phẩm của nhóm mình về góc học tập của nhóm. | **IV. Báo cáo sản phẩm**  **1. Hình thức báo cáo và thuyết trình cho sản phẩm:**  - Biểu diễn tiểu phẩm kết hợp với trưng bày sản phẩm về chủ đề.  - Trực tiếp trên sản phẩm.  - Trình chiếu trên PowerPoint các video, clip phỏng vấn các bác cựu chiến binh hoặc các chú bộ đội.  **2. Tiêu chí đánh giá:**  - Về sản phẩm : Thể hiện được những đặc điểm của hình tượng người lính trong kháng chiến, trong hòa bình.  - Về hoạt động : tích cực, chủ động, sáng tạo, đoàn kết, tôn trọng, hợp tác, tương trợ lẫn nhau. |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tên**  **thành**  **viên** | **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **Có những đóng góp quan trọng cho nhóm** | **Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm** | **Có những đóng góp nhỏ cho nhóm** | **Không có đóng góp quan trọng cho nhóm** | **Gây cản trở hoạt động của nhóm** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

P**HIẾU CÁC THÀNH VIÊN TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tiêu chí | **4**  **Có những đóng góp quan trọng cho nhóm** | **3**  **Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm** | **2**  **Có những đóng góp nhỏ cho nhóm** | **0**  **Gây cản trở hoạt động của nhóm** |
| **Tinh thần làm việc nhóm** | - Các thành viên làm việc với nhau rất tốt.  - Mọi thành viên đều làm việc tích cực.  - Tinh thân fhocj tập hiệu quả, nghiêm túc. | - Các thành viên làm việc với nhau tốt.  - Mọi thành viên đều có tinh thần hợp tác.  - Mọi thành viên đều tham gia làm việc. | - Phần lớn thời gian làm việc với nhau tốt.  - Nhiều lúc các thành viên không tập trung.  - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. | - Không có sự hợp tác của các thành viên trong nhóm.  - Các thành viên thiếu tôn trọng nhau.  - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao. |
| **Hiệu quả làm việc nhóm** | - Cả nhóm nhanh chóng tìm được giải pháp cho công việc chung.  - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc độc đáo, hiệu quả. | - Có lúc tìm ra được giải pháp hiệu quả, có lúc gặp bế tắc.  - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc khác nhau. | - Có cố gắng tìm các giải pháp hiệu quả nhưng chưa được.  - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc nhưng chưa hiệu quả. | - Nhóm không có ý thức tìm các giải pháp làm việc hiệu quả.  - Các thành viên không có ý thức đưa ra caccs phuwong án làm việc. |
| **Trao đổi, thảo luận trong nhóm** | - Các thành viên luôn đặt câu hỏi cho nhau.  - Các thành viên luôn chú ý lắng nghe và thảo luận cởi mở, dân chủ, hiệu quả  - Các thành viên luôn biết cách đưa ra những ý kiến và phân biệt lẫn nhau hiệu quả. | - Các thành viên đặt nhiều câu hỏi cho nhau.  - Các thành viên thảo luận với nhau có hiệu quả.  - Có các ý kiến phân biệt và lắng nghe. | - Các thành viên có cố gắng trao đổi ý kiến với nhau.  - ít các ý kiến phân biệt với nhau.  - Thảo luận đôi khi không có hiệu quả. | - Các thành viên trong nhóm làm việc theo kiểu cá nhân không trao đổi với nhau.  - Không có sự lắng nghe và phân biệt các ý kiến với nhau trong quá trình làm việc. |

\* HS: - Vận dụng nội dung, kiến thức tìm được qua tiết HĐTNST đưa vào sổ tích lũy của bản thân về hình ảnh người lính.

- Tiếp tục tìm kiếm thông tin về người lính trong các tác phẩm văn học hoặc ngoài đời sống.

**\* Dặn dò :**

- Học bài và làm bài tập còn lại

- Soạn bài : Ôn tập Tiếng Việt

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 75 ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

(Các phương châm hội thoại…cách dẫn gián tiếp).

Ngày soạn: 12/11/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức:

- HS nắm được các phương châm hội thoại,

- Cách sử dụng từ ngữ xưng hô trong hội thoại

-Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp

2. Kĩ năng:Khái quát một số kiến thức Tiếng Việt đã học về phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

3.Thái độ: Vận dụng kiến thức Tiếng Việt vào giao tiếp hợp lí, hiệu quả.

4. Định hướng năng lực

- Năng lực giao tiếp:

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

- Năng lực tư duy

**II. Chuẩn bị**

- GV: Sách GK, giáo án

- HS: học bài, đọc trước bài, soạn bài trả lời các câu hỏi SGK

**III. Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong giờ học

**Hoạt động 1: Khởi động**(5’)

- Mục tiêu:Đưa Hs vào tình huống học tập

Tổ chức trò chơi:

GV chia lớp làm 3 đội.

Yêu cầu đoán tên thành ngữ, tục ngữ theo tranh ( máy chiếu)? Thành ngữ, tục ngữ ấy liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Đội nào có câu trả lời nhanh và chính xác được tính điểm.

Bước 2,3: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

Bước 4 : GV chốt kiến thức, chuyển bài mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**(36’)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| Mục tiêu: Củng cố kiến thức về tiếng việt đã học: 1. Các phương châm hội thoại.  2. Xưng hô trong hội thoại:  3. Cách dẫn trực tiếp; cách dẫn gián tiếp:  ? Nêu các phương châm hội thoại đã học? Cho VD?  ? Xưng hô trong hội thoại là gì?  ? Cách dẫn trực tiếp, gián tiếp là gì?  **Hoạt động3: luyện tập**  ? Hs làm bài?  GV: Trong 1 số trường hợp mặc dù người nói bằng tuổi hoặc thậm chí lớn hơn người nghe nhưng người nói vẫn xưng em và gọi người nghe là anh hoặc bác gọi thay con, đó là biểu hiện của phương châm xưng thì khiêm hô thì tốn.  - Gọi HS đọc kĩ yêu cầu của các bài tập.  **Hoạt động nhóm**  - Chia nhóm cho HS làm:  + Nhóm 1: Bài tập 1  + Nhóm 2: Bài tập 2  + Nhóm 3: Bài tập 3  + Nhóm 4: B ài tập 4  - Gọi các nhóm nhận xét chéo bài của nhóm khá  - Gv nhận xét chung, sửa chữa.  - HS phân tích những thay đổi trong cách dùng từ đặt câu. | **I. Lý thuyết:**  **1. Các phương châm hội thoại đã học:**  a- Phương châm về lượng:  VD: Hỏi: Anh ăn cơm chưa?  Trả lời: + Tôi đã ăn rồi (đúng p/c về lượng).  + Từ lúc tôi mặc áo hàng hiệu này, tôi vẫn chưa ăn cơm (sai).  b- Phương châm về chất:  VD: + Con bò to gần = con trâu (đ).  + Con bò to gần = con voi (s).  c- Phương châm quan hệ:  VD: Hỏi: Anh đi đâu đấy?  Trả lời: + Tôi đi học (đ).  + Con mèo vừa mua về (s).  d- Phương châm cách thức:  VD: Dây cà ra dây muống.  e- Phương châm lịch sự.  **2. Xưng hô trong hội thoại:**  - Người nói căn cứ vào đặc điểm của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp.  VD: + Trên: Bác - cháu, anh chị – em...  + Bạn bè: bạn – tớ, cậu – tớ...  + Trong hội nghị: bạn – tôi, các bạn – chúng tôi...  **3. Cách dẫn trực tiếp; cách dẫn gián tiếp:**  + Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên vẹn lời nói hay ý nghĩa của 1 người, 1 sự vật. Lời dẫn trực tiếp đặt trong dấu “...”  + Dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của 1 người hay vật có điều chỉnh thích hợp, lời dẫn gián tiếp không đặt trong “...”.  **II. Luyện tập:**  1, BT1: Hãy kể 1 tình huống giao tiếp mà trong đó có 1 hoặc 1 số phương châm hội thoại bị vi phạm:  Trong giờ vật lí, thầy giáo hỏi 1 hs đang mải nhìn qua cửa sổ:  - Em cho biết sóng là gì?  Hs trả lời:  - Thưa thầy sóng là bài thơ của Xuân Quỳnh ạ!  ( Vị phạm phương châm quan hệ).  2, BT2:  Trong tiếng Việt xưng hô thường tuân theo phương châm “Xưng khiêm, hô tôn”. Em hiểu phương châm đó ntn? Cho VD?  - Khi xưng hô người nói tự xưng 1 cách khiêm nhường là “Xưng Khiêm”.  - Gọi người đối thoại 1 cách tôn kính gọi là “hô tôn”.  VD: Vua tự xưng là quả nhân (người kém cỏi), gọi các nhà sư là “cao tăng” để thực hiện sự tôn kính.  + Thời xưa: bệ hạ, bần tăng, bần sĩ→ Thái độ khiêm tốn.  + Thời nay: quý ông, quý bà, quý anh dùng để gọi người đối thoại, tỏ ý lịch sự, tôn kính.  3- BàBài tập 3: Tiếng Việt để xưng hô, có thể dùng không chỉ các đại từ xưng hô, mà còn có thể dùng các danh từ chỉ quan hệ thân thuộc, danh từ chỉ chức vụ nghề nghiệp, tên riêng, Mỗi p/ tiện xưng hô đều thể hiện tính chất của tình huống giao tiếp ( thân mật hay xã giao) và mối quan hệ giữa người nói với người nghe: ( Thân hay sơ, khinh hay trọng,). hầu như không có từ ngữ xưng hô trung hoà. Vì thế, nếu không chú ý để lựa chọn TN xưng hô thích hợp với tình huống và quan hệ thì người nói sẽ kgông đạt được kết quả giao tiếp như mong muốn, thậm chí trong nhiều trường hợp, giao tiếp không tiến triển được nữa.  BT 4- Bài tập phần lời dẫn trực tiếp, gián tiếp:  Có thể chuyển như sau:  Vua Quang Trung hỏi Nguyễn Thiếp là lần này quân Thanh sang đánh, nếu nhà vua đem binh ra chống cự thì khả năng thắng hay thua như thế nào.  Nguyễn Thiếp trả lời rằng bấy giờ trong nước trống không, lòng người tan rã, quân Thanh ở xa tới, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh nên giữ ra sao, vua Quang Trung ra Bắc không quá 10 ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan  \* Nhận xét: - Trong lời đối thoại:  + Từ xưng hô: tôi ( ngôi thứ nhất) chúa công( ngôi thứ hai)  + Từ chỉ địa điểm: đây.  + Từ chỉ thời gian: bây giờ.  - Trong lời dẫn gián tiếp:  + Từ xưng hô: nhà vua ( ngôi thứ ba), vua Quang Trung( ngôi thứ ba)  + Từ chỉ địa điểm ( tỉnh lược)  + Từ chỉ thời gian: bấy giờ. |

**Hoạt động 4: Vận dụng:** (3’)

- Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

- HĐ cá nhân

? Viết một đoạn hội thoại có thực hiện phương châm về chất

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5: Mở rộng:** (1’) Về nhà

**?** Viết đoạn văn nghị luận có dùng cách dẫn trực tiếp

? Xác định từ ngữ xưng hô, tìm lời dẫn trực tiếp trong vb: “Lặng lẽ Sa Pa”

GV gợi ý cho HS

**\* Dặn dò:** Học bài và làm bài tập còn lại.

Soạn bài: Làm thơ lục bát

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tuần 16**

**Tiết:76KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

Ngày soạn: 27/11/2018

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức: Học sinh kiểm tra, đánh giá về khả năng tiếp thu nhận thức về các phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, cách dẫn trực tiếp, gián tiếp.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng vận dụng, làm bài hoàn chỉnh.

3. Thái độ: Ý thức làm bài nghiêm túc.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, ngôn ngữ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương, sống có trách nhiệm.

**II. Chuẩn bị**

- GV:Nghiên cứu tài liệu - soạn bài ra đề.

- H/S: ôn tập kiến thức tiếng việt

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Bài mới

Hình thức tự luận

**\*Hoạt động1 : Thiết lập ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Chủ đề**  (nộidung,  chương…) | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **TỔNG** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
|  |  | **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |  |
| Phương châm hội thoại |  | Nhận biết người tham gia hội thoại |  | Hiểu được phương châm hội thoại bị vi  phạm và giải thích nguyên nhân |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  | Số câu 1/4  Số điểm 0,5  5% |  | Số câu 1/4  Số điểm 1  10% |  |  | Số câu  0,5  Số điểm  1,5  15% |
| Xưng hô trong hội thoại |  | Tìm đúng các từ ngữ xưng hụ và nêu sắc thỏi của chúng trong câu thơ. |  |  |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  | Số câu : 1/4  Số điểm :1  10% |  |  |  |  | Số câu : 1/4  Số điểm :1  10% |
| Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp |  | Nhận biết cách dẫn trong đoạn thơ |  |  |  | Viết đoạn văn câu sd cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % |  | Số câu : 1/4  Số điểm :0,5  5% |  |  |  | Số câu :1  Số điểm :5  50% | Số câu:  1,25  Số điểm  5,5  55% |
| Các biện pháp tu từ  Số câu  Số điểm  Tỉ lệ %  Tổng số câu  Tổngsố điểm  Tỉ lệ % |  | Số câu : 0,75  Số điểm :2  20% |  | Chỉ ra biện pháp tu từ trong ví dụ sau và nêu tác dụng  Số câu :1  Số điểm :2  20 %  Số câu : 1,25  Số điểm : 3  30% |  | Số câu : 1  Số điểm :5  50% | Số câu :1  Số điểm:2  20 %  Số câu 3  Số điểm10  100% |

**Hoạt động 2:Thiết lập đề kiểm tra**

Câu 1 : Trong bài thơ '' Bếp lửa'' của Bằng Việt có những câu thơ sau :

Vẫn vững lòng , bà dặn cháu đinh ninh :

'' Bố ở chiến khu bố còn việc bố

Mày có viết thư chớ kể này kể nọ

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên''

a. Đây là lời của ai nói với ai ?

b. Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn nào mà em đã học?

c. Ở đây người nói đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Tại sao lại vi phạm?

d. Tìm các từ ngữ xưng hô trong những câu thơ trên? Từ ngữ xưng hô đó biểu thị sắc thái gì?

Câu 2: Chỉ ra biện pháp tu từ trong ví dụ sau và nêu tác dụng :

“ Biển cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”

( Đoàn thuyền đánh cá- Huy Cận)

Câu 3 : Viết một đoạn văn có nội dung liên quan đến ý kiến sau. Trích dẫn ý kiến đó theo cách dẫn trực tiếp :

Dù phải khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt

(HCM -Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới, 15/10/1968)

**V. Đáp án và biểu điểm**

Câu 1 : (3đ)

a , Đây là lời của bà nói với cháu (0,5đ)

b, Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp ( o,5đ)

c, Người nói đã vi phạm phương châm hội thoại về chất. Do bà ưu tiên một yêu cầu khác quan trọng hơn là muốn các con yên tâm kháng chiến ( 1đ)

d, Bà - mày -> sắc thái thân mật, suồng sã (1đ)

Câu 2 : (2đ)

- Biện pháp so sánh

- Lời ngợi ca biển ân tình, thủy chung, gắn bó với con người. Biển nuôi lớn con người không chỉ về mặt thể xác mà cả về tinh thần. -> Tình yêu biển, tự hào về biển.

Câu 3(5đ)

- Hình thức : Tạo lập được đoạn văn, trích dẫn được lời dẫn theo cách trích trực tiếp

- Nội dung : Nội dung đoạn văn liên quan đến lời dẫn

**Hoạt động 3: Sơ kết bài học**

Gv thu bài, nhận xét ý thức làm bài của học sinh

Ôn tập tốt văn học hiện đại để kiểm tra 45p

**\* Dặn dò :**

- Ôn tập văn học để giờ sau kiểm tra

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tuần 16**

Ngày soạn: 27/11/2018

Ngày dạy:

**Tiết 77KIỂM TRA THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI.**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

1. Kiến thức: Học sinh kiểm tra, đánh giá quá trình học tập, nhận thức của mình về phần thơ và truyện hiện đại.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng trình bày, cảm nhận

3. Thái độ: Giáo dục ý thức tự học, nghiêm túc khi làm bài.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, ngôn ngữ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, sống có trách nhiệm.

**II. Chuẩn bị:**

1. GV**:** Nghiên cứu, soạn giáo án, ra dề, biêu chấm.

2. HS **:** Tự ôn tập, chuẩn bị vở viết bài.

**III. Tiến trình lên lớp:**

1. Ổn định lớp.

- Kiểm tra sĩ số.

2. Bài mới:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| Thơ hiện đại  (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận và  Đồng chí-Chính Hữu | ChØ ra tõ chÐp sai trong ®o¹n th¬ vµ söa l¹i. Nêu được tên tác giả và tên tác phẩm |  |  | Cảm nhận về một đoạn thơ trong tác phẩm thơ hiện đại  Liên hệ tinh thần đoàn kết trong cuộc sống ngày nay. |  |
| Truyện hiện đại |  | Nắm và hiểu được tình huống của truyện Chiếc lược ngà. |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | Số câu:1  Số điểm 2  Tỉ lệ 20 % | Số câu:1  Số điểm: 3  Tỉ lệ 30 % |  | Số câu:1  Số điểm :5  Tỉ lệ 50% | Số câu:3  Số điểm:10  Tỉ lệ 100 % |
| **Tổng** | Số câu:1  Số điểm 2  Tỉ lệ 20 % | Số câu:1  Số điểm: 3  Tỉ lệ 30 % |  | Số câu:1  Số điểm :5  Tỉ lệ 50% | **Số câu:1**  **Số điểm:10**  **Tỉ lệ 100%** |

**ĐỀ BÀI:**

Câu 1: Cho đoạn thơ sau

Thuyền ta lái gió cùng buồm trăng

Lướt giữa mây cao và biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây quanh .

1. Hãy chỉ ra những từ chép sai trong đoạn thơ trên và sửa lại cho đúng ?
2. Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm có đoạn thơ mà em đã sửa ?

Câu 2: Em hiểu gì về tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống truyện “ Chiếc lược ngà”?

Câu 3 : Cảm nhận của em về đoạn thơ sau và nêu suy nghĩ về tinh thần đoàn kết trong cuộc sống ngày nay.

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

( Đồng chí – Chính Hữu)

**NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

Câu 1( 2đ)

a. Xác định được những từ chép sai và sửa lại đúng

b. Hoàn cảnh:1958 in trong tập trời mỗi ngày lại sáng.Là kết quả của chuyến đi thực tế ở vùng hòn Gai Cẩm Phả QN

Câu 2(3 điểm).Trình bày được tình huống truyện

* Tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí
* Tác dụng : + Thể hiện tình yêu cha mãnh liệt của bé Thu

+ Thể hiện tình yêu con sâu sắc của ông Sáu

Câu 3(5đ)

\* Kĩ năng:

- Bố cục đủ 3 phần (MB, TB, KB)

- Diễn đạt lưu loát , Luận điểm rõ ràng

- Dùng từ thích hợp , không sai chính tả ...

\* Kiến thức:

LĐ : Sức mạnh của tình đồng chí được tạo lên bởi họ cùng nhau chia sẻ những gian lao nơi chiến trường

- Người lính cùng nhau trải qua những cơn sốt rét rừng

* Trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp , bộ đội ta phải chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn , thiếu thốn ...
* Miệng cười buốt giá : tinh thần lạc quan , coi thường mọi gian khổ của người lính cụ Hồ
* Thương nhau : Tình cảm yêu thương , gắn bó...
* Tay nắm lấy bàn tay : Cái nắm tay để động viên nhau , truyền cho nhau hơi ấm sức mạnh...

-> Tình đồng chí chân thành mà thiêng liêng cao đẹp . Tình đồng đội gắn bó keo sơn

- Nghệ Thuật : Giọng thơ trầm lắng, hình ảnh thơ chân thực mà giàu sức biểu cảm , NT liệt kê, ngôn ngữ giản dị và cô đọng ...

Liên hệ tinh thần đoàn kết trong cuộc sống

Tinh thần đoàn kết là sức mạnh là truyền thống quý báu của cha ông để lại và được thế hệ sau nối tiếp.Phát huy truyền thống ấy nhân dân ta ngày nay đã cùng nhau xây dựng đất nước phát triển king tế văn hóa và hội nhập với quốc tế.

Khi có thiên tai dịch bẹnh, lũ lụt, người dân cả nước ủng hộ quyên góp sức người sức của khôi phục cuộc sống của người dân trong cả nước.

Xây dựng khối đoàn kết trong dân cư ngăn chặn các thế lực thù địch chống phá bảo vệ nền độc lập chủ quyền biển đảo quê hương.

**\* Biểu điểm**

Câu 1: (2 điểm)

+ Câu a: đúng được 1 điểm

+ Câu b: đúng được 1 điểm.

Câu 2: ( 3 điểm)

- Học sinh nêu được 2 tình huống :1đ

- Nhận xét về tình huống : 1đ

- ý nghĩa của tình huống : 1đ

Câu 3: (5 điểm)

- Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, không sai chính tả, có sáng tạo.

- Điểm 4: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, còn sai chính tả, đã có sáng tạo.

- Điểm 3: Cơ bản đáp ứng yêu cầu của bài nhưng chưa thật lưu loát.

- Điểm 2: Chưa đủ ý trên. Còn có lỗi sai nhiều.

- Điểm 1: Sơ sài, thiếu nhiều ý. Hành văn yếu.

- Điểm 0: Không xác định được yêu cầu đề bài.

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Cố Hương

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 78- 79CỐ HƯƠNG**

Ngày soạn: 27/11/2018

Ngày dạy:

**I. Môc tiªu cÇn ®¹t:**

1.Kiến thức:

-Giúp học sinh hiểu được bức tranh ảm đạm của một vùng quê nghèo khổ, tàn tạ…. Tinh thần phê phán xã hội cũ, nỗi buồn thương và niềm hy vọng cho cuộc đổi đời của quê hương.

-Kể chuyện từ ngôi thứ nhất bằng giọng điệu chân thành, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt trong phản ánh hiện thực và xây dựng tính cách nhân vật là những nét nổi bật của truyện ngắn này

-Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.

-Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện Cố hương.

-Những đóng góp của Lỗ Tấn vào nền văn học Trung Quốc và văn học nhân loại.

2.Kĩ năng:

-Đọc hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.

-Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

-Kể tóm tắt được truyện.

3.Thái độ:

-Giáo dục tình yêu quê hương đất nước con người.

-GDMT: Liên hệ. Môi trường xã hội và sự thay đổi của con người.

4. Định hướng năng lực

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

- Năng lực học nhóm

**II.Chuẩn bị**

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy, văn bản Cố hương

2. Học sinh:Soạn bài theo câu hỏi SGK và theo yêu cầu của GV.

**III. Tiến trình lên lớp**

1.Ổn định tổ chức.

2. Bài mới

**Hoạt động 1: Khởi động**

- Mục tiêu :HS củng cố, khắc sâu kiến thức cũ, tạo tình huống, tâm thế gây hứng thú cho HS;

B1. GV nêu yêu cầu: Hình thức hđ cá nhân:

Ai giơ tay trước giành quyền trả lời trước, nếu trả lời sai, quyền trả lời thuộc về bạn khác. Phần thưởng là một điểm giỏi.

? Các em đã học, đọc tác phẩm nào viết về tình cảm đối với quê hương đặc biệt khi xa quê.

B2: học sinh chuẩn bị câu trả lời

B3: HS nào giơ tay trước có câu trả lời nhanh nhất dành quyền trả lời, bổ xung cho nhau

- Quê hương – Tế Hanh

- Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh- Lý Bạch

B4. HS trình bày xong, thiếu hoặc chưa sâu, chưa rõ ràng. GV dẫn dắt vào bài:

Gv: Nỗi nhớ quê hương xa vời từng là đề tài cho bao nhiêu nhà thơ cổ kim, nỗi nhớ sau nhiều năm xa cách có dịp trở về thăm quê cũ nó bùi ngùi, tái tê...tâm trạng đó được thể hiện trong tác phẩm Cố Hương mà chúng ta học hôm nay.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ho¹t ®éng cña Gv vµ Hs**  **2.1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả tác phẩm.**  Mục tiêu :HS nắm bắt được những nét chính về tác giả, tác phẩm;  - HS cách đọc văn bản theo mạch cảm xúc của tác giả;  B1: GV giao nhiệm vụ  ? Trình bày những hiểu biết về tác giả Lỗ Tấn  B2: HS suy nghĩ trả lời  B3: Cho h/s khác trình bày ý kiến của mình.  B4: GV nhận xét, chốt  Là nhà văn nổi tiếng Trung Quốc  Sinh tr­ưởng trong gia đình quan lại sa sút. Lỗ Tấn là nhà văn chiến đấu. Ông cống hiến cả cuộc đời cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Là nhà văn của nhân dân lao động Trung Quốc dưới ách áp bức bóc lột của chế độ phong kiến. Năm 1981, thế giới đã kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Lỗ Tấn với tư cách là danh nhân văn hóa Thế giới.  ? Tìm hiểu chung tác phẩm  Hđ cá nhân  B1: Gv cho hs nªu y/c ®äc -  B2: HS đọc  B3: Cho h/s nhËn xÐt c¸ch ®äc cña b¹n.  B4: GV nhận xét, chốt  HĐ nhóm: GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh:  **Nhóm 1:**  ? Nªu xuÊt xø vÒ t¸c phÈm.  GV:Truyện của Lỗ Tấn chủ yếu phanh phui các căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa. Ông đã hát cho đồng bào mình nghe bài hát lạc điệu của chính họ, chỉ cho họ thấy những bước đi sai nhịp trên con đường tiến về tương lai. Các tác phẩm của LT đều phê phán người dân TQ mê muội, tự thỏa mãn, ngủ sâu trong một cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ  ? Em hiÓu g× vÒ tªn cña truyÖn.  - “Cè h­¬ng lµ quª h­¬ng cò, n¬i sinh ra vµ ®· tõng g¾n bã víi cuéc sèng cña mét con ng­êi. Tªn truyÖn gîi lªn t×nh c¶m quª h­¬ng, xãm lµng, gia ®×nh ë ng­êi ®äc.  **Nhóm 2**  ? Trong v¨n b¶n nµy cã sù kÕt hîp gi÷a c¸c ph­¬ng thøc biÓu ®¹t nµo.  ? TruyÖn ®­îc kÓ ë ng«i thø mÊy? Ng­êi kÓ chuyÖn lµ ai.  - MÆc dï chuyÖn ®­îc kÓ theo ng«i thø nhÊt nh­ng nh©n vËt T«i kh«ng thÓ ®ång nhÊt lµ t¸c gi¶, mÆc dï t¸c gi¶ cã sö dông nhiÒu chi tiÕt cã thËt trong cuéc ®êi m×nh nh­ng ®©y lµ truyÖn ng¾n cã c¸ch kÓ gÇn nh­ håi ký, cã sö dông nh÷ng chi tiÕt cã thùc.  **Nhóm 3**  ? TruyÖn cã thÓ chia mÊy phÇn.  ?NhËn xÐt bè côc?  **Nhóm 4**  ?Em hãy cho biết trong truyện, ai là nhân vật trung tâm, ai là nhân vật chính thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?  Nếu nhìn theo nghĩa rộng nhất thì ta thấy cả hai đều là nhân vật chính nh­ng vai trò của nhân vật tôi quan trọng hơn. Nhân vật trung tâm hiện lên chủ yếu ở phương diện: Những lời độc thoại, suy tư day dứt.Vì thế, có thể nói tôi là nhân vật trung tâm còn Nhuận Thổ là nhân vật chính.  HS thảo luận theo nhóm.  Đại diện của 1 nhóm trình bày, ba nhóm còn lại phản biện  GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  **Hết tiết 1, chuyển sang tiết 2**  **2.2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết bài thơ.**  - Mục tiêu :Thấy được tâm trạng của nhân vật tôi trong những ngày ở nhà qua một số nhân vật để thấy được xã hội phong kiến Trung Quốc làm tàn tạ con người.  Hiểu được môi trường xã hội làm thay đổi tính cách con người.  B1: GV giao nhiệm vụ  GV giao nhiệm vụ cho hs : đọc thẩm phần văn bản trong sgk  - Học sinh theo dõi phần đầu của văn bản từ đầu đến “sinh sống” ( SGK/ 208)  Thảo luận cặp đôi  GV giao nhiệm vụ cho học sinh  ? Nhân vật tôi trở về thăm quê trong hoàn cảnh nào? Vào thời điểm nào? Mục đích của chuyến về quê lần này?  HS suy nghĩ trả lời  HS khác phản biện  GV khái quát GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  - Trời giá lạnh; đang độ giữa đông; xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn 20 năm nay. Ý định là để từ giã nó lần cuối cùng, đem gia đình đế đất khách tôi đang làm ăn sinh sống.  Thảo luận cặp đôi  GV giao nhiệm vụ cho học sinh  ? Khi trở về quê tôi đã cảm nhận cảnh làng quê ntn?  ? Cảnh đó gợi lên cảm giác ntn trong nv tôi?  HS suy nghĩ trả lời  HS khác phản biện  GV khái quát GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  Đàm thoại, hđ cá nhân  ? Về thăm làng cũ nhân vật “Tôi” đã gặp những ai ?  - ( Mẹ, cháu Hoàng, Nhuận Thổ và chị Hai Dương)  ? Những ngày ở quê, nhân vật Tôi đã gặp những người quen cũ, trong đó cuộc gặp gỡ với những nhân vật nào được kể nhiều nhất.  - Nhuận Thổ  ? Mối quan hệ của nhân vật Tôi với Nhuận Thổ được kể trong những thời điểm nào.  - Quá khứ – hiện tại.  Trao đổi nhóm nhỏ  GV chia lớp thành các nhóm theo bàn, giao nhiệm vụ cho học sinh:  ? Trong kí ức nhân vật Tôi hình ảnh Nhuận Thổ xưa gắn với cảnh tượng nào.  ? Nhận xét nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn  ? gợi lên cảnh tượng ntn.  HS thảo luận theo nhóm.  Đại diện của 1 nhóm trình bày, ba nhóm còn lại phản biện  GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  -> nhân vật Tôi lại gọi đó là cảnh tượng thần tiên.  GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh:  ? Khi đó con người NhuậnThổ hiện lên với những biểu hiện cụ thể nào về hình dạng trang phục, tính tình, hiểu biết.  HS thảo luận theo nhóm.  Đại diện của 1 nhóm trình bày, ba nhóm còn lại phản biện  GV kết hợp đàm thoại, phân tích :  ? Hoàn cảnh gia đình Nhuận Thổ và tôi có gì khác nhau  ? Cách xưng hô của Nhuận Thổ với tôi  Chi tiết “Tôi khóc và Nhuận Thổ cũng khóc”. Khi chia tay đã nói gì về tình bạn xưa kia giữa hai người. ( SGK/ 212)  - Gắn bó thân thiết bình đẳng.  ? Từ những chi tiết đó, hình ảnh một người bạn như thế nào hiện lên trong tâm trí nhân vật Tôi.  GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  Gv : Hồi ức về người bạn Nhuận Thổ – tình bạn trong sáng và không phân biệt ranh giới giai cấp giữa hai đứa trẻ – Nhuận Thổ là hiện thân sức sống mạnh mẽ của người dân quê.  GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh:  ? Sau 20 năm xa cách, hình ảnh Nhuận Thổ được gắn liền với những bộ dạng, lời nói, tính nết như thế nào. ( SGK/ 212)  ? Nghệ thuật nổi bật trong quá trình kể về người bạn cũ ?  ? Nhận xét gì về Nhuận Thổ bây giờ với Nhuận Thổ cách đây 20 năm về trước.  HS thảo luận theo nhóm.  - Đại diện của 1 nhóm trình bày, ba nhóm còn lại phản biện  GV kết hợp đàm thoại, phân tích :  ? Trong sự thay đổi ấy, em thấy sự thay đổi nào là rõ nét và kỳ lạ nhất.  - ngoai hình, tình bạn  Gv: Sự thay đổi từ hình dạng đến tâm tính của người bạn cũ.  H/s thảo luận nhóm nguyên nhân của sự thay đổi  HĐ nhóm: GV chia lớp thành cac nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ cho học sinh:  HS thảo luận theo nhóm.  Đại diện của 1 nhóm trình bày, ba nhóm còn lại phản biện  GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  - Than thở: con đông, mùa mất, thuế nặng..xã hội phong kiến lạc hậu, cổ hủ.. - Sự thay đổi của Nhuận Thổ có nguyên nhân từ cách sống lạc hậu của người nông dân, từ hiện thực đen tối của xã hội áp bức.Tư tưởng đẳng cấp lễ giáo phong kiến.  GV: Kết hợp đàm thoại  Liên hệ. Môi trường xã hội và sự thay đổi của con người. Phản ánh hiện thực về sự thay đồi của xã hội Trung Quốc.  ? Cuộc sống ấy, xã hội ấy gợi em liên tưởng đến tác phẩm nào nói về cuộc sống và xã hội con người VN.  - Lão Hạc, Chí Phèo-> Thời kỳ đen tối của XH VN trước năm 1945  Những con người sống mòn mỏi bởi thói đố kị, bần tiện và nhu nhược, thiếu sức sống là do chính sách cai trị hà khắc và cuộc sống khó khăn.  ? Qua nhân vật n/huận thổ, cho em hiểu gì về thực trạng XHPKTQ bấy giờ ?  ? Nhưng đằng sau sự thay đổi ấy, tác giả vẫn còn nhận thấy nét đẹp nào tiềm ẩn trong con người Nhuận Thổ.  - Vẫn tiềm ẩn vẻ đẹp mộc mạc thuần hậu của người nông dân lương thiện. Tác giả đã phát hiện và tin tưởng về họ. Nam Cao « Chao ôi, đối .»  ? Tõ ®ã muèn ta hiÓu thªm th¸i ®é cña «ng ®èi víi cuéc sèng Êy nh­ thÕ nµo  HS thảo luận cặp đôi  GV giao nhiệm vụ  ? Tìm những từ ngữ miêu tả diễn biến tâm trạng của “Tôi” trước những thay đổi của con người ?  ? Đó là tâm trạng ntn.  H Hs trao đổi.  Đại diện của 1 nhóm trình bày,  Các nhóm còn lại phản biện  GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  **Tiết 2 :**  **Kiểm tra** : Phân tích cảm nhận của nhân vật tôi trong những ngày ở quê?  **2. Nh©n v©t T«i rêi cè h­¬ng**  \* Mục tiêu: Học sinh thấy được tâm trạng của nhân vật trữ tình trên con đường rời quê. Tìm hiểu ý nghĩa của hình ảnh con đường.  \* HĐ cá nhân  \* PP:Đàm thoại, phân tích  - Häc sinh theo dâi phÇn cuèi v¨n b¶n.  ? “Tôi” rời xa quê trong thời điểm nào? Việc lựa chọn thời điểm ấy nhằm mục đích gì?  - Việc lựa chọn thời điểm là nhằm dụng ý nghệ thuật rõ nét, bố cục đầu cuối tương ứng.  Một con người đầy tâm trạng suy tư trở về quê trong một buổi chiều khi hoàng hôn buông xuống trên một chiếc thuyền dưới bầu trời vàng úa, và cũng rời xa quê vào buổi chiều khi hoàng hôn buông xuống trên một chiếc thuyền, khi những dãy núi xanh sẫm lại…cách sử dụng thời gian không gian nghệ thuật độc đáo.  ? Trên thuyền cảm xúc và suy nghĩ của tôi được thể hiện qua chi tiết nào?  ? NhËn xÐt g× vÒ t©m tr¹ng ®ã.  ? V× sao nh©n vËt T«i l¹i cã t©m tr¹ng ®ã.  - Cè h­¬ng kh«ng cßn trong lµnh, ®Ñp ®Ï Êm ¸p nh­ x­a n÷a mµ b©y giê chØ cßn mét cè h­¬ng x¬ x¸c, nghÌo hÌn, xa l¹ tõ c¶nh vËt ®Õn con ng­êi.  ? Khi rêi cè h­¬ng nh©n vËt T«i ®· mong ­íc ®iÒu g×  ? Theo em, “Mét cuéc ®êi míi” nh­ trong mong ­íc cña nh©n vËt T«i lµ mét cuéc ®êi nh­ thÕ nµo.  ? Trong ­íc m¬ ®ã của nh©n vËt T«i xuÊt hiÖn mét c¶nh t­îng nµo.  ? Chi tiết đó có ý nghĩa gì?  ? Trªn ®­êng rêi cè h­¬ng, ý nghÜ cuèi cïng cña nh©n vËt T«i lµ g×.  **HS thảo nhóm theo bàn**  ? Câu văn có hàm ý gì  ? Hình ảnh “Con đường” cần được hiểu như thế nào?  - Con đường sông, đường thủy --> (nghĩa đen): đi mãi cũng thành đường thôi. Đó là con đường mà tôi và cả gia đình đang đi.  + Con đường cho cả dân tộc Trung Hoa xây dựng, đổi mới, đó là niềm hy vọng của các nhà văn về một ngày mai tươi sáng đối với cả dân tộc (nghĩa bóng).  =>VÊn ®Ò ®Æt ra: X©y dùng nh÷ng cuéc ®êi míi, nh÷ng con ®­ưêng míi tèt ®Ñp h¬n cho t­ư¬ng lai. Hi väng vµo thÕ hÖ trÎ lµm thay ®æi quª hư­¬ng.  - Còng nh­ nh÷ng con ®­êng trªn mÆt ®Êt, mäi thø trong cuéc sèng nµy kh«ng tù cã s½n, nh­ng nÕu muèn b»ng cè g¾ng vµ kiªn tr× con ng­êi sÏ cã tÊt c¶.  GV: Hình ảnh con đường là biểu tượng khái quát triết lý về cuộc sống con người hiện tại đến tương lai...hp con người không tự nhiên mà có, do chính con người tự thân hành động… người đi mãi, góp phần tạo dựng nên.  ? Như vậy hình ảnh con đường có ý nghĩa gì  ? Qua ®ã béc lé t­ t­ëng, t×nh c¶m nµo víi cè h­¬ng.  Hs trao đổi. Đại diện của 1 nhóm trình bày,  - Các nhóm còn lại phản biện  -GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng  **HĐ Tæng kÕt.**  \* Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm NT và giá trị ND văn bản.  \* HĐ nhóm : 4 nhóm  GV giao nhiệm vụ :  Nhóm 1  ? NhËn xÐt g× vÒ c¸ch kÓ chuyÖn cña t¸c gi¶.  Nhóm 2  ? Qua c©u chuyÖn em c¶m nhËn ®­îc nội dung g×. (Bøc tranh lµng quª nh­ thÕ nµo? t×nh c¶m, t©m tr¹ng víi lµng quª, hiÖn thùc x· héi bÊy giê)  Nhóm 3  ? Qua c©u chuyÖn em hiÓu g× vÒ Lç TÊn ­íc väng ®æi ®êi cho quª h­¬ng cña «ng.  Nhóm 4  ? ¦íc väng ®æi míi cho cè h­¬ng cã thµnh hiÖn thùc trªn ®Êt n­íc Trung Quèc ngµy nay kh«ng.   * Häc sinh th¶o luËn. * đại diện của 1 nhóm trình bày, * Các nhóm còn lại phản biện   GV chốt chuẩn kiến thức và kĩ năng | **Néi dung cần đạt**  **I. T×m hiÓu chung**  **1. T¸c gi¶:** (1881 – 1936) lµ nhµ v¨n næi tiÕng cña Trung Quèc.  -Lµ danh nh©n v¨n ho¸ thÕ giíi.  - ông để lại một số lượng các tác phẩm rất đồ sộ ( 17 tập văn và 2 tập truyện ngắn )  **2. T¸c phÈm:** Lµ mét trong nh÷ng truyÖn ng¾n tiªu biÓu cña tËp “Gµo thÐt” n¨m 1923.  (Sau 20 n¨m nh©n vËt T«i trë vÒ th¨m l¹i lµng cò. So víi ngµy tr­íc c¶nh vËt vµ con ng­êi n¬i ®©y thËt tµn t¹, nghÌo hÌn mang nçi buån th­¬ng, nh©n vËt T«i vÒ cè h­¬ng ®Ó b¸n nhµ vµ ®­a c¶ gia ®×nh ®i sinh sèng n¬i kh¸c víi ­íc väng cuéc sèng lµng quª sÏ thay ®æi.)  **-** KiÓu lo¹i: truyện ngắn  - Tù sù + miªu t¶ + biÓu c¶m +lËp luËn.  - Ng«i kÓ: thø nhÊt.  T«i, nh©n vËt TÊn trong truyÖn  **- Bè côc: 3 ®o¹n.**  + §1: Tõ ®Çu -> “T«i ®ang lµm ¨n, sinh sèng” nh©n vËt T«i trªn ®­êng trë vÒ quª cò.  + §2: TiÕp: “S¹ch tr¬n nh­ quÐt” nh©n vËt T«i trong nh÷ng ngµy ë quª.  + §3: Cßn l¹i : Nh©n vËt T«i trªn ®­êng rêi quª.  -->Theo tr×nh tù thêi gian.  -Nhân vật trung tâm: “tôi”; nhân vật chính: “Nhuận Thổ”  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Nhân vật Tôi ở quê**  \* Cảnh làng quê  - Sáng tinh mơ.  - Trên mái ngói, mấy cọng rơm khô phất phơ.  - Các gia đình đã dọn đi nhiều, càng hiu quạnh.  -> Hoang vắng, hiu quạnh, gợi cảm giác buồn.  Là bức tranh làng quê ảm đạm, héo hon, làm rõ tình cảnh sa sút của XH TQ đầu thế kỉ XX.  **\* NhuËn Thæ:**  \* NhuËn Thæ – thêi qu¸ khø.  - Mét vÇng tr¨nng trßn vµng th¾m treo l¬ löng ..b·i c¸t bªn bê biÓn trång toµn d­a hÊu.  - Mét ®øa bÐ tr¹c 11 – 12 tuæi cæ ®eo vßng b¹c, tay l¨m l¨m cÇm ®inh ba...  - > kÓ+ miªu t¶  -> §ã lµ c¶nh t­îng s¸ng sña – dÊu hiÖu cña cuéc sèng thanh b×nh, h¹nh phóc.  - Suýt soát tuổi tôi  - Khu«n mÆt trßn trÜnh, da b¸nh mËt ®Çu ®éi mò l«ng chiÕn bÐ tÝ tÑo, cæ ®eo vßng b¹c s¸ng bãng.  - ThÊy ai lµ bÏn lÏn.  - BÇy chim sÎ tµi l¾m, biÕt nh×n chuyÖn l¹ lïng l¾m.  - người ở, anh - em  **-->**Kh«i ng«, khoÎ m¹nh, hån nhiªn, hiÓu biÕt, nhanh nhÑn, gÇn gòi vµ giàu t×nh c¶m**.**  \* NhuËn Thæ – sau 20 n¨m.  - Da vµng s¹m, nÕp nh¨n s©u ho¾m.  - Mi m¾t viÒn ®á hóp mäng.  - §éi chiÕc mò l«ng chiªn r¸ch t­¬m.  - MÆc chiÕc ¸o b«ng máng dÝnh.  - Ng­êi co ro cóm róm.  - Bµn tay th« kÖch nÆng nÒ, nøt nÎ.  - D¸ng ®iÖu cung kÝnh chµo.: bẩm ong  - Xin tÊt c¶ nh÷ng ®èng tro.  ->NT miªu t¶ +biÓu c¶m +b×nh luËn  -> NghÖ thuËt so s¸nh t­¬ng ph¶n.. Nhân vật hiện lên chủ yếu qua ngoại hình,lời nói cử chỉ.  -> Thay ®æi toµn diÖn  -> Già nua, tiều tuỵ và hèn kém. Xa cách (Phân biệt giai cấp)  -> Nhuận Thổ tiêu biểu chonhững con người sống mòn mỏi nhu nhược trong xã hội phong kiến TQ  --> Chế độ phong kiến đầu XX:  Thực trạng đau buồn của xã hội phong kiến TQ do các thế lực bạo tàn đã đẩy người nông dân vào bần cùng.  Tình trạng mụ mẫm, thái độ cam chịu số phận của ng­ười nông dân Trung Quốc nói chung.  ->PhÈm chÊt quý b¹n gi÷ nguyªn. Đó là nét phẩm chất đáng quý của người nông dân.  -> Xãt th­¬ng, bÊt lùc, c¨m ghÐt.  -> Niềm tin vào bản chất tốt đẹp của con người  **\* Cảm xúc của nhân vật tôi**  - Tôi như điếng người ...  -> Buồn , đau đớn, bất lực.  **2. Nh©n v©t T«i rêi cè h­¬ng.**  - Chiều hoàng hôn.  - Lµng t«i kh«ng chót l­u luyÕn, v« cïng lÎ loi, ngét ng¹t.  - Hình ảnh đứa trẻ ...mờ nhạt.  -> Buån, xa l¹, không chút luyến tiếc khi rời quê.  - Mong: Cho c¸c thÕ hÖ con ch¸u kh«ng cßn; kh«ng bao giê ph¶i , kh«ng ph¶i vÊt v¶, ch¹y v¹y, khèn khæ, ®Çn ®én nh­ NhuËn Thæ.  - Ph¶i cã cuéc ®êi míi, mét cuéc ®êi mµ chóng t«i ch­a tõng ®­îc sèng.  -> Lµng qª t­¬i ®Ñp, víi cuéc sèng míi t­¬i ®Ñp trong ®ã con ng­êi sèng víi nhau tö tÕ vµ th©n thiÖn.  - Mét c¸nh ®ång c¸t, mµu xanh .. bê biÓn, vßm trêi xanh ®Ëm, vÇng tr¨ng trßn vµng th¾m.  -> ¦íc mong cuéc sèng yªn b×nh, Êm no cho lµng quª.  + ý nghÜ: Trªn mÆt ®Êt vèn lµm g× cã ®­êng. Ng­êi ta ®i m·i th× thµnh ®­êng th«i.  -> đã là hi vọng chưa biết đâu là thực đâu là hư, nhưng nếu cố gắng thực hiện thì có đạt được.  - >Biểu cảm, nghị luận  -> Thøc tØnh ng­êi d©n: Kh«ng cam chÞu cuéc sèng nghÌo hÌn, ¸p bøc.  - Tin t­ëng ë thÕ hÖ sau sÏ më ®­êng ®Õn Êm no, h¹nh phóc cho quª h­¬ng.  -> BiÓu hiÖn cña mét t×nh yªu quª h­¬ng míi mÎ vµ m·nh liÖt.  **III. Tæng kÕt.**  - NghÖ thuËt: TruyÖn kÓ ®Ëm chÊt håi ký, tr÷ t×nh, giäng ®iÖu buån man m¸c, c¸ch so s¸nh, ®èi chiÕu gi÷a hiÖn t¹i vµ qu¸ khø, s¸ng t¹o nh÷ng h×nh ¶nh biÓu t­îng cã tÝnh triÕt lý (con ®­êng).  - Néi dung: Thông qua việc t­ường thuật chuyến về quê lần cuối của nhân vật “Tôi”, những rung cảm của “Tôi” tr­ước sự thay đổi của quê h­ương, đặc biệt là của Nhuận Thổ, tác giả đã phản ánh hiện trạng của xã hội phong kiến Trung Quốc đồng thời đặt ra vấn đề đ­ường đi của ngư­ời nông dân, của toàn xã hội để mọi người suy ngẫm.  - Ph¶i am hiÓu cuéc sèng cña lµng quª, ph¶i cã tÊm lßng ch©n thµnh, tha thiÕt víi quª h­¬ng.  - Ph¶i kÕt hîp nhiÒu ph­¬ng thøc biÓu ®¹t trong kÓ chuyÖn.  **IV. Luyện tập** |

**HĐ 3: luyện tập** (5’)

\*Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của bài

HT: Hoạt động cá nhân.

GV nêu câu hỏi thảo luận - luyện tập:

? Nếu viết về làng quê của mình em sẽ học được gì trong cách kể chuyện của nhà văn.

? Em sẽ mong ước gì cho làng quê của mình trong thời đại ngày nay.

HS suy nghĩ trả lời ngay trên lớp sau đó GV bổ sung và định hướng HS đến kiến thức và kĩ năng đã đặt ra ở mục tiêu bài học.

Bước 2 : Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.

Bước 4 : Dự kiến sản phẩm

**Hoạt động 4- 5: Vận dụng, mở rộng** ( Về nhà). (1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Sưu tầm nhưngc bài thơ, bài hát về quê hương.

? Cảm nhận của em về tình yêu quê hương trong lòng mỗi người.

? Vẽ bức tranh quê hương em.

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Học bài và làm bài tập còn lại

- Soạn bài : Ôn tập tập làm văn

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 80 TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

Ngày soạn: 25/11/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu bài dạy:**

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức về văn bản tự sự kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm

- Qua tiết trả bài đánh giá kết quả của học sinh, giúp học sinh thấy được những ưu điểm và nhược điểm của bài làm để từ đó phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm

- Giúp học sinh tích hợp tốt các phần: Tiềgs Việt và văn bản trong bài viết.

2. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng dùng từ, diễn đạt, trình bày.

3. Thái độ: Giáo dục tinh thần tự giác, học tập nghiêm túc.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực giao tiếp: nghe, đọc, viết

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực tạo lập văn bản

**II. Chuẩn bị**

1. GV: - Chấm bài, nhận xét ưu – nhược điểm của học sinh

- Chọn một số bài khá, một số bài yếu của học sinh làm tư liệu.

2. HS: Xem lại yêu cầu của bài văn

**III. Tiến trình bài dạy:**

1.Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong giờ

3.Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - Mục tiêu :HS củng cố, khắc sâu kiến thức cũ, tạo tình huống, tâm thế gây hứng thú cho HS;  - Hình thức: Hoạt động cá nhân  Bước 1: giáo viên cho học sinh nhắc lại  Yêu cầu của bài Kể chuyện tưởng tượng  Bước 2,3: HS nhớ lại kiến thức và trả lời  Bước 4: GV chốt lại  **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng:**  1. Hướng dẫn tìm hiểu yêu cầu của đề  - Hình thức: Hoạt động nhóm  - Kĩ năng DH: Đặt câu hỏi, chia nhóm  Bước 1: GV chép đề bài lên bảng  Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong " Bài thơ vềtiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.  - Phương tiện: phiếu học tập  - Yêu cầu: HS quan sát đề bài trên bảng  Và thực hiện các câu hỏi:  ? Đề bài yêu cầu gì về nội dung?  ? Về thể loại cần đảm bảo những yêu cầu nào?  ? Hình thức cần đạt yêu cầu gì?  Bước 2: HS quan sát đề bài , thảo luận từng câu hỏi  Bước 3: các nhóm lần lượt trả lời từng yêu cầu, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét các nhóm. Chốt lại  2.Hướng dẫn xây dựng dàn bài:  - Hình thức: hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: chia nhóm  Bước 1: Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm một bàn  -Thời gian: 8p  -Phương tiện: Phiếu học tập  -Yêu cầu: Xây dựng dàn ý cho từng phần  Bước 2: học sinh thực hiện yêu cầu  Bước 3: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV chốt lại  **II. Nhận xét ưu, nhược điểm**  - Hình thức: Hoạt động cá nhân  - Kĩ thuật: giảng giải  Bước 1: Gv: Nhận xét các ưu, nhược điểm của HS  Bước 2: HS: Nghe, nhận xét của GV  Bước 3: HS: Biết nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của bài viết của bản thân  Bước 4; GV yêu cầu HS rút kinh nghiệm từ bài viết cho bài viết sau. Sau đó đánh giá kết quả của bài viết  **Hoạt động 3: Luyện tập**  - Hình thức: Hoạt động cá nhân  GV: Chọn một số bài viết tốt và một số bài viết yếu. Gọi học sinh đọc  HS: nghe bạn đọc  HS: Bình , nhận xét các bài đó  GV: Chốt lại.  - HS trao đổi bài cho nhau. Sửa lỗi.  **Hoạt động 4: vận dụng:** Hướng dẫn sửa lỗi sai  - Hình thức: hoạt động cá nhân.  Bước 1: GV: Trả bài cho học sinh, yêu cầu học sinh tự trao đổi bài và sửa các lỗi chính tả, diễn đạt  ? Viết lại các đoạn văn trong bài sau khi đã nhận xét.  Bước 2, 3 HS: Nhận bài, đổi bài cho nhau để sửa lỗi  Bước 4: Rút kinh nghiệm cho học sinh tránh các lỗi mắc phải.  **Gv củng cố thêm phương pháp làm bài văn tưởng tượng**  **GV lấy điểm vào sổ** | **I. Đề bài**  **Đề bài:** Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong " **Bài thơ vềtiểu đội xe không kính**" của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.  1. Kiểu bài: Kể chuyện tưởng tượng  2. Nội dung: câu chuyện với 1 người chiến sĩ lái xe trong bài thơ… của Phạm Tiến Duật  + Hoàn cảnh cuộc gặp  + Miêu tả người chiến sĩ  + Nội dung cuộc trò chuyện  + Chia tay  + Cảm nghĩ của người kể chuyện  3. Hình thức:  - Bài nghị luận bố cục rõ ràng 3 phần: MB, TB, KB  - Làm đúng kiểu bài văn tự sự (tưởng tượng) kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm.  - Kiến thức trong văn bản tự sự: nhân vật + sự việc + ý nghĩa  - Lời văn rõ ràng, trong sáng, biểu cảm, triết lí  - Kết hợp yếu tố miêu tả (ngoại hình, nội tâm) + NL  - Ngôi kể thứ nhất.  4. Dàn bài chung  A. MB:  - Giới thiệu hoàn cảnh cuộc gặp gỡ  B.TB:  - Miêu tả ngoại hình người chiến sĩ, chiếc xe  - Diễn biến cuộc gặp gỡ, trò chuyện  - Nội dung câu chuyện nói về: chiến tranh, hi sinh, mơ ước hoà bình, lời nhắn nhủ  - Suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với anh chiến sĩ, về cuộc chiến tranh, về tương lai đất nước.  C. KB: - Chia tay người chiến sĩ  - Bài học về lẽ sống, niềm tin, tình yêu quê hương đất nước, tình yêu lứa đôi…  **II. Nhận xét chung:**  a. Ưu điểm:  - Xác định đúng kiểu bài tự sự dạng kể chuyện tưởng tượng  - Bố cục rõ ràng  - Kiến thức cụ thể, sinh động, chân thực, cảm xúc  - Lời văn trong sáng, biểu cảm có kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm  - Nhiều bài trình bày sạch, chữ đẹp  b. Nhược điểm:  - Một số bài viết sơ sài, ý tưởng lủng củng. Buổi gặp gỡ và chia tay chưa để lại ấn tượng  - Kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm còn gượng  - Viết tắt, viết sai lỗi chính tả  **III. Gv đọc bài học sinh**  **IV. Giáo viên chữa lỗi, trả bài, đọc bài**  Giáo viên chữa mẫu  1. Các anh chiến sĩ lái xe đã không quản nắng mưa, bom đạn, bất chấp khó khăn, sẵn sàng vượt khổ lao ra tiền tuyến  - Chữa: Trong màn mưa bom bão đạn, các anh bất chấp hiểm nguy tiến về miền Nam vì mục tiêu giải phóng đất nước.  2. Chúng em kính trọng các anh, nguyện noi gương các anh, nguyện học tập tốt  - Chữa: Noi gương các anh, viết tiếp trang sử vàng của dân tộc, chúng em nguyện học tập thật tốt mai này xây dựng quê hương. |

**\* Hoạt động 5 : Mở rộng**( 1’)

- Mục tiêu: Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học

? Về nhà tập sáng tác thơ về người lính trong chiến tranh

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Ôn tập tập làm văn

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tuần 17- 18**

**Tiết 81 TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT- BÀI KIỂM TRA VĂN.**

Ngày soạn: 2/12/2018

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức: Học sinh đối chiếu bài làm của mình với yêu cầu, đáp án của giáo viên.Từ đó sửa chữa và tự rút kinh nghiệm cho mình.

2. Kĩ năng: Rèn kĩ năng sửa lỗi sai, bổ sung kiến thức.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức tự giác học tập, sửa lỗi sai và bổ sung kiến thức còn thiếu cho bài của mình.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

**II. Chuẩn bị**

1. Thầy: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ư­u và như­ợc điểm trong bài viết của học sinh.

2. Trò: Tìm hiểu lại các đề đã làm

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Bài mới

**Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1** : **Tìm hiểu đề, Đáp án**  \*PP**:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.  \*KT : Đặt câu hỏi  -GV yêu cầu học sinh đọc lại đề kiểm tra Tiếng Việt  Bước 1: GV chép đề bài lên bảng  Bước 2: HS quan sát đề bài , thảo luận từng câu hỏi  Bước 3: các nhóm lần lượt trả lời từng yêu cầu, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét các nhóm. Chốt lại  Bước 1: Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ  Thời gian: 8p  -Phương tiện: Phiếu học tập  -Yêu cầu: Xây dựng nội dung cho từng câu hỏi  Bước 2: học sinh thực hiện yêu cầu  Bước 3: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV chốt lạ  GV trả bài cho học sinh  GV cho HS đọc bài của mình. Sau đó cho các em tự nhận xét  Cuối cùng GV tổng hợp nhận xét chung  **\*Hoạt động 3 vận dụng**  **-** Sửa lại các lỗi trong bài kiểm tra  -GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai điển hình  -GV đư­a ra một số những lỗi sai diễn đạt và gọi HS lên bảng chữa  -> GV nhận xét chỉnh sửa  GV cho HS đọc mỗi đề một bài làm tốt | **I. Tìm hiểu đề, Đáp án**  **1. Đề bài**  Câu 1: Bài thơ '' Bếp lửa'' của Bằng Việt có những câu thơ sau :  Vẫn vững lòng ... bình yên''  a. Đây là lời của ai nói với ai ?  b. Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn nào mà em đã học?  c. ở đây người nói đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Tại sao ?  d. Tìm các từ ngữ xưng hô ? Từ ngữ xưng hô đó biểu thị sắc thái gì?  Câu 2: Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng :  “ Biển cho ta ... buổi nào”  ( Đoàn thuyền đánh cá- Huy Cận)  Câu 3 : Viết một đoạn văn có nội dung liên quan đến ý kiến sau. Trích dẫn ý kiến đó theo cách dẫn trực :  Dù phải khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt  (HCM -Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới, 15/10/1968)  **2.Đáp án và biểu điểm**  Câu 1 : (3đ)  a , Đây là lời của bà nói với cháu (0,5đ)  b, Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp ( o,5đ)  c, Vi phạm phương châm hội thoại về chất. Do bà ưu tiên một yêu cầu khác quan trọng hơn là muốn các con yên tâm kháng chiến ( 1đ)  d, Bà, cháu, mày -> sắc thái thân mật, suồng sã (1đ)  Câu 2 : (2đ)  - Biện pháp so sánh  - Biển ân tình, thủy chung, gắn bó với con người... -> Tình yêu biển, tự hào về biển.  Câu 3(5đ)  - Tạo lập được đoạn văn, trích theo cách trích trực tiếp  - Nội dung  đoạn văn liên quan đến lời dẫn  **II. Trả bài**  **III. Nhận xét**  \* Ưu điểm:  + HS hiểu và làm đúng yêu cầu của đề bài  + Trong quá trình làm đã tích hợp vận dụng phân môn này phục vụ phân môn khác  + Trả lời rõ ràng ngắn gọn  + Nhiều bài văn viết tốt  \* Như­ợc điểm:  + Một số bài trả lời không đúng câu hỏi, thiếu khoa học, làm thừa hoặc thiếu ý cần trả lời  + Sai nhiều lỗi chính tả  + Một số bài diến đạt còn chưa lưu loát  **IV. Chữa lỗi sai điển hình:**  **1. Chính tả:**   |  |  | | --- | --- | | Tiếng Việt | | | Lỗi sai | Sửa lại | | p/trâm  no/nắng  nửa  s­ưng hô  chực/tiếp. . . | p/châm  lo/lắng  lửa  xư­ng/hô  trực/tiếp. . . |   **2. Diễn đạt:**  - ... sử dụng dấu 2 chấm để ngăn cách vật đư­ợc dẫn -> dấu hai chấm đ­ược dùng tr­ước lời dẫn ...  - ... mặc dù là làng là một vùng đất của chúng ta -> làng là nơi ta sinh sống, ...  **V. Đọc bài làm tốt** |

**BÀI KIỂM TRA VĂN HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1** : **Tìm hiểu đề, Đáp án**  \*PP**:** Gợi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.  \*KT : Đặt câu hỏi  -GV yêu cầu học sinh đọc lại đề kiểm tra văn  Bước 1: GV chép đề bài lên bảng  Bước 2: HS quan sát đề bài , thảo luận từng câu hỏi  Bước 3: các nhóm lần lượt trả lời từng yêu cầu, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV nhận xét các nhóm. Chốt lại  Bước 1: Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ  -Phương tiện: Phiếu học tập  -Yêu cầu: Xây dựng nội dung cho từng câu hỏi  Bước 2: học sinh thực hiện yêu cầu  Bước 3: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung cho nhau  Bước 4: GV chốt lại  GV trả bài cho học sinh  GV cho HS đọc bài của mình. Sau đó cho các em tự nhận xét  Cuối cùng GV tổng hợp nhận xét chung  **\*Hoạt động : vận dụng**  **-** Sửa lại các lỗi trong bài kiểm tra  -GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai điển hình  -GV đư­a ra một số những lỗi sai diễn đạt và gọi HS lên bảng chữa  -> GV nhận xét chỉnh sửa  GV cho HS đọc mỗi đề một bài làm tốt | **I. Tìm hiểu đề, Đáp án**  **1. Đề bài**  Câu 1: Cho đoạn thơ sau  Thuyền ta lái gió cùng buồm trăng  Lướt giữa mây cao và biển bằng  Ra đậu dặm xa dò bụng biển  Dàn đan thế trận lưới vây quanh .  a.Hãy chỉ ra những từ chép sai trong đoạn thơ trên và sửa lại cho đúng ?  b.Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm có đoạn thơ mà em đã sửa ?  Câu 2: Em hiểu gì về tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống truyện “ Chiếc lược ngà”?  Câu 3 : Cảm nhận của em về đoạn thơ sau và nêu suy nghĩ về tinh thần đoàn kết trong cuộc sống ngày nay  Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh  Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi  Áo anh rách vai  Quần tôi có vài mảnh vá  Miệng cười buốt giá  Chân không giày  Thương nhau tay nắm lấy bàn tay  ( Đồng chí – Chính Hữu)  **2.Đáp án và biểu điểm**  Câu 1( 2đ)  a. Xác định được những từ chép sai và sửa lại đúng  b. Hoàn cảnh:1958 in trong tập trời mỗi ngày lại sáng.Là kết quả của chuyến đi thực tế ở vùng hòn Gai Cẩm Phả QN  Câu 2(3 điểm).Trình bày được tình huống truyện   * Tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí * Tác dụng : + Thể hiện tình yêu cha mãnh liệt của bé Thu   + Thể hiện tình yêu con sâu sắc của ông Sáu  Câu 3(5đ)  \* Kĩ năng:  - Bố cục đủ 3 phần (MB, TB, KB)  - Diễn đạt lưu loát , Luận điểm rõ ràng  - Dùng từ thích hợp , không sai chính tả ...  \* Kiến thức:  LĐ : Sức mạnh của tình đồng chí được tạo lên bởi họ cùng nhau chia sẻ những gian lao nơi chiến trường  - Người lính cùng nhau trải qua những cơn sốt rét rừng   * Trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp , bộ đội ta phải chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn , thiếu thốn ... * Miệng cười buốt giá : tinh thần lạc quan , coi thường mọi gian khổ của người lính cụ Hồ * Thương nhau : Tình cảm yêu thương , gắn bó... * Tay nắm lấy bàn tay : Cái nắm tay để động viên nhau , truyền cho nhau hơi ấm sức mạnh...   -> Tình đồng chí chân thành mà thiêng liêng cao đẹp . Tình đồng đội gắn bó keo sơn  - Nghệ Thuật : Giọng thơ trầm lắng, hình ảnh thơ chân thực mà giàu sức biểu cảm , NT liệt kê, ngôn ngữ giản dị và cô đọng ...  Liên hệ tinh thần đoàn kết trong cuộc sống  Tinh thần đoàn kết là sức mạnh là truyền thống quý báu của cha ông để lại và được thế hệ sau nối tiếp.Phát huy truyền thống ấy nhân dân ta ngày nay đã cùng nhau xây dựng đất nước phát triển king tế văn hóa và hội nhập với quốc tế.  Khi có thiên tai dịch bẹnh, lũ lụt, người dân cả nước ủng hộ quyên góp sức người sức của khôi phục cuộc sống của người dân trong cả nước.  Xây dựng khối đoàn kết trong dân cư ngăn chặn các thế lực thù địch chống phá bảo vệ nền độc lập chủ quyền biển đảo quê hương.  **II. Trả bài**  **III. Nhận xét**  \* Ưu điểm:  + HS hiểu và làm đúng yêu cầu của đề bài  -Đọc hiểu tốt  + Trong quá trình làm đã tích hợp vận dụng phân môn này phục vụ phân môn khác  + Trả lời rõ ràng ngắn gọn  + Nhiều bài văn viết tốt  \* Như­ợc điểm:  + Một số bài trả lời không đúng câu hỏi, thiếu khoa học, làm thừa hoặc thiếu ý cần trả lời  + Sai nhiều lỗi chính tả  + Một số bài diến đạt còn chưa lưu loát  **IV. Chữa lỗi sai điển hình:**  **1.Chính tả:**   |  |  | | --- | --- | | Văn | | | Lỗi sai | Sửa lại | | nàng  v/chán  lắm(btay  sung đột  c/truyện  . . . | làng  . . . v/ trán  n nắm  xung/...  chuyện  . . . |   **2. Diễn đạt:**  - ... mặc dù là làng là một vùng đất của chúng ta -> làng là nơi ta sinh sống, ... |

**Hoạt động 4 -5: Vận dụng, mở rộng**

Mục tiêu: Khắc sâu và mở rộng kiến thức

- Học bài, ôn lại kiến thức phần Tiếng Việt và Văn học

**\* Dặn dò :**

- Soạn bài : Ôn tập tập làm văn

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 82- 83 ÔN TÂP TẬP LÀM VĂN**

Ngày soạn: 2/12/2018

Ngày dạy:

**I. Mục tiêu cần đạt**

1.Kiến thức:

-Giúp học sinh hiểu được bức tranh ảm đạm của một vùng quê nghèo khổ, tàn tạ…. Tinh thần phê phán xã hội cũ, nỗi buồn thương và niềm hy vọng cho cuộc đổi đời của quê hương.

-Kể chuyện từ ngôi thứ nhất bằng giọng điệu chân thành, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt trong phản ánh hiện thực và xây dựng tính cách nhân vật là những nét nổi bật của truyện ngắn này

-Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.

-Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện Cố hương.

-Những đóng góp của Lỗ Tấn vào nền văn học Trung Quốc và văn học nhân loại.

2.Kĩ năng:

-Đọc hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.

-Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

-Kể tóm tắt được truyện.

3.Thái độ:

-Giáo dục tình yêu quê hương đất nước con người.

-GDMT: Liên hệ. Môi trường xã hội và sự thay đổi của con người.

4. Định hướng năng lực

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

- Năng lực học nhóm

**II.Chuẩn bị**

1. Giáo viên: Thiết kế bài dạy, văn bản Cố hương

2. Học sinh:Soạn bài theo câu hỏi SGK và theo yêu cầu của GV.

**III. Tiến trình lên lớp**

1.Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ

3. Dạy bài mới

**\* Hoạt động 1: khởi động**( 5’)

- Mục tiêu :HS củng cố, khắc sâu kiến thức cũ, tạo tình huống, tâm thế gây hứng thú cho HS;

B1. GV nêu yêu cầu: Hình thức hđ cá nhân,cặp đôi.

? Trong chương trình văn 9 kì 1 em đã học những thể loại văn nào.

? Các thể loại văn đó có tác dụng như thế nào trong đời sống hiện nay

B2: học sinh chuẩn bị câu trả lời

B3: HS trình bày câu trả lời.

B4. HS trình bày xong, thiếu hoặc chưa sâu, chưa rõ ràng. GV dẫn dắt vào bài:

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ2.1:Tìm hiểu kiến thức trọng tâm của 2 kiểu văn bản:Thuyết minh vả tự sự.**  Hoạt động nhóm.  Bước 1: Gv chia Hs theo nhóm, mỗi dẫy bàn là 1 nhóm.  Nhóm 1: Câu hỏi 1,2  Nhóm 2: Câu hỏi 3,4  Nhóm 3: Câu hỏi 5,6  Bước 2: học sinh nhận phiếu học tập (các câu hỏi theo sgk), thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ xung, nhận xét  Bước 4: GV chốt ý  Thảo luận cặp đôi 2 phút  HS đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  “Gia đình mai vàng chúng tôi là biểu tượng cho ngày tết cổ truyền ở đất phương Nam. Nếu có dịp về vùng quê Nam Bộ vào những ngày tết, các bạn sẽ dễ dàng bắt gặp sắc vàng rực rỡ của chúng tôi. Tuỳ theo ngày bứt lá của gia chủ mà đến ngày 29, 30 tháng chạp và đặc biệt là ngày mồng một tết là anh em nhà mai chúng tôi nở rộ, điểm tô sắc xuân của đất trời. Từ những búp hoa nõn nà, chúng tôi bung nở ra những cánh hoa vàng tươi thắm. Hoa mai chúng tôi thường có năm cánh. Nhưng cũng có sáu cánh, tám cánh… và đến cả trăm cánh nữa đấy. “Sắc mai tươi sáng, hương hoa nhẹ nhàng” là nhận xét của tổ tiên ta từ thuở mang gươm đi mở cõi. Xuân về, tết đến, không chỉ khoe sắc khoe hương trước sân nhà mà chúng tôi còn là hoa trưng trên bàn thờ tổ tiên, mang lại niềm ước mơ một năm an lành may mắn cho mọi nhà.  ?Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để giới thiệu về hoa mai vàng? (tự thuật theo lối nhân hóa)  ?Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn văn? (Từ những búp hoa nõn nà, chúng tôi bung nở ra những cánh hoa vàng tươi thắm. Hoa mai chúng tôi thường có năm cánh. Nhưng cũng có sáu cánh, tám cánh… và đến cả trăm cánh nữa đấy. “Sắc mai tươi sáng, hương hoa nhẹ nhàng”)  ?Vai trò của yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh?( giúp cho việc thuyết minh thêm cụ thể, sinh động, hấp dẫn và làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng)  - GV: cần chú ý khi kết hợp các yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật vào bài văn thuyết minh phải hợp lí, tránh lạm dụng, việc sử dụng các phương pháp thuyết minh để cung cấp kiến thức khách quan là quan trọng  **HS thảo luận cặp đôi: đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:**  “Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa lòng họ… Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:  - Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: Lão vừa xin tôi một ít bả chó…  Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm:  - Lão bảo có con chó nhà nào, cứ đến vườn nhà lão… Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng lão với tôi uống rượu.  Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết. Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên luỵ đến hàng xóm, láng giềng… Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời này quả thật cứ mỗi ngày thêm một đáng buồn. (Nam Cao, Lão Hạc).  ?Chỉ ra các câu có yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm?  ?Vai trò của các yếu tố này? Trong đoạn văn và trong văn bản tự sự nói chung?  ?Cách thực hiện?  Hs hoạt động cá nhân, cặp đôi.  ? So sánh điểm giống nhau và khác nhau của văn bản tự sự lớp dưới ( 6, 7, 8 ) với nội dung văn bản tự sự lớp 9?  HS: So sánh rút ra nhận xét  GV: Chốt lại kiến thức  Hoạt động cá nhân.  ? Vì sao trong văn bản tự sự có các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà người ta vẫn gọi đó là văn bản tự sự?  HS: Dựa vào kiến thức đã học để giải thích  GV: Lấy thêm các ví dụ minh họa  GV: Hướng dẫn học sinh kẻ bảng theo cột và điền khả năng kết hợp của các văn bản với các phương thức biểu đạt  - Giải thích vì sao các văn bản tự sự đã được học từ lớp 6 đến lớp 9 thường không có bố cục ba phần, còn bài văn tự sự của học sinh lại bắt buộc đủ ba phần?  HS: Giải thích  GV: Phân tích rõ lí do  - Những kiến thức và kĩ năng về kiểu bài tự sự của phần TLV giúp gì cho việc đọc – hiểu văn bản tương ứng?  HS: Phân tích mối quan hệ giữa hai phần  GV: Nhận xét, bổ xung  - Lấy thêm ví dụ?  ? Những kiến thức và kĩ năng về tác phẩm tự sự phần đọc -hiểu VB và phần TV tương ứng đã cung cấp cho h/s những tri thức cần thiết nào để làm bài văn tự sự | **I. Những nội dung lớn, trọng tâm** (SGK NV9 T1)  a. Văn bản thuyết minh: Trọng tâm là luyện tập việc kết hợp giữa TM với các yếu tố NL, giải thích, miêu tả.  b. Văn bản tự sự  - Sự kết hợp giữa tự sự với biểu cảm, miêu tả nội tâm  - Kết hợp giữa tự sự với nghị luận  - Một số nội dung mới trong VB tự sự như: đối thoại, độc thoại nội tâm trong tự sự; người kể chuyện và vai trò của người kể chuyện trong tự sự.  2. Vai trò, vị trí, tác dụng của biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong VB TM  - TM là giúp cho người đọc, người nghe hiểu biết về đối tượng, do đó:  + Cần phải giải thích các thuật ngữ, các khái niệm có liên quan đến tri thức về đối tượng, giúp cho người nghe, người đọc dễ dàng hiểu được đối tượng  + Cần phải miêu tả để giúp người nghe, người đọc có hứng thú khi tìm hiểu về đối tượng tránh được sự khô khan nhàm chán.  -> Các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả giúp bài văn thuyết minh thêm sinh động, hấp dẫn là nổi bật đối tượng thuyết minh  3. Phân biệt văn TM có yếu tố miêu tả, tự sự với văn miêu tả, tự sự  a. Văn thuyết minh :  - Trung thành với đắc điểm của đối tượng 1 cách khách quan KH.  - Cung cấp đầy đủ tri thức về đối tượng cho người nghe, người đọc.  b. Văn miêu tả:  - XD hình tượng, nhân vật, đối tượng qua quan sát, liên tưởng, so sánh và cảm xúc chủ quan của người viết.  - Mang đến cho người đọc, người nghe 1 cảm nhận mới về đối tượng  c. Văn tự sự: tình huống, nhân vật, cốt truyện, ý nghĩa  4. Nội dung VB tự sự ở SGK Văn 9 T1  - Nhận diện các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận đối thoại và độc thoại, người kể chuyện trong VB tự sự.  - Thấy rõ vai trò, tác dụng của các yếu tố trên trong VB tự sự.  - Kĩ năng kết hợp các yếu tố trên trong 1 VB tự sự  VD:  a. Đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm  Thực sự mẹ không lo lắng đến nỗi không ngủ được. Mẹ tin đứa con của mẹ lớn rồi. Mẹ tin vào sự chuẩn bị chu đáo của con trước ngày khai trường. Còn điều gì lo lắng nữa đâu? Mẹ không lo nhưng vẫn không ngủ được  b. Đoạn văn có sử dụng yếu tố NL  "Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh trại an ủi quân lính chớ bảo là ta không nói trước"  (Ngô Gia Văn Phái)  c. Đoạn văn tự sự có sử dụng cả miêu tả nội tâm và nghị luận.  "Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy và tôi càng buồn lắm, những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ (Lão Hạc - NC)  5. Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm:  Vai trò, tác dụng, hình thức thể hiện trong VB tự sự  a. Đối thoại là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người.  - Trong VB tự sự đối thoại được thể hiện bằng các gạch đầu dòng ở đầu lời trao và lời đáp. (Mỗi lược lời là 1 gạch đầu dòng)  b. Độc thoại là lời của 1 người nào đó, với chính mình hoặc nói với 1 ai đó trong tưởng tượng  - Trong VB tự sự, khi người độc thoại nói thành lời thì phía trước câu nói có gạch đầu dòng  c. Độc thoại nội tâm không nói thành lời, không gạch đầu dòng  6. Người kể chuyện trong VB tự sự  - Ngôi kể thứ nhất: Một đoạn trong văn bản “Cố hương”  - Ngôi kể thứ ba: Chọn một đoạn trong văn bản “Lặng lẽ Sa Pa”.  - Kể theo ngôi thứ nhất: mang tính chủ quan, người kể có thể bộc lộ tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của mình  - Kể theo ngôi thứ ba: mang tính khách quan người kể dường như biết hết mọi hành động tình cảm của các nhân vật.  7. So sánh sự giống và khác nhau  a. Giống nhau:  - VB tự sự phải có nhân vật chính, nhân vật phụ, cốt truyện: sự vật chính, sự việc phụ  b. Khác nhau:  - Ở lớp 9 có thêm  1. Sự kết hợp giữa tự sự với biểu cảm và miêu tả nội tâm.  2. Sự kết hợp giữa tự sự với các yếu tố NL  3. Đối thoại, độc thoại nội tâm  4. Người kể chuyện và vai trò của người kể chuyện trong tự sự  8. Nhận diện văn bản  a. Khi gọi tên 1 VB, người ta căn cứ vào phương thức biểu đạt chính của VB đó.  VD:  - Phương thức tái tạo hiện thực bằng cảm xúc chủ quan VB miêu tả  - Phương thức lập luận: VBNL  - Phương thức tác động vào cảm xúc: VB biểu cảm  - Phương thức cung cấp tri thức về đối tượng: VBTM  - Phương thức tái tạo hiện thực bằng nhân vật và cốt truyện: VB tự sự  b. Trong 1 VB có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn gọi đó là VB tự sự vì các yếu tố ấy chỉ có ý nghĩa bổ trợ cho phương thức chính là "kể lại hiện thực bằng con người và sự việc"  c. Trong thực tế, ít gặp hoặc không có VB nào duy nhất chỉ vận dụng 1 phương thức biểu đạt duy nhất  9. Khả năng kết hợp  - Tự sự + Mtả + NL + Bcảm + TM  - Mtả + Tự sự + bcảm + TM  - NL + Mtả + Bcảm + TM  - Bcảm + Tự sự + Mtả + NL  10 Giải thích  - Bố cục 3 phần: MB, TB, KB là bố cục bắt buộc đối với h/s khi viết bài TLV. Nó giúp cho h/s bước đầu làm quen với tư duy cấu trúc khi XDVB để sau này học cao lên có thể viết luận văn, luận án, viết sách. Muốn viết 1 VB hoàn hảo h/s phải đồng thời 3 thao tác tư duy: tư duy KH, tư duy hình tượng và tư duy cấu trúc.  b. Một số tác phẩm tự sự học từ lớp 6 → lớp 9 không phải bao giờ cũng phân biệt rõ bố cục 3 phần vì các nhà văn không bị ép buộc tính qui phạm. Điều quan trọng với họ là vấn đề tài năng và cá tính sáng tạo  11. Những kiến thức và kĩ năng về kiểu VB tự sự của phần TLV  đã soi sáng thêm rất nhiều cho việc đọc - hiểu VB - tác phẩm VH tương ứng  VD: Đoạn trích "Kiều ở lầu NB" với suy nghĩ nội tâm thấm nhuần đạo hiếu, đức hi sinh (nhớ cha mẹ)  - Đối thoại giữa Kiều - HoạnThư  - Đối thoại giữa bà chủ nhà với vợ chồng ông Hai.  12. Những kiến thức và kĩ năng về tác phẩm tự sự phần đọc -hiểu VB và phần TV tương ứng đã cung cấp cho h/s những tri thức cần thiết để làm bài văn tự sự  VD (các VB đã học)  - Học tập cách kể chuyện ngôi thứ nhất xưng tôi.  - Cách kết hợp tự sự, biểu cảm, NL với miêu tả |

**HĐ 3: luyện tập** (5’)

\*Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của bài

Bước 1: Hs thực hiện nhiệm vụ sau.

? Viết đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả, yếu tố nghị luận về nội tâm ông Hai sau khi nghe tin làng được cải chính.

Bước 2 : Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3 :Hsinh trình bày – Nhận xét.

Bước 4 : Dự kiến sản phẩm

**Hoạt động 4- 5: Vận dụng, mở rộng** ( Về nhà). (1’)

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

Những kiến thức và kĩ năng về kiểu văn bản tự sự của phần Đọc - Hiểu văn bản có tác dụng như thế nào? trong việc phân tích văn bản ?

- Giải thích tại sao văn bản sách giáo khoa không phải bao giờ cũng đủ 3 phần nhưng vẫn cho học sinh học cách viết bố cục 3 phần của văn bản .

Viết một đoạn văn có yếu tố miêu tả và yếu tố nghị luận

GV gợi ý cách làm cho HS

**\* Dặn dò :**

- Học bài và làm bài tập còn lại

- Soạn bài : Ôn tập tổng hợp

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 84- 85- 86 ÔN TẬP TỔNG HỢP**

Ngày soạn: 7/12/2018

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức:

\* Hệ thống về TV: Các phương châm hội thoại; cách phát triển của từ vựng.

 - Hiểu và xác định được: Các phương châm hội thoại, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa;

 - Hiểu và xác định được từ vựng trong văn cảnh;

 - Nắm được cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp.

 - Phân tích giá trị biểu cảm của phép tu từ từ vựng.

\* Hệ thống về VB: Các VB đã học trong kì 1

\* Hệ thống TLV: Văn tự sự

2. Kỹ năng:

- Giải nghĩa một số yếu tố Hán Việt đã học.

- Tìm thành ngữ theo yêu cầu.

3. Thái độ:

- Ôntậpkĩ để chuẩn bị cho kì thi hết HKI.

4. Các năng lực hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh

- Năng lực tự học, hợp tác.

- Năng lực giao tiếp: Nghe, nói, đọc ,viết

- Năng lực thực hành.

- Năng lực học nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo.

**II. Chuẩn bị**

- Giáo viên: giáo án + sơ đồ tư duy

- HS:Đọc kỹ bài, chuẩn bị theo yêu cầu của GV.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong giờ

3. Bài mới: GV nêu nội dung ôn tập

**Phần 1: Lí thuyết**

**1. TIẾNG VIỆT:**Trong phần tiếng việt của học kì I , các em đã đi vào tìm hiểu về các phương châm hội thoại; cách phát triển của từ vựng….Hôm nay, các em sẽ đi ôn tập để hệ thống và củng cố lại những kiến thức mà các em đã học

? Bằng hệ thống câu hỏi, GV lần lượt cho HS nhắc lại khái niệm, nội dung và tìm ví dụ cụ thể về các lọai từ, GV nhận xét, bổ sung.

**Câu 1: Các phương châm hội thoại đã học: PC về lượng, về chất, cách thức, quan hệ, lịch sự.**

(Chú ý mối liên quan giữa các phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.)

**- Phương châm về lượng:** Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiêu, không thừa.

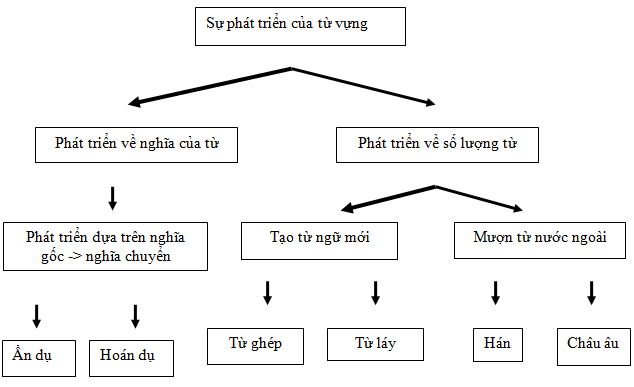
**- Phương châm về chất:**Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

**- Phương châm cách thức:** Khi giao tiếp, cần nói ngắn gọn, rành mạch; tránh nói mơ hồ.

**- Phương châm quan hệ:** Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.

**- Phương châm lịch sự:**Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.

**Câu 2: a. Lập sơ đồ hệ thống hóa các cách phát triển của từ vựng.**



**b.** - Nắm các cách phát triển của từ vựng và phương thức chuyển nghĩa;

- Xác định từ vựng trong văn cảnh

**Câu 3:**

- Thế nào là cách dẫn trực tiếp? Thế nào là cách dẫn gián tiếp? Nêu dấu hiệu nhận biết 2  cách dẫn này ?

- Nhận diện và biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp, biết tạo câu có lời dẫn.

**Câu 4**: Tổng kết từ vựng (SGK Ngữ văn 9 tập I trang 158-> 159).

**LUYỆN TẬP**

**Bài 1:  Giải nghĩa, đặt câu với các trường hợp sau. Và cho biết chúng tuân thủ hoặc vi phạm những phương châm hội thoại nào ?**

|  |  |
| --- | --- |
| - Dây cà ra dây muống   - Lời chào cao hơn mâm cỗ   - Nói có sách, mách có chứng   - Ông nói gà, bà nói vịt | - Im lặng là vàng  - Lời nói chẳng mất tiền mua,  - Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.  - Lúng búng như ngậm hột thị  - Đánh trống bỏ dùi |

**Bài 2: Xác định và phân tích giá trị** **của các biện pháp tu từ trong các trường hợp sau :**

a) Bếp lửa – Bằng Việt

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm,

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

b) Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật

Không có kính, rồi xe không có đèn,

Không có mui xe, thùng xe có xước,

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

 c) Khúc hát ru những em bé .............. của Nguyễn Khoa Điềm

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi,

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

   d) Truyện Kiều – Nguyễn Du

Thà rằng liều một thân con,

Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

e) Truyện Kiều – Nguyễn Du

Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

g) Truyện Kiều – Nguyễn Du

Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn.

Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

h) Bếp lửa – Bằng Việt

“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”

i) Ngắm trăng – Hồ Chí Minh

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

**Bài 3: Giải thích nghĩa của từ gạch chân và phân tích biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau :**

                       Đầu lòng hai ả **tố nga**,

               Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.

                       Mai cốt cách tuyết tinh thần,

                Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

(Trích: Chị em Thúy Kiều – Nguyễn Du)

**Bài 4: Chỉ ra và phân tích tác dụng của từ láy trong đoạn thơ sau:**

                  Nao nao dòng nước uốn quanh,

           Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

                  Sè sè nắm đất bên đàng,

           Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

**Bài 5: Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của những từ gạch chân trong các trường hợp sau**:

**A)**

Gần xa nô nức yến anh,

Chị em sắm sửa bộ hành chơi **xuân**.

Ngày **xuân** em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ thay lời nước non.

**B)**

Được lời như cởi tấm lòng,

Gởi kim thoa với khăn hồng trao **tay**.

Cũng nhà hành viện xưa nay,

Cũng phường bán thịt cũng **tay** buôn người.

C)

Đề huề lưng túi gió trăng,

Sau **chân** theo một vài thằng con con.

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

**Chân** mây mặt đất một màu xanh xanh.

**Bài 6: Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của các từ**: vai, miệng, chân, tay, đầu **trong đoạn thơ sau:**

Áo anh rách **vai**

Quần tôi có vài mảnh vá

**Miệng**cười buốt giá

**Chân** không giày

Thương nhau **tay** nắm lấy bàn **tay.**

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

**Đầu** súng trăng treo.

(Đồng chí – chính Hữu)

**Bài 7: Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi :**

“Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở SaPa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc: “Thế là một – hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc.”

a. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai? Nêu tình huống truyện.

b. Xác định lời dẫn trực tiếp và gián tiếp có trong đoạn trích, Nêu dấu hiệu nhận biết.

c. Tìm ít nhất bốn từ Hán Việt cấu tạo theo mô hình: không + x  (Mẫu: không quân)

**Bài 8: Chuyển các lời dẫn: ở trường hợp (a,** **b) sang cách dẫn gián tiếp và ở trường hợp (c,** **d) sang cách dẫn trực tiếp.**

a. Anh ấy bảo tôi: “Sáng mai, tôi đi Hà Nội. Bác có muốn gửi gì về nhà không ?”

b. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : “Đoàn kết là sức mạnh vô địch”.

c. Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

d. Trong cuốn sách Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc, nhà phê bình văn học Đặng Thai Mai khẳng định rằng người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.

**2. VĂN HỌC:** Trong phần văn bản của học kì I , các em đã đi vào tìm hiểu phần văn bản nhật dung. Văn học trung đại và Văn học hiện đại. Hôm nay, các em sẽ đi ôn tập để hệ thống và củng cố lại những kiến thức mà các em đã học

? Bằng hệ thống câu hỏi, GV lần lượt cho HS nhắc lại khái niệm, nội dung, GV nhận xét, bổ sung.

1. Kể tên tác phẩm văn học trung đại mà em đã học? Nêu hiểu biết về t/ giả? Hoàn cảnh sáng tác t/phẩm? Giá trị ND và NT văn bản?
2. 1. Kể tên tác phẩm văn học hiện đại mà em đã học? Nêu hiểu biết về t/ giả? Hoàn cảnh sáng tác t/phẩm? Giá trị ND và NT văn bản?

**3. Luyện tập:**

**Câu 1:**Cảm nhận về hình ảnh người lính trong 2 bài thơ “Đồng chí và Tiểu đội xe không kính”.

**Câu 2:**Cảm nhận về vẻ đẹp trong cách sống, trong tâm hồn và những suy nghĩ, việc làm của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

**Câu 3**: Cảm nhận của em về nhân vật bé Thu và tình cha con trong chiến tranh ở truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

**Câu 4**: Phân tích những hình ảnh biểu tượng : “đầu súng trăng treo” (trong bài thơ Đồng chí), “trăng” (trong bài Ánh trăng).

**3. TẬP LÀM VĂN:**

? Bằng hệ thống câu hỏi, GV lần lượt cho HS nhắc lại khái niệm, nội dung và, GV nhận xét, bổ sung.

**\*HĐ1:Ôn lí thuyết về văn bản tự sự**

? Vai trò và cách thực hiện các yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm?

**? Lập dàn bài chi tiết**

**Đề: Kể câu chuyện về tâm trạng của nhân vật ông Hai trong đoạn trích Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.**

**\* Mở bài:**

- Giới thiệu được câu chuyện định kể: Nỗi đau của ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc. ( Trước khi nghe tin và sau khi nghe tin dữ…).

**\* Thân bài:**

- Kể được diễn biến tâm trạng của ông Hai từ lúc nghe tin làng mình theo giặc cho đến khi được cải chính.

+ Bàng hoàng sững sờ

+ Xấu hổ

+ ám ảnh đâu khổ

+ Băn khoăn, trăn trở

+ Lo lắng, sợ hãi

+ Bế tắc, tuyệt vọng

+ Tươi vui rạng rỡ → hạnh phúc, tự hào.

**\*Phần KB:** Suy nghĩ bản thân khi chứng kiến câu chuyện

**Đề: Tưởng tượng mình là nhân vật người cháu trong bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt, em hãy kể lại những kỉ niệm của hai bà cháu.**

\*Gợi ý:

-Kỉ niệm về bà và những năm tháng tuổi thơ sống bên bà:

+Năm lên 4 tuổi sống bên cạnh bà, cuộc sống nhiều gian khó, thiếu thốn nhưng người bà vẫn chăm chút thương yêu và lo cho cháu.

+Âm thanh của tiếng tu hú gợi lại biết bao kỉ niệm về người bà: Bà bảo ban, dạy dỗ yêu thương cháu.

+ “Năm giặc .......rụi”, bà bao bọc, cưu mang cháu, những lời dặn dò ân cần của bà.

-Từ những kỉ niệm hồi tưởng về tuổi thơ và bà, người cháu suy ngẫm về cuộc đời của bà.

+Người bà hiện thân của sự tần tảo, vất vả, chịu thương chịu khó và đức hi sinh, thương con thương cháu.

+Hình ảnh bà luôn gắn liền với bếp lửa.

-Suy ngẫm về tình bà cháu.

**\*Hoạt động 4:Vân dụng ( 5 phút)**

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

? Đọc thuộc lòng và trình bày cảm nhận của em về một đoạn thơ, bài thơ mà em thích nhất trong chương trình ngữ văn kỳ 1

Bước 2 : Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3 :Hsinh trình bày, nhận xét.

Bước 4 : GV nhận xét và chốt kiến thức

**\*Hoạt động 5 : Mở rộng, bổ sung, phát triển ý tưởng sáng tạo( về nhà)1 phút**

? Ôn tập các văn bản trong học kỳ 1

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tuần 18**

**Tiết 87- 88 DHCĐ: EM TẬP LÀM THI SĨ**

Ngày soạn: 10/12/2018

Ngày dạy:

**I.Vấn đề cần giải quyết**

HS yêu thích môn Văn học và có sự sáng tạo tập làm thi sĩ

**II.Nội dung – chủ đề bài học.**

Chủ đề bao gồm 02 tiết (phân phối từ tiết 87 đến tiết 88 tuần) trong đó:

* Tiết 1: Tìm hiểu về đặc điểm về thể thơ tám chữ và tập làm thơ 8 chữ.
* Tiết 2:HS trình bày bài tập của mình.

**III.Mục tiêu bài học.**

1. Kiến thức :

- Tiếp tục tìm hiểu những bài thơ tám chữ hay của các nhà thơ, từ đó nắm rõ hơn đặc điểm của thể thơ tám chữ.

2. Kĩ năng :

- Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn hoặc viết tiếp những câu thơ vào một bài thơ cho tr­ước.

3. Thái độ: Tích cực tham gia bài học.

- Giáo dục các em về niềm say mê môn văn và bước đầu tập sáng tác những bài thơ tám chữ ngắn.

4. Năng lực chủ yếu cần hình thành

- Tự học:huy động kiến thức (văn học, văn hóa, thực tiễn đời sống,...)

- Cảm thụ thẩm mỹ văn học.

- Hợp tác, thảo luận và giải quyết vấn đề

- Lựa chọn các hình thức để tạo lập văn bản và thực hành báo cáo sản phẩm.

**IV.Chuẩn bị**

1. Giáo viên:

- Phòng học có máy chiếu, máy tính có kết nối internet, tối thiểu HS/ 1 máy tính, loa đài..

- Nội dung các câu hỏi, các vấn đề cần tìm hiểu, sưu tầm, nghiên cứu…

- Hướng dẫn học sinh chia học sinhthành 4 đội, mỗi đội 6 em để tham gia bài học.

2. Học sinh:

- Đồ dùng học tập: bút, SGK ngữ văn , sổ tay ghi chép.

- Tự chọn nhóm gồm 6 thành viên, đặt tên nhóm, bầu nhóm trưởng, nhóm phó, thư kí.

- Ôn lại và sưu tầm một số bài thơ tám chữ.

**V. Tiến trình bài học.**

1.Ổn định tổ chức:

-Ổn định trật tự :

-Kiểm tra sĩ số:

2.Kiểm tra bài cũ

HĐ hình thành kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| \* Mục tiêu: HS nhận diện thể thơ tám chữ, tìm hiểu những bài thơ tám chữ hay của các nhà thơ, từ đó nắm rõ hơn đặc điểm của thể thơ tám chữ.  \* HĐ cá nhân  ? Trình bày lại đặc điểm của thể thơ tám chữ?  - Gv: Thơ tám chữ thư­ờng sử dụng vần chân một cách linh hoạt : liền, gián cách  - Gần với văn xuôi, cách ngắt nhịp linh hoạt.  **\* Hoạt động luyện tập**  - Mục tiêu:HS củng cố, khắc sâu kiến thức vào việc làm các BT  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn  B 1: GV giao nhiệm vụ  ? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ tám chữ trong những VD sau ?  ? Nêu chủ đề về nội dung đoạn thơ trên   * HS thảo luận và trình bày   Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, nhận xét, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức.  \*GV sử dụng kĩ thuật động não và trình bày một phút  - GV: đưa khổ thơ còn thiếu câu  - Hoàn thiện các khổ thơ sau (Viết thêm câu cuối)?  \* Yêu cầu :  - Câu mới viết phải đủ tám chữ  - Phải đảm bảo lôgíc về ý nghĩa với những câu đã cho.  - Phải có vần chân liền hoặc cách  \*PP : Hoạt động nhóm, gợi mở - vấn đáp, pp luyện tập thực hành  \*Kĩ thuật : Động não, trình bày một phút  - GV : Yêu cầu các nhóm thảo luận  : tự chọn đề tài, làm đúng thể loại, nội dung trong sáng, có ý nghĩa tích cực.  - GV: - Gọi đại diện trình bày  - Gọi nhóm khác nhận xét  - GV: nhận xét, biểu dương  **GV: Chia nhóm cho học thảo luận**   * Cả lớp chia 4 nhóm, mỗi tổ là một nhóm.   - Cử trưởng nhóm & thư kí  - Thời gian: 10 phút   * Gv cho học sinh bốc thăm đề tài.   1- Đề tài : nhớ trường  2- Đề tài: Tình bạn.  3- Đề tài : con sông quê hương.  4- Đề tài : Thiên nhiên  \* Yêu cầu : làm đúng thể loại, nội dung trong sáng, có ý nghĩa tích cực.  - Gọi đại diện trình bày  - Gọi nhóm khác nhận xét, bình  GV: nhận xét, biểu dương nhóm làm tốt về thể loại, ý nghĩa  GV: Đưa một số đoạn thơ theo chủ đề đã cho.  Gv: Bình một số bài thơ hay và khuyến khích tinh thần sáng tác thơ văn của HS | **I. Nhận diện thể thơ tám chữ**  - 8 chữ/1dòng  - Vần chân liền  - Vần chân giãn cách  - Nhịp đa dạng linh hoạt.  2/3/3  3/2/3  - Số câu không hạn định  - Mỗi khổ thư­ờng gồm 4 câu.  **II. Luyện tập tìm hiểu một số đoạn thơ tám chữ**  \* Xuân Diệu  Cây bên đư­ờng, trụi lá đứng tần ngần  Khắp x­ương nhánh chuyển một buồng  tê tái.  Và giữa vư­ờn im, hoa run sợ hãi  Bao nỗi phôi pha, khô héo rụng rời.  (Tiếng gió)  \* Hàn Mặc Tử  Cứ để ta ngất ngủ trên vũng huyết  Trải niềm đau trên mảnh đất mong manh  Đừng nắm lại, nguồn thơ ta đang siết  Cả lòng ta trong mơ chữ rung rinh  ...  Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút  Bao lời thơ đều dính não cân ta  Bao dòng chữ quay cuồng như­ máu vọt  Cho mê man tê điếng cả làn da  (Trăng...)  **III. Tập hoàn thiện khổ thơ tám chữ.**  a.  Biết làm thơ ch­a hẳn là thi sĩ  Nh­ư ngư­ời yêu khác hẳn với tình nhân  Biển dù nhỏ không phải là ao rộng  (Một cành đào chư­a thể gọi mùa xuân)  b.  Cành mùa thu đã mùa xuân nảy lộc  Hoa gạo nở rồi, nở đỏ bến sông  Tôi cũng khác tôi sau lần gặp tr­ước  (Mà sông bình yên nư­ớc chảy theo dòng)  c.  Như­ng sớm nay tôi chợt đứng sững sờ  Phố hàng ngang dâu da xoan nở trắng  Và hoa rơi thật dịu dàng, êm lặng  (gieo vào lòng người một vườn hoa nắng)  **IV. Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn.**  **V. Thi làm thơ tám chữ theo đề tài**  **cho trước**:  1. Nhớ tr­ường.  Nơi ta đến hàng ngày quen thuộc thế  Sân tr­ường mênh mông, nắng cũng mênh mông  Khăn quàng tung bay rực rỡ sắc hồng  Xa bạn bè, sao bỗng thấy bâng khuâng  2. Nhớ bạn  Ta chia tay nhau phư­ợng đỏ đầy trời  Nhớ những ngày vui rộn rã tiếng cư­ời  Và nhớ những đêm lửa trại tuyệt vời  Quây quần bên nhau long lanh rơi lệ.  3. Con sông quê hư­ơng  Con sông quê ru tuổi thơ trong mơ  Giữa những hoàng hôn ngời lên ánh mắt  Gặp nhau hồn nhiên nụ c­ười rất thật  Để mai ngày thao thức viết thành thơ. |

**\* Hoạt động vận dụng, tìm tòi và mở rộng ( ở nhà)**

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

- Về tập làm thơ tám chữ theo đề tài

\* Dặn dò: Chuẩn bị bài giờ sau học bài “Những đứa trẻ”

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tiết 89 HDĐT: Văn bản: NHỮNG ĐỨA TRẺ**

**(Trích Thời thơ ấu)**

**Mác- xim Go-rơ-ki**

Ngày soạn: 10/12/2018

Ngày dạy:

**I.Mục tiêu bài học.**

1.Kiến thức : Cảm nhận đư­ợc tấm lòng, tâm hồn trong trắng, sống thiếu tình thư­ơng của những đứa trẻ và hiểu rõ nghệ thuật kể chuyện của tác giả trong đoạn trích tiểu thuyết tự thuật.

2.**Rèn kĩ năng**: Đọc, kể và phân tích tác phẩm t­ự sự.

3.**Thái độ :** Giáo dục :Lòng nhân ái.Trách nhiêm của người lớn với trẻ em

**4.Định hướng năng lực**

- Năng lực giao tiêp

- Năng lực thẩm mĩ

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự học

- Năng lực học nhóm

**II. Chuẩn bị**

1. Thày : Nghiên cứu, soạn giáo án, ảnh Mác- Xim Gooc rơki

2. Trò **:** Học bài cũ, làm bài tập, soạn bài mới.

**III.Tiến trình bài học**

1.Ổn định tổ chức:

2. Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1**:Khởi động**( 5’)**  B1:Hình thức chia nhóm thành 2 đội chơi:  Đội 1: Dãy 1  Đội 2: Dãy 2  Đội 3: Dãy3  Tìm trò chơi:Ai nhanh ai đúng?  B2:GVđưa ra các thông tin về tác giả về nước nga trên pp yêu cầu học sinh gấp sgk theo dõi trên máy chiếu  Ông là ai?Trình bày hiểu biết của em về tác giả?  B3:sau 30 giây hs phải trả lời. Đội nào xung phong trả lởi nhanh va đúng sẽ chiến thắng.Phần thưởng là một tràng pháo tay chúc mừng  B4:HS trình bày xong,thiếu hoặc chưa sâu, chưa rõ ràng:GVdẫn dắt vào bài  **Hoạt động 2**:Hình thành kiến thức kĩ năng mới**( 33’)**  - Mục tiêu :HS nắm bắt được những nét chính về tác giả, tác phẩm;  - HS cách đọc văn bản theo mạch cảm xúc của tác giả;  B1: GV giao nhiệm vụ  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức  **?** Hãy nêu những nét chính về t/giả  ? tìm hiểu hoàn cảnh ra đời truyện ngắn ?  Gv hướng dẫn hs cách đọc .GVđọc mẫu 1đoạn gọi hs đọc tiếp  GVchia lớp thành 2 nhóm yêu cầu các em tóm tắt  - tóm tắt văn bản.  Các nhóm nhận xét cách tóm tắt của nhau  GV chốt ý  **Gvchia lớp thành 3 nhóm**  Nhóm 1  GV: xác định ngôi kể ? Điểm nhìn trần thuật ? và tác dụng của cách kể này ?  GV Củng cố, bổ sung.  Nhóm 2  GV: Hãy cho biết văn bản đư­ợc chia làm mấy phần, hãy xác định giới hạn và nội dung của từng phần ?  **? Tìm hiểu chi tiết văn bản**  - Mục tiêu :HS nắm được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;  B1: GV giao nhiệm vụ  **Thảo luận nhóm câu hỏi sau:**  Câu1 ? Vì sao A- li-ô- sa và ba đứa trẻ con viên đại tá lại sớm quen nhau nh­ vậy ?  Câu 2 ?Có phải vì A- li-ô- sa cứu thoát đứa trẻ không ?  Câu 3 - Dựa vào lời giới thiệu của tác phẩm, hoàn cảnh của A- li-ô- sa để em tìm hiểu và giải thích nguyên nhân ?  GV : Tr­ước khi thân quen, nhìn sang nhà hàng xóm A- li -ô - sa chỉ biết có 3 đứa trẻ từng mặc áo cánh…Trong quan sát của A- li-ô- sa em cảm nhận như­ thế nào?  GV hd H tìm các biện pháp nt và tác dụng của nó  Gvhướng dẫn hs thảo luận nhóm :  GV Hd H tìm hiểu nv trên những câu hỏi như­:  Hình ảnh A- li-ô- sa ngồi quan sát ba đứa trẻ bị ông đại tá mắng, còn cho ta hiểu gì về A- li-ô- sa?  GV : Vì sao chúng lại trở thành bạn của nhau nhanh như­ vậy ?  GV : Trong truyện tác giả lồng chuyện đời th­ường với truyện cổ tích. Đó là một đặc điểm của truyện này . Vậy em hãy tìm cụ thể những chi tiết mang mầu sắc cổ tích ? và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ?  **? Hướng dẫn học sinh tổng kết**  \* Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm NT và giá trị ND văn bản.  \* HĐ cá nhân  - B1: GV giao nhiệm vụ.  ? Nội dung, ý nghĩa t­ư tư­ởng của đoạn trích ?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: HS trình bày, đánh giá  Bước 4: GV chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1**. **Tác giả.**  - Mác- xim- Gooc- rơ-ki (1868-1936) là đại văn hào của nư­ớc Nga  - Ngư­ời mở đầu cho nền văn học cách mạng Nga.  **2. Tác phẩm .**  **- Hoàn cảnh sáng tác**: Những đứa trẻ trích trong “Thời thơ ấu”(1913)  **- Đọc- kể**  - Sau gần một tuần, không nhìn thấy nhau, sau đó ba anh em con ông đại tá lại ra chơi với A- li-ô- sa. Chúng trò chuyện về bắt chim, về dì ghẻ….. A- li-ô- sa kể cho lũ trẻ nghe những câu chuyện cổ tích mà bà ngoại đã kể cho chú. Viên đại tá cấm các con chơi với A- li-ô- sa, đuổi em ra khỏi sân nhà lão. Nh­ưng A- li-ô- sa vẫn tiếp tục chơi với mấy đứa trẻ ấy và cả bọn cảm thấy rất vui thích.  - **Ngôi kể** : Ngôi kể thứ nhất là nhân vật A- li-ô- sa.  **- Bố cục:** 3 phần .  + P1….ấn em nó cúi xuống 🡪 Tình bạn tuổi thơ hồn nhiên trong sáng.  + P2.Trời đã bắt đầu tối….Cấm không đ­ợc đến nhà tao 🡪 Tình bạn bị cấm đoán.  + P3….🡪 Tình bạn của bọn trẻ vẫn tiếp tục phát triển.  **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **1. Những đứa trẻ**  - Chúng là hàng xóm của nhau.  - Chúng trở thành bạn của nhau khi tình cờ A- li-ô- sa góp sức cứu đứa trẻ bị rơi xuống giếng.  - Chúng có phần giống nhauvề cảnh ngộ. Chúng đều là những đứa trẻ mồ côi và sống thiếu thốn tình cảm.  🡪 Chính hoàn cảnh tương đồng này và cộng thêm sự chia sẻ giữa chúng mà tình bạn đến thật vô tư trong sáng.  **2. A- li-ô- sa .**  - Chúng ngồi sát vào nhau như­ những chú gà con.  - Nghệ thuật : So sánh thật chính xác khiến ta liên tư­ởng đến lũ gà con mất mẹ sợ hãi, co cụm vào nhau khi thấy diều hâu đồng thời toát lên sự cảm thông của A- li-ô- sa với bọn trẻ.  **3. Chuyện đời thư­ờng và chuyện cổ tích.**  - Truyện dì ghẻ- A- li-ô- sa liên t­ưởng tới mụ dì ghẻ độc ác trong truyện cổ tích.  - Chi tiết mẹ thật của mấy đứa trẻ đã chết và phù thuỷ.  - Chi tiết ng­ười bà nhân hậu  🡪 Câu chuyện mang mầu sắc cổ tích và hấp dẫn hơn.  **III. Tổng kết.**  **1. Nghệ thuật .**  - Tự thuật, hình dung tưởng t­ượng lại thời thơ ấu. So sánh chính xác.  - Đối thoại ngắn , miêu tả tâm lí nhân vật tài tình.  **2.Nội dung .**  - Ca ngợi tình bạn.  - Thể hiện tiếng nói cảm thông chân thành của tác giả đối với những cuộc đời bất hạnh. |

**HĐ 3 - 4: Luyện tập, vận dụng.** ( 5’)

\*Mục tiêu: Giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của bài

HT: Hoạt động cá nhân.

\* Các bước thực hiện:

B1: GV giao nhiệm vụ

- Tóm tắt ngắn gọn văn bản ?

- Cảm nhận của em về tình cảm của bọn trẻ ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS trình bày, đánh giá

Bước 4: GV chốt kiến thức

**Hoạt động 5**: Mở rộng ,bổ sung ,phát triển( về nhà)**( 2’)**

\* Mục tiêu:Từ những kiến thức đã được học trong bài, HS được củng cố, tìm tòi và nâng cao, mở rộng thêm kiến thức về bài học.

**\*** HĐ cá nhân

B1: GV giao nhiệm vụ

? Nêu một số chính sách ở địa phương em thể hiện sự quan tâm đến trẻ em

? Vẽ chân dung A-li-ô-sa và 3đứa trẻ

? Nêu cảm nhận của em về tình bạn

\* Dặn dò: Ôn tập lại các văn bản học kỳ I

**\* Rút kinh nghiệm :**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ký duyệt của Ban Giám Hiệu

**Tuần 20**

**Tiết 91,92**

**BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

***======Chu Quang Tiềm =====***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu, cảm nhận được nghệ thuật lập luận, giá trị nội dung và ý nghĩa thực tiễn của văn bản.

- Hiểu được sự cần thiết của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện thêm cách viết văn nghị luận qua việc lĩnh hội bài văn nghị luận sâu sắc, sinh động, giàu sức thuyết phục của nhà lí luận Chu Quang Tiềm.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen yêu quí, trân trọng những quyển sách quý, sách hay.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.

- Phương pháp đọc sách cho có hiệu quả.

**2. Kỹ năng** :

- Biết cách đọc - hiểu một văn bản dịch ( không sa đà vào phân tích ngôn từ)

- Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong một văn bản nghị luận.

- Rèn luyện thêm cách viết một bài văn nghị luận.

**3. Thái độ:**say mê đọc sách và đọc đúng phương pháp, lựa chọn sách cho phù hợp.

4. **Tích hợp liên môn:**

**-Môn GDCD:** Sự siêng năng kiên trì

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**

- Máy chiếu, phim trong, bảng phụ.

- Một số nhận định, đánh giá về sách và vai trò, tầm quan trọng của sách.

- Chân dung Chu Quang Tiềm (nếu có).

**2. Trũ:**

- Tự đọc và tóm tắt tác phẩm ở nhà.

- Tự truy cập các thông tin trên mạng về tác giả, tác phẩm.

- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.

- Trả lời cỏc câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:( 4-5p)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

**\* Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV hỏi:  ? Em thấy sách có vai trò như thế nào với bản thân mình?  - Từ câu trả lời của hs , gv gới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS trả lời  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  TIẾT 91,92  **BÀN VỀ ĐỌC SÁCH** ( Chu Quang tiềm |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 60’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. Hư­ớng dẫn HS đọc.** | | | **I. HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. Học sinh đọc.** | | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc - tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc.** | |
| *\*GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS đọc:*  - Với văn bản này khi đọc ta cần đọc chậm rãi, rõ ràng, mạch lạc, tường minh các lí lẽ và dẫn chứng.  - Nhấn mạnh một số câu văn nêu luận điểm đứng đầu các đoạn văn.  *\* Thầy đọc mẫu đoạn văn đầu, gọi H.S đọc các đoạn tiếp theo.*  *\* Thầy chốt chuyển ý sang phần tìm hiểu chú thích.* | | | *+ Nghe, thực hiện các yêu cầu thầy hướng dẫn.*  *+ Nghe, đọc, nhận xét.* | | | |  | |
| **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chú thích.** | | | **2. HS tìm hiểu chú thích.** | | | | **2.Chú thích:** | |
| H. Nêu những điều em đã tìm hiểu được về tác giả Chu Quang Tiềm dựa vào nội dung em truy cập trên mạng và phần Chú thích SGK?  *\* GV bổ sung thêm thông tin về tác giả và chiếu chân dung tác giả.* | | | *+ Nêu theo vốn hiểu biết và đọc phần chú thích.HS khác bổ sung.Quan sát chân dung tác giả.*  - Nhà mĩ học, lí luận văn học nổi tiếng của văn học hiện đại Trung Quốc.  - Người huyện Đông Thành, tỉnh An Huy- Trung Quốc.  - Học qua rất nhiều trường Cao đẳng và Đại học nổi tiếng ở trong nước và thế giới như: Anh- Pháp…  - Giữ nhiều chức vụ quan trọng trong lĩnh vực văn hoá văn nghệ ở Trung Quốc. | | | | a.***Tác giả : Chu Quang Tiềm*** (1897- 1986).  - Nhà mĩ học, lí luận văn học nổi tiếng của văn học hiện đại Trung Quốc. | |
| H. Văn bản: ***Bàn về đọc sách*** được trích từ văn kiện nào? Nội dung bài viết đề cập đến vấn đề gì? | | | *+ HS trao đổi trả lời*  - Trích trong ***“Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui và nỗi buồn của việc đọc sách”*** do GS Trần Đình Sử dịch.  - Nội dung: Văn bản nêu tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách; những khó khăn, nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình hình hiện nay, cách lựa chọn sách cần đọc và đọc sách thế nào cho có hiệu quả. | | | | ***b.Tác phẩm***:  - Trích trong “**Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui và nỗi buồn của việc đọc sách”** do GS Trần Đình Sử dịch. | |
| H. Đọc và học văn bản, em hiểu gì về ý nghĩa của các từ:  Học vấn (1)  Học thuật (2)  Kinh (4)  Vô thưởng vô phạt (5)  \* ***GV khái quát và chuyển ý***. | | | *+ H.S giải nghĩa các từ ngữ theo SGK.*  *Cần chú ý các chú thích (1) (2) (4) (5).* | | | | ***c.Từ khó:*** (SGK) | |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | ***(Hình thành các kĩ năng: Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm)***  **II. HS tìm hiểu văn bản.**  **1.HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm* II. Tìm hiểu văn bản**:  **1.Tìm hiểu khái quát.** | | |
| ***\* GV HD HS thảo luận KTKTB 5p***  H. Nêu yêu cầu:  -Hãy xác định PTBĐ chính của VB?  -Vấn đề nghị luận của của bài viết này là gì?  -Hãy chỉ ra bố cục của bài viết? Em có nhận xét gì về bố cục của văn bản này?  ***\* GV*** *yêu cầu HS**trao đổi, thảo luận. Làm ra phiếu bài tập, trả lời.*  *\* Các nhóm khác nghe, nhận xét, bổ sung*  *\* Gọi đại diện các nhóm trình bày, nhận xét*  *- GV bổ sung , chốt và chuyển ý.* | | ***+ HS thảo luận KTKTB (5p)***  *một số câu hỏi khái quát, đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung.*  - Văn bản viết theo phương thức nghị luận về một vấn đề xã hội.  - Đoạn 1: Từ đầu đến “phát hiện ra thế giới mới” → luận điểm1: Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.  - Đoạn 2: Từ tiếp đến “tiêu hao lực lượng”→ luận điểm 2: Những khó khăn và các thiên hướng sai lạc dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình hình hiện nay.  - Đoạn 3: Phần còn lại.→ luận điểm 3: Bàn về phương pháp đọc sách (gồm lựa chọn sách cần đọc và đọc sách thế nào cho có hiệu quả.) | | | | + Kiểu VB nghị luận giải thích những vấn đề xã hội  + Vấn đề nghị luận: bàn về đọc sách.  + Bố cục: 3 phần.  => bố cục chặt chẽ, hợp lí, giàu lí lẽ và dẫn chứng, được phân tích hợp lí có hệ thống. | | |
| **2. GV HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | **2. HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | | | **2. Tìm hiểu chi tiết.** | | |
| * *Cho H.S đọc đoạn 1 nêu luận điểm*   *H*: Đọc kĩ đoạn văn 1 và cho biết luận điểm nằm ở vị trí nào của văn bản*?*  ***GV tổ chức cho HS THẢO LUẬN(2 phỳt):****Để phân tích luận điểm này, tác giả đó đưa ra các lí lẽ ( các luận cứ )gỡ?*  *H*: Làm rừ tầm quan trọng của việc đọc sách thực chất là để làm nổi bật ý nghĩa của việc đọc sách. Vậy ý nghĩa của việc đọc sách *?* | | *-1 HS đọc, nêu vấn đề.*  *- Quan sát phần 1, phát hiện trả lời.*  ***-Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn.***  *Hs thảo luận nhúm bàn*  +Mỗi học vấn đều là thành quả của toàn nhân loại tích lũy,doSách vở ghi chép,lưu truyền lại.  +Sỏch là kho tàng quớ bỏu cất giữ di sản tinh thần nhõn loại, là những cột mốc trên con đường tiến hóa học thuật.  +Mong tiến lờn …,nhất định phải lấy thành quả nhân loại đó đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát.  +Nếu xúa bỏ …dự cú tiến lờncũng chỉ là đi giật lùi, làm kẻ lạc hậu  **Ý nghĩa của việc đọc sách**  - Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghỡn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức,lời dạy của biết bao người đó đó khổ cụng tỡm kiếm, thu nhận. tích lũy nõng cao vốn tri thức, là sự chuẩn bị để có thể làm cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện ra thế giới mới | | | | ***a. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách.***  ***\* Tầm quan trọng:***  ***- Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn.***  - **Luận cứ:**  **\*Ý nghĩa của việc đọc sách.**  =>Sách có ý nghĩa vô cùng quan trọng trên con đường phát triển của nhân loại.  =>Đọc sách là con đường q/trọng để tích luỹ và nâng cao vốn tri thức | | |
| **\* GV bổ sung:** Đối với mỗi con người, đọc sách cũng chính là sự chuẩn bị để có thể làm cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, đi phát hiện thế giới mới. Không thể thu được các thành tựu mới nếu như không biết kế thừa thành tựu của các thời đã qua. | |  | | | | . | | |
| H. Em nhận xét gì về các kiểu câu và cách lập luận của tác giả?  TIẾT 2.  Gv chuyển:Không thể thu nhận được các thành tựu mới trên con đường phát triển học thuật nếu như không biết kế thừa thành tựu của các thời đó qua nhưng đọc sách có dễ không? Tại sao cần phải lựa chọn sách khi đọc? | | *- Suy nghĩ về cách lập luận, rút ra nhận xét.*  🡪 khẳng định điều này để dẫn tới điều khẳng định sau đó như một hệ quả tất yếu.  🡪sắp xếp khéo léo để các vấn đề được đặt ra ,triển khai móc nối lôgic chặt chẽ với nhau.(cách lập luận đặc trưng của nghị luận giải thích | | | | =>lập luận chắt chẽ hợp lí và kín kẽ sâu sắc, giàu sức thuyết phục. | | |
| H:đọc tiếp phần2,chú ý 2 đ/văn so sánh:***giống như ăn uống giống như đánh trận***  H: Nêu luận điểm của phần 2 & nhận xét về cách trình bày luận điểm?  H: LĐ này được làm rừ bằng những luận cứ nào?  \*GV tổ chức cho HS THẢO LUẬN nhúm bàn  Câu hỏi: Để các luận cứ này được thuyết phục, tác giả dùng biện pháp nghệ thuật gỡ ? Tỏc dụng của BP nghệ thuật này? | | *+ HS đọc đoạn văn 2 và nêu luận điểm*  Cỏc luận cứ:  +Một là: Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu.  + Hai là: Sỏch nhiều khiến người đọc lóng phớ thời gian, sức lực, lạc hướng.  - Hs thảo luận nhúm 2 phỳt  +Cỏc hỡnh ảnh so sỏnh:  .Giống như ăn uống, ăn tươi nuốt sống.  . Như đánh trận, cần phải đánh vào thành trỡ kiờn cố.  -> luận điểm trở lên rừ ràng cụ thể, dễ hiểu | | | | ***b. Lời bàn của nhà văn về những khó khăn, nguy hại của việc đọc sách hiện nay:***  ***+ Những khó khăn, nguy hại dễ gặp phải khi đọc sách trong tình hình hiện nay.***  **-**Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu  -Sách nhiều dễ khiến người đọc lạc hướng | | |
| H. Em hiểu thế nào là **không chuyên sâu? Dễ khiến người đọc lạc hướng**?  H. Cho ví dụ về việc đọc sách hiện nay của các bạn học sinh?  *\* Gọi HS trả lời, GV bổ sung.* | | *+ Suy nghĩ, trao đổi nhóm cặp, trả lời.*  **+ Không chuyên sâu** có nghĩa là liếc qua không lưu tâm tìm hiểu  VD: cầm sgk thì chỉ đọc qua, xem nhân vật này thế nào xấu hay đẹp, gặp ai nói thế nào, xem tranh vẽ ... nhằm thoả mãn trí tò mò chứ không chú ý tới lời văn, câu thơ, sự việc h/a hay ý nghĩa sâu xa của câu chuyện , tập sách. Còn rất nhiều bạn chỉ thích tập trung vào loại truyện tranh với những pha giật gân, những hình vẽ kì quặc, lạ mắt, cả ngày có khi ngốn hàng chục cuốn sách mà chẳng thu lượm được điều gì có ích=> Đó chính là bệnh ăn không tiêu dễ sinh đau dạ dày.  **+ Đọc lạc hướng** là đọc không có sự lựa chọn gặp gì đọc nấy mà không chịu tìm những cuốn sách bổ sung, phụ trợ nâng cao học vấn đang tiếp nhận trau dồi VD: chỉ thích truyện tranh, báo cười, tiểu thuyết tâm lí, truyện kiếm hiệp, thơ t/y, sách hỏi đáp chuyện nọ chuyện kia. | | | |  | | |
| H. Hai thiên hướng sai lệch nhà văn nêu ra có thoả đáng không? Cá nhân em có mắc sai phạm trong các thiên hướng đó không? | | *+ Suy nghĩ, lí giải, liên hệ bản thân, trả lời.*  - Các thiên hướng sai lệch nhà văn nêu ra rất thoả đáng, chính xác.  - Cá nhân em không ít lần vi phạm các thiên hướng sai lệch ấy: đọc nhồi nhét, chưa biết cách chọn sách để đọc, và có khi còn đọc các loại sách độc hại, sách vô bổ… | | | |  | | |
| H. Tác giả đã trình bày lời bàn của mình bằng cách nào ?  H. Em có nhận xét gì về nội dung và cách trình bày từng nhận xét, đánh giá của tác giả ? Tác dụng?  ***\* GV chốt, chuyển ý:*** Mỗi một nguy hại tác giả đưa ra những dẫn chứng cụ thể và phân tích. Tác giả phê phán lối đọc sách thiếu chọn lọc. Không chỉ nêu ra tầm quan trọng và những nguy hại khó khăn sẽ gặp phải khi đọc sách tác giả con bàn về cách đọc sách . | | *+ Nêu ý kiến nhận xét, đánh giá:*  + Trình bày lời bàn bằng cách phân tích cụ thể bằng giọng chuyện trò tâm tình, thân ái để chia sẻ kinh nghiệm, thành công, thất bại trong thực tế.  - Cách viết giàu hình ảnh, nhiều chỗ tác giả ví von cụ thể và thú vị như : Liếc qua thì thấy rất nhiều... Làm học vấn giống như …  - Nội dung các lời bàn và cách trình bày của t/g rất thấu tình đạt lí, các ý kiến đưa ra xác đáng, có lí lẽ từ tư cách 1 học giả có uy tín, từng trải qua quá trình nghiên cứu tích luỹ, nghiền ngẫm lâu dài. | | | | → Cách trình bày và nêu lí lẽ, dẫn chứng chặt chẽ, sâu sắc, có hình ảnh, gây ấn tượng và giàu sức thuyết phục.  -> Nâng cao nhận thức cho người đọc và tăng thêm tính thuyết phục cho ý kiến của mình. | | |
| H. Theo lập luận của tác giả muốn đọc sách hiệu có quả cần lựa chọn sách ntn?  H. Em hiểu thế nào là chọn cho tinh , đọc cho kĩ ?  *\* GV chiếu trên máy* | | *+ Phát hiện trả lời, quan sát trên máy.*  **- Đọc sách không cốt lấy nhiều mà phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ** những cuốn sách thực có giá trị, có lợi ích cho mình.  - **Chọn cho tinh**: Chọn sách phù hợp với lứa tuổi , chuyên môn, trình độ học vấn. (Từng cấp học, lớp học)  - **Đọc cho kĩ**: đọc, hiểu suy ngẫm ở từng câu, chữ, sự việc , hình ảnh ...  -Không tham nhiều, cần lựa chọn những cuốn cần thiết, thực sự có giá trị, có lợi cho mình.  -Cần lựa chọn những cuốn sách, những tài liệu cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên môn, chuyên sâu của mình.  -Không xem thường các loại sách thường thức, các loại sách ở lĩnh vực gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình. | | | | ***c. Lời bàn về phương pháp đọc sách.***  *a. Cần lựa chọn sách khi đọc*.  **-** Đọc sách không cốt lấy nhiều mà phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ | | |
| H. Em thấy tác giả đã phân chia sách thành mấy loại? Đó là những loại nào ? | | *+ Phát hiện, trả lời cá nhân.*  - Sách phổ thông  - Sách chuyên môn : | | | | ***b. Phân loại sách :***phổ thông, chuyên môn. | | |
| H:Em hiếu ntn về sách phổ thông và sách chuyên môn? Cho một vài VD. Nếu được chọn sách chuyên môn, em yêu thích và lựa chọn loại chuyên sâu nào?  H.Tại sao các học giả chuyên môn vẫn cần phải đọc sách phổ thông? | | *+ Suy nghĩ lí giải trả lời cá nhân.*  - Sách chọn nên hướng vào hai loại:  + Loại phổ thông (nên chọn lấy khoảng 50 cuốn để đọc trong thời gian học phổ thông và đại học là đủ)  + Loại chuyên môn (chọn, đọc suốt đời)  *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân.* Không thể xem thường đọc sách phổ thông, loại sách ở lĩnh vực gần gũi kế cận với chuyên ngành của mình, chuyên sâu của mình.  - T/g đã khẳng định: trên đời không có học vấn nào là cô lập, không có liên hệ kế cận vì thế không biết kiến thức phổ thông thì không thể chuyên sâu, không biết rộng thì không thể nắm gọn. | | | |  | | |
| H. Vậy tác giả đưa ra ý kiến gì về phương pháp đọc sách? | | *+ Phát hiện, trả lời cá nhân.*  - T/g đưa ra 2 ý kiến đáng để mọi người suy nghĩ học tập :  1.Không nên đọc lướt qua, đọc chỉ để trang trí bộ mặt mà phải vừa đọc, vừa suy nghĩ, tích luỹ, tưởng tượng tự do nhất là đối với các sách có giá trị.  2.Không nên đọc một cách tràn lan theo kiểu hứng thú cá nhân mà cần đọc có kế hoạch, có hệ thống.  3. Kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn.  4. Đọc sách còn rèn tính cách và chuyện học làm người. | | | | **b/ Phương pháp đọc sách.**  - Đọc kĩ sách chuyên môn, kết hợp sách thưởng thức…  - Không đọc lướt . Đọc có suy nghĩ nghiền ngẫm.  - Không đọc tràn lan. đọc có kế hoạch, có hệ thống.  - Đọc sách còn rèn tính cách và chuyện học làm người. | | |
| **H**.Qua lời bàn của tác giả về phương pháp đọc sách, theo em, với HS THCS, chúng ta cần đọc những sách gì? | | *+ HS liên hệ, trình bày.*  \*HS THCS:  -Sách chuyên sâu: những cuốn sgk, sách tham khảo...  -Sách thường thức: những cuốn sách về ứng xử, về đạo đức, gia đình, bè bạn.... | | | |  | | |
| -Ngoài việc học tập tri thức, đọc sách còn giúp con người điều gì? | | -> Đọc sách còn giúp con người rèn luyện tính cách, học cách làm người. | | | |  | | |
| H. Qua bài viết em thấy đọc sách có lợi không? Em sẽ làm gì khi đọc sách? | | *+ Tự do bộc lộ, liên hệ bản thân*  - Đọc sách có rất nhiều lợi ích.  - Khi đọc cần suy nghĩ để tìm xem ý tưởng được biểu hiện trong sách, cái hay, cái đẹp của mỗi cuốn sách là gì. Ta học tập được gì viết trong sách.  - Cần chọn sách tốt, sách quí để đọc, tránh sách xấu, sách độc hại. | | | |  | | |
| \* Chuyển ý: *Đặc điểm trong cách hành văn và phương pháp nghị luận của tác giả trong văn bản là gì...*  H. Đọc và học văn bản em có nhận xét gì về cách trình bày lí lẽ, dẫn chứng, cách trình bày bố cục và sử dụng câu của tác giả?  **(giáo viên tích hợp các phép phân, tích tổng hợp sắp học )** | | *+ Khái quát, trả lời cá nhân. HS khác bổ sung.*  - Cách trình bày lí lẽ, dẫn chứng thấu tình đạt lí. Đó là những lí lẽ nghiên cứu, tích luỹ nghiền ngẫm lâu dài của một học giả lớn.  - Các lí lẽ có vai trò như một cuộc trò chuyện, tâm tình, chia sẻ kinh nghiệm với bạn đọc.  - Bố cục bài viết chặt chẽ, hợp lí bằng lối viết có hình ảnh, giàu sức thuyết phục, hấp dẫn.  - Nhiều câu văn dùng lối nói bằng so sánh thực tế dễ hiểu, sáng tạo.  - Cách trình bày lí lẽ rõ ràng, mạch lạc, giàu sức thuyết phục. | | | | ***d. Tính thuyết phục và sức hấp dẫn của văn bản.***  + Cách trình bày lí lẽ, dẫn chứng.  + Bố cục | | |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát.** | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III.HS đánh giá, khái quát.** | | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết.** | | | |
| H. Nêu những thành công về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  *\* GV giúp đỡ, tư vấn cách HS thực hiện để trả lời câu hỏi.*  *- GV cho HS làm BTTN củng cố. GV rút ghi nhớ, gọi đọc.*  \* GV liên hệ mở rộng từ ý nghĩa văn bản với vấn đề môi trường xung quanh có nhiều loại sách tràn lan => cần giáo dục ý thức cho bản thân lựa chọn sách mà đọc sao có hiệu quả.  **\* GV khái quát kiến thức trọng tâm và chuyển ý.** | *+ HS khái quát, trả lời. HS khác bổ sung. Làm BTTN củng cố kiến thức.*  *+ Nghe GV chốt, nhấn mạnh, mở rộng, rút ghi nhớ, đọc ghi nhớ, cả lớp ghi vào vở.*  ***+Nội dung:***  *-* Sách có ý nghĩa vô cùng quan trọng trên con đường phát triển của nhân loại bởi nó chính là kho tàng kiến thức quý báu, là di sản tinh thần mà loài người đúc kết được trong hàng nghìn năm.  - Đọc sách là một con đường quan trọng để tích luỹ và nâng cao vốn tri thức.  - Tác hại của việc đọc sách không đúng phương pháp.  - Phương pháp đọc sách đúng đắn: đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm, đọc sách cũng cần phải có kế hoạch và có hệ thống.  ***+ Nghệ thuật:***  - Bố cục chặt chẽ hợp lí.  - Dẫn dắt tự nhiên, xác đáng bằng giọng chuyện trò, tâm tình của một học giả có uy tín để làm tăng tính thuyết phục của văn bản.  - Lựa chọn ngôn ngữ giàu hình ảnh với những cách ví von cụ thể và thú vị.....  ***+ Ýnghĩa văn bản***  Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách và cách lựa chọn sách, cách đọc sách sao cho hiệu quả. | | | | ***1. Nội dung.***  *-* Sách có ý nghĩa vô cùng quan trọng trên con đường phát triển của nhân loại là kho tàng kiến thức quý báu, là di sản tinh thần.  - Đọc sách để tích luỹ và nâng cao vốn tri thức.  - Tác hại của việc đọc sách không đúng phương pháp.  - Phương pháp đọc sách đúng đắn: đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm, đọc sách cũng cần phải có kế hoạch và có hệ thống.  ***2. Nghệ thuật***  ***3.Ýnghĩa văn bản***  Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách và cách lựa chọn sách, cách đọc sách sao cho hiệu quả.  **\**Ghi nhớ/*SGK/ trang 7** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 10 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | |
| **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.** | | | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.** | | | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập** |
| *\* GV cho HS làm bài tập trắc nghiệm/130?* | | | | *+ HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.* | | | | **1, Bài 1. Trắc nghiệm:1,2,3,4,8.** |
| H. Nêu cảm nghĩ của em về những điều em cảm nhận được khi em tìm hiểu VB? | | | | *+ HS tự do bộc lộ* | | | | **2, Bài 2.** |
| H. Em hiểu thêm gì về tác giả qua việc tìm hiểu văn bản? | | | | *+ HS trả lời , bộc lộ suy nghĩ cá nhân.*  - Là người yêu quí sách; Có học vấn cao nhờ biết cách đọc sách có thái độ khen chê rõ ràng. Là nhà khoa học có khả năng hướng dẫn việc đọc sách cho mọi người. | | | | **3, Bài 3.** |

**BÀI TẬP CỦNG CỐ.**

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng?***

H: Văn bản “ Bàn về đọc sách” sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Tự sự B. miêu tả

C. Biểu cảm **D. nghị luận**

H: Ý nào nói đúng nhất sức thuyết phục của văn bản?

**A. Lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng sinh động.**

B. Dẫn chứng phong phú, câu văn giàu hình ảnh.

C. Sử dụng phép so sánh và nhân hoá.

D. Giọng văn biểu cảm, giàu biện pháp tu từ.

***3. Ý nào nêu khái quát nhất lời khuyên của tác giả đối với người đọc sách***

A. Nên lựa chọn sách mà đọc

B Đọc sách phải kĩ

**C Cần có phương pháp đọc sách**

D Không nên đọc sách chỉ để trang trí như kẻ trọc phú

***4. Hãy nêu phương pháp đọc sách của em? (Bài tập 7/5/VBT.)***

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Tại sao ngày nay các bạn trẻ không ham đọc sách ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm các câu thành ngữ, danh ngôn về vai trò của sách. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản và nội dung phần Ghi nhớ.

- Lập lại hệ thống luận điểm trong toàn bài.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

+ Ôn lại những phương pháp nghị luận đã học.

+ Đọc và chuẩn bị soạn bài: Khởi ngữ.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 20**

**Tiết 93**

**KHỞI NGỮ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Nắm được đặc điểm, công dụng của khởi ngữ.

- Học sinh nhận biết khởi ngữ, phân biệt khởi ngữ với chủ ngữ của câu.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn kỹ năng : Nhận biết công dụng của khởi ngữ là nêu đề tài của câu chứa nó.

- Biết đặt câu có khởi ngữ.

**3. Thái độ**:

- Hình thành thói quen : Nhận biết công dụng của khởi ngữ và sử dụng phù hợp.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Đặc điểm của khởi ngữ.

- Công dụng của khởi ngữ.

**2. Kỹ năng** :

- Nhận diện khởi ngữ ở trong câu.

- Đặt câu có khởi ngữ.

***3. Thái độ***:

-GD ý thức sử dụng khởi ngữ cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:** - Mỏy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trũ:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(1’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra bài cũ

1. Câu gồm những thành phần nào? Kể tờn cỏc thành phần chớnh và thành phần phụ của câu

2. **Phõn tích cấu trỳc ngữ phỏp trong câu sau?**

a.Tụi làm bài tập này rồi.

b.Bài tập này, tụi làm rồi.

\* GV chiếu kết quả lên máy bằng sơ đồ

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV hỏi:  ? Trong thành phần của câu, ngoài thành phần phụ trạng ngữ, trong câu còn thành phần phụ nào khác nữa?  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  **TIẾT 93**  **KHỞI NGỮ** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15- 18p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm và công dụng của khởi ngữ.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu đặc điểm và công dụng của khởi ngữ.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ.** |
| *\* GV chiếu các ví dụ 1(a) (b) (c) lên bảng.*  *\* Cho HS đọc và tìm hiểu ví dụ.*  H. Xác định các nòng cốt câu trong các ví dụ 1(a), 1(b), 1(c) của các câu chứa các từ ngữ in đậm? | *+ Theo dõi, quan sát.*  *+ HS đọc và tìm hiểu ví dụ*  a. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn **anh**, ***anh/*** không ghìm nổi xúc động. (NQS)  b. **Giàu**, ***tô***i/ cũng giàu rồi. (N Công Hoan)  c. Về **các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ**, ***chúng ta/*** có thể tin ở tiếng ta, không sợ nó thiếu giàu và đẹp .(PVĐồng) | ***1. Ví dụ:*** |
| *\* GV cho HS thảo luận nhóm bàn, gọi trình bày, gọi nhận xét, GV bổ sung, chốt.*  H. Các từ in đậm có vị trí như thế nào trong câu so với chủ ngữ ?  H. Những từ in đậm ấy có quan hệ như thế nào về nghĩa với nòng cốt câu?  H. Theo em, trước các từ ngữ in đậm của những câu trên ta có thể thêm vào nó các quan hệ từ nào?  H. Các từ ngữ in đậm này nêu vấn đề gì được nói đến trong những câu trên? | *+ Phát hiện, thảo luận nhóm bàn, đại diện trả lời .Nhóm khác bổ sung.*  + Về cấu tạo:  Không tham gia làm các thành phần cơ bản (chính).  + Về vị trí: đứng trước CN. Có thể là một từ, một ngữ  - Các từ in đậm không tham gia kiến tạo thành câu về mặt ngữ pháp.  - Về ý nghĩa nó có quan hệ có thể là trực tiếp (gián tiếp) với nội dung phần còn lại của câu.  - Về quan hệ với vị ngữ → không có quan hệ kiểu CN – VN với VN của câu.  - Vai trò thường nêu lên đề tài của câu chứa nó ⇒ khởi lên ý nghĩa → khởi ngữ.  - Khi viết phía trước thường có thêm các quan hệ từ: về; đối với...  - Công dụng: Các từ in đậm nêu đề tài được nói đến trong câu. | **\* Nhận xét:**  - Vị trí: đứng trước chủ ngữ  - Nằm ngoài nòng cốt câu, không có quan hệ ý nghĩa với nòng cốt câu.  - Có thể thêm các quan hệ từ.  - Công dụng: Nêu đề tài được nói đến trong câu. |
| H. Vừa rồi chúng ta đã tìm hiểu đặc điểm, công dụng của khởi ngữ. Em hiểu gì về khởi ngữ và đặc điểm của nó?  *\* Cho H.S đọc lại nội dung phần Ghi nhớ theo SGK.*  H. Căn cứ vào đâu để nhận biết và xác định khởi ngữ chính xác?  \* ***GV khái quát và chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý***.  \* Gv cho Hs làm bài tập nhanh:1/ **Chỉ ra thành phần khởi ngữ trong những câu sau:**  *a. Tụi thỡ tụi/ xin chịu.*  *b.Với chiếc xe đạp, Nam/ đến trường đúng giờ hơn.*  *c.Đối với những bài thơ hay, ta/ nờn chộp vào sổ tay và học thuộc.*  2. **Đặt câu có khởi ngữ mà nội dung liên quan đến hai bức tranh sau( tích hợp môn Địa lí)**  **3**. **2câu sau, câu nào cú khởi ngữ?**  a) Tôi đọc quyển sách này rồi.  b) Quyển sỏch này ,tôi đọc rồi.  **❖ Cho vớ dụ:**  ***Bạn ấy, game không chơi, di động không dùng***.  **?** Xác định khởi ngữ trong câu trên? Nhận xét vị trớ của khởi ngữ trong câu trờn?  **🡪Lưu ý:** Trong một số trường hợp khởi ngữ đứng sau chủ ngữ. | *+ HS phát biểu theo nội dung phần Ghi nhớ (8).*  *+ Đọc, nghe, ghi nhớ SGK/ 8.*  *+ Suy nghĩ, trả lời.*  - Căn cứ vào ngữ cảnh được sử dụng  - Căn cứ vào vào việc có thể thêm các quan hệ từ: về, đối với, với....  - Hs củng cố bằng bài tập  HS đặt câu:  **a.**Bảo vệ môi trường , đó việc chúng ta phải làm**.**  b)Vứt xả rác, ai cũng biết đó là hành động nguy hại đến môi trường.  - Hs chọn đáp án:  Câu a) **Khụng cú khởi ngữ. (chỉ cú phụ ngữ trong cụm động từ).**  Câu b) **Khởi ngữ là *“quyển sỏch này”***  -HS trình bày cỏ nhõn: Khởi ngữ là từ ***“game”*, “di động ”,** khởi ngữ đứng sau chủ ngữ. | ***\*Ghi nhớ:*** SGK/8 |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20-23p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | |
| **II.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập, củng cố.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** |
| *\* Gọi HS đọc yêu cầu BTTN và trả lời, làm bài vào phiếu học tập để củng cố kiến thức.* | *+ HS đọc yêu cầu BTTN và trả lời, làm bài vào phiếu học tập để củng cố kiến thức.* | **1. Bài 1. Trắc nghiệm.** |
| 1. *Ý nào sau đây nêu nhận xét không đúng về khởi ngữ:*  A. Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước CN.  B. Khởi ngữ nêu đề tài được nói đến trong câu.  C. Có thể thêm một số quan hệ từ trước khởi ngữ.  **D.** Khởi ngữ là thành phần không thể thiếu trong câu.  *2. Câu nào sau đây không có khởi ngữ:*  A. Tôi thì tôi xin chịu.  **B.** Cá này rán thì ngon.  C. Miệng ông, ông nói; đình làng, ông ngồi.  D. Nam Bắc hai miền ta có nhau.  *3. Viết lại câu sau, chuyển phần gạch chân thành khởi ngữ:*  A. Nó làm bài tập rất cẩn thận.  → **Bài tập**, nó làm rất cẩn thận.  B. Tôi chỉ thấy quyển sách này bán ở đây.  → **Quyển sách này**, tôi chỉ thấy bán ở đây. | | |
| H. Đọc, nêu yêu cầu BT1?  *\* GV cho HS xác định khởi ngữ, GV sửa.* | ***+ 1HS*** *đọc, nêu yêu cầu, tìm khởi ngữ, trả lời cá nhân.*  a: Điều này  b: Đối với chúng mình  c: Một mình  d: Làm khí tượng  e: Đối với cháu | **2, Bài 1.**Tìm khởi ngữ trong các đoạn trích. |
| *\* Gọi HS đọc , GV nêu yêu cầu cho HS giải quyết, GV kết luận đúng.* | *1 HS đọc, nêu yêu cầu, thực hiện yêu cầu, trình bày, nhận xét.* | **2, Bài 2**. Chuyển phần gạch chân trong các câu thành khởi ngữ. |
| a/ Anh ấy làm bài cẩn thận lắm.  Làm bài anh ấy cẩn thận lắm  KN  b/ Tôi hiểu rồi nhưng tôi chưa giải được    Hiểu thì tôi hiểu rồi, nhưng giải thì tôi chưa giải được.  KN KN  → Hiểu thì hiểu rồi, nhưng tôi chưa giải được. | | |
| *\* GV gọi HS đặt câu có dùng khởi ngữ* | *+ 3 HS đặt câu, trình bày, nhận xét.*  Đối với các thầy cô giáo, Minh rất kính trọng; đối với bạn bè, Minh rất quý mến chan hoà. | **3, Bài 3**. Đặt câu có dùng khởi ngữ. |
| *\* GV gọi HS chuyển bài tập 3, gọi nhận xét* | *+ HS chuyển, trả lời cá nhân.* | **4, Bài 4**. Biến đổi câu có khởi ngữ thành câu không có khởi ngữ. |
| *\* Gv cho HS viết cá nhân, gọi đọc, gọi nhận xét, GV sửa, uốn nắn cách viết.*  \* Gv hướng dẫn hs vẽ sơ đồ tư duy bài học | *+Viết cá nhân, đọc trước lớp, cả lớp nghe, nhận xét.*  *Hs vẽ sơ đồ tư duy* | **5, Bài 5.** Viết đoạn văn ngắn theo đề tài tự chọn, trong đoạn văn đó em có dùng khởi ngữ. |

**\* Đoạn văn tham khảo.**

**Nội dung về bảo vệ môi trường, trong đó có sử dung khởi ngữ.**

***Môi trường hiện nay đang bị ô nhiễm trầm trọng. Nạn chặt phá rừng ngày càng nhiều. Diện tích đất trống đồi trọc ngày càng gia tăng, muông thú không có chỗ ở, đất đai bị xói mòn. Nhà máy mọc lên nhiều đồng nghĩa với bầu không khí bị ô nhiễm. Với những dòng sông xanh xưa kia , bây giờ đã biến thành dòng sông chết do rác thải và nước thải công nghiệp. Những đống rác cao như núi mọc lên ở cuối thôn xóm là nguyên nhân của nhiều bênh phát sinh.Với việc bảo vệ môi trường, mọi người cùng chung tay gánh vác.***

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Đặt câu có sử dụng khởi ngữ | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm khởi ngữ trong một số văn bản đã học | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc đặc điểm, công dụng của khởi ngữ.

- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Đọc và trả lời câu hỏi chuẩn bị trước bài: Phép phân tích và tổng hợp trang 9.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 20**

**Tiết 94**

***=====***\*\*\*\*\*\****=====***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Học sinh hiểu và vận dụng các phép lập luận phân tích và tổng hợp trong Tập làm văn nghị luận.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn kỹ năng vận dụng các phép lập luận phân tích và tổng hợp trong Tập làm văn nghị luận.

- Vận dụng các phép lập luận phân tích và tổng hợp phù hợp.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen say mê môn học

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp.

- Sự khác nhau giữa hai phép lập luận phân tích và tổng hợp.

- Tác dụng của hai phép lập luận phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận.

**2. Kỹ năng** :

- Nhận diện được phép lập luận phân tích và tổng hợp..

- Vận dụng hai phép lập luận này khi tạo lập và đọc – hiểu văn bản nghị luận.

3. **Thái độ**: Nghiêm túc và say mê trong làm văn nghị luận

4. Kiến thức tích hợp:

- Tích hợp phần văn: Văn bản bàn về đọc sách

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trũ:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

- Nêu khái niệm và đặc điểm của khởi ngữ?

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - Gv nêu câu hỏi:  ? Khi viết văn nghị luận ngoài lí lẽ, dẫn chứng và cách lập luận , ta cần có thêm kĩ năng nào khác?  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới  Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 94 . Phép phân tích và tổng hợp |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15- 18p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp*.*** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tá*I. HS tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp*.*** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tá*I. Tìm hiểu phép phân tích và tổng hợp.** |
| *\* Thầy dùng máy chiếu chiếu văn bản Trang phục SGK (9) lên màn hình- hướng dẫn H.S quan sát, đọc.*  H. Văn bản “Trang phục” nêu lên 1 vấn đề gì? | *+ Đọc, quan sát. Phát hiện vấn đề nghị luận.Trả lời cá nhân.*  **a/ Vấn đề nghị luận**: văn hóa trong ăn mặc và những qui tắc ngầm của văn hóa xã hội hoặc ta phải công nhận và tuân theo. | **1. Ví dụ: văn bản Trang phục.**  **a/ Vấn đề nghị luận**: văn hóa trong ăn mặc và những qui tắc ngầm của văn hóa xã hội hoặc ta phải công nhận và tuân theo. |
| H. Em có nhận xét gì về bố cục của văn bản này? | *+ Đọc, quan sát, phát hiện.*  - Đoạn 1: đoạn Mở bài.  - Các đoạn 2, 3: phần Thân bài.  - Đoạn 4: đoạn Kết bài. | **b/ Bố cục: 3 phần** |
| H. Ở đoạn mở đầu (Mở bài), bài viết nêu ra một loạt dẫn chứng về cách ăn mặc để rút ra nhận xét về vấn đề gì? | *+ HS trao đổi nhóm bàn trả lời, nhóm khác nhận xét.*  + Đoạn mở đầu, người viết nêu ra một loạt dẫn chứng về cách ăn mặc để rút ra nhận xét: Bàn về vấn đề trang phục.  (vấn đề ăn mặc chỉnh tề, đồng bộ: không ai ăn mặc chỉnh tề mà đi chân đất hoặc đi giầy có bít tất đầy đủ nhưng phanh hết cúc áo, lộ cả da thịt trước mọi người). | **+ Đoạn 1:** Nêu nhận xét: Bàn về vấn đề trang phục. |
| H. Bàn về trang phục, người viết nêu ra mấy luận điểm (bộ phận) ở các đoạn văn tiếp theo? Đó là gì? | *+ HS phát hiện chỉ rõ luận điểm, dẫn chứng trong luận điểm.*  \* Ăn mặc phù hợp với hoàn cảnh chung và hoàn cảnh riêng: cô gái một mình trong hang sâu…móng tay, anh thanh niên đi tát nước… thẳng tắp,… đám tang(đoạn 2)  \* Ăn mặc phù hợp với đạo đức, giản dị hoà mình vào cộng đồng: mặc đẹp đến đâu…(đoạn 3) | **+ Các đoạn 2, 3: 2 luận điểm.**  ***\* Trang phục phải phù hợp với hoàn cảnh.***  - Cô gái một mình trong hang sâu.  - Anh thanh niên đi tát nước.  - Đi đám cưới.  - Đi dự đám tang.  ***\*Trang phục phải phù hợp với đạo đức.***  - Dù mặc đẹp đến đâu…tự xấu đi mà thôi.  - Xưa nay, cái đẹp bao giờ cũng đi với cái giản dị…có hiểu biết. |
| H. Vì sao không ai làm cái điều phi lí như tác giả đã nêu ra? Việc không làm đó cho thấy những quy tắc nào trong ăn mặc của con người? | *+ Suy nghĩ, lí giải tại sao, trả lời cá nhân*  - Tác giả đã tách ra từng trường hợp để cho thấy quy luật ngầm của văn hoá chi phối cách ăn mặc của con người, bị ràng buộc bởi quy tắc trong trang phục. |  |
| H. Như vậy, ở 2 đoạn văn này, tác giả đã dùng phép lập luận nào để rút ra 2 luận điểm đó?  H. Tìm xem để phân tích nội dung của 2 luận điểm trên, người viết vận dụng các biện pháp gì? | *+ Phát hiện, trả lời.*  - Ở 2 đoạn văn, tác giả dùng phép lập luận phân tích.  => dùng phân tích để nêu ra dẫn chứng trình bày từng quy tắc, bộ phận, nêu giả thiết, so sánh, đối chiếu để làm rõ 2 luận điểm. | → Phép lập luận phân tích. |
| **=> Cách lập luận trên của tác giả chính là lập luận phân tích.**  H. Vậy em hiểu thế nào là phép lập luận phân tích? | *+ HS trả lời*  + Là phép lập luận trình bày từng bộ phận, phương diện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật, hiện tượng. | **\* Phép phân tích: Trình bày từng bộ phận của vấn đề để làm rõ nội dung sâu kín bên trong.** |
| H. Đoạn cuối (đoạn 4) bài viết, người viết làm gì? | + Khái quát, tổng hợp lại ý kiến:  ->Câu văn là câu tổng hợp các ý đã phân tích ở trên, là câu rút ra cái chung. Nó có tác dụng thâu tóm được các ý kiến trong từng dẫn chứng đã nêu ở trước đó => Bàn về trang phục đẹp. | **+ Đoạn 4**: Tổng hợp vấn đề: Bàn về trang phục đẹp. |
| **\* Cách viết trên của tác giả là phép tổng hợp.**  H. Vậy em hiểu thế nào là phép lập luận tổng hợp?  H. Giữa phân tích và tổng hợp có mối quan hệ với nhau thế nào?  H. Phép tổng hợp được đặt ở vị trí nào trong bài viết này?  *\* Thầy chốt nội dung vừa tìm hiểu:* *Phân tích và tổng hợp là 2 thao tác tư duy thường được triển khai khi dựng đoạn viết bài* .  - *Hai phương pháp phân tích và tổng hợp tuy đối lập nhau nhưng không tách rời nhau: Phân tích rồi phải tổng hợp mới có ý nghĩa, mặt khác trên cơ sở phân tích mới có tổng hợp****.***  H. Sử dụng phép phân tích và tổng hợp có vai trò gì?  H. Gọi 1 HS đọc phần Ghi nhớ SGK trang 10?  \* ***GV khái quát kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.*** | *+ HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày, nhận xét.*  + Là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã phân tích.  + Không có phân tích thì không có tổng hợp.  + Về vị trí: Phép lập luận thường được đặt ở đoạn cuối bài (phần kết luận) hay cuối đoạn.  *+ HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày, nêu rõ vai trò.*  **\* Vai trò:** Phép phân tích và tổng hợp làm cho sự vật, hiện tượng được rõ nghĩa.  - Phép phân tích làm cho ý nghĩa của vấn đề được cụ thể cặn kẽ.  - Phép tổng hợp: làm cho vấn đề được khái quát và nâng cao hơn.  *+ Nghe, đọc, hiểu.*  *HS đọc phần Ghi nhớ SGK/ 10* | **\* Phép tổng hợp**: **=> Rút ra cái chung từ những điều đã phân tích.**  + Nếu chưa có phân tích thì không thể có tổng hợp.  + Vị trí: ở phần cuối đoạn, cuối bài, phần kết luận.  **2. Ghi nhớ/10** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20-22p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | |
| **II.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập:**  **\* Tìm hiểu kỹ năng phân tích trong bài “ Bàn về đọc sách”** |
| *\* Cho H.S đọc yêu cầu và nội dung bài tập theo SGK.*  H. Bài tập đặt ra vấn đề gì cần giải quyết?  *\* GV chia lớp thành 3 nhóm lớn, yêu cầu thảo luận trong bàn, gọi đại diện trình bày, gọi nhận xét, GV bổ sung.*  ? Đề bài yêu cầu chúng ta làm việc gì?  \* GVhướng dẫn Hs quan sát đoạn văn “ Học vấn không chỉ là...kẻ lạc hậu”.  H. Xác định luận điểm của đoạn văn?  H. Tác giả đã phân tích ntn để làm sáng tỏ luận điểm đó? | *+ H.S đọc yêu cầu và nội dung bài tập theo SGK*  - *Thảo luận theo 3 nhóm, mỗi nhóm hoạt động theo bàn, đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.*  + Luận điểm: “*Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn”* được tác giả phân tích chứng minh bằng 3 lí lẽ:  - Học vấn là thành quả tích luỹ của nhân loại được lưu giữ và truyền lại cho đời sau.  - Bất kì ai muốn phát triển học thuật cũng phải bắt đầu từ “*kho tàng qúi báu được lưu giữ trong sách. Nếu không mọi sự việc sẽ bắt đầu từ con số không, thậm* *chí lạc hậu, giật lùi*.”  - Đọc sách là sự hưởng thụ thành quả về tri thức và kinh nghiệm hàng nghìn năm của nhân loại. Đó là tiền đề cho sự phát triển học thuật của mỗi con người. | **1. Bài 1/10**: Xác định lí lẽ để chứng minh.  + Luận điểm: “*Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn”* |
| *\* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập theo SGK*  H. Tác giả đã phân tích tại sao cần phải chọn sách khi đọc?  *Gv nhận xét bài của HS trên phiếu học tập.* | *+ 1 HS đọc, suy nghĩ, trả lời.*  Có 2 lý do cần phải chọn sách  - Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu…...  - Sách nhiều khiến người đọc lạc hướng…....  - Đọc sách là con đường nâng cao vốn kiến thức  - đọc sách để chuẩn bị làm cuộc trường chinh…  => chọn sách tốt mà đọc mới có ích  - Do sức người có hạn không chọn sách đọc thì lãng phí sức mình.  - Sách có nhiều loại: chuyên môn và thường thức, chúng có liên quan đến nhau-> cần kết hợp để đọc. | **2. Bài 2/10**: Nêu những lí lẽ tác giả nêu ra để phân tích những lí do phải chọn sách để đọc. |
| H. Tác giả đã phân tích tầm quan trọng của cách đọc sách: | ***Tầm quan trọng của việc đọc sách ntn***  - Không đọc thì không có điểm xuất phát cao.  - Đọc là con đường ngắn nhất đẻ tiếp cận tri thức.  - Không chọn lọc sách thì đời người ngắn ngủi, không đọc xuể, đọc không có hiệu quả.  - Đọc ít mà kĩ còn hơn đọc nhiều mà qua loa, không có lợi gì  +/ Tham đọc nhiều → qua loa → lãng phí thời gian và sức lực … như thế đó chỉ là cách lừa mình và dối người …  +/ Đọc kĩ ít → tạo thành nếp suy nghĩ … tích lũy. | **3. Bài 3**/10: Tầm quan trọng của phương pháp đọc sách. |
| *\* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập theo SGK4?*  GV chốt và chuyển ý. | *+ HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập theo SGK4 và làm bài tập*  *Vai trò của phân tích trong lập luận*.  - Phân tích và tổng hợp giúp người đọc nhận thức đúng, hiểu đúng. - Trong VB nghị luận **phân tích là thao tác bắt buộc** mang tính tất yếu, không phân tích không làm sáng tỏ luận điểm, không thuyết phục được người đọc.  - Mục đích của phân tích tổng hợp là giúp người đọc nhận thức đùng hiểu đùng vấn đề. **Đã có phân tích phải có tổng hợp và ngược lại, 2 quá trình trên có quan hệ biện chùng với nhau** | **4. Bài 4**/10: Phép phân tích có vai trò thế nào trong lập luận. - Không có phân tích thì không có tổng hợp.  - Phân tích đúng, lập luận hay thì tổng hợp (tức kết luận) rút ra mới có sức thuyết phục |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Nsử dụng phân tích và tổng hợp trong văn nghị luận đem lại hiệu quả gì? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm một số đoạn văn phân tích và tổng hợp trong một số văn bản em đã học? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc đặc điểm Phép phân tích và tổng hợp.

- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Đọc và trả lời câu hỏi chuẩn bị trước bài: Luyện tập phân tích và tổng hợp.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 20**

**Tiết 93**

**LUYỆN TẬP PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Có kĩ năng phân tích, tổng hợp trong lập luận.

**2. Kỹ năng** :

- Có kỹ năng vận dụng các phép lập luận phân tích và tổng hợp trong Tập làm văn nghị luận.

- Vận dụng các phép lập luận phân tích và tổng hợp phù hợp.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen dùng phân tích và tổng hợp trong văn nghị luận

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC:**

**1. Kiến thức** :

- Mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp.

**2. Kỹ năng** :

- Nhận dạng được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp.

- Sử dụng phép phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi tạo lập và đọc- hiểu văn bản nghị luận.

**3. Thái độ: nghiêm túc và say mê học văn nghị luận**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:** - Mỏy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trũ:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

Thế nào là lập luận phân tích và tổng hợp?

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| ? Để củng cố tốt hơn kiến thức về phân tích và tổng hợp, ta cần làm gì?  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới  Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 95 . LUYỆN TẬP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 28- 30p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.Hưỡng dẫn HS đọc, nhận diện, đánh giá văn bản.**  \**GVtrình chiếu 2 đoạn văn SGK/11-12 lên bảng. Gọi H.S đọc.*  H. Theo em, ở đoạn văn (a) câu văn nào là câu nêu luận điểm?  H. Luận điểm ấy được nhà thơ Xuân Diệu phân tích, chứng minh bằng mấy lí lẽ? Đó là những lí lẽ nào?  H. Ở đoạn văn (b) câu văn nào là câu chứa luận điểm?  H. Để phân tích mấu chốt của thành đạt, trong đoạn văn tác giả phân tích bằng mấy lí lẽ? Đó là gì?  H. Như vậy, 2 đoạn văn vừa tìm hiểu, người viết sử dụng phép lập luận nào?  **\* GV khái quát và chuyển ý.**  **2.Hướng dẫn HS thực hành bài tập 2 SGK/ 12**  *\* Gọi HS đọc câu 2 SGK.*  H. Theo em luận điểm được nêu ra ở bài tập này là gì?  H. Để phân tích điều này, ta cần nêu ra các lí lẽ gì?  **3.Hướng dẫn HS thực hành bài tập 3 SGK/ 12**  H. Xác định luận điểm cần nêu trong bài tập này?  H. Để trình bày luận điểm: Các lí do khiến mọi người phải đọc sách ta cần sử dụng các lí lẽ gì?  **4.Hướng dẫn HS thực hành bài tập 4 SGK/ 12**  *\* Yêu cầu HS đọc câu hỏi 4 SGK/12.*  H. Luận điểm cần xác định trong bài tập này là gì?  H. Qui trình viết đoạn tổng hợp phải thế nào?  H. Để phân tích luận điểm trên, trước hết ta phải trình bày các lí lẽ gì?  H. Sau những lí lẽ phân tích ta tổng hợp vấn đề bằng luận điểm gì?  ***\* GV khái quát và chốt kiến thức trọng tâm.*** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS đọc, nhận diện, đánh giá văn bản.**  *+HS quan sát và đọc văn bản.*  *HS động não suy nghĩ và nêu ý kiến:*  + Câu nêu luận điểm là câu “Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.”  *+ HS trao đổi nhóm bàn và ghi ra phiếu học tập:*  Luận điểm được phân tích bằng 3 lí lẽ:  - Thứ nhất: cái hay thể hiện ở các điệu xanh.  - Thứ hai: cái hay thể hiện ở những cử động.  - Thứ ba: cái hay thể hiện ở các vần thơ.  HS quan sát đoạn văn b/11-12  + Câu nêu luận điểm là câu: “Mấu chốt của thành đạt là ở đâu?”  HS trao đổi  + Luận điểm được phân tích bằng 2 lí lẽ:  - Một là: Do nguyên nhân khách quan (đoạn 1)  - Hai là: Do nguyên nhân chủ quan (đoạn 2)  → Cả 2 đoạn văn đều sử dụng phép lập luận phân tích.  **2.HS thực hành bài tập 2 SGK/ 12**  *+ HS đọc yêu cầu bài tập 2 và xác định cách làm bài.*  *+ H.S xác định luận điểm.*  *HS trao đổi nhóm cặp đôi*  + Lí lẽ phân tích:  - Đó là lối đọc chống đối, đọc mà không tư duy, suy nghĩ, đọc mà không hiểu dụng ý của sách.  - Cách đọc này khiến người ta khôg phát triển được trí tuệ, làm cùn mòn, mai một đi kiến thức của nhân loại.  **3.Hướng dẫn HS thực hành bài tập 3 SGK/ 12**  *+ HS xác định luận điểm.*  + Lí lẽ: có 3 lí lẽ  - Sách vở đúc kết những tri thức, kinh nghiệm mà nhân loại đã tích luỹ được trong trường kì lịch sử, qua bao thăng trầm của thời gian.  - Con người muốn văn minh, tiến bộ, hiểu biết phải đọc sách. Đọc sách là con đường tốt nhất để mỗi người có thể tự nhận thức, chiếm lĩnh thế giới và bản thân mình.  - Đọc sách sẽ giúp con người tự hoàn thiện nhân cách, phẩm chất, đạo đức của mình, giúp con người sống tốt hơn, đẹp hơn, nghĩa tình hơn.  **4.Hướng dẫn HS thực hành bài tập 4 SGK/ 12**  *+ HS đọc câu hỏi 4 SGK/12 trao đổi, suy nghĩ và làm vào phiếu học tập.*  *+ HS nhắc lại kiến thức đã học:*  Là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã phân tích.  + Các lí lẽ:  - Đọc sách giúp ta có những kiến thức để hiểu biết, khám phá và chiếm lĩnh thế giới.  - Đọc sách là con đường tốt nhất giúp ta có thêm kiến thức về vốn sống, kinh nghiệm sống để tự điều chỉnh nhân cách làm người.  - Sách tốt trang bị cho ta tình cảm cao đẹp, đạo lí làm người.  + *Luận điểm tổng hợp*: Nói tóm lại, đọc sách là công việc không thể thiếu được trong việc tiếp thu mọi giá trị vật chất và tinh thần của nhân loại. | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Đọc văn bản**:  ***1. Đoạn văn (a/11)***  + Câu nêu luận điểm:  “Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.”  + Các lí lẽ phân tích luận điểm:  - Thứ nhất: cái hay thể hiện ở các điệu xanh.  - Thứ hai: cái hay thể hiện ở những cử động.  - Thứ ba: cái hay thể hiện ở các vần thơ.  ***2. Đoạn văn (b/11-12)***  + Câu nêu luận điểm  + Các lí lẽ phân tích luận điểm:  - Một là: Do nguyên nhân khách quan (đoạn 1)  - Hai là: Do nguyên nhân chủ quan (đoạn 2)  \* Nhận xét: Cả 2 đoạn văn đều sử dụng phép lập luận phân tích.  **II. Bài tập 2/12**  + Luận điểm: Tác hại của lối học đối phó.  + Các lí lẽ phân tích luận điểm:  - Đó là lối đọc chống đối, đọc mà không tư duy, suy nghĩ, đọc mà không hiểu dụng ý của sách.  - Cách đọc này khiến người ta khôg phát triển được trí tuệ, làm cùn mòn, mai một đi kiến thức của nhân loại.  **III. Bài tập 3:**  + Luận điểm: Các lí do khiến mọi người phải đọc sách.  + Lí lẽ phân tích:  - Sách vở đúc kết những tri thức, kinh nghiệm mà nhân loại đã tích luỹ được trong trường kì lịch sử, qua bao thăng trầm của thời gian.  - Con người muốn văn minh, tiến bộ, hiểu biết phải đọc sách. Đọc sách là con đường tốt nhất để mỗi người có thể tự nhận thức, chiếm lĩnh thế giới và bản thân mình.  - Đọc sách sẽ giúp con người tự hoàn thiện nhân cách, phẩm chất, đạo đức của mình, giúp con người sống tốt hơn, đẹp hơn, nghĩa tình hơn.  **IV. Bài tập 4:**  + Luận điểm tổng hợp:  Nói tóm lại, đọc sách là công việc không thể thiếu được trong việc tiếp thu mọi giá trị vật chất và tinh thần của nhân loại. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 5 – 7 p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | |
| **II.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.**  \* Qua bài luyện tập em cần rút ra bài học gì?  *\* Yêu cầu HS làm bài tập trong SBTTN*  \* Nêu 2 đoạn văn và so sánh để thấy rõ mục đích và tác dụng của việc sử dụng phép phân tích hoặc phép tổng hợp? | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập, củng cố.**  - Học sinh hiểu được mục đích, đặc điểm và có kĩ năng phân tích, tổng hợp trong lập luận.  - Có kỹ năng vận dụng các phép lập luận phân tích và tổng hợp trong Tập làm văn nghị luận.  - Vận dụng các phép lập luận phân tích và tổng hợp phù hợp.  - Nhận dạng được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp.  - Sử dụng phép phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi tạo lập và đọc- hiểu văn bản nghị luận.  + HS nêu 2 đoạn văn và so sánh để thấy rõ mục đích và tác dụng của việc sử dụng phép phân tích hoặc phép tổng hợp vào vở bài tập. | | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập**  **1. Bài 1. Trắc nghiệm.**  **2. Bài 2.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Em rút ra bài học gì qua tiết luyện tập? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Sưu tầm các đoạn văn phân tích và tổng hợp trong các vĂn bản mà em biết? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc đặc điểm, mục đích, tác dụng của phép phân tích và tổng hợp.

- Viết đoạn văn phân tích, tổng hợp về một trong số các đề tài sau:

+ Bác Hồ kính yêu.

+ Gia đình, môi trường…

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Đọc và trả lời câu hỏi chuẩn bị trước bài: *Tiếng nói của văn nghệ.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 20**

**Tiết 93**

**TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ**

***======Nguyễn Đình Thi =====***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu được nội dung của văn nghệ và sức mạnh kì diệu của nó đối với đời sống con người.

- Biết cách tiếp cận một văn bản nghị luận về lĩnh vực văn học nghệ thuật.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn cách viết bài văn nghị luận qua tác phẩm nghị luận ngắn gọn, chặt chẽ, giàu hình ảnh của Nguyễn Đình Thi.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen trân trọng những tác phẩm văn nghệ trong đời sống con người.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC:**

**1. Kiến thức** :

- Nội dung và sức mạnh của văn nghệ trong cuộc sống của con người.

- Nghệ thuật lập luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong văn bản.

**2. Kỹ năng** :

- Đọc - hiểu một văn bản nghị luận.

- Rèn luyện thêm cách viết một bài văn nghị luận.

- Thể hiện những suy nghĩ, tình cảm về một tác phẩm văn nghệ.

3. **Thái độ** : yêu thích văn chương

4. **Tích hợp liên môn:**

**- Môn lịch sử: thời kì kháng chiến chống Pháp**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**

- Chân dung nhà văn Nguyễn Đình Thi (SGK Ngữ văn lớp 12 – tập 1 tr 55)

- Tài liờu: Mấy vấn đề về văn học hoặc Tuyển tập Nguyễn Đình Thi- tập 3.

**2. Trũ:**

- Tìm hiểu và sưu tầm các thông tin về tác giả, tác phẩm.

- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.

- Trả lời cỏc câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:( 4-5p)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

*H: Sau khi học xong van bản: “ bàn về đọc sách” Em rút ra được những bài học gỡ?*

**\* Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV cho hs quan sát tranh minh họa về vai trò của văn nghệ với đời sống, yêu cầu hs nhận xét.  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn dắt giới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  **TIẾT 96,97**  **TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ**  ***Nguyễn Đình Thi*** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 60’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. Hư­ớng dẫn HS đọc.**  H. Phong cách viết của văn bản này giống văn bản nào chúng ta đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 7?  \* GV rút ra cách đọc: *Với văn nghị luận khi đọc cần chú ý những câu nêu luận điểm. Những câu này thường đứng ở đầu hoặc cuối đoạn văn, cần nhấn giọng khi đọc.*  - Các lí lẽ phân tích, chứng minh luận điểm cần đọc rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết.  *\* GV gọi đọc, gọi nhận xét.*  **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chú thích.**  H. Dựa vào SGK, kết hợp với sự hiểu biết của mình, hãy giới thiệu những thông tin tiêu biểu về tác giả?  *\* GV bổ sung:*  - Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941.  - Sau Cách mạng tháng Tám, tham gia lãnh đạo Hội Văn hoá cứu quốc và Hội Văn nghệ Việt Nam.  - Từ năm 1958 đến năm 1989 là Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam, từ năm 1995, là Chủ tịch Uỷ ban Toàn Quốc Liên hiệp các Hội Văn học- Nghệ thuật Việt Nam.  - Là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình văn nghệ, biên khảo triết học. Ở lĩnh vực nào, ông cũng có những đóng góp đáng ghi nhận.  - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học- Nghệ thuật.  H. Em đã đọc hoặc đã biết những tác phẩm nào của Nguyễn Đình Thi?  H. Bài viết ***Tiếng nói của văn nghệ*** trích trong văn kiện nào? Nội dung bài viết bàn về vấn đề gì?  H. Nhìn vào phần Chú thích, em có nhận xét gì về các từ ngữ đã được chú thích ở đây?  \* GV lưu ý HS*:* *Muốn hiểu nghĩa các từ các em xem phần giải nghĩa của SGK. Ngoài các từ Hán Việt, các em chú ý chú thích (1) và (11).*  + ***Phật giáo diễn ca***: Bài thơ dài, nôm na dễ hiểu về nội dung đạo Phật.  + ***Phẫn khích***: kích thích căm thù, phẫn nộ.  + ***Rất kị***: rất tránh, không ưa, không hợp, phản đối.  *\* GV khái quát và chuyển ý.* | | | **I. HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. HS đọc.**  + HS trả lời: Giống văn bản: *Ý nghĩa văn chương*- của nhà lí luận, phê bình văn học Hoài Thanh.  *+ Nghe, vận dụng thực hiện khi đọc.*  *+ HS thực hiện đọc theo hướng dẫn, nhận xét.*  **2. HS tìm hiểu chú thích.**  *+ HS trả lời cá nhân, HS khác bổ sung. Nghe GV nhấn mạnh, ghi vào vở.*  - Sinh tại Luông- Pha-băng (Lào), quê gốc ở làng Vũ Thạch (nay là phố Bà Triệu- Hà Nội)  \* Tác phẩm:  Xung kích (1951), Vào lửa (1966), Mặt trận trên cao (1967), Vỡ bờ (2 tập).  Các tập thơ:  Người chiến sĩ (1956), Bài thơ Hắc Hải (1958), Dòng sông xanh (1974), Tia nắng (1983).  Các vở kịch:  Con nai đen (1961), Hoa và Ngần (1975), Nguyễn Trãi ở Đông Quan (1979).  Các tập tiểu luận:  Mấy vấn đề về văn học (1956), Công việc của người viết tiểu thuyết (1964).  *+Trả lời cá nhân.*  - Bài viết được viết năm 1948, in trong cuốn Mấy vấn đề văn học xuất bản năm 1956.  + Bàn về tầm quan trọng của văn học, nghệ thuật đối với cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược đầy gay go, gian khổ của dân tộc ta.  *+ HS nhận xét:*  Phần lớn là các từ Hán- Việt.  - A-na Ca-rê-nhi a: nhân vật trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của văn hào Nga Lép Tôn- xtôi.  - Mung lung: có 2 nghĩa biểu hiện:  1. Khoảng không gian rộng và lờ mờ, không rõ nét, gây cảm giác hư ảo.  2. Ý nghĩa rộng và tràn lan, không tập trung, không rõ nét. Câu văn tác giả dùng các từ ngữ này ở nét nghĩa  thứ 2. | | | | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1.Đọc.**  **2.Chú thích:**  a.***Tác giả***  ***b.Tác phẩm***:  Bài viết được viết năm 1948, in trong cuốn Mấy vấn đề văn học xuất bản năm 1956.  ***c.Từ khó:*** SGK 16-17 |
| **II. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản.**  *\* Tổ chức hs hoạt động nhóm ( 3 phút )*  H. Hãy xác định PTBĐ, nội dung chính của VB?  H. Thử tóm tắt hệ thống các luận điểm được đ­ưa ra ở đây? Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các luận điểm?  ***\* GV :*** *gọi HS đại diện**nhóm trình bày*  ***\* GV : Chốt trên bảng phụ rồi chuyển ý.***  \*GV: Nhan đề bài viết vừa có tính khái quát lí luận vừa gợi sự gần gũi, thân mật. Nó bao hàm được cả nội dung và cách thức, giọng điệu nói của văn nghệ. Các LĐ vừa có sự giải thích cho nhau, vừa được nối tiếp tự nhiên theo hướng phân tích sâu sức mạnh đặc trưng của văn nghệ. | | ***(Hình thành các kĩ năng: Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm)***  **II. HS tìm hiểu văn bản.**  **1. HS tìm hiểu khái quát.**  *+ Hs thảo luận nhóm (3 phút)*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung:*  *- Nghe, ghi nhớ*  ***- Hệ thống luận điểm:***  +Văn nghệ nảy sinh từ cuộc sống, sáng tạo ra cái đẹp vì cuộc sống và con người.  +Văn nghệ là tiếng nói của tình cảm, của tâm hồn  +Văn nghệ là tiếng nói của tư tưởng | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **A. Tìm hiểu khái quát văn bản**  - PTBĐ: nghị luận.  - Vấn đề nghị luận: Sức mạnh của văn nghệ với đời sống của con người.  ***- Hệ thống luận điểm:***  ⇒ Các luận điểm có mối liên kết chặt chẽ, mạch lạc, | | | | |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết**  *\* Gọi hs đọc đoạn đầu của VB.*  H. Hãy chỉ ra luận điểm của đoạn văn?  \* GV gợi ý:  -Nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ là gì?  -Nội dung đó được phản ánh như thế nào trong các tác phẩm? Nó tác động như thế nào đến người đọc, người xem?  *\*GV tóm tắt ý cơ bản.*  H. Để minh chứng cho luận điểm ấy, tác giả đã đư­a ra và phân tích bằng những dẫn chứng văn học nào? Nêu tác dụng của những dẫn chứng ấy?  *\* Tổ chức hs thảo luận nhóm 3'*  ***\* GV :*** gọi HS đại diệnnhóm trình bày  ***\* GV : Chốt trên bảng phụ rồi chuyển ý.***  - Tác giả đã chứng minh luận điểm trên bằng 2 dẫn chứng tiêu biểu với 2 tác giả vĩ đại của dân tộc và thế giới. Cách nêu dẫn chứng rất cụ thể kèm lời bình. | | **2. HS tìm hiểu chi tiết.**  *+ Đọc đoạn văn theo yêu cầu. HS suy nghĩ cá nhân trả lời.*  - Tác phẩm nghệ thuật lấy chất liệu từ thực tại đời sống khách quan nhưng không phải là sự sao chép giản đơn... Khi sáng tạo một tác phẩm, người nghệ sĩ gửi gắm vào đó cách nhìn, một lời nhắn nhủ của người nghệ sĩ.  =>*Là hiện thực mang tính cụ thể, sinh động, là đời sống, tình cảm của con người qua cái nhìn và tình cảm có tính cá nhân của người nghệ sĩ.*  *+ Thảo luận theo bàn ( 3phút)*  *- Đại diện nhóm trình bày*  ***+2 câu thơ tả cảnh mùa xuân tươi đẹp*** ->làm c/ta rung động với cái đẹp lạ lùng mà t/giả đã m/tả. Cảm thấy trong lòng ta có sự sống tươi trẻ luôn tái sinh.  ***+Cái chết thảm khốc của An-na Ca-rê-nhi-na*** trong tiểu thuyết cùng tên của L.Tôn X Tôi -> Tình cảm thương xót , đau đớn .  => Tác động đến cảm xúc, tâm hồn, tư tưởng, cách nhìn, đ/sống của con người. | | | **B. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  ***1. Nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ.***  ***- Luận điểm:***Văn nghệ không chỉ phản ánh hiện thực khách quan mà còn thể hiện tư tưởng, tình cảm của ngư­ời nghệ sĩ; thể hiện đời sống tinh thần của cá nhân người sáng tác | | | | |
| *\* Yêu cầu hs đọc nhẩm đoạn văn:* “Lời gửi của nghệ thuật “ một cách sống của tâm hồn”  H. Vì sao tác giả viết “ *lời gửi của nghệ sĩ cho nhân loại, cho đời sau phức tạp hơn, phong phú và sâu sắc hơn những bài học luân lí, triết lí đời thường, lời khuyên xử thế dù là triết lí nổi tiếng sâu sắc chẳng hạn triết lí duy tâm tài mệnh tư­ơng đố hay tâm là gốc, tâm tự lòng ta”*?  ***\* GV nhận xét, bổ sung:*** | | *+ Đọc nhẩm đoạn văn:*  *- HS suy nghĩ cá nhân trả lời. Nghe, ghi nhớ.*  - Tác phẩm nghệ thuật không cất lên những điều thuyết lí khô khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của người nghệ sĩ; nó mang đến những rung động ngỡ ngàng trước những điều tưởng chừng đã rất quen thuộc.  - Nội dung của văn nghệ còn là rung cảm và nhận thức của người tiếp nhận được mở rộng và phát huy vô tận qua từng thế hệ người đọc, người xem. | | | - Tác phẩm nghệ thuật không cất lên những điều thuyết lí khô khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của người nghệ sĩ; nó mang đến những rung động ngỡ ngàng trước những điều tưởng chừng đã rất quen thuộc. | | | | |
| **Cho HS thảo luận:(Tích hợp liên môn)**  -Nội dung của văn nghệ có gì khác với nội dung bộ môn khoa học: lịch sử học?  -Lấy một vài ví dụ chứng minh, làm rõ cho nội dung phản ánh, thể hiện của tác phẩm văn học?  ***\* GV nhận xét, chốt, chuyển tiết.*** *Với 3 nội dung đã tìm hiểu ta thấy văn nghệ có khả năng tác động, chuyển hoá những nội dung thể hiện thành những định hướng sống tích cực cho con người. Vậy văn nghệ cần thiết như thế nào với con người chúng ta cùng tìm hiểu.* | | *+ HS so sánh, đối chiếu:*  *Thảo luận nhóm bàn. Đại diện trình bày. Nhóm khác n/xét, bổ sung.*  *- Nghe, ghi nhớ*  + ND văn nghệ còn là rung cảm và nhận thức trong từng ng­ười. Nó mở rộng phát huy vô tận qua từng thế hệ ngư­ời tiếp nhận.  + Văn nghệ tập trung khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con ng­ười, thế giới => nội dung mang tính hình tượng cụ thể, sinh động, là đời sống tinh thần, tình cảm của con người qua cái nhìn và tình cảm của tác giả. | | | *\*Các bộ môn khoa học khác:* Khám phá, miêu tả và đúc kết bộ mặt tự nhiên hay xã hội với các quy luật khách quan của nó.  *\*Văn nghệ:* Khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con người, thế giới bên trong của con người. | | | | |
| TIẾT 2: | | | | | | | | | |
| *\* Gọi hs đọc đoạn 2*  H. Theo lập luận của tác giả. văn nghệ nói đến những gì? Tại sao con người lại cần tiếng nói của văn nghệ? Không có văn nghệ, đời sống con người sẽ ra sao?  \*GV nhận xét, bổ sung, chốt lại ý cơ bản. | | *+ Theo dõi*  *- HS suy nghĩ cá nhân trả lời*  *- Nghe, ghi nhớ,*  -Văn nghệ nói nhiều nhất với cảm xúc, nơi đụng chạm của tâm hồn với cuộc sống hàng ngày.  -Văn nghệ nói nhiều với tư tưởng - nghệ thuật không thể nào thiếu tư tưởng.  -Tác phẩm văn nghệ vừa là kết tinh tâm hồn người sáng tác vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng.  ***\*Con người cần tiếng nói của văn nghệ.***  -Giúp chúng ta được sống đầy đủ hơn, phong phú hơn với cuộc đời và với chính mình.  -Là sợi dây buộc chặt con người với cuộc đời, sự sống, hoạt động, những vui buồn...  -Góp phần làm tươi mát sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, giúp con người vui lên, biết rung cảm và ước mơ trong cuộc đời còn nhiều vất vả, nhọc nhằn. | | | **2. Sức mạnh và ý nghĩa kì diệu của văn nghệ.**  \*Văn nghệ nói chuyện với tất cả tâm hồn chúng ta:  \*Con người cần tiếng nói của văn nghệ. | | | | |
| H: Hãy chỉ ra một số nét đặc sắc về nghệ thuật nghị luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong việc khẳng định sự cần thiết của văn nghệ đối với con ngư­ời?  ***\* GV chuyển ý sang phần 3***. Gọi HS đọc: | | *- Trả lời cá nhân( Hs khá, giỏi)*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  - Nhà văn bàn về chức năng, tác dụng của văn nghệ( một khái niệm mang tính khái quát) như­ng lại sử dụng lối nói rất giản dị, sự lựa chọn ngôn từ chính xác, gợi cảm và dễ hiểu  -Cách lập luận quy nạp 🡪giúp cho những luận điểm vốn là những khái niệm khó trở nên dễ hiểu và đầy sức thuyết phục. | | |  | | | | |
| H: Tác phẩm văn nghệ đến với con người bằng cách nào mà có khả năng kì diệu đến vậy?  *(Gợi ý*: + T­ư tư­ởng, nội dung của văn nghệ đ­ược thể hiện bằng hình thức nào?  + Tác phẩm nghệ thuật tác động đến ng­ười thư­ởng thức qua con đ­ường nào,bằng cách gì?)  + Em hãy lấy ví dụ chứng minh? | | *- Thảo luận 2 người*  *- Trình bày*  *- Nhận xét bổ sung*  -Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm.  +TP văn nghệ chứa đựng tình yêu ghét, niềm vui buồn của con người .  +Tư tưởng của nghệ thuật không khô khan, trừu tượng mà lắng sâu, thấm vào những cảm xúc, những nỗi niềm | | | **3/ Con đ­ường riêng của văn nghệ đến với người đọc và khả năng kì diệu của nó.**  - Bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với ngư­ời đọc, người nghe.  ->***TPVN lay động cảm xúc, đi vào nhận thức , tâm hồn qua con đường tình cảm.*** | | | | |
| H: Đọc kĩ đoạn văn cuối cùng của văn bản | | *- Đọc thầm đoạn văn cuối cùng của văn bản* | | |  | | | | |
| “Tác phẩm vừa là kết tinh tâm hồn ngư­ời sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta khiến chúng ta phải tự b­ước lên đường ấy.” | | | | | | | | | |
| H: Cho biết : So với tất cả các bộ môn khoa học khác, khi văn nghệ tác động bằng những nội dung, cách thức đặc biệt ấy, nó đã tạo ra những ­ưu việt gì tới cuộc sống của con ng­ười?  H: So với hai luận điểm trên, ở luận điểm bàn về con đường văn nghệ đến với ngư­ời đọc và khả năng kì diệu của nó, nghệ thuật nghị luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi có đặc điểm gì khác? ( Hãy chỉ ra tác dụng?) | | *+ 2 HS K - GV đư­a ý kiến*  Tính ư­u việt và khả năng kì diệu của con đ­ường văn nghệ đến với ngư­ời đọc: giúp con ngư­ời tự nhận thức mình, tự xây dựng mình.  *+Suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân* | | | ***->TPVN giúp con người tự nhận thức mình, tự xây dựng mình.*** | | | | |
| - Không sử dụng những dẫn chứng cụ thể như­ ở phần trên mà chủ yếu giảng giải, phân tích bằng lí lẽ rất uyển chuyển, cụ thể, sinh động.  - Sử dụng nhiều phép so sánh, ẩn dụ bằng những hình ảnh gần gũi (VD: “Chỗ đứng của văn nghệ là chỗ giao nhau của tâm hồn con ng­ời với cuộc sống... t­ư t­ưởng trong nghệ thuật là một tư­ tư­ởng náu mình yên lặng... trỏ vẽ cho ta đ­ường đi , đốt lửa trong lòng chúng ta .”)  🡪 Văn nghị luận rất tài hoa, tinh tế, sắc sảo, không khô khan trừu t­ượng và mang tính thuyết phục cao. | | | | | | | | | |
| ***\* GV chốt:*** Con đư­ờng văn nghệ đến với ngư­ời đọc là con đư­ờng độc đáo và đó cũng là sức mạnh kì diệu của văn nghệ  ***\* GV*** *yêu cầu HS phân tích một số tác phẩm văn nghệ để thấy khả năng và sức mạnh của nó với đời sống con người ( một số bài hát, bài thơ thời kháng chiến có tác dụng cổ vũ tinh thần chiến đấu)*  *- Chốt trên bảng phụ* | | | | *- Nghe, ghi nhớ*  *- Hs hoạt động cá nhân ( phân tích một tác phẩm )* | | |  | | |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát.**  H. Nêu những thành công về giá trị nội dung và sức mạnh của văn nghệ tác giả đề cập trong văn bản?  H. Đánh giá gì về nghệ thuật lập luận qua “ Tiếng nói văn nghệ”?  H.Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 17?  **2. Hư­ớng dẫn HS nêu ý nghĩa văn bản**.  H.Nêu ý nghĩa của văn bản?  \* *GV liên hệ mở rộng* từ ý nghĩa văn bản với vấn đề nhân văn từ những rung động của văn nghệ đối với mỗi con người.  **GV khái quát kiến thức trọng tâm và chuyển ý.** | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS đánh giá, khái quát.**  *+HS khái quát, trả lòi, HS khác bổ sung.*  ***1. Nội dung:***  *-* Mỗi tác phẩm văn nghệ đều chứa đựng những tư tưởng, tình cảm say sưa, vui buồn yêu ghét của người nghệ sĩ về cuộc sống, về con người; mang lại những rung cảm và nhận thức khác nhau trong tâm hồn độc giả mỗi thế hệ; tập trung khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận, thế giới nội tâm của con người qua cái nhìn và tình cảm mang tính cá nhân của người nghệ sĩ.  - Văn nghệ giúp cho chúng ta được sống phong phú hơn, ”làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”; là sợi dây kết nối con người với cuộc sống đời thường; mang lại niềm vui, ước mơ và những rung cảm thật đẹp cho tâm hồn.  - Sức mạnh của văn nghệ: lay động cảm xúc, tâm hồn và làm thay đổi nhận thức của con người...  *2. Nghệ thuật:*  - Có bố cục chặt chẽ hợp lí, cách dẫn tự nhiên.  - Có lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh; dẫn chứng phong phú, thuyết phục.  - Có giọng văn chân thành, say mê làm tăng sức thuyết phục và tính hấp dẫn của văn bản.  *+ HS đọc ghi nhớ SGK/ 17*  **2.HS nêu ý nghĩa văn bản.**  *+ HS nêu ý nghĩa của văn bản:* Nội dung phản ánh của văn nghệ, công dụng và sức mạnh kì diệu của văn nghệ đối với cuộc sống của con người.  *+ HS nghe và cảm nhận và ghi bài* | | | | | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết**:  *1. Nội dung.*  - Văn nghệ nối sợi dây đồng cảm kì diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc thông qua những rung cảm mãnh liệt, sâu xa của trái tim.- Văn nghệ giúp cho con người được sống phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình. Nguyễn Đình Thi đã phân tích, khẳng định những điều ấy qua bài tiểu luận Tiếng nói văn nghệ.  ***2. Nghệ thuật***  **\**Ghi nhớ/* SGK/ 17**  ***3.Ýnghĩa văn bản:*** Nội dung phản ánh của văn nghệ, công dụng và sức mạnh kì diệu của văn nghệ đối với cuộc sống của con người. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 10 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | | |
| **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  *\* GV chiếu CH. Yêu cầu HS làm bài tập trắc nghiệm?*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân.*  *\* GV: chốt kết quả*  H.Giáo viên yêu cầu cho học sinh đọc và xác định đề bài làm bài tập.  *GV định hướng giúp HS làm*  -*Tổ chức cho học sinh luyện tập theo nhóm:( 4 phút )*  *- Mỗi nhóm chọn 1 tác phẩm văn nghệ theo yêu cầu và phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm ấy*  *- Gọi hs lên bảng làm. GV nhận xét, sửa chữa, bổ sung.* | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  ***IV.HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.***  *+ Hoạt động cá nhân.*  *- Quan sát, chọn đáp án đúng.*  *+ HS xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện trên phiếu học tập.*  *- HS làm bài cá nhân.*  *- Làm việc theo nhóm ( 4 phút )*  *+ Nhóm 1: tác phẩm văn học*  *+ Nhóm 2: tác phẩm âm nhạc*  *+ Nhóm 3: tác phẩm điện ảnh*  *+ Nhóm 4: tác phẩm hội hoạ*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Nghe, ghi nhớ* | | | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**:  *1.Bài tập 1*: Trắc nghiệm.  *2. Bài tập 2*. Nêu một tác phẩm văn nghệ mà em yêu thích và phân tích rõ ý nghĩa, tác động của tác phẩm ấy đối với mình. | | | |
| H. Cáchviết NT trong ***Tiếng nói của VN*** có gì giống và khác nhau so với ***“Bàn về đọc sách”-***> | | *+ So sánh, chỉ rõ sự giống và khác nhau.*  Giống: Lập luận từ các l/cứ, giàu lí lẽ, d/chứng thể hiện sự hiểu biết và lòng nhiệt tình của người viết.  Khác :Tiếng nói VN là bài NL VH nên có sự tinh tế trong ph/tích, sắc sảo trong tổng hợp, lời văn giàu h/ảnh và gợi cảm. | | | |  | | | |

**Câu 1**: ý nào nói *không đúng* về tác giả Nguyễn Đình Thi?

A. Sinh năm 1924 và mất năm 2003

B. Từng là Tổng thư ­ kí Hội Nhà văn Việt Nam

C. Từng là đạo diễn điện ảnh nổi tiếng.

D. Đ­ược trao Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

**Câu 2**: Nhận định nào sau đây nêu đầy đủ nhất về nội dung của văn bản: “Tiếng nói của văn nghệ”?

A. Văn bản nêu lên vị trí và sức mạnh riêng biệt của văn nghệ đối với đời sống tâm hồn con ng­ười

B. Văn bản nêu lên vị trí và sức mạnh riêng biệt của văn nghệ đối với đời sống xã hội.

C. Văn bản phân tích những nội dung tạo nên tiếng nói của văn nghệ và cách thể hiện rất độc đáo của văn nghệ.

D. Văn bản phân tích nội dung phản ánh, thể hiện cũng nh­ư sự khẳng định cách nói độc đáo và sức mạnh to lớn của văn nghệ đối với đời sống con ngư­ời

**Câu 3**: Theo tác giả, tại sao con ngư­ời cần tới tiếng nói của văn nghệ?

A. Văn nghệ giúp chúng ta được sống đầy đủ phong phú hơn cuộc sống của mình.

B. Văn nghệ góp phần làm con ngư­ời vui lên, biết rung cảm và ­ước mơ.

C. Văn nghệ giúp chúng ta khám phá ra thế giới diệu kì ở ngay chính trong tâm hồn của con ngư­ời

D. Cả A, B, C

**Câu 4:** ý nào sau đây nói về con đ­ường độc đáo của văn nghệ đến với người đọc?

A.Văn nghệ là tiếng nói của tình cảm

B.Nghệ thuật nói nhiều đến tư t­ưởng, lắng sâu vào cảm xúc, nỗi niềm.

C.Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta phải tự bước lên đư­ờng ấy.

D.Lời gửi của văn nghệ không chỉ là những bài học đạo đức mà còn là tất cả những tình cảm, cảm xúc của ngư­ời nghệ sĩ.

**Câu 5:** Nét đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của Nguyễn Đình Thi qua bài tiểu luận này là gì?

A. Bố cục chặt chẽ hợp lý, cách dẫn dắt tự nhiên, uyển chuyển.

B. Phân tích cụ thể, chặt chẽ.

C. Câu văn giàu hình ảnh.

D. Cả A, B, C.

**Đáp án:** 1-C; 2- D; 3-D; 4- C; 5- D

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em có nhận xét gì về sự tác đọng của văn nghệ vopwis đời sống trẻ hiện nay? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc tư liệu về Mấy vấn đề về văn học hoặc Tuyển tập Nguyễn Đình Thi- tập 3. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản và nội dung phần Ghi nhớ.

- Tóm tắt lại hệ thống các luận điểm tác giả trình bày trong bài viết.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

+ Ôn lại những phương pháp nghị luận đã học.

+ Đọc và chuẩn bị soạn bài: *Các thành phần biệt lập.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 21**

**Tiết 98**

**CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Nắm được đặc điểm và công dụng của các thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán trong câu.

**2. Kỹ năng** :

- Biết đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

Rèn kĩ năng phân tích ví dụ và khái quát vấn đề

**3. Thái độ**:

- Hình thành thói quen Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

- Vận dụng khi làm bài tập làm văn

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Đặc điểm của thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

- Công dụng của các thành phần trên.

**2. Kỹ năng** :

- Nhận diện thành phần tình thái, thành phần cảm thán trong câu.

- Đặt câu có thành phần tình thái, thành phần cảm thán.

**3. Thái độ: nghiêm túc và cẩn trọng trọng đặt câu .**

**4. Tích hợp liên môn:**

-Phần văn bản

**- Phần văn bản**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:** - Mỏy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trũ:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

**Bài tập 1:** ***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.***

***1.Ý nào sau đây nhận xét không đúng về khởi ngữ?***

A. Khởi ngữ là thành phần câu đứng trư­ớc chủ ngữ

B. Khởi ngữ nêu lên đề tài đ­ược nói đến trong câu

C. Có thể thêm một số quan hệ từ tr­ớc khởi ngữ.

D. Khởi ngữ là thành phần không thể thiếu đ­ược trong câu

***2.*** ***Câu văn nào sau đây có khởi ngữ?***

A. Về trí thông minh thì nó là nhất

B. Nó thông minh nhưng hơi cẩu thả.

C. Nó là một học sinh thông minh.

D. Nó thông minh nhất lớp

***3.*** ***Dấu hiệu để phân biệt giữa chủ ngữ và khởi ngữ là việc có thể thêm những quan hệ từ về, đối với vào trước từ hoặc cụm từ đó đúng hay sai?***

A. Đúng B. Sai

\* Đáp án: 1- D; 2- A; 3- A

***Bài tập 2****:* ***Hãy viết lại câu văn bằng cách chuyển phần in đậm thành khởi ngữ.***

- Anh ấy **làm bài** cẩn thận lắm.

-> Về làm bài thì anh ấy cẩn thận lắm.

**\*Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV nêu câu hỏi:  *? Trong câu, ngoài các thành phần như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ...là những thành phần tham gia vào nghĩa sự việc ( nghĩa miêu tả) của câu, còn có những thành phần nào không nằm trong cấu trúc ngữ pháp của câu, tách rời khỏi nghĩa sự việc để biểu thị thái độ của người nói, hoặc để gọi đáp... ?*  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  **TIẾT 98**  **CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  ***I. Hướng dẫn HS tìm hiểu thế nào là thành phần biệt lập*** | | | | | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I .Thế nào là thành phần biệt lập.** |
| *\* GV chiếu VD lên máy, gọi đọc?*  H. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của các ví dụ trên?  H. Em nhận xét về vị trí, nghĩa của các từ, cụm từ không gạch chân ?  (có tham gia vào việc diễn đạt nghiẫ sự việc của câu không?)  ***\* GV chốt :*** *Các thành phần không nằm trong câú trúc cú pháp cuả câu, không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu => thành phần biệt lập* | | | *+ Hoạt động cá nhân*  *- HS đọc ví dụ và phân tích.*    **\* Nhận xét:**  + Vị trí : Có thể đứng đầu , đứng giữa..không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu .  + Về nghĩa : Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu  *- Nghe* | | | 1. Ví dụ :  a. ***Hình như*** Lan //không đi học .  CN VN  b. ***Này***, hôm nay thầy// có đến không?  TN CN VN  c.***Than ôi*** ! thời oanh liệt //  CN  nay còn đâu !  VN  d.Cô bé nhà bên(***có ai ngờ )***  CN  cũng vào du kích VN |
| ***II.******Hướng dẫn HS tìm hiểu thành phần tình thái*** | | | | | | **II. Các thành phần biệt lập**  **1. Thành phần tình thái**  ***\* Ví dụ1***: |
| *\* GV chiếu VD- SGK lên máy*  H. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của các câu có chứa từ in đậm trong VD trên?  H. Sự việc đ­ược nói đến trong mỗi câu văn có từ ngữ in đậm là gì?  H. Các từ ngữ in đậm thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc nêu ở trong câu nh­ư thế nào?  H. Nếu không có các từ ngữ in đậm thì nghĩa sự việc của câu chứa chúng có thay đổi không? Vì sao***?***  *- GV chiếu bảng so sánh để HS nhận xét*  \* GV chốt: *Như vậy quan sát VD1 ta thấy các từ in đậm trong những câu văn này nằm ngoài cấu trúc ngữ pháp của câu, không phản ánh sự việc được nói đến trong câu mà nó nói rõ thái độ của người nói với sự việc được nói đến trong câu. Những từ ngữ in đậm này được gọi là thành phần tình thái.*  H. Em hiểu thế nào là thành phần tình thái?  *\* GV chiếu VD2:*  H: Theo em từ nào không nằm trong cấu trúc câu của 2 VD này? Chúng có tác dụng gì?  \* GV: *Những từ ngữ này cũng được gọi là thành phần tình thái.*  H: Qua 2 VD em rút ra nhận xét gì về thành phần tình thái:  + Các loại tình thái?  + Vị trí của thành phần tình thái trong câu?   * *Chiếu câu hỏi* * *Chiếu nhận xét chốt lại* * *Chiếu bài tập* | | | *\* Hoạt động cá nhân*  *\* Đọc ví dụ( bảng phụ*  *- Phát hiện*  *- Suy nghĩ, trả lời*  *- Suy nghĩ, nêu ý kiến*  a. độ tin cậy cao “ Chắc”  b. độ tin cậy ch­ưa cao “ Có lẽ”  *+Trả lời cá nhân, nhận xét bổ sung*   * *Quan sát bảng tư liệu so sánh để nhận xét* * *Nghe*   *- Khái quát, suy nghĩ trả lời, rút ra nhận xét.*  *+ Quan sát VD2*  *- Phát hiện suy nghĩ, trả lời*  *- Nhận xét* | | | a. Với lòng mong nhớ của anh, **chắc** anh/  Khởi ngữ CN  nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.  VN  b. Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cư­ời. **Có lẽ** vì khổ tâm đến nỗi  không khóc đư­ợc// nên anh/  CN  phải cư­ời vậy thôi. VN  => ý nghĩa sự việc của câu không thay đổi.  - Vì các từ ngữ in đậm không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc, chỉ thể hiện thái độ, cách nhìn sự việc của ngư­ời nói.  - Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  ***\* Ví dụ 2***  a. Theo tôi ông ấy là người tốt.  chủ quan => thể hiện ý kiến của người nói  b. - Em chào cô ạ! (Kính trọng)  Thể hiện thái độ của ng­ười nói đối với người nghe:  **\* Các loại tình thái:**   * Tình thái biểu thị thái độ của người nói với sự việc được nói đến trong câu thường gắn với thái độ tin cậy của sự việc:   + Chỉ độ tin cậy cao: *chắc chắn, chắc hẳn, chắc là.. .*  + Chỉ độ tin cậy thấp: *hình như, dường như, hầu như, có vẻ như..*   * Tình thái gắn với ý kiến của người nói, như: *theo tôi, ý ông ấy, theo bạn*.. . * Tình thái chỉ thái độ của người nói đối với người nghe*: à,a, hả, hử, nhỉ, đây, đấy.. .*   \* Vị trí:: Trong câu, tình thái có thể đứng đầu câu, giữa câu, hoặc cuối câu. |
| **\* Bài tập 1**: ***Câu nào sau đây không chứa thành phần biệt lập tình thái? Vì sao em chọn câu đó?***  A. Có vẻ nh­ư hai người là mẹ con.  B. Theo bạn chúng ta phải làm gì bây giờ?  C. Nó học tốt.  D. Thầy mệt ạ?  **\* Bài tập 2**. Phát hiện và ghi nhanh các từ ngữ làm thành phần tình thái?  **Bài tập3**  ***Hãy sắp xếp những từ ngữ sau đây theo trình tự tăng dần độ tin cậy (hay độ chắc chắn):***  ***chắc là, d­ường nh­ư, chắc chắn, có lẽ, chắc hẳn, hình như, có vẻ như.***   * **Dư­ờng như­, hình như, có vẻ như/ có lẽ/ chắc là/ chắc hẳn/ chắc chắn.** | | | | | | |
| ***III. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thành phần cảm thán*** | | | | **III. Thành phần cảm thán.** | | |
| * Chiếu VD * Chiếu câu hỏi thảo luận   H.Các từ ngữ in đậm: **ồ, trời ơi** có chỉ sự vật, sự việc gì không?   * Các từ ngữ đó dùng để làm gì?   - Nhờ những từ ngữ nào trong câu mà chúng ta hiểu tại sao ng­ười nói kêu “ồ” hoặc “trời ơi”?  - Các từ in đậm có thể tách thàng câu riêng không? Nếu được thì chúng sẽ thuộc kiểu câu nào?  *GV chốt: Những từ này trong câu gọi là thành phần cảm thán.*  H: Em hiểu gì về thành phần cảm thán? Vị trí trong câu của thành phần này có gì khác so với thành phần tình thái?  *- Gọi HS đọc ghi nhớ SGK* | | | *\* Hoạt động nhóm*  *- Đọc ví dụ*   * *Phát hiện* * *Suy nghĩ, thảo luận.* * *Đại diện trình bày.* * *Nhận xét bổ sung.*   *- Những từ đó không chịư vật, sự việc.*   * *Suy nghĩ, trả lời cá nhân* * *Ghi vở*   *- Đọc ghi nhớ SGK* | ***1. Ví dụ***  a**) ồ**, sao mà độ ấy vui thế.  (Kim Lân, *Làng*)  b**) Trời ơi**, chỉ còn có năm phút.  (Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sa Pa)*  ***=>***  ***- Không chỉ sự vật, sự việc***  - ***Bộc lộ trạng thái tâm lí: vui vẻ, tiếc nuối***  ***- Nhờ phần câu tiếp theo***   * Các từ này có thể tách thành câu riêng, khi đó chúng thuộc kiểu câu đặc biệt   ***2. Nhận xét***  -Thành phần cảm thán đ­ược dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận)  - Thường đứng ở đầu câu.   * Thành phần cảm thán có thể tách ra thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt, khi tách riêng nó là câu cảm thán.   **\* Ghi nhớ ( SGK/ 18)** | | |
| H.Các thành phần tình thái và cảm thán này có nằm trong cấu trúc cú pháp của  câu hay không? Nó dùng để  làm gì? | | | *+ Suy nghĩ, trả lời.* | - không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu  -dùng để diễn đạt thái độ, cách đánh giá của người nói đối với việc được nói đến trong câu hoặc đối với người  nghe. | | |
| H. Hai thành phần trên là thành phần biệt lập của câu.  Em hiểu thế nào là thành phần biệt lập?  \**GV ->GN. Gọi HS đọc* | | | *-Khái quát, rút ra khái niệm.*  *1HS đọc ghi nhớ. HS khác nghe.* | ⇒ Thành phần biệt lập là thành phần không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  ***2.Ghi nhớ: Điểm 3/18***. | | |
| *\* GV cho HS nhắc lại:*  -Thế nào là TP biệt lập?  -Em được tìm hiểu những TP biệt lập nào? Nêu công dụng của từng thành phần? | | | *+ HS khái quát, trả lời.* | ***\*Ghi nhớ: sgk/18*** | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | | |
| *\* Chiếu bài tập*  *Gọi Hs đọc và làm bài*  - Tổ chức HS HĐ cá nhân  Đáp án : (1) Chắc chắn   1. Hỡi ôi 2. Chắc hẳn   \* GV: tổ chức HS thi xem ai nhanh hơn ( 2’) | | *- Đọc*  *- HĐ cá nhân*  *+ Trả lời cá nhân.*  Dường như → Hình như/ Có vẻ như→ Có lẽ → Chắc là/ Chắc hẳn → Chắc chắn. | | | ***1. Bài 1***- SGK/ 19   * a. “ có lẽ” - tình thái * b. “ Chao ôi”- cảm thán * c. “ Hình như”- tình thái * d. “ Chả nhẽ”- tình thái   ***2. Bài 2:*** *Chọn những thành phần cảm thán hay tình thái cho sẵn để điền vào chỗ trống cho phù hợp (****chắc chắn, có lẽ , đúng là, chắc hẳn, theo tôi , trơì ơi ,hỡi ôi )*** | |
| Đọc “Truyện Kiều” của Nguyễn Du...(1)...Không ai không thương xót cho số phận của nàng Kiều - một người con gái tài hoa bạc mệnh” .Có thấu hiểu mười năm năm lưu lạc của nàng thì chúng ta mới thấy hết được sự tàn bạo, độc ác của tầng lớp thống trị thời bấy giờ...(2)...,một xã hội chỉ biết chạy theo đồng tiền,  sẵn sàng trà đạp lên nhân phẩm ,giá trị của con người ...(3)...đại thi hào Nguyễn Du phải đau lòng lắm khi viết ra những nỗi đau, sự bất công trong xã hội mà ông đã sống và chứng kiến. | | | | | | |
| *\* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu cần giải bài 3.*  *- Gọi trả lời cá nhân.* | *+1HS đọc. HS thảo luận theo nhóm bàn.*  *Đại diện trình bày.*  *Nhóm khác bổ sung*  *-Nghe, ghi chép ý có bản* | | | | ***3. Bài 3***: Tìm từ chịu trách nhiệm cao nhất và thấp nhất về độ tin cậy.  - Từ: Chắc chắn: chịu trách nhiệm độ tin cậy cao nhất.  - Từ: Hình như: chịu trách nhiệm độ tin cậy thấp nhất. | |
| *\* GV chiếu 4 bức tranh, yêu cầu HS làm việc theo bàn, quan sát tranh đặt 2 câu cho một bức tranh ( 1 câu có dùng tình thái, 1 câu có dùng cảm thán)*   * *Kiểm tra nhận xét*   *\*GV:Liên hệ giáo dục môi trường*  *- Thu bài của 1 số em, chiếu kết quả, nhận xét* | *+ Đặt câu theo nội dung tranh ( 2 câu)*  *- Mỗi bức tranh làm trong 30 giây*   * *Làm việc cá nhân* * *Viết vào vở bài tập* * *Nhận xét bài của bạn* | | | | ***4. Bài 4: Đặt câu theo nội dung tranh***   * Cảnh đánh điện tử của HS * Thắng cảnh hồ Gươm * Ô nhiễm môi trường, * Cháy rừng   ***5. Bài 5*** : Viết đoạn văn.  Hãy viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi được thưởng thức một tác phẩm văn nghệ, trong đoạn văn đó có câu chứa thành phần tình thái hoặc cảm thán? | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Khi giao tiếp em vận dụng các thành phần cảm thán và tình thái như thế nào? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm các thành phần cảm thán và tình thái trong một số văn bản em đã được học ? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài, hướng dẫn HS học ở nhà**.(2 phút)

***1. Học bài:***

- Nắm chắc bài, học thuộc ghi nhớ.

* Hoàn thành tất cả các bài tập. Sửa chữa và viết đoạn văn cho hoàn chỉnh.
* Hoàn thiện bài tập 3/ SGK

***2. Chuẩn bị bài***:

Nghị luận về một sự việc, hiện t­ượng đời sống.

\*Yêu cầu: Đọc trư­ớc văn bản “Bệnh lề mề”, trả lời các câu hỏi trong phần tìm hiểu. Cần thảo luận trong tổ của em bài tập 1 trang 21 (SGK).

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 21**

**Tiết 99**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu và biết cách làm một bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn kỹ năng lập luận, viết bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

- Nhận thức rõ nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống là một hình thức nghị luận phổ biến trong đời sống.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen đánh giá các sự việc hiện tượng trong đời sống xã hội một cách khách quan

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Đặc điểm yêu cầu của kiểu thành phần bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

**2. Kỹ năng** :

- Làm văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

3. **Thái đô:** nghiêm túc trong việc đánh giá các sự việc, hiện tượng tốt xấu trong xó hội và làm bài văn nghị luận.

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp với thực tế xã hội: các sự việc hiện tượng trong đời sống xã hội.

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:** - Mỏy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trũ:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

- Phép phân tích và phép tổng hợp trong văn nghị luận là gì?

- Mối quan hệ giữa hai phép lập luận này?

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV cho hs quan sát một số bức tranh về một số sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội, yêu cầu hs nhận xét  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS quan sát, nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 99 . **Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 20-22p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu bài:**  **1.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**  \*GVtrình chiếu văn bản **Bệnh lề mề** của Phương Thảo lên màn hình, cho H.S đọc.  H. Trong văn bản trên tác giả bàn về hiện tượng gì trong đời sống?  H. Hiện tượng ấy có những biểu hiện cụ thể như thế nào?  H. Tác giả đã làm thế nào để người đọc nhận ra hiện tượng ấy?  H. Để làm cho người đọc nhận ra hiện tượng này tác giả dùng lí lẽ, dẫn chứng để phân tích căn bệnh thế nào?  H. Có thể có những nguyên nhân nào tạo nên hiện tượng đó?  H. Trong bài viết, tác giả phân tích những tác hại gì của bệnh lề mề?  H. Bài viết đánh giá hiện tượng ấy ra sao?  H. Theo em bố cục của bài viết có mạch lạc và chặt chẽ không? Vì sao?  H. Các thao tác người viết triển khai trong văn bản trên là hình thức nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. Em hiểu gì về kiểu bài nghị luận này?  H. Về nội dung, yêu cầu của kiểu bài này phải đạt được những yêu cầu gì?  H. Về hình thức, yêu cầu của kiểu bài này thế nào? (Bố cục, luận điểm, lời văn)  \* GV gọi HS đọc lại 3 chấm đậm phần Ghi nhớ.  H. Gọi HS đọc ghi nhớ  \* ***GV khái quát toàn bài và chốt kiến thức trọng tâm và chuyển ý.*** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu bài:**  **1. HS tìm hiểu văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**  *+ HS động não và suy nghĩ trả lời câu hỏi.*  *Quan sát và đọc ví dụ*  *+ HS trao đổi nhóm bàn*  + Văn bản bàn về hiện tượng: Bệnh lề mề (giờ cao su) một căn bệnh khá phổ biến trong đời sống xã hội hiện nay.  *+ Phát hiện, trả lời.*  - Sai hẹn  - Đến chậm  - Thiếu tôn trọng người khác.  *+ HS trao đổi trả lời :*  \* Trong bài viết tác giả phân tích và nêu rõ vấn đề được quan tâm của bệnh lề mề:  - Xuất hiện trong nhiều cơ quan, đoàn thể trở thành căn bệnh khó chữa.  *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân*  + Căn bệnh này có nhiều biểu hiện khác nhau:  - Đi họp  - Đi hội thảo  và kèm theo suy nghĩ của mình về hiện tượng đó: “Hiện tượng này xuất hiện ở nhiều cơ quan, đoàn thể trở thành một bệnh khó chữa.”  *+ HS phát hiện, chỉ ra nhưng nguyên nhân.*  - Coi thường việc chung.  - Thiếu lòng tự trọng.  - Đề cao mình mà không tôn trọng người khác.  *+ HS liệt kê tác hại*  - Làm phiền mọi người.  - Làm mất thời gian của người khác.  - Tạo ra tập quán không tốt.  *+ Suy nghĩ, trả lời.*  - Phải kiên quyết chữa bệnh lề mề.  - Vì cuộc sống văn minh hiện đại, mọi người phải biết tôn trọng và hợp tác với nhau.  *+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét.*  + Rất mạch lạc, chặt chẽ vì:  - Đoạn đầu: người viết nêu nhận định.  - Các đoạn 2, 3, 4: người viết phân tích nguyên nhân, tác hại của bệnh lề mề.  - Đoạn kết: người viết đề ra những biện pháp để khắc phục.  *+ Khái quát, trả lời, HS khác bổ sung.*  - Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê, hay có vấn đề đáng suy nghĩ.  *+ Xác định, nêu yêu cầu.*  Về nội dung kiểu bài này phải:  - Nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề.  - Phải phân tích được mặt đúng, mặt sai, mặt lợi, mặt hại của sự việc, hiện tượng.  - Phải chỉ ra được nguyên nhân, bày tỏ rõ quan điểm, thái độ của người viết.  *+ Chỉ rõ yêu cầu về hình thức.*  Về hình thức:  - Bài viết phải có bố cục mạch lạc.  - Luận điểm phải rõ ràng, luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp.  - Lời văn chính xác, sống động.  *\* Đọc, nghe, tự cảm hiểu.*  *HS đọc ghi nhớ* | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Tìm hiểu bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**  ***1. Văn bản: Bệnh lề mề***  ***2. Nhận xét:***  \* *Vấn đề cần bàn luận*:  Bệnh lề mề (giờ cao su) một căn bệnh khá phổ biến trong đời sống xã hội hiện nay.  \* *Biểu hiện*:  - Sai hẹn  - Đến chậm  - Thiếu tôn trọng người khác.  \* *Lí lẽ dẫn chứng dùng để phân tích*:  \* *Những nguyên nhân tạo nên bệnh lề mề*:  \* *Tác hại của bệnh lề mề*:  - Làm phiền mọi người.  - Làm mất thời gian của người khác.  - Tạo ra tập quán không tốt.  \* *Đánh giá hiện tượng*:  \* *Bố cục bài viết*:  ***\* Khái niệm:***  Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê, hay có vấn đề đáng suy nghĩ.  \* *Nội dung*:  \* *Hình thức*:  **\* Ghi nhớ**( SGK) |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 8 -12p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | |
| **II.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.**  H. Những đơn vị kiến thức gì các em cần nắm vững qua bài học hôm nay?  *\* Gọi HS đọc yêu cầu BTTN và trả lời, làm bài vào phiếu học tập để củng cố kiến thức.*  *\* Cho HS xác định yêu cầu được nêu ra trong bài tập.*  *\* HS tìm, xác định các gương sau:*  *\* Cho HS xác định yêu cầu được nêu ra trong bài tập.* | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập, củng cố.**  *HS khái quat kiến thức trọng tâm qua nội dung ghi nhớ SGK*  *\* HS xác định yêu cầu được nêu ra trong bài tập.*  *\* HS tìm, xác định các gương sau:*  *\* HS xác định yêu cầu được nêu ra trong bài tập.* | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập**:  **Bài 1:**  ***\* Thảo luận***: Nêu các sự việc, hiện tượng tốt, đáng biểu dương của các bạn trong nhà trường, ngoài xã hội.  - Gương những học sinh nghèo vượt khó.  - Góp ý, phê bình bạn khi bạn có khuyết điểm.  - Những gương tốt giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, những người có công với cách mạng.  - Bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên, môi trường.  - Thực hiện, chấp hành nghiêm túc luật an toàn giao thông.  - Chấp hành và thực hiện nghiêm túc pháp lệnh không sản xuất, tàng trữ, mua bán, sử dụng pháo và các chất cháy nổ.  - Nói ‘không với ma tuý và các tệ nạn xã hội.” v. v.  \* Trong các sự việc, hiện tượng trên, những sự việc, hiện tượng có thể viết bài văn nghị luận:  - Gương học sinh nghèo vượt khó.  - Bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên, môi trường.  - Thực hiên, chấp hành nghiêm túc luật an toàn giao thông.  - Nói “không với ma tuý và các tệ nạn xã hội”.  **Bài 2:** Hiện tượng hút thuốc lá và hậu quả của nó hết sức khôn lường, là hiện tượng đáng viết một bài văn nghị luận vì:  - Thứ nhất, nó liên quan đến sức khoẻ của mỗi cá nhân người hút, ảnh hưởng đến sức khoẻ của cộng đồng và vấn đề nòi giống.  - Thứ hai, hút thuốc liên quan đến vấn đề vệ sinh, ô nhiễm môi trường. Khói thuốc tạo nên bao mầm cho người hút và những người đang sống xung quanh người hút.  - Thứ ba, hút thuốc gây tốn kém tiền bạc, kinh tế và tạo ra các tệ nạn xã hội khác. | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng phép lập luận giải thích

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Tìm một số sự việc hiện tượng đáng biểu dương và đáng phê phán trong trường em ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Sưu tầm các đoạn văn nghị luận về các sự việc hiện tượng đời sống mà em biết | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc cách làm một bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống..

- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Đọc và trả lời câu hỏi chuẩn bị trước bài:

*Cách làm bài nghị luận về một sự vật, hiện tượng đời sống.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 20**

**Tiết 93**

**CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT SỰ VẬT, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Đối tượng và yêu cầu khi làm bài văn nghị luận vè một sự việc hiện tượng đời sống

**2. Kỹ năng** :

- Rèn kĩ năng làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Liên hệ: ***Ra đề kiểm tra hoặc bài tập có liên quan đến đề tài môi trường***.

- Nhận thức rõ nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống là một hình thức nghị luận phổ biến trong đời sống

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc, cẩn thận khi làm bài

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

**2. Kỹ năng** :

- Nắm được bố cục của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Quan sát các hiện tượng của đời sống.

- Làm làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

**3. Thái độ : Nghiêm túc, cẩn thận khi viết văn nghị luận.**

**4. Tích hợp liên môn : GDCD, Lịch sử**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**1. Thầy:** - Mỏy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trũ:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:**

Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

Thế nào là nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?

Những yêu cầu về nội dung và hình thức của kiểu bài này?

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| Gv nêu câu hỏi:  ? Để làm tốt một bài văn , chúng ta cầm làm gì?  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS quan sát, nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 100 . **Nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 20-22p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu bài:**  **1.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu cấu trúc các đề bài trong SGK*.***  *\*GV chiếu 4 đề bài trong SGK (22) yêu cầu HS đọc:*  \*Gọi HS nhận xét cấu trúc đề bài:  H. Các đề bài trên có điểm chung gì giống nhau?  H. Cũng như các kiểu văn bản khác, khi viết kiểu bài này ta phải thực hiện những bước nào?  *\* Hướng dẫn HS thực hiện các thao tác làm bài.*  ***Thao tác 1***: Tìm hiểu đề và tìm ý.  H. Khi tìm hiểu đề và tìm ý trong một bài văn ta cần thực hiện mấy yêu cầu? Đó là gì?  H. Hãy xác định kiểu bài (thể loại) của 4 đề bài trên?  H. Nội dung cần nghị luận trong từng đề bài là gì?  H. Khi viết các đề bài ta sử dụng những nguồn tư liệu nào?  ***( Tích hợp môn Lịch sử)***  ***Thao tác 2:*** **Hướng dẫn HS lập dàn ý.**  *\* GV giới thiệu sơ bộ bố cục của kiểu bài này (Chiếu lên bảng phụ)*  *\* GV nhận xét khái quát và chuyển ý.*  **2.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**  *\* Gọi HS đọc đề bài SGK/ 23.*  *\* Hướng dẫn HS các thao tác cần triển khai với đề bài này.*  H. Đề thuộc loại gì?  H. Đề nêu hiện tượng sự việc gì?  H. Đề yêu cầu làm gì?  *\* Yêu cầu HS đọc mô hình lập dàn ý của đề bài theo SGK.*  *\* Gọi HS đọc 2 yêu cầu theo SGK.*  *\* Hướng dẫn HS viết từng phần*.  H. Căn cứ vào mô hình chung mục I, hãy viết đoạn Mở cho đề bài trên?  \* *HS viết đoạn và yêu cầu lên bảng chữa bài.*  H. Nếu phải viết đoạn kết cho bài viết này em sẽ trình bày ý kiến kết luận gì về tấm gương Phạm Văn Nghĩa?  H. Qua các bài tập vừa tìm hiểu, em rút ra kết luận gì về cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?  H. Dàn ý chung của kiểu bài này thế nào? (Nội dung từng phần trong dàn bài của bài viết)  H. Khi làm bài cần chú ý điều gì?  \* GV yêu cầu HS đọc lại nội dung phần Ghi nhớ SGK (24)  *\* GV khái quát và chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I.Hư­­ớng dẫn HS tìm hiểu bài:**  **1. HS tìm hiểu cấu trúc các đề bài trong SGK*.***  *+ HS quan sát, đọc, nghe, động não và suy nghĩ.*  - Cả 4 đề bài đều thuộc kiểu nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  *\* HS trao đổi nhắc lại kiến thức cũ: Theo 4 bước thông thường:*  - Tìm hiểu đề  - Tìm ý và lập dàn ý  - Tạo lập văn bản  - Kiểm tra, đánh giá  \* 3 yêu cầu:  - Xác định kiểu bài  - Định hướng nội dung  - Định hướng tư liệu cần sử dụng khi làm bài.  + Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  - Đề 1: Bàn luận về gương một học sinh nghèo vượt khó.  - Đề 2: Bàn luận về tội ác chiến tranh: Nỗi đau da cam do đế quốc Mĩ gây ra cho dân tộc ta.  - Đề 3: Tác hại của trò chơi điện tử.  - Đề 4: Trình bày những suy nghĩ về con người và thái độ học tập của Trạng nguyên Nguyễn Hiền qua mẩu chuyện.  *+ HS trao đổi nhóm bàn và nêu ý kiến:*  + Sử dụng 2 nguồn tư liệu:  - Vốn sống trực tiếp: Đó là vốn sống của cá nhân mỗi người. Vốn sống này được tích luỹ bằng tuổi đời, bằng kinh nghiệm của mỗi con người.  - Vốn sống gián tiếp: Đó là những tri thức có được do học tập, tự đọc, tự học, tự nghiên cứu.  *HS quan sát và ghi chép*  \* 3 phần:  1. Mở bài: Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.  2. Thân bài: Phân tích các mặt, các biểu hiện, có liên hệ, đánh giá, nhận định.  3. Kết bài: Kết luận khẳng định, phủ định nêu lời khuyên.  **2. HS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**  *\* Đọc, nghe, suy nghĩ.*  + Kiểu bài: Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  + Nội dung: Phạm Văn Nghĩa tấm gương về người tốt, việc tốt trong học sinh.  + Phạm vi tư liệu:  - Vốn sống trực tiếp: Phải có vốn lí lẽ, lí luận, lập luận cho nội dung phân tích khi viết bài viết trên.  - Vốn sống gián tiếp: Cần liên hệ, mở rộng, nội dung bài viết bằng những câu chuyện, mẩu chuyện tìm hiểu trên sách bài, truyền hình, qua hệ thống thông tin hàng ngày.  *\* Đọc, nghe, tự tìm hiểu.*  *+ HS viết*  - Hàng ngày, cuộc sống quanh ta có rất nhiều gương sáng về ý chí, nghị lực, vươn lên để chiến thắng chính mình. Trong số đó, có không ít những tấm gương ở lứa tuổi học sinh, thiếu niên mà Phạm Văn Nghĩa là tấm gương tiêu biểu.  *+ HS trình bày.*  Phạm Văn Nghĩa chỉ là một trong vô số những tấm gương về học sinh nghèo vượt khó. Bên cạnh những gương tốt như Nghĩa, hiện nay trong học sinh chúng ta vẫn còn không ít các bạn chưa ngoan, xác định chưa đúng động cơ học tập. Vì thế chúng ta cần phân biệt gương tốt, gương xấu. Học tập và làm theo gương tốt, bài trừ, thanh lọc gương xấu để xây dựng môi trường sạch trong học đường.  *+ HS nhận xét về cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống :*  + Muốn làm tốt bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống phải tìm hiểu kĩ đề bài, phân tích sự việc, hiện tượng đó để tìm ý, lập dàn ý, viết bài và sửa chữa sau khi viết.  *+ Dàn bài chung:*  - Mở bài: Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.  - Thân bài: Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá, nhận định.  - Kết bài: Kết luận, khẳng định, phủ định, lời khuyên.  *+ HS nêu chú ý*:  Bài làm cần lựa chọn góc độ riêng để phân tích, nhận định; đưa ra các ý kiến, có suy nghĩ và cảm thụ riêng của người viết.  *+ HS đọc lại nội dung phần Ghi nhớ SGK (24)* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Tìm hiểu đề bài:**  ***1.Điểm giống nhau:***  - Cả 4 đề bài đều thuộc kiểu nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  ***2. Cách làm bài:***  *a. Tìm hiểu đề và tìm ý:*  **a.1**: Xác định kiểu bài:  **a.2:** Nội dung nghị luận:  - Đề 1: Bàn luận về gương một học sinh nghèo vượt khó.  - Đề 2: Bàn luận về tội ác chiến tranh: Nỗi đau da cam do đế quốc Mĩ gây ra cho dân tộc ta.  - Đề 3: Tác hại của trò chơi điện tử.  - Đề 4: Trình bày những suy nghĩ về con người và thái độ học tập của Trạng nguyên Nguyễn Hiền qua mẩu chuyện.  **a.3**: Phạm vi tư liệu cần sử dụng khi làm bài:  ***b. Lập dàn ý:***  \* 3 phần:  A. *Mở bài*: Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.  B. *Thân bài*: Phân tích các mặt, các biểu hiện, có liên hệ, đánh giá, nhận định.  C.*Kết bài*: Kết luận khẳng định, phủ định nêu lời khuyên.  **II. Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**  ***\* Đề bài:***  ***1. Tìm hiểu đề, tìm ý:***  + Kiểu bài: Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  + Nội dung: Phạm Văn Nghĩa tấm gương về người tốt, việc tốt trong học sinh.  + Phạm vi tư liệu:  - Vốn sống trực tiếp:  - Vốn sống gián tiếp:  ***2. Lập dàn ý****: SGK*  ***3. Viết bài:***  a. Mở bài:  b. Kết bài:  + Muốn làm tốt bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống phải tìm hiểu kĩ đề bài, phân tích sự việc, hiện tượng đó để tìm ý, lập dàn ý, viết bài và sửa chữa sau khi viết.  **+ Dàn bài chung:**  - Mở bài: Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.  - Thân bài: Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, đánh giá, nhận định.  - Kết bài: Kết luận, khẳng định, phủ định, lời khuyên.  **+ Chú ý.**  \* **Ghi nhớ (SGK/24)** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 8 -12p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | |
| **II.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.**  H. Những đơn vị kiến thức gì các em cần nắm vững qua bài học hôm nay?  \* Gọi HS đọc yêu cầu bài tập và làm vào vở bài tập thực hành.  \* GV định hướng HS làm bài và yêu cầu HS lên bảng chữa bài( ***Tích hợp môn GDCD Lớp 7: Bảo vệ môi trường)***  \* GV chữa bài và chốt cách làm bài nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống. | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập, củng cố.**  **+** HS nhắc lại nhữngđơn vị kiến thức cần nắm vững qua bài học ghi nhớ SGK/24  + HS lập dàn ý cho đề 4.  + HS lên bảng chữa bài. | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. Luyện tập:**  **Bài tập:** Nạn phá rừng đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Quan điểm của em thế nào về vấn đề này? |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Em cần làm gì để làm tốt bài văn nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - tiếp tục lập dàn ý cho các đề văn còn lại ? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc cách làm một bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống..

- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Đọc và trả lời câu hỏi chuẩn bị trước bài:

**Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới**

**Tuần 22**

**Tiết 101**

**CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI**

***====== Vũ Khoan =====***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Thấy được nghệ thuật lập luận, giá trị nội dung và ý nghĩa thực tiễn của văn bản.

- Học sinh nhận thức được những điểm mạnh, điểm yếu trong tính cách và thói quen của con người Việt Nam. Yêu cầu gấp rút phải khắc phục điểm yếu, hình thành những đức tính và thói quen tốt khi đất nước đang chuyển mình vào thời kì hiện đại hoá, công nghiệp hoá trong thế kỉ mới. Nắm được trình tự lập luận và nghệ thuật nghị luận của tác giả.

**2. Kĩ năng**

- Học tập cách trình bày một vấn đề có ý nghĩa thời sự.

- **Tích hợp giáo dục kĩ năng sống:** HS tự nhận thức đư­ợc những hành trang bản thân cần đư­ợc trang bị để bư­ớc vào thế kỉ mới. Làm chủ được bản thân có mục tiêu phấn đấu cho bản thân.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức khắc phục điểm yếu, hình thành những đức tính và thói quen tốt khi đất nước đang chuyển mình vào thời kì hiện đại hoá, công nghiệp hoá trong thế kỉ mới.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Tính cấp thiết của vấn đề được đề cập đến trong văn bản.

- Hệ thống luận cứ và phương pháp lập luận trong văn bản.

**2. Kỹ năng** :

- Đọc - hiểu một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Trình bày những suy nghĩ, nhận xét, đánh giá về một vấn đề xã hội.

- Rèn luyện thêm cách viết đoạn văn, bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

**3. Thái độ:** Nghiờm tỳc,làm chủ bản thõn.

4. **Tích hợp kiến thức liên môn: GDCD9 : Lí tưởng sống của thanh niên**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:**

- Máy chiếu, bảng phụ.

- Cuốn sách: Một góc nhìn của tri thức (Tập 1) NXB Trẻ TP Hồ Chí Minh-2002.

- Chân dung Phó Thủ tướng Vũ Khoan.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Trũ:**

- Truy cập trên mạng một số gương sáng trong thế hệ trẻ VN.

- Tìm hiểu và sưu tầm các thông tin về tác giả, tác phẩm.

- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.

- Trả lời cỏc câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp.

**\* Bước II. Kiểm tra bài cũ:( 4-5p)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra thông tin từ bài trước, rèn ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Phương án:* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

Câu 1 : Hóy cho biết văn nghệ cú những sức mạnh kỳ diệu nào ?

Câu 2 : Vỡ sao khi đọc một bài thơ hay, ta đọc đi đọc lại nhiều lần ?

Câu 3 : Đọc một đoạn thơ mà em nhớ nhất. Thử giải thớch lớ do mà em thớch ?

**Bước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV nêu câu hỏi:  ? Em nhận xét gì về vị trí của đất nước ta trong nền kinh tế toàn cầu?  Từ phần nhận xét, gv dẫn dắt giới thiệu vào bài.  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS quan sát, nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  Tiết 106,107:  CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI(VŨ KHOAN**)** |

**HOẠT ĐỘNG 2:** TRI GIÁC

***+*** *Mục tiêu*: Nắm được cách đọc, những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm và các từ khó.

+ *Phương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não.

+ *Thời gian*: Dự kiến 10-12p

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. Hư­ớng dẫn HS đọc.** | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I.HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **1. HS đọc.** | | | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- Chú thích**  ***1. Đọc:*** | |
| H. Với văn bản này, theo em khi đọc ta cần đọc thế nào cho đúng?  *\* Gọi 3 HS đọc toàn bộ văn bản- GVnhận xét, đánh giá cách đọc.*  - Bài viết đề cập tới một vấn đề rất hệ trọng nhưng không cao giọng, thuyết giáo mà gần gũi, giản dị. | *- HS nghe hướng dẫn cách đọc, đọc cá nhân, cả lớp nghe, nhận xét.*  + Cần thể hiện đúng tình cảm, thái độ của tác giả qua giọng điệu:  - Giọng trầm tĩnh, khách quan nhưng không cao giọng thuyết giỏo | | | | |  | |
| **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chú thích.**  H. Em biết gỡ về tỏc giả Vũ Khoan  H. Tác giả viết bài này vào thời điểm lịch sử nào?  H: Đoạn trích học có nguồn gốc xuất xứ từ đâu? Nội dung bài viết đề cập tới vấn đề gì?  \*GV kiểm tra việc học từ khó của HS. Nêu nhận xét về các tù khó?  \* ***Chuyển ý:*** Muốn hiểu rõ các giá trị cơ bản của bài viết, chúng ta tìm hiểu phần 2. | **2. HS tìm hiểu chú thích.**  *+ HS nêu theo chú thích, trả lời cá nhân.*  - Nguyên là Phó Thủ tướng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  - Ông là nhà hoạt động chính trị, ngoại giao lớn đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy Nhà nước: Thứ trưởng Bộ ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại.  *+ Nêu theo vốn hiểu, HS khác bổ sung.*  ***-Thời điểm sáng tác:*** 2001, năm đầu tiên của TK mới - là năm Việt Nam bước sang thế kỉ mới với những mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản là trở thành một nước CN vào năm 2002  - Bài viết đăng trên Tạp chí ***Tia sáng*** năm 2001, in trong cuốn Một góc nhìn của tri thức- Nhà xuất bản Trẻ TP Hồ Chí Minh-2002.  - Nội dung bài viết đề cập tới những mặt mạnh, mặt yếu của con người Việt Nam và yêu cầu đổi mới trước đòi hỏi của thời đại.  *+ HS trao đổi trong bàn việc hiểu từ khú****: Hầu hết là thuật ngữ kinh tế- chính trị*** | | | | | ***2. Chú thích:***  ***a. Tác giả(SGK)***  ***b. Tác phẩm:***  - Bài viết đăng trên Tạp chí ***Tia sáng*** năm 2001, in trong cuốn Một góc nhìn của tri thức- Nhà xuất bản Trẻ TP Hồ Chí Minh-2002.  ***c. Từ khó (SGK)*** | |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản.**  *\* Yêu cầu HS thảo luận theo Kĩ thuật KTB(5p)* | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. HS tìm hiểu văn bản.**  **1. HS tìm hiểu khái quát văn bản.**  *+ HS thảo luận theo KTKTB(5p*) | | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Tìm hiểu khái quát.** | |
| H. PTBĐ chính của VB là gì? Vì sao em x/định như vậy?  -Bài viết đã nêu vấn đề gì? Ý nghĩa thời sự và ý nghĩa lâu dài của vấn đề đó?  H: Bài viết nêu vấn đề và triển khai bằng hệ thống luận điểm nào?  **H**: Nhận xột bố cục? | ***-PTBĐ:*** nghị luận (Vì t/giả bàn về một v/đề ktế, XH mà mọi người đang quan tâm.  .  ***-Vấn đề:*** Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới với luận điểm: ''Lớp trẻ Việt Nam....nền kinh tế mới''  +Ý nghĩa thời sự: thời điểm chuyển giao giữa 2 TK, 2 thiên niên kỉ.  +Ý nghĩa lâu dài: là quá trình đi lên của đất nước | | | | | ***-PTBĐ:*** nghị luận (Vì t/giả bàn về một v/đề ktế, XH mà mọi người đang quan tâm.  ***- Vấn đề nghị luận*** | |
| CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nhận ra những  điểm mạnh  của con người  Việt Nam  để rèn thói  quen tốt  bước vào nền  kinh tế mới | Vai  trũ  quan  trọng  của  con  người | Bối  cảnh  thế giới  và  những  nhiệm  vụ của  đất nước | Những  điểm  mạnh  và yếu  của con  người  Việt Nam | Phải lấp  đầy hành  trang  bằng  điểm  mạnh  vứt bỏ  điểm yếu |   - Bố cục chặt chẽ, lụgic | | | | | | |
| **2. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | **2.HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | | | | **2. Tìm hiểu chi tiết văn bản.** | |
| H. Theo dõi phần ĐV Đ. Hãy cho biết:  -Luận điểm chính được nêu trong phần MB là gì?  - Trong phần đặt vấn đề, tác giả nhằm vào đối tượng nào ? mục đích là gỡ ?  - Nhận xét cách đặt vấn dề của tác giả ?  -V/ đề đó giúp em hiểu thêm điều gì về t/giả qua mối quan tâm này của ông? | *+ Theo dõi suy nghĩ, trả lời cá nhân, giải thích lí do.*  - Đối tượng : Lớp trẻ Việt Nam  -Mục đích : Nhận ra cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam, Để rèn những thúi quen tốt khi bước và nền kinh tế mới.  - Đặt vấn đề ngắn gọn, súc tích, thuyết phục    ->T/giả là người có tầm nhìn xa, trông rộng, lo lắng cho tiền đồ của đất nước. | | | | | ***a.Phần đặt vấn đề***  -LĐ chính: Lớp trẻ Việt Nam....nền kinh tế mới. | |
| *\* GV cho HS theo dõi đoạn: ''Trong những..... nổi trội''.*  H. Trong bài, để đáp ứng những đũi hỏi của thế kỉ mới,tác giả cho rằng: “Trong những hành trang ấy ... là quan trọng nhất”.  Theo em, t/giả nói như vậy có đúng không? Vì sao?  *\*GV chốt lại:*  *(Đây là luận cứ quan trọng mở đầu cho cả hệ thống luận cứ của VB, có ý nghĩa đặt vấn đề , mở ra hướng lập luận của toàn VB.)* | *+ Quan sát, phát hiện, suy nghĩ, trả lời theo nhóm.*  - Con người là động lực phát triển của lịch sử.  - Khi nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ thì con người là hạt nhõn. | | | | | ***b.Phần giải quyết vấn đề***  ***\*Những đũi hỏi của thế kỉ mới:***  *- Chuẩn bị hành trang vào TK mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị về con người.*  . | |
| H. Gọi HS đọc đoạn: "Cần chuẩn bị...điểm yếu của nó''. Nêu yêu cầu:  - Tác giả đã phân tích bối cảnh thế giới hiện nay như thế nào? Em thử lấy ví dụ để làm rõ điều đó?  -Trên cơ sở bối cảnh TG hiện nay, tác giả đã xác định những n/vụ nào đối với đất nước ta? Em có nhận xét gì về các n/vụ này?  *\*Đây là những thời cơ và thách thức đặt ra cho đất nước ta được t/giả nêu lên và giải thích 1 cách khúc triết sáng tỏ* | *+ HS đọc đoạn, phân tích, trả lời theo nhóm cặp*  -Bối cảnh của thế giới hiện nay.  +Khoa học và công nghệ ph/triển như huyền thoại  VD: Ti vi: Đen → màu→ tinh thể lỏng,...  +Sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng.  VD: Việt Nam trở thành thành viên của WTO  - Nhiệm vụ:  +Thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của nền kinh tế Việt Nam.  +Đẩy mạnh CNH - HĐH  +Tiếp cận với nền kinh tế tri thức. | | | | | **\* Bối cảnh của thế giới hiện nay.**  - Nhiệm vụ:  ⇒Nhiệm vụ cụ thể, sát hợp với tình hình thực tế của đất nước. | |
| *\* Gọi HS đọc đoạn: “Cái mạnh của con người VN ... kinh doanh và hội nhập''.*  *-GV phát phiếu học tập có câu hỏi sau:*  1.Tóm tắt những điểm mạnh và yếu của người Việt Nam?  2. Nhận xét cách lập luận của tác giả khi phân tích những điểm mạnh và yếu của người VN? Tác dụng của cách lập luận này?  3. Nhận xét thái độ của tác giả khi nêu ra những điểm mạnh và yếu đó?  \**GV nhận xét, bổ sung trên bảng phụ.* | *+ Đọc đoạn, nhận phiếu, thảo luận theo kĩ thuật động não, trả lời.*  ***Điểm yếu***  -Thiếu kiến thức cơ bản, khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế  -Thiếu tỉ mỉ, chưa có thói quen tôn trọng quy định nghiêm ngặt của công việc, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ...  -Đố kị nhau trong làm ăn và trong cuộc sống  -Hạn chế trong thói quen, nếp nghĩ, kì thị kinh doanh, quen với bao cấp, thói sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói khôn vặt, ít giữ chữ ‘’tín’’.  - Thiếu tính cộng đồng trong làm ăn kinh tế. | | | | | ***\*Những điểm mạnh và yếu của con người Việt Nam.***  ***Điểm mạnh***  -Thông minh, nhạy bén với cái mới  -Cần cù, sáng tạo  -Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc trong k/c chống ng/xâm.  -Có bản tính thích ứng nhanh. | |
| *\*GV bổ sung thêm:*  -Nếu chỉ thiên về những cái hay,cái tốt, cái mạnh->Hiểu không đúng, ngộ nhận.  -Nếu đề cao quá mức -> tự thoả mãn, không học ->cản trở sự phát triển của đ/nước | **\*Cách lập luận và phân tích:**  -Nêu từng điểm mạnh đi liền với những điểm yếu.  -Điểm mạnh và điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu XD và phát triển đất nước hiện nay.  **\*Thái độ của tác giả:**  -Tôn trọng sự thật  -Nhìn nhận vấn đề khách quan, toàn diện, không thiên lệch về một phía  -Khẳng định và tôn trọng những phẩm chất tốt đẹp đồng thời cũng thẳng thắn chỉ ra những mặt yếu kém không rơi vào sự đề cao quá mức hoặc tự ti, miệt thị dân tộc. | | | | |  | |
| H. Phần kết thúc vấn đề, tác giả nêu ra những yêu cầu gì đối với mọi người, đối với thế hệ trẻ trước yêu cầu của thời đại? | *+ Nêu yêu cầu, trả lời cá nhân* Đề ra những yêu cầu:  .+Lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu  +Trân trọng những giá trị tốt đẹp của truyền thống, phê phán những biểu hiện yếu kém cần khắc phục của con người Việt Nam | | | | | ***c.Phần kết thúc vấn đề:***  Đề ra những yêu cầu:  -Với mọi người: Phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ điểm yếu.  -Với lớp trẻ: Nhận ra và quen dần với những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhất. | |
| H. Em hiểu “thói quen ... việc nhỏ nhất” là như thế nào? Bản thân em thấy mình cần phải làm gì? | *+ HS tự liên hệ bản thân*  “Thói quen .... nhỏ nhất”: giờ giấc học tập, nghỉ ngơi; thói quen lao động, định hướng nghề nghiệp.... | | | | |  | |
| H. Trong bài viết, tác giả đề cập đến tư tưởng “sùng ngoại”. Tư tưởng ấy có những biểu hiện như thế nào?  H. Trước tư tưởng trên, thái độ của chúng ta như thế nào để giữ gìn bản sắc dân tộc Việt?  *+ GV HD HS nhận xét và đưa ra dụng ý của tác giả trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam (liên hệ với tấm gương Hồ Chí Minh)*  H. Qua bài viết, em có nhận xét gì về nghệ thuật lập luận của tác giả?  H: Đọc văn bản …em nhận thức rõ hơn về những đặc điểm nào trong tính cách của con ngườiViệt Nam trước yêu cầu mới của thời đại ? Những điều lớp trẻ cần nhận ra là gì? Em hiểu những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhất là gì?  GV: Tg đã đặt lòng tin trước hết vào lớp trẻ. Đó là sự lo lắng, tin yêu và hi vọng...  ***\* GV khái quát và chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.*** | *+ Thảo luận nhóm bàn, trả lời.*  *\* Tư tưởng sùng ngoại biểu hiện:*  + Thích dùng đồ ngoại:  - Đồ dùng ngoại  - Tiện nghi sinh hoạt ngoại  - Ô tô, xe máy ngoại  - Nhà xây kiểu MODEL ngoại…  + Sử dụng, lưu giữ văn hoá ngoại:  - Thích xem văn hoá, phim ảnh ngoại.  - Ăn mặc, để tóc kiểu ngoại  - Cách bày trí tiện nghi sinh hoạt ngoại....  - Làm hàng nhái ngoại…  *+ Tự do bộc lộ*  *\* Thái độ của mỗi người:*  - Hạn chế dùng hàng ngoại khuyến khích người Việt Nam dùng hàng Việt Nam.  - Năng động, sáng tạo, có nhiều phát minh khoa học cải tiến hàng hoá, nâng cao hiệu quả sản xuất để hội nhập với thế giới.  *+ HS nhận xét:*  - Là bài văn nghị luận vấn đề chính trị, xã hội, nội dung đề cập đến vấn đề có tính thời sự vừa cấp thiết vừa lâu dài.  - Tác giả không dùng cách viết kiểu sách vở, uyên bác mà cách diễn đạt giản dị, thiết thực dựa trên cơ sở thực tiễn mà ai cũng có thể hiểu được.  - Cách nhìn nhận vấn đề khách quan, đúng đắn, lí lẽ và cách lập luận giản dị mà chặt chẽ.  - Giọng điệu điềm tĩnh, chín chắn, giàu sức thuyết phục.  *+* **Rèn luyện kĩ năng sống** : ( HS tự bộc lộ,liên hệ bản thân )   * **Suy nghĩ sáng tạo** : Bày tỏ nhận thức và suy nghĩ cá nhân về điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam và những hành trang thanh niên Việt Nam cần chuẩn bị để bước vào thế kỉ mới .   *Tự do bộc lộ.*  Để đất nước tiến lên, hội nhập cần khắc phục điểm yếu, phát huy điểm mạnh, hình thành thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ. | | | | | | *\* Thái độ của mỗi người:*  - Hạn chế dùng hàng ngoại khuyến khích g người Việt Nam dùng hàng Việt Nam.  - Năng động, sáng tạo, có nhiều phát minh khoa học cải tiến hàng hoá, nâng cao hiệu quả sản xuất để hội nhập với thế giới.  => Là bài văn nghị luận vấn đề chính trị, xã hội, nội dung đề cập đến vấn đề có tính thời sự vừa cấp thiết vừa lâu dài. |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát.**  **1. Đánh giá nội dung , nghệ thuật**  H. Trong bài viết, tác giả Vũ Khoan đã nêu ra hệ thống luận cứ như thế nào để khẳng định  Nội dung bài viết đề cập tới những mặt mạnh, mặt yếu của con người Việt Nam và yêu cầu đổi mới trước đòi hỏi của thời đại?  H. Nêu những thành công về nghệ thuật trong bài viết của tác giả?  H.Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 30?  **2. Hư­ớng dẫn HS nêu ý nghĩa văn bản**.  H.Nêu ý nghĩa của văn bản?  \* *GV liên hệ mở rộng* từ ý nghĩa văn bản về nhiệm vụ của thế hệ tre hiện nay.  **GV khái quát kiến thức trọng tâm và chuyển ý.** | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS đánh giá, khái quát.**  **1. Đánh giá nội dung , nghệ thuật**  *+Nội dung: Hệ thống luận cứ của văn bản:*  *-* Vấn đề quan trọng nhất khi bước vào thế kỉ mới là sự chuẩn bị bản thân con người.  - Bối cảnh chung của thế giới hiện nay đã đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề cho đất nước ta.  - Những điểm mạnh, điểm yếu trong tính cách, thói quen của con người Việt Nam cần được nhìn nhận rõ khi bước vào thế kỉ mới.  *+ Nghệ thuật:*  - Sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ thích hợp làm cho câu văn vừa sinh động, cụ thể, lại vừa ý vị, sâu sắc mà vẫn ngắn gọn.  - Sử dụng ngôn ngữ báo chí gắn với đời sống bởi cách nói giản dị, trực tiếp, dễ hiểu; lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục.  *+ HS đọc ghi nhớ SGK/ 30*  **2.HS nêu ý nghĩa văn bản.**  - HS nêu ý nghĩa của văn bản:  Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam; từ đó cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế để xây dựng đất nước trong thế kỉ mới. | | **I*- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **II. Tổng kết**:  *1. Nội dung.*  *2. Nghệ thuật*  **\**Ghi nhớ*** SGK trang 30  ***3.Ýnghĩa văn bản:***Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam; từ đó cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế để xây dựng đất nước trong thế kỉ mới. | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | | | | | | |
| **IV. Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  H.Giáo viên yêu cầu cho học sinh đọc và xác định đề bài làm bài tập.  *GV định hướng giúp HS làm bài*  *GV nhận xét, sửa chữa, bổ sung.* | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV.HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.**  *+ HS xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện trên phiếu học tập.* | | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**:  *Bài tập 1*:  1. Em hãy nêu rõ những dẫn chứng trong thực tế xã hội và nhà trường để làm rõ một số điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam.  2. Em thấy ở bản thân mình có điểm mạnh, điểm yếu nào trong những điều tác giả đã nêu và cả những điều tác giả chưa nói tới? Nêu phương hướng khắc phục? | | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em thấy mình phải làm gì để bước vào thế kỉ mới ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc tư liệu về Cuốn sách: Một góc nhìn của tri thức (Tập 1) | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học học bài, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản và nội dung phần Ghi nhớ.

- Tóm tắt lại hệ thống các luận điểm tác giả trình bày trong bài viết.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Tìm hiểu một số vấn đề về tư tưởng đạo lí ở địa phương.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 22**

**Tiết 102**

**HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần Tập làm văn)**

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 22**

**Tiết 103**

**CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP (TIẾP)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Nắm được đặc điểm và công dụng của các thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú. trong câu.

- Học sinh nhận biết hai thành phần biệt lập: Gọi- đáp và phụ chú.

**2. Kỹ năng** :

- Biết đặt câu có thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen sử dụng hai thành phần biệt lập: Gọi- đáp và phụ chú phù hợp

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Đặc điểm của thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú.

- Công dụng của thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú.

**2. Kỹ năng** :

- Nhận diện thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú trong câu.

- Đặt câu có thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú.

**3. Thái độ:** Nghiêm túc trong đặt câu, viết đoạn văn, bài văn.

4. **Tích hợp liên môn:** Tích hợp phần văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy:** - Mỏy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Trũ:** - Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.

- Chuẩn bị phiếu học tập**,** sách BT, BTTN

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* B­ước I. Ổn định tổ chức lớp:** Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trư­ởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước II. Kiểm tra bài cũ:(4-5’)**

*+ Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức chuẩn bị bài ở nhà.

*+ Ph­ương án:* Kiểm tra tr­ước khi tìm hiểu bài

+ Thành phần tình thái là gì? Đặt câu có thành phần tình thái?

+ Thế nào là thành phần cảm thán? Cho ví dụ?

**\* B­ước III: Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - Gv nêu câu hỏi  ? Ngoài thành phần tình thái và cảm thán em thấu còn thành phần nào khác?  *- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới*  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 103 . CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP (TIẾP) |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15 - 18p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I.Hư­­ớng dẫn HS hình thành khái niệm về thành phần gọi- đáp.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS hình thành khái niệm về thành phần gọi- đáp.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Thành phần gọi- đáp**  **1. Ví dụ** |
| *\* GV trình chiếu 2 phần trích SGK (31) lên bảng. Gọi HS đọc, gọi trả lời cá nhân.*  H. Trong những từ ngữ in đậm trên đây, từ ngữ nào dùng để gọi, từ ngữ nào dùng để đáp? | *+ HS động não, trao đổi và tìm hiểu bài.*  *- Đọc, nghe, suy nghĩ, nhận xét.*  + Từ “Này” (ví dụ a): dùng để gọi.  + Cụm từ “Thưa ông” (ví dụ b): dùng để đáp. | | → “Này”: dùng để gọi.  - “Thưa ông”: dùng để đáp. |
| H. Những từ và cụm từ để gọi hay để đáp trong 2 ví dụ trên có tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu hay không? | *+ HS trao đổi nhóm cặp và nhận xét:*  - Những từ dùng để gọi hay đáp lại lời của người khác không nằm trong việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu. | | → Những từ ngữ trên không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu. |
| H. Trong từ “Này” (ví dụ a) và cụm từ “Thưa ông” từ ngữ nào được dùng để tạo lập cuộc thoại, từ ngữ nào được dùng để duy trì cuộc thoại đang diễn ra? | *+ HS trao đổi nhóm bàn, trả lời, nhận xét.*  + Từ “Này” (ví dụ a) được dùng để thiết lập quan hệ giao tiếp (mở đầu sự giao tiếp).  + Cụm từ “Thưa ông) (ví dụ b) được dùng để duy trì sự giao tiếp. | | → Từ “Này”: dùng để thiết lập quan hệ giao tiếp.  - Cụm từ “Thưa ông”: dùng để duy trì sự giao tiếp. |
| H. Gọi những từ ngữ có những đặc điểm như các từ in đậm trong 2 ví dụ trên là thành phần gọi- đáp. Em rút ra kết luận gì về thành phần này?  \****Chuyển ý:***Ngoài thành phần gọi đáp, tiếng Việt còn có thành phần phụ chú (hay chú thích). | *+ HS nhận xét và rút ra khái niệm SGK tr 32.*  + Thành phần gọi-đáp được dùng để duy trì hoặc tạo lập cuộc thoại trong giao tiếp. | | **2. Ghi nhớ 1**  - Thành phần gọi-đáp được dùng để duy trì hoặc tạo lập cuộc thoại trong giao tiếp.  - Cấu tạo: Có thể có 1 từ → 1 ngữ  - Vị trí thường đứng biệt lập trong câu. |
| **II. Hư­­ớng dẫn HS hình thành khái niệm về thành phần phụ chú.** | **II. HS hình thành khái niệm về thành phần phụ chú.** | | **II. Thành phần phụ chú.** |
| *\* GVchiếu 2 ví dụ SGK lên màn hình yêu cầu HS đọc. Gọi trả lời.*  H. Nếu bỏ các từ ngữ in đậm, nghĩa sự việc của các câu trên có thay đổi không? Vì sao?  ***\* GV nhấn mạnh: chứng tỏ đây là thành phần biệt lập không phải là một bộ phận thuộc cấu trúc cú pháp của câu*** | *+ Quan sát, đọc, nghe, suy nghĩ.Trả lời cá nhân*  + Nếu bỏ các từ ngữ in đậm “*và cũng là đứa con duy nhất của anh*” (ví dụ a)  + Câu “*tôi nghĩ vậy*” (ví dụ b) vẫn không thay đổi.  - Vì cụm từ “và cũng là đứa con duy nhất” dùng để giải thích cho danh từ “đứa con gái”.  - Câu “tôi nghĩ vậy”: dùng để giải thích tâm trạng, tâm lí của nhân vật “tôi”. | | **1. Ví dụ:**  a, Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh **và cũng là đứa con duy nhất của anh**, ch­ưa đầy 1 tuổi  (Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà)  b, Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy** và tôi càng buồn lắm  (Nam Cao - Lão Hạc)  =>Nghĩa sự việc của câu không thay đổi. |
| H. Gọi các từ và câu in đậm trong 2 ví dụ trên là thành phần phụ chú. Hãy cho biết thành phần này có đặc điểm gì? | + HS trao đổi và nêu khái niệm SGK (32)  + Thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. (nguyên nhân, điều kiện, sự t­ơng phản, mục đích, thời gian )  - Nêu thái độ của ngư­­ời nói  - Nêu xuất xứ của lời nói, của ý kiến | | **2. Ghi nhớ 2**  **- Công dụng:** Thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. |
| H. Xét về dấu hiệu ngữ pháp trong câu, thành phần phụ chú có đặc điểm gì? | *+ HS nêu dấu hiệu nhận biết, HS khác bổ sung.*  + Thành phần phụ chú thường đặt giữa 2 dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn, hoặc giữa một dấu gạch ngang với 1 dấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú còn được đặt sau dấu hai chấm. | | **+ Dấu hiệu:** Ngăn cách với nòng cốt câu bởi:  - Hai dấu phẩy  - Hai dấu gạch ngang  - Hai dấu ngoặc đơn  - Sau 1 dấu gạch ngang và trư­­ớc 1 dấu phẩy (VDC)  - Sau 1 dấu gạch ngang và trư­­ớc 1 dấu chấm hết câu  - Sau dấu hai chấm |
| H. Căn cứ vào dấu hiệu nào giúp em nhận biết và phân biệt thành phần  phụ chú và thành phần gọi đáp?  *\* GV gọi HS đọc lại phần Ghi nhớ SGK (32).*  H.Sử dụng thành phần phụ chú và thành phần gọi đáp đúng mục đích, phù hợp với ngữ cảnh sử dụng có tác dụng gì?  **\*GV tích hợp:** Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.  \* *GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.* | *+ HS trao đổi nhóm bàn và trả lời câu hỏi:*  + Thành phần gọi-đáp được dùng để duy trì hoặc tạo lập cuộc thoại trong giao tiếp.  + Thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. Thành phần phụ chú thường đặt giữa 2 dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn, hoặc giữa một dấu gạch ngang với 1 dấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú còn được đặt sau dấu hai chấm.  *\* HS đọc ghi nhớ SGK (32).*  *+ HS nêu tác dụng:* Thành phần gọi-đáp được dùng để duy trì hoặc tạo lập cuộc thoại trong giao tiếp. Còn thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu | | **\* Ghi nhớ/** SGK (32). |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 18 - 20p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | |
| **III.Hư­­ớng dẫn HS luyện tập, củng cố.**  H. Những đơn vị kiến thức gì các em cần nắm vững qua bài học hôm nay?  H. Nhắc lại và vẽ mô hình các thành phần biệt lập đã học?  *\* Gọi HS đọc yêu cầu BTTN và trả lời, làm bài vào phiếu học tập để củng cố kiến thức.*  *\* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 1: Nhận diện thành phần gọi-đáp:*  *\* Gợi ý: Xác định chính xác nội dung và làm bài tập.*  *\* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 2: Nhận diện thành phần gọi-đáp và giải thích đối tượng hướng tới.*  *- GV hướng dẫn HS trả lời*  \* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 3:  GV gọi trả lời, GV kết luận đúng.  ? Xác định thành phần phụ chú?  ? Các thành phần phụ chú vừa tìm thể hiện điều gì?  *\* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 4: Tìm giới hạn, tác dụng của thành phần phụ chú:*  *- GV dành câu hỏi cho HS khá giỏi.*  *\* Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 5*: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về nhiệm vụ của thanh niên chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, có dùng thành phần phụ chú.  *\* GV định hướng cho HS cách viết đoạn và gọi 2 HS lên bảng viết, chữa bài và rèn kĩ năng viết đoạn văn nghị luận có tích nội dung tiếng Việt.*  *\*GV khái quát toàn bài.* | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. HS luyện tập, củng cố.**  *+ HS nhắc lại 2 đơn vị kiến thức cần nắm vững qua bài học*  - Thành phần tình thái  - Thành phần cảm thán  - Thành phần phụ chú  - Thành phần gọi đáp  *=> HS vẽ sơ đồ vào vở bài tập theo yêu cầu của GV và gọi 2 HS lên bảng vẽ lại.*  *+ HS làm BTTN trong SGK, HS khác bổ sung.*  *+ HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 1. Trả lời cá nhân*  - Này: từ dùng để gọi.  - Vâng: từ dùng để đáp.  *+ HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 2:* Nhận diện thành phần gọi-đáp và giải thích đối tượng hướng tới.  - Bầu ơi: không hướng tới cá nhân ai mà hướng tới cả cộng đồng.  *+ HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 3: Xác định thành phần phụ chú và chỉ ra công dụng, trao đổi theo bàn, trả lời, nhóm khác bổ sung.*  a/ Thành phần phụ chú: “Kể cả anh” giải thích cho cụm từ “mọi người”.  b/ “ các thày cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ” → giải thích cho cụm từ: “những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này”  c/ Thành phần phụ chú: “những người chủ thực sự …” → giải thích cho cụm từ lớp trẻ …  d/ Thành phần phụ chú: “Có ai ngờ” và “thương thương quá đi thôi” chú thích cho thái độ ngạc nhiên và tình cảm trìu mến của nhân vật trữ tình “tôi” với “cô bé nhà bên”.  *+ HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 4, trả lời cá nhân.:* Tìm giới hạn, tác dụng của thành phần phụ chú:  - Các thành phần phụ chú ở bài tập 3 liên quan tới các từ ngữ nó có nhiệm vụ giải thích hoặc cung cấp thông tin phụ về thái độ, suy nghĩ, tình cảm của các nhân vật đối với nhau.  *- HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 5:* Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về nhiệm vụ của thanh niên chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, có dùng thành phần phụ chú.    *- HS viết đoạn vào vở bài tập*  *- 2 HS lên bảng viết*  *- Cả lớp theo dõi, nhận xét.* | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III.LUYỆN TẬP.**  **1. Bài 1:** Nhận diện thành phần gọi-đáp:  - Này: từ dùng để gọi.  - Vâng: từ dùng để đáp.  **2. Bài 2:** Nhận diện thành phần gọi-đáp và giải thích đối tượng hướng tới.  - Bầu ơi: không hướng tới cá nhân ai mà hướng tới cả cộng đồng.  **3.** **Bài 3:** Xác định thành phần phụ chú và chỉ ra công dụng  a. “kể cả anh”: giải thích cho cụm danh từ “mọi người”  b. “các thầy cô giáo…những người mẹ”: giải thích cho cụm danh từ: “Những người nắm giữ chìa khoá của cánh cửa này.”  c. “những người chủ…trong thế kỉ tới”: giải thích cho cụm danh từ “lớp trẻ”.  d. “Có ai ngờ”: nêu thái độ ngạc nhiên của người nói trước sự trưởng thành của “cô bé”.  **4. Bài 4:** Tìm giới hạn, tác dụng của thành phần phụ chú:  - Các thành phần phụ chú ở bài tập 3 liên quan tới các từ ngữ nó có nhiệm vụ giải thích hoặc cung cấp thông tin phụ về thái độ, suy nghĩ, tình cảm của các nhân vật đối với nhau.  **5.** **Bài 5:** Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về nhiệm vụ của thanh niên chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, có dùng thành phần phụ chú.  Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Đời người khởi đầu từ tuổi trẻ- tuổi trẻ là mùa xuân vĩnh cửu của nhân loại- và tuổi trẻ bao giờ cũng hướng tới tương lai. Tương lai- đó là những gì chưa có trong hôm nay- nhưng chính vì thế mà nó lại có sức hấp dẫn ghê gớm đối với con người. Nhờ có niềm tin vào tương lai mà con người có thể vượt qua được khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, người ta, nhất là thanh niên, không thể thụ động chờ đón một tương lai, càng không thể đi tới tương lai bằng hai bàn tay trắng. Tuổi trẻ cần chuẩn bị cho mình một hành trang tri thức để bước vào thế **kỉ mới.** | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Em cần vận dụng các thành phần biệt lập vào tình huống giao tiếp như thế nào? Sử dụng chúng đem lại hiệu quả gì? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - tiếp tục viết đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập đã học. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc đặc điểm, công dụng của thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú và sử dụng phù hợp trong câu.

- Tự thực hành viết các đoạn văn có sử dụng 2 thành phần biệt lập vừa học về đề tài môi trường hoặc nhiệm vụ của thế hệ trẻ trong thời kì đổi mới.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Đọc và trả lời các câu hỏi phần đọc - hiểu văn bản chuẩn bị bài:

*Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 22**

**Tiết 104,105**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

**( *Nghị luận xã hội )***

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

**Tuần 22**

**Tiết 106**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**2. Kỹ năng** :

Biết cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**3. Thái độ:**

nghiờm tỳctrong việc nhận thức một vấn đề tư tưởng đạo lí

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm, yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**2. Kĩ năng**

- Làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

3. **Thái độ :** nghiờm tỳctrong việc nhận thức một vấn đề tư tưởng đạo lí

4. **Tích hợp liên môn** : môn GDCD : Các vấn đề thuộc đạo lí của con người

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy:**

- Tài liệu chuẩn KT-KN.

- Bảng phụ, một số bài nghị luận.

**2. Trò**: Học bài cũ, soạn bài mới theo hướng dẫn của GV

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1: Ổn định tổ chức (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

**\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ: (3-5')**

- Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức về

- Phương án: Kiểm tra đầu giờ.

**H1.** Nối cột A với yêu cầu phù hợp ở cột B để hoàn thành dàn bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| **Mở bài** | ***a. Đối chiếu, so sánh để làm nổi bật vấn đề*** |
| **Thân bài** | ***b. Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.*** |
| **Kết bài** | ***c. Khẳng định, phủ định, nêu bài học.*** |
|  | ***d. Phân tích các mặt, đánh giá, nhận định.*** |

( ĐA: mở bài: b; Thân bài: d, a ; kết bài: c.) **D**ưới lớp làm PHT, HS chấm chéo :

**\* Bước3 : Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV nêu yêu cầu:  ? Trước những vấn đề thể hiện tư tưởng đạo lí sống của con người có cần đem ra đánh giá, bàn luận hay không?  *- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới*  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 108 . NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 12- 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hướng dẫn HS tìm hiểu bài nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu bài nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Tìm hiểu bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý.** | |
| *\* GV yêu cầu HS đọc bài văn (SGK), cho HS thảo luận nhóm bàn( 3 phút )*  *- Gọi hs trả lời, nhận xét, bổ sung.*  *- Gv chốt, chiếu trên bảng phụ để HS quan sát.*  H. Văn bản trên bàn về vấn đề gì? thuộc lĩnh vực gì?  H. Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung từng phần và mối quan hệ giữa chúng? | *- 1 HS đọc bài văn. suy nghĩ, hoạt động theo nhóm ( 3 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét và bổ sung*  *- Quan sát trên máy.*  **\*** Văn bản: “tri thức là sức mạnh”: bàn về giá trị của tri thức khoa học và vai trò của người trí thức đối với sự phát triển của xã hội  - Văn bản chia làm ba phần  **a. Phần mở bài**  - Đoạn 1: Nêu vấn đề cần nghị luận  **b. Phần thân bài**  - Đoạn 2: Tri thức là sức mạnh  Luận điểm này được phân tích bằng các thao tác chứng minh  - Đoạn 3: Tri thức là sức mạnh của cách mạng  **c. Phần kết bài**  - Phê phán những biểu hiện không coi trọng tri thức hoặc sử dụng tri thức không đúng chỗ  ⇒ Các phần đều có mối quan hệ chặt chẽ cụ thể với nhau. | | **1. Văn bản: Tri thức là sức mạnh.**  **a/ Vấn đề nghị luận**: Bàn về giá trị của tri thức khoa học và vai trò của người trí thức đối với sự phát triển của xã hội  **+ Thể loại**: Thuộc lĩnh vực tư tưởng đạo lí  **b/ Bố cục**: Văn bản chia làm ba phần  a. Phần mở bài  - Đoạn 1: Nêu vấn đề cần nghị luận  b. Phần thân bài: Lập luận chứng minh vấn đề.  - 2 đoạn: Chứng minh tri thức là sức mạnh  +Tri thức có thể cứu cái máy ra khỏi số phận của đống phế liệu  +Tri thức là sức mạnh của cách mạng  c. Phần kết bài (Đ4)Mở rộng vấn đề để bàn luận. Phê phán những biểu hiện không coi trọng tri thức hoặc sử dụng tri thức không đúng chỗ⇒ Các phần đều có mối quan hệ chặt chẽ cụ thể với nhau. | |
| H. Đánh dấu các câu mang luận điểm chính trong bài?  H. Các luận điểm ấy đã diễn đạt được rõ ràng, dứt khoát ý kiến của người viết chưa?  *\* GV chiếu trên máy.* | *+ Học sinh thảo luận cặp, trả lời cá nhân*  *- Hs khác bổ sung.*  - Các câu mang luận điểm:  +" Tri thức là sức mạnh"  + “Tri thức đúng là sức mạnh”  + “ Tri thức cũng là sức mạnh của cách mạng”  + “ Tri thức có sức mạnh to lớn như thế nhưng đáng tiếc là còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức”. | | **c/ Các câu mang luận điểm**(4 câu của đoạn mở bài; câu mở đoạn, 2 câu kết đoạn 2; câu mở đoạn 3; câu mở đoạn và câu kết đoạn 4)  => Người viết muốn tô đậm: Tri thức là sức mạnh và vai trò của người tri thức trên mọi lĩnh vực của đời sống. | |
| H. VB đã sử dụng phép lập luận là chính? Cách lập luận đó có thuyết phục hay không?  *\* GV nhận xét và chốt.* | *+ HS suy nghĩ, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  - Văn bản sử dụng phép lập luận chứng minh là chủ yếu. Phép lập luận này có sức thuyết phục vì đã giúp cho người đọc nhận thức được vai trò của tri thức đối với sự tiến bộ xã hội. | | **d/ Phép lập luận**  - Sử dụng phép lập luận CM là chủ yếu, dùng thực tế để nêu 1 vấn đề tư tưởng, phê phán tư tưởng không biết trọng tri thức, dùng sai mục đích -> phép lập luận có sức thuyết phục vì nó giúp cho người đọc nhận thức được vai trò của tri thức và người trí thức đối với sự tiến bộ của XH. | |
| H. Bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng , đạo lý khác với bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống như thế nào?  *\* GV tổ chức hs hoạt động nhóm ( 3 phút )*  *- Gv nhận xét, chốt* | *- Hs thảo luận nhóm (3 phút)*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  - Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống xuất phát từ thực tế cuộc sống để khái quát thành vấn đề về tư tưởng đạo lý và bày tỏ thái độ.  - Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý xuất phát từ đạo lý mang tính truyền thống, dùng thực tế để giải thích, chứng minh, thuyết phục người đọc, người nghe nhận thức đúng về vấn đề tư tưởng đạo lý đó. | | + Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống  - xuất phát từ thực tế cuộc sống để khái quát thành vấn đề về tư tưởng đạo lý  + Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý  - xuất phát từ đạo lý mang tính truyền thống, dùng thực tế để giải thích, chứng minh, thuyết phục người đọc .người nghe nhận thức đúng về vấn đề tư tưởng đạo lý đó . | |
| H. Qua việc tìm hiểu VB trên, em hiểu thế nào là nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý?  H. Về nội dung bài nghị luận về tư tưởng đạo lí cần đảm bảo yêu cầu gì?  H. Về hình thức văn bản… có đặc điểm gì?( bố cục, luận điểm, lời văn)  *\* GV khái quát nội dung bài học, gọi hs đọc phần ghi nhớ* | *+ HS khái quát nội dung bài, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  *- 1 HS đọc ghi nhớ.* | | **2, Ghi nhớ: SGK/36** | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20-22p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | |
| **II. Hướng dẫn HS LUYỆN TẬP.** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** |
| *\* Yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài tập (SGK), hướng dẫn HS trả lời câu hỏi SGK.*  **- Tổ chức học thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KPB ( 5 phút)**  + Gọi hs đọc các câu hỏi trong sgk  1.Văn bản thuộc loại nghị luận nào?  2.Văn bản nghị luận về vấn đề gì? Chỉ ra luận điểm chính của nó?  3.Phép lập luận chủ yếu trong bài này là gì? Cách lập luận trong bài có sức thuyết phục ntn? | | *\* Hoạt động cá nhân*  *- Hs đọc văn bản*  *- Hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KTB ( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  - Văn bản trên thuộc loại nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lý  - Văn bản bàn luận về giá trị của thời gian  - Các luận điểm chính của văn bản  + Thời gian là sự sống  + Thời gian là thắng lợi  + Thời gian là tiền  + Thời gian là tri thức  - Phép lập luận chủ yếu là phân tích và chứng minh. Cách lập luận đơn giản, dễ hiểu và có sức thuyết phục. | | **1. Bài 1.**  - Văn bản trên thuộc loại nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lý  - Văn bản bàn luận về giá trị của thời gian  - Các luận điểm chính của văn bản  + Thời gian là sự sống  + Thời gian là thắng lợi  + Thời gian là tiền  + Thời gian là tri thức  - Sau mỗi luận điểm là một dẫn chứng chứng minh thuyết phục cho vấn đề nghị luận  - Phép lập luận chủ yếu là phân tích và chứng minh. Cách lập luận đơn giản, dễ hiểu và có sức thuyết phục |
| *- Tổ chức học sinh làm việc cá nhân****( Tích hợp môn GDCD)***  *- Gv nhận xét và chốt.* | | *- Học sinh kể tên:*  + Trung thực trong thi cử  + Lòng biết ơn  + Tinh thần đoàn kết  + Tình cảm gia đình trong đời sống con người  + Tình bà cháu trong đời sống.... | | **2. Bài 2:** Hãy kể tên các vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng đạo lý để viết bài nghị luận. |

**\*Bài tậptrắc nghiệm**:

**\* Trong những đề bài sau, đề bài nào không thuộc bài nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.**

A. Suy nghĩ về đạo lí "Uống nước nhớ nguồn".

B. Suy nghĩ từ truyện ngụ ngôn "Ếch ngồi đáy giếng".

C. Suy nghiĩvề câu "Có chí thì nên".

***D****.* ***Suy nghĩ về một tấm gương vượt khó****.*

**\* Ý nào sau đây không phù hợp với bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí**.

A. Nội dung đem ra bàn luận là vấn đề tư tưởng, văn hoá, đạo đức, lối sống của con người.

B. Bài văn nghị luận phải có bố cục ba phần, có luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, chính xác, sinh động.

***C. Văn viết cần trau chuốt, bóng bảy, giàu hình ảnh, giàu biện pháp tu từ.***

D. Vận dụng linh hoạt các thao tác chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, đối chiếu...để trình bày vấn đề.

**\* Sự khác nhau chủ yếu giữa bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống và nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí là:**

***A. Khác nhau về nội dung nghị luận.***

B. Khác nhau về sự vận dụng thao tác.

C. Khác nhau về cấu trúc của bài viết.

D. Khác nhau về ngôn ngữ diễn đạt.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  Bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí cần dảm bảo yêu cầu gì ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm các vấn đề thuộc tư tưởng đạo lí có thể viết thành bài nghị luận? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước 4: Giao bài, hư­ớng dẫn HS học ở nhà**.( 3-5’)

**a. Học bài:** - Học thuộc phần ghi nhớ

- Làm bài tập trong sách bài tập

**b. Chuẩn bị bài:** - Soạn bài: cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 23**

**Tiết 107,108**

**CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGỤ NGÔN CỦA LA-PHÔNG-TEN**

**(Trích) - Hi-pô-lit Ten**

**I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức** :

- Qua việc so sánh hình tượng con cừu và chó sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten với những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy-phông, hiểu được đặc trưng của những sáng tác nghệ thuật.

- Biết cách vận dụng những kiến thức đã học để cảm thụ một tác phẩm văn học nước ngoài.

**2. Kỹ năng** :

- Biết cách phân tích, hình ảnh, ngôn ngữ văn chương

- Đọc – hiểu thông thạo tác phẩm văn học nước ngoài

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ một tác phẩm văn học nước ngoài

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức:**

- Đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là yếu tố tưởng tượng và dấu ấn cá nhân của tác giả.

- Cách lập luận của tác giả trong văn bản.

**2**. **Kĩ năng**

- Đọc- hiểu một văn bản dịch về nghị luận văn chương.

- Nhận ra và phân tích được các yếu tố của lập luận( luận điểm, luận cứ, luận chứng.) trong văn bản.

3. **Thỏi độ:**  say mờ sỏng tạo nghệ thuật bằng dấu ấn cỏ nhõn

**4. Tích hợp liên môn: GDCD**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1.Thầy:**

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng và TLTK, Sgv

- Bảng phụ, phiếu bài tập.

**2. Trò** : Học bài cũ, soạn bài mới ( trả lời các câu hỏi trong vở bài tập Ngữ văn)

**IV: TỔ CHỨC DẠY HỌC**

**\* B­ước 1*: Ổn định tổ chức: 1 phút***

- Kiểm tra sĩ số lớp và yêu cầu các tổ trưởng báo cáo kết quả kiểm tra việc học và soạn bài ở nhà của lớp.

**\* B­ước 2: *Kiểm tra bài cũ: 2-3 phút***

*- Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức tự giác học bài và kiến thức cũ của hs .

*- Phư­ơng án*: Kiểm tra qua câu hỏi.

1. Đọc thuộc lũng và diễn cảm khổ thơ em thích nhất trong bài thơ mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải. Nêu cảm nhận của em về khổ thơ.

2. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào? Trình bày mạch cảm xỳc của bài thơ.

**\* B­ước 3*: Tổ chức dạy và học bài mới:60 phút***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV cho hs quan sát một số hình ảnh về loài vật chó sói và cừu . Yêu cầu hs nhận xét.  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn dắt giới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  **TIẾT 111,112**  **CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGỤ NGÔN CỦA LA PHONG - TEN**  **Hi-pô-lit Ten** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 60’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 9 - 10p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc, tìm hiểu chú thích.** | | **I. HS đọc, tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- chú thích.** | |
| *\* GV hướng dẫn học sinh đọc: giọng trầm, triết lý*  *- Gọi HS đọc, gọi nhận xét, GV sửa.* | | *+ Học sinh nghe hướng dẫn*  *- 1-2 Hs đọc văn bản, cả lớp nghe , nhận xét.* | **1. Đọc** | |
| H. Nhắc lại một vài nét chính về La phông ten và các truyện ngụ ngôn của ông?  H. Nêu một vài nét chính về tác giả Hipôlit Ten?  *\* GV bổ sung tư liệu về tác giả và cho HS quan sát chân dung.* | | *+ Hs nhắc lại kiến thức cũ*  *- Học sinh giới thiệu một vài nét về tác giả Hipôlit Ten. HS khác bổ sung, quan sát trên máy*  - Hi-pô-lit Ten (1828 - 1893) là triết gia, sử gia, nhà nghiên cứu văn học Pháp, viện sĩ viện hàn lâm TK19, ông có những công trình nghiên cứu VH nổi tiếng về La - Phông Ten và thơ ngụ ngôn của ông. | **2. Chú thích :**  **a. Tác giả :**  Hipôlít Ten ( 1828 – 1893 ) là một triết gia, sử gia, nghiên cứu văn học, viện sĩ hàn lâm Pháp. | |
| H. Nêu xuất xứ của văn bản?  *- Gv bổ sung*  *- Gv hướng dẫn hs tìm hiểu từ khó.* | | *+ Hs nêu xuất xứ của văn bản.*  -Thuộc chương II phần thứ 2 của công trình nghiên cứu về La Phông Ten.  *+ Hs tìm hiểu các chú thích ( Hs giải nghĩa từ).* | **b. Tác phẩm**  Văn bản trích trong “ La Phông- ten và thơ ngụ ngôn của ông” – H. Ten.  **c. Từ khó.** | |
| **II. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản.** | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. HS hiểu văn bản.** | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.** | |
| **1. Bước 1. GV HD HS tìm hiểu khái quát.** | **1. HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | **1. Tìm hiểu khái quát văn bản.** | |
| *\* Gv hướng dẫn hs tìm hiểu khái quát văn bản*  *+ Tổ chức hs thảo luận ( 3phút )*  *+ Gv nhận xét, chốt.Chiếu trên máy.*  ->Trong cả hai phần nhằm làm nổi bật hình tượng chó sói và cừu non, tác giả đã lập luận bằng cách dẫn ra những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy- phông để so sánh với La Phông - ten. | *- Hs thảo luận theo bàn ( 3 phút ), đại diện trình bày, nhận xét*  - Thể loại: Nghị luận văn chương  - PTBĐ chính: Nghị luận  - Vấn đề nghị luận  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1; “Từ đầu …tốt bụng như thế”: Hình tượng cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông- ten  + Phần 2: Hình tượng chó sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông -ten | | - Thể loại: Nghị luận văn chương  - PTBĐ chính: Nghị luận  - Vấn đề nghị luận : Bàn về hỡnh tượng chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông Ten  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1; “Từ đầu …tốt bụng như thế”: Hình tượng cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông- ten  + Phần 2: Hình tượng chó sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông -ten | |
| H.Tác giả đã sử dụng phép lập luận chủ yếu nào?  H. Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả trong văn bản này? Tác dụng?  \* GV chốt rồi chuyển. | *+ Hs trả lời cá nhân, HS khác bổ sung. Nêu nhận xét về cách lập luận*  - Tác giả dùng phép lập luận chứng minh, đưa ra những dẫn chứng cụ thể về hai con vật: chó sói và cừu qua ngòi bút của La Phông- ten và Buy- phông.  ⇒ Cách lập luận ở cả hai đoạn đều giống nhau. Tác giả đều triển khai mạch lập luận theo trật tự 3 bước: dưới ngòi bút của La Phông-Ten, dưới ngòi bút của Buy-Phông, dưới ngòi bút của La Phông – ten. Nhưng khi bàn về con cừu, tác giả thay bước thứ nhất bằng trích đoạn thơ ngụ ngôn của La Phông –ten.) | | 🢧 Bài nghị luận trở nên sinh động, không đơn điệu. | |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | **2. HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | **2. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **a. Hình tượng cừu non.** | |
| \* Gv nêu câu hỏi.  H. Dưới con mắt của nhà khoa học Buy-phông , cừu là con vật như thế nào? | *+ Hs trả lời cá nhân*  *- Hs khác bổ sung.*  + Dưới cách nhìn của Buy- phông cừu là con vật đần độn, sợ hãi, thụ động không biết trốn tránh nguy hiểm | | **+ Dưới cách nhìn của Buy- phông:** cừu là con vật đần độn, sợ hãi, thụ động không biết trốn tránh nguy hiểm | |
| H. Buy- phông đã lập luận như thế nào cho cách nhìn đó của mình?  H. Nhận xét của nhà khoa học có đáng tin cậy không? vì sao?  *\* GV yêu cầu trao đổi trong nhóm bàn.* | *+ Trao đổi nhóm bàn, đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung.*  - " Chúng ở đâu là cứ đứng nguyên tại đấy, ngay dưới trời mưa, ngay trong tuyết rơi.... hoặc bị chó xua đi"  - Buy- phông đã dựa trên hoạt động bản năng của cừu do quan sát trực tiếp để nhận xét. | | ⇒ Nhận xét, đánh giá hoàn toàn có cơ sở theo quan điểm của nhà khoa học | |
| H. Trong cái nhìn của nhà thơ cừu có phải là con vật đần độn và sợ hãi không? Vì sao? Ngoài đặc điểm như Buy –Phông tả, cừu của La Phông -Ten có đặc điểm gì khác?  **\* GV yêu cầu HS làm BT2/30/VBT.** | *+ Phát hiện chi tiết, trả lời cá nhân.*  **Dưới cách nhìn của nhà thơ:**  - Ngoài những đặc tính trên cừu còn là con vật dịu dàng, tội nghiệp, đáng thương, tốt bụng, giàu tình cảm. cừu có sợ sệt nhưng không đần độn . Sắp bị chó sói ăn thịt mà vẫn dịu dàng, rành mạch đáp lời. Không phải cừu ý thức được tình huống bất tiện của của mình mà thể hiện tình mẫu tử cao đẹp | | **+ Dưới cách nhìn của La Phụng Ten:**  Hình ảnh con cừu cụ thể, đã được nhân hoá như một chú bé (chiên con ) ngoan đạo, ngây thơ đáng yêu ,nhỏ bé, yếu ớt và hết sức tội nghiệp tốt bụng, giàu tình cảm. | |
| H. Qua đoạn thơ của La Phông ten , tác giả đã sử dụng BPNT gì? Qua đó, nêu cảm nhận của em về con cừu?  *\* GV bổ sung:* Với đầu óc phóng khoáng và đặc trưng của thể loại thơ ngụ ngôn La Phông Ten con cừu đã được nhân cách hoá có suy nghĩ, có nói năng và hành động như người. Nhắc đến tình mẫu tử thân thương cảm động, rút ra bài học ngụ ngôn cho mọi người.) | *+ HS quan sát, chỉ rõ BPNT, nêu cảm nhân, trả lời cá nhân.*  - Hiền lành, ngây thơ đáng thương, nhỏ bé, yếu ớt, tội nghiệp nhưng tốt bụng  -Sự chịu đựng, bất chấp nguy hiểm, sẵn sàng hi sinh vì con | | ⇒Sự chịu đựng, bất chấp nguy hiểm, sẵn sàng hi sinh vì con | |
| H. Qua cách nhìn nhận trên , nhà thơ đã thể hiện cách cảm nhận như thế nào đối với loài vật này? | *+ Tự do bộc lộ*  Lòng thương cảm của của nhà thơ đối với cừu | |  | |
| H. Theo em tại sao cùng phản ánh về một con vật họ lại có cái nhìn khac nhau như trên?  **\* GV chốt**: *Đó là sự khác nhau của hai nhãn quan, hai loại hình nhận thức. Cách nhận thức của Buy - phông là cách nhận thức duy lí, thực chứng của khoa học, còn nhận thức của La Phông -ten là cách nhận thức thẩm mĩ, nhân văn của nghệ thuật. Không có ai sai trong hai trường hợp trên mà chỉ là sự khác nhau giữa hai con đường phản ánh* | *- Hs thảo luận nhóm ( 3 phút )- Ghi ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét*  + Cách lập luận : Kết hợp giữa cái nhìn khác quan và cảm xúc chủ quan đã tạo ra hình ảnh vừa chân thực vừa xúc động về con vật này  - Buy - phông nhận xét về loài cừu theo quan điểm của một nhà khoa học mang tính khách quan , khoa học, chính xác theo đặc tính bản năng của loài vật này. Nhà khoa học không nhắc đến tình mẫu tử thiêng liêng của loài cừu, cũng không nhắc đến nỗi bất hạnh của chó sói vì đấy không phải là nét cơ bản của chúng ở mọi nơi, mọi lúc | | + Cách lập luận : | |
| **\* GV gọi đọc đoạn 2 và nêu ND.**  H. Xây dựng hình tượng chó sói nhà thơ chọn hoàn cảnh nào? | **\*đọc đoạn 2 và nêu ND.**  - Hoàn cảnh chó sói đói meo gầy giơ xương đi kiếm mồi, bắt gặp cừu non đang uống nước . Hắn muốn ăn thịt cừu non nhưng không che dấu tội ác tâm địa mình bằng cách kiếm cớ, bắt tội "trừng phạt" cừu . | | **2. Hình tượng Chó Sói** | |
| H. Theo nhà khoa học, và của La Phông ten, chó sói là con vật như thế nào? Thái độ của nhà khoa học và của nhà văn đối với con vật này?  *- Tổ chức hs thảo luận theo nhóm (4 phút )*  *- Gv gọi hs trả lời, nhận xét*  *- Gv nhận xét, bổ sung, chốt*  **\* HS trao đổi, thảo luận, Gv chốt như bên và bổ sung thêm**: | **- Hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KPB ( 4 phút )**  *- Ghi ra phiếu bài tập.*  *- Đại diện nhóm trình bày.*  *- Nhận xét, bổ sung.*  + Dưới cách nhìn của nhà khoa học:  - Sói thù ghét mọi sự kết bè kết bạn, bộ mặt lấm lét, dáng vẻ hoang dã, tiếng rú rùng rợn, hôi hám , bẩn thỉu, hư hỏng…  - Thái độ của tác giả: căm ghét, khó chịu “ lúc sống thì có hại, chết rồi thì vô dụng”  + Theo La phông- Ten  - Chó sói có tính cách phức tạp: độc ác mà khổ sở, trộm cướp mà bất hạnh,vụng về vô lại, đói thường xuyên, bị ăn đòn, bị truy đuổi, tàn bạo, đói khát  - Nhà thơ vừa ghê sợ vừa thương hại loài vật này. | | **a/ Dưới cách nhìn của nhà khoa học:**  - Sói thù ghét mọi sự kết bè kết bạn, bộ mặt lấm lét, dáng vẻ hoang dã, tiếng rú rùng rợn, hôi hám , bẩn thỉu, hư hỏng…  - Thái độ của tác giả: căm ghét, khó chịu “ lúc sống thì có hại, chết rồi thì vô dụng”  **b/ Theo La phông- Ten**  - Chó sói có tính cách phức tạp: độc ác mà khổ sở, trộm cướp mà bất hạnh,vụng về vô lại, đói thường xuyên, bị ăn đòn, bị truy đuổi, tàn bạo, đói khát. | |
| H. So sánh và chỉ ra sự khác nhau trong cách tả và nhận xét của nhà khoa học và nhà văn về hai con vật này?  - Tổ chức hs thảo luận theo bàn: ( 5 phút )  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt | \* Nhà khoa học tả và nhận xét một cách *chính xác khách quan dựa trên sự quan sát, nghiên cứu ,phân tích để khái quát những đặc tính sinh tồn cơ bản của loài vật.* Nhà khoa học không nhắc đến tình mẫu tử thiêng liêng của loài cừu, cũng không nhắc đến nỗi bất hạnh của chó sói vì đấy không phải là nét cơ bản của chúng ở mọi nơi, mọi lúc.  - Người nghệ sĩ với sự *quan sát tinh tế nhạy cảm từ trái tim, trí tưởng tượng phong phú,* không chỉ tả, nhận xét một cách thông thường mà còn hàm nghĩa hình tượng. Đó là một bài học đạo lý, sự đối mặt giữa cái thiện và cái ác, kẻ yếu và kẻ mạnh. Bởi Sói và Cừu đã được nhân hoá có suy nghĩ, nói năng như con người | |  | |
| H. Tác giả Hipôlit Ten đã suy nghĩ như thế nào về hai cách đánh giá trên?  *- Gv gọi hs trả lời*  *- Gv chốt*  - Nhà thơ La Phông- ten đã có cách nhìn, cách nghĩ khác nhà khoa học Buy- phông về hai con vật: Chó sói và cừu | *- Hs trả lời cá nhân*  *- Hs khác nhận xét bổ sung*  - Buy phông nhìn thấy kẻ ác thú khát máu trong con sói đã gieo hoạ cho những con vật yếu hèn để mọi người ghê tởm và sợ hãi.  - La phông – ten nhìn thấy ở con vật này những biểu hiện bề ngoài của dã thú nhưng bên trong thì ngu ngốc , tầm thường để người đọc ghê tởm nhưng không sợ hãi chúng. | | **c. Suy nghĩ của tác giả**  - “ Nếu nhà bác học chỉ thấy con sói ấy….đói meo nên hoá rồ” | |
| H. Em hiểu thế nào về lời bình luận sau đây của tác giả “*Buy- phông dựng lên một vở bi kịch về sự độc ác còn La Phông-ten dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc”?*  (GV goị những HS khá) | *- Hs trả lời cá nhân(Câu hỏi dành cho HS khá)*  *- Hs khác nhận xét bổ sung*  - Chó sói có mặt đáng cười, nếu ta suy diễn vì nó ngu ngốc, chẳng kiếm được cái gì ăn nên mới đói meo ( hài kịch của sự ngu ngốc); nhưng chủ yếu ở đây nó là con vật đáng ghét, gian giảo, hống hách, bắt nạt kẻ yếu( bi kịch của sự độc ác). | | + Sói là con vật gian giảo, hống hách, bắt nạt kẻ yếu.(Bi kịch của sự độc ác)  +Sói không kiếm được ăn-> đói meo (Hài kịch của sự ngu ngốc) | |
| H. Theo em, Buy –phông đã tả hai con vật bằng phương pháp nào, nhằm mục đích gì? Còn La phông – ten, nhà nghệ sĩ, ông cũng tả 2 con vật ấy bằng phương pháp nào, nhằm mục đích gì khác *\* GV yêu cầu HS TL 2 nhóm. TG: 3p.*  *\* Các nhóm TL trình bày, GV chốt KT như bên.* | *+ HS TL 2 nhóm. TG: 3p.*  *- Các nhóm TL trình bày, nghe GV chốt KT*  .- Nhà khoa học tả chính xác, khách quan, dựa trên quan sát, nghiên cứu, phân tích đặc tính cơ bản của từng loại vật.  - Nhà nghệ sĩ tả với quan sát tinh tế nhạy cảm, trí tưởng tượng phong phú. Đó là đặc điểm bản chất nghệ thuật. Nhà thơ viết về hai con vật để giúp người đọc hiểu thêm đạo lí ở đời. | | - Nhà khoa học tả chính xác, khách quan, dựa trên quan sát, nghiên cứu, phân tích đặc tính cơ bản của từng loại vật.  - Nhà nghệ sĩ tả với quan sát tinh tế nhạy cảm, trí tưởng tượng phong phú và phép nhân hoá | |
| H. Nhận xét về nghệ thuật nghị luận của tác giả? Tác dụng?  H. Không phải mục đích của tg là tìm ra sự khác nhau của cừu và chó sói, cũng không phải là rút ra bài học đối với con người trong thái độ với kẻ ác hay với người nhỏ bé, bất hạnh.Vậy mục đích của vb nghị luận này là gì?  *\* GV chốt những nội dung chính của toàn bài và chuyển.* | *+ HS khái quát những giá trị nghệ thuật, trả lời theo nhóm cặp*  **\* Nghệ thuật nghị luận**  - Dùng phép lập luận so sánh , đối chiếu, chứng minh để làm nổi bật, sáng tỏ luận điểm  - Chú cừu và chó sói đều được nhân hoá, nói năng hành động như người với những tâm trạng khác nhau.  - Miêu tả với quan sát tinh tế, nhạy cảm... trí tưởng tượng phong phú -> giúp người đọc hiểu, nghĩ thêm về đạo lý trên đời: đó là sự đối mặt giữa thiện và ác, kẻ yếu và kẻ mạnh.  - Nhà nghệ sĩ tả với quan sát tinh tế, nhạy cảm của trái tim, trí tưởng tượng phong phú -> Đặc điểm cơ bản của sáng tạo nghệ thuật., cái nhì phóng khoáng hơn cái nhìn của nhà khoa học, phản ánh nhân vật thông qua thái độ và cảm xúc.  - Đặc trưng của sáng tác văn chương nghệ thuật: in đậm dấu ấn cách nhìn, cách nghĩ riêng của nghệ sĩ. | | - Phân tích, so sánh, chứng minh  -> luận điểm nổi bật, sống động thuyết phục.  - Mạch nghị luận được triển khai theo trình tự ba bước từng con vật hiện ra dưới ngòi bút của La phông -ten của Buy- phông  - Bố cục chặt chẽ.  - Đặc trưng của sáng tác văn chương nghệ thuật: in đậm dấu ấn cách nhìn, cách nghĩ riêng của nghệ sĩ. | |
| **III. Hướng dẫn hs khái quát lại văn bản**  *\* GV hỏi câu hỏi khái quát hoặc chuyển thành hệ thống bài tập trắc nghiệm.*  H. Nhận xét về nghệ thuật nghị luận của tác giả? Từ đó rút ra nội dung ý nghĩa văn bản?  ? Theo Buy - Phông loài cừu có tính cách nào sau đây?  A. Thân thương  B. Ngu ngốc  C. Sợ sệt  D. Bắt chước  ? Tính cách nào của loài sói trong quan niệm của La -Phông – ten khác với Buy- Phông?  A. Hư hỏng.  B. Khốn khổ.  C. Độc ác.  D. Khát máu.  *\* GV khái quát toàn bài, gọi đọc ghi nhớ.*  *- Yêu cầu HS làm BTTN củng cố kiến thức của bài.* | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Hs khái quát lại văn bản**  *- Hs trình bày ý hiểu của mình*  *- Hs nhận xét, nghe GV chốt toàn bài.*  *- 1 HS đọc ghi nhớ. Làm BTTN củng cố kiến thức.*  **1. Nghệ thuật:**  - Tiến hành nghị luận theo trật tự 3 bước (dưới ngòi bút của La Phông-ten- Buy Phông- La Phông -ten.  - Dùng phép lập luận so sánh đối chiếu bằng cách dẫn ra những dòng viết về hai con vật của nhà khoa học Buy Phông và của la Phông- ten. Từ đó làm nổi bật hình tượng nghệ thuât trong sáng tác của nhà thơ được tạo nên bởi những yếu tố tưởng tượng in đậm dấu ấn tác giả.  **2. Nội dung.**  - Nhà khoa học Buy-phông viết về loài cừu và chó sói bằng ngòi bút chính xác của nhà khoa học để làm nổi bật những đặc tính cơ bản của chúng (loài cừu luôn sợ sệt, hay tụ tập thành bầy, không biết trốn tránh mối hiểm nguy, loài chó sói luôn ồn ào với những tiếng la hú khủng khiếp để tấn công những con vật to lớn).  - Dưới ngòi bút của La- Phông-ten hai con vật hiện lên với những suy nghĩ, nói năng, cảm xúc như con người (loài cừu thân thương, tốt bụng, có tình mẫu tử rất cảm động, loài sói thì đáng thương, bất hạnh.  - La Phông-ten đã sử dụng những đặc tính vốn có của hai loài vật để xây dựng hình ảnh của chúng với những hư cấu tưởng tượng.  **3. Ý nghĩa:**  Qua phép so sánh hình tượng chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten với những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy- Phông, văn bản đã làm nổi bật đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là yếu tố tưởng tượng và dấu ấn cá nhân của tác giả. | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết.**  **1. Nghệ thuật:** Tiến hành nghị luận theo trật tự ba bước…  - Sử dụng lập luận so sánh, đối chiếu… làm nổi bật hình tượng nghệ thuật của văn bản.  **2. Nội dung:**  - Khắc hoạ thành công hình tượng nghệ thuật..  **3. Ý nghĩa:**  Qua phép so sánh hình tượng chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông- ten với những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy-Phông, văn bản đã làm nổi bật đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là yếu tố tưởng tượng và dấu ấn cá nhân của tác giả.  **\* Ghi nhớ/41.** |

**HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP

+ *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

+ *Thời gian*: Dự kiến 10 p

*+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **IV. Hướng dẫn HS LUYỆN TẬP.**  *\* GV cho HS làm BTTN trong sách BTTN*  *- Gọi hs lên bảng làm*  *- Nhận xét, sửa chữa*  **H.** Theo em văn bản vừa tìm hiểu có gì giống và khác 3 VB nghị luận đầu tiên đã học **( GV tích hợp với bài nghị luận về tác phẩm văn học : đọạn thơ, bài thơ)**  H. Nếu được phép thay đổi đầu đề của bài nghị luận trên theo em có thể đặt cho nó những cái tên như thế nào?  *\* GV tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gọi hs trình bày*  *- Nhận xét, sửa chữa.* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. HS luyện tập**  *- Hs lên bảng làm*  *- Nhận xét, sửa chữa*  *- Hs chữa bài*  *+ HS trả lời cá nhân (câu hỏi dành cho HS khá giỏi)*  *NL xã hội và NL văn chương...)*  *+ Suy nghĩ, tự do bộc lộ.*  VD: Sự khác nhau giữa nhà khoa học và nhà thơ, La Phông -ten và Buy- phông, hai cách phản ánh và biểu hiện cuộc sống…  *+ Hs hoạt động cá nhân*  *- Làm ra vở bài tập*  *- Trình bày*  *- Nhận xét, sửa chữa* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập:**  **1.Bài tập 1**: Trắc nghiệm  Sách bài tập trắc nghiệm Ngữ văn 9  ( từ câu 1 đến câu 10 )  **2. Bài tập 2**:  **3. Bài tập 3.**  **4. Bài tập 4.** Trình bày cảm nhận của em về hình tượng cừu và chó sói sau khi học xong văn bản trên. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em rút ra bài học gì từ văn bản? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc thêm một số tác phẩm khác của la phong-ten. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản và nội dung phần Ghi nhớ.

- Làm lại bài tập 4.

- Ôn lại những đặc trưng cơ bản của một bài nghị luận văn chương.

- Tập đưa ra những nhận xét, đánh giá về một tác phẩm văn chương.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Đọc và trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu để chuẩn bị soạn bài: Viếng lăng Bác.

Yêu cầu : Trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa.

Phiếu bài tập .

- Đọc trước bài: Liên kết câu và liên kết đoạn văn (luyện tập)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 23**

**Tiết 109**

**LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức** :

- Nâng cao nhận thức sử dụng một số phép liên kết câu và liên kết đoạn văn.

- Nhận biết liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn văn.

- Nhận biết một số biện pháp liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

**2. Kỹ năng** :

- Nâng cao kĩ năng sử dụng một số phép liên kết câu và liên kết đoạn văn.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng liên kết câu và liên kết đoạn văn cho phù hợp .

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Liên kết nội dung và liên kết hình thức giũa các câu và các đoạn văn.

- Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

**2. Kĩ năng.**

- Nhận biết một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

- Sử dụng một số phép liên kết câu, liên kết đoạn văn trong việc tạo lập văn bản.

3**. Thái độ:** cẩn thận,nghiêm túc trong việc viết đoạn văn có sử dụng các phương tiên liên kết

**4. Kiến thức liên môn :** Tích hợp phần văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ.**

***1.Thầy***: - Tài liệu chuẩn kiến thức, kĩ năng.

- Một số đoạn văn, bài văn mẫu.

- Bảng phụ, phiếu học tập.

***2.Trò****:* - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK, vở bài tập.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC.**

**\*Bước 1**: **Ổn định tổ chức lớp.**

- Kiểm tra sĩ số:

**\*Bước 2**: **Kiểm tra bài cũ (5phút)**

- Mục tiêu: Kiểm tra sự hiểu biết của HS về các vấn đề liên quan với tiết học

- Phương án: Kiểm tra trước khi học bài mới.

H.Thế nào là thành phần gọi đáp , thành phần phụ chú? Lấy ví dụ minh họa?

\* Đáp án:

+ Thành phần gọi - đáp: Là thành phần phụ của câu có tác dụng tạo lập cuộc thoại và duy trì quan hệ giao tiếp.

+ Thành phần phụ chú: dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

- HS lấy ví dụ minh họa.

H2**. Nhận định sau đúng hay sai ?**

“ Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành. Đoạn văn bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.”

**A.** Đúng B. Sai

**2. Phần trích sau có phải là đoạn văn không ? Vì sao ?**

***Cây đa cổ thụ ở đầu làng bốn mùa tươi tốt. Không hiểu sao cá chết trắng cả ao. Con bò bỗng ngẩng đầu lên ngơ ngác*.**

**Đáp án :** phần trích này không phải là một đoạn văn hoàn chỉnh.

**\*Bước3**: **Tổ chức dạy và học bài mới.**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV nêu câu hỏi:  ? Em thấy giữa các câu và các đoạn trong đoạn văn cần nối kết như thế nào?  *- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới*  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 109 . LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 12- 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Hướng dẫn HS tìm hiểu thế nào là liên kết câu và liên kết đoạn văn.**  ***\* GV g****ọi hs đọc đoạn văn trong sgk*  H. Đoạn văn trên bàn về vấn đề gì? Chủ đề của đoạn văn có quan hệ như thế nào với chủ đề chung của văn bản?  H. Nội dung của mỗi câu trong đoạn ?  H. Những nội dung ấy có quan hệ ntn với chủ đề đoạn văn?  H. Nêu nhận xét về trình tự sắp xếp các câu trong đoạn  **- Gv tổ chức hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KPB**  **( 5 phút )**  *- Gv gọi hs trả lời, nhận xét*  *- Gv chốt*  H. Mối quan hệ chặt chẽ về nội dung giữa các câu trong đoạn được thể hiện bằng các phép liên kết nào?  *\* GV: Đoạn văn trên , các câu được liên kết chặt chẽ cả nội dung và hình thức.*  H. Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn khi liên kết phải đảm bảo những yêu cầu gì về nội dung?  ? Về hình thức các câu và các đoạn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính nào?  *- Gv khái quát, gọi học sinh đọc phần ghi nhớ* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu thế nào là liên kết câu và liên kết đoạn văn.**  *- Học sinh đoạn văn*  *- Học sinh trả lời cá nhân*  *- Học khác nhận xét, bổ sung*  - Đoạn văn trên bàn về cách phản ánh thực tại của người nghệ sĩ.  - Giữa chủ đề của đoạn văn và chủ đề của văn bản có mối quan hệ bộ phận – toàn thể  *- Học thảo luận nhóm ( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  **- Nội dung chính của mỗi câu:**  + Câu 1: Tác phẩm nghệ thuật phản ánh thực tại  + Câu 2: Không chỉ phản ảnh thực tại mà người nghệ sĩ còn muốn phản ánh một điều gì đó mới mẻ  + Câu 3: Cái mới mẻ ấy là thái độ , tình cảm, lời nhắn gửi của người nghệ sĩ.  -> Nội dung của các câu trên đều hướng vào chủ đề của đoạn văn: cách phản ánh thực tại của người nghệ sĩ  **- Trình tự sắp xếp các câu rất hợp lý, lôgic**  +Tác phẩm nghệ thuật làm gì? (Phản ánh thực tại)  - phản ánh thực tại như thế nào? (Tái hiện và sáng tạo)  - Tái hiện và sáng tạo thực tại để làm gì?(để nhắn gửi một điều gì đó)  *- Học sinh trả lời cá nhân, HS khác nhận xét bổ sung*  **- Các biện pháp liên kết**  + Phép nối: dùng qua hệ từ ***“nhưng”***  + **Lặp từ vựng**: tác phẩm - tác phẩm  - **Dùng từ ngữ cùng trường liên tưởng:** tác phẩm, nghệ sĩ (tác giả, nhà văn, nhà thơ, hoạ sĩ, nhạc sĩ...)  - **Thay thế từ**  ***nghệ sĩ*** = ***anh***; dùng quan hệ từ ***nhưng***, dùng cụm từ ***"cái đã có rồi"*** đồng nghĩa với ***những vật liệu mượn ở thực tại.***  *- Học sinh nêu khái niệm, những yêu cầu về nội dung, hình thức.*  **- Liên kết các câu trong đoạn:**  **+ Nội dung**: các câu phải phục vụ cho một chủ đề chung (liên kết chủ đề) được sắp xếp theo trình tự hợp lí (liên kết lô gíc)  **+ Hình thức liên kết với nhau nhờ:**  + Phép lặp từ ngữ  + Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng.  + Phép thế  + Phép nối.  *- HS đọc ghi nhớ.* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I- Khái niệm liên kết**  **1. Đoạn văn: SGK**.  - Đoạn văn trên bàn về cách phản ánh thực tại của người nghệ sĩ.  **- Nội dung chính của mỗi câu:**  + Câu 1:  + Câu 2:  +Câu 3:  - Nội dung của các câu trên đều hướng vào chủ đề của đoạn văn: cách phản ánh thực tại của người nghệ sĩ.  - Trình tự sắp xếp các câu rất hợp lý.  **- Các biện pháp liên kết**  + Lặp từ vựng:  + Dùng các từ ngữ cùng trường liên tưởng.  + Phép thế:  + Phép nối:  **2. Ghi nhớ: SGK.** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .

+ *Thời gian*: Dự kiến 20-22p

*+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. Hướng dẫn HS thực hành LUYỆN TẬP.**  *- Gọi hs đọc đoạn văn ở bài tập 1*  *- Gọi hs đọc yêu cầu*  **- Tổ chức hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KPB ( 5 phút )**  *- Gv gọi hs trả lời*  *- Gv nhận xét, sửa chữa, chốt*  \* GV gợi ý:  H. Phân tích sự liên kết về nội dung, về hình thức giữa các câu trong đoạn văn sau theo gợi ý nêu ở dưới:  **H**.Chủ đề của đoạn văn là gì? Nội dung chính của mỗi câu trong đoạn văn là gì? Nội dung các câu trong đoạn văn phục vụ chủ đề ấy như­ thế nào?  **H**. Em hãy chỉ ra trình tự sắp xếp các ý trong đoạn văn? Nêu một trường hợp cụ thể để thấy trình tự sắp xếp các câu trong đoạn văn là hợp lí  **H**. Các câu trong đoạn văn đư­ợc liên kết với nhau bằng những phép liên kết nào?  => Để làm rõ được chủ đề của đoạn văn, tác giả Vũ Khoan không những sử dụng triệt để tác dụng của sự liên kết về mặt nội dung mà ông còn vận dụng các biện pháp liên kết câu về mặt hình thức. Nhờ sự liên kết cả về nội dung và hình thức này mà lập luận của tác giả trở nên chắc chắn, rõ ràng và mạch lạc hơn. Đây chính là tác dụng của các liên kết câu trong đoạn văn.  \* Khi viết văn bản cần liên kết cả nội dung và hình thức. | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS thực hành LUYỆN TẬP.**  *- Hs đọc đoạn văn và nêu yêu cầu bài tập*  *- Hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KPB ( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  **+ Trình tự sắp xếp hợp lí của các ý trong câu:**  **-** Mặt mạnh của trí tuệ Việt Nam.  - Những điểm hạn chế.  - Cần khắc phục hạn chế để đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế. | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. LUYỆN TẬP.**  **1. Bài 1:**  ***- Chủ đề*** : Khẳng định điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam  ***- Nội dung các câu*** đều tập trung vào việc phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu  ***- Trình tự các câu được sắp xếp hợp lý:***  Câu 1; Khẳng định những điểm mạnh của con người Việt Nam.  Câu 2: Khẳng định tính ưu việt của những điểm mạnh trong sự phát triển chung.  Câu 3: Chỉ ra những điểm yếu  Câu 4: Phân tích những biểu hiện yếu kém, bất cập.  Câu 5: biện pháp khắc phục những hạn chế để đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế mới.  => **Nội dung các câu** đều tập trung vào việc phân tích những điểm mạnh cần phát huy và những "lỗ hổng" cần nhanh chóng khắc phục.  **Các phép liên kết được sử dung trong đoạn văn :**  + Câu 1 nối với câu 2 bằng phép thế: “ bản chất trời phú ấy”.  + Câu 2 nối với câu 3 bằng phép nối “ nhưng”.  + Câu 3 nối câu 4 bằng phép nối “ ấy là”.  + Câu 4 nối câu5 bằng  **-** phép lặp : Lặp từ “ấy là”. |
| *-GV yêu cầu HS viết đoạn văn trong đó có sử dụng từ ngữ liên kết*. | *- Cá nhân HS viết đoạn văn-> Đọc trước lớp.*  *- Một số em nhận xét.* | **2. Bài tập 2.** Viết đoạn văn . |

* **GV yêu cầu HS làm BTTN củng cố.**
* **Hãy nối từ ngữ ở cột A với nội dung phù hợp ở cột B**.

|  |  |
| --- | --- |
| ***A*** | ***B*** |
| *1. Phép lặp từ ngữ* | *a. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước* |
| *2. Phép đồng nghĩa,*  *trái nghĩa, liên tưởng* | *b. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.* |
| *3. Phép thế* | *c. Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước.* |
| *4. Phép nối* | *d. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.* |

***Đáp án:*** 1 - c; 2 - d; 3 - a; 4 - b

***\** GV chốt*: Đây là một số phép liên kết dễ nhận biết và được sử dụng nhiều => Các em phải nắm vững để sử dụng thành thạo khi tạo lập văn bản.***

**Bài 2: Thảo luận nhóm theo bàn**:

Nam cho rằng: ***Khi viết các câu trong một đoạn văn, các đoạn trong một văn bản cần chú ý đến sự liên kết về mặt nội dung***.

Dũng lại cho rằng: ***Khi viết các câu trong một đoạn văn, các đoạn trong một văn bản chỉ cần chú ý đến sự liên kết về mặt hình thức qua việc sử dụng các phép liên kết***.

***Ý kiến của em như thế nào***?

**Đáp án**: Cả hai ý kiến đều đúng nhưng chưa đủ vì khi viết đoạn cũng như viết bài văn cần có sự liên kết chặt chẽ cả về nội dung và hình thức.

**\* GV chốt**: Khi viết đoạn văn cũng như tạo lập một văn bản cần chú ý cả liên kết về nội dung cũng như hình thức. Sự liên kết về mặt hình thức giúp cho việc thể hiện sự gắn bó chặt chẽ về mặt nội dung, còn sự liên kết về nội dung giúp cho các câu hướng tới chủ đề của đoạn và các đoạn hướng tới chủ đề của văn bản.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Đặt 2 câu văn có sử dụng phép liên kết? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm các phép liên kết trong một số văn bản đã học ? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà** : 2 phút

**a. Bài vừa học**: - Học thuộc phần ghi nhớ.

- Bài tập: Cho đoạn văn: “ Con chó sói…..ăn đòn” sgk / 39

a. Nêu chủ đề của đoạn văn

b. Nội dung các câu trong đoạn phục vụ chủ đề ấy ntn?

c. Chỉ ra các phép liên kết

**b. Chuẩn bị bài mới** - Soạn “ Đọc thêm Con cò”

-Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi trong sgk

- Chuẩn bị phiếu tập, bảng phụ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 23**

**Tiết 110**

**ĐỌC THÊM: CON CÒ**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 23**

**Tiết 111**

**LIÊN KẾT CÂU, LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN** (luyện tập)

KIỂM TRA 15 PHÚT

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức** :

- Củng cố hiểu biết về liên kết câu và liên kết đoạn văn.

- Nâng cao hiểu biết và kĩ năng sử dụng phép liên kết đã học

- Biết nhận ra những lỗi sai về liên kết trong một số đoạn văn

**2. Kỹ năng** :

- Nhận ra và sửa chữa một số lỗi về liên kết.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích liên kết văn bản và sử dụng các phép liên kết khi viết đoạn văn, văn bản

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen dùng liên kết trong viết văn

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.

- Một số lỗi thường gặp trong tạo lập văn bản.

**2. Kĩ năng.**

- Nhận biết được phép liên kết câu, liên kết đoạn văn trong văn bản.

- Nhận và sửa được một số lỗi về liên kết.

3. **Thái độ: cẩn thận, nghiêm túc trong đặt câu, viết đoạn**

**4. Kiến thức liên môn :** Tích hợp phần văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1.Thầy:**

- Tài liệu chuẩn kiến thức, kĩ năng.

- Một số đoạn văn, bài văn mắc lỗi liên kết cần sửa chữa.

- Bảng phụ, phiếu học tập.

**2.Trò:**

- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK, vở bài tập.

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC.**

**\*Bước 1**: ***Ổn định tổ chức lớp.***

- Kiểm tra sĩ số:

**\*Bước 2**: ***Kiểm tra bài cũ (5phút)***

- Mục tiêu: Kiểm tra sự hiểu biết của HS về các vấn đề liên quan với tiết học

- Phương án: Kiểm tra trước khi học bài mới.

H. Thế nào là liên kết? Các câu ,các đoạn trong văn bản được liên kết với nhau bằng cách nào?

Bài tập: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Chà chà! Béo ơi là béo! Béo đến nỗi có thằng dân nào vô ý buột mồm núi ra một câu sỏo rằng: “ Nhờ búng quan lớn” là tửng ngay nó nói xỏ ông. ... , mặt bàn là một, mặt nó là hai bị vả đôm đốp..... thằng khốn nạn ấy , ông truy cho cùng, không cũn cú thể làm ăn mở mày mở mặt ra được nữa. ... ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật thỡ ụng ngại gỡ khụng khộp thằng quan bộo vào tội “làm rối loạn trị an”.. .., việc công việc tư ông đều được trọn vẹn...., không những ông được hả giận lại cũn được tiếng mẫn cán là khác.

( Nguyễn Công Hoan- Đồng hào có ma.)

a. Chọn trong cỏc từ: vỡ, mà rồi,thế là, bởi vỡ, tức thỡ điền vào chỗ trống trong đoạn trích trên để liên kết câu.

b. Cụm từ “ thằng khốn nạn ấy” thay thế cho cụm từ nào ở câu trờn?

**\*Bước 3**: **Tổ chức dạy và học bài mới.**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| ? Em cần làm gì để sử dụng tốt liên kết câu và liên kết đoạn văn  *- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới*  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 113 . **LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**  **(LUYỆN TẬP)** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 5p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. GV hướng dẫn H/s ôn lại lí thuyết**  H. Em hãy cho biết liên kết câu và liên kết đoạn văn là gì? Các phép liên kết ? Vị trí các từ liên kết trong đoạn , trong văn bản? Tác dụng của phép liên kết?  *\* GV gọi trả lời, gọi nhận xét, GV nhấn mạnh.* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. H/s ôn lại lí thuyết**  *+ H/s trả lời lí thuyết( 3 H/s), cả lớp nghe, nhận xét, nghe GV nhấn mạnh* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Lí thuyết**  - Liên kết câu và liên kết đoạn văn.  - Nêu các phép liên kết.  - Vị trí các từ làm phương tiện liên kết.  - Tác dụng của LK. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .

+ *Thời gian*: Dự kiến 38p

*+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **II. Hướng dẫn HS thực hành LUYỆN TẬP.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS thực hành luyện tập** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** |
| *\* Gọi hs đọc các đoạn văn của bài tập 1*  *- Gọi hs nêu yêu cầu bài tập*  *- Gv tổ chức hs thảo luận nhóm ( 4 phút )*  *- Gọi đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung*  *- Gv chốt* | ***- Gv tổ chức hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KPB ( 4 phút )***  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung* | **1, Bài 1**. ***Xác định phép liên kết câu và liên kết đoạn.***  a.  - Liên kết câu: sử dụng phép lặp từ ngữ:***“ trường học”***  - Liên kết đoạn: sử dụng phép thế : tổ hợp đại từ ***“ như thế”*** thay thế cho câu *“ Về mọi mặt...phong kiến”*  b.  - Liên kết câu: lặp từ vựng ***“văn nghệ”***  - Liên kết đoạn: lặp từ vựng ***“sự sống, văn nghệ”***  c.  - Liên kết câu: lặp từ vựng: ***thời gian , con người***  - Phép nối: ***“bởi vì”*** nối câu đó với câu trước  d. Liên kết câu: dùng các cặp từ trái nghĩa: ***yếu đuối- mạnh, hiền lành- ác.*** |
| *\* Gọi hs đọc và nêu yêu cầu bài tập 2*  *- Gọi hs làm bài*  *- Nhận xét, bổ sung* | *+ Hs đọc và nêu yêu cầu bài tập*  *- Hs làm bài cá nhân, trả lời,*  *- Nhận xét* | **2. Bài 2.** T***ìm các cặp từ trái nghĩa có tác dụng liên kết câu.***  - Các cặp từ trái nghĩa phân biệt đặc điểm thời gian vật lý với thời gian tâm lý giúp hai câu văn liên kết chặt chẽ với nhau: thời gian vật lý- thời gian tâm lý, vô hình- hữu hình, giá lạnh- nóng bỏng, thẳng tắp- hình tròn, đều đặn như một cái máy- lúc nhanh lúc chậm. |
| *\* Gọi hs nêu yêu cầu bài tập 3*  *- Tổ chức hs thảo luận nhóm bàn ( 5 phút )*  *- Chỉ ra các lỗi về liên kết nội dung, nêu cách sửa chữa các lỗi ấy*  *- GV kết luận*  \* Sửa chữa đoạn 1: Cắm đi một mình trong đêm. Trận địa đại đội 2 của anh ở phía bãi bồi bên kia một dòng sông. Anh chỉ nhớ hồi đầu mùa lạc, hai bố con anh cùng viết đơn xin ra mặt trận. Bây giờ mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối. | *+ 1Hs nêu yêu cầu bài tập*  *- Hs thảo luận nhóm ( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung* | **3. Bài 3.** ***Chỉ ra các lỗi về liên kết nội dung, cách sửa chữa các lỗi ấy.***  a. Ý nghĩa của các câu tản mạn, mỗi người nói đến một đối tượng khác nhau, không tập trung làm rõ chủ đề của cả đoạn  b. Trình tự các sự việc được nêu trong các câu không hợp lý.  - Cần phải thêm trạng ngữ chỉ thời gian vào đầu câu 2 nỗi ý hồi tưởng để tạo sự liên kết với câu 1.  “ Năm 19 tuổi chị đẻ đứa con trai, sau đó chồng mắc bệnh, ốm liền trong hai năm rồi chết. Suốt hai năm ấy (chồng ốm nặng), chị làm quần quật phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con. Có những ngày ngắn ngủi cơn bệnh tạm lui, chồng chị yêu thương chị vô cùng. |
| *\* Gọi hs nêu yêu cầu bài tập*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét,chốt* | *- 1Hs đọc yêu cầu bài tập*  *- Hs làm việc cá nhân*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung* | **4, Bài 4.** ***Tìm lỗi liên kết hình thức và nêu cách sửa***  a. Lỗi : dùng đại từ thay thế không phù hợp. Câu 2 dùng đại từ số ít “ nó”, câu 3 dùng đại từ số nhiều  - Nên dùng thống nhất một đại từ: chúng  b. Lỗi: dùng hai từ ***“văn phòng”*** và ***“hội trường”*** không đồng nhất với nhau trong trường hợp này  - Nên thay từ ***“hội trường”*** ở câu hai bằng từ ***“văn phòng”*** |
| *\* Gọi hs đọc yêu cầu bài tập*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét, sửa chữa.* | *- 1Hs nêu yêu cầu bài tập*  *- Hs viết cá nhân, trình bày, nhận xét.* | **5, Bài 5.** Viết đoạn văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống trong đó có sử dụng các phép liên kết  - Hoặc: có chủ đề: Em yêu lời ru của mẹ. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Đặt 2 câu văn có phép liên kết? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Phân tích phép liên kết trong một số văn bản em đã học | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Hướng dẫn về nhà**: 2 phút

***a. Học bài:*** Làm hoàn thiện bài tập 5

Làm bài tập trong sách bài tập

***b. Chuẩn bị bài:***

- Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi trong sgk

- Một số bài văn, đoạn văn mẫu về vấn đề tư tưởng đạo lí.

**KIỂM TRA 15 PHÚT**

**ĐỀ BÀI**

**Phần I: Đoc- Hiểu**

**Câu 1: Câu nào sau đây không có khởi ngữ?**

A.Về trí thông minh thì nó là nhất.

B. Nó thông minh nhưng hơi cẩu thả.

C. Nó là một học sinh thông minh.

D. Người thông minh nhất lớp là nó.

**Câu 2: Hãy điển từ hợp lí vào dấu chấm để hoàn thiện 2 khái niệm sau?**

a..............Là thành phần biệt lập, được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

b.............Là thành phần biệt lập, được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói( vui, buồn, mừng, giận)

**Câu 3: Câu nào chưa thành phần tình thái.**

A. Hôm sau, cơn bão đã qua.

B. Tôi không rõ, hình như họ là hai mẹ con.

C. Trời ơi, bên kia đường có một con rắn chết.

D. Hãy bảo vệ môi trường.

**Câu 4: Nhận dịnh nào sau đây chưa chính xác?**

A. Các câu văn trong đoạn văn hoặc trong văn bản phải có sự liên kết chặt chẽ giữa nội dung và hình thức.

B. Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu văn phải phục vụ chủ đề chung của đoạn văn.

C. Các đoạn văn và câu văn phải được sắp xếp một cách hợp lí.

D. Việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa với các từ ngữ đã có ở câu trước gọi là phép lên kết liên tưởng.

**Câu 5: Trong đoạn văn sau từ ngữ in đậm thay thế cho những từ ngữ nào?**

“ Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi ! Đây là đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sau trăm mét. **Anh ta** làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.”

A. Một anh thanh niên.

B. Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi.

C. Anh thanh niên.

D. Đỉnh Yên Sơn.

**Câu 6: Yếu tố được thay thế trong câu trên là gì?**

A. Cụm danh từ B. Cụm động từ

C. Cụm tính từ D. Cụm chủ- vị

**Câu 7: Dòng nào dưới đây không chứ những từ ngữ thường dùng trong phép nối?**

A. và , rồi, nhưng, mà, còn, vì, nếu.

B. Vì vậy, nếu thế, nếu thì, vậy nên.

C. Nhìn chung, tóm lại, hơn nữa, vẩ lại, với lại.

D. Cái này, điều ấy, việc đó, hắn, họ, nó.

**Câu 8: Câu nào dưới đây không phải là gì câu có chứa thành phần phụ chú?**

A. Cô ấy- là cô gái thanh niên xung phong, rất dũng cảm.

B. Nguyễn Du ( tác giả truyện Kiều). Là một nhà văn lớn của dân tộc.

C. Anh ấy là kĩ sư.

**Phần II: Tạo lập văn bản**

Hãy viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu nội dung về **bảo vệ môi trường** hoặc về **mùa xuân** trong đó có sử dụng liên kết câu, liên kết đoạn văn. Cho biết em sử dụng phép liên kết nào?

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần I: Đọc hiểu: Mỗi câu ( 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| đáp án | A |  | B | B | C | C | D | C |

Câu 2: Tình thái, cảm thán

**Phần II: Tạo lập văn bản ( 8 điểm)**

- H/s viết dúng nội dung chủ đề, đủ số câu, có sử dụng phép liên kết và chỉ rõ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 24**

**Tiết 112**

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 24**

**Tiết 113,114**

**CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức** :

- Học sinh ôn tập kiến thức về văn nghị luận nói chung, nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý.

- Hiểu cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**2. Kỹ năng** :

- Học sinh rèn luyện kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, viết bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý

- Biết cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý khi viết văn

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức:**

- Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**2**. **Kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để làm được bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**3. Thái độ: cẩn thận, nghiêm túc trong làm bài**

**4. Kiến thức liên môn :** Tích hợp phần văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1.Thầy:**

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng và tài liệu tham khảo, một số đoạn văn mẫu.

- Bảng phụ, phiếu bài tập.

**2.Trò** : Học bài cũ, soạn bài mới.

**IV: TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­ước 1: Ổn định tổ chức: 1 phút***

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ: 5 phút***

*- Mục tiêu*: Kiểm tra ý thức tự giác học bài và làm bài của hs .

*- Phư­ơng án* : Kiểm tra bài cũ trước khi vào tiết học.

**H1.** Thế nào là nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý? Yêu cầu của kiểu bài văn này?

**H2. *Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời mà em cho là đúng nhất***

*2.1. Trong những đề bài sau, đề bài nào không thuộc bài nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lý?*

A. Suy nghĩ về đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

B. Suy nghĩ từ truyện ngụ ngôn “ếch ngồi đáy giếng”.

C. Suy nghĩ về câu “Có chí thì nên”.

**D.** Suy nghĩ về một tấm gương vượt khó.

*2.2. Ý nào sau đây không phù hợp với bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí?*

A. Nội dung đem ra bàn luận là vấn đề tư tưởng, văn hoá, đạo đức, lối sống của con người.

B. Bài viết phải có bố cục 3 phần, có luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, chính xác, sinh động.

**C.** Văn viết cần trau chuốt, bóng bảy, giàu hình ảnh, giàu biện pháp tu từ.

D. Vận dụng linh hoạt các thao tác chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, đối chiếu..để trình bày vấn đề.

***\* B­ước 3: Tổ chức dạy và học bài mới: 85 phút***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - Để làm được bài văn, theo em cần phải làm những gì?  *- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới*  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 114,115 . CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 38p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.** |
| *\* GV gọi hs đọc các đề bài trong sgk*  *( Lưu ý : đề 8 luận nghị luận về sự việc hiện tượng )*  H. Các đề bài trên có điểm gì giống và khác nhau?  *\* GV tổ chức HS hoạt động nhóm ( 4 phút ).*  *- Gv nhận xét, bổ sung*  *- Gv chốt*  **\* Gv mở rộng** : có đề ra dưới hình thức là một câu chuyện xảy ra trong thực tế, bài thơ, một sự việc…  *\* GV nêu một đề bài cụ thể .*  - Tri thức là vốn quý.  - Suy nghĩ về tình bạn...  **Không kèm mệnh đề**:  - Lá lành đùm lá rách.  - Ăn có nơi chơi có chốn...  H. Hãy ra hai đề bài trực tiếp và gián tiếp theo mẫu.  \* **Giáo viên tổng hợp đánh giá.** | | *- Hs đọc đề bài trong sgk*  *- Hs thảo luận nhóm ( 4 phút )- Làm ra phiếu bài*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.*  **\* Điểm giống nhau**: Đều là nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý.  **\* Điểm khác nhau:**  - Khác nhau về nội dung nghị luận cụ thể.  - Khác nhau về hình thức, cách ra đề bài.  + Có đề ra trực tiếp vấn đề nghị luận  + Có đề ra gián tiếp dưới hình thức một câu chuyện, câu tục ngữ, bài ca dao.  - Có đề có lệnh cụ thể , có đề không có lệnh.  *+ HS nghe một số đề mẫu.*  *+ Hs ra đề bài*  *- Hs đọc đề bài*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung. Nghe GV chốt.* | | 1. Các đề bài( sgk)  2.Nhận xét  **\* Điểm giống nhau**: Đều là nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý  **\* Điểm khác nhau:**  - Khác nhau về nội dung nghị luận cụ thể  - Khác nhau về hình thức, cách ra đề bài  + Có đề ra trực tiếp vấn đề nghị luận: có mệnh lệnh:1,3,10  + Có đề ra gián tiếp dưới hình thức một câu chuyện, câu tục ngữ, bài ca dao:3,4,5,6,7,8,9  - Có đề có lệnh cụ thể , có đề không có lệnh người viết lấy tư tưởng, đạo lí trong đề để viết một bài nghị luận. |
| **II. Hướng dẫn HS tìm hiểu cách làm bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng , đạo lí.** | | **II. HS tìm hiểu cách làm bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng , đạo lí.** | | **II. Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.** |
| *\* GV gọi hs đọc đề bài, nêu yêu cầu:*  H. Nêu yêu cầu thể loại và nội dung nghị luận của đề bài  *\* Gv nhận xét, chốt* | | *+ HS đọc đề bài và nêu yêu cầu. Xác định thể loại, tính chất của đề và những yêu cầu về mặt nội dung của đề.*  - Thể loại: Nghị luận vấn đề tư tưởng đạo lý  - Vấn đề nghị luận: Truyền thống biết ơn của dân tộc ta. | | **Đề bài:** *Đạo lý uống nước nhớ nguồn.*  **1.Tìm hiểu đề**  - Thể loại: Nghị luận vấn đề tư tưởng đạo lý.  - Vấn đề nghị luận: Truyền thống biết ơn của dân tộc ta. |
| *\* GV hướng dẫn HS tìm ý*  H. Làm cách nào để tìm được các ý cho bài làm trên  H. Giải thích đen và nghĩa bóng của câu TN  H. Em hiểu nước, nguồn ở đây có nghĩa là gì?  H. Em suy nghĩ như thế nào về đạo lý uống nước nhớ nguồn?  *\* Gv chốt ý chính trên máy.* | | *+ HS suy nghĩ, trao đổi trong nhóm bàn, trả lời. Nghe và theo dõi GV chốt trên máy.* | | **2. Tìm ý**  - Tỡm hiểu ý nghĩa của vấn đề, trả lời cho các câu hỏi tỡm hiểu về nội dung, ý nghĩa của vấn đề nghị luận.  - Giải thích câu tục ngữ: nghĩa đen , nghĩa bóng  -Tỡm hiểu nội dung câu tục ngữ  - Giá trị của câu tục ngữ đối với ngày nay. |
| - Nghĩa đen: Uống nước phải biết nước có từ đâu  - Nghĩa búng:  + Nước: Là một thành quả mà con người được hưởng thụ, từ giá trị của đời sống vật chất (cơm ăn áo mặc, điện, nước  dựng và cả non sụng gấm vúc, thống nhất hoà bỡnh..).. cho đến các giá trị tinh thần (văn hoá, phong tục, tín ngưỡng nghệ thuật...)  - Nguồn là những người làm ra thành quả, là lịch sử, truyền thống sáng tạo bảo vệ thành quả, là tổ tiên, dân tộc gia đỡnh.  - Là đạo lý của người hưởng thụ thành quả đối với người tạo ra thành quả.  + uống nước: hưởng thụ thành quả: Vật chất, tinh thần  + Nhớ nguồn là lương tâm, trách nhiệm đối với nguồn.  + Nhớ nguồn là sự biết ơn, giữ gỡn và tiếp nối sỏng tạo.  + Nhớ nguồn là không vong ân bội nghĩa là học để sáng tạo những thành quả mới.  + Đạo lý này là sức mạnh tinh thần giữ gỡn cỏc giỏ trị vật chất và tinh thần của dõn tộc.  + Đạo lý này là nguyên tắc làm người của người Việt Nam. | | | | |
| *\* Gv gọi hs đọc dàn ý trong sgk*  H. Từ dàn ý cơ bản trên hãy lập dàn ý chi tiết?  *\* GV tổ chức hs thảo luận nhóm ( 5 phút )*  *\* Giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào dàn ý trong SGK để lập dàn ý đại cương rồi chuyển thành dàn ý chi tiết.*  *- Giáo viên tổ chức hoạt động theo nhóm: mỗi nhóm lập dàn ý 1 phần.*  - Nhóm 1: Mở bài  - Nhóm 2: TB: Giải thích câu tục ngữ  - Nhóm 3: Nhận định đánh giá  - Nhóm 4: Kết bài  *\* GV nhận xét, sửa chữa và chốt dàn ý trên máy.* | | *+ Hs đọc dàn ý*  *- Hs thảo luận nhóm (5 phút) - Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Quan sát trên máy.*  **a) Mở bài**  Giới thiệu ND câu TN và nêu tư tưởng chung: Đạo lý làm người  **b) Thân bài**  a. - Giải thích câu tục ngữ  - Uống nước có ý nghĩa gì? Nhớ nguồn là thế nào? Cụ thể những nội dung đó.  b. Nhận định đánh giá  - Câu tục ngữ nêu đạo lí làm người.  - Truyền thống tốt đẹp của dân tộc.  - Nền tảng tự duy trì và phát triển XH.  - Nhắc nhở những người vô ơn  - Khích lệ mọi người cống hiến  **3. Kết bài:** KĐ Một nét đẹp truyền thống của con người Việt Nam và ý nghĩa câu tục ngữ đối với ngày hôm nay. | | ***1. Mở bài:***  Giới thiệu câu tục ngữ về nội dung đạo lý, đạo lý làm người, đạo lý cho toàn XH.  2. ***Thân bài:***  a. Giải thích câu tục ngữ:  - Nước ở đây là gì?  - Uống nước có ý nghĩa gì?  - Nguồn là gì? Nhớ nguồn là thế nào?  b. Nhận định, đánh giá (tức bình luận).  - Câu TN nêu đạo lý làm người.  - Câu TN nêu truyền thống tốt đẹp của dân tộc.  - Câu TN nêu 1 nền tảng tự duy trì và phát triển của XH, là lời nhắc nhở đối với những ai vô ơn, khích lệ mọi người cống hiến cho XH, dân tộc.  **3. Kết bài:**  Câu TN thể hiện một nét đẹp của truyền thống và con người Việt Nam. |
| H. Từ dàn ý cho đề bài trên em hãy rút ra dàn ý chung cho kiểu bài nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lý  *\* Gv nhận xét, sửa chữa, chốt dàn ý chung nhất* | | *+ HS rút dàn ý chung, nghe Gv chốt, chép dàn ý chuẩn vào vở.* | | **Dàn ý chung.** |
| **\* Mở bài**  - Dẫn dắt vấn đề  - Nêu vấn đề nghị luận  **\* Thân bài**  1. Giải thích  - Giải thích nghĩa đen ( nếu đề ra dưới dạng câu tục ngữ, ca dao, truyện ngụ ngôn; giải thích hình tượng nghệ thuật nếu đề ra thông qua một bài thơ, một đoạn truyện.. )  - Giải thích vấn đề nghị luận ( VD: Thế nào là tinh thần tự học, đức tính khiêm nhường là gì…)  2. Đánh giá  - Đánh giá vấn đề đúng để đi đến khẳng định, ngợi ca  - Đánh giá vấn đề sai ( nếu vấn đề đó là sai ) để đi đến bác bỏ , phê bình  - Có thể vấn đề nghị luận đó vừa đúng vừa sai  3. Liên hệ mở rộng  - Liên hệ thực tế xã hội, liên hệ bản thân  **\* Kết bài**  - Khẳng định lại tư tưởng, đạo lý, lối sống  - Nêu ý nghĩa của câu tục ngữ đó với xã hội ngày nay | | | | |
| *\* GV giới thiệu phần viết bài trong SGK để HS hình dung khâu viết bài.* | | *- Quan sát, đọc* | | **3, Viết bài.** |
| H. Em có nhận xét gì về cách viết bài đã nêu ở SGK?  H. HS đọc lại cách viết mở bài và cho biết có mấy cách để vào bài?  \* GV gọi HS đọc phần thân bài, kết bài và nhắc lại nhiệm vụ, nội dung của từng phần. | | *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  - Có nhiều cách diễn đạt, dẫn dắt khác nhau  \* Đoạn mở bài  - Cách mở bài đi từ cái chung đến cái riêng ( những truyền thống , đạo lý ) đến cái riêng ( vấn đề nghị luận )  - Cách mở bài đi từ kho tàng tục ngữ ca dao đế câu tục ngữ này  \* Các đoạn phần thân bài | | \* Đoạn mở bài  - Cách mở bài đi từ cái chung đến cái riêng ( những truyền thống , đạo lý ) đến cái riêng ( vấn đề nghị luận )  - Cách mở bài đi từ kho tàng tục ngữ ca dao đế câu tục ngữ này  \* Các đoạn phần thân bài |
| + Đoạn đánh giá:  Biết ơn những người đi trước đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ ngàn xưa. Vậy tại sao chúng ta phải biết ơn những người đi trước? Ta biết, con người sống không thể thiếu của cải vật chất và tinh thần. Tất cả những của cải vật chất đó không phải tự nhiên có mà là kết quả của quá trình lao động. Quá trình đó không phải dễ dàng mà lâu dài gian khổ, phải đánh đổi bằng mồ hôi , xương máu. Để có được nền hoà bình độc lập như ngày hôm nay, các vị tiền bối, chiến sĩ cách mạng đã phải hi sinh cả tính mạng của mình để giữ gìn đất nước. Để có được một đất nước phát triển ngày một phồn vinh, sánh vai với các cường quốc là nhờ công lao của các vị lãnh đạo đảng và nhà nước có những chính sách phát triển và hội nhập kinh tế…. Hưởng những thành quả đó, chúng ta phải ghi nhớ công lao của họ  + Đoạn mở rộng:  Chúng ta phải thể hiện lòng biết ơn bằng những việc làm, hành động cụ thể. Ngày 10-3 đã trở thành ngày quốc giỗ, tại đó con cháu Lạc Hồng thể hiện lòng tưởng nhớ tới cội nguồn. Ngày thương binh liệt sĩ 27- 7 là ngày tất cả mọi người dân Việt Nam tưởng nhớ những người đã hi sinh bản thân mình vì quê hương đất nước. Hằng năm Đảng và nhà nước ta vẫn phát động phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, tặng quà những gia đình thương binh liệt sĩ, có những chính sách ưu tiên gia đình thương binh liệt sĩ... | | | | |
| H. Đọc lại và sửa chữa là làm gì?  H. Theo em bước đọc lại và sửa chữa có cần thiết không ? Tại sao? | | *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân.* | | **4. Đọc và sửa chữa.** |
| H. Qua tìm hiểu trên, em rút ra kết luận gì về cách làm bài NL về một vấn đề tư tưởng đạo lí?  - Muốn làm tốt bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý ta cần làm thế nào?  - Dàn bài chung của bài nghị luận... gồm mấy phần? Nội dung cuả từng phần?  -Bài làm cần giải thích đánh giá như thế nào?  \* Gv khái quát, rút ghi nhớ, gọi đọc? | | *- H/s rút ra kết luận…*  *+ Nghe Gv chốt, 2 Học sinh đọc ghi nhớ trong SGK* | | **\* Ghi nhớ/ 54.** |
| **TIẾT 2.**  **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 38p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | |
| **III. Hướng dẫn HS thực hành LUYỆN TẬP.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. HS thực hành LUYỆN TẬP.** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. Luyện tập** | |
| *\* GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm củng cố bài, gọi trả lời cá nhân, gọi nhận xét, GV nhấn mạnh.* | *+ HS quan sát, trả lời cá nhân. HS khác nhận xét, bổ sung.* | | **1. Bài 1. Trắc nghiệm** | |
| *\* Yêu cầu HS viết đoạn văn.* | **- Cá nhân HS viết đọan văn.**  **- trình bày trước lớp.**  **- Một số em nhận xét, bổ sung.** | | **2. Bài 2.** Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những việc làm của Đảng, nhà nước ta thể hiện đạo lí uống nước nhớ nguồn. | |
| *\* GV gọi HS đọc đề bài, nêu yêu cầu?*  - Xác định nội dung cần tìm hiểu của đề?  - Đặt các câu hỏi để tìm ý cho đề bài trên?  - Tìm lí lẽ và dẫn chứng để trả lời cho các câu hỏi để tìm ý?  - Dựa vào những ý đã tìm được hãy lập dàn bài cho đề bài đó? | *1 HS đọc, nêu yêu cầu, suy nghĩ, trả lời* | | 3. Bài 3. Lập dàn bài cho đề bài sau**: Bàn về tinh thần tự học.**  **1, Tìm hiểu đề, tìm ý.**  \* Tìm hiểu đề.  - Tính chất cuủa đề: nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  - Yêu cầu nội dung: bàn về tinh thần tự học  \* Tìm ý:  - Thế nào là tự học? Tự học có vai trò, ý nghĩa, tác dụng ntn đối với con người Cần xây dung đức tính tự học ntn? | |
| H. Dựa vào những ý đã tìm được hãy lập dàn bài cho đề bài đó?  - *GV cho HS thảo luận nhóm bàn, gọi trình bày, nhận xét.*  *GV kết luận về một dàn bài hợp lí, đầy đủ chi tiết.* | *- Hoạt động nhóm, nhóm trưởng trình bày, nhận xét* | | **2, Lập dàn bài.** | |
| A - Mở bài:  - Giới thiệu vấn đề: Tinh thần tự học: học tập là con đường để chiếm lĩnh tri thức, quan trọng là phải tự học.  B - Thân bài:  1. Giải thích:  a. Học là gì?  - Là hoạt động thu nhận kiến thức và hình thành kĩ năng của một chủ thể học tập nào đó. Diễn ra dưới 2 hình thức.  + Học dưới sự hướng dẫn của thầy cô.  + Tự học: tự đọc, tự nghiên cứu, tìm tòi những kiến thứcc cần thiết một cách tự giác, chủ động  b. Tinh thần tự học là gì?  - Là có ý thức tự học => dần trở thành nhu cầu...  - Là có ý chí vượt qua mọi khó khăn trở ngại để tự học 1 cách có hiệu quả.  - Có phương pháp tự học phù hợp với trình độ hoàn cảnh, điều kiện.  - Khiêm tốn học hỏi bạn bè...  2. Dẫn chứng trong thực tế và sách báo  C- Kết bài:  - Khẳng định vai trò của tự học và tinh thần tự học trong việc phát triển và hoàn thiện nhân cách mỗi người.  - Bản thân em đã tự học chưa? | | | | |
| *\* GV cho HS viết đoạn theo 5 nhóm, mỗi nhóm một đoạn, gọi đọc , nhận xét, GV sửa, uốn nắn cách viết*  *- Gv đọc một số đoạn văn mẫu* | | *- Viết đoạn theo yêu cầu của nhóm, đọc trước lớp, nhận xét.* | | **, Viết đoạn.**  + Nhóm 1: Viết đoạn giải thích  + Nhóm 2 + 3: Viết đoạn thân bài phần đánh giá  + Nhóm 4: Viết đoạn mở rộng  + Nhóm 5 : Viết đoạn mở bài.  **4, Đọc, sửa chữa.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Phát triển các đoạn văn thành bài văn hoàn chỉnh | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tiếp tục Chọn một đề văn trong phần 1 đề tiếp tục lập dàn ý  . | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4: Giao bài, hướng dẫn học và làm bài ở nhà**(2 phút)

**a. Học bài :**

- Học thuộc phần dàn ý chung.

- Làm hoàn thiện đề bài trên vào vở bài tập.

**b. Chuẩn bị bài**

**-** Soạn bài: Mùa xuân nho nhỏ

- Yêu cầu : đọc và soạn bài, tìm hiểu tư liệu về tác phẩm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 24,25**

**Tiết 115,116**

**MÙA XUÂN NHO NHỎ**

***Thanh Hải***

**I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức** :

- Cảm nhận được những cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn dâng hiến cho cuộc đời của tác giả.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện năng lực cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm thơ năm chữ

- Cảm nhận được vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, đất nước, khát vọng sống, cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm thơ hiện đại

- Biết sống có ích cho cuộc đờ, yêu thiên nhiên, yêu đất nước.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức:**

- Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước.

- Lẽ sống cao đẹp của một con người chân chính.

**2**. **Kĩ năng**

- Đọc- hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại.

- Trình bày những suy nghĩ, cẩm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.

**\* Tích hợp rèn kĩ năng sống.**

- HS biết trình bày trao đổi về sự thể hiện vẻ đẹp của mùa xuân và niềm khát khao được cống hiến của mỗi con người đối với đất nước.

- Biết bày tỏ nhận thức và hành động của cá nhân để đóng góp vào cuộc sống.

3. **Thái độ:** yêu thiên nhiên yêu mùa xuân và dặc biệt có khát vọng sống cao đẹp- sống có ích cho đời

4. **Tích hợp kiến thức liên môn: GDCD, Âm nhạc**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1.Thầy:**

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng và TLTK, Sgv

- Bảng phụ, phiếu bài tập.

**2. Trò** : Học bài cũ, soạn bài mới ( trả lời các câu hỏi trong vở bài tập Ngữ văn)

**IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

***\* B­ước 1: Ổn định tổ chức: 1 phút***

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ: 2-3 phút***

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học bài và kiến thức cũ của hs .

- Phư­ơng án: : Kiểm tra qua câu hỏi.

**H1.**Trình bày luận điểm chính và các luận điểm nhỏ ( luận cứ ) trong văn bản ***" Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới" ?***

+ Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là chuẩn bị bản thân của con người.

+ Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước.

+ Những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế mới trong thế kỉ mới.

**H2.** *Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng ở đầu câu trả lời mà em cho là đúng nhất:*

*2.1. Nội dung nào sau đây* ***không phải*** *là mặt mạnh của người Việt Nam?*

A. Thông minh, nhạy bén với cái mới.

B. Cần cù, sáng tạo trong công việc.

C. Có truyền thống lâu đời đùm bọc, đoàn kết với nhau.

**D.** Tỉ mỉ, cẩn trọng và có tinh thần kỷ luật cao trong công việc.

*2.2. Theo tác giả, hành trang quan trọng nhất cần chuẩn bị khi bước sang thế kỷ mới là gì?*

A. Một trình độ học vấn cao.

B. Một cơ sở vật chất tiên tiến.

**C.** Tiềm lực bản thân con người.

D. Những thời cơ hội nhập**.**

***\* B­ước 3: Tổ chức dạy và học bài mới:40 phút***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| ***+ Gv tổ chức cho Hs chơi trũ chơi mảnh ghép: quan sát 4 bức tranh và cho biết: ghép 4 mảnh ghép cho biết chủ đề của những hỡnh ảnh.***  - Từ câu trả lời của hs , gv gới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS trả lời  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  TIẾT 110  **MÙA XUÂN NHO NHỎ**  ***(Thanh Hải )*** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 33’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 6 - 7p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **CHUẨN KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc, tìm hiểu chú thích**  **- Gv yêu cầu Hs cỏc nhúm trình bày kết quả chuẩn bị ở nhà : Những thụng tin về tỏc giả, tỏc phẩm**  *-Gv bổ một vài nét về nhà thơ và hoàn cảnh ra đời bài thơ*  *Gv cho HS nghe bài hỏt: Mựa xuõn nho Nhỏ của cố nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc.*  *- Gv chiếu bài thơ*  **-***Gv hướng dẫn hs đọc:* - Giọng cần biến đổi theo mạch c/xúc:  +phần đầu:say sưa trìu mến +Khổ 3,4: Nhanh, hối hả, phấn chấn.  +phần cuối: tha thiết, trầm lắng  *- Gv đọc mẫu*  *\* Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu từ khó. Yêu cầu HS nhận xét các từ khó.* | | | ***I HS đọc, tìm hiểu chú thích***  *- Hs nghe hướng dẫn và nghe đọc*  *- Hs đọc văn bản*  *- Hs trình bày hiểu biết về tác giả Thanh Hải*  *- Hs khác bổ sung thêm*  *- Hs quan sát chân dung*  - Một số các tác phẩm của ông: Mồ anh hoa nở, Huế mùa xuân, Cháu nhớ Bác Hồ…  - Sau ngày giải phóng, Thanh Hải vẫn gắn bó với quê hương xứ Huế, sống và sáng tác ở đó cho đến lúc qua đời.  *- Hs nghe và quan sỏt bài thơ*  *-* | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- chú thích.**  **1. Đọc.**  **2. Chú thích.**  **a. Tác giả**  - Thanh Hải tên thật là Phạm Bá Ngoãn, sinh 1930, mất 1980, quê ở Phong Điền, Thừa Thiên Huế.  - Ông là người có công xây dựng nền văn nghệ Miền Nam từ những ngày đầu.  **2.Tác phẩm**  - Bài thơ được sáng tác 25- 11- 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh và chẳng bao lâu tác giả qua đời: 12-1980. | |
| **II. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Bước 1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu khái quát văn bản**  *\* Tổ chức hs hoạt động nhóm bằng kĩ thuật KPB ( 5 phút )*  + Thể thơ  + Mạch cảm xúc  + PTBĐ  + Bố cục  - Gv nhận xét, sửa chữa, chốt | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. HS tìm hiểu văn bản.**  **1. HS tìm hiểu khái quát**  *- Hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KPB( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  ***- Bố cục*** : 3 phần  + Khổ đầu: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời xứ Huế  + Khổ 2+3: Cảm xúc trước mùa xuân đất nước  + Khổ 4+5: Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ trước mùa xuân đất nước  + Khổ cuối: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế. | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản:**  **A. Tìm hiểu khái quát văn bản**  ***- Thể thơ:*** năm chữ với nhịp điệu luân chuyển tự nhiên, sôi nổi, thiết tha, trầm lắng có lúc lại hối hả, phấn chấn.  - ***Mạch cảm xúc*** : bắt nguồn từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời xứ Huế đến mùa xuân cách mạng và mùa xuân trong lòng người.  - ***PTBĐ***: biểu cảm  ***- Bố cục*** : 3 phần | |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết văn bản.**  *\* Gọi hs đọc khổ thơ đầu.*  H.Hình ảnh mùa xuân thiên nhiên được khắc hoạ qua những hình ảnh thơ nào? Cảm nhận của em về những hình ảnh thơ đó?  *\* GV bổ sung:* Đó là một dòng sông xanh mát, hiền hoà với sự xuất hiện của bông hoa tím ( hoa lục bình) thơ mộng đặc trưng của xứ Huế, 1 âm thanh réo rắt vui tươi, rộn rã của tiếng chim chiền chiện.  H. Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì trong khổ thơ này? Nhận xét cách miêu tả của tác giả?  H. Qua sự miêu tả của tác giả em cảm nhận được điều gì?  ***\* Gv nhấn mạnh:*** | | **2. HS tìm hiểu chi tiết văn bản.**  *+ Hs đọc khổ thơ đầu*  *- Hs trả lời cá nhân và trình bày cảm nhận.*  *- Hs khác bổ sung*  *+ Hs chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong khổ 1.*  *- Nghe, cảm nhận*  + Nghệ thuật đảo trật tự cú pháp được sử dụng đặc sắc. Bình thường ta nói: Một bông hoa tím biếc / mọc giữa dòng sông xanh, nhưng ở đây tác giả lại nói ngược lại. Động từ mọc được đặt ngay ở đầu câu thơ. Tất cả diễn tả sự vận động , phát triển của thiên nhiên đất trời. | | **B. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  ***1. Mùa xuân của thiên nhiên đất trời xứ Huế***  ***\*Bức tranh TN mùa xuân***  + Dòng sông xanh  + Bông hoa tím biếc  + Chim hót vang trời.  - Cách miêu tả: phác hoạ vài nét về hình ảnh, âm thanh, màu sắc.  + Nghệ thuật đảo trật tự cú pháp được sử dụng đặc sắc.  ->***Không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm, âm thanh vang vọng -*** ***1 bức tranh mùa xuân đẹp, tràn đầy sức sống.*** | |
| *\* Gv nhấn mạnh:*  - Hoà chung với âm thanh của tiếng chim chiền chiện, tác giả phải thốt lên” Ơi con chim chiền chiện”  H. Nhà thơ đã cảm nhận âm thanh của tiếng chim có gì đặc biệt? Ý nghĩa vai trò của cách cảm nhận đó trong việc thể hiện cảm xúc? | | *+Nêu cách cảm nhận âm thanh của tác giả và ý nghĩa vai trò của cách cảm nhận đó trong việc thể hiện cảm xúc.* | | - Lời gọi , lời hỏi “ hót chi” nghe vô cùng thân thương tha thiết. Ở đây có sự chuyển đổi cảm giác mang tính chủ quan của nhà thơ. Âm thanh của tiếng chim chiền chiện đã được hình tượng hoá, cụ thể hoá. Từ cái vô hình trừu tượng chỉ có thể cảm nhận bằng thính giác chuyển thành vật hữu hình cụ thể có thể nhìn thấy được và cuối cùng là nắm bắt được “ giọt âm thanh”. Để rồi tác giả có cử chỉ hứng âm thanh đầy thơ mộng | |
| H. Em có suy nghĩ gì về cảm xúc của tác giả trước mùa xuân thiên nhiên?  ? Cảm nhận về tâm hồn, tình cảm của tác giả?  ***\* GV chốt, chuyển ý*** | | *- Hs trình bày suy nghĩ của mình.*  *- Nêu ý kiến cá nhân*  *- Nghe, ghi nhớ* | | → ***Bằng việc miêu tả cảnh sắc thiên nhiên thể hiện niềm say mê ngất ngây của nhà thơ trước vẻ đẹp thiên nhiên đất trời lúc vào xuân.*** | |
| *\*GV: Chỉ bằng vài nét phác hoạ, tác giả đã vẽ ra được cả một không gian cao rộng (dòng sông, mặt đất, bầu trời), cả màu sắc tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc - màu sắc đặc trưng của xứ Huế) và cả âm thanh vang vọng, tươi vui của tiếng chim hót. Đây là một bức tranh thiên nhiên mùa xuân thật đẹp, tràn đầy sức sống. Qua nghệ thuật chuyển đổi cảm giác, tiếng chim từ chỗ là âm thanh (được cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành từng giọt (cảm nhận bằng thị giác có hình và khối). Từng giọt ấy lại long lanh ánh sáng và màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác (đưa tay hứng)....Nhà thơ hứng giọt âm thanh của mùa xuân hay âm thanh tiếng chim. Khổ thơ đã diễn tả một cách sinh động niềm say sưa ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của TN, đất nước lúc vào xuân.* | | | | | |
| H. Mùa xuân đất nước được khắc hoạ qua những hình ảnh nào? Tại sao nhà thơ lại chọn những hình ảnh đó?  *GV: Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, đây là những con người chịu nhiều vất vả hi sinh để đem lại mùa xuân đất nước* | | *+ Hs trả lời cá nhân ( tìm hình ảnh : người cầm sung, người ra đồng )*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung.* | | **b. Mùa xuân đất nước**  *- Mùa xuân của đất nước*  + Người cầm súng  + Người ra đồng  Biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động xây dựng đất nước. - Cấu trúc song hành, hình ảnh tượng trưng. | |
| H. Hình ảnh lộc gợi ý nghĩa biểu tượng gì?  ***\* GV chốt*** | | *- Hs trả lời cá nhân (HS khá giỏi)*  - Hình ảnh quen thuộc của mùa xuân: “lộc” có nghĩa là chồi non. Nhưng trong bài thơ này lộc có nghĩa là mùa xuân, sức sống, tuổi trẻ. Người cầm súng giắt cành lá nguỵ trang ra trận chiến đấu; người ra đồng gieo mùa xuân trên từng nương mạ. Họ chính là những người đem lại mùa xuân cho đất nước. | | ***→ mùa xuân của độc lập tự do, ấm no, hạnh phúc*→ *Vẻ đẹp và sức sống mãnh liệt của đất nước.*** | |
| H. Sức sống mùa xuân của đất nước còn được tác giả cảm nhận qua nhịp điệu, âm thanh nào? Để thể hiện cảm nhận đó, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Qua đó em cảm nhận được gì về khí thế vào xuân, sức sống mùa xuân của đất nước? | | *- Phát hiện NT và nêu tác dụng* | | *- Sức sống mùa xuân:*  Tất cả như hối hả  Tất cả như xôn xao  → Từ láy tượng hình, tượng thanh, điệp ngữ.  →*Khí thế khẩn và náo nhiệt.* *Nhịp điệu vui tươi mạnh mẽ khác thường*  ->Là hành khúc mùa xuân của thời đại Hồ Chí Minh . | |
| H. Từ khí thế vào xuân của dân tộc, nhà thơ có những suy tư gì về đất nước, về dân tộc. Em hãy bình về những suy tư đó của t/giả?  ***\* GV chốt*** | | *- HS suy nghĩ - bình.*  ***- 1 em trình bày . HS khác bổ sung.***  *Nghe, ghi nhớ* | | *-Suy tư của nhà thơ:* "Đất nước .... lên phía trước".  **→*Niềm tự hào đối với đất nước anh hùng giàu đẹp; ý chí quyết tâm, niềm tin sắt đá của dân tộc.*** | |
| Đất nước được hình dung bằng một hình ảnh so sánh đẹp và đầy ý nghĩa. Sao là nguồn sáng lấp lánh, vẻ đẹp của bầu trời vĩnh hằng. So sánh đất nước với vì sao là biểu lộ niềm tự hào đối với đất nước anh hùng, giàu đẹp. "Cứ đi lên phía trước". Câu thơ khẳng định ý chí quyết tâm, niềm tin sắt đá của dân tộc để xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh. | | | | | |
| *\* Cho HS đọc khổ 4, 5. Nêu yêu cầu cho HS suy nghĩ, thảo luận.*  H.Xúc cảm trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước, tác giả đã tâm niệm những gì? Tâm niệm ấy được thể hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào? Nét đặc sắc của những những chi tiết, hình ảnh ấy? Qua đó em cảm nhận được gì về tâm niệm của nhà thơ? | | *- HS đọc khổ 4 , 5.*  *- HS suy nghĩ thảo luận nhóm .*  *- Đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.*  - Những h/ảnh tự nhiên, giản dị, mang ý nghĩa tượng trưng . | | *c. Tâm niệm của nhà thơ*  + Ta làm con chim hót....  Một nốt trầm xao xuyến.  + Một mùa xuân nho nhỏ  Lặng lẽ dâng cho đời.  **→ *ước nguyện và khát vọng được hoà nhập, cống hiến phần tốt đẹp dù là nhỏ bé cho cuộc sống chung, cho đất nước. - Một ước nguyện khiêm nhường giản dị, chân thành và tha thiết.*** | |
| H. Qua tâm niệm của nhà thơ em rút ra cho mình bài học gì? | | *+ Tự do bộc lộ*  Mỗi con người hãy cố gắng mang đến cho c/đời một nét đẹp, phần tinh tuý của mình dù là nhỏ bé để góp vào làm đẹp cho c/đời, cho đất nước. | |  | |
| H. Phân tích hình ảnh thơ “mùa xuân nho nhỏ” và cách thức cống hiến của nhà thơ?  H. Nhận xét về cách xưng hô của tác giả ở khổ này so với khổ đầu?  *- Tổ chức hs thảo luận nhóm ( 4 phút )*  *- Gv nhận xét, chốt*  H. Ước nguyện đó cho ta hiểu gì về lối sống của nhà thơ? Em có đồng tình với ước nguyện đó không? Vì sao?  *- Gv bổ sung*  *- Gv liên hệ mở rộng* | | *- Hs thảo luận nhóm (4 phút)*  *- Làm ra vở bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung.*  - Đây là sự sáng tạo của nhà thơ nói về mối quan hệ giữa cuộc đời mỗi người và cuộc đời chung, giữa cá nhân và xã hội. Đây là hình ảnh ẩn dụ của sự cống hiến cuộc đời mình cho đất nước bằng cả sức lực và trí tuệ.  - Ở khổ đầu tác giả xưng “tôi ,  cái tôi cá nhân đang say sưa trước cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân. Sang khổ thơ này tác giả xưng ta , cái ta chung của dân tộc.  → Cách dùng đại từ “ta’’ cho thấy khát vọng cống hiến không chỉ riêng nhà thơ mà của tất cả mọi người. | | - Cách thức cống hiến cũng thật cao đẹp: cống hiến một cách âm thầm, lặng lẽ, thiêng liêng thành kính. “ dâng”, cống hiến không ngừng nghỉ, không biết mệt mỏi , dù là khi còn trẻ, hay cả khi tóc đã pha sương.  ***→ Một lối sống cao đẹp, một nhân sinh quan đúng đắn của người chiến sĩ cách mạng.*** | |
| H. Điệu dân ca xứ Huế ở khổ cuối được nhắc đến có tác dụng gì?  GV:*Â m điệu dân ca xứ Huế ngọt ngào, mênh mang góp phần biểu lộ niềm tin yêu của tác giả vào cuộc đời, vào đất nước qua những giá trị truyền thống. Câu thơ "Mùa xuân ta xin hát" một lần nữa diễn tả niềm khao khát, bồi hồi của nhà thơ đối với quê hương yêu dấu buổi xuân về.* | | *+ Hs trình bày suy nghĩ đánh giá của mình*  *- Tóm tắt ghi vở*  *- Hs lắng nghe*  - Điệp từ "nước non" với những vần bằng liên tiếp” bình, mình, tình” diễn tả âm điệu nhẹ nhàng , tha thiết, mênh mang mà réo rắt vui tươi, xao xuyến lòng người  **TIẾT 2** | | ***→ Lời khẳng định giá trị truyền thống vững bền của dân tộc*** | |
| **III. Hướng dẫn hs khái quát lại văn bản.**  H. Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản?  *- GV bổ sung, khái quát lại nội dung, nghệ thuật của văn bản.*  *- Gọi hs đọc ghi nhớ.* | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Hs khái quát lại văn bản.**  *Hs khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.*  *- Nghe GV bổ sung khái quát*  *- Hs đọc ghi nhớ.* | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Ghi nhớ (SGK)**  **1. Nghệ thuậ**t  - Thể thơ 5 chữ với âm điệu tha thiết, réo rắt vui tươi.  - Hình ảnh thơ giản dị, tự nhiên giàu ý nghĩa biểu tượng khái quát.  - Cấu tứ chặt chẽ, giọng điệu bài thơ luân chuyển tự nhiên lúc say sưa, ngất ngây, lúc trầm lắng, suy tư, rồi sôi nổi thiết tha. | |
| - Sử dụng ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, với các ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ, sử dụng từ xưng hô.  **2. Nội dung:**  - Vẻ đẹp trong trẻo ,đầy sức sống của thiên nhiên đất trời mùa xuân và cảm xúc say sưa, ngây ngất của nhà thơ.  - vẻ đẹp và sức sống của đất nước qua mấy nghìn năm lịch sử.  - Khát vọng được cống hiến, sống có ý nghĩa cho đất nước, cho cuộc đời của tác giả.  **3. Ý nghĩa.**  - Bài thơ thể hiện những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, đất nước và khát vọng được cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời. | | | | | | |

**HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP

+ *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

+ *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p

*+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **IV. Hướng dẫn hs LUYỆN TẬP.**  *- Gv gọi hs lên bảng làm*  *- Gọi Hs khác nhận xét, sửa chữa*  *- Gv nhận xét, sửa chữa* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. HS LUYỆN TẬP.**  *- Hs lên bảng làm*  *- Hs khác nhận xét, sửa chữa*  *- Nghe Gv nhận xét, sửa chữa* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập:**  **1.Bài tập 1**: Trắc nghiệm:  - Sách bài tập trắc nghiệm ngữ văn 9.  ( từ câu 1 – câu 10 ) |
| Bài thơ có nhan đề "Mùa xuân nho nhỏ". Em hiểu thế nào về nhan đề đó? Hãy nêu chủ đề của bài thơ? | *+ HS suy nghĩ, trả lời.* | **2. Bài 2.**  -Nhan đề: "Mùa xuân nho nhỏ" - Một phát hiện mới mẻ, độc đáo. Nhà thơ nguyện làm một mùa xuân nho nhỏ nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng là một mùa xuân nho nhỏ góp phần vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời. |
| *\* GV yêu cầu HS viết đoạn, gọi đọc, gọi nhận xét, GV sửa.*  *- GV có thể đưa ra lời bình của mình về một đoạn thơ cho HS tham khảo* | *- HS viết cá nhân.*  *2 - 3 em trình bày,*  *HS khác nhận xét*  *Nghe GV nhận xét.* | **3. Bài 3:**  Viết một đoạn văn ngắn bình khổ thơ sau:  Một mùa xuân nho nhỏ  Lặng lẽ dâng cho đời  Dù là tuổi hai mươi  Dù là khi tóc bạc |

***\* Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng:***

***1. Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” được bắt nguồn từ cảm xúc nào?***

A. Cảm xúc về vẻ đẹp và truyền thống của đất nước.

**B.** Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế.

C. Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân Hà Nội

D. Cảm xúc về thời điểm lịch sử đáng ghi nhớ của dân tộc.

***2. Dòng nào sau đây nói đúng nhất về hình ảnh “con chim hót”, “cành hoa”, “nốt trầm xao xuyến”?***

**A.** Là những gì đẹp nhất của mùa xuân.

B. Là những gì nhỏ bé trong cuộc sống.

C. Là những gì đẹp nhất mà mỗi người muốn có.

D. Là mong muốn khiêm nhường và tha thiết của nhà thơ.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em cần làm gì để có một lẽ sống cao đẹp? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc một số tác phẩm khác viết về mùa xuân ? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

***\* Bước 4. Giao bài, h­ướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà*** *( 1 phút)*

**a. Bài vừa học**

- Học bài giảng và phần ghi nhớ

- Làm hoàn thiện bài tập 2.

- Nắm đư­ợc những giá trị đặc sắc của văn bản.

**b. Chuẩn bị bài mới**

Soạn :" Viếng lăng Bác".

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi , phiếu bài tập, bảng phụ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TUẦN 25.**

**Tiết 116**

**VIẾNG LĂNG BÁC**

**- Viễn Ph­ương -**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Biết một tác phẩm thơ hiện đại.

- Cảm nhận đư­ợc cảm xúc chân thành, tha thiết của ngư­ời con miền Nam đối với Bác Hồ kính yêu

- Thấy đ­ược sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả thể hiện trong bài thơ

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện năng lực cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm thơ giàu cảm hứng hiện thực mà không thiếu sức bay bổng.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen yêu kính, tự hào về Bác

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Những tình cảm thiêng liêng của tác giả, của một ngư­ời con ra viếng lăng Bác

- Những đặc sắc về hình ảnh, tứ thơ, giọng điệu của bài thơ.

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một văn bản thơ trữ tình

- Có khả năng trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một tác phẩm thơ.

**- Giáo dục kĩ năng sống:**

+ Tự nhận thức đư­ợc vẻ đẹp nhân cách Hồ Chí Minh, qua đó xác định giá trị cá nhân cần phấn đấu để học tập và làm theo Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Suy nghĩ sáng tạo: đánh giá, bình luận về ­ước muốn của nhà thơ, về vẻ đẹp, hình ảnh thơ trong bài thơ.

**3**. **Thái độ:** yêu quý, kính trọng Bác Hồ

**4; Tích hợp giáo dục ANQP:**

- Tình cảm của nhân dân ta và bè bạn khắp năm châu dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

## *III. CHUẨN BỊ*

**1. Thầy**:

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo , SGV.

- Tranh ảnh nhà văn và t­ư liệu về tác phẩm

**2. Trò**:

- Đọc kĩ văn bản

- Soạn bài theo các câu hỏi trong vở bài tập Ngữ văn- tập 2.

- S­ưu tầm thêm t­ư liệu về tác giả và tác phẩm

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­ước 1: ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ:* (5')**

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học và làm bài ở nhà qua việc soạn bài.

- Phư­ơng án: Kiểm tra đầu giờ

Đọc thuộc lũng và diễn cảm khổ thơ em thích nhất trong bài thơ “ mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải và nêu cảm nhận của em về khổ thơ em thích.

***\* B­ước3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV cho hs quan sát một số bức tranh về chủ tịch Hồ Chí Minh, yêu cầu hs nhận xét  - Từ câu trả lời của hs , gv gới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS trả lời  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  TIẾT 116  VIẾNG LĂNG BÁCViễn Ph­ương |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 33’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 6 - 7p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn hs đọc- chú thích.**  **1. Bước 1. GV HD HS đọc.** | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. HS đọc, tìm hiểu chú thích.**  **1. HS đọc** | | | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- Chú thích.**  **1. Đọc.** | | |
| *\* GV h­ướng dẫn học sinh đọc:* giọng trang nghiêm, thành kính, tha thiết, xúc động  *- Gv đọc mẫu*  *- Gọi hs đọc bài thơ, gọi nhận xét, GV sửa.* | | *+- Hs nghe hướng dẫn*  *- Hs nghe đọc mẫu, đọc, nhận xét cách đọc.* | | | | |  | | |
| **\* Bước 2. HD HS tìm hiểu chú thích**  H. Nêu một vài nét chính về tác giả Viễn Phư­ơng?  *\* GV nhận xét và bổ sung thêm một số tư­ liệu về nhà thơ Viễn Ph­ương, kể tên một số bài thơ của ông, đặc biệt là bài thơ đề từ tại đền thờ Bến Dư­ợc- Củ Chi*  *- Cho hs quan sát chân dung nhà thơ Viễn Phư­ơng* | | **2. HS tìm hiểu chú thích.**  *+ Hs nêu một vài nét về tác giả*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung dựa vào tư­ liệu. Quan sát chân dung nhà thơ, ghi nhanh vào vở.*  - Tên thật là Phan Thanh Viễn sinh 1928 quê ở huyện Chợ Mới tỉnh An Giang  - Ông là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lư­ợng văn nghệ giải phóng Miền Nam từ những ngày đầu.  - Các tác phẩm chính của ông: Mắt sáng học trò; Đám cư­ới giữa mùa xuân; Như­ mây mùa xuân. | | | | | **2. Chú thích**  **a. Tác giả**  - Tên thật là Phan Thanh Viễn sinh 1928 quê ở huyện Chợ Mới tỉnh An Giang  - Ông là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng Miền Nam từ những ngày đầu  - Phong cách thơ : Thơ VP thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và chất mộng mơ ngay trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt ở chiến trường. | | |
| H.Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  *\* GV bổ sung dựa theo lời tâm sự của nhà thơ Viễn Phư­ơng :* *Ra khỏi lăng trời bắt đầu mư­a. Tôi đi trong mư­a mà không biết đến gió mư­a. Những ý thơ hình thành trong đầu…”*  *\* GV hư­ớng dẫn hs tìm hiểu từ khó ( kiểm tra xác xuất)* | | *+ Hs nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ*  *- Hs nghe phần bổ sung*  - Sáng tác 1976 khi tác giả lần đầu tiên ra thăm Hà Nội. Khi ấy lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa mới khánh thành. Bài thơ đ­ược in trong tập “ Nh­ư mây mùa xuân” – 1978  *+ Hs giải thích một số chú thích* | | | | | **b. Tác phẩm**  - Sáng tác 1976 khi tác giả lần đầu tiên ra thăm Hà Nội. Khi ấy lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa mới khánh thành. Bài thơ đ­ược in trong tập “ Nh­ư mây mùa xuân” – 1978  **c. Từ khó** | | |
| **II. GV hướng dẫn hs tìm hiểu văn bản**  **1. Bước 1. HD HS tìm hiểu khái quát** | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II .Hs tìm hiểu văn bản.**  **1. HS tìm hiểu khái quát** | | | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **A. Tìm hiểu khái quát văn bản** |
| *\* Nêu yêu cầu:*  -Hãy xác định thể loại, PTBĐ của bài thơ?  -Theo em mạch cảm xúc bao trùm toàn bài thơ và trình tự biểu hiện biểu hiện mạch cảm xúc trong bài thơ được thể hiện như thế nào? Cảm xúc ấy chi phối giọng điệu bài thơ như thế nào?  -Từ đó, hãy xác định bố cục của bài thơ?  *\* GV: gọi 2 HS TB đại diện trình bày. Nhiều HS nhận xét, bổ sung*  *\* GV chốt :* | | | *+ Hs hoạt động nhóm*  *( 3 phút )*  *- Thống nhất ý kiến , cử thư kí ghi phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  *- Hs lắng nghe gv chốt*  ***-Mạch cảm xúc bao trùm:*** niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi t/g từ miền Nam ra viếng lăng Bác  ***- Bố cục***: 3 phần  + Khổ 1:Tâm trạng của tác giả khi đứng trước lăng + Khổ 2, 3: Tâm trạng của tác giả khi ở trong lăng  + Còn lại: Nguyện ước của tác giả. | | | | | | ***-Thể loại:*** thơ tự do 8 chữ  ***-PTBĐ:*** biểu cảm (trữ tình)  ***-Mạch cảm xúc bao trùm:***  ***-Trình tự biểu hiện mạch cảm xúc***: theo trình tự cuộc viếng thăm: ngoài lăng, vào trong lăng và ra khỏi lăng.  ->*Giọng điệu thành kính, trang nghiêm phù hợp không khí thiêng liêng trong lăng; giọng suy tư, trầm lắng là nỗi đau xót lẫn niềm tự hào.*  ***- Bố cục***: 3 phần |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết** | | | **2. HS tìm hiểu chi tiết** | | | | | | **2. Tìm hiểu chi tiết.** |
| *\* Gọi HS đọc khổ 1. Nêu yêu cầu:*  -Em có nhận xét gì về câu thơ mở đầu và cách xưng hô của tác giả với Bác?  -Cách dùng từ ''thăm'' ở câu thơ đầu tiên thể hiện điều gì? Qua đó câu thơ gợi cho em suy nghĩ gì?  \*Khi còn sống, Bác luôn dành cho đồng bào MN 1 t/cảm đặc biệt “MN luôn ở trong trái tim tôi”. Đồng bào MN cũng luôn luôn mong được gặp Bác “Bác nhớ MN ...... MN mong Bác nỗi mong cha”. | | | *+ Hs đọc, trả lời cá nhân*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  *- Nghe, ghi nhớ*  + Cách xưng hô “con” vừa biểu hiện sự ngưỡng mộ, thành kính vừa gần gũi thân thương gợi ra một không khí ấm áp, thân thương, sự mong mỏi, niềm vui sướng của một người con đi xa lâu ngày nay được trở về gặp lại người Cha già kính yêu.  + Cách dùng từ ''thăm'' *đã* tránh cảm giác đau buồn khi lần đầu tiên gặp Bác nhưng Bác đã không còn, đồng thời còn gợi cảm giác thân mật gần gũi cho thấy trong tâm tưởng của nhà thơ Bác vẫn còn sống. | | | | | | ***a.Tâm trạng của tác giả khi viếng lăng Bác***  ***\*Khổ 1.***  -Câu thơ mở đầu gọn như một lời thông báo  +Cách xưng hô “con” +Cách dùng từ ''thăm''  ->***Tâm trạng xúc động của t/giả khi được ra viếng Bác.*** |
| H. Sau bao năm mong mỏi giờ mới được ra gặp Bác, hình ảnh đầu tiên và có ấn tượng đậm nét về cảnh quan quanh lăng là h/ả nào? Hình ảnh đó được miêu tả qua những chi tiết nào?  H. Những biện pháp NT được sử dụng để miêu tả? Ý nghĩa của cách miêu tả đó?  H Nhìn hàng tre tác giả liên tưởng tới điều gì? Từ sự liên tưởng đó của tác giả cho ta thấy được điều gì? | | | *+ Phát hiện chi tiết, trả lời, rút ra ý nghĩa.Nghe GV bình.*  - Hình ảnh hàng tre - một h/ả hết sức quen thuộc, gần gũi với làng quê VN: *bát ngát, xanh xanh, bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*  - BPNT: Tả thực kết hợp ẩn dụ, nhân hoá, tính từ, thành ngữ...  ->biểu tượng của vẻ đẹp thanh cao, sức sống bền bỉ, bất khuất, kiên cường của dân tộc  - Từ h/ả "cây tre" mà tác giả nghĩ tới đất nước và con người VN, tới Bác Hồ, suy nghĩ rất tự nhiên, lôgic. Cây tre - VN - HCM đã trở thành những biểu tượng quen thuộc đối với ND. | | | | | | ***- Hình ảnh hàng tre*** : *bát ngát, xanh xanh, bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*  ->biểu tượng của vẻ đẹp thanh cao, sức sống bền bỉ, bất khuất, kiên cường của dân tộc  ⇒ ***Cả đất nước, dân tộc luôn quanh Bác, bảo vệ giấc ngủ cho Bác.*** |
| ***GV bình:*** *Cây tre tượng trưng cho xứ sở Việt Nam, cho tinh thần bất khuất của con người Việt Nam. Đến thăm lăng Bác, Viễn Phương thấy cả dân tộc vẫn đứng quanh Người, vẫn tươi nguyên một sắc xanh Việt Nam và trong ''bão táp mưa sa'' vẫn giữ một tấm lòng sắt son với Bác. Hình ảnh thực của rặng tre bên lăng Bác đã được nhà thơ đẩy lên thành hình ảnh tượng trưng cho cả dân tộc, khiến câu thơ trở nên có chiều sâu suy nghĩ, cảm xúc, tạo không khí trang nghiêm thành kính khi vào lăng viếng Bác.* | | | | | | | | | |
| *\* Gọi HS đọc khổ 2. Nêu yêu cầu:*  H. Khổ thơ thứ hai được tạo nên bởi hai cặp câu với những nét nghệ thuật đặc sắc. Hãy chỉ ra và phân tích nét đặc sắc của nghệ thuật đó?  \*GVchốt lại: *Với nghệ thuật ẩn dụ, tác giả đã đưa Bác lên ngang tầm vĩ đại của vũ trụ và nhân loại. Nhà thơ Tố Hữu cũng đã từng viết "Người rực rỡ một mặt trời cách mạng,.... chân Người''. Song nhận ra lúc Người nằm trong lăng vẫn là vầng ''mặt trời rất đỏ'' để sóng đôi và trường tồn với mặt trời của thiên nhiên thì đó là sáng tạo của riêng Viễn Phương.* *Hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác tạo sự liên tưởng, tưởng tượng như vòng hoa lớn dâng lên Bác hàng ngày. Cách so sánh vừa thích hợp vừa mới lạ diễn tả sự tôn kính của nhân dân đối với Bác.*  *- Gv tổ chức hs hoạt động nhóm ( 3 phút )*  *\* GV: gọi 2 HS TB đại diện trình bày. Nhiều HS nhận xét, bổ sung*  *\* GV: nhận xét, chốt* | | | *+ Hs đọc hai khổ thơ*  *- Tổ chức hs hoạt động nhóm*  *( 3 phút)*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Hs lắng nghe*  ***- Cặp câu 1.***  *+ Mặt trời trên lăng*: hình ảnh mặt trời thực  +*Mặt trời trong lăng*: H/ảnh ẩn dụ thể hiện sự vĩ đại, cao cả của Bác. Người như vầng mặt trời đỏ chói ánh hào quang CM, mang lại sự sống cho đất nước, con người.  ***-Cặp câu 2:***  ***+****Câu trên****:*** hình ảnh thực về dòng người vào lăng viếng Bác  ***+****Câu dưới****:*** H/ảnh ẩn dụ kép.  **.** Dòng người vào lăng viếng Bác được ví như “tràng hoa” dâng lên Người.  **.** 79 mùa xuân: c/đời Bác tươi đẹp như mùa xuân, 79 tuổi của Bác là 79 mùa xuân Bác mang lại hạnh phúc, tự do, mùa xuân vĩnh viễn cho dân tộc. | | | ***\* Khổ 2.***  ***- Cặp câu 1:***  +*Mặt trời trong lăng*: H/ảnh ẩn dụ -> Bác Hồ sống mãi với non sông đất nước, Bác là nguồn sáng soi đường cho dân tộc Việt Nam ***-Cặp câu 2:***  ***+****Câu dưới****:*** H/ảnh ẩn dụ kép. -> Sự trường tồn bất diệt, công lao to lớn của Bác.  ⇒***Tấm lòng biết ơn, thành kính của con cháu với Bác*** | | | |
| *+ Từ hình ảnh tả thực: từng đoàn người vào lăng viếng Bác đi chầm chậm thành vòng như đi trong triền miên của niềm thương nhớ khiến tác giả liên tưởng đến tràng hoa. Hình ảnh tràng hoa vì thế mang ý nghĩa sâu sắc: cả cuộc đời của nhân dân ta như nở hoa dưới ánh sáng của Bác.. Và hàng ngày hàng giờ những tràng hoa từ mọi nẻo đường quê hương đất nước về đây dâng lên Người tấm lòng biết ơn thành kính*  *+ Hình ảnh 79 mùa xuân tượng trưng cho cuộc đời của Bác. Cuộc đời 79 tuổi của Bác đẹp như những mùa xuân. Mùa xuân của độc lập tự do, mùa xuân của niềm tin, tình yêu.* | | | | | | | | | |
| *\* Gọi HS đọc khổ 3. Nêu yêu cầu:*  H. Hai câu thơ “Bác nằm ... dịu hiền” gợi không khí trong lăng như thế nào? Nhận xét sự diễn tả của nhà thơ trong 2 câu thơ đó?  H. Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho ta liên tưởng đến những gì?  *\*GV nói thêm về hình ảnh ''vầng trăng'' và mối liên hệ giữa Bác và trăng Cũng giống như tre, trăng là hình ảnh quen thuộc bởi trăng với Bác đã trở thành đôi bạn tri kỉ. Trăng đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, giữa núi rừng Việt Bắc và giờ đây trăng lại đến bên Người trong giấc ngủ ngàn thu.*  -Em hiểu như thế nào về hình ảnh ''trời xanh'' trong hai câu thơ cuối của khổ này?  -Tại sao tác giả bỗng nhiên lại ''nghe nhói trong tim''?  ***\* GV bình:*** *Vẫn biết Bác như mặt trời, vầng trăng và bầu trời xanh kia là trường tồn , bất diệt nhưng tác giả vẫn cảm thấy đau nhói trong tim . Động từ “nhói” diễn tả nỗi đau nghẹn ngào không thốt lên thành lời* | | | *+ Hs trả lời cá nhân*  -Bác nằm trong ....dịu hiền.  ⇒ Diễn tả chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm và ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng.  -Vầng trăng sáng dịu hiền  -> Tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn đầy ánh trăng của Bác.  -"Trời xanh'': H/ảnh ẩn dụ. Bác được ví như trời xanh. Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước như bầu trời xanh vĩnh hằng. Người đã hoá thân thành thiên nhiên, đất nước, dân tộc Việt Nam.  -Nhói trong tim: vô cùng đau xót bởi một sự thật: Bác đã ra đi, đó là một tiếng nấc nghẹn ngào, xót xa. | | | | | ***\* Khổ 3***  -Vầng trăng sáng dịu hiền -> Tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn đầy ánh trăng của Bác.  -"Trời xanh'': H/ảnh ẩn dụ. Bác được ví như trời xanh.  ***⇒ Lòng biết ơn thành kính***  -Nhói trong tim: ***⇒ Nỗi đau dồn nén chất chứa và trào dâng thành nỗi nghẹn ngào*** | |
| H. Với cảm xúc trào dâng “thương trào nước mắt” tác giả ước nguyện điều gì? Em có nhận xét gì về nghệ thuật của khổ thơ? Qua đó em cảm nhận được điều gì về ước nguyện đó?  H. Ước muốn đó thể hiện tâm trạng gì của tác giả?  *\* Tổ chức hs hoạt động theo kĩ thuật KTB*  *( 5 phút )*  *- Gv phát phiếu học tập*  *\* GV: gọi 2 HS TB đại diện trình bày. Nhiều HS nhận xét, bổ sung*  *\* GV: nhận xét, chốt*  ***\* Tích hợp giáo dục ANQP: Em có cảm nhận gì về tình cảm mà nhà thơ cũng như nhân dân dành cho Bác? Bài thơ tưởng như kết thúc trong sự xa cách về không gian đâu ngờ lại tạo nên sự gần gũi trong tình cảm và ý chí. Người bước chân ra đi nhưng lòng còn ở lại. Viễn Phương thay mặt cho đồng bào Nam Bộ nói lên tình thương yêu, kính nhớ của mình khi được gặp Bác muộn màng.***  ***Không chỉ nhân dân Việt Nam mà thiếu nhi cũng như bạn bè khắp năm cgaau cũng dành cho Bác mọt tình cảm chân thành? GV kể lại một số câu chuyện thể hiện nội dung.***  **- Kĩ năng sống**  H. Vậy là một người học sinh, em cần làm gì để đền đáp công ơn của Bác | | | *+ Phân công trong nhóm để tiếp cận cách làm việc trong nhóm theo* ***KT- Khăn trải bàn:***  *+ Làm việc độc lập*  *+ Thống nhất trong nhóm*  *+ Thống nhất cả lớp*  *- 2 HS phát biểu, nhiều HS nhận xét*  -Muốn làm...Điệp ngữ, hình ảnh tượng trưng, phép lặp tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng.  ⇒ Ước muốn bình thường, giản dị mà có ý nghĩa thiêng liêng sâu sắc: được ở gần Bác, vui quây quần bên Bác, làm vui cho một Người  ->Tình cảm lưu luyến không muốn rời xa, khát khao được mãi mãi bên Bác  ⇒Tấm lòng trung hiếu của người con với cha, nhân  *+ Học sinh suy nghĩ trả lời*  + Luôn kính yêu Bác  + Phấn đấu học tập để góp phần công sức vào việc xây dựng đất nước giàu mạnh | | | | | ***b. Ước muốn chân thành của tác giả.***  -Muốn làm…  ⇒ Ước muốn bình thường, giản dị mà có ý nghĩa thiêng liêng sâu sắc: được ở gần Bác, vui quây quần bên Bác, làm vui cho một Người  ->***Tình cảm lưu luyến không muốn rời xa, khát khao được mãi mãi bên Bác***  ⇒***Tấm lòng trung hiếu của người con với cha, nhân dân với Đảng, với Bác và cách mạng.*** | |
| *\* Gv phát phiếu học tập*  *- Hs làm bài vào phiếu*  *- Hs đổi bài, chấm chéo*  ***Câu 1: ý nào sau đây nhận xét đúng về bài thơ?***  A: Thể thơ 5 chữ, giọng điệu tha thiết, rạo rực.  B: Thể thơ tự do, hình thức đối thoại lồng trong độc thoại.  C: Thể thơ 8 chữ, giọng điệu trang trọng, thiết tha, thành kính, lời thơ bình dị , gợi cảm.  D: Thể thơ 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, thiết tha, gần gũi với dân ca.  ***Câu 2: Tác giả sử dụng phép tu từ nào trong hai câu thơ***  ***Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng***  ***Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ***  A: So sánh B: ẩn dụ  C: Điệp ngữ D: Hoán dụ  ***Câu 3: Hiệu quả của phép tu từ tìm đ­ợc trong hai câu trên là gì?***  A: Ca ngợi sự trư­ờng tồn, viĩnh hằng của hình ảnh Bác  B: Ca ngợi sự cao quí của hình ảnh Bác  C: Ca ngợi vẻ đẹp diệu kì của hình ảnh Bác  D: Ca ngợi công lao to lớn của Bác  ***Câu 4: Nội dung chính của văn bản là?***  A: Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ nhung của nhà thơ đối với Bác  B: Thể hiện tình cảm xót th­ương tự hào của tác giả  C: Thể hiện tấm lòng thành kính biết ơn ng­ười  D: Thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi ng­ười đối với Bác khi vào lăng viếng Bác  - Đáp án: 1- C; 2- B ; 3 – A ; 4- D  H. Đọc ghi nhớ SGK?  *- GV chốt rồi chuyển* | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  - *Hs nhận phiếu*  *- Hs làm*  *- Hs đổi bài, chấm chéo*  *- Đọc ghi nhớ sgk* | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Ghi nhớ**  (SGK)  **1. Nghệ thuật:**  - Bài thơ có giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào, phù hợp với nội dung, cảm xúc của bài.  - Viết theo thể thơ tám chữ có đôi chỗ biến thể, cách gieo vần và nhịp điệu linh hoạt.  - Sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh thơ, kết hợp cả hình ảnh thực, hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm cao.  - Lựa chọn ngôn ngữ biểu cảm, sử dụng các ẩn dụ, điệp từ có hiệu quả nghệ thuật.  **2. Nội dung:**  - Tâm trạng vô cùng xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam được ra viếng Bác.  - Tấm lòng thành kính thiêng liêng trước công lao vĩ đại và tâm hồn cao đẹp, sáng trong của người; nỗi đau xót tột cùng của nhân dân ta nói chung, tác giả nói riêng khi Bác không còn.  - Tâm trạng của nhà thơ lưu luyến và mong muốn được ở mãi bên Bác.  **3. Ý nghĩa:**  - Bài thơ thể hiện tâm trạng xúc động, tấm lòng thành kính, biết ơn sâu sắc của tác giả khi vào lăng viếng Bác.  \* Ghi nhớ/SGK | | | | |

**HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP

+ *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

+ *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p

*+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo

- Kĩ thuật dạy học: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **IV.Hư­ớng dẫn hs luyện tập**  *\* Gọi hs đọc thuộc lòng bài thơ*  *- Nhận xét và cho điểm*  *\* GV gọi HS điền nối, nhận xét.*  *\* Gv đ­ưa bài tập 2 lên bảng phụ*  *- Gọi hs đọc yêu cầu*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét bổ sung, sửa chữa* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Hs luyện tập**  - *Học sinh đọc*  - HS *quan sát bảng phụ*  *- Hs đọc yêu cầu, điền nối, nhận xét.*  *- Hs làm ra vở bài tập*  *- Đại diện hs trình bày*  *- Hs khác nhận xét, sửa chữa*  *- Hs lắng nghe gv nhận xét*  *- Chữa vào vở bài tập của mình* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**: Đọc thuộc lòng bài thơ  **2. Bài 2. Điền nối**  **3.Bài tập 3:** Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận về khổ thơ sau:  Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng  Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ  Ngày dòng ng­ười đi trong  thư­ơng nhớ  Kết tràng hoa dâng 79 mùa xuân |

H: Hãy nối hình ảnh thơ ở cột A với nhận xét ở cột B cho phù hợp”

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| ***Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam***  ***Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*** | Vẻ đẹp cao cả, trường tồn, vĩnh hằng |
| ***Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng***  ***Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*** | Vẻ đẹp sáng trong, thanh bình, gợi cảm |
| ***Bác nằm trong giấc ngủ bình yên***  ***Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*** | Vẻ đẹp của niềm khát vọng hoà nhập, hoá thân. |
|  | Vẻ đẹp kiên trung, bất khuất. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em đã được đến thăm lăng Bác chưa ? Em làm gì để hưởng ứng cuộc vận động học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  Tìm đọc thêm một s  tác phẩm khác của tác giả | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

***\* B­ước 4. Giao bài, hư­ớng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà: 2 phút***

**a. Học bài:**

- Học thuộc bài thơ , bài giảng và phần ghi nhớ

- Làm hoàn thiện bài tập 2

- Tập bình, cảm nhận một số đoạn thơ khác

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn : Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi

Phiếu bài tập, bảng phụ nhóm

Sư­u tầm một số bài văn mẫu nghị luận về tác phẩm truyện

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 24**

**Tiết 119**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN HOẶC ĐOẠN TRÍCH**

**I . MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu rõ khái niệm và yêu cầu của bài văn nghị luận về tác phẩm truyện( hoặc đoạn trích), biết cách làm bài nghị luận này

**2. Kỹ năng** :

- Biết cách nhận diện, tạo lập bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

**3. Thái độ:**

- Có ý thức nhận xét đánh giá khi gặp một tác phẩm truyện, đoạn trích

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Những yêu cầu đối với bài văn nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích)

- Cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích

**2. Kĩ năng**

- Nhận diện đ­ược bài văn nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích) và kĩ năng làm bài nghị luận thuộc dang này.

- Đư­a ra đư­ợc những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích) đã học trong chư­ơng trình

**3. Thái độ:**

- Có ý thức nhận xét đánh giá khi gặp một tác phẩm truyện, đoạn trích

**4. Kiến thức tích hợp**

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển năng lực của học sinh:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ

**- Năng lực chuyên biệt:** sáng tạo, cảm thụ, thưởng thức cái đẹp, giao tiếp tiếng Việt

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy** : Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng, bảng phụ, phiếu học tập, đoạn văn mẫu

**2. Trò**: Soạn bài theo hư­ớng dẫn của GV ( Soạn vào vở bài tập), sư­u tầm đoạn văn

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* B­ước 1*: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

**\* B­ước 2: *Kiểm tra bài cũ*: (3-5')**

- Mục tiêu: : KT sự chuẩn bị của HS ở nhà

- Phư­ơng án: Kiểm tra đầu giờ, hình thức GV trực tiếp kiểm tra vở soạn.

***H1: Làm PHT: Trình bày dàn ý bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí?***

***( yêu cầu : nêu ND mở bài – 2,5đ, thân bài- 5đ , kết bài – 2,5đ) , HS chấm chéo.***

***H2: 1 HS trình bày: Khoanh tròn vào đáp án đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất:***

*2.1. Trong các đề bài sau, đề nào không thuộc bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý?*

**A.** Bàn về hai nhân vật chó sói và cừu non trong thơ của La Phông-Ten.

B. Bàn về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”

C. Lòng biết ơn thầy cô giáo.

D. Bàn về tranh giành và nhường nhịn.

*2.2. Ý nào sau đây* ***không phù hợp*** *với đề bài “Bàn về câu nói “Có chí thì nên”?*

A. Chí là chí hướng, là quyết tâm, sức mạnh tinh thần của con người.

B. Người có chí là người biết vươn lên trong mọi hoàn cảnh.

**C.** Chí là người luôn gặp may mắn trong cuộc sống.

D. Người học sinh cần rèn chí trong học tập và cuộc sống.

**\* B­ước3 *: Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| *- GV nêu câu hỏi* : Trong chương trình ngữ văn THCS các em đã học những kiểu bài ngị luận nào?  *- GV chốt, chuyển bài mới*: Bên cạnh những vấn đề nghị luận xã hội, sách ngữ văn 9 cung cấp thể loại nghị luận văn học ( tập trung vào nghị luận về nhân vật văn học). Vậy nghị luận về tác phẩm truyện là gì? Các nhận xét, đánh giá cần phải có yêu cầu gì? Bố cục?  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS quan sát, nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 118 . **Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15- 18p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Hướng dẫn HS tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.** |
| *\* GV giải thích cho HS hiểu:* vấn đề nghị luận chính là tư tưởng cốt lõi, là chủ đề của một bài văn nghị luận, là mạch ngầm làm lên tính thống nhất chặt chẽ của bài văn | *+ HS nghe GV giải thích* | **1**. **Văn bản/61.** |
| \* *Gọi hs đọc văn bản trong sgk? Nêu yêu cầu cho HS thảo luận bàn.*  H. Vấn đề nghị luận của văn bản này là gì? Thuộc lĩnh vực nào? Đặt nhan đề thích hợp cho đoạn văn nghị luận? | *- HS đọc văn bản, trả lời cá nhân*  *+ Chỉ ra vấn đề nghị luận*  *+ Đặt nhan đề cho tác phẩm*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung* | **- Vấn đề nghị luận:** Những phẩm chất và đức tính tốt đẹp của anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long-> nghị luận về nhân vật văn học  **- Nhan đề** : Hình ảnh anh thanh niên làm công tác khí tượng trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; vẻ đẹp nơi Sa Pa lặng lẽ… |
| H. Vấn đề nghị luận đ­ược triển khai qua những luận điểm nào? Nhận xét về cách sử dụng dẫn chứng và cách lập luận của tác giả?  *\* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, gọi trình bày, nhận xét, GV bổ sung* : Từng luận điểm được phân tích chứng minh một cách thuyết phục bằng những dẫn chứng cụ thể. | *+ Hs hoạt động nhóm bàn*  *( 3 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Hs nghe gv nhận xét, sửa chữa*  + Luận điểm 1: Giới thiệu về niềm đam mê  + Luận điểm 2: Nhân vật anh thanh niên đẹp ở tấm lòng yêu đời, yêu nghề, ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc lắm gian khổ của mình  + Luận điểm 3: Nỗi thèm ng­ười, lòng hiếu khách và sự quan tâm chu đáo đến ngư­ời khác  + Luận điểm 4:Ngư­ời thanh niên hiếu khách và sôi nổi ấy lại rất khiêm tốn.  - Luận điểm 5: Giá trị nghệ thuật và nội dung t­ư t­ưởng của tác phẩm | ***\* Nhận xét về luận điểm:***  - Cách nêu và khẳng định các luận điểm:  Các luận điểm được nêu lên một cách rõ ràng , ngắn gọn, lôi cuốn hấp dẫn người đọc  - Mỗi luận điểm đều được phân tích chứng minh một cách thuyết phục , hấp dẫn người đọc bằng các dẫn chứng cụ thể trong tác phẩm  - Các luận cứ đều được sử dụng xác đáng sinh động bởi đó là những chi tiết , hình ảnh truyện thật đặc sắc  - Bài văn được dẫn dắt tự nhiên, có bố cục rõ ràng chặt chẽ. Từ nêu vấn đề, người viết đi vào phân tích, diễn giải, rồi sau đó khẳng định nêu cao vấn đề. |
| H. Các đoạn văn trong văn bản được liên kết với nhau nh­ư thế nào? Cho ví dụ cụ thể?  \**GV nhận xét , chốt* | *+ Hs trả lời cá nhân*  *- Hs khác nhận xét và bổ sung*  - Các đoạn văn phân tích luận điểm đều đư­ợc liên kết chặt chẽ với nhau cả về nội dung và hình thức  Vd: Đoạn 1 liên kết với đoạn 2 bằng phép nối, ( trước hết), phép lặp từ ngữ. | **\* Sự liên kết:**  - Câu nêu vấn đề nghị luận: “Dù được miêu tả…khó phai mờ”  - Câu cô đúc nêu vấn đề nghị luận: “ Cuộc sống của chúng ta....tin yêu”  -> Các đoạn văn phân tích luận điểm đều được liên kết chặt chẽ với nhau cả về nội dung và hình thức. |
| H. Nhận xét về bố cục của văn bản?  *\* Giáo viên tích hợp với việc giảng văn trên lớp.*  → Căn cứ vào ý nghĩa của cốt truyện, tính cách, số phận, nghệ thuật trong tác phẩm ... | *+ HS quan sát bổ cục, rút ra nhận xét.*  - Bài văn dẫn dắt tự nhiên, bố cục chặt chẽ: từ nêu vấn đề người viết đi vào phân tích, diễn giải tới khẳng định, nâng cao vấn đề nghị luận) | - Bố cục: 3 phần rất chặt chẽ. |
| H. Qua đây em hiểu thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?  H. Bài văn nghị luận về tác phẩm truyện cần đảm bảo yêu cầu gì về nội dung?  H. Về hình thức bài văn nghị luận …có đặc điểm gì? ( bố cục? Lời văn?)  *\* Gv gọi hs trả lời*  *- Gv chốt*  *- Lưu ý hs các vấn đề nghị luận của tác phẩm truyện*  *- Gọi hs đọc ghi nhớ* | *- Học sinh nêu khái niệm*  *- Học sinh khác bổ sung*  *- Hs nghe chốt*  - Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích là trình bày những suy nghĩ đánh giá nhận xét của mình về những vấn đề của tác phẩm truyện: toàn bộ tác phẩm, nhân vật , chủ đề, nội dung, nghệ thuật đặc sắc…của tác phẩm hoặc đoạn trích  - Những nhận xét, đámh giá phải xuất phát từ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm  - Những nhận xét đánh giá phải được triển khai thành các luận điểm , luận cứ rõ ràng, lập luận thuyết phục  *- Hs đọc ghi nhớ* | **2. Ghi nhớ.**  - Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích là trình bày những suy nghĩ đánh giá nhận xét của mình về những vấn đề của tác phẩm truyện: toàn bộ tác phẩm, nhân vật chủ đề, nội dung, nghệ thuật đặc sắc…của tác phẩm hoặc đoạn trích  - Những nhận xét, đámh giá phải xuất phát từ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm  - Những nhận xét đánh giá phải được triển khai thành các luận điểm , luận cứ rõ ràng, lập luận thuyết phục  - Bài nghị luận cần có bố cục mạch lạc, lời văn chuẩn xác, gợi cảm. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 20p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | |
| **II. HD HS luyện tập** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** |
| *\* Gọi hs đọc bài tập1*  *- Tổ chức hs thảo luận nhóm ( 4 phút )*  *- Gv nhận xét, chốt* | *\* Hs đọc bài tập 1*  *- Học sinh thảo luận nhóm*  *( 4 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung* | **1. Bài tập 1:**  \* Vấn đề nghị luận: Tình thế lựa chọn sống – chết và vẻ đẹp tâm hồn của lão Hạc  - Câu văn mang luận điểm: “Từ việc miêu tả hành động… chuẩn bị ngay từ đầu”  - Tác giả tập trung vào việc phân tích những diễn biến trong đời sống nội tâm của nhân vật vì đó là quá trình chuẩn bị cho cái chết dữ dội của nhân vật. Nói cách khác, cái chết của lão Hạc chỉ là kết quả của một cuộc chiến đấu giằng xé trong tâm hồn nhân vật. |
| *\* Gv yêu cầu HS trả lời, gọi bổ sung, nhận xét. GV chốt, nhấn mạnh.* | *+ HS trả lời, bổ sung, nhận xét, nghe GV chốt, nhấn mạnh.* | **Bài tập 2**: Hãy tìm những đặc điểm phẩm chất của nhân vật Vũ N­ương trong tác phẩm “ Chuyện ng­ười con gái Nam X­ương”- Nguyễn Dữ |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hãy tìm các đặc điểm của một số nhân vật trong một số tác phẩm văn học mà em đã học | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : NGhị luận về một tác phẩm truyện đoạn trích có vai trò như thế nào trong việc làm văn ? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

**a. Học bài:**

- Học thuộc phần ghi nhớ

- Làm hoàn thiện bài tập 2

**b. Chuẩn bị bài**

- Soạn “ Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích

Yêu cầu: Trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

Phiếu bài tập, bảng phụ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 25**

**Tiết 121**

**CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN HOẶC ĐOẠN TRÍCH**

**I . MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Nắm đ­ược yêu cầu và biết cách làm bài nghịi luận về một tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích

**2. Kỹ năng** :

biết cách viết bài nghị luận về tác phẩm truyện, đoạn trích cho đúng với yêu cầu của kiểu bài

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quennghiêm túc, cẩm thận khi làm văn

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Đề bài nghị luận về một tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích)

- Các bư­ớc làm bài nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích)

**2. Kĩ năng**

- Xác định yêu cầu nội dung và hình thức của một bài văn nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích)

- Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, đọc lại và sửa bài cho bài nghị luận về tác phẩm truyện

( hoặc đoạn trích)

**3. Thỏi độ:** say mờ, yêu thớch, nghiờm tỳc

**4. Kiến thức tích hợp**

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển năng lực của học sinh:**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy** : Nghiên của chuẩn kiến thức, kĩ năng, bảng phụ, phiếu học tập

**2. Trò**: Soạn bài theo h­ớng dẫn của GV ( Soạn vào vở bài tập), sư­u tầm đoạn văn

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­ước 1: ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ*: (3-5')**

- Mục tiêu: : KT sự chuẩn bị của HS ở nhà

- Phư­ơng án: Kiểm tra đầu giờ, hình thức GV trực tiếp kiểm tra vở soạn

**H1.** *Dòng nào nêu đúng đối tượng bàn luận về TP truyện ( hoặc đoạn trích ? (1HS trình bày.)*

A. Giới thiệu TP và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.

B. Nêu các luận điểm chínhvề nội dung và nghệ thuậtcủa TP.

C. Nêu nhận định đánh giá chungcủa người viết về TP.

**D.** Bàn về chủ đề, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật của TP( hoặc đoạn trích).

**H2.** *Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?Nêu yêu cầu về nội dung và hình thức của kiểu bài?*

- GV gọi trả lời, gọi nhận xét, GV cho điểm.

***\* B­ước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV yêu cầu :  ? Để tiếm hành một bài văn nghị luận em cần làm gì?  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS quan sát, nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 119. **Cách làm bài nghị luận về**  **tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15- 18p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn học sinh tìm hiểu các đề văn nghị luận** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu các đề văn nghị luận** | | | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).** | | |
| *\*GV gọi HS đọc các đề bài trong sgk.*  H. Các đề bài trên đã nêu ra những vấn đề nghị luận nào về tác phẩm truyện?  *\* Gv nhận xét, sửa chữa, bổ sung.* | *+ Hs đọc đề bài trong sgk*  *- Hs trả lời cá nhân*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  - Đề 1+ 4 bàn về chủ đề thông qua tác phẩm  - Đề 2: bàn về nghệ thuật của tác phẩm  - Đề 3: bàn về nhân vật thông qua tác phẩm. | | | | ⇒ Đều là đề nghị luận văn học (nghị luận về tác phẩm truyện) nhưng mỗi đề lại yêu cầu nghị luận về một vấn đề mà tác phẩm nêu ra | | |
| H. Yêu cầu nghị luận được thể hiện qua những từ ngữ nào?  H. Các từ ***suy nghĩ, phân tích*** trong đề bài đòi hỏi phải hiểu khác nhau như thế nào? | *+ Suy nghĩ, trao đổi nhóm cặp, trả lời.*  - Sự khác nhau giữa yêu cầu ***suy nghĩ và phân tích:***  - **Phân tích**: yêu cầu phải phân tích tác phẩm để rút ra nhận xét.  - **Suy nghĩ**: yêu cầu đề xuất, nhận xét về tác phẩm trên cơ sở 1 tư tưởng, một góc nhìn nào đó=> những vấn đề nghị luận: chủ đề, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật trong truyện… | | | | **\* giống nhau**: đều là NLvề TP truyện. .  **\* khác nhau:**  - **Suy nghĩ** là xuất phát từ sự cảm, hiểu của mình để nhận xét đánh giáTP.  **Phân tích** là xuất phát từ TP để lập luận sau đó nhận xét đánh giáTP | | |
| *\*GV: Tuy khác nhau như­ng đều là kiểu bài nghị luận văn học.*  H. Vậy bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích có thể bàn về những vấn đề gì? | *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân*  - Bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có thể bàn về chủ đề, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật của truyện. | | | | - Vấn đề nghị luận: bàn về chủ đề, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật của truyện. | | |
| **II. Hướng dẫn học sinh cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện và đoạn trích.** | **II. HS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện và đoạn trích.** | | | | **II. Các b­ước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).** | | |
| ***Đề bài: Suy nghĩ về nhân vật ông Hai qua truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lâ***n | | | | | | | |
| *\* Gv ghi đề bài lên bảng*  *- Gọi hs đọc đề bài*  H. Đề bài trên thuộc kiểu loại nào?  H. Tìm vấn đề nghị luận và các luận điểm cho đề bài trên?  \* Gv chốt về bư­ớc tìm hiểu đề trên bảng phụ | *+ Hs đọc đề bài*  *- Học trả lời cá nhân*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung, quan sát trên máy*  \* Vấn đề nghị luận: Nhân vật ông Hai  - Luận điểm 1: Tình yêu làng, yêu nước, trung thành với kháng chiến của ông Hai  - Luận điểm 2: Nghệ thuật xây dựng nhân vật. | | | | **1. Tìm hiểu đề, tìm ý**  \* Tìm hiểu đề:  - Vấn đề nghị luận: Nhân vật ông Hai  - Luận điểm 1: Tình yêu làng, yêu nước, trung thành với kháng chiến của ông Hai  - Luận điểm 2: Nghệ thuật xây dựng nhân vật  ( các tình huống thể hiện tình yêu làng, yêu nước của ông Hai ) | | |
| H. Muốn tìm ý cho một bài tập làm văn nói chung ta phải làm gì | *- Hs trả lời*  *- Hs bám sát sgk, HS khác bổ sung.*  - Phẩm chất tiêu biểu của ông Hai: Tình yêu làng gắn bó hoà quyện với lòng yêu nước ( Nét mới trong đời sống tinh thần của người nông dân trong K/C.)  - Các biểu hiện cụ thể: các tình huống bộc lộ lòng yêu làng , yêu nước?  - Các chi tiết NT như tâm trạng lời nói…chứng tỏ lòng yêu làng yêu nước.?  - Ý nghĩa của tình cảm ấy của nhân vật. | | | | **\*Tìm ý**  - Tìm ý bằng cách đặt ra câu hỏi và trả lời các câu hỏi đó.  - Phẩm chất tiêu biểu của ông Hai: | | |
| *\* GV gọi đọc dàn bài trong sách giáo khoa?*  H. Bài văn có bố cục mấy phần?  **\*GV gợi ý:**  H. Phần mở cần trình bày những ý nào?  H. Phần thân bài gồm những luận điểm nào?  H. Trên cơ sở dàn ý cho một đề cụ thể em hãy khái quát dàn ý chung cho bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?  *\* Gv tổ chức hs thảo luận nhóm ( 5 phút )*  *- Gv gọi hs trình bày*  *- Gv nhận xét, chốt dàn ý trên bảng phụ* | *+ Hs đọc dàn bài*  *- Hs trả lời cá nhân*  *- Hs trả lời*  *- Hs trả lời*  *+ Gồm hai luận điểm*  *+ Hs thảo luận nhóm*  *( 5 phút )*  *- Hs làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Hs nghe giáo viên nhận xét, sửa chữa*  *- Sửa chữa dàn ý* | | | | **2. Lập dàn ý**  **I. Mở bài**  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm  - Giới thiệu nhân vật  **II. Thân bài**  1. Tình yêu làng, yêu nước, trung thành với kháng chiến của ông Hai  a. Trước khi nghe tin làng theo giặc  - Khoe và kể về làng một cách say mê  - Thể hiện trực tiếp nỗi nhớ làng  - Theo dõi những thông tin chiến sự với tâm trạng vui mừng, hạnh phúc. | | |
| b. Khi nghe tin làng mình theo giặc ( phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai )  - Bàng hoàng sững sờ - đau đớn, xấu hổ, tủi nhục – nỗi lo sợ ám ảnh thường trực trong tâm trí  - Mâu thuẫn trong đời sống nội tâm giữa một bên là làng một bên là nước  + Định quay trở lại làng – gạt phắt ngay suy nghĩ ấy  + Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù  ⇒ Tình yêu nước bao trùm lên tình yêu làng quê  - Tình yêu làng hoà chung với tình yêu nước  c. Khi nghe tin cải chính  - Vui mừng hạnh phúc như đựơc hồi sinh  2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật  - Xây dựng tình huống để nhân vật bộc lộ tính cách  - Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật  -Sử dụng ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm  **III. Kết bài**  - Khái quát lại vấn đề | | | | | | | |
| *\* Gọi HS đọc mở bài trong sgk*  H. Em thấy mở bài tác giả đi theo trình tự nào  *\* GV đ­ưa thêm một số cách mở bài khác*  *\* GV đưa đoạn văn phần thân bài*  H. Đoạn văn triển khai ý nào phần thân bài  H. Câu nào khái quát nội dung của đoạn?  H. Tác giả đã làm cách nào để nghị luận về nội dung trên  *\* GV hư­ớng dẫn HS viết bài*  H.Viết mở bài và một đoạn phần thân bài?  *\* Gv tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv gọi hs trình bày*  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  *- Gv đọc một đoạn văn mẫu*  *\* Yêu cầu hs đọc kết bài.*  H. Trong quá trình triển khai luận điểm, luận điểm luận cứ cần chú ý gì?  *\*GV bổ sung*  H. Đọc lại bài sẽ có tác dụng gì? Phần đọc lại và sửa chữa có tác dụng gì? | | | *+ HS đọc và trả lời*  - Từ tác giả đến tác phẩm đến nhân vật  *+ Quan sát, suy nghĩ, trả lời.*  - Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng theo giặc  - Câu 1 là câu khái quát  *+ Suy nghĩ, trả lời.*  - Nêu suy nghĩ – dùng dẫn chứng – phân tích - đánh giá, nhận xét  *+ Hs hoạt động cá nhân*  *- Làm ra vở bài tập*  *- đại diện hs trình bày*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  *- Nghe gv nhận xét, sửa chữa*  *+ Hs đọc kết bài*  *+ Hs trả lời cá nhân, nghe GV bổ sung*  *+ HS suy nghĩ, trả lời.*  - kiểm tra cấu trúc VB, sự liên kết, lỗi chính tả, ngữ pháp, từ đặt câu… | | | **3. Viết bài**  **+ Đoạn mở bài**  **+ Đoạn thân bài:**  **+ Kết bài**  **\* Chú ý:** bài văn cần có sự cảm thụ và ý kiến riêng của ng­ười viết về tác phẩm. Các luận điểm, luận cứ cần phải đư­ợc phân tích, chứng minh bằng những dẫn chứng, cụ thể, sinh động trong tác phẩm. Các phần, các đoạn cần có sự liên kết hợp lí, tự nhiên.  **4. Đọc lại bài viết và sữa chữa.** | |
| **Ví dụ:** Đúng vào lúc ông Hai đang vui mừng hạnh phúc bởi những tin chiến thắng thì ông Hai nghe tin dữ. “ Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân, ông lão lặng đi t­ưởng nh­ư không thở  đư­ợc. Một lúc sau ông mới rặn è è nh­ nuốt một cái gì vư­ớng ở cổ. Ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi”. Tác giả đã dùng những động từ mạnh, tính từ miêu tả để diễn tả những biến thái tinh vi trên nét mặt ông Hai. Đó là tâm trạng bàng hoàng , sững sờ, không tin đó là sự thật. Bởi tin dữ đến với ông một cách đột ngột bất ngờ khiến ông suy sụp hoàn toàn. Mỗi chúng ta khi đọc đến đoạn văn này đều cảm thấy thư­ơng cảm cho ông. Một con ngư­ời yêu làng yêu n­ước đến như­ vậy, mà lại nghe tin làng theo giặc… | | | | | | | |
| **\* GV chốt:** Các việc làm trên chính cũng là cách làm bài nghị luận về một TP truyện, hoặc đoạn trích.  H. Bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích bàn về vấn đề gì?  - Bài làm cần đảm bảo mấy phần? Nội dung của từng phần?  - Yêu cầu đối với người viết khi triển khai luận điểm luận cứ  - Giữa các phần các đoạn cần có yêu cầu gì?  - *GV chốt, gọi đọc ghi nhớ*  *\*GV lưu ý HS: Bài nghị luận về TP truyện( hoặc đoạn trích) phải được gắn liền với sự PT, giải thích, chứng minh cụ thể( nghĩa là phải có căn cứ thuyết phục) phải đồng thời thực hiện nhiều thao tác nghị luận và nên có suy nghĩ, cảm thụ cá nhân…*  **\* GV chốt ghi bảng, HS ghi vở.** | | *-Hs trả lời căn cứ vào ghi nhớ, 1 HS đọc ghi nhớ.*  **1, Tìm hiểu đề, tìm ý.**  - Xác định yêu cầu của đề: nghị luận về vấn đề gì?  - tìm ý: suy nghĩ và trả lời theo một số câu hỏi theo yêu cầu của vấn đề nghị luận.  **2, Lập dàn bài: theo bố cục 3 phần:**  - MB: giới thiệu tác phẩm (đoạn trích) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình  - TB: nêu các luận điểm chính cần nghị luận có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu, xác thực.  - KB: nêu nhận định, đánh giá chung về tác phẩm, đoạn trích.  **3, Viết bài:**  - triển khai các ý trong dàn bài thành các câu văn, đoạn văn  - triển khai các luận điểm, luận cứ cần thể hiện sự cảm thụ ý kiến riêng của mỗi người viết về tác phẩm bằng những dẫn chứng trong tác phẩm  - giữa các luận điểm, đoạn văn cần có sự liên kết, chuyển tiếp cho bài văn mạch lạc.  **4, Đọc và sửa chữa:**  - đọc lại bài, xem xét bài viết có phù hợp không, các phần có sự liên kết hợp lí không, từ ngữ câu văn đã chính xác chưa, chữa lại bài viết cho hoàn chỉnh. | | | | **\* Ghi nhớ/68.**  **\* Bài nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích) có thể bàn về chủ đề, nhân vật, cốt truyện, nghệ thuật của truyện.**  **\* Bài làm cần đảm bảo đầy đủ các phần của bài nghị luận:**  \* Trong quá trình triển khai các luận điểm, luận cứ, cần thể hiện sự cảm thụ và ý kiến riêng của người viết về tác phẩm.  \* Giữa các phần, các đoạn của bài văn cần có sự liên kết hợp lí, tự nhiên. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 15p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | | | |
| **III. H­ướng dẫn học sinh LUYỆN TẬP.** | | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. HS luyện tập** | | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. LUYỆN TẬP.** | |
| *\* Gọi HS đọc đề bài, quan sát các bước tiến hành bài làm nghị luận về tác phẩm truyện* | | | *- Quan sát, nêu các bước tiến hành* | | | **Đề bài: “ Suy nghĩ của em về truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao”.** | |
| H. Đề yêu cầu vấn đề gì? Cái gì là nét nổi bật trong truyện ngắn “lão Hạc”?  H Nét điển hình về người nông dân trước cách mạng tháng Tám thể hiện ở khía cạnh, tình huống ntn?  H. Những chi tiết nghệ thuật nào chúng tỏ một cách cụ thể, sinh động về hoàn cảnh, tính cách, phẩm chất của nhân vật Lão Hạc?  *\* GV yêu cầu HS thảo luận theo kĩ thuật KTB.* | | | *+ HS thảo luận bằng kĩ thuật KTB, đại diện, trả lời, nhận xét, bổ sung*  **1, Tìm hiểu đề, tìm ý.**  - Yêu cầu của đề: nêu suy nghĩ về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao  - Nét nổi bật ở truyện ngắn “Lão Hạc” là xây dựng thành công hình tượng điển hình về người nông dân trước cách mạng tháng Tám- nhân vật Lão Hạc- nhân vật chính.  - Hoàn cảnh: nghèo, cô đơn, già nua.  - giàu tình yêu thương, sống nhân nghĩa.  - giàu lòng tự trọng, sống trong sạch, lương thiện. | | | **1, Tìm hiểu đề, tìm ý.**  - Yêu cầu của đề: nêu suy nghĩ về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao  - Nét nổi bật ở truyện ngắn “Lão Hạc” là xây dựng thành công hình tượng điển hình về người nông dân trước cách mạng tháng Tám- nhân vật Lão Hạc- nhân vật chính.  - Hoàn cảnh: nghèo, cô đơn, già nua.  - giàu tình yêu thương, sống nhân nghĩa.  - giàu lòng tự trọng, sống trong sạch, lương thiện. | |
| H. Dựa vào những ý tìm được hãy lập dàn bài cho đề bài trên?  *\* GV gọi lập dàn bài, gọi nhận xét, chốt lại dàn bài chung. Chiếu dàn bài chung trên máy.* | | | *- Lập dàn bài theo tổ, đọc dàn bài, tổ khác nhận xét, bổ sung.Quan sát dàn bài trên máy, ghi nhanh vào vở.* | | | **2, Lập dàn bài.** | |
| **- MB:** giới thiệu truyện ngắn “Lão Hạc”- một truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân trước cách mạng tháng Tám.  **- TB:** triển khai nhận định về truyện: xây dựng thành công hình tượng điển hình về người nông dân trước cách mạng tháng Tám- nhân vật Lão Hạc.  - Đặt nhân vật vào tình huống điển hình: già nua, cô đơn, nghèo khó để bộc lộ phẩm chất cao đẹp.  - cách tạo dựng tình huống bất ngờ: xin bả chó-> mọi người hiểu lầm->chết dữ dội, thảm khốc=> phong cách trong sạch, lương thiện….  **- KB**: qua việc xây dựng thành công nhân vật Lão Hạc=> tố cáo XH thực dân phong kiến. | | | | | | | |
| *\* GV hướng dẫn HS viết đoạn văn cho đề bài: “ Suy nghĩ của em về truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao”*  N1: Viết đoạn mở bài( Nhà văn Nam Cao-> Tác phẩm-> Nhân vật Lão Hạc)  N2: Viết 1 đoạn phần thân bài: Tình yêu thương con của Lão Hạc.  N3. Viết đoạn văn triển khai luận điểm: lão hạc là một người nông dân nghè khổ , lương thiện  N4: Viết đoạn kế bài: Nhận định, đánh giá về tác phẩm.  *- GV sửa cách viết đoạn* | | | | N1: Viết đoạn mở bài( Nhà văn Nam Cao-> Tác phẩm-> Nhân vật Lão Hạc)  N2: Viết 1 đoạn phần thân bài: Tình yêu thương con của Lão Hạc.  N3. Viết đoạn văn triển khai luận điểm: lão hạc là một người nông dân nghè khổ , lương thiện  N4: Viết đoạn kế bài: Nhận định, đánh giá về tác phẩm.  *-Đọc trước lớp, cả lớp nghe, nhận xét. Nghe GV sửa chữa.* | | | **3, Viết đoạn văn.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Phát triển một trong số các luận điểm còn lại thành một đoạn văn ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tiếp tục tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn bài cho các đề còn lại. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

**a. Học bài:**

-Tiếp tục ôn luyện các đề bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích trong sgk

- Làm hoàn thiện đề bài trên

**b. Chuẩn bị bài**

Chuẩn bị ôn tập các đề bài để viết bài số 6

Soạn : Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện

Yêu cầu: Trả lời câu hỏi, phiếu bài tập

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 26**

**Tiết 121**

**CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN HOẶC ĐOẠN TRÍCH**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 25**

**Tiết 122**

**LUYỆN TẬP CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN HOẶC ĐOẠN TRÍCH**

**VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 6 – NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (Ở NHÀ)**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Nắm vững hơn cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích)

**2. Kỹ năng** :

- Thành thạo thêm kĩ năng tìm ý, lập ý, kĩ năng viết bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen nghiêm túc, tích cực khi làm bài

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm, yêu cầu và cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện ( đoạn trích)

**2. Kĩ năng**

- Xác định các bư­ớc làm bài, viết bài nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích) cho đúng với các yêu cầu đã học.

**3.Thái độ:** Nghiờm tỳc trong luyện tập và viết bài

**4. Kiến thức tích hợp**

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**: Bảng phụ, một số VD ngoài SGK

**2. Học sinh**: Soạn bài theo h­ướng dẫn của GV.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­ước 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ*: (3-5')**

*- Mục tiêu*: Kiểm tra một số kiến thức cũ đã học ở tiết trư­ớc

*- Phư­ơng án:* Kiểm tra đầu giờ, hình thức câu hỏi. ( 1-2 HS)

**+ HS1:** Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện đoạn trích? Nêu dàn ý chung của bài văn nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích

***\* B­ước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV yêu cầu:  Để khác sâu kiến thức về bài nghị luận một tác phẩm văn học và đoạn trích ta cần làm gì?  - Từ phần nhận xét của hs, gv giới thiệu vào bài mới  Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nghe  -HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 120 . Luyện tập  làm bài nghị luận về tác phẩm truyện |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 7p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn hs ôn tập lại phần lí thuyết.** | ***Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS ôn lại lí thuyết** | ***Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Lí thuyết.** |
| *\* GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức*  H. Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?  H. Những yêu cầu đối với một bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?  H. Trong quá trình triển khai luận điểm, luận cứ cần chú ý những gì?  H. Bố cục bài viết ntn, liên kết ra sao?  *\* Gv chốt lại kiến thức* | *+ Hs trả lời cá nhân*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung. Quan sát trên máy.*  + Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là trình bày những suy nghĩ đánh giá nhận xét của mình về những vấn đề của tác phẩm truyện: toàn bộ tác phẩm, nhân vật , chủ đề, nội dung, nghệ thuật đặc sắc…của tác phẩm hoặc đoạn trích  + Những nhận xét, đánh giá phải xuất phát từ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm  + Những nhận xét đánh giá phải đư­ợc triển khai thành các luận điểm , luận cứ rõ ràng, lập luận thuyết phục  + Cần có sự cảm thụ và ý kiến riêng của ngư­ời viết về tác phẩm. Giữa các phần các đoạn cần có sự liên kết hợp lí, tự nhiên.  + Bố cục: phải đủ các phần của một bài NL: Mở bài… thân bài … kết bài… | **- Khái niệm**: Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích là trình bày những suy nghĩ đánh giá nhận xét của mình về những vấn đề của tác phẩm truyện: toàn bộ tác phẩm, nhân vật , chủ đề, nội dung, nghệ thuật đặc sắc…của tác phẩm hoặc đoạn trích  **- Yêu cầu:**  + Những nhận xét, đánh giá phải xuất phát từ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm  - Những nhận xét đánh giá phải được triển khai thành các luận điểm , luận cứ rõ ràng, lập luận thuyết phục  **- Bố cục:** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .

+ *Kĩ thuật*: Dùng phiếu học tập ( Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 30p

*+ Hình thành năng lực*: Tư duy sáng tạo .

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. H­ướng dẫn HS luyện tập viết bài.** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập viết bài** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** |
| **Đề bài:** *Cảm nhận về đoạn trích “ Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng* | | | | |
| *\* GV ghi đề bài lên bảng*  H. Hãy xá định kiểu bài, tìm vấn đề nghị luận và các luận điểm cho đề bài trên?  *\* Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, gọi trình bày, nhận xét, bổ sung, GVchốt*. | *- Hs quan sát đề bài*  *- Hs đọc đề bài*  *- Hs tìm hiểu đề, tìm ý, trao đổi trong nhóm bàn (3-4’), trả lời.*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  **1. Tìm hiểu đề, tìm ý**  - Thể loại: nghị luận về tp truyện  - Nội dung: cảm nhận về đoạn trích “Chiếc lược ngà”  **\* Tìm ý**:  - Giới thiệu khái quát hoàn cảnh ông Sáu: Ông xa nhà đi kháng chiến từ 1946 mãi đến 1954 mới về thăm nhà một vài ngày. ngày ra đi đứa con gái mới 1 tuổi lúc về đã 8 tuổi. đó cũng, anh kát khao được gặp con ...  **a. nhân vật bé Thu:**  - Thái độ và tình cảm của bé Thu khi ông Sáu vừa về nhà: Không nhận cha, “nghe gọi con bé giật mình, tròn mắt nhìn, nó ngơ ngác , lạnh lùng... con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt....mặt nó bỗng tái đi vụt chạy và kêu thét lên má ! má!”  - Thái độ và tình cảm của bé Thu trong những ngày ông sáu ở nhà....  - Thái độ và tình cảm của bé Thu trong buổi sáng chia tay....  **b. Nhân vật ông Sáu:**  **- Trong đợt nghỉ phép:** đầu tiên là sự hụt hẫng, buồn khi thấy con sợ hãi bỏ chạy; tiếp theo là kiên nhẫn cảm hoá vỗ về để con nhận cha; đến lúc chia tay có cảm nhận bất lực và buồn. Khi đứa con cất lên tiếng ba thì hạnh phúc tột độ.  **- sau đợt nghỉ phép:** Say sưa tỉ mỉ làm cây lược ngà khắc dòng chữ...Trước khi hi sinh kịp trao cây lược cho đồng đội ....  **2. nhận xét đánh giá**  **- Về ND:** TG xây dựng một tình huống truyện, chỉ có trong chiến tranh và nhờ có tình huông này mà tình phụ tử được nén chặt để sau đó bùng nổ thành một cám xúc nhân văn sâu sắc, cảm động  **- Về NT:** Cốt truyện chặt chẽ, có tình huống bất ngờ, kể chuyện ngôi thứ nhất vừ chứng kiến vừa tham gia vào một số việc, ngôn ngữ giản dị mang đậm màu sắc Nam bộ... | | **1. Tìm hiểu đề , tìm ý.**  **\*Tìm hiểu đề :**  **- Kiểu bài :** NL về một đoạn trích truyện ngắn.  - **Vấn đề NL**: Nhận xét đánh giá về ND và NT của đoạn trích truyện.  - Hình thức NL là nêu cảm nhận.  **\* Tìm ý:** Tình cha con cảm động đầy éo le của 2 cha con ông Sáu trong hoàn cảnh chiến tranh.  + Ông Sáu : là ng­ười cha hết mực yêu thương con. Ông chịu đựng nhiều mất mát trong chiến tranh nhất là mất mát về mặt tình cảm.  + Bé Thu: là cô bé có cá tính, có nghị lực và có tình yêu chung thuỷ với người cha của mình.  - Sự chối từ không nhận cha khi ông Sáu bất ngờ trở về  - Hành động bất ngờ khi ở giây phút cuối bé Thu đã nhận ông Sáu là cha  - Cử chỉ, hành động của ông Sáu trong những ngày ở nhà  - Công việc tỷ mỷ làm chiếc l­ược ngà trong những ngày ở chiến khu.  - Tạo tình huống éo le, cách trần thuật truyện, cách chọn ngôi kể. | |
| H. Lập dàn ý cho đề bài trên  *- Tổ chức hs thảo luận nhóm ( 5 phút )*  *- Gv gọi hs trình bày*  *- Gv nhận xét, bổ sung, chốt.*  *- Giới thiệu một số cách làm bài để HS tham khảo.* | *- Hs thảo luận nhóm ( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Nghe gv viên chốt và ghi vở*  **\* Mở bài**  - Giới thiệu tác giả , tác phẩm : truyện ngắn ”Chiếc lược ngà” viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nhưng tập trung nói về tình yêu thương, tình người , tình cha con, đồng chí.  - Nêu vấn đề cần nghị luận: đoạn trích miêu tả cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu.  **\* Thân bài**  + Hoàn cảnh, tình huống thể hiện tình cảm cha con sâu sắc: ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, sau 8 năm xa cách trở về, bé Thu không chịu nhận cha, đến lúc ông Sáu phải ra đi em mới nhận cha và bộc lộ tình cảm thắm thiết  - Ở chiến khu, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ con vào làm cây lược ngà tặng cho con nhưng ông đã hi sinh khi chưa kịp trao lại món quà ấy cho con gái.  1. Tình cha con cảm động trong hoàn cảnh chiến tranh éo le  +LC1:khi ông Sáu trở về nhà  - Biểu hiện tình cảm của bé Thu  - Biểu hiện tình cảm của ông Sáu  +LC2: những ngày ông Sáu ở nhà  - Biểu hiện tình cảm của bé Thu  - Biểu hiện tình cảm của ông Sáu  +LC3: phút chia tay giữa 2 cha con  - Biểu hiện tình cảm của bé Thu  - Biểu hiện tình cảm của ông Sáu  +LC4: nh­ững ngày ở chiến khu: Trước khi trút hơi thở cuối cùng "hình như chỉ có tình cha con là không thể dứt được" trong trái tim của nhân vật ông Sáu.  2. Nét nghệ thuật độc đáo của truyện ngắn  - Sử dụng những dẫn chứng trong tác phẩm, kết hợp với những lý lẽ và lời nhận xét , đánh giá của bản thân  - Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện căng thẳng , bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý  - Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật tinh tế sâu sắc , phù hợp với quy luật tâm lý trẻ thơ  - Sử dụng từ ngữ địa phương  **\* Kết bài:**  Khẳng định vấn đề đã nghị luận | | 1. **Lập dàn ý:**   **\* Mở bài**: Giới thiệu TG, TP , hoàn cảnh ST, bước đầu khái quát giá trị TP.  **\* Thân bài**: Cảm nhận trên cơ sở PT tình cảm cha con ông Sáu được thể hiện trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.  **a. nhân vật bé Thu:**  - Thái độ và tình cảm của bé Thu khi ông Sáu vừa về nhà: Không nhận cha, “nghe gọi con bé giật mình, tròn mắt nhìn, nó ngơ ngác , lạnh lùng... con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt....mặt nó bỗng tái đi vụt chạy và kêu thét lên má ! má!”  - Thái độ và tình cảm của bé Thu trong những ngày ông sáu ở nhà....  - Thái độ và tình cảm của bé Thu trong buổi sáng chia tay....  **b. Nhân vật ông Sáu:**  **- Trong đợt nghỉ phép:** đầu tiên là sự hụt hẫng, buồn khi thấy con sợ hãi bỏ chạy; tiếp theo là kiên nhẫn cảm hoá vỗ về để con nhận cha; đến lúc chia tay có cảm nhận bất lực và buồn. Khi đứa con cất lên tiếng ba thì hạnh phúc tột độ.  **- sau đợt nghỉ phép:** Say sưa tỉ mỉ làm cây lược ngà khắc dòng chữ...Trước khi hi sinh kịp trao cây lược cho đồng đội ....  **C. nhận xét đánh giá**  **- Về ND:** TG xây dựng một tình huống truyện, chỉ có trong chiến tranh và nhờ có tình huống này mà tình phụ tử được nén chặt để sau đó bùng nổ thành một cám xúc nhân văn sâu sắc, cảm động .  **- Về NT:** Cốt truyện chặt chẽ, có tình huống bất ngờ, kể chuyện ngôi thứ nhất vừa là người chứng kiến vừa là người tham gia vào một số việc.... ngôn ngữ giản dị mang đậm màu sắc Nam bộ...  **\* Kết bài** : Khẳng định giá trị tp và cảm nghĩ bản thân:.... Khơi lại bao ý nghĩa về sự hi sinhvà hạnh phúc do các thế hệ cha ông đã đổ xương máu mà lên. Bài học về “Uống nước nhớ nguồn càng thấm thía” ... | |
| *- Gv hướng dẫn hs viết bài*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân ( hs làm ra vở )*  *- Gọi hs trình bày*  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  *- Gv đọc cho hs nghe một số đoạn mẫu* | *+ Hs viết bài vào vở bài tập*  *- Đại diện hs trình bày*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  *-Hs lắng nghe* | | **3. Viết bài**  \* Viết đoạn mở bài  \* Viết đoạn thân bài  \* Viết đoạn kết bài | |

**\* VD:** Phụ tử tình thâm vốn là một nét văn hoá trong đời sống tinh thần của người phương Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng. Người ta cho rằng đó là một thứ tình cảm thiêng liêng nó vừa là vô thức, vừa là ý thức thường ít khi bộc lộ ra một cách ồn ào, lộ liễu. Tuy nhiên trong đoạn trích này tác giả đã xây dựng được một tình huống truyện độc đáo, chỉ có trong chiến tranh và nhờ có tình huống này mà tình phụ tử đã được nén chặt để sau đó bùng nổ thành một cảm xúc nhân văn sâu sắc cảm động. Nói cách khác tác giả đã tô đậm và ngợi ca tình phụ tử như một lẽ sống mà vì nó con người ta có thể bình thản hy sinh cho lí tưởng.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tiếp tục hoàn thiện bài viết | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Chọn một tác phẩm văn học mà em đã học và tiếp tục lập dàn ý | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước IV: Giao bài, hư­ớng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

**a. Học bài:**

-Tiếp tục ôn luyện các đề bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích trong sgk

- Làm hoàn thiện đề bài trên

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn : Sang thu – Hữu Thỉnh

Yêu cầu: Đọc tư­ liệu về tác giả, tác phẩm

Phiếu bài tập , bảng phụ

**VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 6**

**( Viết ở nhà)**

**Đề bài:**

Suy nghĩ của em về nhân vật ông Hai trong tác phẩm **Làng** của Kim Lân.

**1. Hình thức: (2 điểm)**

- Có đầy đủ bố cục 3 phần MB- TB – KB

- Đầy đủ các luận điểm , luận cứ rõ ràng

- Sử dụng tốt các ph­ương pháp lập luận trong khi làm bài

- Diễn đạt l­ưu loát, rõ ràng, chôi chảy

**2. Nội dung : 8 điểm**

\* Mở bài: 1 đ

- Giới thiệu tác giả tác phẩm

- Giới thiệu nhân vật

\* Thân bài: (6 điểm)

**1. Tình yêu làng, yêu n­ước, trung thành với kháng chiến của ông Hai**: 4 điểm

***a. Tr­ước khi nghe tin làng theo giặc***

- Khoe và kể về làng một cách say mê

- Thể hiện trực tiếp nỗi nhớ làng

- Theo dõi những thông tin chiến sự với tâm trạng vui mừng, hạnh phúc

***b. Khi nghe tin làng mình theo giặc*** ( phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai )

- Bàng hoàng sững sờ - đau đớn, xấu hổ, tủi nhục – nỗi lo sợ ám ảnh th­ường trực trong tâm trí

- Mâu thuẫn trong đời sống nội tâm giữa một bên là làng một bên là n­ước

+ Định quay trở lại làng – gạt phắt ngay suy nghĩ ấy

+ Làng thì yêu thật như­ng làng theo Tây mất rồi thì phải thù

⇒ Tình yêu n­ước bao trùm lên tình yêu làng quê

- Tình yêu làng hoà chung với tình yêu nư­ớc

***c. Khi nghe tin cải chính***

- Vui mừng hạnh phúc như­ đựơc hồi sinh

**2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:** 2 điểm

- Xây dựng tình huống để nhân vật bộc lộ tính cách

- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật

- Sử dụng ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm

**\*. Kết bài :** 1 điểm

- Khái quát lại vấn đề

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 26**

**Tiết 123**

**SANG THU**

***===Hữu Thỉnh ==***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Biết một tác phẩm thơ hiện đại.

- Hiểu đ­ược những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu

- Thấy được những đặc điểm nghệ thuật nổi bật được thể hiện qua bài thơ này.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện năng lực cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm thơ 5 chữ.

- Nắm đư­ợc bố cục, thể loại, PTBĐ văn bản, giọng điệu, mạch cảm xúc, thấy được những cảm nhận tinh tế của tác giả về sự chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời từ hạ sang thu

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm thơ hiện đại

- Biết nhạy cảm trước những thời khắc giao mùa.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả

**2. Kĩ năng**

- Đọc- hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại

- Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một tác phẩm thơ

3.**Thái độ:** trõn trọng những cảm xỳc của tỏc giả với mựa thu và yêu quý mựa thu đồng thời biết ơn những người lính và thế hệ đi trước bằng cahcs học thật giỏi và là nhiều việc tốt.

**4. Tích hợp liên môn: Địa lí: s**ự chuyển mùa **,**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

## III. CHUẨN BỊ

**1. Thầy**:

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo , SGV.

- Tranh ảnh nhà văn và tư­ liệu về tác phẩm

**2. Trò**:

- Đọc kĩ văn bản

- Soạn bài theo các câu hỏi trong vở bài tập ngữ văn- tập 2.

- S­ưu tầm thêm tư­ liệu về tác giả và tác phẩm

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* B­ước 1: *Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

**\* B­ước 2: *Kiểm tra bài cũ:* (3-5')**

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học và làm bài ở nhà qua việc soạn bài và học bài cũ

- Phư­ơng án: Kiểm tra đầu giờ

H1. Đọc thuộc bài thơ ***"Viếng lăng Bác”*** của Viễn Ph­ương? Trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

H2.Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng:

*1. Nghệ thuật nổi bật của bài thơ* “*Viếng lăng Bác*” *là gì?*

A. Nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm.

B. Ngôn ngữ bình dị nhiều cảm xúc.

C. Giọng điệu trang trọng, thành kính.

D. Gồm tất cả các yếu tố trên.

*2.Lựa chọn các từ* “*thành kính, đau xót, tự hào, trầm lắng*” *để điền vào chỗ trống trong các câu văn sau cho phù hợp:*

***Cảm hứng bao trùm bài thơ*** “***Viếng lăng Bác***” ***là niềm xúc động thiêng liêng,.........., lòng biết ơn và...............pha lẫn................khi tác giả từ miền Nam ra viếng Bác; cảm hứng đó đã tạo nên giọng thơ.................trang nghiêm.***

- *Gv gọi trả lời cá nhân, gọi nhận xét.*

*- Kiểm tra vở bài tập bàn 4,5.*

**\* B­ước 3 *: Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV cho hs quan sát bức tranh thiên nhiên về mùa thu, yêu cầu hs nhận xét?  - Từ câu trả lời của hs , gv gới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS trả lời  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  TIẾT 121  **SANH THU**  ***(Hữu Thỉnh )*** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 33’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 6 - 7p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc – tìm hiểu chú thích.**  **1. Hư­ớng dẫn HS đọc.** | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I.HS đọc – tìm hiểu chú thích.**  **1. HS đọc.** | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- chú thích:**  ***1. Đọc:*** |
| *\* GV hư­ớng dẫn hs đọc*: giọng nhẹ nhàng, tha thiết, xúc cảm khoan thai, trầm lắng và thoáng suy tư.  *- Gv đọc mẫu, gọi hs đọc văn bản, gọi nhận xét, GV sửa .* | *+ Hs nghe hư­ớng dẫn và nghe đọc*  *- Học sinh đọc văn bản, nhận xét cách đọc* |  |
| H. Nêu một vài nét chính về nhà thơ Hữu Thỉnh  **- Gv nhận xét, bổ sung:**  Hữu Thỉnh là ng­ười lính làm thơ, ụng trưởng thành trong cuộc khỏng chiến chống Mĩ,Thơ ông gắn liền với những năm tháng lăn lộn giữa chiến trường với sự đối mặt với kẻ thù, với cái chết…  \* *Gv nêu và đọc một số đoạn thơ:* Chiều sông thư­ơng, Phan Thiết có anh tôi, Từ chiến hào tới thành phố…  *- Cho hs quan sát chân dung nhà thơ* | *+ Hs trả lời cá nhân*  *- Hs khác bổ sung*  *- Hs lắng nghe gv chốt, bổ sung và lựa chọn ghi vở*  - Tên thật là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh năm 1942, quê ở Tam Dư­ơng, Vĩnh Phúc.  - Là nhà thơ viết nhiều, viết hay về những ngư­ời mẹ, ngư­ời chị ở nông thôn, về mùa thu. Nhiều vần thơ thu của ông mang cảm xúc bâng khuâng, vấn v­ương đất trời trong trẻo đang biến chuyển nhẹ nhàng. | **2. Chú thích.**  **a. Tác giả.**  - Hữu Thỉnh, sinh năm 1942  - Quê: Tam Dương, Vĩnh Phúc.  - Từ năm 2000 là Tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam.  - Thơ Hữu Thỉnh dạt dào cảm xúc thấm đẫm yêu thư­ơng với giọng thơ hồn hậu, trong trẻo, gần gũi. |
| H. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  *- Gv bổ sung*  *\*GVhư­ớng dẫn học sinh tìm hiểu từ khó ( kiểm tra việc giải nghĩa từ)* | *+ Hs nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ*  - Bài thơ đư­ợc sáng tác cuối năm 1977, in lần đầu trên báo Văn nghệ , sau đó lại in trong tập “ Từ chiến hào tới thành phố”- 1991.  *+ HS giải nghĩa từ* | **b. Tác phẩm**  - Bài thơ đư­ợc sáng tác cuối năm 1977, in lần đầu trên báo Văn nghệ  **c. Từ khó** |
| **\*** PHÂN TÍCH, CẮT NGHĨA  + *Phương pháp*: Phân tích, giải thích, vấn đáp, tái hiện thông tin, thuyết trình  + *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não,kĩ thuật khăn trải bàn, thảo luận theo nhóm.  + *Thời gian*: Dự kiến 22-27p  *+ Hình thành năng lực:* Giải quyết vấn đề, hợp tác | | |
| **II. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | ***Hình thành các kĩ năng: Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm* II. HS tìm hiểu văn bản.**  **1.HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Tìm hiểu khái quát.** |
| *\* GV cho HS thảo luận nhóm bàn, trả lời một số câu hỏi khái quát, gọi trả lời, gọi nhận xét, GV chốt, chiếu trên máy.*  + Thể thơ  + PTBĐ  + Giọng điệu  + Mạch cảm xúc  H. Con người cảm nhận sang thu từ những phạm vi không gian nào? Tương ứng với những khổ thơ nào?  H. Đại ý ?  ***Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét***  ***-GV chuẩn kiến thức*** | *+ HS thảo luận nhóm bàn(3’), trả lời một số câu hỏi khái quát, nhận xét, nghe GV chốt, quan sát trên máy, ghi vào vở.*  - Thể thơ: 5 chữ  - PTBĐ chính: biểu cảm  - Giọng điệu: nhẹ nhàng, khoan thai trầm lắng  - Mạch cảm xúc: Bài thơ là cảm nhận tinh tế và sâu sắc của tác giả tr­ước thời khắc giao mùa từ hạ sang thu.  **- Bố cục:**  + Cảm nhận kh/ gian làng quê sang thu(K1)  +Cảm nhận kh/ gian đất trời sang thu(K2,3)  **- Đại ý :**  Bài thơ là những suy nghĩ của người lính từng trải qua một thời trận mạc và cuộc sống khó khăn sau ngày đất nước thống nhất đọng lại trong những vần thơ sang thu lắng sâu cảm xúc . | ***- Thể thơ:*** 5 chữ  ***- PTBĐ chính***: biểu cảm  ***- Giọng điệu:*** nhẹ nhàng, khoan thai trầm lắng  ***- Mạch cảm xúc***: Bài thơ là cảm nhận tinh tế và sâu sắc của tác giả trước thời khắc giao mùa từ hạ sang thu.  ***- Bố cục:***  ***- Đại ý:*** |
| **2. Hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | **2. HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết.** |
| *\* GV gọi đọc khổ 1*  H. Thi sĩ nhận ra mựa thu bằng những hình ảnh thiờn nhiờn nào? | *+ HS đọc khổ 1, nêu hình ảnh*  Bỗng nhận ra h­ương ổi  Phả vào trong gió se  S­ương chùng chình qua ngõ  Hình như thu đã về | **1. Khổ 1:** Sự chuyển biến của thiên nhiên đất trời từ hạ sang thu |
| H: Em hiểu từ “ Phả”, “ giú se” nghĩa là gỡ?( Tích hợp kiến thức Địa lí)  H. Từ "phả" có thể thay thế bằng từ nào? Nhưng dùng từ "phả" có gì hay hơn?  - H: Từ “ chựng chỡnh “ được hiểu như thế nào? Có thể thay từ “chùng chình” bằng các từ gần nghĩa (đủng đỉnh, chầm chậm, lững thững…) được không? Với từ "chùng chình", hình ảnh thơ trở nên như thế nào trong việc biểu hiện thiên nhiên?  H. Nhà thơ đã đón nhận tín hiệu giao mùa trong tâm thế như thế nào? Em có suy nghĩ gì về ý thơ “ Hình như thu đã về”  H: Tại sao tỏc giả khụng dựng từ **chắc chắn** mà dựng từ **hỡnh như ?**  -GV bỡnh: Khụng phải mựi hương của cốm, hoa cau, hoa bưởi,mà là mùi hương của bưởi chín phả vào trong gió gợi cái bất chợt trong cảm nhận vừa gợi sự vận động nhẹ nhàng của gió. Từ hương nhận ra gió. Từ gió nhận ra sương“Chùng chình” hay chính là sự l**ưu luyến, bâng khu**âng, **ngập ngừng, bịn rịn?**  ⇒ **“Hình như thu đã về**” còn như là một câu thầm hỏi lại mình .  H: Em cú xột gỡ về từ ngữ và nghệ thuật được sử dụng ở khổ thơ thứ nhất?  .H: Qua đó giúp em cảm nhận được điều gỡ ? | *- Hs giải thớch:*  + Phả: tỏa vào, trộn lẫn  + Gió se: Gió nhẹ, khô và mang theo hơi lạnhchỉ cú ở mựa thu  + chựng chỡnh: Cố ý chậm lại, được cảm nhận bằng thị giác diễn tả rất thơ bước đi của thu. Đó là trạng thái dùng dằng, nửa muốn đi nửa muốn ở lại  *HS tìm và phân tích, thảo luận nhóm bàn(2’) trả lời, nhận xét.*  *+*Bỗng: ngỡ ngàng, ngạc nhiờn  + Hỡnh như: thành phần tình thái- thể hiện sự phỏng đoán một nét thu mơ màng vừa chợt phát hiện và cảm nhận. ⇒ Sự lưu luyến, níu kéo của thiên nhiên  -> Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ chọn lọc , gợi cảm, nghệ thuật nhõn húa *,Sự cảm nhận tinh tế của tỏc giả:*  ***=>Sự biến đổi của đát trời lúc sang thu được cảm nhận bằng một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm và gắn bó với cuộc sống làng quê*** | \* Cảnh: tín hiệu của mùa thu:  - hương ổi.-> Gợi những liên t­ưởng về hương thơm lựng, phả lên từ những trái ổi chín nơi vườn quê.  - Gió se  - Sương chùng chình  -> khoảnh khắc giao mùa xuất hiện  +"bỗng": sự đột ngột bất ngờ  - Hình như: thể hiện cái ngỡ ngỏng ngạc nhiờn  =>Cảm nhận tinh tế ->Tâm trạng ngỡ ngàng, bâng khuâng của nhà thơ chợt nhận ra thu về. |
| *- GV: Liên hệ một số bài thơ khác về mùa thu.* |  |  |
| **\* GV chốt KT, ghi bảng, HS ghi vở.**  **\* GV:** Khổ thơ nói nên cảm nhận ban đầu của nhà thơ về cảnh sang thu của đất trời. Thiên nhiên được cảm nhận từ những gì vô hình( hương , gió ) mờ ảo ( sương chùng trình ) nhỏ hẹp và gần ( ngõ ) | *+ HS nghe GV chốt, ghi bảng.* |  |
| **\* GV chuyển ý sang khổ tiếp. Đọc tiếp khổ 2.Chiếu khổ 2.**  H. Trong khổ thơ này, hình ảnh thiên nhiên sang thu được tiếp tục phát hiện bằng những hình ảnh, chi tiết nào? Hãy phân tích ?  \* GV bổ sung : Không gian nghệ thuật bức tranh sang thu được mở rộng ở chiều cao, độ rộng của bầu trời với cánh chim.  H. Em có nhận xét gì về nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong khổ thơ ?  H. Tại sao sông "dềnh dàng" mà "chim bắt đầu vội vã"?  ***\* GV bình* :** Hình ảnh đám mây mùa hạ với sự cảm nhận đầy thú vị, sự liên tưởng độc đáo “vắt nửa mình sang thu” cảm giác giao mùa được diễn ra cụ thể và tinh tế bằng một hình ảnh đám mây của mùa hạ cũng như đang bước vào ngưỡng cửa của mùa thu vậy. Dường như giữa mùa hạ và mùa thu có một ranh giới cụ thể, hữu hình, hiển hiện. Tác giả cảm nhận bằng cả thị giác và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên thiết tha…)  **H.**  Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về sự chuyển biến của cảnh vật ấy? Trước cảnh đất trời sang thu, tác giả bộc lộ tâm trạng gì ?  **\* GV chốt KT , ghi bảng, chuyển.**  **GV: Tóm lại:** bằng sự cảm nhận nhiều giác quan, sự liên tưởng thú vị bất ngờ, với tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Tg, tất cả không gian , cảnh vật như đang chuyển mình từ từ, điềm tĩnh bước sang thu. | *+ HS đọc khổ 2, phát hiện hình ảnh, chỉ rõ các thủ pháp nghệ thuật, phân tích tác dụng, trả lời theo nhóm bàn.*  Sông đư­­ợc lúc dềnh dàng  Chim bắt đầu vội vã  Có đám mây mùa hạ  Vắt nửa mình sang thu  - Sông nhẹ nhàng trôi dềnh dàng - dòng sông thiết tha mềm mại, hiền hoà trôi nhàn hạ, thanh thản -> gợi vẻ đẹp êm dịu của bức tranh thu.  - chim vội vã bay  - mây- vắt .  *+ Chỉ rõ các BPNT, nêu nhận xét.Giải thích lí do, trả lời theo cặp*  - Nghệ thuật nhân hoá  - Nghệ thuật đối lập được sử dụng để miêu tả hai hình ảnh trái chiều: Sông dềnh dàng / chim vội vã-> Diễn tả sự vận động tương phản của sự vật. ..)  - Đám mây- vắt nửa mình-> Cách dùng từ hay , độc đáo và sáng tạo và nghệ thuật nhân hoá độc đáo-> Cả một không gian mênh mang như vậy mà đám mây mùa hạ mới chỉ vắt nửa mình sang thu. Dường như thiên nhiên vẫn còn lưu luyến nơi mùa hạ nhưng theo quy luật vẫn phải sang thu  *+ HS khái quát, trả lời cá nhân.*  => sự chuyển động của cảnh vật thiên nhiên từ hạ sang thu ở đây có cái chậm có cái nhanh có cái nhẹ nhàng nhưng đã rõ rệt.  ⇒ Tâm trạng l­ưu luyến nơi mùa hạ như­ng lại nồng nàn không khí mùa thu  -> Nhà thơ mở rộng tầm nhìn để cảm nhận sự chuyển mình của đất trời sang thu trong tâm trạng say sưa. | ***2. Khổ thơ thứ hai:***  **\* Cảnh :**  **- Sông** : dềnh dàng  **- Chim**: bắt đầu vội vã.  - **Đám mây**: vắt nửa mình sang thu.  -> Nghệ thuật nhân hoá  - Nghệ thuật đối lập  => Không gian và thời gian chuyển mùa thật là đẹp, thật là khêu gợi.  => Đất trời biến chuyển sang thu nhẹ nhàng mà rõ rệt.(Trạng thái chuyển động của cảnh)  ⇒ Tâm trạng l­ưu luyến nơi mùa hạ như­ng lại nồng nàn không khí mùa thu |
| **\*Đọc khổ thơ 3.Chiếu khổ 3.**  H. Sự thay đổi của thiên nhiên vạn vật khi sang thu được thể hiện như thế nào ở khổ 3  H. Em hiểu cái nắng của thời điểm giao mùa này như thế nào?  H. Theo em, nét riêng của thời điểm giao mùa hạ- thu này được tác giả thể hiện đặc sắc nhất qua hình ảnh câu thơ nào? Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về cảnh vật lúc thu sang?  *\* Gv gọi HS trình bày suy nghĩ của mình*  *- Gv nhận xét*  *- GV bình, liên hệ*  H. Có ý kiến cho rằng “Hai câu thơ cuối bài vừa có tả thực vừa chứa đựng nhiều hàm ý sâu xa” em có đồng ý không , vì sao?  *\* TL bằng kĩ thuật KTB, thời gian 4p.*  *- GV gọi trình bày, nhận xét, GV chốt.*  ***\* GV bổ sung:*** Nhà th­ơ viết bài thơ này vào những năm 70 của thế kỉ 20, giai đoạn đầy những khó khăn thử thách về kinh tế . Hai câu kết là lời khẳng định bản lĩnh cứng cỏi của nhân dân ta trong những năm gian khổ ấy.  H. Vậy từ cảnh vật thay đổi lúc giao mùa gợi cho tác giả suy ngẫm về điều gì?  **\* GV**: Cái “đứng tuổi” của cây là một cái chốt cửa để qua đó ta mở sang một thế giới khác, thế giới sang thu của hồn người. Vẻ chín chắn, điềm tĩnh của cây trước bão giông vào lúc sang thu hay đó chính là sự từng trải, chín chắn của con người sau những bão táp của cuộc đời?)  **\* GV: liên hệ với bài “Chiều sông Thương**” của Hữu Thỉnh:  - “Đi suốt cả ngày thu  Vẫn chưa về tới ngõ  Dùng rằng câu quan họ  Nở tím bên sông thương…” | *+ HS đọc, phát hiện, trả lời cá nhân*  - n**ắng nhạt** dần chứ không còn dữ dội, chói chang, gay gắt.  - **Mưa cũng đã ít** đi, nhất là những trận mưa rào.  *+ Tự do trình bày suy nghĩ.*  - Nắng, sấm, mư­a là những hiện t­ượng của thiên nhiên trong thời điểm giao mùa đã đư­ợc cảm nhận cách tinh tế . Chúng đã có sự giảm dần tạo dấu hiệu thu sang. Sự phân hoá ranh giới giữa hai mùa quả là mong manh  ⇒Sự ngập ngừng chủ động của thiên nhiên vạn vật trước thời khắc giao mùa  *+ HS thảo luận bằng kĩ thuật KTB, đại diện trả lời, nhận xét.*  -Tả thực: Sấm, hàng cây lúc sang thu  - Ý nghĩa ẩn dụ: **Sấm:**Vang động bất thường của ngoại cảnh cuộc đời. **Hàng cây đứng tuổi**: con người từng trải.  -> Hình ảnh ẩn dụ tạo tính hàm nghĩa cho bài nói về lớp người đã từng trải, được tôi luyện trong khó khăn. ⇒ Sức sống mãnh liệt của tâm hồn con người, dù đã sang thu nhưng vẫn còn rạo rực nắng hạ -> chất chứa suy nghiệm về con người và cuộc sống.  *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân.*  - Từ cảnh vật gợi suy ngẫm sâu xa, kín đáo về cuộc đời. Không chỉ tả cảnh thu sang mà còn chất chứa những suy nghiệm về con người và cuộc sống.  *+ HS nghe GV bổ sung.* | **3 Khổ thơ thứ ba:**  ***\* Cảnh vật:***  - Nắng- vẫn còn  - Mưa - đã vơi bớt  - Sấm- cũng bớt  -> Hạ nhạt dần  - Hàng cây: đứng tuổi.  ->Thu đậm nét, có sự khác biệt về cường độ, tính chất của cảnh vật thiên nhiên khi thu sang.  ⇒Sự ngập ngừng chủ động của thiên nhiên vạn vật trước thời khắc giao mùa  \*Từ cảnh vật gợi suy ngẫm sâu xa, kín đáo về cuộc đời. Không chỉ tả cảnh thu sang mà còn chất chứa những suy nghiệm về con người và cuộc sống. |
| H. Qua bài thơ em cảm nhận được gì về bức tranh thiên nhiên giao mùa của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ?  H. Qua đây em hiểu gì về tâm hồn nhà thơ?  *- Gv nhận xét, sửa chữa* | *+ HS tự do trình bày suy nghĩ.*  - Bức tranh thiên nhiên đẹp , quyến rũ…  -Một con người yêu thiên nhiên, nhạy cảm với vẻ đẹp của thiên nhiên. một con người bình tĩnh từng trải trước những biến động của cuộc đời, một tâm hồn trẻ trung , không hề già theo năm tháng |  |
| **III. Hư­ớng dẫn HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.** | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS đánh giá, khái quát và củng cố kiến thức.** | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết.** |
| H. Học xong văn bản, em rút ra những nội dung gì cần ghi nhớ.  H. Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật bài thơ này?  H. Nội dung chủ yếu được nhà thơ thể hiện qua bài thơ là gì?  *\* Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/71.*  H. Qua tìm hiểu văn bản em rút ra ý nghĩa gì?  **\* GV khái quát toàn bài và chuyển ý, cho HS làm BTTN củng cố.**  **1. Sự biến đổi của đất trời lúc sang thu được nhà thơ cảm nhận lần đầu tiên từ đâu?**  **A. Từ một mùi hương**  B. Từ một đám mây  C. Từ một cơn mưa  D. Từ một cánh chim  **2. Ý nào nói đúng cảm xúc của tác giả trong bài thơ "Sang thu"?**  A. Hồn nhiên, tươi trẻ  **B. Mới mẻ, tinh tế**  C. Lãng mạn, siêu thoát  D. Mộc mạc, chân thành  **3.Dòng nào sau đây nêu đúng tên những bài thơ viết cùng thể loại với bài** “Sang Thu”  A.Ánh trăng, Đồng chí B.Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ  C.Con cò , Bếp lửa  **4.Biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong bài thơ?**  A.Nhân hoá,ẩn dụ B.Nhân hoá,hoán dụ  C.Nhân hoá và so sánh D.Nhân hoá và chơi chữ | *+ HS khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của bài thơ, làm BTTN củng cố kiến thức.*  **1. Nghệ thuật:**  **-** Hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm, đặc sắc về thời điểm giao mùa hạ- thu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.  - Sử dụng từ ngữ sáng tạo (bỗng, phả, hình như) phép nhân hoá (sương chùng chình, sông dềnh đàn), phép ẩn dụ (Sấm, hàng cây đứng tuổi)  **2. Nội dung:**  - Cảm nhận tinh tế và tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng của nhà thơ khi chợt nhận ra những tín báo thu sang.  - Những suy ngẫm sâu sắc mang tính triết lí về con người và cuộc đời của tác giả lúc sang thu làm nên đặc điểm của cái tôi trữ tình sâu sắc trong bài tơ.  **3. Ý nghĩa.**  - Bài thơ thể hiện những cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa. | ***1. Nghệ thuật:***  **-** Hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm, đặc sắc về thời điểm giao mùa hạ- thu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.  - Sử dụng từ ngữ sáng tạo (bỗng, phả, hình như) phép nhân hoá (sương chùng chình, sông dềnh đàn), phép ẩn dụ (Sấm, hàng cây đứng tuổi )  **2. Nội dung.**  **3. Ý nghĩa.**  - Bài thơ thể hiện những cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa. |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | |
| **IV. HD HS luyện tập** | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. HS luyện tập** | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập** |
| ***H: Đọc diễn cảm bài thơ***  ***H: Giọng thơ và cảm xúc bài “Sang thu” như thế nào?***  A, Vui tươi, rộn ràng.  B. Buồn, hiu hắt.  C. Nhè nhẹ, man mát, bâng khuâng.  D. Trầm lắng, dìu dịu buồn. ĐA:C  H: Đọc những câu thơ về mùa thu mà em biết?  ***H: Hãy phát biếu cảm nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?***  **- GV đọc câu thơ về mùa thu của TG.ví dụ:**  **“ Ôi** con sông màu nâu  Ôi con sông màu biếc  Dâng cho mùa sắp gặt  Bồi cho mùa phôi thai.  Nắng thu đang trải đầy  Đã trăng non múi bưởi  Bên cầu con nghé đợi  Cả chiều thu sang sông.”  *Chiều sông Thương- Hữu Thỉnh.*  **Bài thu điếu**- Nguyễn Khuyến. | *+ HS đọc diễn cảm, cả lớp nghe, nhận xét.*  *+ HS trả lời cá nhân.*  *+ HS viết cá nhân, đọc trước lớp. Cả lớp nghe, nhận xét.* | **1. Bài 1. Đọc diễn cảm.**  **2. Bài 2. Trắc nghiệm**  **3. Bài 3.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Những dấu hiệu nào của mùa thu khiến em cảm nhận rõ nhất ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc các tác phẩm khác viết về mùa thu | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

***\* B­ước 4. Giao bài, h­ướng dẫn học bài và làm bài về nhà: 2phút***

**a. Học bài** :

+ Học thuộc lòng và diễn cảm bài thơ.

+ Phân tích cảm nhận những hình ảnh thơ hay , đặc sắc trong bài .

+ Sưu tầm thêm một vài đoạn thơ ,bài thơ viết về mùa thu …

+ Viết 1 đoạn văn ngắn tả cảnh sang thu ở quê hương em.

+ Viết hoàn thiện bài tập 3

**b. Chuẩn bị bài mới**

- Soạn “ Nói với con” của Y Phư­ơng

- Yêu cầu: Đọc t­ư liệu về tác giả, tác phẩm

Trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

Phiếu bài tập, bảng phụ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 26**

**Tiết 124**

**NÓI VỚI CON**

***(Y Phương)***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Biết một tác phẩm thơ tự do.

- Cảm nhận đ­ược tình cảm ấm cúng, tình yêu quê h­ương thắm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của “ Ng­ười đồng mình” và mong mỏi của một ng­ười cha với con qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Ph­ương

- Thấy được những đặc điểm nghệ thuật nổi bật được thể hiện qua bài thơ này.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện năng lực cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm thơ tự do.

- Biết tìm hiểu đư­ợc bố cục, thể loại, PTBĐ văn bản, giọng điệu, mạch cảm xúc, thấy đ­ược cội nguồn sinh d­ưỡng của mỗi ng­ười, những đức tính cao đẹp của người đồng mình và ­ước muốn của ng­ười cha đối với con.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm thơ hiện đại

- Biết trân trọng, tự hào về quê hương

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Tình cảm thắm thiết của cha mẹ đối với con cái

- Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hư­ơng.

- Hình ảnh và cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi

**2. Kĩ năng**

- Đọc- hiểu văn bản thơ trữ tình

- Phân tích cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi

- Cảm thụ những hình tư­ợng thơ đư­ợc sáng tạo bằng liên tư­ởng, tư­ởng tư­ợng

**\*Giáo dục kĩ năng sống**

+ Tự nhận thức đ­ược cội nguồn sâu sắc của cuộc sống chính là gia đình, quê hư­ơng, dân tộc.

+ Làm chủ bản thân, đặt mục tiêu về cách sống của bản thân qua lời tâm tình của ng­ười cha

+ Suy nghĩ sáng tạo: đánh giá, bình luận về những lời tâm t­ư của ngư­ời cha, về vẻ đẹp những hình ảnh thơ trong bài thơ.

**3. Thái độ**: Trõn trọng tỡnh cảm cha con sõu nặng, thiờng liêng

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

## *III. CHUẨN BỊ*

**1. Thầy**:

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo , SGV.

- Tranh ảnh nhà văn và tư­ liệu về tác phẩm

**2. Trò**:

- Đọc kĩ văn bản

- Soạn bài theo các câu hỏi trong vở bài tập ngữ văn- tập 2.

- S­ưu tầm thêm tư­ liệu về tác giả và tác phẩm

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­ước 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ:* (3’)**

**H1.** Đọc thuộc bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh? Trình bày cảm nhận của em về thời khắc giao mùa từ hạ sang thu?

**H2.** Yêu cầu HS làm BTTN , gọi trả lời miệng, gọi nhận xét.

**1. Sự biến đổi của đất trời lúc sang thu được nhà thơ cảm nhận làn đầu tiên từ đâu?**

**A. Từ một mùi hương** B. Từ một đám mâyC. Từ một cơn mưa D. Từ một cánh chim

**2.**  **Ý nào nói đúng cảm xúc của tác giả trong bài thơ "Sang thu"?**

A. Hồn nhiên, tươi trẻ **B. Mới mẻ, tinh tế** C. Lãng mạn, siêu thoátD. Mộc mạc, chân thành

**3.Dòng nào sau đây nêu đúng tên những bài thơ viết cùng thể loại với bài** “Sang Thu”

A. Ánh trăng, Đồng chí B. Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ C.Con cò , Bếp lửa

**4.Biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong bài thơ?**

A. Nhân hoá, ẩn dụ B. Nhân hoá,hoán dụ

C. Nhân hoá và so sánh D.Nhân hoá và chơi chữ

***\* B­ước3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV cho hs nghe một đoạn trong bài hát ”Quê hương” phổ thơ của Đỗ Trung Quân, yêu cầu hs nhận xét  - Từ câu trả lời của hs , gv gới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS trả lời  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  TIẾT 122  **NÓI VỚI CON**  ***(Y Phương )*** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 33’)

\* TRI GIÁC

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 6 - 7p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Hư­ớng dẫn HS đọc – tìm hiểu chú thích.** | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I.HS đọc – tìm hiểu chú thích.** | | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- chú thích:** | |
| **1.Bước 1. Gv hư­ớng dẫn đọc** *\* GV HD HS đọc: Giọng nhẹ nhàng, tha thiết, thủ thỉ, tâm tình*  *- Gv đọc mẫu*  *- Gọi hs đọc, gọi nhận xét cách đọc, GV sửa*  **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chú thích.**  H. Nêu một vài hiểu biết của em về tác giả Y Phư­ơng  - *Gv nhận xét, bổ sung thêm một số t­ư liệu*  *- Cho hs quan sát chân dung nhà thơ.* | **1. HS đọc**  - *Hs nghe hư­ớng dẫn và nghe gv đọc mẫu*  *- Hs đọc bài thơ*  **2. HS tìm hiểu chú thích.**  *- Hs trình bày một số hiểu biết về nhà thơ*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  - Tên khai sinh : Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948.  Quê: Trùng Khánh, Cao Bằng.  - Ông nhập ngũ năm 1968, phục vụ trong quân đội đến năm 1981 chuyển về công tác tại sở VH- TT Cao Bằng.  - 1993, ông đư­ợc bầu là Chủ tịch Hội văn học nghệ thuật Cao Bằng.  *- Hs nghe gv bổ sung và quan sát chân dung.* | | | | **1. Đọc.**  **2. Chú thích**  **a. Tác giả**  - Thơ của Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật giàu tình cảm, cách suy t­ư mới lạ của ngư­ời dân miền núi | |
| H. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  H.Nội dung chính của bài thơ là gì ?  *\* Gv hư­ớng dẫn học sinh tìm hiểu các từ khó ( kiểm tra việc giải nghĩa từ )* | *+ Hs nêu xuất xứ của bài thơ*  - Bài thơ đư­­ợc trích trong “ Thơ VN 1945- 1985”.  - Nội dung: Lòng yêu th­­ương con cái, ước mong thế hệ sau nối tiếp, phát huy truyền thống của tổ tiên, của quê h­ương.  *+ Hs giải nghĩa từ khó* | | | | **b. Tác phẩm**  - Bài thơ đư­­ợc trích trong “ Thơ VN 1945- 1985”.  - Bài thơ thể hiện lòng yêu th­­ương con cái, ước mong thế hệ sau nối tiếp, phát huy truyền thống của tổ tiên, của quê hương.  **c. Từ khó** | |
| **II. H­ướng dẫn hs đọc và tìm hiểu văn bản**  **1. Bước 1. HD HS tìm hiểu khái quát**  *- Gv tổ chức học sinh thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn*  *( 2 phút)*  *+ Thể thơ*  *+ PTBĐ chính*  *+ Giọng thơ*  *+ Bố cục*  *- Gv gọi hs trả lời*  *- Gv chốt*  GV: Với bố cục này, bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi thiết tha mà nâng lên lẽ sống. Cảm xúc chủ đề bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt 1 cách tự nhiên nhưng vẫn thấm thía.  **\* GV chuẩn kiến thức.** | | ***Hình thành các kĩ năng: Nghe, đọc, nói, viết, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Hs đọc và tìm hiểu văn bản**  **1. HS tìm hiểu khái quát**  *- Hs thảo luận nhóm*  *( 2 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  *- Lắng nghe gv chốt và ghi bà*i  **\* Bố cục: 2 phần.**  1/ Từ đầu.....đẹp nhất trên đời: Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hư­­ơng.  2/ Còn lại: Lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ư­ớc con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy. | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát văn bản**  - Thể thơ: tự do  - PTBĐ chính: biểu cảm  - Giọng thơ : thiết tha , trìu mến, thủ thỉ.  - Bố cục: 2 phần. |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết.** | | **2. HS tìm hiểu chi tiết** | | | | **2. Tìm hiểu chi tiết.** |
| *\* GV gọi HS đọc đoạn 1. Nêu yêu cầu:*  H. Tình cảm của cha mẹ dành cho con đ­ược diễn tả qua những câu thơ nào?  H. Em có nhận xét gì về lời thơ và các h/ả đ­ược sử dụng trong những câu thơ đó?  H. Những hình ảnh đó gợi cho em cảm nhận gì? Nhắc nhở chúng ta điều gì?  \*GV chốt lại: Bốn câu thơ gợi lên hình ảnh một em bé đang chập chững bước đi, lúc thì bước về phía cha, lúc thì bước về phía mẹ. Tiếng nói, tiếng cười của cha mẹ vỗ về, động viên em vững bước. Người con được nuôi dưỡng và lớn lên trong tình yêu thương che chở của cha mẹ. Ngoài tình cảm của cha mẹ dành cho con, người con còn trưởng thành trong sự đùm bọc của quê h­ương. | | *+ 1 HS đọc, phát hiện chi tiết, rút ra nhận xét, HS khác bổ sung.*  \*Tình cảm của cha mẹ  - Chân phải bước tới cha…mẹ  -> Nâng đón từng bước đi bằng t/cảm gia đình quấn quýt=> Hạnh phúc gia đình thật giản dị.  -...... tới tiếng cười. ->Vui mừng đón nhận tiếng nói tiếng cười của con.  ->H/ảnh thơ cụ thể, theo cách diễn đạt của người miền núi, gợi không khí gia đình đầm ấm, hạnh phúc, đầy tình thương yêu.  =>***Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, nâng đỡ, che chở của cha mẹ.***  ->Nhắc nhở về tình cảm ruột thịt, cội nguồn sinh dưỡng, về đạo hiếu của mỗi người | | | | ***a.Tình yêu th­ương của cha mẹ và sự đùm bọc của quê hương đối với con.***  \*Tình cảm của cha mẹ  - Chân phải bước tới cha  .............. tới tiếng cười.  =>***Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, nâng đỡ, che chở của cha mẹ.***  ->Nhắc nhở về tình cảm ruột thịt, cội nguồn sinh dưỡng, về đạo hiếu của mỗi người |
| H. Những câu thơ tiếp theo, người cha nói với con điều gì? H. Em hiểu “người đồng mình” là gì?  H. Cuộc sống lao động của "người đồng mình" được thể hiện qua những h/ảnh nào? Em có nhận xét gì về những từ ngữ mà tác giả sử dụng?  H. Các động từ "đan, cài, ken" trong 2 dòng thơ đã giúp em cảm nhận được gì về cuộc sống lao động của ng­ười đồng mình?  **\*GV:** Các động từ “ đan, ken , cài” vừa miêu tả cuộc sống, lao động với những công việc cụ thể của đồng bào trên quê hương vừa gợi lên sự gắn bó quấn quýt , đoàn kết của đồng bào. | | *+ HS phát hiện, trả lời.*  - Người đồng mình yêu lắm con ơi. -> Cách nói riêng mộc mạc mang tính địa phương của dân tộc Tày → Người dân tộc miền núi mình đáng yêu lắm.  *+ Phát hiện chi tiết, rút ra nhận xét, trả lời. HS khác bổ sung.*  - Đan lờ cài nan hoa  Vách nhà ken câu hát.  → ***Động từ ->*** ***người dân miền núi lao động cần cù, tươi vui và gắn bó với nhau.*** | | | | \* Sự đùm bọc của quê hư­ơng  - Đan lờ cài nan hoa  Vách nhà ken câu hát.  → ***người dân miền núi lao động cần cù, tươi vui và gắn bó với nhau.*** |
| H. Em cảm nhận như thế nào về lời thơ "Rừng cho hoa ... tấm lòng"? Vì sao cha lại nói với con về 1 quê hương như vậy?  \*GV:Có thể nói bằng những hình ảnh thơ đẹp, nhà thơ Y Phương đã mang đến cho mỗi chúng ta một cảm nhận: chính cuộc sống lao động nên thơ của quê hương đã giúp cho con người khôn lớn từng ngày. Quê hương là cái nôi nuôi dưỡng cả tâm hồn và thể chất mỗi con người | | *+ Tự do trình bày suy nghĩ.*  -Rừng cho hoa  Con đường... những tấm lòng  + Hoa: vẻ đẹp của TN  +Tấm lòng: vẻ đẹp của tình người  →***Rừng núi quê hương thật tươi đẹp, con người sống có nghĩa, có tình. TN đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.*** | | | | -Rừng cho hoa  Con đường... những tấm lòng  →***Rừng núi quê hương thật tươi đẹp, con người sống có nghĩa, có tình. TN đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.*** |
| **- GV tích hợp giáo dục kĩ năng sống**  H. Vậy cội nguồn sâu sắc của cuộc đời mỗi người là gì? | | *+ HS tự do bộc lộ*  - Cội nguồn sâu sắc của cuộc đời mỗi ngư­ời chính là gia đình, quê hư­ơng, dân tộc. | | | |  |
| H. Em có nxét gì giọng điệu trong khổ thơ trên?  ? Cảm xúc của ng­ười cha khi nói với con?  ? Qua khổ thơ, người cha muốn nói với con điều gì? | | *+ Thảo luận nhóm cặp, trả lời.*  - Giọng điệu tâm tình, trìu mến.  - Yêu quý và tự hào về gia đình, quê hương  >***Người cha muốn con luôn nhớ về cội nguồn, về quê hương mình.*** | | | | ->***Người cha muốn con luôn nhớ về cội nguồn, về quê hương mình.*** |
| *\* GV gọi HS đọc tiếp đoạn 2.*  *\* Nêu yêu cầu:*  H. Trong đoạn 2, tác giả mượn lời người cha nói với con về điều gì?  H. Người đồng mình có cuộc sống như thế nào? Em có nhận xét gì về cuộc sống ấy?  **\* GV:** Trong cuộc sống ấy, người đồng mình có những vẻ đẹp phẩm chất ntn?  H. Hãy tìm những câu thơ ca ngợi đức tính cao đẹp của “người đồng mình”?  H. Em hiểu như thế nào về những câu thơ trên? Qua những câu thơ đó, em thấy họ có những đức tính đáng quý nào?  **\* GV cho HS thảo luận bằng kĩ thuật KTB (5’), gọi đại diện trình bày, nhận xét, GV chốt, ghi bảng.** | | *-1HS đọc, lớp nghe.*  *-HS suy nghĩ, trao đổi, trình bày.*  *-HS khác n/xét, bổ sung.*  **\* Cuộc sống của người đồng mình:**sống trên đá gập ghềnh, sống trong thung nghèo đói, lên thác xuống ghềnh...  ***-> C/sống vất vả, gian nan, khổ cực.***  *+ HS liệt kê chi tiết, HS thảo luận theo nhóm bằng kĩ thuật KTB, đại diện trình bày, nhóm khác n/xét, bổ sung. Nghe GV chốt, quan sát trên máy, ghi vào vở.*  -C/sống tuy vất vả, gian nan và khổ cực nhưng chưa bao giờ chùn bước trước gian nan, thử thách ->***sống mạnh mẽ, khoáng đạt, bền bỉ, gắn bó với quê hương***  - *Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*  ->***Tuy mộc mạc nhưng giàu ý chí niềm tin***. Họ có thể thô sơ da thịt, ăn mặc giản dị.... nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, ý chí, nghị lực.  -*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương/ Còn quê hương thì làm phong tục*.  ***->người dân tự XD quê hương bằng chính sức lực và sự bền bỉ của mình, biết sáng tạo và lưu truyền những phong tục, tập quán tốt đẹp riêng của quê hương.*** | | | | ***b. Những đức tính cao đẹp của người đồng mình và mong ước của cha***  ***\****Những đức tính cao đẹp của người đồng mình  **+ Cuộc sống***:*vất vả, gian nan, khổ cực  **+ Vẻ đẹp:**  *-Người đồng mình thương lắm con ơi ... Xa nuôi chí lớn...*  ->***sống mạnh mẽ, khoáng đạt, bền bỉ, gắn bó với quê hương***  - *Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*  ->***Tuy mộc mạc nhưng giàu ý chí niềm tin***.  -*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương/ Còn quê hương thì làm phong tục*.  ->người dân ***tự XD quê hương bằng chính sức lực và sự bền bỉ của mình, biết sáng tạo và giữ gìn những tập quán tốt đẹp*** |
| H. Vì sao người cha lại nói với con như vậy? Tìm những câu thơ thể hiện mong muốn của người cha với con?  H. Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ, cách diễn đạt mong muốn của người cha với con trong khổ thơ? Từ đó người cha mong muốn và dặn dò con điều gì ? | | *+ HS phát hiện chi tiết, suy nghĩ, trao đổi, trình bày. HS khác n/xét, bổ sung.*  \***Mong muốn của người cha:**  + sống trên đá không chê đá gập ghềnh ... không lo cực nhọc.  +tuy thô sơ da thịt... không bao giờ nhỏ bé được...  *+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét, trả lời cá nhân*  -Từ ngữ giản dị, cách diễn đạt cụ thể, mộc mạc để thể hiện cái trừu tượng.  - Giọng điệu tâm tình, thiết tha, trìu mến  =>***mong con phải biết sống có tình nghĩa thuỷ chung với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, nghị lực của mình, biết tự hào và sống xứng đáng với quê hương, tự tin và vững bước trên đường đời.*** | | | | \*Mong muốn của người cha:  + sống trên đá không chê đá gập ghềnh ... không lo cực nhọc.  + tuy thô sơ da thịt... không bao giờ nhỏ bé được...  =>***mong con phải biết sống có tình nghĩa thuỷ chung với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, nghị lực của mình, biết tự hào và sống xứng đáng với quê hương, tự tin và vững bước trên đường đời.*** |
| H. Bài thơ đã thể hiện t/cảm người cha đối với con ntn? Theo em, điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con là gì? | | *+ Tự do trình bày suy nghĩ.*  - T/cảm của người cha: yêu thương, trìu mến, tin tưởng, khích lệ con.  - Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con là lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, truyền thống tốt đẹp của quê hương và niềm tự tin khi bước vào đời. | | | |  |
| **\*GV tích hợp kĩ năng sống:**  H. Bài thơ gợi cho em những tình cảm gì? Em rút ra bài học gì qua lời người cha nói với con trong bài thơ?  *\* GV liên hệ tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước.* | | *+ HS tự do nêu cảm nhận của cá nhân.*  -Tình cảm gia đình ấm cúng, tình cảm quê hương sâu đậm; gắn bó tình cảm quê hương và tình đoàn kết dân tộc, ý chí vươn lên trong cuộc sống.  - Gợi nhắc t/cảm gắn bó với quê hương và ý chí vươn lên trong c/sống. | | | |  |
| **III. Hư­ớng dẫn hs đánh giá, khái quát văn bản**  H. Khái quát lại giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của bài thơ?  *- Gv chốt lại kiến thức, cho HS làm BTTN củng cố kiến thức.*  ***Câu 1***. Bài thơ “Nói với con” được làm theo thể thơ nào?  A. Năm chữ  B. Tám chữ  C.Lục bát  **D.** Tự do  ***Câu 2***. Bài thơ “Nói với con” có giọng điệu như thế nào?  A.Sôi nổi, mạnh mẽ **B**. Tâm tình, tha thiết  C.Ca ngợi, hùng hồn D. Trầm tĩnh, răn dạy  ***Câu 3***.Qua bài thơ, nhà thơ muốn gửi gắm điều gì?  A. Tình yêu quê hương sâu nặng.  B. Triết lí về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người  C. Niềm tự hào về sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của quê hương.  **D.** Cả ba ý trên  *- Gọi hs đọc ghi nhớ* | | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Hs đánh giá, khái quát văn bản**  *- Khái quát lại giá trị nội dung nghệ thuật, ý nghĩa của bài*  *- Hs lắng nghe gv chốt*  *- Trả lời miệng câu hỏi trắc nghiệm.*  *- Hs đọc ghi nhớ, ghi kiến thức vào vở.* | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Ghi nhớ**(SGK)   1. **Nội dung:**   - Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người (con được lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.)  - Những đức tính cao đẹp mang tính chất truyền thống của “người đồng mình” với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy của người cha.  **2. Nghệ thuật.**  - Giọng điệu tâm tình, trìu mến.  - H/ả thơ cụ thể mà vẫn có tính khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ  - Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên, hợp lý.  - Giọng điệu thiết tha trìu mến. Các lời gọi mang ngữ điệu cảm thán, dặn dò.  **3. Ý nghĩa :**  - bài thơ thể hiện tình yêu thương thắm thiết của cha mẹ dành cho con cái, tình yêu thương, niềm tự hào về quê hương đất nước.  \* Ghi nhớ/SGK | | | |

**HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP

+ *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

+ *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **IV. H­ướng dẫn hs luyện tập**  *- Gv đ­ưa bài tập 1, 2 lên bảng phụ*  *- Gọi hs đọc yêu cầu*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét bổ sung, sửa chữa* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Hs luyện tập**  *- Gv quan sát bảng phụ*  *- Hs đọc yêu cầu*  *- Hs làm ra vở bài tập*  *- Đại diện hs trình bày*  *- Hs khác nhận xét, sửa chữa*  *- Hs lắng nghe gv nhận xét*  *- Chữa vào vở bài tập của mình* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**  **1.Bài 1. Trắc nghiệm.**  **2. Bài 2**: Đặt mình là nhân vật ng­ười con trong bài thơ viết một bài văn ngắn nói về cảm xúc của mình khi nghe lời ng­ười cha nói |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em cần làm gì để xây dựng quê hương em? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc tư liệu về tác giả | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước 4. *Giao bài, h­ướng dẫn học bài và làm bài về nhà: (1 phút)***

**a. Học bài** :- Học thuộc bài thơ, bài giảng và phần ghi nhớ

- Làm hoàn thiện bài tập 2

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn “ Nghĩa tường minh và hàm ý”

Yêu cầu:

Trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

Phiếu bài tập, bảng phụ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 26**

**Tiết 125**

**NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu thế nào là nghĩa t­ường minh và hàm ý

- Xác định đư­ợc nghĩa tư­ờng minh và hàm ý ở trong câu

**2. Kỹ năng** :

- Biết sử dụng hàm ý trong giao tiếp hàng ngày

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen hàm ý trong giao tiếp hàng ngày

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm nghĩa tư­ờng minh và hàm ý

- Tác dụng sử dụng hàm ý trong giao tiếp hằng ngày

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết đư­ợc nghĩa tư­ờng minh và hàm ý ở trong câu

- Giải đoán đư­ợc hàm ý trong văn cảnh cụ thể

- Sử dung hàm ý sao cho phù hợp với tinh huống giao tiếp

3. **Thái độ:** lịch sự và tế nhị trong khi tham gia giao tiếp

**4. Kiến thức tích hợp**

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**: Bảng phụ, phiếu học tập

**2. Trò**: Soạn bài theo h­ướng dẫn của GV ( Soạn vào vở bài tập)

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­ước 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ*: (3-5')**

*- Mục tiêu:* : KT sự chuẩn bị của HS ở nhà

*- Phư­ơng án*: Kiểm tra đầu giờ, hình thức GV trực tiếp kiểm tra vở soạn

- Kiểm tra bài cũ kết hợp trong bài giảng: phần luyện tập bài 5

H. Hãy cho biết trong trường hợp sau, câu trả lời vi phạm PC hội thoại nào? Người nghe có hiểu được câu trả lời này không? Hiểu như thế nào?

*- Mai cậu về quê với tớ đi!*

*- Tớ còn bận việc nhà.* (Vi phạm PC quan hệ: nói không đúng đề tài giao tiếp)

***\* B­ước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV nêu yêu cầu  ? Trong giao tiếp có khi nào em gặp tình huống vi phạm phương châm hội thoại nhưng những người giao tiếp với nhau vẫn hiểu được?  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS quan sát, nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 123 . **Nghĩa tường minh và hàm ý** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. H­ướng dẫn học sinh phân biệt nghĩa t­ường minh và hàm ý.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I.HS phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý.** | | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I/ Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý:** |
| *\* GV treo bảng phụ. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:*  H. Nội dung thông báo (nghĩa sự việc) trong câu văn "*Trời ơi, chỉ còn có 5 phút"* và câu *“Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!”* là gì?  H. Căn cứ vào đâu mà em hiểu được ý nghĩa của từng câu đó. | *-HS q/ sát, 1HS đọc.*  *-HS suy nghĩ, trao đổi, trình bày.*  a.*''Trời ơi, chỉ còn có 5 phút’.*  ->Thời gian chỉ còn 5'. chỉ còn có 5 phút nữa là chia tay, thời gian còn lại rất ít  b*-Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này*!  ->Nhắc nhở cô gái về việc quên chiếc khăn.  - Căn cứ vào từ ngữ :  + Chỉ còn 5 phút  + Cô còn quên chiếc mùi soa đây này.  =>ý nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. (***Nghĩa tường minh)*** | | | ***1. Ví dụ.***  a.*''Trời ơi, chỉ còn có 5 phút’.*  ->Thời gian chỉ còn 5' ->thời gian còn lại rất ít  b*-Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này*!  ->Nhắc nhở cô gái về việc quên chiếc khăn.  - Căn cứ vào từ ngữ :  + Chỉ còn 5 phút  + Cô còn quên chiếc mùi soa đây này.  =>ý nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. (***Nghĩa tường minh)*** |
| **\* GV:** *Tất cả những nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu như trên là nghĩa tường minh.*  H. Vậy em hiểu thế nào là nghĩa tường minh. | *+ Khái quát trả lời cá nhân*  =>Nghĩa tường minh : là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. | | | **Nghĩa tường minh** : là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. |
| H. Theo em câu (a) có đơn thuần chỉ là lời thông báo về thời gian không?  H. Qua câu văn,em hiểu anh thanh niên muốn nói điều gì?  H. Điều anh TN muốn nói có được diễn đạt trực tiếp bằng những từ ngữ trong câu không? Dựa vào đâu em biết được điều đó?  H. Vì sao anh không nói thẳng điều đó ra với người hoạ sĩ và cô gái ?  H. Câu văn: “Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!”có hàm ý gì không? | ***+*** *Suy nghĩ, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  ***-*** *''Trời ơi, chỉ còn có 5 phút’.*  - Điều anh TN muốn nói: Tiếc quá, thời gian còn lại ít quá*.* (tiếc vì sắp phải chia tay).  ->không được diễn đạt trực tiếp bằng những từ ngữ trong câu  *+Trả lời cá nhân*  -Dựa vào từ ngữ “*Trời ơi*”- Từ ngữ cảm thán bộc lộ thái độ tiếc nuối của anh TN.  *+Suy nghĩ, trả lời.*  -Anh không nói thẳng vì ngại ngùng, vì muốn che giấu tình cảm của mình .  -> Muốn hiểu được ý đó là nhờ vào văn cảnh và nhờ vào sự suy ra từ những từ ngữ trong câu: ***trời ơi, chỉ còn.* ⇒ Câu mang nghĩa Hàm ý**  *+Trả lời cá nhân*  *-Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này* ***->*** Câu nói này không chứa ẩn ý gì, nghĩa được hiểu trực tiếp, hiển hiện trên bề mặt từ ngữ. | | | ***-*** *''Trời ơi, chỉ còn có 5 phút’.*  Ẩn ý: Tiếc quá, không còn thời gian để trò chuyện tâm tình. Thế là tôi lại thui thủi một mình (Nghĩa không được hiểu một cách trực tiếp)=> Anh không nói thẳng điều đó vì ngượng ngùng và muốn che dấu tình cảm  **⇒ Câu mang nghĩa Hàm ý** |
| \* GV: Trong trường hợp một HS đi học muộn, xin vào lớp, cô giáo hỏi: *Em có biết bây giờ là mấy giờ rồi không ?*  *H.* Theo em, hàm ý trong câu hỏi của cô giáo là gì? | *-HS suy nghĩ, trao đổi, trình bày.*  - Hàm ý: Phê bình học sinh đó đi học muộn | | |  |
| H. Câu nói của anh TN và câu hỏi của cô gái có chứa hàm ý. Vậy em hiểu hàm ý là gì? | *+ Khái quát, trình bày.*  =>Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. | | |  |
| **\* Gv**: *Trong khi nói, viết có những nghĩa được thể hiện ngay trên bề mặt câu chữ, cũng có những ý nghĩa ẩn đằng sau những từ ngữ đó. - Vậy câu 1 là câu có chứa hàm ý, câu 2 mang ý nghĩa tường minh.*  **H.V**ậy em hiểu thế nào là nghĩa tường minh và nghĩa hàm ý ở trong câu?  *\* GV chốt, rút ghi nhớ, gọi đọc?* | *+ HS khái quát, trả lời, nghe GV chốt, ghi vở.*  *- Nghĩa tường minh là thành phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.*  *- Hàm ý là phần thông báo tuy không diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.* | | | **2/ Ghi nhớ/75**  *- Nghĩa tường minh là thành phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.*  *- Hàm ý là phần thông báo tuy không diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.* |
| **H.** So sánh sự giống nhau, và khác nhau của nghĩa tường minh và hàm ý? | *+ HS so sánh, nhận xét, trình bày* | | | ***\*Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý*** |
| \*GV: Vì hàm ý là phần thông báo không được nói ra bằng từ ngữ trong câu nên đôi khi người nghe không hiểu được hàm ý trong lời người nói. Để sử dụng được hàm ý thì cả người nói và người nghe phải có những điều kiện nhất định. Điều kiện đó chúng ta sẽ tìm hiểu ở tiết sau.  **\* GV cho HS làm BTTN củng cố kiến thức.**  **H1. Nghĩa tường minh là g**ì?  A. Là nghĩa được nhận ra bằng cách suy đoán.  **B. Là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu**.  C. Là nghĩa được tạo nên bằng cách nói ấn dụ.  D. Là nghĩa được tạo thành bằng cách nói so sánh. | ***- Giống*** : Đều là phần thông báo nghĩa trong câu.  ***- Khác*** :  **+Nghĩa tường minh** là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng câu và từ ngữ trong lời nói. Nghĩa tường minh không cần giải đoán, người nói không thể chối bỏ được.  **+Hàm ý** là phần thông báo không được nói ra bằng từ ngữ trong lời nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. Người nghe có khả năng giải đoán hàm ý. Nhưng người nói có thể chối bỏ không nhận hàm ý.  *+ HS làm BT TN củng cố*  **H2.Điền từ thích hợp vào dấu ba chấm trong câu:** "... ***là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể được suy ra từ những từ ngữ ấy.***"  A. Nghĩa tường minh  **B. Hàm ý**  C. Nghĩa cụ thể  D. Nghĩa khái quát | | | ***- Giống*** :  ***-Khác*** : |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 25p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | |
| **II. HD HS luyện tập** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS LUYỆN TẬP.** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** | |
| *\* Gọi hs đọc yêu cầu bài tập 1.- Yêu cầu hs thảo luận theo kĩ thuật KTB*  H. Câu nào cho thấy hoạ sỹ ch­­ưa muốn chia tay với anh thanh niên?  H. Tìm những từ ngữ miêu tả thái độ của cô gái trong câu cuối đoạn văn?  *\* Gv nhận xét, chốt.*  \* *Yêu cầu hs thực hiện* **kĩ thuật trình bày một phút đối với 3 bài tập 2,3,4.** *GV chia 3 nhóm mỗi nhóm một bài, gọi trình bày, nhận xét.*  H. Xác định câu có chứa hàm ý? Nội dung của hàm ý đó?  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  *\* Gọi hs đọc yêu cầu bài tập. Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét, sửa chữa và cho điểm học sinh*  H. Hãy tìm một số VD có chứa hàm ý tường gặp trong cuộc sống.  *- Gv nêu yêu cầu bài tập 6*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét, sửa chữa* | | *- Phân công trong nhóm để tiếp cận cách làm việc trong nhóm theo* ***KT- Khăn trải bàn:***  *+ Làm việc độc lập*  *+ Thống nhất trong nhóm*  *+ Thống nhất cả lớp*  *- 2 HS phát biểu, nhiều HS nhận xét*  *- Hs đọc yêu cầu bài tập*  *- Hs làm bài cá nhân*  *- Hs trình bày một phút*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  *- Hs đọc yêu cầu bài tập*  *- Hs làm bài cá nhân*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  *- Hs lắng nghe yêu cầu*  *- Hs làm ra vở bài tập*  *- Hs lắng nghe sửa chữa* | **II. Luyện tập**  **1.Bài 1: *Xác định các hàm ý***  ***a***.Câu *''nhà hoạ sĩ tặc l­ưỡi đứng dậy'',* đặc biệt là cụm từ “*tặc lưỡi*” cho thấy hoạ sĩ ch­ưa muốn chia tay với anh TN.  (Dùng h/ả để diễn đạt ý của ngôn ngữ nghệ thuật)  ***b.***Thái độ của cô gái:  - *''mặt đỏ ửng''*: ngượng  -*''nhận lại chiếc khăn''*: không tránh được  -*''quay vội đi''*: Quá ngượng, xấu hổ  ->Cô bối rối đến vụng về vì ngượng. Cô ngượng vì định kín đáo để lại chiếc khăn làm kỉ niệm cho người TN thế mà anh lại quá thật thà, tưởng cô bỏ quên nên gọi cô để trả lại  **2. Bài 2: *Xác định hàm ý:***  -Tuổi già cần... sớm quá.  ->Ông hoạ sĩ già chư­a kịp uống nước chè đấy.  **3. Bài 3:**  - Câu “ Cơm chín rồi” là câu có chứa hàm ý  Hàm ý đó là: mời ông Sáu vô ăn cơm đi.  **4**.**Bài 4:**  - Những câu in đậm trong đoạn trích có chứa hàm ý:  + “ Hà , nắng gớm, về nào” là câu nói lảng  + Câu “ Tôi thấy ngư­ời ta đồn..” là câu nói dở dang , ch­a hết ý  **5. Bài 5.*Tìm một số VD có chứa hàm ý thường gặp trong cuộc sống.***  **6. Bài 6:** Viết một đoạn đối thoại ngắn trong đó có sử dụng câu chứa hàm ý | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Khi gặp một hàm ý trong cuộc sống em phải làm gì ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Sưu tầm các đoạn các đoạn đối thoại có tường minh và hàm ý | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... | ….. |

***\* Bước 4. Giao bài, hư­ớng dẫn học bài và làm bài về nhà****: 2 phút*

**a. Học bài** : Học thuộc bài giảng và phần ghi nhớ

- Làm hoàn thiện bài tập 5,6

**b. Chuẩn bị bài mới**

Soạn “ Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ”

Yêu cầu:

Trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

Phiếu bài tập, bảng phụ

Tìm hiểu một số văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 27**

**Tiết 126**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Nhận diện được bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Hiểu cách làm một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Nhận diện được bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Khái niệm , yêu cầu về nội dung , hình thức của bài nghị luận ….

**2. Kỹ năng** :

- Biết cách làm một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**3. Thái độ:**

- Trân trọng những tác phẩm thơ ca trong văn học

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**2. Kĩ năng**

- Nhận diện đư­ợc bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

- Tạo lập văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**3. Thái độ**: nghiờm tỳc, cẩn thận khi viết bài

**4. Kiến thức tích hợp**

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

## *III. CHUẨN BỊ*

**1. Thầy** : Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng, bảng phụ, phiếu học tập

**2. Trò**: Soạn bài theo hư­ớng dẫn của GV ( Soạn vào vở bài tập), sưu tầm đoạn văn

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­ước 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ*: (2')**

- Mục tiêu: : KT sự chuẩn bị của HS ở nhà

- Phư­ơng án: Kiểm tra đầu giờ, hình thức GV trực tiếp kiểm tra vở soạn.

H/ Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện? Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện?

***\* B­ước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV hỏi: Để làm một bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ em cần làm gì?  *Từ câu trả lời của hs gv dẫn vào bài mới*  Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết124 . NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 20-22p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. HD HS tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.** |
| *\* Gọi HS đọc VB. Nêu yêu cầu.*  H. Vấn đề nghị luận trong văn bản này là gì?  H. Để triển khai vấn đề nghị luận trên, văn bản đã nêu những luận điểm nào về hình ảnh mùa xuân trong bài thơ ? Người viết đã sử dụng những luận cứ nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó?  *\*GV tổ chức hs thảo luận nhóm bàn ( 4 phút )*  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  *- Gv chốt* | *- Học sinh đọc văn bản, quan sát. Học sinh trả lời cá nhân*  *- Học sinh thảo luận nhóm bàn( 4 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Nghe gv nhận xét, chốt*  **\* Những luận điểm về hình ảnh mùa xuân trong bài thơ đư­ợc nêu trong bài viết:**  1/ Hình ảnh mùa xuân trong bài thơ mang nhiều tầng ý nghĩa. Trong đó h/ả nào cũng thật gợi cảm, thật đáng yêu  2/ Hình ảnh mùa xuân rạo rực của thiên nhiên, đất trời trong cảm xúc thiết tha, trìu mến của nhà thơ.  3/ Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ thể hiện khát vọng hoà nhập, dâng hiến đ­ược nối kết tự nhiên với hình ảnh mùa xuân thiên nhiên, đất nư­ớc.  **\* Để chứng minh cho các LĐ, người viết đã chọn giảng và bình các câu thơ , hình ảnh đặc sắc, phân tích giọng điệu trữ tình và kết cấu của bài thơ.**  + MX của thiên nhiên, đất nước trong lao động và cuộc đời nhà thơ đi đến nguyện ước .... CM.  +Cảm xúc trìu mến trong lời kêu, giọng, hỏi : ơi .... hót chi mà ... Đặc biệt tình cảm nâng niu vẻ đẹp của MX "tôi .... tôi". Làm con chim hót ... nốt trầm ......... | **1, Văn bản.**  Khát vọng hòa nhập, dâng hiến cho đời  **\* Vấn đề nghị luận**: Hình ảnh mùa xuân và tình cảm thiết tha của nhà thơ Thanh Hải trong bài thơ: “ Mùa xuân nho nhỏ”.  \* Những luận điểm về hình ảnh mùa xuân trong bài thơ đư­ợc nêu trong bài viết:  \* Để chứng minh cho các LĐ, người viết đã chọn giảng và bình các câu thơ , hình ảnh đặc sắc, phân tích giọng điệu trữ tình và kết cấu của bài thơ. |
| H. Hãy chỉ ra các phần mở bài, thân bài, kết bài? Em có nhận xét gì về bố cục, cách diễn đạt trong từng đoạn của VB?(Có làm nổi bật được LĐ không?)  **\*GV bổ sung:** Ngoài các luận điểm về hình ảnh mùa xuân, có thể nêu một số luận điểm sau:  - Ước mong hoà nhập, cống hiến cuả nhà thơ  - Kết cấu, giọng điệu trữ tình | *- Hs chỉ ra các phần mở bài, thân bài, kết bài, trả lời cá nhân*  *- Học sinh nhận xét về bố cục của văn bản và cách diễn đạt*  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung*  **\* Bố cục:**  **I. MB**: “ Mùa xuân...đáng trân trọng: Giới thiệu bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải  **II. TB**: “ Hình ảnh mùa xuân.......chính là sự láy lại các hình ảnh ấy của mùa xuân: Sự cảm nhận đánh giá về nội dung, nghệ thuật của bài  **III. KB**:Tổng kết , khái quát về giá trị tư tưởng của bài.  -> VB tuy ngắn gọn nh­ưng bố cục chặt chẽ, đầy đủ các phần. Giữa các phần có sự liên kết tự nhiên về các ý và về diễn đạt.  -> Cách phân tích hợp lí, cách tổng kết khái quát hoá có sức thuyết phục.  - Ngư­ời viết đã trình bày những cảm nghĩ, đánh giá của mình bằng thái độ tin yêu, bằng tình cảm thiết tha, trìu mến. Lời văn toát lên những rung động tr­ước sự đặc sắc của hình ảnh ,giọng điệu thơ, sự đồng cảm của nhà thơ Thanh Hải. | **\* Bố cục:**  **I. MB**: “ Mùa xuân...đáng trân trọng: Giới thiệu bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải  **II. TB**: “ Hình ảnh mùa xuân.......chính là sự láy lại các hình ảnh ấy của mùa xuân: Sự cảm nhận đánh giá về nội dung, nghệ thuật của bài  **III. KB**:Tổng kết , khái quát về giá trị tư tưởng của bài  ⇒Bố cục chặt chẽ, đầy đủ các phần. Giữa các phần có sự liên kết tự nhiên về các ý và về diễn đạt    ***\* Cách diễn đạt:***  Ngư­ời viết đã trình bày nhưng cảm nghĩ, đánh giá của mình bằng thái độ tin yêu, bằng tình cảm thiết tha, trìu mến. Lời văn toát lên những rung động trước những đặc sắc của hình ảnh, giọng điệu thơ, sự đồng cảm với nhà thơ Thanh Hải |
| H. Qua việc tìm hiểu văn bản em hãy cho biết thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ? Những yêu cầu về nội dung và hình thức?  *- Gọi hs trả lời*  *- Gv nhận xét, chốt, rút ghi nhớ, gọi đọc?* | *+ Học sinh trả lời theo nội dung bài.*  *- 1 HS đọc ghi nhớ, cả lớp nghe.*  - Nghị luận về bài thơ, đoạn thơ là trình bày nhận xét, đáng giá của mình về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ ấy  - Yêu cầu: Nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ được thể hiện qua ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu... Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét, đánh giá cụ thể xác đáng | - Nghị luận về bài thơ, đoạn thơ là trình bày nhận xét, đáng giá của mình về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ ấy  - Yêu cầu: Nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ được thể hiện qua ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu... Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét, đánh giá cụ thể xác đáng  **\* Ghi nhớ: sgk** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .

+ *Thời gian*: Dự kiến 8 -12p

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. H­ướng dẫn hs luyện tập**  *- Gọi học sinh đọc bài tập 1*  *- Gv tổ chức học sinh họat động nhóm*  *( 4 phút )*  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  *- Gv chốt*  *- Yêu cầu hs triển khai 2 luận điểm trên thành đoạn văn*  *- Yêu cầu hs làm việc cá nhân*  *- Yêu cầu trình bày*  *- Gv nhận xét, chốt* | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Hs luyện tập**  *- Học sinh đọc bài tập 1*  *- Học sinh thảo luận nhóm*  *( 4 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  *- Lắng nghe gv nhận xét, chốt*  *- Hs triển khai luận điểm thành đoạn văn*  *- Hs đọc đoạn văn*  *- Hs nhận xét, bố sung*  *- Hs lắng nghe gv rút kinh nghiệm, chốt* | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1:**  - Luận điểm về nhạc điệu về bài thơ: Bất kì một bài thơ hay nào cũng có nhạc hàm chứa trong nó. Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ cũng vậy. Tính nhạc thể hiện ở nhịp điệu, tiết tấu của bài thơ ngân vang mãi trong lòng ng­ời đọc  - Bài thơ đã đư­ợc nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc càng chắp cánh cho bài thơ bay cao , bay xa, càng cho thấy tính nhạc đậm nét của bài  - Luận điểm về giá trị gợi hình tư­ợng của bài thơ. Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải là bài thơ tiêu biểu cho nghệ thuật “ thi trung hữ­ hoạ”. Tính hoạ thể hiện ở hình ảnh, màu sắc,  đư­ờng nét, không gian  đư­ợc miêu tả trong bài thơ  **2. Bài tập 2:****Triển khai 2 luận điểm trên thành đoạn văn** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Em cần làm gì để làm tôt bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Viết thành các đoạn văn hoàn chỉnh | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

***B­ước 4. Giao bài, h­ướng dẫn học bài và làm bài.(*** *2 phút)*

**a. Học bài:** Học thuộc phần ghi nhớ

Làm hoàn thiện bài tập 2

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn “ Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ”

Yêu cầu: Đọc và trả lời các câu hỏi trong sgk

Nghiên cứu phần tìm hiểu đề , tìm ý, lập dàn ý, đọc bài văn tham khảo

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 25**

**Tiết 121**

**CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**I MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

+Nắm vững hơn cách viết bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện kĩ năng cách viết bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**3. Thái độ:**

- Có ý thức viết bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**II TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:**

+ Đặc điểm , yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

+ Biết cách viết bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cho đúng với các yêu cầu đã học ở tiết trước.

+ Các bước khi làm một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**2. Kĩ năng:**

**+**Tiến hànhcác bước khi làm một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**+**Tổ chức , triển khai các luận điểm

**3. Thái độ: nghiêm túc trong làm bài**

**4. Kiến thức tích hợp**

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III CHUẨN BỊ**

**1.Thầy**: Đọc kĩ SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.

**2. Trò:**

- Đọc kĩ văn bản trong SGK và trả lời câu hỏi.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1.Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số

**\* Bước 2. Kiểm tra bài cũ: ( 4 phút)**

- Em hiểu thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ?

- Yêu cầu về nội dung của bài nghị luận này là gì?

- Bài nghị luận có hình thức như thế nào?

*+Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.*

**\* Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - Chuyển từ kiểm tra bài cũ gv yêu cầu hã nhận xét để làm tốt bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ, em cần làm gì?  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS quan sát, nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 125 . CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN  VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 20-22p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I . HD HS tìm hiểu đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I .Đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.** |
| *\* 2 HS đọc các đề bài trong SGK/ 79.*  **\*GVcho HS thảo luận nhóm bàn sử dụng kĩ thuật động não(**5’)  1. Các đề bài trên được cấu tạo như thế nào?  2. So sánh sự giống và khác nhau giữa các đề?  3. Các từ: “phân tích, cảm nhận, suy nghĩ” có ý nghĩa cụ thể như­ thế nào?  **+Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GV chuẩn kiến thức** | *+ 2 HS đọc các đề bài trong SGK/ 79.*  *- HSthảo luận nhóm bàn (5’) thực hiện kĩ thuật động não*  *- HS nghe và thực hiện yêu cầu*  *Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét*  *- HS lắng nghe , ghi vở*  **\* Nhận xét**  1. Có hai cách cấu tạo đề:  + Cách cấu tạo đề không kèm theo những chỉ định (lệnh) cụ thể.  - VD: đề 4, đề 7 => Về thực chất, hai đề trên có những chỉ định ngầm là yêu cầu nghị luận về "hình tượng người chiến sĩ lái xe" và "những đặc sắc trong bài thơ Viếng lăng Bác".  +Cách cấu tạo đề có kèm theo những chỉ định cụ thể: đề 1, 2, 3, 5, 6, 8.  **2. So sánh:**  a**. Giống nhau:**  +đều yêu cầu phải nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  **b. Khác nhau**  - Từ "phân tích": yêu cầu nghiêng về phương pháp nghị luận.  - Từ "cảm nhận": yêu cầu nghị luận trên cơ sở cảm thụ của người viết.  - Từ "suy nghĩ": yêu cầu nghị luận nhấn mạnh tới nhận định, đánh giá của người viết. | | ***1.Đề bài***  ***a. Cấu tạo đề.***  Có 2 cách:  -Đề không kèm theo những chỉ định cụ thể: Đề 4, 7.  -Đề có kèm theo những chỉ định cụ thể: Các đề còn lại.  ***b.So sánh:***  ***-Giống***: Đều y/cầu NL về một đoạn thơ, bài thơ.  ***-Khác:***  +Từ “phân tích”: Yêu cầu nghiêng về phương pháp nghị luận.(Từ câu chữ, hình ảnh, nhịp điệu , cách sử dụng các BPNT... để rút ra nội dung)  +Từ “cảm nhận”: Yêu cầu NL trên cơ sở cảm thụ của người viết (ấn tượng, cảm nhận của người viết về cái hay, cái đẹp của đoạn thơ, bài thơ.  +Từ “suy nghĩ”: Yêu cầu nghị luận nhấn mạnh tới nhận định, đánh giá của người viết. |
| **2.**Qua tìm hiểu các đề bài trên, em rút ra n/xét gì về đề bài NL về 1 đoạn(bài) thơ?  \*GV lưu ý HS: Trường hợp đề không có mệnh lệnh, người viết phải bày tỏ ý kiến của mình về v/đề nêu trong đề bài. Sự khác biệt chỉ là sắc thái, không phải là các kiểu bài. | *+ Suy nghĩ, rút nhận xét.*  - Đề bài NL về 1 đoạn (bài) thơ rất đa dạng và phong phú: có những đề đã định hướng tương đối rõ, có những đề đòi hỏi người làm bài biết tự khuôn hẹp, tự xác định để tập trung vào hướng nào vào phương diện nào đáng chú ý của bài | |  |
| **II. GV HD HS cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ** | **II. HS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ** | | **II.Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ** |
| ***Bước 1. HD HS tìm hiểu các bước làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.***  *\* Gọi HS đọc**đề bài.*  H. Nêu các bước làm bài nghị luận với đề trên? | *-1HS đọc, lớp nghe. 1HS nêu các bước làm bài.* | | **1/ Các bước làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ**  **Đề văn**: Phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ ***“ Quê hương”*** của Tế Hanh |
| **H.**Đọc phần tìm hiểu đề và cho biết tìm hiểu đề cho kiểu bài trên là làm những gì? | *-1HS đọc, lớp nghe, suy nghĩ, xác định, trả lời*  ***a.Tìm hiểu đề, tìm ý.***  ***-Tìm hiểu đề:*** Xác định nội dung yêu cầu của đề:  +Kiểu bài.  +Vấn đề nghị luận.  +Phạm vi nghị luận. | | ***a.Tìm hiểu đề, tìm ý.***  ***-Tìm hiểu đề:*** Xác định nội dung yêu cầu của đề:  +Kiểu bài.  +Vấn đề nghị luận.  +Phạm vi nghị luận. |
| H. Quan sát các câu hỏi tìm ý cho đề bài trong sgk, em thấy để tìm ý cho bài văn NL về một đoạn thơ, bài thơ ta cần làm gì?  **H.**Dựa vào các câu hỏi tìm ý trong sgk, em hãy tìm ý cho đề bài trên?  *\* GV hướng dẫn HS trả lời một số câu hỏi tìm ý:*  ? Bài thơ đư­ợc sáng tác vào thời gian nào? Tâm trạng của tg?  ? Bài thơ đã diễn tả nội dung gì?  ? Nghệ thuật của bài thơ có góp phần thể hiện tình yêu quê hương không?  ? Từ việc tìm hiểu trên, theo em ta có thể hình thành mấy luận điểm ? Sắp xếp các LĐ ntn? | *-HS quan sát, suy nghĩ, trả lời.*  - Sáng tác tr­ước CM T8, khi tác giả học xa nhà tại Huế và nhớ quê.  - Tình yêu quê hư­ơng của tác giả được thể hiện trong những hồi ức về quê hương và trong nỗi nhớ quê hư­ơng.  LĐ1: TY quê h­ương của tác giả thể hiện trong những hồi ức về quê hương.  LĐ2:TY quê hương của tác giả đư­ợc thể hiện trong nỗi nhớ trực tiếp  *- Suy nghĩ, trao đổi trình bày. HS khác n/xét, bổ sung* | | ***-Tìm ý:*** Tìm hiểu  +Vị trí của đoạn thơ? Hoàn cảnh sáng tác bài thơ? Nội dung chính cần NL?  +Vấn đề được NL biểu hiện ở những từ ngữ, chi tiết, h/ảnh, BPNT nào?  +Từ việc tìm hiểu có thể khái quát ntn về v/đề NL? |
| *\* Nêu yêu cầu*: Dựa vào các ý đã tìm được và dàn bài trong sgk, em hãy lập dàn bài cho đề văn trên?  H. Qua dàn bài đã lập, em hãy rút ra dàn bài chung cho kiểu bài NL về một đoạn thơ, bài thơ?  *- Gv gọi hs đọc dàn bài trong sgk ?*  - Đưa VB lên máy... hướng dẫn HS thảo luận lập dàn ý chi tiết cho bài văn. Chia nhóm để thực hiện. Một nhóm làm MB, KB, 1 nhóm làm LĐ1, một nhóm làm LĐ2.-> Dàn ý chung. | *-1Học sinh đọc dàn bài trong sgk-Thực hiện theo nhóm bàn và trình bày. Nhóm khác n/xét, bổ sung.*  *-Khái quát, trình bày.* | | **b/ Lập dàn ý:**  **I. MB:** Giới thiệu bài thơ Quê hương  - Nêu cảm nhận khái quát về tình yêu quê hương của Tế Hanh được thể hiện trong bài thơ.  **II.TB**:Ty quê h­ương thể hiện trong hồi ức về quê hương  B1/ Hồi ức về cảnh dân làng ra khơi đánh cá |
| + Thiên nhiên đẹp như mộng.  + Con người lao động cường tráng mạnh mẽ.  + Con thuyền và cánh buồm mang vẻ đẹp hùng tráng.  B2/ Hồi ức về cảnh làng chài đón đoàn thuyền đánh cá trở về  + Cảnh ồn ào, tấp nập  + Con người và con thuyền rất đẹp (phân tích biện pháp so sánh, nhân hoá, ẩn dụ)  2. T/y quê hương của tác giả thể hiện trong nỗi nhớ được bộc bạch trực tiếp.  - Nỗi nhớ thường trực da diết.  - Nỗi nhớ thật cụ thể (màu sắc, hình ảnh, mùi vị)  - Giọng điệu trữ tình của bài thơ toát lên tấm lòng chân thành.  **C. KB:** Tình cảm với quê h­ương  - Tình cảm yêu quê hương của tác giả  - Cái hay, cái đẹp  - Giá trị của tình yêu quê hư­ơng. | | | |
| H. Xác định y/c khi viết bài. Cần chú ý định hướng về:  + Nội dung  + Hình thức:  • Liên kết các phần  • Liên kết đoạn  • Cách dẫn dắt, chuyển tiếp giữa các luận điểm, luận cứ.  H. Nêu vị trí và tác dụng của việc đọc lại bài viết | | *- Khái quát, trình bày.HS khác n/xét, bổ sung.*  c**) Viết bài:**  + Định hướng.  - Nội dung.  - Hình thức  + Liên kết giữa 3p  + Liên kết đoạn  + Cách dẫn dắt, chuyển tiếp giữa các luận điểm, luận cứ.  **d) Kiểm tra và sửa chữa** | **c) Viết bài:**  + Định hướng.  - Nội dung.  - Hình thức  **d) Kiểm tra và sửa chữa** |
| ***Bước 2. HD HS tìm hiểu cách tổ chức, triển khai luận điểm*** | | ***2. HS tìm hiểu cách tổ chức, triển khai luận điểm*** | ***2.Cách tổ chức, triển khai luận điểm*** |
| *\* Gọi HS đọc văn bản. Cho HS thảo luận theo các yêu cầu:* | | *- Hs thảo luận nhóm (3 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung* | ***\* Văn bản:***  *Quê hương trong tình thương, nỗi nhớ*  ***- Bố cục:*** |
| H. Chỉ ra bố cục của bài văn trên?  ? Trong phần thân bài, người viết đã trình bày những nhận xét gì về tình yêu quê hương?  ? Những suy nghĩ, ý kiến ấy được khẳng định, dẫn dắt bằng cách nào?  ? Phần thân bài được liên kết với phần mở bài, kết bài ra sao?  ? Văn bản có tính thuyết phục, hấp dẫn không? Vì sao? Từ đó em rút ra bài học gì qua cách làm bài nghị luận văn học này? | | +MB: Quê hương.... là thành công khởi đầu rực rỡ.  +TB: Nhà thơ.... thiết tha, thành thực của Tế Hanh  +Kết bài : còn lại  ***- Nhận xét của người viết:***  + Nhà thơ đã viết về quê hương bằng tất cả t/yêu trong sáng, thơ mộng:  +Nổi bật là những h/ảnh đẹp như mơ, đầy sức mạnh khi ra khơi  +Cảnh trở về tấp nập, no đủ  +Hình ảnh người dân chài giữa đất trời lộng gió.  +Hình ảnh, ngôn từ của bài thơ giàu sức gợi cảm.  *->Những suy nghĩ, ý kiến của ng­ười viết luôn được gắn cùng với sự phân tích, bình giá cụ thể hình ảnh, ngôn từ, giọng điệu của bài thơ.*  Phần TB liên kết với MB chặt chẽ, tự nhiên (TB phân tích, CM làm sáng tỏ nhận xét khái quát ở MB). Từ các LĐ ở TB dẫn đến KB (đánh giá sức hấp dẫn, k/định ý nghĩa bài thơ)  ***-Tính thuyết phục, hấp dẫn***  +VB tập trung trình bày những n/xét, đánh giá về những giá trị đặc sắc nổi bật nhất về nội dung cảm xúc và NT. Kết hợp phân tích, bình giá sự đặc sắc của các h/ả, ngôn từ, giọng điệu ... Luận điểm được rút ra từ các luận cứ rõ ràng, cụ thể .  +Bố cục VB mạch lạc, sáng rõ.  +Trình bày cảm nghĩ, ý kiến bằng lòng yêu mến, rung cảm thiết tha đối với bài thơ.  *->Cần nêu được các n/xét, đánh giá của người viết. Những n/xét, đánh giá ấy phải gắn với sự phân tích, bình giá ngôn từ, h/ả, giọng điệu, nội dung cảm xúc... của tác phẩm.* | |
| H. Em rút ra bài học gì về cách làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ  *- Gv chốt, Gọi hs đọc phần ghi nhớ?* | | *Học sinh trả lời cá nhân*  *- Hs lắng nghe*  *Hs đọc phần ghi nhớ* | ***\* Ghi nhớ/83.*** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 15p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | |
| **III. HD HS LUYỆN TẬP.** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. HS luyện tập** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. Luyện tập** |
| *\* GV đưa ra một số đề nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.* | | *+HS đọc một số đề nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ và nhận xét .* | **1. Bài tập 1 :**  **\*Nhận diện và phân tích đề** |
| *\* Gọi HS đọc y/cầu của BT.*  *- GV gợi ý cho HS tìm ý:*  ? Đoạn thơ có vị trí như­ thế nào trong bài thơ? Nội dung cảm xúc của khổ thơ là gì?  ? Cảm xúc của nhà thơ được gợi lên từ hương vị, đặc điểm gì của TN? Được diễn tả qua những từ ngữ, h/ả đặc sắc nào?  *\*GV giúp HS Lập dàn bài cho các đề …..*  *\*GV lưu ý xác định các phép lập luận chứng minh , giả thích ,phân tích , tổng hợp …*  H. Dựa vào dàn ý đã lập , viết bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  *\* GV hướng dẫn :*  ? Mùa thu được cảm nhận thông qua các giác quan nào?  ?Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?  **\*GV sử dụng kĩ thuật KTB.**  **Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GVchuẩn kiến thức** | | **+***HS chia thành 3 nhóm và lập dàn ý. (10’)*  *Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét (10’*)  HS làm vào VLT  *+Dựa vào dàn ý đã lập viết bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.*  ***1. Tìm ý.***  -Là khổ đầu của bài thơ thể hiện những cảm nhận ban đầu của tác giả về cảnh đất trời sang thu.  -Bắt đầu từ hương ổi chín thơm phả vào trong gió se lạnh.  -Cảm nhận bằng những cảm giác cụ thể và tinh tế  -Cảm nhận có phần khá đột ngột và sững sờ | **2. Bài tập 2:**  **Đề bài**: Phân tích khổ đầu bài "Sang thu" của Hữu Thỉnh.  ***1. Tìm ý.***  -Là khổ đầu của bài thơ thể hiện những cảm nhận ban đầu của tác giả về cảnh đất trời sang thu.  -Bắt đầu từ hương ổi chín thơm phả vào trong gió se lạnh.  -Cảm nhận bằng những cảm giác cụ thể và tinh tế  -Cảm nhận có phần khá đột ngột và sững sờ  ***2. Dàn ý.*** |
| a.Mở bài.  -Giới thiệu bài thơ, đoạn thơ: “Sang thu” là bài thơ được sáng tác năm 1977 của nhà thơ Hữu Thỉnh. Bài thơ biểu hiện những cảm xúc tinh tế của nhà thơ trong thời điểm giao mùa từ hạ sang thu.  -Nhận xét, đánh giá khái quát: Khổ đầu bài thơ là những cảm nhận nhạy bén bất ngờ về sự chuyển biến của thiên nhiên đất trời .  b.Thân bài. (Trình bày những nhận xét, đánh giá về ND và NT đoạn thơ).  -Cảm nhận về mùa thu đến của Hữu Thỉnh có những nét rất riêng, rất mới.  +Cảm nhận bắt đầu từ khứu giác (hương ổi) rồi đến xúc giác (gió se), tiếp đến là thị giác (sương chùng chình qua ngõ) và cuối cùng là cảm nhận bằng lí trí (hình như thu đã về).  +Các từ “bỗng, hình như” góp phần diễn tả rõ nét cảm giác tinh tế của t/giả trước sự biến đổi của đất trời lúc sang thu (bỗng: sự bất ngờ, ngạc nhiên, ngỡ ngàng; hình như: có cái gì đó chưa thật cụ thể, rõ ràng)  -Cách miêu tả thật sống động, có hồn qua BPNT nhân hoá: phả, chùng chình.  ->Phải là người thực sự yêu mùa thu, yêu làng quê, gắn bó với quê hương mới có được những cảm nhận tinh tế đến vậy.  - Nhận xét, đánh giá thành công của tác giả (có thể so sánh với một số bài thơ viết về mùa thu của các tác giả khác)  c.Kết bài. (Khái quát ý nghĩa, giá trị đoạn thơ.)  Khổ đầu bài thơ là một khúc sang thu đầy ấn tượng, gieo vào lòng người đọc bao cảm giác vấn vương về đất trời, về quê hương ->Tình yêu quê hương càng thêm gắn bó. | | | |

**\* Củng cố:**

**1. Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ?**

**2. Dòng nào đây không phù hợp với yêu cầu của của bài nghị luận về một đoạn thơ, bài th**ơ?

A. Trình bày những cảm nhận, đánh giá về cái hay cái đẹp của đoạn thơ, bài thơ.

**B. Cần căn cứ vào đặc điểm ngoại hình, ngôn ngữ, trâm lí, hành động của nhân vật để phân tích**.

C. Cần bám vào ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu,.. để cảm nhận, đánh giá về tình cảm, cảm xúc của tác giả.

D. Bố cục mạch lạc, lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : tiếp tục phân tích các khổ thơ còn lại của bài Sang thu | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Lập dàn ý cho các đề còn lại | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4.Giao bài và hư­­ớng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà( 4 phút)**

**a.Bài vừa học**

**-** Học thuộc phần ghi nhớ SGK/83.

\* Dựa vào dàn ý đã lập , viết bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ……

**b Chuẩn bị bài**: Mây và sóng

+ Đọc kĩ và trả lời các câu hỏi trong SGK.

+ Sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 27**

**Tiết 129**

**MÂY VÀ SÓNG.**

***( Ta - Go)***

**I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức** :

- Biết một tác phẩm văn học nước ngoài.

- Cảm nhận đư­ợc ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử và những đặc sắc về nghệ thuật trong việc sáng tạo những cuộc đối thoại t­ưởng t­ượng và xây dựng các hình ảnh thiên nhiên của tác giả.

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện năng lực cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm văn học nước ngoài.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong một tác phẩm nước ngoài

- Yêu quý, tõn trọng tỡnh cảm của nhà thơ dành cho mẹ, từ đó bỗi đắp thêm tỡnh cảm gia đỡnh.**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức:**

- Tình mẫu tử thiêng liêng qua lời tâm tình thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đối thoại tư­ởng t­ượng giữa em bé với những ngư­ời trên “ Mây và Sóng”

- Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tư­ởng t­ượng bay bổng của tác giả.

- Học sinh thêm yêu và tự hào về tình mẫu tử.

**\* Tích hợp với vấn đề giáo dục môi tr­ường về ng­ười mẹ và mẹ thiên nhiên.**

**2**. **Kĩ năng**

- Đọc- Hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại thơ văn xuôi.

- Phân tích để thấy đư­ợc ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.

**3. Thái độ**: Yêu quý, trõn trọng tỡnh cảm của nhà thơ dành cho mẹ, từ đó bỗi đắp thêm tỡnh cảm gia đỡnh.

4**. Tích hợp liên môn**: GDCD:Tình mẫu tử

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1.Thầy:**

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng và TLTK, Sgv

- Bảng phụ, phiếu bài tập.

**2. Trò** : Học bài cũ, soạn bài mới ( trả lời các câu hỏi trong vở bài tập Ngữ văn)

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* B­­ước 1: Ổn định tổ chức: 1 phút***

***\* B­­ước 2: Kiểm tra bài cũ: 2-3 phút***

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học bài và kiến thức cũ của hs .

- Phư­­ơng án: : Kiểm tra qua câu hỏi trắc nghiệm ( sử dụng phiếu bài tập)

***HS 1.*** Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

***Câu1***: Những đặc điểm nghệ thật nào **không có** trong bài thơ ***Nói với con***?

A.Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên. B.Hình ảnh cụ thể, giàu chất thơ.

C.Giọng điệu thiết tha, tình cảm**. D.Nhiều từ Hán Việt và từ láy.**

***Câu2***: Dòng nào thể hiện được điều lớn lao mà nhà thơ Y Phương đã viết qua bài th***ơ Nói với con*** ?

A.Ca ngợi công lao trời bể đối với con và ý nghĩa lời ru.

**B. Ca ngợi sức sống mạnh mẽ bền bỉ của quê hương- cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người.**

C.Ca ngợi tình yêu của mẹ đối với con và lòng biết ơn của con.

D. Ca ngợi tình yêu đất nước và sự giữ gìn bản sắc dân tộc.

***HS2.*** Đọc thuộc lòng bài th***ơ” Nói với con”*** của Y Phương? Trong bài thơ người cha nói với con về những đức tính cao đẹp gì của người đồng mình? Từ đó người cha nhắc nhở con trên đường đời cần phải như thế nào ?

***\* B­­ước 3: Tổ chức dạy và học bài mới: 40 phút***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV nêu vấn đề:  - Em đã được học những bài thơ nào nói về tình mẫu tử?  GV chốt: Tình mẫu tử có lẽ là một trong những tình cảm thiêng liêng và gần gũi, phổ biến nhất của con người, đồng thời cũng là nguồn thi cảm không bao giờ cũ, không bao giờ vơi cạn của nhà thơ. Nếu Chế Lan Viên phát triển tứ thơ từ hình ảnh con cò trong ca dao; Nguyễn Khoa Điềm làm "Khúc hát ru..." thì đại thi hào Ấn Độ, trong những năm tháng đau thương mất mát ghê gớm của cuộc đời và gia đình (1902 - 1907), đã viết tập thơ "Si - su" (Trẻ thơ) in vào tập "Trăng non" (1915) dịch ra tiếng Anh. "Mây và sóng" cùng với "Trên bờ biển", "Thuyền giấy",...là tiếng hát đau buồn sâu thẳm nhưng vẫn chứa chan tình yêu thương và niềm tin vào trẻ thơ vào thế hệ tương lai.  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS trả lời  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  TIẾT 126  MÂY VÀ SÓNG. ***( Ta - Go)*** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 33’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 6 - 7p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| **I. GV HS HS đọc, tìm hiểu chú thích** | | **I. HS đọc, tìm hiểu chú thích.** | | | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I Đọc – chú thích:** |
| **1. Bước 1. HD HS đọc**  *\* Gv h­ướng dẫn hs đọc bài thơ: giọng ngây thơ, nhẹ nhàng, tha thiết*  *- Gv đọc mẫu*  *- Gọi hs đọc bài, gọi nhận xét, GV sửa.*  H. Nêu một vài nét chính về nhà thơ Ta – Go?  *- Gv nhận xét, bổ sung một số t­ư liệu.*  *- Cho hs quan sát chân dung nhà thơ.*  ( *Trong 6 năm từ 1902- 1907 ông mất 5 ng­ười thân: 1902 vợ mất; 1904 con gái thứ 2 mất; 1905 cha và anh trai mất; 1907 con trai đầu mất. đó là những nguyên nhân khiến tình cảm gia đình trở thành 1 trong những vấn đề quan trọng trong thơ Ta - Go*.)  H. Nêu một vài nét chính về hoàn cảnh sáng tác bài thơ và tập thơ?  *- Gv chốt*  *- Gv mở rộng kiến thức về bài thơ, tập thơ.*  *- GV hướng dẫn HS tìm hiểu từ khó.* | | **1. HS đọc**  *- Hs nghe h­ướng dẫn*  *- Nghe gv đọc mẫu*  *- Hs đọc diễn cảm bài thơ, cả lớp nghe, nhận xét.*  *- Hs dựa vào sgk giới thiệu về Ta Go.*  + Ta Go (1861-1941) là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Ông đã từng đến thăm đất n­ước Việt Nam 1916 nh­ư một sứ giả yêu chuộng hào bình.  +Tago để lại một gia tài văn hoá nghệ thuật đồ sộ. Ông là nhà văn Châu Á đầu tiên đư­­ợc giải thư­ởng Nô- ben văn học với tập thơ "Dâng" 1913.  + Thơ Tago thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả, chất trữ tình thắm thiết, thâm trầm triết lý.  *+ HS nêu vài nét về tác phẩm.*  *- Hs nghe gv bổ sung và chốt kiến thức*  *- Hs lắng nghe.*  - Tập thơ là tặng vật vô giá của tác giả giành cho trẻ thơ xuất phát từ lòng yêu con trẻ và cả nỗi đau buồn vô hạn vì mất cả hai đứa con thân yêu.  *+ HS trả lời giải nghĩa một số từ khó.* | | | **1. Đọc:**  **2. Chú thích:**  **a. Tác giả:** Ta Go (1861-1941)  -Thơ Ta-go thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm.  **b. Tác phẩm**:  - Bài thơ đư­ợc viết bằng tiếng Ben- gan in trong tập Si su (trẻ thơ)1909  **c. Từ khó** |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** | | |
| **II. HD HS tìm hiểu văn bản.**  **1. Bước 1. GV HD HS tìm hiểu khái quát** | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. HS tìm hiểu văn bản.**  **1. HS tìm hiểu khái quát.** | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Tìm hiểu khái quát văn bản** | | |
| *\* Gv tổ chức hs thảo luận nhóm ( 2 phút* ), *gọi đại diện trình bày, nhận xét, GV nhận xét,chốt*  ? Xác định PTBĐ của văn bản?  ? Nêu nhận xét về thể thơ, nhịp điệu bài thơ?  ? Nhân vật trữ tình?  ? Bài thơ là lời của ai nói với ai? Lời đó có thể chia làm mấy phần? Các phần đó có đặc điểm gì giống và khác nhau? ( số dòng thơ, cách xây dựng hình ảnh? Cách tổ chức khổ thơ ?  + Tác dụng của những chỗ giống và khác nhau ấy trong việc chủ đề của bài thơ? | *+ Hs sinh thảo luận nhóm (2 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  *- Nghe gv nhận xét, chốt*  + Bố cục:  - Giống: số dòng thơ, sự lặp lại của một số từ ngữ, cấu trúc, cách xây dựng h/ảnh. Mỗi phần đều gồm:  + Lời rủ rê của những ng­ười trên mây, trong sóng  + Lời chối từ của em bé  + Trò chơi của em bé.  -Khác: Cách xây dựng hình ảnh không trùng lặp hoàn toàn; lời tâm tình của em bé đặt trong hai tình huống thử thách khác nhau để diễn tả t/cảm dạt dào, dâng trào của em bé.  +Hình ảnh mẹ và tấm lòng người mẹ ở phần 2 rõ nét hơn, da diết hơn.  +Phần đầu có thêm cụm từ “Mẹ ơi”. | | - Thể thơ: thơ văn xuôi với các câu dài ngắn không đều, thậm chí không vần  - PTBĐ: kết hợp tự sự miêu tả trong biểu cảm.  - Nhịp điệu nhịp nhàng, mạch lạc, linh hoạt  - Nhân vật trữ tình: em bé.  - Bố cục: Bài thơ gồm 2 phần:  + Câu chuyện với mẹ về cuộc trò chuyện của con với mây và trò chơi thứ nhất của con  + Câu chuyện với mẹ về cuộc trò chuyện của con với sóng và trò chơi thứ hai của con | | |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết.** | **2. Tìm hiểu chi tiết** | | **2. Tìm hiểu chi tiết văn bản.** | | |
| *\* Gọi Hs đọc phần 1:*  H. Những ngư­ời trên mây trên sóng đã nói gì với em bé?  H. Thế giới của họ có gì hấp dẫn( phát hiện trong những hình ảnh thơ.)  **\* GV bổ sung**: *Nhữngng­ười sống trên sóng đã gợi mở một trò chơi vô cùng hẫp dẫn lý thú: ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn, ngao du nơi này nơi nọ…* | *+ HS đọc phần 1*  *- Hs suy nghĩ cá nhân trả lời.*  + Bọn tớ chơi....vầng trăng bạc Bọn tớ hát....nơi nao  *+ HS nghe GV bổ sung.* | | a. Lời mời gọi của những ngư­ời sống trên mây ,trên sóng.  ***\*Lời mời gọi.***  -Bọn tớ chơi .... trăng bạc.  -Bọn tớ ca hát.... nơi nao.  ***\*Cách đến với họ:***  -Hãy đến....lên tận tầng mây  -Hãy đến....làn sóng nâng đi. | | |
| H. Hình ảnh “bình minh vàng, vầng trăng bạc” đã gợi trong em cảm nhận như thế nào về thiên nhiên ở đây?  H. Em có nhận xét gì về những hình ảnh mà mây và sóng đã vẽ ra trước mắt em bé? | *+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung*  - Những ngư­ời sống trên mây, trong sóng đã vẽ ra một thế giới hấp dẫn, giữa vũ trụ rực rỡ sắc màu với bình minh vàng, vầng trăng bạc; với những tiếng ca du dương bất tận, được đi khắp nơi này, nơi nọ. Lời mời gọi của họ chính là tiếng gọi của một thế giới diệu kì dường như khó có thể chối từ lời mời gọi hấp dẫn đó. | | ->Thế giới vũ trụ rực rỡ sắc màu và vô cùng hấp dẫn với bao điều mới lạ.hấp dẫn đối với tuổi thơ, những trò chơi lý thú | | |  |
| H. Từ đó em cảm nhận đ­ược gì về người mẹ thiên nhiên đối với con người?  **\* GV chuyển ý**:Thiên nhiên rực rỡ bí ẩn bao điều mới lạ hấp dẫn với tuổi thơ( tiếng gọi của 1 thế giới diệu kỳ) nh­ưng điều gì đã níu giữ em bé lại.=> Phần 2 | - Dư­ờng như­ khó có thể từ chối lời mời gọi ấy bởi đó chính là tiếng gọi của một thế giới diệu kì với tâm hồn tuổi thơ.  - Cách đến chơi cũng thật thú vị, hấp dẫn: đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại và được nhấc bổng lên. | | ⇒ *Thế giới diệu kì - thế giới thần tiên kì ảo.* | | |  |
| **- Tổ chức hs thực hiện kĩ thuật KTB ( 5 phút )**  H. Trước lời rủ rê mời gọi đó, em bé đã hỏi họ điều gì? Lời hỏi đó thể hiện thái độ gì của em?  H. Vì sao em bé ch­ưa từ chối ngay lời mời gọi ? Lí giải vì sao em bé chưa từ chối ngay lời mời gọi của những người trên mây trong sóng? | ***+ Hs thực hiện kĩ thuật KTB***  ***( 5 phút )***  *- Làm ra phiếu bài tập đại diện nhóm trình bày.*  *- Nhận xét và bổ sung*  *- Nghe gv nhận xét, bổ sung*  + Lúc đầu: Em bé rất thích đi chơi với họ nên mới hỏi: nh­­ưng làm thế nào mình lên đó đ­ược nào...?  + Em chưa từ chối ngay -> phần nào em cũng bị lôi cuốn bởi trò chơi hấp dẫn.  - Nếu em bé từ chối lời rủ rê thì tình cảm sẽ thiếu chân thực vì trẻ em nào chả ham chơi. | | **b. Lời từ chối của em bé**  ***a. Lúc đầu***: Hỏi: Làm thế nào... lên đó được, .... ra ngoài đó được?  ->***Thích thú, muốn được đ***i (bị hấp dẫn và cuốn hút trước những lời rủ rê đó). | | |
| H. Sau đó, em bé quyết định ra sao? Tại sao em lại quyết định nh­ư vậy?  **- Gv nhận xét, chốt giảng .**  *Những ng­ười sống trên mây trên sóng là thế giới thần tiên, kì ảo trong truyện cổ tích. Vậy mà em bé vẫn từ chối mặc dù rất băn khoăn, tiếc nuối.=> Đó là sự khắc phục ham muốn để làm vui lòng mẹ.*  H. Qua đó, em hiểu điều gì về tình cảm của em bé giành cho mẹ? | *+Phát hiện, trả lời cá nhân*  - Em bé không đi, từ chối lời mời của Mây và Sóng, từ chối các trò chơi hẫp dẫn với tuổi thơ.  - Lý do từ chối: Mẹ mình đang đợi ở nhà… Buổi chiều mẹ mình luôn muốn mình ở nhà. Dĩ nhiên em bé đầy luyến tiếc nh­ưng tình yêu thư­ơng với mẹ đã chiến thắng.  ⇒ vì em không thể, không muốn rời xa mẹ .Đối với em mẹ là tất cả.  *- Nêu nhận xét*  ->***Em bé rất thương yêu mẹ***, ***Đối với em mẹ là tất cả.*** Tình thương yêu mẹ đã ch/thắng mọi lời mời gọi hấp dẫn.  ⇒ Sức níu giữ của tình mẫu tử.  - Tình cảm của em bé với mẹ quả là sâu nặng. | | ***b. Sau đó:***  + Em bé không đi, từ chối lời mời của Mây và Sóng  + Lý do từ chối: Mẹ mình đang đợi ở nhà…  ->***Em bé rất thương yêu mẹ***, ***Đối với em mẹ là tất cả.*** ⇒ Sức níu giữ của tình mẫu tử. | | |
| H. Em t­­ưởng t­ượng ra trò chơi ntn?  H. Hãy đọc lời của em bé nói với mẹ về những trò chơi mà em tưởng tượng ra? | *+ Hs trả lời cá nhân*  - Em nghĩ ra một trò chơi thú vị:  Con làm mây và mẹ sẽ là trăng….con làm sóng, mẹ làm mặt biển… | | **c. Trò chơi của em bé:**  + Em nghĩ ra một trò chơi thú vị:  - Con làm mây và mẹ sẽ là trăng.  + Con làm sóng, mẹ làm mặt biển… | | |  |
| H. Trò chơi đó được miêu tả nh­ư thế nào? Có gì đặc biệt?  ? Tìm các chi tiết thể hiện tình cảm mẹ con? Cảm xúc của em về những hình ảnh thiên nhiên được mô tả qua lời kể của em bé?  **\* Gv nhận xét, bình**  *Em không đi cùng sóng.- Trò chơi của em bé không chỉ có Sóng mà còn có bến bờ kỳ lạ. Bờ biển bao dung rộng mở luôn dang rộng vòng tay đón em. Em không phải rời mẹ, không phải chỉ chơi đùa mà còn được ôm ấp, được tiếp nhận ánh sáng dịu dàng của mẹ, tình yêu của mẹ. Em không chỉ có sóng mà còn cả bến bờ kì lạ, hiện thân của mẹ- bến bờ của sự bao dung, rộng mở luôn sẵn sàng tiếp đón em.* | *+ Suy nghĩ, thảo luận trong nhóm bàn, đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung.*  -  ***Trò chơi có cả Mây , trăng trời xanh nhưng quan trọng hơn là có cả mẹ.***  - Em đã nghĩ ra hình thức tuyệt vời để hoà hợp tình yêu thiên nhiên với tình mẫu tử bằng cách biến chính mình thành Mây và Sóng, còn mẹ là mặt trăng và bến bờ kỳ lạ. Như­ng chơi không phải ở mãi tận chốn xa vời nào mà chính d­ưới mái nhà thân yêu. | | + ***Trò chơi có cả Mây ,trăng trời xanh nhưng quan trọng hơn là có cả mẹ.***  Em đã nghĩ ra hình thức tuyệt vời để hoà hợp tình yêu thiên nhiên với tình mẫu tử bằng cách biến chính mình thành Mây và Sóng, còn mẹ là mặt trăng và bến bờ kỳ lạ. Như­ng chơi không phải ở mãi tận chốn xa vời nào mà chính d­ưới mái nhà thân yêu.  => Trò chơi hay và sáng tạo hơn trò chơi của mây và sóng | | |
| H. Tại sao em cho là trò chơi đó hay hơn trò chơi của Mây của Sóng? | *+ HS suy nghĩ trả lời (HS khá giỏi).*  + Trò chơi có cả mây, trăng, trời xanh,sóng, bến bờ nhưng quan trọng hơn là có cả mẹ -Sự hoà hợp tuyệt diệu giữa em bé và TN trong cuộc vui chơi ấm áp của tình mẫu tử. | |  | | |  |
| H. Em có cảm nhận gì về cái hay của 2 câu thơ cuối "Con lăn .....vào lòng mẹ "  +Những h/ả thơ mang ý nghĩa gì?  +So sánh tình mẹ con gắn với mây, trăng, sóng, bến bờ có ý nghĩa gì? | *+ HS tự do nêu cảm nhận, trình bày cá nhân, nghe Gv nhận xét.*  - Hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng đậm màu sắc triết lí. *Mây và sóng* là biểu tượng về con, *trăng và bến bờ* tượng trưng cho tấm lòng dịu hiền bao la của mẹ. So sánh tình mẹ con gắn bó với mây trăng, biển bờ, tác giả đã nâng tình cảm ấy lên tầm vũ trụ . | |  | | |  |
| H. Qua trò chơi, em thấy em bé trong bài thơ có những đức tính gì đáng quý?  \*Câu thơ cuối vừa là lời kết cho phần 2 vừa là lời kết cho cả bài thơ. Nó cho ta thấy tình mẫu tử có ở khắp nơi, thiêng liêng, bất diệt.  **\*GV:** *Thơ Tago thường đậm ý nghĩa triết lí: hạnh phúc không phải là điều gì xa xôi, bí ẩn do ai ban cho mà ngay ở trên trần thế do chính con người sáng tạo, sự hoà hợp tạo dựng tình yêu là con người với thiên nhiên. Nhà thơ đã hoá thân trong em bé để ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.* | *+ Suy nghĩ tự do trình bày.*  ⇒ Em bé yêu thiên nhiên, yêu mẹ , em vừa thông minh vừa giàu trí t­ư­ởng tượng.  ***⇒ Khẳng định tình mẫu tử thiêng liêng và cao quý.*** | | ***⇒ Khẳng định tình mẫu tử thiêng liêng và cao quý.*** | | |  |
| H. Ngoài ý nghĩa ca ngợi tình mẫu tử, bài thơ còn gợi cho ta suy ngẫm về điều gì?  **\* GV chốt, tích hợp với vấn đề môi trường thiên nhiên: biển, trời.** | *+ Tự do bộc lộ*  - Trong c/sống thường có nhiều cám dỗ, muốn thắng được những cám dỗ đó phải có điểm tựa vững chắc mà tình mẫu tử là một trong những điểm tựa vững chắc đó.  -Bài thơ chắp cánh cho trí tưởng tượng của tuổi thơ, nhắc nhở mọi người: hạnh phúc không phải là điều gì xa xôi bí ẩn mà hạnh phúc là do chính bản thân con người tạo dựng nên. | |  | | |
| **III. HD HS đánh giá khái quát** | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS củng cố , đánh giá khái quát.** | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết.** | |
| H. Chỉ ra những thành công về mặt nghệ thuật của bài thơ và đặc sắc về nội dung?  *\*GV cho HS làm BTTN củng cố kiến thức.*  *1. Nhận định nào chính xác về nhà thơ Ta - go?*  A. Nhà thơ cổ điển của nước Anh.  C. Nhà thơ hiện đại của Ấn Độ.  B. Nhà thơ hiện đại của n­ước Anh.  D. Nhà thơ cổ điển của Ấn Độ.  *2. Dòng nào sau đây nêu chính xác nội dung bài ''Mây và Sóng''?*  A. Miêu tả trò chơi của trẻ thơ.  B. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và tâm hồn trẻ thơ.  C. Tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  D. Ca ngợi hình ảnh ngư­ời mẹ và tấm lòng bao la của mẹ.  *3. Nhận xét nào sau đây nêu đúngvà đủ nhất về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?*  A. Là thơ văn xuôi, trong đó lời kể có xen đối thoại, dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển.  B. Dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển, xây dựng những hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  C. Là thơ văn xuôi, trong đó lời kể có xen đối thoại, dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển, xây dựng những hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  D. Xây dựng những hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng, dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển  *- Gv chốt*  *- Gọi hs đọc phần ghi nhớ.* | | *+ Học sinh chỉ ra đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, làm BTTN củng cố kiến thức lí thuyết.*  **1. Nghệ thuật.**  Hình thức đối thoại lồng trong độc thoại.  - Hả thiên nhiên thơ mộng, giàu ý nghĩa tưởng tượng  - Hình thức diễn đạt mới lạ, phù hợp với trẻ em  **2. Nội dung.**  - Lời rủ rê của những người sống trên mây, trong sóng, sức hấp dẫn của những trò chơi đối với em bé  - Lời từ chối của em bé.  - Trò chơi sáng tạo của em bé  - Tình cảm gắn bó của em bé với mẹ- cảm nhận của em về tình mẫu tử thiêng liêng đầy ý nghĩa.  **3. Ý nghĩa**: ***Bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng sâu sắc***  *- Học sinh đọc ghi nhớ.Ghi vào vở* | | **1. Nghệ thuật.**  - Hình thức đối thoại lồng trong độc thoại.  - H/ả thiên nhiên thơ mộng, bay bổng, lung linh, kì ảo song vẫn sinh động và chân thực và gợi nhiều liên tưởng.  - Hình thức diễn đạt mới lạ, phù hợp với trẻ em: bố cục bài thơ thành hai phần giống nhau (thuật lại lời rủ rê- lời từ chối và lí do từ chối- trò chơi em bé sáng tạo-> sự giống nhau nhưng không trùng lặp.  **2. Nội dung.**  - Lời rủ rê của những người sống trên mây, trong sóng, sức hấp dẫn của những trò chơi đối với em bé  - Lời từ chối của em bé.  - Trò chơi sáng tạo của em bé  - Tình cảm gắn bó của em bé với mẹ- cảm nhận của em về tình mẫu tử thiêng liêng đầy ý nghĩa.  **3. Ý nghĩa:**  ***Bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng sâu sắc***  \* Ghi nhớ/SGK | |

**HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP

+ *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

+ *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p

*+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *- Gọi hs lên bảng làm*  *- Nhận xét và sửa chữa*  *- Gv đ­ưa bài tập 2 lên bảng phụ*  *- Gọi hs đọc yêu cầu*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét bổ sung, sửa chữa* | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo*  *+ Hs lên bảng làm*  *- Hs khác nhận xét và sửa chữa*  *+ HS quan sát bảng phụ*  *- Hs đọc yêu cầu*  *- Hs làm ra vở bài tập*  *- Đại diện hs trình bày*  *- Hs khác nhận xét, sửa chữa*  *- Hs lắng nghe gv nhận xét*  *- Chữa vào vở bài tập của mình* | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo*  **III. Luyện tập**  1. Bài 1 : Trắc nghiệm  Sách bài tập ngữ văn 9  2 .Bài 2: Trình bày cảm nhận của em về tình mẫu tử qua bài thơ. |

**BÀI TẬP.**

*1. Nhận định nào chính xác về nhà thơ Ta - go?*

A. Nhà thơ cổ điển của nước Anh. C. Nhà thơ hiện đại của Ấn Độ.

B. Nhà thơ hiện đại của n­ước Anh. D. Nhà thơ cổ điển của Ấn Độ.

*2. Dòng nào sau đây nêu chính xác nội dung bài ''Mây và Sóng''?*

A. Miêu tả trò chơi của trẻ thơ.

B. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và tâm hồn trẻ thơ.

C. Tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.

D. Ca ngợi hình ảnh ngư­ời mẹ và tấm lòng bao la của mẹ.

*3. Nhận xét nào sau đây nêu đúng và đủ nhất về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?*

A.Là thơ văn xuôi, trong đó lời kể có xen đối thoại, dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển.

B.Dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển, xây dựng những hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.

C. Là thơ văn xuôi, trong đó lời kể có xen đối thoại, dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển, xây dựng những hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.

D. Xây dựng những hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng, dùng phép lặp lại nhưng có sự biến hoá và phát triển

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em có nhận xét gì về tình mẫu tử? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc một số tác phẩm khác viết về mẹ | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bư­ớc 4: Giao bài, h­ướng dẫn học bài và làm bài về nhà**: 2 phút

a**. Học bài:** Học thuộc phần ghi nhớ.

Làm hoàn thiện bài tập 2.

Làm bài tập trong sách bài tập trắc nghiệm .

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn Ôn tập thơ

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

Tìm đọc t­ư liệu về các tác giả, tác phẩm

Phiếu bài tập, bài tập( GV h­ướng dẫn học sinh kẻ bảng thống kê .)

+ Lập bảng thống kê... . Cần đọc lại các bài thơ hiện đại. Xem lại phần phân tích bài thơ. tìm hiểu các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài này.

+ Ghi lại tên các bài thơ theo từng giai đoạn

+ Nhận xét về những điểm chung và riêng trong nội dung và cách biểu hiện tình mẹ con trong các bài thơ: Khúc hát ru... ; Con cò, Mây và sóng

+ Nhận xét hình ảnh người lính và tình đồng đội của họ trong các bài thơ Đồng chí, ánh trăng, Tiểu đội ...

+Nhận xét về bút pháp xây dựng hình ảnh trong các bài thơ: Đoàn thuyền đánh cá, ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Con cò

+ Phân tích một khổ thơ mà em thích.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 27**

**Tiết 130**

**ÔN TẬP VỀ THƠ**

**I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức**

- Hệ thống lại và nắm đư­ợc những kiến thức về các văn bản thơ đã học trong chư­ơng trình Ngữ văn 9

**2. Kĩ năng**

Rèn kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức cơ bản về tác phẩm thơ hiện đã học.

**3. Thái độ:** Cú ý thức yêu mến các tác phẩm thơ

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức:**

- Hệ thống kiến thức về các tác phẩm thơ.

**2**. **Kĩ năng**

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức cơ bản về tác phẩm thơ hiện đã học.

3. **Thái độ:** Yêu thích thơ ca và nghiêm túc , chu đáo, cẩn thận trong việc chuẩn bị bài học

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp TLV: viết đoạn

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1.Thầy:**

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng và TLTK, Sgv , mỏy chiếu

- Bảng phụ, phiếu bài tập

- Gv yêu cầu các nhóm chuẩn bị bảng thống kê (ở nhà cụ thể: phân công mỗi tổ chuẩn bị 3 tác phẩm thơ theo yêu cầu SGK) dán lên bảng và cử đại diện nhóm thuyết trình .

**2. Trò** :

Học bài cũ, soạn bài mới ( trả lời các câu hỏi trong vở bài tập Ngữ văn)

+ Lập bảng thống kê...

+ Ghi lại tên các bài thơ theo từng giai đoạn

+ Nhận xét về những điểm chung và riêng trong nội dung và cách biểu hiện tình mẹ con trong các bài thơ: Khúc hát ru... ; Con cò, Mây và sóng

+ Nhận xét hình ảnh người lính và tình đồng đội của họ trong các bài thơ Đồng chí, Ánh trăng, Tiểu đội ...

+Nhận xét về bút pháp xây dựng hình ảnh trong các bài thơ: Đoàn thuyền đánh cá, ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Con cò

+ Phân tích một khổ thơ mà em thích.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* Bư­­ớc 1: Ổn định tổ chức: 1 phút***

***\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ: 2-3 phút***

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học bài và kiến thức cũ của hs .

- Phư­­ơng án: : Kiểm tra qua vở bài tập.

+ Kiểm tra sự bị bài ôn tập của học sinh.

***\* B­­ước 3: Tổ chức dạy và học bài mới: 40 phút***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| H. Trong chương trình lớp 9 các em đó được học những tác phẩm thơ ca nào?   * Gv thuyết trình:   Bài học ngày hụm nay, cụ cựng cỏc em sẽ ụn tập, củng cố lại những kiến thức về thơ ca mà các em đó được học trong chương trình lớp 9. | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  **TIẾT 127**  **ÔN TẬP VỀ THƠ** |
| * Gv ghi bảng. | * Hs ghi bài. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

* Thời gian dự kiến: 40’
* Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não, thảo luận nhúm
* Hỡnh thành năng lực: giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| **I. Hd HS lập bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam** | | | *Kĩ năng giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp* **I. HS lập bảng thống kê các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam** | | | | *Kĩ năng giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp*  **I. Lập bảng kê các tác phẩm thơ hiện đại** |
| *\* Gv tổ chức cho HS chơi trũ chơi:* ***Đây là ai?***  *? Quan sỏt tranh và cho biết đây là nhà thơ nào, bài thơ nào của ông mà em đó được học?*  H. Trình bày nội dung đã chuẩn bị theo từng tác phẩm: tác giả, năm sáng tác, thể thơ, nội dung, nghệ thuật?  \**GV yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà (sử dụng kĩ thuật học theo dự án) chốt lại trên bảng phụ.* | | | *\* HS quan sỏt trờn mỏy và trả lời cỏ nhõn*  *+ Trên cơ sở chuẩn bị ở nhà, trình bày, các nhóm trình bày sự chuẩn bị, nhóm khác nhận xét, bổ sung.*  *-Nghe, đối chiếu, bổ sung. Ghi nhanh vào vở(nếu thiếu)* | | | |  |
| STT | Tên bài | Tác giả | Năm s/tác | Thể thơ | Tóm tắt nội dung | Đặc sắc nghệ thuật | |
| 1 | Đồng chí | Chính Hữu | 1948 | Tự do | Tình đ/c của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng c/đấu, góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính CM. | Chi tiết, h/ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm. | |
| 2 | Bài thơ về tiểu đội xe không kính | Phạm Tiến Duật | 1969 | Tự do | Qua h/ảnh độc đáo - những chiếc xe không kính, khắc hoạ nổi bật h/ả những người lính lái xe với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm và ý chí giải phóng miền Nam | Chất liệu hiện thực sinh động, h/ả độc đáo, giọng điệu tự nhiên khoẻ khoằn, giàu tính khẩu ngữ. | |
| 3 | Đoàn thuyền đánh cá | Huy Cận | 1958 | Bảy chữ | Những bức tranh đẹp, rộng lớn, tráng lệ về TN, vũ trụ và người lao động trên biển. Thể hiện cảm xúc về TN, lao động và niềm vui trong c/sống mới. | Nhiều h/ả đẹp, rộng lớn được s/tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng; âm hưởng khoẻ khoắn, lạc quan. | |
| 4 | Bếp lửa | Bằng Việt | 1963 | 7chữ và tám chữ | Những kỉ niệm đầy xúc động về tuổi thơ, về người bà, về bếp lửa và nỗi nhớ quê hương thiết tha. | Giọng thơ truyền cảm, da diết; h/ả thơ chân thực, giàu sức biểu cảm. | |
| 5 | Khúc hát ru.... mẹ | Nguyễn Khoa Điềm | 1971 | Tám chữ | Tình yêu thương con gắn với tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần c/đấu và khát vọng tương lai của người mẹ dân tộc Tà-ôi. | Giọng thơ ngọt ngào, trìu mến, giàu nhạc điệu. | |
| 6 | Ánh trăng | Nguyễn Duy | 1978 | Năm chữ | Từ h/ả ánh trăng, nhắc nhở về những năm tháng gian lao của người lính, nhắc nhở đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”. | Giọng thơ tâm tình, tự nhiên mà giàu triết lí, h/ả giàu sức biểu cảm. | |
| 7 | Con cò | Chế Lan Viên | 1962 | Tự do | Từ hình ảnh con cò trong những lời hát ru, ca ngợi tình mẹ con và ý nghĩa của lời ru đối với c/sống con người | Vận dụng sáng tạo ca dao và điệu ru; nhiều câu thơ đúc kết những suy ngẫm sâu sắc. | |
| 8 | Mùa xuân nho nhỏ | Thanh Hải | 1980 | Năm chữ | Tình yêu và niềm gắn bó với mùa xuân, với TN, với cuộc đời; tự nguyện làm mùa xuân nhỏ dâng hiến cho mọi người, cho cuộc đời chung. | Thể thơ năm chữ dung dị, ngôn ngữ giàu sức truyền cảm, giàu chất nhạc và chất hoạ | |
| 9 | Viếng lăng Bác | Viễn Phương | 1976 | Tám chữ | T/cảm nhớ thương, kính yêu, niềm xúc động sâu sắc và niềm tự hào của nhà thơ đối với Bác Hồ . | Lời thơ tha thiết, ân tình, sâu nặng, giàu tính nhạc. | |
| 10 | Sang thu | Hữu Thỉnh | 1977 | Năm chữ | Những biến chuyển nhẹ nhàng của TN , đất trời lúc giao mùa từ hạ sang thu qua cảm nhận tinh tế của nhà thơ. | Hình ảnh TN được gợi tả bằng những cảm giác tinh tế, giàu sức biểu cảm. | |
| 11 | Nói với con | Y Phương | Sau 1975 | Tự do | Thể hiện t/cảm gia đình ấm cúng, niềm tự hào về truyền thống và sức sống mạnh mẽ của quê hương, dân tộc. | Từ ngữ, h/ảnh vừa cụ thể, giàu sức gợi cảm, vừa gợi ý nghĩa sâu xa. | |
| H. Nhìn vào bảng thống kê, em hãy sắp xếp theo theo từng giai đoạn lịch sử?  **\* GV chốt.** | | | *+ HS hoạt động cá nhân, trả lời miệng*  a. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp:1945-1954  + Đồng chí- 1948  b. Giai đoạn 1955-1964:  + Bếp lửa 1963.  + Con cò 1962.  c. Giai đoạn 1965-1975:  + Bài thơ về tiểu đội xe không kính  + Khúc hát ru những em bé  d. Sau 1975:  + Ánh trăng  + Mùa xuân nho nhỏ  + Viếng lăng Bác  + Nói với con  + Sang thu. | | | | **2. Sắp xếp theo từng giai đoạn lịch** **sử:**  a. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp:1945-1954  b. Giai đoạn 1955-1964:  c. Giai đoạn 1965-1975:  d. Sau 1975: |
| **II. HD HS tổng kết về một số nét chính về nội dung và nghệ thuật .** | | | **II. HS tổng kết về một số nét chính về nội dung và nghệ thuật .** | | | | **II. Tổng kết về một số nét chính về nội dung và nghệ thuật .** |
| H. Các tác phẩm thơ trên đã thể hiện như thế nào về cuộc sống của đất nước và tư tưởng, tình cảm của con người?  *\* GV chốt* | | | *+Hs trình bày cá nhân, HS khác bổ sung*  -Tái hiện c/sống đất nước và con người VN suốt một thời kì lịch sử từ sau CMT8 1945, qua nhiều g/đoạn: +Đất nước và con ngư­ời VN trong hai cuộc kh/chiến với nhiều gian khổ hi sinh nh­ưng rất anh hùng  +Công cuộc lao động xây dựng đất nước và mối quan hệ tốt đẹp của con người.  -Các TP đã thể hiện tâm hồn, t/cảm, tư tưởng của con người trong 1 thời kì lịch sử có nhiều biến động.  +Tình cảm yêu quê hương, đất nước  +Tình đ/chí, sự gắn bó với CM, lòng kính yêu Bác  +Những tình cảm gần gũi và bền chặt của con người:  tình mẹ con, bà cháu... thống nhất với t/cảm chung. | | | | ***1.Nội dung thể hiện*** |
| *\* GV nêu yêu cầu:*  H. Nhận xét về những điểm chung và nét riêng trong nội dung và cách biểu hiện tình mẹ con của các bài thơ: “Khúc hát ru những em bé lớn trên l­ưng mẹ, Con cò, Mây và sóng” ?  *\* Gv tổ chức hs thảo luận nhóm ( 3 phút )*  *- Gv nhận xét, chốt* | | | *+ Hs thảo luận theo nhóm*  *( 3 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *đại diện trình bày.*  *- Nhận xét và bổ sung*  ***a.Tình mẹ con*** trong các bài thơ:“*Khúc hát ru những em bé ... lưng mẹ, Con cò, Mây và sóng*”  \* Giống nhau:  -Nội dung: Đều đề cập đến tình mẹ con, ngợi ca tình mẹ con thắm thiết,  -Cách thể hiện:Đều dùng điệu ru,lời ru của người mẹ  \* Khác nhau: nội dung tình cảm, cảm xúc trong từng bài khác nhau, mang nét riêng biệt:  **+ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*:** thể hiện sự thống nhất của tình yêu con với tình yêu đất nước, gắn bó với cách mạng.  **+ *Con cò***: khai thác và triển khai tứ thơ từ hình tượng con cò trong ca dao để ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa của lời ru.  **+ *Mây và Sóng*:** Hoá thân vào lời trò chuyện hồn nhiên của em bé để thể hiện tình yêu thắm thiết của mẹ với con. | | | | ***2. Một số đề tài.***  ***a.Tình mẹ con*** trong các bài thơ:“*Khúc hát ru những em bé ... lưng mẹ, Con cò, Mây và sóng*”  \* Giống nhau:  -Nội dung: Đều đề cập đến tình mẹ con, ngợi ca tình mẹ con thắm thiết,  -Cách thể hiện:Đều dùng điệu ru,lời ru của người mẹ  \* Khác nhau: nội dung tình cảm, cảm xúc trong từng bài khác nhau, mang nét riêng biệt:  **+ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*:** thể hiện sự thống nhất của tình yêu con với tình yêu đất nước, gắn bó với cách mạng.  **+ *Con cò*:** khai thác và triển khai tứ thơ từ hình tượng con cò trong ca dao để ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa của lời ru.  **+ *Mây và Sóng*:** Hoá thân vào lời trò chuyện hồn nhiên của em bé để thể hiện tình yêu thắm thiết của mẹ với con. |
| H. Nhận xét về hình ảnh ngư­ời lính và tình đồng đội của họ trong các bài thơ: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, ánh trăng.  *\* GV tổ chức hs thảo luận nhóm ( 3 phút )*  *- Gv nhận xét, chốt kiến thức* | | | *+ Hs thảo luận theo nhóm ( 3 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập đại diện trình bày.*  *- Nhận xét và bổ sung*  \*Điểm giống nhau:  - Đều viết về người lính cách mạng với vẻ đẹp trong tính cách và tâm hồn  \* Điểm khác nhau: Mỗi bài lại khai thác những nét riêng và đặt trong những hoàn cảnh khác nhau  **- *Đồng chí*:** viết về người lính thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp. Những người lính xuất thân từ nông dân. Tình đồng chí của họ dựa trên những cơ sở cùng chung cảnh ngộ , chung lí tưởng, cùng chia sẻ những gian lai thiếu thốn...Bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí.  **- *Bài thơ về ...:***khắc hoạ hình ảnh người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời kỳ kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ làm nổi bật tinh thần dũng cảm, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam của những người c/sĩ lái xe.  **- *Ánh trăng:*** nói về suy ngẫm của người lính đã đi qua cuộc chiến tranh. Bài thơ gợi lại những kỷ niệm gắn bó của người lính với đất nước, với đồng đội trong những năm gian khổ của chiến tranh, nhắc nhở về đạo lý nghĩa tình, thuỷ chung. | | | | ***b.*** ***Hình ảnh ngư­ời lính và tình đồng chí, đồng đội*** trong các bài thơ ''Đồng chí'', ''Bài thơ về tiểu đội xe không kính'' và ''Ánh trăng''.  \*Điểm giống nhau:  - Đều viết về người lính cách mạng với vẻ đẹp trong tính cách và tâm hồn  \* Điểm khác nhau: Mỗi bài lại khai thác những nét riêng và đặt trong những hoàn cảnh khác nhau  **- *Đồng chí*:** viết về người lính thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp.  **- *Bài thơ về ...:***khắc hoạ hình ảnh người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời kỳ kháng chiến chống Mĩ.  **- *Ánh trăng****:* nói về suy ngẫm của người lính đã đi qua cuộc chiến tranh. |
| *\*GV nêu yêu cầu*:  H. Nhận xét bút pháp xây dựng hình ảnh thơ trong các bài ''Đoàn thuyền đánh cá, Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Con cò”? . | | | *+ Hs nhận xét, trả lời cá nhân*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  **-Đoàn thuyền đánh cá:** chủ yếu dùng bút pháp tượng trưng, phóng đại với nhiều hình ảnh liên tưởng, tưởng tượng, so sánh mới mẻ, độc đáo.  **-Ánh trăng:** đ­ưa vào nhiều h/ả, chi tiết rất bình dị.  -Mùa xuân nho nhỏ: Sử dụng nhiều hình ảnh đẹp, gợi cảm, những so sánh, ẩn dụ sáng tạo.  **-Con cò**: Hình ảnh thơ mang ý nghĩa biểu tượng, kết hợp giữa thực và ảo, được sáng tạo bằng sự liên tưởng, tưởng tượng giàu suy tưởng và triết lí. | | | | ***3.Bút pháp sáng tạo của hình ảnh thơ.***  **-Đoàn thuyền đánh cá:** chủ yếu dùng bút pháp tượng trưng, phóng đại với nhiều hình ảnh liên tưởng, tưởng tượng, so sánh mới mẻ, độc đáo.  **-Ánh trăng**: đ­ưa vào nhiều h/ả, chi tiết rất bình dị.  -**Mùa xuân nho nhỏ**: Sử dụng nhiều hình ảnh đẹp, gợi cảm, những so sánh, ẩn dụ sáng tạo.  -**Con cò:** Hình ảnh thơ mang ý nghĩa biểu tượng, kết hợp giữa thực và ảo, … |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

* Thời gian: 15’
* Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não.
* Hỡnh thành năng lực: tư duy, sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **III. GV HD HS LUYỆN TẬP.**  \* GV tổ chức cho Hs chơi trũ chơi: Ngắm cảnh đọc thơ( thời gian 3 phút)  *\* GV gọi hs lên bảng làm BTTN, gọi nhận xét.*  *- GV nhận xét và sửa chữa*  *- Gv đ­ưa bài tập 2 lên bảng phụ*  *- Gọi hs đọc yêu cầu*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *GV h­­ướng dẫn HS viết theo gợi ý: có thể viết đoạn trong bài* : ***Viếng lăng Bác*** hoặc bài : ***Mùa xuân nho nhỏ .***  *- Gv nhận xét bổ sung, sửa chữa* | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo* **III. HS LUYỆN TẬP.**  - Hs quan sát cảnh trên máy và đọc những câu thơ có nội dung thể hiện trong bbuwcs tranh ở các bài thơ đó học.  *+ Hs lên bảng làm*  *- Hs khác nhận xét và sửa chữa.*  *+ HS quan sát bảng phụ*  *- Hs đọc yêu cầu*  *- Hs làm ra vở bài tập*  *- Đại diện hs trình bày*  *- Hs khác nhận xét, sửa chữa*  *- Hs lắng nghe gv nhận xét*  *- Chữa vào vở bài tập của mình* | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo* **III. Luyện tập**  **1. Bài tập 1 : Trắc nghiệm**  Sách bài tập ngữ văn 9  **2. Bài tập 2:** Luyện viết 1 đoạn văn bình luận khổ thơ đầu bài “ Sang thu” |

**\* Củng cố:**

**1.** Bài thơ nào sau đây không nói về hình ảnh người lính và tình đồng đôị?

A. Bài thơ tiểu đội xe không kính

**B. Đoàn thuyền đáng cá**

C. ánh trăng

C. Đồng chí

2. Nối tên bài thơ ở cột A với nhận xét ở cột B cho phù hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Tên bài thơ** | **B. Đặc điểm nghệ thuật** |
| a. Viếng lăng Bác | *1. Thê thơ năm chữ, nhạc điệu trong sáng thiết tha, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, gợi cảm và những so sánh ẩn dụ sáng tạo.* |
| b. Con cò | *2. Thể thơ 8 chữ, giọng điệu trang trọng, tha thiết, thành kính, nhiều hình ảnh ẩn dụ, gợ cảm, lời thơ bình dị.* |
| c. Mây và sóng | *3. Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thiết tha, rạo rực, nhiều hình ảnh thiên nhiên giàu sức gợi cảm.* |
| d. Sang thu | *4. Thể thơ tự do, hình thức đối thoại lồng trong độc thoại, hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.* |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  Viết đoạn văn (6 đến 8 câu) nêu cảm nhận của em về một đoạn thơ mà em thích | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình ày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập   * ễn tập toàn bộ kiến thức phần thơ | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bư­ớc 4. Giao bài, h­ướng dẫn học bài, làm bài về nhà**: 2 phút

**a. Học bài:** Học thuộc phần bảng thống kê

Làm hoàn thiện bài tập 6

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn : Nghĩa tư­ờng minh và hàm ý( tiếp)

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

Phiếu bài tập, bài tập

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 28**

**Tiết 131**

**NGHĨA T­ƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**

**(Tiếp theo)**

**I.MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Nắm đ­ược 2 điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến ng­ười nói và ngư­ời nghe.

**2. Kỹ năng** :

Rèn kĩ năng phân tích ví dụ và khái quát vấn đề

**3. Thái độ:**

**-** Hình thành thói quen nghiêm túc và quan tâm tới đối tượng giao tiếp để đạt hiệu quả giao tiếp

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức:**

- Hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến ng­ười nói và ng­ười nghe.

**2. Kĩ năng:**

- Giải đoán và sử dụng hàm ý.

**3. Thái độ:** nghiêm túc và quan tâm tới đối tượng giao tiếp để đạt hiệu quả giao tiếp

**4. Kiến thức tích hợp liên môn**

- Tích hợp thực tế xã hội: Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập văn bản

- Môn Văn: các văn bản

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III .CHUẨN BỊ .**

**1.Thầy** : Nghiên cứu tài liệu, soạn GA, phiếu bài tập, bảng phụ.

**2**.**Trò:** Học bài cũ, soạn bài mới theo hư­ớng dẫn của GV

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bư­ớc 1: Ổn định tổ chức**: 1phút

**\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ:**

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học và làm bài ở nhà qua việc soạn bài.

- Ph­ương án: Kiểm tra đầu giờ.

***H1. Chọn đáp án đúng!***

***Câu1***: **Nghĩa tường minh là gì?**

A.Là nghĩa được nhận ra bằng cách suy đoán.

**B. Là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.**

C.Là nghĩ được tạo nên bằng cách nói ẩn dụ.

D. Là nghĩ được tạo thành bằng cách nói so sánh.

***Câu2***: **Điền từ thích hợp vào dấu ba chấm trong câu:** “.**.. là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra bằng từ ngữ ấy**.”

A.Nghĩa tường minh. **C.Hàm ý.**  B.Nghĩa cụ thể. D.Nghĩa khái quát.

***Câu3***: **Câu nào sau đây có chứa hàm ý ?**

**A. Lão tẩm ngẩm thế nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu:Lão vừa xin tôi một ít bả chó.**

B.Lão làm khổ lão chứ ai làm khổ lão.

C.Cuộc đời quả thực cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn.

D.Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà bất thình lình như vậy.

*- Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.*

**H2.** Xác định hàm ý trong đoạn thơ sau."Thoắt trông nàng đã chào th­ưa

" Tiểu thư­" cũng có bây giờ đến đây.

Đàn bà dễ có mấy tay

Đời x­a mấy mặt đời này mấy gan !

Dễ dàng là thói hồng nhan

Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều"( Truyện Kiều - Nguyễn Du )

Đáp án : - Hàm ý mỉa mai đối với Hoạn th­ư Tiểu thư­......

- Hàm ý đe dọa, trừng trị HoạnThư ­

**\* Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới.**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - Để sử dụng hàm ý trên cần có những điều kiện nào?  - Từ phần trả lời của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS trả lời , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  TIẾT 128.  **NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**  (TIẾP THEO) |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| **I. GV HD HS tìm hiểu điều kiện sử dụng hàm ý.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu điều kiện sử dụng hàm ý.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Điều kiện sử dụng hàm ý.** |
| *\* Gọi hs đọc ví dụ trang 90/ SGK.Chú ý các câu im đậm*  H. Nêu hàm ý của những câu in đậm?  H. Vì sao chị Dậu không nói thẳng với con mà phải dùng hàm ý?  H. Hàm ý trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn?  *\* Tổ chức hs thảo luận nhóm ( 2 phút )gọi trình bày, nhận xét, bổ sung.*  *- Gv nhận xét, chốt* | *+ HS đọc ví dụ. Học sinh thảo luận nhóm (2')*  *- Làm ra phiếu bài tập đại diện nhóm trình bày.Nhóm khác nhận xét.*  - Đây là điều đau lòng nên chị Dậu không dám nói thẳng ra mà phải nói tránh .  + Câu 2 hàm ý của chị rõ hơn so với câu 1 vì có chi tiết cụ Nghị thôn Đoài. Vì lúc đầu cái Tý ch­­a hiểu hết ý câu nói của chị. | | **1/ VD sgk tr 90**  "Con chỉ đ­ược ăn ở nhà bữa này nữa thôi "  -> Hàm ý : bữa cuối cùng con ăn ở nhà ; Mẹ đã bán con .  - Câu2; "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị ...."  -> Hàm ý: Mẹ phải bán con cho cụ Nghị |
| H. Chi tiết nào cho thấy cái Tý đã hiểu hết hàm ý của chị? Vì sao cái Tý có thể hiểu đư­ợc? Giả sử chị Dậu nói thẳng ra điều ấy thì sẽ có chứa câu hàm ý không? | *+ Hs trả lời cá nhân*  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung*  - Cái Tý nghe nói giãy nảy  - Cái Tý hiểu nhờ câu nói của mẹ, vì tr­­ước đó nó đã biết bố mẹ quyết định bán nó cho nhà Nghị Quế. | |  |
| H. Vậy để sử dụng hàm ý thành công cần có những điều kiện nào?  \*GV chốt, gọi hs đọc ghi nhớ | *+ HS khái quát, trả lời.*  *- 1HS đọc ghi nhớ, ghi vào vở.*  - Ng­ười nói có ý thức đ­ưa hàm ý vào câu nói  - Ng­­ười nghe có năng lực giải đoán hàm ý.  \* Chú ý: Khi sử dụng hàm ý phải dựa vào mục đích, hoàn cảnh giao tiếp. | | **2. Ghi nhớ.** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 25p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | |
| **II. HD HS luyện tập** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập** | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** | |
| \* Gọi HS đọc BT1. Nêu yêu cầu: Hãy cho biết:  H. Người nói, người nghe trong những câu in đậm là ai? Xác định hàm ý của mỗi câu nói đó?  H. Theo em người nghe có hiểu hàm ý của người nói không? Chi tiết nào chứng tỏ điều đó? | *+ Học sinh đọc yêu cầu*  *- Học sinh hoạt động cá nhân theo nhóm*  *+ Nhóm 1: a*  *+ Nhóm 2+3 : b*  *+ Nhóm 4: c*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  ***a.*** *Chè đã ngấm rồi đấy.*  -Người nói là anh TN, người nghe là ông hoạ sĩ và cô gái  -Hàm ý: mời bác và cô vào uống nước  -Hai người nghe đều hiểu hàm ý đó thông qua chi tiết*: ông theo liền anh TN.... ngồi xuống ghế.*  ***b***. *Chúng tôi cần bán..... để....*  -Người nói là anh Tấn, người nghe là chị hàng đậu ngày trước.  -Hàm ý: chúng tôi không thể cho được  -Hiểu đ­ược hàm ý nhờ câu nói cuối cùng: thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu.  ***c***. *Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây*  -Ng­ười nói là Thuý Kiều, người nghe là Hoạn Thư  -Hàm ý: Câu 1: Quyền quý như tiểu thư mà cũng có lúc phải đến trước hoa nô này ­?  Câu 2: Hãy chuẩn bị đón sự báo oán thích đáng.  -Chi tiết chứng tỏ người nghe hiểu hàm ý: “*Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu..... liệu điều kêu ca*” | **1. Bài 1. Xác định các hàm ý.**  ***a.*** *Chè đã ngấm rồi đấy.*  -Hàm ý: mời bác và cô vào uống nước.  ***b***. *Chúng tôi cần bán..... để....*  -Hàm ý: chúng tôi không thể cho được  ***c***. *Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây*  - Hàm ý: Câu 1: Quyền quý như tiểu thư mà cũng có lúc phải đến trước hoa nô này ­? | |
| *\* Gọi HS đọc BT2.Nêu yêu cầu:*  H. Hãy xác định:  -Hàm ý của câu in đậm?  -Vì sao bé Thu không nói thẳng mà phải sử dụng hàm ý?  -Việc sử dụng hàm ý có thành công không? Vì sao?  *- Tổ chức học sinh hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét, chốt* | *+ Gọi học sinh đọc bài tập*  *- Học làm ra vở bài tập*  *- Trình bày, nhận xét*  -Hàm ý: nhờ ông Ba chắt giùm nước để cơm khỏi nhão.  -Phải sử dụng hàm ý vì trước đó em đã nói thẳng mà không có hiệu quả. Lần này do thời gian bức bách (tránh để lâu nhão cơm) nên em phải sử dụng hàm ý.  -Việc sử dụng hàm ý không thành công vì “Anh Sáu vẫn ngồi im”- tỏ ra không cộng tác(vờkhông nghe,không biết) | **2. Bài 2. Xác định các hàm ý và lí do sử dụng.**  -Hàm ý: nhờ ông Ba chắt giùm nước để cơm khỏi nhão. | |
| *\* GV gọi HS đọc BT3. Nêu yêu cầu:*  H. Hãy điền vào lượt lời của B trong đoạn thoại một câu có hàm ý từ chối?  *\*GV lưu ý HS: Không dùng những câu không rõ chủ định: Để xem đã, Mai hẵng hay...* | *+ Học sinh đọc bài tập 3*  *- Hai học sinh đặt đoạn đối thoại*  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung*  - Có thể điền bằng cách nêu việc phải làm vào ngày mai:  -Tiếc quá, mai mình bận ôn thi học kì.  -Mai mình hẹn cùng mẹ về quê thăm bà ngoại. | **3. Bài 3.Điền câu có hàm ý từ chối.** | |
| *\* Cho HS theo dõi BT4. Nêu yêu cầu*:  H. Tìm hàm ý của Lỗ Tấn trong đoạn trích?  *\*GV kết luận.* | *+ HS theo dõi BT, suy nghĩ, trả lời. HS khác bổ sung.*  - So sánh “hi vọng” với “con đường” ->Nếu có cố gắng, quyết tâm thực hiện thì sẽ có thể thực hiện được . | **4. Bài 4.Tìm hàm ý của Lỗ Tấn**  So sánh “hi vọng” với “con đường” ->Nếu có cố gắng, quyết tâm thực hiện thì sẽ có thể thực hiện được . | |
| H. Nêu yêu cầu BT5:  -Đọc lại bài thơ “Mây và Sóng”  -Tìm những câu có hàm ý mời mọc hoặc từ chối  -Hãy viết thêm vào mỗi đoạn một câu có hàm ý mời mọc rõ hơn? | *+ 1HS đọc, lớp nghe.*  *HS suy nghĩ, tìm câu có hàm ý.*  *-Viết thêm câu có hàm ý mời mọc rõ hơn.*  ***-Mời mọc:***  ***+***Bọn tớ chơi.....  +Bọn tớ ca hát......  ***-Từ chối:***  +Mẹ mình đang đợi ở nhà...  +Làm sao có thể rời mẹ.....  -Viết thêm câu có hàm ý mời mọc: Không biết có ai muốn chơi với bọn tớ không? | **5. Bài 5. Tìm hàm ý:**  ***-Mời mọc:***  ***+***Bọn tớ chơi.....  +Bọn tớ ca hát......  ***-Từ chối:***  +Mẹ mình đang đợi ở nhà...  +Làm sao có thể rời mẹ.....  -Viết thêm câu có hàm ý mời mọc: Không biết có ai muốn chơi với bọn tớ không? | |

**\* Bài tập củng cố!**

Chọn đáp án đúng

**1. Việc nói và sử dụng hàm ý cần những điều kiện nào**?

A. Người nói (người viết) có trình độ văn hoá cao.

B. Người nghe (người đọc) có trình độ văn hoá cao.

**C. Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói, còn người nghe (người đọc) phải có năng lực giải đoán hàm** ý.

D. Người nói (người viết) phải sử dụng các phép tu từ.

***Câ****u2:* Điền tiếp vào chỗ trống một câu có hàm ý khích lệ, động viên.

Chán quá, bài văn hôm nay tớ được có mỗi năm điểm

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Đặt ra một tình huống giao tiếp với bạn em có sử dụng hàm ý | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm hàm ý trong các văn bản đã học | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* B­ước 4. Giao bài, h­ướng dẫn học bài và làm bài về nhà**: 2 phút

**a. Học bài**: Học thuộc phần ghi nhớ

Làm hoàn thiện bài tập .

Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng hàm ý

**b. Chuẩn bị bài mới**

Soạn : Kiểm tra về thơ hiện đại

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 28**

**Tiết 132**

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Một lần nữa nắm vững hơn cách làm bài văn nghị luận về văn học- cụ thể là bài nghị luận về tác phẩm truyện để nhận ra được những chỗ mạnh, chỗ yếu của mình khi viết loại bài này để rút kinh nghiệm cho bài viết văn nghị luận sau.

**2. Kĩ năng:**

- Thông qua việc chấm, trả bài, nhận xét của giáo viên, củng cố lại phương pháp, kĩ năng làm một bài văn nghị luận về văn học, cụ thể là bài nghị luận về tác phẩm truyện.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh có ý thức tự giác, nghiêm túc chữa bài của cá nhân và của bạn để rút kinh nghiệm cho bài viết sau

**II .TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập củng cố cho HS các kiến thức về văn nghị luận về tác phẩm truyên hoặc đoạn trích một cách phù hợp có hiệu quả.

- Đánh giá các ­ưu, nh­ược điểm của HS trên các phư­ơng diện hình thức và nội dung bài viết.

- Sửa chữa các lỗi mắc phải để rút kinh nghiệm.

- Biểu dương những bài viết tốt cho cả lớp cùng trao đổi rút kinh nghiệm.

**2. Kĩ năng**

- Rèn luyện kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý và diễn đạt và kĩ năng tự sửa chữa lỗi cụ thể trong bài viết của HS trong cách dùng từ đặt câu.

**3. Thái độ**: nghiờm tỳc nhận ra ưu khuyết điểm của bài viết để khắc phục và phát huy.

**4. Kiến thức tích hợp:**

- Liên hệ thực tế

- Rèn kĩ năng sống : Kĩ nhận biết những khuyết điểm và sửa chữa trong bài viết

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1 .Thầy** : Chấm bài, phát hiện lỗi cơ bản, bảng phụ ghi câu văn mắc lỗi .

**2.Trò** : Ôn tập năm phư­ơng pháp viết bài, lập dàn bài cho bài văn tự luận .

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* B­ước 1** : Ổn định tổ chức ( 1’ ) : Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ lớp học

**\* Bư­ớc 2** : Kiểm tra bài cũ ( thực hiện trong quá trình dạy học )

**\* B­ước 3** : Tổ chức dạy và học bài mới

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

- Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

- Thời gian dự kiến: 2 phút

- Hỡnh thành năng lực : thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT- KN cần đạt** |
| -Nêu vấn đề: Bài viết số 6 của em đã đạt được những gì, có gì tiến bộ hơn so với bài viết số 5, còn những nhược điểm nào cần khắc phục sửa chữa?  GV chốt lại: Ghi tên bài. | HS lắng nghe, phán đoán.  Ghi bài |  |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Phư­ơng pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn.

- Thời gian dự kiến.: 15 phút.

- Hỡnh thành năng lực : tư duy, giao tiếp, giải quyết vấn đề

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **Chuẩn KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **I. Hư­ớng dẫn nhắc lại đề nêu đáp án biểu điểm.** | | **I. HS nhắc lại đề nêu đáp án biểu điểm.** | | **I. Nhắc lại đề nêu đáp án biểu điểm** |
| H. Em hãy nhớ lại và đọc lại đề bài phần tạo lập văn bản ?  H. Bài viết em trình bày làm mấy phần ? Nêu ý từng phần?  *\* Cuối cùng, GV công khai đáp án trên bảng phụ.*  *\* GV yêu cầu 1 HS nhắc lại dàn bài nghị luận chung về tác phẩm truyên hoặc đoạn trích.*  *\*GV nhấn mạnh một số điểm khi làm bài*  - Không thể thiếu được lời nhận xét đánh giá chung nhất( ấn tượng chung nhất) về tác phẩm, đặc điểm phẩm chất, tính cách của nhân vật.  - Triến khai qua các luận điểm.  - Bám vào nội dung nghệ thuật của tác phẩm, nhận vật để phân tích nhận xét đánh giá:  + Nội dung: đề tài, chủ đề của tác phẩm phản ánh, gửi gắm của tác giả.  + Nghệ thuật: Cách xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, cốt truyện…  + Nhân vật: Bám vào các chi tiết tiêu biểu về hoàn cảnh sống, xã hội, ngoại hình nhân vật, lời nói, hành động, việc làm, nội tâm… của nhân vật để phân tích, nhận xét đánh giá…  - Cần dẫn dắt, giới thiệu đưa chi tiết kết hợp nhận xét đánh giá hoặc ngược lại… | | *+ HS nhắc lại đề*  *- HS nêu đáp án, lớp nhận xét góp ý.*  *+ HS trao đổi, trình bày dàn ý. Lớp nhận xét, góp ý.*  *-HS quan sát, tự hoàn thiện kiến thức.*  *+1 HS nhắc lại dàn bài nghị luận chung về tác phẩm truyên hoặc đoạn trích.Nghe GV lưu ý.* | | **\* Đề bài:** |
| **II. Hư­ớng dẫn HS nhận xét ­ưu khuyết điểm trong bài làm.** | | **II. HS nhận xét ­ưu khuyết điểm trong bài làm.** | | **II. nhận xét ­ưu khuyết điểm trong bài làm.** |
| *\* GV nêu yêu cầu:*  H. Đối chiếu với dàn ý và các yêu cầu của đề bài, em tự nhận thấy bài viết của mình có những ưu, nhược điểm gì?  *\* GV nhận xét ưu, nhược điểm trong bài của HS.* | | *+ HS tự nhận ra ưu, nhược điểm trong bài của mình.*  *HS nghe, rút kinh nghiệm* | | ***1.HS tự đánh giá.***  -Bố cục, nội dung các phần.  -Dùng từ, đặt câu,diễn đạt  -Sự kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận....  ***2.GV nhận xét, đánh giá.*** |
| ***+ Ưu điểm***:  - Nhìn chung HS nắm được phương pháp làm một bài nghị luận về tác phẩm  - Đa số bài làm đảm bảo kiến thức, kĩ năng yêu cầu của bộ môn, có kiến thức khá sâu sắc về kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm VH.  - Về nội dung: Các phần liên kết chặt chẽ với nhau tạo tính mạch lạc, bám sát nội dung cốt truyện, đặc điểm phẩm chất nhân vật. Nhận xét, đánh giá chính xác về nhân vật qua các chi tiết tiêu biểu đặc.  - Trình bày bài tương đối sạch đẹp, khoa học, bố cục đủ 3 phần. Một số bài làm có luận điểm, luận cứ rõ ràng, thuyết phục, lập luận chặt chẽ, các câu văn, đoạn văn mạch lạc: Tỳ , Oanh, Hường  ***+ Hạn chế:***  - Một vài em nội dung nghị luận còn sơ sài.  - Nêu suy nghĩ về nhân vật còn chung chung, chưa trình bày nhận xét về nghệ thuật của truyện  - Các ý trong bài làm còn lộn xộn  - Còn mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt,  - Cá biệt có em bài văn chưa làm xong hoặc làm rất sơ sài: Hưng  ***\*Nguyên nhân***:  - Chưa có kĩ năng diễn đạt, kĩ năng viết bài văn nghị luận còn hạn chế, vốn thực tế còn nghèo nàn, chưa có kĩ năng phân tích, đánh giá.  - Chuẩn bị bài chưa chu đáo, làm bài chưa tập trung.  ***\*Cách khắc phục.***  -Tăng cường rèn kĩ năng viết câu, viết đoạn.  -Cần chuẩn bị bài chu đáo, làm bài nghiêm túc.  -Kiểm tra bài trước khi nộp. | | | | |
| **III. GV HD HS chữa lỗi.**  \* GV đưa một số lỗi tiêu biểu lên bảng phụ, cho HS phát hiện lỗi và sửa lỗi.  - GV bổ sung, kết luận. | **III. HS chữa lỗi.**  *+ HS đọc, phát hiện lỗi sai sửa các lỗi sai.*  *- HS chữa lỗi trong bài.Nghe GVchữa lỗi.* | | **III. Chữa lỗi**  Lỗi chính tả.  -Lỗi dùng từ.  -Lỗi diễn đạt. | |
| GV đưa một số lỗi cơ bản của hs lên bảng phụ.  GV yêu cầu hs nhận xét, sửa chữa. | Hs đọc  HS nhận xét, sửa chữa.  **Lỗi sai**  1/ lẩn chánh  2/ Ông Hai chở mình đi chở mình lại  3/ truyện ngắn làng của KL  4/ từ lúc nghe tin giữ ông Hai xâm chiếm trong lòng…  5/ Cụ hồ  6/ Tình cảm yêu làng đáng kính trọng của ông Hai  7/ Họ đã đem xương máu cho mọi nhà  8/ thật chớ chêu thay.  9/ tình yêu làng được thể hiên thành một cá tính đáng quý của nhân vật ông Hai.  10/ Về đến nhà, ông Hai nằm vạ ra giường..  11/ Đề tài người nông dân gợi thi hứng sáng tác cho các văn nghệ sĩ sáng tác, cho các nhà văn nhà thơ…  12/ Ông Hai là người yêu nước gắn bó với yêu làng quê…  13/ Ông Hai cổ nghẹn đắng lại, ra mặt te dân dân | | **Sửa lại**  1 / lẩn tránh  2/ Ông Hai trằn trọc không sao ngủ được…  3/ Truyện ngắn “Làng” của Kim Lân…  4/ Từ lúc nghe tin dữ, ông Hai luôn sống trong tâm trạng đau đớn tủi hổ, dằn vặt…  5/ Cụ Hồ  6/ Tình cảm yêu làng của ông Hai thật đáng trân trọng  7/ Họ đã hy sinh sương máu để giành lại độc lập tự do cho quê hương cho đất nước.  8/ thật trớ trêu thay.  9/ Tình yêu làng của ông Hai được tái hiện một cách sinh động qua ngòi bút của nhà văn Kim Lân.  10/ “Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường.”  11/ Đề tài người nông dân luôn là đề tài cho các văn nghệ sĩ sáng tác  12/ Ông Hai là người yêu làng quê gắn liền với lòng yêu nước  13/ “Cổ ông Hai nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân” | |
| \* GV đọc một số bài làm tốt, đoạn văn diễn đạt hay cho HS tham khảo. | *+ HS nghe, học tập và tự rút kinh nghiệm* | |  | |
| \* Gv tuyên dương một số em có bài làm khá, ý thức tốt và nhắc nhở một số em nộp bài muộn làm bài sơ sài.  - Gọi điểm, lấy điểm vào sổ, nhận xét ý thức, thái độ của HS trong giờ trả bài. | *+ HS nghe, rút kinh nghiệm, đọc điểm.* | |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (2’)**

**-**GV đọc một số đoạn văn, bài văn hay cho HS tham khảo.

**HOẠT ĐỘNG 5. PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG ( 2’)**

* Tỡm đọc những bài văn nghị luận về tác phẩm truyện
* Rút ra kinh nghiệm muốn làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện hay cần chú ý điều gỡ?

**- GV gọi tên lấy điểm vào sổ.**

**- thống kê kết quả.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Điểm  Lớp | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9,10 | Tỉ lệ |
| 9B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9C |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**\* B­ước 4:Giao bài, h­ướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà (5phút)**

**a. Bài vừa học.**

- Ôn tập lại về kiểu bài về nghị luận về 1 TP truyện hoặc đoạn trích.

- Tự sửa các lỗi vào trong vở ghi và vở BTNVăn.

- Mượn bài viết hay của bạn trong lớp để tham khảo, học tập

**b. Chuẩn bị bài mới.**

- Chuẩn bị 2 tiết tiếp theo: Tổng kết phần VB nhật dụng.

+ Đọc kĩ câu hỏi, soạn bài theo câu hỏi trong SGK.

+ Lập bảng hệ thống hóa kiến thức theo mẫu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 28**

**Tiết 133,134**

**TỔNG KẾT VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và hệ thống lại các kiến thức cơ bản về văn bản nhật dụng.

**2. Kĩ năng**

- Trên cơ sở nhận thức tiêu chuẩn đầu tiên và chủ yếu của văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung, hệ thống hóa được chủ đề của các văn bản nhật dụng trong chương trình ngữ văn THCS.

- Nắm được một số đặc điểm lưu ý trong cách thức tiếp nhận văn bản nhật dụng.

**3. Thái độ:** - Giáo dục ý thức ôn bài tự giác, làm bài ở nhà nghiên túc.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Đặc tr­ưng của văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung.

- Những nội dung cơ bản của văn bản nhật dụng đã học.

**\*Tích hợp với môi trường : Nhắc lại các văn bản liên quan đến môi trường.**

**2. Kĩ năng.**

- Tiếp cận một văn bản nhật dụng.

- Tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức.

**3. Thái độ:** - Giáo dục ý thức ôn bài tự giác, làm bài ở nhà nghiên túc.

**4, Tích hợp kiến thức liên môn: ĐỊa lí: Mối trường thiên nhiên,**

**- GDCD: quyền trẻ em , các vấn đề về môi trường…**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ.**

*1.****Thầy***: Bảng phụ, phiếu bài tập

**2.** ***Trò:*** Chuẩn bị theo hư­ớng dẫn

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC.**

**\*B­ước 1**: **Ổn định tổ chức lớp.**

- Kiểm tra sĩ số:

**\*Bư­ớc 2**: **Kiểm tra bài cũ (5phút)**

- Mục tiêu: Kiểm tra sự hiểu biết của HS về các vấn đề liên quan với tiết học

- Ph­ương án: Kiểm tra tr­ước khi học bài mới.

***H/ Khoanh tròn vào phương án trả lời đúng.***

**Câu 1:** Trong các nhóm văn bản sau, nhóm văn bản nào là văn bản nhật dụng?

A. Bài toán dân số, Côn Sơn ca

**B. Ca Huế trên sông H­ương, Đấu tranh cho một thế giới hòa bình.**

C. Mẹ tôi, Muốn làm thằng Cuội

D. Phong cách Hồ Chí Minh, Viếng lăng Bác

**Câu 2**: Nội dung nào sau đây **không** phù hợp với đặc điểm của văn bản nhật dụng?

A. Đề cập đến những vấn đề gần gũi, bức thiết diễn ra trong cuộc sống hiện tại

B. Có thể đư­ợc viết bằng các ph­ương thức biểu đạt khác nhau.

**C. Chỉ được sáng tác trong thời điểm hiện tại.**

D. Có giá trị nhất định về mặt văn chư­ơng.

**Câu 3**: Khi học các văn bản nhật dụng cần l­ưu ý điều gì?

A. Căn cứ vào đặc điểm hình thức của văn bản và phương thức biểu đạt để phân tích nội dung.

B. Cần có kiến giải, quan điểm riêng, đề xuất kiến nghị và những giải pháp về những vấn đề đặt ra trong văn bản.

C. Cần vận dụng kiến thức những môn học khác để làm sáng tỏ những nội dung đặt ra trong văn bản.

**D. Gồm tất cả những nội dung trên.**

**\*B­ước 3**: **Tổ chức dạy và học bài mới.**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

* Thời gian dự kiến: 2’
* Phương pháp: Thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não.
* Hỡnh thành năng lực: thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Chuẩn KT – KN cần đạt** |
| H: Trong chương trình THCS em đã học loại văn bản nào có nội dung bức thiết gần gũi với đời sống?   * Gv thuyết trình:   Bài học ngày hụm nay, cụ cựng cỏc em sẽ ụn tập, củng cố lại những kiến thức về vặn nhật dụng mà các em đó được học trong chương trình ngữ văn THCS. | *Kĩ năng thuyết trình*   * Hs trình bày | *Kĩ năng thuyết trình* |
| * Gv ghi bảng. | * Hs ghi bài. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

* Thời gian dự kiến: 75’
* Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não, thảo luận nhúm
* Hỡnh thành năng lực: giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | | **CHUẨN KT - KN CẦN ĐẠT** | | |
| **I. Hướng dẫn hs ôn tập về khái niệm văn bản nhật dụng** | | *Kĩ năng giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp*  **I. HS ôn tập về khái niệm văn bản nhật dụng** | | | | *Kĩ năng giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp*  **I. Khái niệm văn bản nhật dụng.** | | |
| *\* GV nêu yêu cầu*: Theo dõi mục 1 và cho biết:  -Những VB ntn được gọi là VB nhật dụng?  -VB nhật dụng có phải là khái niệm chỉ thể loại hay kiểu VB không?  -Nói tới VB nhật dụng là đề cập đến những vấn đề gì? | | *+HS suy nghĩ trao đổi, trình bày.*  *-HS khác n/xét, bổ sung.*  *-Nghe, ghi chép ý cơ bản.*  ***-VB nhật dụng:*** là những bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết đối với c/sống trước mắt của con người và cộng đồng trong XH hiện đại: dân số, môi trường...  -Khái niệm VB nhật dụng không phải là khái niệm thể loại, không chỉ kiểu VB mà chỉ đề cập đến chức năng, đề tài, tính cập nhật. | | | | ***1. VB nhật dụng:*** là những bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết đối với c/sống trước mắt của con người và cộng đồng trong XH hiện đại: dân số, môi trường...  -Khái niệm VB nhật dụng không phải là khái niệm thể loại, không chỉ kiểu VB mà chỉ đề cập đến chức năng, đề tài, tính cập nhật. | | |
| H.Trình bày những hiểu biết của em về đề tài, chức năng và tính cập nhật của VB nhật dụng?  -Tính cập nhật với tính thời sự có liên quan gì với nhau?  -Những văn bản đã học có phải chỉ có tính thời sự nhất thời hay không? Vì sao ?  -Học văn bản nhật dụng để làm gì ?  -Văn bản nhật dụng có ý nghĩa ntn đối với HS ?  *- Gv tổ chức học sinh hoạt động nhóm bàn ( 5 phút )*  *- Gọi hs trình bày, nhận xét*  *- Gv nhận xét, chốt* | | *+ Học sinh thảo luận theo nhóm ( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  *- Nghe gv nhận xét, chốt*  ***-Đề tài:*** *rất phong phú:* Thiên nhiên, môi trường, văn hoá, giáo dục, chính trị, xã hội , thể thao, đạo đức, nếp sống...  ***-Chức năng*:** bàn luận, thuyết minh, tường thuật, miêu tả, đánh giá..... những vấn đề, những hiện tượng của đời sống con người và xã hội  ***-Tính cập nhật*:** là tính kịp thời, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của cuộc sống hằng ngày, c/sống hiện tại gắn với những v/đề cơ bản của cộng đồng xã hội.  -Các VB nhật dụng trong chương trình vừa có tính cập nhật vừa có tính lâu dài của sự phát triển lịch sử, xã hội: v/đề môi trường, dân số, bảo vệ di sản văn hoá, chống chiến tranh hạt nhân, giáo dục trẻ em, chống hút thuốc lá... đều là những vấn đề nóng bỏng của hôm nay nhưng đâu phải giải quyết triệt để trong ngày một ngày hai  ->Tạo ĐK tích cực để HS hoà nhập với XH. | | | | **2. Đặc điểm của văn bản nhật dụng:**  ***-Đề tài:*** *rất phong phú:*  ***-Chức năng***: bàn luận, thuyết minh, tường thuật, miêu tả, đánh giá.....  ***-Tính cập nhật***: là tính kịp thời, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của cuộc sống hằng ngày, c/sống hiện tại gắn với những v/đề cơ bản của cộng đồng xã hội.  ***- Giá trị văn chương không phải là yêu cầu cao nhất với văn bản nhật*** ***dụng.*** Tuy nhiên, đó vẫn là yêu cầu quan trọng vì văn có hay mới làm người đọc thấm thía về tính thời sự nóng hổi cúa chính vấn đề được đặt ra. | | |
| H. Những vấn đề bức thiết được đề cập trong các VB nhật dụng của môn Ngữ văn có gì khác so với các môn học khác? | | *+ Suy nghĩ, trả lời.*  -VB nhật dụng của môn Ngữ văn: có thể chọn được những VB hay, gây được tác động mạnh, sâu sắc tới người đọc, làm cho người đọc thấm thía về tính chất thời sự nóng hổi, giúp cho việc rèn luyện kiến thức, kĩ năng đặc thù của bộ môn Ngữ văn(VBND có giá trị như 1TPVH) | | | |  | | |
| **II. Hoạt động 2: HD HS hệ thống hoá đề tài, chủ đề của văn bản nhật dụng** | | **II.HS hệ thống hoá các đề tài, chủ đề của văn bản nhật dụng** | | | | **II.Nội dung các văn bản nhật dụng** | | |
| *\* GV HD HS hệ thống hoá các văn bản nhật dụng đã học từ lớp 6 - lớp 9: đề tài, chủ đề, nội dung, PTBĐ chủ yếu.*  \*yêu cầu HS TL nhóm:  \* N1: ND các VB lớp 6.  \* N2: ND các VB lớp 7  \* N3:ND các VB lớp 8  \*N4:ND các VB lớp 9.  *Gv chiểu bảng chuẩn.* | | *+ HS điền vào bảng hệ thống.*  *- Học sinh thảo luận theo từng khối lớp*  *+ Lớp 6*  *+ Lớp 7*  *+ Lớp 8*  *+ Lớp 9*  *-* Các nhóm trình bày,  *bổ sung, theo dõi bảng chuẩn.* | | | |  | | |
| **Lớp** | **Tên văn bản** | **Đề tài, chủ đề** | | | **PTBĐ** | **Nội dung** | | |
| 6 | Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử. | Di tích lịch sử | | | Tự sự + miêu tả, biểu cảm | Nơi chứng kiến những sự kiện LS hào hùng, bi tráng của Hà Nội | | |
| 6 | Động Phong Nha. | Danh lam thắng cảnh | | | Tự sự + miêu tả. | Là kì quan TG, thu hút khách du lịch | | |
| 6 | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Quan hệ giữa TN với con người | | | Nghị luận + biểu cảm | Con người phải sống hoà hợp với TN. | | |
| 7 | Cổng trường mở ra | Giáo dục, nhà trường, trẻ em | | | TS +MT + BC | Tình cảm thiêng liêng của cha mẹ với con | | |
| 7 | Mẹ tôi | Giáo dục, nhà trường, trẻ em | | | TS + TM+ BC | Yêu thương, kính trọng cha mẹ | | |
| 7 | Cuộc chia tay của những con búp bê | Giáo dục, nhà trường, trẻ em | | | Tự sự + miêu tả. | Tình cảm anh em thân thiết | | |
| 7 | Ca Huế trên sông Hương | Văn hoá dân gian | | | t.minh + m.tả | Vẻ đẹp của SH văn hoá đặc sắc xứ Huế | | |
| 8 | Thông tin về ngày... | Môi trường | | | Nghị luận | Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông | | |
| 8 | Ôn dịch, thuốc lá. | Chống tệ nạn ma tuý | | | t.m +nl +bc | Tác hại của thuốc lá (sức khoẻ và kinh tế) | | |
| 8 | Bài toán dân số | Dân số và tương lai loài người | | | TM+ NL+BC | Mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển XH | | |
| 9 | Tuyên bố TG ... quyền .... trẻ em. | Quyền sống của con người... | | | Nghị luận +TM + BC | Trách nhiệm ch.sóc bảo vệ và phát triển trẻ em . | | |
| 9 | Đấu tranh vì một thế giới hoà bình | Bảo vệ HB thế giới, chống CT | | | NL+TM+BC | Nguy cơ chiến tranh hạt nhân và v/đề b.vệ HB | | |
| 9 | Phong cách Hồ Chí Minh. | Hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc dân tộc... | | | NL + BC | Vẻ đẹp p/cách HCM, niềm tự hào, kính yêu Bác. | | |
| *\* GV nêu yêu cầu:*  H. Em có nhận xét gì về nội dung mà các văn bản nhật dụng thể hiện? | | *+ Suy nghĩ, trả lời, rút nhận xét*  - Nội dung các VB thể hiện là những vấn đề thường xuyên được các phương tiện thông tin đại chúng nhắc tới, là vấn đề có ý nghĩa lâu dài đối với xã hội | | | |  | | |
| **\* GDBVMT+ Tích hợp môn Địa lí**  **Bài tập**: Hãy kể tên các VB nói về thiên nhiên? Môi trường thiên nhiên hiện nay ra sao ? theo em cần có những giải pháp nào để bảo vệ môi trường?  ( Động Phong Nha, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ,Ca Huế trên sông Hương...Môi trường đang bị ô nhiễm nặng nề: Không khí ô nhiễm, rừng bị chặt phá, đất đai xói mòn...Giải pháp: Trồng cây, chống xói mòn đất bằng cách phủ xanh đất trống đồi trọc, .....)  ***\* GV chốt kiến thức tiết 1, chuyển tiết 2.***  TIẾT 134 | | | | | | | | |
| **III. HD HS hệ thống hoá các hình thức và kiểu VB của văn bản nhật dụng** | | | | **III. HS hệ thống hoá các hình thức và kiểu VB của văn bản nhật dụng** | | | | **III.Hình thức văn bản nhật dụng** |
| **GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(**3’)  -Từ bảng thống kê, ta có thể rút ra kết luận gì về hình thức biểu đạt của văn bản nhật dụng? Tác dụng? | | | | *+* **HSthảo luận nhóm bàn (3’) thực hiện kĩ thuật động não. Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét .Lắng nghe ,ghi vở**  - Hình thức biểu đạt của VBND rất đa dạng.  -VBND kết hợp nhiều PTBĐ để tăng sức thuyết phục. | | | | - Hình thức biểu đạt của VBND rất đa dạng.  -VBND kết hợp nhiều PTBĐ để tăng sức thuyết phục. |
| H. Lấy 1 VBND để chứng minh sự kết hợp giữa các PTBĐ trong một VBND? | | | | *+ HS lấy ví dụ chứng minh.* | | | |  |
| H. Hãy tìm yếu tố biểu cảm và phân tích tác dụng của nó trong “Ôn dịch thuốc lá”? | | | | *+ HS lấy ví dụ, chỉ rõ yếu tố biểu cảm, phân tích tác dụng*  **VD: VB“Ôn dịch thuốc lá”: Nghĩ đến mà kinh!**  - Yếu tố biểu cảm còn thể hiện ở cách dùng dấu chấm tu từ ở đề mục văn bản.  -Tác dụng: những yếu tố đó có tác dụng làm ngư­ời đọc ghê tởm những tác hại khôn lường do khói thuốc gây ra. | | | |  |
| H. Hãy CM 2 VB “Cầu Long Biên... lịch sử và Ôn dịch thuốc lá” có cách đặt đề mục giống nhau nhưng lại dùng 2 PTBĐ khác nhau? | | | | *+ HS suy nghĩ, chứng minh.*  - Cầu Long Biên... lịch sử: PTBĐ chủ yếu là miêu tả kết hợp biểu cảm.  -Ôn dịch thuốc lá: chủ yếu là TM tác hại của thuốc lá. | | | |  |
| H. Qua phân tích tìm hiểu, em hãy chỉ ra tác dụng của các văn bản nhật dụng trong việc học tập môn Ngữ văn?  (không chỉ mở rộng hiệu biết toàn diện mà còn tạo điều kiện tích cực để thực hiện nguyên tắc giúp học sinh hoà nhập với cuộc sống, xã hội rút ngắn khoảng cách giữa nghệ thuật và xã hội...) | | | | *- Học sinh trả lời cá nhân*  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung*  - Giúp củng cố kiến thức đã học về kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh. Thậm chí bổ sung những phép lập luận của văn nghị luận. | | | |  |
| **IV. HDHS trao đổi về phương pháp học văn bản nhật dụng** | | | | **IV. Phương pháp học văn bản nhật dụng** | | | | **IV. Phương pháp học văn bản nhật dụng** |
| H: Các em đã chuẩn bị bài và học các bài văn bản nhật dụng như thế nào từ các lớp 6, 7, 8, 9?  *\* Gọi HS đọc những điểm cần lưu ý khi học VBND*.  H. Trong 5 điểm đó, điểm nào cần lưu ý hơn cả?  *\* Gv kết hợp diễn giảng 1 số vấn đề sau:*  - Đọc thật kĩ tác phẩm, chú thích về sự kiện, hiện tượng hay vấn đề.  - Thói quen liên hệ: một thực tế bản thân, thực tế cộng đồng.  - Có ý kiến quan niệm riêng, có thể đề xuát giải pháp. Ví dụ: Chống hút thuốc lá, đổ rác bậy.  - Không dùng bao bì ni lông ...  - Vận dụng các kiến thức của các môn học khác để đọc hiểu văn bản nhật dụng và ngược lại.  - Căn cứ vào đặc điểm thể loại, phân tích các chi tiết cụ thể về hình thức biểu đạt để khái quát chủ đề.  - Kết hợp xem tranh ảnh, nghe và xem chương trình thời sự…) | | | | *+ Hs trả lời cá nhân*  *- Học sinh khác nhận xét, bổ sung*  *- Học sinh lắng nghe gv giảng* | | | | - Đọc kĩ chú thích...  - Liên hệ :bản thân, công đồng.  - Kết hợp xem tranh ảnh nghe xem chương trình thời sự... |
| **\* Gv yêu cầu hs lấy 1 số vd khác minh hoạ , tích hợp với môn GDCD**  **\* GV lấy thêm ví dụ**:  + Quyền trẻ em là vấn đề được đề cập trong ba văn bản nhật dụng ở lóp 7 – lớp 9. Một trong những chủ đề pháp luật của giáo dục công dân 6 – 7 cũng là quyền trẻ em, quyền để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em  + Ma tuý thuốc lá là vấn đề được đề cập đều trong ba văn bản ở ngữ văn 8 phòng chống các tệ nạn xã hội cũng là một chủ đề của môn giáo dục công dân lớp 8 . | | | | *+ HS lấy ví dụ minh hoạn HS khác bổ sung* , tích hợp liên hệ với vấn đề môi trường.  VD: Môi trường­ là vấn đề mà 3 nội dung văn bản nhật dụng đề cập đến ở lớp 6, 8. Đó là vấn đề được hầu hết các văn bản đề cập. Đặc biệt là một số phần ở địa lý lớp 6, 7. Và một số chương trình về sinh vật và môi trường, ở sách sinh học 9,  - Đó cũng là vấn đề mà nhiều môn khác đề cập đến như­: môn Địa 6,7, môn Sinh 9  -Kết hợp tranh ảnh, nghe , xem chương trình qua thời sự , ti vi, báo… | | | |  |
| H. Bài học tổng hợp phần tổng kết văn bản nhật dụng giúp em cần hiểu về những yêu cầu nào? HS làm vào VLT  *\* GV khái quát, rút ghi nhớ, gọi đọc?* | | | | *+ HS trả lời, HS khác bổ sung, đọc ghi nhớ.*  - Tính cập nhật về nội dung là tiêu chuẩn hàng đầu. Lúc học phải liên hệ với thực tiễn hình thức của văn bản nhật dụng rất đa dạng. | | | | **\* Ghi nhớ/96.** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**   * Thời gian: 22’ * Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình. * Kĩ thuật: Động não. * Hỡnh thành năng lực: tư duy, sáng tạo | | | | | | | | |
| **V. HD HS luyện tập** | | | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo*  **V. HS luyện tập** | | | | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo*  **V. Luyện tập** | |
| *\* Cho HS làm các BTTN: từ câu 1->câu 10.* | | | *+ HS trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.* | | | | **1. Bài 1. Trắc nghiệm** | |
| \* Nêu yêu cầu: Hãy CM nội dung mà VBND đặt ra có liên quan đến khá nhiều môn học khác và ngược lại | | | *+ HS lấy ví dụ chứng minh.*  VD: - Vấn đề môi trường:  +Đề cập trong 3 VB nhật dụng.  +Đề cập trong 1 số nội dung của bộ môn Địa lí.  +Đề cập trong một số chương ở môn Sinh 9   * Quyền trẻ em:   +Đề cập trong 3 VB nhật dụng.  +Là một trong những chủ đề của pháp luật trong bộ môn GDCD | | | | **2. Bài 2.**  ***Sự liên quan của VBND với các môn học khác***. | |
| *\* GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số nội dung , yêu cầu HS trình bày miệng, gọi nhận xét, GV bổ sung, sửa chữa.*  H. Vấn đề mới nhất mà em cập nhật tối qua, sáng nay là gì? từ nguồn nào?  H. Làm thế nào để khắc phục nạn phao thi? Nạn hút thuốc lá ở nơi em ở? | | | *+ HS nêu và trình bày miệng, HS khác nhận xét.* | | | | **3. Bài 2.**Tìm hiểu một trong các vấn đề cập nhật sau:  -Đội mũ xe máy trên tuyến đường giao thông.  - Rác thải sinh hoạt, ô nhiễm nước  - Nạn xâm hại trẻ em | |

**Bài tập củng c**ố .

1. Nội dung nào sau đây không phù hợp với đặc điểm của văn bản nhật dụng?

A. Đề cập đến những vấn đề gần gũi, bức thiết đang xảy ra trong cuộc sống hiện tại.

B. Có thể được viết bằng các phương thức biểu đạt khác nhau.

**C. Chỉ được sáng tác trong thời điểm hiện tạ**i.

D. Có giá trị nhất định về mặt nội dung.

**2.Văn bản nào sau đây viết về việc giữ gìn và bảo vệ môi trường sống?**

**A. Bức thư của thủ lính da đỏ**

B. Ca Huế trên sông Hương

C. Cổng trường mở ra

D. Mẹ tôi

**3. Khi học văn bản nhật dung cần chú ý điểm gì?**

A. Căn cứ vào đặc điểm hình thức của văn bản và phương thức biểu đạt để phân tích nội dung.

B. Cần có kiến giải, quan điểm riêng, đề xuất kiến nghị và giải pháp về những vấn đề đặt ra trong văn bản.

C. Cần vận dụng kiến thức các môn học khác để làm sáng tỏ những nội dung đặt ra trong văn bản.

**D. Gồm tất cả các nội dung trên**

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC HÌNH THỨC VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu văn bản - Thể loại** | **Tên văn bản** | **Lớp** |
| Hành chính (điều hành), nghị luận | Thông tin....; Tuyên bố...; Ôn dịch thuốc lá; Bức thư của thủ lĩnh da đỏ; Đấu tranh cho một thế giới hoà bình | 7, 8, 9 |
| Tự sự | Cuộc chia tay... | 6 |
| Miêu tả | Câu Long Biên; Động Phong Nha | 6 |
| Biểu cảm | Cổng trường mở ra | 7 |
| Thuyết minh | Động Phong Nha; Ca Huế... | 6 |
| Truyện ngắn | Cuộc chia ta ..., Mẹ tôi | 7 |
| Bút kí | Cầu Long Biên... | 6 |
| Thư từ | Bức thư của thủ lính da đỏ | 6 |
| Hồi kí | Thông tin về cổng trường mở ra | 7 |
| Thông báo | Thông tin về Ngày Trái đất năm 2000 | 8 |
| Xã luận | Đấu tranh cho ... | 9 |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Qua việchọc phần văn nhật dụng em thấy có ích như thế nào trong đời sống và trong văn học? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập   * ễn tập toàn bộ kiến thức phần văn nhật dụng ở các lớp 6,7,8,9   - Tiếp tục tìm hiểu các vấn đề liên quan tới đời sống xã hội ở địa phương em. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài, hư­ớng dẫn học bài và làm bài về nhà**: 2 phút

***a. Học bài:***

- Học thuộc các phần kiến thức và phần ghi nhớ

- Làm bài tập trong sách bài tập trắc nghiệm.

- Tìm hiểu một trong những vấn đề sau ( ở đâu, bằng cách nào): Nguyên nhân tăng giá xăng dầu; Vấn đề an toàn giao thông trên quốc lộ 5, 10; Ô nhiễm nguồn nước tưới và sinh hoạt trên mương An-Kim -Hải.

***b.Chuẩn bị bài***

Kiểm tra văn phần thơ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 28**

**Tiết 135**

**KIỂM TRA VĂN PHẦN THƠ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

HS tự đánh giá được kết quả học tập về toàn bộ kiến thức cơ bản của các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam đã học trong chương trình NV 9 qua làm các câu hỏi trắc nghiệm, biết nghị luận về một đoạn thơ hoặc bài thơ cụ thể.

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG :**

**1/ Kiến thức :**

Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về giai đoạn sáng tác, đề tài, thể loại, nội dung ý nghĩa và hình thức nghệ thuật đặc sắc của các văn bản thơ hiện đại Việt Nam đã học và đã được ôn tập.

**2/ Kĩ năng** : Rèn kĩ năng làm các dạng bài tập trắc nghiệm. Rèn kĩ năng thao tác phân tích, tổng hợp khái quát hóa, kĩ năng cách nghị luận về tác phẩm thơ khác so với truyện.

3/ **Thái độ**: Nghiờm tỳc , trung thực trong là bài

**4. Kiến thức tích hợp**

- Tích hợp với môn GDCD: tính khiêm tốn trong cuộc sống ( câu 7 phần đọc hiểu)

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**: SGK- SGV, tài liệu Chuẩn kiến thức- kĩ năng, thống nhất trong nhóm lập Ma trận, ra đề , phô tô đề cho HS làm bài kiểm tra..

**2. Trò**: SGK- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức cơ bản, chuẩn bị giấy KT và tinh thần sẵn sàng làm bài kiểm tra

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC :**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra : GV k**iểm tra sự chuẩn bị của HS

**3. Tổ chức giờ KT:**

**Hoạt động 1**: GV nêu yêu cầu, nhắc nhở HS ý thức làm bài kiểm tra: đọc kĩ đề bài tr­ước khi làm, tập trung làm bài.Giữ trật tự chung và tự giác làm bài trong suốt giờ kiểm tra, không đ­ược quay cóp. GV phát đề cho HS. HS lắng nghe GV nhắc nhở, nhận đề của GV, thực hiện nghiêm túc yêu cầu của GV.

**Hoạt động 2**: GV quản lí HS làm bài. Cuối giờ nhắc nhở HS xem lại bài, chuẩn bị nộp bài. HS tập trung làm bài, cuối giờ xem lại bài.

**Hoạt động 3:** Thu bài, kiểm tra số bài của cả lớp. HS nộp bài cho GV

**Hoạt động 4**: Nhận xét chung về ý thức làm bài của HS. HS lắng nghe, l­ưu ý rút kinh nghiệm cho giờ làm bài lần sau.

**4. Giao bài, h­ướng dẫn học, chuẩn bị bài ở nhà**:

- Ôn tập lại kiến thức cơ bản của bài ôn tập .

- Trao đổi với bạn về hư­ớng làm đối với các câu hỏi khó.

- Xem lại các kiến thức cơ có liên quan đến câu hỏi không làm đư­ợc và lập dàn bài câu tự luận để trao đổi với các bạn và GV trong giờ học thêm buổi 2.

- Chuẩn bị tiết 130. Trả bài Tập làm văn số 6. Lập dàn ý chi tiết cho bài tự luận.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA VĂN 9 ( PHẦN THƠ)**

***(Thời gian làm bài: 45 phỳt)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Nội dung**  **kiến thức** | **Nhận biết** | | **Thụng hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Cộng** |
| Cấp độ thấp | | Cấp độ cao | |
|  | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| Phần I : Đọc - Hiểu - Tác phẩm thơ | Tác giả, tác phẩm, giai đoạn sáng tác, thể loại, kiểu VB, giọng điệu, nội dung cảm xúc |  | Ư nghĩa của văn bản, nờu suy nghĩ về quan điểm sống có ư nghĩa |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu* | *5 câu* |  | *2 câu* |  |  |  |  |  | 7 |
| *Số điểm* | *2,0điểm* |  | *2,0điểm* |  |  |  |  |  | 4 |
| *Tỉ lệ %* | *20%* |  | *20%* |  |  |  |  |  | *40%* |
| Phần II : Tạo lập văn b ản: nghị luận về tác phẩm thơ |  |  |  |  |  |  |  | *Viết được một bài văn ngắn khoảng 150- 200 phân tích cảm nhận của em về một khổ thơ* |  |
| *Số câu* |  |  |  |  |  |  |  | *1 câu* | *1* |
| *Số điểm* |  |  |  |  |  |  |  | *6điểm* | *6* |
| *Tỉ lệ %* |  |  |  |  |  |  |  | *60%* | *60%* |
| Tổng số câu | *5 câu* |  | *2 câu* |  |  |  |  | 1câu | 8 câu |
| Tổng điểm | *2,0điểm* |  | *2,0điểm* |  |  |  |  | 6điểm | 10 điểm |
| Tỉ lệ % | *20%* |  | *20%* |  |  |  |  | 60% | 100% |

**Đề bài:**

***Phần Đọc – Hiểu : ( 4 điểm) Đọc kĩ đoạn th*** ***ơ sau và trả lời câu hỏi.***

“*Mọc giữa ḍòng sông xanh*

*Một bụng hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

*( Trích trong SGK Ngữ văn 9 , Tập II . NXB Giỏo duc )*

***Câu 1 (0,25điểm): Sáu câu thơ trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?***

A- Mùa xuõn nho nhỏ- Thanh Hải. B- Viếng lăng Bác- Viễn Phương.

C- Sang thu- Hữu Thỉnh. D- Nói với con- Y Phương.

***Câu 2 (0,25điểm): Văn bản có đoạn trích trên được sáng tác vào giai đoạn nào?***

A-Trước Cách mạng tháng Tám. B- Giai đoạn chống Pháp - 1946-1954 .

B- Giai đoạn chống Mĩ - 1955-1975 D- Sau năm 1975.

**Câu 3**(**0,25điểm*): Văn bản có*** đ***oạn trích trên cùng thể loại với văn bản nào?***

Đoàn thuyền đánh cá . C- Viếng lăng Bác

B- Sang thu. D- Nói với con

***Câu 4(0,25điểm):* *ư nào nờu đúng nhất về giọng điệu bài thơ có chứa đoạn trích trên?***

A.Nghiêm trang, thành kính. C. Tâm t́nh, tha thiết.

B. Trong sáng, tha thiết D. Bâng khuâng, tiếc nuối.

***Câu 5 (1,0điểm)*** *:* Nêu ngắn gọn cảm xúc của tác giả trong đoạn trích trờn?

***Câu 6 ( 1,0điểm*) :** ư nghĩa bài thơ có chứa đoạn trích trờn?

***Câu 7 (1 điểm )*** : Từ văn bản có đoạn trích trên, em suy nghĩ như thế nào về quan niệm: ***“Sống là phải cống hiến để làm đẹp cho đời”*** ( Viết dưới h́nh thức 1 đoạn văn ngắn khoảng 6 đến 8 câu)

P**HẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (6 điểm):**

**Câu 8:***Viết một bài văn ngắn khoảng 150- 200từ phõn tích cảm nhận của em về khổ thơ sau đây:*

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng ch́ình qua ngõ*

*H́ình như thu đă về”*

*(Trích “ Sang thu” của Hữu Thỉnh).*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 28**

**Tiết 136**

**CH­ƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯ­ƠN (PHẦN VĂN)**

**NĂM CÁI CHÉN**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức** :

**-** Nhận diện chính xác từ ngữ địa phương ở những vùng khác nhau. Tìm được sự tương ứng giữa từ ngữ địa phương nhất định với từ ngữ toàn dân.

**2. Kỹ năng** :

- Biết sử dụng từ ngữ địa phương trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Biết nhận xét, đánh giá về cách sử dụng từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen sử dụng từ ngữ cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Mở rộng vốn từ ngữ địa ph­ương.

- Hiểu tác dụng của từ ngữ địa phư­ơng.

**2. Kĩ năng.**

- Nhận biết đư­ợc một số từ ngữ địa ph­ương, biết chuyển chúng sang từ ngữ toàn dân t­ương ứng và ngư­ợc lại.

**3. Thái độ :**

- ý thức tự giác tìm hiểu từ ngữ địa phương.

**4. Tích hợp liên môn:**

**- Môn Địa lí: Sự phân bố các vùng ngôn ngữ**

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ.**

*1.****Thầy***: Bảng phụ, phiếu bài tập

**2.** ***Trò:*** Chuẩn bị theo hư­ớng dẫn

**IV.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC.**

**\* Bư­ớc 1**: **Ổn định tổ chức lớp.**

- Kiểm tra sĩ số:

**\* Bước 2**: **Kiểm tra bài cũ (5phút)**

***H1: Điền vào chỗ trống một câu có hàm ý khích lệ động viên:***

- Chán quá, bài văn hôm nay tớ được có mỗi 5 điểm .

- ............................................................

***H2: Hãy tìm nghĩa tường minh và hàm ý của câu in đậm trong đoạn văn sau:***

Bác sĩ cầm mạch, sẽ cắn môi, nhìn ông già giọng phàn nàn:

**- Chậm quá. Đến bây giờ mới tới.**

*(Chu Văn, Bão Biển)*

Nghĩa tường minh:.................................( đưa người bệnh đến muộn)

Hàm ý:...................................................( Không cứu được, sẽ tử vong )

**\* Bư­ớc 3**: **Tổ chức dạy và học bài mới.**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - H: Em có nhận xét gì về ngôn ngữ giữa các vùng miền ở nước ta?  *GV chốt*Như các em đã biết, nước Việt Nam chạy dài theo bờ biển Đông từ Bắc vào Nam và hình thành 3 vùng ngôn ngữ lớn: Bắc-Trung – Nam. Chính sự khác biệt về từ ngữ giữa các vùng này đã cung cấp cho chúng ta một vốn hiểu biết về đặc điểm riêng của tiếng địa phương so với ngôn ngữ toàn dân chủ yếu là về mặt ngữ âm và từ ngữ. Nội dung của tiết học là tìm hiểu cách sử dụng tiếng địa phương trong giao tiếp vượt ra ngoài địa phương mình…- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 133**Chương trình địa phương**  **(Phần Tiếng Việt)** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 35p

*+ Hình thành năng lực*: tư duy, sáng tạo

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **CHUẨN KT - KN CẦN ĐẠT** | |
| **I. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu từ ngữ địa ph­ương và chuyển sang từ ngữ toàn dân tương ứng.** | | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo*  **I. Hư­ớng dẫn HS tìm hiểu từ ngữ địa ph­ương và chuyển sang từ ngữ toàn dân tương ứng.** | | *Kĩ năng tư duy, sáng tạo*  **1. Bài 1/97. Tìm từ ngữ địa phương và chuyển sang từ ngữ toàn dân tương ứng.** | |
| \*GV nêu yêu cầu:  Em hiểu thế nào là từ ngữ địa phương? có khác gì với từ ngữ toàn dân?  **-** Nêu vai trò của từ ngữ địa phương?  \* GV chốt: Bên cạnh mặt tích cực, tiêu cực là gây trở ngại phần nào cho vịêc giao tiếp giữa các vùng, miền khác nhau trong cả nước. | | *+ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi*  - Là những từ ngữ dặc thù do từng địa phương sử dụng. Từ ngữ toàn dân. Lớp từ ngữ chung dùng cho cả xã hội  - Bổ sung làm phong phú thêm, làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân. | |  | |
| *\* Gọi hs đọc yêu cầu bài tập 1.*  H. Truyện viết về con người và cuộc sống ở vùng miền nào trên đất nước ta? Chủ đề của truyện là gì?  H.Tìm từ ngữ địa phư­­ơng trong đoạn trích sau? Tìm từ ngữ toàn dân tương ứng?  *\* GV tổ chức học sinh họat động nhóm bằng kĩ thuật KTB.( 4 phút )*  *-Từng nhóm thực hiện các yêu cầu*  *- Gv nhận xét, chốt.* | | *+ Hs nêu yêu cầu:*  *- Học sinh thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KTB (4phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung.* | | - Truyện viết về cuộc sống và con người ở miền Đông Nam Bộ  - Truyện viết về tình cảm cha con sâu nặng trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. | |
| ***Đoạn trích a*** | | ***Đoạn trích b*** | | ***Đoạn trích c*** | |
| ***Địa phương*** | ***Toàn dân*** | ***Địa phương*** | ***Toàn dân*** | ***Địa phương*** | ***Toàn dân*** |
| thẹo | sẹo | ba | bố, cha | ba | bố, cha |
| Lặp bặp | lắp bắp | má | mẹ | lui cui | lúi húi |
| ba | bố, cha | kêu | gọi | nắp | vung |
|  |  | đâm | trở thành | nhắm | cho là |
|  |  | đũa bếp | đũa cả | giùm | giúp |
|  |  | (nói) trổng | trống không | (nói) trổng | trống không |
|  |  | vô | vào |  |  |
| **II. HD HS phân biệt từ địa phương và từ toàn dân.**  *\* Gv gọi hs đọc yêu cầu*  H. Từ kêu ở câu nào là từ địa phương?  -Từ kêu ở câu nào là từ toàn dân?  -Hãy dùng cách diễn đạt khác hoặc dùng từ đồng nghĩa để làm rõ sự khác nhau đó?  *\* Gọi học sinh làm bài*  *- Gv nhận xét, chốt* | | **II. HD HS phân biệt từ địa phương và từ toàn dân.**  *- 1Học sinh đọc, nêu yêu cầu*  *- Học sinh làm bài cá nhân, trả lời*  *Nghe gv nhận xét, chốt*  **a.** Đồng nghĩa với từ **kêu** trong (a), ngôn ngữ toàn dân có các từ: nói to, gọi to, quát to, gào.  -> Nó nhìn dáo dác một lúc rồi nói to lên.  **b.** Đồng nghĩa với từ **kêu** trong (b), ngôn ngữ toàn dân có các từ: gọi, bảo, nói.  -> Con gọi rồi mà người ta không nghe. | | **Bài 2. *Phân biệt từ địa phương và từ toàn dân***  a. Kêu: là từ toàn dân, có thể thay bằng ''nói to''  b. Kêu: là từ địa phương, tương đương từ toàn dân 'gọi''. | |
| **III. HD HS xác định từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng** | | **III. HD HS xác định từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng** | | **3. Bài 3. *Tìm từ địa phương và từ toàn dân tương ứng*** | |
| *\* Gọi hs lên bảng thực hiện nhanh bài tập*  *- Gv nhận xét, chốt*  H. Trong 2 câu đố sau, từ nào là địa phương ? Tìm từ toàn dân tương đương ? | | *+ Hs nêu yêu cầu bài tập*  *- Hs lên bảng điền*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*   |  |  | | --- | --- | | Từ địa phương | Từ toàn dân | | trái  chi  kêu  trống hổng trống hảng | quả  gì  gọi  trống huếch trống hoác | | |  | |
| **IV. HD HS bình luận về cách dùng từ địa phương**  *\* Gọi HS đọc lại các đoạn trích ở BT1/97.*  **\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(**3’)  **Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GV chuẩn kiến thức**  H. Có nên để cho nhân vật Thu dùng từ ngữ toàn dân không?  H. Tại sao trong lời kể của tác giả cũng có những từ ngữ địa phương? | | **IV. HS bình luận về cách dùng từ địa phương**  **+HSthảo luận nhóm bàn (3’) thực hiện kĩ thuật động não**  **+Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  a.Không nên vì bé Thu chưa có dịp giao tiếp rộng rãi ngoài địa phương của mình  b. Vì để nêu sắc thái địa phương. Tuy nhiên tác giả có chủ định không dùng quá nhiều từ ngữ địa phương để khỏi gây khó hiểu cho người đọc không phải là ngư­ời địa phương đó. | | **4. Bài 5. *Bình luận về cách dùng từ ngữ địa phương*** | |
| \* Nêu yêu cầu: Tìm những câu văn, thơ có sử dụng từ ngữ địa phương và tìm từ ngữ toàn dân tương ứng?  *\** (7 phút)  - Giáo viên chia lớp thành ba nhóm.  -Thi tiếp sức nhanh thời gian trong 5 phút giữa các đội thi.  ***Nhóm 1:*** Tìm những từ ngữ địa phương dùng để xưng hô  ***Nhóm 2:*** Tìm từ ngữ địa phương dùng để gọi tên các sự vật, hiện tượng, hoạt động, trạng thái  ***Nhóm 3:*** Một số từ ngữ địa phương được dùng trong ca dao dân ca các miền  *GV gọi trả lòi, GV nhận xét, động viên, khuyến khích.* | | *+ HS tự do liệt kê,thi tiếp sức trong 5 phút. Nghe GV nhận xét, đánh giá.*  1. Con đừng có nói cho má con hay  2. Không được, mình mới về đây ở chưa có biết bơi xuồng, lại không biết lội  3. Bộ anh không biết nói dóc hả  4. Nhớ đút mấy bao lúa vô hầm nghen con  5. Anh ấy vẫn đương ở trỏng  6. Bộ ông ấy mập lắm hả  7. Hôm rày cháu bệnh hổng đi học được | | **5. Bài 6.** ***Tìm những câu văn, thơ có sử dụng từ ngữ địa phương.*** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nhóm 1*** | ***Nhóm 2*** | ***Nhóm 3*** |
| - Mi (mày) choa (tôi) nghỉ (hắn) eng (anh) ả (chị) mạ (mẹ) tau (tao) bọ (tôi) ổng (ông ấy) anh Hai, u bầm, bủ, thầy, bá (bác) mầy (mày) | Ri (này) ngái(xa) nốc (chiếc thuyền) nỏ (không, chẳng) mộc chạc (mối dây) chộ (thấy) bí rợ (bí đỏ, bí ngô), trái (quả), mô (đâu) đừ (dẻo) chừ (bây giờ) tru (con trâu) cơn (cây) | Vút (vo, vò gạo) ghè (cái vò) rã bèn (rữa nát, rụng cánh) sướng (ruộng mạ) lượm (lượm lúa) rày (nay) đàng (đường) bàu (ao) khấu (vật đất) |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - HS : Tìm một số từ ngữ ở địa phương em thường hay sử dụng ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tiếp tục tìm hiểu các từ địa phương trong toàn bộ văn bản  *Chiếc lược ngà* | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài, hư­ớng dẫn học bài và làm bài về nhà:** 2 phút

**a. Học bài:**

- Làm hoàn thiện các dạng bài tập.

- Tìm từ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong ví dụ sau:

*Rứa là hết! Chiều ni em đi mãi*

*Còn mong chi ngày trở lại Phước ơi*

**b. Chuẩn bị bài:**

- Ôn tập các đề bài để chuẩn bị viết bài tập làm văn số 7

- Xem lại các văn bản đã học và các bài lí thuyết tập làm văn

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 28**

**Tiết 136**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7**

**NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách vận dụng kiến thức và kỹ năng khi làm bài nghị luận 1 tác phẩm thơ

- Có những cảm nhận, suy nghĩ riêng và biết vận dụng một cách linh hoạt các phép lập luận trong quá trình làm bài

**2. Kĩ năng:**- Có kỹ năng làm bài TLV nói chung .

**3. Thái độ:** - Giáo dục cho học sinh ý thức tự giác, nghiêm túc khi làm bài.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức.**

- Hệ thống hóa về toàn bộ kiến thức, kĩ năng cơ bản về kiểu bài nghị luận về tác phẩm văn học : Khái niệm, các dạng đề, cách làm bài văn nghị luận về một đoạn trích hoặc một tác phẩm truyện hoặc một đoạn thơ hoặc một tác phẩm thơ cụ thể đã học trong chương trình Ngữ văn 9. Đặc biệt là tác phẩm thơ.

**2. Kĩ năng.**

**-** Rèn kĩ năng làm các dạng bài tập trắc nghiệm, kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học nói chung và nghị luận về tác phẩm thơ nói riêng như : phân tích, nhận xét, đánh giá, tổng hợp khái quát hóa . Kĩ năng so sánh đối chiếu giữa nghị luận thơ với nghị luận truyện có gì giống và khác nhau.

**3. Thái độ:** - Có thái độ nghiêm túc khi làm bài.

**4. Kiến thức tích hợp**- Tích hợp với môn GDCD

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ.**

**1. Thầy** : Đề bài KT và biểu điểm,

**2. Trò*:*** Chuẩn bị theo hư­ớng dẫn SGK- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức cơ bản, chuẩn bị giấy KT và tinh thần sẵn sàng làm bài kiểm tra

**D.TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC.**

**\* Bư­ớc 1: Ổn định tổ chức lớp**.

- Kiểm tra sĩ số:

**\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ (5phút)**

- Mục tiêu: Kiểm tra sự hiểu biết của HS về các vấn đề liên quan với tiết học

- Ph­ương án: Kiểm tra tr­ước khi học bài mới.

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**\* Bư­ớc 3**: **Tổ chức dạy và học bài mới.**

**I**. **Hoạt động 1**: GV nêu yêu cầu, nhắc nhở HS ý thức làm bài kiểm tra: đọc kĩ đề bài trước khi làm, tập trung làm bài. Giữ trật tự chung và tự giác làm bài trong suốt giờ kiểm tra, không đ­ược quay cóp.

- GV phát đề cho HS. HS lắng nghe GV nhắc nhở, nhận đề của GV, thực hiện nghiêm túc yêu cầu của GV.

**II**. **Hoạt động 2**: GV quản lí HS làm bài. Cuối giờ nhắc nhở HS xem lại bài, chuẩn bị nộp bài. HS tập trung làm bài, cuối giờ xem lại bài.

**III.** **Hoạt động 3:** Thu bài, kiểm tra số bài của cả lớp. HS nộp bài cho GV

**IV**. **Hoạt động 4**: Nhận xét chung về ý thức làm bài của HS. HS lắng nghe, l­ưu ý rút kinh nghiệm cho giờ làm bài lần sau.

**\* Bước 4. Giao bài, h­ướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà**

**a.**  **Bài vừa học**

- Ôn tập lại kiến thức cơ bản của bài ôn tập .

- Trao đổi với bạn về hư­ớng làm đối với các câu hỏi khó.

- Xem lại các kiến thức cơ có liên quan đến câu hỏi không làm đư­ợc và lập dàn bài câu tự luận để trao đổi với các bạn và GV trong giờ học thêm buổi 2.

**b. Chuẩn bị bài mới.**

Chuẩn bị kĩ cho phần luyện nói về nghị luận về bài thơ, đoạn thơ.Chú ý đọc kỹ đề văn . Lập dàn ý chi tiết cho đề bài để trên lớp thực hành luyện nói.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 29**

**Tiết 139**

**ĐỌC THÊM: BẾN QUÊ**

***(Nguyễn Minh Châu)***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức** :

- Qua cảnh ngộ và tâm trạng của nhân vật Nhĩ trong truyện, cảm nhận được ý nghĩa triết lí mang tính trải nghiệm về cuộc đời và con người mà tác giả gửi gắm trong truyện

**2. Kỹ năng** :

- Rèn luyện năng lực cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong truyện

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen c trõn trọng, yêu quý những điều gần gũi xung quanh mỡnh.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức :**

- Những tình huống nghịch lí, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng trong truyện.

- Những bài học mang tính triết lí về con người và cuộc đời, những vẻ đẹp bình dị và quý giá từ những điều gần gũi xung quanh ta.

**2.Kĩ năng :**

- Đọc - Hiểu một văn bản tự sự có nội dung mang tính triết lí sâu sắc.

- Nhận diện và phân tích những đặc sắc của nghệ thuật tạo tình huống, miêu tả tâm lí nhân vật, hình ảnh biểu tượng,.... trong truyện.

- Qua tiết học bồi dưỡng cho HS biết trân trọng những vẻ đẹp và giá trị gần gũi, bình dị của quê hương => tình yêu quê hương xứ sở.

**\*Giáo dục kĩ năng sống :**

- Tự nhận thức được quan niệm của tác giả về giá trị cuộc sống và cách sống , bài học và ý nghĩ đích thực của đời sống rút ra từ câu chuyện .

- Suy nghĩ sáng tạo : Nêu vấn đề phân tích bình luận về những suy nghĩ của nhân vật chính , ý nghĩa của quan niệm sống được nêu trong tác phẩm .

3. **Thỏi độ**: trõn trọng, yêu quý những điều gần gũi xung quanh mỡnh.

4. **Tích hợp liên môn**: GDCD: Yêu quê hương, con người

**5. Định hướng phát triển năng lực của học sinh:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

**- Năng lực chuyên biệt:** sáng tạo, cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

**III. CHUẨN BỊ:**

**1.Thầy** : - **Ả**nh và bút tích của Nguyễn Minh Châu

- Bảng phụ, tư liệu ….

**2. Trò:** - Đọc 3 lần, trả lời các câu hỏi SGK.

- Bài tập đã chuẩn bị.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1.** **Ổn định tổ chức** (1’)Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

**\* Bước 2. Kiểm tra bài cũ**

**\* Bước 3.Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| - GV cho hs quan sát bức tranh bến sông với con đò trong cái nhìn của con người  - Yêu cầu hs nhận xét?  - Từ câu trả lời của hs , gv gới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS trả lời  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  TIẾT136 BẾN QUÊ (Nguyễn Minh Châu)  ( Hướng dẫn đọc thêm) |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 33’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN**  **CẦN ĐẠT** |
| **I. GV HD HS đọc, tìm hiểu chú thích.** | **I.HS đọc – tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc** - **Chú thích** |
| **\*** GV hư*ớng dẫn cách đọc:* giọng trầm tĩnh, suy tư, xúc động và đượm buồn, trong tâm thế của nhân vật đang bị bệnh hiểm nghèo, đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời.  - Giọng trữ tình xúc cảm khi đọc đoạn từ cảnh thiên nhiên, hàng cây bằng lăng, cảnh bờ sông, bên kia sông, con thuyền và cánh buồm... vào thu.  *\* GV đọc mẫu ,Gọi 2HS đọc*  *\* Gọi 1 HS nhận xét cách đọc.*  H. Hãy tóm tắt một cách ngắn gọn nội dung của đoạn trích?  *- GV tóm tắt đoạn trích.* | *+ HS lắng nghe hướng dẫn .*  - HS đọc bài từ đầu đến **"những bậc gỗ mòn lõm"**/ 102.  +HS khác nhận xét cách đọc của bạn  - Tóm tắt từ **"Chờ Liên xuống tầng dưới rồi Nhĩ mới lên tiếng**"/ 102 đến **"trong ngôi nhà mình"/** 104  - 1 HS đọc tiếp phân còn lại.  - HS nhận xét các đọc của bạn.  - Tóm tắt ngắn gọn nội dung. | **1. Đọc, kể.** |
| H. Trình bày hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm?  **GV nhấn mạnh:**  -Tác giả tham gia kháng chiến chống Pháp; Nhà văn quân đội Trước 1975 : Đổi mới với tinh thần nghệ thuật sáng tác….  *\* Cho học sinh xem ảnh tác giả*  Ông xứng đáng thuộc trong số những người "mở đường tinh anh và tài năng, đã đi được xa nhất" trong chặng mở đầu của công cuộc đổi mới văn học như lời đánh giá của nhà văn Nguyên Ngọc.  *\* GV HD HS tìm hiểu từ khó.* | *+Dựa vào chú thích trả lời .*  - Là cây bút văn xuôi xuất sắc của VHVN hiện đại ; Là một trong số những người “mở đường tinh anh và tài năng , đã đi được xa nhất” …kháng chiến chống Mĩ  - Sau 1975 đổi mới về tư tưởng nghệ thuật  - Năm 2000 phần thưởng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật  *+ Nghe GV bổ sung , quan sát chân dung nhà thơ*  *+ HS tìm hiểu từ khó theo hướng dẫn của GV.* | **2. Chú thích.**  **a. Tác giả:** (1930 - 1985)- Quê Quỳnh lưu Nghệ An  **b. Tác phẩm** :Ra đời 1985 in trong tập  “ Bến quê”  **c. Giải thích từ khó:** |
| **II. GV HD HS tìm hiểu văn bản**  **\* Bước 1. GV hướng dẫn HS đọc - tìm hiểu khái quát văn bản.** | **II. HS tìm hiểu văn bản**  **1. HS đọc - tìm hiểu khái quát văn bản** | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu khái quát văn bản** |
| **\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(**3’)  - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt?  - Điểm nhìn trần thuật, bố cục, nhân vật chính?  **-** Tình huống truyện là gì? Tác dụng của nó?  **\* Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GV chuẩn kiến thức** | **+HSthảo luận nhóm bàn (3’) thực hiện kĩ thuật động não**  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  + Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở | a. **Thể loại:** Truyện ngắn  b. **Phương thức biểu đạ**t: tự sự kết hợp với yếu tố biểu cảm và nghị luận  **c. Điểm nhìn trần thuật**  **d. Bố cục**: ba phần  **e. Nhân vật chính**: Nhĩ  **g. Tình huống truyện**  - Nhĩ đi khắp đó đây giờ cuối đời nằm liệt, nghịch lí 🡪 Suy nghĩ về cuộc đời lẽ sống. |
| **\* Bước 2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.** | **2. HS tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết văn bản .** |
| H. Trong những ngày cuối cùng của cuộc đời mình, ở cảnh ngộ bị buộc chặt vào giường bệnh, Nhĩ đã nhìn thấy những gì qua khung cửa sổ? Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về cảnh?  H. Qua những câu hỏi của Nhĩ và thái độ im lặng của Liên, người đọc cảm thấy hình như anh đã nhận ra điều gì về bản thân ?  H. Vì sao Nhĩ lại nảy sinh khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông vào chính buổi sáng hôm ấy? | *+Phát hiện chi tiết , rút ra nhận xét , trả lời .*  - Màu hoa bằng lăng  - Màu nước sông Hồng  - Sắc màu bờ bãi dưới nắng thu  => cảnh hiện lên sinh động và gợi cảm; bình dị, thân quen.  *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân*  - Đêm qua em có nghe thấy tiếng gì không? Hôm ay là ngày mấy? **=> Hoàn cảnh đặc biệt ,éo le : Bệnh nặng , đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời .**  - Khao khát được sang bãi bồi bên kia bến sông Sự thức tỉnh về giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống ... | **+Cảm xúc và suy nghĩ tâm trạng của nhân vật Nhĩ về vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông .**  => cảnh hiện lên sinh động và gợi cảm; bình dị, thân quen.  => Hoàn cảnh đặc biệt ,éo le : Bệnh nặng , đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời |
| *\*Yêu cầu HS đọc đoạn đối thoại Nhĩ - Liên*  **\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(**3’)  - **Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GV chuẩn kiến thức**  **\* Nhóm 1.** Nhân vật Liên hiện lên được miêu tả chi tiết hình dáng cử chỉ lời nói với chồng ra sao? Em hiểu suy nghĩ gì về nhân vật này? Khi ốm liệt giường đựơc vợ chăm sóc , Nhĩ đã suy nghĩ và cảm nhận được điều gì từ Liên?  **\*Nhóm 2.** Nhĩ nhờ con sang sông để làm gì? Ước vọng của anh có thành công không? Vì sao? Từ đấy anh rút ra một quy luật nào nữa trong cuộc đời con người? Quy luật ấy được thể hiện ở câu văn nào? Ngoài quy luật ấy, còn quy luật gì khác? Ý nghĩa hình ảnh biểu tượng “ Ván cờ thế - con đò ngang” ?  **\* Nhóm 3.** Những người hàng xóm đã giúp đỡ Nhĩ những gì ? Cảm nhận suy nghĩ của anh về họ ra sao?Em có nhận xét gì về sự giúp đỡ này? | **+HSthảo luận nhóm bàn (3’) thực hiện kĩ thuật động não**  +Phát hiện , phân tích , trao đổi nhóm  - Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét  - Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở  *\** **Nhóm 1. Đối với Liên- Vợ anh**  - “ Những ngón tay gầy gò âu yếm vuốt ve chồng: “ Anh cứ yên tâm, có hề sao đâu... Miễn là anh sống nhà này”.  **=> Dịu dàng, nhẫn lại giàu yêu thương và đức hi sinh.**  -> Nhĩ hiểu tình yêu thương, sự hi sinh của vợ dành cho mình Anh càng vô cùng thấu hiểu và biết ơn.  **\* Nhóm 2- Đối với con**  - Nhờ con trở lại bờ bãi đã từng có những kỉ niệm tốt lành của cuộc đời mà Nhĩ không còn dịp trở lại nữa  - Không hiểu ước muốn của cha; Làm miễn cưỡng - cuốn hút vào trò chơi.  - Quy luật : thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình... hướng tới những cái gì đích thực có ích cho cuộc sống.  => Cảm nhận đựơc gia đình là điểm tựa, là tổ ấm bến bờ hạnh phúc cuộc đời.  **\* Nhóm 3- Đối với hàng xóm.**  - Bọn trẻ xúm vào giúp anh đặt bàn tay lên bậu cửa sổ, kê cao, bê cái chồng gối đặt sau lưng  +Ông cụ giáo Khuyến, sáng nào cũng ghé vào thăm sức khoẻ. =>Giúp đỡ vô tư, trong sáng , cảm thông ân cần.  + Bộc lộ niềm khát khao sống và giao cảm với cuộc đời, của một con người trong giờ phút lâm chung. | ***b. Cảm xúc suy nghĩ của Nhĩ con người nơi bến quê.***  **+ Đối với vợ:**  Nhĩ hiểu tình yêu thương, sự hi sinh của vợ dành cho mình Anh càng vô cùng thấu hiểu và biết ơn.  **+ Đối với con**=> Quy luật : thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình...  => Cảm nhận đựơc gia đình là điểm tựa, là tổ ấm bến bờ hạnh phúc cuộc đời  **+ Đối với hàng xóm:**  => cảm thấy hạnh phúc được sống trong tình yêu thương của mọi người. |
| III. HD HS đánh giá, khái quát. | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS đánh giá, khái quát.** | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Tổng kết** |
| H. Những đặc sắc nghệ thuật của truyện?  -Truyện ngắn “Bến quê” giúp em cảm nhận những nội dung nào ?  - Nhan đề của truyện ngắn có ý nghĩa như thế nào Và qua câu chuyện nhà văn muốn nhắn gửi đến chúng ta điều gì?  **\*Giáo dục kĩ năng sống :** Tự nhận thức được quan niệm của tác giả về giá trị cuộc sống và cách sống , bài học và ý nghĩa đích thực của đời sống rút ra từ câu chuyện ?  - Suy nghĩ sáng tạo : Nêu vấn đề phân tích bình luận về những suy nghĩ của nhân vật chính , ý nghĩa của quan niệm sống được nêu trong tác phẩm  H. Gọi 1 HS đọc phần ghi nhớ | *+ Nhắc lại các biện pháp nghệ thuật, nêu tác dụng.*  *-Tự do bộc lộ cảm xúc cá nhân :Nhan đề: “ Bến quê”*  *- Động não : suy nghĩ về nhan đề truyện và những suy tư , chiêm nghiệm của nhân vật chính …*  *+Thảo luận nhóm : Tìm và phân tích những điều sâu sắc nhât rút ra từ câu chuyện .*  - Chúng ta hãy trân trọng hạnh phúc bình dị của cuộc sống ( hãy sống hết mình trong tình thương của mọi người và quê hương).  *+ 1 HS đọc phần ghi nhớ* | **1.Nghệ thuật :**  -Lựa chọn người kể chuyện ở ngôi thứ ba  - Sáng tạo …  -Xây dựng hình ảnh …  **2.Nội dung:**  **3.Ý nghĩa văn bản:**  - Nhan đề truyện giản dị gần gũi: bến quê hương . Bến tình  -Cuộc sống con người ..  - Trên đường đời …  - Thức tỉnh sự trân trọng …  **\*Ghi nhớ :** |

**HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP

+ *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

+ *Thời gian*: Dự kiến 4-5 p

*+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo

**1. Ý nào sau đây nêu tình huống chính của truyện ngắn "Bến quê"?**

A. Nhĩ bị ốm nặng, mọi người phải chăm sóc nâng giấc nên anh luôn day dứt về điều đó.

B. Nhĩ bị ốm, muốn con thay mình sang bên kia sông thăm lại nơi trước kia anh đã từng nhiều lần sang.

**C. Nhĩ bị ốm nặng, trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời mình, anh chỉ khao khát được đặt chân lên bờ bên kia con sông gần nhà.**

D. Nhĩ bị ốm, trong những ngày dưỡng bệnh, anh luôn suy nghĩ về việc nếu khỏi bệnh anh sẽ đi thăm thú những nơi trước đây anh đã dự định mà chưa đi được.

**2. Nhận định nào sau đây là đúng về nhân vật Nhĩ"?**

A. Là người đi nhiều, biết nhiều về các địa danh trên thế giới nhưng lại có tình cảm hời hợt với quê hương.

B. Là người suốt đời chỉ mong muốn những điều nhỏ bé, bình thường mà không đạt được.

**C. Là người biết nâng niu, trân trọng vẻ đẹp gần gũi, bình dị của cuộc sống, quê hươn**g.

D. Là người suốt đời sống trong khổ đau, dằn vặt.

**3. Ý nào sau đây được coi là thông điệp phù hợp nhất của truyện ngắn "Bến quê" gửi tới người đọc?**

A. Dù có đi đâu thì quê hương vẫn là chỗ dừng chân cuối cùng của cuộc đời con người.

**B. Hãy trân trọng những vẻ đẹp, những giá trị bình dị, gần gũi của cuộc sống quê hương**.

C. "Quê hương nếu ai không nhớ - Sẽ không lớn nổi thành người"

D. Trước khi đi ra ngoài, hãy biết sống với quê hương của mình.

**4. Ý nào sau đây thể hiện chính xác nhất giá trị nhân đạo của truyện ngắn "Bến quê"?**

**A. Tác phẩm thức tỉnh ở mỗi con người niềm trân trọng những vẻ đẹp và những giá trị bình dị, gần gũi của cuộc sống, gia đình, quê hương.**

B.Tác phẩm đề cập đến những tình cảm thiêng liêng nơi sâu thẳm tâm hồn con ngừơi: tình cảm gia đình, tình anh em, bạn bè.

C. Tác phẩm khắc hoạ cuộc sống của một người trong những ngày cuối cùng của cuộc đời với nỗi khổ đau và niềm khao khát cháy bỏng.

D. Thức tỉnh con người hãy biết tìm đến chỗ dựa tinh thần lớn lao của cuộc đời mỗi khi gặp khó khăn.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em có suy nghĩ gì về tình yêu quê hương, yêu những gì gần gũi nhất? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc tư liệu Nguyễn Minh Châu và các sáng tác của ông | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước IV: Giao bài, hướng dẫn học ở nhà, chuẩn bị bài ở nhà( 2p):**

***1. Bài vừa học:***

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản và nội dung phần Ghi nhớ.

- Tóm tắt được truyện.

- Viết bài văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn “Bến quê” của Nguyễn Minh Châu.

***2. Chuẩn bị bài mới:***

- Soạn bài “Ôn tập phần Tiếng Việt

- Lập hệ thống bảng biểu theo các nhóm (tổ)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 29,30**

**Tiết 140,141**

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững những kiến thức phần Tiếng Việt học trong học kì II, lớp 9.

- Vận dụng những kiến thức đó học vào hoạt động giao tiếp.

**2. Kĩ năng**

* Vận dụng những kiến thức đó học vào thực tiễn: liên kết câu và đoạn văn, nghĩa tường minh và hàm ý

**3. Thái độ:** Cú ý thức yêu mến, sử dụng đúng đắn tiếng Việt

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:**

+Hệ thống hóa các kiến thức về khởi ngữ và các thành phần biệt lập ;Liên kết câu và liên kết đoạn văn; Nghĩa tường minh và hàm ý

**2. Kĩ năng:**

+Rèn kĩ năng tổng hợp và hệ thống hoá lại một số kiến thức về phần tiếng Việt

+Vận dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp , đọc - Hiểu và tạo lập văn bản

**3. Thái độ: nghiêm túc, cẩn thận**

**4. Kiến thức tích hợp**- Tích hợp TLV: viết đoạn

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

1.Thầy: Soạn giáo án, tranh ảnh, bảng phụ.

2. Trò: Soạn bài ở nhà.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1.Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số

**\* Bước 2. Kiểm tra bài cũ: ( 4 phút)**

Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**\* Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

* Thời gian dự kiến: 2’
* Phương pháp: Thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não.
* Hỡnh thành năng lực: thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| H. Trong học kỡ II các em đó được học những đơn vị kiến thức Tiếng Việt nào?   * Gv thuyết trình:   Bài học ngày hôm nay, cô cùng các em sẽ ôn tập, củng cố lại những kiến thức về Tiếng Việt mà các em đó được học trong chương trình học kỡ II.  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  **TIẾT 137,138**  ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

* Thời gian dự kiến: 38’
* Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não, thảo luận nhúm
* Hỡnh thành năng lực: giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp

**TIẾT 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| **I .Ôn tập khởi ngữ và các thành phần biệt lập**  **1. GV HD HS ôn lại lí thuuyết.**  H.Thế nào là khởi ngữ?  H.Thế nào là thành phần biệt lập? Hãy kể tên các thành phần biệt lập đã học và nói rõ tác dụng của nó trong câu?cho ví dụ minh họa cụ thể?  *\* Gv chốt,chuẩn kiến thức theo bảng*  **2. HD HS luyện tập**  **H.** Đọc bài tập 1/ SGK/ 109 và điền vào bảng tổng kết theo mẫu SGK  H. Các từ in đậm trong các phần a,b,c,d là thành phần gì?  *\*GV yêu cầu HS ghi kết quả đã phân tích vào bảng thống kê theo mẫu.*  *- Chia 4 nhóm : Mỗi nhóm làm 1 câu điền vào bảng thống kê trong SGK ( mẫu)*  *- MC: Bảng thống kê ( tổng kết về khởi ngữ và các thành phần biệt lập trong bài tập 1).* | | *Kĩ năng giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp* **I .Ôn tập khởi ngữ và các thành phần biệt lập**  **1. HS ôn lại lí thuyết.**  - Quan sát MC , HS lựa chọn đáp án chuẩn -Học sinh lần lượt điền theo thứ tự trên vào các câu A, B, C,D  **2. HS luyện tập**  + Đọc suy nghĩ, trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.  **Bảng tổng kết về khởi ngữ và các thành phần biệt lập**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **khởi ngữ** | **Thành phần biệt lập** | | | | | ***Tình thái*** | ***cảm thán*** | ***Gọi - đáp*** | ***phụ chú*** | | Xây các lặng ấy | Dường như | Vất vả quá | thưa ông | Những người con gái nhìn ta như vậy | | | *Kĩ năng giao tiếp, tư duy, đánh giá tổng hợp* **I.Ôn tập khởi ngữ và các thành phần biệt lập**  1**. Lí thuyết.**  a. Khởi ngữ  b. Các thành phần biệt lập  - Tình thái  - Cảm thán  - Gọi - đáp  - Phụ chú  **2. Bài tập**  Bài 1/ 109  Phần kẻ bảng |
| **MC: Khoanh tròn vào ý em cho là đúng nhất?**  ***Câu1*: Dòng nào sau đây nói đúng khái niệm về khởi ngữ?**  A.Là thành phần phụ của câu.  B. Khởi ngữ nêu lên đề tài được nói đến trong câu  C.Khởi ngữ là thành phần không thể thiếu được trong câu  D. Cả A và B  ***Câu2***: **Thành phần biệt lập của câu là gì?**  A. Bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  B. Bộ phận đứng trước CN nêu sự việc được nói trong câu.  C. Bộ phận tách khỏi CN và VN chỉ thời gian, địa điểm được nói tới trong câu.  D. Bộ phận CN hoặc VN trong câu.  ***Câu 3*. Nối ý ở cột a với ý ở cột B sao cho phù hợp?**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***A*** | ***Nối*** | ***B*** | | a. Phụ chú |  | 1. Thể hiện cách nhìn của người nói với sự việc | | b. Tình thái | 2. Bộc lộ tâm lí của người nói | | c. Cảm thán | 3. Tạo quan hệ hay duy trì quan hệ giữa người nói và người nghe | | d. Gọi đáp | 4. Bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu |   **nối a - 4; b - 1; c -2; d - 3.** | | | | |
| *\* Yêu cầu học sinh làm bài tập 2.*  *- Cho học sinh thời gian xem lại đoạn văn ( vì đã chuẩn bị ở nhà) .Cần bám vào nội dung , nghệ thuật văn bản , viết ngắn gọn, cảm xúc riêng*  *- Gọi học sinh đọc*  *- Học sinh nhận xét - giáo viên nhận xét đánh giá bổ sung*  **\*GV đọc đoạn văn tham khảo** | *+ Suy nghĩ bài tập 2*  *+Hoạt động cá nhân*  *+HS trình bày trước lớp*  *+ HS khác nhận xét bổ sung*  *HS lắng nghe , cảm thụ*  *…+ Các thành phần biệt lập: Phụ chú: “Cuộc đời vốn rất bình lặng quanh ta”. Tình thái: “hình như” khởi ngữ: Cái chân ngữ giản dị ấy, cảm thán: tiếc thay* | | **Bài 2/ 110**  Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu truyện ngắn “Bến quê” của Nguyễn Minh Châu trong đó có ít nhất một câu chứa khởi ngữ và một câu chứa thành phần tình thái? | |

**VD1** :"Bến quê" là một câu chuyện về cuộc đời ***- cuộc đời vốn rất bình lặng quanh ta -*** với những nghịch lí không dễ gì hoá giải. **Hình như** trong cụôc sống hôm nay, chúng ta có thể gặp ở đâu đó một số phận giống như hoặc gần giống như số phận của nhân vật Nhĩ trong câu chuyện của Nguyễn Minh Châu? Người ta có thể mải mê kiếm danh, kiếm lợi để rồi sau khi đã gần rong ruổi gần hết cuộc đời, vì một lí do nào đó phải nằm bẹp dí một chỗ, con người mới chợt nhận ra rằng: gia đình chính là cái tổ ấm cuối cùgn đưa tiễn ta về nơi vĩnh hằng! **Cái chân lí giản dị ấy**, ***tiếc thay,*** Nhĩ chỉ kịp nhận ra vào những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời mình. Nhĩ đã từng "đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất", nhưng khi chẳng may bị mắc bệnh hiểm nghèo, liệt toàn thân thì cuộc sống của anh lại hoàn toàn phụ thuộc vào những người khác. Nhưng chính vào cái khoảnh khắc mà trực giác đã mách bảo cho anh biết rằng cái chết cái chết đã cận kề thì trong anh lại bừng lên những khát vọng thật đẹp và thành thiện. Có thể nói, "Bến quê" là câu chuyện bàn về ý nghĩa của cuộc sống, nhân vật Nhĩ là một nhân vật tư tưởng; nhưng là thứ tư tưởng đã được hình tượng hoá một cách tài hoa và có khả năng gây xúc động mạnh mẽ cho người đọc.

**VD2:** “Bến quê” là một truyện ngắn xuất sắc của NMC chứa đụng những chiêm nghiệm, triết lí về đời người. ***Về tình huống cơ bản,*** truyện được XD trên những tình huống trớ trêu như một nghịch lí. Nhĩ, n/vật chính của truyện, đã *"đã từng đi không sót một xó xỉnh nào trên Trái đấ*t". Đến cuối đời, căn bệnh quái ác, buộc chặt anh vào giường bệnh không thể tự mình dịch chuyển được. Cũng tại thời điểm đó, Nhĩ phát hiện ra vùng bãi bồi bên kia sông, nơi bến quê quen thuộc một vẻ đẹp bình dị, quyến rũ. Nhĩ khao khát 1 lần được đặt chân lên đó nhưng ***có lẽ*** khao khát đó của Nhĩ không thể thực hiện được.

**TIẾT 2 :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| **II. HDHS ôn tập về liên kết câu và liên kết đoạn văn.** | **II. HS ôn tập về liên kết câu và liên kết đoạn văn.** | **II. Liên kết câu và liên kết đoạn văn.** |
| H. Nêu yêu cầu:  - Thế nào là liên kết câu và liên kết đoạn văn?  -Trình bày các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn? | ***a.Liên kết câu và liên kết đoạn văn:*** là làm cho các câu trong đoạn văn và các đoạn trong VB có mối quan hệ chặt chẽ cả về nội dung và hình thức.  -Về nội dung:  +Các đoạn phải phục vụ chủ đề chung của VB, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn (LK chủ đề).  +Các đoạn văn, câu văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí (LK lô-gíc)  -Về hình thức: Các đoạn văn, các câu văn có thể được liên kết bằng một số phép liên kết.  ***b.Các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn:*** phép lặp từ ngữ; phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng; phép thế, phép nối. | ***a.Liên kết câu và liên kết đoạn văn:***.  -Về nội dung:  + LK chủ đề.  + LK lô-gíc  -Về hình thức: Các đoạn văn, các câu văn có thể được liên kết bằng một số phép liên kết.  ***b.Các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn:*** |
| *\* Cho HS quan sát và đọc BT1/110. Nêu yêu cầu:*  -Mỗi từ ngữ in đậm thể hiện phép liên kết nào?  -Ghi kết quả vào bảng TK? | *+ HS q/sát. 1HS đọc.*  *HS suy nghĩ, xác định. 1HS lên bảng điền. HS khác n/xét.* | ***2.Bài tập.***  ***Bài tập 1+2***. Xác định phép liên kết. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ***Phép liên kết*** | | | |
|  | ***Lặp từ ngữ*** | ***Đồng nghĩa, trái nghĩa,***  ***liên tưởng*** | ***Thế*** | ***Nối*** |
| ***Từ ngữ tương ứng*** | *cô bé* |  | *cô bé - nó; thế - bây giờ....nữa* | *nhưng, nhưng rồi, và* |

***Câu1***: Liên kết nội dung là:

A.Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn

B. Các đoạn văn và các câu phải được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

C.Các đoạn văn trong bài và các câu trong đoạn phải đầy đủ.

**D. Cả A và B**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| H. Nêu yêu cầu BT3/111: Nêu rõ sự liên kết về nội dung, về hình thức giữa các câu trong đoạn văn em viết ở BT2(M.I) | *+ HS q/sát. 1HS đọc. Suy nghĩ, trả lời.*  -Về nội dung: các câu trong đoạn đều hướng vào chủ đề chung: giới thiệu truyện ngắn “Bến quê.  -Về hình thức: sử dụng phép lặp (lặp từ tr.ngắn) | ***Bài tập 3***. Phân tích sự liên kết về nội dung, về hình thức trong đoạn văn. |
| **III. HDHS ôn tập về nghĩa tường minh và hàm ý**. | | **III. Nghĩa tường minh và hàm ý**. |
| **1. HD HS ôn lại lí thuyết.**  *\* Nêu yêu cầu:*  -Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý?  -Điều kiện để sử dụng nghĩa tường minh và hàm ý?  *\*GV lưu ý cho HS:*  - Cùng một câu nói có thể có nhiều hàm ý.  - Khi dùng hàm ý người nói đã vi phạm phương châm hội thoại. | *+ HS nhớ lại, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  ***-Nghĩa tường minh***: là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.  ***-Nghĩa hàm ý*** là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.  ***-Điều kiện để sử dụng hàm ý:***  + Người nói (viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói.  +Người nghe (đọc) có năng lực giải đoán hàm ý. | **1. Ôn tập lí thuyết**  - Nghĩa tường minh  - Hàm ý  **2. Bài tập** |
| Gọi HS đọc truyện cười. Nêu yêu cầu: Người ăn mày muốn nói điều gì với người nhà giàu qua câu in đậm? | *+ 1HS đọc, lớp nghe.*  *HS suy nghĩ, trả lời*  ***Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi*** -> Địa ngục là chỗ của những người giàu. | ***a. Bài 1.*** Xác định hàm ý: |
| *\* Gọi HS đọc các đoạn hội thoại BT2. Nêu yêu cầu:*  H. Tìm hàm ý trong các câu in đậm?  -Trong mỗi trường hợp, hàm ý đã được tạo ra bằng cách cố ý vi phạm PCHT nào?  *\*GV kết luận đúng.* | *+ 1 HS đọc, xác định hàm ý, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  ***a***.Hàm ý: - Đội bóng huyện chơi không hay.  - Tôi không muốn bình luận việc này.  -> *Vi phạm phương châm quan hệ.*  b. Hàm ý: Tớ chưa báo cho Nam và Tuấn:  ->*Vi phạm phương châm về lượng.* | ***b. Bài 2***.Tìm hàm ý và phương châm hội thoại bị vi phạm. |

- Dùng máy chiếu: Khoanh tròn vào ý trả lời đúng?(**5’)**

***Câu1***: **Nghĩa tường minh là:**

A. nghĩa được nhận ra bằng cách suy đoán.

**B**.**nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.**

C. nghĩa được tạo nên bằng cách nói ẩn dụ.

D. nghĩa được tạo thành bằng cách nói so sánh.

***Câu2*: Điền từ thích hợp vào dấu ba chấm trong câu:…….là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể được suy ra từ những từ ngữ ấy?**

A.Nghĩa tường minh

**B. Hàm ý**

C. Nghĩa cụ thể

D. Nghĩa khái quát

***Câu3***: **Việc sử dụng hàm ý cần những điều kịên nào?**

A. Người nói (người viết) có trình độ văn hoá cao

B. Người nghe, người đọc có trình độ văn hoá cao

**C. Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu, còn người nghe (người đọc) phải có năng lực giải đoán hàm ý.**

D. Người nói, người viết phải sử dụng các phép tu từ.

**\* Củng cố**

Hãy nêu nội dung kiến thức phần Tiếng Việt đã học ở kì II?

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Đặt một tình huống ngoài thực tế có sử dụng phép liên kết hoặc nghĩa tường minh và hàm ý ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

* **HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**
* ***\* Mục tiêu:***
* - Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
* - Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
* ***\* Phương pháp:*** Dự án
* ***\* Kỹ thuật:*** Giao việc
* ***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập   * ễn tập toàn bộ kiến thức phần Tiếng Việt học kỡ 2 * Vận dụng kiến thức đó học chữa lỗi trong bài viết tập làm văn * Chú ý sử dụng có hiệu quả các đơn vị kiến thức trong giao tiếp có hiệu quả | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4.Giao bài và hư­­ớng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà( 4 phút)**

**a. Bài vừa học**

- Hoàn thành nốt bài tập còn lại.

-Ôn tập các kiến thức Tiếng Việt đã học .

-Liên hệ thực tế sử dụng câu có hàm ý

**b. Chuẩn bị bài mới**

Soạn bài: Luyện nói: nghi luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Tự luyện nói và lập dàn ý nói của bài “Bừp lửa”- Bằng Việt

**Ví dụ về đoạn văn:**

Nguyễn Minh Châu là một trong những nhà văn mở đường tinh anh và tài năng trong phong trào đổi mới văn học. Ông đã phát hiện ra những chiều sâu mới với bao quy luật và nghịch lí vượt ra ngoài giới hạn chật hẹp của những cái nhìn, cách nghĩ trước đó. "Bến quê" là một trong những truyện ngắn xuất sắc của ông. Truỵên được in trong tuyển tập truỵên ngắn cùng tên của Nguyễn Minh Châu xuất bản năm 1985. Về cốt truyện của "Bến quê" rất bình dị nhưng lại mang ý nghĩa triết lí sâu sắc. Qua nhân vật Nhĩ -một bệnh nhân sắp từ giã cõi đời- Nguyễn Minh Châu đã nói lên những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình , quê hương. Có lẽ vì thế mà bất kì ai đã đọc "Bến quê" cũng cảm thấy thật xúc động và ý nghĩa.

Nguyễn Minh Châu là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học thời kì kháng chiến chống Mĩ. Ngoài ra, ông còn là một trong những nhà văn mở đường tinh anh và tài năng trong phong trào đổi mới văn học với các tác phẩm "Mảnh trăng...", "Cửa sông", "Dấu chân người lính". Trong đó, "Bến quê" là một truyện ngắn xuất sắc của ông. Về cốt truyên, bài có cốt truyện giản dị, tình huống nghịch lí nhưng rất đời thường. Có thể nói, truyện có ý nghĩa như tổng kết cuộc đời một con người mà nhà văn Nguyễn Minh Châu dường như nhìn thấu vào cái cuộc đưòi đa sự đó. Trước cái chết đã được định sẵn, Nhĩ- nhân vật chính của truyện đã nhờ đứa con trai của mình thực hiện một ước mơ thật bình thường mà lại quá khó khăn với ông. Cả cuộc đời bôn ba khắp nơi giờ ông mới phát hiện ra cái vẻ đẹp bình dị, mộc mạc của nơi mình ở nhưng tất cả đã quá muộn cũng chỉ vì căn bệnh quái ác mà ông đã mắc phải.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 30**

**Tiết 142,143**

**LUYỆN NÓI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1.Kiến thức**

- Nắm vững hơn những kiến thức cơ bản của bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

- Biết trình bày, diễn đạt bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**2.Kĩ năng**

Lập dàn ý và trình bày rừ ràng, mạch lạc một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức:**

- Những yêu cầu đối với luyện nói khi bàn luận về một đoạn thơ , bài thơ

**2. Kĩ năng:**

- Lập ý, lập dàn bài và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

-Trình bày miệng một cách mạch lạc hấp dẫn những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ

3. **Thỏi độ:** Chu đáo, Bỡnh tĩnh, tự tin trình bày

**4. Kiến thức tích hợp:**

- Tích hợp TLV: Chữa lỗi dùng từ, cách diễn đạt

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1.Thầy:** Đọc kĩ SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.

**2. Trò:**

1. Ôn lại để nắm vững yêu cầu đối với bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ, nội dung cơ bản của từng phần mở bài, Thân bài, Kết bài.

2. Học thuộc lòng bài thơ ***“Bếp lửa”*** của Bằng Việt.

3. Lập dàn ý chi tiết cho đề bài: “***Bếp lửa sưởi ấm một đời*** - Bàn về bài thơ “***Bếp lửa***” của Bằng Việt.”

4***.*** Tập trình bày miệng bài nói của mình (ít nhất 3 lần).

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1. Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số

**\* Bước 2. Kiểm tra bài cũ: ( 4 phút)**

***Câu1:* Nghị luận về bài thơ, bài thơ là trình bày:**

**A.** nhận xét, đánh giá của mình về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ

B. suy nghĩ của người viết.

C. nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

D. nội dung của bài thơ, đoạn thơ.

***Câu2:* Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ được thể hiện qua:**

A. Giọng điệu. B. Ngôn từ. C. Hình ảnh. **D**. Cả A - B -C .

**\*Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.**

**\* Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| ? Theo em để giúp người nghe có thể cảm nhận được một bài thơ đoạn thơ em cần làm gì?.  - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  **TIẾT 139,140**  **LUYỆN NÓI VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

* Thời gian dự kiến: 35’
* Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn.
* Hỡnh thành năng lực: tu duy, giải quyết vấn đề

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** | |
| **I. GV củng cố kiến thức.** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS củng cố kiến thức.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Củng cố kiến thức.** | |
| *\*GV nêu yêu cầu:*  H. Em hiểu thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ?  H. Những yêu cầu đối vớibài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ( Yêu cầu về nội dung của bài nghị luận này là gì?)  H. Bài nghị luận có hình thức như thế nào?  H.Các bước làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ : Lập ý, lập dàn bài theo bố cục ba phần rõ ràng , viết bài , sửa bài.  *\* GV gọi trả lời cá nhân, gọi nhận xét, Gv nhấn mạnh.* | | *+ Nhắc lại những kiến thức đã học về kiểu bài*  +Nêu yêu cầu nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ  + Các bước làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ  *+ HS khác nhận xét, bổ sung*.  **Dàn ý:**  **- Mở bài** : Giới thiệu đoạn thơ và bước đầu nêu nhận xét đánh giá của mình.  **+Thân bài:** Lần lượt trình bày những suy nghĩ đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **+Kết bài** : Khái quát giá trị ý nghĩa của đoạn thơ bài thơ. | **1. Nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.**  - Trình bày những cảm nhận, đánh giá về cái đẹp của một đoạn thơ, bài thơ.  - Cần bám vào ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu để cảm nhận, đánh giá về tình cảm, cảm xúc của tác giả.  - Bố cục mạch lạc, lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết. | |
| *\* GV nêu yêu cầu và ý nghĩa của tiết luyện nói.* | | *+ HS nghe yêu cầu và ý nghĩa.* | **2. Yêu cầu, ý nghĩa của tiết luyện nói.** | |
| **1. Yêu cầu:**  - Bài phát biểu phải bám sát nhan đề đã cho.  - Trình bày theo dàn ý, chú ý liên hệ giữa các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.  - Nói sao cho truyền cảm, thu hút được sự chú ý của người nghe, không được đọc thuộc lòng. Chú ý phương pháp trình bày ở từng phần của bài nói: cách vào đề ngữ điệu, cách lên xuống giọng, nhấn mạnh,... phải linh hoạt, phù hợp với nội dung đang nói và thể hiện được tình cảm của mình.  ***2 Ý nghĩa.***  - Rèn sự tự tin, mạnh dạn  - Có kĩ năng trình bày miệng một cách mạch lạc hấp dẫn một vấn đề.  - Luyện tập cách lập ý, lập dàn bài và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. | | | |
| **II. HD HS lập dàn bài.** | **II. HS lập dàn bài.** | | **II. Lập dàn bài.** | |
| *\* Gọi học sinh đọc kĩ đề bài*  **H.** Hãy tìm hiểu cho đề bài này? Tìm ý cho đề bài  *\* GV gọi trả lời cá nhân, gọi HS khác nhận xét.Gv chốt.* | *+HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi . HS khác nhận xét bổ sung.Nghe GV chốt.*  **- Kiểu bài:** nghị luận về một bài thơ  + Vấn đề nghị luận: **Tình cảm bà cháu**  + Phương pháp nghị luận xuất phát từ sự cảm thụ cá nhân đối với bài thành những thuộc tính tinh thần cao đẹp của con người.  -Tình yêu quê hương nói chung trong các bài thơ đã học, đọc.  -Tình yêu quê hương với nét riêng trong bài thơ bếp lửa của Bằng Việt. | | **Đề bài**: Bếp lửa sưởi ấm một đời người - bàn về bài thơ “ Bếp Lửa của Bằng Việt.  **1. Tìm hiểu đề, tìm ý.**  **- Kiểu bài:** nghị luận về một bài thơ  + Vấn đề nghị luận: **Tình cảm bà cháu** | |
| *\* GV tổ chức hs thảo luận nhóm để trao đổi sửa chữa , bổ sung dàn ý đã làm ở nhà*  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  *- Đưa dàn ý hoàn chỉnh lên bảng phụ để HS quan sát*  H. MB, cần giới thiệu những ý gì?  H. Theo em, thân bài cần xây dựng những hệ thống luận điểm nào?  ? Để triển khai luận điểm 1, em cần trình bày những luận cứ nào?  ? Khi triển khai luận điểm 2, em cần thể hiện cảm nhận cua rmình về những hình ảnh thơ nào?  H. Phần kết bài, em sẽ dự định trình bày những ý gì? | *+ HS hoạt động theo nhóm tổ*  *-Các nhóm trao đổi, đưa ra đề cương nói thống nhất, hợp lí cho nhóm mình.*  *-Mỗi nhóm cử 2-3 đại diện của nhóm nói trước tổ. Các thành viên trong nhóm theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung.* | | **2. Lập dàn ý.** | |
| **I/ MB:**  -Giới thiệu tác giả, tác phẩm, h/cảnh sáng tác: Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt.  -Cảm nhận chung về bài thơ: Đây là một bài thơ hay về tình bà cháu thông qua dòng hồi tưởng của người cháu về những năm tháng tuổi thơ đồng thời thể hiện t/cảm thương nhớ và lòng biết ơn bà .  **II/ TB:**  **1.LĐ 1**:  - Sự hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương: hình ảnh bếp lửa ở làng quê Việt Nam: từ hình ảnh bếp lửa liên tưởng tự nhiên tới người bà.  Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn hồi tưởng cảm xúc về bà:  ( 3 dòng thơ đầu)  Hình ảnh bếp lửa chờn vờn  Hình ảnh bếp lửa ấp iu  **2. LĐ2**: Hồi t­ưởng những kỷ niệm tuổi thơ sống bên và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa( 4 khổ tiếp theo)  - Kỷ niệm những năm tuổi thơ với khói hun nhèm mắt cháu, với những năm cả nư­ớc ngập trong nạn đói.  - Kỷ niệm 8 năm sống bên bà: âm thanh khắc khoải của tiếng tu hú, những việc làm lời dạy bảo ân cần của bà dành cho cháu.  -> Bếp lửa ấm áp mang tình thương che chở, ôm ấp của lòng bà. Bếp lửa là bếp lửa của một cuộc đời đã trải qua nghèo khó, vất vả. Nghĩ về bếp lửa, nhớ về nó mà đứa cháu thương bà khôn xiết  **3. LĐ3**: Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà  - Bà đã nhen nhóm, nuôi d­ưỡng trong lòng cháu bao niềm yêu th­ương, bao hoài bão ước mơ  - Ng­ười cháu chợt nhận ra điều thiêng liêng, kỳ lạ trong ngọn lửa, bếp lửa  - Từ bếp lửa cháu nghĩ về ngọn lửa. Đó là một hình tượng, sáng bừng lên ngọn lửa bất diệt, ngọn lửa của tình yêu thương, ngọn lửa của niềm tin bền bỉ, bất diệt.  - Bà đã nhóm bếp lửa trong suốt cả cuộc đời bằng bàn tay gầy guộc, bằng cả tấm lòng đôn hậu của bà đối với cháu. Bà đã nhen nhóm , nuôi dưỡng trong lòng cháu bao niềm yêu thương, bao ước mơ hoài bão. Tâm hồn tuổi thơ, khát vọng đã sáng bừng lên từ ngọn lửa bà nhen.  **4. LĐ4**: Lòng kính yêu, biết ơn của ng­ười cháu với bà  **III.KB:**   * Khẳng định vấn đề cần nghị luận ý nghĩa giáo dục đối với mỗi ngư­ời về tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình thiêng liêng qua bài thơ * Khẳng định lại cảm xúc: T/cảm gia đình là 1 trong những t/cảm thiết tha nhất ->Cần phải biết trân trọng, nâng niu những tình cảm đó. | | | |
| *\* GV cho HS làm BTTN củng cố kiến thức tiết 1.* | *+ HS làm BTTN củng cố kiến thức.*  *- HS theo dõi lên màn hình và trả lời câu hỏi trắc nghiệm* | | **\*Bài tập trắc nghiệm** | |

**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**

Dòng nào sau đây **không phù hợp** với yêu cầu của bài nghị luận về một đọan thơ, bài thơ?

A. Trình bày những cảm nhận, đánh giá về cái đẹp của một đoạn thơ, bài thơ.

B. Cần căn cứ vào đặc điểm ngoại hình, ngôn ngữ, tâm lí, hành động của nhân vật để phân tích.

C. Cần bám vào ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu để cảm nhận, đánh giá về tình cảm, cảm xúc của tác giả.

D. Bố cục mạch lạc, lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết.

**TIẾT 2 :**

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

* Thời gian: 40’
* Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận.
* Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn.
* Hỡnh thành năn g lực: tư duy, sáng tạo, giao tiếp, giải quyết vấn đề, tự quản lí, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| **III. HD HS luyện nói trên lớp.** | ***Kĩ năng thuyết trình, giao tiếp, tư duy sáng tạo***  **III. HS luyện nói trên lớp.** | ***Kĩ năng thuyết trình, giao tiếp, tư duy sáng tạo***  **III. Luyện nói trên lớp.** |
| *\* GV dành cho HS khoảng 10’ để HS chuẩn bị.*  *\* GV lưu ý HS:* Lưu ý ngữ điệu nói : lúc to, nhỏ, nhanh, chậm, cách nhấn mạnh phải linh hoạt, phù hợp với nội dung đang nói, và thể hiện được tình cảm của mình.  - Nên dùng câu có tính chất lập luận, nhưng vẫn giàu cảm xúc.  - Bài phát biểu cần bám sát nhan đề đã cho | *+ HS xem lại phần luyện nói của mình.* |  |
| \* GV yêu cầu HS thảo luận trong nhóm : Tự luyện nói trong nhóm. Có thể luyện nói từng phần. Sau khi luyện nói, các nhóm có thể cử đại diện của nhóm mình để luyện nói trước lớp. | *+ Hs trình bày bài làm của mình trong nhóm*  *+ Một hs trình bày đoạn mở bài*  *+ Một hs trình bày luận điểm 1*  *+ Hai hs trình bày luận điểm 2 ( Mỗi hs trình bày một luận cứ )- Những hs khác nhận xét bổ sung.* | **1. Luyện nói trong nhóm.** |
| \* GV yêu cầu HS luyện nói trước lớp. Gọi đại diện của 4 nhóm lên trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Tự đánh giá, cho điểm.  - GV nhận xét, bổ sung. Cho điểm các nhóm. | *+ 4 nhóm cử 1-2 đại diện của nhóm trình bày, cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung, tự đánh giá*  *- Nghe Gv đánh giá, cho điểm.* | **2. Luyện nói trước lớp.** |
| \* GV đọc cho HS nghe một số đoạn văn mẫu để HS tham khảo | *+ HS nghe, học tập* |  |

*Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người*

( Quê hương - Đỗ Trung Quân )

Quê hương là những gì gắn bó thân thuộc nhất đối với mỗi người. Với Tế Hanh là dòng sông xanh biếc với những kỉ niệm tuổi thơ, Đỗ Trung Quân là chùm khế ngọt, hoa bí vàng, bờ dâm bụt đỏ, Giang Nam là kỉ niệm của một thời chăn trâu cắt cỏ. Còn với Bếp lửa của Bằng Việt thì quê hương gắn liền với hình ảnh người bà và bếp lửa- ngọn lửa sưởi ấm một đời.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập   * Qua tiết luyện núi em rỳt ra cho mỡnh bài học gỡ khi trình bày một vấn đề trước đám đông? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập   * Tiếp tục luyện nói các đề cũn lại với cỏc bạn trong nhúm hoặc kể cho người thân nghe * Qua mỗi bài núi em được người nghe(các bạn, người thân) nhận xét như thế nào? ( có tiến bộ như thế nào)? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4.Giao bài và hư­­ớng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà( 4 phút)**

**a. Bài vừa học**

- Ôn lại kiểu bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ.

- Tiếp tục hoàn thành các luận điểm trong đề bài văn: Làm thành bài văn hoàn chỉnh đề: “***Bếp lửa sưởi ấm một đời - Bàn về bài thơ*** “Bếp lửa” của Bằng Việt.”(***Hoạt động nhóm)***

-Tập trình bày bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ trước mặt bạn bè hoặc người thân .

**b. Chuẩn bị bài mới văn bản** : Những ngôi sao xa xôi của nhà văn Lê Minh Khuê.

+ Đọc kĩ và trả lời các câu hỏi trong SGK.

+ Chân dung tác giả, bài hát "Cô gái mở đường"

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 30**

**Tiết 144,145**

**NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

**KIỂM TRA 15 PHÚT**

***(Lê Minh Khuê)***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức** :

- Biết được một tác phẩm truyện hiện đại.

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái thanh niên xung phong trong truyện và nét đặc sắc trong cách mieu tả nhân vật và nghệ thuật kể chuyện của Lê Minh Khuê

- Biết cách vận dụng những kiến thức đã học để cảm thụ một tác phẩm văn học hiện đại.

**2. Kỹ năng** :

- Biết cách phân tích các chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ truyện

- Đọc – hiểu thông thạo tác phẩm truyện

**\*Tích hợp vấn đề giáo dục bảo vệ môi trường:** Liên hệ sự khốc liệt của chiến tranh và môi trường.

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ một tác phẩm văn học hiện đại

- Giáo dục cho học sinh lòng cảm mến kính phục trân trọng, yêu quý hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong và tinh thần coi thường khó khăn, gian khổ, niềm lạc quan vui tươi, yêu đời, hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi trong bài thơ.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm, hồn nhiên, trong cuộc sống chiến đấu nhiều gian khổ, hi sinh nhưng vẫn lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trong truyện.

- Thành công trong việc miêu tả tâm lí nhân vật, lựa chọn ngôi kể, ngôn ngữ kể hấp dẫn

**- Tích hợp vấn đề môi trường : Liên hệ môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng trong chiến tranh .**

**2. Kĩ năng**

- Đọc – hiểu một tác phẩm tự sự sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước

- Phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất xưng “ tôi”

- Cảm nhận vẻ đẹp hình tượng nhận vật trong tác phẩm

- Lồng ghép giáo dục môi trường.

3. **Thái độ:** yêu quý, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của những con người đó trải qua những năm khói lửa chiến tranh, sống xứng đáng vớithế hệ cha anh .

**4. Tích hợp giáo dục ANQP:**

- Những tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo của thanh niên xung phong trong kháng chiến

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**:

- N/c TLTK viết về tác giả, tác phẩm và chuẩn kiến thức kĩ năng

- Mỏy chiếu

**2. Trò**:

- Đọc kĩ văn bản

- Soạn bài theo các câu hỏi trong vở bài tập ngữ văn- tập 2.

- Sưu tầm tư liệu về tác giả, tác phẩm

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* Bước 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* Bước 2: Kiểm tra:* (3-5')**

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học và làm bài ở nhà qua việc soạn bài.

- Phương án: Kiểm tra sách, vở, bài soạn của HS. đầu giờ

***Khoanh tròn vào phương án trả lời đúng.***

***Câu1***: Ý nào sau đây được coi là thông điệp phù hợp nhất của truyện ngắn ***Bến quê*** gửi đến người đọc?

A. Dù có đi đâu thì quê hương vẫn là chỗ dừng chân cuối cùng của cuộc đời con người

B. Hãy trân trọng những vẻ đẹp, những giá trị bình dị, gần gũi của cuộc sống quê hương

C. Quê hương nếu ai không nhớ – Sẽ không lớn nổi thành người

D. Trước khi đi ra ngoài, hãy biết sống với quê hương của mình

***Câu2***: Dòng nào sau đây không phải là đặc điểm nổi bật của truyện ngắn Bến quê?

**A**. Tổ chức đối thoại và miêu tả hành động của nhân vật

B. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên

C. Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật

D. Xây dựng những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng.

***Câu 3.* Tình huống truyện nào là chủ yếu**?

A. Nhĩ cả đời đi đây đi đó thì nay bị liệt, đang sống những ngày cuối cùng. Sáng đầu thu, Nhĩ ngắm cảnh vật qua cửa sổ nhà mình.

B. Thằng con đi sang bên kia sông nhưng lại lỡ đò.

C. Ông giáo già Khuyến vào thăm.

D. Bọn trẻ hàng xóm giúp Nhĩ nằm sát cửa sổ.

***Câu 4.* Nhân vật Nhĩ thuộc loại nhân vật nào? Tại sao em lại lựa chọn như vậy?**

A.Nhân vật tính cách

B .Nhân vật tư tưởng

C .Nhân vật số phận

D. Nhân vật ngoại hình

***\* Bước 3******: Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| *\* GV cho cả lớp nghe trích đoạn bài hát “Cô gái mở đường” (nhạc và lời Xuân Giao, 1966 ) – Yêu cầu hs nhận xét*  *- GV chốt*: Lời hát vang lên với âm điệu nhanh, âm hưởng lời ca hào hùng về thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Họ là những chàng trai lái xe, những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn máu lửa. Họ đã góp phần làm nên chiến thắng.  Và nhà văn Lê Minh Khuê đã viết về họ như thế nào? Chúng ta cùng đi tìm hiểu bài hôm nay - văn bản ***''Những ngôi sao xa xôi''***  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn dắt giới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  **TIẾT 141,142** NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI ***(Lê Minh Khuê)*** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 60’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 15p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| **I. GV HD HS đọc, tìm hiểu chú thích.** | **I. HS đọc, tìm hiểu chú thích** | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc, chú thích.**  **1. Đọc-Tóm tắt.** |
| **1. Bước 1. HD HS đọc**  *\* GV hướng dẫn HS đọc*: Giọng tâm tình, phân biệt lời kể và lời đối thoại ngắn gọn giữa các nhân vật  ***\**** *GV đọc mẫu một đoạn: từ đầu => “những con quỷ mắt đen/ 114*  *- Gọi HS đọc tiếp đến “trong hang”/114.*  *- Gọi HS tóm tắt từ “Bây giờ là buổi trưa”/114 => “cố gắng nhé”/117:* Kể về việc Phương Định ngồi tựa vào thành vách đá hát rồi tự nhận xét, đánh giá về bản thân mình; và cảnh sau khi chị Thao và Nho đi lấp hố bom chỉ còn một mình Phương Định ở lại hang dưới chân cao điểm để trực điện thoại của đơn vị.  *\* Gọi HS đọc tiếp đến “Chị Thao bảo”/119.*  ***\* Gọi HS tóm tắt đoạn cuối của văn bản***: Sau phút hiểm nguy, chị Thao và Phương Định lại nối nhau hát. Niềm vui của ba người trước trận mưa đá đột ngột.  *\* Gọi HS tóm tắt toàn bộ văn bản.* | **1. HS đọc**  *+ HS lắng nghe hướng dẫn*  *HS đọc, HS khác nhận xét cách đọc của bạn*  *- HS đọc tiếp đến “trong hang”/114.*  *- HS nhận xét các đọc của bạn.*  *- HS tóm tắt từ “Bây giờ là buổi trưa”/114 => “cố gắng nhé”/117:*  *+ HS đọc tiếp đến “Chị Thao bảo”/119.*  *+ HS tóm tắt đoạn cuối.*  *+ Tóm tắt cả văn bản.* | - Một câu chuyện xảy ra hàng ngày trên tuyến đường Trường Sơn tại một trọng điểm đánh phá của địch trong những năm chống Mĩ. Phương Định, Thao, Nho là 3 nữ TNXP. Công việc của họ là khi có bom nổ thì chạy lên đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Họ sống trong một cái hang dưới chân trọng điểm. Mỗi người có thói quen, sở thích, tính nết khác nhau nhưng đều can đảm, dũng cảm, hồn nhiên tâm hồn trong sáng lạc quan. Họ là những ngôi sao xa xôi trong cảm nhận của tác giả. |
| **2. HD HS tìm hiểu chú thích**  *\* GV yêu cầu HS theo dõi vào chú thích \*/ SGK/120*  H. Dựa vào chú thích (\*) nêu những nét khái quát nhất về tác giả LMK ?  *\* GV chiếu chân dung nhà thơ cho HS quan sát*  *- Giới thiệu một số tác phẩm*  - Lưu ý những yếu tố về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả đã ảnh hưởng đến sự ra đời trực tiếp của tác phẩm. (Thuộc thế hệ các nhà văn bắt đầu sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ.)  H. Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” được ra đời vào thời điểm nào? Em biết gì về hoàn cảnh lịch sử của nước ta lúc ấy?  **\*** GV lưu ý các chú thích 1,2,3,4,7. | **2. HS tìm hiểu chú thích.**  *+ HS theo dõi vào chú thích \*/ SGK/120*  *- HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm về tác giả.*  *- Một em trình bày ý kiến của mình, cả lớp lắng nghe, bổ sung nếu có.Quan sát chân dung tác giả.*  *+Dựa vào chú thích trả lời .*  *- HS lắng nghe*  *- HS giải nghĩa chú thích 1,2,3,4,7.* | **2.Chú thích :**  ***a.Tác giả:*** Sinh 1949 Quê: Tĩnh Gia, Thanh Hoá.  - Là cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn với ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo, đặc biệt là nhân vật phụ nữ….  -Tham gia viết văn từ những năm 1970 và có nhiều sáng tác về c/sống chiến đấu của TNXP và bộ đội.  **b.Tác phẩm**  - Truyên ngắn …sáng tác năm 1971, cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng gay go , ác liệt.  **c. Từ khó :** |

**Quan sát MC - HS lựa chọn đáp án chuẩn**

**1.Truyện ngắn những ngôi sao xa xôi ra đời vào những năm nào?**

A. Năm 1970 B. Năm 1971. C. Năm 1975 D. Năm 1976.

**2.Những ngôi sao xa xôi là một truyện ngắn hiện đại vì?**

A. Có cốt truyện là chuỗi các sự việc.

B. Truyện kể về thanh niên xung phong trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ trên tuyến đường Trường Sơn.

C.Sử dụng ngôn ngữ trần thuật

D. Cả A, B, C.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| **II. HD HS tìm hiểu văn bản.** | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. HS tìm hiểu văn bản.** | | | | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.** |
| **1. Bước 1. GV HD HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | **1. HS tìm hiểu khái quát văn bản.** | | | | **A. Tìm hiểu khái quát** |
| *\* GV nêu yêu cầu:* Hãy x/định:  -Thể loại?  - PTBĐ chính của VB?  -Các nhân vật trong truyện? Nhân vật chính?  -Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể?  -Nhận xét cốt truyện và mạch truyện?  **\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(**3’)  **\*Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GV chuẩn kiến thức** | **+HSthảo luận nhóm bàn (3’) thực hiện kĩ thuật động não**  -*HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét*  *- Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở*  ***- Nhân vật***: 3 cô gái TNXP.  - N/vật chính: Phương Định  ***- Ngôi kể:*** ngôi thứ nhất  ⇒Phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để t/giả m/tả, b/hiện thế giới tâm hồn, cảm xúc, suy nghĩ của n/vật.  ***-Cốt truyện:*** đơn giản  ***-Mạch truyện:*** theo dòng ý nghĩ, tâm trạng n/vật, đan xen giữa h/tại và quá khứ->Làm hiện lên vẻ đẹp trong sáng và hồn nhiên của những cô gái TNXP. | | | | ***-Thể loại:*** Truyện ngắn.  ***-PTBĐ:*** Tự sự + m/tả nội tâm.  ***- Nhân vật***: 3 cô gái TNXP.  - N/vật chính: Phương Định  ***- Ngôi kể:*** ngôi thứ nhất  ***-Cốt truyện:*** đơn giản  ***-Mạch truyện:*** |
| **2. Bước 2. GV HD HS tìm hiểu chi tiết.** | **2. HS tìm hiểu chi tiết.** | | | | **B. Tìm hiểu chi tiết** |
| H. Nêu yêu cầu:  -Ba cô gái TNXP này có những nét chung gì để gắn họ thành một khối thống nhất?  -Hoàn cảnh sống, chiến đấu của những cô gái này được khắc hoạ qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì hoàn cảnh sống và chiến đấu của họ?  ***\* GV tích hợp hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh.*** | *+ HS theo dõi VB, phát hiện chi tiết, trả lời.Rút ra nhận xét.*  ***+Nơi ở***: trong một hang dưới chân một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm; con đường trước hang bị đánh lở loét, hai bên đường không có lá xanh....  ***+Công việc:*** khi có bom nổ thì chạy lên đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ nếu cần thì phá bom, một công việc không đơn giản, bị bom vùi luôn.  ->***Khó khăn, nguy hiểm, ác liệt,* *căng thẳng, luôn đe doạ sự sống con người.*** | | | | ***Ba cô gái TNXP ở tổ trinh sát mặt đường.***  ***a. Nét chung của ba cô gái.***  ***\**** H/cảnh sống:  - Nơi ở: trong hang, dưới chân cao điểm.  - Công việc: ...  ->***Khó khăn, nguy hiểm, ác liệt.*** |
| H. Tinh thần và thái độ của họ trong công việc được khắc hoạ qua những chi tiết nào?  Những chi tiết đó đã bộc lộ phẩm chất gì ở họ? | *+ HS liệt kê chi tiết, trả lời, rút ra phẩm chất chung.*  ***\**** Trong công việc.  -Chạy trên cao điểm cả ban ngày, đất bốc khói, không khí bàng hoàng; luôn đối mặt với thần chết, thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ.  -Mỗi khi phát hiện được những quả bom chưa nổ, họ phân công nhau phá bằng hết.***=>Dũng cảm, kiên cường, có tinh thần đồng đội và trách nhiệm cao.*** | | | | ***\**** Trong công việc.  ***Dũng cảm, kiên cường, có tinh thần đồng đội và trách nhiệm cao.*** |
| H. Ngoài công việc, trong cuộc sống đời thường, các cô có những đặc điểm sở thích gì? Những đặc điểm sở thích đó cho ta thấy các cô là những người có tính cách như thế nào? | *+ HS trao đổi nhóm cặp, trả lời, rút ra phẩm chất.*  -Đối với đồng đội: quan tâm, chăm sóc tận tình...  -Thích hát, thích vui đùa, thích cái đẹp và làm đẹp, dễ xúc động, hay mơ mộng....  +Nho thích thêu thùa, thích tắm suối, thích ăn kẹo.  +Chị Thao chăm chép bài hát, thích tỉa lông mày...  +Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng và hát....  ***=>Hồn nhiên, tươi trẻ, giàu ước mơ...*** | | | | ***\****Trong cuộc sống đời thường  -Đối với đồng đội: quan tâm, chăm sóc tận tình...  -Thích hát, thích vui đùa, thích cái đẹp và làm đẹp, dễ xúc động, hay mơ mộng....  ***=>Hồn nhiên, tươi trẻ, giàu ước mơ...*** |
| *\* GV đưa giữ liệu ngã ba Đồng Lộc 42 nghìn quả bom...*  **\*Tích hợp vấn đề môi trường**: Liên hệ môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng trong chiến tranh : DT rừng , động thực vật ...  H. Qua đó, em cảm nhận thêm về điều gì về tuổi trẻ Việt Nam thời đánh Mỹ ? Theo em động lực nào đã thúc đẩy họ có thể sống , chiến đầu được như vậy ?  **\* GV chốt bình ...Xe vẫn chạy .... trái tim** .... Những cô gái còn rất trẻ, cá tính hoàn cảnh riêng không giống nhau nhưng đều có phẩm chất chung của những chiến sĩ thanh niên xung phong tình nguyện ở chiến trường. | *+ HS quan sát ngữ liệu, liên hệ môi trường, rút ra vẻ đẹp chung.*  => Vẻ đẹp của các nhân vật tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước .  -> Niềm tin chiến thắng vì độc lập giải phóng đất nước | | | | => Vẻ đẹp của các nhân vật tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước |
| Chuyển ý: Bên cạnh những nét chung mỗi cô gái TNXP còn có những nét riêng. Nét riêng của mỗi nhân vật như thế nào chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết 2.  TIẾT 2. | | | | | |
| \* GV nêu yêu cầu: Qua cảm nhận của nhân vật Phương Định, chị Thao, Nho có những đặc điểm, phẩm chất nào? | *+ HS theo dõi VB, phát hiện, suy nghĩ, trình bày.*  **\* Chị Thao:**  Từng trải hơn, ít hồn nhiên hơn, ước mơ và dự tính tương lai thiết thực hơn nhưng không thiếu những khát khao rung động của tuổi trẻ.  -Bình tĩnh, cương quyết, táo bạo và dũng cảm trong chiến đấu nhưng lại rất sợ khi nhìn thấy máu chảy.  ***\* Nho***  -Thích thêu thùa, thích tắm suối, thích ăn kẹo.  -Hồn nhiên, yêu đời, yêu đồng đội lo lắng cho công việc | | | | ***b. Nét riêng của mỗi người..***  ***\*Chị Thao:***  ***\* Nho:*** |
| \* Gọi HS đọc từ Tôi là.....115 => ***có ngôi sao trên mũ***/115  H. Theo dõi VB, hãy cho biết Phương Định tự quan sát và đánh giá về mình như thế nào?  Qua việc tự quan sát và nhận xét đánh giá về mình như vậy, em thấy Phương Định là người như thế nào?  **\* GV**: *Biết mình được nhiều người, nhất là các anh lính trẻ để ý và có thiện cảm, cô thấy vui và tự hào nhưng chưa dành riêng tình cảm cho ai, không hay biểu lộ tình cảm của mình mà tỏ ra kín đáo trước đám đông...* | + HS đọc từ “Tôi là => ***có ngôi sao trên mũ***/115.  *HS theo dõi VB, phát hiện, suy nghĩ, trình bày*  - Tôi mê hát, cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát, tôi thích nhiều bài, thích ngồi bó gối mơ màng...  + Tôi là con gái Hà Nội, tôi là một cô gái khá; hai bím tóc dày, mềm; cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn; đôi mắt có cái nhìn xa xăm....  +Thích ngắm mắt trong gương: dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.  +Biết mình được nhiều người, nhất là các anh lính trẻ để ý và có thiện cảm nhưng tỏ ra không vồn vã, săn sóc, thường đứng ra xa, khoanh tay trước ngực, nhìn đi nơi khác, môi mím chặt khi bọn con gái xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đó.  +Suy nghĩ: những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ. | | | | ***\*Phương Định***  ***-Tự đánh giá về mình:***  + Là một cô gái Hà Nội xinh đẹp; trẻ trung, hồn nhiên,  + Là cô gái nhạy cảm, kín đáo, nữ tính và rất biết cách làm duyên cho mình. -> ***nhạy cảm, có vẻ đẹp nội tâm phong phú..*** |
| \* Gọi HS đọc từ ***Tôi, một quả bom trên đồi***/ 117 => ***lao và rít vô hình trên đầu***/118.  *(Chiếu câu văn lên màn hình).*  H. Tìm những chi tiết miêu tả tâm trạng của Phương Định trong một lần phá bom?  H. Nhận xét cách miêu tả của tác giả ? Qua cách miêu tả đó, tác giả làm nổi bật phẩm chất gì ở Phương Định? | + HS đọc ***Tôi một quả bom trên đồi*** / 117 => ***lao và rít vô hình trên đầu***/118.  - HS theo dõi đoạn phim:  +Khi đi phá bom: Tôi đến gần quả bom.... cứ đàng hoàng mà bước tới.  +Ngồi bên quả bom, kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ: Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom.... một dấu hiệu chẳng lành” => Sợ hãi thoáng qua ….trấn tĩnh ….đường hoàng mà b­ước tớ  +Khi chờ bom nổ: Tôi có nghĩ đến cái chết.... còn cái chính là... thì khá phiền”.  -> Tâm trạng hồi hộp, căng thẳng của Phương Định khi chờ bom nổ.  ->*Miêu tả rất cụ thể tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát trong một khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng.* => Tâm lí nhân vật được miêu tả tỉ mỉ , chính xác ,cụ thể, tinh tế. | | | | ***-Trong một lần phá bom.***  + Khi đi phá bom  +Ngồi bên quả bom-> sợ hãi thoáng qua  +Khi chờ bom nổ:  -> Tâm trạng hồi hộp, căng thẳng  *=>****Dũng cảm và tự trọng, có trách nhiệm với công việc, luôn lạc quan.*** |
| H. Tìm trongVB những chi tiết thể hiện tình cảm đối với đồng đội của Phương Định? Những chi tiết đó đó bộc lộ t/cảm gì ? | *+ HS theo dõi VB, phát hiện, suy nghĩ, trình bày*  ***-Với đồng đội.***  + chị Thao vấp ngã ->đỡ dậy.  + cùng chị Thao cứu Nho, chăm sóc Nho bị thương...  ***->Gắn bó, thương yêu, quan tâm, săn sóc tận tình.*** | | | | ***-Với đồng đội.***  ***->Gắn bó, thương yêu, quan tâm, săn sóc tận tình.*** |
| H. Trong phần cuối truyện, điều gì đã đánh thức những kỉ niệm và cảm xúc trong Định? Hãy tìm những chi tiết đó? Qua những kỉ niệm và dòng cảm xúc đó ta cảm nhận được thêm điều gì ở cô? | *+ Quan sát đoạn cuối, trả lời cá nhân*  ***Trước trận mưa đá.***  +Vui thích chạy ra chạy vào, niềm vui con trẻ lại nở tung ra, say sưa, tràn đầy.  +Mưa tạnh: thẫn thờ, tiếc, gợi nhớ về mẹ, về ngôi nhà,về thành phố, ...  Cuối truyện, chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức Định rất nhiều kỷ niệm và nỗi nhớ quê hư­ơng, gia đình, nhớ về tuổi thơ thanh bình.  =>***Tinh nghịch, hồn nhiên, mơ mộng, yêu đời.*** | | | | ***-Trước trận mưa đá.***  =>***Tinh nghịch, hồn nhiên, mơ mộng, yêu đời.*** |
| **\* GV**: Là cô gái Hà Nội xung phong vào chiến trường. Những kỷ niệm về thời học sinh vô tư, hồn nhiên bên người mẹ ở một căn buồng nhỏ trên một đường phố lớn thời thanh bình luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng khốc liệt của chiến trường. Vào chiến trường phải trải qua những thử thách nguy hiểm giáp mặt với cái chết nhưng Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên trong sáng và những mơ ước về t­ương lai. Chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức Định rất nhiều kỷ niệm và nỗi nhớ về gia đình, về thành phố, về tuổi thơ thanh bình. Có thể nói Phương Định đã để lại những ấn tượng sâu đậm nhất trong lòng người đọc. | | | | | |
| ***\* Tích hợp giáo dục ANQP: Qua sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng, em biết những tác phẩm văn học, những bộ phim, những bài hát nào viết về thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đặc biệt là các nữ thanh niên xung phong.*** | | | | *+ Tự do bộc lộ* |  |
| **III. HD HS tổng kết.**  *\* GV nêu yêu cầu:*  - Nhận xét sự thành công về nghệ thuật của truyện?  - Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc trên đã góp phần làm nổi bật những nội dung chính nào của truyện ngắn ?Ý nghĩa của truyện?  **-** Đọc truyện ngắn này, em hình dung và cảm nhận như thế nào về tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ?  *\* GV khái quát nội dung, nghệ thuật toàn bài, rút ghi nhớ, gọi HS đọc ghi nhớ.* | | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS tổng kết.**  *+Nhắc lại các biện pháp nghệ thuật, nêu tác dụng.*  *+Trình bày nội dung ,ý nghĩa*  *+Tự do bộc lộ cảm xúc cá nhân*  *+ HS đọc ghi nhớ.* | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Ghi nhớ**  **1.Nghệ thuật** :Sử dụng ngôi kể thứ nhất , …  + Nghệ thuật miêu tả tâm lý và ngôn ngữ nhân vật.  +Lời nhân vật …  **2.Nội dung** : Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, thơ mộng,tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hy sinh nhưng cũng rất hồn nhiên, lạc quan... Đó chính là hình ảnh đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.  **c. Ý nghĩa** : Truyện ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của ba cô gái thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. | | | |

**HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP

+ *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

+ *Thời gian*: Dự kiến 10 p

*+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **IV.Hư­ớng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng**  **Gv tổ chứcHS chơi trò chơi hái hoa củng cố nội dung tiết học**  *\* GV định hướng giúp HS làm bài, tích hợp môi trường, xem phim tư liệu* | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV.Luyện tập, áp dụng, vận dụng**  **+ HS chơi trò chơi hái hoa củng cố nội dung tiết học** | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**: |

**+Quan sát MC , HS lựa chọn đáp án chuẩn**

**Bài 1: Bài tập trắc nghiệm**

1. Ngôi kể của truyện **Những ngôi xa xôi** giống với tác phẩm nào sau đây?

A. Bến quê B. Làng C. Cố hương D. Lặng lẽ Sa Pa

Đáp án : C

**2. Nội dung chính được thể hiện qua truyện Những ngôi xa xôi là gì ?**

A. Cuộc sống gian khó ở Trường Sơn trong những năm chống Mĩ.

B. Vẻ đẹp của những người chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn.

C. Vẻ đẹp của những người lính công binh trên con đường Trường Sơn.

D. Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong ở Trường Sơn.

Đáp án : D

**3. Nhân vật Phư­ơng Định đư­ợc tác giả khắc họa bằng cách nào?**

A. Để nhân vật tự quan sát, đánh giá về mình.

B. Hiện ra qua sự nhìn nhận đánh giá của chị Nho.

C. Đ­ược tác giả miêu tả trực tiếp.

D. Hiện ra qua cái nhìn nhận đánh giá của chị Thao.

Đáp án :A,C

4.Truyện đư­ợc đặt tên là “Những ngôi sao xa xôi”. Đó là một cái tên mang có ý nghĩa gì ẩn dụ. Theo em ý nghĩa ẩn dụ đó là gì?

**Bài tập 2/ SGK T 122**

Có lẽ nào anh lại mê em

Một cô gái không nhìn rõ mặt

Đại đội thanh niên đi lấp hố bom

áo em hình như trắng nhất

Người tinh nghịch là anh dễ thân

Bởi vì thấy cô em đứng gần

...Em ở Thạch Kim sao lại lừa anh nói là Thạch Nhọn

Đêm ranh mãnh ngăn cái nhìn đưa đón

Em cắm cọ rào quanh hố bom

Cái miệng em ngoa cho các bạn em cười giòn...

(Gửu em cô TNXP – Phạm Tiến Duật)

**Củng cố**: Nêu cảm nhận của em về nhận vật Phương Định?

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Thế hệ trẻ trong thời hiện đại cần làm gì  ? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Ttiếp tục tìm đọc tác phẩm khác về hình ảnh các cố gái thanh niên xung phong | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài ,hướng dẫn học bài chuẩn bị bài ở nhà(**4’)

**a. Bài vừa học** : Nắm vững kiến thức bài học ….

- Làm 2 bài tập trong mục luyện tập trong SGK

+Tóm tắt truyện :

- Sưu tầm một số đoạn thơ, bài thơ, câu chuyện, bài hát viết về thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

+Đọc tham khảo bài hát "Cô gái mở đường"(nhạc và lời của Xuân Giao)

- Viết đoạn văn ngắn (5 => 10 câu) giới thiệu truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Nguyễn Minh Châu, trong đó có ít nhất một câu chứa khởi ngữ và một câu chứa thành phần phụ tình thái.

**b. Chuẩn bị bài mới.**

**+**Chương trình địa phương phần tập làm văn: Tìm hiểu, chuẩn bị trình bày bài nghị luận nêu ý kiến về sự vật, sự việc, hiện tượng ở địa phương.

- Vấn đề môi trường ô nhiễm

+ Quyền trẻ em (bố, mẹ chưa quan tâm chu đáo, còn phó mặc cho nhà trường xã hội)

+ Tệ nạn cờ bạc số đề.

+ Vấn đề xã hội: Xây dựng quỹ tình thương, xây dựng nhà tình nghĩa, giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình nghèo neo đơn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 31**

**Tiết 146**

**CHƯ­­ƠNG TRÌNH ĐỊA PH­­ƯƠNG**

**(Phần tập làm văn)**

**VIẾT BÀI VỀ TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

**-** Biết cách trình bày ý kiến riêng qua một bài nghị luận về hiện tượng đời sống trước tập thể.

- Biết cách thảo luận, bàn bạc, bổ sung ý kiến của mình về một vấn đề được nhiều người quan tâm.

**2. Kỹ năng** :

- Học sinh tập suy nghĩ về một hiện tượng thực tế ở địa phương.

- Biết tìm hiểu và có những ý kiến về một sự việc, hiện tượng đời sống ở địa phương.

- Viết bài văn trình bày về vấn đề đó với suy nghĩ, kiến nghị của mình dưới các hình thức thích hợp: tự sự - miêu tả - nghị luận - thuyết minh.

- Liên hệ: ***Vấn đề môi trường ở địa phương và giáo dục kĩ năng sống cho HS lớp 9.***

**3. Thái độ:**

- Xây dựng thói quen nhận xét, đánh giá, trình bày ý kiến cá nhân trước các sự việc, hiện tượng xảy ra trong cuộc sống.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1. Kiến thức** :

- Cách vận dụng kiến thức về kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa ở địa phương.

**2. Kỹ năng** :

- Thu thập thông tin về những vấn đề nổi bật, đáng quan tâm của địa phương.

- Suy nghĩ, đánh giá về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Quan sát các hiện tượng của đời sống.

- Làm một bài văn trình bày một vấn đề mang tính xã hội nào đó với suy nghĩ, kiến nghị của riêng mình.

**3. Thái độ** : nghiờm tỳc, khỏch quan trong việc tỡm hiểu, phỏt hiện, đánh giá các sự việc, hiện tượng trong đời sống xó hội ở địa phương.

**4. Tích hợp liên môn** : Địa lí: địa phương: Vấn đề môi trường ở địa phương.

GDCD: Tỡm hiểu cỏc vấn đề địa phương

**5. Định hướng phát triển năng lực của học sinh:**

**- Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ

**- Năng lực chuyên biệt:** sáng tạo, cảm thụ, thưởng thức cái đẹp, giao tiếp tiếng Việt

## III. CHUẨN BỊ

**1. GV**: Bảng phụ

**2. HS**: Soạn bài theo hướng dẫn của GV.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* Bước 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ*: (3-5')**

- Mục tiêu: Kiểm tra sự chuẩn bị bài của hs

- Phương án: Kiểm tra đầu giờ vở soạn

***\* Bước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV nêu câu hỏi:  ? Em thấy ở địa phương em có vấn đề nào cần quan tâm ?  *- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới*  - Gv chốt: Các em đã học cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện t­­ượng đời sống ở địa phương em qua tiết 101 với một đề cụ thể về trò chơi điện tử ở địa phương. Tiết học ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu tiếp để viết bài về các sự việc hiện tượng ở địa phương  *.* Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 143 . CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯỢNG PHẦN TẬP LÀM VĂN |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 10 p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| **I. Hướng dẫn hs tìm hiểu các vấn đề nghị luận ở địa phương**  H. Sau một thời gian tìm hiểu các nhóm tiếp tục nêu các vấn đề, hiện tượng, sự việc ở địa phương em ? Em hiểu gì về các sự việc đó.  *\* Gv gọi đại diện hai nhóm trả lời, hai nhóm khác bổ sung*  *- Gv nhận xét và chốt lại các vấn đề ở địa ph­ơng để viết bài nghị luận*  H. Lựa chọn một sự việc, hiện t­ượng để viết bài nghị luận ?  H. Nhắc lại cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện t­ượng đời sống (thích hợp)  H. Nêu các nhận định của em về sự việc, hiện tư­­ợng đó ?  H.Bài trình bày có hình thức như­­ thế nào?  *\* GV nhấn mạnh, chốt, rút ghi nhớ, gọi đọc ghi nhớ/sgk NV địa phương/65.* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Hs tìm hiểu các vấn đề nghị luận ở địa phương**  *+ Hs hoạt động nhóm*  *( 3 phút )*  *- Nêu các sự việc, hiện tượng cả những sự việc tốt lẫn xấu.*  *+ Ghi ra phiếu bài tập*  *- Đại diện hai nhóm trả lời*  *- Hai nhóm còn lại bổ sung*  *+Trình bày các hiểu biết của mình về các sự việc trên.*  *+ Tự lựa chọn*  \* Các sự việc:  1. Tình trạng nghiện hút ma tuý ở địa phương  2. Tình trạng vứt rác bừa bãi  3. Hiện trạng họp chợ không đúng nơi quy định  4. Phong trào xanh – sạch - đẹp ở địa phương em  5. Bạn bè em và các trò chơi điện tử, những thói quen xấu thiếu văn minh.  6. Các tấm gương say mê đọc nhật kí Đặng Thuỳ Trâm- học tập theo tấm gương bác sĩ đặng Thuỳ Trâm...  *+ Nhắc lại kiến thức bài cũ*  *+ Nêu các dẫn chứng (các số liệu, ng­ười thực, việc thực).*  *- Nêu các nhận định: Đúng, sai theo lập trình tiến bộ.*  - Có bố cục rõ ràng  *+1 HS đọc, cả lớp nghe.* | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I-Tìm hiểu các vấn đề nghị luận ở địa phương.**  **1. Yêu cầu.**  - Vận dụng các kiến thức và kỹ năng tập làm văn (Phần nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống) để tìm hiểu, suy nghĩ và viết bài nêu ý kiến riêng về một sự việc, hiện tượng nào đó ở địa phương mình.  **2. Cách làm**  -Chọn bất cứ sự việc, hiện tượng nào có ở địa phương về tất cả các lĩnh vực của đời sống  -Phải là sự việc, hiện tượng của xã hội nói chung cần được quan tâm  - Thu thập thông tin, phân tích hiện tượng  - Tìm ý và lập dàn ý  - Viết theo cảm xúc và suy nghĩ của bản thân  +Phải bày tỏ rõ thái độ, tình cảm trước các sự vật hiện tượng được nói đến trong bài viết  +Thái độ khen, chê, đồng tình, phản đối, ... xuất phát từ lập trường tiến bộ của XH không vì lợi ích cá nhân.  +T/cảm nồng nhiệt, xúc động, cảm phục, phẫn nộ...  + Nhận định được chỗ đúng chỗ bất cập. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .

+ *Thời gian*: Dự kiến 28p

+ Hình thành năng lực: Tư duy, sáng tạo

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| **II. HD HS luyện tập**  **1. Hướng dẫn hs tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn**  *\* Gv hư­ớng dẫn hs chọn một sự việc hiện tư­ợng đời sống để viết bài nghị luận*  *\* Gv gọi hs trả lời các câu hỏi để tìm ý*  H. Thực trạng rác thải ở địa phương em hiện nay như thế nào ( nêu biểu hiện ) **( Tích hợp môn GDCD, địa lí**)  - Nguyên nhân của việc vứt rác bừa bãi, tràn lan hiện nay là do đâu? Hãy chỉ ra những biểu hiện, tác hại của việc vứt rác bừa bãi  - Để hạn chế việc thải bừa bãi và khắc phục những hậu quả của nó hiện nay cần có những giải pháp nào?  - Em hãy bày tỏ thái độ, suy nghĩ của mình về sự việc trên?  *\* Gv tổ chức hs thảo luận nhóm lập dàn ý*  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  - Chốt dàn ý | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập**  **1.Hs tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn**  *+ Hs lựa chọn một sự việc*  *- Hs trả lời các câu hỏi để tìm ý theo trình tự câu hỏi gv đưa*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  *+ Hs thảo luận nhóm ( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung* | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. LUYỆN TẬP.**  **1. Tìm ý, lập dàn ý**  **Đề bài: Tình trạng vứt rác bừa bãi ở địa phư­ơng em**  **a. Tìm ý**  **b. Lập dàn ý**  **\* Mở bài**  - Nêu khái quát về tình trạng rác thải ở địa phương em hiện nay  **\*Thân bài**  ***+ Thực trạng***  - Rác thải sinh hoạt vứt rải rác ở khắp mọi nơi: đường làng ngõ xóm, cống rãnh, ao,mương…  - Rác thải công nghiệp của một số nhà máy như : Nhà máy giấy, may, các xưởng gỗ, hàn cũng tập trung khá nhiều. |
| ***+ Nguyên nhân***  - Về phía khách quan: Do là một vùng nông thôn xa xôi nên thành phố chưa có chính sách thu gom rác thải, cũng như hệ thống xử lý rác thải cho một số nhà máy  - Về phía chủ quan: Do ý thức , thói quen vứt rác bừa bãi của người dân, của một số đơn vị nhà máy…  ***+ Tác hại***  - Làm ô nhiễm môi trường ( nguồn nước, bầu không khí…), là nguyên nhân của nhiều loaị bệnh nhất là bệnh về đường tiêu hoá khí mùa hè đến  - Làm mất cảnh quan môi trường sinh thái  ***+ Giải pháp***  - Chính quyền địa phương cần có biện pháp , kế hoạch xử lý rác phù hợp ngăn chặn việc vứt rác bừa bãi  - Cần tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân , hiểu được tác hại của việc vứt rác bừa bãi  **\* Kết bài.** | | | | |
| *\*Gv l­ưu ý hs một số vấn đề*  *\* Hướng dẫn hs viết đoạn*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gọi hs trình bày*  *- Nhận xét, sửa chữa* | *+Hs lắng nghe*  *+ Hs viết đoạn*  *+ Đoạn Mở bài*  *+ Đoạn phân tích thực trạng*  *-Trình bày bài làm của mình*  *- Nhận xét, sửa chữa* | | **\* Những điều cần l­­ưu ý.**  - Cần phải nêu được đây là vấn đề bức xúc, quan trọng của địa phương  - Tình hình, ý kiến và nhận định của cá nhân phải rõ ràng, cụ thể, có lập luận, thuyết minh, thuyết phục.  **c. Viết đoạn** | |
| *\* GV yêu cầu HS tìm những biểu hiện của việc làm tốt của Chi đoàn nhà trường nhân kỉ niệm ngày 26/3 vừa qua và viết thành đoạn văn hoàn chỉnh.* | *+ HS liệt kê biểu hiện, trao đổi thống nhất trong nhóm , viết thành đoạn văn. Cá nhân đọc trước lớp, cả lớp nghe, nhận xét.* | | **2. Bài 2.** Viết một đoạn văn ngắn về một việc làm tốt của Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường em | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Để làm tốt bài nghị luận về một hiện tượng ở địa phương em cần làm gì ?. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tiếp tục tìm hiểu các vấn đề ở địa phương ? | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học bài, làm bài về nhà**  ( 2 phút )

**a. Học bài:**

- Tiếp tục tìm hiểu các vấn đề nghị luận ở địa phương

- Viết một bài văn ngắn về một việc làm tốt của Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường em

**b. Chuẩn bị bài**

- Đọc lại bài, tiếp tục sửa lỗi bài viết

- Ôn tập lại về văn NL văn học (NL về truyện, thơ).

- **TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7:** Tự nhận xét bài làm của mình so với đáp án, trên cơ sở đọc kĩ lời nhận xét và sửa chữa của thầy trên văn bản viết.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 28**

**Tiết 136**

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7, BÀI KIỂM TRA VĂN**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Một lần nữa nắm vững hơn cách làm bài văn nghị luận văn học nói chung, nghị luận thơ nói riêng.

- Nhận ra được những chỗ mạnh, chỗ yếu của mình khi viết loại bài này để rút kinh nghiệm cho bài viết văn nghị luận lần sau.

**2. Kĩ năng:**

- Thông qua việc chấm, trả bài, nhận xét của giáo viên, củng cố lại phương pháp, kĩ năng làm một bài văn nghị luận văn học nói chung, nghị luận thơ nói riêng

**3. Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh có ý thức tự giác, nghiêm túc chữa bài của cá nhân và của bạn để rút kinh nghiệm cho bài viết sau

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập củng cố cho HS các kiến thức về văn nghị luận nói chung, nghị luận về thơ nói riêng một cách phù hợp có hiệu quả.

- Đánh giá các ­ưu nh­ược điểm của HS trên các phư­ơng diện hình thức và nội dung bài viết. Sửa chữa các lỗi mắc phải để rút kinh nghiệm. Biểu dương những bài viết tốt cho cả lớp cùng trao đổi rút kinh nghiệm.

**2. Kĩ năng**

- Rèn luyện kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý và diễn đạt và kĩ năng tự sủa chữa lỗi cụ thể trong bài viết của HS trong cách dùng từ đặt câu. Đối chiếu so sánh với nghị luận về tác phẩm truyện.

**3. Thái độ:** thành thậtnhận rừ ưu khuyết điểm của bài viết để có hướng tiếp thu và khắc phục.

**4. Kiến thức tích hợp:**

- Liên hệ thực tế

- Rèn kĩ năng sống : Kĩ nhận biết những khuyết điểm và sửa chữa trong bài viết

5**. Định hướng phát triển năng lực của học sinh**

- Năng lực chung : tư duy, giao tiếp, giải quyết vấn đề, hợp tác

- Năng lực chuyên biệt : sáng tạo, giải quyết vấn đề, giao tiếp

**III. CHUẨN BỊ**

**1 .Thầy :** Chấm bài, phát hiện lỗi cơ bản, bảng phụ ghi câu văn mắc lỗi .

**2.Trò** : Ôn tập năm phư­ơng pháp viết bài, lập dàn bài cho bài văn tự luận .

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* B­ước 1** : **Ổn định tổ chức ( 1’ )** : Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ lớp học

**\* Bư­ớc 2** : **Kiểm tra bài cũ** ( thực hiện trong quá trình dạy học )

**\* B­ước 3** : **Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

- Phương pháp: Nêu vấn đề, thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

- Thời gian dự kiến: 2 phút

- Hỡnh thành năng lực : thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT- KN cần đạt** |
| -Nêu vấn đề: Bài viết số 7 của em đã đạt được những gì, có gì tiến bộ hơn so với bài viết số 6, còn những nhược điểm nào cần khắc phục sửa chữa?  GV chốt lại: Ghi tên bài. | HS lắng nghe, phán đoán.  Ghi bài |  |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Phư­ơng pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não, khăn trải bàn.

- Thời gian dự kiến.: 15 phút.

- Hỡnh thành năng lực : tư duy, giao tiếp, giải quyết vấn đề

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **Chuẩn KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **I. Hư­ớng dẫn nhắc lại đề nêu đáp án biểu điểm.** | | **I. HS nhắc lại đề nêu đáp án biểu điểm.** | | **I. Nhắc lại đề nêu đáp án biểu điểm** |
| H. Phần Đọc hiểu có bao nhiêu câu ? Nêu đáp án em đã chọn ?  *\* GV gọi trả lời cá nhân, gọi nhận xét, GV lưu ý một số câu dễ mắc lỗi.*  H. Em hãy nhớ lại và đọc lại đề bài phần tạo lập văn bản?  H. Bài viết em trình bày làm mấy phần ? Nêu ý từng phần ?  *\* GV gọi trả lời. Cuối cùng, GV công khai đáp án trên bảng phụ.*  H.Qua 1 đề bài cụ thể, em hãy rút ra dàn ý cần có trong một bài văn nghị luận về một đoạn thơ bài thơ nói chung?  H. Đối chiếu với nghị luận về tác phẩm truyện, hãy chỉ ra sự khác biệt chủ yếu khi nghị luận về 2 thể loại này?  \* GV bổ sung, chốt lưu ý cho HS: | | *+ HS nhắc lại đề*  *- HS nêu đáp án, lớp nhận xét góp ý.*  *+ HS trao đổi, trình bày dàn ý. Lớp nhận xét, góp ý.*  *-HS quan sát, tự hoàn thiện kiến thức.*  *+1 HS nhắc lại dàn bài nghị luận chung về tác phẩm truyên hoặc đoạn trích.Nghe GV lưu ý.* | | **\* Đề bài:**  (Như­ đã chuẩn bị ở tiết 134, 135)  **1. Đọc hiểu**  **2. Tạo lập văn bản.**  1/ Dàn ý bài văn( như ghi nhớ trong SGK/ 83)  a/ Mở bài:  b/ Thân bài :  c/ Kết bài:  2/ Bài nghị luận về tác phẩm thơ và tác phẩm truyện đều phải qua 4 bước. Đều sử dụng các thao tác nghị luận nói chung để nhận xét đánh giá nội dung, nhgệ thuật. Tuy nhiên, truyện bám chủ yếu vào cốt truyện, nghệ thuật kể chuyện, , hoàn cảnh sống, ngoại hình, lời nói, hành động việc làm…của nhân vật. Thơ, người viết chủ yếu bảm vào hình ảnh ngôn từ, giọng điệu, nội dung cảm xúc,… của tác phẩm. |
| **II. Hư­ớng dẫn HS nhận xét ­ưu khuyết điểm trong bài làm.** | | **II. HS nhận xét ­ưu khuyết điểm trong bài làm.** | | **II. nhận xét ­ưu khuyết điểm trong bài làm.** |
| *\* GV nêu yêu cầu:*  H. Đối chiếu với dàn ý và các yêu cầu của đề bài, em tự nhận thấy bài viết của mình có những ưu, nhược điểm gì?  *\* GV nhận xét ưu, nhược điểm trong bài của HS.* | | *+ HS tự nhận ra ưu, nhược điểm trong bài của mình.*  *HS nghe, rút kinh nghiệm* | | ***1.HS tự đánh giá.***  -Bố cục, nội dung các phần.  -Dùng từ, đặt câu,diễn đạt  -Sự kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận....  ***2.GV nhận xét, đánh giá.*** |
| **a/ Ưu điểm:**  - Về kiểu bài: Hầu hết các em đã xác định đúng thể loại bài văn nghị luận văn học.  - Về cấu trúc: Bố cục bài văn đầy đủ ba phần ( mở bài, thân bài, kết bài) Trình bày các phần rõ ràng, mạch lạc.  - Về nội dung: Các phần liên kết chặt chẽ với nhau tạo tính mạch lạc .  - Về hình thức: Nhiều em trình bày sạch, đẹp và khoa học, có cảm xúc chân thành, bài viết khá tốt: Oanh Linh, Tỳ,  **b/ Nhược điểm:**  - Nhiều bài viết chưa biết trích dẫn chi tiết thơ để phân tích. Nhiều bài viết còn chung chung, sơ sài.  - Một số em đọc bài chưa kĩ nên sa vào diễn giải.  - Nhiều em còn sao chép, lệ thuộc, chưa có sự cảm nhận riêng. Đa số các em chỉ cảm nhận được nội dung mà chưa cảm thụ được nghệ thuật ngôn từ hoặc khái quát giá trị nghệ thuật và liên hệ bản thân.  - Mắc lỗi chính tả, sai lỗi dùng từ và chấm câu chưa đúng. Chữ viết còn cẩu thả diễn đạt kém, lủng củng, tối nghĩa, nhiều câu văn không đúng cấu tạo, không chấm hết câu mà lại viết liền.  - Một số em chưa tách rõ các ý theo đoạn văn.  - Nhiều bài viết còn còn lan man nhiều chưa đi vào trọng tâm, bố cục phân bố không, nhiều bài viết còn sơ sài  ***\*Nguyên nhân***:  - Chưa có kĩ năng diễn đạt, kĩ năng viết bài văn nghị luận còn hạn chế, vốn thực tế còn nghèo nàn, chưa có kĩ năng phân tích, đánh giá.  - Chuẩn bị bài chưa chu đáo, làm bài chưa tập trung.  ***\*Cách khắc phục.***  -Tăng cường rèn kĩ năng viết câu, viết đoạn.  -Cần chuẩn bị bài chu đáo, làm bài nghiêm túc.  -Kiểm tra bài trước khi nộp. | | | | |
| **III. GV HD HS chữa lỗi.**  \* GV đưa một số lỗi tiêu biểu lên bảng phụ, cho HS phát hiện lỗi và sửa lỗi.  - GV bổ sung, kết luận. | **III. HS chữa lỗi.**  *+ HS đọc, phát hiện lỗi sai sửa các lỗi sai.*  *- HS chữa lỗi trong bài.Nghe GVchữa lỗi.* | | **III. Chữa lỗi**  Lỗi chính tả.  -Lỗi dùng từ.  -Lỗi diễn đạt. | |
| GV đưa một số lỗi cơ bản của hs lên bảng phụ.  GV yêu cầu hs nhận xét, sửa chữa. | Hs đọc  HS nhận xét, sửa chữa.  **Lỗi sai**  1/ Trong bài thơ của Viễn Phương có 2 khổ 3 4….  2/ Viễn Phương sáng tác bài thơ khi ra thăm lăng Bác  3/ Khổ thứ 4 là ước mong ở bên lăng của tác giả | | **Sửa lại**  1/ Trong bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương, ở khổ thơ thứ ba và thứ tư….  2/Viễn Phương sáng tác bài thơ vào năm 1976, khi ấy lăng Bác vừa khánh thành, Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ  3/Khổ thứ tư diễn tả niềm lưu luyến, ước nguyện chân thành, khao khát mãi bên người của nhà thơ với lãnh tụ kính yêu | |
| \* GV đọc một số bài làm tốt, đoạn văn diễn đạt hay cho HS tham khảo. | *+ HS nghe, học tập và tự rút kinh nghiệm* | |  | |
| \* Gv tuyên dương một số em có bài làm khá, ý thức tốt và nhắc nhở một số em nộp bài muộn làm bài sơ sài.  - Gọi điểm, lấy điểm vào sổ, nhận xét ý thức, thái độ của HS trong giờ trả bài. | *+ HS nghe, rút kinh nghiệm, đọc điểm.* | |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (2’)**

**-**GV đọc một số đoạn văn, bài văn hay cho HS tham khảo.

**HOẠT ĐỘNG 5. PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG ( 2’)**

Tỡm đọc những bài văn nghị luận về tác phẩm nghị luận thơ.

* Rút ra kinh nghiệm muốn làm bài văn nghị luận về tác phẩm thơ hay cần chú ý điều gỡ?

**- GV gọi tên lấy điểm vào sổ.**

**- thống kê kết quả.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Điểm  Lớp | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9,10 | Tỉ lệ |
| 9B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9C |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**\* Bước 4. Giao bài, h­ướng dẫn học, chuẩn bị bài ở nhà (5phút)**

**a. Bài vừa học**

- Ôn tập lại về kiểu bài về nghị luận về 1 sự việc hiện tượng đời sống.

- Tự sửa các lỗi vào trong vở ghi và vở BTNVăn.

- Mượn bài viết hay của bạn trong lớp để tham khảo, học tập

**b. Chuẩn bị bài mới.**

- Chuẩn bị tiết tiếp theo: Biên bản.

- Đọc kĩ các VB và trả lời câu hỏi trong SGK.

- Sưu tầm một số biên bản mà em thường gặp trong cuộc sống.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 31**

**Tiết 148**

**BIÊN BẢN**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức** :

- Nắm được những yêu cầu chung của biên bản và cách viết biên bản

- Phân tích được các yêu cầu của biên bản và liệt kê được các loại biên bản thường gặp trong thực tế cuộc sống

**2. Kỹ năng** :

- Biết cách viết biên bản sự vụ hoặc hội nghị

**3. Thái độ:-** Hình thành thói quen nghiờm tỳc, cẩn thận khi viết biờn bản

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống

**2. Kĩ năng**

- Viết được một biên bản sự vụ hoặc hội nghị.

**3. Thái độ**: nghiờm tỳc, cẩn thận khi viết biờn bản

**4. Kiến thức tích hợp:**- Tích hợp thực tế đời sống

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**: Bảng phụ, một số VD ngoài SGK

**2. Trò**: Soạn bài theo hướng dẫn của GV.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC.**

***\* Bước 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ*: (3-5')**

*- Mục tiêu*: Kiểm tra sư chuẩn bị của hs và kiến thức cũ

*- Phương án*: Kiểm tra đầu giờ, hình thức câu hỏi

H. Em hãy nhắc lại những văn bản hành chính công vụ mà em đã học ở các chương trình lớp 6,7,8 ? Hãy nêu bố cục chung của những loại văn bản đó?

***\* Bước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**HOẠT ĐỘNG 1:** KHỞI ĐỘNG

+ *Ph­ương pháp*: thuyết trình, trực quan.

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực*: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** |
| - GV hỏi: Khi tham dự hội nghị em muốn ghi lại diễn biến sự việc, em cần sử dụng kiểu văn bản nào??  *Từ câu trả lời của hs gv dẫn vào bài mới*  Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.  - Ghi tên bài | ***Kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình***  Tiết 145 . **Biên bản** |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 20p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** | |
| **I. Hướng dẫn hs tìm hiểu đặc điểm của biên bản.** | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS tìm hiểu đặc điểm của biên bản** | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. Đặc điểm của biên bản.** | |
| *\* Cho HS quan sát 2 VB. Gọi HS đọc. Nêu yêu cầu:*  -Người ta viết biên bản để làm gì?  -Biên bản ghi lại những sự việc gì?  -Biên bản cần đạt được những yêu cầu gì về nội dung và hình thức?  H. Hãy kể tên một số loại biên bản đã viết, đã gặp trong cuộc sống?  *\* Tổ chức hs thảo luận nhóm ( 3 phút )*  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại.*  ***- GV bổ sung*** : Biên bản không có hiệu lực pháp lý để thi hành mà chủ yếu được dùng làm luận cứ chứng minh các sự kiện thực tế, làm cơ sở cho các nhận định, kết luận và các quyết định xử lý. Vì vậy biên bản phải miêu tả các sự việc, hiện tượng kịp thời, tại chỗ, đầy đủ, chi tiết. | *+1HS đọc, lớp nghe.*  *-Suy nghĩ, trao đổi, trả lời. HS khác* *nhận xét, bổ sung.*  *- Hs thảo luận nhóm*  *( 3 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đạidiện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Hs lắng nghe gv chốt*  - Là loại văn bản ghi chép lại một cách trung thực, chính xác đầy đủ một sự việc đang xảy ra hoặc vừa mới xảy ra.  - Biên bản được dùng làm chứng cớ, cơ sở để xem xét, kết luận một sự việc hoặc sự kiện nào đó  ***- Biên bản phải đảm bảo các yêu cầu sau:***  + Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể.  + Ghi chép trung thực đầy đủ, không suy diễn chủ quan  + Thủ tục chặt chẽ: Cần được đọc lại cho người tham dự nghe để sửa chữa, bổ sung và nhất trí, ghi thời gian và địa điểm cụ thể.  + Lời văn ngắn gọn, chính xác. | | ***1.Ví dụ.***  ***\*Văn bản 1.*** Biên bản sinh hoạt chi đội.  ***\*Văn bản 2***. Biên bản trả lại giấy tờ... hợp pháp.  ***\* Nhận xét.***  -Viết biên bản để ghi lại các sự việc đã hoặc đang xảy ra (hội nghị, sự vụ..) trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức... (gồm: thành phần, nội dung, diễn biến...)  ***-Yêu cầu của một biên bản:***  + Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể.  + Ghi chép chân thực, đầy đủ, chặt chẽ, không suy diễn, chủ quan.  ***+Lời văn*** ngắn gọn, chính xác.  ***- Các loại BB thường gặp:***  +BB hội nghị, đại hội...  +BB ghi lại các sự kiện pháp lí đã và đang xảy ra....  +BB bàn giao công tác.... | |
| H. Qua tìm hiểu các loại BB, em hiểu biên bản là gì?  *\*GV chốt lại KN về BB.* | *+Khái quát, trình bày.*  *-Nghe, ghi nhớ.* | | **2. Ghi nhớ ý 1,2 / 126**  ->BB là loại VB ghi chép một cách trung thực , chính xác, đầy đủ một sự việc đang hoặc vừa mới xảy ra. | |
| **II. Hướng dẫn hs tìm hiểu cách viết biên bản**  *\* GV nêu yêu cầu:*  H.Biên bản gồm những đề mục nào ? Chúng được sắp xếp ra sao?  ? Phần mở đầu của biên bản gồm những mục gì? Tên của biên bản được viết như thế nào?  ? Phần nội dung biên bản gồm những mục gì? Nhận xét cách ghi những nội dung này thế nào  ? Phần kết thúc biên bản có những mục nào? Mục kí tên dưới biên bản nói lên điều gì?  H. Quan sát vào 2 biên bản, em hãy giới hạn phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc.  H. Điểm giống và khác nhau giữa hai loại biên bản là gì?  H.Theo em, những mục nào không thể thiếu trong một biên bản?  *\*GV kết luận lại.*  \* **Cho HS thảo luận:** Qua tìm hiểu một số biên bản, em hãy rút ra cách thức viết một biên bản?  H. Phần mở đầu của BB gồm những mục gì? Tên BB được viết như thế nào?  H. Phần nội dung BB gồm những mục gì? Nhận xét cách ghi những mục này trong biên bản? Tính chính xác, cụ thể của BB có giá trị như thế nào?  H.Phần kết thúc BB có những mục nào? Mục kí tên dưới BB nói lên điều gì?  H. Lời văn của BB phải như thế nào?  ***\*GV kết luận lại***  ***Gv: Nêu chú ý*:** Khi viết biên bản không dùng ngôn ngữ bóng bẩy, không dùng biện pháp nghệ thuật | **II. Hs tìm hiểu cách viết biên bản**  *+ Hs trả lời cá nhân. HS khác bổ sung.*  ***1.Các mục trong biên bản.***  -Phần mở đầu: quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản....  -Phần nội dung: diễn biến và kết quả sự việc  -Phần kết thúc: thời gian, chữ kí của các thành viên...  *+ HS quan sát, trả lời cá nhân.*  *- HS thảo luận nhóm cặp trả lời.*  ***\*Điểm giống và khác nhau***  -Giống: Cách trình bày các mục và một số mục cơ bản  -Khác: Về nội dung cụ thể.  *+ HS nêu một số mục không thể thiếu.*  ***\* Một số mục không thể thiếu.***  + Phần mở đầu  + Phần nội dung  + Kết thúc.  *+ Hs thảo luận nhóm*  *( 5 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  ***a.Phần mở đầu:***  Quốc hiệu, tiêu ngữ : viết giữa dòng, cân đối trên trang giấy với 2 bên lề phía trên. "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc": Mỗi từ cách nhau dấu gạch ngang và viết hoa chữ cái đầu.  -Tên biên bản: viết chữ in hoa to và cách quốc hiệu từ 1 - 2 dòng, cân đối hai bên lề.  -Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự và chức trách ... lần lượt ghi bên dưới. ***b.Phần nội dung:***  Diễn biến và kết quả của sự việc: ghi ngắn gọn, cụ thể, chính xác, khách quan, trung thực.(Vì nó là cơ sở cho các nh/định, kết luận, các quyết định xử lí...)  ***c.Phần kết thúc***:  -Thời gian kết thúc.  -Chữ kí, họ tên các thành viên có trách nhiệm, đại diện...  ***\*Lời văn của BB:*** cần ngắn gọn, chính xác.  *+Lắng nghe gv chốt* | | **II. Cách viết biên bản**  ***1. Các mục trong biên bản:***Biên bản gồm các mục  **a, Phần mở đầu:**  - Quốc hiệu, tiêu ngữ đối với biên bản hành chính, sự vụ  - Tên biên bản  - Thời gian, địa điểm, ng­ười tham dự  **b, Phần nội dung:**  - Diễn biến và kết quả sự việc  **c, Phần kết thúc:**  - Thời gian kết thúc  - Họ tên và chữ ký của những ng­ười có liên quan  ***\*Điểm giống và khác nhau***  -Giống: Cách trình bày các mục và một số mục cơ bản  -Khác: Về nội dung cụ thể.  ***\* Một số mục không thể thiếu.***  ***2.Cách thức viết biên bản.***  ***a.Phần mở đầu:***    ***b.Phần nội dung:***  ***c.Phần kết thúc***:  -Thời gian kết thúc.  -Chữ kí, họ tên các thành viên có trách nhiệm, đại diện...  ***\* Lời văn của biên bả***n phải ngắn gọn, chính xác  **\* Chú ý:** | |
| H. Khi viết văn bản cần lưu ý điều gì?  - Khi viết quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản cần như thế nào ?  - Cách trình bày các mục như thế nào ?  -Các kết quả bằng số liệu được trình bày ra sao?  - Họ tên, chữ ký như thế nào ?  *\*GV cho HS thảo luận,rút ra 1 vài lưu ý khi viết biên bản,Gv kết luận đúng).* | *- HS thảo luận theo nhóm bàn, trình bày, nhận xét, bổ sung*  - Quốc hiệu, tiêu ngữ : Chữ in hoa, có dấu ( phía trên bên phải)  - Tên biên bản : Giữa dòng ( chữ lớn)  - Giữa các mục phải có khoảng cách vừa phải,ngăn cách các phần với lề,trên, dưới.  - Các số liệu : trình bày rõ ràng, khoa học, dễ nhìn.  - Họ tên, chữ ký phải rõ, to , dễ nhận. | | **3. Lưu ý:**  - Quốc hiệu, tiêu ngữ :  - Tên biên bản : Giữa dòng ( chữ lớn)  - Các số liệu : trình bày rõ ràng, khoa học, dễ nhìn.  - Họ tên, chữ ký phải rõ, to , dễ nhận. | |
| H. Qua việc tìm hiểu về biên bản, hãy cho biết:  -Đặc điểm của biên bản?  -Cách thức viết 1 BB?  - Khi viết biên bản, ta cần lưu ý điều gì? | *+ HS khái quát, trả lời.* | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 6p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | |
| **III. Hướng dẫn hs luyện tập**  *\* Gv gọi hs đọc yêu cầu bài tập 1*  *- Gọi hs làm bài*  *- Nhận xét, chốt các tình huống*  *\* Gọi hs đọc yêu cầu bài tập 2*  *GV hướng dẫn cho HS chuẩn bị kỹ ở nhà, chuẩn bị cho tiết luyện tập :*  *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân* | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. Hs luyện tập**  *+ Hs đọc yêu cầu bài tập 1*  *- Hs nêu các tình huống cần viết biên bản*  *- Hs đọc yêu cầu bài tập*  *- Hs làm ra vở bài tập*  *- Trình bày bài của mình*  *- Nhận xét, bổ sung* | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **III. Luyện tập**  **Bài 1:** Lựa chọn những tình huống cần viết biên bản: a,c,d  **Bài 2**: Ghi lại phần mở đầu, các mục lớn trong nội dung , phần kt của biên bản cuộc họp giới thiệu đội viên ưu tú của chi đội cho Đoàn |

*Liên đội.........* **Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh**

*Chi đội.........*

**BIÊN BẢN**

**GIỚI THIỆU ĐỘI VIÊN ƯU TÚ CHO ĐOÀN**

-Khai mạc hồi...... giờ, ngày....... tháng ...... năm.......

-Thành phần tham dự, chức vụ.

-Chủ toạ ......................................... - Chức vụ............................

-Thư kí........................................... - Chức vụ.............................

-Nội dung:

1.Bạn.............................chi đội trưởng phổ biến kế hoạch của Liên đội: Giới thiệu đội viên ưu tú cho Đoàn TNCSHCM.

2.Các phân đội, đội viên giới thiệu các đội viên ưu tú.

3.Biểu quyết, kết quả cụ thể...

Cuộc họp kết thúc hồi...... giờ, ngày ....... tháng ...... năm.......

Chủ toạ. Thư kí

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập   * Hs : Biên bản cần thiết như thế nào với đời sống ? * Làm biên bản cho đại hội chi đội | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tiếp tục viết biên bản  - Sưu tầm các loại biên bả | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

\* **Bước 4. Giao bài, h­ướng dẫn học bài và làm bài về nhà ( 2 phút)**

**a. Học bài**

- Học thuộc phần ghi nhớ

- Làm hoàn thiện bài tập 2

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn : Rô- bin- xơn ngoài đảo hoang

Yêu cầu: Phiếu bài tập, bảng phụ

Trả lời các câu hỏi trong sgk để tìm hiểu bài

Tìm đọc tư liệu về tác giả , tác phẩm

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 31**

**Tiết 149**

**RÔ-BIN-XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG**

***(Trích “****Rô-bin-xơn Cru-xô****” - Đ. Đi-phô)***

**I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức** :

- Biết được một tác phẩm văn học nước ngoài.

- Thấy được cuộc sống gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô- bin- sơn khi phải sống một mình giữa đảo.

- Thấy được hình thức tự truyện của văn bản

**2. Kỹ năng** :

- Rèn kĩ năng phân tích nhân vật

- Đọc – hiểu thông thạo tác phẩm văn học nước ngoài

**3. Thái độ:**

- Hình thành thói quen cảm thụ một tác phẩm văn học nước ngoài

- Giáo dục cho học sinh Bình tĩnh, lạc quan trong mọi hoàn cảnh

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức:**

- Nghị lực, tinh thần lạc quan của một con người phải sống cô độc trong hoàn cảnh hết sức khó khăn

**2**. **Kĩ năng**

- Đọc- hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự được viết bằng hình thức tự truyện

- Vận dụng để viết văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả

3. **Thái độ** : Yêu thích đọc và tỡm hiểu cỏc tỏc phẩm văn học nước ngoài , đồng thời học tập được thái độ: Bình tĩnh, lạc quan trong mọi hoàn cảnh của nhõn vật

4, **Tích hợp liên môn**: Địa lí: Điều kiện tự nhiên biển đảo

GDCD: bài tự lập

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1.Thầy:**

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng vàTLTK, Sgv

- Bảng phụ, phiếu bài tập, ảnh tác giả.

- Tư liệu tham khảo về tác giả, tác phẩm.

**2. Trò :**

- Đọc kĩ tác phẩm

- Soạn bài theo câu hỏi trong bài

- Sưu tầm kiến thức bổ sung về tác giả và tác phẩm.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* Bước 1: Ổn định tổ chức: 1 phút***

***\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ:3-5 phút***

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học bài và làm bài của hs .

- Phương án: Kiểm tra bài cũ

- Hình thức: Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Câu 1**: Nội dung chính của truyện **N*hững ngôi sao xa xôi*** là gì ?

A. Cuộc sống gian khó ở Trường Sơn trong những năm chống Mĩ

B. Vẻ đẹp của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn

**C. Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong ở Trường Sơn**

D. Vẻ đẹp của những người lính công binh

**Câu 2**: Nghệ thuật thành công nhất của truyện ngắn ***Những ngôi sao xa xôi*** là?

A. Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, sinh động

**B. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc**

C. Cách xây dựng tình huống truyện hấp dẫn

D. Sử dụng nhiều biệp pháp tu từ ẩn dụ, nhân hoá

3. Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định.

***\*Bước 3: Bài mới.***

**HOẠT ĐỘNG 1 :** KHỞI ĐỘNG

+ *Phương pháp*: thuyết trình, trực quan

+ *Thời gian*: 1-2p

*+ Hình thành năng lực:* Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| ? Em đã được học những tác phẩm văn học nào của nước ngoài.  - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn dắt giới thiệu vào bài mới  - Ghi tên bài | ***Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  - HS nhận xét  - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy  - Ghi tên bài | - ***Kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình***  **TIẾT 146,147**  RÔ-BIN-XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG ***(Trích “****Rô-bin-xơn Cru-xô****” - Đ. Đi-phô)*** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 60’)

+ *Phương pháp*: Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

+ *Thời gian*: Dự kiến 60p

*+ Hình thành năng lực:* Năng lực giao tiếp: nghe, đọc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** |
| **I.Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Bước 1. HD HS đọc**  H. Văn bản cần đọc với giọng điệu ntn?  *- Gọi hs đọc văn bản, nhận xét.* | **I. HS đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. HS đọc**  *+ HS nêu cách đọc tác phẩm - HS đọc văn bản, nhận xét.* | ***Kĩ năng đọc – trình bày 1 phút***  **I. Đọc- Chú thích.**  **1. Đọc***:* giọng kể đầy tự hào, trầm tĩnh, vui tươi, dí dỏm, tự giễu cợt. |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chú thích.** | **2. HS tìm hiểu chú thích** | **2. Chú thích.** |
| H. Nêu một vài nét chính về tác giả Đi- phô ?  *- Gv bổ sung một vài nét về tác giả*  *- Cho hs quan sát chân dung tác giả*  \*GV: bổ sung  - Sinh ở thủ đô Luân-Đôn trong một gia đình theo Thánh Giáo, cha làm nghề sản xuất nến, sau chuyển sang nghề bán thịt.  - Cuộc đời ông là một chuỗi những thành bại, những cuộc phiêu lưu chẳng khác bao nhiêu so với nhân vật chính trong tác phẩm của mình.  - Ban đầu Đi-Phô được gia đình chạy cho vào học một trường dòng để sau này trở thành mục sư. Nhưng Đi-Phô từ bỏ con đường gia đình lựa chọn cho mình và đI vào kinh doanh. Ông buôn bán nhiều nghề... có lúc bị thua lỗ phảI bỏ trốn sang lục địa để tránh nợ.  -> Hoàn cảnh sống ấy đã ảnh hưởng đến sáng tác văn học của ông. Ông viết hàng trăm tác phẩm dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu, châm biếm, phê phán những điều sai trái trong xã hội.  - Tài năng văn học nở rộ vào khoảng năm ông 60 tuổi. | *+ Giới thiệu một vài nét về tác giả. Hs khác nhận xét, bổ sung*  **a/ Tác giả**  - Đi- phô ( 1660- 1731) là nhà văn lớn của nước Anh thế kỉ XVIII. Ông sinh ở thủ đô Luân Đôn.  - Ông đã kinh qua nhiều nghề, khi buôn bán, lúc là chủ xưởng, và đã từng đặt chân lên nhiều nước châu Âu, Mĩ.  - Ông tham gia các hoạt động chính trị và dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu. | ***a. Tác giả.*** Đi-phô (1660 -1731)là nhà văn lớn của nước Anh thế kỉ XVIII.  - Ông đến với tiểu thuyết khi đã gần 60 tuổi |
| H. Nêu hiểu biết về tác phẩm ?  *- GV tóm tắt truyện* | *+ HS nêu hoàn cảnh sáng tác.*  **b/ Tác phẩm:**  - Nhan đề đầy đủ: **Cuộc đời và những chuyện phiêu lưu kì thú của Rô-bin-xơn Cru-xô.**  -Sáng tác năm 1719, dựa vào câu chuyện có thật về chàng thủy thủ Xen-Kiếc.  - Tác phẩm gồm 18 chương, là tiểu thuyết phiêu lưu viết dưới dạng tự truyện  **- Vị trí:** đoạn trích kể chuyện khi chàng một mình sống trên hoang đảo khoảng 15 năm. | ***b.Tác phẩm*.**  **- Nội dung** : kể về cuộc sống gian truân của Rô-bin-xơn nơi đảo hoang 28 năm 2 tháng 19 ngày sau đó trở về quê hương.  **- Vị trí:** đoạn trích kể chuyện khi chàng một mình sống trên hoang đảo khoảng 15 năm. |
| H. Ngoài tác phẩm em còn biết tác phẩm nào khác ?  *\* GV giới thiệu thêm một số tác phẩm* | *+ HS liệt kê, quan sát bìa sách*  - Thủ lĩnh Xin-gơn-tơn (1720)  Rô-xa –na (1724) |  |
| *\* Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu từ khó*  *+ Gọi hs giải nghĩa*  *+ Gv giải thích bổ sung:* ***Xa lê(8)***  ***Chiếu cảng xa-lê*** | *- Học sinh giải nghĩa các chú thích* | **c. Từ khó: SGK** |
| **II. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **1. Bước 1. HD HS tìm hiểu khái quát văn bản.**  *- Tổ chức hs hoạt động nhóm bàn (2 phút )*  *- Yêu cầu HS làm ra phiếu bài tập*  *- Gọi đại diện nhóm trình bày*  *- Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- GV nhận xét, chốt.*  + Thể loại của văn bản?  + PTBD chính?  + Ngôi kể? Lời kể?  + Bố cục? Nội dung từng phần trong bố cục?  - Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất có tác dụng gì?  -> Làm tăng độ tin cậy, tính thuyết phục cho câu chuyện.  H. Em đã được học văn bản nước ngoài nào có cùng cách viết sử dụng ngôi kể thứ nhất?  *\* GV chiếu phần chốt trên máy.* | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. HS tìm hiểu văn bản**  **1. HS tìm hiểu khái quát văn bản.**  *+ Hs hoạt động nhóm bàn*  *( 2 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung*  *- Nghe gv nhận xét, chốt*  ***-Thể loại***: tiểu thuyết  ***-PTBĐ:*** Tự sự + miêu tả  ***-Giọng điệu***: hài hước  ***-Ngôi kể***: ngôi thứ nhất (Rô- bin-xơn tự kể chuyện mình).  ->Tăng tính thuyết phục.  ***- Bố cục***: 3 phần  +Phần 1. Đoạn 1. *Mở đầu - tự giới thiệu về bức chân dung*  +Phần 2.  - Đoạn 2 +3: *Trang phục của Rô-bin-xơn*  - Đoạn: “Quanh người tôi ... khẩu súng của tôi”: *Trang bị của Rô-bin-xơn*  +Phần 3. Đoạn còn lại: *Diện mạo của Rô-bin-xơn*  *+ Nhớ lại, trả lời.*  - Buổi học cuối cùng (A. Đô-đê)  - Hai cây phong(Ai-ma-tốp) | **- *Kĩ năng đọc, phân tích, hợp tác nhóm***  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **A. Tìm hiểu khái quát.**  ***-Thể loại***: tiểu thuyết  ***-PTBĐ:*** Tự sự + miêu tả  ***-Giọng điệu***: hài hước  ***-Ngôi kể***: ngôi thứ nhất (Rô- bin-xơn tự kể chuyện mình).  ->Tăng tính thuyết phục.  ***- Bố cục****: 3* phần |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết.** | **2. HS tìm hiểu chi tiết** | **2. Tìm hiểu chi tiết** |
| \*Toàn bộ đoạn trích là bức chân dung tự họa của Rô-bin-xơn.  **\*Đọc lướt đoạn 1**.  H. Nhân vật **tôi** tự cảm nhận về chân dung của mình như thế nào? Cảm nhận ấy chúng tỏ điều gì?  - ***Gv tích hợp môn địa lí: điều kiện tự nhiên ở đảo***  H. Em có nhận xét gì về những lời văn được tác giả sử dụng trong đoạn? Tác dụng? | ***+*** *HS trả lời cá nhân*  +/ Tự cảm nhận về bức chân dung của mình :  -hình dung đồng bào gặp mình khi đang đi dạo chơi trên quê hương nước Anh.  - thái độ của mọi người : hoặc sẽ hoảng sợ hoặc phá lên cười sằng sặc  -> chứng tỏ hình dáng, bộ dạng kì lạ, quái đán của anh.  -> Chứng tỏ cuộc sống thật thiếu thốn và khắc nghiệt nơi đảo hoang buộc anh phải ăn mặc và trang bị như vậy để tồn tại  *+ Suy nghĩ, rút nhận xét*  - Lời văn : giọng kể dí dỏm, hài hước, lời kể như lời tự giễu cợt mình  -> Tác dụng : tạo ấn tượng, kích thích sự tò mò của bạn đọc | ***a.Bức chân dung tự hoạ của Rô- bin-xơn***  **+/ Tự cảm nhận về bức chân dung của mình**  -> chứng tỏ hình dáng, bộ dạng kì lạ, quái đán của anh.  -> cuộc sống thật thiếu thốn và khắc nghiệt nơi đảo hoang buộc anh phải ăn mặc và trang bị như vậy để tồn tại |
| H. Thông thường khi miêu tả chân dung thì bộ phận nào thường được miêu tả nhiều nhất và quan trọng nhất ? Trong bài văn này thì như thế nào ? | *+ HS trao đổi nhóm theo gợi ý của GV.*  - Thông thường miêu tả gương mặt  - Tác giả để cho ***tôi*** tự miêu tả về mình : từ trang phục (mũ, quần áo, giầy dép) theo trật tự từ trên xuống dưới, sau đó đến những vật dụng mang theo rồi đến bức hoạ- gương mặt. |  |
| *\* Nêu yêu cầu:* Rô-bin-xơn đã kể và tả trang phục của mình như thế nào ?  H. Có gì khác thường trong trang phục của Rô Bin Xơn ?  - Vì sao phải tự tạo trang phục cho mình ?  *\* GV giải thích thêm để HS hiểu về cuộc sống của Rô Bin xơn.*  - Phải tạo ra trang phục : Là người nước Anh, ở miền ôn đới, sống sót sau vụ đắm tàu, dạt vào một đảo hoang ở xích đạo ( 15 năm) : xứ nhiệt đới : mưa nắng khắc nghiệt : mũ, che sau gáy,...  - Quần áo là những tấm da dê buộc túm vì đồ dùng không còn dùng được do thời gian và thời tiết khắc nghiệt. | *+ HS thảo luận nhóm bàn, Trình bày, nhận xét ,bổ sung*  ***-Trang phục :***  + mũ: to tướng, cao lêu đêu chẳng ra hình thù gì, bằng da dê để che nắng, che mưa.  + áo: da dê, vạt dài lưng chừng hai bắp đùi.  + quần : loe đến đầu gối, bằng da dê, lông dê thõng xuống quá bắp chân chẳng khác quần dài.  + ủng: có một đôi giống như ủng bao quanh bắp chân, hình dáng hết sức kì cục.  *+ Suy nghĩ, trả lời. Lí giải nguyên nhân.*  ./ Trang phục: thô sơ, do anh tự chế tạo.  ./ Chất liệu: bằng da dê: con vật có ở trên đảo do anh săn bắt được và thuần dưỡng nó.  ->Phù hợp với hoàn cảnh ở đảo: chống lại cái nóng, cái rét thất thường của miền xích đạo | **+/ Trang phục và trang bị:**  -**Trang phục: mũ, áo, quần, ủng-> bằng da dê** |
| H. Nêu nhận xét của em về cách miêu tả của tác giả ? Qua đó giúp em hình dung ntn về trang phục của Rô-bin-xơn ? | *+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét*  - kể bằng cách miêu tả theo trình tự từ trên xuống dưới, tả cụ thể tỉ mỉ về hình dáng, chất liệu và công dụng của trang phục  => trang phục tự tạo, lôi thôi, kì quặc, cồng kềnh, phù hợp với hoàn cảnh khắc nghiệt ở trên đảo hoang. | => trang phục lôi thôi, kì quặc, phù hợp hoàn cảnh |
| H. Từ trang phục đó giúp cho em hiểu được điều gì về cuộc sống của người mặc trang phục này ? | *+ Tự do bộc lộ*  - Cuộc sống khó khăn, thiếu thốn trong điều kiện khắc nghiệt của thời tiết nhưng luôn tỏ ra lạc quan. |  |
| \***GV chốt tiết 1, chuyển tiết 2.**  Trong bức chân dung tự họa của mình thì ngoài việc anh miêu tả trang phục thì còn miêu tả trang bị và diện mạo của mình. Ẩn chứa đằng sau bức chân dung tự họa đó giúp chúng ta hiểu được điều gì về cuộc sống cũng như tinh thần của Rô-bin-xơn. Thì cô và các em sẽ tìm hiểu ở tiết sau.  *\*GV cho HS làm BTTN củng cố tiết 1.* | *+ HS nghe*  **TIẾT 2** |  |
| H. Rô-bin-xơn tự trang bị cho mình nhưthế nào?  H. Chàng không đeo kiếm & dao găm mà lại đeo cái cưa nhỏ, rùi nhỏ , chứng tỏ điều gì ?  \* GV bổ sung: Nhờ có cây súng, thuốc súng và đạn ghém mà R duy trì cuộc sống bằng cách săn bắn & có cả da dê để làm trang phục. Về sau chàng còn trồng được lúa mì nhờ mấy hạt lúa tình cờ còn sót lại trong những thứ vớt vát từ con tàu đắm và chàng còn bẫy được cả dê, nuôi dê cho chúng sinh sản  H. Em có nhận xét gì về những trang bị, dụng cụ, đồ dùng của Rô-bin-xơn ? | *+ Liệt kê chi tiết, trả lời*  ***-Trang bị***:  + thắt lưng : rộng bản bằng da dê phơi khô, có dây buộc thay khóa  + dụng cụ: cưa, rìu đeo ở dây thắt lưng .  + thuốc súng và đạn ghém đựng trong túi đeo lủng lẳng ở đai vắt qua vai.  + gùi đeo sau lưng, súng khoác bên vai  + Dù lớn bằng bằng da dê giương trên đầu....  *+ Suy nghĩ, trả lời.Nghe GV bổ sung*  Cưa nhỏ và rìu nhỏ là những công cụ cần thiết trong lao động của chàng: chặt cây, cưa gỗ dựng lều lấy chỗ che nắng che mưa, rào giậu chỗ ở đề phòng thú dữ và sau này còn rào khoảng đất nuôi dê  *+ Suy nghĩ, rút nhận xét.*  => Lỉnh kỉnh, cồng kềnh | -**Trang bị: thắt lưng, cưa, rìu, thuốc súng, súng, đạn, gùi, dù**  =>lỉnh kỉnh, cồng kềnh. |
| H. Tại sao rô-bin-xơn lại ăn mặc và trang bị cho mình bằng những vật dụng lỉnh kỉnh như vậy ? | *+ Thảo luận nhóm bàn, trình bày. Nhóm khác bổ sung*  - Cuộc sống của một người đắm tàu , sống một mình trên đảo hoang ròng rã gần 15 năm, phải một mình đối mặt với chính mình  - Phải vượt qua thử thách của cuộc sống: Để sống được và tồn tại được ở trên đảo.  . phải đề phòng thú dữ.  . chống chọi với nắng , mưa, gió rét, gió bão, bệnh tật, nỗi cô đơn một mình.  - Để hi vọng có ngày được trở về đất liền. |  |
| H. Em có nhận xét gì về những trang phục và trang bị của Rô-bin-xơn và từ đó giúp em cảm nhận được được điều gì về nhân vật này ?  GV: Một bức chân dung kì vĩ lạ lùng bởi cái vỏ dê mà anh tạo ra, bởi các công cụ mà anh mang theo mình | *+ Thảo luận , khái quát, trả lời theo nhóm.*  -Là những thứ do anh tự tạo ra, rất độc đáo, đặc biệt, phù hợp, tiện dùng=> là kết quả của sự lao động sáng tạo, ý chí, nghị lực  =>Con người của công việc, của lao động và luôn trong tư thế sẵn sàng lao động. Cái vỏ da dê không cản trở anh mà giúp anh tạo ra vóc dáng mới, kì vĩ hơn.  => thông minh, khéo léo, giàu trí sáng tạo, có đầu óc thực tế, |  |
| H: Khi miêu tả diện mạo của Rô - Bin - Xơn tác giả tập trung vào những chi tiết nào? Anh tả khuôn mặt mình như thế nào? Vì sao anh chỉ nhận xét và tả bộ ria? | ***-Diện mạo.***  + da không đến nỗi đen cháy.  + râu ria có lúc dài đến hơn một gang tay.  + hàng ria môi trên được xén tỉa thành một cặp to tướng, chiều dài và hình dáng kì quái khiến mọi người phải khiếp sợ. | **- Diện mạo: da, râu, ria-> diện mạo kì quái mang dáng dấp của người hùng cổ xưa.** |
| H: Vì sao có lúc RôBinXơn không cắt râu? Nhưng có lúc lại cắt râu cho mình vì lẽ gì? | *+ Suy nghĩ, bộc lộ cá nhân.*  - Có lúc bi quan, có thể là chán cuộc sống nhưng có lúc vẫn còn hi vọng sống và muốn sống cho đàng hoàng. |  |
| H: Em hãy tìm những chi tiết miêu tả Rô- Bin- Xơn tự chăm sóc hàng ria của mình? Điều đó cho thấy cách sống của Rô- Bin - Xơn như thế nào?  H: Qua diện mạo em hiểu gì về cuộc sống và con người của RôBin - Xơn ngoài đảo hoang? | *+ Phát hiện chi tiết, rút ra cảm nhận.*  - Xén tỉa thành một cặp ria mép to tướng ... phải khiếp sợ  - Lạc quan, Hết sức thiếu thốn khó khăn gian khổ đối với một con người đơn độc, chấp nhận và cải tiến hoàn cảnh, không không đánh mất hi vọng sống trở |  |
| *\* Cho HS thảo luận*: Qua bức chân dung tự hoạ, em hình dung được điều gì về cuộc sống của Rô- bin-xơn trên đảo hoang?  -Các chi tiết: chiếc mũ, cái dù, quần áo, ủng.... bằng da dê gợi cho ta thấy điều gì?  -Tất cả các vật dụng như cưa, rìu, súng... cho ta thấy được điều gì? Thể hiện sự lao động của Rô-bin-xơn như thế nào?  *\*GV: N/vật đã tự kể về mình rất chi tiết, cụ thể, tỉ mỉ với những vật dụng tự chế, tiện dụng trong hoàn cảnh khắc nghiệt ở đảo. Đây là sự lao động rất sáng tạo.* | *+HĐ theo nhóm bàn, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.*  -Sống trên hoang đảo hơn 10 năm.  -Chiếc mũ, mảnh da dê rủ xuống ..., dù che trên đầu, trang phục tất cả bằng da dê  ->Thời tiết khắc nghiệt, cuộc sống chủ yếu là nhờ săn bắt.  -Tất cả các vật dụng như cưa, rìu, súng... -> Công cụ lao động để duy trì cuộc sống và tự bảo vệ mình.  =>***Vô cùng gian khổ, khó khăn nhưng đầy sáng tạo.*** | ***b.Cuộc sống của Rô- bin-xơn trên đảo hoang.***  =>***Vô cùng gian khổ, khó khăn nhưng đầy sáng tạo.*** |
| H. Cuộc sống của Rô-bin-xơn vô cùng khó khăn nhưng điều gì đã khiến anh vượt qua ?  -Nhận xét giọng điệu, lời kể của Rô-bin-xơn?  -Giọng điệu, lời kể đó đã thể hiện ý chí nghị lực gì của Rô-bin-xơn?  *\*GV chốt lại, bổ sung*: Rô-bin-xơn bị rơi vào hoàn cảnh cực kì khó khăn. Nếu là người khác rơi vào hoàn cảnh ấy có lẽ đã chán nản, tuyệt vọng, buông xuôi. Rô-bin-xơn không vậy, chàng bám chắc lấy cuộc sống, không hề sống lay lắt mà luôn phấn đấu để cuộc sống ngày càng tốt hơn. Bước sang năm thứ 11, anh đã bắt tay chăn nuôi, 2 năm sau có đàn dê 43 con, vắt sữa, làm bơ, thuộc da may áo quần. Rô-bin-xơn không bị TN khuất phục mà trái lại, anh dùng trí tuệ, đôi bàn tay và ý chí để cải tạo TN, bắt TN phải phục vụ đời sống của mình. | *+ Suy nghĩ, thảo luận nhóm bàn, trình bày.*  -Không một lời than phiền, đau khổ.  -Giọng kể hài hước: Chàng nghĩ rằng mọi người sẽ hoảng sợ hoặc phá lên cười, chính mình cũng mỉm cười : trang phục kỳ lạ, không tưởng tượng nổi, lố lăng.  - Chân thật, lạc quan  - Chịu đựng gian khổ, biết rèn luyện sức khoẻ để thích ứng với hoàn cảnh.  - có lúc để mặc ria mép : bi quan, chán sống.  - Tỉa, xén, chăm sóc ria mép : hài hước so sánh bộ ria mép to tướng, vểnh cao ấy với cái mắc để treo mũ.→ Lạc quan, muốn trở về, không tuyệt vọng.  ->***Tinh thần lạc quan, bất chấp mọi khó khăn gian khổ.*** (chinh phục thiên nhiên,luôn phấn đấu để cuộc sống ngày càng tốt hơn ) | ***c.Ý chí, nghị lực của Rô- bin-xơn.***  -Không một lời than phiền, đau khổ.  -Giọng kể hài hước.  ->***Tinh thần lạc quan, bất chấp mọi khó khăn gian khổ.*** (chinh phục thiên nhiên,luôn phấn đấu để cuộc sống ngày càng tốt hơn ) |
| H. Qua bức chân dung tự hoạ, qua giọng kể hài hước, em hiểu gì về Rô-bin-xơn trong những ngày sống trên đảo hoang? Em học tập được điều gì từ n/vật này?  ***Tích hợp môn GDCD: con người cần ý chí, nghị lực, niềm tin để chiến thắng hoàn cảnh*** | *+HS khái quát, trình bày.*  ***->Cuộc sống vô cùng gian khổ, khó khăn và tinh thần lạc quan của Rô- bin-xơn.***  ->Phải có lòng kiên trì, ý chí quyết tâm vượt lên hoàn cảnh, biết lao động sáng tạo để tạo lập cuộc sống.... | ->Phải có lòng kiên trì, ý chí quyết tâm vượt lên hoàn cảnh, biết lao động sáng tạo để tạo lập cuộc sống.... |
| **III. Hướng dẫn Hs đánh giá, khái quát**  **- Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút**  H. Em hãy khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản?  *\* Gv chốt bài, gọi hs đọc ghi nhớ.* | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. HS đánh giá, khái quát**  *+ Hs khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa.*  **1. Nghệ thuật**  - Sáng tạo trong việc lựa chọn ngôi kể và nhân vật kể chuyện.  - Lựa chọn ngôn ngữ kể tự nhiên, hài hước.  **2. Nội dung.**  - Hoàn cảnh sống vô cùng khó khăn, thiếu thốn và bức chân dung tự hoạ của...  - ý chí, nghị lực phi thường và tinh thần lạc quan của nhân vật.  **3. Ý nghĩa.**  Ca ngợi sức mạnh, tinh thần lạc quan, ý chí của con người trong những hoàn cảnh đặc biệt.  *+ Hs đọc ghi nhớ* | ***- Hình thành kĩ năng đánh giá tổng hợp***  **III. Ghi nhớ/**( SGK)  + Nghệ thuật  + Nội dung  +Ý nghĩa: Ca ngợi sức mạnh, tinh thần lạc quan, ý chí của con người trong những hoàn cảnh đặc biệt. |
| **HOẠT ĐỘNG 3:** LUYỆN TẬP  + *Phương pháp*: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm  + *Thời gian*: Dự kiến 5 p  *+ Hình thành năng lực:* Tư duy, sáng tạo | | | |
| **IV. Hướng dẫn hs luyện tập**  - Gọi hs lên bảng làm  - Nhận xét và sửa chữa  - Gv đưa bài tập 2 lên bảng phụ  - Gọi hs đọc yêu cầu  - Tổ chức hs hoạt động cá nhân  - Gv nhận xét bổ sung, sửa chữa  - Gv đọc đoạn văn mẫu | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Hs luyện tập**  - Hs lên bảng làm  - Hs khác nhận xét và sửa chữa  - Hs đọc yêu cầu  - Hs làm ra vở bài tập  - Đại diện hs trình bày  - Hs khác nhận xét  - Hs lắng nghe gv nhận xét  - Chữa vào vở bài tập của mình  - Hs lắng nghe đoạn văn mẫu | ***Kĩ năng Tư duy, sáng tạo***  **IV. Luyện tập**  **Bài 1**: Trắc nghiệm  Sách bài tập trắc nghiệm Ngữ văn 9  Bài 29 từ câu 1 đến câu 10  **Bài 2**: Trình bày cảm nhận của em về nhân vật Rô- bin- xơn Cru xô |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs: Em crút được bài học gì sau khi đọc văn bản? | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tìm đọc toàn bộ tác phẩm***“****Rô-bin-xơn Cru-xô****”*** | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

***\* Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà: 1 phút***

**a. Học bài** :- Học thuộc bài giảng và phần ghi nhớ

- Kể tóm tắt tác phẩm

- Làm hoàn thiện bài tập 2

**b. Chuẩn bị bài**

Soạn “Tổng kết ngữ pháp”

Yêu cầu: Trả lời câu hỏi bài tập theo từng phần

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 31**

**Tiết 150**

**TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP.**

**I .MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức**

- Hệ thống hoá những kiến thức về từ loại và tự loại đã học từ lớp 6 đến lớp 9

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng xác định và sử dụng các từ loại, cụm từ thành phần câu và các kiểu câu

**3. Thái độ:** Cú ý thức yêu mến, sử dụng đúng đắn tiếng Việt

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức:**

- Hệ thống hoá kiến thức về các từ loại và cụm từ ( danh từ, tính từ, động từ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và những từ loại khác)

**2**. **Kĩ năng**

- Tổng hợp kiến thức về từ loại và cụm từ

- Nhận biết và sử dụng thành thạo những từ loại đã học.

**3. Thái độ:-** Say mờ ,nghiờm tỳc, cẩn thận **,** tự giác,chu đáo khi chuẩn bị bài và ôn tập

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1.Thầy:**

- Nghiên cứu chuẩn kiến thức, kĩ năng vàTLTK, Sgv

- Bảng phụ, phiếu bài tập.

**2. Trò :**

- Đọc kĩ bài

- Soạn bài theo câu hỏi trong bài

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* Bước 1: Ổn định tổ chức: 1 phút***

***\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ: 2-3 phút***

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học bài và làm bài của hs .

- Phương án: *Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh*

***\* Bước 3: Tổ chức dạy và học bài mới: 40 phút***

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

* Thời gian dự kiến: 2’
* Phương pháp: Thuyết trình.
* Kĩ thuật: Động não.
* Hỡnh thành năng lực: thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt** |
| H. Trong phần tiếng Việt ở bậc THCS các em đó được học những đơn vị kiến thức ngữ pháp tiếng Việt nào?  -Gv Nêu mục đích của tiết tổng kết và yêu cầu HS hệ thống hóa các đơn vị kiến thức trong 4 tiết học( Bằng sơ đồ tư duy) | *Kĩ năng thuyết trình*   * Hs trình bày | *Kĩ năng thuyết trình* |
| * Gv ghi bảng. | * Hs ghi bài. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2 . HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**TỔNG KẾT**

+ *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

+ *Kĩ thuật*: Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

+ *Thời gian*: Dự kiến 40p

*+ Hình thành năng lực*:Giao tiếp: nghe, nói, đọc; giải quyết vấn đề, phân tích, hợp tác

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** | | | |
| **I. GV hướng dẫn học sinh hệ thống lại kiến thức về từ loại:** | | | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **I. HS hệ thống hoá kiến thức về từ loại** | | | ***Hình thành các Kĩ năng nghe, nói, đọc ,phân tích hợp tác***  **A. TỪ LOẠI** | | | |
| H. Hãy kể tên các từ loại đã học trong chương trình Ngữ văn cấp THCS? | | | | *+ 1HS kể tên. HS khác nhận xét, bổ sung*  ***\*Các từ loại***: danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, lượng từ, chỉ từ, phụ từ, quan hệ từ, trợ từ, tình thái từ, thán từ. | | | **\* Các từ loại** | | | |
| H. Hãy nối từ loại ở cột A với đặc điểm nêu ở cột B cho phù hợp ? | | | | *+ 1HS lên bảng nối, HS khác n/xét, bổ sung.* | | | ***\*Đặc điểm của các từ loại:*** | | | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***A(Từ loại)*** | ***Nối*** | ***B (Đặc điểm)*** | | | | | | | | | | | |
| *\* GV gọi HS đọc BT1. Nêu yêu cầu*:  H. Xác định danh từ, động từ, tính từ của các từ in đậm?  *\*GV chốt lại .* | | | | *+ 1HS đọc, lớp nghe. HS suy nghĩ, xác định, trình bày. HS khác n/xét.*  ***-Danh từ:*** lần, lăng, làng.  ***-Động từ***: đọc, nghĩ ngợi, phục dịch, đập.  ***-Tính từ***: hay, đột ngột, phải, sung sướng. | | | **I.Danh từ, động từ, tính từ.**  ***Bài 1.*** Xác định DT, ĐT, TT. | | | |
| *\* GV treo bảng phụ BT2. gọi HS đọc, nêu yêu cầu:*  -Thêm các từ đã cho vào trước những từ thích hợp trong ba cột bên dưới?  -Mỗi từ trong ba cột đó thuộc từ loại nào? | | | | *+ HS quan sát, lựa chọn. 3 HS lên bảng điền. HS khác n/xét.*  a. *Những, các, một*: thêm được vào trước các từ: lần, cái (lăng), làng, ông (giáo).  b. *Hãy, đã, vừa*: thêm được vào trước các từ đọc, nghĩ ngợi, phục dịch, đập.  c. *Rất, hơi, quá*: thêm được vào trước các từ hay, phải, sung sướng, đột ngột. | | | ***Bài 2.*** Thêm từ để tạo cụm từ  a. *Những, các, một*:  b. *Hãy, đã, vừa*:  c. *Rất, hơi, quá*: | | | |
| H. Từ kết quả ở BT1+2, em có kết luận gì về khả năng kết hợp của DT, ĐT, TT? | | | | *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân.*  -DT đứng sau:*Những,các, một*  -ĐT đứng sau: *Hãy, đã, vừa*.  -TT đứng sau: *Rất, hơi, quá.* | | | ***Bài 3.***Khả năng kết hợp của DT, ĐT, TT. | | | |
| *\* Gọi HS đọc BT5. Nêu yêu cầu:*  -Trong đoạn trích, các từ in đậm vốn thuộc từ loại nào? Ở đây chúng được dùng như từ loại nào? | | | | *+ 1HS đọc, lớp nghe. HS suy nghĩ, xác định, trình bày. HS khác n/xét.*  a.''tròn'':TT được dùng như ĐT  b.''lí tưởng'': DT dùng như TT  c.''băn khoăn'': ĐT dùng như DT | | | ***Bài 5.*** Xác định từ loại của từ trong đoạn trích.  a | | | |
| H. Qua bài tập trên, hãy cho biết đó là hiện tượng gì trong Tiếng Việt?  -Muốn xác định đúng từ loại của từ TV, ta cần chú ý điều gì? | | | | *+ Khái quát, trả lời*  ->Đây là hiện tượng chuyển loại của từ.  - Muốn xác định đúng từ loại của từ TV, cần chú ý văn cảnh (ý nghĩa, khả năng kết hợp, chức vụ ngữ pháp) | | |  | | | |
| **Bảng tổng kết về khả năng kết hợp của danh từ, động từ, tính từ**  **( dùng phiếu học tập)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ý nghĩa khái quát** | **Khả năng kết hợp** | | | | **Kết hợp phía trước** | **Từ loại** | **Kết hợp phía sau** | | Chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm | - Lượng từ: những, các, một, mối từng, tất cả, hết thảy…  - Số từ: Một, hai… | Danh từ | - Từ chỉ đặc điểm của danh từ, chỉ từ: ấy, này, kia... | | Chỉ hoạt động , trạng thái của sự vật | - Phó từ chỉ thời gian, mệnh lệnh, phủ định, tiếp diễn hãy, đã, vừa, đừng, chớ, không, chưa... | Động từ | - Từ chỉ thời gian, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân: ra, vào, lên xuống .... | | Chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái | - Phó từ chỉ mức độ, phủ định, khẳng định : rất, hơi, quá. | Tính từ | - Từ chỉ sự so sánh, mức độ, hay nguyên nhân của đặc điểm, tính chất : cực kì, lắm, ... | | | | | | | | | | | |
| *\* Gọi HS đọc BT1. Nêu yêu cầu:* H. Xác định từ loại của các từ in đậm và sắp xếp vào cột thích hợp? | | | | *+ 1HS đọc, lớp nghe. HS suy nghĩ, x/định. 3HS lên bảng điền. HS khác n/xét.* | | | **II. Các từ loại khác.**  ***Bài 1.*** Xác định từ loại của các từ in đậm. | | | |
| *\*Nêu yêu cầu BT2:*  H.Tìm từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn? Cho biết những từ ấy thuộc từ loại nào? Cho VD? | | | | + HS lấy VD:  Quyển vở này của bạn à? | | | ***Bài 2.***Tìm từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn: à, ư, hử, hả, hở,..  ->Tình thái từ | | | |
| **Số từ** | **Đại từ** | **Lượng từ** | **Chỉ từ** | | **Phó từ** | **QHT** | | **Trợ từ** | | **Tình TT** |
| Ba | Tôi | Những | ấy | | Đã | ở | | Chỉ | | Hả |
| Năm | Bao nhiêu  Bấy nhiêu |  | Đâu | | Mới  Đã Mang | Của  Nhưng | | Cả  Ngay | |  |
|  | Bao giờ  Bấy giờ |  |  | |  | Như | | Chi | |  |
| **II. GV hướng dẫn học sinh hệ thống lại kiến thức về cụm từ:** | | | | **II. HS hệ thống hoá kiến thức về cụm từ** | | | | | **B. CỤM TỪ.** | |
| **\* Bước 1. GV HD HS ôn lại lí thuyết về cụm từ.**  H. Thế nào là cụm danh từ, cụm động từ, tính từ?  *- Gv đưa mô hình sơ đồ cấu tạo các cụm từ lên bảng phụ*  *- Gv tổ chức hs thảo luận nhóm ( 3 phút )*  *- Gv nhận xét,sửa chữa* | | | | 1. **HS ôn lại lí thuyết.**   *+ Hs trả lời cá nhân*  *( 3 hs trả lời )*  *- Hs khác nhận xét, bổ sung*  *- Hs thảo luận nhóm*  *( 3 phút )*  *- Làm ra bảng phụ ( kẻ sơ đồ )*  *- Đại diện trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung* | | | | | **1. Lí thuyết.**  **- Cụm danh từ.**  **- Cụm động từ**  **- Cụm tính từ.** | |
| **\* Bước 2. HD HS luyện tập** | | | | **2. HS luyện tập** | | | | | **2. Luyện tập** | |
| *\* Gv gọi hs đọc và nêu yêu cầu bài tập*  *- Gv tổ chức hs thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn ( 4p )*  *- Gv nhận xét,sửa chữa*  H.Tìm phần trung tâm của các cụm DT in đậm?  -Chỉ ra dấu hiệu cho biết đó là cụm DT? | | | | *+ HS đọc và nêu yêu cầu bài tập*  *- Hs thảo luận nhóm* ***theo kĩ thuật khăn trải bàn***  *( 6 phút )*  *- Làm ra bảng phụ*  *- Đại diện trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung* | | | | | ***Bài 1.*** Tìm phần trung tâm của các cụm DT in đậm. | |
| a.- tất cả những ***ảnh hưởng*** quốc tế đó. (*những*)  - một ***nhân cách*** rất Việt Nam (một)  - một ***lối sống*** rất bình di, rất Việt Nam,....(*một*)  b. những ***ngày*** khởi nghĩa dồn dâp ở làng (*những*)  c. ***tiếng*** cười nói xôn xao của ***đám người*** mới tản cư  *->Kết hợp với số từ, lượng từ ở phía trước.* | | | | | | | | | | |
| *\*Gv gọi hs đọc bài tập2*  *- Gọi hs làm bài tập cá nhân*  *- Gv nhận xét, chốt*  H.Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm?  -Chỉ ra dấu hiệu cho biết đó là cụm động từ | | | | *+ Hs đọc yêu cầu bài tập*  *- Hs làm bài tập cá nhân*  *- HS khác nhận xét, bổ sung*  a - đã đến gần anh  - sẽ chạy xô vào lòng anh  - sẽ ôm chặt lấy cổ anh  b. vừa lên cải chính.  *->Trước các ĐT thường có các phó từ.* | | | | | ***Bài 2.*** Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm. | |
| *\* Gv gọi hs đọc và nêu yêu cầu bài tập*  *- Gv tổ chức hs thảo luận nhóm ( 4 phút )*  *- Gv nhận xét, sửa chữa*  Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm?  -Chỉ ra những yếu tố phụ đi kèm với nó? | | | | *+ HS đọc và nêu yêu cầu bài tập*  *- Hs thảo luận nhóm ( 4 phút )*  *- Làm ra bảng phụ*  *- Đại diện trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  a. - rất Việt Nam  - rất bình dị  - rất Phương Đông  - rất mới, rất hiện đại.  b. sẽ không êm ả:  c. phức tạp hơn ; cũng phong phú và sâu sắc hơn  *->Thường kết hợp với phó từ chỉ mức độ: rất, hơi, quá...* | | | | | ***Bài 3.*** Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm. | |
| *\* GV yêu cầu HS làm theo 3 nhóm :* Viết đoạn văn ngắn về bảo vệ môi trường và về Đoàn TNCS HCM, nhân vật Phương Định trong đó có sử dụng cụm từ  **\* Gợi ý**: Câu nêu đề tài🡪 các câu phát triển đề tài🡪kết đoạn.  Đảm bảo liên kết câu , chỉ rõ các cụm từ  *\* Gv gọi 2 HS lên bảng viết. Lớp viết bài , sau đó gọi HS nhận xét , chữa, GV chốt bài.* | | | | *+ HS viết cá nhân theo yêu cầu của nhóm.*  *- 3 HS lên bảng viết. Lớp viết bài , sau đó HS khác nhận xét chữa, nghe GV chốt* | | | | | ***Bài 4. Viết đoạn văn*** | |
| **VD:** Phương Định vốn là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên thích mơ mộng & hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô t­ư giữa gia đình và thành phố của mình. Những kỉ niệm đó luôn sống dậy trong cô ngay giữa chiến trư­ờng dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng khốc liệt của chiến  trư­ờng. Mặc dù vậy cô vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những mơ ước về tương lai. | | | | | | | | | | |

**BẢNG TỪ LOẠI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***A(Từ loại)*** | ***Nối*** | ***B (Đặc điểm)*** |
| 1. Danh từ |  | a.Là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hành động, trạng thái.... |
| 2. Động từ | b.Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật, hiện tượng. |
| 3. Tính từ | c.Là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật. |
| 4. Số từ | d. Là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm. |
| 5. Lượng từ | e.Là những từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi. |
| 6. Đại từ | g. Là những từ chỉ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ. |
| 7. Chỉ từ | h. Là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật. |
| 8. Phó từ | i. Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu cầu khiến, câu nghi vấn, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói. |
| 9. Quan hệ từ | k. Là những từ dùng để trỏ vào sự vật nhằm xác định vị trí của sự vật trong kh/gian, thời gian. |
| 10. Trợ từ | l. Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. |
| 11.Tình thái từ | m. Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị sự đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. |
| 12. Thán từ. | n. Là những từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả... giữa các bộ phận câu hay giữa các câu. |

**TIẾT 2.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | | **CHUẨN KT – KN CẦN ĐẠT** | | | |
| **I. HD HS tìm hiểu thành phần câu** | **I. HS tìm hiểu thành phần câu** | | | | **A.THÀNH PHẦN CÂU**  **I.Thành phần chính và thành phần phụ** | | | |
| *\* GV nêu yêu cầu:*  H. Kể tên các thành phần chính và thành phần phụ của câu?  -Nêu dấu hiệu nhận biết từng thành phần?  *\* MC: Cho HS đọc lại các khái niệm và dấu hiệu nhận biết trên MC*  **-GV chuẩn kiến thức** | *+ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi*  *- Kể tên các thành phần chính và thành phần phụ của câu hỏi và các dấu hiệu nhận biết chúng.*  *-HS khác nhận xét bổ sung*  *- Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở* | | | | ***1. Nội dung.***  ***a. Thành phần chính:*** là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn: CN, VN.  ***+Chủ ngữ:*** Là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, đặc điểm trạng thái... được miêu tả ở VN.  Chủ ngữ thường trả lời cho các câu hỏi? "Ai?", "Cái gì?", "Con gì?" | | | |
| ***+Vị ngữ:*** Là thành phần chính của câu nêu hoạt động, đặc điểm trạng thái... của sự vật, hiện tượng được miêu tả ở CN.  Vị ngữ thường trả lời cho các câu hỏi? "Làm gì?", "Làm sao?", "Làm thế nào?", "Là gì?".  ***b. Thành phần phụ:*** là những thành phần không bắt buộc phải có mặt trong câu, dùng để bổ sung ý nghĩa cho nòng cốt câu (trạng ngữ, khởi ngữ).  ***+Trạng ngữ:*** Là TP phụ của câu, thường đứng ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu nhằm xác định thêm về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, cách thức .... cho sự việc nêu trong câu.  Dấu hiệu: TN thường được ngăn cách với nòng cốt câu bằng dấu phẩy.  ***+Khởi ngữ:*** Là thành phần câu thường đứng trước CN để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.  Dấu hiệu: có thể thêm quan hệ từ "Về, đối, với" vào trước khởi ngữ. | | | | | | | | |
| H. *Gọi HS đọc BT2* (mục I). Nêu yêu cầu: Hãy phân tích thành phần của các câu đó?  *- Chia 3 nhóm mỗi nhóm là 1 bài tập*  *- Gọi HS các nhóm trình bày.Nhận xét.* | | | *+ Chia 3 nhóm mỗi nhóm làm 1 phần bài tập. Đại diện nhóm trình bày, nhận xét.* | | | ***2.Bài tập.***  ***Phân tích thành phần của các câu.***  a. Đôi càng tôi/ mẫm bóng  C V | | |
| b. Sau 1 hồi trống ..., tôi/ mấy người học trò cũ/ đến sắp ... vào lớp  TN C V  c. Còn tấm gương ... tráng bạc, nó/ vẫn là ... hay độc ác ...  KN C V | | | | | | | | |
| \* *Nêu yêu cầu:*  -Thế nào là thành phần biệt lập?  -Kể tên và nêu dấu hiệu nhận biết các thành phần biệt lập của câu?  MC: Các thành phần biệt lập | | *+ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi*  *-Kể tên các thành phần biệt lập và các dấu hiệu nhận biết chúng.*  *- HS khác nhận xét bổ sung*  *- Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở* | | | **II. Thành phần biệt lập.**  ***1.Các thành phần biệt lập:***  **Thành phần tình thái:** là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói, đối với sự việc được nói đến trong câu  **+Thành phần cảm thán**: Là thành phần để bộc lộ tâm lý của người nói (vui, buồn, mừng, giận)  **+Thành phần gọi đáp**: Là thành phần được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp  **+Thành phần phụ chú:** Là thành phần được bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu | | | |
| *\* Gọi HS đọc BT2(mục II).*  H. Mỗi từ ngữ in đậm trong các đoạn trích là thành phần gì của câu? | | *+ 1HS đọc, lớp nghe*  *HS xác định, trình bày.* | | | ***2.Bài tập. Xác định thành phần biệt lập trong câu.***  a. ***có lẽ***: TP tình thái.  b. ***ngẫm ra***: TP tình thái.  c. ***dừa xiêm ... dừa nếp ... dừa lửa ...*** : TP phụ chú  d. ***bẩm***: TP gọi đáp  ***có khi***: TP tình thái.  e. ***ơ***i: TP gọi đáp | | | |
| **II. HD HS tổng kết về các kiểu câu.** | | **II. HS tổng kết về các kiểu câu.** | | | **B.CÁC KIỂU CÂU** | | | |
| **1. HD ôn luyện về câu đơn.**  *\* Nêu yêu cầu:*  H. Xét về mặt cấu tạo, câu được phân chia thành những loại nào?  H. Thế nào là câu đơn? Câu đơn gồm những kiểu câu nào? Trình bày ý hiểu của em về những kiểu câu đó? | | **1. Tổng kết về câu đơn.**  + *HS dựa vào kiến thức đã học để trình bày. HS khác n/xét, bổ* | | | **I. Câu đơn:**  ***1. Khái niệm:*** Câu đơn là câu có 1 kết cấu C - V.  **- Câu đơn gồm:** Câu đơn bình thường: Có đầy đủ CN và VN.  + Câu đặc biệt: Là câu không được cấu tạo theo mô hình CN - VN.  + Câu rút gọn: Là câu mà khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu. | | | |
| *\* GV cho HS quan sát BT1. Nêu yêu cầu:* Tìm CN và VN trong các câu đơn của BT1? | | *+ HS quan sát, 1HS lên bảng làm . HS khác n/xét, bổ sung.* | | | ***2.Bài tập.***  ***Bài tập 1.*** Tìm CN và VN. | | | |
| a. Nhưng nghệ sĩ / không những ghi lại ... mới mẻ.  CN VN  b. Không, lời gửi ... cho nhân loại / phức tạp hơn ...  CN VN  c. Nghệ thuật / là tiếng nói của tình cảm.  CN VN  d. Tác phẩm / vừa là kết tinh tâm hồn ... trong lòng.  CN VN  e. ... Anh / thứ sáu và cũng tên Sáu.  CN VN | | | | | | | | |
| *\* Gọi HS đọc đoạn trích BT2/147. Nêu yêu cầu:*  H.Tìm câu đặc biệt trong các đoạn trích? | | *+ Xác định câu đơn đặc biệt trong đoạn trích sau*  *HS đọc bài tập*  *- Chỉ ra các câu đặc biệt* | | | ***Bài tập 2***. Tìm câu đặc biệt  ***a.***-Có tiếng nói.....gian trên.  -Tiếng mụ chủ.  ***b.***-Một anh TN .... 27 tuổi  ***c***. - Hoa trong công viên  - Những quả bóng ... góc phố.  - Tiếng rao ... trên đầu.  - Chao ôi, có thể là tất cả..... | | | |
| **2. HD HS tổng kết về câu ghép.**  H. Thế nào là câu ghép? Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong câu ghép? | | **2. HS tổng kết về câu ghép.**  *+ HS dựa vào kiến thức đã học để trình bày. HS khác n/xét, bổ sung.* | | | **II. Câu ghép.**  ***1.Khái niệm:*** Là câu do 2 hay nhiều cụm C - V không bao chứa nhau tạo thành.  -Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong câu ghép: QH nguyên nhân, điều kiện, bổ sung, mục đích, tương phản...  + Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng quan hệ từ, cặp quan hệ từ, cặp từ hô ứng nhất định. Trong nhiều trường hợp cần dựa vào ngữ cảnh giao tiếp. | | | |
| *\* Gọi HS đọc các đoạn trích BT1/147. Nêu yêu cầu:*  -Xác định câu ghép trong đoạn trích?  -Phân tích cấu tạo ngữ pháp của các câu đó?  -Chỉ ra các kiểu quan hệ về ý nghĩa giữa các vế câu đó?  *\*Yêu cầu HS làm .Mời đại diện HS trình bày , nhận xét*  *-GV chuẩn kiến thức* | | *+ Suy nghĩ để làm bài tập*  *- Xác định các kiểu câu ghép và các kiểu quan hệ về nghĩa giữa các vế trong những câu ghép đã tìm được.*  *- Đại diện HS trình bày , nhận xét*  *-nghe GV chuẩn kiến thức* | | | ***2.Bài tập.***  ***Bài tập 1+2.*** Tìm câu ghép.  a | | | |
| ***a***.***- Nguyên nhân, kết quả***: *Vì* quả bom tung lên và nổ trên không *nên* hầm của Nho bị sập.  ***- Điều kiện***: *Nếu* quả bom tung lên và nổ trên không *thì* hầm của Nho bị sập.  b***.- Tương phản***: Quả bom nổ khá gần, *nhưng* hầm của Nho không bị sập.  ***- Nhượng bộ:*** *Mặc dù* quả bom nổ khá gần, *nhưng* hầm của Nho không bị sập. | | | | | | | | |
| **3. HD HS tổng kết về các cách biến đổi câu.**  *\* Cho HS q/sát BT1. Gọi HS đọc. Nêu y/cầu*: Tìm câu rút gọn trong đoạn trích? | | **3. HS tổng kết các phép biến đổi câu.**  *+ HS quan sát, xác định, trình bày. HS khác n/xét, bổ sung.* | | | **III. Biến đổi câu.**  ***Bài tập 1.*** Tìm câu rút gọn:  - Quen rồi.  - Ngày nào ít: ba lần. | | | |
| *\* Gọi HS đọc BT2. Nêu yêu cầu:* Trong các đoạn trích, câu nào vốn là một bộ phận của câu đứng trước được tách ra? Tách ra như vậy để làm gì? | | *+ HS quan sát, xác định, trình bày. HS khác n/xét, bổ sung.* | | | ***Bài tập 2***.Bộ phận câu được tách riêng.  a.Và làm việc có khi suốt đêm.  b. Thường xuyên.  c. Một dấu hiệu chẳng lành.  *->nhấn mạnh nội dung của bộ phận được tách ra.* | | | |
| **H.**  Nêu yêu cầu BT3 : Biến đổi các câu chủ động thành câu bị động? | | *+HS tự biến đổi, trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.* | | | ***Bài tập 3.*** Biến đổi các câu  a. Đồ gốm được thợ thủ công VN làm ra khá sớm.  b. Một cây cầu lớn sẽ được bắc tại khúc sông này.  c. Những ngôi đền ấy được người ta dựng lên từ hàng trăm năm trước. | | | |
| **4. HD HS tổng kết về các kiểu câu theo mục đích nói.**  Nêu yêu cầu:  -Xét về mục đích giao tiếp, câu được chia thành những loại nào?  -Trình bày đặc điểm của các kiểu câu đó?  - Dùng máy chíếu ôn lại các kiểu câu phân loại theo mục đích nói  - Cho HS đọc lại. | | **4. Tổng kết về câu phân theo mục đích nói.**  *HS dựa vào kiến thức đã học để trình bày. HS khác n/xét, bổ sung.* | | | **IV.Các kiểu câu ứng với những mục đích giao tiếp.**  ***1.Nội dung.***  **1. Câu nghi vấn** là câu có từ nghi vấn (ai - gì - nào - sao - đâu - bao giờ - bao nhiêu, à, ư, hả, chứ. Hoặc có từ hay) | | | |
| **2. Câu cầu khiến** là câu có những từ cầu khiến (hãy, đừng, chớ, thôi, đi, nào) hay ngữ điệu cầu khiến. Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo  **3. Câu cảm thán** có từ ngữ cảm thán (ôi, than ôi, hỡi ôi, chao ôi) dùng để bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói (viết)  **4. Câu trần thuật** thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả. Ngoài ra câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc | | | | | | | | |
| \* *Cho HS quan sát đoạn trích BT1. Nêu yêu cầu:*  H. Những câu nào là câu NV? Những câu đó dùng để làm gì? | | *+ HS quan sát, xác định, trình bày.* | | | ***2.Bài tập.***  ***Bài 1.***Xác định câu nghi vấn:  -Ba con sao con k0 nhận?(hỏi)  -Sao con biết là k0 phải? (hỏi) | | | |
| *\* Cho HS quan sát đoạn trích BT2. Nêu yêu cầu:*  H.Những câu nào là câu cầu khiến?  -Chúng được dùng để làm gì?  *\* GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(3’)* | | *+ HSthảo luận nhóm bàn (3’) thực hiện kĩ thuật động não* | | | ***Bài 2.*** Xác định câu câu khiến  -Ở nhà trông em nhá!(ra lệnh)  -Đừng có đi đâu đấy!(ra lệnh)  -Thì má cứ kêu đi. (yêu cầu)  -Vô ăn cơm! (để mời)  -Cơm chín rồi! (Câu trần thuật dùng để cầu khiến) | | | |
| *\* Gọi HS đọc. Nêu y/cầu:*  H. Câu nói của anh Sáu có hình thức của kiểu câu nào? Dùng để hỏi hay để bộc lộ cảm xúc?  -Chỗ nào trong lời kể của tác giả xác nhận điều đó? | | *+ 1 HS đọc, nêu yêu cầu, suy nghĩ, trả lời cá nhân. HS khác bổ sung.* | | | ***Bài 3.***Xác định hình thức kiểu câu ? Tác dụng?  -Sao mày cúng đầu quá vậy hả?  -> Hình thức của câu nghi vấn - dùng để bộc lộ cảm xúc.  -Được xác nhận ở câu đứng trước: Giận quá, không kịp suy nghĩ.... và hét lên. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 10p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | | | | |
| **II.HDHS luyện tập,**  *\*Giáo viên cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm SBTTN/*  \* GV cho HS làm một số bài tập trong vở bài tập ngữ văn. Gọi trả lời cá nhân, gọi nhận xét.  \* Bài tập viết đoạn văn:Viết một đoạn văn từ 5-6 câu nội dung về bảo vệ môi trường trong đó có cụm DT, Cụm Đt, cụm TT  *- Gọi HS nhận xét, GV chữa bài khắc sâu KT.* | | | | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II.Luyện tập, củng cố.**  *+ HS trả lời, chọn đáp án trên bảng phụ, cả lớp theo dõi, nhận xét.*  *+ HS đọc yêu cầu và làm vào vở bài tập.*  *+ 2 HS viết bảng.(4’)*  *- HS dưới lớp viết vở.*  *- HS đọc bài viết….*  *- Nhận xét…. Sửa chữa…* | | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập**  **1. Trắc nghiệm.**  **2. Viết đoạn văn.** |

**\* Củng cố:**

**1. Câu "Sao mà mày hư vậy hả con? " được dùng với mục đích nói gì?**

A. Nghi vấn **B. Cảm thán** C. Tường thuật D. Cầu khiến

**2. Quan hệ giữ các vế trong câu ghép sau là quan hệ gì?**

**A. Quan hệ nguyên nhân** B. Quan hệđiều kiệnC. Q/ hệ tương phảnD. Quan hệ nhượng bộ

\*Viết đoạn văn rồi chỉ ra các kiểu cau có trong đoạn văn ấy .

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hs : Viết đoạn văn có sử dụng câu ghép. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập   * ễn tập toàn bộ kiến thức phần ngữ pháp * Chú ý sử dụng có hiệu quả các đơn vị kiến thức trong giao tiếp có hiệu qu | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**4. Giao bài ,hướng dẫn học bài chuẩn bị bài ở nhà(**4’)

**a.Bài vừa học** - Ôn tập các kién thức tiếng Việt (ngữ pháp trong bài)

- Tiếp tục hoàn thành các bài tập

**b. Chuẩn bị bài mới.**

- Soạn “ Ôn tập truyện” và ”Luyện tập viết biên bản.”

Yêu cầu: Trả lời câu hỏi, bài tập theo từng phần

Phiếu bài tập, bảng phụ

**- Chuẩn bị kiến thức cho bài kiểm tra tiếng Việt** : Chú ý ôn tập kỹ các kiến thức tiếng Việt đã học để làm tốt bài kiểm tra.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 32**

**Tiết 152**

**LUYỆN TẬP VIẾT BIÊN BẢN**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức**

-Nắm chắc hơn những kiến thức lý thuyết về biên bản ; thực hành viết được một biên bản hoàn chỉnh .

**2. Kĩ năng**

- Viết được một biên bản hội nghị hoặc một biên bản sự vụ thông dụng

**3. Thái độ**

**-**  Cú ý thức rốn luyện cỏch viết biên bản

II**. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức :**

+Mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

**2. Kĩ năng :**

- Viết được một biên bản hoàn chỉnh .

**3. Thái độ:**

**-** chỳ ý, nghiờm tỳc

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy** : Bảng phụ , tư liệu .

**2. Trò:** - Đọc 3 lần, trả lời các câu hỏi SGK.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1.** **Ổn định tổ chức** (1’)

Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

**\* Bước 2. Kiểm tra bài cũ : *khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.***

***Câu1***: **Biên bản được viết ra để nhằm mục đích gì?**

A. Làm chứng cứ để chứng minh cho các sự kiện diễn ra trong thực tế

B. Để đề đạt lên cấp trên để thi hành, giải quyết

C. Thoả thuận các điều khoản giữa các bên liên quan

**D**. Thông báo cho nhiều người được biết về một sự kiện vừa diễn ra

***Câu2***: Yêu cầu nào sau đây **không phù hợp** với biên bản ?

A.Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể

B. Ghi chép sự việc phải chính xác, đầy đủ, khách quan

C. Lời văn ngắn gọn chính xác

**D**. Có thể sử dụng các biện pháp tu từ.

**\* Bước 3 . Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

- Ph­­­ương pháp: Nêu vấn đề

- Kĩ thuật: Động não

- Thời gian dự kiến.: 2 phút

- Hỡnh thành năng lực: thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KT- KN cần đạt** |
| -Nêu vấn đề: Để có thể viết được biên bản ta cần phải làm như thế nào?  Tiết học hôm nay chúng ta sẽ luyện tập viết biên bản  -GV ghi tên bài. | *Kĩ năng thuyết trình*  Nghe, suy nghĩ, trả lời  Ghi bài. | *Kĩ năng thuyết trình* |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Phư­ơng pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não,

- Thời gian dự kiến.: 10 phút.

- Hình thành năng lực: giao tiếp, tư duy, giải quyết vấn đề

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | | **CHUẨN KT-KN CẦN ĐẠT** | | |
| **I. HD HS củng cố kiến thức.** | ***Kĩ năng thuyết trình, giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo***  **I. HS củng cố kiến thức** | | | | ***Kĩ năng thuyết trình, giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo***  **I.Củng cố kiến thức** | | |
| *\* GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi củng cố kiến thức, gọi nhận xét, GV nhấn mạnh* | *+ HS trả lời một số câu hỏi củng cố kiến thức, HS khác nhận xét, nghe GV nhấn mạnh, ghi nhanh vào vở.* | | | |  | | |
| H. Biên bản nhằm mục đích g**ì? N**hững hoàn cảnh nào cần viết biên bản ? Người viết biên bản cần phải có thái độ và trách nhiệm như thế nào?  H. Biên bản cần phải đạt những yêu cầu gì về nội dung và hình thức?  H. Nêu bố cục phổ biến của biên bản?  **H.**Lời văn và cách trình bày biên bản có gì đặc biệt?  **-GV chuẩn kiến thức .** | **1. Mục đích.**  - Biên bản là loại văn bản ghi chép lại một cách trung thực , chính xác đầy đủ một sự việc đã xảy ra hoặc đang xảy ra trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội và doanh nghiệp.  - Người ghi biên bản chịu trách nhiệm về tính chính xác của biên bản.  - Biên bản không có hiệu lực pháp lí để thi hành mà chủ yếu được dùng làm chứng cớ, làm cơ sở cho các nhận định, kết luận và các quyết định xử lí.  - Đặc điểm nổi bật của biên bản là phải ghi nhận các sự vịêc, hiện tượng một cách kịp thời, đầy đủ, tỉ mỉ và khách quan trung thực.  **2. Bố cục:**Gồm 3 phần:  + Phần mở đầu (thủ tục): Quốc hiệu và tiêu ngữ (đối với biên bản sự vụ và hành chính), tên biên bản, thời gian, đại điểm, thành phần tham gia.  + Phần nội dung: Diễn biến và kết quả của sự việc  + Phần kết thúc: Thời gian kết thúc, chữ kí và họ tên của các thành viên có trách nhiệm chính, những văn bản hoặc hiện vật kèm theo (nếu có)  **3. Cách diễn đạt :**  Lời văn của biên bản cần trung thực , ngắn gọn, chính xác. | | | | Mục đích viết biên bản: ghi chép lại các sự việc đã và đang diễn ra.  -Thái độ và trách nhiệm của người viết biên bản:  +Ghi chép một cách trung thực, chính xác, đầy đủ.  +Phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của biên bản.  -Bố cục: Gồm các phần: mở đầu, nội dung, kết thúc.  -Lời văn: ngắn gọn, chính xác. Trình bày rõ ràng, đúng thủ tục. | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**  + *Ph­ương pháp*: Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin , phân tích, so sánh, .  + *Thời gian*: Dự kiến 30p  *+ Hình thành năng lực*: Tư duy, sáng tạo | | | | | | | |
| **II. HD HS luyện tập** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. HS luyện tập** | | ***- Kĩ năng tư duy, sáng tạo***  **II. Luyện tập** | | |
| *\* Hướng dẫn HS viết biên bản Hội nghị trao đổi kinh nghiệm học tập môn Ngữ Văn.*  **\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(**5’)  H. Nội dung ghi chép như vậy đã cung cấp đầy đủ dữ liệu để lập một biên bản chưa? Cần thêm bớt những gì?  H. Cách sắp xếp các nội dung đó có phù hợp với một biên bản không? Cần sắp xếp lại như thế nào?  **Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GV chuẩn kiến thức** | | **+ HSthảo luận nhóm bàn (5’) thực hiện kĩ thuật động não**  *- HS trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi:*  *Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét* | | **Bài 1. Viết biên bản Hội nghị trao đổi kinh nghiệm học tập môn Ngữ Văn**  - Nội dung biên bản phần giữa đã đầy đủ. Song phần đầu và phần kết thúc chưa hoàn chỉnh  + Cần bổ sung phần đầu: Diễn biến và kết quả hội nghị (tiêu đề) và thời gian kết thúc, thủ tục kí xác nhận. | | |
| ***1. Phần đầu***  Quốc hiệu và tiêu ngữ  Tên biên bản  Thời gian, địa điểm cuộc họp  Thành phần tham dự  Chủ toạ  Thư kí  ***2.Phần nội dung***  - Cô Lan khai mạc, nêu yêu cầu  - Bạn Huệ, lớp trưởng báo cáo sơ lược tình hình học môn Ngữ văn.  - Báo cáo kinh nghiệm.  + Thu Nga  + Thuý Hà.  - Cô Lan tổng kết  ***3. Phần kết thúc***  - Thời gian kết thúc  Chủ toạ Thư kí  (kí tên) (kí tên) | | | | | | | |
| **H. Lập "Biên bản bàn giao nhiệm vụ trực tuần"**  *\* Cho HS thảo luận, thống nhất nội dung chủ yếu của biên bản bàn giao trực tuần.*  *- Yêu cầu HS thảo luận nhóm* *sau đó viết biên bản*  *Gọi HS đọc biên bản*  - Thành phần tham dự bàn giao gồm những ai?  - Nội dung bàn giao như thế nào? (Nội dung và kết quả công việc đã làm trong tuần, nội dung việc cần thực hiện trong tuần tới, các phương tiện vật chất và hiện trạng của chúng tại thời điểm bàn giao...) | | | *+Phát hiện , phân tích , trao đổi nhóm cặp trả lời*  *+Đôi bạn chia sẻ .HS khác bổ sung, nghe GV nhấn mạnh, bổ sung .*  *+ Nghe GV chốt ,* | | | **2. Bài 2. Lập "Biên bản bàn giao nhiệm vụ trực tuần"** | |

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN BÀN GIAO NHIỆM VỤ TRỰC TUẦN**

- Giữa đội cờ đỏ của lớp 9A1 và đội cờ đỏ lớp 9A2 (bên nhận)

Hôm nay, ngày...tháng….năm, tại phòng trực ban trường THCS.đã tiến hành bàn giao nhiệm vụ trực tuàn giữa lớp 9A1 (bên giao) và lớp 9A2 (bên nhận) thực hiện theo nội quy của Ban chấp hành đoàn trường.

I.Thành phần tham dự:

1. Bên giao:… Chức vụ :............................................................................

2. Bên nhận:…..Chức vụ:............................................................................

Chủ toạ:..............................................Thư kí :..............................................

II.Nội dung bàn giao

+ Nhiệm vụ và kết quả đã làm trong tuần

+ Nội dung công việc cần thực hiện trong tuàn tới

+ Các phương tiện vật chát và hiện trạg trực ban

+ Kể từ ngày…..tháng…..năm, đội…..đã bàn giao ghi biên bản: Bên giao giữ một bản, bên nhận giữ một bản - lưu phòng đoàn

Cuộc họp bàn giao kết thúc hồi…giờ… cùng ngày.

+ Chữ kí của bên giao. + Họ tên chữ kí của bên nhận

+ Chữ kí của chủ toạ. + Họ tên chữ kí thư kí.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| H.Ghi lại BB cuộc họp lớp tuần qua.  **\* GV gợi ý:**  -Thành phần gồm những ai?  -Nội dung gồm những công việc gì? (Những việc gì đã làm? Những việc gì cần thực hiện trong tuần tới? Biện pháp để thực hiện?)  *\*GV chọn 1-2 bài khá trình bày trước lớp.* | **+** *HS HĐ theo nhóm bàn, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét.* | **3.Bài 3.**  **Ghi lại biên bản cuộc họp lớp.** |
| Quốc hiệu và tiêu ngữ  -Tên BB: Biên bản sinh hoạt lớp... tuần... tháng...  -Thời gian: Tiết 5 ngày.... tháng ... năm....  -Địa điểm : phòng học lớp  -Thành phần tham dự: GVCN + HS  -Chủ toạ: Lớp trưởng.  -Thư kí  -Nội dung:  +Lớp trưởng nhận xét tình hình, ý thức nề nếp, những công việc đã thực hiện được trong tuần, những nhược điểm cần khắc phục.  +Các tổ trưởng công bố kết quả thi đua của các cá nhân trong tổ.  +Lớp trưởng phổ biến công việc cần thực hiện trong tuần tới và những biện pháp thực hiện.  +Ý kiến đóng góp của các thành viên.  - Thời gian kết thúc  Chủ toạ Thư kí  ( kí tên) (kí tên) | | |

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG ( 2’)**

Viết một biên bản họp tổ

**HOẠT ĐỘNG 5. PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG ( 2’)**

**- T**ìm hiểu về biên bản

**\* Bước 4. Giao bài , hướng dẫn học bài chuẩn bị bài ở nhà(**4’)

**aBài vừa học :**

- Ôn lại các kiến thức lý thuyết về biên bản

- Viết biên bản xử phạt vi phạm hành chính (vi phạm quy định về an toàn giao thông hoặc vệ sinh đường phố) Theo mẫu biên bản chung

+Xác định hoàn cảnh cần lập biên bản và viết một biên bản theo đúng quy cách .

**b Chuẩn bị kiến thức cho bài**: Hợp đồng

Yêu cầu:- HS đọc văn bản, soạn bài, tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm.

Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu văn bản

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 32**

**Tiết 153**

**HỢP ĐỒNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức :**

Đặc điểm, mục đích ,yêu cầu, tác dụng của hợp đồng.

**2.Kĩ năng :**

- Viết được một hợp đồng đơn giản.

3. **Thái độ**: cẩn thận khi tham gia viết hợp đồng.

4. **Tích hợp liên môn**: GDCD( trách nhiệm pháp trong bài: Vi phạm phạm luật và - GDCD lớp 9)

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy** : Máy chiếu , tư liệu

**2. Trò:**

+ Tìm hiểu đặc điểm của hợp đồng, cách làm hợp đồng.

+ Đọc , trả lời các câu hỏi SGK.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1. Ổn định tổ chức** (1’)Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

**\* Bước 2. Kiểm tra bài cũ :** (5’)

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.***

***Câu1*: Biên bản được viết ra để nhằm mục đích gì?**

A. Làm chứng cứ để chứng minh cho các sự kiện diến ra trọng thực tế

B. Để đề đạt lên cấp trên để thi hành, giải quyết

C. Thoả thuận các điều khoản giữa các bên liên quan

D. Thông báo cho nhiều người được biết về một sự kiện vừa diễn ra

***Câu2***: **Dòng nào sau đây nêu đúng định nghĩa về biên bản ?**

A.Là loại văn bản tường thuật chính xác một sự việc.

B. Là loại văn bản tái hiện chân thật một sự việc.nghĩa vụ, quyền lợi của hai bên tham gia một công việc.

C. Là loại văn bản ghi chép trung thực, đầy đủ một sự việc đang hoặc vừa xảy ra.

D.Là loại văn bản có tính chất pháp lý ghi lại sự thoả thuận về trách nhiệm.

**\*HS lựa chọn đáp án chuẩn**

- Biên bản ghi lại những sự việc gì? (mục đích)

- Biên bản cần phải đạt những yêu cầu gì về nội dung và hình thức?

- Người viết biên bản phải có trách nhiệm và thái độ như thế nào?

***+ Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh***

**\* Bước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1**: **KHỞI ĐỘNG**

**-** Mục tiêu : Tạo tâm thế cho HS vào tiết học

- Phương pháp : Thuyết trình, nêu vấn đề :

- Thời gian : 1phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy*** | ***Hoạt động của Trò*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| * GV đưa một số mẫu hợp đồng, sau đó chuyển giới thiệu bài mới * Ghi tên bài | - HS quan sát, tạo tâm thế vào bài  - HS ghi đầu bài |  |

**HOẠT ĐỘNG 2,3,4 :TÌM HIỂU BÀI**

- Mục tiêu : Đặc điểm, mục đích, yêu cầu, tác dụng của hợp đồng.

- Phư­ơng pháp: vấn đáp tái hiện, minh họa, thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

- Thời gian : 15 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| **I. GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của hợp đồng** | **I.HS tìm hiểu đặc điểm của hợp đồng** | **I.Đặc điểm của hợp đồng** |
| *\* Gọi HS đọc VB trong sgk. Nêu yêu cầu:*  -Tại sao cần phải có hợp đồng?  -Hợp đồng ghi lại những nội dung gì?  H.Hợp đồng cần phải đạt những yêu cầu gì?  +Nội dung các điều khoản thoả thuận giữa hai bên phải như thế nào?  +Từ ngữ, câu văn trong bản hợp đồng phải ra sao?  +Những người có trách nhiệm liên quan phải như thế nào? | *+ Quan sát SGK.*  *-Đọc hợp đồng mẫu*  *-HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi*  *- HS khác nhận xét bổ sung*  *- Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở* | ***1.Văn bản. Hợp đồng mua bán sách giáo khoa.***  -Hợp đồng là cơ sở để các bên tham gia kí kết ràng buộc lẫn nhau, có trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã ghi, tránh thiệt hại cho các bên tham gia.  -Nội dung HĐ: Ghi lại nội dung thoả thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của hai bên tham gia nhằm bảo đảm thực hiện đúng những thoả thuận hai bên đã cam kết.  **-Những yêu cầu:**  +Nội dung: Các bên tham gia bàn bạc kí kết tuân theo các điều khoản của pháp luật, phù hợp truyền thống; phải cụ thể, chính xác.  +Hình thức: Ngắn gọn, lời văn rõ ràng, chính xác.  +Những người có trách nhiệm phải biểu hiện sự nhất trí, chấp thuận nội dung hợp đồng qua họ tên, chữ kí của những đại diện có tư cách pháp lí. |
| H. Hãy kể tên một số hợp đồng mà em biết? Nội dung chủ yếu của các hợp đồng đó bao gồm những gì?  *\* GV cung cấp một số mẫu bản hợp đồng.* | *+ HS kể tên một số hợp đồng.*  *- Quan sát một số mẫu hợp đồng.* | ***- Một số loại HĐ:*** hợp đồng lao động, hợp đồng thuê nhà, hợp đồng đào tạo cán bộ, .....  ***-Nội dung chủ yếu:***  +Các bên tham gia kí kết.  +Các điều khoản, nội dung thoả thuận giữa các bên (yêu cầu, nội dung công việc, cách thức thực hiện, quyền lợi và nghĩa vụ mỗi bên.  +Hiệu lực của hợp đồng. |
| H. Qua tìm hiểu một số bản HĐ, em hiểu thế nào là HĐ?  *\*GV chốt lại. Gọi HS đọc* | *+ HS khái quát, trả lời*  *-1HS đọc ghi nhớ.* | ***2.Ghi nhớ: Điểm 1/138*** |
| **II. HD HS cách làm hợp đồng** | **II. HS tìm hiểu cách làm hợp đồng** | **II. Cách làm hợp đồng.** |
| *\* Cho HS quan sát, đọc thầm bản HĐ(mục I). Cho HS thảo luận các câu hỏi trong phiếu học tập:*  -Bản hợp đồng gồm mấy phần? Là những phần nào?  -Phần mở đầu của HĐ gồm những mục nào? Tên của HĐ được viết như thế nào?  -Phần nội dung của HĐ gồm những mục nào? Nhận xét cách ghi những mục này trong HĐ?  -Phần kết thúc của HĐ gồm những mục nào?  -Lời văn trong hợp đồng phải ra sao?  *\*GV nhận xét, bổ sung trên bảng phụ, kết hợp xác định từng phần trên văn bản.*  **GV chuẩn kiến thức** | *+HS q/sát, đọc thầm và thảo luận nhóm. Đại diện trình bày.*  *Nhóm khác nhận xét, bổ sung.*  *-Nghe, quan sát, ghi chép ý cơ bản.* | ***1.Nội dung hợp đồng***  ***a.Phần mở đầu:***  -Quốc hiệu, tiêu ngữ.  -Tên hợp đồng  -Thời gian, địa điểm kí kết hợp đồng.  -Họ tên, chức vụ, địa chỉ của các bên kí kết hợp đồng.  ***b.Phần nội dung*:**  Ghi lại nội dung đã thoả thuận giữa 2 bên bằng các điều khoản đã thống nhất.  ***c.Phần kết thúc*:**  -Đại diện các bên tham gia kí kết hợp đồng (chức vụ, chữ kí, họ tên).  -Xác nhận của cơ quan hai bên (dấu).  ***2.Lời văn trong hợp đồng:*** phải chính xác, chặt chẽ. |
| H. Qua tìm hiểu cách làm HĐ, em thấy 1 bản HĐ bao gồm những gì? Theo em mục nào là quan trọng không thể thiếu trong bản hợp đồng?  *\*GV chốt lại. Gọi HS đọc* | *+HS khái quát, trả lời*  *-1HS đọc ghi nhớ.* | -Các mục quan trọng không thể thiếu trong bản hợp đồng:  +Các bên tham gia kí kết  +Các điều khoản, nội dung thoả thuận giữa các bên  +Hiệu lực của hợp đồng.  ***\* Ghi nhớ: Điểm 2,3/138*** |
| *\* Cho HS nhắc lại*: VB HĐ là gì? Cách làm hợp đồng? | *+ 1HS nhắc lại ghi nhớ.* | ***\* Ghi nhớ: sgk/138*** |
| H. Hãy so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa biên bản và hợp đồng?( Tích hợp kiến thức môn GDCD 9: Trỏch nhiệm phỏp lớ của cụng dõn): hợp đồng là một văn bản cú cơ sở phỏp lớ vỡ hợp đồng cần phải tuõn theo cỏc điểu khoản của phỏp luật. | *+So sánh, chỉ ra điểm giống và khác nhau.* | **So sánh biên bản và hợp đồng**  +Giống: cùng là VB HCCV, tuân thủ các phần chung.  +Khác: nội dung từng VB. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Mục tiêu : Nhận diện những tình huống cần viết hợp đồng .  - Phương pháp: Vấn đáp , bài tự luận  - Kĩ thuật: hoạt động cá nhân , thảo luận  - Thời gian: 15 phút | | |
| **III. HD HS luyện tập** | **III. HS luyện tập** | **III. Luyện tập** |
| \* *Yêu cầu HS làm bài tập 1 trong SGK.*  **H**: Hãy lựa chọn các tình huống để viết hợp đồng trong 6 tình huống đã cho của bài tập? | *+ Suy nghĩ các tình huống của bài tập 1* | ***1. Bài tập1***.  Viết hợp đồng thuê nhà xưởng và kho bãi  - Gia đình và cửa hàng xây dựng thống nhất với nhau về mua bán  + Xã em và công ty Thiên nông thống nhất đặt đại lý tiêu thụ sản phẩm.  + hai bên thoả thuận với nhau về việc thuê nhà (e). |
| *\* Gọi đọc, nêu yêu cầu HS làm bài 2.*  **H**: Hãy ghi lại phần mở đầu, các mục lớn trong phần nội dung, phần kết thúc và dự kiến các điều cần cụ thể hoá hợp đồng thuê nhà  **\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(**5’)  Chia nhóm:  Nhóm1: Phần mở đầu  Nhóm 2: Phần nội dung  Nhóm 3: Phần kết thúc  **Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét**  **-GV chuẩn kiến thức** | *+ Đọc, nêu yêu cầu BT2.*  **HS thảo luận nhóm bàn (5’) thực hiện kĩ thuật động não**  -HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét  - Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở | ***2. Bài tập2***  Làm việc theo nhóm.  Các nhóm chuẩn bị bài trong (5’) rồi cử đại diện trình bày. |

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Hợp đồng thuê nhà**

Hôm nay, ngày..tháng...năm

Bên cho thuê nhà (A) Chủ sở hữu: Ngày tháng năm sinh:

CMND số:............... thường trú tại...................điện thoại :

Bên thuê nhà (B) Tên giao dịch. Đại diện là:................................Chức vụ…... địa chỉ…............................Tài khoản số…. ..................điện thoại :

Sau khi bàn bạc, thảo luận, hai bên đồng ý kí kết hợp đồng thuê nhà với nội dung như sau :

**Điều 1**: ***Nội dung hợp đồng***

1.1 Bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý thuê phần diện tích nhà nằm trên diện tích đất 100m2 thuộc chủ quyền sở hữu của bên A tại…...

1.2 Mục đích thuê: Dùng làm xưởng sản xuất

**Điều 2**: ***Thời hạn hợp đồng***

2.1 Thời hạn cho thuê là 5 năm, được tính từ ngày…. đến hết ngày….

2.2 Khi hết hạn hợp đồng, hai bên căn cứ vào tình hình thực tế để thoả thuận gia hạn hoặc thanh lý hợp đồng

2.3 Trong trường hợp một trong hai bên ngừng hợp đồng trước thời hạn đã thoả thuận thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất là ba tháng

2.4 Trường hợp cả hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì bên A có trách nhiệm hoàn lại số tiền mà bên B đã trả trước (nếu có) sau khi đã trừ tiền thuê nhà thực tế. Bên được nhận lại toàn bộ trang thiết bị máy móc đã lắp đặt để sản xuất (có biên bản đính kèm)

**Điều 3**: ***Giá cả và phương thức thanh toán***

3.1: Giá thuê nhà là 1.000.000 đ/tháng (Một triệu đồng)

3.2: Bên B phải trả trước cho bên A 2 năm là 1.000.000 x 24 tháng = ….

- Tiền thuê nhà được trả mỗi năm một lần vào ngày 05 hàng tháng

- Bên A có trách nhiệm cung cấp hoá đơn cho bên B.

**Điều 4**: ***Trách nhiệm của hai bên***

4/1: Trách nhiệm của bên A

4/2: trách nhiệm của bên B

**Điều5**: ***Cam kết chung***

Hợp đồng này có hiệu lực sau khi hai bên đã kí kết và được phòng công chứng nhà nước tỉnh chứng nhận. Hợp đồng này được lập thành 3 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 1 bản. Một bản được lưu lại phòng công chứng theo quy định.

Tỉnh .. . ..ngày.....tháng….năm.....

Đại diện bên A (kí tên và đóng dấu).

Đại diện bên B (Kí tên và đóng dấu).

\***Bài tập củng cố** : Chọn đáp án đúng !

**\*Trong những tình huống sau, tình huống nào cần viết hợp đồng?**

1. **Một công ti thuê nhà em là trụ sở tiêu thụ sản phẩm**.
2. Em mất chiếc xe đạp và muốn trình bày với cơ quan công an.
3. Nhà trường muốn biết kết quả của các lớp.
4. Xã em tiến hành bàn giao ngôi nhà tình nghĩa cho mẹ liệt sĩ.

**\* Dòng nào sau đây nêu đúng định nghĩa về hợp đồng ?**

A.Là loại văn bản tường thuật chính xác diễn biễn quá trình xảy ra một sự việc.

B. Là loại văn bản trình bày nguyện vọng của một cá nhân với một tổ chức.

C. Là loại văn bản ghi chép trung thực, đầy đủ một sự việc đang hoặc vừa xảy ra.

D.Là loại văn bản có tính chất pháp lý ghi lại sự thoả thuận về trách nhiệm,nghĩa vụ, quyền lợi của hai bên tham gia một công việc.

**\* Nối tên các mục của hợp đồng ở cột A cho phù hợp với nội dung ở cột B !**

|  |  |
| --- | --- |
| A (Tên các mục) | B (Nội dung) |
| 1.Phần mở đầu | a.Ghi họ tên,chức vụ, chữ ký của đại diện các bên tham gia kí kết hợp đồng và xác nhận bằng dấu của cơ quan hai bên (nếu có). |
| 2.Phần nội dung | b. Ghi quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, chức vụ, địa chỉ của các bên kí kết hợp đồng. |
| 3.Phần kết thúc | c.Ghi lại nội dung của hợp đồng theo từng điều khoản đã được thống nhất. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng phép lập luận giải thích

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Viết được một hợp đồng thông dụngđúng quy cách , có nội dung đơn giản và phù hợp với lứa tuổi. | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  Sưu tầm các loại hợp đồng | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học bài chuẩn bị bài ở nhà(**4’)

**a. Bài vừa học :**

- Học thuộc phần ghi nhớ trong SGK

+Hoàn thiện đầy đủ các phần của bản hợp đồng thuê nhà

**b**. **Chuẩn bị bài mới:** Dặn dò học sinh chuẩn bị kiến thức cho bài học sau:

***Luyện tập về hợp đồng.***

* Đọc 3 lần, trả lời các câu hỏi SGK

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 32**

**Tiết 154,155**

**BỐ CỦA XI - MÔNG (TRÍCH)**

**- Guy-đơ Mô-pa-xăng -**

**A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Thấy được nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng của các nhân vật trong văn bản, rút ra được bài học về lòng yêu thương con người.

**B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức:**

- Nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, những khao khát của em.

**2. Kĩ năng:**

- đọc – hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.

- Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật.

- Nhận diện được những chi tiết miêu tả tâm trạng nhân vật trong một văn bản tự sự.

3. **Thái độ**: trân trọng, yêu thương những bạn nhỏ sống thiếu tình thương.

4. **Tích hợp kiến thức liên môn**: GDCD: lòng yêu thương con người

**C. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**: Nghiên cứu văn bản, giáo án, phiếu bài tập, vở bài tập

**2. Trò**: soạn, tóm tắt văn bản, vở bài tập

**D. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1. Ổn định tổ chức**

**\*Bước 2. Kiểm tra bài cũ(5 phút)**

***HS1.******Làm phiếu HT****: Em hiểu gì đằng sau bức chân dung tự hoạ của Rô bin xơn? . Rút ra bài học gì cho mình từ VB trên ?*

***HS2. Làm bài tập trắc nghiệm:***

***1. Nội dung chính của văn bản ”Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang” là gì?***

A. Kể về những ngày tháng trôi dạt ngoài đảo hoang của Rôbinxơn.

B. Kể về công việc hàng ngày của Rôbinxơn.

**C.** Miêu tả bức chân dung tự hoạ của Rôbinxơn.

D. Miêu tả hoàn cảnh sống của Rôbinxơn.

***2. Qua Cách kể của Rôbinxơn cho ta thấy điều gì?***

A. Cuộc sống gian khổ ở chốn đảo hoang.

B. ý chí vươn lên vượt qua gian khó.

C. Tinh thần lạc quan của Rôbinxơn.

**D.** Gồm tất cả những ý trên.

**\* Bước 3: Dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 2 phút

- Mục tiêu: Gây hứng thú cho H/s ngay từ đầu tiết

- Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp

- Kĩ thuật dạy học: động não.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy*** | ***Hoạt động của Trò*** |
| \* GV nêu yêu cầu : Em hãy kể tên một số tác phẩm văn học Pháp mà chúng ta đã được học ?  \* GV chuyển : Hôm nay cô sẽ cùng các em tìm hiểu một nhà văn Pháp cùng thời với nhà văn A. Đô Đê qua một truyện ngắn của ông.  - Gv ghi tên bài | - HS liệt kê, nghe GV giới thiệu  - HS ghi tên bài. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Thời gian: 10 phút

- Mục tiêu: Hướng dẫn H/s đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm và một số từ khó.

- Phương pháp: vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Kiến thức cần đạt** |
| **I. GV HD HS đọc, tìm hiểu chú thích.** | **I. HS đọc, tìm hiểu các chú thích.** | **I. Đọc- Chú thích.** |
| **1. Bước 1. GV HD HS đọc**  *\* GV nêu yêu cầu*: đọc rõ lời đối thoại, thể hiện được tâm trạng *của các nhân vật: to, rõ ràng, chú ý lời đối thoại giữa các nhân vật, giọng đọc thay đổi theo diễn biến của câu chuyện: Giọng của Xi- mông lúc đầu nghẹn ngào, uất ức, lúc đề nghị bác Phi líp thi tha thiết, giọng của bác Phi- líp nghiêm trang.*  *- GV đọc đoạn đầu. Gọi HS đọc tiếp đến hết và n/xét.*  *- GV cho HS tóm tắt truyện, GV nhận xét , bổ sung. GV tóm tắt phần cuối của đoạn truyện để HS tiện theo dõi.* | **1. HS đọc**  *-Nghe, xác định cách đọc.*  *-2-3 HS đọc nối tiếp, HS khác n/xét.*  *- 1HS tóm tắt VB, HS khác nhận xét* | **1. Đọc.** |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chú thích** | **2. HS tìm hiểu chú thích.** | **2. Chú thích.** |
| H. Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm?  **GV bổ sung**: - Ông sinh ra trong một gia đình quý tộc nhưng vào thời kì đã sa sút ở vùng Nocmăngđi miền Nam nước Pháp.  - Tác phẩm khởi đầu sự nghiệp sáng tác của ông là “ Viên mỡ bò” ( 1880 ) được in trong tập truyện Les Soirees de Medan nói về cuộc chiến tranh Pháp- Phổ được đánh giá là tác phẩm hay nhất của tập truyện này  Tác phẩm của Mô-pa- xăng tập trung ở hai chủ đề: ca ngợi lòng yêu nước , tinh thần chiến đấu chống xâm lược; vạch trần sự thật xấu xa đồi bại của giai cấp tư sản quý tộcvà nói lên tình thương đối với những con người nhỏ bé bất hạnh  - Ông đã góp phần nâng nghệ thuật viết truyện lên trình độ cao: nội dung cô đọng, sâu sắc, hình thức giản dị, trong sáng. Đúng như Mac- xim Gor- ki đã từng nhận xét: “ Mô- pa- xăng là bậc thầy về truyện ngắn. Cấu trúc chặt chẽ, văn phong trong sáng, tinh luyện, giản dị đạt tới một trình độ nghệ thuật điêu luyện không sao bắt chước nổi  - Văn bản: Bố của Xi- mông mà chúng ta được tìm hiểu là minh chứng sinh động cho những đặc sắc về nghệ thuật viết truyện và nội dung tác phẩm của ông | *+ Nêu theo vốn hiểu biết và chú thích.HS khác nhận xét, nghe Gv bổ sung.*  ***a.Tác giả*:** Mô-pa-xăng (1850 -1893), là nhà văn Pháp nổi tiếng với thể loại truyện ngắn hiện thực.  - Một số tác phẩm : Viên mỡ bò (1880), Mụ Xô- va, Lão Mi- lông, Bà Ec- mê, một số tiểu thuyết: Một cuộc đời (1883), Ông bạn đẹp (1885)  - Với các thành tựu sáng tác xuất sắc, Mô -pa- xăng không chỉ trở thành nhà văn lừng danh của nước Pháp mà còn trở thành cây bút bậc thầy của văn học nhân loại. Mô- pa- xăng cùng với Ô. Hen- ri( Mĩ ), Sê- khốp ( Nga) được coi là ba nhà văn viết truyện ngắn hay nhất mọi thời đại  ***b.Tác phẩm:*** là một trong những tác phẩm thành công nhất của ông.  Đoạn trích:thuộc phần đầu TP | **a. Tác giả:**  - Guyđơ Môpaxăng (1830- 1893), là nhà văn Pháp.  **b. Tác phẩm**: Trích trong truyện ngắn cùng tên, do Lê Hồng Sâm dịch. |
| H: Giải thích từ "đóng đinh chữ chi", các chú lính nhỏ thâm tâm | *+ HS giải nghĩa các từ khó.* | **c. Từ khó**:1,3,8,11 |
| **II. HD HS tìm hiểu văn bản.** | **II. HS tìm hiểu văn bản.** | **II. Tìm hiểu văn bản.** |
| **1. Bước 1. HD HS tìm hiểu khái quát** | **1. HS tìm hiểu khái quát** | **A. Tìm hiểu khái quát** |
| *\* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, trả lời các câu hỏi khái quát.*  H. Hãy xác định thể loại, phương thức biểu đạt ?  - Các nhân vật trong văn bản? Nhân vật trung tâm ?  - Ngôi kể và trình tự kể ? Tác dụng của ngôi kể?  - Tình huống cơ bản và tác dụng của tình huống đó? | *+ HS xác định, trình bày. HS khác bổ sung.*  **- Thể loại:** truyện ngắn  **- Phương thức** : Tự sự kết hợp miêu tả + biểu cảm.  **- Nhân vật** : 3 NV : Xi Mông, Chị BLăng Sốt, Bác Phi Líp.  - Nhân vật trung tâm : Xi Mông.  **- Ngôi kể:** thứ 3.=> mang tính khách quan  **- Trình tự kể** : kết hợp thời gian + không gian.  **- Tình huống cơ bản:** Ngày đầu tiên đi học, Xi- mông bị bạn bè trêu chọc vì em không có bố. Đau đớn, buồn bã, em bỏ ra bờ sông với ý nghĩ nhảy xuống sông cho chết đuối. Bác thợ rèn Phi- líp xuất hiện, đưa em về nhà trả lại cho mẹ em và hứa sẽ làm bố của em*.-> Làm xuất hiện những nhân vật với những cảnh đời, những số phận, những tính cách, tâm trạng rõ nét.* | ***-Thể loại:*** truyện ngắn  ***-PTBĐ:*** tự sự  ***-Ngôi kể***: ngôi thứ 3  =>mang tính khách quan  ***-Nhân vật***: Philíp, Blăng-sốt, Xi-mông (nhân vật chính).  ***-Tình huống cơ bản***  ->*Làm x.hiện những nhân vật với những cảnh đời, những số phận, những tính cách, tâm trạng rõ nét.* |
| H. Căn cứ vào diễn biến các sự việc trong truyện, hãy xác định bố cục và đặt tiêu đề cho từng phần ? | *+ HS xác định bố cục, đặt tiêu đề cho từng phần.*  ***Bố cục***: 4 phần  +Từ đầu đến “chỉ khóc hoài”  ->Nỗi tuyệt vọng của Ximông  +Tiếp đến “Người ta sẽ cho cháu...một ông bố”  ->Xi-mông gặp bác Philíp.  +Tiếp đến “bỏ đi rất nhanh”->  Bác Philíp đưa Ximông về nhà  +Còn lại:Ngày hôm sau ở trường | **- Bố cục** : 4 phần: |
| **\* Bước 2.HD HS tìm hiểu chi tiết** | **2. HS tìm hiểu chi tiết** | **B. Tìm hiểu chi tiết** |
| H: Tác giả đã giới thiệu nhân vật Xi-mông như thế nào? \***TLBT2/111/VBT. TG: 2P**. | *+Thảo luận và thực hiện bài tập 2VBT, trả lời cá nhân.*  - Độ 7 tuổi, hơi xanh xao, vẻ nhút nhát gần như vụng dại .. nó không biết bố mình là ai. Mẹ nó chưa bao giờ nói với nó về chuyện này. | ***1. Nhân vật Xi Mông***  ***- Hình dáng***: Độ 7 tuổi, hơi xanh xao, vẻ nhút nhát gần như vụng dại. |
| H. Qua phần đầu văn bản, em thấy Xi- mông gặp phải điều gì khi đến trường ? Hoàn cảnh ấy khiến em có thái độ và ý định gì? Qua đó cho ta thấy tâm trạng Xi Mông lúc này như thế nào ? | *+ Phát hiện, suy nghĩ, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  **- Khi đến trường** : không có bố, khi đi đến trường bị bạn bè chế giễu, khóc, định nhảy xuống sông cho chết đuối  -> Tâm trạng : ***Vô cùng đau khổ, tuyệt vọng.*** | **- Khi đến trường** :  -> Tâm trạng : ***Vô cùng đau khổ, tuyệt vọng*** |
| H: Nhưng khi ra đến bờ sông em lại bỏ ý định nhảy xuống sông tự tử? Vì sao?  → đó là một cảnh tưởng cao rộng, trong sáng. | *+ H/s suy nghĩ và trả lời.Giải thích lí do*  ***-Khi ra đến bờ sông:*** Trời ấm áp, dễ chịu, ánh mặt trời êm đềm sưởi ấm bãi cỏ, nước lấp lánh như gương→ có những phút giây khoan khoái, uể oải và thèm được nằm ngủ ở đây.  -> ***quên đi nỗi đau khổ.*** | ***-Khi ra đến bờ sông:***  -> ***quên đi nỗi đau khổ.*** |
| H: Hình ảnh một em bé dẫm nước mắt, lang thang một mình nơi bãi sông, thèm được ngủ trên mặt cỏ gợi lên một số phận như thế nào, gợi cho người đọc cảm xúc gì? | *+ Tự do bộc lộ*  Số phận của 1 em bé cô độc đau khổ, đáng thương → thương cảm |  |
| H; Sự xuất hiện của chú nhái đã cuốn Xi-mông vào một trò chơi. Trò chơi ấy tác động như thế nào đến tâm trạng của Ximông? | *+ H/s nhận xét. HS khác bổ sung*  **- Sự xuất hiện của một con nhái con**: cuốn em vào trò chơi, đuổi bắt chú nhái, là cho Xi- mông vui và bật cười***→ Tìm được niềm vui.*** | **- Sự xuất hiện của một con nhái con**: ***→ Tìm được niềm vui.*** |
| H. Tại sao Xi-mông đang vui lại trở nên buồn bã và khóc? Tìm những chi tiết chứng tỏ Xi- mông đã gặp một nỗi đau quá lớn?  - | *+ HS phát hiện, trả lời theo nhóm bàn.*  - Sau đó nghĩ đến một thứ đồ chơi → nghĩ đến nhà, nghĩ đến mẹ, thấy buồn, lại khóc ⇒ Kéo em về với thực tại.  ⇒ Đau khổ về tinh thần không thể giải thoát được, đến độ tuyệt vọng | ***- Sau đó nghĩ đến một thứ đồ chơi -> nghĩ đến nhà-> nghĩ về mẹ-> kéo em về thực tại***  ⇒ Đau khổ về tinh thần không thể giải thoát được, đến độ tuyệt vọng. |
| H: Khi đó Xi- mông đã làm gì? Tìm chi tiết đó?  H: Theo em Xi-mông đã cầu nguyện điều gì? | *+ H/s tìm chi tiết*  - Xi- mông quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện. |  |
| H: Qua đó em nhận xét gì về tâm trạng của Xi-mông? Có phù hợp với tâm lí lứa tuổi của em không? Chi tiết, hình ảnh nào chứng tỏ điều đó? | *+ Thảo luận bàn, trình bày...*  -Tâm trạng đau khổ của một đứa bé trong một hoàn cảnh thật đáng thương. Tâm trạng ấy thể hiện ra qua cảnh thiên nhiên, cử chỉ. Tiếng khóc nức nở, triền miên không dứt là chi tiết tô đậm rất phù hợp với tâm lí lứa tuổi và cá tính của Xi-mông...) |  |
| H: Theo em có cách nào giải thoát cho Xi-mông khỏi nỗi tuyệt vọng này?  **TIẾT:155** | *+ Học sinh tự bộc lộ...* |  |
| H. *Nêu yêu cầu:*  -Tìm những câu nói, câu hỏi của bé với bác Philíp khi được bác đưa về nhà? Những câu nói, câu hỏi ấy thể hiện mong ước gì của em? Nhận xét về mong muốn đó của Xi-mông?  -Khi bác Phi-líp đồng ý nhận làm bố, thái độ của Xi-mông thay đổi ntn? Thái độ đó thể hiện tâm trạng gì của em?  *\* GV yêu cầu HS thảo luận bằng kĩ thuật KTB, trả lời. Nhận xét* | *+ HS thảo luận theo kĩ thuật KTB(5’), đại diện trình bày, nhận xét*  ***-Khi gặp bác Phi-líp:***  +Bác có muốn làm bố cháu không?  +Nếu bác không muốn, cháu sẽ quay trở ra nhảy xuống sông chết đuối.  +Thế nhé, bác là bố cháu nhé.  ***->***Mong muốn có một ông bố để bạn bè không trêu chọc.  ***->Mong ước*** ***giản dị, chân thực, rất trẻ con***  -***Khi được bác Phi-líp đồng ý nhận làm bố:*** hết cả buồn, quát vào mặt những đứa hay trêu chọc, một mực tin tưởng sắt đá-> vui sướng, tự hào | ***-Khi gặp và được bác Phi-líp đưa về nhà:***  ***->Mong ước*** ***giản dị, chân thực, rất trẻ con***  -***Khi được bác Phi-líp đồng ý nhận làm bố:***  -> vui sướng, tự hào. |
| H: Qua diễn biến tâm trạng nhân vật Xi-mông, em có cảm nhận gì về n/vật này? Thái độ của em với cậu bé?  H. Nêu tóm tắt diễn biến tâm trạng Xi môngvà tính cáh nổi bật của xi –mông ?  **\* HS trình bày , bổ sung, GV chốt KT.** | *+ HS khái quát, trình bày.*  =>***Là một chú bé đáng thương và rất đáng yêu.***  **\* Từ buồn tủi → tuyệt vọng → ngạc nhiên 🡪 Khao khát🡪 mừng vui, tự tin, hạnh phúc tràn ngập.** | =>***Là một chú bé đáng thương và rất đáng yêu.*** |
| *\* GV nêu yêu cầu cho HS trao đổi:*  H. Nhận xét nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật Xi-mông của tác giả?  -Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật đó đã thể hiện thái độ gì của nhà văn? Qua đó tác giả muốn nhắc nhở người đọc điều gì? | *+ HS trao đổi trong bàn, trả lời.*  - Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật tinh tế, phù hợp với cá tính và tâm lí lứa tuổi.  -Thái độ nhà văn: cảm thông sâu sắc, chia sẻ, bênh vực...  ->Cần phải có tình thương yêu đối với bạn bè, nhất là những bạn có hoàn cảnh đặc biệt. Không nên trêu chọc, cười đùa trên nỗi đau khổ, bất hạnh của người khác.... |  |
| H. Nhân vật Blăng-sốt được giới thiệu như thế nào? (Qua hiểu biết của bác Phi-líp, qua việc miêu tả ngôi nhà, qua thái độ cử chỉ của chị ...?)  -Những chi tiết đó cho ta thấy được điều gì về chị ?  **\* GV** : *Bản thân chị là người tốt, có tư cách, sống đứng đắn, nghiêm túc. Việc lầm lỡ sinh ra Xi-mông là do bị người khác lừa dối chứ không phải là do lối sống buông thả. Những giọt nước mắt và cử chỉ thể hiện sự hổ thẹn đã chứng tỏ điều đó.* | *+ HS liệt kê chi tiết, rút ra đặc điểm nhân vật, trả lời theo nhóm cặp*  -Là một trong những cô gái đẹp nhất vùng nhưng đã một lần lầm lỡ.  -Ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng hết sức sạch sẽ.  -Khi gặp Philíp lần đầu : đứng nghiêm nghị như muốn cấm...  -Khi nghe con nói bị bạn đánh vì không có bố : đôi má bỗng đỏ bừng và tê tái đến tận xưong tuỷ. Nước mắt lã chã tuôn rơi.  -Khi nghe con hỏi Philíp "Bác có muốn làm bố cháu không: hổ thẹn, lặng ngắt và quằn quại, dựa vào tường, 2 tay ôm ngực.  ->***Là người phụ nữ có tư cách, sống đứng đắn, nghiêm túc và rất yêu thương con.*** | **2. Nhân vật Blăng- sốt.**  **- Ngượng ngùng 🡪đau khổ, quằn quại hổ thẹn.**  ->***Là người phụ nữ có tư cách, sống đứng đắn, nghiêm túc và rất yêu thương con.*** |
| H. Qua việc khắc hoạ nhân vật Blăng-sốt, nhà văn muốn thể hiện thái độ gì ? | *+ Tự do bộc lộ*  Thái độ nhà văn: đồng cảm, trân trọng, bênh vực cho người phụ nữ ->Không nên định kiến, coi thường người khác chỉ vì một sự lầm lỡ. |  |
| H: Tác giả đã giới thiệu về bác Phi-líp như thế nào? **TLBT4/VBT. TG:2P** | *+ Phát hiện, trả lời.*  - Hình dáng: Là một người thợ cao lớn, râu đen, quăn, làm nghề thợ rèn.  - Phẩm chất: Là một người nhân hậu. | **3. Nhân vật bác Phi líp** :  ***- Hình dáng***: Là một người thợ cao lớn, râu đen, quăn, làm nghề thợ rèn.  - Phẩm chất: Là một người nhân hậu. |
| H. Bác Phi Líp đã có những cử chỉ, lời nói nào đối với Xi Mông khi bác gặp Xi Mông ngoài bờ sông ? Qua đó cho thấy bác là người như thế nào ? | *+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  - Khi gặp Xi Mông : Bàn tay chắc nịch đặt lên vai em ; hỏi em : có điều gì làm cháu buồn  - Trên đường đưa Xi Mông về nhà : Hai bác cháu lên đường, người lớn dắt tay đứa bé, và bác lại mỉm cười. | ***- Khi gặp Xi Mông :***  ⇒ Thương Xi Mông. → Nhân hậu độ lượng, thấy nỗi đau khổ của người khác không thể bỏ qua.) |
| H. Khi dẫn bé Xi Mông về nhà, bác Phi Líp có suy nghĩ gì ? | *+ Liệt kê chi tiết, trả lời theo nhóm cặp. Nhận xét, bổ sung.*  - Khi đưa Xi Mông về nhà :  + Phi Líp nghĩ bụng có thể đùa cợt với chị Blăng Sốt, nghe đồn chị là một trong những cô gái đẹp nhất vùng và tự nhủ thầm rằng một tuổi xuân đã lầm lỡ, rất có thể lỡ lầm lần nữa.  → Có thể trêu cợt chị, coi thường chị.  + Khi gặp chị Blăng Sốt : ý nghĩ kia không còn nữa. Bác hiểu chị là người tốt, nên không đùa bỡn với chị được.  ⇒ Hiểu và thông cảm với nỗi bất hạnh của chị, hiểu chị là người tốt. | ***- Khi đưa Xi Mông về nhà :***  + Lúc đầu: → Có thể trêu cợt chị, coi thường chị.  + Khi gặp chị Blăng Sốt  ⇒ Hiểu và thông cảm với nỗi bất hạnh của chị, hiểu chị là người tốt. |
| H. Trong lúc đối đáp với Xi Mông, bác đã có những lời nói và cử chỉ nào ? Qua đó cho thấy tình cảm gì của bác đối với mẹ con Xi Mông ?  - Em cảm nhận gì về con người bác ? | *+ Trả lời cá nhân. Rút ra đặc điểm nhân vật*  - Trong lúc đối đáp với Xi Mông: đồng ý làm bố của Xi Mông. Nhấc bổng em lên, hôn vào má em.  ⇒ Cảm mến chị Blăng Sốt , thương Xi Mông.  ⇒ Che chở, nâng đỡ, bù đắp trước nỗi khổ của kẻ yếu đuối như mẹ con chị BLăng Sốt. | ***- Trong lúc đối đáp với Xi Mông***: ⇒ Cảm mến chị Blăng Sốt , thương Xi Mông.  ⇒ Che chở, nâng đỡ, bù đắp trước nỗi khổ của kẻ yếu đuối như mẹ con chị BLăng Sốt. |
| H. Nhân vật bác Phi Líp xuất hiện như một chỗ dựa tinh thần của bé Xi Mông. Vậy theo em bác Phi Líp là người như thế nào ?  **\*GV**: Việc làm của bác đã đem lại cho Xi-mông niềm vui lớn, em có thể tự hào khoe với chúng bạn về người bố tuyệt vời của mình. | *+ Tự do bộc lộ*  Bác Phi Líp là một người tốt, giàu lòng nhân hậu, vị tha, có tính cách hào hiệp.. |  |
| H: Hãy cho lời bình về Phi- líp? | *+HS nêu ý kiến....*  Là người khoẻ mạnh, chân thành sâu sắc, nhân hậu: Bác cứu Xi-mông khỏi cái chết → **nhân cách cao thượng)**  **từ ngạc nhiên → cảm thông,🡪 đùa cợt thành thực🡪nghiêm túc.** | → **nhân cách cao thượng)**  **từ ngạc nhiên → cảm thông,🡪 đùa cợt thành thực🡪nghiêm túc.** |
| H. Qua câu chuyện, tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp gì?( Tích hợp môn GDCD: Lòng yêu thương con người) | *+ Tự do bộc lộ*  =>Cần phải có lòng thương cảm và tình thương yêu bạn bè; biết cảm thông và chia sẻ với nỗi đau khổ, bất hạnh hoặc lầm lỡ của người khác.... |  |
| **III. HD HS đánh giá, khái quát.** | **III. HS đánh giá, khái quát** | **III. Tổng kết** |
| H. Qua tìm hiểu văn bản, em hãy khái quát những giá trị nội dung, nghệ thuật và rút ra ý nghĩa của văn bản? | *+ HS khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật và rút ra ý nghĩa của văn bản.* | 1. Nội dung. 2. Nghệ thuật 3. Ý nghĩa. |
| 1. **Nội dung:**  * Hoàn cảnh tội nghiệp của Xi-mông và diễn biến tâm trạng của nhân vật, những khao khát, ước mơ đáng thương, đáng trọng của em. * Hoàn cảnh cần được cảm thông và những phẩm chất tốt đẹp của chị Blăng- sốt. * Lòng nhân hậu và tình yêu thương con người của bác Phi-líp.  1. **Nghệ thuật**  * Thành công trong việc miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật thông qua ngôn ngữ, hành động… * Tình tiết truyện bất ngờ, hợp lí.  1. **Ý nghĩa.**   Truyện ca ngợi tình yêu thương, lòng nhân hậu của con người. | | |
| *\* GV khái quát, chốt kiến thức, rút ghi nhớ, gọi đọc ghi nhớ.* | *+ HS nghe, ghi kiến thức vào vở.*  *- 1 HS đọc ghi nhớ.* | ***\* Ghi nhớ/144.*** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 6-7 phút  - Mục tiêu: Giúp H/s luyện tập và củng cố  - Phương pháp: vấn đáp…  - Kĩ thuật: Khăn phủ bàn | | |
| **IV. HD HS củng cố, luyện tập** | **IV.HS luyện tập** | **IV. Luyện tập** |
| H1: Lần lượt chuyển ngôi kể về ngôi thứ nhất cho 3 nhân vật để kể lại đoạn trích | *+ Chuyển đổi ngôi kể, kể trước lớp.Cả lớp nghe, nhận xét.* | **1. Bài 1.** |
| H2: Trong ba nhân vật trong truyện em có ấn tượng với nhân vật nào Vì sao? . **TLBT6/113/VBt.** | *- H/s thực hiện bài tập 6 VBT*  ***( H/s thực hiện khăn phủ bàn)*** | **2. Bài 2.** Phát biểu cảm nghĩ |
| H. Nêu yêu cầu: Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về nhân vật bác thợ rèn Phi-líp?  *\* GV gọi 2-3 em đọc, gọi nhận xét, GV sửa.* | *+ HS viết đoạn, đọc trước lớp. Cả lớp nghe, nhận xét.* | **3.Bài 3** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Phát biểu được cảm nghĩ về nhân vật | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài, hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài ở nhà.**

**a. Bài vừa học:**

- Tóm tắt được văn bản, nắm được những giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản

**b. Chuẩn bị bài mới.**

- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi ôn tập

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 33**

**Tiết 156**

**ÔN TẬP VỀ TRUYỆN**

**A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

**-** Ôn tập, củng cố những kiến thức về thể loại, về nội dung của các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

**B. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức:**

- Đặc trưng thể loại qua các yếu tố, nhân vật, sự việc, cốt truyện.

- Những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học.

- Những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học.

**2. Kĩ năng.**

- Kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam.

3. **Thái độ:yêu thích tác phẩm** phẩm truyện hiện đại Việt Nam.

**C.CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**: GA, bảng phụ.VBT, PHT

**2. Trò**: chuẩn bị bảng ôn tập ở nhà. Nhóm chuẩn bị theo phân công, VBT.

**D. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

**\* Bước1- Ổn định tổ chức.**

**\* Bước 2 - Kiểm tra bài cũ**: ***(Kiểm tra 15 phút cuối giờ)***

**\* Bước 3:Dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

- Thời gian: 1 phút

- Mục tiêu: Gây hứng thú cho H/s ngay từ đầu tiết

- Phương pháp: Thuyết trình (GV tự giới thiệu mục đích của tiết học)

**HOẠT ĐỘNG 2,3,4: TỔNG KẾT BẰNG BẢNG HỆ THỐNG**

- Thời gian: 65-70’ phút

- Mục tiêu: Giúp học sing nắm lại kiến thức các tác phẩm truyện đã học

- Phương pháp: Thuyết trình

- Kĩ thuật: Khăn phủ bàn

**Trên cơ sở HS chuẩn bị ở nhà , trên lớp cho hoạt động nhóm , gồm các nội dung sau:**

**+** Bảng hệ thống các truyện ngắn hiện đại VN đã học (5 TP )

+ Hình ảnh đất nước, con người VN qua 5 truyện ngắn.

+ Phát biểu cảm nghĩ về nhân vật.

+ Đặc điểm nghệ thuật, tình huống 5 truyện...

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | | | | | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | | | | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **I. GV Hướng dẫn học sinh lập bảng hệ thống:**  *\* GV hướng dẫn HS lập bảng thống kê theo 4 nhóm, từ trước đó một tuần.*  - Lên lớp GV dành cho HS 10 phút xem lại .  - GV gọi đại diện 4 nhóm lên bảng treo bảng phụ, trình bày, gọi những em khác nhận xét, sửa chữa.  - GV sửa chữa, cung cấp cho HS bảng tổng hợp mẫu để HS so sánh, đối chiếu, sửa chữa.  H: Trong chương trình Ngữ văn 9 em đã học những tác phẩm truyện hiện đại VN nào?  H: Dựa vào các mục trong bảng hệ thống Câu 1/SGk hãy trình bày?  **\*GV chốt , chuyển.** | | | | | **I. H/s lập bảng hệ thống**  - *4 em đọc phần chuẩn bị của nhóm mình. Cả lớp theo dõi, nhận xét.*  *- HS đối chiếu bảng mẫu để tự sửa*. | | | | I **Lập bảng hệ thống hoá:**  \*5 tác phẩm truyện hiện đại VN.  1. Làng ( Kim Lân – 1948)  2. Lặng lẽ Sa Pa ( Nguyễn Thành Long – 1970)  3. Chiếc lược ngà ( Nguyễn Quang Sáng – 1966)  4. Bến quê ( Nguyễn Minh Châu – 1985)  5. Những ngôi sao xa xôi ( Lê Minh Khuê – 1971) |
| **TT** | **Tên tác phẩm** | **Tên tác giả** | **Châu** Nước | | | **Năm sáng tác** | **Tóm tắt nội dung** | | |
| 1 | Làng | Kim Lân | C.hâu A  VN | | | 1948  Chống Pháp. | Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của nông dân. | | |
| 2 | Lặng lẽ Sa Pa. (Tập giữa trong xanh) | Nguyễn Thành Long | Châu . Á  VN | | | 1970 | Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông hoạ sĩ, cô kỹ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại trạm khí tượng trên núi cao Sa Pa. Qua đó truyện ca ngợi những người lao động thàm lặng, có cách sống cao đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước. | | |
| 3 | Chiếc lược ngà | Nguyễn Quang Sáng | Châu.Á  VN | | | 1966  Chống Mĩ. | Câu chuyện éo le và cảm động về 2 cha con ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó, truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh. | | |
| 4 | Bến quê. (Tập cùng tên.) | Nguyễn Minh Châu | Châu.Á  VN | | | Trong tập Bến quê 1985 | Qua những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật khi vào lúc cuối đời trên giường bệnh, truyện thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống của quê hương. | | |
| 5 | Những ngôi sao xa xôi. (TP đầu tay). | Lê Minh Khuê | C.Á  VN | | | 1971  Chống Mĩ. | Cuộc sống, chiến đấu của 3 cô gái thanh niên xung phong trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sang, giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ. | | |
| **II. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung các tác phẩm** | | | | **II. HS tìm hiểu nội dung các tác phẩm** | | | | **II. Nội dung các tác phẩm** | |
| H. Hãy sắp xếp các TN Việt Nam từ sau 1945 (đã học) theo thời kỳ lịch sử? | | | | *+ 1HS sắp xếp, HS khác n/xét, bổ sung* | | | | ***1.Sắp xếp theo thời kì lịch sử***  -Thời kỳ kháng chiến chống Pháp: *Làng* - Kim Lân.  -Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ:  + *Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng  + *Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long  + *Những ngôi sao xa xôi* - Lê Minh Khuê  - Từ sau 1975: *Bến quê* - Nguyễn Minh Châu | |
| H. Nêu yêu cầu:  -Các tác phẩm trên đã phản ánh điều gì về đất nước và con người Việt Nam ở các giai đoạn đó?  -Nhận xét về hình ảnh, đời sống và con người Việt Nam được phản ánh trong các tác phẩm trên?  -Hãy nêu những nét nổi bật về tính cách và phẩm chất ở mỗi nhân vật trong các tác phẩm đó?  *\*GV chốt lại trên bảng phụ.*  *Cho HS nhắc lại.* | | | | *+ Học sinh thảo luận nhóm ( 3 phút )*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhận xét, bổ sung*  *- Nghe gv nhận xét, bổ sung, trình bày* | | | | ***2. Nội dung các tác phẩm.***  ***a.***Các tác phẩm trên đã phản ánh được 1 phần những nét tiêu biểu của đời sống xã hội và con người VN với tư tưởng, tình cảm của họ trong nhiều thời kỳ lịch sử có nhiều biến cố lớn lao từ sau Cách mạng tháng 8 1945, chủ yếu là trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. | |
| ***b.***Hình ảnh con người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được thể hiện sinh động qua một số nhân vật: Ông Hai (*Làng*), anh thanh niên (*Lặng lẽ Sa Pa*), cha con ông Sáu (*Chiếc lược ngà*), ba cô gái thanh niên xung phong (*Những ngôi sao xa xôi*).  ***+Ông Hai***: Tình yêu làng thật đặc biệt, yêu làng đặt trong tình cảm yêu nước và tinh thần kháng chiến.  ***+Anh thanh niên***: yêu thích và hiểu ý nghĩa công việc thầm lặng một mình trên núi cao, có những suy nghĩ và tình cảm tốt đẹp, trong sáng về công việc và đối với mọi người.  ***+Bé Thu***: Tính cách cứng cỏi, tình cảm nồng nàn, thắm thiết với người cha.  ***+Ông Sáu***: Tình cha con sâu nặng, tha thiết trong hoàn cảnh éo le và xa cách của chiến tranh.  +***Ba cô gái thanh niên xung phong***: Tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh. Khi làm nhiệm vụ hết sức nguy hiểm, tình cảm trong sáng, hồn nhiên, lạc quan trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt. | | | | | | | | | |
| H. Trong số các nhân vật trên, em có ấn tượng sâu sắc với nhân vật nào ? Nêu cảm nghĩ của em về nh/vật đó ?  *\* GV gọi HS tự trình bày cảm nhận. GV uốn nắn, sửa chữa, cho điểm nếu có cảm nhận tốt.*  **TIẾT154.** | | | | *+HS tự do bộc lộ cảm nhận của mình.* | | | | **Nêu cảm nghĩ về một nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc nhất :**  Ví dụ : Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa. | |
| **III. HD HS tìm hiểu đặc điểm về nghệ thuật của các truyện** | | | | **III. HS tìm hiểu nghệ thuật của các truyện** | | | | **III. Nghệ thuật của các truyện** | |
| H. Nêu yêu cầu :  -Các tác phẩm đã được tường thuật theo các ngôi kể nào?  -Những truyện nào có nhân vật kể chuyện trực tiếp xuất hiện ? (Nh/vật xưng "Tôi") Cách tường thuật này có ưu thế như thế nào? | | | | *+ HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.Bổ sung* | | | | ***1.Về phương thức trần thuật***  ***-Ngôi thứ nhất*** (Nhân vật xưng "Tôi") có các truyện: Chiếc lược ngà, Những ngôi sao xa xôi.  -> *Câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi hơn qua cái nhìn và giọng điệu của chính người chứng kiến câu chuyện.*  ***-Ngôi thứ ba*** (tuy không x.hiện trực tiếp nh/vật kể chuyện xưng"tôi" nhưng truyện vẫn được trần thuật chủ yếu theo cái nhìn và giọng điệu của 1 nh/vật, thường là n/vật chính) có các truyện: Làng, Lặng lẽ Sa Pa, Bến quê.  ->*Không gian truyện mở rộng hơn, tính khái quát của hiện thực dường như được tăng cường hơn* | |
| H. Theo em, trong những truyện nào tác giả đã sáng tạo được tình huống truyện đặc sắc?  *\* GV chốt, nhấn mạnh tác dụng* | | | | *+ 1HS suy nghĩ, nhận xét, trình bày. HS khác nhận xét.* | | | | ***2. Về tình huống truyện đặc sắc.***  ***-Làng:*** Đặt nhân vật vào tình thế éo le đặc biệt để bộc lộ lòng yêu làng, yêu nước và tinh thần k/ chiến.  ***-Chiếc lược ngà***: Đặt tình cảm cha con vào hoàn cảnh éo le của cuộc chiến tranh:  +Trong những ngày ở nhà, đứa con không nhận ra cha; đến lúc nhận ra thì phải chia tay.  +Người cha dồn hết tình cảm vào làm chiếc lược cho con, chưa kịp trao cho con thì đã bị hi sinh...  ***-Bến quê:*** Đặt nhân vật vào tình huống nghích lí để bộc lộ những chiêm nghiệm, những triết lí về cuộc đời, về con người. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 20 phút  - Mục tiêu: Giúp H/s luyện tập và củng cố  - Phương pháp:vấn đáp, thuyết trình, giảng bình.  - Kĩ thuật: động não, thảo luận nhóm | | | | | | | | | |
| **IV. HD HS luyện tập** | | | | **IV. HS luyện tập** | | | | **IV.Luyện tập** | |
| *\* GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm* | | | | *+ HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.* | | | | **1. Bài 1. Trắc nghiệm** | |
| ***1. Chi tiết nào sau đây không nằm trong tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa”?***  A. Một vườn hoa trên đỉnh Yên Sơn.  B. Người con gái hay tỉa lông mày của mình.  C. Cô gái bỏ quyên chiếc khăn mùi soa.  D. Anh thanh niên đưa cho người lái xe một gói tam thất  ***2. Tác phẩm “Chiếc lược ngà” được sáng tác vào giai đoạn lịch sử nào?***  A. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.  B. Thời kỳ hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.  C. Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ.  D. Thời kỳ sau 1975  ***3.Tác phẩm nào sau đây viết về người lao động trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?***   |  |  | | --- | --- | | A. Làng.  B.Lặng lẽ Sa Pa | C. Những ngôi sao xa xôi  D. Chiếc lược ngà. | | | | | | | | | | |
| *\*GV nêu yêu cầu* : Viết đoạn văn 4-6 câu trình bày cảm nhận của em về một tác phẩm(nhân vật) mà em yêu thích nhất ?  *\* GV có thể bình một số chi tiết tiêu biểu để HS dựa vào đó để viết đoạn*. | | | | *+ HS viết cá nhân, 1-2 em trình bày. HS khác nhận xét.* | | | | ***2. Viết đoạn văn*** | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Kể sáng tạo một trong những truyện đã ôn(Thay đổi ngôi kể, thêm phần kết mới) | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Nêu được cảm nhận và suy nghĩ về một tác phẩm hoặc nhân vật trong tác phẩm. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước IV-Giao bài, hướng dẫn học và làm bài về nhà**

**a. Bài vừa học**

- Nắm chắc bảng hệ thống kiến thức trên.

**b. Chuẩn bị bài mới.**

- - Soạn "Con chó Bấc".

- Chuẩn bị bài “Hợp đồng”.

**Kiểm tra 15’**

**I. Đọc hiểu. (2 điểm)**

**1. Câu 1.Theo số thứ tự , hãy nối thông tin ở cáccột cho phù hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên tác phẩm** | **Tỏc giả** | **Năm sáng tác** | **Chủ đề** |
| **A**. Những ngụi sao xa xụi. | **I**. Nguyễn Minh Châu | **1**. 1970 | **a**.Ca ngợi tỡnh cha con thắm thiết trong hoàn cảnh ộo le của chiến tranh |
| **B**. Lặng lẽ Sa Pa | **II**. Kim Lân | **2**. 1966 | **b**.Tỡnh yêu làng thống nhất với lũng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân |
| **C**. Bến quê | **III**. Nguyễn Quang Sáng | **3**. 1985 | **c**. Ca ngợi những người lao động thầm lặng , có cách sống đẹp, cống hiến sức mỡnh cho đất nước |
| **D**. Chiếc lược ngà | **IV**. Lê Minh Khuê | **4**. 1948 | **d**.Cuộc sống chiến đấu, dũng cảm , tâm hồn trong sáng, giàu mộng mơ, hồn nhiên lạc quan của ba cô gái TNXP trên đường Trường Sơn thêi chèng MÜ. |
| **E**. Làng | **V**. Nguyễn Thành Long | **5**. 1971 | **e**. Thức tỉnh con người về sự trân trọng những giá trị bỡnh dị, gần gũi với quê hương. |

**2*.*** **Trong các truyện sau, truyện nào có nhân vật kể chuyện ở ngôi thứ nhất?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bến quê  B. Những ngôi sao xa xôi | C. Lặng lẽ Sa Pa  D. Làng |

**3.Nội dung chủ yếu mà truyện “ Chiếc lược ngà ” đề cập là :**

A. Sự ỏc liệt của cuộc chiến tranh thời kỡ chống Mĩ.

B. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân Miền Nam.

C. Tinh thần lạc quan, dũng cảm của thề hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ .

D. Tình cảm cha con gắn bó trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh

**4. Dũng nào sau đõy núi đúng và đủ vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lòng yêu nghề tha thiết  B. Lòng nhiệt tình, hiếu khách  C. Sự khiêm tốn, thành thực. | D. Quan tâm chu đáo đến người khác.  E. Tất cả các vẻ đẹp trên. |

***5*. Nối tên nhân vật vào nét riêng của mỗi người**

|  |  |
| --- | --- |
| NHÂN VẬT | NẫT RIấNG |
| 1- Nho | a-Thớch chộp bài hỏt, dũng cảm,bỡnh tĩnh nhưng rất sợ khi nhỡn thấy mỏu |
| 2- Phương Định | b-Thích thêu thùa, thích ăn kẹo |
| 3- Chị Thao | c-Thớch ngắm mỡnh trong gương, ngồi bó gối trong mơ mộng rồi hát |

**II-Phần làm văn**: ( 8 điểm)

Cảm nghĩ của em về nhân vật Phương Định trong truyện ng¾n “ Những ngôi sao xa xôi” cña Lª Minh Khuª bằng một đoạn văn độ dài khoảng 8 câu.

**ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM.**

**I. Trắc nghiệm (2 điểm)**

**Câu 1. A-IV-5-d, B-V-1-c, C-I-3-e,D-III-2-a,E-II-4-b**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **2** | **3** | **4** | **5** | | |
| **Đáp án** | **B** | **C** | **A** | **1-b** | **2-c** | **3-a** |

**II. Tự luận**

|  |
| --- |
| *a) Giới thiệu vài nét về tác giả và truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi'.* |
| - Lê Minh Khuê thuộc thế hệ nhà văn bắt đầu sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Những tác phẩm đầu tay của cây bút nữ này ra mắt vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX, đều viết về cuộc sống chiến đấu của thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn.  - Truyện “Những ngôi sao xa xôi” là tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971. Văn bản đưa vào SGK có lược bớt một số đoạn.  - Nêu những cảm nhận về nhân vật |
| *a)Trong cuộc sống* |
| *- Ngoại hình*  *- Đặc điểm tính cách*  *- Tình cảm với đồng đội ( nhất là khi Nho bị thương)*  *b) Tâm trạng khi gỡ bom….* |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tuần 33**

**Tiết 158,159**

**CON CHÓ BẤC**

**(Trích tiểu thuyết "Tiếng gọi nơi hoang dã")**

***(Giắc lân - đơn)***

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT :**

**-** Thấy rõ nghệ thuật kể chuyện của G. Lân -đơn về sự gắn bó sâu sắc , chân thành giữa Thóoc - tơn và con chó Bấc và sự đáp lại của con chó Bấc với Thóoc - tơn .

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức :**

- Những nhận xét tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng tuyệt vời của tác giả khi viết về loài vật.

- tình yêu thương, sự gần gũi của nhà văn khi viết về con chó Bấc.

- Bồi dưỡng cho HS lòng thương yêu loài vật.

**\*Tích hợp vấn đề môi trường** :Liên hệ quan tâm săn sóc loài vật

**2. Kĩ năng :**

- Đọc - Hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự .

3**. Thái độ:** yêu thương gần gũi , quan tâm , chăm sóc loài vật .

4. **Tích hợp liên môn**: GDCD: Sinh học( Tập quán loài vật), GDCD( Lòng nhân ái của con người)

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy** : - Giáo án điện tử

**2. Trò:** Soạn bài, tỡm hiểu tư liệu về tác giả, tiểu thuyết tiếng gọi nơi hoang dó, văn bản “ Con chó Bấc”

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\* Bước 1** : **Ổn định tổ chức** (1’)Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

**\* Bước 2 : Kiểm tra bài cũ**

**H1: *Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.***

1.Trong đoạn trích “Bố của Xi-mông”, Xi-mông đã rất đau đớn, tuyệt vọng vì:

**A. Mang tiếng là một đứa trẻ không có bố, thường bị bạn bè trêu chọc.**

B. Chú Phi-lip không chịu nhận làm bố của em.

C. Vì mẹ Xi-mông không đồng ý chú Philip là bố của em.

D. Các bạn không tin là em có bố và vẫn trêu chọc em.

2. Nội dung tư tưởng nổi bật của đoạn trích “Bố của Xi-mông” là gì?

A. Cảm thương cho những đứa trẻ sống lang thang cơ nhỡ.

B. Đồng cảm với nỗi khổ của những người phụ nữ lầm lỗi.

**C. Ca ngợi tình yêu thương giữa con người với con người.**

D. Tố cáo lối sống vô tâm trong xã hội?

H2. Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì về các đối xử với bạn bè, nhất là với những bạn không may, cơ nhỡ hoặc bất hạnh?

**\* Bước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1**: **KHỞI ĐỘNG**

**-** Mục tiêu : Tạo tâm thế cho HS vào tiết học

- Phương pháp : Thuyết trình.

- Thời gian : 1 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy** | **Hoạt động của Trò** |
| *-Gv tổ chức cho Hs chơi trò chơi :Ai mà tài thế với 2 câu hỏi trắc nghiệm:*  *+Ai là tác giả của tác phẩm : Chiếc lá cuối cùng ?*  *+ Ohen ri là nhà văn của nước nào ?*  *- giới thiệu bài* : Nước Mĩ có nền văn học trẻ tuổi với những nhà văn xuất sắc. Năm lớp 8, chúng ta đã được làm quen với kiệt tác “Chiếc lá cuối cùng” O.Hen-ri, nhà văn Mĩ thế kỉ XIX , và hôm nay trong tiết học này cô cùng các em một lần nữa đến với nền văn học Mĩ ở thế kỉ XX với văn bản: Con chó Bấc  - GV ghi tên bài.  -GV giới thiệu : Đối với mỗi ngươì đặc biệt là đối với người Phương Tây, chó là vật nuôi trong gia đình đồng thời cũng là cũng là người bạn thân thiết trong cuộc sống. Có lẽ điều này là do sự quấn quýt, gần gũi và đặc tính trung thành của loài chó. Đã có rất nhiều những tác phẩm văn học, điện ảnh nói về tình cảm gắn bó của những chú chó với ngư­ời chủ. Một trong số đó là tác phẩm “Tiếng gọi nơi hoang dã” rất nổi tiếng của nhà văn Giắc Lân-đơn ( Tích hợpmôn Sinh học) | - HS nghe giới thiệu bài  - Ghi tên bài. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Mục tiêu : Học sinh biết cách đọc , tìm hiểu khái quát về tác giả , tác phẩm .

- Phương pháp: thuyết trình , vấn đáp tìm tòi, vấn đáp tái hiện, nêu vấn đề

- Kĩ thuật: kĩ thuật động não,

- Thời gian: 30 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy*** | ***Hoạt động của trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **I. HD HS đọc – Tìm hiểu chú thích** | **I. HS đọc – Tìm hiểu chú thích** | **I. Đọc – Tìm hiểu chú thích** |
| **1. Bước 1. HD HS đọc** | **1. HS đọc.** | **1. Đọc- Kể** |
| *\* GV hướng dẫn HS đọc: Cần thể hiện tình cảm giao lưu giữa người và chó - chó và người nồng nàn yêu thương*  ***\**** *GV đọc mẫu một đoạn , yêu cầu HS đọc:*  *\* Gọi 1 HS nhận xét cách đọc.* | *+HS lắng nghe hướng dẫn .*  *- HS đọc, HS khác nhận xét cách đọc của bạn* |  |
| **2. Bước 2. HD HS tìm hiểu chú thích.** | **2. HS tìm hiểu chú thích.** | **2. Chú thích.** |
| \* Nêu yêu cầu: Trình bày những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm?  *\*GV giới thiệu chân dung G.Lân-đơn và bổ sung:* | *+ Dựa vào chú thích trả lời .*  *- Nghe GV bổ sung , quan sát chân dung nhà thơ* | ***2. Chú thích***  ***a.Tác giả.*** Giắc Lân-đơn (1876- 1916) là nhà văn Mĩ, có nhiều tiểu thuyết nổi tiếng  ***b.Tác phẩm.*** S/tác năm 1903  văn bản nắm ở chương 6 của tiểu thuyết “ Tieengs gọi nơi hoang dó”( 7 chương) |
| G.Lân-đơn là bút danh của Giôn Griphit Lân-đơn, nhà văn Mĩ, sinh ở Xan Phran-xi-cô. Ông đã trải qua thời thơ ấu rất vất vả, từng phải làm nhiều nghề để sinh sống. Năm 18 tuổi, ông tham gia vào cuộc tuần hành của những người thất nghiệp về Oa-sinh-tơn đòi công ăn việc làm. Ít lâu sau ông vào học ở trường đại học Bơ-cơ-li, say mê tìm đọc các tác phẩm của Mác, Ăng-ghen và kết bạn với nhiều nhà hoạt động XHCN ở Mĩ. G.Lân-đơn thành công cả ở truyện ngắn và tiểu thuyết. “Tiếng gọi nơi hoang dã” là tiểu thuyết ra mắt bạn đọc sau khi ông đi theo những người tìm vàng đến miền Clân-đai-cơ ở Ca-na-đa trở về. Đoạn trích đã thể hiện sâu sắc chủ đề tác phẩm cũng như phong cách nghệ thuật của ông. | | |
| **II . HD HS tìm hiểu văn bản**  **1. Bước 1 . GV hướng dẫn HS tìm hiểu khái quát văn bản** | **II . HS tìm hiểu văn bản**  **1. HS tìm hiểu khái quát văn bản** | **II .Đọc -Tìm hiểu văn bản**  **A. Tìm hiểu khái quát văn bản** |
| H.Nêu yêu cầu: Hãy x.định:  - PTBĐ chủ yếu của VB?  - Ngôi kể? Trình tự kể?  - Bố cục của văn bản?  Quan sát độ dài 3 phần của văn bản , hóy lớ giải tại sao độ dài của phần 3 lại dài nhất?  ( nhà văn chủ yếu muốn nói đến những biểu hiện tình cảm của phía nào?)  *\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bàn theo kĩ thuật động não(3’)*  *Mời đại diện các nhóm trình bày , nhận xét*  *-GV chuẩn kiến thức* | *+ HSthảo luận nhóm bàn (3’) thực hiện kĩ thuật động não*  *-HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi*  *-Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét*  *- Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở* | ***- thể loại: TIểu thuyết***  ***PTBĐ :*** Tự sự + Miêu tả  ***- Ngôi kể:*** ngôi thứ ba  ***- - Bố cục.*** 3 đoạn  +Đ1: Mở đầu  +Đ2:T/cảm của Thoóc-tơn đối với Bấc  +Đ3,4,5: T/cảm của Bấc với Thoóc-tơn (Chủ yếu) |
| **2. Bước 2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản**  **\* Hướng dẫn HS tìm hiểu tình cảm của Thoóc-tơn với Bấc.** | **2. HS tìm hiểu chi tiết văn bản**  **\*HS tìm hiểu tình cảm của Thoóc-tơn với Bấc.** | **B.Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **1. Tình cảm của Thoóc tơn đối với Bấc** |
| Gv giới thiệu qua: Thoóc - Tơn thật ra không phải là người chủ đầu tiên của Bấc. trước anh , Bấc đã từng qua tay những ông bà chủ, cô cậu chủ giàu có và cũng nhân hậu như nhà thẩm phán Mi - Lơ rồi bị bắt cóc, bị mua đi bán lại cho những ông chủ khô khan hay tàn bạo để giúp việc tìm vàng ở miền Bắc Mĩ lạnh giá. ...) Nhưng chỉ có riêng Thoóc-tơn với bản tính nhân hậu hiếm có, chẳng những đã cứu sống Bấc , mua lại Bấc mà cũn đối xử với Bấc thật tận tình khả ái cho đến khi anh qua đời  *\* Cho HS theo dõi đoạn 2. Nêu yêu cầu:*  H.Tình cảm của Thoóc-tơn đối với Bấc được biểu hiện ở những chi tiết nào?  H. Cách kể chuyện của tác giả ở đoạn này có gì đặc biệt? Tác dụng của cách kể chuyện đó?  -Nhận xét về những câu văn được t/giả sử dụng trong đoạn?  -Qua những biểu hiện đó đã thể hiện t/cảm gì của Thoóc-tơn đối với Bấc? | *- Hs nghe*  *HSthảo luận nhóm bàn (5’) thực hiện kĩ thuật động não*  *- HS tìm chi tiết …*  *- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi*  *- Đại diện các nhóm trình bày , nhận xét*  *- Nghe GV bổ sung , chốt nhấn mạnh , ghi nhanh vào vở*  \*Cách kể chuyện: Kết hợp kể và tả chi tiết, tỉ mỉ, những câu văn biến hoá... dùng nhiều từ phủ định để khẳng định.  =>***Yêu quý bằng tình cảm thân thiện, gần gũi, hiểu biết và quý trọng.-> là một ông chủ lí tưởng.*** | -Chăm sóc như thể chúng là con cái của anh.  -Không bao giờ quên chào hỏi thân mật hoặc nói lời vui vẻ và ngồi xuống chuyện trò lâu với chúng.  -Có thói quen túm chặt lấy đầu Bấc, dựa vào đầu mình hoặc lắc nó, đẩy tới đẩy lui.  -Kêu lên trân trọng  “Trời đất .... biết nói đấy“.  =>***. Yêu quý bằng tình cảm thân thiện, gần gũi, hiểu biết và quý trọng.-> là một ông chủ lí tưởng*** |
| **\* GV bổ sung:** Thoóc-tơn có tình cảm đặc biệt dành cho con chó Bấc. Tình cảm đó được biểu hiện ngay cả trong tiếng rủa rủ rỉ bên tai chứ không phải là tiếng quát tức giận. Con chó tinh khôn biết rằng đó là những lời “nói nựng” âu yếm. T/cảm càng rõ rệt hơn khi anh như muốn kêu lên “Trời đất, đằng ấy hầu như biết nói đấy“.Trong ý nghĩ tình cảm dường như anh không xem Bấc chỉ là con chó mà là người hẳn hoi, là con cái, là bạn bè của anh. ->***Một ông chủ lí tưởng.*** | | |
| H. Nêu yêu cầu:  - Để làm nổi bật Thoóc-tơn là một ông chủ lí tưởng, tác giả đã thể hiện bằng cách nào?  -Như vậy trong văn bản này mặc dù Lân- đơn chủ yếu muốn nói đến những biểu hiện tỡnh cảm của con chú Bấc nhưng nhà văn vẫn dành một đoạn văn không ngắn nói về tỡnh cảm của Thooc- Tơn đối với các con chó của anh đặc biệt là dành cho Bấc.Theo em mục đích của tác giả là gỡ*?*  \* Cho Hs làm bài tập củng cố phần 1:  1.Vỡ sao chú Bấc được ông chủ Thốc-tơn chăm sóc?   1. Vỡ nghĩa vụ 2. Vỡ lợi ớch kinh doanh 3. Vỡ tỡnh yêu chõn thành. 4. Vỡ cựng sống dưới một mái nhà.   2Tỡnh cảm mà Thốc-tơn dành cho bấc cho thấy Thốc-tơn coi Bấc như :   1. Con cỏi, bạn bố 2. Như anh em 3. Như đồng loại 4. Một con chú bình thường   **\*GV khái quát nội dung:**  T*ình cảm và cách đối xử đặc biệt ấy của ông chủ - người cha - người bạn Thoóc-tơn sẽ được đền đáp xứng đáng. Bởi vì Bấc đặc biệt tinh khôn vô cùng nghĩa tình đó là qua các biểu hiện suy luận và tưởng tượng của nhà văn. Vậy tỡnh cảm mà Bấc dành cho õn nhõn của mỡnh được thể hiện ra sao cô cùng các em sẽ tỡm hiểu trong tiết học sau.*  *-v giao việc cho Hs về nhà chuản bị: Chia lớp thành hai nhúm: Nhúm 1: So sánh quan hệ tỡnh cảm của Bấc với gia đỡnh thẩm phỏn Mi lơ và quan hệ tỡnh cảm của Bấc với Tho úc- tơn.*  *Nhúm 2:Tỡm chi tiết thể hiện tỡnh cảm của bấc trước những cử chỉ, hành động cảu Thoóc- tơn.*  Chuyển tiết 2  **TIẾT 157** | **-** *Hs thảo luận nhóm (3 phút)*  *- Làm ra phiếu bài tập*  *- Đại diện nhóm trình bày*  *- Nhóm khác nhận xét, bổ sung*  -Nhà văn so sánh Thoóc-tơn với các ông chủ khác: Các ông chủ khác chăm sóc chó chỉ là nghĩa vụ và vì lợi ích kinh doanh còn Thoóc-tơn chăm sóc Bấc như với những đứa con đặc biệt của mình.  Mục đích là để làm sáng tỏ những t/cảm của con chó Bấc đối với anh. Không phải đối với bất kỳ ông chủ nào con chó Bấc cũng đối xử tốt mà chỉ riêng Thoóc-tơn mới có lòng nhân từ với nó  Hs đọc và lựa chọn đáp án: 1. D, 2-A |  |
| **\* Hướng dẫn HS tìm hiểu tình cảm của Bấc với Thoóc Tơn**  *\* Cho HS theo dõi đoạn 3. Nêu yêu cầu:*  H. Hãy tìm và phân tích những biểu hiện tình cảm của con chó Bấc đối với chủ?  H. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng để thể hiện tình cảm của Bấc đối với Thoóc-tơn? Nêu tác dụng của BPNT đó?  H. Nhận xét năng lực quan sát của tác giả khi viết đoạn văn này?  H. Những biểu hiện đó của Bấc đã thể hiện tình cảm gì của nó đối với Thoóc-tơn?  ***GV bình mở rộng : Một tình yêu thương giống như tình yêu thương của con người:***  ***+ Vô cùng ngưỡng mộ, sẵn sàng hy sinh vì chủ. Thể hiện tình cảm biết ơn sâu nặng.*** | **\* Hướng dẫn HS tìm hiểu tình cảm của Bấc với Thoóc Tơn**  *+ HS theo dõi VB, phát hiện chi tiết, nhận xét và trả lời.*  *HS khác nhận xét, bổ sung.*  **\* Những biểu hiện tình cảm:**  -Biểu lộ tình thương yêu bằng cách cắn vờ vào tay.  -Tình thương yêu diễn đạt bằng sự tôn thờ.  +Nằm phục ở chân Thoóc-tơn hàng giờ, mắt háo hức, tỉnh táo, ngước nhìn chủ, chăm chú xem xét, theo dõi, quan sát từng động tác của chủ.  +Tình cảm ngời ánh lên qua đôi mắt toả rạng ra ngoài.  +Không rời Thoóc-tơn một bước, luôn bám theo gót chân anh  +Lo sợ Thoóc-tơn lại biến khỏi cuộc đời của nó, luôn bị nỗi lo sợ này ám ảnh.  + Bấc còn nằm mơ : “ Ngay cả ban đêm nó cũng bị nỗi lo sợ này ám ảnh “. | ***2.Tình cảm của Bấc đối với Thoóc-tơn.***  **+ Những biểu hiện :**  - Biểu lộ tình thương yêu bằng cách cắn vờ vào tay.  -Tình thương yêu diễn đạt bằng sự tôn thờ.  \*Nghệ thuật: liên hệ so sánh, nhân hoá sinh động.  \*Sự quan sát: Tinh tế, tỉ mỉ, trí tưởng tượng phong phú  => ***Trung thành, gắn bó, phục tùng, tôn thờ, ngưỡng mộ và biết ơn sâu sắc.*** |
| H. Qua lời kể chuyện của tác giả đã giúp em hiểu được điều gì về nhà văn? | *+ Tự do bộc lộ*  \*Nhà văn: Có khả năng q/sát tinh tế, trí tưởng tượng phong phú, yêu thương loài vật |  |
| H. Trí tưởng tượng tuyệt vời và lòng yêu thương loài vật của nhà văn khi ông đi sâu vào "tâm hồn" của con cho Bấc như thế nào? Em hãy tìm chi tiết chứng minh?  **\*GV chốt lại:** Nhà văn là người am hiểu loài vật - biểu hiện của tình cảm nhân đạo trong sáng. | *+ Tìm chi tiết, chứng minh, trả lời, HS khác bổ sung (HS khá giỏi)*  Trí tưởng tượng và lòng yêu thương loài vật vô cùng rộng lớn, sâu sắc, tuyệt vời mặc dù không nhân cách hoá con Bấc như thơ ngụ ngôn của La-phông-ten nhưng ông đã để cho con Bấc tự bộc lộ "tâm hồn" của mình: họng nó chỉ rung lên...., hầu như biết nói, biết suy nghĩ, trước kia nó chưa hề cảm thấy.... |  |
| **\*Tích hợp vấn đề môi trường** Nếu có một con vật như con chó Bấc, em sẽ cư xử với nó như thế nào? | *+ Tự do bộc lộ* |  |
| **III.Tổng kết .**  H. Hãy nhắc lại những BPNT mà tác giả sử dụng?  - Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc trên đã góp phần làm nổi bật những nội dung chính nào của truyện ?  Ý nghĩa văn bản ?  \**GV khái quát, chốt kiến thức, mời HS đọc ghi nhớ* | **III.Tổng kết .**  +*Nhắc lại các biện pháp nghệ thuật, nội dung và rút ra ý nghĩa.*  *- Trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.Nghe GV chốt kiến thức.*  *- Ghi nhanh vào vở.*  *+ HS đọc ghi nhớ* | **III.Tổng kết .**  **1.Nghệ thuật:**  - Trí tưởng tượng tuyệt vời , tài quan sát , nghệ thuật nhân hóa của nhà văn . |
| **2.Nội dung :**  **-** Tình yêu thương, lòng nhân từ của Thoóc Tơn dành cho con chó Bấc được biểu hiện quan những cử chỉ, hành động, lời nói của nhân vật.  - Những biểu hiện rất phong phú của lòng biết ơn, tình yêu mà Bấc dành cho Thoóc Tơn  - Tình yêu thương mà tác giả dành cho loài vật.  **3. Ý nghĩa:** ca ngợi lòng yêu thương và sự gắn bó cảm động giữa con người với loài vật | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Mục tiêu : Củng cố hiểu biết về văn bản  - Phương pháp: Vấn đáp  - Kĩ thuật: hoạt động cá nhân .  - Thời gian: 5 phút | | |
| **IV. HD HS luyện tập** | **IV. HS luyện tập** | **IV. Luyện tập** |
| *\* GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm* | *+ HS trả lời cá nhân, HS khác nhận xét.* | **1. Bài 1. Trắc nghiệm.** |
| \* Cho HS viết đoạn văn nêu suy nghĩ của mình về tình cảm của con chó Bấc đối với Thoóc-tơn? | *+ HS viết đoạn, đọc trước lớp, cả lớp nghe, nhận xét.* | **2. Viết đoạn văn** |

**1. Nội dung chính của đoạn trích là gì?**

A. Kể về hoàn cảnh của con chó Bấc

**B. Miêu tả tình cảm của con chó Bấc đối với ông chủ**

C. Miêu tả tỉnh cảm của ông chủ đối với con chó Bấc

D. Miêu tả tình cảm của những con chó đồi với nhau.

D. Vì cuộc sống dưới một mái nhà.

**2Ý nào cho thấy nhà văn đã thể hiện chiều sâu *“tâm hồn”* của con chó Bấc?**

1. Tình thương yêu của con chó Bấc phần lớn được diễn đạt bằng sự tôn thờ.
2. Nó thường nằm phục ở chân Thooc-tơn hàng giờ.
3. Nó nằm ra xa hơn, về một bên hoặc đằng sau anh, quan sát hình dáng của anh và từng cử động của thân thể anh.
4. **Tình cảm của Bấc ngời ánh lên qua đôi mắt nó toả ra ngoài.**

**3. Nghệ thuật nổi bật của văn bản trên là gì?**

A. Sử dụng rộng rãi biện pháp nghệ thuật nhân hoá.

B. Xây dựng nhiều hình ảnh liên tưởng, tưởng tượng thú vị.

C. Câu văn tự nhiên, uyển chuyển.

**D**. Đ**i sâu miêu tả tâm hồn của con chó bằng trí tưởng tượng tinh tế.**

**HOẠT ĐỘNG 4; VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng phép lập luận giải thích

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Tóm tắt lại truyện “Con chó Bấc”.  +Nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản . | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  Vẽ sơ đồ tư duy | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài ,hướng dẫn học bài chuẩn bị bài ở nhà(**4’)

**a. Bài vừa học**

- Học thuộc phần ghi nhớ trong SGK

**b. Chuẩn bị bài mới :**

**- Chuẩn bị kĩ năng kiến thức về hợp đồng**

- Chuẩn bị để kiểm tra Tiếng Việt 45’

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 34**

**Tiết 160**

**KIỂM TRA VĂN – PHẦN TRUYỆN**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 34**

**Tiết 161**

**KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

+HS tự đánh giá được kết quả học tập về toàn bộ kiến thức và kĩ năng tiếng Việt đã học ở chương trình Ngữ văn 9.

+ Rèn kĩ năng phân tích, nhận biết, vận dụng trong giao tiếp.

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC,KĨ NĂNG :**

**1/ Kiến thức :**

Hệ thống hóa về toàn bộ kiến thức cơ bản về tiếng Việt đã học ở chương trình Ngữ văn 9.

**2/ Kĩ năng** :

* Rèn kĩ năng làm các dạng bài tập trắc nghiệm, kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn , phân tích, nhận xét, đánh giá, tổng hợp khái quát hóa . Kĩ năng so sánh đối chiếu...qua bài viết cụ thể.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy**: SGK- SGV, tài liệu Chuẩn kiến thức- kĩ năng, thống nhất trong nhóm: lập Ma trận, ra đề , phô tô đề cho HS làm bài kiểm tra…

**2. Trò**: SGK- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức cơ bản, chuẩn bị giấy KT và tinh thần sẵn sàng làm bài kiểm tra

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC :**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra :** GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS

**3. Tổ chức giờ KT:**

**Hoạt động 1**:

- GV nêu yêu cầu, nhắc nhở HS ý thức làm bài kiểm tra: đọc kĩ đề bài trước khi làm, tập trung làm bài. Giữ trật tự chung và tự giác làm bài trong suốt giờ kiểm tra, không đ­ược quay cóp.

- GV phát đề cho HS. HS lắng nghe GV nhắc nhở, nhận đề của GV, thực hiện nghiêm túc yêu cầu của GV.

**Hoạt động 2**: GV quản lí HS làm bài. Cuối giờ nhắc nhở HS xem lại bài, chuẩn bị nộp bài. HS tập trung làm bài, cuối giờ xem lại bài.

**Hoạt động 3:** Thu bài, kiểm tra số bài của cả lớp. HS nộp bài cho GV

**Hoạt động 4**: Nhận xét chung về ý thức làm bài của HS. HS lắng nghe, l­ưu ý rút kinh nghiệm cho giờ làm bài lần sau.

**4. Giao bài, h­ướng dẫn học, chuẩn bị bài ở nhà**:

**a. Bài vừa học:**

- Ôn tập lại kiến thức cơ bản của bài ôn tập .

- Trao đổi với bạn về hư­ớng làm đối với các câu hỏi khó.

- Xem lại các kiến thức cơ có liên quan đến câu hỏi không làm đư­ợc và lập dàn bài câu tự luận để trao đổi với các bạn và GV trong giờ học thêm buổi 2.

**b. Chuẩn bị bài:**

- Chuẩn bị tiết 159: Luyện tập viết hợp đồng.

- Sưu tầm một số mẫu hợp đòng, tự viết một hợp đồng theo yêu cầu của GV.

**MA TRẬN ĐỀ BÀI KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Tổng điểm** |
| TN | TL | TN | TL | Thấp | | Cao | |
| TN | TL | TN | TL |
| Từ loại và cụm từ |  |  | **1**  C.4 |  |  |  |  |  | **0,25đ** |
| Khởi ngữ | **1**  C2 |  |  |  |  | 1  C2 |  |  | **1,25đ** |
| Thành phần biệt lập của câu | **1**  C1 |  | **1**  C3 |  |  |  |  |  | **0,5đ** |
| Kiểu câu và phép liên kết câu |  |  | **1**  C6 |  | **1**  C5 |  |  |  | **0,5đ** |
| Phép tu từ | **1**  C8 |  |  |  |  | 1  C1 |  |  | **2,25đ** |
| Hàm ý |  |  | 1  C7 |  |  |  |  |  | **0,25đ** |
| Viết đoạn văn có sử dụng phép liên kết, các kiểu câu |  |  |  |  |  |  |  | **1**  C3 | **5,0đ** |
| **Tổng câu** | **3 câu** |  | **4 câu** |  | **1 câu** | **2 câu** |  | **1 câu** | **11 câu**  **10 điểm** |

**ĐỀ BÀI**

**I.Trắc nghiệm (2 điểm)**

**Câu 1 . Điền Đ/S vào trước mỗi nhận định sau**

Thành phần biệt lập là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.

vbhvc

Thành phần biệt lập gồm 2 loại là thành phần tình thái và thành phần cảm thái.

vbhvc

Trước khởi ngữ, người ta thường có thể thêm các quan hệ từ: ***về, đối với***

vbhvc

Các câu trong Tiếng Việt đều có hai lớp nghĩa: tường minh và hàm ý

vbhvc

**Lựa chọn đáp án đúng**

**Câu 2. Câu văn nào sau đây có chứa khởi ngữ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nó là học sinh thông minh  B. Người thông minh nhất lớp là nó | C. Về trí thông minh thì nó là nhất  D. Nó thông minh nhưng hơi cẩu thả |

**Câu 3. Dòng thơ nào dưới đây có chứa thành phần biệt lập cảm thán?**

A. Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam. *(Viễn Phương)*

B. Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi ! *(Tố Hữu)*

C. Ồ, sao mà độ ấy vui thế *(Kim Lân)*

D. Bác đã rồi sao Bác ơi !  *(Tố Hữu)*

**Câu 4. Các cụm từ “*những bông hoa bằng lăn*g”, “*cái giống hoa* ”, “*mấy bông hoa cuối cùng*” thuộc loại cụm từ gì?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Cụm danh từ | B. Cụm động từ | C. Cụm tính từ |

**Câu 5. Từ "tuy nhiên" trong đoạn *"Cừu là con vật ngu ngốc và sợ sệt. Tuy nhiên******chúng còn là con vật rất thân thương"* tạo cho 2 câu văn quan hệ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Nguyên nhân | B. Nghịch đối | C. Đồng thời | D. Điều kiện |

**Câu 6. Trong đoạ*n "Khu vườn nhà Lan không rộng lắm. Nó chỉ bằng một cái sân nhỏ nhưng có biết bao nhiêu là cây"* có sử dụng phép liên kết câu:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Phép thế | B. Phép nối | C. Phép lặp | D. Gồm A và B |

**Câu 7. Trong những câu sau câu nào mang hàm ý?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Áo anh rách vai.  B. Quần tôi có vài mảnh vá. | C. Miệng cười buốt giá.  D. Chân không giầy. |

**Câu 8. Trong 2 dòng thơ:** *Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc*

**tác giả đã dùng biện pháp tu từ :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Ẩn dụ | B. Hoán dụ | C. Điệp ngữ | D. So sánh |

**II. Tự luận (8 điểm)**

1. **Câu1. (2đ )** Cho câu thơ:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

(Viếng lăng Bác-Viễn Phương ).

1. Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong câu thơ trên? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.(1đ )
2. Chép hai câu thơ có hình ảnh **mặt trời** trong một bài thơ mà em đã học (ghi rõ tên bài và tác giả bài thơ và biện pháp tu từ đã được sử dụng ) (1đ )

**2. Câu 2. ( 1đ) Xác định thành phàn khởi ngữ trong các câu sau?**

a. Về công nghiệp, chúng ta đã xây dựng nhiều nhà máy.

b. Còn cuốn sách này, tôi đã xem kĩ rồi

**3. Câu3. ( 5đ )**

Viết một đoạn văn ngắn (từ 8-10 câu) nội dung nói về môi trường hiện nay. Trong văn bản có sử dụng câu đặc biệt, câu ghép và ít nhất một phép liên kết. Gạch chân những câu đó.

**ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM.**

**I.Trắc nghiệm (2 điểm)Mỗi câu đúng được 0,25 điểm. Tổng 8 câu- 2 điểm.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **Đ-S-Đ-S** | **C** | **C** | **A** | **B** | **D** | **C** | **C** |

**II. Tự luận: (8 điểm)**

**1. Câu1 :2đ**

- Phân tích để thấy hai câu thơ sóng đôi hình ảnh thực và ẩn dụ “Mặt trời” Điều đó khiến ẩn dụ “**mặt trời trong lăng**”nổi bật ý nghĩa sâu sắc. Dùng hình ảnh “**Mặt trời** **trong lăng”** để chỉ về Bác , Viễn Phương ca ngợi sự vĩ đại , công lao to lớn của Bác với non sông, với dân tộc. Đồng thời hình ảnh ẩn dụ **mặt trời** lại **rất đỏ** còn thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn, niền tin Bác sống mãi với non sộng. (1đ )

***\*Hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ:***

“Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng”(0,5đ )

( Khúc hát ru....Nguyễn khoa Điềm. )(0,5đ )

**2. Câu 2: 1đ ( mỗi câu 0,5đ)**

- Thành phần khởi ngữ: Về công nghiệp, còn cuốn sách này...

**3. Câu3:5đ**

- Đúng hình thức một văn bản. Diễn đạt mạch lạc, không sai ngữ pháp và chính tả

- Viết đúng chủ đề

- Có sử dụng câu đặc biệt và câu ghép, có phép liên kết hợp lí.

- Chỉ rõ các câu ghép và đặc biệt, phép liên kết được sử dụng trong văn bản.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 34**

**Tiết 162**

**LUYỆN TẬP VIẾT HỢP ĐỒNG**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT :**

- Củng cố lại lý thuyết về đặc điểm của hợp đồng và cách viết hợp đồng

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức :**

+Những kiến thức cơ bản về đặc điẻm , chức năng , bố cục của hợp đồng .

**2. Kĩ năng :**

- Viết được một hợp đồng ở dạng đơn giản , đúng quy cách .

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy** : Soạn bài trên chương trình Powerpoint, in bài viết hợp đồng mẫu

**2. Trò:** - Đọc 3 lần, trả lời các câu hỏi SGK.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**1**. **Ổn định tổ chức** (1’)Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

**2. Kiểm tra bài cũ :**

***\* Gọi HS làm bài tập 2/ 139***

***Hãy ghi lại phần mở đầu, các mục lớn trong phần nội dung, phần kết thúc và dự kiến các điều cần cụ thể hoá bản hợp đồng thuê nh***à.

- Tên hợp đồng

- Thời gian, điạ điểm, các chủ thể đại diện tham gia kí kết hợp đồng

- Hiện trạng của căn nhà cho thuê (địa chỉ, diện tích, trang thiết bị,)

- Các điều khoản hợp đồng (ghi theo các điều khoản và quy trách nhiệm, nghĩa vụ và quỳên lợi của bên A - ng­ười cho thuê và bên B - ngư­ời thuê nhà).

- Các quy định hiệu lực của hợp đồng: hợp đồng viết làm mấy bản và giá trị pháp lí của nó, thời hạn hợp đồng, cam kết và họ tên, chữ kí của các chủ thể đại diện tham gia hợp đồng

***H2. Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng:***

1. Tại sao cần phải có hợp đồng?

A. Tạo tình thân thiết cho hai bên khi làm một công việc.

B. Tạo sự quan tâm của hai bên đối với quyền lợi của nhau.

C. Tạo cơ sở pháp lý cho hai bên khi tham gia giao dịch.

D. Tạo sự cam kết của hai bên không vi phạm

2. Hợp đồng cần phải đạt những yêu cầu nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chặt chẽ, có hình ảnh, rõ ràng.  B. Rõ ràng, biểu cảm, chặt chẽ, đầy đủ. | C. Đầy đủ, chính xác, chặt chẽ, đơn giản.  D. Biểu cảm, có hình ảnh, chặt chẽ. |

**3.Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1**: **KHỞI ĐỘNG**

**-** Mục tiêu : Tạo tâm thế cho HS vào tiết học

- Phương pháp : Thuyết trình, nêu vấn đề :

- Thời gian : 1phút

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy** | **Hoạt động của Trò** |
| **GV giới thiệu bài :** Tiết trước, các em đã được tìm hiểu về đặc điểm hợp đồng cũng như cách viết hợp đồng, hôm nay để củng cố lại phần lí thuyết đã học và giúp các em viết được một bản hợp đồng thông dụng có nội dung đơn giản và phù hợp với lứa tuổi cũng như có thái độ cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng và ý thức nghiêm túc tuân thủ những điều kiện đã được kí kết trong hợp đồng => Chúng ta vào tiết học hôm nay | - HS nghe GV giới thiệu bài |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Mục tiêu : Củng cố lại lý thuyết về đặc điểm của hợp đồng và cách viết hợp đồng

- Phư­ơng pháp: vấn đáp tái hiện, minh họa, thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

- Thời gian : 10 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy*** | ***Hoạt động của trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **I. Hoạt động 1: GV hướng dẫn HS ôn lại lý thuyết** | **I.HS ôn lại lý thuyết** | **I. Ôn lại lí thuyết.** |
| \*GV yêu cầu HS nhắc lại : Mục đích và tác dụng, tính chất của hợp đồng là gì ? | *+ HS tái hiện kiến thức, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.*  **1. Mục đích và tác dụng, tính chất của hợp đồng :**  **- Mục đích:** ghi lại những điều, nội dung thoả thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của 2 bên tham gia  **- Tác dụng:** nhằm đảm bảo thực hiện đúng thoả thuận đã cam kết.  **- Tính chất:** có tính chất pháp lí**.** | **1. Mục đích và tác dụng, tính chất của hợp đồng** |
| H.Trong các loại văn bản: biên bản, tường trình, báo cáo, hợp đồng, VB nào có tính chất pháp lý? Vì sao? | *+ HS so sánh, chỉ rõ kiểu văn bản.*  -Hợp đồng có tính chất pháp lí vì yêu cầu cần phải được sự thỏa thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa các bên liên quân, được pháp luật bảo đảm. | 1. So sánh các loại văn bản. |
| Một bản HĐ gồm có những mục nào? Phần nội dung chính của HĐ được trình bày dưới hình thức nào?  - Những yêu cầu về hành văn số liệu hợp đồng? | *+ Nhắc lại kiến thức cũ, trả lời cá nhân .*   1. **Các mục của hợp đồng.**   Có 3 mục: mở đầu, nội dung, kết thúc. Phần nội dung chính được trình bày dưới hình thức từng điều khoản thoả thuận đã được thống nhất.  **4.** Số liệu, cách hành văn trong hợp đồng :chính xác , chặt chẽ. | **3.** Các mục của hợp đồng.  **4.** Số liệu, cách hành văn trong hợp đồng :chính xác , chặt chẽ. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Mục tiêu :Làm bài tập sửa lỗi sai ….  - Phương pháp: Vấn đáp , nêu vấn đề  - Kĩ thuật: hoạt động cá nhân , thảo luận  - Thời gian: 25 phút | | |
| **II. Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS luyện tập** | **II. HS luyện tập** | **II. Luyện tập** |
| \*GV gọi đọc, nêu yêu cầu của BT1 / 157 ?  -Chọn cách diễn đạt nào trong hai cách sau? | *1 HS đọc, nêu yêu cầu. HS làm cá nhân, trả lời.*  a. Lý do : Dùng cách diễn đạt đảm bảo độ chính xác về nghĩa trong khi dùng từ ngữ và viết câu sao cho chặt chẽ, chính xác, đơn nghĩa.  a – 1 c – 2  b – 2 d- 2 | **1. Bài 1/157 :** |
| - Gọi HS đọc bài tập 2/157  **Bước 1:** Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn để thống nhất bố cục của bản hợp đồng thuê xe đạp:  **-** GV gọi một nhóm đưa ra phương án trả lời của mình, các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung (nếu có)  **Bước 2**: HS hoạt động cá nhân: Viết bản hợp đồng theo nội dung và bố cục đã thống nhất.  \* GV hướng dẫn HS bài tập 3,4 để các em hoàn thành ở nhà. | \* HS đọc yêu cầu bài tập 2/157.  \* HS thảo luận nhóm bàn để thống nhất bố cục của bản hợp đồng thuê xe đạp  \* HS tự lập hợp đồng thuê lao động để mở rộng sản xuất.  **-** Một nhóm đưa ra phương án trả lời của mình, các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung (nếu có)  **-** HS hoạt động cá nhân : Viết bản hợp đồng theo nội dung và bố cục đã thống nhất.  **- HS lắng nghe gợi ý của GV** | **2. Bài tập 2**  **\* Bố cục:**  **1. Phần mở đầu**: Quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, địa chỉ của các bên kí kết hợp đồng.  **2. Phần nội dung*:***  **Điều 1:** Nội dung giao dịch (giao và nhận xe đạp mini màu tím)  **Điều 2:** Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A (….)  **Điều 3:** Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B (….)  **Điều 4:** Ph­ương thức thanh toán (…)  **Điều 5:** Hiệu lực của hợp đồng (….)  **3. Phần kết thúc**: (đại diện bên A, đại diện bên B kí)  **3. Bài tập 3, 4**.(gợi ý bên dưới ) |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**

Chúng tôi, một bên là... (gọi tắt là bên A)

Chức vụ: Tổng giám đốc

Quốc tích Việt Nam

CMTND số:

Đại diện cho:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Và một bên là:...(gọi tắt là bên B)

Sinh ngày:

Nơi cư trú:

Nghề nghiệp:

Cùng thoả thuận kí kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng theo những điều khoản sau đây:

Điều 1: Ông...làm cho...theo hợp đồng lao động với thời gian xác định từ ngày...đến ngày... tại số...Hải Phòng, với các nhiệm vụ như sau:

Điều 2: Thời gian làm việc là 8 tiếng/ ngày. Thiết bị và công cụ làm việc sẽ được bên A cấp phát theo nhu cầu công việc.

Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động nơi làm việc theo quy định của phấp luật hiện hành.

Điều 3: Nghiã vụ, quyền hạn và các quyền lợi của người lao động:

Điều 4: Người sử dụng lao động có nghĩa vụ và quyền hạn sau:

Điều 5: Điều khoản chung

Bản hợp đồng này có hiệu lực từ ngày...

Điều 6: Bản hợp đồng này làm thành hai bản:

- Một bản do người sử dụng lao động giữ.

- Một bản do người lao động giữ.

Làm tại...

|  |  |
| --- | --- |
| Người lao động  Kí tên | Người sử dụng lao động  Kí tên |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG CHO THUÊ XE ĐẠP**

**Hôm nay v**ào hồi 7h ngày 5/4/ 2011

Tại cửa hàng “Xe đạp A” số 5 Lê Chân thành phố Huế.

Chúng tôi gồm:

**Bên cho thuê xe (Bên A):** Nguyễn Văn A, tại số X, phố Lê Chân , thành phố Huế.

**Bên cần thuê xe (Bên B):** Lê Văn C, ở tại khách sạn Y, mang giấy CMND số….do công an thành phố…cấp ngày…tháng….năm...

Hai bên thoả thuận kí hợp đồng cho thuê xe đạp mi ni Nhật với nội dung và các điều khoản sau:

***Điều 1:* Nội dung giao dịch**: giao và nhận xe đạp mini Nhật màu tím, trị giá 1.000.000đ.

- Thời gian thuê: 3 ngày đêm

- Giá cả: 10000đ/ ngày đêm

***Điều 2:* Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A*:***

- Giao xe đảm đảm chất lư­ợng và đúng thời gian quy định.

***Điều 3:* Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B*:***

- Kiểm tra chất lư­ợng xe tr­ước khi nhận.

- Bảo quản xe cẩn thận, không để mất mát, hư­ hại. Nếu bị mất mát hoặc hư­ hại thì ng­ời thuê phải bồi thường***.***

***Điều 4:* Ph­ương thức thanh toán*:***

- Bên B sẽ thanh toán hết cho bên A tr­ước lúc nhận xe.

***Điều 5:* Hiệu lực của hợp đồng**

- Hợp đồng này có hiệu lực từ 7h ngày 5/4/2011 đến 7h ngày 8/4/2011.

Hợp đồng này được lập thành 2 bản có giá trị như­ nhau, mỗi bên giữ một bản.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đại diện bên A***  **Nguyễn Văn A**  **Kí tên** | ***Đại diện bên B***  **Lê Văn C**  **Kí tên** |

**\* Củng cố.**

***Câu1***: **Dòng nào sau đây nêu đúng định nghĩa về hợp đồng ?**

A.Là loại văn bản tường thuật chính xác diễn biễn quá trình xảy ra một sự việc.

B. Là loại văn bản trình bày nguyện vọng của một cá nhân với một tổ chức.

C. Là loại văn bản ghi chép trung thực, đầy đủ một sự việc đang hoặc vừa xảy ra.

D.Là loại văn bản có tính chất pháp lý ghi lại sự thoả thuận về trách nhiệm,nghĩa vụ, quyền lợi của hai bên tham gia một công việc.

**Câu 2 - Trong những tình huống sau, tình huống nào cần viết hợp đồng**?

A.Một công ti thuê nhà em là trụ sở tiêu thụ sản phẩm. **(Hợp đồng)**

B. Em mất chiếc xe đạp và muốn trình bày với cơ quan công an**. (Tường trình)**

C.Nhà trường muốn biết kết quả của các lớp. **(Báo cáo)**

D. Xã em tiến hành bàn giao ngôi nhà tình nghĩa cho mẹ liệt sĩ. **(Biên bản bàn giao**)

Đáp án: A

***Câu3***: **Nối tên các mục của hợp đồng ở cột A cho phù hợp với nội dung ở cột B !**

|  |  |
| --- | --- |
| A (Tên các mục) | B (Nội dung) |
| 1.Phần mở đầu | a.Ghi họ tên,chức vụ, chữ ký của đại diện các bên tham gia kí kết hợp đồng và xác nhận bằng dấu của cơ quan hai bên (nếu có). |
| 2.Phần nội dung | b. Ghi quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, chức vụ, địa chỉ của các bên kí kết hợp đồng. |
| 3.Phần kết thúc | c.Ghi lại nội dung của hợp đồng theo từng điều khoản đã được thống nhất. |

**\* Bước 4. Giao bài ,hướng dẫn học bài chuẩn bị bài ở nhà(**4’)

a/Bài vừa học

- Ôn tập kĩ phần lý thuyết về hợp đồng

- Hoàn thành tiếp bài tập 3 trong SGK.

b/ chuẩn bị bài:

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 34**

**Tiết 163**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 35**

**Tiết 164,165**

**BẮC SƠN**

**Nguyễn Huy Tưởng**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

- B­ước đầu biết cách tiếp cận một tác phẩm kịch hiện đại.

- Nắm đư­ợc xung đột, diễn biến hành động kịch, ý nghĩa t­ư t­ưởng của đoạn trích hồi m­ười bốn của vở kịch và nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy T­ưởng.

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Kiến thức**

- Đặc tr­ưng cơ bản của thể loại kịch .

- Tình thế cách mạng khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn xảy ra.

- Nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tư­ởng.

**2. Kĩ năng**

- Đọc- hiểu một văn bản kịch.

- Tích hợp kĩ năng sống.

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**

- N/c chuẩn kiến thức kĩ năng, sgv, sách TK

- Bảng phụ, ảnh nhà văn Nguyễn Huy Tư­ởng.

**2. Trò**:

- Đọc kĩ văn bản.

- Soạn bài theo các câu hỏi trong vở bài tập Ngữ văn- tập II.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

***\* Bư­ớc 1: Ổn định tổ chức* (** Kiểm tra sĩ số và nội vụ)

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ:* (3-5')**

- Mục tiêu: Kiểm tra ý thức tự giác học và làm bài ở nhà qua việc soạn bài.

- Ph­ương án: Kiểm tra trắc nghiệm đầu giờ.

GV đ­ưa câu hỏi trắc nghiệm lên bảng phụ.

**Câu 1:** Đoạn truyện con chó Bấc được trích từ tác phẩm nào?

A. Chó hoang Đin- gô

**B. Tiếng gọi nơi hoang dã**

C. Chiếc lá cuối cùng

D. Cố hư­ơng

**Câu 2:** Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Kể về hoàn cảnh của con chó Bấc

B. Miêu tả tình cảm của những con chó đối với nhau

**C. Miêu tả tình cảm của ông chủ đối với con chó Bấc**

D. Miêu tả tình cảm của con chó Bấc đối với ông chủ

**Câu 3:** Nghệ thuật nổi bật của văn bản trên là gì?

A: Sử dụng rộng rãi biện pháp nghệ thuật nhân hoá

B: Xây dựng nhiều hình ảnh liên t­ưởng, t­ưởng tư­ợng thú vị

C**: Đi sâu miêu tả tâm hồn con chó bằng trí t­ưởng t­ượng tinh tế**

D: Câu văn tự nhiên, uyển chuyển.

**Câu 4:** Ý nào cho thấy nhà văn đã thể hiện chiều sâu “tâm hồn” của con chó Bấc?

A: Tình thư­ơng yêu của Bấc phần lớn đ­ược diễn đạt bằng sự tôn thờ

B: Nó th­ường nằm phục ở chân Thoóc- tơn hàng giờ

C: Nó nằm ra xa hơn, về một bên hoặc đằng sau anh, quan sát hình dáng của anh và từng cử động của thân thể anh.

**D: Tình cảm của Bấc ngời lên qua đôi mắt nó toả rạng ra ngoài.**

***\* B­ước 3 : Tổ chức dạy và học bài mới***

**Hoạt động 1 ;KHỞI ĐỘNG**

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định h­ướng chú ý

- Ph­ơng pháp: Vấn đáp, thuyết trình

- Thời gian: 2 phút

- Kĩ thuật dạy học: động não

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| - Về loại hình kịch các em đã đ­ược làm quen với thể loại chèo của sân khấu dân gian Việt Nam qua tác phẩm *Quan Âm Thị Kính* trong ch­ương trình Ngữ văn 7 và vở hài kịch *Tr­ưởng giả học làm sang* của Mô-li-e trong ch­ương trình ngữ văn 8. Lên lớp 9 các em đ­ược làm quen với 2 vở kịch nói hiện đại: *Bắc Sơn* của Nguyễn Huy T­ưởng, *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ.  - Ghi tên bài | - Nghe GV giới thiệu bài.  - Ghi tên bài |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- Mục tiêu: Rèn kĩ năng đọc diễn cảm, nắm đ­ược xuất xứ văn bản.

- Ph­ơng pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình

- Thời gian: 15 phút

- Kĩ thuật dạy học: động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **I.HD1. Hư­ớng dẫn HS đọc - tìm hiểu chú thích.**  **Tiết 1** | **I.HS đọc, tìm hiểu chú thích.** | **I - Đọc và tìm hiểu chú thích.** |
| \* GV h­ướng dẫn hs đọc tác phẩm  + Tổ chức hs đọc phân vai  - Gv đọc mẫu  - Gọi hs đọc văn bản | - Hs nghe h­ướng dẫn và nghe GV đọc mẫu  - Hs đọc văn bản (hs đọc phân vai ) | 1. **Đọc, tóm tắt.** |
| H. Nêu một vài nét chính về tác giả ?  - Gv bổ sung một vài nét về tác giả  - Cho hs quan sát chân dung tác giả và một số tập sách của ông | - HS giới thiệu một vài nét về tác giả.  - Hs khác nhận xét, bổ sung  - Quan sát chân dung nhà văn và một số tập truyện của ông.  - Nguyễn Huy T­ưởng ( 1912- 1960 ) quê xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.  - Sáng tác của Nguyễn Huy Tư­ởng đề cao tinh thần dân tộc và giàu cảm hứng lịch sử  - Một số tác phẩm của ông: *Lá cờ thêu sáu chữ vàng, Sống mãi với thủ đô, Vũ Như­ Tô, Kí sự Cao Lạng.* | 1. **Chú thích.**   **a/ Tác giả:**  - Nguyễn Huy T­ưởng  ( 1912- 1960 ) quê xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội. |
| H.Nêu hoàn cảnh sáng tác văn bản? | - Nêu hoàn cảnh sáng tác  - Văn bản đ­ược trích trong hồi 4 vở kịch *Bắc Sơn* đ­ược sáng tác và đ­ưa lên sân khấu đầu năm 1946, trong không khí sôi sục của những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. | **b/ Tác phẩm: sáng tác 1946.** |
| - Gv hư­ớng dẫn học sinh tìm hiểu từ khó  + Gọi hs giải nghĩa  + Gv giải thích bổ sung | - Học sinh giải nghĩa các chú thích, nghe GV bổ sung. | **c/ Từ khó.** |
| II. HDHS tìm hiểu văn bản. | II. HS tìm hiểu văn bản. | II. Tìm hiểu văn bản. |
| \*Bước 1.GV HD HS tìm hiểu khái quát | \* HS tìm hiểu khái quát | 1/ Tìm hiểu khái quát. |
| - Tổ chức hs hoạt động nhóm (2 phút )  + Thể loại  + PTBĐ  + Bố cục  + Tình huống truyện  + Nhân vật chính | - Hs hoạt động nhóm ( 2 phút )  - Làm ra phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày  - Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Nghe gv nhận xét, chốt | - Thể loại: kịch  - PTBĐ: tự sự có kết hợp với miêu tả, biểu cảm  - Nhân vật : Thơm, Ngọc, Thái, Cửu  - Bố cục: 2 màn  + Màn 1: Cuộc trò chuyện của Thơm với Thái, Cửu  + Màn 2: Cuộc trò chuyện giữa Thơm và Ngọc |
| - Gv giới thiệu cho hs tình huống và xung đột kịch  H.Trong hồi 4, mâu thuẫn xung đột kịch chủ yếu là mâu thuẫn xung đột gì? Giữa ai với ai? Tìm các chi tiết thể hiện mâu thuẫn xung đột trong lớp II, III?  -Tình huống kịch làm nền cho mâu thuẫn xung đột phát triển ở đây là gì? Mâu thuẫn , xung đột kịch chủ yếu trong hồi này là gì?  \* Gv: Nêu một vài nét chính về nhân vật Thơm ở các hồi tr­ớc để hs dễ tìm hiểu  - Thơm là vợ Ngọc, một nho lại trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp. Thơm đã quen với cuộc sống an nhàn và đứng ngoài cuộc khởi nghĩa, với vị trí như­ ng­ười trung gian. Tuy nhiên ở cô vẫn còn bản chất trung thực, lòng tự trọng và tình th­ương ng­ười. | - Hs trả lời, nhận xét cá nhân  - Hs khác nhận xét, bổ sung  ***-Mâu thuẫn xung đột:*** Ta và địch;giữa lực lượng CM (Thái, Cửu)và kẻ thù (bọn giặc Pháp, quan, lính và bọn tay sai, phản động (Ngọc) lồng trong mâu thuẫn gia đình, nội tâm giữa Thơm - Ngọc  ***-Tình huống kịch:*** Cuộc khởi nghĩa thất bại, giặc lùng bắt gắt gao các chiến sĩ. Thái, Cửu tình cờ chạy trốn đúng vào nhà Thơm - Ngọc. Chồng Thơm là 1 tên tay sai, chỉ điểm dẫn đường cho kẻ thù đột ngột trở về nhà. ->***gay cấn, đột ngột, căng thẳng, đầy kịch tính*** | - Mâu thuẫn, xung đột  - Tình huống kịch  ->***gay cấn, đột ngột, căng thẳng, đầy kịch tính*** |
| \*Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết | 2. HS tìm hiểu chi tiết | 2. Tìm hiểu chi tiết |
| H. Quan sát vào lớp I của vở kịch, em thấy hoàn cảnh của Thơm đ­ược giới thiệu như­ thế nào? Em có nhận xét gì về hoàn cảnh của Thơm ?  **\* Gv:** Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, cha và em của Thơm đã hi sinh, mẹ thì bỏ đi. Như­ vậy Thơm chỉ có một ngư­ời thân duy nhất là Ngọc, nh­ưng y đã dần bộc lộ rõ bộ mặt Việt gian. Đặc biệt y đã dùng đồng tiền dơ bẩn để mua chuộc, lừa dối vợ. | + HS dựa vào chi tiết ở lớp I trình bày. Hs nhận xét | a/ Nhân vật Thơm:  **- Hoàn cảnh**  **+** Cha và em hi sinh, mẹ bỏ đi + Ngọc là ng­­ời thân duy nhất nh­ng là Việt gian  + Ngọc mua chuộc, lừa dối vợ  **=> *Hoàn cảnh của Thơm thật éo le*** |
| H. Đứng tr­ước hoàn cảnh này em thấy tâm trạng của Thơm nh­ thế nào?  - Từ đây em có nhận xét gì về tâm trạng của Thơm? | *+ Phát hiện chi tiết, trả lời cá nhân.*  **- Tâm trạng**  + Day dứt, ân hận + Băn khoăn, nghi ngờ chồng | **- Tâm trạng**  **+/ Trước khi gặp Thái , Cửu**  + Day dứt, ân hận + Băn khoăn, nghi ngờ chồng  ->sợ hãi, đứng ngoài phong trào CM.  ***-Sau***: dần nhận ra bộ mặt phản động của Ngọc -> đau xót, ân hận khi nghĩ đến cái chết của cha và em trai, tình cảnh điên dại bỏ nhà đi lang thang của mẹ. |
| Trong lớp II Thơm được đặt trong tình huống như thế nào? Em hãy kể lại tình huống kịch ấy? | *+ kể tóm tắt lớp kịch.*  - Trong vở kịch , Thơm đ­ược đặt trong tình huống đầy căng thẳng, kịch tính: Hai cán bộ chiến sĩ cách mạng đang bị lùng bắt chạy vào nhà cô. Trong khi đó chồng cô lại là ng­ười đi săn lùng họ. | **+ Khi gặp Thái, Cửu** |
| H. Trước tình huống đó tâm trạng của Thơm bộc lộ ra sao? Thơm đã làm những gì?  Em có nhận xét gì về hành động của cô lúc đó?  Suy nghĩ của em về hành động và thái độ của Thơm. Hành động đó chứng tỏ sự chuyển biến gì trong cô?  Gv: Chốt: | +Ngạc nhiên cứ ngỡ CM cử người đi bắt Ngọc  +Khi hiểu ra hai người đang bị truy lùng sắp bị bắt: lo lắng, hốt hoảng, lúng túng: "Chết rồi, hai ông ... bây giờ?", hai lần khẳng định dứt khoát là không tiếp tay cho giặc  + Và đến lúc cấp bách cô đã hành động, khôn ngoan, mau lẹ nh­ một ng­ời em gái đẩy hai ng­ời trốn trong buồng riêng.  + Khi Ngọc sắp về: ngoan ngoãn, mau lẹ, thân mật như người em gái, kéo hai người đẩy vào buồng. | +Ngạc nhiên cứ ngỡ CM cử người đi bắt Ngọc  +Khi hiểu ra hai người đang bị truy lùng sắp bị bắt: lo lắng, hốt hoảng, lúng túng:  +Khi Ngọc sắp về: ngoan ngoãn, mau lẹ, thân mật như người em gái, kéo hai người đẩy vào buồng.  ->*hành động táo bạo, bất ngờ*=>Che dầu, bảo vệ |
| - Gv: Tuy nhiên đến đây đúng lúc Ngọc trở về nhà. Vậy Thơm phải ứng phó ra sao các em quan sát vào lớp III của vở kịch.  - Gv: Yêu cầu hs thảo luận bằng kĩ thuật KPB.  - Thời gian 5 phút  ? Tìm những lời nói và thái độ của Thơm với Ngọc?  ? Em có nhận xét, đánh giá gì về hành động, thái độ ấy của Thơm | + HS thảo luận bằng kĩ thuật KPB.  - Thời gian 5 phút  - Thơm bình tĩnh tìm mọi cách để che mắt chồng, đóng kịch với Ngọc để hắn không nghi ngờ. Những câu hỏi, câu trả lời của cô với Ngọc thật khôn khéo, thông minh.  - Cô vờ gây tình cảm với Ngọc để tạo điều kiện cho Thái và Cửu trốn thoát | +Khi Ngọc về : ngồi trên ghế, gục đầu xuống thúng khâu, rũ rượi, buồn bã, nói to...  ->Tìm cách che mắt, đóng kịch với Ngọc. Những câu hỏi, câu trả lời khôn khéo, tự nhiên gần như lời lẽ hàng ngày.  → Hành động của Thơm vô cùng nguy hiểm nh­ưng xuất phát từ lòng yêu th­ương con ng­ười. Đồng thời chứng tỏ ***Thơm đã dứt khoát đứng sang hàng ngũ của ng­ời cách mạng*** |
| Theo em nguyên nhân nào đã dẫn đến hành động đó của Thơm ? | ***\*Nguyên nhân :*** lòng thương người ; lòng kính phục Thái, cảm tình với CM ; nhớ đến cái chết của cha và em ; hoàn cảnh gia đình ; dần nhận ra bộ mặt thật của chồng. |  |
| Trong lớp 3, qua cuộc nói chuyện, cô nhận ra thêm điều gì về Ngọc?  -Tại sao Thơm vẫn chưa tỏ thái độ dứt khoát với chồng? | Càng nhận rõ bộ mặt phản động của y, bộ mặt hám tiền, hám quyền chức, thù hằn nhỏ nhặt của y ...  - Vì cô vẫn chưa dứt hẳn được thói quen sinh hoạt, nếp nghĩ, nếp sống thường ngày, cô vẫn níu lấy một chút hi vọng. Thơm cũng không dễ gì từ bỏ cuộc sống nhàn nhã với những đồng tiền Ngọc đưa cho để may sắm, tiêu dùng, với Ngọc cô vẫn chưa hoàn toàn ghét bỏ, căm thù |  |
| Qua lớp II,III cho thấy Thơm là một cô gái nh­ thế nào? | -> Thơm là ng­ười trong sáng , thẳng thắn, l­ơng thiện; căm ghét bọn tay sai bán nư­ớc, có nhiều thiện cảm với cách mạng |  |
| Khái quát lại xung đột kịch được tác giả đặt ra trong nhân vật Thơm ở hồi này? | - Bằng cách đặt nhân vật vào hoàn cảnh căng thẳng và tình huống gay cấn, tác giả đã làm bộc lộ rõ xung đột nội tâm trong Thơm với những day dứt, đau xót và ân hận của cô về sự hi sinh của cha và em trai, để rồi cô đã hành động dứt khoát, đứng hẳn về phía cách mạng |  |
| Qua sự chuyển biến của nhân vật Thơm, tác giả muốn khẳng định điều gì? | ->Ngay cả khi CM gặp khó khăn, bị kẻ thù đàn áp khốc liệt, CM vẫn không thể bị tiêu diệt. Nó vẫn tiềm tàng khả năng thức tỉnh quần chúng, cả những người ở vị trí trung gian đứng về phía CM. | - Khẳng định sức thuyết phục của chính nghĩa cách mạng. |
| Bằng thủ pháp NT nào, t/giả đã để cho nhân vật Ngọc bộc lộ bản chất của hắn? Đó là bản chất gì?  Đặt trong hoàn cảnh lịch sử, em thấy Ngọc đại diện cho những kẻ nh­ thế nào? | - HS trao đổi, thảo luận bằng kĩ thuật KPB.  + Một ng­ười chồng yêu vợ như­ng lại là một tên Nho lại đầy tham vọng , muốn ngoi lên để thoả mãn lòng ham muốn về địa vị , quyền lực và tiền bạc. Y làm mọi việc hèn hạ để đạt đư­ợc mục đích ấy, đó là việc lùng bắt các chiến sĩ cách mạng để lập công và lấy tiền th­ưởng.  - Một kẻ làm tay sai cho giặc, phản bội nhân dân, phản bội cách mạng, dẫn quân Pháp về đánh chiếm Vũ Lăng- căn cứ của lực l­ượng khởi nghĩa  - Ngọc luôn tìm cách che đậy bản chất xấu xa bỉ ổi của mình nên y ra sức chiều chuộng vợ. Nh­ng qua câu chuyện với Thơm, bản chất tâm địa của Ngọc càng hiện rõ sự tham lam, hiếu sắc, ghen tức, tiếp tục dấn sâu vào con đ­ường phản dân, hại n­ước | ***b.Các nhân vật khác***  ***\* Ngọc:*** được khắc hoạ chủ yếu qua cuộc đối thoại .  - Người chồng yêu vợ nhưng lại là 1 tên nho lại đầy tham vọng, ham muốn địa vị, quyền chức, tiền tài.  -Làm tay sai cho giặc, ra sức truy lùng những người CM đang lẩn trốn để thực hiện tham vọng.  -Khéo che giấu bản chất và hành động của mình.  ->***Bản chất của tên Việt gian bán nước, hại dân.*** |
| Những nét nổi bật trong tính cách của 2 n/vật Thái và Cửu là gì? Chỉ ra điểm chung và điểm riêng của hai nhân vật này?  **- Tích hợp kĩ năng sống.**  ? Dựa vào kiến thức lịch sử em hãy kể tên các chiến sĩ cách mạng anh hùng trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn? Em thấy mình cần phải làm gì sau khi học xong văn bản này? | +Thái: một cán bộ dày dạn kinh nghiệm, bình tĩnh, sáng suốt, thể hiện được lòng tin vào quần chúng.  +Cửu hăng hái, nóng nảy, thiếu chín chắn hơn.  -Điểm chung: là hai cán bộ, ch/sĩ CM dũng cảm, trung thành. Trong tình thế nguy kịch, bị kẻ thù lùng bắt, chạy nhầm vào nhà tên Ngọc nhưng vẫn sáng suốt, bình tĩnh, tranh thủ sự chuyển hoá thức tỉnh và giúp đỡ của quần chúng nhân dân. | ***\* Thái, Cửu:***  - Họ là những chiến sĩ cách mạng dũng cảm, trung thành,có tinh thần đoàn kết, yêu thương đồng chí đồng đội của mình. Trong hoàn cảnh nguy hiểm họ vẫn bình tĩnh tìm lối thoát, bảo vệ, che chở cho nhau  → Những chiến sĩ cách mạng ­ưu tú trong thời kì khó khăn nhất của cách mạng ( sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn ) |
| \*GV nêu yêu cầu thảo luận: Có quan điểm cho rằng: Xung đột trong hồi 4 còn là xung đột của những tính cách. Hãy chỉ ra xung đột tính cách giữa Thơm và Ngọc?  - Gv: **Bình, chốt**  -> Nếu trong vở kịch Thơm là một nhân vật chính diện với những phẩm chất tốt đẹp thì Ngọc lại là một điển hình phản diện, tầm th­ường. | - Hs thảo luận nhóm (4 phút )  - Làm ra phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét, bổ sung   |  |  | | --- | --- | | \* Thơm | \* Ngọc | | - Ngay thẳng  - Trong sáng  - Giàu tình nghĩa | - Quanh co  - Hiểm độc  - Bất nghĩa | |  |
| III. HD HS đánh giá khái quát văn bản. | III. Hs khái quát văn bản. | ***III. Tổng kết.*** |
| Qua đoạn trích, hãy nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật kịch của tác giả? (Phương diện XD tình huống, tổ chức đối thoại, biểu hiện tâm lí và tính cách n/vật? | - Nghệ thuật xây dựng tình huống, xung đột kịch đặc sắc: xung đột giữa địch và ta, xung đột trong đời sống nội tâm con ng­ời ( tiêu biểu là nhân vật Thơm )  - Ngôn ngữ đối thoại phù hợp với hành động kịch, bộc lộ rõ nội tâm, tính cách nhân vật. | 1. ***Nghệ thuật.*** |
| Qua những nét NT đó, tác giả nhằm khẳng định điều gì?  - Lớp kịch cũng nh­ toàn bộ vở kịch đã làm sống dậy không khí hào hùng của một thời kì lịch sử tr­ớc khi cách mạng Tháng Tám thành công. Vở kịch ca ngợi những ng­ời chiến sĩ cách mạng kiên trung, những quần chúng nhân dân yêu n­ớc. Đồng thời phê phán lên án những kẻ vì tiền , quyền lực mà phản bội nhân dân, tàn ác bất nhân ngay cả với những ng­ời thân của mình. | + Khái quát, trả lời.  - Nhân vật Thơm: thể hiện diễn biến nội tâm của nhân vật Thơm- một cô gái có chồng theo giặc, từ chỗ thờ ơ với cách mạng, sợ liên luỵ đến chỗ đứng hẳn về phía cách mạng.  - Nhân vật Ngọc: từ những tham vọng, ham muốn địa vị, quyền lực và tiền tài đã biến hắn trở thành Việt gian.  - Nhân vật Thái, Cửu: mỗi người một tính cách nhưng đều là những cán bộ cách mạng yêu nước. | 1. ***Nội dung:*** |
| H. Qua văn bản , tác giả muốn thể hiện điều gì? | Qua đó tác giả khẳng định sức thuyết phục của chính nghĩa cách mạng. | 1. ***ý nghĩa:*** |
| **Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**  - Mục tiêu: HS thực hành làm bài tập để củng cố kiến thức về văn bản,  - Ph­ơng pháp: thực hành vận dụng.  - Thời gian: 10 phút  - Kĩ thuật dạy học: động não | | |
| IV. HD HS luyện tập | IV. HS luyện tập | **IV. Luyện tập** |
| - Gv đưa bài tập trắc nghiệm lên bảng phụ  - Gọi hs làm  - Nhận xét và sửa chữa | - Hs lên làm  - Hs khác nhận xét và sửa chữa | 1. **Bài 1.** |
| - Gv: Chia nhóm, yêu cầu hs đọc phân vai  \* Chú ý: Giọng điệu, ngôn ngữ của từng nhân vật  - Gv: Nhận xét cách đọc của hs | - Hs đọc phân vai | 1. **Bài 2.** |
| - Gv đư­a bài tập 3 lên bảng phụ  - Gọi hs đọc yêu cầu  - Tổ chức hs hoạt động cá nhân  - Gv nhận xét bổ sung, sửa chữa | - Gv quan sát bảng phụ  - Hs đọc yêu cầu  - Hs làm ra vở bài tập  - Đại diện hs trình bày  - Hs khác nhận xét, sửa chữa  - Chữa vào vở bài tập của mình | **3.Bài 3.** Hãy nối một ô ở cột trái với mội ô ở cột phải cho đúng. |
| |  |  | | --- | --- | | **Tác phẩm** | **Thể loại** | | Quan Âm Thị Kính | Chính kịch | | Tr­ởng giả học làm sang | Bi kịch | | Bắc Sơn | Hài kịch | | | |
| H. Trình bày cảm nhận của em về nhan vật Thơm? | + HS trình bày miệng tự do | 1. **Bài 4.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng phép lập luận giải thích

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  Vẽ sơ đồ tưy du | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

***\* B­ước 4. Giao bài, hư­­ớng dẫn học bài ở nhà*** *( 2 phút)*

**a. Học bài.**

- Học thuộc bài giảng và phần ghi nhớ.

- Kể tóm tắt tác phẩm.

- Làm hoàn thiện bài tập 3

**b. Chuẩn bị bài**

- Trả lời câu hỏi bài tập theo câu hỏi

- Phiếu bài tập, bảng phụ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 35**

**Tiết 166,167**

**TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT :**

+Ôn tập,củng cố những kiến thức về thể loại , về nội dung của các tác phẩm văn học nước ngoài đã học trong chương trình ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9 .

**II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:**

**1.Kiến thức :**

**+** Hệ thống kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài đã học

**2.Kĩ năng :**

- Kĩ năng tổng hợp, hệ thống kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài đã học

-Liên hệ với những tác phẩm văn học Việt Nam có cùng đề tài

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III. CHUẨN BỊ:**

**1. Thầy** :

+Bảng hệ thống hoá; đọc và tóm tắt tất cả văn bản văn học nước ngoài đa học trong chương trình THCS.

**2. Trò:** Bảng hệ thống hoá; đọc và tóm tắt tất cả văn bản văn học nước ngoài đa học trong chương trình THCS.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**\*Bước 1. Ổn định tổ chức** (1’)Kiểm tra sĩ số, nội vụ HS.

**\*Bước 2. Kiểm tra bài cũ :**(4’)

K***hoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.***

***Câu1*:** **Nội dung chính của văn bản con chó Bấc là gì?**

A. Kể về hoàn cảnh của con chó Bấc

B. Miêu tả tình cảm của con chó Bấc đối với ông chủ

C. Miêu tả tình cảm của ông chủ đối với con chó Bấc

D. Miêu tả tình cảm của những con chó với nhau

***Câu2*:** **Nghệ thuật nổi bật của văn bản trên là gì?**

A. Sử dụng rộng rãi biện pháp nghệ thuật nhân hoá

B. Xây dựng nhiều hình ảnh liên tưởng, tưởng tượng thú vị

C. Câu văn tự nhiên uyển chuyển

D. Đi sâu miêu tả tâm hồn con chó bằng trí tưởng tượng tinh tế

**\*Bước 3 . Tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1**: KHỞI ĐỘNG

**-** Mục tiêu : Tạo tâm thế cho HS vào tiết học

- Phương pháp : Thuyết trình, nêu vấn đề :

- Thời gian : 1phút

+ Giáo viên kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh

**HOẠT ĐỘNG 2,3,4 :HÌNH THÀNH KIẾN TRỨC**

- Mục tiêu : Củng cố lại lý thuyết về đặc điểm của hợp đồng và cách viết hợp đồng

- Phư­ơng pháp: vấn đáp tái hiện, minh họa, thuyết trình

- Kĩ thuật: Động não

- Thời gian : 25 phút.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1**: ***Hướng dẫn HS lập bảng thống kê các tác phẩm VH nước ngoài.*** | | | | | | **I.Lập bảng thống kê** |
| \* GV gọi đại diện 4 nhóm lên bảng treo bảng phụ phần chuẩn bị của nhóm, gọi nhận xét  - GV yêu cầu HS theo dõi, so sánh với bảng tổng kết của mình, rút ra nhận xét.  - GV sửa chữa, bổ sung nếu thiếu. | | | + Đại diện 4 nhóm *lên bảng treo bảng phụ phần chuẩn bị của nhóm, HS theo dõi, so sánh với bảng tổng kết của mình, rút ra nhận xét.* | | |  |
| **TT** | **Tác phẩm** | **Tác giả** | | **Thể loại** | **Đặc sắc NT** | **Nội dung chủ yếu** |
| *1* | *2* | *3* | | *4* | *5* | *6* |
| 1 | Xa ngắm thác núi Lư ( “Vọng Lư Sơn bộc bố”-L7 | Lý Bạch  (701 - 762) Trung Quốc | | Thơ Đường  (Tứ tuyệt) | - Cách miêu tả độc đáo, hình ảnh thơ mang tính chất tươi sáng, kỳ vĩ, ngôn ngữ thơ tự nhiên, điêu luyện | - Với những hình ảnh tráng lệ, bài thơ miêu tả một cách sinh động vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đình Hương Lô thuộc dãy nũi Lư, thể hiện tình yêu đằm thắm, bộc lộ tính cách mạnh mẽ, hào phóng của tác giả. |
| 2 | Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh  ( “Tĩnh dạ tứ”)- L7 | Lý Bạch  (701 - 762) Trung Quốc | | Thơ Đường(Tứ tuyệt) | - Bài thơ được viết theo hình thức cổ thể với những từ ngữ giản dị mà tinh luyện. Cảm xúc chân thành | - Bài thơ thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong đêm trăng thanh tĩnh. |
| 3 | Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê ( “Hồi hướng ngẫu thư”)- L7 | Hạ Tri Chương  (659 - 744)  Trung Quốc | | Thơ Dường (Tứ tuyệt) | - Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuỵêt, phép đối giữa 2 câu đầu của bài thơ.Cảm xúc chân thành, hóm hỉnh, kết hợp tự sự với trữ tình. | - Bài thơ thể hiện một cách chân thực, sâu sắc, hóm hỉnh mà ngầm ngùi, tình yêu quê thương thắm thiết của một người sống xa quê lâu ngày trong khoảnh khắc vừa mới đặt chân trở về quê cũ. |
| 4 | Bài thơ nhà tranh bị gió thu phá ( “Mao ốc vị thu phong sở phá ca”)- L7 | Đỗ Phủ  (712 - 770)- Trung Quốc | | Thơ Đường thể ca | - Kết hợp nhuần nhuyễn nhiều phương thức biểu đạt như miêu tả tự sự, biểu cảm trực tiếp, miêu tả kết hợp với tự sự và biểu cảm... | - Nỗi khổ của tác giả vì căn nhà tranh bị gió thu phá nát. Điều đáng quý hơn là vượt lên trên bất hạnh cá nhân là ước mơ cao cả : ước sao có được ngôi nhà vững chắc ngàn vạn gian để che chở cho tất cả người nghèo trong thiên hạ. |
| 5 | Mây và sóng | Ta-go  (1861-1941) Ấn Độ | | Thơ văn xuôi | - Lời thơ mang giọng điệu và ngôn ngữ tự nhiên của trẻ con, nhiều hình ảnh đẹp, giàu sức tưởng tượng gợi cảm.hình ảnh giàu ý nghĩ tượng trưng, kết hợp biểu cảm, tự sự | - Qua lời trò chuyện của em bé đối với mẹ, bài thơ thể hiện tình yêu vô hạn của em bé đối với mẹ, ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. |
| 6 | Ông Guốc đanh mặc lễ phục (Trích “Trưởng giả học làm sang”- L8 | Mô-li-e  TKXVII Pháp | | Hài kịch | - Tình huống kịch và diễn biến kịch sinh động, khắc họa nhân vật tài tình, rõ nét. | - Qua nhân vật hài kịch, truyện phê phán thói học đòi làm sang của hạng người trưởng giả biến mình thành một trò hề trước mắt mọi người mà chính ta không biết. |
| 7 | Lòng yêu nước- L6 | I. Ê-ren-bua  (1891-1962)-  Nga | | Bút ký chính luận | - Cách lập luận chặt chẽ.  - Lấy ví dụ xác thực, dễ hiểu.  - Lời văn ngắn gọn, tự nhiên, giàu hình ảnh Cảm xúc chân thành mãnh liệt, hình ảnh so sánh phù hợp, gợi cảm. | - Bài văn thể hiện tinh thần yêu nước sâu sắc của những người dân Xô Viết trong hoàn cảnh thử thách gay gắt của cuộc chiến tranh vệ quốc. Đồng thời bài văn nói lên một chân lý “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất... lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc. |
| 8 | Buổi học cuối cùng (“Trích “Chuyện của một em bé người An-đét”)- L8 | A.Đô-đê  (1840-1897)- Pháp | | Truyện ngắn | - Truyện đã xây dựng thành công nhân vật thầy giáo Ha-men và chú bé Phrăng qua miêu tả ngoại hình, cử chỉ, lời nói và tâm trạng của họ. | - Qua câu chuyện buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở vùng An-đét bị quân Phổ chiếm đóng và hình ảnh cảm động của thầy Ha-men, truyện thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc và nêu chân lý: “Khi dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù..”. |
| 9 | Cô bé bán diêm (L8) | An-đéc-xen  (1805-1875)- Đan mạch | | Truyện ngắn | - Cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các chi tiết tương phản, diễn biến hợp lý. | - Lòng thương cảm sâu sắc đối với số phận của những đứa trẻ bất hạnh, lay động trong ta tình thương và niềm tin ở con người, nhất là những con người phải đối mặt với khó khăn, thử thách ở đời vẫn mong muốn, khát vọng những điều tốt đẹp nhất |
| 10 | Đánh nhau với cối xay gió (Trích “Đôn ki hô tê”) | Xéc-van-téc  (1805-1875)- Tây ban Nha | | Tiểu thuyết phiêu lưu | - Cách kể chuyện theo trình tự thời gian, đối lập tương phản, giọng điệu hài hước, vừa kể, vừa tả 2 thầy trò nhà hiệp sĩ. | - Xây dựng hình tượng các nhân vật có sự tương phản về mọi mặt. Cả 2 người đều có những mặt tốt, đáng quý, bên cạnh những điểm đáng trách, đáng cười trong việc đánh nhau với cối xay gió. |
| 11 | Chiếc lá cuối cùng- L8 | O. Hen-ri  (1862-1910)- Mĩ | | Truyện ngắn hiện thực | - Truyện được xây dựng bằng nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ, khéo léo, khắc hoạ nhân vật rõ nét, kết cấu đảo ngược tình huống 2 lần độc đáo và hấp dẫn. | - Diễn tả số phận nghèo khổ và tình yêu thương cao cả, lòng say mê nghệ thuật và khẳng định giá trị nghệ thuật chân chính của những người nghệ sĩ nghèo. |
| 12 | Hai cây phong (Trích “Người thầy đầu tiên”)- L8 | Ai-ma-tốp  (1928- Cư- rơ- giơ- xtan | | Truyện ngắn | - Câu chuyện mang tính hồi ức, ngòi bút miêu tả giàu tính hội hoạ. | - Gợi tả cảnh sắc làng quê, hồi tưởng lại những kỉ niệm êm đềm về 2 cây phong của chốn quê, bộc lộ tình yêu thương quê hương da diết, gắn với câu chuyện “Hai cây phong” và thầy Đuy-sen trong thời thơ ấu của tác giả- người đã vun trồng hi vọng , ước mơ cho trẻ thơ. |
| 13 | Cố hương (Trích trong “Gào thét”)- L9 | Lỗ Tấn  (1881-1936)- Trung Quốc | | Truyện ngắn | - Bố cục chặt chẽ.  - Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt, hồi ức, đối chiếu ...  - Đối thoại, đối thoại nội tâm, kết cấu đầu cuối tương ứng. | - Trong chuyến về thăm quê, nhân vật “tôi” đã chứng kiến những đổi thay theo hướng suy tàn của làng quê và cuộc sống của người nông dân. Qua đó, truyện miêu tả thực trạng xã hội Trung Hoa đương thời đang đi vào tiêu điều và suy ngẫm về con đường đi của người nông dân và cả xã hội. |
| 14 | Những đứa trẻ (Trích “Thời thơ ấu”)- L9 | Mác-xim-Go-rơ-ki  (1868-1936)- Nga | | Tiểu thuyết tự thuật | - Tài kể chuyện giàu hình ảnh, đan xen chuyện đời thường với chuyện cổ tích. | - Câu chuyện về tình bạn nảy nở giữa chú bé nhà nghèo A-li-ô-sa với những đứa trẻ con ông sĩ quan, sống thiếu tình thương ở bên hàng xóm. Qua đó truyện khẳng định tình cảm hồn nhiên trong sáng của trẻ em, bất chấp cản trở của XH. |
| 15 | Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang (Trích tiểu thuyết “Rô-bin-son Cru-xô”)- L9 | Đ. Đi-phô  (1660-1731)- Anh | | Tiểu thuyết | - Xây dựng tình huống truyện độc đáo, ngôn ngữ kể hài hước. | - Qua bức chân dung tự hoạ và lời kể của Rô-bin-sơn, truỵên đã miêu tả cuộc sống vô cùng khó khăn và thể hiện tinh thần lạc quan của nhân vật khi một mình ở nơi đảo hoang trên 10 năm. |
| 16 | Bố của Xi-mông- L9 | Mô-pa-xăng  (1850-1893)- Pháp | | Truyện ngắn | - Thành công trong việc miêu tả tâm lý của các nhân vật. Kết hợp tự sự với nghị luận | - Tâm trạng đau khổ của Xi-mông khi không có bố và sự gặp gỡ của em với bác thợ rèn Phi-líp dẫn đến việc em có được người bố. Truyện đề cao lòng nhân ái, nhắn nhủ chúng ta sự quan tâm và dành tình yêu thương đối với những con người chịu nhiều bất hạnh, thiệt thòi. |
| 17 | Con chó Bấc (Trích “Tiếng gọi nơi hoang dã”)- L9 | Giắc-lân-đơn  (1876-1916)- Mĩ | | Tiểu thuyết | ỉTí tưởng tượng phong phú, sự am hiểu sâu sắc về thế giới loài vật, dành cho loài vật tình yêu thương | - Những nhận xét tinh tế của tác giả khi viết về những con chó, thể hiện trí tưởng tượng tuyệt vời khi đi sâu vào “tâm hồn” của con chó Bấc, đồng thời bộc lộ tình cảm yêu thương của mình đối với loài vật. |
| 18 | Đi bộ ngao du (Trích “Ê-min hay về giáo dục”)(L8) | Ru-xô  (1712-1778)- Pháp | | Nghị luận xã hội | - Giải thích, chứng minh bằng những luận điểm với lập luận chặt chẽ, giàu tính thuyết phục, có sự kết hợp giữa lý lẽ và thực tiễn vào cuộc sống do sự từng trải của chính tác giả. | - Bàn về lợi ích của việc đi bộ với lối sống tự do của con người qua quá trình học tập, hiểu biết tri thức, rèn luyện sức khoẻ. |
| 19 | Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten (Trích cong trình nghiên cứu: “La phông tên và thơ ngụ ngôn của ông”) | Hi pô lítTen  (1828-1893)- Pháp | | Nghị luận văn chương | Nghệ thuật so sánh, lập luận sắc sảo. | So sánh hình tượng con cừu và con chó sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông Ten và của nhà khoa học Buy Phông. Tác phẩm đã nêu đặc trung của sáng tạo nghệ thuật là in đậm dấu ấn, cách nhìn, cách nghĩ riêng của nhà văn |
| **II.Hoạt độngII : HD HS tổng kết một số nét chính về nội dung và nghệ thuật** | | | **II. HS tổng kết một số nét chính về nội dung và nghệ thuật** | | | **II. Một số nét chính về nội dung và nghệ thuật** |
| H. Qua bảng hệ thống các tác phẩm VH nước ngoàiđã học, em thấy các tác phẩm đã đề cập đến những nội dung chủ yếu nào? Lấy VD chứng minh? | | | **+** *HS khái quát, trả lời*  *HS khác nhận xét, nghe GV bổ sung, nhấn mạnh.* | | | 1. **Những nội dung chủ yếu.** |
| - Những sắc thái về phong tục, tập quán của nhiều dân tộc, nhiều châu lục trên thế giới.  -Những vấn đề xã hội, nhân sinh ở các nước thuộc những thời đại khác nhau.  +Tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.  +Lòng nhân ái, tình yêu thương con người, loài vật.  +Tinh thần lạc quan, vượt mọi khó khăn gian khổ...  +Phê phán thói hư tật xấu trong xã hội...  -Bồi dưỡng tình cảm đẹp, yêu cái thiện, ghét cái ác. | | | | | | |
| Các tác phẩm VH nướcngoài còn cung cấp cho ta những kiến thức bổ ích gì về nghệ thuật? | | | *+ Khái quát, trả lời, HS khác bổ sung.* | | | 1. **Những nét nghệ thuật đặc sắc** |
| - Các tác phẩm : cung cấp kiến thức về các thể thơ , niêm luật thơ Đường, lối thơ văn xuôi, bút ký chính luận, nghệ thuật sáng tác hài kịnh, nhiều phương thức tự sự, các phong cách sáng tác văn xuôi khác nhau, các kiểu sáng tác văn xuôi nghị luận.-Nghệ thuật thơ Đường: ngôn ngữ đa nghĩa, giàu tính ước lệ, hàm súc...(Lí Bạch, Đỗ Phủ,....)  -Lối thơ tự do: gần với văn xuôi (Ta-go)  -Bút kí chính luận (Ê-ren-bua)  -Nghệ thuật hài kịch: mâu thuẫn, ngôn ngữ, hành động kịch... (Mô-li-e)  -Phương thức tự sự và phong cách văn xuôi khác nhau (Đi-phô, Đô-đê)  -Các kiểu văn nghị luận: NL xã hội (Ru-xô), NL văn học (Hi-pô-lit Ten)  **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Mục tiêu : Củng cố hiểu biết về các tác phẩm  - Phương pháp: Vấn đáp , bài tự luận  - Kĩ thuật: hoạt động cá nhân , thảo luận  - Thời gian: 15 phút | | | | | | |
| **III. HD HS luyện tập** | | | **III. HS luyện tập** | | | **III. Luyện tập** |
| *GV nêu yêu cầu*  - Trong số các văn bản đã được học, em thích văn bản nào, nhân vật nào nhất ? Vì sao ?  *- GV yêu cầu HS trình bày cảm nhận một cách tự do. GV uốn nắn, có thể cho điểm một số em có cảm nhận tương đối tốt.* | | | *+ HS tự do trình bày cảm nhận, HS khác có thể tán thưởng có thể bình tiếp.*  Ví dụ :Chiếc lá cuối cùng  - Bày tỏ lòng yêu thương giữa con người với con người đặc biệt lẫn con người gặp phải hoàn cảnh khó khăn. Họ luôn có sức mạnh mãnh liệt để vượt qua mọi khó khăn, có nghị lực sống phi thường. | | | 1. **Bài 1.** |
| \*Cho HS làm 1 số BTTN (Sách BTTNNV9/214, 215) | | | *+ HS lựa chọn, trả lời cá nhân, cả lớp nghe, nhận xét, nghe Gv lưu ý một số câu dễ mắc lỗi.* | | | 1. **Bài 2** |
| **H.**Đọc thuộc lòng bài thơ (phiên âm và bản dịch), tóm tắt một văn bản, kể lại một đoạn truyện mà em yêu thích?  *\* GV có thể khuyến khích, cho điểm.* | | | *+Đọc thuộc lòng, tóm tắt một văn bản. cả lớp nghe, nhận xét, đánh giá.* | | | 1. **Bài 3** |
| \*Nêu yêu cầu: Hãy viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về một tác phẩm (nhân vật) mà em yêu thích. | | | *+ HS viết cá nhân, 2-3 em đọc, cả lớp nghe, nhận xét, đánh giá.* | | | 1. **Bài 4.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng phép lập luận giải thích

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Hoàn thành bảng thống kê các tác phẩm văn học nước ngoài. Chú ý dựa vào phần ghi nhớ để hoàn thành tiếp cột nội dung và nghệ thuật | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  Vẽ sơ đồ tư duy | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bước 4. Giao bài ,hướng dẫn học bài chuẩn bị bài ở nhà(**4’)

**a/Bài vừa học**

- Học thuộc lòng các bài thơ, tóm tắt truyện

- Nội dung, nghệ thụât bao trùm mỗi bài.

**b/ Chuẩn bị bài:** Soạn kĩ văn bản Bắc Sơn trong SGK.

+ Đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 36**

**Tiết 168**

**TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Nắm vững kiến thức về các kiểu văn bản( tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, điều hành) đã đư­ợc học từ lớp 6 đến lớp 9.

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức:**

- Đặc tr­ưng của từng kiểu văn bản và ph­ương thức biểu đạt đã đ­ược học.

- Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.

**2. Kĩ năng:**

- Tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức về các kiểu văn bản đã học.

- Đọc- hiểu các kiểu văn bản theo đặc tr­ưng của kiểu văn bản ấy.

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III .CHUẨN BỊ .**

**1.Thầy:**

- TL chuẩn kiến thức, kĩ năng.

- Bảng phụ ghi các ví dụ.

**2**.**Trò:**

- Chuẩn bị theo h­ướng dẫn.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

***\* B­ước 1: Ổn định tổ chức***: 1phút

***\* B­ước 2: Kiểm tra bài cũ:(2')***

- Kiểm tra vở soạn của hs : Nhóm 1,2

***\* Bư­­ớc 3: Tổ chức dạy và học bài mới: 55 phút***

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định h­­ớng chú ý:

- Ph­­ơng pháp: thuyết trình.

- Kĩ thuật dạy học:

- Thời gian: 1 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| - Giới thiệu bài mới: GV nêu mục đích của tiết học.  - Ghi bài mới. | - Hs nghe  - Ghi tên bài |

**Hoạt động 2,3,4 :HỆ THỐNG KIẾN THỨC**

## *- Mục tiêu: HS ôn tập lại kiến thức lí thuyết*

- Ph­­ơng pháp: Vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề

- Thời gian: 80 phút

- Kĩ thuật dạy học: sử dụng phiếu bài tập( vở bài tập Ngữ văn), thảo luận nhóm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt** |
| **\* H­­ớng dẫn hs ôn tập lại các kiểu văn bản đã hoc.**  - Gọi hs đọc bảng thống kê các kiểu văn bản đã học.  ? Em hãy phân biệt sự khác nhau của các kiểu văn bản trên?  ? Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau đ­ợc không? Vì sao?  ? các ph­ơng thức biểu đạt trên có thể phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể không? vì sao? Cho ví dụ.  ? So sánh các kiểu văn bản và thể loại văn học  - Kể tên các thể loại văn bản đã học  - Mỗi thể loại văn bản ấy sử dụng các PTBĐ nào  ? Tác phẩm văn bản nghị luận có sử dụng các PTBĐ nào?  ? Hãy kể tên các kiểu văn bản trọng tâm đã học?  ? Em hãy so sánh các kiểu văn bản trọng tâm trên?  ? Các kiểu văn bản trên có mối quan hệ với nhau nh­ thế nào?  ? Các ph­ơng thức biểu đạt có ý nghĩa nh­ thế nào trong việc rèn luyện kĩ năng làm văn?  ? Em hãy nêu đặc điểm của các thể loại văn bản trọng tâm? | **\* Hs ôn tập lại các kiểu văn bản đã hoc.**  - Hs hoạt động nhóm ( 2 phút )  - Làm ra phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày  - Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Nghe gv nhận xét, chốt  - Hs trả lời, nhận xét cá nhân  - Hs khác nhận xét, bổ sung  - Hs thảo luận nhóm  ( 3 phút )  - Làm ra phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét, bổ sung  - Nghe gv nhận xét,  - Hs trả lời, nhận xét cá nhân  - Hs khác nhận xét, bổ sung  - Hs trả lời, nhận xét cá nhân  - Hs khác nhận xét, bổ sung  - Hs thảo luận nhóm  ( 3 phút )  - Làm ra phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét, bổ sung  - Nghe gv nhận xét,  Hs thảo luận nhóm  ( 3 phút )  - Làm ra phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét, bổ sung  - Nghe gv nhận xét, bình | **I. Các kiểu văn bản đã học**  **1. Sự khác nhau**  - Các kiểu văn bản trên khác nhau về ph­ơng thức biểu đạt, mục đích thể hiện và hình thức trình bày  - Các kiểu văn bản trên không thể thay thế cho nhau đ­ợc vì ph­ơng thức biểu đạt và hình thức trình bày khác nhau. Đặc biệt là mục đích thể hiện của các kiểu văn bản đó cũng khác nhau  **2. Các PTBĐ**  - Một văn bản cụ thể có sự kết hợp của nhiều ph­ơng thức biểu đạt. Bởi vì ngoài chức năng thông tin văn bản còn nhiều chức năng khác: chức năng giáo dục, thẩm mĩ, tạo lập và duy trì quan hệ xã hội  VD:  **II.So sánh kiểu văn bản và thể loại văn học**  - Các kiểu văn bản và các thể loại văn học có dùng chung một ph­ơng thức  - Kiểu văn bản là cơ sở của các thể loại văn học  VD: Trong các thể loại văn học nh­ tự sự, trữ tình, kịch, kí có thể sử dụng các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm và nghị luận  - Các tác phẩm thơ, truyện, kịch th­ờng sử dụng kết hợp các yếu tố nghị luận  VD: Tác phẩm truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long có sử dụng yếu tố nghị luận. Yếu tố nghị luận ấy có tác dụng làm nổi bật suy nghĩ, quan niệm của các nhân vật  - Tác phẩm nghị luận luôn luôn cần phải có các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự. Tuy nhiên mức độ sử dụng ít  **III. Các kiểu văn bản trọng tâm**  **1. Văn bản thuyết minh**  - Là loại văn bản thông dụng nhằm cung cấp tri thức về nguyên nhân, đặc điểm, tính chất của đối t­ợng trong tự nhiên và xã hội  - Cách viết: trung thành với đặc điểm của đối t­ợng một cách khách quan, khoa học  **2. Văn bản tự sự**  - Là kiểu vă bản trình bày một chuỗi các sự việc có mở đầu  **3. Văn bản nghị luận**  - Nghị luận là trình bày ý kiến đánh giá nhận xét của mình về một vấn đề nào đó( thuộc lĩnh vực xã hội, văn học ) dựa trên một quan điểm t­ t­ởng nhất định bằng hệ thống lý lẽ và dẫn chứng  **2. Các phư­ơng pháp sử dụng** **trong văn nghị luân**  **a. Phép phận tích**  - Là phép lập luận trình bày từng bộ phận, ph­ơng diện của vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật hiện t­ợng.  - Để phân tích nội dung của sự vật hiện t­­ợng ng­ời ta có thể sử dụng nhiều phép phân tích khác nhau  \* Phép chứng minh: dùng các dẫn chứng tiêu biểu , chính xác để làm sáng tỏ vấn đề  \* Ph­ơng pháp giải thích: Dùng lý lẽ để giải thích vấn đề nghị luận ( nêu định nghĩa)  VD: Thế nào là trò chơi điện tử?  Tự học là gì ?  \* Ph­ơng pháp đối chiếu so sánh: Dùng đặc điểm, tính chất của vấn đề nghị luận này, đối chiếu với đặc điểm tính chất của vấn đề nghị luận khác  **b. Phép tổng hợp**  **-** Là phép lập luận khái quát, rút ra những kết luận từ những điều đã phân tích |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo .

***\* Phương pháp:*** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

***\* Kỹ thuật:*** Động não, hợp tác

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………. |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

***\* Mục tiêu:***

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

***\* Phương pháp:*** Dự án

***\* Kỹ thuật:*** Giao việc

***\* Thời gian:*** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **CHUẨN KT, KN CẦN ĐẠT** |
| Gv giao bài tập  - Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống lại kiến thức | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**\* Bư­ớc 4. Hư­ớng dẫn về nhà: (**2 phút)

a. Học bài :

Học thuộc bài giảng và phần ghi nhớ

b. Chuẩn bị bài

Soạn “Tôi và chúng ta”

Yêu cầu:

- Trả lời câu hỏi bài tập theo câu hỏi

- Phiếu bài tập, bảng phụ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 36**

**Tiết 170,171**

**TỔNG KẾT VĂN HỌC**

**I.MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:**

- Nắm đ­ợc những kiến thức cơ bản về thể loại, về nội dung và những nét tiêu biểu về nghệ thuật của các văn bản đã đ­ợc học trong ch­ơng trình Ngữ văn từ lớp 9 đến lớp 6.

**II.TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức:**

- Những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt Nam.

- Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học.

**2. Kĩ năng:**

- Hệ thống hóa những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.

- Đọc - hiểu tác phẩm theo đặc tr­ng của thể loại.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***a. Các phẩm chất:***

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**III .CHUẨN BỊ .**

**1.GV**: - Lịch sử văn học Việt Nam, sgk 6,7,8,9

Các tài liệu tham khảo khác

- TL chuẩn kiến thức, kĩ năng.

- Bảng phụ ghi các ví dụ.

**2**.**HS**: - Chuẩn bị theo h­ớng dẫn.

**IV. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC:**

***\* B­ớc 1: ổn định tổ chức***: 1phút

***\* B­ớc 2: Kiểm tra bài cũ:(2')***

- Kiểm tra vở soạn của hs : Nhóm 3,4.

***\* B­­ớc 3: Tổ chức dạy và học bài mới: 35 phút***

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

- Mục tiêu: Tạo tâm thế và định h­­ớng chú ý:

- Ph­­ơng pháp: thuyết trình.

- Kĩ thuật dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| - Giới thiệu bài mới: GV nêu mục đích của tiết tổng kết.  - Ghi bài mới. | - Hs nghe  - Ghi tên bài |

**Hoạt động 2,3,4. Hệ thống hóa kiến thức.**

## - Mục tiêu: HS ôn tập lại kiến thức lí thuyết

- Ph­­ơng pháp: Vấn đáp, thuyết trình, nêu vấn đề

- Thời gian: 80 phút

- Kĩ thuật dạy học: sử dụng phiếu bài tập( vở bài tập Ngữ văn), thảo luận nhóm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt** |
| \* H­ớng dẫn tìm hiểu các bộ phận cấu thành của văn học Việt Nam.  ? Nêu các bộ phận cấu thành văn học Việt Nam.  - Gv nhận xét, chốt  ? Đặc điểm của Văn học dân gian Việt Nam?  ? Kể tên các thể loại văn học dân gian? Nêu ví dụ cụ thể  - Gv tổ chức hs thảo luận nhóm ( 3 phút )  - Gv nhận xét, chốt , bình  ? Nêu đặc điểm của Văn học viết Việt Nam?  ? Văn học VN trải qua những giai đoạn nào? | Hs trả lời cá nhân  - Hs khác nhận xét bổ sung  Hs trả lời cá nhân  - Hs khác nhận xét bổ sung  - Hs thảo luận nhóm ( 3 phút )  - Làm ra phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét, bổ sung | **I. Các bộ phận cấu thành của nền văn học Việt Nam**  1. Văn học dân gian  a. Đặc điểm  - Xuất hiện từ khi ch­­a có chữ viết, tồn tại song song cùng với văn học viết  - Tồn tại d­­ới hình thức truyền miệng  - Là sáng tác của tập thể quần chúng nhân dân  - Mang tính dị bản  b. Các thể loại  - Thần thoại:  - Truyền thuyết: Con Rồng cháu Tiên, Thánh Gióng…  - Truyện cổ tích: Sọ dừa, Thạch Sanh, Em bé thông minh…  - Truyện c­­ời: Treo biển, Cháy…  - Truyện ngụ ngôn: ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi…  - Tục ngữ, ca dao  - Kịch  2. Văn học viết  a. Đặc điểm  - Xuất hiện từ khi có chữ viết ( khoảng thế kỉ thứ 10)  - Văn học chia thành ba mảng:  + Văn học chữ Hán  + Văn học chữ Nôm  + Văn học chữ Quốc ngữ  b. Các giai đoạn của văn học viết Việt Nam  - Văn học thời trung đại ( văn học thời phong kiến ): từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX  - Văn học từ đầu thế kỷ XXđến tr­­ớc Cách mạng Tháng Tám 1945  - Văn học hiện đại từ 1945 đế nay |

**\* Hoạt động 2:** Hư­ớng dẫn hs tìm hiểu tiến trình và thành tựu của văn học viết Việt Nam

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt** |
| - Gv h­ớng dẫn học sinh tìm hiểu các giai đoạn văn học trung đại  ? Văn học trung đại VN chia làm mấy giai đoạn? Đó là những giai đoạn nào?  ? Nêu hoàn cảnh lịch sử và nội dung t­  t­­ởng của văn học giai đoạn1+ 2?  - Tổ chức học sinh hoạt động nhóm ( 10phút)  - Gv gọi học sinh trình bày, nhận xét, bổ sung  - Giáo viên sửa chữa -> chốt kiến thức  - Gv nhận xét, chốt  - Gv đ­a ví dụ cụ thể bằng các bài thơ văn đã học  ? Nêu hoàn cảnh lịch sử và nội dung t­­  t­­ởng của văn học giai đoạn1?  - Tổ chức học sinh hoạt động nhóm ( 10phút)  - Gv gọi học sinh trình bày, nhận xét, bổ sung  - Giáo viên sửa chữa - chốt kiến thức  - Gv đ­­a và phân tích một số dẫn chứng cụ thể để chứng minh về nội dung t­­ t­­ởng của từng giai đoạn  ? Văn học hiện đại Việt Nam trải qua những giai đoạn nào? Kể tên?  ? Lập bảng thống kê các tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam từ 1945 đến nay?  - Tổ chức học sinh hoạt động nhóm ( 10 phút)  - Gv gọi học sinh trình bày, nhận xét, bổ sung  - Giáo viên sửa chữa - chốt kiến thức | - Học sinh trả lời  - H/s trả lời  - H/S hoạt động nhóm ( 10 phút)  + Quan sát bảng phụ  + Đọc ví dụ  + Làm ra phiếu bài tập  + Trình bày  + Nhận xét và bổ sung  - Học sinh lắng nghe ,quan sát  - Hs tìm các ví dụ cụ thể  - Phân tích các ví dụ để chứnh minh cho nội dung thơ văn  - H/S hoạt động nhóm ( 10 phút)  + Quan sát bảng phụ  + Đọc ví dụ  + Làm ra phiếu bài tập  + Trình bày  + Nhận xét và bổ sung  - Học sinh lắng nghe quan sát  - Hs nghe phân tích và tìm thêm ví dụ để chứng minh  - Hs trả lời cá nhân  - Hs khác bổ sung  - H/S hoạt động nhóm ( 10 phút)  + Quan sát bảng phụ  + Đọc ví dụ  + Làm ra phiếu bài tập  + Trình bày  + Nhận xét và bổ sung  - Học sinh lắng nghe quan sá  - H/S lắng nghe | **II. Tiến trình văn học viết Việt Nam**  1. Văn học trung đại  ( Chia làm 4 giai đoạn)  a. Văn học từ thế kỷ X đến thế kỷ XV  \* Hoàn cảnh lịch sử  - Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển h­ng thịnh. Các triều đại phong kiến Lý -Trần - Lê lãnh đạo nhân dân liên tiếp đánh đuổi các thế lực xâm l­ợc Tống - Nguyên – Minh  \* Nội dung  - Văn học thể hiện tinh thần yêu n­ớc, khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc, niềm tự hào về non sông đất n­ớc  ( nội dung quan trọng nhất)  Bài thơ thần t­­ơng truyền là của Lý Th­ờng Kiệt đã trở thành vũ khí đắc lực của quân và dân ta thời Lý đã động viên cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân ta  Nam quốc sơn hà nam đế c­­  Tiệt nhiên định phận tại thiên th­­  Nh­­ hà nghịch lỗ lai xâm phạm  Nhữ đẳng hàn khang thủ bại h­­  - Ca ngợi cuộc sống ẩn dật , nhàn tản, tình yêu thiên nhiên  Côn Sơn suối chảy rì rầm  Ta nghe nh­ tiếng đàn cầm bên tai  Côn Sơn có đá rêu phơi  Ta ngồi trên đá nh­ ngồi nêm êm  ( Côn Sơn ca)  + Nam quốc sơn hà - Lý Th­ờng Kiệt  + Chiếu dời đô - Lý Công Uẩn  + Hịch t­ớng sĩ – Trần Quốc Tuấn  + Thiên tr­­ờng vãn vọng – Trần Nhân Tông  + Phò giá về kinh – Trần Quang Khải  + Bình Ngô đại cáo – Nguyễn Trãi  + Côn Sơn ca – Nguyễn Trãi  b. Từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XVIII  \* Hoàn cảnh lịch sử  - Chế độ phong kiến Việt Nam đã bộc lộ những mâu thuẫn nhằm tranh giành về địa vị và quyền lực → các cuộc nội chiến nồi da nấu thịt : chiến tranh Nam Bắc triều, Lê – Mạc  \* Nội dung  - Văn học phê phán chiến tranh phong kiến , phê phán những tệ nạn của xã hội chạy theo danh vọng và tiền tài  - Ca ngợi cuộc sống ẩn c­­ tự do, nhàn tản  VD:  + Thế gian biến cải vũng lên đồi  Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi  Còn bạc còn tiền còn đệ tử  Hết cơm hết r­ợu hết ông tôi    + Thớt có tanh tao ruồi mới đậu  Gang không mật mỡ kiến bò chi  ở thế mới hay ng­ời bạc ác  Giàu thì tìm đến khó thì lui    ( Nguyễn Bỉnh Khiêm)  c. Từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX  \* Hoàn cảnh lịch sử  - Chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, bão táp phong trào nông dân nổ ra khắp nơi. Tiêu biểu là khởi nghĩa nông dân Tây Sơn. Tây Sơn lên nắm quyền đ­­ợc 7 năm, Nguyễn ánh lật đổ Tây Sơn lập ra nhà Nguyễn…  \* Nội dung  - Phê phán những tệ lậu của xã hội phong kiến: chế độ nam quyền, những luật lệ lạc hậu của xã hội phong kiến…  - Phê phán chiến tranh phong kiến  - Thể hiện niềm th­­ơng cảm với số phận của những ng­ời phụ nữ  VD: Thơ Hồ Xuân H­­ơng, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du…  d. Giai đoạn cuối thế kỷ XIX  \* Hoàn cảnh lịch sử  - Thực dân Pháp xâm l­ợc Việt Nam, các cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra đều thất bại…  \* Nội dung  - Phê phán những lố lăng của xã hội buổi giao thời  + Trư­ớc cảnh nền Nho học bị gạt ra khỏi lề xã hội nhà thơ Tú X­ơng đau xót thốt lên  - Thể hiện tinh thần yêu n­­ớc, căm thù giặc, nêu cao ngọn cờ yêu n­­ớc chông Pháp  Thơ Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến  **2. Văn học từ đầu thế kỷ XX đến 1945**  a. Hoàn cảnh lịch sử  - Thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị, duy trì chế độ phong kiến làm công cụ bóc lột  - Xã hội phân hoá thành những giai tầng rõ rệt : địa chủ phong kiến, nông dân, t­ sản, vô sản, tiểu t­­ sản  b. Các giai đoạn văn học  - Văn học thời kỳ này có sự tiếp cận giao l­u với các n­ớc và có sự hội nhập với các n­­ớc ph­ơng Đông, ph­ơng Tây  \* Giai đoạn 1900- 1920  - Giai đoạn này nổi bật với các tác phẩm của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh  \* Giai đoạn 1920 – 1930  - Nổi bật với các sáng tác của Tẩn Đà, Phậm Duy Tốn, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn ái Quốc  \* Giai đoạn 1930 – 1945  - Thơ văn phát triển mạnh mẽ  c. Các trào l­­u văn học  + Trào l­u hiện thực phê phán: Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng  + Trào l­­u lãng mạn: Nhóm tự lực văn đoàn: Nhất Linh, Khái H­­ng, Thạch Lam  Thơ Mới: Thế Lữ, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Hàn Mạc Tử, L­­u Trọng L­­, Nguyến Bính…  + Trào l­u cách mạng: là sáng tác của những nhà thơ đồng thời là những ng­ời chiến sĩ cách mạng: Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Phan Bội Châu  **3. Văn học từ 1945 đến nay**  - Văn học thời kỳ này theo sát từng b­ớc đi của lịch sử xã hội với công cuộc kháng chiến chống xâm l­ợc và xây dựng CNXH.  - Chia làm 3 giai đoạn  **a. Giai đoạn 1945 – 1954: Văn học thời kỳ chống Pháp.**  \* Hoàn cảnh:  - Toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống pháp tr­ờng kì 9 năm và kết thúc với thắng lợi rực rỡ của chiến dịch Điện Biên Phủ.  \* Nội dung  - Văn học h­­ớng vào đời sống cách mạng và kháng chiến, tập trung thể hiện hình ảnh quần chúng nhân dân với tinh thần yêu n­­ớc, căm thù giặc, quyết tâm kháng chiến, tình đồng chí đồng đội.  L­­ợm – Tố Hữu  Đêm nay Bác không ngủ – Minh Huệ  **b. Văn học từ 1955- 1975**  \* Hoàn cảnh:  - Đất n­ớc bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội , Miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mĩ thống nhất đất n­ớc  \* Nội dung :  - Văn học ca ngợi công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc và cuộc kháng chống Mĩ ở Miếm Nam.  Cô Tô - Nguyễn Tuân, Tiếng gà tr­a - Xuân Quỳnh, Tuổi thơ im lặng- Duy Khán…  **c . Văn học từ 1975- nay**  \* Nội dung  - Đất n­ớc thống nhất đang đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội.  \* Nội dung  - Văn học phản ánh những biến chuyển của đời sống xã hội , đời sống con ng­ời trong thời kì hòa bình.  \* Một số tác phẩm chính: Bến quê- Nguyễn Minh Châu, Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải… |